Tịnh Độ Đại Kinh giải diễn nghĩa (HT Tịnh Không; Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa dịch)

Tịnh Độ — sách & giảng giải

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa (Vô Lượng Thọ Kinh - Giảng Lần 11)

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010
Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Đức Phong và Huệ Trang ---o0o---
Nguồn
Chuyển sang ebook 11-01-2012
Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
Mục Lục
Phần 01
Tập 01
Tập 02
Phần 02
Tập 03
Tập 04
Phần 03
Tập 05
Tập 06
Phần 04
Tập 07
Tập 08
Phần 05
Tập 09
Tập 10
Phần 06
Tập 11
Tập 12
Phần 07
Tập 13
Tập 14
Phần 08
Tập 15
Tập 16
Phần 09

Tập 17
Tập 18
Phần 10
Tập 19
Tập 20
Phần 11
Tập 21
Tập 22
Phần 12
Tập 23
Tập 24
---o0o---

Phần 01

Tập 01

Thưa chư vị pháp sư, chư vị đại đức, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Ngày hôm nay nhằm tiết Thanh Minh Âm lịch, chúng tôi chọn ngày hôm nay để bắt đầu giảng Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa. Đối với mọi người, danh xưng này dường như rất xa lạ, nhưng các vị đồng tu đã lâu trong nhà Phật biết Tịnh Độ Đại Kinh là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ hiện thời có chín phiên bản khác nhau, bản được chúng tôi chọn lựa chính là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Sắp theo thứ tự triều đại trước sau, bản này là bản cuối cùng, là bản thứ chín. “Giải” () là chú giải, do đệ tử cụ Hạ là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải. Duyên khởi này cũng rất chẳng thể nghĩ bàn! Trong giáo pháp Đại Thừa, cũng như trong Phật môn, [mọi người] đều cảm thấy kinh Vô Lượng Thọ rất hy hữu. Vì sao? Vì thuở đức Thế Tôn tại thế, giảng kinh, dạy học suốt bốn mươi chín năm; trong bốn mươi chín năm, Ngài đã giảng khá nhiều kinh luận, [các kinh luận khác] lão nhân gia chỉ giảng một lần, chẳng hề giảng trùng lặp, chỉ riêng kinh Vô Lượng Thọ

được giảng trùng lặp mấy lượt. Đối với sự phiên dịch tại Trung Quốc, từ Dịch Kinh Mục Lục, chúng ta thấy kinh này có mười hai bản dịch, được phiên dịch nhiều lần nhất. Từ triều Hán cho đến triều Tống, trong vòng tám trăm năm, dịch mười hai lần. Lẽ đương nhiên, nếu cùng một bản gốc, tuy có nhiều bản dịch, đương nhiên văn tự trong các bản dịch ấy khác nhau, nhưng nội dung chắc chắn là đại đồng tiểu dị. Như kinh Kim Cang có sáu bản dịch, từ Đại Tạng Kinh, chúng ta có thể thấy sáu bản dịch ấy có cùng một nguyên bản (bản gốc), cũng có nghĩa là đức Thế Tôn chỉ giảng [kinh Kim Cang] một lần. Kinh Vô Lượng Thọ rất lạ lùng, những bản dịch sai biệt rất lớn. Chỗ rõ ràng nhất, mà cũng là phần trọng yếu nhất trong kinh này, chính là bổn nguyện của A Di Đà Phật. Hiện tại, chỉ còn lại năm bản trong mười hai bản dịch, đã thất truyền bảy bản. Hiện thời, trong Đại Tạng Kinh có mục lục [ghi tựa đề của các bản dịch ấy], nhưng không có văn bản. Đây là chuyện rất đáng tiếc nuối! Trong năm bản dịch gốc còn được lưu truyền, hai bản ghi bốn mươi tám nguyện, hai mươi bốn nguyện cũng được ghi trong

hai bản, còn bản dịch đời Tống chép ba mươi sáu nguyện, sai biệt quá lớn! Nếu bảo nguyên bản chỉ có một loại, chắc chắn không thể nào có sự sai biệt này. Đó là chuyện chẳng thể xảy ra được! Do vậy, từ chỗ có ba loại bổn nguyện sai biệt, cổ đại đức phán đoán: Đối với bảy bản dịch đã thất truyền, do không biết nội dung [nên chẳng dám bàn tới], từ năm bản dịch này, khẳng định đức Thế Tôn tối thiểu giảng [kinh Vô Lượng Thọ] ba lần. Ba lượt nói bổn nguyện của A Di Đà Phật, đức Thế Tôn nói các điều nguyện không giống nhau, nên mới có sai biệt. Dự đoán này rất hợp la-tập (logic), bọn chúng ta cũng đều có thể chấp nhận. Nhiều lần tuyên giảng đâu phải dễ! Nếu không phải là hết sức trọng yếu, đức Thế Tôn chẳng thể tuyên giảng nhiều lượt. Trong Đại Tạng Kinh, gần như chẳng tìm được dấu vết [những bộ kinh khác] được tuyên giảng nhiều lần. Sở dĩ, thuở còn tại thế, đức Phật đã tuyên giảng bộ kinh này nhiều lần, vì đây là một bộ kinh vô cùng trọng yếu. Nhất là chúng ta thấy Thiện Đạo đại sư đã nói hai câu, ngài Thiện Đạo là người đời Đường, theo truyền thuyết Ngài là A Di Đà Phật tái lai, lời ngài Thiện Đạo nói chính là lời A Di Đà Phật nói! Ngài dạy: “Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bổn nguyện hải” (Sở dĩ đức Như Lai xuất hiện trong thế gian chỉ vì muốn nói biển bổn nguyện của Phật Di Đà), có nghĩa là nói: Thập phương chư Phật thị hiện trong thế gian [chỉ vì nguyên nhân này]. Qua phẩm Hoa Tạng Thế Giới và phẩm Thế Giới Thành Tựu của kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy vũ trụ quan của nhà Phật (Triết Học hiện đại bảo [nội dung những điều được nói trong hai phẩm kinh trên đây] là vũ trụ quan nhà Phật) quá lớn! Các nhà thiên văn học hiện thời chưa đạt tới cảnh giới này.

Nói theo Phật giáo, sự quan sát và lý giải của các nhà thiên văn học vẫn chưa thể thoát khỏi thế giới Sa Bà. Chúng tôi học kinh giáo nhiều năm như thế, thấy hầu hết các vị đại đức tiền bối đã sớm cho rằng một đơn vị thế giới nói trong kinh Phật là địa cầu. [Kinh nói] mặt trời xoay vòng quanh núi Tu Di (Sumeru), rất nhiều người hiểu lầm, nghĩ núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalaya) là Tu Di Sơn. Sau này, khoa học chứng minh địa cầu hình tròn nên gọi là “địa cầu”, chẳng khác gì các ngôi sao trên trời, cũng không thể coi là quá lớn được! Địa cầu xoay quanh mặt trời, chứ không phải mặt trời xoay quanh địa cầu. Họ biết có Thái Dương Hệ (Solar system), mặt trời xoay quanh hệ Ngân Hà (Galaxy), nhưng chúng ta không có cách nào xoay chuyển quan niệm này! Tu Di Sơn ở đâu? Chắc chắn Tu Di Sơn chẳng ở trên địa cầu. Phật pháp hình dung Tu Di Sơn bằng danh xưng Diệu Cao, chúng ta có thể hiểu chữ Cao, nhưng Diệu rất khó hiểu. Chúng tôi vốn nghĩ [một đơn vị thế giới trong kinh Phật] là một cõi Phật, tức là phạm vi giáo hóa của một vị Phật, giống như các khoa học gia hiện thời bảo là một “hệ Ngân Hà”. Kể từ năm 1986, tôi kết duyên, quen biết lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Thuở ấy, hai người chúng tôi vô cùng vui sướng, vì hoằng dương bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư vốn chỉ có hai người bọn tôi. Cụ giảng bộ kinh này trong nước, tôi giảng bộ kinh này tại hải ngoại. Chúng tôi gặp mặt, cụ Hoàng nêu lên vấn đề này, cho tôi biết: Một đơn vị thế giới trong kinh Phật chẳng phải là Thái Dương Hệ, mà là hệ Ngân Hà. Trung tâm của hệ Ngân Hà là “hắc động” (black hole), Tu Di Sơn phải là hắc động. Sự cao lớn của hắc động chúng ta có thể hiểu được, nhưng cho đến hiện thời, vẫn chưa có ai có thể lý giải tình trạng thật sự của hắc động, chỉ biết là nó có sức hút rất lớn, ngay cả ánh sáng cũng không có cách nào xuyên qua, đều bị nó hút mất. Nó là cốt lõi của hệ Ngân Hà, tất cả các tinh cầu đều xoay

quanh cái lõi này. Cổ nhân Trung Quốc gọi nó là Hoàng Cực (Ecliptic Pole), hệ Ngân Hà mới là một đơn vị thế giới. Một ngàn đơn vị thế giới gọi là một "tiểu thiên thế giới". Đó chính là một ngàn hệ Ngân Hà, một tiểu thiên thế giới đấy! Lại lấy tiểu thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là "trung thiên thế giới", một ngàn trung thiên thế giới gọi là một "đại thiên thế giới". Một đại thiên thế giới có bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười ức hệ Ngân Hà. Các nhà thiên văn học hiện tại chưa thể quan sát [điều này]; đây là khu vực giáo hóa của một đức Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói có vô lượng vô biên thế giới như vậy trong vũ trụ. Nói đến "thế giới Hoa Tạng" thì thế giới Hoa Tạng giống như một cao ốc có hai mươi tầng, thế giới Sa Bà và thế giới Cực Lạc đều thuộc tầng thứ mười ba. Lại chẳng biết có bao nhiêu thế giới giống như thế giới Hoa Tạng! Đấy là thế giới quan của Phật pháp, thế giới đồ sộ, quả thật chẳng thể nghĩ bàn được!

Đức Phật xuất hiện trong thế gian, khu vực giáo hóa của mỗi vị Phật nhỏ nhất là một đại thiên thế giới. Có trường hợp là hai, ba đại thiên thế giới, hay năm, sáu đại thiên thế giới, mười mấy đại thiên thế giới cũng có; Phật cũng có phước báo to hay nhỏ khác nhau! Nguyên nhân do đâu? Trong khi tu nhân, tâm lượng khác nhau, cho nên [khi thành Phật] cảm quả cũng chẳng giống nhau. Trừ điều này ra, chẳng có gì khác biệt. Đây là nói "duyên hóa độ chúng sanh" không giống nhau. Vì vậy, người học Phật phải rộng kết pháp duyên với hết thảy chúng sanh; trong tương lai, quý vị thành Phật sẽ độ người khác đông đảo. Rộng kết pháp duyên rất quan trọng! Đức Phật thị hiện trong các cõi Phật khác nhau đều do có duyên, chẳng thể nói là "không có duyên", đều có duyên, duyên ấy rất phức tạp. Dùng phương pháp ổn thỏa, thích đáng, đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng nào để giúp người khác có thể trở về tự tánh? Trở về tự tánh là thành Phật viên mãn, trở về nguồn cội, dùng phương pháp nào? Dùng phương pháp Niệm Phật của Tịnh Độ; do vậy, ngài Thiện Đạo nói: "Duy thuyết Di Đà bổn nguyện hải" (chỉ để nói bổn nguyện của Phật Di Đà). Kinh ấy là kinh gì? Kinh Vô Lượng Thọ. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ được gọi kinh bậc nhất trong Tịnh Tông. Tịnh Độ Tông thật đơn giản, kinh điển để làm căn cứ gồm năm thứ. Thuở ấy, đức Thế Tôn giảng ba thứ, tức là ba bộ kinh, [thường gọi là] Tịnh Độ Tam Kinh: Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh và Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Phân lượng cũng chẳng lớn. Nếu chỉ là kinh văn của ba bộ kinh, tức là chánh kinh không có phần chú giải, in chung lại thành một quyển mỏng tanh, phân lượng rất ít, đơn giản, dễ dàng, nhưng thành tựu vô cùng thù thắng. Thiện Đạo đại sư cho chúng ta biết điều này. Chúng ta phải tin tưởng, gặp được pháp môn này chính là cơ duyên hy hữu trong một đời này! Quý vị có được cơ hội này, có thể trở về tự tánh, có thể viên thành Phật đạo, khó thể gặp gỡ cơ hội này. Bởi lẽ, "thân người khó được, Phật pháp khó gặp". Chúng ta được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, lại gặp được pháp môn thù thắng khôn sánh trong Phật pháp, phải trân quý cơ duyên này. Pháp môn này còn gọi là "pháp khó tin", do phương pháp quá đơn giản, quá dễ dàng, nên rất nhiều vị Bồ Tát chẳng tin! Nói theo Lý, phải hết vọng mới có thể quay về nguồn được, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều chẳng tách lìa nguyên tắc này. "Vọng" là phiền não. Ba loại phiền não lớn là Vô Minh phiền não, Kiến Tư phiền não, và Trần Sa phiền não; đấy là ba loại lớn. Đoạn Kiến Tư phiền não, lục đạo luân hồi chẳng còn nữa. Bởi lẽ, lục đạo chẳng thật, giống như một giấc mộng. Quý vị chưa thoát khỏi lục đạo, đang

nằm mộng, vẫn chưa tỉnh mộng. Khi nào quý vị buông Kiến Tư phiền não xuống, kinh Hoa Nghiêm gọi Kiến Tư phiền não là chấp trước, đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn chấp trước, buông Kiến Tư phiền não xuống, quý vị bèn chứng quả A La Hán. A La Hán đã

tỉnh, từ trong lục đạo tỉnh giấc mộng lớn bèn là A La Hán, lục đạo chẳng còn nữa! Lục đạo chẳng còn, đã tỉnh; vì sao quý vị vẫn còn ở trong mộng? Quý vị còn có phân biệt, còn có vọng tưởng, [những thứ này] vẫn là phiền não, nhẹ hơn Kiến Tư phiền não một tí, nhưng vẫn còn. Nếu phân biệt cũng buông xuống, chẳng còn phân biệt nữa, không chỉ là chẳng phân biệt, mà vọng tưởng cũng buông xuống. Vọng tưởng là gì? Tôi thường gọi nó là "khởi tâm, động niệm". Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Khởi tâm động niệm đều không có, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, quý vị thật sự tỉnh mộng. Hễ tỉnh thì tứ thánh pháp giới đều không có, tức là mười pháp giới chẳng có. Mười pháp giới bao gồm lục đạo, dưới là lục đạo, trên là tứ thánh, tứ thánh là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật; Phật [trong tứ thánh pháp giới] cũng chẳng thật! Phải biết điều này! Đừng nên chấp trước, chớ nên phân biệt! Sau khi buông xuống những điều này, chẳng thấy tứ thánh pháp giới nữa, quý vị thật sự tỉnh khỏi mộng cảnh. Khi tỉnh ấy, vẫn còn có tướng cảnh giới, vẫn còn có tướng, tướng gì vậy? Chúng ta thường gọi nó là Nhất Chân pháp giới, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Chúng ta nói thế giới Cực Lạc, kinh Hoa Nghiêm nói thế giới Hoa Tạng, chúng đều là những cõi Thật Báo của Như Lai. Nói tới cõi Thật Báo của Như Lai, quý vị phải nhớ: Nó là cõi Thật Báo của chính mình, Tự - Tha bất nhị, Tha là chư Phật Như Lai, thật sự chẳng hai! Do vậy, trong mấy năm gần đây, chúng tôi cực lực đề xướng: Phật sự sử dụng trong Tịnh Tông là Tam Thời Hệ Niệm do thiền sư Trung Phong biên soạn, Ngài là bậc đại đức trong Thiền Tông. Quý vị thấy Ngài biên soạn nghi thức Hệ Niệm hoàn toàn dùng [giáo nghĩa] Tịnh Độ, cõi âm lẫn dương gian đều được lợi ích. Lão nhân gia nói rất rõ ràng: "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ", Di Đà ở đâu? Di Đà là tự tánh, Tịnh Độ cũng là tự tánh; tâm và tánh là một, chẳng hai. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, sẽ biết chư Phật Như Lai và hết thảy chúng sanh có mối quan hệ mật thiết với bản thân chúng ta. Nói tới "quan hệ" thì mối quan hệ ấy thuộc loại luân lý, tức là quan hệ nói theo phương diện luân lý. Kinh giáo Đại Thừa giảng quan hệ rất thấu triệt, giảng đến mức viên mãn rốt ráo: Trọn khắp pháp giới hư không giới, trên là chư Phật, dưới là chúng sanh, có cùng một Thể với chính mình, chẳng phải là "một nhà", mà là "một Thể". Nói tới mối quan hệ này. Do vậy, lòng yêu thương ấy được gọi là Vô Duyên Đại Từ, Từ là lòng yêu thương, quan tâm, Vô Duyên là chẳng có điều kiện; Đồng Thể Đại Bi, Bi là thương xót, thương xót hết thảy chúng sanh mê mất tự tánh. Phải biết: Họ và chúng ta là một Thể, chẳng phải là người ngoài, mà là Đồng Thể. Vô Duyên là giúp đỡ họ vô điều kiện. Vì thế, trong nhân gian có lòng Chân Ái (lòng yêu thương chân thật), Chân Ái là lòng yêu thương của Phật, Bồ Tát, là đại từ đại bi. Thật

đấy! Bậc giác ngộ thì có, còn kẻ mê mất tự tánh chẳng phải là không có, nhưng kẻ ấy bị mê, do mê nên lòng Chân Ái bị biến chất. Do vậy, trong kinh đức Phật gọi lòng yêu thương ấy (lòng yêu thương của kẻ mê mất chân tánh) là Hữu Ái Duyên Từ, như trong thế gian hiện thời, lòng thương yêu của cha mẹ đối với con cái gọi là Ái Duyên, có lòng

từ bi, nhưng từ bi đối với kẻ có quan hệ máu mủ, ruột thịt, bị chi phối bởi mối quan hệ này. Lại có Chúng Sanh Duyên Từ Bi, tâm lượng lớn hơn một chút, yêu thương chính mình, mà cũng có thể yêu thương người khác. Câu "phàm thị nhân, giai tu ái" (phàm là người, đều phải yêu) trong Đệ Tử Quy chính là Chúng Sanh Duyên Từ Bi. Bồ Tát có Pháp Duyên Từ Bi, lại cao hơn một tầng nữa, các Ngài liễu giải chân tướng sự thật. Thật sự đạt đến minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, đó là lòng từ bi của Phật. [Lòng từ bi ấy] chẳng có điều kiện, đấy mới là Chân Ái. Những lòng Ái khác có điều kiện, còn lòng Ái này chẳng có điều kiện. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này thì học Phật mới tìm được người thân thật sự! Chúng ta giống trẻ nhỏ mê mất phương hướng, thật sự tìm được cha mẹ, tìm được người quan tâm, yêu thương chúng ta rồi. Những người ấy là chư Phật, Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài thật sự có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ, trở về tự tánh, công đức viên mãn. Bởi lẽ, chỗ khác nhau giữa chúng sanh và Phật là mê hay ngộ; trừ mê và ngộ ra, chẳng có gì khác nhau! Trong giáo pháp Đại Thừa, quý vị càng đọc, càng hiểu rõ, càng minh bạch, đọc đến cuối cùng, quý vị hoát nhiên hiểu rõ, "nguyên lai đương hạ", tức là ở ngay nơi này, ngay trong lúc này! Tịnh Tông thật sự khó tin, đặc biệt là đối với những phần tử tri thức. Tôi học Phật là do tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu. Lúc trẻ cũng theo học trong nhà trường, chịu ảnh hưởng của các giáo viên, nghĩ Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, lại còn là đa thần giáo (polytheism), phiếm thần giáo (pantheism) trong các tôn giáo, là một tôn giáo thuộc loại thấp. Tôn giáo bậc cao chỉ nói tới một vị chân thần. Qua biểu hiện, Phật giáo thật sự là mê tín, thuở ấy, tôi chẳng liễu giải. Trong xã hội hiện thời, kẻ chẳng liễu giải càng nhiều! Tôi học Triết Học với thầy Phương. Trong khóa học cuối cùng, thầy giảng Triết Học trong kinh Phật, tôi nói: "Phật giáo là tôn giáo, mê tín, là phiếm thần giáo, kiếm đâu ra Triết Học?" Thầy bảo tôi: "Anh không biết, tuổi anh còn trẻ, Thích Ca Mâu Ni Phật là một triết gia vĩ đại nhất trên thế giới. Triết Học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong Triết Học trên toàn thể thế giới". Lúc ấy, thầy bảo tôi như thế này: "Học Phật là sự hưởng thụ tối cao trong đời người". Trong khóa học ấy, tôi tiếp nhận Triết Học từ kinh Phật như vậy, mới thay đổi quan niệm sai lầm trong quá khứ, nhận thức Phật giáo bằng nhãn quan mới. Duyên của tôi rất thù thắng, sau khi thầy Phương giới thiệu Phật giáo cho tôi biết, không đầy hai tháng sau, tôi có cơ hội quen biết Chương Gia đại sư, do một thân vương Mông Cổ cuối đời Thanh giới

thiệu cho tôi quen biết Chương Gia đại sư. Khi đó, tôi vừa tiếp xúc Phật pháp, đây cũng là do thầy Phương từ bi, chỉ cho tôi đường lối học tập. Thầy nói Phật pháp chẳng ở trong chùa chiền, ở đâu? Trong kinh điển. Anh muốn thật sự tìm được Phật giáo, phải tìm từ kinh điển. Sự hướng dẫn này vô cùng quan trọng, do vậy, tôi thủy chung cảm tạ ân đức thầy; bởi lẽ, không có sự chỉ điểm ấy, chúng tôi sẽ thỉnh giáo người xuất gia. Nhiều kẻ xuất gia vứt bỏ kinh giáo, chẳng học tập, chẳng thể thuyết pháp, trong tình hình ấy, chắc chắn chúng tôi sẽ hoài nghi, lòng tin chẳng còn nữa! Do cụ Phương biết [Phật pháp] ở trong kinh điển, cụ nói thuở xưa, người xuất gia và tại gia học Phật đều những bậc học vấn lỗi lạc, thật sự là đại đức, đại triết, hiện nay rất hiếm [những người như vậy]. Sau khi tôi tiếp xúc Chương Gia đại sư, Ngài dạy tôi học về Thích Ca Mâu Ni Phật, bảo tôi hãy xem hai tài liệu. Hai tài liệu ấy ở trong Đại Tạng Kinh, thuở ấy chưa có

bản lưu hành riêng, đó là Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí1. Lão nhân gia rất từ bi: “Anh muốn học Phật, trước hết, anh phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật, sẽ chẳng đi lòng vòng”. Sau khi đọc xong hai tài liệu ấy, tôi mới biết Thích Ca Mâu Ni Phật quả thật rất vĩ đại. Nói theo cách bây giờ, Ngài là nhà giáo dục, chẳng vướng mắc trong tôn giáo. Xuất thân từ dòng dõi vua chúa, phụ thân Ngài là quốc vương. Cổ Ấn Độ thuở ấy chẳng khác thời Xuân Thu Chiến Quốc của Trung Hoa cho mấy, đều là có rất nhiều quốc gia nhỏ. Ngài là vương tử, mười chín tuổi rời khỏi gia đình, đi tham học. Do vậy, chúng ta biết Thích Ca Mâu Ni Phật tuổi thanh niên vô cùng hiếu học, rời khỏi gia đình để cầu học, cuộc sống rất khổ sở, giống như vị Tăng khổ hạnh. Ấn Độ [thuở ấy] quả thật là một nơi tốt đẹp. Thuở ấy, học thuật trên địa cầu này, đặc biệt là Triết Học, có thể coi như Ấn Độ đứng đầu thế giới. Tôn giáo cũng giống như thế, Ấn Độ là xứ sở tôn giáo, tất cả các bậc đại đức trong tôn giáo Ngài đều gặp gỡ, học tập; lại còn học hết sức nghiêm túc, tất cả các học phái Ngài cũng đều học qua. Khi ấy, phong khí Thiền Định ở Ấn Độ rất thịnh, bất luận tôn giáo hay học thuật đều coi trọng Thiền Định. Tứ Thiền Bát Định nói trong kinh Phật chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật đề xướng. Chẳng phải vậy! Tôn giáo lẫn học thuật của Cổ Ấn Độ đều học những môn này, đương nhiên, chàng thanh niên Thích Ca Mâu Ni cũng không ra ngoài lệ ấy. Thiền Định có thể đột phá các chiều không gian (spatial dimensions), cho nên phát hiện lục đạo. Lục đạo là thật, chẳng giả. Quý vị tu Định đến một trình độ nhất định, sẽ thấy giống như họ đã thấy: “Hoàn toàn giống như các vị đã nói!” Người thấy [những điều này] nhiều lắm! Phía trên là từ hai mươi tám tầng trời, phía dưới đến A Tỳ địa ngục, họ hiểu rành rẽ tình trạng trong toàn thể lục đạo, nhưng nếu hỏi: “Lục đạo do đâu mà có? Vì sao có lục đạo? Ngoài lục đạo ở ngoài còn có thế giới hay chăng?” Vấn đề này, không

chỉ hết thảy các tôn giáo của Ấn Độ chẳng có cách nào trả lời, mà những triết gia Ấn Độ cũng chẳng thể giải đáp. Thích Ca Mâu Ni Phật tu mười hai năm, đến năm ba mươi tuổi, thôi học tập, học mười hai năm, rốt cuộc đã tốt nghiệp, buông bỏ, tịnh tọa dưới cội cây Tất Bát La (Pippala) bên bờ sông Hằng, khai ngộ. Cây ấy về sau được gọi là “Bồ Đề thụ”. Bồ Đề (Boddhi) có nghĩa là “giác ngộ”. Ngài đại triệt đại ngộ ở nơi ấy. Nhập Thiền Định càng sâu hơn, Thiền Định gì vậy? Trong kinh Lăng Nghiêm, Định ấy được gọi là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định, kinh Hoa Nghiêm gọi Định ấy là Sư Tử Phấn Tấn tam-muội, đó là kiến tánh; đó cũng là nói: Thật sự buông “khởi tâm, động niệm” xuống. Chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn khôi phục tự tánh, mới thật sự hiểu rõ ràng, rành rẽ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Lục đạo luân hồi là chuyện nhỏ nhặt, quá nhỏ bé, thảy đều hiểu rõ ràng, đương nhiên hết sức vui sướng, Ngài bèn tường thuật, báo cáo tỉ mỉ cảnh giới này. Nói với ai? Nói với con người, người ta nghe chẳng hiểu! Đừng nói người thế gian chúng ta nghe không hiểu, chư thiên trong hai mươi tám tầng trời nghe cũng không hiểu; bởi lẽ, Ngài giảng trong Định. Chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tịnh tọa dưới cội Bồ Đề, đâu biết Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm nơi ấy. Kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới khai ngộ của đức Thế Tôn. Ngài nói cặn kẽ, nêu bày toàn bộ. Nói trong bao nhiêu ngày? Theo kinh chép thì là “hai thất”, tức mười bốn ngày, cũng có kinh bảo là giảng trong hai mươi mốt ngày. Chúng ta có thể không cần quan tâm đến chuyện này, cũng không cần phải khảo chứng, đừng phân biệt, chấp trước chuyện này.

Tối đa là hai mươi mốt ngày, giảng trong Định! Trong Thiền Định, thời gian và không gian chẳng còn nữa. Thời gian và không gian chẳng còn, chúng ta có thể tin chuyện này, vì sao? Có chứng minh khoa học! Khoa học chứng minh như thế nào? Thôi miên rất khoa học! Trong thôi miên, thời gian và không gian chẳng còn nữa! Quý vị thấy: Thôi miên hai tiếng, người được thôi miên có thể nhớ được vài đời trong quá khứ. Lúc bị thôi miên, người ấy có thể tới thiên đường, mà cũng có thể xuống địa ngục. Quý vị thấy đó: Đột phá thời gian lẫn không gian! Do chúng ta biết: Thôi miên cũng là tinh thần phải buông lỏng hết thảy, buông xuống hết thảy, trong tâm không có tạp niệm, có cùng một nguyên lý [với Thiền Định]. Công phu Thiền Định càng sâu hơn, thời gian [nhập Định] càng dài hơn, bảy ngày, hai mươi mốt ngày, trọn pháp giới hư không giới quả thật đều có thể thấy rõ rệt, minh bạch. Thật ra, có cần tốn ngần ấy thời gian hay không? Không cần! Chỉ trong một niệm! Trong một niệm bèn thông đạt, hiểu rõ, tùy thuộc quý vị buông xuống nhiều hay ít. Sai biệt chẳng do công phu cạn hay sâu, mà do quý vị buông xuống nhiều hay ít. Vì thế, quý vị muốn dụng công, ngàn muôn phần đừng chấp trước; buông xuống càng nhiều, tâm quý vị càng thanh tịnh, càng gần với tự tánh. Trong cuốn [Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng

Tận] Hoàn Nguyên Quán có nói: “Tự tánh thanh tịnh viên minh thể”, tức là càng buông xuống nhiều, càng gần với tự tánh. Càng gần tự tánh, quý vị càng liễu giải. Sau khi liễu giải chân tướng, lão nhân gia xuất Định, bắt đầu dạy học, vì sao bắt đầu dạy học? Tâm từ bi tự nhiên lưu lộ, chẳng có lý do, không có điều kiện, thấy chúng sanh bèn muốn giúp họ trở về tự tánh. Vì lẽ gì? Họ và ta là một, không hai. Người giác ngộ biết, kẻ mê chẳng biết [ta và người] là một Thể. Làm như thế, dạy suốt bốn mươi chín năm, đức Thế Tôn viên tịch lúc bảy mươi chín tuổi. Từ năm ba mươi tuổi bắt đầu dạy học tới năm bảy mươi chín tuổi; do đó, Ngài giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Chúng ta nhìn từ chỗ này, Ngài dùng thân phận nào? Mang chức nghiệp giáo sư, suốt đời dạy học. Dạy gì? Hết thảy các kinh do Phật đã giảng lúc còn tại thế chưa chép thành văn tự, đều chỉ là miệng nói. Sau khi đức Thế Tôn viên tịch, các học trò đem những gì thầy đã dạy, đã nói trong quá khứ ghi chép lại, đến khi ấy mới trở thành kinh điển. Ghi chép cũng chẳng phải là chuyện đơn giản, phải tìm người nhắc lại, tìm ai? Tìm A Nan. A Nan là thị giả của đức Phật. Kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong một đời, ngài A Nan đều nghe qua. A Nan là em họ nhỏ nhất của đức Phật. Anh em họ của Ngài gồm tám người, Thích Ca Mâu Ni Phật lớn nhất, A Nan nhỏ nhất, tức lão Bát, kém Phật hai mươi tuổi. Do thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh từ hai mươi năm trước đó, tức là khi Thích Ca Mâu Ni Phật bắt đầu giảng kinh, ngài A Nan mới sinh ra. Đức Phật đã giảng kinh suốt hai mươi năm, ngài A Nan mới xuất gia năm hai mươi tuổi, những kinh Phật đã giảng trong hai mươi năm trước, A Nan chưa được nghe. Vì thế, kinh có chép: Những lúc rảnh rỗi, đức Thế Tôn đem những gì đã nói trong quá khứ đều giảng lại cho ngài A Nan nghe, cho nên Ngài nghe kinh rất hoàn chỉnh. Ngài A Nan có trí nhớ đặc biệt tốt, nghe một lần sẽ vĩnh viễn chẳng quên, giống như máy thâu âm, Ngài có thể nhắc lại nguyên văn, có khả năng hy hữu này. Trong các đệ tử Phật, chỉ có Ngài có trí nhớ cao nhất. Vì thế, sau khi đức Phật diệt độ, mọi người thỉnh A Nan lên tòa giảng lại, năm trăm vị A La Hán là các đệ tử đức Phật, trong thuở

ấy, họ là những vị thường nghe kinh, đều chứng minh. Kinh nói ra phải được năm trăm A La Hán cùng đồng ý "A Nan nói không sai, đức Phật đã nói như thế" rồi mới ghi chép lại. Nếu có [điều nào bị] một ai đó nghi ngờ, phải lược bỏ điều ấy, nhằm giữ chữ Tín với người đời sau. Kinh tạng được kết tập nghiêm ngặt như thế, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Văn tự dùng để kết tập thuở ấy là Phạn văn, hiện thời rất ít người hiểu cổ văn Ấn Độ. Kinh điển truyền đến Trung Quốc bằng tiếng Phạn, thuở ấy, những lưu học sinh Trung Quốc (những vị cao tăng sang Thiên Trúc cầu pháp) đến Ấn Độ học tập cũng học Phạn văn, từ tiếng Phạn dịch sang tiếng

Hán mà có thể chẳng bị sai lầm ư? Nay chúng ta dịch một bài văn chương từ tiếng Anh sang tiếng Hán, có thể dịch đúng một trăm phần trăm hay không? Không thể nào! Nói chung là có sai lầm. Đừng nói ngôn ngữ ngoại quốc, đối với cổ văn Trung Quốc, quý vị lấy một bài văn chương của cổ nhân, tìm vài người, hay tìm mười người, bảo họ dịch bài ấy thành văn Bạch Thoại, mười người dịch khác nhau, rốt cuộc dùng tiêu chuẩn nào [để phán định đúng sai]? Rất khó nói, điều này có thể khiến cho người ta tin tưởng [tính chính xác của kinh Phật] hay chăng? Khi ấy, tôi đã thỉnh giáo tiên sinh Phương Đông Mỹ chuyện này, làm thế nào để khiến chúng ta sanh khởi lòng tin? Thầy Phương hết sức cảm khái, nói: Người Trung Quốc thời cổ chẳng giống người Trung Quốc hiện thời. Người Trung Quốc hiện thời đánh mất lòng tự tin dân tộc, nên mới bị lăng nhục lớn lao như thế, chịu lắm khổ nạn như vậy. Xưa kia, người Trung Quốc không như vậy, hết sức tự hào. Kinh điển tiếng Phạn sau khi dịch sang tiếng Hán, không những ý nghĩa chẳng bị sai lầm, mà văn tự còn đẹp đẽ, bóng bẩy hơn nguyên văn! Nói cách khác, đã có bản tiếng Hán, có thể không cần đến bản tiếng Phạn, tự hào như thế đó! Tại Trung Quốc vào thời Tùy - Đường, người Trung Quốc thật sự giống như người Trung Quốc, đâu phải như hiện thời? Thầy Phương dạy tôi như thế, hóa giải nỗi nghi vấn của tôi. Đúng không? Đúng! Từ xưa tới nay, Trung Quốc quả thật là một nước lễ nghĩa, là một nước to lớn mênh mông, mãi cho đến đời Thanh, lòng tự tin ấy bị mất sạch. Vào cuối đời Thanh, vào cuối triều đại mới nẩy sanh vấn đề, rất nhiều nhân tố khiến cho vấn đề nẩy sanh, sử cận đại đã chép rất rõ ràng: Chẳng phải là truyền thống Trung Quốc có vấn đề, mà do người lãnh đạo đất nước thuở ấy là Từ Hy Thái Hậu có vấn đề. Đúng là "một người khiến đất nước hưng thịnh, một người khiến cho quốc gia, dân tộc bị diệt vong", liên quan tới một cá nhân quá lớn! Nhà Thanh từ thuở khai quốc cho đến đời chồng của bà ta là vua Hàm Phong, Từ Hy Thái Hậu là phi tử của Hàm Phong, đế vương các đời đều mời các bậc cao nhân Nho, Thích, Đạo, nói theo danh từ hiện nay là "chuyên gia, học giả" vào hoàng cung. Hoàng đế dẫn phi tần, văn võ đại thần nghe giảng mỗi ngày, học tập mỗi ngày, thật sự làm! Từ Hy phế trừ chế độ này; Từ Hy không theo những bậc đại đức Nho, Thích, Đạo nữa, không nghe lời họ nữa. Bà ta mê tín, cầu cơ, phò loan, ham chuyện thần tiên, quốc gia đại sự đều đem thưa hỏi trong đàn cầu cơ. Do vậy mất nước! Chương Gia đại sư kể cho tôi biết chuyện này. Đời trước của ngài Chương Gia là quốc sư của các đời hoàng đế nhà Thanh; trong tứ đại lạt-ma2 chỉ mình Ngài có đạo tràng tại Bắc Kinh. Chương Gia đại sư có trụ sở tại Bắc Kinh, Ngài thường ở Bắc Kinh để làm cố vấn cho hoàng thượng. Lão nhân gia cho tôi biết: Chuyện xấu do Từ Hy gây ra, bà ta phá hoại chế độ; người lãnh đạo coi rẻ truyền thống, dần dần ảnh

hưởng tới quần chúng. Nếu

chúng ta truy cứu, truyền thống văn hóa tốt đẹp như thế, vì lẽ nào mà trở thành nông nỗi như hiện thời? Đầu mối do Từ Hy. Chúng ta phải biết yêu mến, phải làm thế nào để khôi phục [truyền thống văn hóa]. Do vậy, sau khi chúng tôi hiểu rõ ràng, minh bạch chuyện này, mới biết Phật pháp thù thắng, càng học càng ham thích, khi ấy, mới phát hiện, thật sự phát hiện của báu, phát hiện kinh giáo là món trân bảo thù thắng khôn sánh. Nhưng trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: "Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạc năng giải" (Phật pháp không có người nói, thì tuy có trí vẫn chẳng thể hiểu được). Hiện thời, sách vở thì có, nhưng thiếu người truyền thừa. Trong thời Dân Quốc, đúng là đời sau thua đời trước, đã đến thuở mạt. Trong thời Kháng Chiến, nói chung còn có mười mấy vị xuất gia và tại gia [hoằng dương Phật pháp]. Sau thời Kháng Chiến, ngày càng ít, bậc đại đức hiếm hoi, thiếu người kế tục, đặc biệt là trong năm mươi năm gần đây. Chúng ta biết: Phật giáo thật sự hoàn toàn chẳng có diện mục. Tại Đài Loan, thật sự giảng kinh, dạy học chỉ có mình thầy Lý. Cụ mở một liên xã tại Đài Trung, trong liên xã mở lớp dạy học. Cụ mở mười mấy lớp đều là dạy truyền thống văn hóa giống như giáo dục xã hội hoặc lớp huấn luyện bổ túc, không nhận học phí. Bản thân thầy Lý lắm tài nhiều nghề, biết rất nhiều thứ, có năng lực dạy dỗ. Cụ dạy học tại Đài Trung ba mươi tám năm, tịch năm chín mươi bảy tuổi. Cụ giảng kinh tại Đài Trung suốt ba mươi tám năm chẳng gián đoạn, nhưng mỗi tuần chỉ giảng một buổi, ấn định buổi học nhằm ngày thứ Tư, thời gian cố định, nơi chốn cố định. Do vậy, cụ chẳng cần tuyên truyền, thứ Tư mỗi tuần đến Từ Quang Đồ Thư Quán ở Đài Trung, nhất định thấy cụ giảng kinh ở đó, mỗi tuần một lần. Cụ dạy lũ học sinh chúng tôi là những học sinh trẻ tuổi học giảng kinh cũng là mỗi tuần một lần nhằm ngày thứ Sáu, dạy chúng tôi giảng kinh; còn dạy cổ văn thì như một lớp học nhỏ của nhóm ông Giang Dật Tử, họ học thi từ với cụ. Ngoài ra, còn có nhiều khoa mục, nhưng chính thầy tìm không ra thời gian, phải mời giáo viên từ bên ngoài đến dạy. Do là giáo dục xã hội, nên xét về điểm này, rất giống với cách thức dạy dỗ thời Thích Ca Mâu Ni Phật. Đối với Phật giáo trên toàn thế giới hiện thời, tôi nghĩ: Nếu nói đại lược, tối thiểu có sáu hình thức khác nhau mà chúng ta phải biết. Loại thứ nhất là giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật, lão nhân gia suốt đời làm thầy; nói theo cách bây giờ, Ngài là một nhà giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, Ngài mang thân phận là một người có nghĩa vụ làm công tác giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, không nhận học phí. Cuộc sống rất đơn giản, ăn một bữa Ngọ, ngủ dưới gốc cây, suốt đời không xây trường học. Giảng dạy ở chỗ nào? Rừng núi, dưới cội cây, số người học chẳng ít! Vì thế, nay chúng ta nghĩ đến, thấy chẳng đơn giản. Thường Tùy Chúng là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, những vị này chẳng rời khỏi Phật. Tôi nghĩ những

người tham dự khác, tối thiểu cũng bằng số này. Nói cách khác, khi Phật dạy học, thính chúng phải tới hai, ba ngàn người. Thuở ấy, đâu có máy khuếch âm, ở trong đồng trống, nếu người ta nghe không rõ ràng lắm, có còn hứng thú theo học với Phật nữa hay chăng? Buổi tối nghỉ dưới cội cây, gió thổi, nắng hun, mưa táp đều chẳng ngại, thân kim cang bất hoại mà! Giữa trưa ăn một bữa, người ta cho gì ăn nấy, chẳng phân biệt tí nào. Đó là hạng người gì, thân thể gì vậy? Chúng ta ngẫm lại, không có cách nào

sánh bằng! Chúng ta ra ngoài đồng ở một đêm, hôm sau về nhà bèn ngã bệnh, làm sao có thể sánh bằng? Chẳng phải là một hai ngày, mà là sống như vậy suốt bốn mươi chín năm, chẳng thể khiến kẻ khác bội phục ư? Thật sự có công phu, thân lẫn tâm đều khỏe mạnh. Đây chính là Phật giáo nguyên gốc của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lão nhân gia suốt đời chẳng lập đạo tràng là có lý của Ngài; bởi lẽ, lập đạo tràng sẽ có kẻ khởi ý niệm cong quẹo: "Làm thế nào để có đạo tràng ấy?" Ngài không có đạo tràng, vì biết người đời sau [đối với đạo tràng] sẽ có tác dụng phụ (kiến giải chấp trước, tham cầu lệch lạc), thứ gì cũng không có, chúng ta nên học theo điều này! Phật giáo truyền sang Trung Quốc, đạo tràng do quốc gia, hoặc những vị trưởng giả đại phú kiến tạo, đều gọi là "thập phương đạo tràng", đều chẳng thuộc tư nhân. Đạo tràng tự quản lý là cách thức rất hay, hết thảy những người điều hành đều được bầu ra. Do vậy, Phật môn có chế độ tuyển cử sớm nhất. Trụ Trì hay Đương Gia đều do tuyển cử, nhiệm kỳ một năm. Vì lẽ gì? Đây là phục vụ; phục vụ thì chẳng thể bắt người ta phải phục vụ mãi, mỗi cá nhân đều phải có nghĩa vụ này, hoàn toàn là nghĩa vụ. Vì thế, mỗi cá nhân tối thiểu phải phục vụ một năm. Trong chùa chiền, ngày Ba Mươi tháng Chạp, các vị [chấp sự] cùng từ chức, bầu cử lại. Ngày hôm sau, những người mới được tuyển cử sẽ nhậm chức vào ngày mùng Một tháng Giêng, đến hôm Ba Mươi [tháng Chạp năm ấy] sẽ cùng từ chức. Vì vậy, đây là một chế độ tốt đẹp, chẳng có ai tranh chấp, thật sự là tuyển lựa người tài năng và đức độ làm Trụ Trì đạo tràng; bởi lẽ, đây là một cơ cấu giáo học. Tại Trung Quốc đã có chế độ này, chính thức đi vào khuôn khổ, chính thức tiến hành công tác giáo học. Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo học tư nhân, giống như Khổng lão phu tử cũng là giáo học tư nhân. Sau khi đạo Phật truyền đến Trung Quốc bèn có chế độ, chế độ này được gọi là "chế độ tùng lâm". Trong quá khứ, Phương tiên sinh đã nhiều lượt nói với tôi điều này, tối thiểu cũng phải mười mấy lần, tạo ấn tượng rất sâu đậm. Thầy nói Phật giáo muốn hưng vượng, nhất định phải khôi phục chế độ tùng lâm. Chế độ tùng lâm là trường học, chính thức quản lý trường học: Chủ tịch tùng lâm là hiệu trưởng, Thủ Tọa là giáo vụ trưởng, Duy Na là huấn đạo trưởng, Giám Viện là tổng vụ trưởng, hoàn toàn giống với cách phân chia trách nhiệm trong trường đại học. Tuy khác danh xưng, nhưng chức trách như nhau, quả thật là

một trường học. Đấy là trong quá khứ. Hiện thời chẳng còn nữa. Hiện nay, Phật giáo biến thành tôn giáo. Chúng ta nên biết điều này xảy ra từ thời vua Gia Khánh trở đi. Trong thời Càn Long - Gia Khánh, chùa chiền, tùng lâm Trung Quốc vẫn còn là nơi dạy học, đời nào cũng có bậc cao tăng, đại đức. Hiện nay đã biến thành tôn giáo, chúng ta cũng chẳng thể không thừa nhận nó. Do vậy, loại thứ hai là tôn giáo Phật giáo. Quý vị thấy loại này lấy kinh sám Phật sự, pháp hội làm chính yếu, chẳng giảng kinh, dạy học, biến chất rồi! Loại thứ ba là biến thành học thuật. Trong trường đại học, ban Triết Học dùng kinh Phật để giảng dạy, tôi cũng dạy mấy năm, Phật giáo biến thành học thuật, biến chất rồi! Loại thứ tư là du lịch vãn cảnh trong nước, tức là loại Phật giáo tham quan du lịch. Còn có một loại rất mới, rất "hợp thời trang" là xí nghiệp Phật giáo, nghe nói còn có cạnh tranh trên thị trường, xí nghiệp Phật giáo mà! Loại cuối cùng là tà giáo Phật giáo, đeo chiêu bài Phật giáo, thật ra chẳng ăn nhập gì với Phật giáo, giống như cái gọi là Pháp Luân Công, hoàn toàn sai lầm. Như vậy là tối thiểu có sáu hình thức khác

nhau, chúng ta đang học loại nào, phải hiểu rõ điều này! Do Chương Gia đại sư chỉ tôi đường lối này, dạy tôi hãy học về Thích Ca Mâu Ni Phật, tôi cũng rất vâng lời, hết sức tôn kính thầy, vâng lời thầy chỉ dạy. Sau đấy, không những thầy dạy tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, mà còn mong tôi hãy xuất gia, đi theo con đường của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tôi làm theo, chứng thực lời cụ Phương đã nói: "Học Phật là hưởng thụ tối cao trong đời người", thật là hạnh phúc sung sướng mỹ mãn. Có thử thách hay chăng? Thử thách hết sức nhiều, thử thách đều là khảo thí. Chúng ta học Phật, đối với người, đối với sự, đối với vật, phải vĩnh viễn giữ tấm lòng cảm ơn. Quý vị sẽ luôn gặp phải hủy báng, chướng ngại, thậm chí hãm hại, quý vị phải cảm ơn những người ấy. Vì sao? Họ đến khảo ta, ta đều có thể vượt qua, chẳng oán hận, chỉ cảm ơn. Vì lẽ gì họ chướng ngại ta như thế? Đại khái là do hai nguyên nhân: Một là trong đời quá khứ, có lẽ ta đã chướng ngại họ. Đấy là oan oan tương báo. Nay chúng ta hiểu rõ, giác ngộ, tiếp nhận quả báo này, hóa giải oan nghiệt ấy. Ta chẳng trả thù họ, mà cũng đừng nên oán hận họ. Một nguyên nhân khác là từ xưa đến nay, đây là điều chẳng thể tránh khỏi. Bị đố kỵ, chướng ngại là do bản thân chúng ta cư xử chẳng cẩn thận, thái độ chẳng khiêm tốn, khiến kẻ khác sanh lòng ghen ghét. Đó là ta sai, chẳng phải kẻ ấy sai, chúng ta cũng phải cảm ơn kẻ ấy. Trong Phật pháp, nơi đâu hữu duyên bèn đến đó, hữu duyên được gọi là "thời tiết nhân duyên". Cổ nhân Trung Quốc thường nói: "Nhân vô thiên nhật hảo, hoa vô bách nhật hương" (người chẳng tốt đẹp ngàn ngày, hoa chẳng thơm trăm bữa). Người và người ở chung với nhau, có thể ở chung ba năm, quý vị bèn chán ngán, nẩy sanh vấn đề. Chúng ta phải biết dè dặt, cẩn thận trong khởi tâm động niệm, lời lẽ, hành vi, phải lấy những lời chỉ dạy của Phật, Bồ Tát,

thánh hiền làm tiêu chuẩn ứng xử cho chúng ta, nghiêm ngặt tuân thủ, chắc chắn sẽ có ích. Đối với những kẻ thương tổn chúng ta, chúng ta dùng tâm tình báo ân để đối đãi, lâu ngày họ sẽ biết, biết rồi cũng sẽ hối cải, nhưng như thế nào? Nói xin lỗi là vấn đề thể diện! Chúng ta biết điều ấy, trong tâm kẻ ấy chẳng còn oán hận chúng ta, hóa giải rồi. Quý vị nói xem chuyện này có vui sướng lắm hay không, là chuyện tốt đẹp như thế đó! Bởi lẽ, trong thế gian hiện tại, oan oan tương báo quá nhiều, vì lẽ gì? Quý vị đối xử với người khác, chẳng ban bố ân đức, khó tránh kết oán với người khác. Nay vì sao con hiếu cháu hiền ít ỏi, quý vị ngẫm xem chính mình có bố thí ân đức đối người ngoài hay chăng? Bố thí ân đức mới có kẻ báo ân tìm đến. Bố thí tài vật mới có người tới trả nợ. Luôn luôn toan chiếm phần tiện nghi hơn người, đó là gì? Con cháu của quý vị là kẻ đến đòi nợ. Đâu đâu cũng ngạo nghễ, lấn áp người khác, như vậy là sẽ có kẻ tới báo oán. Phiền phức ở chỗ này. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này, đều là "tự làm, tự chịu". Mọi người đều là người tốt, tổ tiên dạy chúng ta "nhân tánh bổn thiện" (tánh con người vốn lành), Đại Thừa Phật pháp dạy chúng ta "tất cả chúng sanh vốn là Phật", chúng ta thấy người khác như thế nào? Chúng ta phải thấy người khác, hết thảy chúng sanh đều là Bồ Tát, đều là Phật, thật đấy, chẳng giả đâu! Vì sao Thiện Tài chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn trong một đời? Xưa kia, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, cũng bỏ ra không ít thời gian; đáng tiếc là khi ấy ngay cả máy thâu âm cũng chưa có. Tôi giảng kinh được một nửa bèn hiểu rõ, biết bí quyết thành tựu của Ngài chính là: Trong lòng Ngài, chúng sanh toàn là thiện tri thức, toàn là Phật, Bồ Tát,

cho nên Ngài thành tựu. Tôi quan sát cẩn thận, tìm ra thông tin này từ kinh điển: Thầy của Ngài là Văn Thù Bồ Tát. Ngài đắc Căn Bản Trí nơi Văn Thù Bồ Tát, mà cũng là đắc thanh tịnh tâm, đại triệt đại ngộ. Ngộ rồi khởi tu, khởi tu là gì? Khởi tu là sống. Văn Thù Bồ Tát bảo Ngài đi tham học, năm mươi ba lần tham học, tham học là gì? Tiếp xúc các tầng lớp trong xã hội, hết thảy mọi người mà quý vị tiếp xúc từ sáng đến tối toàn là Phật, toàn là Bồ Tát, chỉ có một mình ta là phàm phu. Ngài mang tâm thái như vậy, áp dụng toàn bộ những điều đã học từ chỗ thầy vào cuộc sống, áp dụng trong công việc, áp dụng trong xử sự, đãi người, tiếp vật. Khi thầy Phương giới thiệu kinh Hoa Nghiêm, đã bảo tôi: Kinh Hoa Nghiêm có lý luận viên mãn, có phương pháp thiện xảo, cuối kinh lại còn có biểu diễn. Năm mươi ba lần tham học là biểu diễn, quý vị thấy: Đem đạo lý và phương pháp áp dụng vào cuộc sống, công tác, vào xử sự, đối nhân xử thế cho quý vị thấy. Cụ nói bộ sách giáo khoa này, cụ quan niệm kinh Hoa Nghiêm là Phật học khái luận bậc nhất trên thế giới, tìm chẳng ra loại tài liệu giảng dạy thứ hai nào tốt đẹp như thế. Vì thế, vào tuổi xế chiều, lão nhân gia dạy Triết Học Hoa Nghiêm cho chương trình tiến sĩ ở đại học Phụ Nhân (đại

học của giáo hội Công Giáo) đúng là thỏa thích. Chúng tôi được thầy chỉ dạy, mới biết Phật pháp thù thắng khôn sánh. Phật pháp quả thật có thể giải quyết vấn đề của chính mình. Bản thân tôi có rất nhiều vấn đề, trong đời quá khứ chẳng tu phước báo. Số mạng có thật! Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, thấy tiên sinh Liễu Phàm được Khổng tiên sinh đoán mạng, suốt hai mươi năm chẳng sai mảy may: Thu nhập hàng năm, thứ tự đỗ đạt, địa vị đẳng cấp mỗi năm đã định trước trong số mạng. Trong cuộc sống hằng ngày, tiên sinh Viên Liễu Phàm chuyện gì cũng chẳng nghĩ tới, cùng thiền sư Vân Cốc ngồi trong Thiền Đường suốt ba ngày ba đêm, chẳng khởi một niệm. Loại người này rất ít, thiền sư Vân Cốc rất kinh ngạc, ba ngày ba đêm chẳng khởi một niệm, công phu này khá lắm! Liền hỏi ông ta: “Ông tu như thế nào?” Ông ta liền đáp lời, cũng rất thật thà: “Con chẳng có công phu gì! Số mạng đã được người khác đoán sẵn, khởi niệm vô ích, chẳng thà coi như xong, chẳng khởi niệm nữa!” Thiền sư Vân Cốc cười, bảo: “Ta ngỡ ông là thánh nhân, hóa ra ông vẫn là phàm phu”. Ông ta hỏi: “Sao thầy nói vậy?” Sư bèn giải thích. Đây là một người thật sự hiểu mạng vận, chẳng khởi vọng tưởng. Quý vị tin vào số mạng, hãy xem thiền sư Vân Cốc dạy ông Viên phương pháp sửa đổi số mạng. Số mạng của quý vị do đâu mà có? Do [các nghiệp nhân] trong đời quá khứ tạo thành. Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi; Ngài đã già, lớn hơn tôi ba mươi chín tuổi, khi ấy, tôi hai mươi sáu tuổi, lão nhân gia đã sáu mươi lăm tuổi. Sư đã gặp nhiều người. [Theo Sư nhận định], con người tôi ngoại trừ có chút thông minh nhỏ nhặt, trong số mạng chẳng có của cải, chẳng có địa vị, là kẻ bần tiện, có số ăn mày! Còn có một tí thiện căn, đây là điểm khó có: Biết tôn sư trọng đạo, hiếu thuận cha mẹ, thọ mạng chỉ được bốn mươi lăm tuổi, tôi tin tưởng [lời Sư]. Vì thế, Ngài giúp tôi, dạy tôi tu ba điều: Tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí, dạy tôi những điều này để sửa đổi số mạng. Tài bố thí thì tôi không có tiền, mỗi tháng bản thân chỉ có chút tiền lương, đời sống khá chật vật, tiền đâu để bố thí? Ngài hỏi tôi: Có cắc nào hay không? Một cắc cũng được! Một đồng có được hay không? Một đồng vẫn được! Anh hãy bố thí từ một cắc, một đồng, trước hết, phải có ý nguyện bố thí, có ý niệm ấy. Về sau, tôi thường đến chùa

miếu mượn kinh xem, chẳng có chi khác, chùa miếu có kinh sách, mua bên ngoài chẳng được. Thấy nhà chùa in kinh sách, bèn quyên góp một ít tiền, chúng ta bỏ ra năm mươi xu, hay một đồng đều được, làm từ chỗ này. Phóng sanh thì lúc tôi mới học Phật bèn phóng sanh, in kinh, đúng là càng thí càng nhiều, chẳng giả tí nào! Sau này, theo thầy Lý học kinh giáo, rồi đi giảng kinh. Giảng kinh là pháp bố thí. Đại khái, tôi giảng kinh mười một, mười hai năm, có lần gặp Cam Châu Hoạt Phật (Kanjurwa Khutughtu), vị này đã khuất, cũng là học trò của Chương Gia đại sư, cũng có địa vị rất cao trong Phật giáo theo truyền thống

Tây Tạng. Có một lần, Sư cho tôi biết: “Pháp sư Tịnh Không, thầy đến đây, tôi có lời muốn nói với thầy”. Tôi nói: “Thưa Phật gia, chuyện gì thế?” Tôi và Sư rất thân thuộc. Sư nói: “Chúng tôi phê bình sau lưng thầy”. Tôi hỏi: “Phê bình tôi điều gì?” Sư nói: “Thầy là người rất thông minh, cũng là một người tốt, rất đáng tiếc mạng thầy rất khổ, đoản mạng”. Tôi đáp: “Chuyện này có thể nói trước mặt mà! Tôi biết rất rõ, tôi đâu bận tâm chuyện này”. Sư nói: “Mấy năm nay, thầy giảng kinh công đức rất lớn, số mạng của thầy đã chuyển biến”. Tôi hỏi: “Thật sao?” “Thật đó! Thầy thọ mạng rất dài, phước báo rất lớn”. Tôi cũng chẳng cầu phước báo, cũng chẳng cầu tuổi thọ, thật đấy! Sư nói với tôi chuyện này xong, năm sau bèn vãng sanh, tôi không ngờ Sư vãng sanh nhanh như vậy! Vì thế, gặp được Phật pháp, vận mạng mới chuyển biến rất lớn, mỗi một lần bị vùi dập là một lần được tiến triển với mức độ lớn, đồng học ở cạnh tôi đều đích thân thấy điều này. Chúng ta học Phật chỉ có một sứ mạng: Mong cho chánh pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật tồn tại lâu dài, học đòi Thích Ca Mâu Ni Phật giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ. Phá mê khai ngộ bằng giáo học. Con người khổ nạn, xã hội gặp tai nạn là vì đâu? Đều do chúng sanh mê hoặc, điên đảo, tạo tác nghiệp bất thiện mà cảm vời. Làm thế nào để giúp chúng sanh, giúp xã hội hóa giải tai nạn? Dùng ngay biện pháp quen thuộc của Thích Ca Mâu Ni Phật, giảng kinh, dạy học. Bởi lẽ, người giảng kinh dạy càng đông, kẻ được giáo hóa càng nhiều, người giác ngộ càng lắm, nhiều vấn đề trong xã hội sẽ được giải quyết, cái gọi là “thiên tai” cũng dần dần bị hóa giải, chuyện này là thật, chẳng giả! Tiến sĩ Giang Bổn Thắng làm thí nghiệm trên nước, mới đây đã triệu tập một hội nghị tại Đông Kinh, có mời tôi. Tôi viết một bài diễn giảng, giao cho cư sĩ Chung Mậu Sâm thay tôi tham dự, báo cáo trong đại hội. Khoa học chứng minh ý niệm của chúng ta chẳng thể nghĩ bàn. Bởi lẽ, theo giáo pháp Đại Thừa, vũ trụ do đâu mà có? Vạn pháp do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Đức Phật nói rất rõ ràng: “Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Vì thế, chúng ta giải quyết vấn đề của chính mình, sẽ giải quyết vấn đề nơi hoàn cảnh. Đối với thiên tai trong môi trường hiện thời, Phật pháp đã dạy chúng ta một nguyên tắc chỉ đạo tối cao, tức là quý vị phải thật sự hiểu: “Tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm”. Chỉ cần chuyển biến cái tâm. Giáo học của Phật pháp không có gì khác, dạy bảo chúng ta hãy chuyển ác thành thiện, [thiện, ác] có tiêu chuẩn. Thập Thiện Nghiệp Đạo là tiêu chuẩn trong nhà Phật. Quý vị đừng coi thường mười điều này. Trong giáo pháp Tiểu Thừa, mười điều ấy được triển khai thành ba ngàn oai nghi; trong Đại Thừa Bồ Tát pháp, triển khai thành tám vạn bốn ngàn oai nghi, tức là mười điều này mở rộng thành tám vạn bốn ngàn điều, chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, tu Thập

Thiện viên mãn thì tám vạn bốn ngàn điều quý vị đều thực hiện, quý vị sẽ thành Phật! Đừng coi thường một trăm mười ba điều trong cuốn Đệ Tử Quy của Nho gia! Nếu triển khai thì chúng cũng thành tám vạn bốn ngàn điều, toàn bộ văn hóa truyền thống được thực hiện ngay trong đó. Do vậy, Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, thậm chí Tứ Khố Toàn Thư đều chẳng tách rời [những điều ấy]; mỗi một điều đều chẳng tách rời, đều giống với Thập Thiện Nghiệp Đạo. Mỗi một bộ kinh, mỗi một câu, mỗi một chữ trong Đại Tạng Kinh đều chẳng tách lìa Thập Thiện Nghiệp Đạo, một tức hết thảy, hết thảy tức một. Cũng vì hiện thời đúng là lúc tai nạn rất nhiều, cho nên tôi phát tâm tạm ngừng giảng kinh Hoa Nghiêm từ một năm tới hai năm để lần này giảng bộ kinh này. Trong quá khứ, tôi đã giảng kinh Vô Lượng Thọ mười lần, nhưng lần này, tôi chẳng giảng kinh mà giảng chú giải, giảng chú giải của ai? Giảng bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Hoàng lão cư sĩ với tôi là bạn bè, mà cụ cũng là thầy của tôi. Cụ có cùng vai vế với thầy tôi. Lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam là học trò của đại sĩ Mai Quang Hy. Mai đại sĩ và cụ Hạ Liên Cư là sư huynh, sư đệ, bạn bè hết sức thân thiết. Cụ Hoàng Niệm Tổ là cháu gọi cụ Mai Quang Hy bằng cậu, là học trò cụ Hạ Liên Cư. Do trước kia chưa từng gặp mặt, nhưng tôi từng nghe cụ Lý nhắc đến tên cụ Hoàng, có chút ấn tượng như thế đối với cụ Hoàng Niệm Tổ. Thuở ấy, năm 1986, tôi là hội trưởng của Hoa Phủ Phật Giáo Hội tại Washington, Mỹ quốc. Các đồng tu tới bảo tôi: Họ tính mời một vị thượng sư Mật Tông sang Mỹ hoằng pháp. Khi đó, tôi nghe xong, không cho là đúng: “Chúng ta là Tịnh Độ Tông, chớ nên dính dáng môn phái khác!” Tôi nói: “Chúng ta thâm nhập một môn, trường thời huân tu”. Tôi hỏi họ: “Vị đại đức Mật Tông ấy là ai thế?” Họ thưa: “Hoàng Niệm Tổ”. Trong đầu tôi có ấn tượng về Hoàng Niệm Tổ, tôi nghĩ mãi mới ra, tôi hỏi: “Có phải ông ta là cháu cụ Mai Quang Hy hay chăng?” Họ đáp: “Đúng vậy”. Tôi bảo: “Hãy thỉnh ông ta sang”. Thầy Lý đã nói đến vị này mấy lần, tôi tưởng cụ là người lớp trước, đã tịch rồi, [nào ngờ] cụ vẫn còn trong nhân gian, rất khó có! Những điều cụ giảng là chân truyền, không có vấn đề gì! Vị này được đích thân cụ Mai và cụ Hạ uốn nắn, dạy dỗ, tôi nói: “Vị đại đức này khó có, quý vị hãy thỉnh cụ đến đây”. Thỉnh cụ đến như thế đó. Thỉnh đến rồi mới biết, cụ hoằng dương bản hội tập này trong nước, tôi hoằng dương tại hải ngoại. Cụ nghe nói xong, hai người chúng tôi hết sức cao hứng. Điều hết sức khó có là khi ấy, cụ vừa viết xong bản chú giải, in bằng ronéo, chữ in lờ mờ, chẳng rõ ràng. Chúng ta biết: In thứ gì bằng ronéo, nhiều nhất là không hơn một trăm bản. In hơn một trăm bản, giấy sáp (stencil) sẽ chẳng thể dùng được nữa. Cho nên cụ mới phải dùng bản in như vậy. Đương nhiên, bộ sách cụ mang sang Mỹ, nhất định là chọn bản in

tương đối rõ ràng một chút để tặng cho tôi; tôi đọc xong, hết sức hoan hỷ. Cụ mong tôi viết lời tựa, do vậy, lời tựa [bộ chú giải ấy] là do tôi viết. Trước kia, tôi sang Bắc Kinh, sang vài lần, toàn là đến gặp cụ, vì gặp cụ mà sang đó. Mỗi một lần sang đó, chúng tôi đều có một khoảng thời gian rất dài để thảo luận các vấn đề Phật pháp. Cụ dạy tôi rất nhiều; do vậy, chúng tôi là bạn bè thân thiết, mà cụ cũng là thầy tôi, tôi cũng cảm kích ân đức của cụ. Bản hội tập này của cụ Hạ đâu phải là dễ có, phàm phu làm sao có thể làm được! Các lần hội tập trong quá khứ, [các bản hội tập của] Vương Long Thư, Ngụy Mặc Thâm, hay tiết bản (bản trích lục, phân chia thành chương đoạn) của Bành Tế

Thanh đều có vấn đề, vẫn chưa thể coi là bản tận thiện tận mỹ. Đọc bản này, nếu quý vị xem lời tựa rất dài của cư sĩ Mai Quang Hy, [sẽ thấy cụ Mai] viết hết sức rõ ràng. Do vậy, ở Đài Trung, sau khi bản này truyền đến Đài Trung, thầy Lý đã giảng kinh này một lượt. Khi ấy, kinh chưa có chú giải, chính cụ Lý dùng bút lông viết lời mi chú3 kỹ càng, đầy đủ. Khi cụ giảng bộ kinh này, tôi còn chưa đến Đài Trung, chưa được nghe, nhưng cụ đem bản mi chú này trao cho tôi, tôi có thể đọc hiểu; dùng bản này, tôi cũng có thể giảng, có năng lực này. Do vậy, khi đó, chúng tôi đã tính giảng bộ kinh này, trình lên thầy. Thầy bảo chưa được, chưa đến lúc, chưa đến thời tiết nhân duyên. Vì thế, các đồng tu ở Đài Bắc đã in kinh xong, nhưng rốt cuộc đổi sang giảng kinh Lăng Nghiêm; tôi ở Đài Bắc, trước sau đã đem kinh Lăng Nghiêm học được từ lão nhân gia giảng bảy lần. Do nguyên nhân gì? Đố kỵ, chướng ngại. Tại Đài Loan, mọi người có thành kiến đối với cụ Hạ, đối với thầy Lý cũng có thành kiến, nên thầy bảo tôi hãy tránh né. Đến khi lão nhân gia vãng sanh, tôi ở Mỹ, nghĩ thầy đã cho tôi bản này, rất nhiều người chưa thấy bản này, tôi liền phát tâm in một vạn cuốn. Năm sau, tức năm 1987, in xong xuôi, bèn cho lưu thông, tại ngoại quốc, các đồng học ở Mỹ thấy bản này hết sức thích thú, liền thỉnh tôi giảng giải. Vì thế, tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ lần đầu tiên tại Vancouver, Gia Nã Đại. Lần thứ hai, tại thành phố San Francisco. Trước sau, giảng tất cả mười lần, kinh mới được giảng giải, lưu thông như vậy. Lần này tôi mang theo nguyên bản kinh này, tặng cho ông Hồ Tiểu Lâm làm kỷ niệm. Ông ta cũng thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, số lần đọc tụng rất nhiều. Từ nay về sau, chúng ta phải vĩnh viễn lưu truyền kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta cảm tạ ân đức hội tập của cụ Hạ, cảm tạ cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nhọc lòng chú giải bộ kinh này. Vì thế, lần này, tôi phát tâm giảng bản chú giải của cụ, gọi là Diễn Nghĩa. Quý vị thấy kinh Hoa Nghiêm có Diễn Nghĩa, đối với kinh Di Đà, Liên Trì đại sư có tác phẩm Sớ Sao. Học trò của Liên Trì đại sư lại chú giải Sớ Sao gọi là Diễn Nghĩa. Đại khái, đối với diễn nghĩa, các vị có khái niệm sâu nhất, như là tiểu thuyết Tam Quốc Diễn Nghĩa. Chúng ta dùng phương pháp này để cùng nhau học tập, học tập nhằm thâm nhập, thấu triệt, theo

phương pháp giống như ông Hồ Tiểu Lâm học tập tác phẩm [Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ] Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, từng câu, từng chữ chúng tôi đều giảng rõ ràng. Trong những năm qua, chúng tôi gặp nhiều người thuộc giới học thuật, tôi tiếp xúc rất nhiều, đặc biệt là đối với sinh viên đại học hiện thời, cảm thấy họ không giống thuở trước. Xưa kia, khi tôi dạy tại đại học, sinh viên kể ra cũng khá lắm. Khi lên lớp, chúng tôi đã không theo cách dạy thời cổ, mà là giảng giải, giảng hai tiếng đồng hồ, sinh viên thường rất yên lặng lắng nghe. Trong nhà trường hiện thời, không thể làm như vậy được! Sức chú ý của học sinh trong nhà trường hiện thời đại khái chỉ có mười lăm phút. Sau mười lăm phút, họ sẽ không để tâm nữa. Do vậy, tôi thường đem chuyện này hỏi các giáo sư: “Quý vị dạy trong trường, dạy như thế nào?” Họ nói: “Giảng bài mười lăm phút”. Sau đó thì sao? Sau đó là nói chuyện phiếm, dùng phương pháp này cho qua thời gian. Chúng tôi thấy điều này hết sức khó chịu, cũng là do học sinh tánh khí hời hợt. Nói cách khác, đời chúng nó thiếu mục tiêu, thiếu phương hướng, mù quáng, hiện tượng này rất đau xót. Bởi vậy, tôi nghĩ tới hai câu nói của Khổng phu tử, hôm nay tôi đặc biệt nêu ra hai câu này: “Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”. Dùng hai câu nói này làm thái

độ học vấn, rất hay! “Thuật nhi bất tác” là gì? Không sáng tạo, không phát minh. Phu tử tự nói sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền cả đời Ngài toàn là những thứ do cổ thánh tiên hiền đã nói, không có gì là của chính mình! Chúng ta có tin được hay chăng? Tôi học Phật nhiều năm như thế mới tin tưởng, đặc biệt là đối với những điều được nói trong kinh Hoa Nghiêm và bộ Hoàn Nguyên Quán, vì sao? Cổ thánh tiên hiền đều kiến tánh, thật sự minh tâm kiến tánh. Tôi từng hỏi thầy Lý, tôi nói: “Thưa thầy! Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Trang có phải là Phật, Bồ Tát tái lai hay chăng?” Thầy mỉm cười, bảo tôi: “Nói theo Lý thì được, nhưng trên mặt Sự thiếu chứng cứ”. Phẩm Phổ Môn nói “nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy”, nhưng họ chẳng bộc lộ thân phận. Vì thế, chúng ta có thể nói theo Lý thì thông suốt, họ đều là bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Kiến tánh sẽ viên mãn, quý vị chẳng thể thêm hay bớt chút nào, luôn là viên mãn. Người ấy chứng viên mãn, mà quý vị minh tâm kiến tánh cũng chứng viên mãn. Do vậy, hai chữ Như Lai có một cách giải thích: “Như Lai giả, kim Phật như cổ Phật chi tái lai” (Như Lai là Phật hiện tại giống như cổ Phật trở lại), giống như nhau, cho nên nói: “Những điều ta nói đều giống như cổ nhân đã nói”. Đúng vậy, chẳng sai tí nào! Tự - Tha bất nhị. Vì vậy, đùn trách nhiệm cho lời cổ nhân nói, chính mình chẳng có sáng tạo, phát minh, đó là khiêm hư. Bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, khiêm hư là bậc nhất. Quý vị thấy trong sáu mươi bốn quẻ [của kinh Dịch] có câu: “Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích” (Tự mãn sẽ chuốc lấy tổn hại, khiêm

tốn được lợi ích). Trong sáu mươi bốn quẻ, chỉ có quẻ Khiêm là “lục hào giai cát” (sáu hào4 đều tốt lành). Tâm con người hiện thời hời hợt, bộp chộp, chẳng khiêm hư; do vậy, chẳng những không thể tiếp nhận thánh giáo, mà học thuật thế gian cũng chẳng thể thành tựu. Hiện tại, tìm chẳng ra những nhà văn học giống như thời Đường, Tống, Nguyên, Minh. Vì thế, “thuật nhi bất tác” rất quan trọng! “Tín nhi hiếu cổ”: Đối với những trước tác của cổ nhân, thành tâm tin tưởng, một chút hoài nghi cũng chẳng có. Ưa chuộng cổ nhân, vui thích những giáo huấn của cổ nhân, những thứ ấy đã trải qua bao nhiêu thử thách, chịu đựng nổi khảo nghiệm, bị thời gian lẫn con người khảo nghiệm mà vẫn có thể lưu truyền tới nay, chứng tỏ chúng có giá trị, chúng ta phải tôn trọng, nghiêm túc, nỗ lực học tập. Quý vị thấy Phật pháp nói theo Lý rất đơn giản, chúng sanh và Phật chẳng khác, khác nhau ở chỗ nào? Mê hay ngộ. Phật, Bồ Tát đã giác ngộ, chúng sanh chưa giác ngộ, mê rồi! Do vậy, Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh, giúp gì? Giúp họ phá mê khai ngộ, giúp họ “vọng tận, hoàn nguyên” (hết vọng, trở về nguồn), đấy là giáo dục. Giúp họ hoàn nguyên, giúp họ chứng đắc Bồ Tát, chứng đắc Phật, có công đức hay không? Chẳng có công đức. Vì sao? Họ vốn là Phật, vốn là Bồ Tát. Giác ấy là Bổn Giác, Bổn Giác vốn có. Quý vị mới biết những bậc đại thánh đại hiền giúp người, tâm địa thanh tịnh lắm, thật sự chẳng nhiễm mảy trần, chẳng có vọng niệm nào. Nếu tôi giúp quý vị như thế là có ân đối với quý vị. Đấy là vọng niệm, không có [vọng niệm ấy]! Chẳng có mảy may nào! Cho nên các Ngài thanh tịnh, tự tại, chúng ta nhất định phải hiểu điều này! Hiện thời, con người hiểu lầm Phật giáo rất sâu, khi chúng ta giảng giải, phải đặc biệt giảng rõ ràng. Người Ấn Độ nói Phật, người Hán nói “thánh nhân”. Phật nghĩa là gì? Nghĩa là giác ngộ. Thánh () là gì? Thánh có nghĩa là hiểu rõ! Hiểu rõ chẳng phải là giác ngộ ư? Giác ngộ chẳng phải là hiểu rõ ư? Bởi lẽ, Tự -

Tha là một, chẳng hai. Chúng ta xưng tụng Khổng Tử là Chí Thánh Tiên Sư, chúng ta cũng có thể xưng tụng Phật giống như vậy: "Chí Thánh Bổn Sư". Dùng cách xưng hô như vậy, mọi người sẽ chẳng cảm thấy mê hoặc, sẽ không nói Phật giáo là tôn giáo. Chí Thánh Bổn Sư, về căn bản là một bậc thầy. Các Ngài đều dạy chúng ta "thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ". Hai câu nói này của Khổng Tử được chép trong sách Luận Ngữ, còn hai câu này của Phật được ghi ở nơi đâu? Trong kinh Hoa Nghiêm, [tức là trong lời giảng về] tựa đề của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư bảo đức Phật còn nói viên mãn hơn Khổng Tử. Ngài nói đức Thế Tôn từng bảo hết thảy các kinh do lão nhân gia đã nói trong bốn mươi chín năm đều do cổ Phật đã nói; đối với các kinh do cổ Phật đã nói, đức Phật chẳng nói thêm một chữ nào, "thuật nhi bất tác", Ngài nói đến mức độ ấy, đúng hay không? Đúng! Vì sao? Phật hiện tại và cổ

Phật chẳng khác, sở chứng của Phật hiện tại là sở chứng của cổ Phật, sở thuật của Phật hiện tại là sở thuật của cổ Phật, chẳng khác nhau! Như vậy thì chúng ta thực hiện hai câu này ra sao? Thực hiện trong lần này. Đây là lần thứ mười một tôi giảng bộ kinh này, dùng Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa, hoàn toàn dựa theo bản chú giải của thầy Hoàng Niệm Tổ. Chúng ta báo ân, báo ân cụ Hạ đã vì chúng ta hội tập một bộ sách viên mãn như vậy, hy hữu khó gặp gỡ! Tôi tin cụ Hạ chẳng phải là người thường, mà là bậc tái lai. Tôi từng hỏi cụ Hoàng. Cụ Hoàng khẽ gật đầu, bảo: "Chớ nên nói điều này với người ngoài". Chúng tôi biết, trong tâm hiểu rõ: Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng không phải là người tầm thường, trong hoàn cảnh khó khăn như thế mà viết ra một bộ chú giải như vậy, quá khó có! Sưu tập lắm tài liệu như thế. Tôi đã đến nhà cụ vài lần, thấy các tài liệu chất đống trong thư phòng. Quả thật là Tam Bảo gia trì, gần như cụ nghĩ đến thứ gì, đều có người tặng cho. Người tầm thường có thể được như vậy hay chăng? Bộ kinh hay như thế, bản chú giải tuyệt như thế, nếu chúng ta chẳng sốt sắng học tập, sao chẳng phụ lòng cụ Hạ? Sao chẳng khiến cụ Hoàng thất vọng? Sao khỏi phụ lòng Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này? Báo ân Phật, báo ân thầy, báo ân quốc gia, báo ân chúng sanh, chúng ta dùng phương pháp diễn nghĩa này cũng là nghiêm túc, cẩn thận học tập. Đó là nhân duyên giảng kinh lần này. Trong thời đại này, phương thức báo ân cụ thể là phải dùng phương pháp này, chúng tôi làm trước tiên. Hôm nay đã hết thời gian, chúng ta học tập tới đây. Ngày mai, chúng ta sẽ bắt đầu học từ phần Tiền Ngôn (lời mở đầu). À! Cám ơn mọi người.

---o0o---

Tập 02

Thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin ngồi xuống. Xin hãy xem Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giải. Ba chữ Hội Tập Bản chẳng cần đến, từ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giải bèn có thể hiểu rõ. Chúng ta dùng bản này do lão cư sĩ Hạ Liên Cư ở huyện Vận Thành, tỉnh Sơn Đông hội tập, người chú giải là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Cụ Hoàng cũng là một vị Kim Cang Thượng Sư bên Mật Tông. Chú giải có tất cả bốn quyển, nay chúng ta in thành một tập. Bản quý vị vừa xem, tức là bản tôi đang cầm đây được chỉnh lý vào năm ngoái. Bản này được lưu thông rất nhiều, trong ngoài nước, hồi mười năm trước, chúng tôi in lần đầu

một vạn bản. Sau này, gần như hàng năm đều có số lượng bản in tương đương được lưu thông. Xin xem quyển thứ nhất. Chúng ta học tập

lần này, hoàn toàn học tập bản chú giải của cụ Hoàng. Chúng ta báo đáp vị lão nhân này lúc tuổi già đã một phen khổ tâm, kế thừa hoằng nguyện của thầy, mong muốn Tịnh Tông được vĩnh viễn truyền thừa. Trong ngày hôm qua, chúng tôi đã báo cáo nhân duyên này với quý vị. Hôm nay chúng ta xem quyển thứ nhất. “Tùng tiền ngôn, khái yếu, chí chánh thích kinh văn đệ nhất phẩm chí đệ tam phẩm” (Từ lời nói đầu, phần khái yếu cho tới phần giải thích chánh kinh từ phẩm thứ nhất tới phẩm thứ ba), cho biết nội dung quyển thứ nhất là giảng đến phẩm thứ ba [của chánh kinh]. Cả bộ kinh có bốn mươi tám phẩm. Trước hết, chúng ta xem phần thứ nhất là Tiền Ngôn (lời nói đầu). “Phù Tịnh Độ pháp môn giả, nãi Nhất Thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng quy, tam căn phổ bị, phàm thánh tề thâu, hoành siêu tam giới, kính đăng tứ độ, cực viên cực đốn, bất khả tư nghị chi vi diệu pháp môn dã” (Pháp môn Tịnh Độ là Nhất Thừa liễu nghĩa, muôn điều thiện cùng quy vào, độ khắp ba căn, phàm lẫn thánh đều được tiếp độ, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, mau chóng vượt lên bốn cõi, cực viên, cực đốn, là pháp môn vi diệu chẳng thể nghĩ bàn). Đoạn mở đầu này là một tiểu đoạn nhằm tán thán Tịnh Độ, tán thán Tịnh Độ đến tột bậc. Có đúng là như vậy hay chăng? Phật Thích Ca giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, trong bốn mươi chín năm nói rất nhiều kinh, bộ kinh nào trọng yếu nhất, kinh nào là kinh bậc nhất? Chúng ta nghĩ như vậy, chẳng biết cổ nhân đã sớm có cách nói như vậy. Trong thời đại Tùy - Đường, các vị đại đức phương Đông lẫn phương Tây, phương Đông là những cao tăng, tổ sư đại đức Trung Quốc, phương Tây là các vị đại sư từ Ấn Độ sang phương Đông truyền đạo, dịch kinh. Trong đó, còn bao gồm các đại đức Nhật Bản hay Hàn Quốc tới học ở Trung Quốc. Sau đó, họ trở về nước, đều thành bậc tông sư trong nước mình, như mười ba tông phái của Nhật Bản5 đều từ Trung Quốc truyền sang. Đi về phương Nam còn bao gồm Việt Nam; do vậy, Phật giáo Việt Nam cũng từ Trung Quốc truyền sang. Thuở ấy, có tổ sư đại đức nêu ra câu hỏi như thế này: Trong các bộ kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào có thể đại diện cho kinh giáo cả một đời đức Thế Tôn? Các vị đại đức gần như đều công nhận Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, mọi người công nhận. Bất luận tông, phái nào cũng đều thừa nhận. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm biến thành căn bản pháp luân trong Phật pháp, giống như một cây to, đây là cội, đây là rễ, tất cả các chi phái đều từ căn bản này mà phát triển ra. Lại truy cứu đến chỗ cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm là căn bản, chỗ quy túc cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Đây là khí tượng6 như thế nào? Bổn Sư của thế giới Hoa Tạng là Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Văn Thù, Phổ Hiền giúp Tỳ Lô Giá Na Phật giáo hóa chúng sanh, họ là hai đại đệ tử

thủ lãnh trong hàng đệ tử. Văn Thù chủ trì Giải Môn, tượng trưng cho trí huệ; Phổ Hiền chủ trì Hạnh Môn, tượng trưng cho tu chứng. Một đằng là Hạnh Môn, một đằng là Giải Môn. Đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát, kinh Hoa Nghiêm lấy Thiện Tài đồng tử làm đại biểu, dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Qua kinh điển, chúng ta thấy hai vị Bồ Tát này: Văn Thù là thầy của bảy vị Phật, học trò đều thành Phật, nhiều người đã

thành Phật, lão nhân gia vẫn giữ thân phận Bồ Tát, vẫn phù tá Tỳ Lô Giá Na Phật dạy dỗ hàng Pháp Thân đại sĩ, từ bi đến tột bậc! Đây gọi "đảo giá Từ hàng" (thả chiếc bè Từ). Ngài đã thành Phật, bèn lui xuống địa vị Bồ Tát, điều này có ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu. Phật dạy chúng sanh chẳng dễ, vì sao? Phật tượng trưng cho bản thể, tượng trưng Pháp Tánh. Pháp Tánh không có tướng, Pháp Tánh là gì? Pháp Tánh là Thường Tịch Quang. Chúng ta gọi cõi cao nhất trong bốn cõi Tịnh Độ là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, "thường tịch" chỉ Pháp Tánh. Thường Tịch Quang chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần; cả hai phương diện này đều chẳng bàn luận được, do không có cách nào, nên gọi nó là Thường Tịch Quang. "Thường" là vĩnh hằng bất biến, chữ Thường mang ý nghĩa này! "Tịch" là thanh tịnh tịch diệt. Quý vị thấy Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã kiến tánh, câu nói đầu tiên là: "Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh", Tịch mang ý nghĩa này. Diệt là gì? Diệt là diệt hết thảy phiền não. Kinh Hoa Nghiêm gọi phiền não là "vọng tưởng, phân biệt, chấp trước". Trong giáo pháp Đại Thừa, vọng tưởng được gọi là Vô Minh phiền não, hoặc gọi là Căn Bản Vô Minh, phân biệt được gọi là Trần Sa phiền não; kinh Đại Thừa gọi chấp trước là Kiến Tư phiền não. Danh xưng khác nhau, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Đối với những điều kinh Hoa Nghiêm đã nói, chúng ta hiểu dễ dàng, nhưng rất khó thể hiểu nổi ý nghĩa chân thật, chúng ta hiểu theo kiểu nuốt trộng quả táo. Do vậy, Căn Bản Vô Minh, Trần Sa, Kiến Tư như kinh Đại Thừa đã nói chẳng dễ hiểu cho lắm, nhưng giảng giải sẽ trở nên dễ lý giải hơn. Do vậy, chúng ta biết: Những danh từ thuật ngữ trong kinh giáo là bất định, đức Phật chẳng có pháp nhất định để nói. Do vậy, chúng ta "y nghĩa, chẳng y ngữ", quý vị phải hiểu ý nghĩa của chúng, đừng chấp trước nơi ngôn ngữ, văn tự, danh tướng, đều chẳng cần chấp trước. Hiểu những ý nghĩa được tượng trưng bởi chúng là được rồi! Do vậy, chúng ta học Phật, phải biết tư tưởng trung tâm trong giáo pháp suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật là gì? Là Tịnh Độ. Trong hội Hoa Nghiêm, ta thấy Văn Thù, Phổ Hiền suất lãnh bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ của thế giới Hoa Tạng, từ Sơ Trụ Bồ Tát đến Thập Địa Bồ Tát, kể cả Đẳng Giác là bốn mươi mốt địa vị; Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa bốn mươi địa vị, thêm địa vị Đẳng Giác, là bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, đến nơi đâu? Đến thế giới Cực Lạc, lễ bái A Di Đà

Phật. Quý vị hãy suy ngẫm cảnh giới này, sẽ thấy Tỳ Lô Giá Na Phật có lòng độ lượng rất lớn! Nếu nói theo chúng ta hiện thời, chúng ta theo một vị thầy, nghiễm nhiên phát hiện một vị thầy tốt đẹp, bèn dẫn hết các đồng học sang chỗ vị thầy kia, trong lòng vị thầy này sẽ nghĩ như thế nào? Chẳng phải là rất khó chịu ư? Đó là phản thầy, nghịch đạo! Không những Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng phản đối, mà Tỳ Lô Giá Na Phật còn vui vẻ: "Tốt! Các quý vị sang đó hay lắm! Sang gặp A Di Đà Phật". Vì sao? A Di Đà Phật và Tỳ Lô Giá Na Phật bất nhị, là một, chẳng hai. Vì sao sang thế giới Cực Lạc? Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật có phương tiện thiện xảo, giúp quý vị tu hành chứng quả, rút ngắn thời gian rất nhiều. Trong thế giới Hoa Tạng, chúng ta nói về bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn phải mất thời gian bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp là nói như thế này: Chẳng phải là tính từ hiện tại, chẳng phải vậy! Mà bắt đầu tính từ lúc quý vị minh tâm kiến tánh, chưa minh tâm kiến tánh chẳng tính! Minh tâm kiến tánh là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo hay Sơ Địa Bồ Tát

trong Biệt Giáo, bắt đầu tính từ ngày đó, cần thời gian dài ngần ấy. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sao? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một ngày bèn viên mãn, đó gọi là gì? Niệm và kiếp viên dung chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, quý vị nói xem: Thế giới Cực Lạc rất thù thắng! Cho nên, cổ đại đức bảo: Khi truy cứu [đâu là] tột đỉnh của Phật pháp, từ Hoa Nghiêm chúng ta truy tới Vô Lượng Thọ, kinh Hoa Nghiêm tới cuối cùng trở về kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ chuyên giảng thế giới Cực Lạc. Kinh Vô Lượng Thọ có chín bản, có thể nói bản này của lão cư sĩ Hạ Liên Cư là bản hay nhất; trong năm bản dịch, bản này được coi là bản hoàn chỉnh nhất, đây là công trình tổng hợp hoàn thiện năm bản dịch gốc. Từ đời Tống trở đi, đã có người muốn làm chuyện này, Vương Long Thư hoàn thành đầu tiên. Trong phần sau, chúng tôi sẽ báo cáo tỉ mỉ. Ông ta hội tập khá lắm, nhưng vẫn có tỳ vết, chưa phải là tận thiện, tận mỹ. Về sau, trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm hội tập lần thứ hai, đương nhiên hay hơn bản của Vương Long Thư. Vương Long Thư chỉ đọc bốn bản dịch gốc, còn Ngụy Mặc Thâm xem trọn năm bản dịch gốc, hội tập cũng khá, nhưng vẫn chưa tận thiện, tận mỹ, trong ấy có vấn đề. Mãi cho tới cuối cùng, đầu thời Dân Quốc, lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập lần thứ ba. Rất lạ lùng, ba lần hội tập đều là tại gia cư sĩ, tại gia Bồ Tát, cho thấy pháp môn Tịnh Độ có duyên vô cùng thù thắng với kẻ tại gia, cho nên ba lần hội tập đều do hàng tại gia. Trong ấy, có nghĩa thú biểu thị pháp sâu xa, thành tựu thù thắng khôn sánh, trong những phần sau chúng ta sẽ thấy những điều này. Mở đầu, cụ Hoàng giới thiệu với chúng ta, cụ bảo pháp môn này là Nhất Thừa Liễu Nghĩa. Kinh Nhất Thừa là gì? Chúng ta thường thấy Nhị

Thừa, Nhị Thừa là Đại Thừa và Tiểu Thừa, đó gọi là Nhị Thừa. Tam Thừa là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa, tức là tách Tiểu Thừa thành Thanh Văn và Duyên Giác. Thanh Văn là A La Hán, Duyên Giác là Bích Chi Phật. Tách [Tiểu Thừa] thành hai, Bích Chi Phật cao hơn A La Hán một chút. Đó là Tam Thừa. Trong kinh Pháp Hoa, đức Thế tôn đã nói rõ chư Phật Như Lai ứng hóa trong thế gian này để giáo hóa chúng sanh. Phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa có nói: “Thập phương Phật độ trung, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết” (Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng không ba, trừ Phật nói phương tiện). Bài kệ này hết sức trọng yếu, nói cách khác, đức Phật giảng Tam Thừa hay giảng Nhị Thừa là nói phương tiện; nói chân thật thì sao? Nói chân thật là pháp Nhất Thừa. Nhất Thừa là Phật thừa, nói cách khác, pháp môn này nhằm dạy người ta thành Phật, lại còn thành Phật ngay trong một đời; đó là pháp Nhất Thừa. Đại Thừa là thành Bồ Tát, trong một đời này, quý vị tu đến quả vị tối cao là Bồ Tát; đó là Đại Thừa. Nếu trong đời này, quý vị tu thành A La Hán hay tu thành Bích Chi Phật thì là Tiểu Thừa. Giống như chúng ta đi học, Nhất Thừa là gì? Nhất Thừa là lớp Tiến Sĩ nghiên cứu sinh. Trong đời này, quý vị đạt được học vị (degree) tối cao, Đại Thừa là lớp Thạc Sĩ (Cao Học, Master), Tiểu Thừa là Học Sĩ (Cử Nhân, Bachelor). Tốt nghiệp Đại Học là Học Sĩ. [Tam Thừa] là danh xưng của ba loại học vị trong Phật môn, cần phải biết điều này! Pháp môn nào có thể chứng đắc Phật quả rốt ráo trong một đời sẽ gọi là Nhất Thừa, pháp môn ấy cũng là pháp môn Nhất Thừa, kinh ấy cũng là kinh Nhất Thừa. Trước hết, chúng tôi giảng chữ Nhất Thừa theo cách giải thích thông thường trong kinh Phật:

Thừa () là ví như cỗ xe, cổ nhân dùng xe làm tỷ dụ. Đại Thừa là cỗ xe lớn. Thời cổ, xe lớn là xe ngựa. Xe ngựa to, có thể ngồi được nhiều người. Tôi nhớ lúc nhỏ đi học tại Nam Kinh, đi học bằng xe ngựa, một cỗ xe ngựa chở được bao nhiêu học trò? Mười bốn đứa, ngồi xe ngựa đi học. Sau khi Kháng Chiến thắng lợi, xe ngựa vẫn còn. Sau khi Kháng Chiến thắng lợi, nhằm năm Dân Quốc 34 hay năm Dân Quốc 35 (1946), tôi học tại Nam Kinh, thuở ấy xe ngựa rất nhiều, xe bus không nhiều lắm. Tiểu Thừa là xe dê hay xe nai. Xe dê hay xe nai khá nhỏ, chỉ ngồi được một, hai người. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật dùng điều này làm tỷ dụ. "Thừa" có nghĩa là chuyên chở. "Phật thuyết Nhất Thừa chi pháp, vị linh chúng sanh, y thử tu hành, xuất ly sanh tử khổ hải, vận chí Niết Bàn bỉ ngạn" (Phật nói pháp Nhất Thừa để làm cho chúng sanh nương theo pháp này tu hành, thoát khỏi biển sanh tử, chở đến bờ Niết Bàn bên kia). Niết Bàn này là Niết Bàn rốt ráo. Niết Bàn của Tiểu Thừa cũng gọi là Niết Bàn, nhưng là Thiên Chân Niết Bàn. Tiểu Thừa thoát sanh tử là thoát khỏi sự sanh tử

trong lục đạo luân hồi, cho nên họ chứng đắc Thiên Chân Niết Bàn. Đại Thừa lìa hai thứ sanh tử: Loại thứ nhất là Phần Đoạn sanh tử, nay [thọ mạng của] chúng ta là từng thời kỳ, từng giai đoạn một. Loại thứ hai là Biến Dịch sanh tử. Biến Dịch sanh tử chẳng dễ hiểu. Ví như chúng ta đi học, chúng ta học lớp Một; học lớp Một xong, năm sau lên lớp Hai, lớp Một đã chết, lớp Hai bèn sanh, mang ý nghĩa này. Nói lên điều gì? Chúng ta đang đi trên đường Bồ Đề, bất luận là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Tiểu Thừa có tám địa vị, theo kinh Hoa Nghiêm, Đại Thừa có bốn mươi mốt địa vị. Quý vị tiến lên từng bước một, vừa rời khỏi địa vị dưới, lên địa vị trên, bèn gọi là Biến Dịch. Biến Dịch chẳng phải là sanh tử thật sự. Vì sao dùng [danh từ] sanh tử? Sanh tử khổ lắm! Quý vị leo lên một lớp cũng rất khổ cực, phải làm bài tập, chẳng dễ gì lên lớp. Do vậy, quý cũng phải nếm những nỗi khổ sở, mới có thể tiến cao hơn. Quý vị thấy một người từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, học tới nghiên cứu sinh, cũng phải học mất hai mươi mấy năm. Quý vị phải hứng chịu rất nhiều khổ sở mới có thể giành được học vị; đó là Biến Dịch sanh tử. Từ A La Hán trở lên, đã thoát khỏi lục đạo.Trong lục đạo có cả hai loại [sanh tử], Biến Dịch cũng có, mà Phần Đoạn cũng có. Ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới. Trong tứ thánh pháp giới có Biến Dịch, nhưng không có Phần Đoạn sanh tử. Trong lục đạo có nỗi khổ sanh tử, ngoài lục đạo chẳng có, nhưng có Biến Dịch. Tu hành cũng chẳng phải là chuyện rất dễ dàng, cũng phải nghiêm túc, nỗ lực, tinh tấn, lại còn phải buông xuống phân biệt, buông bỏ tập khí phân biệt, rồi buông vọng tưởng xuống. Buông vọng tưởng xuống, mười pháp giới chẳng còn, bèn đạt tới Nhất Chân pháp giới, đạt đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Đức Thế Tôn đã có mục tiêu thật sự là mong cho hết thảy chúng sanh mau chóng thành Phật giống như Ngài; nhưng căn tánh của chúng sanh không giống nhau, mê hoặc có sâu hay cạn, tập khí khác nhau. Mê sâu, tập khí nặng, sẽ chẳng thể tiếp nhận pháp Đại Thừa, nên [đức Phật] bèn dùng pháp phương tiện. Ví như thầy và cha mẹ chúng ta đều mong chúng ta đạt được học vị Tiến Sĩ, nhưng học vị Tiến Sĩ chẳng dễ gì đạt được, làm cách nào đây? Mở trường học, lập ra Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nâng [trình độ của] quý vị lên từ từ. Trung Học, Tiểu Học, Đại Học đều là phương tiện quyền xảo, chương trình Tiến Sĩ mới là mục tiêu thật sự, đức Phật dạy học cũng giống như vậy. Quý vị thấy đức Thế Tôn sau khi giác ngộ

dưới cội Bồ Đề, đại triệt, đại ngộ, thuật bày viên mãn cảnh giới Ngài đã ngộ nhập, nói suốt mười bốn ngày. Mười bốn ngày ấy là nói trong Định, chúng ta thấy Phật Thích Ca nhập Định dưới cội Bồ Đề, đâu biết Ngài giảng kinh nơi đó, giảng kinh gì? Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, là cảnh giới do chính Ngài chứng đắc. Chúng ta nhìn lại Trung Quốc, vào đời Đường, Huệ Năng đại sư cũng đã minh tâm kiến tánh. Trong phương trượng thất của hòa

thượng Ngũ Tổ Nhẫn, Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang cho Sư. Huệ Năng đại sư không biết chữ, đương nhiên chẳng có quyển kinh, Tổ giảng đại ý Kim Cang Kinh, giảng đến chỗ "Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm" (Đừng trụ vào đâu để sanh tâm), Sư đại triệt đại ngộ. Sư cũng nói ra cảnh giới của chính mình, thốt ra năm câu. Năm câu ấy chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói. Kinh Hoa Nghiêm rút gọn thành năm câu ấy, mà năm câu ấy triển khai sẽ thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Huệ Năng đại sư nói năm câu, câu đầu tiên là: "Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh", không nghĩ đến, kiến tánh rồi, nào ngờ tánh vốn sẵn thanh tịnh, chưa từng bị ô nhiễm. Tự tánh của chúng ta có ô nhiễm hay không? Không! Ô nhiễm sẽ chẳng thật, sẽ biến thành đồ giả. Chúng ta nói ô nhiễm là thứ gì vậy? A Lại Da ô nhiễm, A Lại Da là vọng tâm; tự tánh là chân tâm, chân tâm chưa từng bị ô nhiễm. Do vậy, nhiễm là vọng tâm. Nay chúng ta đang mê, nhưng thật sự chẳng biết, ngỡ giả là thật, thiệt thòi ở chỗ này! Câu thứ hai là: "Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng sanh diệt". Vốn chẳng sanh diệt là Đại Bát Niết Bàn, đây là khát vọng tha thiết bất sanh bất diệt của tất cả các tôn giáo tại Ấn Độ thời cổ. Hiện tại, mỗi tôn giáo đều nói "sống đời đời" chính là ý nghĩa này. Có sống đời đời hay không? Có! Cái Ngã thật sự sẽ sống mãi, Giả Ngã có sanh tử, cái Ngã ấy là giả, chẳng thật! Quý vị hiểu rõ chuyện này sẽ rất thoải mái, thảnh thơi, chẳng còn sợ hãi. Những thứ ấy là giả, mặc cho nó sanh diệt như thế, Chân Ngã vĩnh hằng bất diệt. Quý vị tìm lại cái thật này, đức Phật dạy chúng ta tìm cái thật. Đây là đại sự. Ngài nói câu thứ ba rất hay: "Nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ", trọn đủ gì vậy? Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế tôn đã nói một câu nhằm căn dặn rõ ràng, Phật dạy: "Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai". Đây là "vốn tự trọn đủ". "Như Lai" là nói về tự tánh. Trong giáo pháp Đại Thừa, quý vị thấy nói Phật, nói Như Lai. Trong mười đại nguyện vương: "Lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai". Nói Phật là nói theo Tướng; nói Như Lai là nói theo Tánh, khác nhau ở chỗ này! Tướng là giả, Tánh là thật. Đây là chỗ khác nhau giữa hai danh từ này. Nói "hết thảy chúng sanh đều có trí huệ của Như Lai" chính là nói đến tự tánh. Trong tự tánh của quý vị có trí huệ, trí huệ viên mãn. Đó là gì? Sẵn có trong tự tánh, chẳng phải do học được. Trí huệ viên mãn, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể; đây là lời tán thán Thượng Đế của các tôn giáo thông thường. Thượng Đế và thần chưa chắc có [những đặc tánh này], nhưng tự tánh thật sự có. Vì sao biết? Thượng Đế và thần cũng là chúng sanh trong lục đạo, thuộc thiên đạo. Họ vẫn chưa ra khỏi lục đạo, vẫn chưa thoát tam giới, vẫn là mê chẳng giác, phước báo lớn hơn chúng ta, trí huệ nhiều hơn chúng ta một chút, nhưng vẫn chưa đạt đến viên mãn rốt ráo! Tự tánh sẵn có trí huệ mới là

viên mãn. Đây là gì? Khi nó ẩn, nhà Phật gọi là "ẩn hiện", ẩn là gì? Ví như cái màn huỳnh quang của chúng ta trong hiện thời, nhấn nút tắt đi, hình ảnh gì cũng chẳng có!

Đó là "Nào ngờ tự tánh, vốn tự sẵn đủ". Quý vị chẳng thể nói chúng không có. Vặn đúng băng tần, chúng bèn hiện tiền. Vặn đúng băng tần thì sao? "Có thể sanh vạn pháp", chúng bèn hiện tiền. Lúc chẳng hiện tiền, chẳng thể bảo là không; khi hiện tiền, chẳng thể nói là có. Điều này được sách Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán giảng rất rõ ràng, quý vị chẳng thể nói nó là có. Đây là chân tướng sự thật, chúng ta nên hiểu rõ. Ngài nói câu thứ tư: "Nào ngờ tự tánh vốn chẳng lay động", như như bất động, đây là một mấu chốt quan trọng nhất trong tu hành. Quý vị tu gì? Nhà Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, tu gì? Thưa quý vị, đều là tu Thiền Định, đều gọi là tam-muội. Tam-muội (Samādhi) là tiếng Phạn, Tam là Chánh, Muội là Định, [tam-muội] là Chánh Định. Vốn là Chánh Định, tâm quý vị vốn định, nay vì sao tâm loạn như thế? Loạn là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm vốn định, chưa hề bị dao động. Đó là năm câu nói của Huệ Năng đại sư lúc khai ngộ. Sau khi nói ra năm câu này, Ngũ Tổ bảo: "Được rồi", truyền y bát cho Ngài. Truyền cho Ngài rồi như thế nào? Bảo Ngài hãy đi cho nhanh, tìm nơi lánh nạn. Lánh nạn gì? Phải biết là xưa nay, trong ngoài, đố kỵ, chướng ngại ở đâu cũng chẳng tránh khỏi. Quý vị nói xem: Thần Tú đại sư ở đạo tràng của Nhẫn hòa thượng (tổ Hoằng Nhẫn) bao nhiêu năm, là một đồ đệ được mọi người kính ngưỡng nhất của Tổ; ai nấy đều cho rằng Ngũ Tổ truyền pháp, chắc chắn truyền cho Thần Tú, tại sao vô duyên vô cớ truyền cho người khác? Gã ấy trọn chẳng có ai biết đến, lại còn không biết chữ? Quý vị thấy ngài Huệ Năng đến núi Hoàng Mai làm gì suốt tám tháng? Giã gạo trong phòng chứa củi. Sư ở Hoàng Mai tám tháng, chưa từng vào Thiền đường, giảng đường cũng chẳng mò đến, chưa từng nghe kinh ngày nào, cớ sao Ngũ Tổ đem y bát truyền cho Ngài, ai phục? Chẳng ai phục, chắc chắn sẽ tìm Ngài gây sự, đoạt y bát về. Đấy là chuyện nhỏ, chuyện lớn là có thể còn hại mạng Ngài nữa kia! Do vậy, Tổ bảo Ngài đi cho nhanh, Ngài lập tức cầm y bát đi ngay. Trốn trong phường thợ săn mười lăm năm. Mười lăm năm ấy khiến mọi người dần dần quên đi chuyện này, Ngài mới ra mặt. Ra mặt, bèn gặp pháp sư Ấn Tông, Ấn Tông tuyệt lắm! Ngài Ấn Tông ở Lãnh Nam, nay chúng ta gọi vùng ấy là Quảng Đông, khi ấy, gọi là Lãnh Nam, sư Ấn Tông là bậc cao tăng, giảng kinh, thuyết pháp bậc nhất. Đạo tràng giảng kinh của Ngài nay ở Quảng Châu, chùa nào ở Quảng Châu? Gió động, hay phan động, lão hòa thượng Bổn Hoán làm Trụ Trì [chùa ấy]. Tôi không nhớ nổi chùa nào ở Quảng Đông. Quang Hiếu Tự7, đúng rồi, chùa Quang Hiếu là nơi Sư giảng kinh Niết Bàn. Lục Tổ rời khỏi phường thợ săn đến Quảng Đông, gặp đạo tràng như vậy, ngồi ở phía sau nghe kinh. Nghe hai vị xuất gia đang biện luận, một

người nói: "Lá phan treo bên ngoài động". Quý vị thấy lá phan đang lay động; người kia nói: "Chẳng phải là phan động, mà là gió động". Hai vị tranh luận không ngớt, Ngài nói chen vào một câu, Ngài nói: "Thưa nhân giả", hết sức khiêm hư, vô cùng khách sáo, "nhân giả" (: đấng nhân từ) là tiếng gọi bậc Bồ Tát, là cách xưng hô tôn kính nhất, Ngài gọi họ là "nhân giả". "Chẳng phải là gió động, cũng chẳng phải là phan động", Ngài nói: "Mà là tâm của nhân giả động". Khi nghe vậy, hết thảy mọi người bội phục năm vóc sát đất. Ấn Tông giảng xong, bước xuống bục giảng, gặp mặt Tổ, liền hỏi, ngày nay chúng ta thường gọi sự đối đáp này là Thiền Cơ. Pháp sư Ấn Tông hỏi: "Nghe nói ngài Hoàng Mai về sau truyền pháp cho hành giả, có tên là Năng đại sư, chẳng lẽ là

Ngài?" Huệ Năng đại sư bèn thừa nhận. Sư bèn thỉnh cầu: "Ngài hãy giở y bát ra cho chúng tôi xem". Y bát ấy là chứng minh, nhận đúng người rồi. Đối với kinh giáo, pháp sư Ấn Tông còn có chút vấn đề bèn thỉnh giáo đại sư, Ngài đều giải thích cho pháp sư. Sau đấy, Ấn Tông làm lễ xuống tóc xuất gia cho Tổ. Vì thế, Ấn Tông là thầy thế độ của Lục Tổ Huệ Năng đại sư. Nhưng sau khi xuống tóc, pháp sư Ấn Tông bái Tổ làm thầy, chuyện này chẳng phải là người thường [làm được]! Vị này là Phật hay Bồ Tát thị hiện, [nếu không], đâu có lòng độ lượng lớn như thế? Một vị cao tăng khắp vùng Lãnh Nam ngay lập tức bái Tổ làm thầy, địa vị của Huệ Năng đại sư liền cao trỗi. Ngay lập tức nâng lên cao. Nếu không, Huệ Năng đại sư muốn đạt tới địa vị sâu xa như thế, tối thiểu phải mất mười năm, hai mươi năm, còn nay là được đề cao ngay. Do vậy, tôi nghĩ ngài Ấn Tông là Bồ Tát thị hiện, hai vị này thổi kèn hòa tấu cho chúng ta xem, đâu phải là phàm nhân! Năm câu nói ấy của Ngài mở rộng ra sẽ là kinh Hoa Nghiêm, từng câu, từng chữ trong kinh Hoa Nghiêm chẳng rời khỏi năm câu ấy! Do vậy, Huệ Năng đại sư chứng đắc cùng một cảnh giới với Thích Ca Mâu Ni Phật. Một vị dùng thân Phật, dùng thân phận Phật xuất hiện, phẩm Phổ Môn có nói: "Nên dùng thân Phật để độ được, liền hiện thân Phật để thuyết pháp". Ngài Huệ Năng ở Trung Quốc, nên dùng thân tỳ-kheo xuất hiện, liền hiện thân tỳ- kheo để thuyết pháp, chẳng khác gì nhau! Chúng ta phải biết điều này! Phật pháp bình đẳng, đây là pháp Nhất Thừa. Vì thế, Thiền Tông Trung Quốc là Nhất Thừa, nhưng Đại Thừa không nhất định [là Nhất Thừa]. Cổ đại đức bảo kinh Nhất Thừa chỉ có ba bộ là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Phạm Võng. Hết sức đáng tiếc là kinh Phạm Võng chẳng truyền sang Trung Quốc. Đó là một bộ kinh lớn, phân lượng chẳng khác kinh Hoa Nghiêm cho lắm. Chỉ có một phẩm được truyền sang Trung Quốc là Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm, tức Bồ Tát Giới, truyền mỗi mình phẩm này, hai quyển, chẳng thấy những phẩm khác. Kinh hoàn chỉnh là hai bộ Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Đối với kinh

Pháp Hoa, vì sao có thể khẳng định là kinh Nhất Thừa? Kinh Nhất Thừa là thành Phật trong một đời. Trong phẩm Đề Bà của kinh Pháp Hoa có nói long nữ tám tuổi thành Phật; rồng là súc sanh. Long nữ tám tuổi, nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh trong cung rồng, cô ta nghe hiểu, giác ngộ, minh bạch. Chư vị phải biết: Nghe pháp khai giải, đoạn nghi sanh tín, lập tức thành tựu Hạnh môn. Hạnh môn là gì? Buông xuống! Quý vị thấy trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: Chỉ cần quý vị có thể buông ba thứ phiền não là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị liền thành Phật. Do vậy, chúng tôi tin rằng: Sau khi long nữ nghe hiểu, bèn buông xuống. Sau khi buông xuống, đến núi Linh Thứu gặp Thích Ca Mâu Ni Phật; sau khi lễ Phật liền hiện thân Phật, thành Đẳng Chánh Giác trong thế giới Vô Cấu ở phương Nam. Đấy là kinh Pháp Hoa. Chúng ta thấy cuối kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài viên chứng vô thượng Bồ Đề trong một đời, Ngài đắc Căn Bản Trí trong hội Văn Thù. Căn Bản Trí là gì? Nếu nói theo cách hiện thời cho dễ hiểu, sẽ là tâm thanh tịnh. Tâm quý vị thanh tịnh sẽ ra sao? Chẳng phải là giống như Huệ Năng đại sư sao? "Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh", đó là Căn Bản Trí. Ngài buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đó gọi là gì? Đốn đoạn, tức là đoạn ngay lập tức, Ngài bèn chứng đắc. Nay chúng ta hiểu điều này, nhưng không bỏ xuống được, vấn đề ở chỗ này. Người ta thật sự buông xuống, không chỉ buông chấp trước

xuống, buông phân biệt xuống, mà ngay cả khởi tâm động niệm cũng buông xuống. Buông xuống vọng tưởng là chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đấy là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Do vậy, bèn gọi là kinh Nhất Thừa. Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mười pháp giới chẳng còn; bởi lẽ, mười pháp giới là mộng cảnh, lục đạo là "mộng trong mộng". Chúng ta buông xuống hết thảy chấp trước; nếu chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị bèn tỉnh thức, lục đạo chẳng còn, giống như tỉnh mộng. Tỉnh mộng rồi, sau khi tỉnh mộng, cảnh giới ấy sẽ là tứ thánh pháp giới, vẫn là một giấc mộng, nhưng trong giấc mộng ấy, phiền não [của tứ thánh pháp giới] nhẹ hơn chúng ta, chỉ là vọng tưởng, phân biệt. Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, mộng cảnh cũng chẳng còn, tứ thánh pháp giới cũng chẳng có. Vì thế, nói: "Hễ có hình tướng, đều là hư vọng", chẳng giả tí nào! Mười pháp giới không có, cảnh giới gì xuất hiện? Thế giới Hoa Tạng xuất hiện, thế giới Cực Lạc xuất hiện, đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật. Những cõi ấy có thật hay không? So với chúng ta mà nói thì là thật, thế giới này của chúng ta thiên biến vạn hóa. Vì thế, lúc ấy, tôi nghĩ không ra vấn đề này, biến như thế nào? Cớ sao biến đến mức chẳng có cùng tận? Tôi nghĩ tới lúc nhỏ chơi kính vạn hoa (kaleidoscope), bọn họ tìm rất nhiều kính vạn hoa cho tôi, mấy tấm giấy màu, đặt giữa ba miếng gương, quý vị xoay ống kính,

vừa xoay thì các kết cấu hình thể (pattern) trong ấy chưa bao giờ trùng lặp. Do vậy, chúng ta học bộ Hoàn Nguyên Quán, thấy có câu: "Sanh ra vô tận", dùng vật này (ống kính vạn hoa) có thể tượng trưng [nguyên lý ấy], đúng là sanh ra vô tận, chẳng giả! Điều gì thiên biến vạn hóa trong vũ trụ? Niệm làm chủ tể, ý niệm làm chủ tể, thuận theo ý niệm của quý vị mà dấy lên biến hóa, chuyện là như vậy đó. Do vậy, phải hiểu rõ chân tướng sự thật này! Trong kinh này, đức Phật dạy chúng ta điều gì? Dạy chúng ta hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Mệnh đề này chính là điều các nhà khoa học truy cầu, triết học cũng truy cầu điều này, các nhà tôn giáo cũng truy cầu điều này, nhưng đều chưa thể nói rõ ràng. Vì sao họ chẳng nói rõ ràng? Nay chúng ta hiểu rõ, bọn họ vĩnh viễn chẳng thể nói rõ ràng, vì sao? Họ chưa đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chưa buông xuống được, hễ buông xuống sẽ thấu hiểu! Có những thứ [vọng tưởng, phân biệt, chấp trước] này, quý vị nghiên cứu thế nào đi nữa, đều cách một tầng chướng ngại, không có cách nào giải thích rõ ràng! Chỉ có buông xuống, trở về tự tánh. Vì sao? Những thứ này chẳng thật, hư huyễn. Nếu quý vị không tin, quý vị có kinh nghiệm nằm mộng hay không? Có! Chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, mộng là thật hay giả? Thế gian này giống như nằm mộng; vì thế, trong kinh, đức Phật rất hay dùng mộng làm tỷ dụ. "Mộng, huyễn, bọt nước, bóng dáng", cái chủ yếu trong tỷ dụ này là mộng cảnh. "Huyễn, bọt nước, bóng dáng" đều là những thứ phụ thuộc, chủ yếu là tỷ dụ này. Do vậy, trong kinh Kim Cang, đức Phật có một bài kệ vô cùng nổi tiếng nhằm dạy bảo chúng ta: "Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ, diệc như điển, ưng tác như thị quán" (Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế). Đây là cái nhìn của đức Phật đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. "Như lộ, diệc như điển", "điển" () là tia chớp, "lộ" () là sương buổi sớm, đây là hai tỷ dụ. "Như điển" là nói về

một niệm, giống như tia chớp, [“như lộ”] là giọt sương mai, nó tồn tại một lúc, mặt trời mọc lên bèn bốc hơi, chẳng còn nữa! “Bốc hơi” là nói về tướng tương tục (nối tiếp liên tục); giống như trong điện ảnh, chúng ta thấy những hình ảnh trên màn bạc; hình ảnh là tướng tương tục do các tấm phim được rọi sáng kết hợp thành, chẳng thật! Từ khoa học cận đại, chúng ta có thể hiểu rất rõ ràng, đâu có gì là thật? Tìm chẳng được thứ nào là thật! Nếu thật sự tìm được cái nào là thật, có thể nói là “vĩnh hằng không thay đổi”, tối thiểu phải là cõi Thật Báo. Những vật trong thế giới Cực Lạc là vĩnh hằng, không có biến hóa, nhưng chúng cũng chưa phải chân thật rốt ráo. Vì sao? Kinh bảo cõi Thật Báo xuất hiện như thế nào? Đoạn hết vô minh, tuy đoạn sạch vô minh, nhưng tập khí vô minh hãy còn, chưa đoạn hết tập khí. Do vậy, cõi Thật Báo

Trang Nghiêm do tập khí vô minh hiện, chẳng phải là vô minh. Thật sự đoạn hết vô minh nên chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Chẳng khởi tâm, không động niệm, nhưng tập khí quá vi tế, không riêng gì chúng ta chẳng biết, A La Hán không biết, Bích Chi Phật cũng chẳng biết. Trong kinh, đức Phật dạy: Từ Thất Địa Bồ Tát trở xuống đều không biết, từ Bát Địa trở lên mới nhận biết, mới biết có thứ này tồn tại. Vì thế, ba đại A-tăng-kỳ kiếp chẳng phải là nói về công phu tu hành thông thường, mà là nói về đoạn tập khí vô minh. Không có phương pháp đoạn tập khí vô minh, chỉ để cho nó mất dần, một thời gian lâu sau sẽ tự nhiên chẳng còn. Để giảng về thứ vô minh tập khí này, cổ nhân dùng tỷ dụ để nói; nếu không giảng rõ ràng, chúng ta cũng chẳng thể lãnh hội. Họ dùng bình rượu, bình rượu đựng rượu, đổ hết sạch rượu trong bình, lau sạch bên trong, quả thật chẳng có giọt rượu nào, nhưng vẫn ngửi thấy mùi rượu. Cái mùi ấy gọi là tập khí. Có cách nào để khử mùi? Không có phương pháp nào! Chỉ có cách mở toang nắp bình bỏ đó, để một năm hay nửa năm, sẽ chẳng còn ngửi thấy mùi nữa! Tập khí vô minh của chúng ta phải bao lâu mới hết? Ba A-tăng-kỳ kiếp. Quý vị đừng quan tâm đến nó, điều này gọi là “vô công dụng đạo”, quyết định chớ nên có ý niệm đoạn trừ nó. Hễ có ý niệm, vô minh sẽ tăng trưởng, khởi hiện hành. Không để ý tới nó là xong, chẳng còn chuyện ấy nữa! Do vậy, trong cõi Thật Báo, quý vị chẳng khác gì Phật quả rốt ráo, chúng sanh hữu duyên trong mười phương thế giới hễ có cảm, quý vị bèn có ứng, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn! Như vậy thì sau khi thành Phật, có phải là chẳng có Sự hay không? Không phải, Sự rất nhiều. Sự dẫu nhiều, quý vị chẳng cảm thấy mệt nhọc, có năng lực ứng phó. Vì sao? Trí huệ, thần thông, đạo lực toàn bộ hiện tiền. Quý vị có thể hiện vô lượng vô biên thân, tự tại lắm! Trăm ngàn ức hóa thân, nơi nào có cảm, nơi đó bèn có ứng, “nên dùng thân nào để đắc độ” đều chẳng phải là ý nghĩ của chính mình, chính mình chẳng có ý nghĩ gì. Hễ chính mình có ý nghĩ, sẽ biến thành phàm phu. Chính mình chẳng có ý nghĩ gì, tự tánh khởi tác dụng. Do vậy, trong tánh đức, hiện thời chúng tôi đã đọc kinh Đại Thừa nhiều năm như thế, bèn hiểu rõ, đúng như Huệ Năng đại sư đã nói: “Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ”. Cái trọn đủ thứ nhất trong tự tánh là trí huệ, trí huệ là gì? Kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết) là tự tánh, là Tánh Đức, trọn hết thảy các chỗ. Sau khi mê, tự tánh biến thành A Lại Da. A Lại Da là trạng thái đang mê, kiến văn giác tri biến thành gì? Biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chúng ta có cảm nhận, có tư tưởng. Nói theo bát thức, cũng rất dễ nói: Kiến là nhãn căn khởi tác dụng, Văn là nhĩ căn khởi tác dụng; ngoài ra, mũi có thể ngửi, lưỡi có

thể nếm, thân có thể cảm giác, ý có thể biết bèn khởi tác dụng. Tác dụng ấy do đâu mà có? Là Tánh Đức trong tự tánh, kiến văn giác trí là vốn có.

Thân thể có sanh diệt. Thọ, Tưởng, Hành, Thức chẳng có sanh diệt. Vì thế, người đã chết, đã tắt thở, thần thức chưa có rời khỏi [xác thân], thần thức có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, lũ chúng ta gọi thần thức là "linh hồn". Linh hồn có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chuyện này phiền phức lắm! Nếu quý vị còn có oán hận, còn có đố ky, còn có chuyện gì phải trả thù, từ đấy, đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo chẳng xong! Chúng ta đọc bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân, trong phần đầu, Văn Xương Đế Quân tự nói Ngài mười bảy đời làm sĩ đại phu8. Quý vị thấy Ngài mười bảy đời nhân quả báo ứng, thê thảm lắm. Sau này, gặp được Phật pháp mới giác ngộ, mới hóa giải. Đau khổ ngần ấy! Báo thù, đôi bên đều đau khổ, cớ gì phải vậy? Do vậy, dù trong nhãn quan của Phật, những hiện tượng này đều là hư huyễn, hệt như mộng cảnh, [nhưng phàm phu] ở trong mộng cảnh thật sự chịu khổ, thật sự có khổ, sướng, lo, mừng, xả. Sau khi tỉnh mới biết là trống không. Nay chúng ta đang nằm mộng, chưa tỉnh, khi nào có thể bỏ được chấp trước đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng còn chấp trước nữa, tâm quý vị sẽ khôi phục sự thanh tịnh, tuy thanh tịnh nhưng còn chưa bình đẳng. Khôi phục thanh tịnh, lục đạo chẳng còn nữa! Lục đạo là nhiễm ô, trong tứ thánh pháp giới không có nhiễm ô, nhưng nó bất bình đẳng, vì có phân biệt. Không có chấp trước, nhưng có phân biệt, nên là bất bình đẳng. Nếu quý vị buông phân biệt, vọng tưởng xuống, bình đẳng giác sẽ hiện tiền. Buông phân biệt xuống sẽ bình đẳng, chẳng phân biệt sẽ bình đẳng, buông khởi tâm động niệm xuống bèn giác. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã dạy chúng ta ba giai đoạn trong Hạnh môn: Thanh tịnh, bình đẳng, giác. Tu điều gì? Tu những điều này, ba món này đều có sẵn trong tự tánh. Nay chúng ta mê mất tự tánh, nên mới sanh ra chướng ngại, đó là nghiệp chướng, chẳng biết chân tướng sự thật. Biết chân tướng sự thật, trọn khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, không phải là "một nhà", mà là một Thể, chẳng hai, "sanh Phật bất nhị". "Sanh" là chúng sanh, "Phật" là chư Phật, sanh - Phật bất nhị! Phật rất khiêm hư, đặt chúng sanh ở phía trước, nói chúng sanh trước rồi mới nói đến Phật, sanh Phật bất nhị! Những điều này đều là Tánh Đức lưu lộ. Trong kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy Thiện Tài viên mãn Bồ Đề trong một đời, Ngài đắc Căn Bản Trí nơi Văn Thù Bồ Tát, chúng ta phải hiểu: Ngài đắc thanh tịnh tâm, đắc bình đẳng tánh, đã giác rồi. Cũng có nghĩa là "thanh tịnh, bình đẳng, giác" như trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ Ngài đều đạt được, cũng có nghĩa là Ngài đã hoàn toàn buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đạt được "thanh tịnh, bình đẳng, giác". Sau khi đạt được, bèn vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, vận dụng vào công việc, vì sao? Nhục thân vẫn ở trong thế gian này, vẫn chưa vứt bỏ thân thể này. Nói cách khác, quý vị vẫn phải sống, vẫn phải mặc áo, ăn cơm, vẫn phải làm

việc. Do vậy, Ngài có thể vận dụng thanh tịnh, bình đẳng, giác trong cuộc sống, vận dụng vào công việc, vận dụng xử sự, đãi người, tiếp vật, là gì vậy? Chính là năm mươi ba lần tham học. Chúng ta từ sáng đến tối, coi những người quý vị tiếp xúc trong xã hội là năm mươi ba lần tham học. Ngài chia xã hội muôn hình muôn vẻ thành năm mươi ba loại. Quý vị vừa tiếp xúc, trí huệ bèn khởi tác dụng, đó gọi là Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc

Trí là gì? Hậu Đắc Trí là Căn Bản Trí khởi tác dụng. Khởi tác dụng linh hoạt tột bực, chẳng khô cứng mà sống động, hoạt bát, mọi mặt viên dung, người Hoa nói là "bát diện linh lung" (tám mặt lóng lánh), đắc đại tự tại. Kinh Hoa Nghiêm nói "Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại", cảnh giới này hiện tiền. Tới cuối cùng, quy vào đâu? Cuối cùng quy vào thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy khi Thiện Tài tham học, vị [thiện tri thức] thứ nhất, "tiên nhập vi chủ" (điều gì tiếp xúc trước sẽ thành chủ yếu), là tỳ-kheo Đức Vân. Tỳ-kheo Đức Vân tu gì? Tu Ban Châu tam-muội, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Điều này đúng là đã nói rõ Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Tu pháp môn Niệm Phật. Vị thầy đầu tiên mà! Vị thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Quý vị nhìn vào vị mở đầu và vị kết thúc, sẽ biết rõ Thiện Tài tu pháp môn gì. Thiện Tài là học trò ngoan của thầy! Văn Thù Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, Phổ Hiền Bồ Tát cũng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Học sinh theo thầy cùng nhau tu Tịnh Độ, học sinh ngoan! Như vậy thì Tịnh Độ là kinh Vô Lượng Thọ; còn Hoa Nghiêm và Pháp Hoa tới cuối cùng quy vào đâu? Quy vào kinh Vô Lượng Thọ; do vậy, kinh Vô Lượng Thọ trở thành kinh đệ nhất, thật sự là kinh đệ nhất. Kinh Vô Lượng Thọ có bốn mươi tám phẩm, nếu chúng ta tiếp tục không ngừng truy tìm, phẩm nào là bậc nhất? Trong bốn mươi tám phẩm, kinh văn của phẩm nào là quan trọng nhất? Đương nhiên là phẩm thứ sáu. Phẩm thứ sáu do chính A Di Đà Phật nói, Thích Ca Mâu Ni Phật thuật lại cho chúng ta biết. Đây là A Di Đà Phật trong khi tu nhân đã phát ra bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện, trong bốn mươi tám nguyện này, nguyện nào quan trọng nhất? Cổ đại đức cho biết: Nguyện thứ mười tám. Nguyện thứ mười tám là "khi lâm chung, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc", tuyệt quá! Như vậy thì thập phương tam thế hết thảy chư Phật Như Lai ứng hóa trong mười pháp giới và lục đạo của vô lượng vô biên các cõi Phật, dùng gì để giáo hóa, tiếp dẫn chúng sanh, giúp chúng sanh thành Phật trong một đời? Đều bằng pháp môn này. Nói cách khác, Tịnh Độ Tam Kinh, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là những kinh mà tất cả chư Phật Bồ Tát hóa độ lục đạo chúng sanh trong mười pháp giới nhất định phải giảng! Đây là phương thức độ chúng sanh chủ yếu của các Ngài, hết thảy các kinh giáo khác đều là kèm theo, còn những kinh này là

chủ yếu nhất, chúng ta phải có nhận thức này. Vì sao giảng những kinh khác? Chúng sanh không tin Tịnh Độ, chẳng thể tiếp nhận, họ thích những thứ khác. Thích điều gì, tôi bèn giảng cho quý vị điều ấy. Giảng đến cuối cùng đều trở về đây, diệu tuyệt chẳng thể nghĩ bàn! Bất luận Tông Môn hay Giáo Hạ, quý vị thấy những đại đức trong Thiền Tông đến tuổi già chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh thế giới Cực Lạc. Trong Vãng Sanh Truyện có rất nhiều [trường hợp như vậy]; tông Hoa Nghiêm chẳng cần phải nói nữa! Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Tông Thiên Thai, bản thân Trí Giả đại sư tu hành theo Quán Vô Lượng Thọ Kinh, [kinh này] còn gọi là Thập Lục Quán Kinh, Ngài vãng sanh thế giới Cực Lạc. Từ những tổ sư đại đức này, chúng ta bèn nhận ra pháp môn này và bộ kinh này đúng là Nhất Thừa. "Liễu nghĩa" là gì? Dùng một câu trong Phật pháp để giải thích, "cứu cánh hiển liễu" (phơi bày rõ rệt đến tột cùng), "hiển" () là minh hiển (sáng tỏ, rõ rệt), sáng tỏ đến tột cùng là "liễu nghĩa". Ví như trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã dạy chúng ta: "Phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn", đây là ý

nghĩa rõ rệt đến tột cùng. Khi mê gọi là "phiền não", lúc giác ngộ gọi là Bồ Đề. Lúc mê có sanh tử, khi giác ngộ gọi là Niết Bàn; chỉ có mê hay ngộ. Trừ mê và ngộ ra, đích xác là hết thảy các pháp đều bất nhị. Trong quá khứ, chúng ta từng học pháp môn "mười hai món Bất Nhị" của tông Thiên Thai, đó là hiển liễu đến tột cùng. Liễu nghĩa, nói đơn giản nhất, sau khi chúng ta học xong sẽ hưởng thụ chân thật thì đó là "liễu nghĩa". Nếu chẳng chân thật hưởng thụ, chẳng phải là liễu nghĩa! Chúng ta hỏi: Chúng ta học pháp môn này, mong có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, có thể chứng đắc quả vị vô thượng Bồ Đề, pháp môn này có đáp ứng những điều ấy hay không? Được chứ! Pháp môn này là liễu nghĩa, thật sự có thể giúp đỡ, thành tựu chúng ta. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy chưa thành Phật, nhưng cũng như đã thành Phật, người ấy thật sự gần như thành Phật, điều này do chính A Di Đà Phật nói. Trong bốn mươi tám nguyện có nói: Sanh về thế giới Cực Lạc "giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát" (đều là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát). Kinh Vô Lượng Thọ nói như thế, kinh Di Đà cũng dạy như thế, Quán Kinh cũng giảng như thế, ba kinh đều có câu này. A Duy Việt Trí là hạng Bồ Tát nào? A Duy Việt Trí (Avaivartika) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là "Bất Thoái Chuyển". Trong ba thứ Bất Thoái Chuyển, môn thứ nhất là Vị Bất Thoái, môn thứ hai là Hạnh Bất Thoái, môn thứ ba là Niệm Bất Thoái, chẳng tuyệt lắm sao? Nói thông thường, hàng Bồ Tát nào chứng đắc Tam Bất Thoái? Chúng ta nói theo nghĩa rộng thì minh tâm kiến tánh mới chứng đắc, [người như vậy] còn gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh giống như Huệ Năng đại sư đã chứng đắc. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo như kinh Hoa Nghiêm đã nói, vượt thoát mười pháp giới. Kẻ còn thuộc

trong mười pháp giới chắc chắn chẳng thể [chứng đắc ba thứ Bất Thoái]. A La Hán thuộc trong mười pháp giới là Vị Bất Thoái, chẳng đạt được những thứ khác như Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái, chỉ có Vị Bất Thoái. Pháp Thân Bồ Tát mới thật sự trọn đủ ba món Bất Thoái này. Nói nghiêm ngặt, từ bậc Thất Địa trong Viên Giáo trở lên mới thật sự Bất Thoái, còn sao nữa? Đối với chuyện vãng sanh, kinh chẳng nói, chẳng bảo "kẻ Hạ Hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư không thuộc vào trường hợp này!" Chẳng nói câu ấy! Có nghĩa là: Chỉ cần sanh sang thế giới Cực Lạc, Hạ Hạ phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Phương pháp khó tin này, ai có thể tin tưởng? Trong kinh cũng có tỷ dụ sau đây. Qua tỷ dụ, chúng ta có thể biết rõ các tin tức. Như người sanh vào thế gian này, vừa sanh ra liền hưởng tôn quý như đế vương, có thể đạt được phước báo lớn như thế hay không? Không được! Đâu có năng lực ấy! Nếu quý vị sanh trong nhà quốc vương, làm vương thái tử, há chẳng đạt được ư? Chẳng phải là không có, nhưng quá ít. Thế nhưng, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật là quốc vương, toàn bộ [nhân dân] đều là vương tử, quý vị hưởng phước của ai? Phước của phụ vương. Do vậy, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, kẻ Hạ Hạ phẩm vãng sanh đều được bổn nguyện gồm bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì, tu pháp môn khác chẳng có được điều này. Bất luận pháp môn nào khác đều chẳng có cách nói này, chỉ có Tịnh Độ Tam Kinh nói như thế! Vì thế, nói: Chúng ta được Phật gia trì, Phật lực gia trì. Trí huệ của Phật gia trì chúng ta, khiến trí huệ của chúng ta giống như trí huệ của Phật; công đức của Phật gia trì chúng ta, khiến công đức của chúng ta giống như Phật, phước báo của Phật gia trì chúng ta, khiến phước báo của

chúng ta giống như Phật, mọi điều đều do lẽ này, chẳng phải do chính mình, chuyện là như vậy đó! Khi nào chính quý vị có năng lực này, không cần Phật gia trì nữa? Trong thế giới Cực Lạc, quý vị đã chứng đắc từ Thất Địa Bồ Tát trở lên sẽ không do Phật gia trì, [trí huệ, phước báo, công đức] là của chính mình. Trước khi đắc Thất Địa, tất cả đều do Phật lực gia trì. Điều này thù thắng khôn sánh, hy hữu khôn sánh, quý vị nói xem: Quý vị có thể chẳng chọn pháp môn này hay chăng? Người chẳng học pháp môn này không ít, người nào vậy? Kẻ rất tự phụ, tự nghĩ mình ghê gớm lắm, không cam lòng, không bằng lòng làm con nuôi của A Di Đà Phật. Những kẻ này muốn tự lực. Được thôi! Quý vị cứ tà tà mà học! Quý vị phải đi theo một con đường rất dài, thật đấy! Nếu quý vị quyết theo A Di Đà Phật, quý vị rất may mắn, thành tựu rất nhanh! Đây là Nhất Thừa liễu nghĩa, câu này viết hay quá! "Vạn thiện đồng quy": Chữ "vạn" này không phải là con số, mà có nghĩa là viên mãn. Hết thảy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian quy vào đâu? Quy vào A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là gì? A Di Đà Phật là Tánh Đức,

A Di Đà Phật là danh hiệu của tự tánh. Dịch theo văn tự, câu này là dịch âm từ tiếng Phạn, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật nghĩa là gì? Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật dùng hai chữ để giải thích ý nghĩa [của danh hiệu] Phật: Một là Quang, hai là Thọ. Quang tượng trưng điều gì? Quang tượng trưng không gian, Thọ tượng trưng thời gian. Nay chúng ta nói "thời - không" (thời gian và không gian) thì trong "thời - không" đã bao hàm hết thảy thiện pháp đều chẳng lìa A Di Đà Phật. A Di là Vô Lượng, vô lượng quang, vô lượng thọ, hoàn toàn là tự tánh, là vạn thiện đồng quy. Quý vị niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật là niệm Nhất Thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng quy. Như chúng tôi vừa mới báo cáo đơn giản cùng quý vị: Một câu A Di Đà Phật bao quát toàn bộ vô lượng Phật hiệu được tuyên dương trong thập phương tam thế từ vô lượng kiếp đến nay. Một câu A Di Đà Phật triển khai thành bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện triển khai thành kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ triển khai thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, kinh Hoa Nghiêm triển khai thành hết thảy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm. A Di Đà Phật là tổng cương lãnh, là tột đỉnh của hết thảy các pháp do hết thảy chư Phật Như Lai đã nói; nhận biết rõ ràng điều này chẳng dễ dàng đâu nhé! Tôi học Phật gần như ba mươi năm mới hiểu chuyện này, cảm thấy may mắn khôn sánh, vui mừng khôn sánh, cũng chẳng còn chao đảo nữa, chẳng hoài nghi nữa! Như thế thì tám chữ trong hai câu này đã nói trọn vẹn những điều đó! Tiếp đó là "tam căn phổ bị, phàm thánh tề thâu", đây là nói đến căn cơ tương ứng với pháp này, đối tượng được giáo hóa bởi pháp môn này. Tam căn là thượng trung hạ tam căn. Thượng căn là căn tánh Đại Thừa, trung căn là căn tánh Duyên Giác, hạ căn là căn tánh Thanh Văn, [trung căn và hạ căn] là căn tánh Tiểu Thừa. Toàn bộ ba thứ căn tánh đều có phần [trong pháp môn Tịnh Độ]. Thậm chí ngay cả kẻ chẳng biết chữ, chưa hề tiếp xúc học thuật thế gian hay xuất thế gian nào, người trong nước thường gọi hạng người ấy là "không có văn hóa", mà nếu có thể tin, tin sâu xa chẳng nghi ngờ, nếu kẻ ấy thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, nhất định được vãng sanh. Trường hợp này rất nhiều, trong Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, hạng người như vậy tối thiểu chiếm hơn một phần ba. Do nguyên nhân nào? Vì sao hễ nói với các ông già bà cả, họ bèn tin, còn phần tử tri thức chẳng tin? Tôi học Phật rất

khó khăn, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi. Nếu tôi không học Triết Học với cụ, nếu cụ không giảng Triết Học trong kinh Phật, giảng môn này, tôi vĩnh viễn chẳng tiến vào cửa Phật, từ chỗ này mà nhận biết Phật giáo. Sau khi đã tiến vào Phật môn, lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam là học trò của Ấn Quang đại sư, là người hoằng truyền Tịnh Độ Tông, tôi học kinh giáo, học giảng kinh với cụ. Thoạt đầu, tôi hoài nghi pháp môn Tịnh Độ, nghĩ đây là pháp phương tiện của Thích Ca

Mâu Ni Phật nhằm tiếp dẫn các bà già! Quan niệm [lệch lạc này] rất sâu, thành kiến rất sâu! Theo thầy Lý nhiều năm như thế, theo thầy mười năm, thầy rát miệng buốt lòng giới thiệu pháp môn này với tôi, tôi đọc [kinh sách Tịnh Độ] chẳng hoài nghi, không dám khi dễ, chẳng dám khinh mạn pháp môn này, cũng rất tôn trọng, nhưng chẳng có ý nghĩ muốn học, hứng thú đều đặt nơi kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm do thầy Phương giới thiệu thuở ấy có ảnh hưởng rất lớn đối với tôi! Khi nào tôi mới tin tưởng Tịnh Độ? Cũng phải là khi đã học Phật được hai mươi năm, tôi bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm. Lúc ấy, mỗi tuần giảng ba ngày, mỗi ngày một tiếng rưỡi, không có máy thâu hình, ngay cả máy thâu âm cũng không có. Tôi giảng lần thứ nhất, hình như cũng giảng chẳng ít năm, giảng được phân nửa [bộ kinh]. Lúc đó, giảng Bát Thập Hoa Nghiêm và Tứ Thập Hoa Nghiêm cùng một lúc; cứ hai ngày giảng Bát Thập Hoa Nghiêm thì một ngày giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, giảng hai kinh cùng nhau. Giảng gần hơn phân nửa, có một hôm, bỗng nghĩ Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Do chưa giảng đến phần sau kinh, bèn lật phần sau ra xem, vừa mở phần sau ra xem, bèn sững sờ, cớ sao Văn Thù, Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc? Lại xem kỹ phần nói về Thiện Tài đồng tử bèn thấy rõ. Quý vị thấy tôi giảng đến phân nửa, toàn là đọc theo kiểu "nuốt trộng quả táo", chẳng phát hiện chuyện này! Thiện Tài kế thừa pháp mạch của thầy, là đệ tử nhập thất, là đệ tử truyền pháp của Văn Thù Bồ Tát, chẳng phải là người tầm thường; nếu thầy phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, học trò đâu có ngoại lệ? Do vậy, sau đó, tôi quay trở lại xem những phần đã giảng qua, xem lại. Khi ấy, tôi dùng bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, [tỳ-kheo Đức Vân được Tứ Thập Hoa Nghiêm] dịch là tỳ-kheo Cát Tường Vân, phần này tôi cũng đã giảng xong! Kinh nói rõ ràng Ngài tu Ban Châu tam-muội, tôi cũng giảng rất rõ ràng, nhưng không liên kết Thiện Tài với pháp môn Niệm Phật, chẳng liên hệ đến phần trước. Khi đọc lại, liên kết với phần trước, mới biết chẳng sai tí nào, Thiện Tài chuyên tu pháp môn Niệm Phật; chúng ta nói Ngài niệm một câu Di Đà đến tận cùng! Năm mươi ba lần tham học là chuyện như thế nào? Năm mươi ba lần tham học là học rộng nghe nhiều, chẳng trở ngại, đúng là Sự Sự vô ngại, pháp môn gì cũng đều tiếp xúc. Hễ tiếp xúc bèn hiểu rõ, hiểu rõ là tăng trưởng trí huệ, là Hậu Đắc Trí, chẳng có gì không biết. Biết như thế nào? Đều tiếp xúc, đều hiểu rõ, chuyện gì cũng đều hiểu rõ, pháp nào cũng đều thông đạt, tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng thông, nhưng như thế nào? Như như bất động, một câu Di Đà niệm đến cùng; đối với Hạnh môn của chính mình, chẳng bị ảnh hưởng mảy may. Đó là công phu định lực gì? Thành tựu viên mãn Định Huệ của chính mình! Không có sự từng trải này,

làm sao biết Định Huệ thành tựu? Pháp môn gì cũng đều tiếp xúc, nhưng chẳng bị ảnh hưởng bởi pháp môn nào, đều không bị ảnh hưởng. Hai bữa nay, chúng ta nghe cư sĩ

Lưu Tố Vân báo cáo, quý vị thấy bà ta pháp môn nào cũng đều tán thán "đều hay", như vậy đó! Thiện Tài đồng tử giống như vậy, đối với chúng ta, không chỉ riêng các pháp môn trong Phật môn đều hay, mà các tôn giáo khác đều hay. Đã nhiều năm qua, tại các nơi trên thế giới, tôi làm công tác đoàn kết tôn giáo, mỗi tôn giáo đều hay, đều đáng tán thán, lễ kính. Tôi cũng đọc tụng kinh điển của họ, nhưng chẳng trở ngại niệm Phật. Càng tiếp xúc, càng hiểu rõ. Càng tiếp xúc, một câu A Di Đà Phật càng chẳng thể nghĩ bàn, thích hợp khắp ba căn, thâu tiếp phàm lẫn thánh. Chúng ta là phàm nhân, Văn Thù, Phổ Hiền là thánh nhân, đều sanh về thế giới Cực Lạc. "Hoành siêu tam giới": Tám vạn bốn ngàn pháp môn được gọi là Thụ Xuất (thoát ra theo chiều dọc), tức là nâng cao lên từng bước một, giống như các địa vị của hàng Bồ Tát. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy có năm mươi mốt địa vị, từ địa vị Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, tới Thập Địa là năm mươi địa vị; trên nữa là Đẳng Giác, trên nữa là địa vị Diệu Giác, còn gọi là địa vị Phật. Thụ xuất đấy! Pháp môn Tịnh Độ này không cần, [tiến lên từng bước như vậy] phiền quá, thời gian quá dài, hoành siêu! Nay chúng ta đang thuộc nhân đạo, không cần từ nhân đạo sanh lên thiên đạo. Thiên thì còn có hai mươi tám tầng trời, vượt lên từng tầng một, tốn công lắm! Từ ngay trong nhân đạo vượt ra theo chiều ngang (hoành siêu), trở về thế giới Cực Lạc, đó là "hoành xuất", không cần phải trải qua những phiền phức như thế. Thật sự làm được! Chuyện này chẳng giả đâu! Trong cuộc đời này, tôi đã gặp mấy người niệm Phật vãng sanh, biểu diễn, thị hiện cho chúng ta thấy: Chẳng ngã bệnh, biết trước lúc mất, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh. Khoảng bốn mươi năm trước đây, Phật Quang Sơn thành lập học viện Đông Phương Phật Giáo, pháp sư Tinh Vân mời tôi làm chủ nhiệm giáo vụ, tôi ở trên núi ấy mười tháng. Trong thời gian ấy, nghe một công nhân dài hạn [kể chuyện]. Phật Quang Sơn công trình rất nhiều, suốt năm chẳng nghỉ ngơi, không ngừng xây cất, cho nên công nhân ở đó cũng làm việc cho Phật Quang Sơn nhiều năm. Buổi tối, tôi hướng dẫn một vài người học trò thảo luận Phật pháp, người công nhân ấy cũng tham dự, nói với chúng tôi: Năm ngoái, một bà cụ hàng xóm của ông ta niệm Phật, đứng vãng sanh. Ông ta bảo: "Thật đấy, chẳng giả tí nào!" Hôm ấy, chúng tôi nghe ông ta kể chuyện, hết sức hứng thú. Bà cụ ấy tâm địa hết sức tốt, hết sức từ bi, cũng chẳng hiểu Phật pháp, đâm ra coi lạy thần như lạy Bồ Tát, ông Địa cũng là Bồ Tát, Thành Hoàng cũng là Bồ Tát, những loại Vương Gia Công9 mà dân gian thờ cúng, cụ đều nghĩ là Bồ Tát. Ba năm trước, cụ cưới dâu, con dâu học Phật, hiểu Phật

pháp, liền khuyên mẹ chồng chuyên niệm A Di Đà Phật, chuyên lạy Tây Phương Tam Thánh, những vị thần khác đều thỉnh đi, Bồ Tát đều thỉnh đi. Bà mẹ chồng này hiếm có, nghe lời con dâu khuyên bảo, thật sự làm, chỗ nào cũng không tới; bình thường hễ miếu nào có lễ hội đều tham gia, cụ không đi nữa, ở nhà niệm Phật, trong nhà lập Phật đường, [tụng niệm] ba năm. Đến một tối nọ, đến bữa cơm tối, cụ dặn dò con trai, con dâu; con trai, con dâu vô cùng hiếu thuận, cụ bảo: "Các con dùng cơm trước, mẹ đi tắm". Thật ra, cả nhà đợi cụ, đợi thật lâu chẳng thấy cụ ra. Tới phòng tắm, coi cụ đã tắm xong chưa, gọi chẳng thấy ai trả lời. Tới Phật đường, thấy cụ mặc áo tràng chỉnh tề, tay cầm chuỗi, đứng trước tượng Phật, gọi chẳng thấy cụ trả lời, tới nhìn kỹ, cụ đã vãng sanh rồi. Hàng xóm đều đến xem, cụ đứng mất! Chúng tôi nghĩ: Có lẽ cụ chẳng báo cho

người nhà biết; cho người nhà biết, sợ họ sẽ ngăn trở, cụ chẳng thể tự tại dường ấy. Đúng là tự tại, tiêu sái ra đi, chính mắt ông ta trông thấy, chẳng giả. Vị công nhân dài hạn ấy đã giảng cho chúng tôi nghe một bài học do chính mắt ông ta thấy. Khi tôi đến Hương Cảng giảng kinh, chúng tôi nghe băng thâu âm lời khai thị trong Phật Thất của pháp sư Đàm Hư, tôi nghe thấy lão nhân gia giảng rất nhiều. Sau đó, qua tác phẩm Ảnh Trần Hồi Ức Lục [biết thêm nhiều chuyện vãng sanh], đấy là truyện ký về lão nhân gia do Ngài kể, học trò Ngài là pháp sư Đại Quang ghi chép. Chúng tôi cũng hết sức thân thiết với ngài Đại Quang, Sư vãng sanh chắc cũng đã mười năm rồi. Ba mươi năm trước, ở Hương Cảng, chúng tôi thường ở chung một chỗ. Văn tài của Sư hết sức hay, Ảnh Trần Hồi Ức Lục do Sư viết, toàn là chuyện thật. Gần đây nhất, chừng ba năm trước đây, ở Thâm Quyến có cư sĩ Hoàng Trung Xương ba mươi mấy tuổi, nghe tôi giảng kinh, nghe nói từ xưa tới nay người thật sự niệm Phật khoảng chừng ba năm công phu thành tựu bèn vãng sanh. Trong quá khứ, đã từng có mấy vị pháp sư hỏi tôi, bọn họ thấy những trường hợp ấy, bèn nói: Có phải là những người vãng sanh ấy thọ mạng vừa đúng ba năm là hết [nên vãng sanh sau ba năm niệm Phật] đó chăng? Tôi nghĩ nói kiểu này chẳng hợp lý, thỉnh thoảng có một hai người thì được, chứ nhiều người như vậy sẽ chẳng hợp với lý luận, không hợp la-tập (logic). Vì sao vãng sanh? Người ấy công phu đã thành phiến. Chỉ cần công phu thành phiến, quý vị muốn ra đi lúc nào cũng được! Muốn đi thì đi; muốn ở lại cũng được! Ở lại thế gian này là do có nhiệm vụ, có sứ mạng, làm cho người khác thấy. Nếu chẳng có duyên phận với thế gian này, người ấy đã ra đi. Lúc ấy, cư sĩ Hoàng Trung Xương bế quan tại Thâm Quyến ba năm, ông ta nghĩ: “Hãy thử xem, cổ nhân ba năm có thể thành tựu. Xem ta có đúng ba năm thật sự thành tựu hay không?” [Bế quan niệm Phật] hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng, ông ta biết trước lúc mất, thật sự ra đi, chẳng ngã bệnh. Khi

hỏa táng, lưu lại xá-lợi, nay xá-lợi vẫn còn thờ ở nơi ấy, làm một cái tháp nhỏ đặt ở đó. Nêu gương cho chúng ta, thật đấy, chẳng giả đâu! Tin thật, nguyện thiết tha, không ai chẳng thành tựu, đừng bỏ lỡ cơ hội! Từ vô lượng kiếp đến nay sanh tử luân hồi trong lục đạo, khổ chẳng thể nói được! Suốt đời này quý vị gặp cảnh khổ vẫn chưa phải là Đại Khổ. Trong quá khứ, quý vị từng nếm mùi địa ngục, nếm mùi ngạ quỷ, nếm mùi súc sanh, cũng đã từng làm thân trời; nếu nghĩ đến nỗi khổ trong tam đồ, quý vị còn muốn ở đây để làm gì nữa? Nếu chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, nói cách khác, đối với bất cứ ai, cũng dám chắc là thời gian trong tam đồ lâu dài, thời gian trong nhân thiên ngắn ngủi. Vì sao? Chúng ta học Pháp Tướng Duy Thức bèn biết: Trong A Lại Da thức, đối với Tương Ứng Tâm Sở, Thiện Tâm Sở chỉ có mười một món, Ác Tâm Sở có hai mươi sáu món, chứng tỏ trong tập khí của quý vị, thiện ít, ác nhiều. Giáo dục của cổ thánh tiên hiền chẳng có dụ dỗ, mê hoặc. Sự dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài hiện thời toàn là giết, trộm, dâm, dối, toàn là bạo lực, tình dục, còn gì nữa đâu? Thế giới ngày nay vì sao loạn? Tai nạn vì sao nhiều? Nguyên nhân là như vậy. Quý vị còn có thể không vãng sanh ư? Thật sự giác ngộ, phát tâm đại từ bi, trụ nơi đây thêm vài năm nữa, chịu tội thêm một chút, mong mang thêm một ít người cùng đi, đấy là sứ mạng. Có người tiếp nhận, có người nghe lọt tai, có người tin tưởng thì chúng ta vẫn phải làm, một người cũng chẳng bỏ, tới lúc công đức viên mãn, tự nhiên ra đi. Ra đi cũng thị hiện rất tốt đẹp cho mọi người

thấy, giống như ông Hoàng Trung Xương, giống như bà cụ niệm Phật ở Đài Nam. Dù bà cụ suốt đời cũng không biết giảng kinh, cũng chẳng biết hoằng pháp, sự biểu hiện của cụ đã độ bao nhiêu người, khiến cho bao nhiêu người dấy lên lòng tin, khiến cho bao nhiêu người hóa giải nỗi hoài nghi đối Tịnh Độ. Đây là Tác Chứng Chuyển trong Tam Chuyển Pháp Luân; nay mọi người đòi hỏi chứng cứ, bèn tạo chứng cứ cho quý vị xem. "Kính đăng tứ độ", "kính" () là nhanh chóng, "tứ độ" là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ và Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức đặc thù. Trong các thế giới khác của chư Phật, tứ độ có giới hạn, chẳng ở cùng một chỗ. Thế giới Sa Bà này là báo độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, tứ độ chẳng cùng một chỗ. Chúng ta chỉ là nhân đạo trong lục đạo, nhân đạo là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, có Phật, Bồ Tát ở trên địa cầu hay không? Có chứ! Nhưng phàm phu chúng ta chẳng thấy các Ngài, người có duyên phận đặc biệt sẽ đôi khi thấy, các Ngài cũng không cho quý vị thường thấy. Đâu Suất Thiên là Phàm Thánh Đồng Cư Độ; trời Đâu Suất có nội viện và ngoại viện. Ngoại viện là phàm phu, phàm phu chẳng thấy Bồ Tát trong nội viện, thật sự có chướng ngại! Nhưng trong thế giới Cực Lạc không có chướng

ngại này, bốn cõi không có giới hạn, đều ở cùng một chỗ. Do vậy, người vãng sanh Hạ Hạ phẩm trong Phàm Thánh Đồng Cư đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể thấy Quán Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền trong cõi Thật Báo, đều có thể trông thấy. Không chỉ trông thấy, mà mỗi ngày còn học cùng một chỗ, cùng nghe A Di Đà Phật giảng kinh, mỗi ngày cùng học tập một chỗ, duyên này tìm ở đâu ra? Thông thường, không phải cùng một tầng lớp, sẽ chẳng thể ở chung một chỗ. Như bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm đúng là giống như chúng ta học tập trong nhà trường: Quý vị thuộc lớp Một, hết thảy mọi người trong phòng học đều là lớp Một, không có cách nào chuyển sang phòng học của lớp Hai, tình hình như thế đó! Theo kinh Hoa Nghiêm, Sơ Trụ Bồ Tát chẳng thấy Nhị Trụ, nhưng Nhị Trụ có thể thấy Sơ Trụ, Sơ Trụ chẳng thấy Nhị Trụ; nhưng thế giới Cực Lạc là bình đẳng, giống như là học sinh của năm mươi mốt lớp học đều cùng một chỗ. Tôi dùng tỷ dụ này, có lẽ mọi người hiểu được, học cùng một phòng học, quý vị hoàn toàn thấy được. Vì thế, sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới là sanh trọn bốn cõi, các cõi ấy ở cùng một chỗ, trong ấy chẳng có chướng ngại. Nay chúng ta nói không gian duy thứ (chiều không gian, spatial dimensions), Cực Lạc không có không gian duy thứ, đều thấy hết. Không chỉ có chỗ tốt đẹp này, mà sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị mỗi ngày có năng lực đi lạy vạn Phật. Chữ "vạn" này không phải là con số, mà [có nghĩa] là vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Quý vị có thể tới thân cận, cúng dường các vị Phật. Cúng dường là gì? Tu phước, nghe Phật thuyết pháp, khai trí huệ. Ở đây, chúng ta tìm một vị thầy tốt đẹp không ra, tới thế giới Cực Lạc, mỗi ngày bèn có vô lượng vô biên chư Phật thuyết pháp cho quý vị. Đi bằng cách nào? Hóa thân tới, thân của quý vị đang ở trước mặt A Di Đà Phật chẳng động, phân thân đi. Quý vị có thể phân ra vô lượng vô biên thân. Quý vị thấy trong kinh Di Đà, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng rất rõ ràng: Mỗi ngày cúng dường mười vạn ức Phật. "Mười vạn ức" là biểu thị pháp, vì thế giới Sa Bà cách thế giới Cực Lạc mười vạn ức cõi Phật, nghĩa là gì? Quý vị tới thế giới Cực Lạc, mỗi ngày đều có thể

trở về thăm [Sa Bà], mang ý nghĩa như vậy. Chẳng phải là quý vị còn có tình chấp đối với thế giới này ư? Cha mẹ, thầy, người nhà, quyến thuộc trong đời đời kiếp kiếp ở tại thế giới này, chẳng muốn tách rời, mỗi ngày đều có thể thấy họ, dụng ý ở chỗ này! Trên thực tế, không phải chỉ có vậy, đâu phải chỉ mười vạn ức! Cho thấy [người trong Cực Lạc] có đại thần thông. Tôn Ngộ Không trong Tây Du Ký mới có bảy mươi hai phép biến hóa, hắn còn kém lắm. Lông trên khắp người hắn, một sợi lông có thể biến thành một tiểu Tôn Ngộ Không, vẫn là có hạn lượng! Đến thế giới Cực Lạc, phân thân không có số lượng. Do vậy, sanh sang thế giới Cực Lạc là

sanh vào hết thảy các cõi Phật, trong các pháp môn khác không có điều này. Quý vị nói có thù thắng lắm hay không? “Cực viên cực đốn, bất khả tư nghị chi vi diệu pháp môn”, chẳng giả tí nào! Quý vị nói xem: Đời này gặp gỡ pháp này, được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, gặp được Hoa Nghiêm, gặp Vô Lượng Thọ, phước báo đã viên mãn, đâu có phước báo nào to lớn như thế! Đâu may mắn như thế! Hoàn toàn đạt được. Nếu quý vị chẳng biết quý trọng, sẽ là ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ! Con người sống chẳng phải một đời, mà là đời đời kiếp kiếp, điều gì tiếc nuối lớn nhất? Đây là tiếc nuối lớn nhất, không có gì tiếc nuối hơn nữa! Gặp cơ hội tốt như vậy, trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ! Thời Càn Long, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói, vị cư sĩ này cũng rất phi phàm, ông ta nói: Pháp môn Tịnh Tông là “một ngày khó thể gặp gỡ từ vô lượng kiếp đến nay”, [thế mà] quý vị đã gặp. Nói như bây giờ, Bành Tế Thanh là con em quan chức cao cấp, cha ông ta là Binh Bộ Thượng Thư của hoàng đế Càn Long, tức bộ trưởng Quốc Phòng. Vì vậy, gia thế tốt đẹp, là người thông minh, chưa đầy hai mươi tuổi đã đậu Tiến Sĩ, phải biết là [ông ta thi đậu] năm mười chín tuổi, chưa được hai mươi, [nếu đủ] hai mươi tuổi sẽ làm lễ Gia Quan (bới tóc lên, đội mão). Suốt đời chẳng làm quan, học Phật, hoàn cảnh gia đình tốt đẹp, học Phật đúng là học đến nơi đến chốn, Tông, Giáo, Hiển, Mật viên dung, là đại cư sĩ, đại đức thời ấy. Đến chỗ này là một đoạn. Chúng ta xem đoạn tiếp theo, “nhi kỳ trung chi Vô Lượng Thọ kinh giả, nãi Tịnh Độ quần kinh chi thủ yếu, Tịnh tông đại đức thường xưng vi Tịnh Độ đệ nhất kinh dã” (nhưng trong ấy, kinh Vô Lượng Thọ chính là kinh đứng đầu, chủ yếu trong các kinh Tịnh Độ, các bậc đại đức trong Tịnh Tông thường gọi kinh này là kinh Tịnh Độ bậc nhất). Không chỉ là kinh đứng đầu, chủ yếu trong các kinh Tịnh Độ, chúng ta có thể nói theo cách như thế này: Kinh này là kinh đứng đầu, cốt yếu của cả Đại Tạng Kinh. Do vậy, từ xưa tới nay, trải qua các triều đại, đặc biệt là các vị đại đức thời Tùy - Đường, kinh này được gọi là “Tịnh Độ đệ nhất kinh”. Luận theo phương diện thời gian phiên dịch, Tịnh Độ Tông truyền đến Trung Quốc, bộ kinh [Tịnh Độ] được phiên dịch đầu tiên là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà và Quán Kinh được dịch về sau này. Kinh này được dịch sớm nhất vào đời Hán, lúc vừa được truyền tới, nhằm thời ngài An Thế Cao. Thật đấy, chẳng giả đâu! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa phần 1 hết

---o0o---

Phần 02

Thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Kinh Giải, hàng thứ hai từ dưới đếm lên. Chúng ta từ "nhi kỳ trung chi Vô Lượng Thọ Kinh giả, nãi Tịnh Độ quần kinh chi thủ yếu, Tịnh Tông đại đức thường xưng vi Tịnh Độ đệ nhất kinh giả dã" (nhưng trong ấy, kinh Vô Lượng Thọ chính là kinh đứng đầu, chủ yếu trong các kinh Tịnh Độ; các bậc đại đức trong Tịnh Tông thường gọi kinh này là kinh Tịnh Độ bậc nhất). Trong phần trước, tôi đã nói với quý vị, câu này là do lão cư sĩ từ bi vô tận, trí huệ chân thật, vừa mở đầu, trong đoạn ngắn thứ nhất này, đã giới thiệu bộ kinh điển hy hữu này với chúng ta. Trong đời này, chúng ta may mắn có thể nghe, có thể đọc, có thể y giáo phụng hành, chúng ta có thể nói giống như ông Bành Tế Thanh: "Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay", ông ta nói nguyên văn như thế. Một ngày như vậy quá khó có! Nói "một ngày" thì chúng ta phải nắm chắc ngày ấy, ngày ấy không chỉ là vĩnh viễn thoát ly luân hồi lục đạo, mà thưa cùng quý vị, còn là vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới. Thoát ly lục đạo luân hồi, nhưng chưa thoát ly mười pháp giới, do thoát ly mười pháp giới khá khó khăn. Sau khi có được pháp môn này, sẽ thoát ly mười pháp giới. Ở đây nói là "Tịnh Độ quần kinh chi thủ yếu" (đứng đầu, trọng yếu nhất trong các kinh Tịnh Độ); theo tôi thấy, không chỉ là Tịnh Độ, mà còn là đứng đầu, trọng yếu nhất trong các kinh thuộc Đại Tạng Kinh! Quý vị đều biết: Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh là kinh đứng đầu, trọng yếu nhất của Bát Nhã bộ10, chẳng dài, hai trăm sáu mươi chữ. Đức Phật nói kinh Đại Bát Nhã suốt hai mươi hai năm, hai mươi hai năm giảng những gì? Tâm Kinh triển khai thành bộ Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, quy nạp lại, bèn thành hai trăm sáu mươi chữ này, bất tăng, bất giảm; nhưng Tịnh Độ Tông cũng có tâm kinh, tâm kinh là gì vậy? Kinh cuối cùng trong Tịnh Độ Ngũ Kinh là do Ấn Quang đại sư đề xuất, ghép vào sau Tịnh Độ Tứ Kinh, trở thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Tôi thấy cử chỉ này, kinh ngạc khôn cùng, thật sự rất tuyệt, đấy chính là Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương trong kinh Lăng Nghiêm. Kinh văn của chương này là bao nhiêu? Còn ít hơn Bát Nhã Tâm Kinh, hai trăm bốn mươi bốn chữ. Bát Nhã Tâm Kinh có hai trăm sáu mươi chữ; chương này có hai trăm bốn mươi bốn chữ, là Tâm Kinh của Tịnh Tông. Tịnh Tông là phần quan trọng hàng đầu trong giáo pháp của cả Đại Tạng Kinh. Nói cách khác, Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương có thể nhiếp trọn vẹn hết thảy kinh giáo và vô lượng pháp môn do thập phương tam thế hết thảy Như Lai đã nói, thật đấy, chẳng giả đâu! Viên Thông Chương dạy

chúng ta: "Bất giả phương tiện tự đắc tâm khai" (chẳng nhờ vào phương tiện, tâm tự khai ngộ), "đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế" (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối) bèn thành công, bèn viên mãn. Đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn trong Phật pháp, trong một đời này chúng ta được gặp gỡ, may mắn khôn sánh, phải giữ chắc. Nếu chẳng giữ lấy, đáng tiếc quá! Quý vị luân hồi trong lục đạo, ngày nào mới có thể gặp được những thứ này? Chúng ta lại đọc tiếp, "chí ư Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh giả, nãi tiên sư Hạ Liên Cư lão cư sĩ, hội tập Vô Lượng Thọ Kinh, Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống, ngũ chủng nguyên dịch, quảng hiệt tinh yếu, viên nhiếp chúng diệu, hội thành kim kinh, hiện thôi vi Vô Lượng Thọ Kinh chi thiện bổn giả dã" (Còn như Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang

Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh là do tiên sư là lão cư sĩ Liên Cư, hội tập năm bản dịch kinh Vô Lượng Thọ trong các đời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống, chọn rộng rãi những chỗ tinh yếu, thâu tóm trọn vẹn các chỗ hay, hội tập thành bản kinh này, nay được tôn là bản hoàn thiện nhất của kinh Vô Lượng Thọ). Chuyện này không dễ dàng! Thầy của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là cụ Hạ Liên Cư, cụ Hoàng sanh trưởng trong một gia đình tin Phật pháp, cậu của cụ Hoàng là cư sĩ Mai Quang Hy. Trong thuở ấy, Phật môn có câu "Nam Mai, Bắc Hạ", [nghĩa là] trong giới tại gia học Phật, ở phía Nam, người bậc nhất là cụ Mai Quang Hy; ở phương Bắc, người bậc nhất là cụ Hạ Liên Cư. Câu "Nam Mai, Bắc Hạ" chỉ hai vị đại đức này. Hai người họ là đồng sự bao nhiêu năm, là đồng tham đạo hữu, quan hệ vô cùng thân thiết. Hoàng Niệm Tổ là cháu được gởi sang bên cụ Hạ, theo cụ Hạ học Phật. Theo học hơn hai mươi năm, trở thành truyền nhân, là đệ tử truyền pháp của cụ Hạ, trong Phật môn chúng ta gọi là "pháp tử". Bộ kinh này do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập dựa trên năm bản dịch gốc trong các đời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống được bảo tồn trong Đại Tạng Kinh. Nói về triều đại, Ngụy là nhà Tào Ngụy11 thuộc thời đại Tam Quốc, triều Ngô cũng thuộc thời Tam Quốc. Ngụy và Ngô đều thuộc thời đại Tam Quốc, cùng với [các bản dịch thời] Đường và Tống, tổng cộng là năm bản dịch gốc. Sự phiên dịch này sẽ được nói trong phần sau. Với kỹ thuật ấn loát phát triển hiện tại, tìm năm bản dịch gốc chẳng khó khăn gì! Đừng nói chi thời cổ, ngay trong lúc tôi học Phật, tức sáu mươi năm trước. Vào sáu mươi năm trước đây, ấn loát vẫn dùng chữ đúc bằng kim loại để sắp chữ, kể như đã tiến bộ lắm rồi, nhưng vẫn chẳng sánh bằng lối in bằng cách chụp ấn bản như hiện thời, hết sức thuận tiện! Thuở ấy, thư tịch cũng chẳng dễ gì tìm được, rất khó tìm năm bản dịch này. Bản thường thấy nhất là bản dịch đời Ngô, tức bản của ngài Khang Tăng Khải12; kinh Vô Lượng Thọ chỉ có bản này lưu thông bên ngoài nên [hành nhân Tịnh Độ] có

thể đọc được, bốn bản kia rất ít lưu truyền. Chúng ta rất khó đọc được cả năm bản dịch gốc, trừ phi tìm trong Đại Tạng Kinh, chứ không có bản lưu thông riêng! Theo cổ đại đức, năm bản dịch có nội dung sai khác rất lớn, có những điều được bản dịch này nói tới, bản dịch kia chẳng có. Do vậy, cổ đại đức đã căn cứ trên chân tướng sự thật này để phán đoán: Đúng là trong thuở ấy, đức Thế Tôn đã nhiều lần tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, nên mới có tình hình này. Nếu chỉ tuyên đọc một lần, người phiên dịch dẫu nhiều, nói chung, [nội dung các bản dịch] sẽ là đại đồng tiểu dị, chẳng sai biệt rất lớn. Cách suy đoán này rất hợp với lý luận, chúng ta thừa nhận cách suy đoán ấy chính xác. Nhiều lần tuyên giảng, tỏ rõ pháp môn này trọng yếu. Thật đấy! Đặc biệt là trong thời kỳ Mạt Pháp, hết thảy chúng sanh có thể đắc độ trong một đời, có thể nói là [chỉ có] pháp môn này. Chúng ta có thể nói: Về sau, cụ Hoàng Niệm Tổ niệm Phật vãng sanh. Lúc cụ bệnh nặng, đã cậy bạn bè bảo cho tôi biết: Mỗi ngày cụ niệm Phật mười bốn vạn tiếng, niệm Phật viên tịch. Cụ là Kim Cang Thượng Sư bên Mật Tông, nhưng chẳng tu Mật pháp, mà niệm Phật qua đời. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng là Hiển Mật viên dung, cuối cùng vãng sanh cũng là niệm Phật qua đời. Những vị này đều là biểu diễn cho chúng ta xem. Hai câu kế đó gồm tám chữ nhằm giới thiệu đơn giản ưu điểm của bản hội tập này. "Quảng hiệt tinh yếu" nghĩa là toàn bộ những tinh hoa và phần khai thị quan trọng nhất trong năm bản dịch gốc đều thuộc trong bản hội tập này. Do vậy,

chúng ta có thể nói: Bản hội tập này là bản tổng hợp hoàn chỉnh của năm bản dịch gốc, cụ Hạ đã thực hiện công tác này. “Viên nhiếp chúng diệu”, “viên” () là viên mãn, Lý, Sự tinh diệu nhất trong năm bản dịch gốc đều được gom vào bộ kinh này. “Hiện thôi vi Vô Lượng Thọ kinh chi thiện bổn giả dã” (được đề cao là bản kinh Vô Lượng Thọ hoàn thiện nhất), ai đề cao? Lão cư sĩ Hạ Liên Cư rất khiêm hư, đương nhiên cụ sẽ ngượng ngùng, chẳng tự nói. Quả thật là so với ba bản hội tập trong quá khứ, cả ba bản hội tập ấy đều có tỳ vết, còn bản này chẳng tìm được một khuyết điểm nào, khó có lắm! Người đề cao đầu tiên là lão pháp sư Huệ Minh, tức vị thầy quy y của cụ Hạ Liên Cư. Đây là một vị xuất gia, là một vị lão pháp sư thông Tông lẫn thông Giáo, Hiển Mật viên dung. Trong giới cư sĩ, người đầu tiên đề cao là đại sĩ Mai Quang Hy. Bản này truyền sang Đài Loan, cũng do một lão cư sĩ từ Sơn Đông mang sang Đài Loan. Phía trước bản này có một bài tựa rất dài; chư vị thấy trong bản in hiện thời, bài ấy được in kèm vào phía sau kinh. Thầy Lý thấy đây là lời tựa do thầy của mình viết để giới thiệu, bèn hoan hỷ khôn sánh! Khi đó, thầy Lý mới ngoài sáu mươi, đại khái khoảng sáu mươi lăm tuổi, thấy bản này, bèn giảng tại Đài Trung một lần. Bản này vừa mới được hội tập xong, được lưu thông với số

ấn bản không nhiều lắm, đại khái chỉ in ba ngàn bản, số lượng không nhiều! Sau khi bản này ra đời, đương nhiên chưa có ai viết chú giải. Về sau này, chỉ nghe nói có pháp sư Từ Châu là một vị trưởng lão bên Luật Tông, Sư là một vị đại đức trong Phật môn vào đầu thời Dân Quốc, giảng bản này một lần tại Sơn Đông, lại còn viết khoa phán. Hoàng lão cư sĩ đã photocopy bản khoa phán này tặng cho tôi một quyển; tôi dựa theo bản khoa phán của Ngài, viết một bản khoa phán tỉ mỉ hơn, tôi có bản khoa hội này. Bản này được nhiều người tôn sùng như thế. Thầy Lý giảng bộ kinh này, tự viết lời mi chú; đọc lời mi chú của thầy, tôi có thể hiểu [nội dung của kinh]. Cụ phân chia [kinh văn thành] từng đoạn, nêu đại ý mỗi đoạn, đó chính là “khoa đề” (tựa đề của từng khoa) nhằm nêu rõ nội dung. Vì thế, lần đầu tôi giảng bộ kinh này tại Mỹ, đã dựa theo lời mi chú của thầy. Hình như đã giảng chừng hai ba lần rồi mới gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cụ tặng tôi bản chú giải này. Trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị, cụ tặng tôi bản in bằng ronéo, in trên giấy thường, chữ in trong ấy lờ mờ, bản in như vậy đó. Khi ấy, cụ Hoàng trở về Bắc Kinh, tôi bèn cậy người thỉnh giáo lão nhân gia xem cụ có giữ bản quyền hay không. Nếu cụ giữ bản quyền, chúng tôi rất tôn trọng cụ. Nếu không giữ bản quyền, tôi chuẩn bị in thành sách, chính thức lưu thông tại Đài Loan. Cụ phúc đáp: “Không giữ bản quyền”, lại muốn tôi viết lời tựa, muốn tôi ghi tựa đề cho tác phẩm này13. Vì thế, chúng tôi in lần đầu một vạn bộ tại Đài Loan, bản này bèn được lưu thông tại hải ngoại. Tịnh Tông Học Hội do cụ Hạ đề xướng. Phật pháp muốn hoằng dương trong xã hội hiện đại, cần phải có chánh danh (danh xưng chính đáng) như câu nói: “Danh bất chánh, tắc ngôn bất thuận” (Danh chẳng chính đáng, chẳng thể nói lọt tai). Trong quá khứ, vào thời cổ, đạo tràng nhà Phật đều gọi là “tự viện, am, đường”, dùng danh xưng này; người hiện thời thấy danh xưng ấy bèn ngỡ là tôn giáo, cho là mê tín. Do vậy, cụ Hạ đề ra “chánh danh”, “danh bất chánh, tắc ngôn bất thuận” rất có lý; tôi nghe xong, hoan hỷ, hết sức tán thành. Cụ nói: Đạo tràng là nơi đại chúng cùng nhau tu hành, hãy nên gọi là Học Hội. Tịnh Độ Tông thì Tịnh Tông Học Hội, Hoa

Nghiêm Tông thì gọi là Hoa Nghiêm Học Hội, [tông Thiên Thai dùng danh xưng] Thiên Thai Học Hội, dùng chữ Học Hội. Cơ cấu giáo học dùng chữ Học Viện, tuyệt lắm! Người ta vừa nhìn, liền biết đây là cơ cấu giáo dục, chẳng đến nỗi dính dáng mê tín, đề nghị này hết sức hay! Nhưng sau khi đề ra, chưa từng thiết lập trong nước, chẳng chính thức thành lập. Vì thế, cụ Niệm Tổ dặn tôi hãy thành lập tại hải ngoại: "Ông giảng kinh, hoằng pháp các nơi, hy vọng ông có thể thành lập bộ môn Tịnh Tông Học Hội ở các nơi". Tịnh Tông Học Hội đầu tiên được thành lập ở Vancouver là Gia Nã Đại Tịnh Tông Học Hội, hiện thời vẫn còn. Thứ hai là Mỹ Quốc Tịnh Tông Học Hội được thành lập tại Sunnyvale, San Jose, California, hiện vẫn còn tồn tại, do

cư sĩ Dương Nhất Hoa chủ trì. Sau đấy, tại Mỹ và Gia Nã Đại, tôi thành lập tổng cộng hơn ba mươi hội, chắc là hiện thời vẫn còn, cũng có nơi chẳng còn. Tôi nghĩ là phải có mười mấy hội tại Mỹ và Canada. Thành lập nhiều nhất là ở Malaysia. Quốc gia Malaysia không lớn, nay sợ rằng có hơn một trăm Tịnh Tông Học Hội, gần tới hai trăm hội, nơi ấy có nhiều nhất! Một nơi khác nữa là Âu Châu. Tôi biết ở Âu Châu, tại các quốc gia chủ yếu, gần như đều có [học hội], chẳng hạn như Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha đều có. Tại Úc Châu hình như có mười mấy chỗ. Trên thực tế, Tịnh Tông Học Hội có tánh chất không khác gì liên xã thuở xưa, chỉ là thay đổi tên gọi. Học hội không có tổ chức, không có quyền quản trị theo hàng dọc; cho nên nhân sự, kinh tế, hành chánh [của các học hội] hoàn toàn độc lập. Phàm là Tịnh Tông Học Hội, chúng ta đều là đồng đạo, đồng môn hữu nghị, quan hệ hữu nghị; các hoạt động theo quy mô lớn khi được yêu cầu, chúng ta đều góp sức, hỗ trợ hợp tác, không giống những giáo hội thông thường! Họ có tổng hội, phân hội, chúng ta không có! Chúng ta không có hội nào là tổng hội, hay hội nào là phân hội, không có! Mỗi hội đều lớn như nhau, đều là bậc nhất, không có bậc nhì. Thuở đức Thế Tôn tại thế, dạy học bốn mươi chín năm, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng lập một tổ chức nào, thậm chí một trường học cũng chẳng mở, cũng chẳng có lớp học nào! Tinh thần này tốt đẹp, thật sự "thanh tịnh, bình đẳng, giác", chúng ta phải biết vĩnh viễn gìn giữ, phát dương quang đại, hòng hoàn toàn tương ứng với Tánh Đức. Đây là nói thêm về lòng yêu thương của các vị lão nhân đối với hậu thế, chỉ dạy chúng ta nên làm như thế nào trong thời đại này. Ấn Quang đại sư nói càng hay hơn nữa. Tổ Ấn Quang nói: Trong thời kỳ Mạt Pháp, cũng là nói trong thời đại hiện tại này, đạo tràng không nên quá lớn, đồng học chớ nên quá đông. Ngài dạy chúng ta: Tốt nhất là đồng học đừng nhiều hơn hai mươi người. Đúng thế, trong xã hội hiện thời, cách này hay lắm, chi tiêu ít, hai ba vị hộ pháp khá giả sẽ có thể chiếu cố [đạo tràng]! Điều kiện đầu tiên của người tu hành là: Thân an ổn, đạo mới hưng thịnh. Quý vị muốn thân và tâm yên ổn, hết thảy đều phải đơn giản hóa. Nếu đơn giản, sẽ chẳng cầu cạnh ai, không sợ khổ. Đức Phật dạy chúng ta hai điều kiện. Lúc sắp viên tịch, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy các đệ tử hai điều kiện từ nay trở đi: - Thứ nhất là phải trì giới, lấy Giới làm thầy. - Thứ hai là lấy khổ làm thầy. Quý vị không thể chịu khổ, chẳng thể trì giới, sẽ chẳng đạt được gì, [nếu có đạt được điều gì], đó là giả, chẳng thật! Hai câu khai thị này quan trọng hơn bất cứ điều gì khác, chúng ta có làm được hay không? Vì lẽ gì người thuở trước có thể làm được? Cuối đời Thanh, đầu thời Dân Quốc, mọi người đều có thể làm được, vì sao người hiện thời không thể làm được? Tôi suy

nghĩ vấn đề này rất lâu, tôi đã tới rất nhiều nơi, gặp rất nhiều bạn học Phật trong nhà Phật chúng ta, kẻ tại gia không hành Thập Thiện Nghiệp, hàng xuất gia không hành Sa Di Luật Nghi, chúng tôi cảm thấy rất tiếc nuối. Chúng ta truy tìm nguyên nhân vì đâu? Truy tới cuối cùng, tìm ra căn nguyên: Thiếu giáo dục! Vào cuối đời Thanh, đầu thời Dân Quốc, tức là khoảng từ năm Dân Quốc 20 (1931) trở về trước, tuy truyền thống văn hóa đã suy vi, ít người nói tới, nhưng vẫn có người nhắc tới, vẫn có người làm chuyện này, nên còn có cội rễ! Cũng có thể nói là gia giáo14 chưa hoàn toàn đoạn tuyệt, gia giáo tại Trung Quốc là giáo dục tư thục. Quê chúng tôi là đất văn hóa thịnh vượng vào thời cổ, phái văn học Đồng Thành15 thuộc quê hương chúng tôi, trong hai thời Minh và Thanh đã xuất hiện rất nhiều người tài năng. Tại nông thôn, trong các thôn trang, trẻ nhỏ đều đi học, gần như không có trẻ nhỏ thất học, trường học mở trong các từ đường. Do có căn bản này, nên từ nhỏ đã học biết quy củ, đọc các sách cổ, có căn bản, tức là có căn bản về Nho học, có căn bản đạo đức. “Đạo” [ở đây] chính Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Đạo tràng phổ biến nhất của Đạo gia là miếu Thành Hoàng, sự giáo dục quan trọng nhất trong ấy là Thập Vương Điện, [tức điện thờ] Thập Điện Diêm Vương, dạy điều gì? Dạy nhân quả. Phụ nữ ở nông thôn mỗi năm đến miếu Thành Hoàng dâng hương cũng phải bốn năm lượt. Thuở nhỏ, tôi theo mẹ, khi đó, hãy còn rất bé, độ năm sáu tuổi, tới miếu Thành Hoàng thắp hương, cha mẹ có cơ hội giáo dục, bảo chúng tôi: “Khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm, cử chỉ đều đừng nên phạm tội. Phạm tội thì con thấy hình phạt là núi đao, vạc dầu. Nói dối bị rút lưỡi”. Ấn tượng này rất sâu, suốt đời cũng không thể quên! Lớn lên, khởi tâm động niệm bèn nghĩ đến miếu Thành Hoàng, có những chuyện quý vị chẳng dám làm. Cổ nhân Trung Quốc nói: “Thiểu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên” (Tập luyện từ nhỏ sẽ trở thành tánh tình giống như bẩm sinh, do thói quen trở thành tự nhiên). Giáo dục được dưỡng thành từ nhỏ, sanh hiệu quả rất lớn. Gặp chuyện, quý vị sẽ suy nghĩ xem chuyện này có nên làm hay không, sau này còn có nhân quả ra sao, cho nên kinh sợ! Vì vậy, học Phật, Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện rất dễ tiếp nhận, rất dễ làm được! Hiện thời vì sao khó khăn dường ấy? Giáo dục cơ sở truyền thống, giáo dục đặt nền tảng căn bản đã bị vứt bỏ. Chúng ta đánh nhau với Nhật Bản tám năm, [sự giáo dục căn bản này bị bỏ mất], tôi cảm thấy tổn thất khôn sánh. Sau này, chúng tôi dần dần tiếp xúc Phật pháp, quay trở về truyền thống văn hóa, [nhận biết] mối quan hệ giữa Nho, Thích và Đạo hết sức mật thiết, vĩnh viễn chẳng có cách nào tách rời! Sau khi tiếp xúc bèn hiểu rõ, [biết truyền thống văn hóa] thật tốt đẹp! Trên khắp thế giới không tìm đâu ra! Sau khi quý vị học rồi, mới thật sự yêu

thương đất nước, yêu thương dân tộc, khắp thế giới không tìm đâu ra được [nơi nào có mối quan hệ này]. ....Nhiều năm qua, chúng tôi tới nhiều quốc gia, qua lại với người ngoại quốc, biết mình, biết người, chúng ta hiểu ưu điểm lẫn nhược điểm của họ. Họ biết nhược điểm của người Trung Quốc, nhưng không biết ưu điểm, trừ một số ít nghiên cứu văn hóa và lịch sử Trung Quốc là hiểu được, không ai chẳng bội phục. Đó là [truyền thống văn hóa giáo dục] nhân tánh, họ bội phục. Như học giả Thang Ân Tỷ (Arnold J. Toynbee) đã nói rành rẽ: “Giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Đại Thừa Phật pháp”, người Anh đã nói như thế

đó. Đúng vậy, chẳng giả tí nào! Tôi tham dự hội nghị hòa bình do Liên Hợp Quốc chủ trì mười mấy lần; hiện thời, quốc tế và xã hội quá rối ren, gần như đã tới tình trạng không thể vãn hồi, làm thế nào đây? Do vậy, khi tôi giảng diễn tại Kiếm Kiều (Cambridge), đã hỏi các đồng học: "Người Anh nói như thế đó, những thứ trong Nho gia và Đại Thừa Phật pháp thật sự có thể giải quyết vấn đề hay chăng?" Các đồng học cười, không ai trả lời! Tôi lại hỏi: "Hóa ra tiến sĩ Thang Ân Tỷ nói trật lất rồi sao?" Cũng chẳng có ai nói gì! Cuối cùng, tôi nêu quan điểm của mình, tôi nói: "Ông Thang Ân Tỷ nói không sai, đại khái là do chúng ta đã đọc và hiểu sai!" Vì sao? Đối tượng nghe tôi nói chuyện đều là sinh viên ngành Hán học, đều nghiên cứu văn hóa truyền thống của Trung Quốc, nghiên cứu rất nghiêm túc, chúng ta chẳng thể không bội phục. Rất nhiều sinh viên thuộc lòng Luận Ngữ, tôi không thuộc Luận Ngữ, hoàn toàn thua họ. Họ dùng kinh điển Nho gia hay kinh Phật để viết luận án Tiến Sĩ. Trong đó, có một sinh viên cho tôi biết anh ta dùng kinh Vô Lượng Thọ để viết luận án Tiến Sĩ. Tôi nói: "Kinh Vô Lượng Thọ có chín phiên bản khác nhau, anh dùng bản nào?" Anh ta dùng bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư, cùng một bản như chúng ta đang học. Tôi nói: "Ngày hôm nay chúng tôi nhắc tới Khổng Mạnh, ngay lập tức quý vị nghĩ đến Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, nghĩ đến những sách ấy. Nói đến Đại Thừa Phật học, nhất định sẽ nghĩ đến Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã. Những kinh điển Đại Thừa ấy đối với các vị rất quen thuộc, chúng có thể giải quyết vấn đề xã hội trong hiện tại hay không?" Không ai dám nói gì. Tôi bảo họ, [nghĩ như vậy] là hiểu lầm! Nhắc tới văn hóa truyền thống của Trung Quốc, quý vị đều nghĩ tới những sách vở mang tánh chất đại biểu, không sai! Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh là đại biểu cho Nho gia. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã, Pháp Tướng là đại biểu của Đại Thừa Phật pháp, đúng vậy. Những thứ ấy là hoa quả, thật đẹp, thật ưa nhìn, hoa quả từ đâu ra? Mọc trên cành nhánh. Cành nhánh do đâu mà có? Cành nhánh có cội rễ; cội rễ là gì? Cội rễ của Phật pháp là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo chẳng dài;

trong kinh, đức Phật đã giảng rất rõ ràng: Thập Thiện Nghiệp Đạo giống như đại địa, cây cối, hoa, cỏ, đều sanh từ mặt đất. Như vậy mới là đã tìm được cội rễ. Đức Phật dùng điều này làm tỷ dụ. Pháp nhân thiên, Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề, đều sanh từ đại địa này, tìm được cội rễ rồi. Cội rễ của Khổng Mạnh là gì? Cội rễ của Khổng Mạnh là Đệ Tử Quy. Cội rễ của Đạo Giáo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên; ba thứ này không ai nghĩ đến! Những thứ này có thể sanh ra Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, có thể sanh ra hết thảy các pháp Đại Thừa, sanh từ đây. Quý vị tìm những thứ này, học từ đây, hạ công phu là được, thật sự cứu được. Để cứu xã hội hiện thời, ba loại cội rễ này sẽ hữu dụng. Hiện thời, chúng tôi nghĩ tai nạn rất nhiều, trong kinh luận, đức Phật đã dạy chúng ta: Nếu một địa phương có đạo tràng, một đạo tràng thật sự, chẳng giả. Đạo tràng thật sự là gì? Là Lục Hòa Kính. Quý vị thấy khi chúng ta thọ trì Tam Quy, "quy y Tăng, chúng trung tôn", phải đọc lời thề này, câu này có nghĩa là gì? Tăng là tăng đoàn, là đoàn thể. Đoàn thể như thế nào sẽ được gọi là Tăng đoàn? Tăng đoàn không nhất định là người xuất gia! Mọi người học Phật nhất định phải hiểu rõ điều này. Từ bốn người trở lên, sống cùng một chỗ, đều tu Lục Hòa Kính thì gọi là Tăng đoàn, hay Hòa Hợp Chúng. "Chúng" () là từ bốn người trở lên, người Trung Quốc

gọi ba người là “chúng”, nhưng trong Phật pháp, bốn người gọi là “chúng”. Bốn người ấy nếu là gia đình của quý vị, gia đình quý vị có bốn người, trong gia đình tu Lục Hòa Kính thì gia đình quý vị là Tăng Đoàn. Tăng Đoàn sanh ra hiệu quả gì? Thập phương chư Phật hộ niệm, hết thảy long thiên thiện thần ủng hộ. Nơi nào có đoàn thể này, nơi ấy không có tai nạn, thật đấy, chẳng giả đâu! Do vậy, “Tăng” không phải chỉ riêng người xuất gia! Chư vị phải biết: Xuất gia và tại gia đều như nhau, bốn người cùng tu hành một chỗ [là Tăng đoàn]. Lục Hòa Kính là gì? Chúng ta cũng treo những điều này phía ngoài lầu mười, quý vị vào đó sẽ thấy: “Kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tránh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân”, sáu điều ấy. Phải làm thế nào mới có thể thực hiện những điều ấy? Thưa quý vị, thực hiện ba món căn bản [của Nho, Thích, Đạo như đã nói trên], sẽ thực hiện được [Lục Hòa Kính]. Nếu trong đoàn thể nhỏ này, chúng ta thực hiện Đệ Tử Quy, thực hành Cảm Ứng Thiên, thực hành Thập Thiện Nghiệp, sẽ là Tăng đoàn hòa hợp. Đoàn thể nhỏ này có số lượng từ bốn người trở lên; nếu nhiều thì chẳng hạn chế số lượng, tu hành trong đạo tràng này, đạo tràng này được thập phương chư Phật hộ niệm, tất cả long thiên thiện thần phù hộ. Có đạo tràng như vậy hay không? Tôi học Phật năm mươi chín năm rồi mà chưa hề thấy! Không chỉ là chưa thấy, mà cũng chưa nghe nói tới! Tôi chỉ nghe nói hai người xuất gia ở cùng một chỗ hằng ngày đều

cãi nhau, đau buồn thay! Hiện nay lắm tai nạn như thế, nếu xuất hiện một Tăng đoàn như vậy, Hương Cảng có một Tăng đoàn như vậy xuất hiện, cả khu Hương Cảng này sẽ chẳng có tai nạn. Quý vị có chịu phát tâm hay không? Chúng tôi đề nghị: Người thật sự phát tâm hãy ghi danh, ký tên. Trước đó, phải suy nghĩ cẩn thận, thật sự thực hiện. Nếu không làm, đừng bỡn cợt. Đùa bỡn tội rất nặng. Chúng ta chẳng thể đòi hỏi người khác, phải từ chính mình làm, từ bản thân làm, làm từ đạo tràng nhỏ này của chúng ta. Tôn trọng đạo tràng của người khác, quyết định chẳng phê bình, quyết định không can thiệp, quyết định chẳng nói người khác là sai, hết thảy hãy từ chính mình mà làm, từ đạo tràng nhỏ của chúng ta mà làm. Hãy xem đạo tràng nhỏ của chúng ta có ai ghi tên hay không? Có người phát tâm thật sự làm hay không? Tai nạn lắm như vậy, làm thế nào để cứu khu vực Hương Cảng? [Nếu] Hương Cảng không có tai nạn, tôi tin tưởng vùng duyên hải Trung Quốc sẽ không có tai nạn. Hướng ra ngoài, từ Nhật Bản, Hàn Quốc tới Đài Loan, Phi Luật Tân, dưới là đến Việt Nam, những khu vực này cũng chẳng có tai nạn, quý vị nói xem: Công đức này nhiều lắm! Hoàn toàn do chính mình có chịu phát tâm hay không, chịu thật sự làm hay không? Lão cư sĩ Hạ Liên Cư suốt đời thường nói hai chữ này, “chân cán” (thật sự làm). Thật sự thực hành ba thứ căn bản ấy, chúng ta quy y kinh Vô Lượng Thọ. Quy () là quay đầu, Y () là dựa vào, dựa vào đạo lý được giảng trong kinh Vô Lượng Thọ, nương theo phương pháp giảng trong kinh Vô Lượng Thọ, nghiêm túc tu hành, không ai chẳng sanh Tịnh Độ. Sanh vào Tịnh Độ là thành Phật trong một đời. Nói cách khác, quý vị thành Phật trong đời này, công đức viên mãn; nhưng quý vị phải ghi nhớ: Muốn thật sự viên mãn, ba món căn bản này rất trọng yếu. Có người cho tôi biết dường như người chẳng có ba căn bản này, nghe nói cũng vãng sanh, có tình hình này hay không? Có! Nhưng ba căn bản của người ấy chẳng lộ rõ! Người ấy có hay không? Chắc chắn là có; nếu không, làm sao có thể vãng

sanh, đâu có lẽ này? Nói tới một bà cụ già niệm Phật vãng sanh, suốt đời cũng chưa hề học Phật, cũng chẳng hề học Đạo, mà cũng chẳng hề học Nho, chuyện gì cũng chẳng biết. Quý vị lấy tiêu chuẩn của Đệ Tử Quy để xem xét, bà cụ có phạm một điều nào hay chăng? Quý vị nghiêm túc kiểm tra, bà cụ chẳng phạm một điều nào, tuy chưa từng học! Thập Thiện Nghiệp chưa hề học, nhưng người này đúng là thiện nhân, trọn đủ! Quý vị quan sát cẩn thận, mới phát hiện: Người vãng sanh, người niệm Phật vãng sanh, bất luận có học hay không, biết chữ hay không, đều là người rất có đức hạnh, đều thật sự là thiện nhân mới có thể vãng sanh. Kẻ tâm hạnh chẳng lành, lắm mưu mô, rất khó vãng sanh. Vì sao? Quý vị chẳng thể đến thế giới Cực Lạc là nơi chư thượng thiện nhân hội họp. Quý vị vẫn dấy lòng tính toán, làm sao có thể vãng sanh cho

được? Quý vị khởi tâm động niệm, Phật, Bồ Tát biết ngay, chư thượng thiện nhân ai nấy đều biết. Thật à? Thật đấy! Sách Hoàn Nguyên Quán dạy chúng ta thế này: Trong tâm của hết thảy chúng sanh vừa mới dấy một niệm, niệm ấy bèn trọn khắp pháp giới. Tốc độ quá nhanh, xứng tánh, nhưng bản thân chúng ta không biết! Bất luận niệm gì, chỉ cần niệm vừa dấy lên, sẽ có ba thứ trọn khắp: - Thứ nhất là tin tức này trọn khắp pháp giới. - Thứ hai là xuất sanh vô tận. - Thứ ba là chứa đựng cả Không lẫn Có. Trong một niệm bèn có ba thứ trọn khắp. Quý vị không có cách nào tưởng tượng phạm vi trọn khắp ấy, người Trung Quốc có hai câu nói hình dung hết sức hay: “Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội” (không có gì lớn mà ra ngoài, không có gì nhỏ mà chẳng lọt vào trong). Hai câu này rất nhiều người nghe đã quen tai, cũng đều có thể nói, nhưng trên thực tế, rất khó nói rõ ý nghĩa! “Kỳ đại vô ngoại” là không có ngằn mé, nhưng “kỳ tiểu vô nội” khó hiểu! Kinh Hoa Nghiêm đã giảng rất hay, thế nào là “vô nội?” Trong một hạt vi trần có thế giới, thế giới như thế nào? To như thế giới bên ngoài! Trong vi trần có thế giới, thế giới trọn chẳng rút nhỏ, vi trần chẳng phình to, vẫn như vậy, chẳng lớn hay nhỏ! Thế giới trong vi trần lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận, gọi là “kỳ tiểu vô nội”. Quý vị truy tìm đến tột cùng được chăng? Tìm không được, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật chẳng nói dối, vì sao? Quý vị kiến tánh sẽ thấy được, bèn hiểu rõ. Quý vị chưa kiến tánh, nghĩ cách nào cũng nghĩ không ra, đều chẳng thể tư duy được! Do vậy, gọi là chẳng thể nghĩ bàn, [tức là] chẳng thể nghĩ, chẳng thể tưởng, cũng chẳng có cách nào bàn luận, xứng tánh mà! Thứ gì chẳng xứng tánh? Thứ nào cũng đều xứng tánh, chỉ là do chúng ta mê, nên bất giác! Ở đây nói tới bản hay nhất, bản tiêu chuẩn tốt nhất, trong bản này không có chữ sai. Sợ nhất là sách bị sai chữ, trong bản này không có chữ sai, đó chính là bản tốt nhất. Nghĩa lý chẳng bị khiếm khuyết, lớp lang hoàn chỉnh, phương pháp tinh tế. Chiếu theo lý luận và phương pháp này tu hành, quý vị có thể đạt được lợi ích chân thật. Lợi ích chân thật quan trọng nhất là: Quý vị liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, liền khế nhập cảnh giới, đó gọi là “liễu nghĩa rốt ráo”. Chúng ta thường gọi khế nhập cảnh giới là “chứng quả” hay “thành Phật”, có ý nghĩa như vậy! Chúng ta xem câu tiếp theo. “Vô Lượng Thọ kinh nãi Tịnh Tông chi tổng cương” (kinh Vô Lượng Thọ là tổng cương lãnh của Tịnh Tông): “Cương” () là cương lãnh, [tổng cương] là tổng cương lãnh; do vậy, được

gọi là “Tịnh Tông đệ nhất kinh”. Kinh Tịnh Tông không nhiều lắm. Trong tất cả các tông phái, chỉ có Tịnh Độ Tông là kinh điển ít nhất, chỉ có ba bộ kinh, một bộ luận, đó là [nói về] lúc xưa. Ba bộ kinh, thứ nhất là kinh Vô Lượng Thọ, thứ nhì là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, còn gọi là Thập Lục Quán Kinh, thứ ba là A Di Đà Kinh, phân lượng đều rất ít; một luận là Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát, tam kinh nhất luận! Một luận chính là báo cáo tâm đắc về việc tu Tịnh Độ, vãng sanh thế giới Cực Lạc của Thiên Thân Bồ Tát để chúng ta tham khảo. Hiện thời thì sao? Hiện thời là ngũ kinh nhất luận, ngũ kinh do đâu mà có? Ba kinh là do Phật nói, ngũ kinh là trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh; vợ vua Hàm Phong là Từ Hy Thái Hậu mọi người đều biết, nói đến Hàm Phong thì chẳng mấy ai biết đến! Nói Từ Hy Thái Hậu rất nhiều người biết, chồng Từ Hi Thái Hậu là Hàm Phong. Trong niên hiệu Hàm Phong, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, trong phần sau sẽ giới thiệu, vị lão cư sĩ này cũng rất giỏi, đem quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, không phải là một phẩm, quyển cuối cùng [của kinh Hoa Nghiêm] là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, đem quyển cuối cùng này của kinh Hoa Nghiêm, tức là rút ra một chương trong một phẩm này, ghép vào sau Tịnh Độ Tam Kinh, trở thành Tịnh Độ Tứ Kinh. Do vậy, nếu sau này, quý vị thấy trong Phật môn có Tịnh Độ Tứ Kinh, quý vị biết đó là do ông Ngụy Mặc Thâm thêm vào. Thêm hay lắm! Vì sao thêm vào rất hay? Trong kinh Vô Lượng Thọ, đặc biệt là trong bản hội tập của cụ Hạ, chúng ta thấy phẩm thứ hai là Đức Tuân Phổ Hiền, một chương ấy. Quả thật kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng trở về Tịnh Độ, trở về kinh Vô Lượng Thọ. Do vậy, ông ta thêm thiên ấy vào hay lắm. Đó là Tịnh Độ Tứ Kinh. Ngũ kinh là do Ấn Quang đại sư [đề xướng], vị này thuộc thời cận đại, Ấn Quang đại sư cách chúng ta không xa, năm Dân Quốc hai mươi mấy Ngài mới vãng sanh16 trong thời gian Kháng Chiến. Ngài đem chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương trong phần Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, đem đoạn kinh văn ngắn này ghép vào sau Tịnh Độ Tứ Kinh, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Cách làm này chẳng thể nghĩ bàn! Tịnh Độ có cần thêm kinh điển nào khác nữa hay không? Không cần! Đến đây là đã viên mãn. Vì sao? Hai trăm bốn mươi bốn chữ, tôi đã nói với quý vị, đó là Tâm Kinh của Tịnh Độ Tông, mà cũng là Tâm Kinh của toàn bộ giáo pháp trong Đại Tạng Kinh. Đấy cũng là như Thiện Đạo đại sư lão nhân gia thường nói: “Chư Phật sở dĩ xuất hiện trong thế gian chỉ vì để nói biển bổn nguyện của Phật Di Đà”. Cách làm này của Ấn Quang đại sư đã khiến cho chúng ta hoàn toàn hiểu rõ câu nói ấy của Thiện Đạo đại sư. Phương pháp bậc nhất của hết thảy chư Phật ứng hóa trong mười pháp giới, phổ độ chúng sanh trong mười pháp giới của hết thảy các cõi Phật là gì? Là trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thích hợp khắp

ba căn, gồm thâu độn căn lẫn lợi căn, đó là pháp môn tuyệt diệu! Cực đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, ai cũng có thể tu, ai cũng đều có thể thành tựu. Thiện Đạo đại sư nói pháp môn này “vạn tu, vạn người đến”, chẳng sót một ai! Vì sao người tu Tịnh Độ đông như thế, người vãng sanh ít như vậy? Có mâu thuẫn với [lời nhận định của] Thiện Đạo đại sư hay không? Thưa quý vị, không! Do nguyên nhân nào? Quý vị tu hành chẳng đúng pháp, đúng lý! Lỗi tại quý vị, chẳng phải do pháp môn, không do kinh điển. Nếu quý vị tu đúng pháp, đúng lý, thật sự là “vạn người tu, vạn người đến”

chẳng sót một ai! Kinh Di Đà đã dạy rất rõ ràng: “Không thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh về cõi ấy”. Thiện căn là gì? Phước đức là gì? Nhân duyên là gì? Nay chúng ta trọn đủ nhân duyên, được làm thân người là nhân duyên, gặp Phật pháp là nhân duyên, gặp Đại Thừa là nhân duyên, gặp kinh Hoa Nghiêm, gặp Tịnh Độ là nhân duyên phi phàm, duyên trọn đủ. Vấn đề ở đâu? Thiện căn, phước đức. Thiện căn là gì? Tín giải. Quý vị có thật sự tin tưởng hay không? Đối với pháp này, quý vị còn có vấn đề nào hay không? Nếu còn có hoài nghi, thiện căn của quý vị có vấn đề. Quý vị có hiểu rõ đạo lý Tịnh Tông hay không? Không thấu triệt, hiểu rõ; hiểu rõ sẽ giúp quý vị tin tưởng. Sở dĩ quý vị có hoài nghi là do chưa lý giải thấu triệt. Thật sự hiểu rõ, minh bạch, sẽ chẳng hoài nghi. Quý vị có tín giải, tín giải là thiện căn. Phước đức là gì? Thật sự hành! Người thật sự hành có phước đức. Quý vị chẳng thật sự hành, vẫn chưa buông thế gian này xuống được, còn lưu luyến, vậy là xong luôn! Quý vị cũng rất khó thành tựu. Vì thế, kinh không có khuyết điểm, lý luận và phương pháp đều không có khuyết điểm. Khuyết điểm là do phiền não và tập khí của chính mình. Nếu buông những thứ ấy xuống, chắc chắn quý vị đạt được Tịnh Độ ngay trong một đời này! Tiếp đó, cụ Hoàng Niệm Tổ trích dẫn lời ông Bành Thiệu Thăng (Bành Tế Thanh): “Ngã quốc Thanh đại Bành Thiệu Thăng cư sĩ tán viết: Vô Lượng Thọ kinh giả, Như Lai xứng tánh chi Viên Giáo, chúng sanh bổn cụ chi hóa nghi” (vào đời Thanh, cư sĩ Bành Thiệu Tăng của nước ta đã ca ngợi: “Kinh Vô Lượng Thọ là Viên Giáo xứng tánh của Như Lai, là cơ nghi hóa độ chúng sanh sẵn có”). Mấy câu này hết sức quan trọng! “Như Lai” là những vị minh tâm kiến tánh trong mười phương, đó là chư Phật Như Lai. Kinh Vô Lượng Thọ là lời bàn luận xứng tánh, từng câu, từng chữ đều từ tự tánh lưu lộ, từng câu, từng chữ đều viên mãn, nên gọi là Viên Giáo. Tự tánh của hết thảy chư Phật Như Lai và tự tánh của hết thảy chúng sanh là một tánh, chẳng phải hai tánh. Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật nói đến tự tánh thường thường dùng biển làm tỷ dụ, [chẳng hạn như] “tánh hải”. Mỗi một chúng sanh khác nhau giống như một bọt nước trong biển cả,

bọt nước do đâu mà sanh ra? Từ biển sanh ra. Từng bọt nước nếu không bị vỡ tan, dường như có đối lập. Chỗ này là một bọt, chỗ kia là một bọt khác. Sau khi bọt nước vỡ tan, tất cả đều là biển cả. Người thông minh chẳng cần chờ [đến lúc] bọt nước vỡ, toàn là nước biển, mỗi bọt nước đều là nước biển, nước biển là tự tánh. Do vậy, trong kinh, đức Phật thường nói: “Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên” (mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế), không có gì chẳng giống nhau, vì sao? Quý vị chẳng lìa tự tánh. Câu này đã đem Thật Tướng của các pháp nói huỵch toẹt trong một lời, chúng ta và hết thảy chúng sanh có quan hệ gì? Một Thể, một tự tánh! Quý vị nói xem: Quan hệ này có mật thiết lắm hay không? Vì sao có sai biệt nhiều như thế? Do mê hay ngộ khác nhau! Ngộ bèn biết chúng ta là một Thể, còn thân thiết hơn người một nhà, một Thể mà! Khi mê mới chia ra ta, ra người, mới có phân biệt, mới có chấp trước, mới tạo nghiệp, mới chuốc lấy những quả báo oan uổng. Oan uổng luân hồi trong lục đạo, là cảnh giới trong mộng, chúng chẳng thật. Thật sự tham thấu thì giấc mộng ấy cũng chẳng rời khỏi tự tánh. Do vậy, y báo và chánh báo trang nghiêm trong

mười pháp giới chẳng lìa tự tánh, đều do tự tánh hiện. Do vậy, ông ta (Bành Tế Thanh) nói: “Chúng sanh bổn cụ chi hóa nghi”, nay ta gọi “nghi” () là phương thức hay hình thức. Nay chúng ta dạy bảo học trò, dùng hình thức như thế nào. Nay chúng ta biết: Đối với trẻ nhỏ, trẻ thơ, chúng ta lập ra vườn trẻ, mở trường Tiểu Học, tùy theo độ tuổi của chúng, rồi lại mở trường Trung Học, mở Đại Học, rất giống phương thức ấy. Đó gọi là “hóa nghi”. Trừ hóa nghi ra, còn có “hóa pháp”, “pháp” là phương pháp dạy học. Chúng sanh căn tánh khác nhau; đối với căn tánh khác nhau, dùng phương pháp gì để dạy họ? Vì thế, nhà Phật nói tới hóa nghi và hóa pháp. Thích Ca Mâu Ni Phật bốn mươi chín năm dạy học trò, xét theo phương diện hóa nghi: Trước hết, sau khi khai ngộ, Ngài giảng A Hàm mười hai năm. A Hàm giống như Tiểu Học của Phật giáo, giảng điều gì? Giảng pháp nhân thiên, giảng cách làm người như thế nào, cũng như ngày nay chúng ta nói là giảng luân lý, giảng đạo đức, giảng nhân quả. Trong kinh A Hàm, những thứ giáo học này rất nhiều, chú trọng những điều đó. Đến thời kỳ Đại Thừa, dần dần thảo luận vũ trụ và nhân sinh, nay chúng ta gọi là Triết Học và khoa học, đều giảng đến viên mãn rốt ráo. Vũ trụ do đâu mà có? Vạn pháp từ đâu ra? Ta từ đâu đến? Giảng thật rõ ràng, minh bạch, quả thật chẳng dễ dàng! Cho tới hiện thời, bao nhiêu khoa học gia, triết học gia, tôn giáo gia trên thế giới đang nghiên cứu vấn đề này, đều

chẳng tìm được câu trả lời, vẫn là có những vấn đề tồn đọng, chỉ riêng Đại Thừa Phật pháp giảng rõ ràng, giảng minh bạch, chẳng có nghi hoặc! Bởi lẽ, thuở ấy tôi học Triết Học, Phương tiên sinh giảng Triết Học trong kinh Phật cho tôi nghe, cụ bảo tôi, theo cách nhìn của cụ: “Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới; kinh Phật là đỉnh cao nhất của Triết Học trên cả thế giới”. Đây là nguyên văn lời cụ nói, cụ bảo tôi như thế này: “Học Phật là hưởng thụ tối cao trong đời người”, cụ dẫn tôi tiến vào Phật môn. Lại còn đặc biệt bảo tôi, câu nói này rất trọng yếu. Nếu không, tôi sẽ mê hoặc, sẽ hoài nghi, sẽ nhìn những kẻ học Phật học như thế nào, chân tướng có đúng như Phương tiên sinh nói hay chăng? Vì thế, câu nói sau đây của Phương tiên sinh quan trọng lắm, cụ bảo: “Triết Học trong kinh Phật ở trong kinh điển, không ở trong chùa chiền”! Câu này hết sức trọng yếu. Vì sao không ở trong chùa chiền? Người trong chùa chẳng học! Xưa kia, cổ đại đức trong chùa chiền thật sự rất phi phàm, vì sao? Họ học thật sự. Nay thì sao? Người xuất gia trong chùa chiền hiện thời chẳng học, biến [Phật giáo] thành tôn giáo. Xuất gia để làm gì? Xuất gia để giao tiếp quỷ thần, lo siêu độ, làm Phật sự, pháp hội, làm những chuyện này. Những chuyện này có cần phải làm hay không? Cần chứ! Nhưng phải nên làm như thế nào? Vào trong quỷ đạo để làm, còn trong nhân đạo hãy lo dạy con người. Quỷ đạo có hay không? Có! Phật, Bồ Tát ở trong quỷ đạo; quý vị thấy Địa Tạng Vương Bồ Tát: “Địa ngục bất không, thệ bất thành Phật” (Địa ngục chẳng trống, thề chẳng thành Phật). Quý vị thấy làm lễ Diệm Khẩu, Tiêu Diện Đại Sĩ đối diện với Diệm Khẩu là ai? Là Quán Thế Âm Bồ Tát, hiện thân quỷ trong quỷ đạo để độ quỷ đạo. Nên hiện thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy, thân đang ở trong nhân gian thì phải dạy con người, sao lại dùng thân người để dạy quỷ? Đâu có lẽ ấy! Dùng thân quỷ cũng chẳng thể dạy người. Do vậy, Phật, Bồ Tát ứng hóa chẳng thể nghĩ bàn, nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy, nên dạy họ điều gì sẽ dạy họ điều ấy! Phải biết điều này không do chính các Ngài quyết định, mà do người ấy cảm, Phật bèn

ứng, tự nhiên cảm ứng đạo giao. Giống như tiến sĩ Giang Bổn Thắng (Masaru Emoto) của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, chúng ta dùng thiện tâm để cảm, quý vị thấy nước đáp ứng bằng kết tinh đẹp nhất. Chúng ta dùng ác niệm để cảm, nó đáp ứng bằng hình thái rất khó coi. Chư Phật, Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh cũng như vậy! Họ dấy lên niệm gì để cảm các Ngài, các Ngài bèn ứng như thế. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian, tuyệt đối chẳng có cách suy tưởng hay nghĩ ngợi nào. Nếu có cách suy tưởng hay nghĩ ngợi, sẽ là phàm phu. Phàm phu mới có cách suy tưởng và nghĩ ngợi, Pháp Thân Bồ Tát là bậc kiến tánh, chắc chắn không có, vì sao? Kiến tánh thì điều kiện đầu tiên là đoạn trừ khởi tâm động niệm. Không khởi tâm,

chẳng động niệm, còn có cách suy tưởng hay cách nhìn gì nữa đây? Không có! Đó gọi là "thanh tịnh, bình đẳng, giác". Do vậy, chúng sanh có tâm cảm, Phật vô tâm ứng, nên gọi là "xứng tánh", tự tánh tự nhiên sẽ có ứng. Vì thế, chúng ta phải hiểu ý nghĩa hóa nghi và hóa pháp này. Nói thông thường, trong khi học tập, chúng ta cũng thường nói "hóa ác thành lành". Nay chúng ta giúp đỡ người khác, bước đầu tiên là dạy kẻ ấy, giúp kẻ ấy sửa đổi. "Hóa" () ở đây là biến hóa khí chất, là giáo học nói theo mặt quả. Mục tiêu cuối cùng của giáo học là biến hóa khí chất của người được dạy. Nói cụ thể, biến hóa ác niệm, lời nói ác và hành vi ác thành thiện niệm, thiện hạnh, tức là chúng ta dạy học thành công! Đấy là bước đầu tiên. Tiến thêm bước nữa, chính là hóa mê thành ngộ, đấy mới thật sự là Phật pháp. Hóa ác thành thiện là thế gian pháp, hóa mê thành ngộ mới có thể xuất thế gian, thật sự giác ngộ. Cuối cùng là hóa phàm thành thánh, tiến lên cao hơn từng bước một! Xét về phần tài liệu, có thể nói là Hoàng lão cư sĩ rất dụng tâm, hết sức phong phú, tận tâm tận lực sưu tập. Tiếp theo đó, cụ trích dẫn lời pháp sư Đạo Ẩn của Nhật Bản tán thán kinh Vô Lượng Thọ: "Như Lai hưng thế chi chánh thuyết" (là chánh thuyết do đức Như Lai xuất hiện trong cõi đời [nhằm nói ra]), "hưng" () là hưng khởi (), ý nghĩa tương đồng với lời Thiện Đạo đại sư. Thiện Đạo đại sư nói: "Như Lai sở dĩ hưng xuất thế". Chữ "hưng" này là "hưng khởi", xuất hiện trên thế gian, "duy thuyết Di Đà bổn nguyện hải" (chỉ để nói biển bổn nguyện của Phật Di Đà), bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật phổ độ chúng sanh. Tôi không tra tài liệu xem vị Đạo Ẩn này là người thời nào, vì Tịnh Độ Tông Nhật Bản là từ Thiện Đạo đại sư truyền sang. Vào thời Đường, có nhiều cao tăng Nhật Bản sang Trung Quốc du học; lúc ấy, Thiện Đạo đại sư còn tại thế. Do vậy, tại Nhật Bản, Thiện Đạo đại sư rất nổi danh. Ngài chẳng nổi tiếng tại Trung Quốc, chứ ở Nhật Bản, Ngài rất nổi tiếng. Nhật Bản có rất nhiều ngôi chùa mang tên Thiện Đạo Tự. Quý vị thấy Thiện Đạo Tự, biết đó là Tịnh Độ Tông. Đài Bắc còn có một ngôi Thiện Đạo Tự, được thành lập vào thời Nhật Bản thống trị [Đài Loan], đấy là đạo tràng Tịnh Độ Tông. Do vậy, câu nói này có lẽ phỏng theo Thiện Đạo đại sư. Sư nói: "Như Lai hưng thế chi chánh thuyết" thì nói cách khác, hết thảy các kinh khác do đức Phật đã nói, hết thảy các kinh trong bốn mươi chín năm đều là "bàng thuyết" (nói kèm thêm), kinh này mới là chánh tông. Kinh Vô Lượng Thọ là chánh tông, những kinh khác đều nhằm phù trợ kinh Vô Lượng Thọ, có ý nghĩa này, đây mới là chánh thuyết. Vì thế, quả thật qua lời tựa của đại sĩ Mai Quang Hy, chúng ta thấy các vị đại đức thời Tùy - Đường đều thừa nhận: Ngay cả kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm đều nhằm dẫn dắt chúng ta quy hướng Tịnh Độ. Quý vị đọc phần

năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Vì vậy, ông Ngụy Mặc Thâm ghép quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm vào cuối tam kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh là có lý, chẳng phải bàn cãi gì nữa, chúng ta hai tay tán thành hành động này! Kinh Hoa Nghiêm quy vào kinh Vô Lượng Thọ. Trong kinh Pháp Hoa, long nữ tám tuổi thành Phật, cũng do nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh, Cô ta nghe hiểu rồi, cũng cầu sanh Tịnh Độ. Đây là như Ấn Quang đại sư đã nói: "Ngàn kinh vạn luận, chỗ nào cũng chỉ quy". Do vậy, nói kinh này là chánh thuyết, xác thực là có căn cứ. "Kỳ đặc tối thắng chi diệu điển" (bộ kinh điển mầu nhiệm lạ lùng, đặc biệt, thù thắng nhất). "Kỳ đặc", tối thắng là thù thắng khôn sánh, hết thảy các kinh chẳng thể sánh bằng, kể cả kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, tuy [hai kinh ấy] đều là Đại Thừa, đều là kinh Nhất Thừa, nhưng đâu có thù thắng như pháp môn này! "Nhất Thừa cứu cánh chi cực thuyết" (giảng về Nhất Thừa rốt ráo đến tột cùng), nói rõ chỗ lạ lùng đặc biệt ở nơi nào, thù thắng nhất ở chỗ nào. Kinh này đúng giáo pháp Nhất Thừa. Giáo pháp Nhất Thừa là thành Phật trong một đời, được kinh này giảng đến chỗ viên mãn rốt ráo. "Tốc tật" () là nhanh chóng.
Trong các pháp môn, tức là các pháp môn của các tông phái thông thường, thời gian tu học đều phải rất lâu, chỉ riêng pháp môn này chẳng cần một thời gian rất dài. Trong các pháp môn khác, tu hành phải mất vô lượng kiếp mới có thể đào thải hết sạch phiền não tập khí, Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não. Quý vị chẳng đoạn hết phiền não, làm sao có thể hoàn nguyên? Hết vọng mới hoàn nguyên. Kinh Hoa Nghiêm gọi những phiền não ấy là "vọng tưởng, phân biệt, chấp trước", dùng những danh từ này. Vọng tưởng là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Những danh từ này đều có thể tra trong Phật Học Đại Từ Điển. Đào thải hết sạch, đoạn hết Kiến Tư phiền não, bèn chứng A La Hán, vượt thoát lục đạo. Ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới, lục đạo là giới hạn, ở trong lục đạo thì gọi là nội phàm, là phàm phu, [nội phàm] tức là phàm phu trong lục đạo. Tứ thánh pháp giới gọi là ngoại phàm, ở ngoài lục đạo, nhưng vẫn phàm phu, chưa phải là thánh nhân. Phàm và thánh sai biệt ở chỗ nào? Một đằng dùng chân tâm thì là thánh nhân, [một đằng] dùng vọng tâm là phàm phu. Vọng tâm là dùng A Lại Da Thức. Phải biết: Trong tứ thánh pháp giới, ngoài A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, còn có Phật, [tức là] trên đó còn có Phật, [nhưng Phật trong tứ thánh pháp giới] hoàn toàn dùng A Lại Da. Vì thế, gọi là "ngoại phàm", tức phàm phu ở ngoài lục đạo! Tuy họ dùng vọng tâm, vọng tâm này được dùng rất chánh đáng, rất giống chân tâm. Vì sao dùng rất chánh đáng, rất giống chân tâm? Đều do học Phật, dung hội lý luận được

giảng trong kinh Phật vào nội tâm của chính mình, tức là vào trong A Lại Da, biến [những lý luận ấy] thành những chủng tử trong A Lại Da, nên khi thực hiện, từng điều trong Giới Luật đều được thực hiện rõ rệt, đều làm rất khá, hết sức giống Phật. Do vậy, tứ thánh pháp giới được gọi là "tương tự tức", [nghĩa là] rất giống, làm rất giống, nhưng chưa phải là thật sự. Vì sao chưa phải là thật sự? Chưa chuyển Thức thành Trí, chưa chuyển được! Đấy chính là như kinh Bát Nhã đã dạy: "Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp" (Pháp còn nên bỏ, huống chi phi pháp). Giáo lý giảng trong kinh quý vị làm được, làm tốt đẹp, nhưng vẫn là phàm phu, có thể ra ngoài lục đạo, nhưng chưa ra khỏi

mười pháp giới. Nếu muốn ra khỏi mười pháp giới, phải buông những thứ này xuống. Pháp còn nên bỏ, hà huống phi pháp! Phật pháp cũng bỏ luôn, sẽ thoát khỏi mười pháp giới, phải biết điều này! Vì thế, quý vị thấy kinh này tuyệt lắm! Phương pháp tu hành trong kinh này, đầu tiên là như trong tựa đề kinh này, nửa đầu là quả báo, nửa sau là tu nhân. Nửa đầu là "Đại Thừa", Đại Thừa là gì? Đại Thừa là trí huệ, tức trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. "Vô lượng thọ" là đức, "trang nghiêm" là tướng. Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Tất cả chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai", trí huệ là Đại Thừa, đức là vô lượng thọ, tướng là trang nghiêm. Đây là trên mặt quả, hết thảy chúng sanh đều có. Chúng ta khôi phục chúng như thế nào? "Thanh tịnh, bình đẳng, giác", đó là Tu Đức. Chúng ta tu hành là tu gì? Tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thành tựu bằng giới luật. Tâm bình đẳng thành tựu bằng Thiền Định. Giác thành tựu từ Bồ Đề. Giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vì vậy, tu "thanh tịnh, bình đẳng, giác", chứng "Đại Thừa vô lượng thọ trang nghiêm", ngay trong tựa đề kinh [đã nêu ra cương lãnh tu hành và thành tựu nơi quả địa]. Bởi lẽ đó, tại Trung Quốc lẫn ngoại quốc, các tổ sư đại đức đã nói rất tuyệt, nói thật hay: "Nhất Thừa cứu cánh chi cực thuyết, tốc tật viên dung chi kim ngôn" (Lời giảng về Nhất Thừa rốt ráo đến tột bậc, là lời vàng viên dung nhanh chóng). Chữ "kim" này được dùng rất nhiều trong kinh Phật, quý vị phải hiểu ý nghĩa. Kim có nghĩa là gì? Vàng chẳng thay đổi. Kim loại đều bị oxide hóa, đều bị đổi màu, chỉ mình hoàng kim không thay đổi, quý ở chỗ này. Vì thế, Phật pháp dùng "kim" theo ý nghĩa "không thay đổi". "Kim thân" vĩnh hằng bất hoại, là chân thân, dùng theo ý nghĩa này; chứ không phải là thật sự sơn thành màu vàng ròng. Hiện thời, trong chùa chiền, tượng Phật mạ vàng, nhằm biểu thị pháp. [Da] Phật có thật sự giống như màu vàng mạ hay không? Màu ấy cũng trọn chẳng dễ coi! Phải hiểu đó là biểu thị pháp, vĩnh hằng không thay đổi, là xứng tánh. Thân ấy có hay không có? Có! Trong cõi Thật Báo thì có, trong cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai, cõi Thật Báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân tướng của quý vị vĩnh viễn không thay đổi. [Nhân dân trong]

Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng sanh từ bào thai, chẳng phải là từ trẻ nhỏ dần dần trưởng thành. Chẳng phải! Họ là hóa sanh, hóa sanh đến nơi ấy trong hoa sen. Hóa thân có hình dáng như thế nào? Dáng vẻ chẳng khác A Di Đà Phật cho mấy, chỗ này là pháp bình đẳng. Hiện thời, chúng ta vẽ Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẽ A Di Đà Phật đặc biệt to, vẽ Bồ Tát nhỏ hơn một chút, người vãng sanh lại vẽ nhỏ hơn chút nữa. Điều này cũng không đúng pháp, to như nhau! Đâu có to hay nhỏ như vậy! Thật sự có to hay nhỏ, sẽ chẳng bình đẳng, to như nhau! Vĩnh hằng không thay đổi, họ là hóa sanh. Do những điều này, quý vị đọc kinh giáo nhiều hơn, sẽ dần dần hiểu rõ, sẽ thấy ý nghĩa được thật sự bao hàm ở đây. Vì sao không bị biến hóa? Vì chẳng có ý niệm, đạo lý ở chỗ này! Quý vị hiểu đạo lý này, sẽ tin tưởng. Biến hóa do đâu mà có? Biến hóa là "duy thức sở biến, duy tâm sở hiện". Cõi Thật Báo Trang Nghiêm chỉ có duy tâm sở hiện, không có duy thức sở biến, đã chuyển Thức thành Trí, cho nên chẳng biến. Quý vị không có ý niệm, sẽ chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm sẽ biến; chẳng khởi tâm, không động niệm, làm sao biến? Sẽ chẳng biến, vĩnh hằng không thay đổi. Hoa, cỏ, cây cối trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vĩnh viễn chẳng điêu tàn, vĩnh viễn chẳng biến

chất, đạo lý ở chỗ này! Cư dân nơi ấy vẫn chưa phải là cảnh chuyển theo tâm ư? Cư dân nơi ấy mỗi người đều minh tâm kiến tánh. Nói "minh tâm kiến tánh" là đã đoạn vọng tưởng, vọng tưởng là khởi tâm động niệm, mọi người chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Đạo lý là như thế đó! Chúng ta hiểu rõ rồi, bèn thừa nhận chuyện này là thật, chẳng giả! Chúng ta muốn bất biến trong thế giới này có được hay chăng? Được! Quý vị chẳng khởi tâm, không động niệm là được, cảnh giới như vậy đấy! Làm không được là vì ý niệm quá vi tế. Quý vị thấy đức Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi ngài Di Lặc, vẫn chưa phải là nói cho chúng ta nghe! Một niệm của bọn phàm phu chúng ta dấy lên, tức là trong tâm có ý niệm, một niệm của chúng ta dấy lên, trong một niệm này có bao nhiêu tế niệm hợp thành một niệm? Đức Phật hỏi mấy niệm, mấy tướng, mấy thức? Di Lặc Bồ Tát trả lời "trong khoảng khảy ngón tay". Chúng ta nói tới một niệm và một cái khảy ngón tay; chúng ta khảy nhanh thì ước chừng trong một giây khảy được bốn lần. Nếu khảy rất nhanh, chắc là có thể khảy tới năm lần, trong một giây có thể khảy tới năm lần. Ngài nói trong một khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Trăm ngàn là đơn vị; một trăm ngàn là mười vạn. Ba mươi hai ức nhân với mười vạn thành ba trăm hai mươi triệu. Quý vị thấy trong một khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu; trong một giây, chúng ta khảy bốn lần, sẽ là một ngàn hai trăm tám mươi triệu. Nếu khảy năm lần sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Một niệm quá vi tế,

làm sao chúng ta có thể cảm thấy? Di Lặc Bồ Tát nói: "Niệm niệm thành hình", "hình" () là vật chất, là tướng cảnh giới của A Lại Da, "hình giai hữu thức" (hình đều có thức), đấy là Chuyển Tướng của A Lại Da. Ở chỗ này, quý vị nhất định phải hiểu: Trong tự tánh cái gì cũng đều có, chẳng thiếu gì! Nó có thể hiện, có thể sanh, có thể hiện. Niệm có thể biến, thức có thể biến. Không có thức thì nó có thể hiện, có thể sanh, có thể hiện. Thế giới Cực Lạc có thể sanh, có thể hiện, chẳng có biến, người bên ấy hoàn toàn dùng chân tâm, chẳng có vọng tâm, đều là chuyển Thức thành Trí. Do vậy, thế giới của họ vĩnh hằng không thay đổi. Vô lượng trí huệ, vô lượng thần thông, vô lượng đức năng, đều có sẵn trong tự tánh, chẳng do học được, mà là những thứ ta có sẵn từ lâu. Có phải là đã đạt đến rốt ráo hay chưa? Chưa, thật sự hoàn nguyên là cõi Thường Tịch Quang. Trong cõi Thường Tịch Quang, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều không có, đấy mới gọi là "trở về tự tánh". Làm như thế nào mới trở về tự tánh? Do trong cõi Thật Báo tuy đã đoạn vọng tưởng, nhưng tập khí vọng tưởng chưa đoạn; do có tập khí vọng tưởng, nên mới có cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Tập khí vọng tưởng cũng đã đoạn, chẳng còn nữa, cõi Thật Báo cũng sẽ không có. Bởi lẽ, "phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng", ngay cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng không phải là ngoại lệ. Trong kinh, đức Phật chẳng nói cõi Thật Báo Trang Nghiêm là ngoại lệ, không nói lời này! Cõi Thật Báo cũng chẳng phải là cảnh giới thật. Cảnh giới thật sự là Thường Tịch Quang. Huệ Năng đại sư thốt ra năm câu, năm câu ấy nói về Thường Tịch Quang. Câu cuối cùng là "có thể sanh vạn pháp". Vạn pháp sanh từ Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang có thể sanh, có thể hiện. "Phàm cái gì có hình tướng" đều thuộc về cõi Thật Báo, cõi Phương Tiện, hay cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tứ thánh pháp giới là cõi Phương Tiện, lục đạo luân hồi là cõi Đồng Cư, chẳng có gì là chân thật. Phải hiểu: Hư không

cũng là giả, chẳng thật. Thời gian và không gian đều là giả. Trong cõi Thường Tịch Quang, không có thời gian, chẳng có không gian. Chẳng có thời gian, sẽ chẳng có trước sau. Chẳng có không gian, sẽ không có khoảng cách; đấy mới là thật sự trở về tự tánh. Do vậy, cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh. Thưa quý vị, không chỗ nào chẳng hiện thân, không lúc nào chẳng hiện thân. Hiện thân dài hay ngắn là do nghiệp cảm của chúng sanh. Chúng sanh vẫn còn cảm thì tướng ấy vẫn còn. Chúng sanh chẳng còn cảm, tướng ấy chẳng còn nữa! Cái thân này của chúng ta là thân nghiệp báo, cũng có tánh thời gian, tức là có thời gian [tồn tại] dài hay ngắn, nghiệp báo mà! Phật, Bồ Tát chẳng phải là nghiệp báo; Phật, Bồ Tát là ứng hóa, ứng theo sự cảm của chúng sanh mà hiện thân tướng. Không chỉ là hiện thân tướng loài người, mà còn có thể

hiện tướng cây cối, hoa, cỏ, có thể hiện tướng núi, sông, đại địa, tướng gì các Ngài cũng đều có thể hiện. Vì vậy, chúng ta đọc những câu chuyện xưa hay công án trong Thiền Tông, có những người tham Thiền thấy cây cối, hoa, cỏ bèn khai ngộ, thấy mưa rơi trên tàu chuối bèn hoát nhiên khai ngộ. Đó là gì? Nói như chúng ta hiện nay, đấy chính là Phật gia trì. Trong khoảnh khắc ấy, những thứ vô tình ấy là Phật, người ấy có cảm, Phật bèn ứng hiện, khiến cho người ấy do cảnh giới đó mà hoát nhiên khai ngộ. Chẳng có chuyện nào chẳng do Phật lực gia trì. Phật lực gia trì là tác dụng của tự tánh, là tự tánh khởi tác dụng. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, cũng chẳng hoài nghi tí nào! Vì thế, đối với Phật, dẫu Phật hiện thân Phật đến gia trì, chúng ta cũng chẳng sanh tâm hoan hỷ, cũng chẳng bị kích động, bị kích động là hỏng rồi! Vì sao? A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà của quý vị, do tự tánh của chính quý vị biến hiện, chẳng ở bên ngoài. Thế giới Cực Lạc là duy tâm Tịnh Độ, chỗ nào là bên ngoài? Toàn là Tánh Đức, tự tánh lưu lộ. Quý vị hiểu đạo lý này, sẽ vĩnh viễn tâm bình, khí hòa, vĩnh viễn là như như bất động. Huệ Năng đại sư nói rất tuyệt: “Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng lay động”. Quý vị vĩnh viễn giữ được “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, chẳng để cho tâm dấy lên chút sóng mòi nào trong cảnh giới; như thế là đúng. “Thập phương xưng tán chi thành ngôn” (là lời khen ngợi chân thành trong mười phương), câu này dễ hiểu. Lời lẽ chân thành, chắc chắn chẳng nói dối. “Chúng sanh bổn cụ chi hóa nghi, Nhất Thừa chi liễu nghĩa, vạn thiện chi tổng môn” (là hóa nghi sẵn có của chúng sanh, là liễu nghĩa Nhất Thừa, là môn tổng quát của muôn điều thiện), những điều này đều đã nói trong phần trước. “Tịnh Độ quần kinh bách sổ thập bộ chi cương yếu, nhất Đại Tạng giáo chi chỉ quy dã” (là cương yếu của một trăm mấy chục bộ kinh giảng về Tịnh Độ, là chỗ chỉ về của các giáo pháp trong Đại Tạng Kinh), ở đây cụ cũng nói đến giáo pháp trong cả Đại Tạng Kinh, xác thực là như vậy. “Như thượng chư hiền sở dĩ thịnh tán thử kinh giả” (sở dĩ, các vị hiền nhân nồng nhiệt khen ngợi kinh này như trên): Xưa nay các đại đức tán thán bộ kinh này, “cái dĩ bổn kinh trì danh Niệm Phật pháp môn” (là vì pháp môn trì danh niệm Phật trong kinh này), mấy câu tiếp theo quan trọng lắm! “Viên mãn”, quá khó có! Pháp môn nào có thể giảng đến viên mãn rốt ráo? Viên mãn là gì? Mảy may khiếm khuyết cũng chẳng có, pháp môn này viên mãn. Hoa Nghiêm là viên mãn, Pháp Hoa là viên mãn, nhưng quá dài, không như kinh này. Kinh này phân lượng ít dường ấy, nhưng viên mãn như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, hiếm có lắm! “Trực tiệp” (thẳng thừng, nhanh chóng), thẳng thừng, thỏa đáng. “Phương tiện”: Pháp môn này thuận tiện nhất trong

hết thảy các pháp môn. Các pháp môn đều gọi là phương tiện, pháp môn này là pháp môn thuận tiện nhất trong các phương tiện. “Cứu cánh” (rốt ráo): Phương tiện nào giúp quý vị thành Phật, phương tiện ấy là

rốt ráo. Phương tiện nào giúp quý vị thành Bồ Tát, tuyệt lắm, nhưng chưa rốt ráo. Phương tiện nào giúp quý vị thành A La Hán, lại càng chẳng phải là rốt ráo! Do vậy, nay chúng tôi dạy quý vị, giúp quý vị chuyển ác thành thiện, quý vị biến thành người tốt, vẫn chưa phải là rốt ráo! Phải là thành Phật thì mới là rốt ráo; chưa thành Phật thì chưa rốt ráo. Giúp quý vị chứng Đẳng Giác Bồ Tát như Quán Thế Âm vẫn chưa rốt ráo, bởi lẽ, quý vị chưa thành Phật! Pháp môn này giúp chúng ta rốt ráo thành Phật. “Nhất siêu trực nhập, tối cực viên đốn” (hễ vượt thoát bèn vào thẳng Phật quả, viên đốn tột cùng), cực viên, cực đốn, “đốn” là đốn siêu. Dùng phương pháp gì? “Di Đà Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh chi cứu cánh quả giác, tác ngã chúng sanh chi nhân tâm” (Dùng biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà, sáu chữ hồng danh nơi quả giác rốt ráo, làm cái tâm cho lũ chúng sanh chúng ta trong khi tu nhân), đây là nói rõ ra! Cụ Hoàng nói “nhất siêu trực nhập, tối cực viên đốn” là nói gì vậy? Là sáu chữ “Nam-mô A Di Đà Phật”. Đơn giản như thế đó, dễ dàng như thế đó, sanh ra hiệu quả to dường ấy, ai tin tưởng? Vì thế gọi là “phương pháp khó tin”. Trong kinh, đức Phật nói: “Duy Phật dữ Phật, phương năng cứu cánh” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo). Đẳng Giác Bồ Tát đối với pháp môn này giống như nhìn trăng qua một lớp the. Đây là lời ví von; giống như chúng ta ngắm mặt trăng, trăng Trung Thu [chẳng hạn], cách một lớp the, the rất mịn, “the” là một loại sa rất mịn, the như trong “the, lụa, sa, đoạn”, cách một lớp the ngắm trăng, còn cách một tầng. Đẳng Giác Bồ Tát đối với pháp môn này giống như cách một lớp the ngắm trăng; Phật chẳng có lớp the hay sa này, Đẳng Giác Bồ Tát còn bị ngăn cách bởi một lớp the hay sa. Quá sâu! Đạo lý quá sâu, nhưng sự tình quá đơn giản, do sáu chữ bèn thành công! Thật vậy ư? Thật đấy! Nay tôi nói về cư sĩ Tiểu Lỵ ở nơi đây, quý vị thấy cư sĩ Hoàng Trung Xương làm thí nghiệm coi sáu chữ [hồng danh] có hiệu quả hay không, ông ta thí nghiệm. Nghe nói cổ nhân niệm Phật ba năm có thể vãng sanh, ông ta bèn thí nghiệm. Ông ta mới ba mươi mấy tuổi, là một người rất trẻ, bế quan tại Thâm Quyến, nhờ cư sĩ Tiểu Lỵ hộ trì, hai năm mười tháng, ông Xương bèn biết trước lúc mất. Thật đấy, chẳng giả đâu! Pháp môn dễ dàng như thế đó! Trong quá khứ, chúng tôi nghe lão pháp sư Đàm Hư báo cáo.Tôi không có duyên phận này, thiếu phước phận, chẳng được gặp lão pháp sư. Tôi đến Hương Cảng, Ngài đã vãng sanh hai, ba năm rồi! Nhưng tôi nghe từ băng thâu âm, Sư giảng khai thị trong Phật Thất, có đồng tu đem cuốn băng thâu âm đến [cho tôi nghe]. Sư nói bằng giọng địa phương miền Bắc, tôi nghe chẳng hiểu lắm, tôi nghe liên tục không ngừng ba mươi lượt, đại khái có thể nghe hiểu chín phần. Cuối cùng, tôi rốt cuộc tìm được một đồng tu ở phương Bắc, nhờ chép toàn bộ băng thâu âm thành văn tự, in ra một cuốn

sách nhỏ. A! Sư giảng thật hay! Quý vị thấy Sư kể chuyện người thợ vá nồi là đồng tham đạo hữu của Sư, là người quen, tại gia niệm Phật, một câu A Di Đà Phật thôi! Ông thợ vá nồi không biết chữ, chưa từng đi học, ngoài bốn mươi tuổi mới xuất gia, điều gì cũng chẳng biết, là bạn chơi đùa hồi nhỏ của lão hòa thượng Đế Nhàn, cùng ở trong một thôn trang. Ông ta đến tìm pháp sư Đế Nhàn, cuộc sống của ông ta thật sự khổ sở

quá, thấy pháp sư Đế Nhàn làm pháp sư xuất gia cũng thoải mái lắm, rất hâm mộ, bèn muốn theo Ngài xuất gia. Lão pháp sư Đế Nhàn cũng hết sức từ bi, gặp người bạn chơi đùa thuở ấy, bảo ông ta: "Xuất gia phải học kinh giáo. Ông lớn tuổi như thế, mà cũng chẳng biết chữ, xem ra học kinh giáo chẳng thành công!" Thuở ấy trong nhà chùa, chẳng học kinh giáo thì phải học kinh sám Phật sự. Kinh sám Phật sự là ngũ đường công khóa17, thấy ông ta đầu óc chậm lụt, ông học cũng chẳng thành công. Có nghĩa là "ông xuất gia làm sao được?" Nhưng người bạn ấy cứ nhất định muốn nương cậy Ngài, cuối cùng không có cách nào, Ngài bèn nói: "Tôi có điều kiện, ông có thể chấp nhận hay không?" Ông ta nói: "Sư cứ nói đi, hết thảy tôi đều nghe theo lời Sư". Với điều kiện như thế, ông ta nói: "Được", Sư bèn cho ông ta xuống tóc. Sau khi xuống tóc, Sư nói: "Ông không cần thọ giới. Nghi thức thọ giới ông cũng chẳng hiểu, ông cũng chẳng thọ được" Tại vùng quê ở Ninh Ba có một ngôi miếu nát, không ai ở, cho một mình ông ta ở nơi đó, dạy ông ta một câu "Nam-mô A Di Đà Phật" sáu chữ. Sư dặn dò: "Ông ở nơi đó, niệm một câu này, niệm mệt bèn nghỉ. Nghỉ ngơi khỏe khoắn rồi lại niệm tiếp, sau này chắc có lợi lạc". Bí quyết thành công của người này chẳng có gì khác: Thật thà, vâng lời, thật sự làm, ông ta bèn thành công! Quý vị thấy người ta niệm Phật ba năm bèn đứng vãng sanh. Tại vùng quê thuở ấy, giao thông chẳng thuận tiện, một bà cụ già trong thôn phát hiện: "Sư phụ đã đứng vãng sanh". Quá sức lạ lùng, hiếm có, trước nay chưa hề thấy ai đứng mất! Còn có những vị lão cư sĩ niệm Phật báo cho mọi người đến xem; xem xong, sai người sang chùa Quán Tông báo tin, báo với lão hòa thượng Đế Nhàn. Lão hòa thượng nghe tin này, vội vã đến xem, đi về mất ba ngày. Thấy tình hình này, lão hòa thượng Đế Nhàn rất hoan hỷ, tán thán: "Ông xuất gia chẳng uổng, khá lắm, ông mất như thế đó". Sư tán thán: "Đại pháp sư giảng kinh thuyết pháp chẳng bằng ông, phương trượng, chủ tịch tùng lâm cũng không bằng ông! Ông đúng là giỏi lắm!" Niệm một câu sáu chữ "Nam-mô A Di Đà Phật" ba năm, thù thắng lắm! Đó là chuyện trước mắt, không xa mấy! Trong phần trước, tôi đã kể với mọi người chuyện một bà cụ tại làng Tướng Quân ở Đài Nam, cũng là niệm Phật ba năm rồi đứng mất. Lời tán thán này chẳng hư giả mảy may nào, vấn đề là chúng ta phải thật sự làm thì mới được.

Nhưng trong thời đại hiện tại, quý vị phải nhớ: Tịnh Tông là Đại Thừa, chẳng phải là Tiểu Thừa, người Đại Thừa phải giúp hết thảy chúng sanh khổ nạn, nhất là trong thời đại hiện tại. Chính quý vị thành tựu, nhưng không có duyên phận giáo hóa chúng sanh, bèn có thể thị hiện giống như vậy. Nếu có duyên phận giáo hóa chúng sanh, quý vị còn trụ thêm mấy năm nữa. Trụ thêm mấy năm nữa, chẳng trở ngại. Do vậy, nếu muốn đến chỗ hết thảy chư Phật Như Lai, nhất là muốn đến chỗ A Di Đà Phật, nguyện vọng của A Di Đà Phật là gì? Phổ độ hết thảy chúng sanh khổ nạn trong mười pháp giới. Chúng ta hiểu ý A Di Đà Phật, chúng ta cũng khiến cho A Di Đà Phật hoan hỷ, mang thêm nhiều người đi. Quý vị mang thêm càng nhiều càng hay, đây là chuyện tốt. Vì thế, chớ nên làm kẻ tự giải thoát cho riêng mình như trong Tiểu Thừa, tức là vừa thành tựu đã ra đi ngay lập tức, chẳng đúng! Vì sao người thợ vá nồi đi ngay lập tức? Người thợ vá nồi ra đi là có lý, ông ta thị hiện, đó là Tác Chứng Chuyển. Cư sĩ Hoàng Trung Xương cũng là thị hiện, chứng minh cho người niệm Phật chúng ta. Tôi giảng kinh tại Hương Cảng, chúng tôi ở đây rất gần, ông ta mỗi ngày nghe CD của tôi. Tôi ở đây là Khuyến Chuyển,

Thị Chuyển, ông ta Tác Chứng Chuyển bên ấy, chứng minh những điều kinh nói chẳng giả, mà là chuyện thật, quyết định [thành tựu] trong một đời! Hơn nữa, trong ba năm ngắn ngủi, quý vị có thể vượt thoát lục đạo luân hồi, có thể vượt thoát mười pháp giới. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào có thể làm được? Chỉ có pháp môn này! Chúng ta phải hiểu rõ chuyện này, "Viên mãn trực tiệp, phương tiện cứu cánh" là thật, chẳng giả chút nào! Do vậy, pháp môn này đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, đáng tin cậy nhất, lại còn nhanh chóng nhất. Điểm mấu chốt là quý vị có thể buông những thứ vặt vãnh trong thế gian xuống hay không? Những kẻ chẳng thể vãng sanh vốn là vì lý do này: Quý vị vẫn còn tham luyến thế gian này, vẫn muốn tiếp tục luân hồi trong lục đạo, vậy là hết cách! A Di Đà Phật chẳng thể lôi quý vị đi theo, vì quý vị chẳng bỏ thế gian này được! A Di Đà Phật gật đầu, bỏ đi, đợi lần sau vậy! Khi nào quý vị buông hết xuống, A Di Đà Phật sẽ đến, chúng ta chẳng thể không biết điều này! Thời gian đã hết rồi mà tôi không thấy. Hôm nay chúng ta học tới đây, cảm ơn mọi người.

---o0o---

Tập 04

Thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin ngồi xuống. Xin xem trang hai trong quyển thứ nhất, phần Tiền Ngôn (lời nói đầu).

Chúng ta đã học đến chỗ cụ Niệm Tổ giới thiệu sự tán thán của cổ đại đức đối với bộ kinh này. Tiếp đó, cụ nói: "Cái dĩ bổn kinh trì danh niệm Phật pháp môn" (là vì pháp môn trì danh niệm Phật được nói trong kinh này), chúng ta đọc từ chỗ này, "viên mãn trực tiệp, phương tiện cứu cánh, nhất siêu trực nhập, tối cực viên đốn" (viên mãn, thẳng thừng, nhanh chóng, phương tiện rốt ráo, hễ vượt thoát bèn vào thẳng cảnh giới Phật, viên đốn tột bậc). Trong lần trước, chúng ta đã đọc đến câu này. Đây là nói vì sao pháp môn này được lắm người tán thán như thế, tôi nghĩ nó có quan hệ mật thiết với thập phương chư Phật. Có thể nói pháp môn này trọn khắp pháp giới hư không giới, không có vị Phật nào chẳng tán thán A Di Đà Phật. Trong kinh Di Đà, chúng ta đọc thấy sáu phương Phật ca ngợi; trong bản dịch kinh A Di Đà của Huyền Trang đại sư, ghi là mười phương Phật tán thán, nói rất cặn kẽ. Trong kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh, đức Phật đều giới thiệu với chúng ta như vậy. Trong khi tu nhân, Phật Di Đà phát nguyện quá vĩ đại, chẳng thể nghĩ bàn! Phật Phật đạo đồng, chư Phật chứng đắc trí huệ và đức tướng chẳng sai biệt, nhưng do lúc tu nhân, phát nguyện và phát tâm thật sự có sai biệt. Phật pháp chẳng tách lìa nhân quả, đừng nói là pháp thế gian, Phật pháp cũng chẳng tách rời! Lúc chúng tôi mới học Phật, thầy khuyến khích chúng tôi; thuở ấy, chúng tôi chưa hiểu sâu như thế. Thầy chỉ nói phải phát tâm, phải rộng kết thiện duyên, trong tương lai, pháp duyên hoằng pháp lợi sanh của anh sẽ thù thắng. Nói với chúng tôi chân tướng sự thật hiện tiền này, chúng tôi nghe xong cảm thấy rất vui vẻ. Kết duyên như thế nào? Thuở ấy, chúng tôi sống khá chật vật, học trò cũng chẳng có bao nhiêu tiền bạc để kết duyên với mọi người. Thầy dạy: Anh cầm một đồng, mua một bao đậu phộng, đứng ở cửa chính, người ta đến nghe kinh, tặng mỗi người một hạt. Đó là kết duyên. Mua kẹo, tặng mỗi người một chút, dùng tâm cung kính, dùng vẻ mặt tươi

cười để đón người ta, tiếp đãi đại chúng tới nghe kinh. Pháp duyên giảng kinh của thầy Lý rất tốt, đại khái là thính chúng cả ba, bốn trăm người; thầy dạy tôi môn phương pháp này.Về sau, chúng tôi có sức, không chỉ dùng phương pháp này để kết duyên, mà dùng cách kết pháp duyên trọng yếu hơn. Chúng tôi bắt đầu in tặng những tấm thẻ, sau đó là kinh sách. Do khoa học kỹ thuật tiến bộ, chúng tôi tặng băng thâu âm, băng thâu hình, hiện thời bèn tặng CD. Chúng ta có truyền hình vệ tinh, có mạng Internet, đều nhằm kết pháp duyên. Nhưng sau này, chúng tôi thâm nhập kinh tạng, hiểu rõ pháp môn này, trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật đã phát nguyện quá lớn, Phật Phật đạo đồng. Giữa chư Phật có thể nói, [tức là đúng như] kinh đã nói như thế này: “Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên” (Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp

Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). Phật có tâm đố kỵ hay chăng? Không có! Chẳng những không có tâm [đố kỵ], mà Phật chẳng có ý niệm! Chúng ta thường nói là “chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, đừng chấp trước”, Phật làm được điều này. Nếu Ngài làm không được, còn khởi tâm động niệm, sẽ là Bồ Tát, chưa phải là Phật. Còn có phân biệt, chấp trước, sẽ là phàm phu, chưa phải là thánh nhân. Phật đâu có những đố kỵ, chướng ngại này! Tuyệt đối chẳng thể có! Do Phật Di Đà phát đại nguyện này, chư Phật hoan hỷ, đối với tất cả hết thảy chúng sanh, hết thảy chư Phật Như Lai đều giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, kể cả Tỳ Lô Giá Na Phật trong hội Hoa Nghiêm cũng không ra ngoài lệ này. Vì thế, Văn Thù, Phổ Hiền dẫn bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng sang thế giới Cực Lạc quy y A Di Đà Phật, Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng tức giận. Không chỉ chẳng tức giận, mà còn hoan hỷ. Vì sao? Tu hành thành Phật trong thế giới Hoa Tạng, kinh giảng điều này rất rõ ràng, phải mất bao lâu? Ba A-tăng-kỳ kiếp mới đoạn được tập khí vô minh từ vô thỉ trong A Lại Da Thức. Vô minh đã đoạn rồi, nhưng tập khí vô minh chưa đoạn, trong thế giới Hoa Tạng phải tốn thời gian dài như thế [để đoạn]. Đến thế giới Cực Lạc thì sao? Đến thế giới Cực Lạc bèn làm được, trong một ngày là xong! Phương tiện thù thắng như thế, mười phương thế giới chẳng có, chỉ riêng A Di Đà Phật là có. Được rồi! Chỗ của Ngài có [sự thù thắng này], có thể giải quyết thì mười phương chư Phật đều đưa học trò của mình, kể cả hàng Bồ Tát, sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây là biểu thị pháp cho chúng ta biết: A Di Đà Phật dạy dỗ là chư Phật Như Lai dạy dỗ. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, phải có tâm lượng này, đây là gì? Tùy hỷ công đức! Kinh Hoa Nghiêm nói “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”, đây là đạt tới rốt ráo viên mãn. Chư Phật Như Lai, quý vị hãy ngẫm xem, chẳng phải là thanh tịnh tự tại ư? Ta mong hết thảy chúng sanh thành Phật, đều tới thế giới Cực Lạc, đều thanh tịnh tự tại! A Di Đà Phật có mệt mỏi hay chăng? Chẳng có! Làm mà không làm, không làm mà làm! Giúp hết thảy chúng sanh thành Chánh Đẳng Giác, thành Vô Thượng Bồ Đề, trong tâm A Di Đà Phật cũng chẳng có dấu vết. Đây gọi là “tùy duyên diệu dụng”, thật sự mầu nhiệm, mầu nhiệm đến tột bậc! Đây là biểu thị pháp cho chúng ta thấy, nói thật ra, chư Phật là như thế, Phật Di Đà là như thế, mà mỗi người chúng ta cũng đều như thế. Chỉ là mê mất tự tánh, chẳng biết Thể, Tướng, Dụng của tự tánh rộng lớn như thế, không biết trong tự tánh vốn sẵn có, chẳng phải do bên ngoài mà có, chẳng liên quan gì với bên ngoài. Do

vậy, pháp môn trì danh niệm Phật là tự tánh. “Viên mãn trực tiệp”, “viên mãn” là chẳng khiếm khuyết, “trực tiệp” là không có chướng ngại; “phương tiện cứu cánh, nhất siêu trực nhập”. Vì vậy, pháp môn này là Đốn Giáo. Buông xuống là đốn xả. Chỉ cần quý vị có

thể bỏ, buông xuống được, quý vị sẽ chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo ngay trong hiện tiền. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật thuở ấy dưới cội Bồ Đề, buông xuống, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, bèn minh tâm kiến tánh. [Cảnh giới của] Huệ Năng đại sư lúc canh ba nửa đêm trong phương trượng thất của Ngũ Tổ cũng là cảnh giới này, buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, bèn thành Phật. Cảnh giới của Huệ Năng đại sư và cảnh giới của Thích Ca Mâu Ni Phật dưới cội Bồ Đề giống nhau, là tương đồng, đó “tối cực viên đốn”. Nay chúng ta không có năng lực này, thật đấy! Vì sao không có năng lực này? Tập khí phiền não quá nặng, đức Phật giảng rõ ràng chân tướng sự thật, chúng ta đã hiểu rõ, nhưng không thể bỏ xuống được. Ở chỗ này, đức Phật có nói: “Phương tiện cứu cánh”, câu này tuyệt diệu! Phương tiện là gì? Sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật. Quý vị nắm vững sáu chữ này, chấp trước nó; do vậy, Tịnh Tông gọi trì danh niệm Phật là chấp trì danh hiệu, “chấp” () là nắm giữ. Quý vị chẳng giữ lấy những thứ khác, buông xuống toàn bộ những thứ chấp trước khác, thay bằng sự chấp trước này, đây gọi là phương tiện rốt ráo. Nam-mô A Di Đà Phật là gì? Thưa quý vị, là tự tánh, là Tánh Đức của tự tánh. Hai chữ “Nam-mô” là tiếng Phạn, có nghĩa là quy y, hay quy mạng. Quy () là quay về, Y () là dựa vào, cái gì ta cũng đều buông xuống, nay ta hoàn toàn nương cậy A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là tự tánh, vô lượng quang, vô lượng thọ; lại nói rõ cùng quý vị, trong Hoa Nghiêm, đức Phật nói: “Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”. Vô lượng quang là trí huệ trong tự tánh, vô lượng thọ là đức tướng của tự tánh. Do vậy, niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật là niệm trí huệ và đức tướng của tự tánh, tuyệt lắm! Tiếp theo đó là đoạn: “Dĩ Di Đà Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh chi cứu cánh quả giác, tác ngã chúng sanh chi nhân tâm” (Dùng biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà, sáu chữ hồng danh nơi quả giác rốt ráo để làm cái tâm trong khi tu nhân của chúng ta). Vì thế, pháp môn này gọi là “quả pháp” (pháp môn tu nơi quả vị), chẳng phải là “nhân pháp” (pháp môn chú trọng tu nhân). Tám vạn bốn ngàn pháp môn là tu nhân hòng chứng quả, pháp môn này vừa bắt đầu đã là quả, chẳng phải là pháp môn tu nhân. Tiếp đó, cụ Niệm Tổ nói: “Dĩ quả vi nhân, nhân quả đồng thời. Tùng quả khởi tu, tức tu, tức quả. Tâm tác, tâm thị, bất khả tư nghị” (Lấy quả làm nhân, nhân quả đồng thời. Từ quả khởi tu, tu chính là quả, quả chính là tu, tâm này làm Phật, tâm này là Phật, chẳng thể nghĩ bàn). Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, tức là nói pháp môn này khác với tám vạn bốn ngàn pháp môn ở chỗ nào, nói rõ ra. Quý vị gặp pháp môn này há dễ dàng ư? Nhiều kẻ Tiểu Thừa hay Bồ Tát gặp được, nhưng chẳng tin, nên gọi là “pháp khó

tin”. Nhị Thừa, Bồ Tát không tin, mà lũ phàm phu chúng ta tin tưởng, kỳ quái thay! So ra, chúng ta cao minh hơn hàng Nhị Thừa và Bồ Tát. Do duyên cớ nào? Thiện căn và phước đức khác nhau. Trong một đời này, gặp được pháp môn này, có thể tin, có thể hiểu, lại còn chịu thật sự hành, đây chẳng phải là chuyện trong một đời này, mà là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, từ vô lượng kiếp đến nay, quý vị đã gieo thiện căn, trong A

Lại Da có thiện căn. Quý vị chẳng có thiện căn, chẳng thể vừa gặp bèn tin tưởng! Nếu thiện căn, phước đức và nhân duyên đều đầy đủ, có đủ những điều kiện ấy, chắc chắn vãng sanh trong một đời này. Vẫn chưa đủ thì sao? Chưa đủ, còn kém một chút; kém một chút bèn có cách: Trong một đời này, nếu quý vị thật sự tin tưởng, thật sự có thể lý giải, hãy dũng mãnh, tinh tấn nhằm bù đắp cho thiện căn và phước đức chưa đủ. Trong đời này, chúng ta có thể làm được, khi thật sự muốn bù đắp sẽ rất nhanh. Nếu như giải đãi, biếng nhác, tán loạn, sẽ chẳng có cách nào hết! Trong một đời này, chẳng có cách nào bù đắp thì sao? Vẫn luân hồi trong lục đạo. Lần sau gặp gỡ, sẽ tiếp tục tu. Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, không biết chúng ta cũng đã làm chuyện như vậy bao nhiêu lần! Đây là sự thật. Từ vô lượng kiếp trong quá khứ đến nay, không biết chúng ta đã làm bao nhiêu lần; đời này lại gặp gỡ là do thiện căn và phước đức trong đời quá khứ hiện hành. Lần này hiểu rõ rồi, quyết định hạ quyết tâm "ta phải thành tựu trong một đời này", phải hạ quyết tâm này! Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, quý vị thật sự có quyết tâm này, lẽ nào chẳng thành tựu? Có quyết tâm như vậy, nhất định quý vị phải giác ngộ. Quý vị buông thế duyên trong thế gian này xuống, phải thật sự hiểu rõ: "Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng". Ý nghĩa chân thật của câu này là gì? Đừng nói là một đời này trong nhân gian, mà ngay cả lục đạo lẫn mười pháp giới cũng chẳng thật, đều là giả, đều chẳng đáng bận lòng, hãy nên buông xuống, chẳng lưu luyến mảy may, quý vị sẽ chẳng còn có chướng ngại nữa Nếu có mảy may nào chẳng buông xuống được, còn vướng mắc, đối với phàm phu mà nói, nặng nhất là tình chấp, đây là mê hoặc. Buông được những thứ này, những thứ khác sẽ buông dễ dàng! Nhất định phải biết: Những thứ như tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần là họa hại, tình chấp chẳng phải là chuyện tốt. Sau khi quý vị thấy thấu suốt, tình chấp là nghiệt duyên (). Nó chướng ngại quý vị chứng quả, chướng ngại quý vị khai ngộ, chướng ngại quý vị niệm Phật vãng sanh. Trong thế gian này, chẳng lẽ cha mẹ, thân thuộc chúng ta đều từ bỏ? Điều này dường như đã trái phạm luân thường! Thật vậy! Làm thế nào để có thể làm trọn vẹn đôi bề? Quý vị có thể chuyển biến tình duyên thành pháp duyên, chuyển biến người nhà, quyến thuộc thành pháp lữ, thành đồng tham đạo hữu, cùng sanh về cõi Cực

Lạc, tốt hơn nhiều! Trong một đời này, dẫu tình duyên sâu đậm đến đâu đi nữa, chết rồi là phải chia tay, còn có thể ở chung với nhau nữa hay chăng? Chẳng thể nào! Nhưng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ thật sự vĩnh viễn ở cùng một chỗ. Bất luận quý vị ứng hóa trong đường nào, đều có thể thấy rõ ràng, họ cần giúp đỡ, quý vị bèn sanh trong cùng một đường với họ, giúp họ một tay. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật trong thế gian này, quý vị thấy các vị đệ tử gồm một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, đều là đồng tham đạo hữu trong đời quá khứ, còn có hàng tại gia: Quốc vương, đại thần, cư sĩ hộ pháp, toàn là pháp quyến trong quá khứ. Do vì giúp đỡ chúng sanh, nên giáo hóa chúng sanh mới được thuận lợi như vậy, phải hiểu đạo lý này, chúng ta sẽ chuyển biến thành công. "Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật" (tâm này là Phật, tâm này làm Phật): Đức Thế Tôn đã nói câu này trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Đối với hiện thời, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta gặp nhiều kẻ chẳng học Phật hiểu lầm Phật, có thể dùng điều này để giải thích cho kẻ ấy. Phật là gì? Phật là chân tâm của quý

vị. Ma là gì? Ma là vọng tâm. Trong tám tướng thành đạo của Tiểu Thừa có hàng ma, Đại Thừa không có. Đại Thừa biết Phật và ma là một, chẳng hai. Giác ngộ, ma bèn thành Phật; mê rồi, Phật biến thành ma, chuyện là như vậy đó, thảy đều là chính mình. Nói cách khác, mê là ma, giác là Phật. Tâm thì sao? Tâm không có giác hay mê, giác hay mê là vọng tâm, chân tâm chẳng có giác hay mê. Vì vậy, đã giác ngộ, mà quý vị còn ý niệm giác ngộ, tức là quý vị vẫn chưa giác ngộ, vẫn rớt trong hai ba (tam tâm, nhị ý). Hai ba là bất giác; [nhận thấy] mê và giác đối lập, làm gì đi nữa thì vẫn là hai thứ! Câu cuối cùng nói rất hay: "Bất khả tư nghị" (Chẳng thể nghĩ bàn). Chuyện này quý vị chẳng thể nghĩ nổi. Hễ vừa nghĩ liền trật, vừa nghĩ tới liền mê. Quý vị chẳng thể nói được, hễ nói thì cũng mê rồi! Thốt không nên lời! Nói không nên lời, cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật nói suốt bốn mươi chín năm, tuy nói suốt bốn mươi chín năm, [nhưng đúng như] đức Phật đã nói rất hay: "Nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói". Chúng ta nghe lời này càng nghe càng hồ đồ, lời Ngài nói là thật. Ngài nói lời giả, chúng ta nghe hiểu rõ lắm, chẳng có vấn đề gì. Ngài nói lời thật, càng nghe càng hồ đồ! Chúng ta phải biết dụng tâm để hiểu. Do vậy, đức Phật mới bảo chúng ta: Quý vị phải biết nghe. "Biết nghe" là như Mã Minh Bồ Tát đã dạy trong Khởi Tín Luận: "Ly ngôn thuyết tướng", [nghĩa là] quý vị nghe, nhưng đừng chấp trước tướng nói năng. Nghe nhưng chẳng chấp trước, chẳng phân biệt sẽ là đúng. Nói cách khác, thật sự có thể chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, ai nghe như vậy? Phật nghe như vậy. Có khởi tâm, động niệm, nhưng chẳng có phân biệt, chấp trước, ai nghe như thế? Bồ Tát nghe như thế. Có khởi tâm, động niệm, vẫn còn phân biệt, nhưng không chấp trước, đó là cái nghe của A La Hán.

Nếu khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, thảy đều trọn đủ, đó là cái nghe của phàm phu. Quý vị thấy đó: Đều là nghe, nhưng khác nhau, cảnh giới lãnh hội khác nhau. Quý vị thấy danh từ Khởi Tín trong bộ Khởi Tín Luận của Mã Minh Bồ Tát, đó chính là nhập môn. Đại Thừa nhập môn liền cho quý vị biết: Thật ra, đối với khởi tâm động niệm, nói thật ra, chúng ta chẳng có cách nào, nó quá vi tế. Di Lặc Bồ Tát bảo: "Trong một khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm", làm sao chúng ta có thể phát hiện được? Chúng ta làm sao có thể đoạn sạch niệm? Chẳng thể nào! Do chúng ta chẳng phải là bậc thượng thượng thừa, nhưng chúng ta có thể học theo bậc thượng thừa. Bậc thượng thừa là Bồ Tát, Bồ Tát có khởi tâm động niệm, quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ nghe được nghĩa chân thật của Như Lai. Có phân biệt, chấp trước, quý vị nghe xong, nói đã hiểu, thì đó là ý nghĩa của chính quý vị, chẳng phải [ý nghĩa] do đức Phật nói. Lại nói rõ hơn một chút, đấy chẳng phải là kiến giải do Tánh Đức của quý vị, mà là kiến giải trong A Lại Da Thức. Vì sao? Vì quý vị có phân biệt, chấp trước, vẫn là A Lại Da làm chủ tể! A Lại Da là vọng tâm. Tri kiến trong vọng tâm, chẳng phải là chân tâm, còn cách chân tâm một tầng; do điều này mà biết tu hành Phật pháp là tu gì? Chính là hai chữ "buông xuống", buông xuống là được! Thật sự có thể đạt đến chẳng nghĩ bàn, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, điều gì cũng chẳng nói tới, người ta hỏi, quý vị bèn trả lời. Chẳng hỏi, cái gì cũng không biết; còn hễ hỏi tới, điều gì cũng biết. Không ai hỏi quý vị, tâm quý vị hoàn toàn ở trong Định. Đó là Căn Bản Trí, kinh Bát Nhã bảo là "Bát Nhã vô tri". Lúc không có duyên, Bát Nhã vô tri, ở trong đại

định, đó chính là cảnh giới Đại Niết Bàn thanh tịnh, tịch diệt. Người khác có cảm, quý vị lập tức có ứng; khi ứng thì "không gì chẳng biết", đó là gì? Căn Bản Trí khởi tác dụng, không gì chẳng biết. Giống như trong kinh đã kể chuyện ngài Xá Lợi Phất: Ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất, không có vấn đề nào bắt bí Ngài được! Bao nhiêu người thỉnh giáo Xá Lợi Phất, Ngài đều đối đáp trôi chảy. Có người tới hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, vì sao Xá Lợi Phất có đại trí huệ như vậy? Trí huệ của Ngài do đâu mà có? Phật giơ cái trống lên. Gõ trống, đức Phật lấy cái trống làm tỷ dụ, Ngài nói: "Ông có thấy cái trống này hay chăng?" "Dạ thấy". "Bên trong cái trống có gì hay không?" "Không có, trống trơn!" Là hai tấm da căng ra; gõ nó, gõ mạnh, kêu to, gõ nhẹ, kêu nhỏ, chẳng gõ, chẳng kêu! Đức Phật nói trí huệ trong tâm Xá Lợi Phất giống như cái trống. Nếu quý vị chẳng gõ, cái gì cũng đều không có. Nếu quý vị gõ, Ngài sẽ lập tức có phản ứng. Đó là gì? Tự tánh Bát Nhã, chẳng phải do bên ngoài mà có, bên ngoài không có. Học những thứ từ bên ngoài quá khổ sở. Cảnh giới bên ngoài là duyên, sẽ cảm. Giống như chúng ta đọc kinh, mở kinh văn ra, đối trước văn tự, văn tự là cảm, chúng ta phải ứng, do tự tánh

ứng, nên sanh trí huệ. Nếu chúng ta dùng phân biệt hay chấp trước để ứng, nói theo cách người hiện thời là "nghiên cứu", nghiên cứu theo kiểu nào, nghiên cứu tới, nghiên cứu lui cũng đều là phiền não, đều là tri kiến sai lầm, chẳng phải là chánh tri chánh kiến. Đức Phật nói "chánh tri chánh kiến", chớ nên nghiên cứu, nghiên cứu là suy nghĩ, bàn bạc. Chớ nên nghiên cứu thì gọi là gì? Danh từ Phật học là "tham cứu", không gọi là nghiên cứu. Tham cứu và nghiên cứu khác nhau ở chỗ nào? Trong nghiên cứu có phân biệt, có chấp trước; trong tham cứu không có phân biệt, chấp trước; khác nhau ở chỗ này! Tham cứu là trí huệ, nói thẳng thừng thì trong ấy chắc chắn không có hiện tượng cong vạy, chúng ta học Đại Thừa chẳng thể không biết điều này! Tiếp đó, dẫn sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Trong Di Đà Kinh Yếu Giải có một đoạn như thế này: "Nhất thanh A Di Đà Phật, tức Thích Ca Bổn Sư ư ngũ trược ác thế sở đắc chi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp. Kim dĩ thử quả giác toàn thể thọ dữ trược ác chúng sanh, nãi chư Phật sở hành cảnh giới, duy Phật dữ Phật năng cứu tận, phi cửu giới tự lực sở năng tín giải dã" (Một tiếng A Di Đà Phật, chính là pháp để Thích Ca Bổn Sư đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời ác ngũ trược. Nay đem toàn thể quả giác này trao cho chúng sanh trược ác, đấy chính là cảnh giới do chư Phật đã hành, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu tột cùng, chẳng phải là chín giới cậy vào tự lực mà hòng tin hiểu được). Đây là nói rõ, thuyết minh đơn giản pháp môn này khó tin, khó hiểu. Vì sao khó tin, khó hiểu? Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật như thế nào? Ngẫu Ích đại sư đã vạch trần bí mật: Niệm A Di Đà Phật bèn thành Phật. Lời này ở đâu vậy? Nói ngay trong kinh Di Đà. Chúng ta niệm kinh Di Đà mỗi ngày mà chẳng nhận ra. Niệm mấy chục năm vẫn chẳng phát hiện. Thích Ca Mâu Ni Phật do niệm A Di Đà Phật mà thành Phật, thật đấy, chẳng giả tí nào! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã dạy chúng ta một nguyên lý, nguyên tắc: "Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng". Nghĩ đến Phật bèn thành Phật, chúng ta hằng ngày tưởng A Di Đà Phật, quý vị quyết định thành Phật; quý vị mỗi ngày tưởng Quán Âm Bồ Tát, sẽ thành Quán Âm Bồ Tát. Quán Âm Bồ chẳng phải là một người, A Di Đà Phật cũng chẳng phải là một người, nhất định phải biết điều này. Quán Âm, Di Đà vô lượng vô biên thân, quý vị niệm các Ngài, sẽ hòa cùng một Thể với

các Ngài, Tự, Tha bất nhị! Trong [Tam Thời] Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong đã nói: “Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”. Niệm danh hiệu này là đức hiệu của tự tánh, Quán Âm Bồ Tát cũng là đức hiệu của tự tánh, một đằng được kiến lập từ quả, một đằng kiến lập từ nhân. Danh hiệu Phật là nói theo Quả, danh hiệu Bồ Tát là nói theo nhân, Thể đều là tự tánh, chẳng rời khỏi tự tánh. Câu này rất quan trọng, Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật như thế nào? Điều này được chính đức Phật dạy rõ trong kinh. Đây là pháp để Ngài

đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cả câu này là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán thì có thể dịch là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A là Vô, chữ A trong A Di Đà Phật phải dịch là Vô; Nậu Đa La là Thượng, [A Nậu Đa La là] Vô Thượng; Tam là Chánh, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh; Miệu là Đẳng, tức Đẳng trong bình đẳng. Phía sau lại có một chữ Tam là Chánh, Bồ Đề là Giác. Do vậy, dịch toàn bộ sang nghĩa tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có thể dịch, chứ không phải là chẳng thể dịch. Vì sao không dịch? Do tôn trọng, nên không dịch. Trong pháp Đại Thừa, quý vị tu học nhằm hướng đến mục tiêu gì? Chính là câu này! Nói cách khác, Đại Thừa nhằm cầu chính điều này, chứ không có gì khác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là tự tánh giác, chẳng phải điều gì khác, cũng là nói “trở về tự tánh”. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề sẵn có trong tự tánh, “đắc” là “trở về”. Nói theo mặt Tướng, Tịnh Độ Tông nói bốn cõi, Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong bốn cõi chính là điều này, nó tương ứng với Thường Tịch Quang. Trong Thường Tịch Quang, không có hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng có hiện tượng tinh thần, nó tồn tại, chẳng có sanh diệt. Khi Huệ Năng đại sư khai ngộ, đã nói năm câu về Thường Tịch Quang: “Vốn tự thanh tịnh, vốn chẳng sanh diệt, vốn tự trọn đủ, vốn chẳng lay động, có thể sanh ra vạn pháp”. Sanh ra vạn pháp như thế nào? Có một niệm bất giác, vạn pháp liền xuất hiện. Một niệm bất giác gọi là “vô thỉ vô minh”, quý vị phải nhớ, đức Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. “Vô thỉ”, “thỉ” () là bắt đầu, [vô thỉ là] không có bắt đầu. Vì sao có một niệm bất giác? Chẳng có lý do, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có sự gì. Nếu quý vị muốn truy cứu một niệm bất giác, vì sao có một niệm bất giác, quý vị đọa lạc ngay lập tức. Quý vị thấy quý vị có phân biệt, có chấp trước, liền từ chỗ cao nhất rớt xuống lục đạo luân hồi. Do vậy, đức Phật dùng danh từ này hay lắm, vô thỉ! Quý vị chớ nên truy cứu, đừng nên truy cứu nó bắt đầu khi nào, chớ nên truy cứu, đúng là vô thủy. Mãi cho đến khi đọc phần đối thoại giữa đức Thế Tôn và Di Lặc Bồ Tát, chúng tôi mới hơi hiểu rõ chân tướng sự thật này. Vì sao nó vô thỉ? Nó quá ngắn ngủi! Quý vị hãy nghĩ xem, nay chúng ta tính trong một giây khảy ngón tay bốn lần, một niệm là thời gian bao lâu? Một ngàn hai trăm tám mươi triệu phần của một giây, quý vị có thể nói nó bắt đầu từ đâu hay chăng? Chúng ta nói “bắt đầu” thì chẳng biết đã trải qua bao nhiêu niệm, bởi lẽ, niệm tồn tại trong một thời gian quá ngắn ngủi, tạm bợ. Kinh thường nói là một “sát-na” là thời gian cực ngắn, nhưng ngắn đến mức nào, sẽ nói mơ hồ, chẳng rõ ràng. Di Lặc Bồ Tát giảng rõ ràng chuyện này, chẳng mơ hồ tí nào: “Một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm”. Chúng ta khảy ngón tay lẹ làng, có thể là tôi khảy nhanh hơn, được năm lần, nói

chung khảy chừng bốn lần. Nếu khảy năm lần, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu, tức là năm nhân với ba trăm hai mươi triệu, quý vị thấy tốc độ lẹ như thế, làm sao có thể nói

nó có sanh diệt? Vì thế, chẳng thể nói nó sanh diệt, tính không kịp! Do vậy, kinh Phật bảo là "sanh diệt đồng thời". Chữ "đồng thời" có thể giảng theo cách này. Bất sanh bất diệt chỉ có thể nói theo cách này. Quý vị phải thật sự hiểu ý nghĩa của cách nói này. Nếu thật sự chẳng sanh diệt, nói "bất sanh bất diệt" chẳng phải là nói nhảm, nói dư thừa hay sao? Xác thực có sanh diệt, nhưng sanh diệt với tốc độ quá nhanh, quý vị không có cách nào quan sát, mắt chẳng thể thấy được, ý niệm nghĩ không ra; cho nên chỉ nói sự sanh diệt ấy là bất sanh bất diệt. Trong bất sanh bất diệt có sanh diệt, sanh diệt chính là bất sanh diệt, bất sanh diệt chính là sanh diệt, quý vị mới hiểu chân tướng sự thật rõ ràng, minh bạch. Chúng ta hiểu rõ ràng, minh bạch thì nói thật ra, vẫn là phân biệt, chấp trước; chẳng dùng đến phân biệt, chấp trước, vẫn không hiểu rõ lắm, chẳng hiểu rõ rệt! Vì sao? Chưa biết dùng chân tâm, mà chính là dùng vọng tâm. Thật sự chưa hiểu rõ lắm thì quý vị đừng cố nữa, hãy cứ thật thà niệm A Di Đà Phật, về thế giới Cực Lạc sẽ chẳng hiểu rõ ràng ư? Đây là biện pháp tốt đẹp, cần gì phải chuốc lấy phiền phức? Cung kính niệm kinh Đại Thừa một biến, đấy là công đức; nhưng quý vị khởi tâm động niệm suy nghĩ "kinh có ý nghĩa gì", công đức bị phá sạch! Công đức chẳng còn nữa, biến thành phước đức. Phước đức khác công đức. Vì sao chúng ta vẫn phải niệm? Niệm nhằm tu Định, dùng phương pháp đọc kinh để nhiếp tâm, buông tất cả vọng tưởng, chấp trước xuống. Đọc kinh cũng chẳng dấy vọng tưởng, cũng không khởi chấp trước, đọc kinh là tu Định. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, đây cũng là một pháp môn, vấn đề là chính mình có biết sử dụng hay không. Mấy câu tiếp theo có thể nói là rất trọng yếu đối với Tịnh Tông! "Kim dĩ thử quả giác toàn thể thọ dữ trược ác chúng sanh" (nay đem toàn thể quả giác này trao cho chúng sanh trược ác). "Trược" là ngũ trược ác thế. Lúc tôi mới học Phật, vào sáu mươi năm trước, thấy kinh nói đến ngũ trược ác thế, chúng tôi thường cảm thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nói hơi quá lố! Thế giới này dù trược ác, vẫn chưa trược ác đến mức ấy. Nhưng nay nhìn lại chữ này, Ngài nói đúng quá, chẳng quá lố tí nào! Sở dĩ thế giới hiện tại có tai nạn, tai nạn vì sao mà có? Do dính dáng đến trược ác. "Trược" () là hỗn trược (dơ bẩn, đục ngầu), "ác" () là Thập Ác. Quý vị thấy chúng sanh trong thế gian này khởi tâm động niệm tương ứng với Thập Ác, chẳng có Thập Thiện. Tương ứng với Thập Ác, đúng là đại tai nạn sẽ xảy ra! Nay chúng ta suy nghĩ: Thật sự có tai nạn hay không? Có rất nhiều người hỏi tôi, tôi nói "hãy nên biết là thật đấy", vì sao? Chúng ta nhìn từ nhân quả, thiện nhân cảm thiện quả, ác nhân cảm thọ ác quả. Trước hết, hãy nhìn từ tướng hảo của

chính mình, tướng chuyển theo tâm. Tâm địa thiện lương, tướng mạo sẽ thiện lương; tâm địa thiện lương, thân sẽ khỏe mạnh. Thầy lang Bành Hâm18 nói rất hay: "Bất thiện, quý vị sẽ nhiễm bệnh". Trong bản báo cáo, ông ta đã nói như thế. Bất nhân, "nhân" () là thương yêu con người. Kẻ bất nhân dễ bị bệnh gan. Kẻ bất nghĩa, dễ mắc bệnh phổi, nó có cảm ứng với phổi. Vô lễ, dễ mắc bệnh tim. Vô trí là hồ đồ, thiếu trí huệ, dễ mắc bệnh thận. Bất tín, thiếu tín nhiệm, thường mong lừa gạt kẻ khác, dễ mắc bệnh tỳ vị (lá lách và bao tử). Phải làm như thế nào để thân thể khỏe mạnh? Phải thực hiện Ngũ Thường, tức là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, quý vị đều làm được. Ngũ Thường chính Ngũ Giới trong Phật pháp. Chẳng sát sanh là nhân, không trộm cắp là nghĩa, chẳng tà dâm là lễ, chẳng uống rượu là trí, chẳng nói dối là tín; nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Quý vị có thể giữ vẹn Ngũ Giới, nội tạng sẽ chẳng sanh bệnh. Chỗ nào bị bệnh, nhất định quý vị thiếu đạo đức, Ngũ Thường là năm đức, [do thiếu đức nào] nên quý vị mới bị bệnh ấy. Bị bệnh mà quý vị hiểu đạo lý này, ta khéo tu đức, khiến cho ngũ tạng lục phủ19 khôi phục bình thường, chẳng còn bệnh nữa! Trung Y dùng thuốc men để chữa bệnh, hiệu quả chỉ được ba phần, sửa đổi tâm tư thái độ chiếm mất bảy phần! Nếu biết thay đổi tâm tư, thái độ, lại dùng một chút thuốc men để phụ trợ, sẽ trị bệnh hết sức hữu hiệu. Do Phật đã chứng đắc viên mãn quả giác, tức là đã trở về tự tánh viên mãn, đem điều này giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh. Đấy là "chư Phật sở hành cảnh giới". Ở đây, câu này bảo rõ với chúng ta: Hết thảy chư Phật đều là niệm A Di Đà Phật mà thành Phật, không có ngoại lệ! Quý vị tin được không? Tôi đọc kinh Hoa Nghiêm, trong lần tham học thứ nhất của phần năm mươi ba lần tham học, tỳ-kheo Cát Tường Vân dạy Thiện Tài đồng tử hai mươi mốt pháp môn Niệm Phật, tôi đã giảng rồi, nhưng suy nghĩ vẫn chưa thấu triệt, vì sao? Lúc ấy, chưa đạt tới cảnh giới như hiện thời, nhưng tôi nói hai mươi mốt pháp môn Niệm Phật bao quát tất cả các pháp môn do thập phương tam thế hết thảy chư Phật, Bồ Tát đã nói, hễ triển khai thì môn nào cũng đều là pháp môn Niệm Phật. Cổ đại đức nói: Đúng thế, mỗi pháp môn đều là pháp môn Niệm Phật; nhưng pháp môn niệm A Di Đà Phật là pháp môn nói thẳng thừng, ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng, dễ dàng, thành công cao, là quả giác rốt ráo viên mãn, "duy Phật dữ Phật năng cứu tận" (chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu tột cùng), "cứu tận" là hiểu rõ triệt để. Tánh, Tướng, Sự, Lý, nhân quả, tới khi thành Phật quý vị mới hiểu rõ. Bồ Tát chưa được, đối với chuyện này, Bồ Tát có thể liễu giải, nhưng trong kinh, đức Phật có nêu một tỷ dụ, tức là "ngắm trăng qua một lớp the". "The" là gì? The là lượt là, rất mịn, the, sa, nhiễu, đoạn, rất mịn, trong suốt, giống như sa, nhưng trong suốt, còn mịn hơn sa nữa! Quý vị có

thể nhìn thấy bên ngoài qua lớp the, ngắm trăng qua sự ngăn cách này. Bồ Tát đối với pháp này có thể lý giải [nhưng vẫn chưa hoàn toàn thấy tường tận]; cho nên nói: "Phi cửu giới tự lực" (chẳng phải do chính sức lực của chúng sanh trong chín pháp giới). Chín pháp giới đặc biệt dùng sức của chính mình, nếu được Phật gia trì, quý vị sẽ có thể tin, có thể hiểu. Chẳng có Phật lực gia trì, dựa vào sức của chính mình, chắc chắn quý vị chẳng có cách nào cả! Tại đây cũng là hé lộ một tin tức: Nay chúng ta có thể tin, có thể hiểu pháp môn này, lại còn muốn thật sự hành; quý vị phải nghĩ chính mình đã được Phật lực gia trì. Không có Phật lực gia trì, sẽ làm không được! Nay chúng ta gặp pháp môn này là có duyên với Phật, là có cảm. Chúng ta muốn học, Phật sẽ có ứng, Phật sẽ gia trì chúng ta, giúp chúng ta có tín tâm, giúp chúng ta có thể lý giải, giúp chúng ta tu hành chứng quả. Tới lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, đó chính là Chứng. Hoàn thành "tín, giải, hành, chứng" trong một đời. "Hựu viết" (lại nói), đây vẫn là điều được viết trong Di Đà Yếu Giải, "cử thử Thể" (toàn bộ cái Thể này), Thể là gì? Thể là pháp giới Thể, là tự tánh. Trong sách Hoàn Nguyên Quán có câu: "Tự tánh thanh tịnh viên minh thể" chính là nói về điều này. Câu nói này của quốc sư Hiền Thủ và câu "tất cả chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai" trong kinh [Hoa Nghiêm] là cùng một câu nói, có cùng một ý nghĩa. "Tự tánh, thanh tịnh, viên minh", nói thành ba chuyện, nhưng ba chuyện này là Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát. Minh là trí huệ, thanh tịnh

là đức hạnh, viên mãn là tướng hảo. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Toàn bộ Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát được bao gồm trong Tánh Đức. “Tác Di Đà thân độ” (làm thân và cõi nước của Di Đà), thân Di Đà được gọi là Pháp Thân, cõi nước Phật Di Đà ngự được gọi là Tịnh Độ. Pháp giới Thể là tự tánh, thân và cõi nước đều do Tánh Đức tự nhiên lưu lộ. Kinh Phật dạy: “Pháp nhĩ như thị” (pháp vốn là như thế). Đó là “cử thử Thể tác Di Đà danh hiệu” (dùng toàn bộ cái Thể này để làm danh hiệu Di Đà), Danh hiệu của cái Thể ấy là A Di Đà Phật. “Thị cố, Di Đà danh hiệu tức chúng sanh Bổn Giác lý tánh” (vì thế, danh hiệu Di Đà là lý tánh Bổn Giác của chúng sanh). Bổn Giác là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. Lý là lý tánh, tác dụng của Lý là Sự, tác dụng của Tánh là Tướng. Tánh, Tướng, Sự, Lý sẵn có trong tự tánh của chúng sanh, chẳng phải do bên ngoài mà có! Đây là nói rõ mối quan hệ giữa danh hiệu A Di Đà Phật và hết thảy chúng sanh: A Di Đà Phật chẳng phải là ai khác, mà thật sự là chính mình, chớ nên hiểu lầm! Chính mình vốn là Phật! Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói [chuyện này] bao nhiêu lần. Chính mình vốn là Phật, nay niệm A Di Đà Phật tức là muốn thành Phật. Quý vị suy nghĩ coi: Có thể nào chẳng thành Phật ư? Chính mình vốn là Phật, nay lại muốn làm Phật,

niệm Phật chính là muốn làm Phật, chúng ta chẳng còn hoài nghi nữa. Đây là hai đoạn trích dẫn từ sách Di Đà Yếu Giải. Tiếp theo đó, Hoàng lão cư sĩ nói: “Khả kiến thử kinh thật thị đại bi từ phụ Như Lai Thế Tôn xứng tánh cực đàm” (Có thể thấy kinh này thật là lời bàn luận xứng tánh đến tột bậc của đức đại bi từ phụ Như Lai Thế Tôn). Kinh này quả thật là như vậy, đại từ bi phụ là A Di Đà Phật, tức vị Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Như Lai Thế Tôn là [nêu đại lược hai thứ trong] mười thứ đức hiệu của Phật. Như Lai có nghĩa là gì? Kinh Kim Cang giảng rất khéo: “Như Lai giả, chư pháp Như nghĩa” (Như Lai là nghĩa Như của các pháp). Câu này giảng khéo lắm! Hết thảy các pháp đều do tự tánh biến, hết thảy các Pháp Tướng giống như Pháp Tánh. Hoặc là chúng ta nói như thế này: Hết thảy Pháp Tướng đều là tự tánh, quý vị càng dễ hiểu hơn! Tự tánh của chúng ta ở chỗ nào? Bất luận pháp nào cũng đều là tự tánh. Do vậy, đối với người đại triệt đại ngộ trong Tông Môn, tổ sư bèn khảo nghiệm, trắc nghiệm kẻ ấy: [Tự tánh] ở đâu? Tùy tiện lấy một pháp đều là [tự tánh], pháp nào cũng đều Như, chẳng có một pháp nào chẳng Như. Phàm và thánh sai khác ở chỗ mê hay ngộ. Người ngộ rồi sẽ được gọi là Phật hay Bồ Tát; kẻ mê bất giác, chẳng biết hết thảy các pháp đều là tự tánh, cho nên gọi kẻ ấy là phàm phu. Trong pháp môn Bất Nhị, phàm và thánh chẳng hai, thật đấy. Nói thật với quý vị: “Sanh Phật bất nhị”, [nghĩa là] chúng sanh và Phật là một, không hai, đều là nói thật, nhưng quý vị chẳng thừa nhận. Quý vị chẳng dám nhận, đó là gì? Quý vị mê rồi! Khi nào quý vị giác ngộ, tự tánh vốn ở ngay đây, vấn đề gì cũng đều được giải quyết! Vì thế, kinh này là đức Thế Tôn xứng tánh cực đàm. Cực là tột cùng, nay chúng ta gọi là “đỉnh cao nhất” không có gì cao hơn được, viên mãn đến rốt ráo, không còn gì viên mãn hơn. Bộ kinh này đúng là như vậy, chẳng giả. “Chư Phật bí tạng”, chữ “bí” () này chẳng phải là bí mật, quý vị phải hiểu: Trong Phật pháp không có bí mật. Có bí mật, sẽ chẳng thể nói với người khác, trong Phật pháp không có [điều ấy]. “Bí” trong Phật pháp là nói đến sự sâu xa, kín nhiệm, Sự lẫn Lý đều quá sâu, chẳng dễ liễu giải, ẩn kín. Đây là nói thập phương tam thế hết thảy chư Phật

Như Lai trong không ngằn mé thế giới, trong mười pháp giới của các thế giới chư Phật, giáo hóa chúng sanh trong lục đạo, giảng kinh, thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh. Bốn chữ "chư Phật bí tạng" có ý nghĩa này. Lại nói là "hòa bàn thác xuất" (: giãi bày trọn hết), chẳng giữ lại! Giống như chúng ta đãi khách, dọn thức ăn đầy mâm, toàn bộ dọn ra hết. Cái mâm (bàn tử:) ấy chính là bộ kinh này, trong bộ kinh này có nội dung gì? Bí tạng của thập phương tam thế hết thảy chư Phật đều ở trong

đây, tuyệt diệu thay! Vì thế, cổ đại đức nói: Mọi người tán thán hai bộ kinh lớn là Hoa Nghiêm và Pháp Hoa khôn cùng, đại kinh Nhất Thừa mà! Cổ đại đức bảo [hai kinh ấy] đều nhằm dẫn đường cho kinh Vô Lượng Thọ. Nếu tôi chấp nhận cách nói này, tôi tin tưởng Tịnh Độ. Quý vị thấy thầy Lý khuyên tôi như vậy, nhưng tôi chẳng tiếp nhận. Tôi tiếp nhận Tịnh Độ là do giảng kinh Hoa Nghiêm, phải biết cũng là giảng được bảy, tám năm rồi, có một hôm, bỗng nhiên dấy lên ý niệm: Nghĩ coi Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Giảng kinh chưa đến phần sau, lật phần sau ra. Giở phần sau ra [mới thấy] khi kinh này sắp giảng xong, hình như là trong quyển ba mươi chín, quyển bốn mươi là chấm dứt kinh. Trong quyển thứ ba mươi chín, Văn Thù Bồ Tát, trong sách Chú Giải này, cụ Hoàng cũng trích dẫn, trong phần sau sẽ nói đến, Văn Thù Bồ Tát phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ, Phổ Hiền Bồ Tát cũng phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ. Lại xem kỹ, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử chứng tỏ, [giống như] người Hoa nói "tiên nhập vi chủ" (điều gì tiếp xúc đầu tiên sẽ là chánh yếu), Thiện Tài đồng tử tham phỏng vị [thiện hữu] thứ nhất là tỳ-kheo Cát Tường Vân, Ngài niệm A Di Đà Phật, tu Ban Châu tam- muội, chuyên tu niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Ngài giảng cho Thiện Tài hai mươi mốt pháp môn Niệm Phật. Tôi vừa mới nói với quý vị, hai mươi mốt môn này triển khai thành vô lượng vô biên pháp môn, chẳng có một pháp môn nào chẳng phải là pháp môn Niệm Phật, tương ứng với "chư Phật bí tạng, hòa bàn thác xuất". "Thả thử niệm Phật pháp môn, diệc tức chúng sanh bổn cụ chi hóa nghi" (Hơn nữa, pháp môn Niệm Phật này cũng chính là hóa nghi sẵn có của chúng sanh). Trong phần trước, chúng tôi đã từng nói: "Hóa" () là giáo hóa, "nghi" () là nghi thức. Đây là phương thức giáo hóa, phương thức này do đâu mà có? Chúng sanh có sẵn, cho nên nó thuộc về Tánh Đức. Chúng ta mê mất, Phật, Bồ Tát lấy ra [dùng điều này để giáo hóa chúng sanh], nó là cái bản thân chúng ta vốn sẵn có. Nghi thức này giống như cách chúng ta học tập trong các trường học hiện thời, Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nghiên cứu sinh, chúng ta tu học cũng giống như vậy. Thời gian mê trong lục đạo quá lâu, mê quá sâu, chẳng thể quay lại ngay được, phải làm từ từ! Trước hết là buông xuống phiền não nghiêm trọng nhất, buông xuống chấp trước nghiêm trọng nhất, chẳng hề chấp trước hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, thưa quý vị, lục đạo sẽ chẳng còn nữa, chúng đều là giả. Trong kinh Kim Cang, đức Phật nói: "Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng", do quý vị có chấp trước, nên bèn hiện tướng này, đấy là mộng cảnh. Khi tỉnh khỏi chấp trước, tỉnh rồi, lục đạo không còn nữa, quý vị sẽ tìm không ra lục đạo! Tỉnh lại, sẽ là cảnh giới nào? Là tứ thánh pháp giới,

Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, cảnh giới này xuất hiện. Cảnh giới này vẫn là một mộng cảnh; vì thế, lục đạo là "mộng trong mộng". Tứ thánh do đâu có? Tứ thánh do

phân biệt và vọng tưởng mà có. Có vọng tưởng, có phân biệt, sẽ có tứ thánh pháp giới. Trong tứ thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát là phân biệt, sau khi đoạn sạch [phân biệt] bèn thành Phật. Phật [trong tứ thánh pháp giới] chưa đoạn vọng tưởng, có khởi tâm động niệm, tức là Vô Minh phiền não chưa đoạn. Nếu đối với pháp thế gian và xuất thế gian chẳng khởi tâm, không động niệm, thật sự tỉnh, mười pháp giới sẽ không có! Do vậy, thưa với quý vị: "Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng", "hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng", là thật, chẳng giả. Đây là sau khi tỉnh lại, bèn thoát khỏi mười pháp giới, cảnh giới ấy sẽ gọi là Nhất Chân pháp giới. "Chân" là gì? "Chân" là vĩnh hằng không thay đổi! Quý vị thấy trong thế gian này, động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, khoáng vật như núi, sông, đại địa, kể cả tinh cầu, có thành, trụ, hoại, không, biến đổi trong từng sát-na, vô thường. Người trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai đều chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, cho nên thế giới ấy không biến hóa. Quý vị sanh vào thế giới ấy là hóa sanh, chẳng sanh bằng bào thai, đều là thân kim cang bất hoại, thân tướng sẽ không già yếu, sẽ không sanh bệnh, trên thân sạch sẽ, không cần phải tắm táp, rửa ráy, không cần thiết, hóa sanh mà! Cây cối, hoa cỏ vĩnh viễn như trong mùa Xuân, chẳng biến đổi, không có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông biến hóa. Do vậy, gọi là Nhất Chân. Tu gì trong cảnh giới ấy? Phải đoạn trừ tập khí vô thỉ vô minh. Đoạn tập khí bằng cách nào? Không có cách nào hết! Không để ý tới nữa, nó sẽ đoạn, tự nhiên đoạn. Cổ nhân dùng tỷ dụ bình rượu để nói về tập khí, phương pháp này rất hay! Bình rượu chứa rượu, đổ sạch sành sanh rượu, chùi sạch bong, quả thật là một giọt cũng chẳng còn, nhưng vẫn ngửi thấy mùi, đó là "tập khí", không có cách nào diệt trừ! Không thể làm gì khác hơn là mở toang nắp bình, bỏ ở đó, để một năm hay nửa năm, ngửi thử sẽ không thấy mùi nữa! Do vậy, sự tu hành của người ấy trong cõi ấy được gọi là "vô công dụng đạo", căn bản là không màng tới, mặc cho nó biến mất. Nhưng ở trong ấy, Pháp Thân Bồ Tát thần thông quảng đại, chúng sanh trong mười phương thế giới có cảm, Ngài lập tức có ứng, sẽ làm những chuyện ấy. Có cảm bèn có ứng, cảm ứng hết sức rất nhanh. Đấy là như sách Hoàn Nguyên Quán đã nói, một niệm vừa động, bèn trọn khắp pháp giới, bất luận quý vị động niệm nào! Vì thế, sau khi đọc bộ luận này, chính mình phải hiểu: Chúng ta khởi tâm động niệm, dấy lên thiện niệm, những người tâm địa thanh tịnh trọn khắp pháp giới hư không giới đều thu được, đều nhận được tin tức ấy. Giống như chúng ta đang ở trên màn hình TV, toàn bộ hoạt động

của quý vị họ thấy hết. Quý vị có thể gạt gẫm được người nào hay chăng? Quý vị khởi lên ác niệm, họ cũng biết hết, chẳng thể giấu diếm mảy may nào! Đừng tưởng người ta không biết, biết toàn bộ! Quý vị chỉ có thể giấu diếm chúng sanh mê hoặc, điên đảo, họ không biết; chứ không gạt được người giác ngộ! Đây là chân tướng sự thật. Một niệm trọn khắp pháp giới, một niệm sanh ra vô tận, đó tức là nói: Nó biến huyễn vô cùng, chứa đựng cả Không lẫn Có. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: "Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới" (tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát), thật đấy! Một niệm là như vậy, một hạt vi trần cũng là như vậy, bất luận là hiện tượng vật chất hay tinh thần, toàn bộ đều là như vậy. Hơn nữa, vật chất và tinh thần là một,

không hai. Nếu quý vị đã học ba tế tướng của A Lại Da Thức, quý vị sẽ biết. Trong Đại Thừa Phật giáo dùng ba tế tướng của A Lại Da Thức để giải thích duyên khởi của vũ trụ, vũ trụ do đâu mà có? Vạn vật do đâu mà có? Sanh mạng do đâu mà có? Ta từ đâu đến? Giải thích hết sức rõ ràng. Vì sao có thể hiểu rõ như thế? Đó là cảnh giới do chính những người đó giác ngộ, chứng đắc, chẳng phải do nghiên cứu, quan sát, suy đoán như trong khoa học, chẳng phải, mà do họ đích thân thấy. Họ trở về tự tánh, thật sự hiểu rõ toàn bộ Tánh, Tướng, Sự, Lý, nhân quả trong tự tánh. Vì sao địa cầu ngày nay biến thành tình trạng như vậy? Vì sao nhiệt độ địa cầu tăng lên? Vì sao băng ở Nam Cực và Bắc Cực tan chảy? Vì sao các nơi bị động đất nhiều như thế? Kinh Phật giảng rõ ràng! Mà cũng có [biện pháp] để giải quyết vấn đề này ra sao, chỉ cần quý vị tin tưởng, địa cầu sẽ có thể lập tức khôi phục bình thường. Không chỉ hữu dụng đối với địa cầu, ngay cả các tinh cầu, tinh hệ trong vũ trụ cũng sẽ vận hành theo đúng quỹ đạo bình thường, chẳng đến nỗi rối loạn, chúng ta đều có thể làm được, chứ các khoa học gia chẳng có cách nào. Vì sao có thể làm được? Vì hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, Thái Dương Hệ sanh từ tâm tưởng, Ngân Hà Hệ sanh từ tâm tưởng, chỉ cần quý vị chẳng có quan niệm sai lầm, chúng bèn bình thường. Nếu quý vị muốn thay đổi chúng, chúng sẽ biến thành dị thường. Các nhà khoa học làm chuyện dị thường, muốn nhân định thắng thiên, muốn sửa đổi hoàn cảnh thiên nhiên, vấn đề sẽ nẩy sanh. Vì sao có những hiện tượng này? Vì chúng từ tâm tưởng của quý vị sanh ra. Hiện thời, quý vị có tâm tưởng chẳng bình thường, chúng liền biến thành bất thường, chuyện là như vậy đó! Vì sao trước kia bình thường như vậy? Không ai nghĩ đến chuyện thay đổi hoàn cảnh tự nhiên, không ai có ý niệm này, cho nên địa cầu rất bình thường. Hiện tại, các khoa học gia mỗi ngày động niệm, phá hoại môi trường sống và hoàn cảnh tự nhiên, phiền phức dấy lên. Sau khi vấn đề nẩy sanh, bèn bó tay, không có cách nào, đáng thương quá!

Sách Hoàn Nguyên Quán đúng là tuyệt diệu! Thầy Hồ Tiểu Lâm xem từ đầu đến cuối ba lần, gọi điện thoại cho tôi biết, hoan hỷ khôn sánh. Khi xem, thầy quên cả ăn cơm, uống nước, đi vệ sinh, hễ xem là xem mười mấy tiếng. Ông ta gọi điện thoại, hỏi tôi: “Có phải là con đang mê hay không? Có vấn đề gì hay không?” Tôi bảo ông ta: “Ông chẳng có vấn đề gì, bình thường! Pháp hỷ sung mãn đấy mà! Quên ăn cơm, lại chẳng cảm thấy đói, Thiền duyệt làm thức ăn. Tuy ông chưa chứng đắc cảnh giới này, ông đã có chút mon men hưởng thụ”. Lần này [ông ta] sang đây, vốn định báo cáo chuyện này, sau khi đã tới đây, vẫn cảm thấy chưa đủ, vẫn phải thâm nhập một tầng nữa rồi mới báo cáo, tôi nói “được!” Bài luận văn này của quốc sư Hiền Thủ chẳng dài, nhưng thật là phi phàm. Toàn bộ những lý luận và phương pháp tu hành trong kinh Hoa Nghiêm đều được viết ra trong bài văn ngắn ngủi này! Chúng ta học Hoa Nghiêm mười năm, dùng hơn bốn ngàn giờ, mà phần sau [của kinh Hoa Nghiêm chưa được giảng] còn rất dài, do vậy, đem bài luận văn này của quốc sư Hiền Thủ ghép vào học tập giữa chừng, học tập hai lượt. Sau đấy, học tiếp kinh Hoa Nghiêm sẽ có ý vị khác hẳn, cảnh giới khác hẳn. Nay chúng ta coi lại kinh Vô Lượng Thọ, sẽ lại khác hẳn! Lẽ nào ông ta chẳng vui mừng! Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm vui vẻ. Do vậy, đây là hóa nghi sẵn có trong tự tánh của chúng sanh. “Thử nhất cú Phật hiệu, chánh như Yếu Giải sở thị, ký thị chúng

sanh Bổn Giác Lý tánh, cố tri thử giới nhĩ năng niệm chi tâm tức thị Như Lai quả giác" (Một câu Phật hiệu này, đúng như sách Yếu Giải đã chỉ ra, đã là Lý tánh Bổn Giác của chúng sanh, cho nên biết cái tâm niệm Phật nhỏ nhoi này chính là quả giác của Như Lai). Chúng ta phải chú tâm thấu hiểu: Câu Phật hiệu ấy là sáu chữ hồng danh "Nam-mô A Di Đà Phật" như trong sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư đã giảng, nó chính là Lý tánh Bổn Giác của chúng sanh, Lý tánh là tự tánh. Nhằm dạy học thuận tiện, đức Phật lập ra sáu chữ để đại diện cho muôn sự muôn vật trong vũ trụ. Tánh Tướng: Tánh có thể sanh, có thể hiện; Tướng là cái được sanh, cái được hiện. Đây là tầng cao nhất, tức duyên khởi của vũ trụ. Tầng thứ hai là Lý, Sự; Lý Sự là A Lại Da Thức, Lý là chủ thể có thể biến, Sự là cái được biến (sở biến), y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là cái được biến. Trong "cái có thể biến" (năng biến) có nhân và quả; trong sở biến cũng có nhân và quả. Quý vị thấy: Dùng sáu chữ "Tánh, Tướng, Lý, Sự, nhân, quả" bao quát trọn hết toàn bộ. Ở đây, quan trọng nhất là phải biết: Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, nhưng chẳng biến. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai là cảnh giới này. Do vậy, nó được gọi là Nhất Chân pháp giới. Đến tầng Lý Sự, Năng Biến biến thành A Lại Da Thức, hiện tướng vô lượng vô biên ở trong ấy, chẳng phải là bất biến, mà là biến hóa khôn lường, biến đổi trong từng sát-na. Khi chúng ta học những điều này, cũng không có cách nào để

diễn tả, nói không được! Do vậy, tôi đã nghĩ tới thuở nhỏ, chơi ống kính vạn hoa, đơn giản như vậy đó. Quý vị thấy kết cấu của ống kính vạn hoa là ba mảnh gương, ở giữa bỏ mấy mảnh giấy màu khác nhau. Quý vị xoay nó, sẽ thấy những thứ biến hóa bên trong. Quý vị xoay cách nào cũng chẳng tìm được một mô thức (pattern) giống nhau. Có cùng một đạo lý như vậy, A Lại Da Thức khởi tác dụng, biến thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới giống như ống kính vạn hoa, kính vạn hoa chuyển động không ngừng. Niệm này khởi lên, niệm kia diệt mất, tiền niệm diệt, hậu niệm khởi. Vì thế, chúng ta thấy tướng được hiện là hiện tượng gì? Là một thứ gần như là tướng liên tục, chẳng phải là hai tướng giống nhau, chẳng có! Về căn bản, chẳng giống hệt nhau mà là tương tự. Giống như chúng ta coi phim, dùng dụng cụ sau đây: Cuộn phim, tức là phim điện ảnh. Quý vị thấy phim bỏ vào máy chiếu phim, một giây chiếu được hai mươi bốn tấm, ống kính đóng hay mở, tức là đối với tấm phim dùng để rọi, hễ ống kính mở, tấm phim ấy bèn được chiếu lên màn bạc, [ống kính] đóng lại, đổi sang tấm kế tiếp. Tốc độ quá nhanh, trong một giây là hai mươi bốn tấm, chúng ta thấy dường như hình ảnh cử động trên màn bạc; thật ra, chúng bất động, đâu có động! Từng tấm khác nhau. Do vậy, quý vị biết, sau khi lật ngửa con bài, [mới biết] thế giới này là tướng liên tục tương tự. Quý vị thấy: Trong điện ảnh, hai mươi bốn tấm phim [trong một giây] đã gạt được mắt ta, chúng ta ngỡ là thật. Đức Phật nói hiện thời [sự tướng biến hóa trong thế gian] theo tốc độ nào? Trong một giây là một ngàn hai trăm tám mươi triệu tấm, tốc độ chuyển động như vậy, làm sao chúng ta biết nổi? Hai mươi bốn tấm đã gạt chúng ta được rồi! Nay tôi cho quý vị biết, trong một giây có bao nhiêu tấm? Một ngàn hai trăm tám mươi triệu! Nói với chúng ta chân tướng sự thật này. Vì thế, có những thứ ấy tồn tại hay không? Không có, vạn pháp đều là Không. Chúng ta thường nói nhân quả chẳng không, "nhân quả chẳng không" là so với gì để nói? So với tương

tục mà nói, nói đối với tướng tương tự liên tục, trong ấy có nhân quả, bảo quý vị phải dè chừng, cẩn thận. Lên cao hơn nữa thì sao? Lên cao hơn nữa thì nhân quả cũng không. Tới Thường Tịch Quang, nhân quả chẳng có, hoàn toàn trở về tự tánh, nhân quả do đâu mà còn nữa? Trong Thường Tịch Quang, ngay cả hiện tượng vật chất lẫn hiện tượng tinh thần đều không có, nhưng có kiến văn giác tri, bởi lẽ, kiến văn giác tri là Tánh Đức. Biến thành A Lại Da Thức là khi nhất niệm vọng động, bèn biến thành A Lại Da Thức, kiến văn giác tri trong A Lại Da biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức; khi mê sẽ là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Giống như tiến sĩ Giang Bổn Thắng dùng nước làm thí nghiệm. Nước có thể thấy, nghe, đó là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Cội nguồn của Thọ, Tưởng, Hành, Thức là gì? Cội nguồn là kiến văn giác tri. Kiến văn giác tri trong tự tánh là trí huệ

và đức năng sẵn có trong tự tánh. Đức Phật nói rõ ràng như thế, nói minh bạch như thế, các nhà khoa học chẳng nói đến. Chánh báo như tóc, lông của chúng ta, y báo như vi trần, đều là tướng được hiện. Chúng ta thường nói "sanh diệt trong từng sát-na", thật sự quý vị không có cách nào hiểu được khái niệm này, hiểu lời Di Lặc Bồ Tát nói: "Trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm", từ đây chúng ta mới có khái niệm. Bất luận là đầu lông hay vi trần, đều thuộc về vật chất, trong hiện tượng vật chất có kiến văn giác tri. Nay chúng ta đã mê, nói cách khác, có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, trong một đầu lông đều có, hết thảy các sợi lông, hết thảy các vi trần thảy đều có. Trong Phật pháp nói vi trần, các nhà khoa học hiện thời dùng danh từ "nguyên tử, điện tử, hạt căn bản, khoa-khắc (quark)", đều gọi là "vi trần", là hiện tượng vật chất, có tinh thần hay không? Có! Có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trong hạt cơ bản có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nó biến hóa, nghe theo ai chỉ huy? Ai đang biến hóa nó? Ý niệm. Chúng ta khởi tâm động niệm, nó bèn thuận theo ý niệm của chúng ta mà biến hóa. Ý niệm của chúng ta là thiện, sẽ chẳng có thứ gì bất thiện; ý niệm của chúng ta là bất thiện, sẽ chẳng có gì là thiện. Nếu chúng ta đều là thiện niệm, cho nên đức Phật mong chúng ta, mong các đệ tử Phật nêu gương tốt cho hết thảy chúng sanh, thực hiện từ nơi đâu? Thực hiện từ Lục Hòa Kính. Vì thế, đoàn thể trong Phật môn được gọi là Tăng đoàn. Quý vị thấy khi chúng tôi thuyết Tam Quy Y: "Quy y Tăng, chúng trung tôn", "Chúng" là đoàn thể. Trong Phật pháp, Chúng là nói từ bốn người trở lên, ở cùng một chỗ chung sống, tu hành chung với nhau, một đoàn thể như vậy tu Lục Hòa Kính. "Kiến hòa đồng giải": Cách nhìn, cách nghĩ của ta và cách nhìn của mọi người như nhau, gọi là kiến hòa đồng giải. "Giới hòa đồng tu", mọi người ở cùng một chỗ tuân thủ quy củ. Chẳng tuân thủ quy củ sẽ loạn. Giới luật là quy củ. Sau đấy là "thân đồng trụ, ý vô tránh, ý đồng duyệt" (thân cùng ở, miệng chẳng tranh cãi, cùng vui vẻ chia sẻ ý kiến), đó là vui vẻ ở cùng một chỗ. "Lợi đồng quân": Đây là nói bình đẳng hưởng thụ hết thảy các thứ cúng dường, không có đặc quyền. Đấy là Lục Hòa Kính. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, mọi người khất thực, tôi đi khất thực, khất thực được cúng dường kha khá, cơm và thức ăn ngon lành, người kia khất thực, nhà người ta nghèo khổ, cúng thí khác hẳn. Ngày hôm nay chúng ta được món lợi này thì làm sao? Chẳng phải là xin xong bèn ăn ngay, không thể! Khất thực xong, quay về, trở về Tăng đoàn, đem cơm xin được trộn lẫn với nhau, rồi lại phân chia, ăn theo cách như vậy, cho nên nói "nhất bát thiên gia

phạn” (một bát, cơm ngàn nhà). Đúng vậy, chẳng giả! Tăng đoàn một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, ra bên ngoài khất thực, chẳng phải là cơm ngàn nhà hay sao? Trộn lẫn lại để ăn, quý vị thấy đó: Lợi hòa đồng quân (chia sẻ lợi lạc bình đẳng). Quý vị ra ngoài khất thực, khất

thực chẳng được, không sao cả! Biết về nhà sẽ được ăn, được mọi người chia phần, lợi hòa đồng quân. Trong đây, quan trọng nhất là kiến hòa đồng giải, chúng ta làm sao để có thể có cách nghĩ và cách nhìn chung? Khi chúng ta mê, bất giác, chưa đại triệt đại ngộ, chúng ta phải nương theo Phật, nương tựa thầy, nương theo kinh giáo của thầy. Lấy những thứ ấy làm căn cứ cho tư tưởng, kiến giải, tương ứng với kinh giáo là chánh tri chánh kiến. Trái phạm kinh giáo là tà tri tà kiến. Chúng ta phải chuyển tà thành chánh. Chánh - tà có rất nhiều tiêu chuẩn, mỗi kinh điển khác nhau; vì vậy, các tông, các phái đều khác nhau, nhưng là đại đồng tiểu dị, đều là chánh tri chánh kiến. Thậm chí nay chúng ta mở rộng tầm mắt, thấy trên thế giới này có nhiều tôn giáo khác nhau, chỉ cần chính phủ công nhận tôn giáo ấy là tôn giáo chính đáng, chúng ta cũng tôn trọng và thừa nhận kiến giải của họ cũng là chánh tri chánh kiến. Như vậy thì chúng ta mới có thể chung sống hòa thuận, mới có thể đối đãi bình đẳng, mới mang lại hòa bình, yên ổn cho thế giới. Đó là trong nhân gian và trong lục đạo. Nếu là trong hàng Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát, cảnh giới ấy được nâng cao hơn, tiêu chuẩn khác hẳn. Đến địa vị Bồ Tát, tiêu chuẩn là tự tánh: Tương ứng với Tánh Đức thì là chánh tri chánh kiến; trái nghịch Tánh Đức của tự tánh sẽ là tà tri tà kiến, khác hẳn [nhân gian và lục đạo]. Do vậy, tiêu chuẩn rốt ráo, tiêu chuẩn tuyệt đối là tự tánh; khi quý vị minh tâm kiến tánh, quý vị sẽ chứng đắc. Khi chưa chứng đắc, quý vị học tập những người đã chứng đắc, người chứng đắc cho chúng ta biết: Đó là Tánh Đức. Đó là gì? Thưa quý vị, Thập Thiện Nghiệp Đạo là Tánh Đức, Tam Quy Ngũ Giới là Tánh Đức, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo gia là Tánh Đức, Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân cũng là Tánh Đức, Đệ Tử Quy của Nho gia cũng là Tánh Đức, giảng ngũ luân, ngũ thường, tứ duy bát đức20 là Tánh Đức, là chứng đắc của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta chưa chứng đắc, phải nương theo giáo huấn của các Ngài để hành, tùy thuận Tánh Đức, kiến lập chánh tri chánh kiến và kiến hòa đồng giải. Tu Lục Hòa Kính như thế nào? Thực hiện ba thứ căn bản của Nho, Thích, Đạo là thật sự tu Lục Hòa Kính, Lục Hòa Kính sẽ được thực hiện! Thật sự làm! Bắt đầu làm từ đâu? Làm từ chính mình, đừng đòi hỏi người khác, quý vị sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật. Chỉ đòi hỏi chính mình, đừng đòi hỏi ai khác, kiến lập hòa hợp tăng đoàn như thế đó! Tuyệt đối chớ nên đem ni tấc của chính mình xét đoán người khác, đến mọi nơi phê bình người ta. [Làm như vậy] quý vị sẽ phạm lỗi to lớn quá đỗi! Phải hiểu đạo lý này! Chính quý vị làm được thì sẽ thành tựu. Quý vị thành tựu, chắc chắn sẽ cảm hóa người khác. Một người chịu làm, có thể cảm hóa cả nhà; một nhà đều làm, chắc chắn cảm hóa xóm giềng, cảm hóa thân thích, bằng hữu. Vì thế, sách Đệ Tử Quy có nói: “Thế phục nhân” (dùng uy thế

khuất phục người khác), chưa chắc người ta đã tiếp nhận, “Lý phục nhân” (dùng lý khuất phục người khác), người ta tự nhiên bị cảm hóa. Phải làm từ chính bản thân mình mới là đúng. Đã là Lý tánh trong Bổn Giác của chúng sanh thì là chính mình, chính mình là chúng sanh. Hai chữ “chúng sanh” có nghĩa là các duyên hòa hợp sanh

ra hiện tượng thì gọi là chúng sanh. Con người chúng ta, thân thể này do các duyên hòa hợp; cái thân vật chất là Tứ Đại, đất, nước, lửa, gió,Tứ Đại, Tứ Đại là gì? Nói theo danh từ khoa học hiện thời, Tứ Đại là nguyên tử hay điện tử. Các nhà khoa học cho biết: Một nguyên tử, một điện tử, hoặc một hạt cơ bản đều có bốn đặc tánh. Thứ nhất là vật chất, nhìn bằng kính hiển vi kính cao cấp, quý vị có thể thấy được, nó là vật thể quá nhỏ, quý vị chẳng thể đụng tới, nhưng có thể thấy nó. Nhà Phật gọi tánh chất này là Địa Đại, Địa tượng trưng cho vật chất. Một vật thể bé như thế có mang điện tích, chứa âm điện hay dương điện. Dương điện được gọi là Hỏa Đại, âm điện là Thủy Đại. Nó có độ ẩm và nhiệt độ, độ ẩm là Thủy Đại, nhiệt độ là Hỏa Đại. Nó chuyển động, chứ không tĩnh lặng, [chuyển động với] tốc độ rất nhanh, sự chuyển động ấy gọi là Phong, dùng Phong để tượng trưng, nên gọi là Phong Đại. "Địa, thủy, hỏa, phong" là nói về vật chất cơ bản hay hạt căn bản. Di Lặc Bồ Tát dạy chúng ta: "Niệm niệm thành hình", thì "hình" là Tứ Đại, chúng có bốn hiện tượng này. "Hình giai hữu thức" (hình đều có thức), câu này quan trọng. Thức là gì? Thức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chỉ cần là vật chất, chắc chắn có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nước là vật chất, tiến sĩ Giang Bổn Thắng đã làm thí nghiệm với nước, chứng minh vật chất có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Tôi bốn lần sang Nhật Bản tham dự hội nghị quốc tế, có hai lần đi phỏng vấn, tôi sang Nhật Bản sáu lần. Trong sáu lần này, tôi đã hai lần tới thăm phòng thí nghiệm của tiến sĩ Giang Bổn Thắng, tôi tới thăm, ông ta đã giảng giải cặn kẽ. Ông ta làm thí nghiệm mấy chục vạn lần, chứng minh nước thật sự có kiến văn giác tri. Tôi bảo ông ta: "Vẫn chẳng phải chỉ có hiện tượng này, nay quý vị đã thấy nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đối với những thí nghiệm này, nước bộc lộ sắc tướng cho quý vị thấy, nhưng trong kinh Phật nói Sắc, Thanh, Hương, Vị, có bốn loại hiện tượng, quý vị chỉ mới thấy Sắc, vẫn chưa phát hiện Thanh, Hương, Vị". Tôi nói: "Quý vị phải tiếp tục nỗ lực, tôi mong quý vị dùng phương pháp khoa học, nước có âm thanh, có hương, vị, quý vị có thể làm thí nghiệm để xem xét, công đức vô lượng. Đấy là như kinh Phật đã nói: Bất luận vật chất gì cũng đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đều có Sắc, Thanh, Hương, Vị. Hãy dùng một phương pháp trắc nghiệm khác, chẳng dùng nước nữa". Quý vị thấy hôm qua, mấy người bọn họ báo cáo ở nơi đây: Họ dùng cơm, lấy ba chén cơm. Một nồi cơm nấu xong, xới ra ba chén, để hai mươi ngày. Một chén thì mỗi ngày tán thán, ca

ngợi nó. Chén khác, chán ghét, oán hận nó. Còn một chén nữa, về căn bản là mặc kệ, không màng tới. Hai mươi ngày sau, chén được tán thán mỗi ngày, cơm biến thành màu vàng, có mùi thơm, chén bị oán hận trở nên hết sức khó ngửi, biến thành đen thui; chén không được để ý cũng bị hư, nó thật sự hiểu được ý nghĩ của con người. Đó là gì? Đó là thị hiện có Sắc, Hương, Vị, còn âm thanh chưa có cách để làm thí nghiệm. Đối với lời đức Phật dạy, hoàn toàn làm thí nghiệm [sẽ thấy] hết thảy vật chất đều có Sắc, Thanh, Hương, Vị, đều có bốn hiện tượng này xuất hiện. Phật pháp kỳ diệu khiến cho các nhà khoa học phải gắng công chứng thực. Vì thế, ý niệm của chúng ta có mối quan hệ với tướng mạo. Muốn đẹp đẽ, ngàn muôn phần đừng tới thẩm mỹ viện. Theo như họ đã tường trình trong ngày hôm qua, thẩm mỹ viện khổ lắm! Tốn cả đống tiền để đày đọa bản thân, chịu bao nhiêu đày đọa, gần như mất mạng, lầm lạc quá! Chỉ cần quý vị có tâm tốt, tướng mạo sẽ đẹp đẽ, tướng chuyển theo tâm. Vì sao quý vị không tin

chuyện này? Tâm tốt, tướng sẽ tốt đẹp; tâm tánh tốt, thân sẽ khỏe khoắn, thân lẫn tâm khỏe mạnh. Đừng bị kẻ khác lừa gạt! Phật, Bồ Tát chẳng lừa ai, luôn nói lời chân thật, mà quý vị chẳng nghe! Quý vị nghe lời chuyên viên thẩm mỹ, chẳng phải là tự chuốc khổ đó sao? Chúng ta muốn thân lẫn tâm khỏe mạnh, phải tin vào chính mình, tâm niệm phải lành, tư tưởng phải lành. Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật bảo long vương: "Bồ Tát hữu nhất pháp, năng ly nhất thiết thế gian khổ" (Bồ Tát có một pháp có thể lìa hết thảy nỗi khổ trong thế gian), pháp gì vậy? Là thiện pháp, tức là Thập Thiện nghiệp đạo. Tư tưởng của quý vị tương ứng với Thập Thiện nghiệp, kiến giải của quý vị tương ứng với Thập Thiện nghiệp, ngôn ngữ, hành vi của quý vị tương ứng với Thập Thiện nghiệp, chẳng có điều gì bất thiện, thân và tâm khỏe mạnh, hạnh phúc mỹ mãn sẽ thật sự đạt được! Do vậy, đừng nên cầu bên ngoài. Tiếp theo đó, sách viết: "Cố tri thử giới nhĩ năng niệm chi tâm tức thị Như Lai quả giác" (cho nên biết cái tâm năng niệm nhỏ nhoi chính là quả giác của Như Lai). Như Lai quả giác là tự tánh, quả giác nơi tự tánh. Chữ "giới nhĩ" thường thấy trong kinh Phật, nhằm hình dung một niệm vô cùng vi tế. Nói thật ra, vi tế đến cùng cực là như Di Lặc Bồ Tát đã nói: "Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm", đó là "giới nhĩ", tức một niệm tâm, chúng ta không có cách nào phát hiện điều này. Nay chúng ta chỉ nhận biết một cái khảy ngón tay là một phần tư giây. Chúng ta có thể cảm nhận được, đó là nhất niệm của bọn phàm phu chúng ta; còn một niệm tâm ở đây thuộc về quả giác của Như Lai, là Tánh Đức, là tự tánh giác. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này. Cảm ơn mọi người! Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa phần 2 hết

---o0o---

Phần 03

Tập 05

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Hàng thứ nhất, trang thứ ba của sách Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, xem từ hàng thứ nhất. "Thử nhất cú Phật hiệu, chánh như Yếu Giải sở thị, tức thị chúng sanh Bổn Giác Lý tánh, cố tri: Thử giới nhĩ năng niệm chi tâm tức thị Như Lai quả giác" (một câu Phật hiệu này, đúng như sách Yếu Giải đã dạy, chính là Lý tánh trong Bổn Giác của chúng sanh. Cho nên biết: Cái tâm niệm Phật nhỏ nhoi này chính là quả giác của Như Lai). Trong lần trước, chúng ta đã đọc tới chỗ này. Câu này vẫn phải nói rõ cặn kẽ hơn một chút, nó có quan hệ rất lớn đối với sự niệm Phật của chúng ta. Cái "giới nhĩ năng niệm chi tâm" này là chân tâm, mà cũng là vọng tâm; trong các thứ vọng tâm, nó gần với chân tâm nhất. Vì sao? Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm nó là chân tâm. Hễ khởi tâm động niệm, nó là vọng tâm, chỉ là cái tâm bé nhỏ này vừa mới dấy lên [ý niệm]. Nhìn từ phía chân và vọng, cái tâm này khó có; dùng cái tâm này để niệm Phật thì cái tâm ấy chính là "Như Lai quả giác" được nói đến ở đây. Người ấy chẳng mê, chẳng có Hoặc (phiền não), [tức là] chẳng mê hoặc. Khi một niệm tâm khởi lên, bèn A Di Đà Phật; niệm Phật phải niệm theo cách như vậy. Nay chúng ta là phàm phu, là lục đạo phàm phu chính cống; nếu trong kinh Đại Thừa, đức Phật không nói ra, chúng ta sẽ vĩnh viễn không nhận biết một niệm tâm này. Nó quá vi tế, "giới nhĩ" có nghĩa là "vi tế" (nhỏ nhiệm), cực kỳ vi tế, chúng ta không có cách

nào nghĩ tưởng được! Chúng ta vừa mới dấy lên một niệm suy tưởng, Di Lặc Bồ Tát đã bảo: Trong một niệm tưởng, có "ba mươi hai ức trăm ngàn niệm", đấy là "giới nhĩ năng niệm chi tâm" (cái tâm có thể niệm nhỏ nhoi này). Chúng ta vừa mới tưởng, trong cái ý niệm vừa dấy động ấy, bèn có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Di Lặc Bồ Tát đã cho chúng ta biết: [Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm chỉ là] trong khoảng khảy ngón tay, cho nên không có cách nào thấu hiểu điều này được! Trong kinh, đức Phật cũng nói rất rõ khi nào quý vị mới có thể quan sát, nhận biết những niệm vi tế này tồn tại: [Phải là khi đã đạt đến] Bát Địa Bồ Tát, tức Bát Địa Bồ Tát [trong Viên Giáo] như kinh Hoa Nghiêm [đã nói]. Từ Thất Địa trở về trước, đều không có cách nào cảm nhận

được! Bát Địa Bồ Tát có công phu định lực như vậy, chúng ta gọi [công phu ấy] là "thanh tịnh tâm". Cái tâm thanh tịnh ấy đạt đến mức độ tinh thuần như vậy, nên Ngài mới cảm nhận được. Cao hơn nữa là Cửu Địa, Thập Địa, Thập Nhất Địa (Đẳng Giác), trên nữa là Diệu Giác, đó chính là viên mãn, tức quả Phật rốt ráo viên mãn! Nay chúng ta nên học như thế nào? Phải rèn luyện trong cuộc sống thường ngày. Chúng ta có thể học theo bí quyết về phương pháp huấn luyện trong cuộc sống thường ngày của Ấn Quang đại sư, bí quyết gì vậy? [Chính là] chữ Tử trong "sanh tử", thường nghĩ đến lúc phải đối diện cái chết. Đừng sợ chết! Quý vị phải biết: Chết là thân có sanh tử, chứ linh hồn (thần thức) không có sanh tử! Nếu sau khi chết, cái gì cũng đều không có, linh hồn cũng chẳng có; nói chung, chúng ta cũng chẳng cần phải học Phật, cũng chẳng cần phải tu hành, giống như phàm nhân thường nói "người chết như ngọn đèn đã tắt". Chết rồi, cái gì cũng đều chẳng có! Không phải vậy! Thân chết, linh hồn không chết; linh hồn lại đi đầu thai, tức là nói "luân hồi trong lục đạo", chuyện này phiền phức lắm! Chúng ta phải thật sự hiểu rõ, minh bạch chân tướng sự thật này: [Thần thức] chẳng thể chết được! Trong quá khứ, khi giảng kinh, tôi đã nói rất nhiều lần, chết là phiền lắm! Phiền phức quá lớn! Nhất định phải vãng sanh Tịnh Độ trong một đời này, vãng sanh Tịnh Độ là thành Phật! Có thể làm được hay không? Ai cũng có thể làm được! Chỉ cần quý vị hiểu lời khải thị này của pháp sư Ấn Quang, thường nghĩ thọ mạng của mình chỉ là một ngày hôm nay, đừng nghĩ sẽ có ngày mai, [chỉ có ngày] hôm nay thôi, quý vị còn có gì mà không buông xuống được? Chỉ có một ngày hôm nay, ngày hôm nay là ngày cuối cùng, ta phải nên làm chuyện gì? Thật thà niệm Phật, chẳng phải là đã thành công rồi hay sao? Cách niệm như thế nào? Mỗi tế bào trên thân thể ta đều là A Di Đà Phật, mỗi sợi lông đều là A Di Đà Phật. Ta lại mở banh mắt nhìn ra thế giới bên ngoài, nghe âm thanh bên ngoài, những điều mà sáu căn tiếp xúc, chẳng có điều nào không phải là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật trọn khắp pháp giới; đấy là niệm Phật. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng rất hay: Hết thảy chúng sanh, "chúng sanh" ở đây hiểu theo nghĩa rộng, không theo nghĩa hẹp, do các duyên hòa hợp sanh ra hiện tượng [thì gọi] là chúng sanh, có hiện tượng nào chẳng phải do các duyên hòa hợp? Cái thân động vật của chúng ta do các duyên hòa hợp, [gọi theo] danh từ Phật học là Tứ Đại, Ngũ Uẩn. Tứ Đại là vật chất, Ngũ Uẩn là tinh thần, tức Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Tứ Đại và Ngũ Uẩn hợp thành thân thể này. Hoa, cỏ, cây cối thì sao? Hoa, cỏ, cây cối cũng vậy, cũng do các duyên hòa hợp mà sanh. Chúng ta thấy thân tướng của chúng là hiện tượng vật chất; chúng có Thọ, Tưởng, Hành, Thức hay không? Có chứ! Không rõ ràng như động vật, trì

độn hơn động vật nhiều lắm, nhưng chúng có [Thọ,

Tưởng, Hành, Thức]. Nếu không có, làm sao chúng ta có thể khởi cảm ứng đạo giao với chúng? Mười năm gần đây nhất, tôi di dân sang Úc, lập một đạo tràng tại Úc. Đất ở Úc rẻ, tiền xây cất đạo tràng rất thấp, đất đai đặc biệt rẻ. Hoàn cảnh sống của tôi ở Úc là ở vùng nông thôn, cách thành phố mười hai cây số, lái xe [vào thành phố mất] mười lăm phút. Phía ngoài căn nhà tôi ở là sân, sân to chừng nào? Cỡ một trăm bảy mươi mẫu Trung Quốc21, sân to như vậy đó! Phía ngoài dùng dây kẽm rào lại, đi vòng quanh hàng rào ấy phải mất một giờ. Vì thế, tôi trồng rất nhiều rau, rất nhiều cây cối, hoa cỏ. Cây cối, hoa, cỏ có linh khí, rau có linh khí, thực vật có linh tánh, chúng có [khả năng] thấy nghe, hay, biết. Chúng ta dùng thiện tâm chăm sóc, đối đãi chúng, chúng sẽ báo đáp tốt đẹp: Hoa nở đặc biệt thơm, kết quả đặc biệt ngọt, chúng đền đáp đấy! Chúng tôi không dùng thuốc trừ sâu và phân hóa học. Thuốc trừ sâu và phân hóa học sẽ tổn hại chúng, chúng chẳng muốn tiếp nhận. Chúng giống như chúng ta, có một phần tinh thần. Phật pháp nói đến tâm, thực vật có tâm pháp. Chăm sóc vườn rau, vườn rau rất lớn, chúng tôi tổ chức các hoạt động, rau trong vườn có thể đủ cung cấp cho một ngàn người ăn. Tổ chức các hoạt động suốt bảy ngày có thể chẳng cần phải mua rau ở bên ngoài. Vườn rau của chúng tôi có thể đủ cho một ngàn người ăn mỗi ngày. Vườn rau to ngần ấy, trồng rất nhiều loại. Pháp sư Ngộ Khiêm cho tôi biết: Cô ta trông nom vườn rau, một hôm nằm mộng, thấy có một trái dưa leo báo mộng: “Tôi đã già khằng rồi mà các cô không hái”. Quý vị thấy nó báo mộng cho cô ta vì cô trông nom vườn rau. Hôm sau, [thức dậy], cô ta cảm thấy lạ lắm, băn khoăn: “Mỗi ngày mình đều vào vườn, cớ sao chẳng thấy?” Tìm đúng vị trí [trái dưa] đã chỉ [trong giấc mộng], quả nhiên có một trái dưa; nó khuất sau mớ dây leo nên chẳng thấy. Cô ta thấy nó đúng là quá già, chẳng thể nào ăn được. Thôi! Để dành làm giống vậy! Quý vị thấy đó: Dưa có thể báo mộng cho quý vị; cho nên nó có linh tánh, quý vị đừng coi rẻ, xem thường nó! Quý vị phải tôn trọng nó. Không chỉ cây cối, hoa, cỏ có linh tánh, mà núi, sông, đại địa cũng có linh tánh, cũng tức là nói “khoáng vật có linh tánh”. Tiến sĩ Giang Bổn Thắng của Nhật Bổn làm thí nghiệm với nước, nhà khoa học này thừa nhận, ông ta chẳng bịa chuyện. Ông ta làm thí nghiệm mười hai năm, nước là khoáng vật, nó có thể thấy và nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Sau khi tin tức này được công bố, nói theo Phật pháp, [sở dĩ nước có thể thấy, nghe, hiểu ý là vì] tất cả hết thảy khoáng vật, núi, sông, đại địa đều có linh tánh, cũng có thể nói là chúng đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thân thể của động vật là Ngũ Uẩn, nhưng thực vật và khoáng vật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, chẳng lìa Ngũ Uẩn, chỉ là mức độ mẫn cảm khác nhau. Động vật mẫn cảm nhất, rõ ràng nhất, thực vật kém hơn, khoáng vật kém hơn nữa, nhưng vẫn có linh tánh. Do điều này, chúng ta mới thật sự hiểu một hạt vi trần có là

A Di Đà Phật hay không? Đúng vậy! Một sợi lông có phải là A Di Đà Phật hay không? Phải! A Di Đà Phật ở đâu? Khắp pháp giới hư không giới, không chỗ nào chẳng phải là A Di Đà Phật! A Di Đà Phật là tự tánh, là Tánh Đức của chúng ta. Một niệm của chúng ta vừa dấy lên, bèn tương ứng viên mãn với Tánh Đức, đó gọi là niệm Phật. “Giới nhĩ năng niệm chi tâm” chính là quả giác của Như Lai, chẳng giả tí nào! “Thị cố, Quán Kinh vân” (Do vậy, Quán Kinh nói). Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh là một trong ba kinh Tịnh Độ,

bộ kinh này giảng về lý luận và phương pháp tu hành; còn kinh Vô Lượng Thọ là Tịnh Tông khái luận, giới thiệu toàn thể y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quán Kinh chuyên giảng về hai bộ phận lý luận và phương pháp. Kinh A Di Đà là lược bổn (bản rút gọn) của kinh Vô Lượng Thọ, tức là một phiên bản (version) tinh giản, thuận tiện cho quý vị học tập trong khóa sáng và khóa tối. Trong kinh ấy, có bốn lần khuyên dạy, chẳng dễ có, rát miệng, buốt lòng khuyên bảo chúng ta hãy tin tưởng, hãy phát nguyện, phải cầu sanh Tịnh Độ, [làm như thế] là đúng. Đây là chư Phật Như Lai bi tâm vô tận, mong cho chúng ta thành tựu trong một đời. Trong các kinh điển khác, đức Phật chẳng khuyên chúng ta nhiều như thế, nhưng trong kinh Di Đà khuyên tới bốn lần; cũng có nghĩa là pháp môn này đảm bảo quý vị sẽ thành tựu trong một đời. Chỉ cần thật sự làm được, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, sẽ thành công. Đại Thế Chí Bồ Tát đã làm gương cho chúng ta thấy. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, có hai câu như sau: “Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật); đây là nguyên văn hai câu trong kinh ấy. “Tâm này là Phật”, tôi vừa mới nói lắm lời như vậy chỉ nhằm giải thích bốn chữ này! Tôi nói tới các tế bào trên toàn thân chúng ta thì tế bào vẫn còn lớn. Nếu chia chẻ tế bào, sẽ biến thành phân tử. Lại chia chẻ phân tử, sẽ biến thành nguyên tử. Chia đến cuối cùng là hạt cơ bản. Mỗi hạt cơ bản đều là A Di Đà Phật, do tâm biến ra. Hạt cơ bản là tâm, tâm này là Phật, lẽ nào các hạt cơ bản ấy chẳng phải là Phật! Tất cả tế bào trên thân tôi đều là Phật, các tế bào trên thân quý vị có là Phật hay không? Là! Ngay cả cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa đều là! Từ chỗ này, quý vị sẽ giác ngộ: Chẳng có một pháp nào chẳng phải [là A Di Đà Phật]! Hễ giác ngộ, pháp nào cũng đều như thế. Do vậy, kinh Phật được mở đầu bằng câu “như thị ngã văn”, “như thị” là gì vậy? Như là Chân Như. “Tướng giống như Tánh, Tánh giống như Tướng, Tánh và Tướng bất nhị”. Tánh là Phật, lẽ nào Tướng chẳng phải là Phật! Đâu có lẽ ấy! Tâm này là Phật, có chuyện gì chẳng phải là Phật! Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, Phật là gì? Phật là tâm, là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm, là gì? Cái tâm có thể sanh, có thể hiện. Cái tâm có thể biến chính là thức tâm, tức A Lại Da Thức, chuyển các tướng “có thể hiện, có thể sanh” thành y báo và chánh báo

trang nghiêm trong mười pháp giới, chuyển biến thành lục đạo luân hồi. Đó là chuyện thực hiện bởi thức tâm. Thức là gì? Là phân biệt, chấp trước. Thức thức sáu, tức Ý Thức, phân biệt; thức thứ bảy chấp trước, Mạt Na chấp trước. Thức thứ sáu phân biệt, thiên biến vạn hóa. Sách Hoàn Nguyên Quán nói có ba thứ “châu biến” (trọn khắp), “xuất sanh vô tận” (sanh ra vô tận) chính là nói về ý nghĩa này. Tâm này là Phật, không gì chẳng phải Phật, dùng tâm này để trì danh, niệm Phật. “Tâm này làm Phật”, làm Phật như thế nào? Niệm Phật là làm Phật, niệm Bồ Tát là làm Bồ Tát, niệm A La Hán là làm A La Hán. Người trong thế gian hiện nay niệm gì? Đầu óc nghĩ tới tiền, nghĩ nhớ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, nghĩ tới những thứ này. Niệm những điều này sẽ biến thành những điều này, niệm gì sẽ biến ra đó, giống như ống kính vạn hoa vậy, niệm cái gì sẽ biến ra cái đó. [Niệm ngũ dục] sẽ không phải là Phật. Tài sắc là gì? Thưa quý vị, tài sắc là ngạ quỷ, địa ngục. Vì sao? Quý vị nổi tâm tham. Tâm tham là ngạ quỷ, sân khuể là địa ngục, ngu si là súc sanh. Ngu si là chẳng liễu giải chân tướng sự thật,

nên gọi là ngu si. Trong thế gian hiện thời, mấy ai hiểu rõ chân tướng sự thật? Nếu chúng ta không học kinh giáo Đại Thừa, sẽ chẳng có cách nào thoát khỏi ngu si; chỉ có những kinh điển Phật pháp Đại Thừa mới giúp chúng ta phá mê khai ngộ. "Ngộ" ở đây chẳng phải là chứng ngộ, mà là giải ngộ, chúng ta đã hiểu rõ. Vì sao chưa chứng đắc? Chưa buông xuống! Thật sự buông xuống là cảnh giới nào? Tôi vừa mới nói đấy thôi! Khi thật sự buông xuống, niệm niệm đều là A Di Đà Phật, chẳng phải là thô niệm, mà là tế niệm, niệm niệm thật sự giác ngộ. Trong cảnh giới ấy chẳng có lục đạo, chẳng có mười pháp giới, cảnh giới ấy là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Chúng ta gọi cảnh giới ấy là Nhất Chân pháp giới, "nhất" là thật, "nhị" là giả. Quý vị đọc đoạn thứ nhất trong Hoàn Nguyên Quán, tức bài văn của Hiền Thủ đại sư, [Ngài đã giảng về] Nhất Chân, [cảnh giới] đó là thật: "Tự tánh thanh tịnh viên minh thể". Tự tánh thanh tịnh viên minh thể là tâm, là Phật, chẳng hai; tâm và Phật là một, chẳng hai. Khởi lên nhị dụng thì sao? Khởi lên nhị dụng sẽ biến đổi! Nhị dụng là gì? Vũ trụ xuất hiện, vạn vật xuất hiện, ta xuất hiện! Ta là chánh báo; trừ chánh báo ra, tất cả hết thảy hoàn cảnh đều là y báo. Trong y báo, có y báo nhân sự, tức là quan hệ giữa con người với nhau, và y báo hoàn cảnh vật chất. Hễ ý niệm vừa dấy lên, y báo và chánh báo trang nghiêm đều xuất hiện. Khi nó xuất hiện, nó chưa biến, đều do tự tánh hiện; do vậy, có thể hiện, có thể sanh, nhưng chẳng biến hóa. Đấy gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhưng nếu khởi phân biệt, [cảnh giới] sẽ biến đổi. Chư vị phải hiểu: Tâm phân biệt dấy lên, sẽ chẳng thấy cõi Thật Báo nữa, xuất hiện cảnh giới gì? Tứ thánh pháp giới, tức là bốn tầng trên trong mười pháp giới, có phân biệt, nhưng không chấp trước. Nếu hơi có một chút chấp trước, chấp trước gì

vậy? Ta mong khống chế nó, toan chiếm hữu nó; hễ có ý niệm như thế, tứ thánh pháp giới chẳng còn nữa, không thấy nữa, lại xuất hiện gì? Lục đạo luân hồi xuất hiện. Lục đạo do đâu mà có? Do chấp trước! Do vậy, trong lục đạo, toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều có. Trong tứ thánh pháp giới, có vọng tưởng, có phân biệt, nhưng chẳng có chấp trước. Trong Nhất Chân pháp giới của các cõi Phật, có vọng tưởng, nhưng không có phân biệt và chấp trước. Chấp trước hại chết người! Vì sao quý vị sống trong thế gian khổ sở như thế? Do chấp trước. Chấp trước chẳng còn nữa, trong thế gian này, quý vị sẽ sung sướng, chẳng khổ sở, lìa khổ, được sướng. Câu tiếp theo là "tâm này làm Phật" quá quan trọng! Vì sao quý vị chẳng niệm Phật? Niệm Phật được tự tại, niệm Phật được tương ứng, càng niệm càng hoan hỷ, càng niệm càng sung sướng, biết vạn sự vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là nhất thể; quý vị bèn chứng đắc hai câu "tâm này là Phật, tâm này làm Phật", đó chính là cảnh giới của quý vị. Người ấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với bốn cõi, sẽ sanh trong cõi nào? Sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa nở, thấy Phật, chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, đó là gì? Là một vị A Duy Việt Trí Bồ Tát thật sự, chẳng giả tí nào! Nếu chưa nhập cảnh giới này, vẫn có thể vãng sanh, thường gọi là "đới nghiệp vãng sanh", pháp môn này thù thắng khôn sánh! Tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng có đới nghiệp, chỉ có pháp môn này cho phép quý vị đới nghiệp vãng sanh, sanh về cõi Phương Tiện hay cõi Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong thế giới của chúng ta, cõi Đồng Cư là lục đạo, cõi Phương Tiện là tứ thánh pháp giới. Nhưng

cõi Đồng Cư và Phương Tiện trong thế giới Tây Phương không giống với thế giới của chúng ta. Ở nơi đây (thế giới Sa Bà), chúng ta có chướng ngại; thứ bậc khác nhau sẽ chẳng thấy được [cảnh giới của các cõi Tịnh Độ khác]. Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới bình đẳng, không có chướng ngại. Điều này giống như gì? Chúng ta học tập trong nhà trường, Tiểu Học và Trung Học chẳng ở chung trong một trường, học trò Tiểu Học chẳng thể đến trường Trung Học; mà học trò Trung Học cũng chẳng thể đến [học trong] trường Tiểu Học. Trong Tiểu Học, còn có các lớp khác nhau; những trò cùng một lớp sẽ học chung với nhau. Nếu khác lớp, tuy là bạn đồng học, chẳng thường gặp mặt, chẳng cùng lên lớp với nhau. Thế giới Cực Lạc rất đặc biệt, Tiểu Học, Trung Học, Đại Học cùng nghe giảng trong một phòng học; cho nên gặp mặt mỗi ngày, thật sự là đồng học. Học trò lớp Một, lớp Hai Tiểu Học cùng học với các đàn anh sinh viên Đại Học năm thứ nhất, năm thứ hai thuộc hệ nghiên cứu sinh, gọi nhau là huynh đệ hay đồng học, gặp mặt mỗi ngày. Đấy là chỗ chẳng thể nghĩ bàn của thế giới Cực Lạc. Mười phương thế giới không có trạng huống và tình hình này, thù thắng lắm! Do vậy, thế giới Cực Lạc là "sanh vào một, là sanh hết

thảy". Quý vị sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, gần như cũng đồng thời sanh vào cõi Phương Tiện và cõi Thật Báo. Đây là lý do vì sao Thích Ca, Di Đà khuyên chúng ta vãng sanh, chư Phật trong mười phương thế giới cũng khuyên chúng ta vãng sanh, đạo lý ở chỗ này. Nếu trong một đời này, chúng ta chẳng thể vãng sanh, làm sao xứng với Phật Thích Ca? Làm sao xứng với Phật Di Đà? Làm sao xứng với mười phương chư Phật? Những câu này, câu nào cũng đều là lời chân thật. Vì thế, hai câu nói "tâm này là Phật, tâm này làm Phật" đã nói trọn hết [những nghĩa lý tinh vi của pháp môn Tịnh Độ]. Tiếp đó, cụ Hoàng Niệm Tổ viết: "Bổn lai thị Phật, hiện hựu tác Phật. Thị cố, đương hạ tức Phật" (Vốn sẵn là Phật, nay lại làm Phật; cho nên, ngay lập tức là Phật). Câu này chẳng phải nhằm khuyến khích, cổ vũ chúng ta, mà là sự thật, vấn đề ở chỗ nào? Vấn đề là bản thân chúng ta không dám gánh vác, bản thân chúng ta chẳng dám thừa nhận! Không dám gánh vác, không dám thừa nhận là đúng, như thế nào là đúng? Vốn là Phật! Chẳng cần nói năng chi nữa, lời này là đúng! Nay lại làm Phật, quý vị hữu danh vô thực! Niệm A Di Đà Phật để mong thành Phật, nhưng có rất nhiều nghi vấn đối với câu Phật hiệu ấy, thật hay chăng? Có rất nhiều câu hỏi trong đó! Niệm một câu Phật hiệu này, có rất nhiều xen tạp; nhưng xen tạp những gì, chính quý vị cũng chẳng biết! Vì sao không biết? Do quý vị ngu si, tham, sân, si. Nếu chẳng ngu si, sẽ biết điều gì xen tạp. Do ngu si, nên xen tạp mà chẳng biết; vì thế, công sức chẳng thuần. Niệm Phật lập tức thật sự là Phật, nhưng vì quý vị công phu chẳng thuần, chẳng đạt tiêu chuẩn, cứ hướng theo phương hướng đó thì sẽ chẳng sai, nhưng chưa đạt được mục tiêu này. Làm sao để chẳng hoài nghi? Phải thấy thấu suốt. Khi tôi mới học Phật, thầy dạy tôi "thấy thấu suốt, buông xuống". Thấy thấu suốt là hiểu rõ minh bạch chân tướng sự thật. Kẻ căn tánh trung hạ như chúng ta chỉ có thể từ từ hiểu rõ kinh giáo. Sau khi hiểu rõ, quý vị cũng rất dễ buông xuống. Chính quý vị biết "chẳng buông xuống là sai", lầm lẫn quá đỗi! Vì sao phải buông xuống? Vì nó (phiền não, mê hoặc, chấp trước, phân biệt, vọng tưởng) vốn không có, hết thảy đều là giả! Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, vạn pháp đều Không. Khi đến cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, nhân quả cũng là

không. Chư vị phải biết: Đến cõi Thường Tịch Quang, nhân quả chẳng còn nữa. Trong cõi Thật Báo, còn có nhân quả. Trong Phật môn có câu: "Vạn pháp giai không, nhân quả bất không" (vạn pháp đều là không, nhân quả chẳng không). Trong mười pháp giới, nhân quả chẳng không. Thật ra, trong cõi Thật Báo, vẫn là nhân quả chẳng không, đến cõi Thường Tịch Quang [nhân quả] mới chẳng còn nữa. "Trực tiệp liễu đáng, phương tiện cứu cánh, kỳ đặc thù thắng, bất khả tư nghị" (Thẳng chóng ổn thỏa, thích đáng, phương tiện rốt ráo, đặc biệt lạ lùng thù thắng, chẳng thể nghĩ bàn). Mấy câu này là lời tán thán bộ kinh này

và pháp môn này, thù thắng khôn sánh. Chúng ta có thể gặp gỡ, tức là có nhiều phước báo. Thật đấy, trong pháp giới hư không giới, bao nhiêu vị Bồ Tát mong cầu mà chẳng cầu được. Đạo tràng này của chúng ta tuy không lớn, thính chúng đông đảo, lũ chúng ta mắt thịt chẳng thấy. Khi quý vị thấy được, sẽ biết thính chúng nhiều vô số. Tuy chúng ta ở đây mở toang cửa, hoan nghênh mọi người, chẳng có bất luận điều kiện gì, nhưng rành rành là vẫn có thần hộ pháp, có chẳng ít chúng sanh bị thần hộ pháp chặn ở ngoài cửa, không vào được. Chúng ta thờ bài vị, là thiết lập chỗ ngồi cho họ, để họ có chỗ ngồi, có thể tiến vào nghe kinh, đến nơi đây tu hành. Hết thảy pháp toàn là huyễn hóa, chẳng có lớn hay nhỏ. Lớn hay nhỏ tùy thuộc tâm lượng của quý vị. Tâm lượng càng lớn, đạo tràng càng to. Tâm lượng nhỏ nhoi, đạo tràng sẽ bé tí, đại đạo tràng cũng biến thành tiểu đạo tràng. Tâm lượng lớn, tiểu đạo tràng cũng biến thành đại đạo tràng, chẳng thể nghĩ bàn! "Tiện dĩ Tịnh Độ chư kinh chi trung, duy thử kinh bị nhiếp viên diệu" (Ấy là vì trong các kinh Tịnh Độ, chỉ có kinh này gồm trọn các điều mầu nhiệm viên mãn). Tịnh Độ có tam kinh, trong phần trên tôi đã thưa với quý vị, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đem quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, ghép vào sau Tam Kinh, biến thành Tứ Kinh; Ấn Quang đại sư đem Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương của kinh Lăng Nghiêm ghép vào cuối Tứ Kinh, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh, viên mãn! Tu Tịnh Độ năm kinh này là viên mãn. Trong ngũ kinh, bộ kinh nào giảng viên mãn nhất, một chút khiếm khuyết cũng không có? Đó là kinh Vô Lượng Thọ; vì thế, cổ đại đức tán thán bộ kinh này là cực viên, cực diệu. "Dĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi Tông, dĩ Di Đà thập niệm tất sanh chi đại nguyện vi bổn" (Lấy phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm làm Tông, lấy đại nguyện "mười niệm ắt sanh" của Phật Di Đà làm gốc). Hai câu này rất quan trọng! Phẩm Tam Bối Vãng Sanh trong kinh này đã giảng rất rõ ràng [ý nghĩa của] "phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm". Phẩm Tam Bối Vãng Sanh gồm bốn đoạn kinh văn: Thượng bối vãng sanh, trung bối vãng sanh, hạ bối vãng sanh; đoạn cuối cùng là tu học Đại Thừa Phật pháp, bất luận tu học pháp môn nào, đem công đức đã tu hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, sẽ đều có thể vãng sanh. Quý vị thấy pháp môn Tịnh Độ này lớn như thế đó! Trong khoa phán, pháp sư Từ Châu đã đặt đề mục cho đoạn này là Nhất Tâm Tam Bối, đặt hay lắm, đã gồm thâu toàn bộ Phật pháp. Phát Bồ Đề tâm, Bồ Đề tâm là gì? Điều này thường được nói tới. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh giảng Bồ Đề tâm là "chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm", kinh dạy như thế. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Bồ Đề tâm được giảng là "trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm". Gộp chung kinh và luận lại để xem, ý nghĩa rất rõ rệt. Thể của Bồ Đề tâm, cũng là chân tâm trong Bồ Đề tâm, Thể của chân tâm là gì? Là chân thành. Chân

thành đến chỗ cùng cực thì gọi là chí thành, tức chí thành tâm. Trực tâm như Khởi Tín Luận đã nói: Chẳng có mảy may cong vạy nào, đó chính là chân thành. Chúng ta chiếu theo kinh luận để hiểu ý nghĩa. "Thâm tâm" chẳng dễ giải thích. Cổ đại đức giải thích [thâm tâm] là ưa thiện, chuộng đức, giải thích thâm tâm như thế. Thâm tâm là tự thụ dụng, dành cho chính mình. Đại bi tâm là đối người khác, từ bi đối người khác. Do vậy, trong hơn hai mươi năm trước, tôi giảng kinh này, dùng ngay [những từ ngữ trong] tựa đề kinh Vô Lượng Thọ "thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác", đó là thâm tâm. Chân thành tâm như đã nói trong phần trên chính là cái Thể của Bồ Đề tâm. "Thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác" là Tự Thụ Dụng, từ bi là Tha Thụ Dụng. Nói cách khác, dùng tâm gì đối với chính mình? "Thanh tịnh, bình đẳng, giác". Dùng tâm gì đối với người khác? Đại từ đại bi. Đây gọi là "phát Bồ Đề tâm". Chúng ta tu hành là tu điều gì? Tu tâm. Tâm chúng ta có thanh tịnh hay không? Bình đẳng hay bất bình đẳng? Tâm thanh tịnh là giới luật, tâm bình đẳng là Thiền Định, tâm Chánh Giác là trí huệ, Giới - Định - Huệ. Chúng ta học Giới - Định - Huệ như thế nào, quý vị phải hiểu rõ: Nếu trì giới mà tâm chẳng thanh tịnh, quý vị đã uổng công trì giới! Tu Định mà chẳng khai trí huệ, cũng uổng công tu Định! Nhân Giới đắc Định, do Định khai Huệ. Vì thế, trì giới là phương tiện, không phải là mục đích, [trì giới] nhằm muốn đạt tới Thiền Định, đạt tới bình đẳng. Bình đẳng mới là Định. Nếu chúng ta thật sự đạt được cái tâm thanh tịnh, thưa quý vị, Thủy Tai trong Tam Tai chẳng còn nữa. Tâm bình đẳng hiện tiền, động đất chẳng còn nữa. Hôm nay, có một đồng học đưa cho tôi xem một tài liệu, gần như chưa đầy một tháng, động đất cấp sáu22 trở lên đã xảy ra mười mấy lần tại các nơi trên toàn thế giới, liên tiếp xảy ra như thế là do nguyên nhân gì? Từ cấp sáu trở lên đã đáng sợ lắm, [có trường hợp động đất] đến cấp tám. Sau khi giác ngộ, Phong Tai chẳng còn nữa. Ngu si cảm Phong Tai. Nếu chứng đắc tâm bình đẳng, nhiệt độ của địa cầu sẽ chẳng tăng lên, khôi phục bình thường. Vì thế, đức Phật chỉ dạy chúng ta: "Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham sân si" (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si). Cảm ứng của tham, sân, si là tai nạn, là bất thường. Giới, Định, Huệ là bình thường. Do vậy, phải phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm, một phương hướng là Tây Phương, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc, một nguyện vọng là thân cận A Di Đà Phật, chúng ta sẽ thành công trong một đời này, những thứ khác đều là giả. Học rộng nghe nhiều khá lắm, nhưng [tai ương, vô thường] xảy đến, [trở tay] chẳng kịp! Do vậy, tôi thường khuyên các đồng học: Học rộng nghe nhiều tốt lắm, nhưng sang thế giới Cực Lạc hãy làm. Vì sao? Sang bên đó, điều đầu tiên mà chúng ta đạt được là Vô Lượng Thọ, dẫu học nhiều thứ vẫn

được! Ta có thời gian mà! Ở nơi đây, sanh mạng quá ngắn ngủi, chúng ta chớ nên lãng phí thời gian, đừng lãng phí! Hơn nữa, trong thế gian này, trí huệ chưa khai, học gì cũng chẳng viên mãn, hiểu biết nửa vời, lại còn phạm rất nhiều sai lầm, cớ gì cứ phải như thế? Do vậy, phải thật thà, phải nghe lời! Đức Phật dạy chúng ta một mực chuyên niệm, đức Phật dạy như thế trong kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ. Tông () là tôn chỉ, Tông nghĩa là gì? Là điều quan trọng nhất. Đây là nói về phương pháp tu học. [Tông] là phương pháp tu học quan trọng nhất, là phương pháp đáng tôn sùng nhất, thập phương chư Phật đều tán thán. Phương pháp tu học chủ yếu của Tịnh Tông là "nhất

hướng chuyên niệm". Chữ "Tông" có ba ý nghĩa ấy. "Dĩ Di Đà thập niệm tất sanh chi đại nguyện vi bổn" (lấy đại nguyện "mười niệm ắt sanh" của Phật Di Đà làm gốc). Đây là nguyện thứ mười tám; "phát Bồ Đề tâm" là nguyện thứ mười chín. Đây là hai nguyện trọng yếu nhất trong bốn mươi tám nguyện. Cổ đại đức nói nguyện nào trọng yếu nhất trong bốn mươi tám nguyện? Mọi người đều nói là nguyện thứ mười tám. Nguyện thứ mười tám là "mười niệm hay một niệm, đều có thể vãng sanh". Điều kiện là gì? Điều kiện là trọn đủ tín nguyện. Một niệm hay mười niệm là nói về lúc nào? Là nói khi quý vị vãng sanh, lúc quý vị rời khỏi thế gian, niệm cuối cùng [trong lúc ấy]. Niệm cuối cùng là A Di Đà Phật, do niệm ấy bèn vãng sanh. Do vậy, lúc lâm chung, nếu một niệm vẫn là nghĩ tới tài sản trong nhà, xong luôn! Sẽ đi vào quỷ đạo! Nếu nghĩ tới kẻ nào khiến ta bị oan uổng, ta vẫn còn hận hắn, sẽ sanh vào địa ngục! Một niệm cuối cùng quyết định quý vị từ nơi này rốt cuộc sẽ sanh về đâu, mấu chốt ở một niệm ấy; vì thế, một niệm rất trọng yếu! Điều quan trọng nhất trong việc đưa người khác đi vãng sanh (trợ niệm) là giúp cho người ấy trong một niệm cuối cùng đừng quên mất A Di Đà Phật. Chúng ta vây quanh người ấy, niệm niệm đều là A Di Đà Phật, nhắc nhở người ấy, công đức vô lượng, bảo người ấy không nên có ý niệm nào khác. Cổ đại đức đã làm rất tốt, không cho phép người nhà, quyến thuộc gần gũi người sắp mất. Khi người ấy sắp tắt hơi, người nhà, quyến thuộc lánh đi để người ấy chẳng khởi lên tình chấp. Hễ tình chấp dấy lên, ngay lập tức [người sắp mất ấy] bị đọa lạc, sanh trong tam ác đạo. Người nhà, quyến thuộc rời khỏi, các đồng tham đạo hữu giúp đỡ; đấy là chính xác. [Dẫu] người nhà, quyến thuộc học Phật, tốt nhất là cũng nên rời khỏi, [kẻo] người sắp mất thấy con cháu sẽ dấy động tình cảm, khi ấy, sẽ là vấn đề nghiêm trọng. Vì thế, người nhà, quyến thuộc rời khỏi người chết là chuyện hết sức hợp lý. "Thâm minh tam bối vãng sanh chi nhân" (Nêu tỏ sâu xa cái nhân vãng sanh của ba bậc). Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng, trong hai chương Tam Bối Vãng Sanh và Vãng Sanh Chánh Nhân đã nói rõ ràng,

minh bạch. "Quảng nhiếp cửu giới thánh phàm chi chúng" (rộng nhiếp các bậc thánh phàm trong chín pháp giới): Pháp môn này quá lớn, có năng lực nhiếp thọ chúng sanh trong chín pháp giới. Trong chín pháp giới, ba pháp giới phía trên là Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, chúng ta gọi họ là thánh nhân. Bồ Tát là đại thánh, Thanh Văn và Duyên Giác là tiểu thánh. Trong lục đạo đều là phàm phu, phàm chúng. Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ là đi làm Phật, ai nấy đều có phần, quỷ thần cũng có phần, trời, người cũng có phần, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát cũng có phần, vấn đề là quý vị có phước báo và duyên phận gặp gỡ hay không? Đã gặp, quý vị bèn tin tưởng, phát nguyện vãng sanh thì sẽ thành. Nói theo Lý, đáng lẽ Bồ Tát, A La Hán dễ [có phước đức và nhân duyên tu pháp môn này] hơn chúng ta; vì sao kinh nói "trong mười pháp giới, nhân gian vãng sanh thuận tiện nhất", do nguyên nhân nào? Trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh có tỷ dụ: "Phú quý học đạo nan"; người phú quý hưởng phước, quên tuốt, coi thường chuyện học Phật. Bần cùng học đạo cũng khó! Kẻ bần cùng cuộc sống quá khổ, ba bữa còn chưa đủ ăn, bận bịu kiếm sống, chẳng có thời gian để học Phật. Còn loài người thì sao? Chẳng thể coi là rất giàu có, nhưng cũng là chẳng thanh bần, thuộc loại thường thường bậc trung, dễ giác ngộ, dễ tu hành. Thuận tiện ở chỗ này! Chúng ta

có thể hiểu được! Cuộc sống của chư thiên nhân tốt đẹp hơn chúng ta, phước báo to lớn; còn tam ác đạo thì sao? Quá khổ sở! Hiện thời, dường như tình hình có biến hóa đôi chút. Tôi nghe không ít tin tức, ngay cả ngạ quỷ, địa ngục niệm Phật vãng sanh cũng không ít; ngược lại, con người chẳng tin! Người niệm Phật đến cuối cùng đều niệm đến nỗi sanh vào quỷ đạo hay địa ngục, chuyện này là như thế nào? Đối với chuyện này, nếu chư vị đọc bộ Đại Thế Chí Viên Thông Chương Sớ Sao của pháp sư Từ Vân Quán Đảnh, Đại Thế Chí Viên Thông Chương rất ngắn, hai trăm bốn mươi bốn chữ, mà bản chú giải của Ngài là một quyển dầy như thế. Bản tôi đọc chính là loại sách đóng gáy bằng cách xâu chỉ, là một quyển dầy như thế đó! Nơi trang cuối, thuở ấy, tôi đọc mà không hiểu, Ngài nói một trăm thứ quả báo của người niệm Phật; câu đầu tiên là người niệm Phật đọa A Tỳ địa ngục, đọa ngạ quỷ, đọa súc sanh. Tôi đọc xong, hết sức nghi hoặc, cầm cuốn sách ấy đến hỏi thầy, tôi học kinh giáo với lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam. Tôi hỏi: "Thưa thầy, niệm Phật là chuyện tốt, nhưng niệm Phật như thế nào mà đọa địa ngục?" Thầy xem rồi bảo: "Đây là một vấn đề lớn, quan trọng lắm, tôi chẳng nói với một mình anh! Khi giảng kinh tôi sẽ giảng giải đạo lý này cùng mọi người". Thật ra, quý vị dùng cái tâm gì để niệm Phật? Quý vị niệm Phật, nhưng chẳng đoạn tham, sân, si. Tham, sân, si, mạn, nghi gọi là Ngũ Độc. Quý vị dùng tâm Ngũ Độc này để niệm Phật thì vẫn đọa địa ngục; do vậy, chẳng thể không hiểu nhân quả. Vậy thì niệm Phật có uổng công hay không? Chẳng phí công niệm Phật! Trong A Lại Da Thức đã gieo chủng tử

Phật. Trước hết, quý vị gánh chịu quả báo do các tội nghiệp đã tạo tác, đợi cho đến khi quý vị thoát khỏi địa ngục, chẳng biết tới đời nào đó, lại được làm thân người, lại gặp gỡ Phật pháp, gặp được pháp môn Tịnh Độ, quý vị lại tu tiếp. Vì thế, chỉ có thể nói là trong A Lại Da Thức đã gieo chủng tử niệm Phật, chủng tử ấy vĩnh viễn bất hoại, sau này nhất định sẽ khởi tác dụng. Lợi ích ấy cũng rất thù thắng, nhưng luân hồi trong lục đạo, quý vị vẫn phải chịu hết các nỗi khổ sở. Do vậy, niệm Phật phải dùng Bồ Đề tâm để niệm, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Quý vị dùng tâm này để niệm, sẽ hoàn toàn tương ứng; đúng là "nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật". "Chánh hiển trì danh niệm Phật chi pháp, trực chỉ vãng sanh quy nguyên chi lộ. Thị cố, thử kinh xưng vi Tịnh Tông đệ nhất kinh dã" (Chỉ rõ ràng phương pháp Trì Danh Niệm Phật, chỉ thẳng con đường vãng sanh để trở về nguồn. Vì thế, kinh này được gọi là kinh bậc nhất của Tịnh Tông). Quả thật tổ sư đại đức đã chỉ rõ phương pháp Trì Danh Niệm Phật; đấy là chỉ thẳng, không đi đường vòng, chỉ thẳng thừng một con đường gần nhất, con đường thẳng ấy không ngoằn ngoèo. Dẫn đến đâu? Vãng sanh quy nguyên! "Quy nguyên" là trở về nguyên thủy, nguyên thủy là gì? Tự tánh. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới từ tự tánh biến hiện. Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, A Lại Da có thể biến; đấy là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Chúng ta gặp Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát cũng ở trong mười pháp giới, cũng có cùng một hoàn cảnh bị khổ, chịu nạn như chúng ta, nhưng các Ngài giác ngộ, quy nguyên, trở về tự tánh. Chúng ta thường nói các Ngài "thành Phật, thành Bồ Tát", trở về tự tánh. Các Ngài hiểu rõ, minh bạch, nên các Ngài đến chỉ dạy, giáo hóa chúng ta làm thế nào thoát ly biển khổ. Lục đạo là biển khổ.

Trong biển khổ sâu thẳm, tứ thánh pháp giới là chỗ ven bờ, chỗ biển cạn, lên được bờ mới tính là thoát ly. Bờ ấy được gọi là "bỉ ngạn" (bờ bên kia), là "Niết Bàn bỉ ngạn". Niết Bàn là bất sanh, bất diệt, công đức viên mãn. Bỉ ngạn là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đức Phật giáo hóa, giúp đỡ hết thảy chúng sanh [đạt đến Niết Bàn] mới được coi là viên mãn. Do vậy, kinh này là kinh bậc nhất của Tịnh Tông, Tịnh Tông đồng học chẳng thể không học. Lại đọc tiếp: "Đản thử thù thắng đệ nhất chi Tịnh Tông bảo điển, cánh tại ngã quốc Đại Tạng trung trần phong nhất thiên dư niên" (Nhưng kinh điển quý báu bậc nhất của Tịnh Tông này bị bụi phủ trong Đại Tạng Kinh nước ta đã hơn một ngàn năm). Kinh Vô Lượng Thọ được truyền sang Trung Quốc sớm nhất, vào thời đại Đông Hán. Vào thời Hậu Hán, ngài An Thế Cao đến Trung Quốc, kinh Vô Lượng Thọ liền được truyền sang Trung Quốc, cho nên cũng là kinh được phiên dịch sớm nhất. Thời đại Đông Tấn, Huệ Viễn đại sư lập Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, tức Đông Lâm Niệm Phật

Đường, nay là Đông Lâm Tự, [là đạo tràng] cho các đồng học chuyên tu Tịnh Độ, trong ấy người tại gia lẫn xuất gia, tổng cộng một trăm hai mươi ba người. Một trăm hai mươi ba người cùng nhau niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thưa cùng quý vị, kinh điển để làm căn cứ là kinh Vô Lượng Thọ, vì khi đó, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và kinh A Di Đà đều chưa truyền sang Trung Quốc, kinh điển Tịnh Tông chỉ có một bộ này. Vì thế, cả nhóm người của vị tổ sư đời thứ nhất là Huệ Viễn đại sư dựa theo kinh Vô Lượng Thọ, không dễ dàng! Đối với bộ kinh này mà có thể tin, có thể hiểu, có thể phát nguyện, có thể thật sự hành, há dễ dàng ư? Chúng ta xem truyện ký của Huệ Viễn đại sư trong Cao Tăng Truyện, quý vị có thể thấy được tình hình tu hành nồng nhiệt thuở ấy. Họ kết giới an cư, phía trước [đạo tràng] có một con suối nhỏ, tên là Hổ Khê. Chúng tôi suy đoán, chắc là khi ấy trên núi có cọp, nên mới gọi là Hổ Khê. Hổ Khê là giới tuyến của họ, người tu hành nhất định chẳng rời khỏi giới tuyến này. Tại Trung Quốc, Nho, Thích, Đạo là một nhà, nên cũng có một câu chuyện về Viễn Công được gọi là Hổ Khê Tam Tiếu. Có hai người bạn thân đến thăm, Đào Uyên Minh (Đào Tiềm) là Nho gia, Lục đạo trưởng tu Đạo, tới Đông Lâm thăm Viễn Công, nói chuyện rất cao hứng. Lúc chia tay, Viễn Công đưa tiễn, vô tình vượt qua Hổ Khê. Bước qua chiếc cầu bắt ngang Hổ Khê, sau khi bước qua khỏi, ba người cười ha hả. Đó là giới tuyến, chẳng thể vượt qua, mà nghiễm nhiên đi quá lố. Vì thế, truyền thống văn hóa Trung Quốc chẳng tách rời Nho, Thích, Đạo, vững vàng như cái đỉnh có đủ ba chân. Viễn Công nương theo bộ kinh này tu hành; nhưng người đời sau không sốt sắng dốc công nơi kinh này như vậy, là vì không lâu sau đó, ước chừng chưa đầy năm mươi năm, kinh Di Đà và Quán Kinh được dịch ra. Quả thật, vào thời kỳ đầu của Tịnh Tông, điển tịch Phạn văn được truyền sang Trung Quốc, người ta thường dốc công nhiều nhất nơi kinh Di Đà, chú sớ [kinh Di Đà] cũng nhiều nhất. Hơn một ngàn năm qua, kinh này (kinh Vô Lượng Thọ) không được Tịnh Tông chú trọng vì nguyên nhân gì? Sách viết tiếp: "Khảo kỳ nguyên nhân, cái do thử kinh ngũ chủng nguyên dịch, hỗ hữu tường lược, xuất nhập thậm cự" (xét đến nguyên nhân là do năm bản dịch gốc của kinh này, có bản chi tiết, có bản đại lược, sai biệt quá lớn), phải biết nguyên nhân là như vậy. Năm bản dịch gốc được nói đến ở đây hiện thời được bảo lưu trong Đại Tạng Kinh, kinh Vô Lượng Thọ có năm bản dịch. Theo Dịch Kinh Mục Lục, từ triều Hán tới triều Tống, có mười hai bản dịch, quá nhiều, rốt

cuộc nên tuân theo bản nào? Trong các bản dịch này, sai biệt rất lớn, ở đây, cụ Hoàng nêu một ví dụ, "lệ như Di Đà đại nguyện" (chẳng hạn như đại nguyện của Phật Di Đà). Chúng ta thường nói bốn mươi tám nguyện thì bốn mươi tám nguyện là dựa theo bản dịch đời Ngụy và đời Đường, hai bản này chép bốn mươi tám nguyện. Trong bản dịch đời Hán và

Ngô, Ngô [ở đây] là nhà Đông Ngô thời Tam Quốc, do Chi Khiêm phiên dịch, thì là hai mươi bốn nguyện. Trong bản dịch đời Tống là ba mươi sáu nguyện, sai biệt quá lớn! Nếu chỉ có một bản gốc bằng tiếng Phạn, bất luận là ai dịch, đương nhiên văn tự sẽ không giống nhau, nhưng ý nghĩa nhất định như nhau, chẳng hạn các điều trong lời nguyện nhất định sẽ giống nhau, chẳng thể nào có sai biệt lớn như vậy. Do đó, cổ nhân phán đoán: Thích Ca Mâu Ni Phật thuở còn tại thế đã nhiều lần tuyên giảng kinh này, nên mới có tình hình này xuất hiện. Đức Thế Tôn giảng kinh từ trước tới nay, chưa hề giảng kinh nào hai lần, chỉ giảng một lần, chẳng giảng hai lần, chỉ riêng kinh Vô Lượng Thọ được tuyên giảng nhiều lần, chứng tỏ tầm quan trọng của bộ kinh này và tầm quan trọng của pháp môn này. Tổ sư đại đức đã chỉ ra như vậy! "Toại sử sơ tâm học giả, chuyên trì nhất dịch, nan minh thâm chỉ, biến độc ngũ chủng, hựu cảm gian nan" (Khiến cho người mới học chuyên trì một bản dịch sẽ khó thấu hiểu tông chỉ sâu xa; nếu đọc trọn năm bản dịch, sẽ cảm thấy khó khăn). Thật khó! Quý vị thấy vào đời Tống, cư sĩ Vương Long Thư là một vị đại đức lỗi lạc, nhưng không thể đọc cả năm bản dịch gốc, chỉ được thấy bốn bản. Vì thế, bản hội tập của ông căn cứ trên bốn bản dịch gốc. Bản dịch đời Đường chính là hội Vô Lượng Thọ trong kinh Đại Bảo Tích, ông Vương Long Thư chưa được đọc bản dịch này! Trong bản này, có rất nhiều khai thị tuyệt diệu, mà bốn bản dịch kia không nhắc tới. Vì thế, bản hội tập này chưa hoàn mỹ. Quý vị hãy suy nghĩ: Có địa vị, giàu có như Vương Long Thư, mà còn chẳng có cách nào sưu tập hoàn toàn năm bản dịch gốc, vẫn thiếu mất một loại, tìm không ra! Xưa kia, tìm một bản kinh là chuyện hết sức khó khăn! Vì thế, cổ đại đức dạy chúng ta: Kinh điển phải bảo tồn rất cẩn thận, khi đọc phải cẩn thận. Trên kinh bổn, quyết định không thể đánh dấu hay viết chữ, chớ nên gây hư hại. Vì sao? Nhằm lưu truyền cho hậu thế, để người đời sau có kinh để đọc. Không như hiện thời, thuật ấn loát phát triển, thuận tiện như thế. Vì lẽ đó, có người hỏi tôi: "Chúng con có thể viết chữ hay đánh dấu trên cuốn kinh được hay không?" Tôi bảo: "Được chứ!" Vì sao? Quá nhiều! Chẳng bị thất truyền! Trước kia quá ít, sợ bị thất truyền. Từ đời Tống trở về trước, kinh điển toàn là chép bằng tay, kỹ thuật ấn loát mới được phát minh vào đời Tống, nhưng dùng bản khắc gỗ để in, suy cho cùng vẫn là hữu hạn, hết sức hữu hạn. Ấn loát phát triển cũng chỉ trong năm mươi năm gần đây, chứ năm mươi năm trước đó, sắp chữ đúc bằng kim loại vẫn khá phiền phức. Hiện thời quá thuận tiện, chúng ta phải hiểu điều này. Đối với bản in hiện thời, nếu quý vị cảm thấy chỗ nào rất quan trọng, có thể đánh dấu, có thể gạch một vạch đỏ, như Hoằng Nhất đại sư đọc sách, dùng các màu khác nhau để đánh dấu; kinh bổn nhiều, có thể làm theo cách này!

"Ư thị, đa xả thử kinh, nhi chuyên công A Di Đà kinh hỹ" (do vậy, đa số bỏ kinh này để dốc sức nơi kinh A Di Đà). Đây là lý do vì sao từ xưa tới nay, ít người giảng kinh này, người chú giải kinh này cũng ít, nhưng đối với kinh A Di Đà, chú giải đông, giảng giải

nhiều. Do vậy, Tịnh Tông gần như coi kinh A Di Đà là bộ kinh quan trọng nhất. “Thanh sơ, Bành Thiệu Thăng cư sĩ viết” (đầu đời Thanh, cư sĩ Bành Thiệu Thăng nói), Bành Thiệu Thăng là Bành Tế Thanh, “thử kinh xiển dương giả thiểu, thật dĩ vô thiện bổn cố” (kinh này ít người xiển dương, thật ra là vì chưa có bản hoàn thiện), lời này rất hợp lý! Chưa có bản nào tận thiện! Quý vị nhìn vào năm bản dịch gốc sẽ biết liền! “Thành tai thị ngôn! Thị dĩ, Tống Vương Nhật Hưu, Thanh Bành Thiệu Thăng, Ngụy Thừa Quán đẳng đại cư sĩ, quân vị hoằng dương thử kinh, tiên hậu nhi hữu hội bổn dữ tiết bổn chi tác” (Lời ấy đúng thay! Do vậy, các vị đại cư sĩ như ông Vương Nhật Hưu đời Tống, Bành Thiệu Thăng và Ngụy Thừa Quán đời Thanh, vì hoằng dương kinh này mà trước sau đã có các bản hội tập và bản trích lục, phân chia chương đoạn). Đến phần sau, sẽ giới thiệu tỉ mỉ [chuyện này]. Đời Tống, cư sĩ Vương Long Thư, Vương Nhật Hưu là Vương Long Thư, từng viết cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn. Long Thư là địa danh, cũng chính là Thư Thành ở tỉnh An Huy quê tôi, cách nơi tôi sanh ra rất gần. Cuốn Tịnh Độ Văn của ông Vương viết hết sức hay, nhiều người do đọc cuốn sách này mà tu Tịnh Độ, tiếp dẫn rất nhiều người. Ngụy Thừa Quán là Ngụy Mặc Thâm, là người thuộc niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh. Những vị này đều là đại đức cư sĩ, Bành Thiệu Thăng sống vào thời Càn Long. Vương cư sĩ và Ngụy cư sĩ đều có bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, họ soạn bản hội tập, còn Bành Thiệu Thăng soạn tiết bổn, [tức là] ông ta chỉ lấy một bản, tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, đem chỉnh lý, san đính23 một lần nữa. Nay chúng ta nói “san đính” tức là gạt bỏ những phần khó hiểu, chẳng dễ đọc, tạo thành bản trích lược, trở thành dễ đọc hơn. Vì thế mới có một tiết bổn và hai loại bản hội tập. Tiếp đó, sách giới thiệu, “Tống đại, đại cư sĩ Vương Nhật Hưu, tằng soạn Long Thư Tịnh Độ Văn, tứ hải xưng dự, truyền tụng chí kim” (đời Tống, đại cư sĩ Vương Nhật Hưu từng viết Long Thư Tịnh Độ Văn, được bốn biển khen ngợi, truyền tụng đến nay). Các đồng học tu Tịnh Độ, hình như rất ít ai chưa đọc Long Thư Tịnh Độ văn. Khi chúng tôi mới học Phật, cũng hết sức ưa thích bộ sách này. Viết hay lắm, có thể coi như sách để học Quốc Văn. “Vương thị lâm chung, đoan lập vãng sanh” (Họ Vương lúc lâm chung, đứng thẳng vãng sanh), cư sĩ Vương Long Thư đứng vãng sanh, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh. Trong Cư Sĩ Truyện, trong Đại Tạng Kinh có bộ Cư Sĩ Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, đều có ghi chép. “Khả chứng cư sĩ thật vi ngã quốc Tịnh Tông giải hạnh câu ưu, thù thắng hy hữu chi tại gia đại đức” (Đủ chứng tỏ Vương cư sĩ là bậc tại gia đại đức thù thắng hiếm

có, hạnh lẫn giải đều tốt đẹp trong Tịnh Tông nước ta). Chúng ta thấy ông ta vãng sanh, cách ông ta biểu diễn, chúng ta liền biết ông ta vãng sanh chẳng giả chút nào, đứng mất. “Vương thị thâm khái bảo điển chi trần phong, ư thị nãi hội tập Vô Lượng Thọ kinh, Hán, Ngụy, Ngô, Tống tứ chủng nguyên dịch, lánh thành nhất bổn, danh vi Đại A Di Đà Kinh” (Họ Vương tiếc nuối sâu xa bảo điển bị phủ bụi, bèn hội tập bốn bản dịch gốc các đời Hán, Ngụy, Ngô, Tống, tạo thành một bản riêng, đặt tên là Đại A Di Đà Kinh). Trong Long Tạng (Càn Long Đại Tạng Kinh) có bản này, hình như Nhật Bản Đại Chánh Tạng24 cũng có, Đại Chánh Tạng cũng thu nhập bản này. Có thể đưa vào Đại Tạng Kinh tức là bản này được lịch đại cao tăng đại đức công nhận, nên mới có thể “nhập Tạng” (đưa vào Đại Tạng Kinh). Vì lẽ đó, Đại Tạng Kinh là tiêu chuẩn thật sự.

Nếu chúng ta muốn học kinh điển, nhưng kinh điển ngụy tạo rất nhiều, rốt cuộc kinh nào là thật, bộ kinh nào đáng tin cậy? Vào thời cổ, khi quý vị xem Đại Tạng, hễ kinh nào có trong Mục Lục của Đại Tạng sẽ là đáng tin cậy, kinh nào không có, chẳng đáng tin cậy! Đây là lập một tiêu chuẩn cho người đời sau. Nhưng tốt nhất là nếu quý vị có được một bản, đối chiếu với Đại Tạng Kinh [thấy có bản kinh ấy] sẽ càng yên tâm. Quý vị thấy ông Vương chỉ dùng bốn bản dịch gốc thuộc các đời Hán, Ngụy, Ngô, Tống, thiếu bản dịch đời Đường, chỉ có bốn bản! "Vương bổn xuất thế, hải nội xưng tiện, tùng lâm phụng vi khóa bổn" (bản của ông Vương ra đời được trong nước khen là tiện lợi, chốn tùng lâm dùng làm kinh nhật tụng). "Tùng lâm" là Phật môn đạo tràng, nhà Phật gọi là tùng lâm, còn hiện tại thì sao? Hiện thời là đại học. Nói thật ra, tùng lâm là đại học Phật giáo, có chế độ chánh thức, được chế độ hóa. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh giáo học, giống như trường tư thục do tư nhân quản lý, không có chế độ, giống như thuở Khổng lão phu tử còn tại thế dạy học, không có trường học nào theo hệ thống, quy chế chánh quy, không có! Tại Trung Quốc, đến thời Tùy - Đường, [trường học] mới chính thức đi vào khuôn khổ. Vì thế, đây là một điểm đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc. Thuở đó, thầy Phương bảo tôi: "Tùng lâm là một sáng kiến mang tính cách mạng của Phật giáo Trung Quốc, chính thức biến tu viện thành trường học". Người đứng đầu tùng lâm được gọi là Chủ Tịch, còn gọi là Phương Trượng Trụ Trì, đó là gì? Hiệu Trưởng! [Trụ Trì] là chức vị Hiệu Trưởng. Thủ Tọa Hòa Thượng là Giáo Vụ Trưởng. Duy Na là Huấn Đạo Trưởng. Giám Viện là Tổng Vụ Trưởng. Phân công những người chịu trách nhiệm hoàn toàn giống như cách tổ chức của một trường đại học hiện thời; danh xưng khác nhau, nhưng trên thực tế, Duy Na đúng là Huấn Đạo Trưởng, [phụ trách] giáo huấn, chỉ đạo. Điện, đường là phòng học, "chia ra nơi chốn để giảng kinh" (phân tòa giảng kinh). Quý vị thích học khoa mục nào, sẽ có thầy chỉ dạy, có giảng đường nhất định, giống như trong nhà trường. Vì vậy, quý vị

phải hiểu Phật giáo truyền tới Trung Quốc là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo, mãi cho tới niên hiệu Càn Long nhà Thanh vẫn chưa bị biến chất, luôn là giáo dục. Tùng lâm là đại học, [ngoài ra] còn có những ngôi chùa nhỏ. Chùa nhỏ là trường chuyên khoa, chỉ học một thứ. Tịnh Tông đạo tràng tu tập năm kinh Tịnh Độ, chẳng có "phân tòa giảng kinh" (chia thành nhiều pháp môn để giảng kinh chuyên biệt), là trường chuyên khoa chuyên dốc sức vào một môn, hoặc là cũng học các kinh luận có liên quan đến môn này. Tình hình là như vậy đó. Hiện thời Phật giáo suy vi, do đâu mà suy? Vứt bỏ giáo học. Sau khi vứt bỏ giáo học, kinh sám Phật sự trở thành hưng vượng, biến Phật giáo thành tôn giáo, thật sự trở thành tôn giáo, chúng ta cũng chẳng thể không thừa nhận, nó quả thật biến thành tôn giáo, đã quên mất gốc, Phật giáo vốn chẳng phải là tôn giáo! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, quý vị kiểm trong kinh điển, đức Phật chẳng làm Phật sự một ngày nào. Nếu làm Phật sự một bữa nào, kinh điển phải ghi chép tường tận, nhưng chẳng thấy! Trong Đại Tạng Kinh có nhiều tài liệu về kinh sám, Phật sự. [Những thứ ấy] do

họ Vương, so với năm bản dịch gốc, đơn giản, dễ hiểu, rõ ràng, được lưu thông trong đời hiện tại, lợi ích rất lớn). Đây là lời tán thán của vị tổ sư đời thứ tám của Tịnh Độ Tông là Liên Trì đại sư đối với ông Vương Long Thư. "Hựu viết: Dĩ Vương bổn thế sở

thông hành, nhân tập kiến cố” (Lại nói: Do bản của ông Vương được lưu hành rộng rãi trong cõi đời, người ta quen thấy), do được lưu thông rất rộng, người đọc tụng rất nhiều. “Cố ư sở trước Di Đà Sớ Sao trung, phàm dẫn chứng Vô Lượng Thọ Kinh chi xứ, đa thủ Vương văn, gián thái nguyên dịch” (Vì thế, đối với tác phẩm Di Đà Sớ Sao của tôi, hễ chỗ nào dẫn chứng kinh Vô Lượng Thọ, phần lớn trích theo bản của ông Vương, chỉ đôi khi dẫn theo bản dịch gốc). Hình như tôi đã giảng A Di Đà Kinh Sớ Sao đôi ba lần, quả thật [là một tác phẩm] hết sức hay! Do trong thời đại đó, chúng ta nhìn vào nội dung sách Sớ Sao, giống như chúng ta nhìn vào toa thuốc, sẽ biết những người ấy đang bị bệnh gì. Trong thời đại đó, trên lãnh thổ Trung Quốc, Phật giáo Thiền Tông hết sức hưng thịnh, nhiều kẻ coi rẻ, xem thường Tịnh Độ. Do vậy, trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư đã dùng gì để chú giải kinh A Di Đà? Dùng Hoa Nghiêm, nâng kinh Di Đà lên ngang tầm vóc kinh Hoa Nghiêm, khiến mọi người tôn trọng! Rất tuyệt vời! Quả thật lời của cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói, trong phần sau cũng có dẫn chứng lời này, có lý lắm! Cư sĩ Bành Tế Thanh nói kinh Vô Lượng Thọ là Hoa Nghiêm trung bổn. Nói cách khác, kinh Hoa Nghiêm là Đại Vô Lượng Thọ Kinh. Hoặc nói cách khác, kinh A Di Đà là Tiểu Hoa Nghiêm Kinh. Kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà một mà ba, ba mà một, Liên Trì đại sư đề xướng điều này, được các bậc cao tăng đại đức trong Phật môn công nhận, tán đồng, Tịnh Độ lại được hưng vượng, nên Ngài được xưng tụng là tổ sư đời thứ tám. Tổ sư của Tịnh Độ Tông không giống như trong các tông phái khác, các tông phái là khác là “đại đại tương truyền”, [tức là] từ một đời này truyền lại cho đời sau, trong Tịnh Độ Tông không có [thể lệ ấy]. Tịnh Độ Tông chẳng phải là “đại đại tương truyền”, mà là sau khi vị đại đức ấy đã vãng sanh, người đời sau khẳng định vị ấy đối với Tịnh Độ Tông có cống hiến đặc thù, bèn tôn vị ấy làm tổ sư. Vì thế, tổ sư Tịnh Độ Tông là do dân tuyển (bầu chọn), chẳng phải đời này truyền sang đời kia, mà là dân tuyển. Giống như thời cận đại, Ấn Quang đại sư đối với Tịnh Độ Tông có cống hiến rất lớn, mọi người công nhận Ngài xứng đáng là vị tổ sư đời thứ mười ba. Nếu là tổ tổ tương truyền (tổ sư này truyền cho tổ sư kia), phải biết là sẽ có tới sáu bảy mươi đời, nhưng Tịnh Độ Tông mới có mười ba đời. Nếu như đời này không có người như vậy, sẽ không ai được chọn. Thật sự có cống hiến đặc thù đối với sự tu trì và hoằng dương Tịnh Tông, người ấy sẽ được người đời sau tôn xưng là “nhất đại tổ sư” (tổ sư trong một đời). Tổ sư [trong Tịnh Tông] do đó mà có, do dân tuyển. [Chư Tổ của] Tịnh Tông được

gọi là “đại sư” cũng là do đặc biệt tôn trọng, bởi lẽ, đây cũng là một kiến thức thông thường quý vị cần biết. Chữ “đại sư” chẳng thể tùy tiện xưng hô! Danh xưng “đại sư” trong Phật môn chuyên dùng để gọi Thích Ca Mâu Ni. Quý vị thấy đó: Trước kia, thầy của hoàng đế gọi là Quốc Sư; người phiên dịch kinh điển được gọi là Tam Tạng Pháp Sư, bậc đại đức trong Thiền môn gọi là Thiền Sư, vị nào chuyên dốc sức nơi Luật thì gọi là Luật Sư, nghiên cứu luận điển thành công bèn gọi là Luận Sư, không ai xưng là đại sư! Chỉ có Tịnh Độ tông xưng là đại sư, vì sao? Các vị ấy chẳng khác gì Phật, có thể chỉ dạy chúng sanh niệm Phật vãng sanh, hễ vãng sanh bèn thành Phật. Quý vị xem: Phật độ chúng sanh chẳng phải [chỉ dạy, giúp họ] thành Phật đó sao? Những vị đại đức độ chúng sanh dùng pháp môn này, cũng dạy họ thành Phật trong một đời, có khác gì Phật? [Cho nên] đều gọi là đại sư. Vì thế, chỉ có tổ sư Tịnh Tông được gọi là đại sư, phải

biết kiến thức thông thường này! Nay chúng ta là kẻ tầm thường mà xưng là đại sư tức là quá lố, không thể được! Tiếp theo đó là: “Hựu U Khê đại sư cánh hữu thịnh yên” (hơn nữa, U Khê đại sư càng dùng rộng rãi hơn), đây là một vị cùng thời đại với Liên Trì đại sư, cũng là một vị đại đức trong Tịnh Tông. Ngài có trước tác bộ Di Đà Viên Trung Sao. Khi chúng tôi mới vừa tiếp xúc Tịnh Tông, thầy có trao cho tôi ba bản chú giải, ba bản chú giải ấy là ba tác phẩm chú giải kinh Di Đà có uy tín nhất, người tu Tịnh Độ chẳng thể không đọc. Thứ nhất là A Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư, thứ hai là Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư trong bộ Tịnh Độ Thập Yếu; thứ ba là Viên Trung Sao của U Khê đại sư. Ba bản chú giải này là tác phẩm chú giải kinh Di Đà có uy tín nhất. Trong Viên Trung Sao, hễ trích dẫn kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ bèn hoàn toàn dùng bản hội tập của ông Vương Long Thư. Trong bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, đại khái là trích dẫn bản hội tập của ông Vương Long Thư hơn phân nửa một chút, phần còn lại vẫn trích dẫn từ các bản dịch gốc. “Cận đại, Ấn Quang đại sư ư sở soạn Trùng Khắc Viên Trung Sao Tự trung, diệc tán Vương bổn văn nghĩa tường tất, cử thế lưu thông” (gần đây, trong bài Tựa Tái Bản Bộ Viên Trung Sao do Ấn Quang đại sư viết, Ngài cũng khen ngợi bản của ông Vương văn lẫn nghĩa tường tận, đầy đủ, lưu thông rộng rãi trên cõi đời). Cận đại, trong Ấn Quang Văn Sao có bài này, đây là một thiên văn chương của Ngài. Trong bài Trùng Khắc A Di Đà Kinh Viên Trung Sao Tự, Ngài đã tán thán như vậy, chứng tỏ việc hội tập là chính xác, là chuyện phải có người đứng ra làm. Vậy mà trong thời cận đại có người phê bình hội tập là sai lầm, lời này nói chẳng xuôi tai! Có rất nhiều người đến hỏi tôi, đối với bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, ở trong nước lẫn Đài Loan đều có những vị đại đức trong Phật môn phản đối “đừng nên làm chuyện này”, [họ đem chuyện ấy] tới hỏi tôi. Tôi

nói: Nếu chúng ta chẳng thừa nhận việc hội tập, cho là không đúng pháp, sẽ có rất nhiều vấn đề! Hiện thời, trong nhà chùa, khóa tụng sáng tối chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, kinh văn và nghi quy trong ấy đều là hội tập, cũng chẳng thể dùng những khóa bản ấy! Bình thường, quý vị làm Phật sự, như Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, Đại Bi Sám, Diệm Khẩu, Thủy Lục, những bản ấy toàn là hội tập, thảy đều chẳng thể dùng. Khóa tụng sáng tối trong nhà chùa phải đọc nguyên văn mới đúng, vậy thì rất nhiều thứ trong nhà chùa đều trở thành có vấn đề, đều chẳng đúng pháp! Quý vị thấy trong Phật môn có bao nhiêu thứ là hội tập của tổ sư đại đức từ xưa đến nay. Vì thế, phải hiểu đạo lý này, chẳng thể không nói theo lý. Sau khi quý vị đều hiểu rõ, sẽ biết hội tập là cần thiết, nhất là thuở ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy chúng ta: “Y pháp, bất y nhân; y nghĩa, bất y ngữ; y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa; y trí, bất y thức”. Hơn nữa, kinh Đại Thừa thường dạy: “Phật vô hữu định pháp khả thuyết” (Phật không có pháp nhất định nào để nói), “pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp” (pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp), nói rành mạch, triệt để như vậy! Vì thế, chúng ta nhất định phải hiểu pháp do đâu mà có? Do con người mà hưng khởi, người ta mắc bệnh gì, đức Phật bèn kê toa thuốc đó; người không có bệnh, sẽ chẳng có toa thuốc! Đó là chữa bệnh. Do vậy, nhất định phải hiểu đạo lý này. Đây là nói rõ hội tập là chuyện phải nên làm! Tiếp đó là nói đến những vấn đề trong hai bản hội tập: “Vương thị hội kinh, tuy đại hữu công ư Tịnh Tông, đản sở hội chi bổn phả đa suyễn ngộ” (Ông Vương hội tập kinh, tuy

có công lớn đối với Tịnh Tông, nhưng trong bản hội tập có khá nhiều sai lầm), trong ấy phạm sai lầm, đó là sự thật! Cho nên cũng phải nhận biết rõ ràng [những khuyết điểm ấy]! Cụ Hoàng nêu tỷ dụ: “Bạch khuê chi hà, hiền giả tích chi” (bạch khuê có vết, người hiền tiếc nuối), bạch khuê25 là ngọc, ngọc có tỳ vết, tỷ dụ bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư [có khuyết điểm], khiến người hiền tiếc nuối! “Liên Trì đại sư vị kỳ: Sao tiền trước hậu, khử thủ vị tận” (Liên Trì đại sư nói: “Trích dẫn kinh văn trong phần trước, ghép lời văn do mình sáng tác vào phần sau, lấy bỏ chẳng trọn hết”), điều này sẽ được giải thích trong phần sau. “Bành Thiệu Thăng cư sĩ xích chi vi: Lăng loạn quai suyễn, bất hợp viên chỉ” (Cư sĩ Bành Thiệu Thăng chê trách: “Rối ren, sai sót, chẳng hợp ý chỉ viên dung”). Những lời phê bình này cũng đều có căn cứ. Nếu như chúng ta đem năm bản dịch gốc đối chiếu, quý vị sẽ hiểu ngay. Hiện thời có mấy vị cư sĩ [đã làm chuyện so sánh này], tôi thấy họ đã đối chiếu sự bất đồng giữa hai bản hội tập với năm bản dịch gốc, làm kỹ lắm, rất tốn công. Sau khi quý vị đã xem xong, mới biết bản hội tập này của Hạ lão cư sĩ hay lắm, hội tập quá khéo! Đúng là hay hơn mấy bản hội tập trước đó! Do vậy, hiện thời có tổng cộng chín bản, gồm: Ba bản hội tập, một bản tiết lục, năm bản dịch gốc, tôi in cả

chín bản này thành một cuốn. Khi ấy, tôi giảng bản hội tập của Hạ lão cư sĩ ở nước ngoài, sợ có kẻ đến kiếm chuyện, cho nên tôi in chung cả chín loại để quý vị tự xem. Kẻ nào thắc mắc, có nghi vấn, tôi đưa sách cho kẻ ấy xem, “ông hãy tự xem đi!”, tôi chẳng cần phải trả lời. Chín bản đều có, nhưng đều đọc hết thì thật là khó! Một bản hội tập hay như thế, đức Thế Tôn đã nói: Đến lúc pháp diệt tận, hết thảy các kinh đều chẳng còn nữa, cuối cùng chỉ còn lưu lại mình kinh Vô Lượng Thọ này, nhưng là bản nào của kinh Vô Lượng Thọ? Chắc chắn là bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư, chứ không phải là bản dịch gốc. Chúng ta có thể khẳng định điều này! Bản hội tập này quá hay, chúng ta cần phải nhận biết điều này thì mới chẳng đến nỗi hoài nghi kinh này! Kẻ phê bình rất nhiều, sự tu học, thâm nhập kinh giáo của họ đã đạt tới bản lãnh như Vương Long Thư, Ngụy Mặc Thâm, và Hạ Liên Cư hay chưa? Nếu chưa đạt tới trình độ ấy, lẽ nào có thể tùy tiện phê bình? Cá nhân quý vị phê bình, chính quý vị tạo nghiệp phải tự gánh vác. Nếu quý vị ảnh hưởng tới người khác, khiến người khác nẩy sanh hoài nghi đối với bản này, không học tập nữa, lỗi lầm lớn lắm! Quý vị đoạn Pháp Thân huệ mạng của người khác, có phải gánh trách nhiệm nhân quả hay chăng? Chắc chắn là phải! Chúng ta học kinh giáo, chẳng thể không biết điều này! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

---o0o---

Tập 06

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ tư, hàng thứ bảy. Đây là đoạn thứ hai, chúng ta vẫn đọc từ đầu. “Vương thị hội kinh, tuy đại hữu công ư Tịnh Tông, đản sở hội chi bổn phả đa suyễn ngộ. Bạch khuê chi hà, hiền giả tích chi. Liên Trì đại sư vị kỳ: Sao tiền trước hậu, khử thủ vị tận. Bành Thiệu Thăng cư sĩ xích chi vi: Lăng loạn quai suyễn, bất hợp viên chỉ” (Họ Vương hội tập kinh, tuy có công lớn đối với Tịnh Tông, nhưng bản hội tập của ông

ta có lắm sai lầm. Bạch khuê có vết, người hiền tiếc nuối. Liên Trì đại sư bảo: “Sao chép kinh văn trong phần trước, ghép thêm lời văn của chính mình sáng tác vào sau đó, lấy bỏ chưa trọn hết”. Cư sĩ Bành Thiệu Thăng chê trách: “Rối ren, sai lạc, chẳng hợp ý chỉ viên dung”). Chúng ta xem trước chỗ này. Trong phần trước, tôi đã giới thiệu các phiên bản kinh Vô Lượng Thọ hiện đang được lưu thông, ngoài năm bản dịch gốc ra, còn có bốn bản nữa: Ba bản là bản hội tập, một bản là bản tiết lục. Nhân tiện, tôi giới thiệu ở đây. “Vương thị” (họ Vương) là Vương Long Thư, hay Vương Nhật Hưu, hội tập kinh Vô Lượng Thọ sớm

nhất. Có thể thấy là từ rất sớm đã có người chú ý tới vấn đề này. Các phiên bản nhiều lắm, mà nội dung sai biệt rất lớn. Nếu bảo năm bản đều cùng đọc, quả thật rất phiền; đọc một loại, sẽ chẳng thấy những điều được nói trong bốn bản kia, trong bốn bản kia có rất nhiều kinh văn không có trong bản này, rất đáng tiếc! Vì thế, đó là một nhân tố quan trọng khiến cho những bản này được lưu thông rất ít. Cư sĩ Vương Long Thư là người đời Tống, trong phần trên đã giới thiệu: Ông ta trước tác rất phong phú, niệm Phật thật sự có công phu, khi vãng sanh là đứng mất. Bộ Tịnh Độ Văn của ông ta vô cùng hay, cũng có thể dùng để học Quốc Văn. Trong phần trước, tôi đã từng giới thiệu với quý vị, Trúc Song Tùy Bút của Liên Trì đại sư, Linh Phong Tông Luận của Ngẫu Ích đại sư, và Tịnh Độ Văn của cư sĩ Vương Long Thư cũng hết sức hay, văn tự hết sức khá, đều là những tác phẩm văn chương hay của các bậc đại đức trong Tịnh Tông. Chúng ta học văn chương Văn Ngôn, coi những tác phẩm ấy như sách để học Quốc Văn, rất tốt! Sau khi bản hội tập của ông ta ra đời, được lưu thông rất rộng. Quý vị thấy Đại Chánh Tạng của Nhật Bản và Long Tạng được biên tập dưới đời vua Càn Long đều nhập tạng bản này. Có thể đưa vào Đại Tạng Kinh tức là được các vị đại đức thuở ấy chấp nhận. Thế nhưng bản của ông ta vẫn có sai lầm, “suyễn ngộ” () là sai lầm, còn có những sai sót. “Bạch khuê chi hà, hiền giả tích chi” (bạch khuê có vết, người hiền xót xa), hai câu này thể hiện ý tiếc hận: Đáng tiếc là ông ta làm chưa viên mãn, còn có khuyết điểm! Liên Trì đại sư cũng hết sức bội phục ông Vương. Trong bộ Di Đà Kinh Sớ Sao, đây là một tác phẩm rất to lớn, kinh văn kinh Vô Lượng Thọ được trích dẫn trong ấy, quá nửa là trích từ bản hội tập của cư sĩ Long Thư, đây cũng là khẳng định [giá trị] của bản hội tập ấy. Đương nhiên, bản ấy chẳng thể tận thiện, tận mỹ, nên Liên Trì đại sư cũng phê bình, bảo bản này của họ Vương “sao chép kinh văn trong phần trước, ghép phần trước tác của chính mình vào phần sau, lấy bỏ chưa trọn vẹn”. Hai câu này trong phần sau đều có giải thích. Bành Thiệu Thăng có tiết bổn, chẳng phải là hội tập, chỉ lấy bản của ngài Khang Tăng Khải. Bản dịch của ngài Khang Tăng Khải cũng chẳng dễ đọc cho lắm, ông Bành đem chỉnh lý một lần nữa, soạn thành bản mới, gạt bỏ những chỗ trúc trắc, thiếu trôi chảy, cho nên bản dịch này đọc lên rất lưu loát, coi như là một bản kinh hay, nhưng chẳng thể coi là bản hội tập, mà coi là tiết bổn (bản rút gọn, trích yếu, có phân chương đoạn). Ông ta cũng phê bình bản hội tập của cư sĩ Long Thư, bảo là “lăng loạn quai suyễn, bất hợp viên chỉ” (rối ren sai lầm, chẳng hợp ý chỉ viên dung), cũng là nói bản hội tập của ông ta chưa hoàn mỹ. Chẳng thể bảo ông Vương không có công lao gì! Quả thật là công lao cũng chẳng thể xóa sạch, nhưng chưa phải là bản hoàn mỹ. Đây là một chuyện rất đáng tiếc!

Tiếp đó là lời giải thích của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ: “Kim bút giả” (nay người viết), nói về người cầm bút viết bản chú giải này, tức là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, “ngưỡng thừa cổ đức chư thuyết” (kính vâng theo các nhận định của cổ đức), nói theo cách hiện thời là “căn cứ trên cách nói của cổ đại đức”, “thiết kê Vương thị chi thất” (trộm kể ra những khuyết điểm của họ Vương), “thiết kê” () là theo cách so sánh, cách nghĩ của riêng tôi, bản hội tập của cư sĩ Long Thư tối thiểu có ba chỗ sai sót. Thứ nhất là: “Vương thị hội tập, cẩn cứ tứ chủng, vị cập Đường dịch. Đường dịch danh Vô Lượng Thọ Như Lai Hội, xuất tự Đại Bảo Tích Kinh, nãi Bồ Đề Lưu Chí đại sư sở dịch, đa áo diệu tinh yếu chi văn, vi tha dịch sở vô” (Bản hội tập của họ Vương chỉ dựa trên bốn bản dịch, chưa có bản dịch đời Đường. Bản dịch đời Đường có tên là Vô Lượng Thọ Như Lai Hội trích từ kinh Đại Bảo Tích do Bồ Đề Lưu Chí đại sư dịch, kinh văn có nhiều chỗ uyên áo, huyền diệu, tinh tường, trọng yếu mà những bản dịch khác không có). “Tha dịch” là bốn bản dịch gốc kia, trong ấy không có những điều [được nói trong bản Đường dịch]; quả thật cư sĩ Long Thư cả đời chưa thấy bản Như Lai Hội trong kinh Đại Bảo Tích. Từ chỗ này, chúng ta mới hiểu vào thời cổ, có được kinh sách đâu phải dễ! Vì thuở ấy, kinh sách đều vẫn phải chép bằng tay. Vì thế, trong kinh sách cổ truyền có chữ sai là chuyện khó tránh. Một bộ kinh phân lượng to như vậy, khó tránh khỏi chép thiếu, hoặc chép sai một chữ, hết sức khó tránh chuyện này! Bản này (tức bản Đường dịch), như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nói: Có nhiều đoạn văn tự “áo diệu tinh yếu” (sâu xa, huyền nhiệm, tinh tế, quan trọng) chẳng thấy có trong bốn bản dịch kia, đương nhiên đây là điều sai sót. Đây là chỗ chẳng viên mãn thứ nhất, tức là ông Vương chưa đọc trọn năm bản dịch gốc. Đó là điều thứ nhất. Thứ hai, “khử thủ vị tận” (lấy, bỏ chưa trọn hết). Đây là lời Liên Trì đại sư phê bình, chê lão nhân gia (ông Vương Nhật Hưu) chọn và bỏ chưa trọn vẹn, tức là nói “thủ phồn di yếu, cải thâm vi thiển” (lấy chỗ rườm rà, bỏ chỗ quan trọng; sửa chỗ sâu thành cạn), ông ta mắc phải khuyết điểm này! Những chỗ rườm rà đáng nên tinh giản, ông ta vẫn cứ chép vào [bản hội tập]; những thứ quan trọng bị bỏ sót, vì sơ ý mà bỏ sót. Nêu ra thí dụ nhằm chứng tỏ lời [phê phán] này chẳng phải là nói tùy tiện: “Lệ như Liên Trì đại sư sở trách: Như tam bối vãng sanh” (Chẳng hạn như Liên Trì đại sư đã trách: Như trong phần ba bậc vãng sanh), trong đoạn kinh văn này, “Ngụy dịch giai viết phát Bồ Đề tâm” (bản dịch đời Ngụy ghi cả ba bậc đều phát Bồ Đề tâm), chữ “Ngụy” chỉ [bản dịch của] ngài Khang Tăng Khải; trong bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, ba bậc vãng sanh đều phát Bồ Đề tâm, nhưng trong bản hội tập của Vương Long Thư, chỉ có bậc trung là phát Bồ Đề tâm, bậc hạ chẳng phát, chẳng hề phát Bồ Đề tâm, trong bậc thượng cũng

chẳng nói, không đề cập. “Tắc cao hạ thất thứ, cố vân vị tận” (tức là thứ bậc cao thấp bị mất, cho nên bảo là “chưa trọn hết”), đây là nói “khử thủ vị tận”. Lời Ngài nói có căn cứ, Ngài bảo: “Do thượng lệ khả kiến, thượng cánh bất ngôn” (Do dựa theo điều này (bậc trung đã phát Bồ Đề tâm), có thể thấy [bậc thượng phải phát Bồ Đề tâm], nhưng [trong bản hội tập] bậc thượng hoàn toàn chẳng nói [phát Bồ Đề tâm, đó là điều vô lý]), “thượng” là thượng bối vãng sanh, [bản hội tập của ông Vương] chẳng nói tới phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm quan trọng lắm! Đây là “di yếu”, nghĩa là bỏ sót điều quan trọng! Đối với bậc Hạ, [chánh kinh] cũng nói là phát Bồ Đề tâm, nhưng ông ta viết là “chẳng

phát", tức là bậc Hạ có thể chẳng cần phát Bồ Đề tâm, [đó là] "cải thâm vi thiển" (sửa sâu thành cạn). Đây là những chỗ Liên Trì đại sư và Bành cư sĩ chê trách ông Vương, thật sự có căn cứ, chẳng phải là nói tùy tiện! Thứ ba, "suất ý tăng văn, nghiễm nhược tự trước" (tùy tiện tăng thêm văn tự, nghiễm nhiên tự soạn thêm), "suất ý" () là tùy ý, tăng thêm văn tự, giống như chính mình sáng tác, điều này không thể chấp nhận! Phiên dịch thì được! Nếu quý vị dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán thì chấp nhận được, vì quý vị phải châm chước dùng câu chữ nào [cho lời văn gãy gọn, dễ hiểu, nhưng không sai ý]! Hội tập thì không thể, hội tập nhất định phải dùng nguyên văn [từ các bản dịch gốc], chẳng thể thay đổi văn tự, Ấn Quang đại sư hết sức coi trọng chuyện này. Bởi lẽ, tùy tiện sửa đổi văn tự, tôi nghĩ dùng câu chữ theo kiểu này mới hay, tôi bèn sửa; quý vị cho rằng hành văn theo kiểu kia mới hay, quý vị lại sửa. Sửa tới, sửa lui, đến cuối cùng chẳng còn cách nào đọc [nguyên dạng] kinh Phật nữa! Do vậy, phải tôn trọng lời dịch gốc, nhất định chớ nên sửa đổi. Dẫu nhận thấy [câu văn hay đoạn văn ấy] có vấn đề, có thể ghi chú bên cạnh, chẳng thể sửa chữ của người ta, đây là quy củ. Do vậy, chỗ này là sơ sót. "Cố Liên Trì đại sư trách viết" (Vì thế, Liên Trì đại sư trách rằng), quở trách ông Vương: "Sao tiền trước hậu, vị thuận dịch pháp" (sao chép kinh văn trong phần trước, ghép thêm lời văn của chính mình sáng tác vào sau đó, chưa tuân thủ cách dịch). Ngay sau đó, cụ Hoàng giảng rõ: "Cái trách kỳ sao dẫn kinh văn ư tiền" (ấy là chê trách [ông Vương] đã sao lục kinh văn trong phần trước), đó là "sao tiền", "phục hựu tự trước cú tự ư hậu" (lại đem những câu chữ do mình đặt ra, ghép vào phía sau), ghép ý kiến của chính mình vào sau kinh văn, cũng giống như chính mình dịch vậy, sai lầm rồi! Phía sau [mỗi đoạn kinh], nếu có kiến giải, có thể dùng chữ nhỏ ghi chú bên cạnh, nhất định chẳng ghi lẫn lộn vào kinh văn. Đây là một điều kỵ húy rất lớn. Đó gọi là "sao tiền, trước hậu, vị thuận dịch pháp". Dịch kinh có quy củ dịch kinh; ở đây là đã vi phạm quy củ dịch kinh, ông ta cũng chẳng phải là phiên dịch, mà là hội tập.

Tiếp đó, cụ Hoàng giảng: "Cái thị hội tập, tất tu y cứ nguyên kinh, vạn vạn bất khả ư nguyên dịch ngoại thiện tăng văn cú" (Đã là hội tập, cần phải dựa theo nguyên văn của bản dịch, muôn vàn chẳng thể tự tiện thêm câu văn [do chính mình đặt ra]). Cư sĩ Long Thư phạm quy củ này: Anh hội tập, chẳng phải là phiên dịch! Anh phiên dịch thì được, chính anh châm chước nên dùng chữ gì, dùng từ gì để dịch ý nghĩa tiếng Phạn này, được phép làm như thế! Nhưng hội tập thì không được! Bởi lẽ, anh chẳng dựa trên nguyên văn bằng tiếng Phạn, mà dùng bản dịch do người khác đã dịch sang tiếng Hán. Anh nhất định phải tôn trọng, phải tuân theo nguyên văn, chẳng thể thay đổi, động chạm chữ nào. Đây là quy củ hội tập. Vậy thì cư sĩ Long Thư đã sửa đổi, sửa có khéo hay không? Sửa thật khéo! Tuy sửa thật khéo, nhưng đã phá hoại quy củ, không được rồi! Quý vị chẳng thể phá hoại quy củ, chẳng thể tạo ra tiền lệ này! Quý vị đã sửa được, người khác cũng có thể sửa. Đối với quý vị thì không có vấn đề gì, đối với kinh Phật, sự tu dưỡng của quý vị đã đạt tới tiêu chuẩn, công phu và cảnh giới tu trì cũng đạt tới, quý vị có sửa cũng chẳng sao, nhưng hễ tạo nên tiền lệ này, người đời sau sẽ như thế nào? Người đời sau tuy chưa có trình độ như quý vị mà cũng sửa chữa: Cư sĩ Vương Long Thư đã có thể sửa, lẽ nào ta chẳng thể sửa? Hễ tiền lệ này được lập ra, sau này, những

tệ đoan sẽ xuất hiện. Nói thật ra, [bản hội tập của] Vương Long Thư có vấn đề, bản của Ngụy Mặc Thâm cũng có vấn đề. Chúng ta xem kỹ, ông ta sửa có khéo hay không? Sửa đúng là khéo lắm, nhưng nếu quý vị nghĩ tới những tác hại về sau, đáng sợ lắm! Không thể tạo nên tiền lệ này! Chẳng phải là nói ông ta sửa không hay, mà là nói chẳng thể lập ra tiền lệ. Phải như thế nào mới trọn vẹn đôi bề? Tôi vừa mới nói đấy thôi, dùng chữ nhỏ ghi chú bên cạnh thì được, cách này có thể tận thiện tận mỹ. Do vậy, đây là: "Cố trách Vương thị vị thuận dịch pháp. Do thượng khả kiến Vương thị chi thất" (vì thế, mới trách là ông Vương chưa tuân theo cách dịch. Do những điều trên đây, có thể thấy khuyết điểm của họ Vương). Do ông ta có những chỗ thiếu sót, bản hội tập này có những chỗ sai sót, "phi thị bất ưng hội tập, nhi tại ư hội bổn chi đa tỳ dã" (chẳng phải là không nên hội tập, mà do trong bản hội tập có nhiều tỳ vết). Đó là tỳ vết. Do có những tỳ vết, nên chẳng thể gọi là "tận thiện tận mỹ". Đây là kiến thức thông thường, nhưng là một kiến thức thông thường rất quan trọng: Chúng ta học Phật, cần phải tôn trọng kinh điển. Chẳng thể tùy tiện sửa đổi nguyên văn kinh điển, mà đối với chú giải của cổ đại đức cũng chớ nên tùy tiện thêm bớt văn tự. Cổ đức có thể chú giải bộ kinh này, bản chú giải ấy có thể lưu truyền cho tới hiện thời, nói chung là mấy trăm năm, trong mấy trăm năm ấy, người đọc tác phẩm ấy rất nhiều. Quý vị thấy cổ nhân đều tôn trọng, cớ sao chúng ta có thể tùy ý sửa đổi văn tự? Đấy là

chuyện rất thiếu đạo đức. Chúng ta có ý kiến, có thể thêm ghi chú vào bên cạnh, làm như vậy thì được! Chúng ta lại đọc đoạn tiếp theo: "Bành Thiệu Thăng cư sĩ hám ư Vương bổn chi thất" (cư sĩ Bành Thiệu Thăng tiếc nuối trước những khuyết điểm trong bản hội tập của họ Vương). Đây là nói: Rất đáng tiếc! Cảm thấy bản của ông Vương là một bản hay, nhưng hết sức đáng tiếc là có chút tỳ vết này, chưa hoàn mỹ. "Nãi thủ Ngụy dịch bổn nhi san tiết chi" (bèn lấy bản Ngụy dịch mà gạn lọc, trích lược), ông ta chỉ lấy một bản. Chẳng thể coi việc làm này của ông ta là hội tập, do chỉ lấy bản dịch của ngài Khang Tăng Khải đời Tào Ngụy. Vào thời đại Tam Quốc, Tào Tháo cầm quyền, [nên vương triều thời đó gọi là] Tào Ngụy. Ngài Khang Tăng Khải là người thuở đó. Bởi lẽ, trong thời đại Tam Quốc, Phật pháp đã khá hưng thịnh, [trong lãnh thổ của các vương triều] Ngụy, Thục, Ngô đều có [Phật giáo], các địa phương đều có đạo tràng Phật giáo. "Thị Vô Lượng Thọ kinh chi đệ thất chủng" (là phiên bản thứ bảy của kinh Vô Lượng Thọ), bản của ông Vương Long Thư vừa nói trong phần trên là loại thứ sáu. Năm loại trước là bản dịch gốc, loại thứ sáu là bản hội tập của Vương Long Thư, bản của Bành Thư ā Kā ữọ ắ bh ưsá

độc" (ăn khổ, nuốt độc), toàn ăn thứ độc địa. Thịt các động vật, nếu là sáu mươi năm trước, chẳng nói xa xôi, so với sáu mươi năm trước, người bảy, tám mươi tuổi có thể nhớ lại, những món thịt quý vị đã ăn lúc nhỏ có mùi vị giống với thịt mình ăn trong hiện tại hay không? Tôi từng hỏi sư mẫu của tôi, tức phu nhân của tiên sinh Phương Đông Mỹ, tôi nêu ra câu hỏi: "Các bà ăn thịt heo, thịt gà, so với lúc tuổi thơ, tuổi thiếu niên, thấy có cùng mùi vị hay chăng?" Bà ta suy nghĩ ba bốn phút, rồi cho biết: "Khác hẳn!" Chúng ta là người ăn chay, hãy suy nghĩ cẩn thận, nay chúng ta ăn rau, những thứ rau thường ăn, cải bẹ trắng cũng vậy, rau giền cũng thế, củ cải cũng thế, đặc biệt là các loại nấm, có giống như sáu mươi năm trước hay không? Quá khác biệt! Sáu mươi

năm trước, vị nấm đông cô ngon hơn nhiều, tuyệt hơn nhiều! Hiện thời chẳng có mùi vị gì! Thấy chúng rất lớn, hình dáng rất dễ ưa, nhưng chẳng có vị gì hết! Rau dưa cũng chẳng tươi ngon như trước, đều chẳng còn nữa, do nguyên nhân gì? Thuốc trừ sâu và phân hóa học đã phá hoại rồi! Do vậy, đất đai hiện thời có chất độc, quý vị trồng thứ gì cũng đều có độc, đây chẳng phải là "thực độc" (ăn chất độc) ư? Đúng vậy! Chẳng giả tí nào! Vì thế, người sống trong thế gian này, càng sống càng vô vị, cuộc sống càng ngày càng khổ sở. Khoa học hiện thời nói tới gì? Cơ nhân (genes)! Phá hoại toàn bộ cơ nhân, phá hoại hoàn cảnh thiên nhiên, phá hoại cuộc sống của chúng ta. Chúng ta coi phần tiếp theo: "Ư thị, vãn Thanh Ngụy Thừa Quán (tự Mặc Thâm) cư sĩ" (Do vậy, vào cuối đời Thanh, cư sĩ Ngụy Thừa Quán, tên tự là Mặc Thâm), chúng ta thường gọi ông này là Ngụy Mặc Thâm, đáng ra phải gọi là Ngụy Nguyên26. Ngụy cư sĩ là người đời Thanh. Nói "vãn Thanh" vì ông ta sống vào thời Hàm Phong. Chúng ta biết Từ Hy Thái Hậu là phi tử của hoàng đế Hàm Phong27. "Vị cứu Long Thư chi thất, thủ ngũ chủng nguyên dịch, lánh hành hội tập, biệt thành nhất thư, sơ nhưng danh Vô Lượng Thọ Kinh, hậu kinh Chánh Định Vương Canh Tâm thị cải danh vi Ma Ha A Di Đà kinh" (Nhằm cứu chữa khuyết điểm của ông Long Thư, bèn lấy năm bản dịch gốc, tiến hành hội tập lần nữa, soạn thành một bản khác, thoạt đầu vẫn gọi là Vô Lượng Thọ Kinh; về sau, được ông Chánh Định Vương Canh Tâm đổi tên thành Ma Ha A Di Đà Kinh). Bản này hiện thời không được lưu thông, nhưng trong Đại Tạng kinh thì có. Đây là bản thứ tám của kinh Vô Lượng Thọ. "Ngụy bổn văn tự giản khiết, tinh đáng, viễn quá Vương bổn" (bản của ông Ngụy văn tự đơn giản, trong sáng, tinh vi, thỏa đáng, vượt xa bản của ông Vương), hội tập khá lắm, tiến bộ hơn bản của ông Vương Long Thư. "Đản suất tự tăng văn chi bệnh, vị năng tận miễn, cố Ngụy bổn diệc vị tận thiện dã" (Khuyết điểm tự tiện thêm lời văn vào vẫn chưa thể hoàn toàn tránh khỏi, cho nên bản của ông Ngụy cũng chưa phải là hoàn thiện). Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư phê bình ông Ngụy đã

tùy tiện dựa theo ý mình, sửa chữa văn tự trong kinh văn. Chuyện này, lúc chúng tôi mới học kinh giáo với thầy Lý tại Đài Trung, thầy có nêu lên vấn đề này. Ông ta sửa có khéo hay không? Sửa thật khéo lắm, nhưng cũng là tạo ra tiền lệ. Quý vị thấy Vương Long Thư đã lập ra tiền lệ này, Ngụy Mặc Thâm lại noi theo lệ ấy, đáng sợ quá! Sợ là sẽ tạo thành [tiền lệ] cho những kẻ chưa đạt trình độ như vậy, chưa có cảnh giới này, sẽ mặc sức sửa kinh. Vấn đề này nghiêm trọng lắm! Tiết bổn như chúng tôi vừa mới nói, đối với xã hội hiện tại rất cần thiết, vì người trong xã hội hiện tại chuộng đơn giản. Quý vị có một quyển kinh sách kích thước to như thế, người ta chẳng muốn đọc, mà cũng chẳng có thời gian đọc. Càng đơn giản càng hay, người ta càng ưa thích, đặc biệt là đối với phần tử tri thức. Do vậy, tôi cũng soạn tiết bổn, biên soạn tiết bổn cho kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo; đối với Đệ Tử Quy, tôi cũng soạn tiết bổn. Tiết bổn Thập Thiện Nghiệp Đạo của tôi đại khái chỉ có sáu trăm chữ, thuận tiện, mọi người đọc sẽ vui vẻ, lưu thông dễ dàng. Tôi còn có một tiết bổn nữa. Đó là tiết bổn cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông. Cuốn Giảng Nghĩa phân lượng rất lớn, tôi trích lấy những điều trọng yếu. Tôi đã từng giảng kinh Kim Cang một lần, hình như là giảng Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa Tiết Yếu, dùng cuốn tiết bổn này để giảng. Tiết bổn này cũng được lưu thông, có thể nói là rất thuận tiện cho người mới học. Quý vị muốn thâm

nhập hãy đọc nguyên bản. Trong thời đại hiện tại có nhu cầu này! Tiếp theo đó là nói đến bản hội tập này, giới thiệu nhân duyên khiến cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập. “Tiên sư Hạ Liên Cư lão cư sĩ”, thầy của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã qua đời, đã vãng sanh, nên gọi là “tiên sư” lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Trước hết, giới thiệu giản lược đức hạnh của lão cư sĩ. “Bi trí song vận”, cụ thật sự có lòng từ bi, có trí huệ. Chữ “song” () chỉ từ bi và trí huệ, tự hành, hóa tha, “vận” () là vận dụng để tự hành, dạy người. Điều này khá khó khăn! Có những người sẵn lòng từ bi nhưng thiếu trí huệ; có kẻ có trí huệ lại thiếu lòng từ bi, không chịu dạy người khác, đều chẳng hoàn bị. Có trí huệ lại chịu dạy người khác, Bồ Tát đấy! “Tông Thuyết câu thông”, Tông () là Thiền Tông, Thuyết () là Giáo Hạ. Nói đến Đại Thừa Phật pháp của Trung Quốc thì chính là Tông Môn và Giáo Hạ. Do vậy, bản thân Phật giáo được gọi là Tông, Giáo, chẳng liên quan gì đến [từ ngữ] “tôn giáo” như chúng ta nói trong hiện thời, nhất định phải biết điều này. Phật pháp tự xưng là Tông Giáo, Tông ở đây là Thiền Tông, còn gọi là Tông Môn, chín tông phái ngoài Thiền Tông đều gọi là Giáo Hạ. Vì sao nói như thế? Phương thức giáo học khác nhau! Thiền Tông là “ngộ hậu khởi tu” (sau khi đã ngộ,

sẽ tu). Khi chưa khai ngộ, chẳng xem kinh giáo, chẳng đọc kinh điển. Sau khi khai ngộ rồi mới xem kinh điển; còn Giáo Hạ dốc sức nơi kinh điển trước, đến cuối cùng là khai ngộ. Vì thế, đây là hai con đường [khác nhau]. Như vậy thì Thiền Tông thích ứng với căn tánh nào? Bậc thượng thượng căn, đó là đối tượng của Thiền, người thường không tu được, chúng ta phải hiểu điều này. Người tầm thường không tu Thiền được. Bởi lẽ, chẳng phải là bậc thượng thượng căn, nếu quý vị tham Thiền, tham suốt đời, vẫn gọi là tham uổng công. Quý vị chẳng khai ngộ! Nếu quý vị chẳng thể khai ngộ, sẽ chẳng thể liễu sanh tử. Nói cách khác, đáng luân hồi như thế nào thì vẫn luân hồi như thế ấy. Do vậy, lúc tôi mới học Phật, ba vị thầy đều cảnh cáo tôi đừng nên học Thiền Tông, quyết định không thể học theo Lục Tổ Đàn Kinh, chẳng thể học đòi ngài Huệ Năng. Họ thẳng thừng bảo tôi: “Anh không hội đủ điều kiện!” Thầy Phương giới thiệu Pháp Tướng Duy Thức và Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Thầy Lý giới thiệu Tịnh Độ và Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, đó là Giáo Hạ. Đối tượng của Giáo Hạ là ba căn thượng, trung, hạ, dốc sức nơi kinh điển, theo thứ tự tiến lên dần dần, giống như đi học, quý vị học từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, đến nghiên cứu sinh, từ từ tiến lên. [Đối tượng của] Thiền Tông là đứa trẻ thiên tài; nó chẳng cần đến Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, chẳng hề cần, có thể vào ngay ban nghiên cứu sinh, có bản lãnh này! Vì thế, thiếu bản lãnh này, chẳng thể học theo họ được! Đúng là chẳng thể tùy tiện học tập được! Vì thế, trong Phật pháp, giữa Thiền và Mật, Mật hay hơn Thiền một chút; đúng là nếu chẳng phải là bậc thượng thượng căn, sẽ chẳng đạt lợi ích nơi Thiền Tông. Mật cũng như vậy, nhưng Mật còn có thứ tự, trước hết học Hiển Giáo, Hiển Giáo có trình độ nhất định. Hiển Giáo là Giáo Hạ, có trình độ nhất định, phải tham gia khảo thí. Cũng có nghĩa là chưa đại triệt đại ngộ trong Hiển Giáo [sẽ chẳng thể học Mật]; đại triệt đại ngộ kiến tánh rồi, so ra, mức độ đại triệt đại ngộ thấp nhất phải là đại ngộ. Có tiểu ngộ, có đại ngộ. Nói cách khác, [người muốn tu Mật phải] đạt được tâm thanh tịnh. Đối với đại triệt đại ngộ, chúng ta dùng ngay tiêu chuẩn trong tựa đề kinh này: “Thanh tịnh bình đẳng giác”. Giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó là điều kiện của Thiền Tông, điều kiện

của Tông Môn. Trong Giáo Hạ, quý vị đắc thanh tịnh tâm, thưa quý vị, đắc thanh tịnh tâm là buông Kiến Tư phiền não xuống, chẳng còn chấp trước nữa, đương nhiên trí huệ mở mang, tâm thanh tịnh sanh trí huệ, đó gọi là "khai ngộ". Vẫn chưa phải là đại ngộ, nhưng nếu đã thật sự đắc thanh tịnh tâm, đoạn hết Kiến Tư phiền não, có thể học Mật được hay không? Có thể được! Nhưng vẫn chưa phải là học sinh chính thức của Mật Tông! Học sinh chính thức của Mật Tông còn phải nâng [cảnh giới] lên cao hơn một tầng nữa là đại ngộ, chưa phải là triệt ngộ, mà là đại ngộ. Đại ngộ là gì? Vẫn phải buông Trần Sa phiền não xuống, đối với hết

thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng phân biệt, đó là học sinh chính thức của Mật Tông, quý vị mới có tư cách học tập, chẳng dễ dàng đâu nhé! Người ấy đã đại ngộ, nhưng vẫn chưa triệt ngộ. Vì sao? Vẫn còn khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm tức là chưa phá vô minh phiền não. Chúng ta chọn lựa pháp môn, chính mình hiểu rõ ràng căn tánh của chính mình. Chọn sai là quý vị đã uống lầm thuốc! Bị mắc bệnh mà uống lầm thuốc, không chỉ chẳng trị hết bệnh, mà không chừng bệnh còn nặng hơn. Quý vị nói có phiền lắm không? Phật pháp là thuốc. Tám vạn bốn ngàn pháp môn giống như vào tiệm thuốc, thấy các món thuốc bày la liệt nhiều ngần ấy, quý vị có thể uống hết hay chăng? Có dám uống hay chăng? Chúng ta biết: Không có bác sĩ kê toa, chẳng dám uống, sợ uống vô là rồi đời! Vậy mà Phật pháp quý vị tùy tiện tu, chẳng sợ hay sao? Vì thế, trong kinh Đại Thừa, trong kinh Hoa Nghiêm có nói: "Phật pháp không có ai nói, dẫu là người trí cũng chẳng thể hiểu". Những vị tổ sư đại đức từ xưa giống như bác sĩ, hay giống như y tá, họ thông hiểu. Chúng ta muốn học Phật, hãy kiếm những người ấy. Họ thấy chúng ta thuộc căn tánh nào, sẽ giới thiệu cho chúng ta kinh điển nào; đấy là chuyện tất yếu, chính mình chớ nên tùy tiện mò mẫm. Do vậy, quý vị thấy: Trong sự học Phật, thầy là mấu chốt quyết định sự thành bại đối với sự tu học của quý vị trong một đời này. Nếu quý vị thật sự gặp được thiện tri thức hay một vị thầy thật sự tốt đẹp, quý vị sẽ chiếm tiện nghi rất lớn. Vì sao? Không đi theo đường vòng! Chính mình mắc bệnh, hãy tìm một bác sĩ giỏi, bác sĩ khám bệnh, kê toa, quý vị uống thuốc ấy vào, sẽ khỏi bệnh. Vì thế, thiện hữu trong Phật môn khó gặp gỡ! Chúng ta đến nơi đâu để cầu? Bất quá, trong hiện tại cũng chẳng có ai cầu! Vì sao? Ngay cả đối với cha mẹ mà cũng không hiếu thảo, chẳng cần đến họ, còn nói gì đến tôn trọng thầy? Phật pháp là giáo dục của thánh hiền, là giáo dục của bậc đại thánh đại hiền. Nếu quý vị không biết tôn sư trọng đạo, đến nơi đâu để cầu? Chẳng có chỗ nào để cầu! Nhà Phật thường nói: "Phật độ hữu duyên nhân", ai là người có duyên? Thưa chư vị, hiếu thuận phụ mẫu, tôn sư trọng đạo, kẻ ấy có duyên. Bất hiếu phụ mẫu, bất kính tôn trưởng, không coi trọng thánh đạo, vô duyên! Có gặp bậc thiện tri thức chân chánh cũng vô dụng. Vì sao? Quý vị chẳng thể tiếp nhận! Quý vị đọc kinh chẳng hiểu, hiểu lệch lạc ý nghĩa, chính mình suy tưởng kinh có ý nghĩa gì, nghe kinh cũng không hiểu. Vì thế, bài Khai Kinh Kệ đã nói rất hay: "Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa". Quý vị thiếu tâm tôn kính, thiếu tâm thành kính, nghe rồi sẽ hiểu vặn vẹo ý nghĩa, dùng phiền não tập khí của chính mình, dùng tri kiến bất chánh để giải thích kinh Phật, giải thích hoàn toàn sai bét. Học được mấy chục năm, cuối cùng bảo kinh Phật chẳng linh, lại còn hủy báng. Vì thế, thiện tri thức chân chánh suốt đời mong kiếm được truyền nhân. Thầy

pháp cho ta, ta phải truyền cho ai? Nếu không có truyền nhân, quý vị phải soạn sách, đem sở học và sở ngộ của ta viết thành sách, hòng lưu truyền sách ấy cho hậu thế, hòng truyền cho người hữu duyên trong đời sau. Chẳng dễ dàng! Quá khó khăn! Thầy Lý bảo tôi: Học trò kiếm thầy đã khó, mà thầy kiếm được một học trò để truyền pháp càng khó hơn, đến đâu để tìm? Chẳng thể nói học trò của thầy Lý không đông! Đông lắm! Tính toán dè đặt nhất cũng phải hơn năm mươi vạn người! Trong số đó, có mấy ai có thể truyền pháp của cụ? Người vãng sanh thì có, người vãng sanh không ít, niệm Phật vãng sanh; kẻ thật sự truyền pháp ít lắm! Khó quá! Người thật sự truyền pháp phải hội đủ điều kiện như Ấn Quang đại sư đã dạy: Đối với thầy, một phần thành kính, được một phần lợi ích; hai phần thành kính, được hai phần lợi ích; mười phần thành kính, quý vị phải mười phần lợi ích. Chẳng thành kính, quý vị nghe suốt một trăm năm ở nơi đó cũng chẳng có lợi ích, mấu chốt ở chỗ này. Thành kính do đâu mà có? Thành kính là Tánh Đức, từ hiếu dưỡng phụ mẫu sanh ra. Dùng tâm hiếu dưỡng cha mẹ để đối đãi thầy, đó là tôn sư trọng đạo. Nếu đối với cha mẹ cũng chẳng hiếu thuận, vậy là xong luôn! Học Phật suốt đời này, chẳng có lợi ích gì, [chỉ là] gieo chủng tử Phật pháp trong A Lại Da Thức, chẳng thể thành tựu trong một đời này. Chúng ta nghe lời này, rất kinh sợ, chẳng thể thành tựu thì làm thế nào đây? Khéo sao có duyên phận đặc biệt với pháp môn Tịnh Tông! Quý vị phải thật sự học, sám trừ nghiệp chướng, khi còn có một hơi thở, tới cuối cùng một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh. Đây là chỗ thù thắng trong Tịnh Tông. Do vậy, tại Đài Trung Liên Xã, chúng tôi thấy quả thật có không ít liên hữu vãng sanh. Tính toán dè dặt nhất thì thầy Lý giảng kinh, dạy học tại Đài Trung ba mươi tám năm, người theo cụ niệm Phật vãng sanh Cực Lạc thế giới, thật sự vãng sanh, tôi phỏng đoán phải hơn năm trăm người! Công đức này thù thắng, thật sự khó có, khá lắm! Do vậy, Phật pháp là sư đạo. Sư đạo nhất định lấy hiếu đạo làm cơ sở. Quý vị thấy Tịnh Nghiệp Tam Phước đã nói rất rõ ràng! Câu đầu tiên là “hiếu dưỡng phụ mẫu”, câu thứ hai là “phụng sự sư trưởng”, “từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp”, đấy là điều kiện cơ bản để vào Phật môn. Quý vị phải thực hiện bốn câu này thì mới có thể trở thành một đệ tử Phật thật sự. Nói cách khác, đối với kinh Phật, quý vị có thể tin, có thể hiểu, đó là thiện căn của quý vị. Quý vị có thể y giáo phụng hành, đó là phước đức. Quý vị có thể hành, có thể chứng, vãng sanh là chứng quả, bất luận ba bậc chín phẩm, dẫu là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, quý vị cũng chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo. Vì sao? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, không một ai chẳng viên thành Phật đạo trong một đời. Chúng ta nghiệp chướng nặng nề, sám trừ như thế nào? “Sám trừ” là sửa đổi. Kinh

điển là tiêu chuẩn [để biện định] thị phi, thiện ác, bắt đầu học từ chỗ nào? Đức Thế Tôn chỉ dạy chúng ta, bắt đầu bằng Thập Thiện Nghiệp Đạo. Ngẫu Ích đại sư có soạn tiết bổn cho Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh, dài hơn tiết bổn của tôi, hãy dùng [kinh này] để sửa lỗi, đổi mới, rất thực dụng! Trên thực tế, trong những năm qua, ba món căn bản của Nho, Thích, Đạo do chúng tôi đề xướng là có căn cứ hay không? Có phải là bịa đặt, đồn thổi hay không? Có căn cứ! Căn cứ gì vậy? Căn cứ theo điều thứ nhất của Tịnh Nghiệp Tam Phước. Hiếu dưỡng phụ mẫu bằng cách nào? Phụng sự sư trưởng bằng

cách nào? Chúng ta thi hành Đệ Tử Quy. Một trăm mười ba điều trong Đệ Tử Quy đều là hiếu thân tôn sư (hiếu thảo đối với cha mẹ, tôn trọng thầy), xuất phát từ Tịnh Nghiệp Tam Phước. Đối với từ tâm chẳng giết, chúng ta bèn thực hiện Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo Gia, [do sách ấy] giảng nhân quả, giáo dục. Để thực hiện câu cuối cùng, chúng ta tu Thập Thiện Nghiệp. Do vậy, chúng ta thi hành ba món căn bản của Nho, Thích, Đạo, đấy là dựa trên điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước. Trước hết, quý vị thi hành ba món căn bản, sau đấy mới có thể nhập Phật môn, mới có thể thật sự tiếp nhận Tam Quy, Ngũ Giới. Điều thứ hai là "thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi". Trong điều này, chuyện rất tuyệt vời là trọn đủ các giới, "trọn đủ" là chẳng thiếu một điều nào. Trong Tiểu Thừa có bao nhiêu điều? Ba ngàn oai nghi, tức ba ngàn điều; Đại Thừa có bao nhiêu điều? Tám vạn bốn ngàn oai nghi, Bồ Tát mà! Tận thiện, tận mỹ. Nhiều điều như thế, do đâu mà có? Thưa quý vị, từ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp triển khai. Tám vạn bốn ngàn oai nghi Bồ Tát quy nạp lại sẽ là ba thứ này, mà triển khai ra sẽ nhiều như thế đó. Có một lần ở Úc, tôi phỏng vấn Do Thái Giáo, trưởng lão Do Thái Giáo bảo tôi: Họ có sáu trăm điều giới luật. Tôi nghe xong rất hoan hỷ, tôi cũng mời ông ta giới thiệu cho tôi, mời họ tới học viện của chúng ta giảng về môn này để chúng ta học tập khuôn mẫu sống. Cụ Hạ "Tông Thuyết câu thông" tức là Tông Môn lẫn Giáo Hạ đều thông, chữ "thông" này chẳng dễ dàng! Trong câu trước, "bi trí song vận" là nói đến đức hạnh của cụ, "Tông Thuyết câu thông" là nói về học vấn. "Viên dung hiển mật, Thiền Tịnh ư nhất tâm" (viên dung Hiển Mật, Thiền Tịnh trong một tâm) là nói về công phu và cảnh giới của cụ. Hiển Giáo, Mật Giáo, Thiền Tông, Tịnh Độ, bốn chữ này bao quát hết thảy những pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, chẳng sót thứ gì, viên dung trong nhất tâm. Tuy là như thế, lão nhân gia "chuyên hoằng Trì Danh Niệm Phật nhiếp vạn đức" (chuyên hoằng dương pháp môn Trì Danh Niệm Phật nhiếp thâu muôn đức), đây là nói cụ phát đại Bồ Đề tâm phổ độ hết thảy chúng sanh, dùng phương pháp gì? Dùng Tịnh Độ, dùng phương pháp Trì Danh Niệm Phật trong Tịnh Độ. Phương pháp này từ đâu ra? Từ

kinh Vô Lượng Thọ, từ kinh Di Đà, từ phép Quán thứ mười sáu trong kinh Thập Lục Quán. Phép Quán thứ mười sáu là trì danh niệm Phật. Những cách khác gồm có Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Quán Tưởng Niệm Phật, đến cuối cùng là nói Trì Danh Niệm Phật, Trì Danh là phương tiện rốt ráo. Đây là Hạ lão cư sĩ từ bi đến tột cùng, cụ dùng pháp môn này để nhiếp vạn đức. Vạn đức là trí huệ và đức tướng xứng tánh nơi quả địa Như Lai. "Vị hoằng Tịnh Tông, cố nguyện thử Tịnh Tông đệ nhất chi kinh, phá trần sanh quang" (vì hoằng dương Tịnh Tông, nên nguyện khiến cho bộ kinh đệ nhất trong Tịnh Tông này được tan bụi, tỏa sáng). "Phá trần sanh quang" là tỷ dụ, do mong muốn bộ kinh bậc nhất của Tịnh Tông nhất định phải có bản tốt nhất, có một bản tiêu chuẩn, cho nên phải hội tập lần nữa. Hai lần hội tập trước kia đều có tỳ vết, có sai lầm, dẫu hay nhưng chưa viên mãn. Đó là điều đáng tiếc nuối, cho nên lão nhân gia phát tâm hội tập lần nữa. "Ký thử vô thượng chi điển, nhiêu ích đương lai" (mong cho cuốn kinh vô thượng này lợi lạc mai sau). Trong tương lai, hãy còn có chín ngàn năm nữa, thời Mạt Pháp là một vạn năm. Kẻ học Phật chúng ta chẳng thể không biết pháp vận của đức Phật, rất nhiều người nói tới ngày tận thế, trong Phật pháp

không có cách nói này. Pháp vận của Phật hãy còn chín ngàn năm nữa. Những năm qua, tôi đã lớn tuổi, trí nhớ chẳng tốt lắm; trước kia, tôi nhớ rất rõ ràng, các vị trẻ tuổi hãy kiểm xem, theo ghi chép của người Trung Quốc, từ các trước tác của cổ nhân sẽ có thể tra ra, từ lúc Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cho đến hiện tại, tôi nhớ hình như là ba ngàn ba mươi mấy năm, cụ thể là ba mươi mấy năm thì các vị hãy kiểm xem. Trong Niên Phổ của lão hòa thượng Hư Vân có nói ba ngàn ba mươi mấy năm. Pháp vận của Phật: Chánh Pháp là một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, hiện thời đã qua hai ngàn năm, sau đó, còn có Mạt Pháp một vạn năm. Một vạn năm mới trải qua một ngàn lẻ ba mươi mấy năm, cho nên thời gian về sau vẫn còn dài, lẽ nào có ngày diệt vong? Trong thời kỳ Mạt Pháp dài như thế, Phật pháp có hưng, có suy, xưa kia Chương Gia đại sư đã bảo với tôi chuyện này. Ngài bảo tôi: Hiện tại Phật pháp đã suy đến chỗ cùng cực, nhưng chớ sợ, sẽ hưng khởi, Phật pháp sẽ lại hưng khởi, có hưng, suy, nhưng chẳng diệt. Tới khi nào sẽ diệt? Chín ngàn năm sau, Phật pháp thật sự diệt. Chúng ta tin đức Phật chẳng vọng ngữ, Như Lai là đấng chân ngữ, đấng thật ngữ, đấng như ngữ, đấng không nói dối, chúng ta tin tưởng Ngài. Vì thế, cụ Hạ mong bộ kinh này có được một bản tiêu chuẩn hoàn thiện vô cùng tốt đẹp. Bản này sẽ lợi lạc tương lai trong khắp chín ngàn năm sau. Pháp môn nào, kinh điển nào khế cơ nhất? Phải là bộ kinh này. Trong bộ kinh này, từng câu, từng chữ đều do đức Phật nói, chẳng giả tí nào. Bản dịch gốc được dịch từ tiếng Phạn, trong bản tiếng Phạn có rất nhiều chỗ khác

nhau, cho thấy Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phải chỉ tuyên giảng kinh này một lần, mà là tuyên giảng nhiều lần. Nhìn từ năm bản dịch gốc, tối thiểu là ba lần tuyên giảng. Chúng ta bị thất truyền bảy bản, chẳng thấy nữa. Nếu cả bảy bản ấy hãy còn, có phải là còn có những chỗ chẳng giống nhau hay không? Quý vị có thể tìm thấy [bằng cớ chứng tỏ] kinh này đã được giảng hơn ba lần. Đây là đức Thế Tôn vô tận từ bi, chúng ta có hiểu rõ mới có thể sanh tâm cảm ơn. Chẳng do pháp môn này, chúng ta sẽ chẳng thể đắc độ, chắc chắn là vậy! Chúng ta có thể sanh lên trời, nhưng không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Thoát lục đạo luân hồi rất khó, đoạn Kiến Tư phiền não chẳng dễ dàng [đoạn trừ]. Chẳng đoạn Kiến Tư, quý vị chẳng thoát khỏi luân hồi. Sanh lên trời thì có ai đã chưa từng sanh lên trời? Tất cả chúng sanh trên quả địa cầu này, quý vị nghĩ xem có ai chưa từng sanh lên trời? Trong quá khứ đều đã ở trên trời, hưởng hết phước trời, nghiệp chướng hiện tiền, lại đọa xuống, chuyện là như thế đó! Lên lên xuống xuống trong lục đạo! Có người nào chẳng từng đọa địa ngục? Có chứ, trong các đồng học học Phật của chúng ta có [người đã đọa địa ngục], làm sao biết? Do thôi miên nên biết. Người ấy được chuyên viên thôi miên đến mức độ sâu, rồi hỏi: “Bạn đang ở đâu?” Trong địa ngục. Trạng huống của địa ngục khổ vô cùng, chịu khổ trong địa ngục. Người ấy đi vào địa ngục, mà cũng lên thiên đường, thật đấy! Trong lục đạo, đường nào người ấy cũng đều đã từng trải; cho nên chẳng có chi là lạ lùng, hiếm có cả! Liễu giải chân tướng sự thật này. Quý vị biết con người có chết hay không? Không chết, mà là luân hồi trong lục đạo. Cái thân xác thịt sanh tử, nhục thân có sanh diệt, đây là một hiện tượng bình thường, linh hồn (thần thức) bất diệt. Thưa quý vị, linh hồn là mê, khi mê gọi là linh hồn; hễ giác ngộ chẳng gọi là linh hồn, mà gọi là “linh tánh”, linh tánh bất diệt. Chưa thoát khỏi lục đạo thì gọi là linh hồn, vượt thoát lục đạo bèn gọi là linh tánh, đó là

ai? Từ bậc A La Hán trở lên. Chỉ cần quý vị thoát khỏi lục đạo luân hồi, bèn là A La Hán. A La Hán được gọi là linh tánh, chẳng mê; cho nên A La Hán đắc Chánh Giác. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là mục tiêu chung và duy nhất của người học Phật chúng ta, học Phật để mong đạt được gì? Đạt được điều này. Dịch sang nghĩa tiếng Hán, [A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề] là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A La Hán đắc Chánh Giác, Bồ Tát đắc cao hơn, Chánh Đẳng Chánh Giác. Sở đắc của Phật có thêm Vô Thượng, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vượt thoát mười pháp giới, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, chúng ta cũng thường gọi cảnh giới ấy là Nhất Chân pháp giới. Bồ Tát vẫn thuộc trong tứ thánh pháp giới của mười pháp giới.

Đây là nói rõ với chúng ta: Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật hãy còn chín ngàn năm nữa. Chín ngàn năm sau, khi thế gian này không còn Phật pháp, thật là khổ! Phật, Bồ Tát chẳng bỏ chúng sanh khổ nạn, cho đến lúc này, dù Phật, Bồ Tát chẳng hiện, vẫn có một vị đại diện. Tôi nghĩ vị này chư vị đều biết: Địa Tạng Vương Bồ Tát! Ngài thay Phật hóa độ chúng sanh, đại diện cho Phật, mãi cho đến khi đức Phật kế tiếp xuất thế. Đức Phật kế tiếp là Di Lặc Bồ Tát. Hiện thời có rất nhiều lời đồn đại Di Lặc Bồ Tát đã giáng hạ. Thưa quý vị, giả trất, chẳng thể tin tưởng được! Di Lặc Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này là chuyện bình thường, chẳng hiếm lạ tí nào! Trong các truyện ký của Phật môn Trung Quốc đã ghi chép rất rõ ràng, Bố Đại Hòa Thượng là Di Lặc Bồ Tát hóa thân vào thời Tống. Nay chúng ta thờ tượng Bố Đại Hòa Thượng chính là thờ hóa thân của Di Lặc Bồ Tát. Chúng ta thấy Di Lặc Bồ Tát ở Tây Tạng, hoặc thấy tượng Di Lặc Bồ Tát của Phật Giáo Nam Truyền (Phật Giáo Nam Tông, Theravada), Ngài có hình dáng giống như Quán Thế Âm Bồ Tát, gầy nhom, chẳng phải là dáng vẻ [mập mạp này]. Do Ngài thị hiện tại Trung Quốc dùng hình dạng Bố Đại Hòa Thượng, nên dùng hình dáng ấy để tạc tượng. Theo truyện ký ghi chép, một hóa thân khác là Phó Đại Sĩ vào đời Đường, hiện thân cư sĩ, đó là Di Lặc Bồ Tát tái lai. Phật, Bồ Tát thường đến ứng hóa trong thế gian, nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy. Nói Di Lặc Bồ Tát chưởng quản thiên bàn28, hay Di Lặc Bồ Tát giáng hạ nhân gian làm Phật, đều là giả. Di Lặc Bồ Tát sẽ giáng sanh cõi nhân gian làm Phật vào lúc nào? Trong Di Lặc Hạ Sanh Kinh29 đã nói rất rõ ràng: Năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau. Trong thời gian không có Phật xuất thế, Địa Tạng Bồ Tát thay mặt. Chúng ta nhất định phải căn cứ trên những điều kinh điển đã ghi chép, đó là thật, chẳng phải giả. Do Phật pháp còn có thời gian [tồn tại] dài như thế, trong thời kỳ Mạt Pháp, pháp môn này sẽ dần dần biến thành pháp môn chánh yếu. Vì sao? Các pháp môn khác tuy hay, nhưng chẳng hợp căn tánh, quý vị nương theo những pháp môn khác tu học hết sức khó khăn, rất khó thành tựu, nên Tịnh Tông biến thành chủ yếu. Trở thành chủ yếu mà nếu không có một kinh điển tiêu chuẩn để chúng ta nương theo, đúng là rất đáng tiếc. Do vậy, mới có "cảm", cũng có nghĩa là nói do người tu hành trong chín ngàn năm của thời Mạt Pháp có nhu cầu, nhu cầu ấy là cảm, nên Phật, Bồ Tát có ứng. Sự "ứng" ấy chính là cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện trên thế gian. Do chúng sanh có cảm, Ngài tới ứng hóa. Ngài tới thế gian này để làm chuyện gì? Để làm chuyện này! Chúng ta hiểu rất rõ ràng. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ biết, nhưng tôi không biết, tôi thỉnh giáo cụ, tôi hỏi: "Rốt cuộc cụ Hạ là vị nào tái lai?"

Cụ Hoàng mỉm cười: “Hiện thời phải giữ kín, hiện thời chẳng thể nói được!” Chẳng thể nói, hiện thời cụ cũng đã khuất bóng rồi, tôi chẳng hỏi ai được! Chắc chắn [cụ Hạ] chẳng phải là phàm nhân. Quý vị hãy nghĩ xem: Vương

Long Thư có phải là phàm nhân hay không? Ngụy Mặc Thâm có phải là phàm nhân hay không? Phàm nhân không thể làm được! Cụ Hạ Liên Cư hội tập một bản viên mãn như vậy, chúng tôi suy đoán: Nếu cụ chẳng phải là A Di Đà Phật tái lai, nhất định là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai, mới có trí huệ, mới có đức năng để làm chuyện to lớn này! Điều này cũng giống như thầy Lý thường nói với chúng tôi: Nói theo Lý thì thông suốt, nhưng trên mặt Sự chưa có chứng cứ, nhưng nói theo Lý thì hợp lý. Lợi lạc tương lai, “nãi kế tiền hiền, trùng hành hội tập” (bèn kế tục tiền hiền, hội tập lần nữa). “Tiền hiền” là ba vị trước đó, trên thực tế là hai vị, tức Vương Long Thư và Ngụy Mặc Thâm, hội tập lần thứ ba. Đây là phiên bản thứ chín. Đoạn tiếp theo nói rõ tâm thái và những điều từng trải khi cụ Hạ hội tập lần nữa, cụ dùng tâm tư thái độ như thế nào? “Bình khí vạn duyên” (Ngăn bỏ muôn duyên), chúng ta thường nói là “buông xuống vạn duyên”, điều gì cũng đều buông xuống. “Yểm quan tam tái”, nghĩa là bế quan trong thời gian ba năm, dùng cách thức này để buông xuống hết thảy những thứ quấy nhiễu. Một mình, vì trong phần sau, cụ Hoàng có viết một câu: “Minh tâm cô nghệ” (lặng lẽ tiến hành một mình), đấy là chỉ có một người, không có đồng bạn. “Tịnh đàn kết giới” là cụ chân thành thực hiện công tác hội tập. Ba năm sau, hoàn thành bản thảo. Sau khi đã hoàn thành, “cảo kinh thập dịch”, nghĩa là trải qua mười lần sửa chữa, “phương khánh kinh thành” (mới mừng kinh đã được hội tập xong), kinh này mới thành tựu. Chẳng phải là ba năm bèn thành tựu, ba năm mới hoàn thành bản thảo đầu tiên, mất mười năm mới hoàn thành bản [hoàn thiện] này. Quý vị thấy Ngài rất nghiêm túc, đã biểu thị cho chúng ta thấy, biểu thị ý nghĩa gì vậy? Mười phần thành kính, bèn được mười phần lợi ích. Kinh này công đức viên mãn, chẳng thể có mảy may khinh mạn nào. Dùng cái tâm khinh mạn, chắc chắn quý vị chẳng thể làm thành công, chắc chắn có tỳ vết! Cụ Hạ hội tập chân thành như vậy, nay chúng ta thọ trì, cũng phải dùng tấm lòng chân thành như cụ Hạ để thọ trì mới đạt được lợi ích. Nếu chẳng có lòng chân thành như thế, quyển kinh bày ra trước mặt quý vị, đọc tụng mỗi ngày, chẳng có lợi ích! Chúng ta nhất định phải hiểu điều này! Vì sao chúng ta học Phật học lâu năm như thế mà vẫn cứ hời hợt, bộp chộp? Trong tâm lý vẫn đầy ắp tham, sân, si, mạn, nghi? Học Phật đã lâu năm như thế mà Ngũ Độc có giảm được vài phần hay chăng? Không có! Giống hệt như chẳng học Phật thì kể ra vẫn còn chưa sao, sợ nhất điều gì? Bản thân ta mỗi năm mỗi lớn tuổi, càng phiền toái hơn, phiền não tập khí càng ngày càng nặng! Nếu là tình huống như vậy, chính mình phải hiểu rõ: Chẳng tránh khỏi luân hồi. Luân hồi vào đâu? Đời sau ta còn có thể được làm thân người hay không? Vậy là phải hỏi quý vị, quý vị tu Thập Thiện Nghiệp ra sao? Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta, Trung Phẩm Thập

Thiện sẽ được làm thân người, đời sau vẫn được làm người. Quý vị hãy tự suy nghĩ: Hãy dựa vào lương tâm của quý vị để chấm điểm Thập Thiện Nghiệp Đạo của bản thân, có được bảy mươi hay tám mươi điểm hay không? Có thể chấm đến bảy mươi, tám mươi điểm, đời sau quý vị chẳng mất thân người. Nếu nói ta chỉ được năm mươi điểm, chẳng chắc ăn! Cơ duyên đọa lạc vô cùng nhiều! Nếu đạt điểm trọn vẹn, sẽ là Dục Giới

Thiên, đại đa số sanh về đâu? Lên trời Đao Lợi. Trời Đao Lợi thì phải được trọn điểm. Thực hiện Thập Thiện Nghiệp bằng cách nào? Đệ Tử Quy! Đệ Tử Quy là bước đầu thực hiện Thập Thiện Nghiệp. Một trăm mười ba điều của Đệ Tử Quy, quý vị có làm được hay không? Từ chỗ này mà suy nghĩ, quý vị sẽ run sợ, vì sao? Nếu chẳng thể vãng sanh, vẫn phải tiếp tục luân hồi, cơ duyên tam ác đạo quá nhiều! Duyên trong ba thiện đạo quá mỏng, làm thế nào đây? Đáng sợ hay chăng? Đáng sợ! Có thể sửa đổi hay không? Vẫn chẳng thay đổi thì có sợ cũng vô dụng! So với pháp sư Oánh Kha đời Tống, chúng ta kém xa! Người ta quả thật là kẻ xuất gia, phá giới, hủy phạm Thanh Quy, tự biết do khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi của chính mình chắc chắn sẽ đọa địa ngục. Sư sợ, biết địa ngục khổ não, hỏi đồng tham đạo hữu có phương pháp nào cứu giúp hay không? Bạn đồng học cũng tuyệt lắm, tặng Sư một quyển Vãng Sanh Truyện, bảo Sư tự xem. Sư đọc bèn cảm động, cứ xem một bài, lại đau đớn khóc ròng, tâm sám hối nẩy sanh, hạ quyết tâm bế quan niệm Phật, ba ngày ba đêm chẳng ngủ, chẳng ăn, chẳng nghỉ ngơi, một câu Phật hiệu chân thành niệm đến cùng. Vì lẽ gì? Sợ nỗi khổ địa ngục! Cầu cứu mạng nên thật sự thực hiện. Ba ngày ba đêm niệm được A Di Đà Phật hiện đến. A Di Đà Phật thật sự từ bi, quý vị thật sự tu, Ngài sẽ thật sự quan tâm chăm sóc quý vị. A Di Đà Phật hiện đến bảo Sư: "Ông còn thọ mười năm nữa, hãy gắng niệm Phật. Chờ tới khi ông đã hết tuổi thọ, ta sẽ đến tiếp dẫn ông". Oánh Kha nghe xong bèn xin với A Di Đà Phật, Sư nói: "Con chẳng cần mười năm thọ mạng. Nếu con sống thêm mười năm nữa, bản thân con không chống nổi dụ dỗ, mê hoặc, chẳng biết sẽ tạo bao nhiêu tội nghiệp, con chẳng cần mười năm thọ mạng, nay con đi theo Ngài". A Di Đà Phật thông tình đạt lý, bảo Sư: "Được! Ba ngày sau ta đến đón ông". Sư vui sướng, mở toang cửa phòng, bảo đại chúng: "Tôi niệm A Di Đà Phật ba ngày, cảm Phật hiện đến. Ba ngày nữa A Di Đà Phật sẽ tiếp dẫn tôi vãng sanh". Đồng tham đạo hữu trong chùa ai nấy đều cảm thấy rất ngạc nhiên: "Thời gian ba ngày coi bộ chẳng dài, xem ngươi ba ngày sau có vãng sanh hay không?" Nhưng nghe ra lời lẽ của ông ta chẳng giống như gạt người, dường như là thật sự có chuyện như vậy. Tới ngày thứ ba, Sư yêu cầu đại chúng niệm Phật đưa Sư vãng sanh; đương nhiên đại chúng vui vẻ, được rồi, đều niệm Phật hồi hướng cho ông ta. Niệm Phật chưa đầy một khắc, Sư bảo mọi người: "A Di Đà Phật tới

rồi, tôi thấy Ngài đón tôi đi" liền tịch, thật sự đi. Kinh Di Đà có nói: "Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày", là thật, chẳng giả. Pháp sư Oánh Kha biểu diễn cho chúng ta xem, thật sự sợ khổ địa ngục, buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, lập tức vãng sanh. Thọ mạng bao nhiêu cũng chẳng cần, ở trong thế gian này đều là tạo nghiệp! Chỉ cần bản thân chúng ta buông xuống, vứt bỏ muôn duyên, thật sự làm! Ba năm trước, có một vị cư sĩ ở Thâm Quyến, là một người còn trẻ, ba mươi mấy tuổi, tức ông Hoàng Trung Xương, nghe trong Vãng Sanh Truyện có nói: "Niệm Phật ba năm bèn có thể vãng sanh", ông ta bế quan coi thử ba năm có thể thành tựu hay không? Ở trong quan phòng hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng nữa mới mãn thời hạn, ông ta liền biết trước lúc mất, vãng sanh, cũng không sanh bệnh. Sau khi hỏa táng, lưu lại xá-lợi, nay đang được thờ trong một tiểu đạo tràng tại Thâm Quyến, chứng minh cho chúng ta thấy [ba năm thành tựu] là thật, chẳng giả! Ba năm trong quan phòng, mỗi

ngày ông ta niệm kinh Vô Lượng Thọ một lần, ngoài ra, Phật hiệu chẳng gián đoạn. Phương pháp tôi đã dạy ông ta là phương pháp do pháp sư Đế Nhàn đã dạy người đồ đệ làm thợ vá nồi: Niệm mệt bèn nghỉ ngơi, chẳng phân biệt ngày hay đêm. Tỉnh dậy sẽ niệm tiếp, thật sự làm được "tâm vô nhị niệm", chỉ một câu A Di Đà Phật. Ông ta khác với người thợ vá nồi ở chỗ mỗi ngày niệm kinh Vô Lượng Thọ một lần, thêm vào một bộ kinh Vô Lượng Thọ, nhưng Phật hiệu chẳng gián đoạn, bèn thành công. Vãng sanh khó hay không? Chẳng khó! Vấn đề là quý vị có chịu buông xuống hay không, mấu chốt ở chỗ này! Vứt bỏ vạn duyên là câu mấu chốt, chỉ cần làm được câu này là được rồi! Vì thế, ở đây, bằng sáu câu, mỗi câu gồm bốn chữ, giới thiệu tâm thái và sự từng trải trong hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Sau khi kinh này được hoàn thành, bản [sửa chữa lần] thứ mười là bản hoàn thành, "thủ mông Tông Giáo câu triệt chi Huệ Minh lão pháp sư thủ trì hội bổn nhiếp ảnh ư Phật tiền, vị tác chứng minh" (trước hết, được lão pháp sư Huệ Minh là một vị thông triệt Tông lẫn Giáo, cầm bản hội tập chụp ảnh trước Phật đài để chứng minh). Lão hòa thượng Huệ Minh là một vị đại đức trong Phật môn thuở ấy. Trong bản in này không có [bức hình ấy]; khi tôi in [cuốn chú giải của cụ Hoàng] lần đầu, phía trước có bức ảnh lão pháp sư Huệ Minh tay nâng cuốn sách này chụp hình trước Phật đài để chứng minh. Bức hình này rất dễ tìm, chúng tôi in ra với số lượng khá nhiều. "Luật Tông đại đức Từ Châu lão pháp sư kế chi, chuyên giảng thử kinh ư Tế Nam, tịnh thân vi khoa phán" (Tiếp đó, bậc đại đức trong Luật Tông là lão pháp sư Từ Châu chuyên giảng kinh này ở Tế Nam, lại còn đích thân viết khoa phán). Khoa phán là phân định kết cấu, đề cương, và những chủ điểm trong một bộ kinh, nay chúng ta nói là phân đoạn, chia thành tầng lớp rõ ràng để giải thích bộ kinh

này. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có tặng tôi bản khoa phán này của lão pháp sư Từ Châu, chẳng phải là tặng bản gốc, mà là bản sao chụp, tôi cất giữ tại Úc. Đọc khoa phán, ta thấy: Thuở ấy, pháp sư Từ Châu giảng kinh này tại Tế Nam chẳng phải là giảng bằng bản hiện thời. Bản hiện tại là bản hoàn thiện đã được hiệu đính trong lần tu chỉnh thứ mười, [bản do ngài Từ Châu sử dụng] chính là bản trước của bản hiện tại. Vì sao? Chúng ta xem bản hiện thời, cụ Hạ chia ra chương tiết, nhà Phật gọi là phẩm, [bản hiện thời] có bốn mươi tám phẩm, còn bản do pháp sư Từ Châu đã dùng thuở ấy gồm ba mươi bảy phẩm, tức là toàn bộ bản kinh được chia thành ba mươi bảy phẩm. Vì vậy, cũng biết đấy chẳng phải là bản cuối cùng. Tôi dựa theo bản khoa phán của Ngài, lấy nó làm gốc để soạn một bản khoa phán rất tỉ mỉ, bản ấy đã được chỉnh lý hoàn thiện, tức là bản [khoa phán dựa trên bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ gồm] bốn mươi tám phẩm. Chúng ta có cuốn Khoa Hội được lưu thông rất rộng. Sau khi tôi viết xong, đã tặng một quyển cho lão cư sĩ Triệu Phác Sơ. Cụ Triệu trông thấy, hết sức vui vẻ, bảo kinh Vô Lượng Thọ nói chung đã được hoàn thiện. Quý vị thấy: Có bản hội tập, có chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ, tôi có giảng ký, vì trong quá khứ, tôi đã giảng mười lần. Có giảng ký, lại có khoa phán tỉ mỉ như vậy, cụ nói bộ kinh này điều gì cũng đều trọn vẹn, vui vẻ vô hạn! Chúng ta đọc tiếp: "Tiên cữu phụ Mai lão cư sĩ" (người cậu đã khuất của tôi là Mai lão cư sĩ), tức lão cư sĩ Mai Quang Hy. Mai lão cư sĩ là thầy của thầy Lý Bỉnh Nam, chúng tôi gọi cụ là "sư ông". Cụ Lý Bỉnh Nam học Phật pháp với Mai lão cư sĩ, có quan hệ thầy trò. "Tại trung ương quảng bá điện đài, bá giảng thử kinh, xưng chi vi tối

thiện chi bổn” (truyền giảng kinh này trên đài phát thanh Trung Ương, gọi bản này là bản hoàn thiện nhất). So với hai bản hội tập trước kia, bản này là hoàn thiện. Nói cách khác, trong bản này, không tìm được tỳ vết nào. “Hậu phục ư kinh tự trung tán viết” (sau đấy, trong phần lời tựa của kinh này, cụ lại ca ngợi rằng), cụ Mai có viết một bài tựa rất dài để giới thiệu bộ kinh này với đại chúng. Bài tựa này hay vô cùng, trong ấy có những câu như thế này: “Tinh đáng minh xác, tạc nhiên hữu cứ” (tinh yếu, thỏa đáng, rõ ràng, xác thực, rành rành là có căn cứ). “Tinh” là tinh yếu, “đáng” là thỏa đáng, “minh” là minh bạch, “xác” là xác thực. Sau khi quý vị đọc [lời tựa và bản kinh này], từng câu, từng chữ đều khẳng định, quý vị sẽ không nghi hoặc. “Tạc nhiên hữu cứ” là dựa theo năm bản dịch gốc, không hề sửa đổi mảy may, ngay cả tên kinh cũng chẳng sửa đổi. Tựa đề của kinh cũng là hội tập, đến phần sau chúng ta sẽ thấy. “Vô nhất nghĩa bất tại nguyên dịch chi trung, vô nhất cú dật xuất bổn kinh chi ngoại” (không nghĩa nào chẳng có trong bản dịch gốc, không một câu nào vượt ngoài nguyên văn), hai câu này [cho thấy bản hội này] đã sửa trừ

khuyết điểm trong hai bản hội tập trước đó, quả thật đã tùy thuận cách dịch, tự mình chẳng dùng ý kiến của chính mình để sửa đổi một chữ nào. “Gian sáp trầm hối” (khó khăn, trúc trắc, nặng nề, tối nghĩa), đây là nói về những chỗ trong bản dịch gốc, “gian” () là gian nan, rất khó đọc, “sáp” () là khó hiểu, “trầm” () là quá sâu, “hối” () cũng là không dễ gì hiểu rõ, trong các bản dịch gốc có [những khuyết điểm này]. Đây là lý do vì sao kinh này chẳng được lưu thông rộng rãi; đó là vì khi phiên dịch đã dùng những văn tự như thế, quả thật cụ Hoàng đã miêu tả khá chính xác, “gian sáp trầm hối”. Quý vị đọc các bản dịch gốc sẽ nhận thấy khó hiểu lắm! Còn bản của cụ Hạ thì sao? “Sử chi sảng lãng” (khiến cho trôi chảy, rõ ràng), cụ Hạ gạt bỏ những chỗ [gian, sáp, trầm, hối] này! Đây là “thủ, xả” (lấy hay bỏ, tức là chọn phần nào để giữ lại trong bản hội tập, phần nào bỏ đi), là sự chọn lựa, cân nhắc trong khi hội tập. Phàm những chỗ nào khó khăn, tối nghĩa, trúc trắc, cụ không dùng, cụ chọn lấy những chỗ rất sáng sủa, trôi chảy, khiến quý vị đọc sẽ thấy rất thoải mái. Như trong hiện tại, chúng ta đọc bản này, quý vị đọc thấy thoải mái lắm, không cảm thấy kinh văn quá sâu, mà cũng chẳng khó hiểu, ý nghĩa đều rất rõ rệt, không có chỗ nào tối nghĩa. Điều này khó có lắm! “Phiền phức trầm mạn” (rườm rà, trùng lặp, lan man), chúng ta gọi điều này là “cà kê, rườm rà, trùng lặp”, vì người Ấn Độ thích lặp đi, lặp lại, không như người Hoa, người Hoa chuộng đơn giản, dễ hiểu, còn người ngoại quốc chuộng lặp đi, lặp lại. Lặp đi, lặp lại cũng có lợi, vì sao? Khiến cho quý vị nhớ sâu hơn; do vậy, nó cũng có lợi. Người Hoa từ xưa tới nay đòi hỏi “giản yếu tường minh”, tức là ngôn ngữ văn tự đều phải tuân theo nguyên tắc sau đây: Phải đơn giản, nêu lên được ý nghĩa chánh yếu, cốt lõi, lại còn rõ ràng, vừa phải dễ hiểu. “Giản yếu tường minh” là vừa chi tiết, vừa rõ ràng, phải hội đủ bốn tiêu chuẩn này. Vì thế, khi đọc những thứ của Trung Quốc có thể đọc nhiều, chứ đọc kinh Phật rất khó. Trong toàn bộ Đại Tạng kinh, những chỗ “gian sáp trầm hối, phiền phức trầm mạn” (khó hiểu, trúc trắc, nặng nề, tối nghĩa, rườm rà, trùng lặp, lan man) được nhắc đến ở đây đúng là rất nhiều! Bản hội tập của cụ Hạ “quy ư giản khiết” ([biến đổi những chỗ nặng nề ấy] trở nên đơn giản, rõ ràng), “Lăng loạn tỷ thành chỉnh nghiêm”, tức là cụ Hạ đã điều chỉnh, rút gọn [những chỗ luộm thuộm, rườm rà].

“Khuyết sơ tất linh viên mãn” (khiến cho những chỗ thiếu sót được viên mãn): Những chỗ khiếm khuyết, cụ bèn sắp xếp, bổ sung ý nghĩa, khiến cho [độc giả] đọc đến sẽ thấy ý nghĩa viên mãn. Công việc này chẳng dễ thực hiện, lão nhân gia làm suốt mười năm, chẳng phải là hội tập cẩu thả, hời hợt, mà suốt mười năm, mỗi ngày đều nghiên cứu và tu đính.

“Tất kỳ hữu mỹ giai bị, vô đế bất thâu... Tuy dục bất vị chi thiện bổn, bất khả đắc dã” (Ắt mong cho mọi điều đẹp đẽ đều được hoàn bị, không điều chân thật nào chẳng bao gồm... Dù chẳng muốn bảo là bản văn chẳng hoàn thiện cũng không thể được). Đây là lời đại sĩ Mai Quang Hy đánh giá bản hội tập này. Cụ Hạ hội tập quá khéo, quả thật là do năm bản dịch gốc ghép lại; quý vị thấy bản này hay lắm, mà nay còn có kẻ hoài nghi, đó là gì? Đó là nghiệp chướng, kẻ ấy có chướng ngại, phiền não, tập khí, chẳng liễu giải bi trí hoằng nguyện của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Người ta đến thế gian này để làm gì? Đến để thị hiện: Tốn thời gian suốt mười năm nơi bộ kinh này, để làm chuyện [hội tập] này, đến để thị hiện. Cụ biết pháp môn này, bộ kinh này, trong thời gian dài đến chín ngàn năm sau như thế, sẽ khiến cho vô số chúng sanh do pháp môn này mà đắc độ. Đây là bản kinh tiêu chuẩn. Cụ vì chúng ta làm chuyện này, khó có ngần ấy, hy hữu dường ấy, chúng ta đã biết thì phải tri ân. Có tri ân, quý vị mới biết báo ân. Chúng ta dùng gì để báo ân? Y giáo phụng hành, trong một đời này, quyết định vãng sanh Tịnh Độ, đến thế giới Cực Lạc gặp cụ Hạ Liên Cư, đó là báo ân cụ đã tiếp dẫn chúng ta. “Ư thị, tiên sư hội bổn vấn thế dĩ lai, bất hĩnh nhi tẩu” (do vậy, từ khi bản hội tập của tiên sư ra đời, không chân mà đi khắp chốn), “hĩnh” () là bắp chân (phần từ đầu gối xuống đến bàn chân). Không có chân mà đi được, có nghĩa là được truyền bá rất nhanh. Thật ra, cũng chẳng phải là chuyện đơn giản như thế. Hoàng lão cư sĩ bảo tôi: “Thầy tôi là cụ Hạ Liên Cư bảo trong tương lai, bản hội tập này sẽ từ hải ngoại truyền vào trong nước”. Trong lúc đó, mọi người bọn họ đều cảm thấy chẳng biết nói sao, làm sao có thể như thế được? Sau này gặp tôi, thật sự là từ hải ngoại truyền vào trong nước! Chúng tôi là người đầu tiên hoằng dương tại hải ngoại, chỉ có hai ba bản đưa về Đài Loan. Thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam nhận được, đọc lời tựa do thầy mình là cụ Mai Quang Hy viết dài như vậy ở đầu sách, cho nên hết sức nghiêm túc học tập. Do vậy, cụ bắt đầu giảng kinh này tại Đài Trung, giảng bằng bản này, cụ có viết lời mi chú. Khi lão nhân gia bắt đầu giảng bản này tại Đài Trung, tôi vẫn chưa học Phật; sau này, tôi đã học Phật, tới Đài Trung quen biết cụ, cụ tặng cho tôi bản ấy. Tôi đọc xong, hết sức hoan hỷ, thật đấy! Vì lời chú giải của cụ rất rõ ràng, phân đoạn rất rõ rệt, tôi đã toan giảng kinh này, nhưng cụ bảo thời tiết nhân duyên chưa chín muồi. Nhưng hôm nay đã hết thời gian rồi, chuyện này để đến mai tôi kể tiếp. Khó khăn trùng trùng! Hiện thời chẳng còn nữa. Hiện thời, đối với bản này, mọi người chẳng còn nghi hoặc nữa, đã được quốc gia khẳng định. Tại Trung Quốc, cục tôn giáo nhà nước đã chấp nhận. Nay chẳng còn ai dị nghị nữa, thật sự trở thành bản hoàn chỉnh trong Tịnh Tông. À! Hôm nay học tới đây, cảm ơn mọi người.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa Phần 3 hết

---o0o---

Phần 04

Tập 07

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem trang thứ sáu, hàng thứ ba trong bản kinh, xem từ câu cuối cùng. “Ư thị, tiên sư hội bổn vấn thế dĩ lai, bất hĩnh nhi tẩu” (do vậy, từ khi bản hội tập của tiên sư được ra đời đến nay, không chân mà đi khắp nơi), xem từ câu này. Cụ Hoàng nói bản hội tập này của cụ Hạ, sau khi in ra, bèn được lưu thông rất nhanh, cho nên không có chân mà đi khắp nơi. “Hĩnh” () là bắp chân (phần từ đầu gối đến bàn chân). “Bất hĩnh”: Mặc dù nó không có chân, nhưng đi rất nhanh, truyền bá rất lẹ, [hàm ý bản hội tập này được] truyền bá rất nhanh chóng. Đấy là tình hình lúc đó. Vì xã hội chẳng an định, chiến tranh Trung Nhật bùng nổ; đây là chuyện trước khi chiến tranh nổ ra. Cả một giải Sơn Đông cũng bị người Nhật chiếm đóng, nên công tác hoằng pháp của cụ Hạ Liên Cư đương nhiên gặp trở ngại. Mãi cho đến nay, xã hội cũng không ổn định, sau khi cả nước thoát khỏi ngoại xâm, lại trải qua nhiều tai nạn, trong phần sau, cụ Hoàng sẽ nói đến điều này. Sau cuộc cải cách khai phóng30 mới kể như yên ổn, hoạt động tôn giáo dần dần khôi phục. Vì thế, Hạ lão cư sĩ bảo cụ Hoàng Niệm Tổ: “Trong tương lai, bản hội tập này sẽ từ hải ngoại truyền về Trung Quốc”. Cụ Hạ nói những lời này, các đồng học nghe xong, đều chẳng nghĩ là đúng, cảm thấy rất kỳ quái. Mãi sau này, mấy chục năm sau, quả nhiên như thế. Do vậy biết: Pháp vận hưng hay suy, lão nhân gia đã thấy hết sức rõ ràng. Do vậy, thuở ấy, lúc ban đầu in ra không nhiều lắm. Lần trước tôi đã nói, pháp sư Từ Châu tại Tế Nam đã giảng bản hội tập này. Trong lần trước, tôi đã thưa cùng quý vị, [lúc ấy] bản hội tập này nói chung chưa có phiên bản cố định, lão nhân gia (cụ Hạ Liên Cư) đã sửa chữa cả mười lần. Bản mà pháp sư Từ Châu đã dùng chưa phải là bản tu đính cuối cùng, chưa phải là bản hoàn chỉnh cuối cùng. Vì từ bản khoa phán của Ngài, tôi thấy: Bản hội tập mà lão nhân đã dùng, toàn bộ kinh văn được chia thành ba mươi bảy phẩm, có lẽ là dùng ý nghĩa Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm. Tôi có một quyển khoa phán gồm ba mươi bảy phẩm này. [Bản khoa phán ấy] chẳng dựa trên bản hiện thời chúng ta đang dùng. Bản hiện tại là bản hoàn chỉnh cuối cùng, tổng cộng gồm bốn mươi tám phẩm; nhưng đối với Đại Kinh, pháp sư Từ Châu được coi như là người đã lập ra tiền lệ đầu

tiên, đem phần khoa phán ghép thêm vào cuối kinh. Tôi dựa theo bản khoa phán của lão nhân gia, nhưng dùng [chánh kinh theo] bản [hội tập] hiện tại, để viết khoa phán tỉ mỉ hơn, chia đoạn rất chi tiết. Chúng ta có Khoa Hội, [tức là] khoa phán và kinh được xếp chung một chỗ. Bản khoa hội này cũng được lưu thông với số lượng rất lớn. Phải biết là ở nơi đây chúng ta không có triệp điệp bản, mà có trang đính bản31, có khoa hội. Còn có một bản in chung kinh văn và lời mi chú của cụ Lý, khoa hội và mi chú được in chung thành một bản, bản này cũng in rất nhiều, có thể giúp [học nhân] học tập, nghiên cứu Đại Kinh. “Phật giới tôn túc đa dĩ hội bổn văn giản, nghĩa phong” (Các bậc tôn túc trong giới Phật giáo đa số công nhận bản hội tập văn từ giản dị, nghĩa lý phong phú). Quả thật, so với các bản dịch gốc và hai bản hội tập trong quá khứ, văn tự của bản hội tập này đơn giản và dễ hơn rất nhiều, ý nghĩa lại còn hết sức viên mãn. Những điều thiếu sót trong hai bản hội tập trước đã được cụ Hạ bổ sung toàn bộ, điều

này rất khó có. “Từ sướng, Lý viên” (Từ ngữ lưu loát, Lý viên mãn): Lý viên mãn chẳng khiếm khuyết, văn tự hết sức trôi chảy, khiến người đọc rất thoải mái. “Giảng, thuyết, tán dương, lưu bá trung ngoại” (giảng, nói, tán dương, lưu truyền trong ngoài nước), dùng bản này để giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng thuật, tán thán, tuyên dương, lưu truyền trong ngoài nước, chúng tôi rất nỗ lực thực hiện công tác này, bắt đầu từ lúc nào? Sau khi cụ Lý Bỉnh Nam vãng sanh. Khi lão nhân gia còn sống, chúng tôi muốn làm, nhưng thầy không đồng ý, nói bản này có những điều bị tranh luận, quả thật có những điều bị chướng ngại trong Phật môn. Khi ấy, tôi muốn giảng kinh này, thầy nói: “Chưa được! Tuổi anh quá trẻ, chưa đủ uy tín. Nếu giảng kinh này, người khác phê bình, anh sẽ chống đỡ không nổi”. Vì thế, khi tôi đem bản này in một ngàn cuốn, tôi nhớ là vào dịp sinh nhật năm mươi tuổi của Hàn Quán Trưởng, chúng tôi muốn giảng kinh này để chúc thọ bà ta, thầy Lý không đồng ý, chúng tôi bèn đổi thành giảng kinh Lăng Nghiêm, mọi người sẽ chẳng bàn ra nói vào nữa! Những thứ tranh luận, dị nghị kinh này quá nửa đều do ganh ghét, chướng ngại, từ xưa tới nay không thể nào tránh được chuyện này. Nay chúng ta sanh nhằm thời kỳ Mạt Pháp, bất luận đức hạnh hay trí huệ đều kém cổ nhân, ngay cả cổ nhân cũng gặp khó khăn nhiều dường ấy. Quý vị thấy tại Đại Lục mấy năm trước lên tiếng phản đối bản hội tập này, hết thảy mọi người biết. Nay tiếng phản đối ấy không còn nữa, vì Cục Tôn Giáo quốc gia khẳng định bản này, mọi người không còn nói gì được nữa! Vì thế, chúng ta biết cụ Hoàng Niệm Tổ chú giải bản kinh này chẳng dễ dàng, vô cùng gian nan. Chúng ta phải hiểu chân tướng sự thật này. “Kiến giả, văn giả, hoan hỷ tín thọ, trì tụng, ấn hành, lạc dịch bất tuyệt” (Người thấy, kẻ nghe, ưa thích, tin nhận, trì tụng, ấn hành liên tục

chẳng dứt). Câu này là sự thật. Sau khi cụ Lý Bỉnh Nam vãng sanh, khi đó tôi đang ở Mỹ, xướng suất in bộ kinh điển này tại Mỹ. Do thầy Lý chỉ có một bản hội tập này, khi giảng giải, cụ đã tự tay viết lời mi chú bằng bút lông, viết theo lối Tiểu Khải và Hành Thư32, viết hết sức hay. Lão nhân gia cho tôi bản này, tôi gìn giữ đã nhiều năm như thế, chưa có người nào khác đọc. Cụ vãng sanh, tôi lấy bản này ra, phát tâm in một vạn bộ để lưu thông, nhằm kỷ niệm ngày thầy vãng sanh. Sau khi mọi người đọc bản này, thật sự, giống như [cụ Hoàng] đã nói ở đây: “Kiến giả, văn giả, hoan hỷ, tín thọ” (người thấy, kẻ nghe, ưa thích, tin nhận), trì, tụng, ấn hành liên tiếp. Vì thế, hiện thời bản này lưu thông trên cả thế giới với số lượng rất lớn; trong quá khứ, chúng tôi đã giảng mười lần, CD/DVD cũng được lưu thông rất rộng. Tiếp đó, cụ viết: “Cận thả mông hải ngoại Phật học giới thâu nhập tân ấn chi Tục Tạng” (Gần đây, lại còn được giới Phật học ở hải ngoại đưa bản này vào bản in mới của Tục Tạng Kinh). Có ý nghĩ này, nhưng mãi cho đến hiện thời vẫn chưa thể thực hiện. Tại hải ngoại, đã qua nhiều năm như thế, họ đã in Đại Tạng Kinh không ít lần, nhưng chưa đưa bộ kinh này vào Tục Tạng, chuyện này đợi chúng ta trong tương lai nỗ lực, nhất định sẽ làm được. “Hành kiến đại kinh quang minh, thường chiếu thế gian” (khiến cho quang minh của Đại Kinh thường chiếu trong thế gian), những điều này đều là thật. “Tích hiền hội tập chi thắng nguyện, hạnh cáo viên thành” (Ý nguyện hội tập thù thắng của bậc hiền nhân thuở xưa may sao đã được thành tựu viên mãn). Trong quá khứ, đã có nhiều người mong hoàn thành một bản hội tập cho kinh Vô Lượng Thọ, muốn làm thành một bản tiêu chuẩn để lưu thông. Vương

Long Thư đã làm, Ngụy Mặc Thâm cũng làm, nhưng đều có những chỗ đáng tiếc nuối, đều có khuyết điểm. Vì vậy, cụ Hạ thực hiện công tác này lần thứ ba, đối với những thiếu sót của người đi trước cụ đều có thể sửa chữa viên mãn, trở thành một bản đúng như cụ Hoàng Niệm Tổ đã nói: "Văn giản, nghĩa phong, từ sướng, Lý viên" (văn từ giản dị, nghĩa lý phong phú, từ ngữ lưu loát, Lý viên mãn), giống như cư sĩ Mai Quang Hy đã nói: "Tuy dục bất vị chi thiện bổn, bất khả đắc dã" (Tuy muốn bảo chẳng phải là bản tốt nhất cũng không thể được), nhân duyên hy hữu khó gặp! Ở đây, cụ Hoàng viết: "Vô Lượng Thọ Kinh chi thiện bổn", [tức là] bản hoàn mỹ nhất, "ư tư khánh hiện, thử thật vi hy hữu nan phùng chi đại sự nhân duyên dã" (nay mừng được xuất hiện, đây thật sự là một đại sự nhân duyên hiếm có, khó gặp vậy). Chớ nên xem thường, chúng ta phải có sự nhận thức này! Nay chúng ta may mắn gặp được bản hội tập này, cũng là đại sự nhân duyên hiếm có, khó gặp mà chúng ta đã được gặp! Trong quá khứ, tôi đã giảng giải mười lần, mấy lần trước, tôi không đọc bản chú giải này, mà dựa theo lời mi chú của thầy Lý để giảng giải bộ kinh này. Tôi nhớ lần đầu tiên giảng giải là ở Tân Gia Ba, lần thứ hai cũng tại Tân Gia Ba, [hoặc là] lần đầu tiên tại Mỹ,

lần thứ hai tại Tân Gia Ba, thời gian đã dùng để giảng là sáu mươi tiếng đồng hồ; vì tôi đến Tân Gia Ba giảng kinh một tháng, mỗi ngày giảng hai tiếng, giảng một tháng bèn viên mãn. Băng thâu âm được lưu thông rất nhanh, phạm vi lưu thông lại còn hết sức rộng, ai trông thấy cũng đều ưa thích. Trong đoạn tiếp theo, cụ Hoàng Niệm Tổ trình bày nhân duyên vì sao cụ chú giải bản hội tập này, chúng ta hãy đọc đoạn này: "Niệm Tổ nãi cụ phược hạ phàm" (Niệm Tổ là phàm phu hạ căn đầy dẫy triền phược), đây là lão nhân gia khiêm hư. "Phược" () là phiền não, phiền não trói buộc phàm phu hạ căn, tức là chẳng phải phàm phu trung thượng căn, mà là hạ căn. "Mậu mông tiên sư dĩ chú giải hoằng dương thử kinh chi đại sự tương chúc" (được tiên sư lầm lẫn giao phó đại sự chú giải, hoằng dương kinh này), ở đây toàn là lời lẽ khiêm tốn. "Mậu" () là sai lầm, thầy đã lầm yêu thương ta, ta không có năng lực, mà thầy mong mỏi ta làm. Chuyện này quả thật chẳng dễ dàng, kinh đã được hội tập, nhất định phải chú giải. Không có chú giải, dẫu có nghĩa lý huyền áo rất sâu trong ấy, kẻ mới học chẳng dễ gì nhận ra! Vì thế, chú giải là chuyện tất yếu; trong lời tựa ở đầu bản chú giải này, tôi cũng nhắc đến chuyện ấy. Hoằng dương kinh này thì dùng chú giải để hoằng dương, nay chúng ta dùng [phương thức] diễn nghĩa để hoằng dương bản chú giải này, cũng đều là đại sự chẳng thể nghĩ bàn. Cụ Hoàng chú giải kinh là do nhận lãnh lời phó thác của thầy, đấy cũng là mệnh lệnh của thầy, thầy căn dặn đó là chuyện cụ phải làm trong một đời này. Đời cụ Hạ đã hoàn thành công tác hội tập kinh, cụ Hoàng Niệm Tổ nối tiếp, soạn một bản chú giải cho Đại Kinh. "Dư tuy sơ phát đại tâm, đản dĩ chướng thâm huệ thiển, thừa thử trọng mạng, thật thâm hoảng cụ" (Tôi thoạt đầu tuy phát đại tâm, nhưng vì chướng sâu, huệ cạn, vâng lãnh sứ mạng nặng nề này, thật sợ hãi sâu xa), "hoảng" () là kinh hãi, "cụ" () là sợ sệt. Sứ mạng này quá nặng nề! Ở chỗ này, chúng ta thấy lão nhân gia khiêm hư, có thể là quá khiêm hư. Lão nhân gia đã hoàn thành nhiệm vụ này, chẳng cô phụ lời thầy phó chúc, chúng ta phải cảm ơn cụ. Tiếp đó, cụ tường thuật nhân duyên: "Sở hạnh tằng tham tiên sư giảng tịch, thân văn thử kinh toàn bộ" (may là đã từng được nghe tiên sư giảng giải, đích thân nghe giảng toàn bộ kinh

này). Sau khi hội tập, cụ Hạ đã đích thân giảng bộ kinh này, cụ Hoàng Niệm Tổ có duyên phận ấy, đích thân nghe thầy giảng toàn bộ kinh này, chẳng thiếu một buổi giảng nào. “Thả ư nhập tải tùy thị chi trung” (lại còn theo hầu thầy suốt hai mươi năm), đây là nói cụ đã theo thầy hai mươi năm, chẳng phải trong thời gian ngắn ngủi, hai mươi năm không rời thầy. “Đắc linh Thiền, Tịnh, Mật các tông huyền áo,

thô hiểu tiên sư hội tập đại kinh chi thâm tâm” (được nghe những điều huyền diệu, sâu xa trong các tông Thiền, Tịnh, Mật, hiểu sơ lược thâm tâm hội tập Đại Kinh của tiên sư). Theo thầy hai mươi năm, mỗi ngày nghe thầy giảng kinh, thuyết pháp. Cụ Hạ Liên Cư thông Tông, thông Giáo, Hiển Mật viên dung, tuy là tại gia, nhưng thật sự là một vị đại đức trong Phật môn thuở ấy. Có trí huệ, năng lực, từ bi như vậy thì mới có thể thực hiện viên mãn chuyện này để truyền cho những kẻ hữu duyên trong chín ngàn năm sau trong thời Mạt Pháp. Gặp được kinh này chính là kẻ hữu duyên, gặp kinh này sẽ có cơ hội đắc độ, rất khó có! Đây là nói rõ nhân duyên vì sao cụ được thầy phó chúc làm đại sự này. Đương nhiên, thầy hiểu rõ trò. Theo thầy suốt hai mươi năm, trò có trí huệ hay không, có tâm từ bi hay không, có thể đảm nhiệm sứ mạng này hay không, đương nhiên thầy hiểu rất rõ ràng, chọn trúng cụ Hoàng Niệm Tổ. Do vậy, tôi thường nói: Vừa nghe đến tên họ của lão nhân gia, tôi liền bảo mọi người, vị này là truyền nhân của cụ Hạ, khích lệ, cổ vũ mọi người hãy thân cận cụ cho nhiều. Duyên phận và phước phần này đều chẳng thể nghĩ bàn! “Lục thập niên đại sơ” (đầu thập niên sáu mươi), “lục thập niên đại” là năm 1960, vào đầu năm 1960. “Tằng thí tả thử kinh huyền nghĩa chi đề cương nhất sách, trình sư giám hạch, hạnh mông ấn khả” (từng thử viết một bản đề cương cho kinh này, trình lên thầy giám định, may mắn được thầy ấn khả). Cụ chuẩn bị công tác sơ bộ, viết đề cương, đề cương là gì? Là phần Khái Luận mà chúng ta nay đang học tập, cụ gọi phần này là Khái Yếu. Trong quá khứ, khi tôi giảng kinh đã dùng phần tài liệu này của cụ để viết đại cương, có lẽ các đồng học đã đọc, trong quá khứ tôi đã giảng nhiều lần. Tôi lấy phần Khái Yếu, trích lục những điểm tinh yếu trong đó, làm như vậy, trong các buổi giảng sẽ có thể rút ngắn thời gian. Tuy đã rút ngắn, đại khái cũng phải giảng mất mười mấy giờ, nhằm giới thiệu “yếu nghĩa” (ý nghĩa trọng yếu) của cả bản kinh với đại chúng. Cụ Hoàng viết đề cương phần Huyền Nghĩa đưa cho cụ Hạ xem, được đồng ý, chấp nhận. “Đản kinh Văn Cách hạo kiếp, thử cảo dĩ đãng nhiên vô dư” (nhưng trải qua cơn kiếp nạn Cách Mạng Văn Hóa to lớn, bản thảo ấy đã mất sạch chẳng còn). Khi ấy, cụ cũng gặp nạn Cách Mạng Văn Hóa33, cũng bị lôi ra “phê đấu” (phê bình, đấu tố), vì cụ học Phật liền bị chụp mũ là “ngưu quỷ, xà thần” (quỷ trâu, thần rắn), nhà cửa cũng bị lục soát, tịch biên, những thứ đã viết lách đều bị thiêu sạch, trải qua cơn kiếp nạn to lớn ấy. “Hiện dư niên du cổ hy” (nay tuổi đã ngoài bảy mươi), cổ nhân gọi bảy mươi tuổi là “cổ hy”. Câu “nhân sanh thất thập cổ lai hy” (xưa nay, hiếm người sống đến bảy mươi tuổi) là do Đỗ Phủ đời Đường đã nói. Vì vậy, bảy mươi tuổi được gọi là “cổ hy chi niên”, “du” () là vượt qua, [“du cổ hy”] là hơn bảy mươi tuổi. Khi tôi

gặp lão nhân gia, cụ đã ngoài bảy mươi tuổi. “Phục đa túc tật” (lại lắm bệnh cũ), cũng là do trong thời Cách Mạng Văn Hóa chịu rất nhiều khổ nạn, cho nên tuổi già thân chẳng khỏe, rất nhiều bệnh tật. “Quý thâm ân chi vị báo, cụ vô thường chi tương chí” (thẹn ơn

sâu chưa báo, sợ vô thường xảy tới), đây là lời thật, sứ mạng thầy đã giao phó chưa hoàn thành, làm sao xứng với thầy? Tuổi già, lắm bệnh, sợ lắm, sợ thọ mạng không đủ để hoàn thành việc này, thường nặng lòng vì chuyện này. “Ư thị, phấn lão bệnh chi tàn thân, kế truyền đăng chi hoằng thệ” (Do vậy, gắng gượng tấm thân tàn già bệnh, kế tục hoằng thệ truyền đăng). Chúng tôi đích thân thấy chuyện này, đêm nối tiếp ngày, cụ làm chuyện này chẳng nghỉ ngơi để viết bản chú giải này. Viết chú giải cũng chẳng dễ dàng! Sau khi viết xong, không vừa ý lại sửa chữa, đến cuối cùng khi đã sửa chữa hoàn chỉnh, tôi đã kể với quý vị, lúc ấy cuốn sách này chỉ được in bằng ronéo. Nói chung, những người trẻ tuổi hiện nay chẳng biết in ronéo là gì, người năm sáu mươi tuổi chắc chắn biết. Chất liệu rất kém cỏi, in bằng ronéo, chữ in ra không rõ ràng. Tôi tin bản do cụ đem sang Mỹ tặng cho tôi, phải là bản in ronéo rõ ràng nhất, tốt nhất, cụ tặng cho tôi một quyển. Sau khi tôi đọc xong một lượt, hết sức vui thích, vô cùng bội phục, rốt cuộc kinh Vô Lượng Thọ có một bản chú giải hay như thế, đúng là khó có! Tôi bèn thỉnh giáo lão nhân gia: “Cụ có giữ bản quyền hay không?” Cụ bảo: “Không giữ bản quyền!” Không giữ bản quyền thì tôi bèn in lại. Do vậy, tại Đài Loan, tôi in lần đầu một vạn cuốn, in thành một quyển đóng bìa cứng. Bản của cụ vốn là bốn cuốn, in thành bốn cuốn, chúng tôi đổi thành một cuốn đóng bìa cứng, chính là bản hiện thời quý vị đang cầm trên tay. Bản này đã được in mấy lượt; bản gốc chúng tôi dùng để in một vạn cuốn nay vẫn rất dễ tìm thấy, nguyên bản ở phía trước có rất nhiều ảnh chụp, có hình lão pháp sư Huệ Minh chứng minh cho cụ Hạ Liên Cư, tôi đều đem in ở đầu sách. Tinh thần ấy khó có lắm! “Dĩ thử thân tâm, cúng dường Tam Bảo, bế môn tạ khách, toàn lực chú kinh” (Đem thân tâm này cúng dường Tam Bảo, đóng cửa, không tiếp khách, dốc toàn lực chú giải kinh), không gặp ai, đem hết thảy tinh lực, thời gian, tinh thần dồn vào việc chú giải kinh. Chú giải kinh phải sưu tập tài liệu tham khảo, khó có lắm! Tôi cho rằng cụ được Phật, Bồ Tát che chở, gia trì; hễ cụ nghĩ phải cần những tài liệu nào, đều có người tặng cho. Tôi từng xem những tài liệu trong thư phòng của cụ, tôi cũng phải than là quá tuyệt diệu, đúng là chẳng dễ dàng, từ đâu mà tìm được nhiều thứ như thế? Âm thầm được oai thần gia trì, những tài liệu cụ cần đều có thể tìm được. “Ký báo tiên sư kỵ thập phương tam thế thượng sư Tam Bảo, dữ pháp giới chúng sanh chi thâm ân ư vạn nhất” (mong báo một phần trong muôn phần ơn sâu của tiên sư, mười phương ba đời thượng sư, Tam Bảo và pháp giới chúng sanh). Chân thành, thanh tịnh, từ bi, tâm báo ân, trên báo ơn Phật, báo ơn thầy,

dưới báo đáp ơn của hết thảy chúng sanh và pháp giới chúng sanh. Đọc đến chỗ này, chúng ta phải biết cảm ơn, cụ viết bộ sách này khổ cực quá! Vì ai mà viết? Nay chúng ta có được quyển sách này thì cụ vì tôi mà viết, quý vị có được một quyển sách này tức là cụ đã vì quý vị mà viết, thật đấy, chẳng giả đâu! Quý vị đã có, có thể đọc hiểu bản chú giải này, đoạn nghi hoặc, buông xuống tạp niệm, nhất tâm niệm Phật, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai tiếp dẫn? Hoàng lão cư sĩ tiếp dẫn, quý vị mới hiểu công đức to lớn này! Chúng tôi thiếu trí huệ, không có năng lực này, viết không được, bèn phát tâm; hiện thời ấn hành lưu thông thuận tiện lắm. Đây chính là chúng ta báo đáp một phần trong muôn phần ân đức của lão nhân gia, tuyên truyền bản chú giải của cụ. Trên thế giới này, càng có nhiều bản này càng tốt, vì sao? Trong kinh này,

đức Phật đã nói, trong tương lai, đến lúc Phật pháp bị diệt, tức là vào chín ngàn năm sau, Phật pháp bị diệt trên thế gian này, kinh Vô Lượng Thọ bị diệt cuối cùng. Sau khi hết thảy các kinh bị diệt, kinh Vô Lượng Thọ còn tồn tại trên thế gian này một trăm năm. Một trăm năm sau đó, kinh Vô Lượng Thọ cũng chẳng còn, hãy còn một câu "Nam-mô A Di Đà Phật". Gặp được danh hiệu này cũng là có duyên phận đặc biệt, có thể đắc độ. Pháp môn chẳng thể nghĩ bàn! Đức Thế Tôn nhiều lần tuyên giảng chẳng thể nghĩ bàn, phiên dịch chẳng thể nghĩ bàn, hội tập chẳng thể nghĩ bàn, chú giải cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta y giáo phụng hành, chính mình được lợi ích; bản thân ta được lợi ích, mà cũng sẽ ảnh hưởng tới người khác, người ta thấy quý vị như thế sẽ bị cảm động, tự nhiên học theo quý vị. Do vậy, quý vị tự hành là hóa tha. Huống chi, nếu quý vị có thể giảng giải, diễn nói cho người khác, đây là tài liệu tham khảo để quý vị diễn thuyết, quý vị có thể ấn hành lưu thông. Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta học Phật cũng phải vận dụng linh hoạt. Quý vị đem một quyển sách to như vậy tặng cho người khác, người ta vừa nhìn thấy: "Dày quá! Tôi không có thời gian đọc!" Thật đấy, chẳng giả đâu! Tuyên dương Tịnh Tông, quả thật là trong thời đại hiện tại, so với bất cứ tông nào khác cũng dường như thuận lợi, hưng vượng hơn, do nguyên nhân nào? Đắc lực nhờ công cụ khoa học kỹ thuật! Chúng ta học tập ở đây, mười lần giảng diễn trong quá khứ, chúng ta có CD/DVD, có vệ tinh, có Internet, có nhiều thứ thuận tiện như thế, cho nên tiếp dẫn nhiều người hơn. Trong quá khứ không có, trong quá khứ phải nhờ vào sách, số lượng sách ít ỏi, lại còn phải phụ thuộc vào người đọc, người ta không đọc thì làm gì được nữa? Đĩa CD/DVD lưu thông với số lượng lớn. Hiện thời, khoa học ngày càng tiến bộ, lúc ban đầu chúng tôi giảng kinh, một đĩa CD chỉ thâu được một giờ. Lần giảng tại Tân Gia Ba, được lưu thông tại Trung Quốc Đại Lục là sáu mươi đĩa CD, chẳng ít! Hiện tại thì sao? Hiện thời

chừng hai đĩa, [từ sáu mươi đĩa] biến thành hai đĩa, ngày càng tiến bộ. Tôi tin là sau đôi ba năm nữa, một đĩa sẽ thâu được sáu mươi giờ, đối với mọi người, học tập quá thuận tiện. Tôi còn đề xướng đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, quý vị không muốn đọc bản này, bèn mở TV sẽ có tiết mục đọc tụng. Trong phần đọc tụng ấy có kinh văn, có âm thanh, nhưng không có hình ảnh ai cả! Có kinh văn, có âm thanh đọc tụng, giúp đỡ quý vị! Lần này, chúng tôi giảng Diễn Nghĩa, hoàn toàn giảng bản chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ nhằm báo ân cụ. Lão nhân gia tuổi già nhọc nhằn như vậy, chính mắt tôi thấy, chớ nên phụ bạc cụ! Chúng ta có thể làm thành đĩa CD/DVD, mà cũng có thể ghi thành văn tự để đọc tụng. Có văn tự, có giảng giải, không cần phải có hình ảnh con người. Đây là nói về nhân duyên lão cư sĩ chú giải kinh. Tiếp theo đó là giới thiệu kinh này khế Lý, khế cơ, khó có nhất. "Phục dĩ bổn kinh chi thù thắng tại ư khế Lý, khế cơ" (lại nữa, kinh này vốn thù thắng ở chỗ khế Lý, khế cơ). Lý là gì? Lý là tự tánh. Huệ Năng đại sư là người Trung Quốc, chúng ta nói tới Ngài là một nhân vật đặc biệt thân thiết, nhất là đối với người Quảng Đông, chúng ta đang ở địa bàn tỉnh Quảng Đông, đặc biệt thân thiết! Lão nhân gia khai ngộ khi chưa tròn hai mươi bốn tuổi. Chúng ta gọi Ngài là "lão nhân gia", vì Ngài có đức hạnh; thật ra, Ngài chưa già, hai mươi bốn tuổi mà! Khi khai ngộ, Ngài đã nói năm câu, hai mươi chữ: "Hà kỳ tự tánh", [nghĩa là] không ngờ tự tánh, tự tánh như thế nào? "Bổn tự thanh tịnh" (vốn tự thanh tịnh), đây là câu đầu tiên; "bổn

bất sanh diệt” là câu thứ hai, “bổn tự cụ túc” (vốn tự đầy đủ), “cụ túc” là như Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: “Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”, vốn tự trọn đủ, “cụ túc” là trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, đấy là những thứ có trong tự tánh. “Bổn vô dao động, năng sanh vạn pháp” (vốn chẳng lay động, có thể sanh ra vạn pháp). Có thể sanh ra vạn pháp là có thể hiện vũ trụ, có thể hiện vạn vật. Ta do đâu mà có? Do tự tánh biến hiện! Vì thế, [tự tánh] có thể sanh, có thể hiện, có thể biến; hết thảy vạn pháp là cái được sanh, cái được hiện, cái được biến. Cái có thể sanh là Lý, cái được sanh chính là Sự; Khế Lý! Tự tánh vốn sẵn có trí huệ Bát Nhã, tự tánh vốn sẵn có đức năng, đấy là Lý. “Cơ” () là nói về chúng sanh, về đối tượng, tức đối tượng của bộ kinh này, [nghĩa là] ai có thể học? Bất cứ ai cũng đều có thể học, thích hợp khắp ba căn thượng, trung, hạ, lợi căn lẫn độn căn đều thâu tóm toàn bộ. Hai đoạn tiếp theo đây sẽ nói về vấn đề này. Trước hết, nói về Lý, “Lý giả, Thật Tế Lý Thể, diệc tức Chân Như Thật Tướng, chân thật chi bổn tế dã” (Lý là Thật Tế Lý Thể, cũng tức là Chân Như Thật Tướng, là gốc rễ chân thật). Câu này giảng về Lý. Lý là gì? Tôi vừa mới trình bày một cách dễ hiểu cùng quý vị, [những ý nghĩa ấy]

hoàn toàn giống với ba câu nói [của cụ Hoàng] ở nơi đây. “Thật” () là chân thật, “Thật Tế” () là quyết định chẳng giả, nó là Lý Thể, còn gọi là Tự Tánh, tức là cái được gọi là Năng Sanh, Năng Hiện, Năng Biến (cái có thể sanh, hiện, biến). Lý ở nơi đâu? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng tồn tại. Nó chẳng phải là tinh thần, mà cũng chẳng phải là vật chất, nó không có hình tướng, sáu căn chẳng thể tiếp xúc được, chúng ta không thể tưởng tượng được. Hễ quý vị suy tưởng là trật mất rồi! Đến khi quý vị điều gì cũng không suy tưởng nữa, nó bèn hiện tiền. Vì vậy, trong kinh Phật thường gọi chuyện này là “chẳng thể nghĩ bàn”, [nghĩa là] quý vị chẳng thể tưởng, mà cũng chẳng thể nói, nói không được! Nó còn được gọi là Chân Như Thật Tướng, Thật Tướng là chân tướng, Chân Thật Bản Tế, nói theo cách bây giờ, trong Triết Học gọi bản thể chân thật là Bản Thể Luận (Ontology). Trong Triết Học, cho đến hiện thời vẫn chưa thể giảng rõ khái niệm “bản thể” (noumenon) này, chưa thể luận định chắc chắn, nhưng trong Phật pháp đã giảng rõ ràng, minh bạch, chẳng có mảy may nào mơ hồ. Vì sao? Nhiều người đã chứng đắc. Thích Ca Mâu Ni Phật chứng đắc đầu tiên dưới cội Bồ Đề. Trong số các học trò [của Ngài], cũng có nhiều vị chứng đắc, chứng đắc bèn gọi là “thành Phật”. Tại Trung Quốc, lịch đại tổ sư đại đức thật sự chứng đắc cảnh giới này có đến mấy ngàn vị. Trong Truyền Đăng Lục của Thiền Tông, có một ngàn bảy trăm công án, đấy chính là có tới một ngàn bảy trăm người chứng đắc, chẳng phải là một người. Ngoài ra, còn có Giáo Hạ, “đại khai viên giải” cũng là cảnh giới này. Tịnh Độ Tông niệm đến Lý nhất tâm bất loạn cũng là cảnh giới này. Lý nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh. Vì thế, chuyện này chẳng giả. Sau khi chứng đắc, quý vị để các Ngài trình bày, tức là để cho mỗi một vị đã chứng đắc giải thích [cảnh giới chứng đắc, sẽ thấy] ý nghĩa tương đồng, đại đồng tiểu dị, tuy lời lẽ không hoàn toàn giống, nhưng ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Chuyện này chẳng phải giả, mà là hội đủ tinh thần khoa học trong ấy. Họ không cần tới các dụng cụ khoa học để cầu chứng đắc, họ dùng công phu Thiền Định. Thiền Định là gì? Buông xuống! Buông vọng tưởng xuống, buông phân biệt

xuống, buông chấp trước xuống, bèn chứng đắc. Trên thực tế, chúng ta và hết thảy chư Phật Như Lai chẳng khác gì nhau. Vì thế, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn thường nói: “Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”, lời này là thật, chẳng giả tí nào! Nay vì sao biến thành như vậy? Mê rồi, mê mất tự tánh, trọn chẳng phải là tự tánh không có, tự tánh vẫn tồn tại, nhưng quý vị đã mê rồi! Trong kinh Lăng Nghiêm có một tỷ dụ rất hay: “Diễn Nhã Đạt Đa, mê đầu nhận ảnh” (chàng Diễn Nhã Đạt Đa soi gương, thấy đầu mình chiếu trong gương bèn mê cuồng), đức Phật đã kể chuyện này. Nói rõ điều gì? Nói rõ phàm phu chúng ta mê mất

nơi hình dáng của Tự Tánh. Nếu dựa theo kinh Phật để kể câu chuyện này mà chúng ta vẫn chưa hiểu lắm, chúng tôi còn có một câu chuyện dễ hiểu hơn mà vẫn có cùng ý nghĩa. Thuở chúng tôi còn là học trò, nhằm lúc người Nhật gây chiến, trong thời gian kháng chiến, học trò Tiểu Học lớp lớn, tức lớp Năm, lớp Sáu, phải học chương trình huấn luyện quân sự, có môn học ấy, đến bậc Trung Học càng chẳng cần phải nói nữa! Đây là một môn học rất quan trọng. Trong huấn luyện quân sự có tập hợp khẩn cấp, hạn định trong ba phút phải trang phục chỉnh tề phải đến thao trường tập hợp, thường có chuyện “Diễn Nhã Đạt Đa, mê đầu nhận ảnh” xảy ra. Khẩn cấp tập hợp khiến mọi người bối rối, căng thẳng. Hễ căng thẳng bèn mê, mũ đã đội ngay ngắn trên đầu, mặc trang phục chỉnh tề ra ngoài tập hợp, tìm khắp nơi, hỏi người khác, hỏi bạn học: “Bạn có thấy cái mũ của tôi hay không?” Hoang mang tở mở đi kiếm mũ, mê rồi! Bạn học liền chỉ: “Chẳng phải bạn đang đội mũ trên đầu đó sao?” Sờ thử, quả nhiên mũ ở trên đầu! Có mất hay chăng? Không mất, mà là mê rồi! Đức Phật nêu tỷ dụ này nhằm bảo chúng ta: Tự tánh của chúng ta và tự tánh của Phật chẳng khác, nay có tồn tại hay không? Tồn tại! Vì sao tìm không được? Mê rồi! Khi nào giác ngộ, quý vị liền được gọi là Phật. Khi quý vị đang mê thì gọi là phàm phu. Giống như lúc tập hợp khẩn cấp, đúng là mũ đang đội trên đầu mà chính mình không biết, tìm khắp nơi, tình huống như vậy đó! Trong kinh điển, thường thấy ba danh từ này, rất khó giải thích, coi từ từ sau này sẽ hiểu. Tâm quý vị càng thanh tịnh, càng hiểu sâu hơn. Hời hợt, bộp chộp là chướng ngại lớn nhất trong sự học tập của chúng ta. Nếu không diệt trừ hời hợt, bộp chộp, sẽ vĩnh viễn không thể thấu hiểu. Cái mà quý vị có thể học được chỉ là ngôn từ! Ngôn từ là bề ngoài, là văn tự, danh tướng, quý vị học những thứ này, không có cách nào nhận biết đạo lý chân thật. Tâm quý vị càng thanh tịnh, càng hiểu sâu; đến khi tâm bình đẳng hiển hiện, gần như là chưa khai ngộ thì cũng mấp mé khai ngộ! Thanh tịnh là Kiến Tư phiền não mỏng nhẹ. Đoạn Kiến Tư phiền não, tâm thanh tịnh thật sự hiện tiền; Trần Sa phiền não đoạn rồi, tâm bình đẳng hiện tiền. Tâm chúng ta bất bình đẳng thì làm gì được? Vì sao chẳng bình đẳng? Có Ngã! Có Ngã sẽ chẳng bình đẳng; nói chung, [sẽ nghĩ] ta giỏi hơn người khác một chút, đó là ngạo mạn. Chư vị phải biết: Hễ có Ngã, bèn có ngạo mạn, quý vị chẳng thừa nhận cũng không được! Đức Phật nói rất hay, vì sao? Quý vị có Ngã là có Mạt Na Thức, bốn đại phiền não thường phụ thuộc Mạt Na Thức. Bắt đầu có từ khi nào? Trong pháp Đại Thừa, có một câu mà hết thảy mọi người đều biết: “Phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra). Đó chính là Ngã, chẳng phải là được cha mẹ sanh ra rồi mới có Ngã. Trước khi được cha mẹ sanh ra đã có Ngã. Người bình thường chúng ta gọi Ngã là “linh hồn”. Nói theo

Phật pháp, không gọi là

linh hồn, mà gọi là “linh tánh”. Kẻ ấy có Ngã Chấp hay không? Có! Có Ngã Chấp thì gọi là “linh hồn”, không có Ngã Chấp sẽ gọi là “linh tánh”. Vì sao? Không gian hoạt động của kẻ ấy không ra khỏi lục đạo luân hồi, kẻ ấy chuyển vần trong lục đạo, không thoát ra được. Vì sao? Mê rồi! Nếu kẻ ấy giác ngộ, sẽ vượt thoát lục đạo; chẳng gọi là “linh hồn” nữa, mà gọi là “linh tánh”, hoạt động trong không gian lớn hơn, không gian hoạt động của kẻ ấy là mười pháp giới. Vì sao kẻ ấy vẫn chưa vượt thoát mười pháp giới? Còn có khởi tâm động niệm, do chưa phá vô minh. Sau khi phá vô minh, danh từ “linh tánh” cũng chẳng còn, mà gọi là “tự tánh”, đã trở về nguồn, tức là trở về tự tánh. Khi ấy gọi là gì? Gọi là Phật, chân Phật, chẳng phải giả Phật. Một thứ mà có tới ba danh từ (linh hồn, linh tánh, tự tánh), một mà ba, ba mà một! Như vậy thì chúng ta chỉ cần một niệm bị mê, hễ mê thì tự tánh của chúng ta biến thành A Lại Da Thức. Trong ba tế tướng của A Lại Da Thức, Chuyển Tướng chính là Mạt Na Thức. Cái đầu tiên trong Mạt Na Thức là Ngã Kiến. Ngã Kiến là chấp trước có Ngã. Lấy gì làm Ngã? Chấp trước một phần của A Lại Da Thức, nói theo kiểu bây giờ sẽ là “một phần năng lượng”, mọi người dễ hiểu hơn. Nói theo danh từ hiện tại là một phần vật chất, có lẽ chúng ta không nói “năng lượng”, mà nói rõ ràng hơn một chút là “một phần thông tin”. Mạt Na là thông tin34, A Lại Da là năng lượng, tướng cảnh giới là vật chất. Theo khoa học hiện đại, trong vũ trụ chỉ có ba thứ là năng lượng, vật chất, và thông tin. Ba tế tướng của A Lại Da (chuyển tướng, vô minh nghiệp tướng và cảnh giới tướng) có cùng một ý nghĩa [với năng lượng, vật chất và thông tin trong cách diễn giải của khoa học], nhưng họ (các khoa học gia) giảng không rõ ràng lắm. Vật chất do đâu mà có? Thông tin do đâu mà có? Năng lượng do đâu mà có? Họ chẳng nói được! Trong Phật pháp nói đến Nhất Thể, đó chính là Tự Tánh. Khi chẳng mê là nhất thể, quý vị chẳng thể chia ra phần nào là năng lượng, phần nào là vật chất, phần nào là thông tin, chia không được! Đấy chính là [ý nghĩa của] câu nói thứ ba của Huệ Năng đại sư: “Hà kỳ tự tánh, bổn tự cụ túc” (nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ), nó có, nhưng chẳng hiện. Khi nó hiển hiện, tức là có duyên phận, tức là một niệm vọng động, khởi lên một niệm, nó bèn hiện, có thể sanh vạn pháp. Có thể sanh vạn pháp thì ta là chánh báo, hoàn cảnh là y báo. Y báo và chánh báo đồng thời khởi lên, không có trước sau. Trong sách Hoàn Nguyên Quán đã giảng chuyện này rất rõ ràng, từ nhất thể khởi ra nhị dụng. Nhị dụng gồm: - Một là chánh báo của chúng ta, Ngã xuất hiện. - Thứ kia là hoàn cảnh sống xuất hiện; đó là vũ trụ. Đối với chuyện này, khoa học lẫn Triết Học hiện đại đều chưa thể nói rõ ràng. Trong kinh Phật từ ba ngàn năm trước đã giảng rõ ràng dường ấy! Hết sức đáng tiếc là các nhà khoa học thiếu phước báo, chưa đọc kinh Phật. Nếu

họ xem kinh Phật, tôi tin là những người đó rất thông minh, cảnh giới của họ nhất định sẽ được nâng cao trên một mức độ rộng lớn. Vì sao nói quý vị có phiền não? Mạt Na Thức có Ngã Kiến, dính dáng Ngã Ái. Ngã Ái là tham, ngã mạn. Ngã mạn là sân khuể, ngã mạn và sân khuể dính liền, ta bèn si. Do vậy, Ngã Kiến, Ngã Ái, ngã mạn, và ngu si, bốn đại phiền não thường nương theo [Mạt Na Thức]. Lẽ nào quý vị chẳng ngạo mạn? Ngạo mạn là bẩm sinh, tự nhiên có! Một niệm bất giác bèn mê, mê rồi bèn sanh ra hiện tượng này, chứ trong Thật Tế Lý Thể không có hiện tượng này, Thật Tế Lý Thể hiện ra

những hình tướng nào? Trí huệ, đức năng, tướng hảo. Một niệm dấy lên sẽ mê, biến thành tham, sân, si; thông tin ấy bèn phát sanh. Thật Tướng Lý Thể còn gọi là Chân Như Thật Tướng, Chân là nói về Thể, có thể sanh. [Chân] là cái bản thể có thể sanh, có thể hiện. "Như" là nói về tướng, tức hiện tướng (tướng được biến hiện). Hiện tướng là tướng được biến hiện từ bản thể. Hiện tướng và Thể chẳng tách rời; cho nên nói "Tánh Tướng bất nhị". Điều này cũng chẳng dễ hiểu. Xưa nay, tổ sư đại đức, trong kinh Phật cũng có nói, thường dùng vàng và các vật chế bằng vàng để làm tỷ dụ, đem vàng ví với Thể. Đúng vậy! Vàng làm thành các món đồ; đó gọi là Như. Vì sao gọi là Như? Nó là vàng. Quý vị nói xem: Đem vàng ròng làm thành tràng hạt. Tràng hạt ấy có phải là vàng hay không? Là vàng! Đem vàng làm thành nhẫn, làm vòng đeo tay, làm thành chén trà, đều có thể làm được. Do vậy nói: "Tướng cũng như Tánh, Tánh cũng như Tướng, Tánh và Tướng chẳng hai". Từ Tướng, quý vị thấy được vàng, tức là quý vị thật sự biết giá trị. Nếu quý vị chẳng biết giá trị, sẽ tách rời vàng và những món đồ này. Tôi để cho quý vị chọn lấy vàng, quý vị nhìn vào hết thảy những món đồ này: "Không có, ở đây không có vàng!" Vòng đeo tay có phải là vàng hay không? Cái chén có phải là vàng hay không? Cái tô có phải là vàng hay không? Toàn là vàng làm thành. Bảo quý vị lấy vàng ra, quý vị tìm không được, đó là gì? Mê rồi! Mê mất tự tánh. Hễ ngộ, [bảo quý vị] lấy vàng ra, bèn thuận tay cầm lấy, thứ gì cũng đều là vàng! Do vậy, Tánh - Tướng chẳng hai! Tánh không có hình tượng được biến hiện (hiện tướng), tuy nó hiện ra hình tượng, nhưng Tướng là huyễn tướng, chẳng thật! Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: "Vạn pháp đều là không, trọn chẳng thể được". Đó là thật. Kinh Kim Cang nói: "Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng", "hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng", đều là nói lời thật với quý vị. Đấy là Chân Như. Thật Tướng: Thật Tướng là chân tướng. Quý vị phải nhận biết chân tướng. Chân tướng là gì? Trong Tướng có Tánh, Tánh và Tướng không tách rời, thật đấy! Tánh không thể được, mà Tướng cũng không thể được. Nếu Tánh đã là không thể được, làm sao có thể đạt được Tướng ? Do vậy, trong một bộ Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, đức Phật giảng điều gì? Chính là giảng

"Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc" (hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, không thể được). Hiện tại, phiền não của chúng ta từ đâu mà sanh? Đã là "chẳng thể được" mà cứ nhất định muốn đạt được, chẳng phải là quý vị đã tự chuốc phiền đó sao? Khổ não không có bờ mé. Hễ giác ngộ, khổ não bèn chẳng còn nữa; đã hiểu rõ chân tướng, chẳng còn chấp trước, chẳng còn dấy vọng tưởng. Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều không thể được, đều là giả. Thọ, Tưởng, Hành, Thức do đâu mà có? Do tự tánh mà có. Tự tánh có bốn tịnh đức "thấy, nghe, hay, biết", chúng là thật. Sau khi mê, từ "thấy, nghe, hay, biết" sẽ biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chúng ta gọi Thọ, Tưởng, Hành, Thức là "tâm lý". Tâm lý là giả, chẳng thật. Chân tâm là thanh tịnh; "thanh tịnh, bình đẳng, giác". Đó là chân tâm. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhất định là vọng tâm. Trong kinh nói "huệ dĩ chân thật chi lợi", "huệ" () là ban tặng. Chư Phật Như Lai, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật trong bộ kinh này đã ban cho chúng ta lợi ích chân thật, cho nên là thuần nhất chân thật. Bộ kinh này "trụ chân thật huệ, khai hóa hiển thị chân thật chi tế, huệ dĩ chân thật chi lợi, thuần nhất chân thật dã" (trụ

trong chân thật huệ, khai hóa, hiển thị Chân Thật Tế, ban cho lợi ích chân thật, thuần nhất chân thật). Đây là nói kinh này khế Lý; không chỉ khế Lý, mà còn khế Lý viên mãn. “Hựu bổn kinh xưng vi trung bổn Hoa Nghiêm Kinh” (kinh này còn được gọi là kinh Hoa Nghiêm bản trung). Câu này do Bành Tế Thanh nói, ông ta là người sống trong thời Càn Long nhà Thanh trước kia, là một vị đại đức trong Phật môn, thông Tông, thông Giáo, Hiển Mật viên dung, rất lỗi lạc. Ông ta nói: Kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bổn Hoa Nghiêm. Nói cách khác, A Di Đà Kinh là tiểu bổn Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm Kinh là đại bổn A Di Đà Kinh. Một mà ba, ba nhưng một, kinh Hoa Nghiêm giảng tỉ mỉ, kinh Di Đà nói vắn tắt, thuận tiện cho khóa tụng. Vì thế, thuở trước, tôi giảng kinh thường khuyên những đồng học trẻ tuổi: Nếu thật sự muốn giảng giải thấu triệt Tịnh Độ ngũ kinh nhất luận, nhất định phải học Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là chú giải tỉ mỉ của ngũ kinh nhất luận, là một, không hai. Ở đây, cụ Niệm Tổ dẫn câu nói này, cụ bảo: “Kinh trung sở thuyên”, tức là những điều được trình bày trong kinh này, “nhất thiết Sự Lý, tức Hoa Nghiêm chi Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại chi Nhất Chân pháp giới” (hết thảy Sự Lý chính là Nhất Chân pháp giới Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại trong kinh Hoa Nghiêm). Đây là nói rõ: Nội dung của kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm chẳng khác nhau. Kinh Hoa Nghiêm nói tỉ mỉ, còn ở đây (tức kinh Vô Lượng Thọ) nói những điều giản yếu, tức là nói đơn giản, chú trọng những chỗ quan trọng, mấu chốt. Sau khi đọc bộ kinh này, tôi chẳng giảng kinh Hoa Nghiêm nữa. Tôi thuở trẻ học kinh giáo, trong những

kinh được thầy Phương Đông Mỹ tiên sinh giới thiệu cho tôi đọc có kinh Hoa Nghiêm. Hơn nữa, thầy hết sức coi trọng kinh Hoa Nghiêm. Thầy yêu thích, tiên sinh Phương Đông Mỹ ưa thích bộ kinh này, đặc biệt giới thiệu với tôi, giới thiệu bản chú giải của Thanh Lương đại sư, có lý lắm. Tôi nhớ lúc Hoằng Nhất đại sư tại thế, giới thiệu kinh giáo Đại Thừa cho những phần tử tri thức học tập, Ngài cũng giới thiệu bản chú sớ kinh Hoa Nghiêm của Thanh Lương đại sư. Sau khi tiếp xúc, nếu quý vị kiên nhẫn thâm nhập, sẽ có pháp hỷ sung mãn, có thể thụ dụng, nhưng kinh này quá dài! Trước kia, Hoàng lão cư sĩ vào đầu thập niên sáu mươi [chuẩn bị chú giải kinh Vô Lượng Thọ], vào đầu thập niên sáu mươi, tôi cũng bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm, cũng giảng suốt mười mấy năm, chỉ giảng được phân nửa. Sau này, giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng rất hoan hỷ. Kinh Vô Lượng Thọ đã là trung bổn Hoa Nghiêm, tôi chẳng cần phải giảng Hoa Nghiêm nữa. Chính mình đọc kinh Hoa Nghiêm là được rồi. Vì thế, ngưng lại [không giảng nữa]. Tôi cũng thật sự từ kinh Hoa Nghiêm mà nhận thức Tịnh Độ, chết sạch so đo, khăng khăng tu học pháp môn này. Chuyện này trong các buổi giảng trước đây, tôi đã từng thưa bày cùng quý vị. Giảng kinh Hoa Nghiêm lần này là nhân duyên đặc thù, do có ba người khải thỉnh. Người thứ nhất là pháp sư Khai Tâm ở Đài Loan, Sư đã vãng sanh. Thuở trước, khi còn sống, mỗi lần gặp tôi, Sư đều khuyên tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, bảo tôi: “Pháp sư Tịnh Không! Nếu thầy không giảng, sợ rằng sau này chẳng có ai giảng!” Không chỉ một lần, mỗi lần gặp mặt Sư đều nhắc nhở. Tôi rất cảm kích, nhưng hoàn chẳng động tâm. Lần thứ hai tại Bắc Kinh, tôi sang thăm lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lão cư sĩ rất nghiêm túc, cũng rất từ bi, thỉnh tôi giảng kinh Hoa Nghiêm. Tôi cũng rất cảm kích, cụ cũng nghĩ sau này, người có thể giảng bộ kinh này

không nhiều lắm, nhưng tôi vẫn chẳng động tâm. Lần thứ ba là khi Hàn Quán Trưởng của Hoa Tạng Đồ Thư Quán bệnh nặng, trên thực tế là hai hôm trước khi bà ta vãng sanh, đã hết sức khẩn thiết yêu cầu tôi giảng kinh Hoa Nghiêm một lần, giảng hoàn chỉnh một lần, lưu một bộ băng thâu hình. Khi đó là băng video, còn chưa có CD, CD chưa phổ biến. Khi chiếu lên TV, vẫn phải dùng một cái hộp to ngần ấy (VCR) để chạy băng. Bà ta mong lưu lại một bộ băng video hoàn chỉnh để người đời sau tham khảo. Do bà ta đang bệnh, bệnh nặng như vậy, nhằm an ủi bà, tôi liền nhận lời, tôi nói: "Được! Chờ bà lành bệnh, tôi sẽ giảng". Hai ngày sau, bà ta vãng sanh. Ba lần [được khuyến thỉnh như vậy]. Sau khi lão nhân gia qua đời, chúng tôi rời Đài Loan sang Tân Gia Ba, giảng kinh tại Tân Gia Ba Cư Sĩ Lâm. Tôi và cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói tới chuyện này. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên hết sức hoan hỷ, ông ta nói: "Tôi thay mặt ba người ấy khải thỉnh pháp sư!" Ông ta sốt sắng như vậy, được rồi!

Lần này, chúng tôi khai giảng kinh Hoa Nghiêm tại Tân Gia Ba Cư Sĩ Lâm khai giảng, giảng nhiều năm như thế, giảng tới bốn ngàn giờ. Giảng được bao nhiêu? Đại khái là giảng được một phần năm của cả bản kinh. Như vậy thì để giảng viên mãn bộ kinh này theo phương pháp mà tôi đã dùng, đại khái cần bao nhiêu giờ? Hơn hai vạn giờ! Chắc chắn phải hơn hai vạn giờ. Tôi còn có thể sống lâu như thế hay chăng? Kinh dài mà giảng gọn lại thì được, hai, ba năm cũng có thể giảng xong; nhưng con người hiện thời nghe kinh, càng chi tiết, càng thú vị. Theo phương pháp giảng kinh như cổ nhân, đừng nói tới thời xa xôi quá, ngay như phương pháp giảng kinh của thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, người bình thường trong hiện tại sẽ chẳng dễ tiếp nhận. Quá đơn giản, nghe không hiểu, đây là nói tới vấn đề khế cơ. Giảng cho người hiện đại, phải giảng thấu triệt, giảng rõ ràng, giảng minh bạch, họ thật sự nghe hiểu sẽ sanh tâm hoan hỷ. Đúng là khó khăn! Lần này tôi nói với các đồng học, tôi tạm thời ngưng kinh Hoa Nghiêm lại. Tôi nghĩ là ngừng một năm, trong thời gian một năm này, giảng minh bạch, rõ ràng bộ chú giải này. Vì sao? Đây là trung bổn Hoa Nghiêm. Hiện tại, cả thế giới, xã hội động loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra. Trong tháng này, các đồng học có gởi cho tôi xem một tài liệu: Từ ngày mồng Bốn tháng Ba đến mồng Bảy tháng Tư, trong thời gian một tháng, khắp thế giới đã có mười một lần động đất từ cấp sáu trở lên. Vùng biển Ấn Ni (Indonesia) phát sanh sóng thần (tsunami), xảy ra liên tiếp như vậy, dày đặc như vậy. Nhiều đồng học đã xem phim "2012". Bốn mươi, năm mươi năm qua tôi chẳng xem phim, chẳng coi TV, các đồng học một mực kéo tôi đi xem. Tôi coi xong, trở về bảo mọi người: Đây chẳng phải là ngẫu nhiên, phim được chiếu trên khắp thế giới, đối với người học Phật chúng ta mà nói, đây là một thứ cảm ứng, cõi trời đã cảnh cáo nhân loại. Nếu chẳng sám hối, nếu không quay đầu, chẳng thể đoạn ác tu thiện, sửa lỗi, đổi mới, sợ rằng tai nạn ấy sẽ là sự thật, chẳng giả! Hai năm gần đây nhất, chúng ta làm Tam Thời Hệ Niệm Phật sự, tôi đề xướng làm bốn mươi chín ngày. Đang khi bắt đầu, trong hôm thứ nhất hay hôm thứ hai, trong đạo tràng có một đồng tu bị quỷ thần dựa thân, đến tìm tôi, tôi hỏi: "Chuyện gì?" Người ấy nói: "Thầy không biết đâu! Hiện thời, tai nạn rất nghiêm trọng [sẽ xảy ra] trong một thời gian rất dài", báo cho tôi biết mức độ nghiêm trọng. Tôi nói: "Ước chừng bao lâu?" Người ấy nói: "Đại khái là từ ba năm đến năm năm", thời gian dài như thế đó! Người ấy nói: "Phật sự bốn mươi chín ngày

không đạt hiệu quả". Tôi hỏi: "Làm sao mới có thể đạt được hiệu quả?" Người ấy đề nghị một trăm thất, tức là phải làm Hệ Niệm Phật sự bảy trăm ngày! Sau khi tôi nghe xong, tôi nói: "Được rồi! Ngươi hãy đi đi". Sau đấy, tôi tìm lão hòa thượng Mãn Thành ở Thật Tế Thiền Tự35, Ngài cũng đã vãng sanh rồi, vãng sanh vào năm ngoái. Tôi và

Ngài thương lượng. Tôi hỏi: "Ý lão hòa thượng như thế nào?" Lão hòa thượng đáp ứng ngay. Vì thế, tại Thật Tế Thiền Tự, lần đầu tiên làm một trăm thất, làm Hệ Niệm Phật Sự bảy trăm ngày là do quỷ thần nhập thân yêu cầu. Pháp hội này đến ngày Hai Mươi Lăm tháng Ba mới viên mãn, bảy trăm ngày! Hiện thời, tai nạn ngày càng nhiều, khi ấy, tôi ở Đài Loan để chữa răng, tôi bị bệnh nha chu36, tôi bảo pháp sư Ngộ Đạo, đạo tràng của thầy ấy ở Đài Bắc. Tôi nói: "Sau khi thầy trở về, hãy tổ chức Phật sự bảy trăm ngày tại Đài Bắc". Pháp sư Ngộ Hạnh ở Đài Nam, tôi bảo: "Ông cũng làm Phật sự bảy trăm ngày tại Đài Nam. Tôi phối hợp với các ông bắt đầu giảng kinh Vô Lượng Thọ". Bọn họ đều hoan hỷ. Tôi nói: "Chúng ta giảng bộ kinh này cõi âm lẫn dương gian đều được lợi, hy vọng đem công đức giảng kinh này hồi hướng cho hư không pháp giới, mong hóa giải tai nạn. Dẫu chẳng thể hóa giải, cũng khiến cho tai nạn giảm nhẹ, chậm xảy ra, chúng ta có thể tin tưởng điều này". Đây là nhân duyên chúng tôi giảng kinh lần này. Chúng tôi mong muốn đem bộ kinh này do cụ Hạ đã tốn thời gian mười năm hội tập thành một bản tiêu chuẩn hoàn mỹ như vậy, cụ Hoàng Niệm Tổ không nề hà tuổi già, lắm bệnh, suốt ngày đêm không nghỉ ngơi để hoàn thành trước tác này, nếu chúng ta không nghiêm túc nỗ lực học tập kỹ càng, làm sao xứng với hai vị lão nhân ấy? Do vậy, tôi bảo các đồng học, mọi người chúng ta hãy phát tâm. Thật sự muốn cứu vớt tai nạn này, có thể [cứu vớt] hay không? Câu trả lời là khẳng định! Nếu trên thế giới này, thật sự có một đạo tràng đúng pháp xuất hiện, trên cả địa cầu sẽ chẳng còn tai nạn! Đạo tràng gì vậy? Tăng đoàn. Tăng là gì? Tăng có nghĩa là Lục Hòa Kính, trong ấy có sáu điều kiện. Sáu chuyện ấy đều làm được [thì gọi là Tăng]. Bốn người trở lên ở cùng một chỗ tu hành thì gọi là Chúng; đây là một đoàn thể tuân thủ giáo huấn của đức Phật. "Kiến hòa đồng giải", con người hiện thời gọi là "thành lập cộng thức" (hình thành một nhận thức chung). Chúng ta là những người cùng nhau tu học, tư tưởng nhất trí, kiến giải là nhất trí, chẳng mâu thuẫn, chẳng đối lập; đây là điều kiện trọng yếu nhất trong Lục Hòa. Thứ hai là "giới hòa đồng tu", mọi người ở cùng một chỗ nhất định phải giữ quy củ, quy củ là gì? Quy củ là giới luật. Thứ ba là "thân hòa đồng trụ", chúng ta ở cùng một chỗ. "Khẩu hòa vô tránh", mọi người giữ một niềm hòa khí, không tranh cãi. "Ý hòa đồng duyệt", tu hành cùng một chỗ, sống cùng một chỗ, vui vẻ, pháp hỷ sung mãn. Điều cuối cùng là "lợi hòa đồng quân", cũng là đãi ngộ bình đẳng trong cuộc sống vật chất, không có người nào được ưu đãi [hơn người khác]. Đây là thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, trong Tăng đoàn của Ngài có sáu quy củ đơn giản như thế. Tăng đoàn của Phật rất lớn, một ngàn hai trăm năm mươi lăm người; trong kinh chúng ta thường thấy: Người

người đều tuân thủ sáu điều này. Nay có thể xuất hiện một Tăng đoàn như thế, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Hết thảy chư Phật hộ niệm, hết thảy thiên long thiện thần ủng hộ, nơi ấy sẽ không có tai nạn; nhưng Tăng đoàn như vậy [kiếm không ra]. Ba mươi năm trước, lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng giảng kinh vào năm 1977, đã gặp

pháp sư Tẩy Trần, chúng tôi hết sức hợp duyên, nói chuyện rất hợp. Sư cũng là một trong các vị lãnh tụ của Phật giáo Hương Cảng, Sư cũng vãng sanh từ mấy năm trước rồi! Tôi và Sư nói tới vấn đề này, tôi nói: "Chúng ta có thể phát tâm hay không? Tìm năm người xuất gia chí đồng đạo hợp, năm vị tỳ-kheo, chúng ta thi hành Lục Hòa Kính, thành lập Tăng đoàn này?" Sư nghe xong rất hoan hỷ. Tôi ở Đài Loan, Sư ở Hương Cảng. Bàn bạc rất vui vẻ, nhưng không có cách nào thực hiện, chẳng dễ dàng! Đạo tràng hiện thời, hai người ở chung một chỗ thường cãi nhau, còn làm gì được nữa? Thật sự có thể xuất hiện Tăng đoàn này, thì nơi ấy, tai nạn sẽ bị hóa giải. Có ai thật sự chịu làm hay không? Làm thế nào mới có thể thực hiện? Đạt đến vô ngã sẽ thực hiện được! Khởi tâm động niệm nghĩ đến người khác. Nếu khởi tâm động niệm, ý niệm thứ nhất bèn nghĩ đến chính mình, sẽ không thể thực hiện được! Vào Phật môn, ải thứ nhất là phá Ngã Chấp. Trong Kiến Tư phiền não có năm món Kiến Hoặc, món đầu tiên là Thân Kiến, chấp chặt cái thân này là ta. Hết thảy đều vì cái thân ta mà suy nghĩ, hỏng rồi! Tự tư, tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, toàn bộ dấy lên, làm sao có thể hòa hợp với người khác? Vì thế, đừng chấp trước thân này là ta nữa, đừng đối lập với người khác nữa. Không chỉ chẳng đối lập với người khác, mà trong hết thảy mọi sự đều chẳng đối lập, chẳng đối lập với vạn vật trong trời đất. Đó là phá Biên Kiến. Sau đấy, lại phá Thành Kiến. Chúng ta nói người nào đó thành kiến rất sâu, ta nghĩ như vậy. Ta cho là như vậy thì sẽ không thể tu tùy hỷ công đức, sẽ không thể hằng thuận chúng sanh. Phải buông thành kiến xuống, quý vị mới có thể tu tùy hỷ công đức, mới có thể tu hằng thuận chúng sanh. Đấy mới là bước đầu để nhập Phật môn. Trong Tiểu Thừa là Tu Đà Hoàn, trong Đại Thừa là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm. Tuy mới nhập môn, nhưng công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn, cho nên được hết thảy chư Phật hộ niệm, quý vị thật sự là đệ tử của Phật, lẽ nào Phật chẳng quan tâm đến quý vị? Trời, rồng ủng hộ, quỷ thần tôn kính. Một Tăng đoàn như vậy xuất hiện, nơi ấy thật có phước! Có bốn năm người thật sự chịu làm [như vậy] hay chăng? Bỏ mình vì người, khởi tâm động niệm đều mong cho chánh pháp của Thích Ca Như Lai được tồn tại lâu dài, khởi tâm động niệm luôn vì hết thảy chúng sanh khổ nạn trong thế gian này, đừng nghĩ tới chính mình, quên đi bản thân thì mới có thể thực hiện Lục Hòa Kính.

Hiện thời tai nạn hiện tiền, tôi đã nói với mọi người. Cư sĩ Lưu Tố Vân cũng đã báo cáo với quý vị, rất khó có! Chúng ta phải có cách nhìn như thế nào? Phải giống như Ấn Quang đại sư đã nói: Đem một chữ Chết dán trên trán! Tôi đã đến viếng quan phòng (nơi bế quan) của Ấn Quang đại sư tại Linh Nham Sơn Tự, Tô Châu. Trong quan phòng có một Phật đường nhỏ, chẳng lớn, đại khái chỉ lớn bằng nửa phòng thâu hình của chúng ta. Sau tượng Phật có viết một chữ, do chính lão nhân gia đã viết chữ "Tử" ấy. Hằng ngày nghĩ đến, cái chết ở trước mặt, còn có cái gì mà quý vị không thể buông xuống được? Do vậy, hôm nay, sau khi chúng ta xem xong phim "2012", tôi nói với mọi người, chúng ta phải coi ngày hôm nay như ngày cuối cùng trên cuộc đời. Sáng mai thức dậy, ta lại coi như là ngày cuối. Mỗi ngày đều là ngày cuối cùng, điều gì quý vị cũng buông xuống mới hòng đạt được tâm thanh tịnh! Đến thế gian này với hai bàn tay trống trơn, khi đi, vẫn trống trơn ra đi, cái gì cũng không mang theo được! Nhất tâm

tưởng Phật, trong tâm điều gì cũng chẳng màng tới, chỉ có A Di Đà Phật, một phương hướng, một mục tiêu. Một phương hướng là Tây Phương Cực Lạc thế giới, một mục tiêu là đến Cực Lạc thế giới thân cận A Di Đà Phật. [Chỉ có] một niệm này, trừ một niệm này ra, không có niệm thứ hai, quý vị mới thật sự buông xuống vạn duyên. Tai nạn xảy đến có sợ hay không? Không sợ. Ta mỗi ngày tưởng A Di Đà Phật, mỗi ngày tưởng thế giới Cực Lạc, rốt cuộc đến dịp, ta bèn ra đi, chẳng có mảy may sợ hãi gì! Mỗi ngày đều chờ đợi, mỗi ngày đều hướng về, đó là đúng. Đây chẳng phải là tiêu cực, mà là tích cực. Ngày hôm nay là ngày cuối cùng của ta, ắt phải đoạn ác tu thiện, ắt phải tích công lũy đức, vì sao? Phải biết nâng cao phẩm vị của chính mình. Chúng sanh khổ nạn, ta có được một ngày, sống một ngày thì phải toàn tâm toàn lực giúp mọi người một ngày. Ta giúp mọi người một ngày nhưng tâm địa trong sạch, tam luân thể không, trọn chẳng chấp tướng, niệm niệm chẳng xả A Di Đà Phật. Có được bốn năm người thật sự có thể quán như thế, thật sự làm, Tăng đoàn hòa hợp sẽ thành lập, ở nơi đâu? Ngay trong tiểu đạo tràng này, tiểu đạo tràng này chiếu sáng đại thiên. Chúng ta là người đã học bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, đều biết: Niệm vừa dấy lên, lập tức trọn khắp pháp giới. Đây là nói thông tin linh thông, chẳng bị chướng ngại mảy may. Tốc độ [lan truyền ấy] nhanh hơn tốc độ ánh sáng, nhanh hơn tốc độ của sóng điện từ (electromagnetic wave). Ý niệm vừa khởi, bèn trọn khắp pháp giới, chư Phật, Bồ Tát biết, thiên long quỷ thần cũng biết. Trong cuộc đời này, phải có lòng tin kiên định, quyết định thành Phật trong một đời này. Nay chúng ta học bộ kinh này, bộ kinh này hướng dẫn chúng ta thâm nhập một môn, trường thời huân tu, thành tựu viên mãn Bồ Đề trong một đời. Vì thế, kinh có dạy, tức là kinh Hoa Nghiêm có nói: “Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”. Cảnh giới vô chướng ngại là Nhất Chân pháp giới. Tây

Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới, thế giới Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới. “Hoa Nghiêm bí áo chi Lý Thể, chánh tại bổn kinh, cố vân Khế Lý” (Lý Thể ẩn kín, nhiệm mầu của kinh Hoa Nghiêm ở ngay trong kinh này, nên nói là Khế Lý). Những điều được nói trong kinh này và kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn tương đồng. “Chí ư khế cơ, tắc cánh thị bổn kinh chi độc thắng” (Còn về phần khế hợp căn cơ, bản kinh này lại càng thù thắng độc đáo). Câu này viết hay quá! Độc thắng! Hết thảy các kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, nếu luận về phương diện khế cơ, đều thua bộ kinh này. Sở dĩ đức Thế Tôn thuở tại thế đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này, vì lẽ nào? Kinh này khế cơ! Phương pháp này bất luận là ai cũng đều có thể học, đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, thành tựu lại đặc biệt thù thắng, tìm đâu ra một pháp môn nào khác giống như vậy? “Kinh trung chi trì danh pháp môn, phổ bị tam căn, tề thâu phàm thánh” (pháp môn trì danh trong kinh thích hợp khắp ba căn, thâu tóm lợi căn lẫn độn căn). Đây là chỗ độc thắng. Dùng phương pháp nào? Dùng phương pháp Niệm Phật, niệm danh hiệu Phật. Quý vị niệm bốn chữ A Di Đà Phật cũng được; mà niệm sáu chữ cũng được, Nam-mô A Di Đà Phật. Sáu chữ này là dịch âm tiếng Phạn. “Nam-mô” có nghĩa là “quy y, quy mạng, tôn kính”, có những ý nghĩa này, đó là ý nghĩa của chữ Nam-mô. Chữ “A” có thể dịch sang chữ Hán, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác, Vô Lượng Giác! Vô Lượng Giác là gì? Là tự tánh. Vì thế, danh hiệu này là chính chúng ta, là danh hiệu tự tánh của đương nhân. Trong Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư

Trung Phong đã nói rất hay: A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà, Tây Phương Cực Lạc thế giới là duy tâm Tịnh Độ, chẳng ở bên ngoài! Hết thảy các pháp chẳng lìa tự tánh, Di Đà và thế giới Cực Lạc cũng chẳng lìa tự tánh. Nói cách khác, do tự tánh biến, tự tánh Di Đà! Nói rõ hơn một chút: Chính mình niệm chính mình, ta chẳng niệm tham, sân, si, mạn, ta chẳng niệm tự tư, tự lợi, ta chẳng niệm tiếng tăm, lợi dưỡng, ta niệm tự tánh, tự tánh là Vô Lượng Giác. Trong kinh Đại Thừa thường giảng, chúng ta đã nghe rất nhiều rồi, học nhiều lắm rồi: "Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng". Quý vị tưởng gì, bèn hiện ra cảnh giới ấy. Nay ta tưởng A Di Đà Phật, ta nghĩ tới Tánh Đức trong tự tánh của ta, lẽ nào chẳng thành tựu? Minh tâm kiến tánh là vọng tận hoàn nguyên, dùng phương pháp này thù thắng khôn sánh! "Phổ bị tam căn", tam căn là thượng, trung, hạ, ["phổ bị tam căn" là] các căn tánh bất đồng đều có thể học. "Tề thâu phàm thánh": Phàm phu có thể học, có thể thành công; thánh nhân cũng có thể học, cũng có thể thành công. "Thượng thượng căn giả, chánh hảo toàn thể thừa đương" (người thượng thượng căn rất thích hợp để gánh vác toàn thể), bậc thượng thượng căn là ai? Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Quán Âm, Thế Chí, những vị thánh nhân là bậc thượng thượng căn. Đúng vậy! Trong kinh Hoa Nghiêm,

chúng ta thấy Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tôi đã từng thưa với các vị đồng học, khi tôi còn trẻ, vốn tưởng Phật giáo là mê tín, là tôn giáo, không muốn tiếp xúc, mà cũng chẳng muốn gần gũi. Về sau, theo học Triết Học với tiên sinh Phương Đông Mỹ, từ sách giáo khoa, cụ giảng Triết Học trong kinh Phật cho tôi. Tôi thỉnh giáo cụ. Tôi nói: "Phật giáo là mê tín, đa thần giáo, phiếm thần giáo37, là tôn giáo cấp thấp, làm sao có Triết Học cho được?" Cụ dạy tôi: "Anh còn trẻ, chưa biết, Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc triết gia vĩ đại nhất trên cả thế giới". Tôi chưa từng nghe ai nói như thế! "Triết Học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong toàn bộ Triết Học thế giới. Học Phật là sự hưởng thụ tối cao trong cuộc đời". Tôi mới sửa đổi quan niệm sai lầm trong quá khứ. Lời dạy sau đây của cụ hết sức quan trọng: "Phật pháp ở trong kinh điển, không ở chốn chùa chiền". Lời hướng dẫn này hết sức quan trọng. Nếu chúng tôi đến tìm [Phật pháp] trong chùa chiền sẽ chẳng thấy, thấy toàn là mê tín, lời thầy nói chẳng phải là giả hay sao? Do cụ cũng sợ tôi khởi lên mối nghi hoặc này, [nên dạy tôi hãy học Phật pháp] từ kinh điển, bảo tôi tìm Phật pháp trong kinh điển, học tập từ kinh điển. Sau đấy không lâu, tôi quen biết Chương Gia đại sư. Chương Gia đại sư dạy tôi hãy học tập Thích Ca Mâu Ni Phật, dạy tôi đọc sách. Sách Phật tôi đọc sớm nhất là Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí, đó là truyện ký về Thích Ca Mâu Ni Phật. Sư nói: "Nếu anh muốn học Phật, trước hết, phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật". Đọc rồi mới biết: Thích Ca Mâu Ni Phật vốn chẳng dính dáng tới tôn giáo. Nhìn theo quan điểm hiện thời, Phật là gì? Ngài giữ chức trách của một vị thầy, suốt đời dạy học. Sau khi đã khai ngộ vào năm ba mươi tuổi, đức Phật bèn bắt đầu dạy học; bảy mươi chín tuổi vãng sanh, dạy học suốt bốn mươi chín năm, vui thích sự nghiệp này, chẳng mệt mỏi, giống như Khổng lão phu tử, dạy dỗ không phân biệt, người đến chẳng cự tuyệt, kẻ đi không giữ lại. Suốt đời làm công tác dạy học, chẳng lập đạo tràng! Rừng núi, cội cây, các đệ tử thường theo hầu không ít người, hơn một ngàn người. Còn có những người chẳng thường theo học, ngẫu nhiên đến tham dự, tôi phỏng đoán nơi

Ngài dạy học chắc phải có chừng hai ba ngàn người, phải là như vậy, kể cả những người ngẫu nhiên đến dự, phải có quy mô to lớn như thế. Điều này khiến cho chúng ta suy tưởng: Thuở ấy, chẳng có máy khuếch âm (amplifier), Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, âm thanh giảng kinh có thể phủ trọn, có thể nhiếp thọ một nơi to lớn như vậy, người bình thường sẽ chẳng thể làm được! Huống hồ còn "nhất âm thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải" (một âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu). Chúng ta biết: Người từ bốn phương tám hướng tới dự, ngôn ngữ khác nhau, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật giảng

kinh, thuyết pháp, họ đều có thể nghe hiểu. Đây cũng chẳng phải là chuyện dễ! Đều có thể nghe hiểu, tiếp nhận, đúng là một vị thầy giỏi! Phật giáo biến thành tôn giáo, biến thành tình trạng như hiện thời, chúng ta phải biết là đã xảy ra rất trễ, đại khái tôi nghĩ phải xảy ra sau thời Gia Khánh. Vào thời Càn Long, chúng ta thấy [Phật giáo] vẫn là giáo học. Trong chùa chiền, cao tăng đại đức mỗi ngày giảng kinh, mỗi ngày đều dạy học. Sau Càn Long là Gia Khánh, sau Gia Khánh là Đạo Quang, nói chung là dần dần biến chất trong thời gian này. Tôi nghĩ thật sự biến chất trên bình diện lớn phải là vào thời Từ Hy Thái Hậu. Từ Hy Thái Hậu mê tín, nhiều chuyện chẳng theo gương các vị đế vương khi trước hướng về cao tăng đại đức thỉnh giáo. Trong cung đình của Từ Hy Thái Hậu không hề giảng kinh. Trong cung đình nhà Thanh [trước thời Từ Hy], thường không ngừng mời cao nhân Nho, Thích, Đạo dạy học. Từ Hy Thái Hậu phế trừ chế độ này, trong cung đình chẳng còn giảng học nữa. Bà ta thích lên đồng, cầu cơ, Chương Gia đại sư kể cho tôi nghe chuyện này. Quốc gia đại sự đều thỉnh ý thần, cầu cơ để hỏi thần, cho nên vong quốc! Tôi nghĩ chuyện này có ảnh hưởng hết sức lớn, người trên làm, kẻ dưới bắt chước theo, cho nên Phật giáo biến thành tôn giáo. Hiện thời, nói Phật giáo là tôn giáo, chúng ta chẳng thể phủ định, nhưng thầy tôi là Chương Gia đại sư và tiên sinh Phương Đông Mỹ đều dạy tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta học tập kinh điển, trong kinh điển có những món báu, có những thứ tốt đẹp, có thể giúp chúng ta quay đầu, giúp chúng ta minh tâm kiến tánh. Vì thế, bậc thượng thượng căn mới có thể đảm nhiệm toàn thể, hoàn toàn tiếp nhận. [Câu này] có nghĩa là hoàn toàn tiếp nhận. "Hạ hạ căn giả, diệc khả y chi đắc độ" (kẻ hạ hạ căn cũng có thể noi theo mà đắc độ): Quý vị nương theo lý luận và phương pháp do kinh điển đã giảng, nghiêm túc thực hiện, sẽ có thể vãng sanh. Vãng sanh là thành Phật, chuyện này là thật, chẳng giả. "Thượng tắc Văn Thù, Phổ Hiền Pháp Thân đại sĩ, diệc quân phát nguyện cầu sanh" (trên thì Văn Thù, Phổ Hiền, Pháp Thân đại sĩ cũng đều phát nguyện cầu sanh), đây là nói về bậc thượng thượng căn; "hạ chí Ngũ Nghịch, Thập Ác" (dưới là đến phường Ngũ Nghịch, Thập Ác), những kẻ không việc ác nào chẳng làm, "lâm chung niệm Phật" cũng có thể "tùy nguyện đắc sanh", hết sức phi phàm! Ngũ Nghịch là gì? Thập Ác là gì? Hôm nay thời gian qua nhanh quá, không có thời gian để giảng, ngày mai tôi sẽ nói với quý vị, vì có rất nhiều đồng tu chẳng hiểu Ngũ Nghịch, Thập Ác là gì! Chúng sanh làm ác như vậy, lâm chung gặp người khác khuyên dạy, kẻ ấy có thể tin, thật sự sám hối, thật sự niệm Phật, cũng có thể vãng sanh. Đúng là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải giả! "Hoành xuất tam giới, viên đăng tứ độ" (vượt tam giới theo chiều ngang, lên trọn vẹn bốn

cõi). Hôm nay đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng ta sẽ học tập đoạn tiếp theo.

---o0o---

Tập 08

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin ngồi xuống. Xin xem dòng thứ tư trong trang bảy của bản kinh. Chúng ta xem từ chỗ "chí ư khế cơ, tắc cánh thị bổn kinh chi độc thắng" (còn về khế cơ thì càng là chỗ thù thắng độc đáo của kinh này), xem từ chỗ này. "Kinh trung chi trì danh pháp môn, phổ bị tam căn, tề thâu phàm thánh. Thượng thượng căn giả, chánh hảo toàn thể thừa đương; hạ hạ căn giả, diệc khả y chi đắc độ" (Pháp môn trì danh trong kinh này thích hợp khắp ba căn, thâu trọn phàm thánh. Bậc thượng thượng căn rất hợp để gánh vác toàn thể. Kẻ hạ hạ căn cũng có thể nương theo kinh này mà đắc độ). Lần trước, chúng ta học tập đến chỗ này. Tiếp theo đó là: "Thượng tắc Văn Thù, Phổ Hiền, Pháp Thân đại sĩ, diệc quân phát nguyện cầu sanh" (trên thì như Văn Thù, Phổ Hiền, Pháp Thân đại sĩ cũng đều phát nguyện cầu sanh), đến phần sau, chúng ta sẽ thấy cụ Niệm Tổ dẫn kinh văn của kinh Hoa Nghiêm [để làm chứng cho nhận định trên đây]. "Hạ chí Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung niệm Phật, diệc tất tùy nguyện đắc sanh" (dưới thì đến Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung niệm Phật, ắt cũng được tùy nguyện vãng sanh), dưới thì nói đến căn tánh nào? Nói đến kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác. Ngũ Nghịch là gì? Là kẻ tạo tác tội nghiệp cực nặng. Trong kinh nói, tội Ngũ Nghịch, Thập Ác nhất định đọa địa ngục A Tỳ, vào rất dễ, thoát ra rất tốn sức, quá khó khăn! Ngũ Nghịch: Thứ nhất là "giết cha", thứ hai là "giết mẹ". Ân đức cha mẹ to lớn, trong kinh Phật có một bộ kinh chuyên giảng về điều này là Phụ Mẫu Ân Trọng Nan Báo Kinh. Trong Đại Tạng Kinh, kinh này có hai bản dịch, thứ nhất là bản dịch của ngài An Thế Cao, bản này chắc chắn không phải là ngụy kinh vì trong Dịch Kinh Mục Lục có bản này. Bản thứ hai do ngài Cưu Ma La Thập dịch, bản này không đáng tin, vì trong mục lục các kinh do La Thập đại sư phiên dịch không thấy bộ này, rất có thể là do người đời sau ngụy tạo, mạo nhận tên La Thập đại sư; nhưng những điều được giảng trong ấy cũng khá lắm, chúng ta có thể coi như một loại sách khuyến thiện, nên Đại Tạng Kinh cũng thâu nhận. Được thâu nhận là vì có những thứ quả thật là ngụy tạo, nhưng do nội dung cũng rất tốt, cổ đại đức cũng đưa vào Đại Tạng, chúng ta học tập kinh giáo chớ nên không biết. Những loại này có thể dùng làm tài liệu tham khảo. Nếu muốn học, muốn giảng giải

bên ngoài, tốt nhất là dùng bản của ngài An Thế Cao, có căn cứ! Giết cha, giết mẹ, xong luôn! Thứ ba là "giết A La Hán". A La Hán giống như thầy; trong thế gian này, A La Hán giáo hóa một phương, công đức cũng hết sức thù thắng, quý vị giết hại Ngài. Hại Ngài là chuyện nhỏ, Ngài chẳng trách quý vị, người ta đã chứng quả thành thánh nhân, trọn chẳng ghi nhớ cừu hận. Kết tội ở chỗ nào? Nhiều người không có ai giáo hóa! A La Hán vốn giáo hóa cả vùng này, quý vị giết Ngài đi, duyên nghe pháp của cả vùng này bị đoạn, kết tội từ chỗ này! Nếu Ngài dạy học rất rộng, thời gian rất lâu, tội của quý vị cũng rất sâu, rất nặng, đó gọi là tội Đẳng Lưu, vẫn là đọa trong địa ngục A Tỳ. Thứ tư là "làm thân Phật chảy máu". Phật phước báo to lớn, không ai có thể hại chết Phật, nhưng có thể khiến Phật chảy một chút máu. Chuyện này xuất phát từ Đề Bà Đạt Đa, Đề Bà Đạt

Đa muốn hại Thích Ca Mâu Ni Phật, ông ta rất ganh ghét Thích Ca Mâu Ni Phật, dù là đệ tử Phật, và trong quan hệ thế gian là anh em họ [của Phật]. Cho nên có quan hệ rất sâu, anh em họ mà! Ganh ghét vì Thích Ca Mâu Ni Phật sau khi thành Phật có nhiều tín đồ, được thập phương cung kính cúng dường. Ông ta thấy vậy, không chịu được, luôn nghĩ đủ mọi cách hại Phật. Có một ngày, ông ta tính toán: Mỗi ngày Thích Ca Mâu Ni Phật đi khất thực phải đi theo con đường dưới vách núi, Đề Bà Đạt Đa chuẩn bị sẵn một tảng đá lớn trên đỉnh vách núi, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đi phía dưới, bèn đẩy xuống, nghĩ Phật sẽ bị đá đè chết. Phật phước báo to lớn, có thần hộ pháp, thần hộ pháp là Vi Đà Bồ Tát, ở trên không trung dùng Kim Cang xử ngăn tảng đá. Bị chặn lại, tảng đá vỡ thành mảnh nhỏ, sau khi các miếng đá rơi xuống, một miếng cắt trúng chân Phật, chảy một chút máu. Chảy một chút máu gọi là "làm thân Phật chảy máu". Nếu nay chúng ta muốn làm thân Phật chảy máu, nhưng Phật lại không ở trên đời, cho nên đây là chuyện không thể được; nhưng có chuyện giống như thế, tội nặng bằng, đó là gì? Chính là khởi ác niệm muốn hủy diệt hình tượng Phật, điều này cũng giống như làm thân Phật chảy máu! Do vậy, công đức tạo tượng chẳng thể nghĩ bàn! Một pho tượng được đắp tại một nơi nào đó, bao nhiêu người trông thấy bức tượng Phật ấy, gieo một chủng tử Phật vào A Lại Da Thức, họ bèn có duyên với Phật. Trong một đời này, chủng tử ấy chưa thể nẩy mầm, chưa thể trưởng thành, chẳng sao cả! Đời kế tiếp hoặc đời sau nữa, gặp duyên, chủng tử này bèn khởi hiện hành, sẽ khởi tác dụng. Bởi lẽ, kẻ được Phật hóa độ chính là những chúng sanh căn cơ đã chín muồi, Phật nhất định giúp cho kẻ ấy thành Phật trong đời này. Chúng sanh căn cơ đã chín muồi là do đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã tích lũy các công đức, đến đời này công đức tu học bèn chín muồi. Trong Thiền Tông, bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật chính là chúng sanh căn cơ chín muồi; nếu luận về căn tánh sẽ được gọi

là bậc thượng thượng căn, họ đều thuộc về hạng thượng thượng căn. Trong Giáo Hạ, bậc được gọi là "đại khai viên giải", thật sự triệt ngộ sẽ có cảnh giới giống như bậc minh tâm kiến tánh trong Thiền Tông. Trong pháp môn Niệm Phật, họ được gọi là "Lý nhất tâm bất loạn". Quý vị thấy danh xưng khác nhau, Tịnh Tông là Lý nhất tâm bất loạn, Giáo Hạ là đại khai viên giải, Tông Môn là đại triệt đại ngộ, nhưng đều là minh tâm kiến tánh. Quý vị phải biết: Mục tiêu chung cực (cuối cùng, rốt ráo) của niệm Phật vẫn là minh tâm kiến tánh. Cho nên đức Phật mới nói, như kinh Kim Cang đã chép: "Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp". Vì sao bình đẳng? Đạt tới mục tiêu giống nhau là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh trong Niệm Phật là Lý nhất tâm bất loạn; chứ Sự nhất tâm bất loạn vẫn chưa đạt đến [minh tâm kiến tánh]. Trong mười pháp giới, tứ thánh pháp giới là Sự nhất tâm bất loạn, công phu ấy coi như khá lắm, vượt thoát lục đạo luân hồi. Nếu chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, công phu niệm Phật ấy là công phu thành phiến. Công phu thành phiến cũng có chín phẩm, vì trong cõi trời từ Tứ Vương Thiên cho đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên là hai mươi tám tầng, mỗi tầng khác nhau! Đây là kiến thức Phật học thông thường, chúng ta phải biết. Trong Sự nhất tâm bất loạn có tứ thánh pháp giới, trong Tiểu Thừa là Tứ Quả, Tứ Hướng, nhưng trong tứ thánh pháp giới, trên A La Hán còn có Bích Chi Phật, còn có Bồ Tát, còn có Phật, thảy đều thuộc về Sự nhất tâm bất loạn. Nếu chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn,

sẽ vượt thoát, không còn thuộc trong mười pháp giới, đã thành Phật, đạt đến Nhất Chân pháp giới, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đây là chúng sanh hữu duyên với Phật. Sự thù thắng trong Tịnh Độ Tông, nói thật ra, vô cùng thù thắng, vì sao? Tịnh Độ Tông chẳng đoạn một phẩm phiền não. Đoạn phiền não đúng là chẳng dễ dàng! Đoạn được một phẩm phiền não sẽ là thánh nhân, chẳng phải là phàm nhân. Quý vị đoạn được một phẩm Kiến Tư phiền não, sẽ chứng đắc quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, còn trong Đại Thừa, nói theo kinh Hoa Nghiêm, sẽ là địa vị Sơ Tín trong Thập Tín. Tuy địa vị chẳng cao, mới là bậc thánh nhân nhỏ tí, [điều này] giống như một trường học trong Phật giáo: Học lớp Một Tiểu Học, quý vị đã bước vào trường. Sơ Tín Vị Bồ Tát là học sinh lớp Một Tiểu Học, thật sự là đệ tử Phật. Công phu đoạn phiền não bình đẳng và giống như Tu Đà Hoàn; cho nên vị ấy thật sự là tiểu thánh, chưa rời khỏi lục đạo. Tuy chưa rời khỏi lục đạo, vị ấy chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo. Do vậy, chứng đắc gì? Vị Bất Thoái trong ba món Bất Thoái. Vĩnh viễn chẳng đọa làm phàm phu, chẳng ở trong ác đạo. Dù không có Phật xuất thế, [nhằm lúc] thế gian không có Phật pháp, vị ấy vẫn có thể [thành tựu], trong lục đạo có thọ mạng nhất định, sanh trong nhân gian hoặc cõi trời, từ nhân gian chết bèn sanh lên trời, thọ mạng trong cõi

trời đã hết bèn sanh xuống nhân gian, bảy lần qua lại trong nhân gian và cõi trời, sẽ thành Độc Giác. Đó là khi không có thầy, vị ấy là Độc Giác. Vì sao có thể thành Độc Giác? Độc Giác không ai dạy. Chúng ta có thể suy ra Ngài là bậc thiện căn sâu dầy. Phật, Bồ Tát vẫn chiếu cố vị ấy, tuy chiếu cố, nhưng không lộ rõ. Chúng ta là người bình thường không cảm nhận được, nhưng vị ấy có cảm nhận, thấy sắc, nghe tiếng đều có lãnh ngộ. Điều kiện cơ bản để lãnh ngộ là tâm địa thanh tịnh, điều này rất trọng yếu. Trong Phật pháp nói "đắc tam-muội", tâm địa thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Nếu gặp Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh trong thế gian này, vị ấy sẽ trở thành Thanh Văn, nghe Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp bèn khai ngộ. Không gặp Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp, vẫn có thể khai ngộ, tuy thời gian lâu hơn một chút, khổ cực hơn một chút, nhưng năng lực lãnh ngộ của vị ấy rất mạnh. Nếu chúng ta hỏi: Vị tiểu thánh như vậy, nếu xét theo điều kiện trong hiện tại là Thập Tín vị Đại Thừa của Phật, để được vào học lớp Một Tiểu Học, phải có đủ những điều kiện nào? Kinh điển thuộc giáo pháp Đại Thừa thường nói: Quý vị phải đoạn hết năm thứ Kiến Hoặc. Đối với Kiến Tư phiền não, Kiến là gì? Chúng ta gọi nó là "cách nhìn". Có năm cách nhìn sai lầm to lớn, quý vị hãy bỏ sạch mới là đúng. Trên nữa là Tư Hoặc, tức là tư tưởng sai lầm, hay cách nghĩ sai lầm. Cách nghĩ sai lầm là gì? Tham, sân, si, mạn, nghi. Quý vị phải biết: Trong tự tánh không có những thứ ấy, những thứ ấy chẳng thật! Trong tự tánh không có, nhưng nay quý vị đang có. Hiện tại, do quý vị có những thứ này bèn có lục đạo luân hồi, sai lầm nơi tư tưởng! Sai lầm nơi kiến giải: Thứ nhất là Thân Kiến, chấp trước thân là ta, ta ở đâu? Nhất định là ở đây, đây là ta. Phiền phức to! Quý vị vĩnh viễn chẳng thể thoát khỏi lục đạo. Chúng ta học Phật, học đã lâu năm như thế, tuy chưa khế nhập cảnh giới, nhưng đức Phật đã giảng quá nhiều, chúng ta cũng nghe và hiểu rõ, biết thân chẳng phải là ta, thân là gì? Thân là ngã sở, tức là cái mà ta có. Quần áo ta mặc trên người do ta sở hữu, nhưng y phục của ta chẳng phải là ta. Chư vị phải biết, cái mà ta sở hữu sẽ có sanh diệt, nhưng Ngã bất sanh bất diệt. Thân thể có thể bất sanh bất diệt hay

không? Chẳng thể! Thân có sanh diệt, nhưng Ngã không có sanh diệt. Các triết gia ngoại quốc cũng rất thông minh, họ nói Ngã là gì? Họ không nói tới thân, họ nói: "Tôi tư duy, nên tôi tồn tại" (Cogito ergo sum)38, cao minh hơn người bình thường một chút. Ta có thể suy nghĩ, cái "có thể suy nghĩ" là ta, cái thân xác thịt này chẳng thể suy nghĩ, nó là vật chất; cũng có nghĩa là họ nói: Trong thân thể này, phần tinh thần là ta. Vật chất có sanh diệt, tinh thần chẳng sanh diệt, [quan điểm này] cao hơn [cách nhìn của] người bình thường một chút. Phương Đông chúng ta thường gọi ["tinh thần"] là "linh hồn", linh hồn là ta, chấp trước điều này. [Tuy chúng ta] chấp trước điều này, nhưng linh hồn tuy

bất diệt, nó vẫn bỏ thân trong lục đạo để đầu thai. Chuyện này là thật, tuyệt đối chẳng phải giả. Hiện thời, được coi như có chứng cứ khoa học rõ ràng là trong thuật thôi miên của phương Tây. Rất nhiều người đã xem báo cáo bác sĩ Ngụy Tư (Brian L. Weiss)39 của Hoa Kỳ; thật ra, theo các đồng học bên Mỹ đã bảo tôi, còn có rất nhiều người cao minh hơn ông ta, nhưng họ chưa in sách. Sau khi sách của ông Weiss ra đời, đã được dịch thành hơn ba mươi thứ tiếng khác nhau lưu thông trên cả thế giới, ông ta bèn nổi danh. Đương nhiên cũng kể như là rất khá, ông ta là một người rất thành công trong lãnh vực thôi miên. Mấy bữa gần đây, hình như ông ta đang ở Úc, các đồng học bên Úc cho biết ông ta đang ở Úc, tôi vốn muốn mời ông ta đến báo cáo, nhưng ông ta cũng hết sức bận rộn, các nơi đều mời ông ta. Qua thôi miên, biết con người có đời quá khứ, quá khứ không chỉ là một đời. Có người được thôi miên đã nói ra mười mấy đời, hai mươi mấy đời. Tôi đọc báo cáo của ông Weiss, đã có một người gần như là nhớ mấy chục đời, tính ngược lại gần như là hơn bốn ngàn năm trước, nhằm thời thượng cổ, bọn họ không có nhà ở, sống trong hang hốc, sống trong thời đại như thế đó! Đấy là linh hồn chuyển thế. Lục đạo là thật, chẳng giả. Tại cổ Ấn Độ, trong thời Thích Ca Mâu Ni Phật, Ấn Độ là đất nước tôn giáo, các tín đồ tôn giáo đều có công phu Thiền Định, trong giới học thuật đều biết tu Thiền Định. Trong Thiền Định có thể đột phá chiều không gian, cũng có nghĩa là trong lục đạo mà họ có thể đột phá chiều không gian, nhờ Tứ Thiền Bát Định, có thể thấy được Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên, phía dưới có thể thấy địa ngục A Tỳ. Chuyện này chẳng giả, ai đắc Định đều có thể thấy. Quý vị hỏi những người đắc Định, thưa hỏi về trạng huống địa ngục và thiên đường mà họ đã thấy, họ sẽ nói cho quý vị nghe, mọi người đều nói như nhau, chẳng giả! Họ chẳng dùng dụng cụ khoa học, mà dùng công phu Thiền Định để đột phá chiều không gian. Hiện thời, khoa học biết quả thật có các chiều không gian tồn tại, nhưng vẫn không biết dùng phương pháp nào để đột phá, chưa tìm ra phương pháp. Tại cổ Ấn Độ, những vị đại đức trong giới tôn giáo, học thuật từ mấy ngàn năm trước, nếu nói theo Ấn Độ Giáo, các trưởng lão Ấn Độ Giáo bảo tôi, họ đã có lịch sử lâu tới một vạn năm, nhưng hiện thời, giới học thuật trên thế giới thừa nhận [lịch sử nhân loại] là tám ngàn năm trăm năm, sớm hơn Phật giáo năm ngàn năm. Họ (các trưởng lão Ấn Độ Giáo) tự nói [lịch sử] lâu đến một vạn năm, tôi tin tưởng, họ không chú trọng ghi chép lịch sử mà là đời đời truyền cho nhau. Đột phá chiều không gian là chuyện khác hẳn, cảnh giới hoàn toàn khác nhau, nhưng đều không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Nói thật ra, đối với linh hồn, tôi nghĩ thánh nhân Trung Quốc cũng biết chuyện này, biết nhưng không nói. Vì sao không nói?

tục. Không nói tốt hơn! Nói ra sẽ nhiễu loạn tâm tư của họ, khiến họ suy nghĩ lung tung, chẳng thà không nói, [đại chúng] chưa đạt đến trình độ mà! Vì thế, phu tử giảng về nhân đạo và thiên đạo, rất ít nói tới quỷ thần. Đây là nói "cơ cảm bất đồng", cho nên phương pháp giáo học khác hẳn. Khi Lục Tổ Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói Ngã là gì? Tự tánh là Ngã. Đây là nói theo Phật pháp, tự tánh là Ngã. Nếu nói theo thế tục, sẽ không thể gọi là linh hồn, mà gọi là linh tánh. Hồn chẳng linh. Nếu hồn là linh, quý vị đến đầu thai trong thế gian, nhất định có thể chọn gia đình đại phú đại quý, cuộc sống thoải mái hơn! Nếu quý vị đến đầu thai trong nhà bần cùng, chẳng phải là lầm lạc hay sao? Mê, chẳng ngộ, bất giác. Vì thế, phu tử nói rất hay. Trong kinh Dịch, Ngài đã giảng trong phần Hệ Từ Truyện: "Du hồn vi biến, tinh khí vi vật"40, hai câu này nói rất hay! Quỷ hồn có tốc độ rất nhanh, dao động không ngừng, chẳng thể ở yên, [dao động với] tốc độ rất nhanh, đúng là "du hồn", thuyết này rất có lý. Trong Phật pháp nói đến "mê hồn", nó đã mê rồi, mê mà chẳng giác, không biết đó là chính mình; nói thật ra, [thần hồn, mê hồn, hay du hồn] chính là A Lại Da Thức như trong nhà Phật đã nói. A Lại Da Thức là mê. Hễ giác sẽ không gọi là A Lại Da Thức, mà gọi là tự tánh, gọi là pháp tánh. Cùng một chuyện, nhưng do mê hay ngộ mà có danh hiệu khác nhau! Phàm phu chúng ta và Phật có cùng một tánh, một tự tánh, một linh tánh, chẳng có mảy may sai biệt nào! Qua bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, chúng ta đã biết thông tin này. Lão nhân gia đã giảng rất tỉ mỉ, giảng vô cùng tinh vi tuyệt diệu. Sau khi chúng ta học xong, tuy chẳng chứng ngộ, nhưng có giải ngộ, chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này. Chắc chắn Phật, Bồ Tát, tổ sư chẳng lừa gạt chúng ta, chúng ta phải có lòng tin kiên định. Chúng ta học Phật chẳng có gì khác, chính là nhằm tìm lại diện mục của chính mình. Vì thế, đề mục bài luận văn của Ngài (Hiền Thủ quốc sư) là Vọng Tận Hoàn Nguyên, "hoàn nguyên" là tìm lại, kiếm lại cái Ngã thật sự. Thân là giả ngã, ngỡ thân là Ngã, quý vị đã sai mất rồi! Về trật nhà rồi! Vì thế, trước hết, phải giác ngộ thân chẳng phải là Ngã, thân là ngã sở hữu (cái mà ta có). Thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, đã thật sự thấu hiểu, quý vị có sợ chết nữa không? Không sợ! Vì sao? Không có sanh tử, quý vị sợ cái gì! Bỏ thân mạng giống như thay quần áo. Cởi bỏ quần áo dơ, vứt bỏ nó để thay một bộ mới. A Lại Da Thức là như vậy, Phật pháp gọi A Lại Da Thức là "thần thức". Thân thể này già rồi, chẳng tiện sử dụng nữa, bèn đổi sang cái mới, nhưng có người càng đổi càng tốt, có kẻ càng đổi càng tệ. Mối quan hệ này lớn lắm. Trong lục đạo, nhân thiên là tốt đẹp, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục rất tệ, quý vị đổi lấy cái thân nào? Ở đây nói tới nghiệp nhân quả báo, quý vị tâm thiện, hạnh thiện, tiêu chuẩn thiện ác là gì? Là tự tánh, Tánh Đức trong tự tánh. Cốt lõi của Tánh Đức trong tự tánh, nói theo

kiểu thông thường hiện thời là Ái, trong Phật pháp gọi là "từ bi", cổ nhân Trung Quốc gọi là "nhân nghĩa", trong bản tánh là Ái. Quả thật, sau khi kiến tánh, lòng Ái trong tự tánh sẽ tự nhiên lưu lộ, chắc chắn chẳng phân biệt, quyết định chẳng chấp trước, lòng Ái trọn khắp vũ trụ, khắp pháp giới, giống như ánh sáng, như sóng điện từ, trọn pháp giới hư không giới thảy đều cảm nhận được. Hiện thời, trong ý niệm của chúng ta, khởi tâm động niệm rất phi phàm, bất luận là thiện niệm, hay ác niệm, vừa dấy động sẽ trọn

khắp pháp giới, nhưng chính chúng ta không biết. Vì sao? Sách Hoàn Nguyên Quán bảo chúng ta: Bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, các vật chất cũng có hiện tượng dao động, bất luận vật chất nào cũng đều có hiện tượng dao động. Do vậy, các khoa học gia hiện thời bảo vũ trụ trong tình trạng dao động, trên thực tế điều gì cũng không có, vật chất do dao động mà hình thành, tinh thần cũng do dao động mà hình thành. Nếu không có dao động, tinh thần và vật chất cũng chẳng tồn tại. Cách nói này cũng rất gần với cách Phật pháp giảng về căn nguyên của vạn vật trong vũ trụ. Trong kinh Phật có nói: "Nhất niệm bất giác, nhi hữu vô minh", [nghĩa là] từ nhất niệm bất giác mà sanh khởi vạn vật, nhất niệm là dao động. Thế nhưng khoa học gia không giảng nhất niệm rõ ràng, còn kinh Phật giảng rõ ràng. Chúng ta xem cuộc đối thoại giữa Phật và Di Lặc Bồ Tát trong Bồ Tát Xử Thai Kinh41; trong bộ kinh này có một đoạn đối thoại như vậy. Đức Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát: "Tâm hữu sở niệm", [nghĩa là] bọn phàm phu chúng ta, tức phàm phu trong lục đạo, trong tâm khởi lên một niệm, đức Phật bèn hỏi: "Trong một niệm ấy có bao nhiêu niệm?" Chúng ta nghĩ không ra, trong một niệm lại còn có mấy niệm nữa ư? Ai có thể nghĩ đến vấn đề này? Tôi nghĩ khoa học gia thông minh nhất trong hiện tại cũng không nghĩ đến. Trong một niệm có mấy niệm? Nói cách khác, nhất niệm này do bao nhiêu tế niệm hợp thành? Câu hỏi này mới có ý nghĩa, có bao nhiêu niệm? Tiếp đó, lại hỏi: Có mấy tướng? Có mấy thức? Tướng là hiện tượng vật chất, thức là hiện tượng tinh thần. Đức Phật nêu câu hỏi như thế! Di Lặc Bồ Tát là một nhà tâm lý học trong Phật giáo; nếu coi Phật giáo như giáo dục thì Ngài chuyên môn dạy tâm lý học. Ngài đáp lời đức Thế Tôn, trên thực tế, hai vị đàm thoại để bọn chúng ta nghe, chẳng phải là không biết. Di Lặc Bồ Tát nói một khảy ngón tay, thời gian khảy ngón tay rất ngắn, người trong thế gian này khởi lên một niệm ước chừng bằng thời gian khảy ngón tay. Trong khoảng khảy ngón tay, có bao nhiêu tế niệm? Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Đơn vị là trăm ngàn, một trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn thành ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, người Trung Quốc nói là ba trăm hai mươi triệu, một cái khảy ngón tay đó nghe! Một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu. Trong kinh

Phật đã nói [như thế], còn các khoa học gia chưa nói! Di Lặc Bồ Tát nói: "Niệm niệm thành hình", "hình" () là vật chất, Phật gọi nó là tướng, tức Tướng Phần, Tướng Phần của A Lại Da Thức. "Hình giai hữu thức", mỗi hình đều có thức. Đây là nói vật chất và tinh thần đồng thời sanh ra, không có trước sau. Trong vật chất nhất định có tinh thần, trong tinh thần nhất định có vật chất. Đối với vật chất, trong kinh Phật có một danh từ là Vô Biểu Sắc. [Những vật chất mà] chúng ta có thể thấy bằng mắt thường là Hữu Biểu, đây là hiện tượng vật chất. Chúng ta không thể thấy Vô Biểu Sắc, nhưng nó thật sự tồn tại, có thể cảm nhận nó hay không? Có thể! Vô Biểu Sắc là gì? Chúng ta đã từng thấy. Giữa Hương Cảng và Cửu Long là biển42, là nước biển, chẳng phải là nước ngọt, mà là nước biển, chúng ta đều thấy. Nay chúng ta ngồi trong nhà, chúng ta nghĩ tới nước trong biển, có thể có khái niệm rõ ràng hay không? Hỏi quý vị có sắc hay không? Có! Chính quý vị cảm nhận rất rõ ràng, nhưng người khác không thấy. Đó là vật chất, điều này cho thấy trong tinh thần có vật chất. Tinh thần là gì? Tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thọ, Tưởng, Hành, Thức do đâu mà có? Từ "thấy, nghe, hay, biết" vốn sẵn

có trong tự tánh. Thấy, nghe, hay, biết là Tánh Đức. Hễ giác ngộ thì Thọ, Tưởng, Hành, Thức không còn nữa, chúng chuyển biến thành thấy, nghe, hay, biết. Nếu mê thì thấy, nghe, hay, biết biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chuyện là vậy đó, biến chất rồi! Thọ, Tưởng, Hành, Thức là năm thứ cảm nhận43 của phàm phu trong lục đạo, chẳng thật! Do vậy, trong kinh đức Phật đã nói: Thân chúng ta do Ngũ Uẩn hòa hợp, tạo thành thân thể này. Các duyên hòa hợp [gọi là] chúng sanh. Mỗi cá nhân được gọi là chúng sanh, vì do các duyên hòa hợp mà sanh. Trong ấy có sắc pháp, sắc pháp là vật chất, là hình; có Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tâm pháp. Thọ là năm thức đầu (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức), Tưởng là thức thứ sáu (ý thức), Hành là thức thứ bảy (Mạt Na, còn gọi là Ý Căn), thức cuối cùng là A Lại Da, đó là hiện tượng tinh thần. Vì thế, chúng ta nói duy vật hay duy tâm đều trật! Tâm và vật có cùng một nguồn, là một chuyện, quyết định chẳng tách rời. Chúng ta là động vật có Thọ, Tưởng, Hành, Thức rất rõ ràng, thực vật có hay không? Có! Khoáng vật có hay không? Có! Tiến sĩ Giang Bổn Thắng của Nhật Bản rất hiếm có! Nước là khoáng vật, ông ta quan sát nước cẩn thận, [nhận thấy] nước có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của con người, nó có thấy, nghe, hay, biết. Đó là khoáng vật có thấy, nghe, hay, biết! Tôi bảo ông ta: “Không riêng mình nước có thấy, nghe, hay, biết; tất cả khoáng vật đều có thấy, nghe, hay, biết. Hiện thời, ông chỉ thấy được Sắc của nó, thấy được sắc tướng, nhưng nó còn có thanh, hương, vị, ba thứ này, ông vẫn chưa phát hiện được. Ông hãy gắng

tiếp tục nỗ lực, trong bất luận vật chất nào cũng có hương, ông có thể ngửi được, nó có vị, có âm thanh, nay ông chỉ thấy được sắc tướng của nó”. Từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã nói rõ như thế, nay ông ta làm thí nghiệm mới thấy được một điều, ông ta bội phục. Vốn nghĩ Phật giáo là mê tín, không dám tiếp xúc, nay ông ta đã hiểu rõ, tin tưởng. Chúng tôi giảng kèm thêm một đoạn dông dài vào phần “làm thân Phật ra máu” như thế, những điều này đều thuộc loại kiến thức Phật học thông thường. Điều cuối cùng trong Ngũ Nghịch là “phá hòa hợp Tăng”, cũng đọa địa ngục A Tỳ. Thuở tôi còn trẻ, giảng kinh tại Đài Bắc, tôi nhớ lúc đó đã bốn mươi mấy tuổi, có một vị lão cư sĩ là bạn cũ của lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, thầy chúng tôi. Vị này tuổi nhỏ hơn thầy Lý một chút, khi ấy, cụ cũng ngoài sáu mươi tuổi, tôi mới vừa bốn mươi mấy tuổi, cụ hơn tôi nhiều lắm là hai mươi tuổi. Có một hôm cụ mời tôi dùng cơm, cạnh trạm xe lửa có một tiệm cơm chay tên là Công Đức Lâm, thuộc thành phố Đài Bắc. Tôi tới Công Đức Lâm thì cụ đã đến rồi, đến nơi thấy chỉ có hai người chúng tôi, cụ chẳng mời ai khác, chỉ mời một mình tôi! Chọn món ăn xong, khi đang ăn, cụ hỏi tôi: “Pháp sư Tịnh Không, thầy có biết vì sao hôm nay tôi mời thầy dùng cơm hay không?” Tôi nói: “Tôi không biết”. Cụ bảo: “Có một chuyện tôi muốn hỏi ý thầy”. Tôi hỏi: “Chuyện gì vậy?” Cụ nói: “Chuyện này nghiêm trọng lắm! Trong Ngũ Nghịch, tội giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, rất ư là ít!” Khi ấy, đúng là ít, chứ nay thì chẳng ít! Quý vị đọc báo, đọc tạp chí, sẽ thấy giết cha, giết mẹ, anh em giết nhau, giết thầy, giết bạn học là chuyện thường nghe nói tới. Thưa quý vị, năm mươi năm trước không có hiện tượng này, rất ít thấy chuyện này xảy ra, “chỉ có một điều là phá hòa hợp Tăng, điều này nghiêm trọng lắm”. Tôi hiểu ý cụ, các đồng học học Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, ganh ghét, chướng ngại, hủy báng lẫn nhau là phá hòa hợp Tăng. Cụ nói chuyện này nghiêm

trọng, tạo tội này sẽ đọa địa ngục A Tỳ. Tôi cười nói: “Chúng ta hãy ăn cơm, không có chuyện gì đâu!” Cụ thấy tôi rất thong dong, cảm thấy rất lạ, sao lại không có chuyện gì? Ta hỏi ngược lại: “Thưa lão cư sĩ! Cụ học Phật sớm hơn tôi”. Cụ học Phật với Ấn Quang đại sư, là bạn học của thầy Lý, lúc đó, tôi học Phật đại khái cũng được mười mấy năm. Tôi nói: “Tôi không chỉ chưa được thấy hòa hợp Tăng, mà còn chưa hề nghe nói tới, cụ thấy ở đâu có Tăng đoàn hòa hợp?” Tôi vừa hỏi, cụ cũng cười theo. Hai người xuất gia ở cùng một chỗ luôn cãi nhau, Tăng đoàn hòa hợp từ đâu mà có? Chưa hề thấy! Cụ bận lòng chuyện này làm gì? Hiện thời không có Tăng đoàn hòa hợp, chúng ta dùng cơm là được rồi. Thật đấy! Kinh nói rất hay, nếu ở nơi đây xuất hiện một Tăng đoàn hòa hợp, bốn người trở lên ở cùng một chỗ cộng tu, thật sự thực hiện Lục Hòa Kính, kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tránh, ý hòa

đồng duyệt, lợi hòa đồng quân, làm được sáu điều này, sẽ thật sự là đạo tràng của Thích Ca Mâu Ni Phật, nhất định cảm hết thảy chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, nơi này sẽ không có tai nạn. Thật đấy, chẳng giả đâu! Trong đời này, từ lúc tôi bắt đầu học Phật, biết chuyện này, bèn lưu ý, mong có được một Tăng đoàn hòa hợp như thế xuất hiện, nhưng tìm không ra. Ba mươi năm trước, tức năm 1977, tôi đến Hương Cảng lần đầu tiên để giảng kinh, bên Hương Cảng các đại đức pháp sư không ít, từ các nơi trong đại lục vân tập về cuộc đất ấy. Trong số đó, cũng có một pháp sư trẻ tuổi, đại khái chừng bốn mươi mấy tuổi, tuổi tác chẳng chênh lệch với tôi cho mấy, lớn hơn tôi mấy tuổi là pháp sư Tẩy Trần. Ở Hương Cảng, mọi người đều biết pháp sư Giác Quang và pháp sư Tẩy Trần, hai vị này là lãnh tụ của giới Phật giáo Hương Cảng. Sư Tẩy Trần là người Đông Bắc, sư Giác Quang cũng là người Đông Bắc, chúng tôi nói chuyện rất hợp ý. Đặc biệt là pháp sư Tẩy Trần, tôi đã từng thỉnh cầu Sư vài lần, tôi nói: “Thầy có thể tìm năm người xuất gia hay không? Tôi sẽ tham gia. Tôi ghi danh, thầy là người cầm đầu. Năm người chúng ta thi hành Lục Hòa Kính. Chúng ta thành lập Tăng đoàn này”. Lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng giảng kinh suốt bốn tháng, giảng kinh Lăng Nghiêm. Giảng xong đã hết thời gian lưu trú, tôi trở về Đài Loan, tôi nói thầy hãy tiếp tục nỗ lực để chúng ta cùng làm, Sư cũng rất hoan hỷ. Không làm thành công! Chẳng dễ dàng, tìm không ra! Phải thực hiện Lục Hòa Kính ra sao? Thưa quý vị, thực hiện ba căn bản của Nho, Thích, Đạo thì Lục Hòa Kính sẽ thực hiện được! Quý vị nghĩ coi có đúng hay không? Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, Sa Di Luật Nghi của người xuất gia, chỉ cần làm được một trăm phần trăm bốn món căn bản này, đoàn thể ấy sẽ là Lục Hòa Kính, là một Tăng đoàn danh phù hợp thực chất. Chẳng tu Lục Hòa Kính, chẳng đạt được tiêu chuẩn Lục Hòa Kính, chẳng thể xưng là Tăng đoàn! Khi chúng ta niệm Tam Quy Y, “quy y Tăng, chúng trung tôn”, “Chúng” là đoàn thể, là tổ chức xã hội. Trong tất cả các đoàn thể xã hội, đoàn thể của đệ tử Phật tôn quý nhất, vì sao? Hòa thuận. Tổ tiên Trung Quốc bảo: “Hòa vi quý” (hòa là quý), họ thực hiện chữ Hòa. Trong đoàn thể ấy, chắc chắn chẳng thấy có tranh chấp, chắc chắn chẳng thấy nổi nóng. Hiện thời, chúng ta có thể thấy hay không? Đi tìm khắp nơi [vẫn chẳng thấy]! Vì sao Phật pháp suy? Không có Tăng đoàn! Tăng đoàn hình thức thì có, Tăng đoàn thực chất không có! Hiện thời phiền phức lắm! Tai nạn nhiều quá, làm thế nào để hóa giải tai nạn? Có một Tăng đoàn xuất hiện trong thế gian này, địa cầu sẽ được cứu, chư Phật

hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, tai nạn gì cũng đều không có. Có ai chịu phát tâm hay không? Không ai hết. Vì sao? Tự tư, tự lợi không buông xuống được, tiếng tăm, lợi dưỡng không buông xuống được, hưởng thụ ngũ dục lục trần không buông xuống được. Vậy là không có cách nào cả! Cùng nhau

chịu nạn, không có đường nào để đi được nữa! Vì thế, quý vị có chịu buông xuống, bỏ mình vì người khác hay không? Nói thật ra, vì người khác thật ra là vì chính mình; vì chính mình thì thật ra là tự mình hại mình. Phật, Bồ Tát, thánh hiền biết chuyện này, nhưng phàm phu mê hoặc, điên đảo không biết, trước mắt niệm niệm đều mong chiếm được một chút tiện nghi. Có tiện nghi chiếm được, nhưng cũng có những điều chẳng chiếm được, vì sao chiếm được? Do trong mạng có [nên quý vị mới chiếm được], quý vị nói xem có phải là oan uổng hay không? Trong mạng có, bèn đạt được! Trong mạng không có, dùng cách nào cũng đều chiếm không được. Cổ nhân Trung Quốc nói rất hay: "Nhất sanh giai thị mạng, bán điểm bất do nhân" (Cả đời đều do số mạng, chẳng có được nửa điểm do con người quyết định). Mạng do đâu mà có? Mạng là do quý vị tạo nghiệp trong đời trước. Trong đời quá khứ tạo thiện nghiệp, quý vị đến [thế giới này để] hưởng phước, trong mạng quý vị có [phước báo ấy]. Trong đời quá khứ tạo tác nghiệp bất thiện, quý vị hứng chịu khổ báo, chẳng do người khác ban cho, tự làm, tự chịu! Nhất định phải hiểu đạo lý này, quyết định chớ nên oán trời, hờn người! Oán trời hờn người là tội lại chồng thêm tội. Đây là chân tướng sự thật. Trước khi chúng ta chưa học Phật, chưa tiếp xúc Phật pháp thì không biết. Sau khi tiếp xúc Phật pháp, vui thích học tập, càng ngày càng hiểu rõ, càng ngày càng minh bạch, tai họa vì sao mà có ? Hạnh phúc vì sao mà có? Rõ ràng, rành rẽ. Đoạn ác, tu thiện, sám trừ nghiệp chướng, tích công lũy đức, hạnh phúc sẽ đưa đến. Hạnh phúc thật sự là gì? Phước báo thế gian là giả, chẳng thật, giống như hoa Đàm thoáng hiện! Phước báo cõi trời cũng chẳng thật, tuy thời gian dài hơn nhân gian một chút, nhưng vẫn là hữu hạn. Nay chúng ta biết, với thân phận của chúng ta, với trình độ của chúng ta, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là đệ nhất phước, đệ nhất đức, có thể hay không? Thật sự có thể! Nếu đã xác định một phương hướng, một mục tiêu như vậy, quý vị sẽ dám buông xuống, buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, Tăng đoàn hòa hợp sẽ xuất hiện chẳng khó. Cổ nhân có thể làm được, nhưng người thời nay không làm được. Vì sao cổ nhân có thể làm được? Giác ngộ sẽ làm được! Vì sao người thời nay không làm được? Chẳng giác ngộ, bị tiếng tăm, lợi dưỡng dụ dỗ, mê hoặc, đọa lạc trong ấy, không thể tự dẹp trừ, cho nên làm không được. Làm không được là do chưa giác ngộ, hễ giác ngộ bèn làm được. Do vậy, khi tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư thường bảo tôi: "Phật pháp là chuyện biết khó, hành dễ". Đúng vậy! Hành rất dễ, mê hay ngộ đúng là trong một niệm, chẳng khó, nhưng biết chuyển mê thành ngộ, khó lắm! Quý vị thật sự nhận rõ cái gì là thật, cái gì là giả, khó lắm, chẳng dễ dàng! Đúng là cần phải giống như Phật, Bồ Tát nhận biết như thế

này: Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng! Xa lìa hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần chẳng phải là chuyện khó, vấn đề là quý vị có thật sự hiểu rõ hay không? Giảng rõ ràng, đơn giản nhất là bài luận văn Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, bài này chẳng dài. Chẳng dài mà mọi người chúng ta cùng nhau học

tập cũng gần như mất cả một hai trăm giờ, hết sức hữu ích! Chúng ta đã hiểu rõ Ngũ Nghịch, năm thứ này hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức, chẳng phải do ai khác trừng phạt quý vị, địa ngục cũng do chính quý vị biến hiện, chẳng do người khác tạo, đó là đọa địa ngục A Tỳ. Thập Ác là trái nghịch với Thập Thiện, tạo tác sát sanh, tà dâm, trộm cắp. Giết, trộm, dâm là thân nghiệp. Giết, trộm, dâm là gì? Kẻ bình thường chúng ta chỉ thấy thô tướng, không biết đến [tướng] vi tế, kinh Phật giảng rất tỉ mỉ, chẳng thể không biết. Sát là giết hại, ta không giết, nhưng ta tổn hại chúng sanh, đó là một phần của Sát! Bất cứ khi nào, hễ có thể được, nhất định đừng tổn hại một chúng sanh nào thì quý vị mới thực hiện viên mãn điều này. Hễ quý vị còn có ý niệm và hành vi tổn hại chúng sanh, tức là quý vị chưa làm được điều này. Đúng vậy, chẳng dùng dao giết chúng sanh, nhưng lời lẽ gây tổn thương, khởi tâm động niệm gây tổn thương, đều tính là sát! Đối với trộm cắp thì trộm cắp vi tế là gì? Chiếm tiện nghi. Chiếm một chút ít tiện nghi từ người khác là nghiệp trộm, giới "chẳng trộm cắp" sẽ chẳng tinh sạch! Chiếm tiện nghi nơi người khác, chiếm tiện nghi của quốc gia, làm thế nào để nạp thuế cho quốc gia ít hơn một chút, tìm kẽ hở trong luật lệ. Hoàn toàn hợp pháp, nhưng quý vị có ý niệm: Nay ta tìm được điều này trong luật pháp, có thể đóng thuế ít hơn một chút, đó là cái tâm trộm cắp, tâm trộm cắp chưa dứt! Lại mở rộng ra, đối hoa, cỏ, cây cối, có tâm trộm cắp, đối với núi, sông, đại địa cũng có tâm trộm cắp. Cứ nghĩ chiếm một chút tiện nghi, luôn mong hưởng thụ khá hơn người khác một chút, hễ có ý niệm này tức là tâm trộm cắp chưa đoạn, rất vi tế! Do mười điều này tương phản với Thập Thiện nên gọi là Thập Ác. Triển khai ra, trong Tiểu Thừa sẽ biến thành ba ngàn điều, từ mười điều biến thành ba ngàn điều. Nói như thế nào? Thí dụ như sát sanh. Trong điều sát sanh này, có chứa đựng chín điều kia, mười nhân với mười thành một trăm; mỗi điều trong một trăm điều ấy lại có mười điều, bèn biến thành một ngàn; trong mỗi điều của một ngàn điều lại có mười điều, càng nói càng vi tế, ba ngàn oai nghi của Tiểu Thừa do đây mà ra. Đại Thừa lại càng nhiều! Đại Thừa Bồ Tát đem Thập Thiện Nghiệp triển khai thành tám vạn bốn ngàn oai nghi, tám vạn bốn ngàn điều! Vì thế, Thập Thiện Nghiệp đạo viên mãn, tám vạn bốn ngàn cũng không phạm một điều nào, người ấy bèn thành Phật. Chúng ta chẳng phạm mười điều này, mười điều rất thô, sẽ là người lương thiện, là người tốt. "Thiện nam tử, thiện nữ nhân" trong kinh Phật được

dùng theo tiêu chuẩn này. Thập Thiện chưa làm được, sẽ chẳng phải là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Làm được Thập Thiện mới gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Mở kinh điển ra, quý vị thấy "thiện nam tử, thiện nữ nhân", ta có thuộc trong số đó hay không? Ta có thể được coi là thiện nam tử, thiện nữ nhân hay không? Tiêu chuẩn là có làm được mười điều này hay không? Lấy chuyện này làm tiêu chuẩn, chẳng phải là nói tùy tiện! Đối nghịch của Thập Thiện là Thập Ác. Chúng ta quan sát cẩn thận xã hội hiện tại, chẳng phải là xã hội Thập Thiện, mà là xã hội Thập Ác. Quý vị thấy ba nghiệp nơi thân là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, miệng nói dối, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt; ý tham, sân, si, ai nấy đều trọn đủ, xã hội này phiền quá, chắc chắn có tai nạn. Vì thế, đối với bộ phim "2012" do người Mỹ thực hiện, mấy chục năm qua tôi chưa từng xem phim, mà cũng không xem TV, một đồng tu trong Phật môn mua vé dẫn tôi đi xem. Xem xong, tôi nói chuyện với mọi người, mới biết phim này được cùng lúc chiếu trên

toàn cầu. Đây là chuyện lớn, chẳng phải là chuyện nhỏ, đây là cõi trời cảnh cáo chúng ta. Nếu chúng ta vẫn tiếp tục tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, tai nạn sẽ diễn ra giống như trong phim. Vì thế, có rất nhiều người hỏi tôi về cách nhìn này, tôi nói: Chúng tôi nhìn từ nhân quả. Hiện thời, cư dân trên địa cầu nghĩ gì, nói gì, làm gì? Quý vị triển khai tiêu chuẩn Thập Thiện để xét, liền biết toàn bộ là Thập Ác, chẳng có một điều thiện nào! Tai nạn là thật, chẳng giả chút nào. Có thể cứu vãn tai nạn hay không? Câu trả lời là khẳng định! Chỉ cần cư dân trên địa cầu hồi tâm chuyển ý: "Ta hiểu rõ rồi, ta biết làm như vậy thì sau này, quả địa cầu sẽ chẳng còn nữa! Tất cả tai nạn sẽ đều xuất hiện". Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật bảo chúng ta: Tâm tham cảm Thủy Tai, trong tương lai nước biển dâng lên nhấn chìm toàn bộ lục địa là do tâm tham cảm ứng. Cái gì cũng đều tham, ngay cả học Phật cũng tham. Học Phật còn phải đốt một nén hương, đấy là tâm tham. Phật bảo chúng ta buông xuống tâm tham, chẳng phải là thay đổi đối tượng tham! Phải diệt trừ tâm tham, phải hiểu đạo lý này. Sân khuể cảm ứng Hỏa Tai. Hiện thời, nhiệt độ địa cầu tăng lên, chuyện này thuộc về sân khuể. Do vậy, chính chúng ta phải có cảnh giác cao độ! Gặp chuyện chẳng vừa ý, trong tâm cảm thấy khó chịu, phẫn hận, chính là quý vị đã thêm dầu vào lửa khiến cho nhiệt độ địa cầu tăng cao hơn, quý vị có trách nhiệm! Ngu si cảm Phong Tai, ngạo mạn cảm động đất. [Các tai nạn] đều có nhân: Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác cảm vời những tai nạn ấy. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta một câu về bí quyết tiêu tai miễn nạn, đó chính là: "Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si" (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si), tai nạn sẽ bị hóa giải. Chúng ta yêu cầu mọi người trên toàn thế giới thực hiện [bí quyết trên đây] sẽ là chuyện không thể xảy ra được, làm không được, chúng ta chỉ có thể yêu cầu Phật môn đệ tử. Người học Phật chúng ta có chung một vị

thầy là Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta đều là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, hãy nên tiếp nhận lời giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, nghiêm túc tu hành, đoạn ác, tu thiện, sám hối, sửa lỗi. Nếu đệ tử Phật trên toàn thế giới đều có thể làm như vậy, có cứu được quả địa cầu này hay không? Có chứ! Cứu được! Trên thế giới này, tôi nghe rất nhiều người bảo tôi, [so với] các tôn giáo trên toàn thế giới, rốt cuộc Phật giáo vẫn kể như có tín đồ rất đông, ước tính chừng bảy ức người. Số người trên cả thế giới hiện thời là sáu mươi bảy ức người, tính ra [Phật giáo] là một phần bảy, con số này rất đáng kể, giữa bảy người có một người quay đầu, sáu người kia sẽ được hưởng lây. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, chúng sanh tạo nghiệp có cộng nghiệp và biệt nghiệp; đối với các đệ tử chúng ta, điều này là một sự cổ vũ hết sức to lớn, trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, phải nhớ câu này! Cộng nghiệp bất thiện, chúng ta chuyên tu thiện nghiệp, do vậy, đòi hỏi chính mình phải nghiêm túc thi hành viên mãn ba món căn bản, người xuất gia còn phải thực hiện Sa Di Luật Nghi. [Người xuất gia] có ba món căn bản ấy kể ra cũng khá lắm, nhưng thiếu Sa Di Luật Nghi thì không được, vì sao? Có lỗi với Phật, Bồ Tát! Nếu quý vị xuất gia thì phải thật sự thực hiện. Không xuất gia thì còn được, tu tốt đẹp Thập Thiện Nghiệp đạo là được rồi, Phật cũng thừa nhận quý vị là đệ tử Phật. Trên thực tế, trọn đủ ba món căn bản thì mới có thể trọn đủ điều kiện học Phật. Trong Tịnh Nghiệp Tam Phước đã nói rõ ràng, quý vị mới có thể tiếp nhận Tam Quy Ngũ Giới. Bởi lẽ, Tam Quy Ngũ Giới chẳng phải là vô điều kiện, phải có điều kiện nào mới có thể

tiếp nhận Tam Quy Ngũ Giới? Thiện nam tử, thiện nữ nhân mới có thể tiếp nhận phép "rửa tội" này! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ắt phải làm được điều đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước: "Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp", bốn câu này! Thi hành "hiếu thân, tôn sư" (hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy) bằng Đệ Tử Quy; bởi lẽ, làm được Đệ Tử Quy thì "hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng" sẽ làm được. Thi hành Thái Thượng Cảm Ứng Thiên thì "từ tâm chẳng giết" sẽ làm được. Cuối cùng là Thập Thiện Nghiệp Đạo thì mới có thể trở thành Phật môn đệ tử. Ngày nay Phật pháp suy vi, vì sao suy? Chúng ta coi nhẹ cơ sở giáo dục này, cho nên Phật pháp suy đồi. Vấn đề không xuất pháp từ Phật pháp, mà xuất phát từ bản thân các đồng học học Phật chúng ta trong một đời này, chúng ta chẳng học nghiêm túc! Thích Ca Mâu Ni Phật đã không còn trụ thế, bản thân chúng ta tuyên bố là đệ tử của Ngài, nhưng lão nhân gia có thừa nhận hay không, chúng ta không biết, tự cho là đã được Ngài thừa nhận; thật ra, chẳng phải! Kinh này giảng rất hay, dẫu trót tạo nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác, nhất định đọa địa ngục A Tỳ, gặp pháp môn này cũng được cứu, "lâm chung

niệm Phật, diệc tất tùy nguyện đắc sanh" (lâm chung niệm Phật, ắt cũng được vãng sanh theo ý nguyện). Tạo tội nghiệp nặng nề dường ấy có cứu được hay không? Cứu được! Một niệm hồi đầu! Cổ nhân Trung Quốc thường nói: "Lãng tử hồi đầu kim bất hoán" (lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi). Đừng nghĩ hắn tạo lắm điều ác nghiệp, hễ hắn quay đầu bèn là đại thiện nhân. Thiện hay ác chỉ trong một niệm, hắn có thể quay đầu lại, chẳng dễ dàng! Cho thấy điều gì? Chứng tỏ hắn có thiện căn rất sâu dầy. Trong một đời này, không có ai dạy hắn, nên hắn mê, tạo ác nghiệp nhiều ngần ấy, hễ có người cảnh tỉnh hắn, hắn sẽ ngay lập tức quay đầu. Chẳng phải là không có đạo lý. Do điều này có thể biết: Giáo dục trọng yếu lắm! Thế gian có người xấu hay chăng? Không có người xấu. Trong mắt Phật, chẳng có ai xấu! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: "Hết thảy chúng sanh vốn là Phật", những kẻ tạo tác Ngũ Nghịch Thập Ác có là Phật hay không? Họ vốn là Phật. Yêu ma quỷ quái có là Phật hay không? Vốn là Phật. Không ai chẳng phải là Phật, Phật thấy toàn bộ hết thảy chúng sanh đều là chư Phật Như Lai. Nhưng trong lục đạo, những vị Phật này có vị mê, có vị ngộ, có vị mê rất sâu, có vị mê cạn hơn một chút, căn tánh mỗi người khác nhau, thiện căn, phước đức, nhân duyên không giống nhau, chẳng thể không biết [điều này]! Đối với bốn câu tiếp theo, nếu quý vị thật sự giác ngộ, tiếp xúc pháp môn này, thật sự có thể tin tưởng, lý giải, thật sự làm, khó lắm, đáng quý thay! Pháp môn này gọi là "pháp khó tin", mọi người quý vị vừa tiếp xúc bèn tin tưởng, tôi rất bội phục, tôi chẳng bằng quý vị. Phải mất một thời gian dài mười mấy năm, tôi mới thật sự tiếp nhận pháp môn này. Thuở còn trẻ, đi học trong trường chịu ảnh hưởng của giáo viên, chịu ảnh hưởng giáo dục của đạo Tin Lành, nghĩ các tôn giáo khác đều là mê tín, Phật giáo là mê tín nhất, các tôn giáo khác chỉ thờ một vị thần, một vị chân thần duy nhất, đó là tôn giáo cao cấp, Phật giáo thần nào cũng đều thờ, là đa thần giáo, phiếm thần giáo, là tôn giáo thuộc cấp thấp, làm sao có thể tiếp nhận [Phật giáo] được? Cũng may là thuở trẻ tôi rất ưa thích Triết Học, tìm được một vị thầy là tiên sinh Phương Đông Mỹ, theo học Triết Học với cụ. Trong khóa học khái luận Triết Học cuối cùng, cụ giới thiệu Triết Học trong kinh Phật,

tôi được nhập môn như thế. Trong kinh điển Phật giáo, lão nhân gia đặc biệt ưa thích kinh Hoa Nghiêm, bảo tôi: Đây là "khái luận của Triết Học trong kinh Phật", cụ dùng danh từ này để giới thiệu kinh Hoa Nghiêm. Cụ nói trong kinh ấy có lý luận hoàn mỹ, có phương pháp tinh tế, cuối cùng lại còn kèm theo biểu diễn. Tìm không ra một bộ sách giáo khoa thứ hai nào giống như vậy trên khắp thế giới. Đó là thật, chẳng giả. Có kèm theo biểu diễn, phần sau là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài để biểu diễn cho quý vị xem. Do vậy, tôi cũng đặc biệt yêu thích bộ kinh này, hết sức hữu duyên, nhưng đối với Tịnh

Tông đúng là có bài xích, thoạt đầu cho rằng: Nói chung, pháp môn này do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho các bà già, chẳng dành cho phần tử tri thức. Pháp sư Sám Vân44 giúp đỡ tôi, tôi ở thảo am của Ngài nửa năm, làm công quả tại thảo am. Thời gian rảnh rỗi, Ngài muốn tôi đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, đọc Di Đà Kinh Yếu Giải, Sớ Sao, Viên Trung Sao. Do vậy, tôi có ấn tượng rất sâu đối với ba bản này, cũng hết sức ưa thích, không phản đối Tịnh Độ Tông, cũng rất tôn trọng, nhưng không muốn học, có hứng thú rất sâu đối với kinh điển Đại Thừa. Thầy Lý khuyên tôi tu Tịnh Độ, tôi theo cụ học Giáo, đương nhiên chẳng thể phản đối, nhưng chẳng phải là thật tâm học, tu cho có lệ, thầy cũng nhìn thấy điều này! Khi nào mới thật sự nhận thức Tịnh Độ? Giảng kinh Hoa Nghiêm, lúc ấy tôi ở Đài Loan. Tôi nhớ là năm tôi hai mươi sáu tuổi, quen biết tiên sinh Phương Đông Mỹ. Năm tôi hai mươi sáu tuổi vẫn còn đi làm, ba mươi tuổi nghỉ việc, một lòng mong học Phật pháp. Do Chương Gia đại sư chỉ dạy, Ngài khuyên tôi xuất gia, muốn tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Tôi rất vâng lời, quả thật là thật thà, nghe theo, cũng thật sự làm. Tôi theo thầy Lý mười năm để học kinh giáo, theo lão nhân gia đến năm thứ hai bèn xuất gia, duyên xuất gia chín muồi! Sau khi xuất gia, tôi giảng kinh dạy học các nơi. Năm Dân Quốc 60 (1971), tôi bắt đầu giảng Hoa Nghiêm kinh lần đầu tiên, Thầy Lý giảng tại Đài Trung, tôi đến nghe [thầy giảng] quyển thứ nhất để nghe kinh này bắt đầu như thế nào, nghe xong một quyển này, tôi có khả năng giảng một bộ Bát Thập Hoa Nghiêm. Tôi giảng ở Đài Bắc, tôi nhớ đã giảng hình như hai năm, chưa đầy ba năm đã giảng đuổi kịp tiến độ của thầy, vì cụ mỗi tuần chỉ giảng một giờ; cụ giảng kinh hai tiếng, nhưng có phiên dịch sang Đài ngữ45, nên trên thực tế là mỗi tuần giảng một giờ. Khi ấy, mỗi tuần tôi giảng ba lần, mỗi lần là một tiếng rưỡi, nên mỗi tuần giảng bốn giờ rưỡi, bằng với cụ giảng cả tháng. Vì thế, tôi đuổi kịp cụ rất nhanh, tiến độ đuổi kịp cụ, sau đấy, bèn vượt lên trước. Phải biết cũng mất mười năm, giảng kinh Hoa Nghiêm được phân nửa, khi ấy là Bát Thập và Tứ Thập Hoa Nghiêm cùng giảng, mỗi tuần tôi giảng Bát Thập Hoa Nghiêm hai ngày, giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm một ngày. Giảng được phân nửa, có một hôm, đột nhiên nghĩ Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử học pháp môn gì? Kinh Hoa Nghiêm giảng được phân nửa, còn có nửa sau, lật phần sau ra xem, lật xem tới phần sau, tới quyển ba mươi chín trong bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, thấy Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát thảy đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, điều này khiến tôi hết sức chấn động. Hơn nữa, thấy không riêng gì Văn Thù, Phổ Hiền tự mình phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, mà còn suất lãnh bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm sang thế giới Cực Lạc gặp A Di Đà Phật. Ngạc nhiên quá! Hai vị đại Bồ Tát này trợ thủ của Tỳ Lô Giá Na Phật,

hai vị đại trợ thủ đem toàn bộ học trò của Tỳ Lô Giá Na Phật sang thế giới Cực Lạc, Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng tức giận ư? Đem toàn bộ học trò của ta đi? Tỳ Lô Giá Na Phật không chỉ chẳng giận, mà còn hết sức hoan hỷ. Sau đấy, tôi đọc kỹ, môn sinh đắc ý, đệ tử truyền pháp của Văn Thù Bồ Tát là Thiện Tài đồng tử, lại coi xem Ngài học gì? Trước kia, đúng là hời hợt, vô ý, giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm đến phân nửa mà chẳng nhìn ra vấn đề này, phải dụng tâm mới thấy được, mới nhận ra: Thiện Tài và thầy của Ngài vốn tu pháp môn Tịnh Độ. Nhìn từ chỗ nào? Từ lần tham phỏng thứ nhất, do thầy giới thiệu, Văn Thù Bồ Tát giới thiệu Thiện Tài đi tham phỏng tỳ-kheo Cát Tường Vân. Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu Ban Châu tam-muội. Ban Châu tam-muội là gì? Còn gọi là Phật Lập tam-muội, chuyên tu trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Lúc ấy mới biết, người Trung Quốc thường bảo vị thiện tri thức (thầy) thứ nhất là "tiên nhập vi chủ" (điều gì tiếp xúc đầu tiên sẽ là chánh yếu), Ngài tu môn này! Sau đó nhìn vào quá trình tham học, đối với mỗi một vị thầy, Thiện Tài đều luyến đức lễ từ (hâm mộ đức hạnh, kính lễ, từ tạ), quý vị hãy chú ý quan sát, Thiện Tài tham học điều gì cũng đều thấy, đều học, đều hiểu, nhưng chẳng tu, Ngài tu gì? Niệm Phật. Nhìn đến cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, một vị đầu, một vị cuối [đều tu Tịnh Độ], chẳng phải là rõ rệt ư? Ngài môn nào cũng học, môn nào cũng đều hiểu, nhưng chính Ngài chuyên dốc công sức nơi pháp môn Niệm Phật. Từ chỗ này, tôi mới tiếp nhận Tịnh Độ, thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, thầy khuyên tôi, tôi chẳng có lòng tin sâu xa như thế. Lại từ Hoa Nghiêm, từ Pháp Hoa, từ Lăng Nghiêm tổng kết, tôi mới biết cái hay của Tịnh Độ, Tịnh Độ thù thắng. Thật không dễ dàng! Tôi thấy quý vị chỉ vừa nghe bèn tiếp nhận, tôi rất bội phục, sao tôi lại khó khăn như thế? Mất mười mấy năm mới thật sự tiếp nhận pháp này! Pháp môn này "hoành xuất tam giới, viên đăng tứ độ, đốn dữ Quán Âm, Thế Chí tịnh kiên, khả kiến thử pháp môn chi cứu cánh phương tiện, thiện ứng quần cơ dã" (vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, lên trọn vẹn bốn cõi, nhanh chóng cùng Quán Âm, Thế Chí sánh vai, đủ thấy pháp môn này là phương tiện rốt ráo đến tột cùng, khéo thích ứng mọi căn cơ), đây là nói thật, chẳng giả! "Hoành xuất" còn gọi là "hoành siêu", vì tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là tiến lên từng bậc, đó là thụ xuất (thoát tam giới theo chiều dọc), chẳng phải là hoành xuất (vượt thoát tam giới theo chiều ngang). Kinh Hoa Nghiêm chẳng phải là một ví dụ rất hay ư? Quý vị thấy địa vị Thập Tín, trên Thập Tín là Thập Trụ, trên Thập Trụ là Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, giống như chúng ta đi học, Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, Nghiên Cứu Sinh, đó gọi là thụ xuất. Pháp môn Tịnh Tông không cần, ngay từ nhân đạo bèn vượt ngang ra, không cần phiền phức như thế! Từng bước một như vậy thì đến bao giờ quý vị mới có thể

thoát ra? Vượt ngang ra, sang thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật tiếp dẫn quý vị. Sau khi đến bên ấy, bèn lên trọn bốn cõi, đây là điều đặc biệt. Thích Ca Mâu Ni Phật có bốn cõi Tịnh Độ hay không? Có, nhưng theo chiều dọc, không phải là "viên đăng". Quý vị phải trèo từng bước một. Lục đạo là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tứ thánh pháp giới là cõi Phương Tiện, thế giới Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật, tiến lên nữa là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, trong thế giới Hoa Tạng vẫn phải tiến lên từng bước một! Tịnh Độ khác hẳn, bốn cõi của A Di Đà Phật

không có giới hạn. Nói cách khác, nói theo các khoa học gia hiện tại, Tịnh Độ không có các chiều không gian. Thập phương thế giới thảy đều không có hiện tượng này, chỉ có thế giới Cực Lạc đặc biệt, không có các chiều không gian, bốn cõi ở cùng một chỗ. Vì thế, một sanh, hết thảy sanh! Quý vị hãy xem ví dụ do cụ Hoàng nêu tiếp theo đó. Quán Âm, Thế Chí đang ở nơi đâu? Các Ngài ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nay chúng ta niệm Phật vãng sanh là sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Trong thế giới này, cõi Phàm Thánh Đồng Cư không thấy cõi Phương Tiện Hữu Dư, có giới hạn, có chướng ngại; chúng ta sanh trong nhân đạo của lục đạo, chẳng thể thấy thiên đạo. Cõi trời có hai mươi tám tầng, tầng dưới không thể thấy tầng trên, nhưng tầng trên có thể trông thấy tầng dưới. Nhưng cái hay của thế giới Cực Lạc là do so với điều gì? Thập phương thế giới chư Phật Như Lai dạy học đều là từ Tiểu Học, Trung Học, đến Đại Học, đều theo cách như vậy. Hơn nữa, lớp Một và lớp Hai Tiểu Học mỗi lớp có phòng học riêng, chẳng ở cùng một chỗ. Phòng học của A Di Đà Phật to lớn, từ Tiểu Học, Trung Học cho đến lớp Tiến Sĩ đều ở cùng một chỗ, lên lớp trong cùng một phòng học, tình hình là như vậy đó, thảy đều ở cùng một chỗ, điều này rất đặc thù. Do vậy, nói: “Sanh về một là sanh về hết thảy”. Chúng ta là hạ hạ phẩm vãng sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, quý vị đến thế giới Cực Lạc, có thể thấy Quán Âm, Thế Chí, có thể thấy Văn Thù, Phổ Hiền, đều ở nơi đó. Thường cùng những vị này ở cùng một chỗ, như vậy là quý vị may mắn quá! Họ là Pháp Thân đại sĩ, quý vị không hiểu, các Ngài sẽ dạy quý vị. Ngoại trừ Phật dạy bảo ra, các Bồ Tát nhiều ngần ấy giúp đỡ quý vị, nâng đỡ quý vị, quý vị cũng thành tựu rất nhanh. Đây là chỗ thù thắng khôn sánh của thế giới Cực Lạc; cho nên cảm được thập phương chư Phật tán thán. Nói “viên đăng tứ độ” là không có cấp bậc. “Đốn” có nghĩa là ngay lập tức, quý vị lập tức sánh vai cùng Quán Âm Bồ Tát, Thế Chí Bồ Tát, đều là học trò của A Di Đà Phật, các Ngài biến thành lớp đàn anh của chúng ta. “Khả kiến thử pháp môn chi cứu cánh phương tiện, thiện ứng quần cơ” (có thể pháp môn này là phương tiện rốt ráo đến tột cùng, thích ứng mọi căn cơ), căn tánh nào gặp pháp môn này thảy đều đắc độ, vấn đề là quý vị có tin hay không, quý vị nghe có hiểu hay không? Thật sự tin tưởng, nghe

chẳng hiểu cũng không sao, một câu A Di Đà Phật thật thà niệm, niệm đến công phu thành phiến sẽ tự tại vãng sanh, biết trước lúc mất. Rất nhiều người suốt đời chưa hề nghe kinh, không biết chữ, niệm một câu A Di Đà Phật, niệm ba năm công phu thành tựu, có người đứng mất, có người ngồi mất, chẳng ngã bệnh, nói đi là đi, chẳng khó khăn gì! Mấy năm trước, cư sĩ Hoàng Trung Xương ở Thâm Quyến đã làm mẫu cho chúng ta xem. Ông ta nghe nói về pháp môn này, bèn tự mình phát tâm làm thí nghiệm, thử coi có đúng là ba năm có thể vãng sanh hay không. Ông ta bế quan tại Thâm Quyến, cư sĩ Hướng Tiểu Lỵ hộ quan, hai năm mười tháng bèn biết trước lúc mất, Phật tiếp dẫn ông ta, còn thiếu hai tháng mới đủ ba năm, thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng tôi khuyên mọi người ở chỗ này, ông ta tạo chứng minh, thực hiện Tác Chứng Chuyển trong Tam Chuyển Pháp Luân, chứng minh chuyện này là thật, chẳng giả. Chúng ta có muốn vãng sanh hay không? Muốn vãng sanh thì dùng cách của ông ta là được. Mấu chốt là gì? Triệt để buông xuống! Sở dĩ quý vị chẳng đi được là vì quý vị chưa buông xuống, còn tham luyến thế gian này, mê hoặc, điên đảo. Thật sự giác ngộ

thì cái gì cũng chẳng cần, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, không có chuyện nào khác. Quý vị thấy trường thời huân tu mất bao lâu? Ba năm, một ngàn ngày! Huân tu một ngàn ngày quý vị bèn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thiện Đạo đại sư nói rất hay: "Vạn tu, vạn nhân khứ" (vạn người tu, vạn người đến), pháp môn này chẳng sót một ai. Tu hành mà bị bỏ sót, nguyên nhân do chính quý vị, chính quý vị phải chịu trách nhiệm, không thể trách A Di Đà Phật, không thể trách kinh Vô Lượng Thọ, không thể trách ai hết, chỉ trách chính mình chẳng đúng pháp. Mỗi ngày nghe kinh mà chẳng hiểu, thật đấy, vì sao nghe không hiểu? Bộp chộp, hời hợt! Quý vị hoài nghi pháp môn này, đối với kinh giáo này, quý vị tin chẳng sâu, không hiểu thấu triệt, cho nên có chướng ngại. Đoạn tiếp theo vẫn giảng về khế cơ, đoạn này có ngụ ý sâu xa, chúng ta hãy đọc kinh văn: "Hựu khế cơ giả, diệc ngụ khế hợp thời cơ chi nghĩa" (lại nữa, khế cơ bao hàm ý nghĩa khế hợp thời cơ). Đoạn này giảng rất hay, cho thấy trí huệ chân thật của cụ Hoàng Niệm Tổ, rất trọng yếu. Phù hợp gì? Phù hợp thời cơ trong xã hội hiện thời. "Như Lai thùy từ, độc lưu thử kinh, ư chư kinh diệt tận chi tối hậu bách niên" (Đức Như Lai rủ lòng Từ, riêng lưu lại kinh này một trăm năm cuối sau khi các kinh đã bị diệt hết). Trong tương lai, Phật pháp sẽ tiêu mất trên thế gian này, bị tiêu diệt, vì sao? Pháp là duyên sanh, duyên không còn, pháp sẽ diệt, duyên sanh, duyên diệt; chẳng phải là bất diệt, nó là pháp được sanh bởi nhân duyên, cho nên cũng chẳng phải là thật. Trong kinh Bát Nhã, đức Phật bảo chúng ta: "Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp" (pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp). Giảng rất thấu triệt! Phật pháp tốt đẹp, đừng nên tham, chớ nên khởi tâm tham, khởi

tâm tham là sai! Trong kinh Kim Cang, đức Phật có nêu tỷ dụ, Ngài dùng thuyền bè vượt sông làm tỷ dụ. Vượt sông cần phải có chiếc thuyền nhỏ, hoặc là bè kết bằng gỗ hay bằng thân tre, dùng để vượt sông. Ngài nói pháp giống như thuyền để vượt sông, giúp quý vị từ bờ này vượt sang bờ kia, đến bờ kia, quý vị phải bỏ, bỏ thì mới lên bờ được. Nếu quý vị chẳng bỏ thì sai mất rồi, vĩnh viễn không thể lên bờ được. Vì thế, Phật dạy chúng ta: "Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp" (Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp). "Bỏ" có nghĩa là quý vị đừng chấp trước, đừng ghim trong lòng, ghim trong lòng là trật! Vì sao? Nó là pháp hữu vi, nó là pháp duyên sanh, chẳng phải là tự tánh. Quý vị có thể buông xuống hết thảy sẽ kiến tánh, tánh mới là pháp chân thật duy nhất, bất sanh bất diệt, thứ gì cũng trọn đủ, thứ gì cũng viên mãn; trí huệ trọn đủ, đức năng trọn đủ, tướng hảo trọn đủ! Nay ta gọi tướng hảo là phước báo, là thứ quý vị vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng phải tìm từ bên ngoài, bên ngoài không có, lại còn vĩnh viễn hưởng thụ bất tận. Đó mới gọi là Bảo! Thật sự là bảo, Tự Tánh Tam Bảo. Đây là thứ mà Phật dạy chúng ta hãy thật sự mong đạt được, tìm lại, nay đã mê mất, hãy tìm về! Do vậy, quý vị nhất định phải biết, trí huệ do đâu mà có? Chính mình vốn sẵn có. Quý vị cầu trí huệ, chẳng có chuyện này! Cái mà quý vị cầu được là tri thức, tri thức và trí huệ là hai chuyện [khác nhau]. Cầu trí huệ bằng cách nào? Phải định cái tâm, tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ. Tâm chúng ta bất định, trong tâm có cả đống thứ lộn xộn, vì vậy, trí huệ chẳng sanh, mà sanh phiền não. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Bởi lẽ, trí huệ phát xuất từ buông xuống, [hễ buông xuống] trí huệ bèn xuất hiện; không buông xuống, sẽ vĩnh viễn chẳng có trí huệ, cái mà quý vị học được toàn là tri thức. Tri thức

có thể giải quyết vấn đề nhỏ nhặt; nhưng giải quyết vấn đề vẫn còn có những rắc rối về sau. Khi khoa học kỹ thuật giải quyết vấn đề, nếu giải quyết vấn đề lớn sẽ có những hậu quả to lớn, vấn đề nhỏ sẽ có hậu quả nhỏ. Giải quyết vấn đề nhỏ còn được, chứ giải quyết vấn đề lớn sẽ gây ra tai nạn cho cả thế giới, cuối cùng là địa cầu có ngày diệt vong là do khoa học kỹ thuật gây ra! Người Trung Quốc thông minh. Năm 1982, tôi đến Mỹ lần đầu, lần thứ hai là năm 1983, cư sĩ Trầm Gia Trinh mời tôi tới giảng kinh tại Nữu Ước. Đến Nữu Ước, có một bữa, ông ta mời tôi dùng cơm, khách mời cũng rất nhiều, có rất nhiều người Mỹ tại địa phương, tôi nghĩ họ đều là bạn thân của Trầm lão cư sĩ. Có một người hỏi tôi: "Hiện thời người Tây Phương chúng tôi đối với người Hoa có cách nhìn khác với thuở xưa. Trong quá khứ, nói chung là coi thường người Hoa, nghĩ người Hoa thiếu văn hóa, là lũ người dã man. Nay chúng tôi biết: Trên cả thế giới, nếu một chọi một, người Hoa là hạng nhất, có trí huệ, rất có khả năng. Một chọi một, người Hoa là bậc nhất. Nhưng đem hai người so với hai người, người Do Thái bậc nhất; đem so từng ba người một, người Nhật Bản bậc nhất". Cuối cùng, hỏi tôi

một câu: "Vì sao người Hoa các ông thiếu đoàn kết?" Tôi nghe xong, bèn cười, tôi biết họ đều tin theo Cơ Đốc Giáo hay Thiên Chúa Giáo, bèn nói: "Đấy là do Thượng Đế an bài". Ông ta rất kinh ngạc, lẽ nào là do Thượng Đế an bài? Tôi nói: "Nếu người Hoa đoàn kết, quý vị còn có cơm ăn nữa hay chăng?" Mọi người đều cười xòa. Thật ra, ông ta chê cười chúng ta chẳng đoàn kết; họ biết người Hoa thật sự thông minh, nhưng thiếu đoàn kết, vẫn còn may, họ còn có cơm ăn. Gặp chuyện như thế. Ở Mỹ, tôi gặp chuyện như vậy rất nhiều. Hiện tại, do khoa học kỹ thuật đổi mới mỗi ngày, đã phá hoại sinh thái (ecological environment) của địa cầu đến mức nghiêm trọng, nên trên địa cầu có lắm tai nạn như thế, chẳng phải là không có nguyên nhân, mà do con người gây ra! Chúng ta nhất định phải hiểu, nếu tiếp tục phá hoại như vậy, tôi ước đoán, tối đa mười năm nữa sẽ tận thế. Hiện thời, các nơi bị tai nạn, đó là gì? Đó là điềm báo trước đại tai nạn, chúng ta đã thấy, mà nếu chẳng nghiêm túc nỗ lực, chắc chắn sẽ không thể tránh khỏi tai nạn này! Do vậy, chúng ta chẳng thể không biết, không thể chẳng sốt sắng nỗ lực học Phật. Hóa giải tai nạn không có gì khác, hãy khuyên lơn, hướng dẫn mọi người hồi tâm chuyển ý, đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức hòng giải trừ tai nạn. Hôm nay đã hết thời gian, chúng ta học tập tới chỗ này! Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa phần 4 hết

---o0o---

Phần 05

Tập 09

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin ngồi xuống. Xin hãy xem bản kinh, trang thứ bảy, dòng thứ sáu từ dưới đếm lên: "Hựu khế cơ giả, diệc ngụ phù hợp thời cơ chi nghĩa" (Lại nữa, khế cơ còn ngụ ý phù hợp thời đại và căn cơ). Cụ Niệm Tổ sau khi giới thiệu sự khế cơ thù thắng độc đáo, mà cũng là chỗ đặc biệt thù thắng của bản kinh này xong, lại cho chúng ta biết: Bản kinh này không chỉ là thích hợp khắp ba căn, gồm thâu trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, mà nó còn thích hợp với thời đại. Chữ "thời đại" này bao gồm

những ý nghĩa: Các thời đại khác nhau, các nơi khác nhau, các bối cảnh văn hóa khác nhau, thảy đều thích hợp. Một bộ kinh [hội tụ các ưu điểm] như vậy, đích xác là chẳng dễ gì kiếm được, nhưng kinh này chính là một bộ kinh như vậy. Tiếp đó, cụ viết: "Như Lai thùy Từ" (đức Như Lai rủ lòng Từ), ở đây là nói Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng là nói A Di Đà Phật vô

cùng từ bi. "Độc lưu thử kinh ư chư kinh diệt tận chi tối hậu bách niên" (riêng lưu lại kinh này một trăm năm cuối cùng khi các kinh khác đều bị diệt mất). Trong Pháp Diệt Tận Kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói về tình hình Phật pháp suy diệt trong tương lai: Hết thảy các kinh đều bị diệt mất, đều chẳng tồn tại, tới cuối cùng, kinh Vô Lượng Thọ còn được lưu truyền một trăm năm, đó là một trăm năm cuối cùng [trong pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật]. Bản nào của kinh Vô Lượng Thọ sẽ được lưu lại? Cũng theo các bậc đại đức thuở ấy, họ không sống cùng thời chúng ta, mà thuộc thời đại của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, còn sớm hơn tôi một thế hệ, cùng vai vế với thầy tôi, cùng khẳng định bản hội tập này của Hạ lão cư sĩ [sẽ được lưu lại trong một trăm năm cuối khi pháp diệt tận]. Vì sao? Trong phần trước, tôi đã giới thiệu cùng quý vị, bản này thật sự là bản kinh tiêu chuẩn bậc nhất trong Tịnh Tông, là bản tổng hợp hoàn chỉnh của năm bản dịch gốc, quả thật là bản tốt nhất của bộ kinh bậc nhất trong Tịnh Tông. Chúng ta nghe xong cũng chẳng hoài nghi tí nào! Kinh này thật sự là như thế. Hạ lão cư sĩ xuất hiện trong thời đại này, chúng ta tin cụ là bậc tái lai để làm chuyện này. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ xuất thế cũng nhằm chú giải bản này. Họ tới thế gian này với nhiệm vụ đặc thù và đều đã hoàn thành. Do điều này, có thể biết: Thời Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm nữa; vì thế, chúng ta nói: Đối với các nơi khác nhau, thời gian khác nhau, văn hóa khác nhau, kinh này đều có thể thích ứng. "Chánh biểu thử kinh năng khế ư đương tiền cập vị lai chi xã hội dã" (Điều này cho thấy kinh này có thể khế hợp xã hội trong hiện tại và tương lai): Bất luận nơi nào cần đến, bản kinh này đều [đáp ứng]. "Đương tiền khoa học phát đạt, nhân loại ưng cụ chi tri thức di quảng" (Nay nhằm lúc khoa học phát triển, kiến thức cần phải có của nhân loại càng rộng), kiến thức mà chúng ta cần phải có ngày càng nhiều, đó có phải là chuyện tốt đẹp hay không? Nói thật ra, đây chẳng phải là chuyện tốt, người thật sự tu đạo không cần phải học những thứ ấy. Tổ tiên, cổ thánh tiên hiền đã sớm dạy chúng ta [điều này] như Đạo gia đã nói: "Vị đạo nhật tổn, vị học nhất ích" (vì đạo ngày càng hao tổn, vì học vấn mà ngày càng tăng thêm), "vị học" là như ở đây [cụ Hoàng] đã nói: "Hiện tại khoa học kỹ thuật phát triển", đó là "vị học". Mỗi ngày quý vị phải tăng trưởng những thứ ấy (kiến thức khoa học), đó là về phương diện tri thức; nhưng "vị đạo" (vì đạo) thì mỗi ngày phải buông xuống, tất thảy đều phải buông xuống thì đạo mới thành tựu. Đạo là gì? Đạo là thứ mà bản thân quý vị sẵn có. Hiện thời, đạo của quý vị chẳng thể hiện tiền do quý vị có chướng ngại, có phiền não, nhà Phật gọi nó là "nghiệp chướng". Chướng ngại nhiều vô lượng, vô biên, vô tận, vô số, nhưng quy nạp lại, sẽ không ngoài hai loại lớn: Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Hai loại lớn này chướng ngại quý vị kiến tánh, chướng ngại cái tâm

thanh tịnh, tâm bình đẳng của quý vị. "Thanh tịnh bình đẳng giác" là đạo, là tựa đề của bộ kinh này, chúng ta tu đạo là tu thứ này. Nếu tâm địa mỗi năm một thanh tịnh hơn, tức là đạo nghiệp của quý vị tăng trưởng. Bất luận tu học pháp môn hay tông phái nào

trong mười tông phái của Đại Thừa Phật pháp Trung Quốc, trong chữ “pháp môn”, “pháp” () là phương pháp, “môn” là môn đạo (: đường nẻo), “môn kính” (: cửa nẻo, đường lối), [do vậy, “pháp môn”] là cửa ngõ để trở về tự tánh, trong kinh nói tám vạn bốn ngàn [pháp môn]. Tám vạn bốn ngàn pháp môn nhằm đối trị tám vạn bốn ngàn phiền não. Bồ Tát vô cùng tuyệt vời, có thể triển khai Thập Thiện Nghiệp Đạo thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh (hạnh vi tế), công đức viên mãn, thành Phật. Đạt đến “thanh tịnh, bình đẳng, giác” là cảnh giới như thế nào? Nửa phần trước của tựa đề kinh này nói về quả, nửa phần sau là nói tới nhân, tu nhân chứng quả. Quả bậc nhất là Đại Thừa, Đại Thừa là trí huệ, tức trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh hiện tiền. Trí huệ không do học mà có, tri thức thì học được. Trí huệ chẳng do học được, mà sanh từ cái tâm thanh tịnh “Vô Lượng Thọ” là đức, “Trang Nghiêm” là tướng hảo. Quý vị thấy đấy chẳng phải là như kinh Hoa Nghiêm đã nói hay sao? “Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”! Tựa đề kinh này chính là trí huệ và đức tướng của Như Lai. “Đại Thừa” là trí huệ, “Vô Lượng Thọ” là đức, “Trang Nghiêm” là tướng, quý vị đạt được [những điều này]. Vào lúc nào? Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, quý vị tu thành tựu cái tâm thanh tịnh bình đẳng, trở về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Tựa đề kinh này hay lắm, nhưng chẳng phải do người hội tập tự lập một đề mục như cư sĩ Vương Long Thư đặt tên cho bản hội tập của mình là Đại A Di Đà Kinh, bản của Ngụy Mặc Thâm có tựa đề là Vô Lượng Thọ Kinh, họ đều tự mình lập ra đề mục. Chỉ riêng đề mục [bản hội tập] của cụ Hạ Liên Cư là hội tập, thật sự chẳng thêm vào một chữ nào. Đấy mới gọi là bản hội tập tiêu chuẩn, ngay cả đề mục cũng là hội tập. Phân nửa trước của đề mục là tựa đề kinh của bản dịch đời Tống, nửa dưới tức là “thanh tịnh, bình đẳng, giác” lấy từ bản dịch đời Hán, [tên gọi của kinh] do được hội tập từ [tên gọi của] các bản dịch gốc mà thành, nên ý nghĩa càng rõ ràng. Tiếp đó, sách viết: “Xã hội tiến bộ, mỗi nhân sở kiên chi trách nhiệm bội tăng, cố hàm ưng quảng học đa năng, cúc cung tận tụy, tham gia kiến thiết, tạo phước nhân dân, thực hiện nhân gian Tịnh Độ” (Xã hội tiến bộ, trách nhiệm của mỗi cá nhân tăng lên gấp bội. Vì thế, ai nấy đều nên học rộng, biết nhiều, một lòng tận tụy, tham gia xây dựng [xã hội] nhằm tạo phước cho nhân dân, thực hiện cõi Tịnh Độ trong nhân gian). Chúng ta đọc câu này, phải biết Như Lai, Bồ Tát không đâu chẳng ứng hóa, biến hiện,

đúng như phẩm Phổ Môn đã nói “nên hiện thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy”

một đoạn kinh văn hay một câu kinh văn, đều dẫn kinh điển làm chứng. Nếu không, lại dẫn lời giải thích của các vị cổ đại đức. Cổ đại đức cũng căn cứ trên kinh điển, chính mình chẳng phát minh hay sáng tạo [nghĩa lý nào], chúng ta phải hiểu điều này! Chúng ta phiền não tập khí nặng nề như thế, phân biệt, chấp trước nặng như thế, phải biết mình là hạng phàm phu chính cống, làm thế nào để có thể chuyển phàm thành thánh? Hãy học tập thánh nhân, thật thà, ngoan ngoãn học, thật sự nghe lời. [Đối với những giáo huấn trong] kinh giáo, chúng ta có làm được hay không? Có thể giảng kinh hay chăng? Chẳng có điều kiện này thì trí huệ và đức năng đều chẳng phù hợp! Xưa kia, tôi đến Đài Trung thân cận thầy Lý, theo Ngài học Phật, nhằm đúng lúc cụ mở khóa “kinh học” để bồi dưỡng môn đệ học cách giảng kinh. Cụ muốn tôi tham gia, tôi tự xét mình: Thiếu trí huệ, thiếu năng lực! Tôi chẳng dám, tôi nói: “Con nghe kinh, nghe lão nhân

gia giảng kinh để học tập, con nghĩ con chẳng có năng lực giảng kinh". Thầy cho tôi đến xem lớp học ấy, đến xem thì đương nhiên là được rồi! "Hãy đến xem thử một lần", thầy dùng phương pháp thiện xảo phương tiện ấy để dẫn tôi nhập môn. Tôi thưa với thầy là chúng tôi chẳng thể giảng, kết quả là nhận thấy phương pháp dạy giảng kinh của thầy vốn là giảng chú giải của cổ nhân. Đọc chú giải của cổ nhân không hiểu thì giảng chú giải của người hiện thời, xem chú giải bằng văn Bạch Thoại, cách giảng như vậy đó! Tôi hỏi thầy: "Vì sao học theo cách ấy?" [Thầy trả lời]: "Không còn cách nào, bất đắc dĩ phải chọn lấy cái kém hơn". Hiện thời không có ai giảng kinh, chúng ta chẳng phát tâm thì làm thế nào đây? Ai sẽ ra tay? Không có ai cả! Kinh giảng sai, sai một chữ là không được rồi! Cổ đại đức đã nói về chuyện giảng sai một chữ; đây vốn là một công án trong Thiền Tông: "Thác hạ nhất cá tự chuyển ngữ, đọa ngũ bách thế dã hồ thân" (Hạ lầm một chữ chuyển ngữ, đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời). Quý vị phải gánh trách nhiệm. Quý vị giảng bậy một chữ, sẽ đọa làm thân súc sanh năm trăm đời, đáng sợ quá! Thầy bảo tôi: "Chúng ta chẳng có tư cách giảng thì hãy giảng chú giải, giảng chú giải của cổ nhân. Chú giải của cổ nhân viết bằng văn chương Văn Ngôn, nay chúng ta dịch sang văn Bạch Thoại, dùng biện pháp này. Hễ sai thì là lỗi của tác giả, chứ ta không sai! Nếu văn chương viết bằng Văn Ngôn đọc không hiểu, chúng ta hãy xem văn Bạch Thoại hiện thời, chiếu theo đó để giảng. Bỏ sót cũng chẳng sao, chớ nên tự thêm những thứ gì của mình vào, hãy để cổ nhân chịu trách nhiệm". Chúng tôi bắt đầu học giảng kinh từ chỗ này. Đến khi nào quý vị có thể tự mình giảng? Khai ngộ! Chưa khai ngộ thì hãy giảng [lời chú giải của] người khác. Phật khai ngộ, trong các vị tổ sư đại đức, có rất nhiều vị khai ngộ. Tuy khai ngộ, họ vẫn chẳng rời khỏi Phật, Bồ Tát, hoàn toàn dựa theo di giáo của Phật, Bồ Tát, chẳng có một tí ý nghĩa mới mẻ nào! "Tín nhi hiếu cổ, thuật

nhi bất tác" là thái độ chúng ta nên học theo, hãy nên sốt sắng học tập. Học tập có thể thành tựu hay không? Tùy thuộc vào tâm thái học tập của quý vị! Tâm thái như thế nào mới có thể học thành công? Ấn Quang đại sư nói rất hay: "Thành kính!" Ngài dạy: "Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích". Thành là gì? "Tôi rất thành kính, tôi mười hai phần thành kính"; đó là tiêu chuẩn của chính kẻ ấy, chẳng phải là tiêu chuẩn của Phật, Bồ Tát, thánh hiền. Theo tiêu chuẩn của Phật, Bồ Tát và thánh hiền, Thành là gì? Trong Độc Thư Bút Ký (bút ký đọc sách), tiên sinh Tăng Quốc Phiên46 đã định nghĩa chữ "Thành", ông ta giải thích như thế nào? "Nhất niệm bất sanh thị vị thành" (Một niệm chẳng sanh được gọi là Thành). Người ta có học vấn, có đức hạnh, giảng tuyệt lắm, "niệm" [trong câu nói của Tăng Quốc Phiên] là gì? Vọng niệm đấy! Hễ quý vị còn có vọng niệm sẽ chẳng Thành! Nói theo Phật pháp, quý vị vẫn khởi tâm động niệm; khởi tâm động niệm là vô minh phiền não, Thành ở chỗ nào? Phân biệt, chấp trước chính là gió to, sóng cả, phiền não nghiêm trọng. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta: Quý vị có thể chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian; đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, mà quý vị chắc chắn chẳng chấp trước, thì xin chúc mừng quý vị, quý vị đã chứng quả A La Hán, đã vượt thoát lục đạo luân hồi. Nếu lại tiến thêm một bước nữa, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, phân biệt cũng buông xuống, chẳng còn phân biệt nữa. Thưa quý vị, buông

chấp trước xuống, đạt được tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ; buông phân biệt xuống, đạt được tâm bình đẳng. Tâm thanh tịnh là tâm Bồ Tát, tâm bình đẳng là tâm Phật. Cuối cùng là khởi tâm động niệm, tức là vọng niệm cũng buông xuống, chẳng sanh ý niệm, chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật. "Vì đạo ngày càng tổn giảm", vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều phải buông xuống! Mỗi năm [vọng tưởng, phân biệt, chấp trước] một nhẹ hơn thì đạo nghiệp của quý vị đang tiến bộ. Nếu mỗi năm một nghiêm trọng hơn, quý vị đã hoàn toàn tương phản, quý vị đang học đạo, nhưng đạo ấy chẳng phải là Phật đạo, mà là đạo gì? Phải biết đấy là lục đạo, quý vị đang tu luân hồi trong lục đạo! Tu luân hồi trong lục đạo có thiện, có ác; nếu là thiện, sẽ là ba thiện đạo; nếu bất thiện thì quý vị đang tu ba ác đạo, đều là tu đạo, đều gọi là Đạo, chớ nên không biết điều này! Chúng ta phải thấu hiểu cẩn thận vì sao Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, hãy khéo học tập, nâng cao cảnh giới của chính mình. Thật đấy! Đức Phật đã nói hai câu mà ai cũng đọc được, nhưng quý vị chưa làm được: "Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si" (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si), đó là công phu thật sự. Nay chúng ta phải nghiêm túc tự hỏi chính mình: Tịnh Nghiệp Tam Phước không chỉ là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong Tịnh Tông, mà còn là nguyên tắc chỉ đạo của toàn thể Phật pháp. Điều thứ nhất là: "Hiếu dưỡng

phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp" . Chúng ta có làm được hay không? Đó là gì? Là điều kiện cơ bản để học Phật. Nếu chúng ta không trọn đủ, sẽ chẳng có tư cách tiến nhập Phật môn. Tiến nhập Phật môn đòi hỏi điều kiện, hạng người nào vậy? Thiện nam tử, thiện nữ nhân. Thiện là bốn câu [trên đây], bốn câu này là ba món căn bản của Nho, Thích, Đạo. Hiếu thân tôn sư (hiếu thuận cha mẹ, tôn trọng thầy) ở trong Đệ Tử Quy, từ tâm chẳng giết trong Cảm Ứng Thiên. Do vậy, quý vị có thể thật sự thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, và Thập Thiện Nghiệp, thật sự làm được, sẽ hội đủ tiêu chuẩn "thiện nam tử, thiện nữ nhân". Có điều kiện này mới có thể tiến nhập Phật môn, thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Phước thứ hai chính là đệ tử Phật môn chân chánh: "Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi", chẳng đủ điều kiện trên đây sẽ chẳng có tư cách thọ lãnh [giới pháp]; nhưng nay thì sao? Nay chúng ta không đủ điều kiện mà vẫn thọ! Chương Gia đại sư bảo tôi: Thọ giới để làm gì? Thọ để học! Ngàn vạn phần chớ nên nghĩ mình đã thọ giới, đã đắc giới, không thể nói như vậy! Nói như vậy chính là gì? Đại vọng ngữ. Đại vọng ngữ vì quý vị chưa đạt được mà tưởng đã đạt được! Người nói câu này sớm nhất chính là Ngẫu Ích đại sư. Ngẫu Ích đại sư sống vào cuối đời Minh, Minh mạt Thanh sơ (cuối đời Minh, đầu đời Thanh), tuy là Tổ Sư Tịnh Độ Tông, tức Tổ Sư đời thứ chín, nhưng Ngài có công phu rất sâu nơi giới luật. Giống như Hoằng Nhất đại sư trong thời cận đại, mọi người đều biết Hoằng Nhất đại sư nghiên cứu giới luật. Vào thời ấy, Ngẫu Ích đại sư nghiên cứu giới luật, Ngài cũng trước tác về giới luật rất nhiều. Ngài bảo: "Tại Trung Quốc, từ triều đại Nam Tống trở đi không có tỳ-kheo!" Tỳ-kheo là tỳ-kheo trên danh tự, hữu danh vô thực! Không giữ được giới tỳ-kheo, nên chẳng có tỳ-kheo. Muốn truyền giới xuất gia, tức là truyền xuất gia tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni giới, tối thiểu phải có năm vị tỳ-kheo mới có thể truyền. Do chẳng có năm tỳ-kheo truyền giới, nên người thọ giới chẳng thể đắc giới. Ngài nói từ triều đại Nam Tống về sau chẳng có [tỳ- kheo], danh tự tỳ-kheo chẳng phải là thật sự có. Do vậy,

khuyên mọi người: Quý vị có thể đến thọ giới, nhưng biết đó là hình thức, thọ rồi phải học. Thật sự học một điều sẽ đắc một điều vì quý vị làm được. Người thọ Ngũ Giới rất nhiều, rất phổ biến, người thọ Tại Gia Bồ Tát giới cũng không ít, nhưng Ngũ Giới có giữ được hay chăng? Đừng nói chi khác! "Chẳng nói dối" có làm được hay chăng? Thường nói những câu nhảm nhí, dù hữu ý hay vô ý, tức là chẳng giữ [giới "bất vọng ngữ"]! Không sát sanh, không trộm cắp, chẳng tà dâm, quý vị hãy suy nghĩ đã làm được điều nào hay chưa? Vẫn cứ nói tôi thọ Mãn Phần Ngũ Giới (thọ đủ năm giới), Mãn Phần Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di! Ngũ Giới làm không được, Bồ Tát Giới càng khỏi cần phải nói nữa. Do vậy, hữu danh vô thực, chúng ta phải biết điều này. Kiếm đủ mọi cách lừa gạt

chư Phật, Bồ Tát, [mà vẫn ra rả]: "Tôi chuyện gì xấu cũng đều chẳng làm!" Quý vị thọ giới mà làm không được, tội ấy rất nặng. Cách kết tội ra sao? Đã phạm tội gì? Phá hoại hình tượng Phật giáo, quý vị có thừa nhận hay chăng? Người ta nhìn vào Phật giáo, quý vị thấy Phật giáo đồ giống như vậy, người ta đâu có chửi quý vị, mà chửi toàn bộ Phật giáo, ngay cả chư Phật, Bồ Tát đều bị chửi lây, phải hiểu điều này! Tín đồ tại gia không giữ được Thập Thiện! Thập Thiện, Tam Quy, Ngũ Giới đều làm không được. Các đệ tử xuất gia không giữ được Sa Di Luật Nghi! Không chỉ Sa Di Luật Nghi, mà Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện cũng làm không được. Quý vị nói xem: Phật giáo lẽ nào chẳng suy? Phật giáo suy ở chỗ nào? Chẳng có giới luật! Quý vị thấy Phật pháp là "tín, giải, hành, chứng"; quý vị có tín, có giải, nhưng chẳng có hành, khoan bàn tới chứng. Không có hành, làm sao có chứng? Chỉ có tín giải, tín giải biến thành học thuật, biến thành Phật học. Có hành và có chứng mới biến thành học Phật. Học Phật và Phật học khác nhau! Phật học là có thể nói, nhưng chẳng thể hành; học Phật là có thể nói và có thể hành. Vì thế, trong thời đại hiện tại, tìm một thiện tri thức phải đến nơi đâu để tìm? Tìm không ra! Vì thế, thầy mới dạy tôi, thuở thầy Lý tại thế, lão nhân gia hết sức khiêm hư, tôi bái sư, hành lễ bái sư để xin học với Ngài. Lão nhân gia bảo tôi: "Tôi chỉ có thể dạy anh năm năm". Sau năm năm sẽ làm như thế nào? Cụ giới thiệu một vị thầy, thầy của Ngài là Ấn Quang đại sư. Ấn Quang đại sư đã khuất, Văn Sao vẫn còn. Hằng ngày, quý vị đọc Văn Sao là thân cận Ấn Quang đại sư. Ghi nhớ giáo huấn của Ấn Quang đại sư, sốt sắng nỗ lực thực hiện thì quý vị sẽ là học trò của pháp sư Ấn Quang. Mở ra một cửa, vì hiện thời tìm không được một vị thiện tri thức chân chánh, nhưng cổ nhân thì có, hãy làm tư thục đệ tử của cổ nhân. Thầy giới thiệu tôi làm tư thục đệ tử của Ấn Quang đại sư. Tôi giảng kinh, dạy học tại các nơi ở hải ngoại nhiều năm như thế, chẳng dám tự nhận mình là thầy, chưa đủ tư cách, tôi cũng học theo phương pháp của thầy, giới thiệu một vị thầy cho mọi người. Tôi giới thiệu ai vậy? Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật là hai vị thầy tốt đẹp, theo các Ngài chắc chắn tốt đẹp lắm! Thầy ở nơi đâu? Trong Vô Lượng Thọ Kinh và A Di Đà Kinh. Thâm nhập một môn, trường thời huân tu. Xem kinh không hiểu thì hãy tìm trợ giáo (tutor), tìm người giúp đỡ! Trợ giáo là ai? Người chú giải kinh là trợ giáo. Xem kinh Hoa Nghiêm không hiểu, hãy tìm Thanh Lương đại sư, tìm Lý Trưởng Giả, chú giải của các Ngài giúp chúng ta học tập. Xem Di Đà không hiểu, tìm Liên Trì đại sư, Ngài có bộ Sớ Sao, Ngẫu Ích đại sư có bộ Yếu Giải, U Khê đại sư có Viên Trung Sao. Trước khi bản [hội tập] này ra đời, thông thường người học kinh Vô Lượng Thọ đều học theo bản dịch của Khang Tăng Khải. So trong năm bản dịch gốc,

bản của ngài Khang Tăng

Khải hay nhất, lưu thông cũng rất rộng. Đời Tùy, Huệ Viễn đại sư47 có chú giải. Sư có pháp danh hoàn toàn giống với Sơ Tổ Tịnh Độ Tông. Lô Sơn Huệ Viễn đại sư là tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông Trung Quốc. Do Huệ Viễn đại sư đời Tùy trùng tên, trong Phật môn gọi Ngài là Tiểu Huệ Viễn. Nghe nói Tiểu Huệ Viễn liền biết ngay là Huệ Viễn đại sư đời Tùy, hãy đọc bản chú giải của Ngài. Khi chúng tôi học kinh Vô Lượng Thọ tại Đài Trung, nhằm lúc bản này vẫn chưa truyền đến Đài Trung, thầy Lý giảng Vô Lượng Thọ Kinh bằng bản chú giải của ngài Tiểu Huệ Viễn. Chú sớ của cổ nhân giúp đỡ các đồng học. Hiện thời có nhiều công cụ hơn, dùng máy thâu âm hay máy thâu hình để giảng giải nhằm giúp đỡ người đời sau, quá sức thuận tiện! Chúng ta thành lập một đạo tràng, quý vị phải ghi nhớ, Ấn Quang đại sư là một vị nhất đại tổ sư có đức hạnh, có trí huệ, lão nhân gia dạy chúng ta: Trong tình hình xã hội hiện thời, kiến lập đạo tràng hãy trọng phẩm chất, đừng coi trọng số lượng, tức là "trọng thực chất, đừng coi trọng hình thức". Đạo tràng chớ nên to lớn; thảo am nhỏ là lý tưởng nhất. Chúng thường trụ không nên hơn hai mươi người, dễ duy trì. Các đồng học chí đồng đạo hợp ở cùng một chỗ cộng tu, một phương hướng, một mục tiêu, quyết định cầu sanh Tịnh Độ. Thảo am nhỏ ở được hai mươi người, người trong ấy tâm đều thanh tịnh. Nếu dựng một ngôi chùa lớn, giàu có, lộng lẫy, nguy nga, có bao nhiêu người sẽ dòm ngó, nghĩ cách tranh đoạt! Thích Ca Mâu Ni Phật thấy rõ ràng, cho nên, thuở Phật tại thế, Ngài giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, chẳng dựng một đạo tràng nào, ngay cả thảo am nhỏ cũng chưa hề dựng. Vì sao? Nay chúng ta hiểu rõ: Lập đạo tràng sẽ có kẻ khởi ý niệm ác. Cái gì cũng đều chẳng có, ba y một bát, trưa ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây, quý vị còn tranh đoạt gì nữa? Vì thế, mỗi cá nhân đều thanh tịnh, chẳng tranh chấp. Thị hiện hay quá! Thị hiện từ bi đến cùng cực, Ngài thật sự chịu khổ thay cho chúng sanh. Vì sao làm như vậy? Nêu gương cho người đời sau xem. Nói thật ra, thân thể chúng ta trong hiện thời chẳng thể sánh với thân Phật, ngay cả đệ tử Phật, chúng ta cũng chẳng thể sánh bằng. Người ta là năm này qua tháng khác, đêm ngồi dưới cội cây, chẳng ngán gió táp, mưa tạt. Kinh bảo là "kim cang bất hoại thân", người ta có đức hạnh. Nay chúng ta không làm được, nay chúng ta nghỉ một đêm dưới gốc cây, nói chung là ngày hôm sau phải nằm phòng cấp cứu, chẳng có đức hạnh như người ta! Tướng chuyển theo tâm, tâm người ta thanh tịnh, chúng ta chưa đạt đến mức độ thanh tịnh ấy. Vì vậy, chớ nên không biết điều này! Trong xã hội hiện thời, chúng ta càng chẳng thể rời khỏi xã hội, mỗi ngày nghiêm túc học tập trong tiểu đạo tràng, đem công đức học tập hồi hướng cho xã hội, hồi hướng cho hết thảy chúng sanh khổ nạn, tiêu tai miễn nạn, chuyện này có thật hay không? Thật đấy! Trong kinh, đức Phật đã nói rất tuyệt: "Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng". Có một

nhóm người như thế, dùng cái tâm thanh tịnh hằng ngày cầu nguyện, chân thành cầu nguyện sẽ sanh ra hiệu quả; đấy là đối với xã hội. Trong xã hội có kẻ không tin, xưa nay, trong ngoài nước có rất nhiều sự tích linh nghiệm, hiện tại có hay không? Hiện tại vẫn có. Dần dần khoa học cũng chậm chạp ấn chứng cho chúng ta, chứng tỏ cảnh chuyển theo tâm, chứng minh tướng do tâm sanh, kẻ thật sự có đức hạnh sẽ thật sự có cảm ứng. Chẳng có đức hạnh thì sao? Chẳng có đức hạnh thì cũng phải tham dự các sự

nghiệp phước lợi xã hội. Các tôn giáo ngoại quốc rất coi trọng việc này, họ lập viện dưỡng lão, cô nhi viện, dục ấu viện (preschool), bệnh viện, làm rất nhiều, tôi cũng thấy rất nhiều, họ nhiệt tâm thực hiện các sự nghiệp từ thiện phước lợi xã hội. Trong Phật môn, những chuyện này là làm kèm thêm, chuyện thật sự phải làm là tự nâng cao cảnh giới của chính mình, thành tựu đạo đức và trí huệ, quý vị mới có thể thật sự giúp chúng sanh khổ nạn, thật sự có năng lực hóa giải tai nạn. “Vãn cận, Thái Hư pháp sư đề xướng nhân gian Tịnh Độ” (gần đây, pháp sư Thái Hư đề xướng nhân gian Tịnh Độ), vị này cũng là người sống trước chúng tôi một thế hệ, có khá nhiều cống hiến đối với Phật giáo Trung Quốc, cũng có không ít trước tác. “Tằng tường dẫn Vô Lượng Thọ Kinh văn cú” (từng trích dẫn cặn kẽ nhiều câu trong kinh Vô Lượng Thọ). Trong khi diễn giảng, Sư trích dẫn kinh văn từ kinh Vô Lượng Thọ rất nhiều. “Cái dĩ thử kinh song chiếu thế xuất thế gian” (ấy là vì kinh này soi rọi cả thế gian lẫn xuất thế gian), trong bộ kinh này, đức Phật giảng về pháp thế gian không ít, mà giảng pháp xuất thế gian cũng rất nhiều. “Tường thị Chân Tục nhị đế” (chỉ bày cặn kẽ Chân Đế và Tục Đế), đức Phật nương theo Nhị Đế để thuyết pháp, đó là một tổng nguyên tắc của giảng kinh, giáo học. “Đế” () là gì? Nói theo cách phổ thông hiện thời, Đế là chân lý, chân thật, thực tại. Có hai thứ [chân lý]: Một là Tục Đế, hai là Chân Đế. Tục Đế là pháp thế gian, Chân Đế là Phật pháp, thế gian và xuất thế gian đều quan tâm. Chân Đế là sau khi minh tâm kiến tánh, quý vị đã thấy được Thật Tướng của các pháp, những người tầm thường trong thế gian chúng ta rất khó lý giải điều này. Thật Tướng là thật, nhưng chúng ta chưa tu học đến trình độ ấy, nên đức Phật chẳng nói chuyện này. Ngài giảng về pháp thế gian, cũng có nghĩa là đức Phật rất thông hiểu những kiến thức thông thường. Đức Phật nói về những kiến thức thông thường của người thế gian, chúng ta rất dễ tiếp nhận, rất dễ hiểu. Ngài dạy “cha nhân từ, con hiếu thảo, anh nhường, em kính”, chúng ta nghe rất vui vẻ. Đó là Thế Tục Đế, chẳng phải là Chân Đế. Chân Đế giảng “vạn pháp đều không”, chúng ta sẽ không hiểu, chúng ta thấy rõ hết thảy các pháp hiện tiền, cớ sao là không? Lẽ nào Phật là không? Tôi không hiểu điều này! Đó là Chân Đế, thuộc về Triết Học cao cấp, người bình thường chẳng

thể hiểu. Đức Phật nhìn vào căn tánh của chúng sanh, thấy quý vị thuộc trình độ nào bèn thuyết pháp [đến mức đó]. Vì thế, trong toàn bộ Phật pháp, Tiểu Thừa toàn giảng về Tục Đế, Chân Đế cũng nói, nhưng rất ít. Trong pháp Đại Thừa, Chân Đế và Tục Đế đều giảng, ngay cả trong pháp Nhất Thừa [cũng như thế]. Pháp Nhất Thừa là Pháp Hoa và Hoa Nghiêm, trong ấy vừa có Tục Đế, vừa có Chân Đế, không hoàn toàn giảng Chân Đế. “Phù Tịnh Tông chi diệu, tại ư bất ly Phật pháp, nhi hành thế pháp, bất phế thế pháp, nhi chứng Phật pháp” (Điều hay tuyệt của Tịnh Tông là chẳng lìa Phật pháp mà hành pháp thế gian, chẳng bỏ pháp thế gian mà chứng Phật pháp). Đây là chỗ thù thắng của Tịnh Tông, đúng là xảo diệu. Tiếp đó, sách viết: “Nhân trì danh chi pháp, tối vi phương tiện, tùy địa khả tu” (do pháp trì danh thuận tiện nhất, chỗ nào cũng có thể tu được), có thể tu bất cứ lúc nào, tu ở bất cứ chỗ nào, một câu Phật hiệu trong tâm, phải thật sự làm được tiêu chuẩn “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói, thật sự, chẳng giả. Giữ vững lục căn chẳng cho chúng rong ruổi theo bên ngoài, “phi lễ vật thị, phi lễ vật thính” (phi lễ chớ nhìn, phi lễ chớ nghe), khống chế

được! Lục căn chẳng chạy theo cảnh giới lục trần. Đối với phàm phu, cảnh giới lục trần bên ngoài dẫn dụ lục căn, quý vị bèn tạo nghiệp; thật sự có thể khống chế nó, thì có thấy cảnh giới bên ngoài hay không? Thấy chứ! Nhưng thấy ra sao? Chẳng để trong lòng, thấy mà như không thấy, nghe mà chẳng nghe, chẳng bận lòng, đó gọi là công phu. Trong tâm là gì? Trong tâm là A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng đều chẳng có. Trò chuyện trao đổi với quý vị, đó là pháp thế gian, nhưng Phật hiệu trong tâm chẳng gián đoạn. Chẳng phải là nói tôi có chuyện phải làm, tôi buông niệm Phật xuống, đó là gì? Đó là công phu vẫn chưa đủ, chưa đạt, người mới học mới phải làm như vậy. Đặc biệt là khi phải dùng đến đầu óc suy nghĩ, quý vị tạm thời buông Phật hiệu xuống để làm việc. Sau khi làm xong xuôi, lại niệm Phật. Nếu đã đạt Niệm Phật tam-muội, sẽ chẳng có chướng ngại, trong mười hai thời Phật hiệu chẳng gián đoạn, làm được, chứ chẳng phải là không làm được! Xưa kia, tôi ở Đài Loan, vào dịp Tết năm nọ, có một vị lão cư sĩ đến chúc Tết tôi, cụ cũng là tín đồ đã lâu của Hoa Tạng Đồ Thư Quán. Bà cụ đến bảo tôi: “Bạch pháp sư! Nay trong lòng tôi rất thanh tịnh, chuyện gì tôi cũng đều buông xuống, nhưng không thể bỏ cháu nội được!” Công phu niệm Phật của bà cụ rất tốt, không buông cháu nội xuống được, tôi nói với cụ: “Bà hãy tưởng A Di Đà Phật là cháu bà, bà sẽ thành công!” Bà cụ chẳng nghĩ đến cháu, chẳng nghĩ tới, nhưng trong tâm thật sự có cháu, thời thời khắc khắc đều có bóng dáng của đứa cháu, A Di Đà Phật thường treo nơi miệng, trong tâm là cháu. Do vậy, tôi dạy bà cụ một phương pháp để thay đổi: “Hãy đem cháu bà đổi thành A Di Đà Phật, bà sẽ thành công!” Trong lòng thật sự có

[A Di Đà Phật]! Đó là niệm Phật! “Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật” (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật), Đại Thế Chí Bồ Tát nói như thế. Nếu chúng ta một lòng một dạ nghĩ tới thế giới Cực Lạc, mong vãng sanh, chẳng vãng sanh sẽ phiền phức lớn lắm, chẳng vãng sanh sẽ phải luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo đúng là khổ quá, chẳng muốn luân hồi nữa! Chẳng còn tiêm nhiễm những thứ trong lục đạo, tâm quý vị bèn định, cái gì cũng đều chẳng nghĩ tới. Mỗi ngày ăn no ba bữa là được rồi, chuyện gì cũng không phải truy tìm, có thể ăn đủ no, quần áo có thể chống lạnh là được rồi, có một chỗ nhỏ bé để ngủ là đủ rồi, cần chi nữa? Quý vị đã biết đủ, biết đủ thường vui. Tâm chẳng có mảy may gánh nặng nào, thân lẫn tâm đều chẳng có áp lực, quý vị nói có tự tại lắm hay không? Trong tâm thật sự có Phật, công phu như vậy nhanh là một năm, chậm thì tối đa là ba năm, quý vị sẽ đạt được Niệm Phật tam- muội. Niệm Phật tam-muội là gì? Tâm thanh tịnh. Trong tựa đề của kinh Vô Lượng Thọ có “thanh tịnh”, quý vị đã đạt được. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, chẳng còn sanh phiền não nữa. Khi nào sẽ vãng sanh? Trong cảnh giới ấy, muốn vãng sanh lúc nào sẽ vãng sanh khi ấy; quý vị vừa nghĩ, A Di Đà Phật liền đến. Có thọ mạng, nhưng chẳng cần thọ mạng nữa, đi ngay bây giờ được chăng? Được! Thông tin của quý vị gởi sang A Di Đà Phật, ở nơi đây vừa khởi niệm, A Di Đà Phật liền biết ngay, Phật đến tiếp dẫn. Chẳng có công phu ấy sẽ không được, nghĩ cách nào Phật cũng chẳng đến, vì sao nghĩ mà Phật không đến? Do quý vị vọng tưởng, nên Phật không đến, vẫn chưa buông những thứ tạp nhạp trong thế gian xuống được! Thật sự buông xuống sẽ có thể ra đi bất cứ lúc nào! Thế giới này khổ ngần ấy, chịu khổ nhiều năm ngần ấy,

còn có gì tốt đẹp để lưu luyến nữa? Sanh về thế giới Cực Lạc vĩnh viễn lìa khổ, được vui. Vì sao chẳng làm? Nói thật ra là vì tham sống sợ chết! Nếu có Niệm Phật Đường nào mở ở đây, bảo mọi người: "Đến chỗ tôi niệm Phật, chắc chắn bảy ngày sẽ vãng sanh", quý vị thấy có ai dám tới hay không? Không dám tới! Mỗi ngày cầu vãng sanh, nhưng bảy ngày chắc chắn vãng sanh thì chẳng ai dám tới Niệm Phật Đường ấy! Giả trất, chẳng thật! Miệng đúng, tâm sai! Sau khi chúng ta hiểu rõ, phải thật sự làm, các đạo lý đều hiểu rõ ràng, minh bạch. Quả thật là chẳng lìa Phật pháp mà hành pháp thế gian. Pháp thế gian và Phật pháp chẳng có một chút chướng ngại nào! Bất luận làm việc gì, trong tâm Phật hiệu chẳng gián đoạn, đó là "công phu thành phiến", sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới; nhưng [sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng] chẳng sao cả! Đức Thế Tôn đã nói minh bạch: Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới liền viên chứng bốn cõi. Quả đức thù thắng này đến đâu để cầu? Trong tám vạn bốn ngàn pháp

môn, chỉ có một môn này là có, những môn khác chẳng có. Vì thế, gặp gỡ pháp môn rất khó có này, rất chẳng dễ dàng! Đã gặp mà không chịu tu, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, tội ấy rất nặng, có lỗi với chính mình, có lỗi với chư Phật, Bồ Tát, có lỗi với cha mẹ, tổ tiên; bởi lẽ, quý vị vãng sanh sẽ thành Phật, người nhà của quý vị sẽ đắc độ. Bất luận họ ở trong đường nào, quý vị đều thấy rõ ràng, họ gặp khổ nạn, quý vị có thể giúp họ. Họ có duyên với quý vị, cho nên họ có cảm, quý vị sẽ có ứng. Họ đang chịu khổ, chịu nạn, mong mỏi có người giúp đỡ. Đó chính là Cảm. Quý vị có duyên với họ, lập tức nhận được tin tức ấy, thật sự có thể giúp đỡ họ. Chẳng phế pháp thế gian, mà chứng Phật pháp. "Chẳng phế" và "chẳng lìa" có cùng một ý nghĩa. Thế pháp (pháp thế gian) là gì? Thưa cùng quý vị, Đệ Tử Quy là thế pháp, Cảm Ứng Thiên là thế pháp, Thập Thiện Nghiệp cũng là thế pháp. Quý vị thấy đó, vận dụng ba thứ này ngay trong cuộc sống hằng ngày của chính mình, vận dụng ngay vào công việc của chính mình, dùng ngay trong sự đãi người tiếp vật của chính mình, thế pháp đấy! Nêu gương tốt cho người thế gian. Trong tâm là A Di Đà Phật thì sẽ thành công. Thế pháp không chỉ chẳng chướng ngại quý vị, mà quý vị còn tích lũy công đức nơi ấy, nâng cao phẩm vị khi sanh về thế giới Cực Lạc. Quý vị làm bao nhiêu chuyện tốt, nêu gương rất tốt trong xã hội. Tâm quý vị thanh tịnh, người ta nhìn không thấy, nhưng Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp của quý vị người ta sẽ thấy, để thay đổi phong thái xã hội hiện thời cần phải có những điều này! Tổ tiên để lại cho chúng ta những thứ tốt đẹp, yêu thương con cháu dường ấy, ân sâu đại đức khôn sánh! Nay chúng ta là con cháu bất hiếu trong đời này, chẳng hiểu lòng yêu thương của tổ tiên, gạt bỏ giáo huấn của họ sang một bên, lại còn chê họ lỗi thời, tâm thái như vậy, quý vị nói xem: Có tránh khỏi chẳng bị báo ứng hay chăng? Chúng ta đúng là khó có, trong thời đại này và trong lứa tuổi như vậy mà được gặp gỡ [pháp môn này], mới giác ngộ, mới hiểu rõ, nhanh chóng quay đầu sốt sắng học tập, tự lợi, lợi tha, lợi tha là tự lợi. Bản thân quý vị chẳng sốt sắng học tập, sẽ không có cách nào lợi tha. Chính mình thật sự học, sẽ thật sự đạt được lợi ích, người khác trông thấy sẽ học theo, [do thấy chúng ta có] biểu hiện tốt đẹp mà! Tôi nhớ năm xưa chúng tôi ở Mỹ, hàng xóm gần đó đều là người Mỹ. Tôi sống trong một căn nhà nhỏ đối diện nhà Hàn Quán Trưởng. Những người hàng xóm rất hâm mộ chúng tôi. Có một buổi

sáng, chúng tôi ra ngoài tản bộ, bên ngoài là công viên; những người hàng xóm trông thấy tôi, bèn nói họ thấy chúng tôi mỗi ngày đều vui vẻ dường ấy, khuôn mặt tràn đầy dáng vẻ tươi cười, hỏi: “Các vị làm nghề gì vậy? Vì sao vui sướng ngần ấy?” Chúng tôi bảo họ: “Chúng tôi niệm Phật”. Họ hỏi: “Niệm Phật là gì?” Có cơ hội giáo dục rồi! “Niệm Phật đích thực là học điều gì?” Chúng tôi bảo họ: “Niệm Phật chính là học trí huệ”. Họ nghe xong, [bèn nói] điều này cần

thiết, tôi cũng muốn học. Tôi nói: “Thứ hai là trường thọ, thứ ba là vui sướng”. Họ nói: “Chúng tôi cần [những điều ấy]” Bọn họ đều là tín đồ Cơ Đốc, mỗi Chủ Nhật đều đi nhà thờ, tôi bèn khuyên họ: “Ngày thứ Bảy các vị hãy đến Phật đường của chúng tôi để học trí huệ, học trường thọ, học vui sướng. Ngày Chủ Nhật, quý vị đi nhà thờ, chẳng vi phạm [luật đạo]. Ở chỗ quý vị có Chúa, còn chúng tôi ở đây có thầy”. Đức Phật là thầy của chúng ta, Ngài chẳng phải là thần. Đúng là sau đấy, dần dần người ta đến đông hơn, những vùng phụ cận đều đến. Bởi lẽ, họ quan sát trước, quan sát mấy tháng rồi mới tiếp cận chúng tôi, từ từ họ hiểu biết. Vì lẽ đó, tôi nói: Tín ngưỡng tôn giáo và học Phật chẳng xung đột. Quý vị tín ngưỡng tôn giáo, thần là cha của quý vị, có quan hệ cha con hoặc chủ tớ với quý vị. Quý vị đến chỗ chúng tôi, có quan hệ thầy trò với Thích Ca Mâu Ni Phật. Ở nhà, quý vị có cha mẹ, ở trường có thầy, làm sao xung đột cho được? Họ nghe nói rất vui thích, chẳng xung đột mà! Tiếp đó, cụ Hoàng nhắc nhở chúng ta: “Tùy địa khả tu, hà đãi độn nhập sơn lâm, tùy thời khả niệm, bất lao bế quan yến tọa” (tu ở bất cứ chỗ nào cũng được, chẳng cần phải trốn vào núi rừng; niệm bất cứ lúc nào cũng được, chẳng nhọc công bế quan, ngồi yên), ý nói: Chẳng cần phải tìm một A Lan Nhã. A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, tức là tìm một nơi thanh tịnh. [Pháp môn Tịnh Độ] có thể tu trong bất cứ lúc nào. Hương Cảng là nơi phồn hoa nhất, có thể tu được hay chăng? Có thể! Chẳng bị trở ngại gì, [pháp môn Tịnh Độ] thuận tiện hơn các pháp môn khác. Thí dụ như học Thiền, học Mật sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn từ hoàn cảnh, đều phải tìm một nơi thanh tịnh, [nơi ấy] gọi là Lan Nhã, [Lan Nhã] có nghĩa là thanh tịnh, rất an tĩnh. Tiêu chuẩn như thế nào? Vào thời cổ, [chỗ ấy] phải là nơi không nghe tiếng trâu kêu, lấy đó làm tiêu chuẩn. Tại nông thôn nuôi trâu, tiếng trâu kêu lớn nhất. Chỗ quý vị [tu Thiền hay tu Mật] phải là nơi không nghe thấy tiếng trâu kêu trong thôn trang, nơi đó gọi là đạo tràng thanh tịnh. Niệm Phật phải có phước báo; nhưng khi tôi thiếu phước báo thì ở chốn náo nhiệt vẫn tu được, vẫn có thể học thành công. Do vậy, không cần phải lánh vào rừng núi, cũng không cần phải bế quan, yến tọa, “yến tọa” () là tĩnh tọa. Tiểu gia đình trong xã hội hiện thời, công việc vô cùng bận bịu, lấy đâu ra thời gian để tĩnh tọa? Do vậy, pháp môn này thù thắng, pháp môn này chẳng có một tí chướng ngại nào! “Đản phát quảng đại giác tâm, nhất hướng chuyên niệm danh hiệu, hạ chí thập niệm, nhất niệm, diệc đắc vãng sanh. Bất ngộ thế gian công tác, y cựu đốn thoát sanh tử. Ký năng tự giác, giác tha, quảng độ chúng sanh ư vị lai, diệc phục tự tha câu lợi, tạo phước xã hội ư đương thế” (chỉ cần phát khởi giác tâm rộng lớn, một mực chuyên niệm danh hiệu, tối thiểu

là mười niệm, hay một niệm cũng được vãng sanh, chẳng trở ngại công việc trong thế gian, mà vẫn nhanh chóng thoát khỏi sanh tử y như thế. Đã có thể tự giác, giác tha, rộng độ chúng sanh trong thời vị lai, lại còn khiến cho mình lẫn người đều được lợi lạc,

tạo phước cho xã hội trong đời hiện tại). Đây là sự thật, nói rõ pháp môn này thích hợp bất luận thời đại nào; đặc biệt là trong xã hội hiện tại, khoa học kỹ thuật phát triển, những người công việc bận rộn, phải tranh thủ từng phút, từng giây, khoa học kỹ thuật thay đổi hằng ngày, hằng tháng, nếu quý vị không nỗ lực học tập, sẽ trở thành lạc hậu! Nhất là những người làm việc trong lãnh vực khoa học kỹ thuật, chúng ta thấy họ có lớp huấn luyện bổ túc, cứ mỗi nửa năm lại phải tái giáo dục. Những thứ mới mẻ hơn ra đời, họ phải đi học từ một tuần cho đến hai tuần, nhằm tiếp nhận những thứ mới mẻ. Đôi khi mỗi ba tháng lại phải học huấn luyện bổ túc một lần. Mỗi năm, chẳng thể thiếu hai hoặc ba lần [huấn nghiệp như vậy]. Quả thật cuộc sống trong xã hội này rất bận rộn, nếu quý vị muốn thành tựu đạo nghiệp sẽ chẳng dễ dàng. Nhưng Tịnh Độ đã tạo phương tiện cho quý vị, hóa giải vấn đề khó khăn này! Tiếp theo là: “Thị cố kinh vân, đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bách tuế, kỳ hữu chúng sanh, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ” (Vì thế, kinh dạy: “Trong đời tương lai, khi kinh đạo diệt hết, ta do lòng từ bi, thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này tồn tại một trăm năm. Có chúng sanh nào gặp được kinh này, tùy theo sở nguyện đều có thể đắc độ”). Đây là kinh văn ở phần sau kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ giới thiệu: “Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận” (trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết), khẳng định chẳng phải là hiện tại. Do trên thế giới có nhiều nhà tiên tri nói đến ngày tận thế, các tôn giáo ngoại quốc cũng nói tới tận thế; có đúng là thế giới sẽ có ngày tận thế hay không? Đều có vấn đề! Phật pháp chẳng có cách nói như thế! Phật pháp nói “pháp vận”. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm. Thưa cùng quý vị, chư Phật xuất thế pháp vận khác nhau; nói thật ra, Phật đâu có pháp vận! “Vận” là do chúng sanh [mà có]; Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp đều do chúng sanh. Chúng ta sốt sắng chịu học, đấy chính là Chánh Pháp. Sau khi nghe xong, chẳng muốn thực hành, đó chính là Tượng Pháp. Nghe mà cũng chẳng muốn nghe, đó chính là Mạt Pháp. Do vậy, ba thứ pháp vận là nói theo phía chúng sanh, chứ không nói theo Phật pháp, Phật chẳng có vấn đề, mà Pháp cũng không có vấn đề, thật sự là con người có vấn đề. Chúng ta có tâm ưa thích Phật pháp mạnh mẽ như vậy, đó là Chánh Pháp. Nay chúng ta học tập như vậy có khác gì [thái độ] học tập của mọi người thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế hay không? Chẳng khác gì cả! Họ theo Thích Ca Mâu Ni Phật có thể thành tựu trong một đời; nay chúng ta gặp pháp môn này, bảo đảm cũng thành tựu trong một đời này, đấy là Chánh

Pháp. Nhưng đức Phật thấy căn tánh con người, đời sau đúng là kém hơn đời trước. Đến chín ngàn năm sau, nay chúng ta dần dần nghĩ đến chuyện này: Nghiệp do chúng sanh đã tạo tích lũy lại, tích lũy ác nghiệp càng nhiều, vận may của con người chẳng còn, hoàn cảnh cư trụ biến đổi theo, Phong Thủy luân lưu xoay chuyển. “Phước nhân cư phước địa” (người có phước ở cuộc đất có phước). Chỗ Phong Thủy chẳng tốt, nhưng người có phước báo đến ở nơi ấy; hai ba năm sau, Phong Thủy sẽ biến thành tốt, sẽ biến chuyển. Nơi ấy trở thành đất báu trong Phong Thủy. Kẻ thiếu đạo đức, tạo tác ác nghiệp, đến ở đó ba năm, Phong Thủy đều biến thành xấu, cảnh chuyển theo tâm mà! Địa cầu là một khối bảo địa, người trên địa cầu đều có thể tùy thuận Tánh Đức, tu Thập Thiện, chẳng tạo Thập Ác, cả một khối bảo địa sẽ chẳng có tai nạn gì, sẽ trở thành giống

như thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy đức Thế Tôn giới thiệu thế giới Cực Lạc, kinh Di Đà nói người nơi ấy đều là bậc thượng thiện cùng ở một chỗ, chẳng phải là thiện tầm thường, mà là thượng thiện! Tiêu chuẩn thượng thiện cũng không cao lắm; đức Phật bảo chúng ta tu Thượng Phẩm Thập Thiện mà không muốn đến thế giới Cực Lạc thì sẽ sanh vào đâu? Sẽ sanh trong thiên đạo, từ Đao Lợi Thiên trở lên là Thượng Phẩm Thập Thiện. Vãng sanh Phàm Thánh Đồng Cư Độ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là thượng thiện, nơi ấy chẳng có tai nạn gì. Trung Phẩm Thập Thiện là nhân đạo, Hạ Phẩm Thập Thiện là A Tu La đạo; đó là tam thiện đạo. Người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ là thượng thiện, ngoài thượng thiện ra, người ấy còn giác ngộ, chẳng mê. Trong lục đạo, kẻ thượng thiện sanh lên cõi trời vẫn là mê, chẳng giác, chưa ngộ. Vì sao biết là ngộ? Trong kinh đã nói rất rõ ràng: Một người thật sự phát Bồ Đề tâm là giác ngộ. Phát tâm quyết định muốn cầu sanh về Tây Phương Tịnh Độ, ý niệm ấy là giác ngộ. Vì sao? Quý vị muốn rời khỏi lục đạo luân hồi. Không chỉ muốn rời khỏi lục đạo luân hồi, mà còn muốn thoát ly mười pháp giới. Thoát ly mười pháp giới là ai vậy? Bồ Tát! A La Hán chưa thoát được, A La Hán chỉ thoát ly lục đạo luân hồi, chẳng thoát ly mười pháp giới. Quý vị phát cái tâm này, muốn sanh về thế giới Cực Lạc, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng thoát ly mười pháp giới. Tuy chưa phải là đại triệt đại ngộ, nhưng đã đạt được quả báo giống như người đại triệt đại ngộ, đây là pháp môn hy hữu. Thật sự phát tâm, chẳng còn lưu luyến thế giới này. Không chỉ chẳng lưu luyến thế giới này, mà thế giới Hoa Tạng cũng chẳng lưu luyến. Quý vị hướng tới thế giới Hoa Tạng, sẽ không sanh về đó được! Nếu quý vị thật sự không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước thì mới có thể sanh về thế giới Hoa Tạng, quý vị nói xem có khó khăn lắm hay không? Nhưng tới thế giới Cực Lạc là tới thế giới Hoa Tạng, chỗ bảo địa thù thắng nhất trong thế giới Hoa Tạng là thế giới Cực Lạc. Trước kia, tôi giảng

kinh này tại Tân Gia Ba, đã nêu một tỷ dụ cho các đồng học, họ nghĩ Hoa Tạng và Cực Lạc là hai chỗ. Tôi bảo họ: Chẳng phải là hai chỗ, mà là một chỗ. Tôi nói thế giới Hoa Tạng giống như Tân Gia Ba, còn thế giới Cực Lạc giống như con đường Ô Tiết (Jalan Orchard). Con đường Ô Tiết là nơi phồn hoa nhất trong xứ họ, [Cực Lạc] là chỗ tinh hoa nhất trong thế giới Hoa Tạng. Sanh về thế giới Cực Lạc là sanh vào Hoa Tạng, sanh vào Hoa Tạng vẫn chưa đến thế giới Cực Lạc, nhưng cũng có người có thể đến! Văn Thù, Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, vẫn có thể đến, nhưng chẳng trực tiếp vãng sanh thỏa đáng như vậy! Do vậy, chúng ta phải hiểu rõ điều này thì mới thật sự buông xuống vạn duyên, nhất tâm quy y Di Đà Tịnh Độ. Trong đoạn này đã dẫn một đoạn kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật nói: “Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận” (trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết), có cùng một ý nghĩa như đã nói trong phần trên: “Ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bách tuế” (ta do lòng từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này tồn tại một trăm năm). Chúng ta phải biết: Thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này, nhất định phải ghi nhớ điều này. Thuở Phật tại thế, bất luận kinh điển nào cũng chỉ giảng một lần, chẳng nhắc lại, chỉ riêng bộ kinh này được tuyên giảng nhiều lần, vì sao? Là do mong mỏi kinh này có thể tồn tại đến khi pháp diệt tận, sẽ là bộ kinh bị diệt cuối cùng.

“Kỳ hữu chúng sanh trị tư kinh giả” (có chúng sanh nào gặp được kinh này), “trị” () là gặp gỡ, cũng có nghĩa là đến khi pháp gần như bị diệt hết, kinh đạo đều chẳng còn, chỉ còn lại một bộ kinh, mà nếu quý vị được gặp. “Tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ” (tùy theo sở nguyện, đều có thể đắc độ). Quý vị nghĩ đến thế giới Cực Lạc là được rồi! Quý vị niệm Phật bèn có thể vãng sanh. Quý vị muốn sanh lên trời cũng được, muốn sanh trong loài người cũng được, thuận theo lòng mong mỏi, đều có thể mãn nguyện. “Lương dĩ thử kinh phù hợp xã hội chi thật huống” (ấy là vì kinh này phù hợp với tình huống thật sự trong xã hội). Đúng như kinh Hoa Nghiêm đã nói “Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”, pháp môn này là pháp môn vô chướng ngại. “Chân Tục tịnh chiếu, Lý Sự song dung, phàm thánh tề thâu, tâm Phật bất nhị” (Chân và Tục cùng chiếu, Lý và Sự đều viên dung, gồm thâu phàm lẫn thánh, tâm và Phật chẳng hai), tâm Phật bất nhị là Thật Đế. Trong phần trước, tôi đã nói với quý vị: “Phàm thánh tề thâu” là Tục Đế, đến phần sau sẽ nhắc lại ý nghĩa này, trong kinh nói đến điều này rất nhiều. “Cố năng trường tồn nhi độc lưu ư mạt thế” (Vì thế, có thể trường tồn, một mình được lưu lại trong đời Mạt), “mạt thế” là thời đại Mạt Pháp.

“Lương dĩ thử kinh bất đản vi Tịnh Độ quần kinh chi cương yếu, nhất Đại Tạng giáo chi chỉ quy, thật diệc vi thử giới tha phương, hiện tại, vị lai nhất thiết hữu tình ly khổ đắc lạc cứu cánh Bồ Đề chi pháp yếu” (Ấy là vì kinh này không chỉ là cương yếu của các kinh Tịnh Độ, là chỗ chỉ quy của toàn bộ giáo pháp trong Đại Tạng Kinh, mà còn là pháp trọng yếu để hết thảy hữu tình trong cõi này, phương khác, hiện tại, tương lai, lìa khổ được vui, đạt đến Bồ Đề rốt ráo), kỳ diệu như vậy ư? Thật vậy, chẳng giả tí nào. Kinh này không chỉ là cương lãnh và tinh yếu của Tịnh Tông, mà Tịnh Độ còn là chỗ chỉ quy cuối cùng của hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là Tịnh Độ, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Trong kinh Pháp Hoa, long nữ tám tuổi thành Phật cũng là do nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh Pháp Hoa, nghe hiểu rồi bèn phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thành Phật. Trong hết thảy các kinh, đức Phật chuyên giảng Tịnh Độ trong ba bộ kinh, tức là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh A Di Đà, những kinh này là chuyên giảng. Trong ba bộ kinh ấy, kinh Vô Lượng Thọ được tuyên giảng nhiều lần, còn hết thảy các kinh khác giảng kèm thêm về Tịnh Độ có hơn một trăm bộ. Do vậy, cổ đại đức bảo: “Thiên kinh vạn luận, xứ xứ chỉ quy” (ngàn kinh vạn luận, đâu đâu cũng chỉ về). Đặc biệt lịch đại tổ sư đại đức, chư đại Bồ Tát, bất luận tuyên giảng pháp môn như thế nào, đều khuyên thêm mọi người hãy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chỉ có mình pháp môn này Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, bất luận căn tánh nào cũng đều có thể tu, đều có thể thành tựu, giống như Thiện Đạo đại sư đã nói: “Vạn tu, vạn nhân khứ” (vạn người tu, vạn người về). Muôn người căn tánh khác nhau, không một ai chẳng thành tựu. Do vậy, đúng là “thử giới, tha phương”; chữ “thử giới” chỉ thế giới Sa Bà, chữ “tha phương” chỉ cõi nước của hết thảy chư Phật, “hiện tại, vị lai” là hiện tại và tương lai trong thế giới này và các phương khác. Pháp yếu để hết thảy hữu tình lìa khổ được vui, đạt được Bồ Đề rốt ráo, Bồ Đề rốt ráo là thành Phật viên mãn, “pháp” là phương pháp, “pháp yếu” là phương pháp quan trọng nhất, chẳng dễ gì đạt được! Tiếp theo đó, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ phát nguyện, hồi hướng: “Niệm Tổ cảm ân đồ báo,

phát vô thượng tâm, kính chú thử kinh, tục Phật huệ mạng” (Niệm Tổ cảm ơn, mong báo đáp, phát tâm vô thượng, kính cẩn chú giải kinh này nhằm duy trì huệ mạng của Phật). Báo ân, gặp được pháp môn này, tri ân, báo ân, vì sao mọi người chẳng thể dũng mãnh phát khởi như vậy? Do không biết ân đức. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhiều lần tuyên giảng là vì ai? Khi chúng ta gặp được, chịu tin tưởng, có thể lý giải, phát nguyện cầu vãng sanh, đó chính là [đức Phật đã] vì ta [mà giảng]. Nếu quý vị hiểu rõ, có thể tiếp nhận, tức là Phật đã vì quý vị giảng kinh này. Ngay lập tức gánh vác mới là tri ân, [đức Phật] chẳng phải giảng cho ai

khác, mà là giảng cho tôi, Hoàng lão cư sĩ gánh vác như thế đó! Dùng phương pháp nào để báo ân? Chú giải kinh này. Thầy phó chúc, sau khi Hạ lão cư sĩ hội tập thành công bộ kinh này, đã tự giảng, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là học trò của cụ Hạ, đã nghe từ đầu, chẳng sót buổi giảng nào, cụ nghe rất nghiêm túc, thầy có thể nhìn thấy: Đứa học trò này đối với pháp môn này mười phần thành kính, nó sẽ được mười phần lợi ích; vì thế, để cho trò chú giải, thầy tin tưởng trò. Đệ tử thật sự của đức Phật phải báo ơn Phật. Câu tiếp theo là “tục Phật huệ mạng”, niệm niệm mong cho chánh pháp của Thích Ca Như Lai tồn tại lâu dài trong cõi đời. [Muốn cho] chánh pháp tồn tại lâu dài trong cõi đời phải dùng đến phương cách nào? Chính mình phải nghiêm túc học tập, đời đời truyền thừa. Chúng ta học từ chỗ thầy, đạt được lợi ích thù thắng, phải truyền cho đời tiếp theo, Phật môn gọi chuyện này là “truyền đăng”, chớ để ngọn đèn sáng ấy bị tiêu diệt. Chúng ta chẳng truyền thì chẳng truyền là tiêu diệt. Hễ bị tiêu diệt tức là có tội, tội ấy rất nặng! Làm thế nào để thực hiện tốt đẹp công tác này, làm rất đúng pháp, khiến cho chư Phật Như Lai đều thỏa ý? Đầu tiên là đức hạnh, đấy là điều kiện đầu tiên và trọng yếu nhất trong “tục Phật huệ mạng”; đây chính là ba hay bốn món căn bản như chúng tôi đã nói trong hiện thời. Nếu quý vị chẳng nghiêm túc và thật sự thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Sa Di Luật Nghi, quý vị sẽ chẳng thể nối tiếp huệ mạng của Phật. Điều kiện đầu tiên là thành tựu đức hạnh, sau đó mới là học vấn. Học vấn là thâm nhập một môn, trường thời huân tu. Nho và Phật đều dạy chúng ta như vậy, chẳng dạy chúng ta học rộng nghe nhiều. Học rộng nghe nhiều khi nào? Sau khi khai ngộ. Khi chưa khai ngộ, mục tiêu đặt chắc nơi khai ngộ, chẳng phải là học rộng nghe nhiều. Học rộng nhất định chướng ngại khai ngộ, vì sao? Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, quá tạp, quá nhiều thứ. Quý vị phải biết: Thâm nhập một môn là [dốc sức nơi] một bộ kinh. Tôi nói với mọi người: Tôi giảng ở đây, giảng xong một bộ kinh, sẽ làm như thế nào? Chẳng coi như đã xong, giảng lần thứ hai. Giảng xong lần thứ hai, bèn giảng lần thứ ba. Cổ nhân giảng kinh Di Đà, trong một đời giảng hơn hai trăm lượt, thính chúng nghe có hứng thú hay chăng? Họ giảng mỗi biến mỗi khác, cảnh giới khác nhau, càng nghe càng hoan hỷ, cảnh giới của người giảng không ngừng nâng cao, người nghe cũng tiến lên không ngừng, giảng tràn đầy ý vị, thật sự thực hiện, thật sự tu, được Tam Bảo gia trì. Trong quá khứ, tôi ở Đài Trung, thầy Lý cho tôi biết: Cụ giảng kinh Di Đà sáu lần, biểu hiện sáu cách [khác nhau], thật đấy, chẳng giả đâu! Tôi học kinh Lăng Nghiêm từ cụ, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm bảy lần, kinh ấy quá dài, phải tốn rất nhiều thời gian. Tôi nhớ đã giảng viên mãn từ đầu đến cuối chỉ có hai lượt, năm lần giảng khác đều chưa viên mãn.

Tứ Hoằng Thệ Nguyện là cương lãnh chỉ đạo tu học tối cao của chúng ta. Quý vị thấy điều thứ nhất là dạy chúng ta phát Bồ Đề tâm: "Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ", phát Bồ Đề tâm, vì chúng sanh, chứ không phải vì chính mình. Thực hiện từ chỗ nào? "Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn" là đức hạnh. Trước hết, quý vị phải đoạn hết phiền não, sau đấy mới có thể học pháp môn. Nếu phiền não chưa đoạn, quý vị tu học pháp môn sẽ xen tạp phiền não, rất khó thành tựu. Do vậy, thâm nhập một môn, trường thời huân tu là gì vậy? Là đoạn phiền não; dùng một bộ kinh, dùng phương pháp này để đoạn phiền não. Đối với tám vạn bốn ngàn pháp môn, dùng kinh giáo này, quý vị đọc mỗi ngày, giảng mỗi ngày, dùng biện pháp này, tâm quý vị sẽ định. Một bộ, tâm sẽ định, càng giảng, càng thuần thục, tâm càng định. Định sanh Huệ, từ một bộ kinh mà đắc tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng. Chỉ cần đạt được hai thứ ấy sẽ khai ngộ. Sau khi ngộ sẽ như thế nào? Hết thảy các pháp môn hễ tiếp xúc bèn thông suốt. Vì thế, Long Thọ Bồ Tát đã nêu gương cho chúng ta: Lão nhân gia chứng đắc Sơ Địa Bồ Tát. Sơ Địa trong Biệt Giáo giống Sơ Trụ trong Viên Giáo. Tại Trung Quốc, nói tới những vị đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì vị đại biểu trọn vẹn nhất của Trung Quốc là Huệ Năng đại sư, Long Thọ Bồ Tát chứng đắc cùng một cảnh giới như thế đó. Thuở đức Thế Tôn tại thế, giảng kinh bốn mươi chín năm, Long Thọ Bồ Tát dùng bao nhiêu thời gian để học xong toàn bộ hết thảy các kinh do đức Phật đã nói? Ba tháng! Đối với cái gọi là Đại Tạng Kinh hiện thời, Ngài học xong trong ba tháng. Vì sao Ngài học nhanh như vậy? Quý vị đọc Lục Tổ Đàn Kinh sẽ hiểu rõ. Quý vị thấy Lục Tổ Đàn Kinh có chép một câu chuyện, trong Phật môn gọi là "công án", tức là thí dụ điển hình. Thiền sư Pháp Đạt học kinh Pháp Hoa, đến gặp Lục Tổ, khi lễ bái đầu chẳng chạm đất. Lục Tổ thấy Sư lạy Tam Bảo mà đầu vẫn chẳng chạm sát đất, bèn đứng dậy hỏi Sư: "Ông có điều gì đáng để kiêu ngạo vậy?" Nói theo cách hiện thời, ngươi có cái gì đáng để ngông nghênh như thế? Lễ bái mà đầu chẳng chạm sát đất. Sư thưa: "Đã niệm tới ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa". Kinh Pháp Hoa rất dài, ba ngàn bộ tối thiểu là ba ngàn ngày. Nói cách khác là mười năm, mười năm niệm một bộ kinh, đáng nên kiêu ngạo lắm chứ! Lục Tổ bèn khảo Sư: "Kinh Pháp Hoa giảng những gì?" Nói không được, bèn quay sang thỉnh giáo Lục Tổ. Lục Tổ nói: "Ta không biết chữ, nên chưa đọc kinh ấy, mà cũng chưa nghe qua". Ngài bảo: "Nếu ông đã niệm thuần thục như vậy, hãy đọc cho ta nghe". Kinh Pháp Hoa gồm hai mươi tám phẩm, Sư đọc đến phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện. Đọc đến phẩm thứ hai, Lục Tổ nói: "Được rồi, chẳng cần niệm nữa, ta biết hết rồi". Ngài giảng cho Sư nghe, Sư bèn khai ngộ, khi lễ bái, đầu bèn dập sát đất. Quý vị hiểu: Người khai ngộ có cần phải đọc toàn bộ hay chăng? Không cần! Xem một quyển, đọc một đoạn, bèn hiểu toàn bộ

giảng về pháp nào, hoàn toàn thông suốt! Vì thế, ba tháng đọc hết một bộ Đại Tạng Kinh là thật, chẳng giả! Thiền Tông nói "ngộ hậu khởi tu" (sau khi ngộ bắt đầu tu tập). Vì sao Tông Môn và Giáo Hạ khác nhau? Giáo Hạ vừa bắt đầu bèn học tập kinh giáo, còn Tông Môn thì chắc chắn là chưa khai ngộ sẽ không cho quý vị xem kinh, cũng không cho quý vị nghe gì khác, nhằm khiến cho quý vị buông xuống, buông phân biệt xuống, buông chấp trước xuống, khi ngộ sẽ là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Giác là giác ngộ; giác ngộ ắt phải đoạn hết vô thỉ vô minh phiền não. Vô thỉ vô minh phiền não là

khởi tâm động niệm, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, đạt đến cảnh giới này. Giác tánh, tức tự tánh giác hiện tiền; hễ hiện tiền thì lục căn tiếp xúc cảnh giới, vừa tiếp xúc bèn thông đạt, hiểu rõ, học nhanh lắm! Lục Tổ chẳng biết chữ, chưa từng nghe kinh. Nếu nói Ngài nghe kinh thì chính là lúc canh ba nửa đêm, hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn giảng kinh Kim Cang cho Ngài tại phương trượng thất, đương nhiên là giảng đại ý. Giảng đến câu "ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm" (đừng nên trụ vào đâu để sanh tâm), Ngài bèn kiến tánh, nói ra cảnh giới gồm năm câu: "Hà kỳ tự tánh bổn tự thanh tịnh, bổn bất sanh diệt, bổn tự cụ túc, bổn bất dao động, năng sanh vạn pháp" (nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, vốn chẳng sanh diệt, vốn tự trọn đủ, vốn chẳng dao động, có thể sanh ra vạn pháp). Hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn nói: "Được rồi, những điều sau đó không cần phải nói nữa!" Trao y bát cho Ngài, giục Ngài hãy đi cho nhanh, vì sao phải đi? [Sẽ bị] người khác ganh ghét, chướng ngại, chẳng phục. Người khác hằng ngày nghe kinh tại giảng đường, hằng ngày tọa Thiền trong Thiền Đường, đều chẳng được truyền y bát. Thế mà gã này đến đây, chưa từng vào Thiền Đường một ngày nào, cũng chẳng tới giảng đường bữa nào. Ngũ Tổ chỉ giao cho hắn giã gạo, bửa củi trong phòng xay xát, làm suốt tám tháng, kết quả là y bát bị hắn ôm đi. Cho nên chẳng có ai phục. Đến hôm sau, họ truy tìm khắp nơi, toan bắt Ngài về. Phật, Bồ Tát gia hộ, Ngài ẩn núp trong phường thợ săn mười lăm năm. Mười lăm năm khiến mọi người quên dần chuyện này, lúc ấy mới xuất hiện. Trên đường lánh nạn, tại thôn Tào Hầu, Sư gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, bà này thọ trì kinh Đại Bát Niết Bàn. Kinh Đại Bát Niết Bàn có phân lượng lớn, có hai phiên bản, một bản là bốn mươi quyển, bản kia gồm ba mươi sáu quyển. Huệ Năng đại sư lúc ấy hai mươi bốn tuổi, khi mới vừa bỏ trốn, còn chưa đến chỗ phường thợ săn, tại thôn Tào Hầu gặp vị tỳ-kheo-ni này, nghe bà ta niệm kinh Niết Bàn. Nghe xong, bèn giảng giải cho bà ta nghe, vị tỳ-kheo-ni ấy bội phục năm vóc sát đất. Giảng quá hay, giảng đến mức bà ta khai ngộ. Bà ta cũng là "nhất tâm thọ trì, thâm nhập một môn,

trường thời huân tu", nên đắc tam-muội, khi Tổ vừa giảng bèn khai ngộ. Cầm kinh điển hướng về Lục Tổ thỉnh giáo, Lục Tổ nói: "Ta không biết chữ". Bà ta hỏi: "Ngài không biết chữ, sao có thể giảng được ý nghĩa?" Tổ nói: "Chẳng dính dáng gì đến văn tự!" Chúng ta chớ nên không hiểu, đúng là chẳng dính dáng! Vì thế, cổ nhân thâm nhập một môn, trường thời huân tu, ở đây có đạo lý to lớn! Tại Trung Quốc, không chỉ học Phật là như thế, mà học Đạo, học Nho cũng đều là như thế. Thời cổ, trường tư thục dạy học trò, điều quan trọng là khơi gợi, phát khởi ngộ tánh của trò, coi đó là điều quan trọng nhất, những điều khác đều là hạng hai, hạng ba! Xếp ngộ tánh vào bậc nhất, chớ nên ngăn lấp ngộ tánh của người ta. Con người hiện thời không hiểu [chuyện này]. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

---o0o---

Tập 10

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ tám, đọc từ câu cuối cùng nơi dòng thứ sáu trong trang thứ tám.

“Thị cố, Niệm Tổ cảm ân đồ báo, phát vô thượng tâm, kính chú thử kinh, tục Phật huệ mạng” (Vì thế, Niệm Tổ cảm ơn, mong báo đáp, phát tâm vô thượng, kính cẩn chú giải kinh này nhằm duy trì huệ mạng của Phật), lần trước, chúng ta đã học đến chỗ này. Đoạn trước là phần thưa bày [tâm nguyện], mấy câu cuối cùng của cụ nhằm hồi hướng, vừa cảm ân vừa hồi hướng. Chúng ta sau khi đọc, cũng phải biết cảm ơn, có biết ơn mới có thể cảm ơn. Nếu chẳng biết ân đức, tâm báo ân chẳng thể sanh khởi. Đặc biệt là chúng ta sanh nhằm thời đại này, gặp nhiều khổ nạn rất ít thấy [xảy ra] trong lịch sử, cũng có thể nói là: Không chỉ chưa thấy, mà cũng chưa từng nghe nói đến! Nguyên nhân vô cùng phức tạp, như trong kinh Phật đã nói là “vô lượng nhân duyên”. Chắc chắn không thể oán trời hờn người, nói chung là do nghiệp lực của chính mình cảm vời. Sống trong hoàn cảnh khổ nạn, chúng ta cũng phải cảm thấy may mắn, vì chúng ta biết dùng thân người để nghe Phật pháp, có thể nghe kinh Hoa Nghiêm và Tịnh Độ, đó là đã gặp gỡ nhân duyên hy hữu khôn sánh! Được gặp gỡ, chúng ta đều phải sanh tâm cảm ơn. Tịnh Tông chúng ta có thể gặp được bản hội tập này của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, là bản tiêu chuẩn của Tịnh Tông; chúng ta có thể tin tưởng là trong chín ngàn năm về sau này, có nhiều người sẽ nhờ bộ kinh này mà đắc độ. Lại gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ vâng lãnh lời phó chúc của thầy, chú giải cặn kẽ kinh này. Chúng ta biết khi cụ viết chú giải, thứ nhất là tuổi tác đã già, thứ hai là thân thể lắm bệnh. Trong tình trạng ấy, cụ chẳng nề hà

nhọc nhằn, cay đắng, hoàn thành công tác gian nan, to lớn, vô cùng khó khăn này! Tôi không chỉ là nghe nói, mà ở Bắc Kinh, tôi đã tận mắt thấy. Thấy sự tình ấy, đương nhiên quý vị sẽ cảm động, cảm nhận một phen khổ tâm của lão nhân, vì sao? Vì chín ngàn năm sau trong thời kỳ Mạt Pháp, các đồng học có thể lý giải chính xác bản kinh này. Sau khi hiểu rõ, mới có thể phát khởi lòng tin. Có lòng tin thì mới có thể thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, vâng theo lý luận và phương pháp trong kinh này để tu học; ân đức ấy to lớn lắm! Thù thắng khôn sánh, công đức viết chú giải trọn chẳng kém công hội tập của thầy Ngài là cụ Hạ Liên Cư, có cùng một công đức. Do vậy, chúng ta học tập lần này, đặc biệt chọn bản Đại Kinh Giải nhằm tri ân, báo ân. Trước hết, chúng tôi giải thích đơn giản đoạn văn này. “Cảm ân đồ báo” (cảm ơn, mong báo đáp), cảm ơn như thế nào? Báo ơn như thế nào? Đó chính là lão nhân gia phát vô thượng tâm, cung kính chú giải kinh này, nhằm tiếp nối huệ mạng của Phật. Nay chúng ta báo ân bằng cách nào? Nay chúng ta hãy khéo chiếu theo kinh, nương theo chú giải, sốt sắng học tập, y giáo phụng hành, đó là tiếp nối huệ mạng của Phật. Chúng ta phải tham cứu thấu triệt đạo lý trong kinh và trong bản chú giải, phải vận dụng những đạo lý ấy vào cuộc sống hằng ngày, thực hiện trong công việc, thực hiện trong xử sự, đãi người, tiếp vật, mục tiêu chung cực là quyết định vãng sanh Tịnh Độ, nghiêm túc báo ân, thật sự tiếp nối huệ mạng của đức Phật. Tiếp đó, cụ cầu gia bị, “kiền kỳ lưỡng độ đạo sư”, nghĩa là kiền thành khẩn cầu Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ở phương này và Bổn Sư A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc, hai vị đạo sư trong hai cõi. “Thập phương Như Lai”, trong kinh, [cụ thể là] trong kinh Di Đà, chúng ta thấy chư Phật trong sáu phương tán thán, còn trong bản kinh này là mười phương chư Phật tán thán. “Thượng sư bổn tôn” là thầy. Cụ Hoàng, cụ Hạ đều từng học Thiền Tông, mà cũng đã học Mật Tông. Tông Môn,

Giáo Hạ, Hiển Mật viên dung, thảy đều thông đạt, cuối cùng quy hướng Tịnh Độ. Đây đều là biểu thị pháp cho chúng ta thấy: Bất luận học Giáo hay tham Thiền, hay tu Mật, đến cuối cùng thì sao? Cuối cùng vẫn phải niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Điều này khiến cho chúng ta nhìn vào hai vị lão nhân, họ đã làm như thế nào? Trên thực tế, họ hoàn toàn học theo hai vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền trong hội Hoa Nghiêm, đến cuối cùng đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật sự sanh về Tịnh Độ. Họ nêu gương cho chúng ta xem, khiến cho chúng ta là những kẻ chẳng có căn khí giống như họ, họ là bậc thượng thượng căn, chúng ta là kẻ trung hạ căn hay hạ hạ căn, hãy nên khăng khăng một mực nhất tâm quy mạng A Di Đà Phật, suốt đời tuân theo một phương hướng là Tây Phương, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, đó là đúng, thật sự tiếp nối huệ mạng của Phật! Chúng ta làm như vậy cũng sẽ ảnh hưởng nhiều người, những người ấy sẽ tiếp tục làm theo. Nói "Kim Cang hộ

pháp" là cầu thần hộ pháp gia hộ. "Từ ân phú hộ" (từ ân che chở, hộ trì), đó là hộ trì. "Oai đức minh gia" là ngấm ngầm gia hộ. "Ký thử chú thích, thượng khế thánh tâm, quảng khải chúng tín, phàm hữu kiến văn, đồng nhập Di Đà Nhất Thừa nguyện hải" (mong sao bản chú thích này trên khế hợp thánh tâm, khơi gợi rộng rãi lòng tin của mọi người. Có ai thấy nghe đều cùng nhập biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà): Mong cho bản chú giải này được Thích Ca, Di Đà gia trì, được mười phương chư Phật hộ niệm, chẳng chú giải sai lầm, những câu chữ đã chú giải đều hợp với ý nghĩa giáo hóa của Như Lai. Quan trọng nhất là người đời sau sẽ đối với kinh này và bản chú giải này tin sâu chẳng nghi, quý vị đạt được lợi ích. Tổ Ấn Quang nói: "Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích". "Phàm có ai thấy nghe" là nói đến kẻ hữu duyên, Phật độ kẻ hữu duyên, có thể thấy kinh và bản chú giải này chính là kẻ có thể tham dự pháp hội này, sẽ cùng nhập biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà. Niệm Phật Đường là A Di Đà Phật Nhất Thừa nguyện hải. Nhất Thừa là thành Phật, chẳng phải là Bồ Tát, chẳng phải là Nhị Thừa, hay Tam Thừa. Nhị Thừa là Đại Thừa và Tiểu Thừa. Tam Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát; Nhất Thừa là thành Phật. Pháp môn này thẳng chóng, ổn thỏa, là pháp môn thành Phật trong một đời, cho nên gọi là "Nhất Thừa nguyện hải". Hai chữ cuối cùng là cảm ơn, tức là cảm ơn A Di Đà Phật đã dùng bốn mươi tám nguyện nhiếp thọ hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới. Những lời mào đầu của cụ Hoàng đến đây là hết. Sau đó là phần giải thích bộ kinh này; đoạn lớn thứ hai là Khái Yếu. "Thập môn phân liệt trung tiền cửu môn. Cẩn thích thử kinh, y Hoa Nghiêm tông pháp cập Di Đà Sớ Sao lệ, tổng khai thập môn" (Chín môn đầu trong cách phân chia, sắp xếp thành mười môn, kính cẩn giải thích kinh này tuân theo cách [chú giải kinh điển] của tông Hoa Nghiêm và thể lệ của bộ Di Đà Sớ Sao, chia [nội dung bản chú giải] tổng quát thành mười môn). Trước hết, nói rõ cách thức mà cụ đã tuân theo trong bản chú giải này: Dựa theo cách thức của tông Hoa Nghiêm. Tông Hoa Nghiêm dùng "thập môn khai khải" để giới thiệu đại ý của cả bản kinh, rồi mới giải thích chi tiết kinh văn. Trong mười môn ở trước [phần giải thích chánh kinh], đặc biệt là chín môn đầu nhằm làm cho người học tập kinh giáo chúng ta, trước khi đọc đến phần chánh kinh, đã hiểu rõ đại ý của cả bản kinh. Ở đây, có hai tầng ý nghĩa: 1) Tầng ý nghĩa thứ nhất là trước hết khiến cho quý vị

liễu giải đại ý của cả bản kinh, khơi gợi hứng thú học tập pháp môn này. Đấy là điều cần phải có. 2) Những vị lão tham, tức là những người tu hành đã lâu, đối với bộ kinh này, họ đã rất thuần thục, nhưng họ đến tham dự pháp hội để làm Ảnh Hưởng Chúng, họ nghe gì? Nghe Huyền Nghĩa! Phần Khái Yếu chính là

Huyền Nghĩa. Vì Huyền Nghĩa là sự "thể ngộ" (thấu hiểu, lãnh ngộ) của quý vị đối với cả bản kinh sẽ được biểu lộ trong ấy. Cũng có nghĩa là nói: Từ đoạn này, sẽ có thể hoàn toàn thấu hiểu quý vị tu học đến tầng lớp, giai đoạn nào. Nếu người tu hành đã lâu mà nghe là nghe chỗ này; đây cũng là nói theo kiểu hiện thời của chúng ta: [Huyền Nghĩa] là tâm đắc tu học. [Nghe giảng Huyền Nghĩa] là nghe báo cáo tâm đắc của quý vị, phần giải thích kinh văn ở phía sau không cần nghe, họ đã hiểu rất rõ. Tuy đã hiểu rất rõ ràng, nhưng đúng là có không ít người từ đầu đến cuối vẫn nghe hết sức nghiêm túc, hết sức cung kính; đó là gì? Làm Ảnh Hưởng Chúng, nhằm dẫn dắt kẻ sơ học. Kẻ sơ học đối với kinh này chưa có tín tâm, hoài nghi, nghe chẳng lọt tai, thấy những vị tu hành đã lâu đều nghe nghiêm túc như thế, lòng tin của họ được tăng trưởng. [Các vị ấy đã] nêu gương, làm mẫu cho họ. Người thật sự học Phật bèn hiểu rõ: Bất luận quý vị nghe hiểu hay không, vẫn một mực kiên trì nghe thì quý vị mới có thể nhập môn. Bản chú giải kinh A Di Đà của Liên Trì đại sư có phân lượng rất lớn; bản chú giải ấy có tên là A Di Đà Kinh Sớ Sao. Sớ là giải thích kinh, Sao là giải thích lời Sớ, tức là chú giải lời chú giải. Sớ do Liên Trì đại sư viết, mà Sao cũng do Ngài viết. Sau khi đã viết lời chú giải, văn tự còn có chỗ rất sâu, sợ người đời sau khó hiểu, nên Ngài lại chú giải lời Sớ, từ bi đến mức cùng cực! Đệ tử của Ngài là pháp sư Cổ Đức, là truyền nhân của Liên Trì đại sư, sau khi Liên Trì đại sư vãng sanh đã biên tập, chỉnh lý tất cả các trước tác của lão nhân gia đem xuất bản, lưu truyền đến hiện tại. Bản sách in hiện thời gần như là in thành bốn cuốn [in chung thành một bộ]. Bốn quyển sách dầy như vậy do Liên Trì đại sư trước tác, chúng ta phải cảm kích pháp sư Cổ Đức. Pháp sư Cổ Đức rất từ bi, sợ Sớ Sao vẫn còn có những chỗ rất sâu, luôn mong cho người đời sau hễ đọc sẽ hiểu rất dễ dàng, nên lại viết một bản chú giải sách Sớ Sao gọi là Diễn Nghĩa. Vì thế, quý vị thấy A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa thì phần Diễn Nghĩa là của pháp sư Cổ Đức. Sớ Sao do Liên Trì đại sư viết, Sớ Sao do chính Ngài viết. Lão nhân gia viết Sớ Sao, cũng dùng thập môn khai khải của tông Hoa Nghiêm, không dễ dàng! Chúng ta có thể hiểu nỗi khổ tâm của lão nhân gia. Trong thời đại của Ngài, có thể nói là tại Trung Quốc, Thiền Tông phổ cập khắp nước, phong khí nhà Thiền hưng thịnh, sự hưng thịnh ấy chỉ ở bề ngoài! Trên thực tế, Thiền hưng thịnh nhất trong hai triều đại Đường và Tống, còn họ (những người đồng thời với ngài Liên Trì) là người đời Minh. Tổ sư thấy tham Thiền công phu chẳng đắc lực, nếu muốn vượt thoát lục đạo chẳng dễ dàng! Tu học Phật pháp, vượt thoát lục đạo được coi là tiểu thành tựu, quý vị chứng đắc tiểu quả. Nếu chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, chẳng có thành tựu, chỉ có thể nói là tăng trưởng thiện căn trong A Lại Da, chẳng thể tính là thành tựu! Do vậy, Ngài đề xuất pháp môn Tịnh Tông, chẳng ai tin tưởng. Đã thế, mọi

người coi rẻ pháp môn Tịnh Độ, thường nghĩ pháp môn Tịnh Độ dành để dạy cho các bà lão. Hiểu lầm là Thích Ca Mâu Ni Phật vì tiếp dẫn những kẻ chẳng có kiến thức nên khuyên họ niệm Phật, toàn là tâm lý và quan niệm sai lầm như vậy. Làm thế nào để đề

cao Tịnh Độ? Đối với kinh Hoa Nghiêm, chẳng ai bàn cãi! Kẻ không hiểu Phật pháp nghe kinh Hoa Nghiêm cũng bội phục năm vóc sát đất. Do vậy, Ngài bèn dùng thập môn khai khải của Hoa Nghiêm để giảng Phật Thuyết A Di Đà Kinh, đưa kinh A Di Đà lên ngang tầm kinh Hoa Nghiêm, đó là nỗi khổ tâm của Liên Trì đại sư. Quý vị chẳng phải là tin tưởng Hoa Nghiêm lắm ư? Kinh Di Đà chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm! Trong giáo pháp Đại Thừa có câu ngạn ngữ: "Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên" (người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên mãn), viên nhân là gì? Người kiến tánh. Người minh tâm kiến tánh, tùy tiện lấy một pháp nào, cũng đều có thể tương ứng với Hoa Nghiêm. Nhìn từ chỗ này, Liên Trì đại sư cũng không phải là kẻ bình phàm, kẻ bình phàm sẽ chẳng thể làm được! Ngẫu Ích đại sư là tư thục đệ tử của Liên Trì đại sư, có quan hệ giống như quan hệ giữa Mạnh Tử và Khổng Tử. Ngài Ngẫu Ích muốn tìm một vị thầy, nhưng tìm không ra! Quý vị đọc sách do Ngài trước tác, sẽ thấy: Khi ấy, Ngài chẳng vừa ý lắm với những kẻ tu hành trong Phật môn, nên đã lấy biệt hiệu là Bát Bất Đạo Nhân, chẳng thường qua lại với mọi người, chẳng hợp tính với họ, [bị những kẻ tu hành đương thời coi] là một quái nhân trong Phật môn. Khi ấy, Liên Trì đại sư đã vãng sanh, nhưng trước tác của Ngài còn đó. Do vậy, Ngài làm tư thục đệ tử của tổ Liên Trì, cũng nghĩa là nói Ngài tôn Liên Trì đại sư làm thầy. Thầy không còn trên đời, nhưng trước tác của thầy còn đó, bèn dựa theo trước tác của thầy để học tập. Giống như Mạnh Tử vào thời cổ, Mạnh Tử học Khổng Tử, Khổng Tử cũng đã khuất, nhưng trước tác của Khổng Tử còn đó, [Mạnh Tử bèn] đọc sách của Khổng Tử, chỗ nào chẳng thấu hiểu, bèn thưa hỏi học trò của Khổng Tử. Ngài học thành tựu, học còn giỏi hơn đệ tử của Khổng Tử. Do vậy, hễ nói tới Nho gia, toàn là nói Khổng Mạnh, chẳng nhắc tới ai khác. Điều này cho thấy: Tuy Ngài chẳng được chính Khổng Tử truyền dạy, nhưng chiếu theo sách của Khổng Tử để học, trọn chẳng thua kém học trò do đích thân Khổng Tử đã truyền dạy, thành tích hết sức ưu tú, đấy là người đầu tiên lập ra thể lệ "tư thục đệ tử" của Trung Quốc. Trong Phật môn, Ngẫu Ích đại sư học theo tổ Liên Trì, Ngài bội phục Liên Trì đại sư nhất, cũng học theo rất giống, cho nên ngài Liên Trì là tổ sư Tịnh Độ Tông đời thứ tám, Ngẫu Ích đại sư là tổ sư đời thứ chín, chúng ta đều nên học tập những điều này. Trong thời đại hiện tại, chúng ta không tìm được thiện tri thức chân chánh, hãy tìm cổ nhân! Học kinh A Di Đà có thể tìm Liên Trì đại sư, học kinh Vô Lượng Thọ có thể tìm lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là Kim Cang

thượng sư48 trong Mật Tông, nên ở đây Ngài có thượng sư bổn tôn49. Cụ Hoàng cũng đã vãng sanh, lão nhân gia niệm Phật vãng sanh; khi bệnh nặng, đã báo tin cho tôi biết, mỗi ngày cụ niệm Phật hiệu mười bốn vạn câu, ngủ rất ít, Phật hiệu không ngừng, thật sự vãng sanh. "Mười môn" là báo cáo tâm đắc của cụ được chia thành mười đoạn, nói như vậy mọi người sẽ dễ hiểu. Tiếp đó cụ nêu ra mười đề mục, tức là mỗi đoạn có một tiêu đề. "Kế vi nhất, giáo khởi nhân duyên" (mục thứ nhất là nhân duyên khiến cho giáo pháp phát khởi), thứ hai là "bổn kinh Thể Tánh" (Thể và Tánh của bản kinh này), thứ ba là "nhất kinh Tông Thú" (tông và thú của kinh), thứ tư là "phương tiện lực dụng", thứ năm là "sở bị căn khí" (căn tánh được tiếp độ bởi bản kinh này), thứ sáu là "tạng giáo sở nhiếp" (kinh này thuộc về tạng nào và giáo nào), thứ bảy là "bộ loại sai biệt", thứ tám là "dịch hội hiệu thích", "dịch" () là phiên dịch, "hội" () là hội tập,

“hiệu” (, còn đọc là giảo) là do Bành Tế Thanh thực hiện, ông ta đã soạn một bản tiết hiệu (trích lục, phân đoạn, chỉnh sửa những chữ bị chép lầm), “thích” là giải thích. Thứ chín là “tổng thích danh đề”, tức là giải thích đề mục bản kinh. Đoạn cuối cùng là “chánh thích kinh nghĩa”, bắt đầu giải thích kinh văn; kinh văn có tất cả bốn mươi tám phẩm. “Tiền cửu môn tổng luận toàn kinh cương tông bộ loại, thử dữ Thiên Thai tông chi Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, đại đồng tiểu dị” (chín môn trước là luận định chung về cương lĩnh, tông chỉ, bộ loại của cả bản kinh, điều này giống như phần Năm Tầng Huyền Nghĩa của tông Thiên Thai, chỉ là khác biệt đôi chút). Tông Thiên Thai dựa trên kinh Pháp Hoa, Pháp Hoa cũng là kinh điển Nhất Thừa. Báo cáo [tâm đắc] của họ được chia thành năm đoạn, còn tông Hoa Nghiêm chia thành mười đoạn. Hoa Nghiêm dùng “thập” để biểu pháp, “thập” tượng trưng viên mãn. Nói chung, vì mười môn rắc rối, nên lịch đại pháp sư giảng kinh khi báo cáo như vậy quá nửa đều tuân theo cách thức của tông Thiên Thai, đơn giản, rất ít dùng phương pháp của tông Hoa Nghiêm. Cách của Hoa Nghiêm hay lắm, nhưng phải tốn nhiều thời gian hơn. Hiện thời, Ngũ Trùng Huyền Nghĩa dường như cũng không phổ biến lắm! Các báo cáo hiện thời trước hết là nói nhân duyên giảng kinh là đủ rồi, sau khi đã trình bày xong nhân duyên giảng kinh, đại khái là nói về đề mục của bộ kinh sẽ được giảng, rồi bước vào kinh văn, ngày càng đơn giản hóa. Nhưng muốn thật sự nghiên cứu thì [phương pháp của tông] Hoa Nghiêm hay lắm. Chúng ta tự mình tu học, chớ nên dùng phương pháp ngắn gọn ấy, không cần thiết, nhưng nếu đi giảng kinh bên ngoài thì có thể. Đối với người hiện thời, nếu dùng phương pháp [thập môn khai khải] này để giảng, giảng một thời gian rất dài mà vẫn chưa được nghe kinh văn, họ sẽ chẳng có hứng thú, rút lui! Vì thế, càng nói đơn giản càng hay. Trước đây,

chúng tôi học tập kinh giáo tại Đài Trung, thầy luôn giảng những điều này, nhưng vì khế cơ trong xã hội hiện đại, cũng không dùng tới cách này. Chúng tôi không dùng những đề mục này, nhưng nội dung giảng giống hệt, nêu nhân duyên giảng kinh: Vì sao muốn chọn giảng bộ kinh này? Tiếp đó, giảng đề mục của kinh. Sau đấy mới giảng thẳng vào chánh kinh, tức là tiếp theo phần giảng đề mục bèn giảng kinh văn. Vì thế, phần Huyền Nghĩa phía trước giảng một hai giờ là xong, ngày hôm sau đã có thể thấy kinh văn. Đấy là nhằm thích ứng căn cơ của đại chúng trong xã hội hiện tại, chúng ta chớ nên không biết điều này. Phương pháp tu học như trong bản chú giải này, thích hợp với chỗ nào? Thích hợp với Phật học viện hay chùa chiền; đối với các đồng tu trong chùa chiền, hết thảy mọi người cùng nhau tu hành thì có thể [áp dụng phương pháp thập môn khai khải này]. Tại các cơ sở thông thường, hoặc khi giảng tại hội trường tạm thời, không thể dùng phương pháp này, chúng ta chẳng thể không biết điều này! “Tổng chi, giai tương nhất kinh cương yếu, tổng luận ư tiền, phát huy minh liễu, sử độc giả tiên thức tổng thể, hậu nghiên kinh văn, cương cử mục trương, dị ư lãnh hội” (nói chung, đem cương yếu của toàn bộ bản kinh luận định chung ở đầu sách, nêu bày sáng tỏ, khiến cho độc giả trước hết nhận biết tổng thể, sau đó nghiên cứu kinh văn, cái lưới giơ lên, các mắt lưới căng ra, sẽ dễ lãnh hội). Chúng ta nhìn từ chỗ này, có thể thấy được khuôn mẫu giảng kinh giáo học trong tùng lâm vào thời cổ. Trong Phật môn, gọi [cách thức này] là “nghi thức”, hiện thời gọi là “phương thức”, đều có ý nghĩa giống

nhau. Trong quá khứ, chùa viện am đường đều là trường học, quý vị phải biết điều này. Thích Ca Mâu Ni Phật đi tham học năm mười chín tuổi, chúng ta nhất định phải biết điều này: Trước khi tròn mười chín tuổi, Ngài nhất định đã có cơ sở khá vững vàng nên mới có thể đi tham học; nếu chẳng có, Ngài sẽ không thể đi. Tại Trung Quốc, chúng ta thấy chính Khổng Tử đã tự thuật trong Luận Ngữ như sau: "Thập ngũ hữu chí ư học" (mười lăm tuổi đã có chí dốc sức nơi việc học). Chúng ta tin tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật nhất định có chí học hành sớm hơn Khổng Tử, Ngài đã có cơ sở kha khá thì mới có thể tìm thầy, hỏi bạn. Mười chín tuổi đi tham học, tất cả các vị đại đức trong các tôn giáo và học phái của Ấn Độ, Ngài đều thân cận, chẳng sót một vị nào! Tham học mười hai năm, Ngài tròn ba mươi tuổi, chúng tôi tin rằng trong mười hai năm ấy, thành tựu của Ngài vô cùng ưu tú. Ngài hiếu học, lại thông minh, mang tư cách vương tử là một thân phận đặc thù, đến chỗ nào cũng đều được đối xử lễ độ, ai mà chẳng ưa thích một người như vậy? Ở Ấn Độ vào thời cổ, tôn giáo lẫn học thuật đều đề xướng Thiền Định. Tứ Thiền Bát Định được kinh Phật nói nhắc đến, chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật sáng tạo, các Bà La Môn của Cổ Ấn Độ đã tu [trước đó]

rồi! Bà La Môn giáo (Brahmanism) chính là Hưng Đô giáo (Ấn Độ Giáo, Hinduism) hiện thời, tôi qua lại với họ rất nhiều, các trưởng lão bảo tôi: Giáo lý của họ truyền thừa từ thời cổ đã có lịch sử tối thiểu trên một vạn năm, chúng ta có thể tin tưởng điều này. Thời đại thượng cổ không có văn tự ghi chép, [đến khi] có văn tự, người Ấn Độ không coi trọng lịch sử, chẳng giống như người Hoa! Người Hoa hết sức coi trọng lịch sử, năm, tháng, ngày được ghi chép rõ ràng. Người Ấn Độ chẳng làm chuyện này, họ coi trọng khai ngộ, không đặt nặng lịch sử; vì thế, chúng ta có thể tin lời [các trưởng lão Bà La Môn]. Văn hóa truyền thống Trung Quốc tuyệt đối chẳng phải chỉ là năm ngàn năm, vì văn tự Trung Quốc mới được phát minh bốn ngàn năm trăm năm. Văn tự được phát minh vào thời Hoàng Đế. Trước khi văn tự được phát minh [những dữ kiện lịch sử được các sử gia coi] là truyền thuyết. Trước Hoàng Đế có Thần Nông Thị, trước đó nữa là Phục Hy Thị. Theo truyền thuyết, từ Thần Nông đến Hoàng Đế là năm trăm năm, từ Phục Hy đến Thần Nông50 lại là năm trăm năm nữa, [tổng cộng] là một ngàn năm. Chúng ta nói truyền thống Trung Quốc có năm ngàn năm văn hóa là nói đến Phục Hy và Thần Nông, trước đó vẫn còn có [lịch sử cổ hơn]. Khổng Tử tổng hợp những truyền thuyết từ xưa, dùng văn tự ghi chép lại để lưu truyền cho hậu thế. Do vậy, chúng tôi tin trong Luận Ngữ có nhiều câu chẳng do Khổng Tử nói. Khổng Tử lão nhân gia nói Ngài suốt đời "thuật nhi bất tác", "thuật" () là những điều ta nói vốn do người khác nói, do cổ thánh tiên hiền [đã nói], chứ không phải là chính mình, chính mình chẳng sáng tạo hay phát minh. "Tín nhi hiếu cổ" (tin tưởng, chuộng cổ), đối với truyền thuyết, Ngài tin tưởng, ưa thích. Do vậy, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, trọn chẳng phải là đến thời Ngài mới có, chúng ta có lý do để tin [những thứ ấy] phải từ một vạn năm trở lên. Cổ nhân truyền lại những thứ tinh giản, quý vị mới dễ nhớ, mới không bị biến chất. Ngũ Luân là "phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín" (cha con có quan hệ thân thiết, vợ chồng có trách nhiệm khác nhau, vua tôi có nghĩa, lớn nhỏ có tôn ty thứ tự, bạn bè giữ chữ tín), quý vị thấy rất dễ truyền, sẽ chẳng bị truyền sai, ngàn vạn năm vẫn một mực truyền xuống như

thế. Ngũ Thường là thường đạo (đạo nghĩa thường hằng), vĩnh viễn chẳng thể thay đổi, đó là đạo, tức năm chữ "nhân, nghĩa, lễ, trí, tín", đều được đời đời truyền thừa trước khi có văn tự. Tứ Duy là "lễ, nghĩa, liêm sỉ", bốn chữ ấy. Bát Đức là tám chữ "trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình". Đó là văn hóa truyền thống, đặc sắc và tinh thần văn hóa Trung Quốc. Phát triển cho đến hiện tại, Tứ Khố Toàn Thư được biên soạn vào thời đại Càn Long chính là sách vở các đời tích lũy lại, quý vị hãy xem, sẽ thấy bất luận ai soạn sách, đều chẳng tách rời những

nguyên tắc này. Do vậy, chúng ta dùng Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức để khái quát toàn bộ văn hóa truyền thống của Trung Quốc từ xưa đến nay, chẳng thể nào vượt ra khỏi những nguyên tắc này. Đến đời Hán, Phật pháp truyền vào Trung Quốc, tuy chẳng phải là văn hóa bản thổ, nhưng người Trung Quốc tâm lượng lớn, có thể bao dung, có thể dung hợp Phật pháp và văn hóa bản thổ thành một thể, như ông Thang Ân Tỷ (Arnodl J. Toynbee) đã nói: "Phật pháp phong phú văn hóa bản thổ của Trung Quốc, nâng cảnh giới lên cao hơn". Phật pháp biến thành văn hóa của Trung Quốc; nói tới văn hóa Trung Quốc, chắc chắn chẳng thể tách rời Phật pháp, chúng ta có hiểu [điều này] mới yêu quý. Đặt Phật pháp qua một bên khoan nói tới, đối với những thứ của chúng ta, tức là nói Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức của Trung Quốc, trong thời đại hiện tại, đi khắp địa cầu, bất luận nơi nào, những quốc gia, dân tộc khác biệt, tín ngưỡng, văn hóa khác biệt, đều có thể dung hội, chẳng chướng ngại. Đây là kinh nghiệm của bản thân chúng tôi trong mấy chục năm gần đây nhất, chúng ta nói rõ ràng, minh bạch, không ai chẳng ưa thích, đều tiếp nhận. Vì thế, tiến sĩ Thang Ân Tỷ nói: "Thế kỷ hai mươi mốt là thế kỷ của người Trung Quốc". Có rất nhiều người hiểu lầm [câu nói ấy], tưởng người Trung Quốc xưng hùng xưng bá, chẳng phải vậy, mà là văn hóa truyền thống của Trung Quốc sẽ phổ cập toàn cầu, khiến cho thế giới này có thể thật sự hóa giải xung đột, khôi phục an định, hòa bình, hết thảy mọi người đều cần [điều này], chúng ta phải có sự nhận biết này. Phải giống như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, phải biết báo ân, báo ân tổ tiên. Báo bằng cách nào? Phải thực hiện văn hóa truyền thống, tức là phải thực hiện Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, phải nghiêm túc thực hiện. Có như vậy mới là báo ân chân chánh. Quý vị thật sự làm được, hiệu quả sẽ vô cùng rõ rệt, thứ nhất là thân tâm khỏe mạnh. Phật pháp nói: "Tướng do tâm chuyển". Thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, tiếp đó là trị quốc, bình thiên hạ. Thiên hạ bình, "bình" là bình đẳng, là đối đãi bình đẳng, cư xử hòa thuận. Vì vậy, xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt hết sức cần đến học thuyết Khổng Mạnh và Đại Thừa Phật Pháp, ông Thang Ân Tỷ thấy chẳng sai! Đoạn thứ nhất trong phần Khái Yếu là "giáo khởi nhân duyên", nay chúng ta học tập đoạn này. "Giáo khởi nhân duyên giả, minh đại giáo sở dĩ hưng khởi chi nhân duyên" (Giáo khởi nhân duyên là nói rõ nhân duyên khiến cho đại giáo hưng khởi). "Minh" () là nói rõ, "đại giáo" là Đại Thừa. Tịnh Tông thuộc Đại Thừa. [Giáo khởi nhân duyên] là lý do vì sao Đại Thừa Phật pháp hưng khởi. Vì sao nó hưng khởi? Chúng ta học Phật, phải hiểu rõ điều này trước tiên. Trong phần này, chia thành hai đoạn. Đoạn

thứ nhất là "sơ minh đại giáo dữ Tịnh Độ pháp môn chi hưng khởi" (trước hết, nêu rõ sự hưng khởi của giáo pháp Đại Thừa và pháp môn Tịnh Độ): Vì sao pháp Đại Thừa và

pháp môn Tịnh Độ hưng khởi? Đoạn thứ hai là "tắc tường thuật bổn kinh hưng khởi chi nhân duyên" (trình bày cặn kẽ nhân duyên khiến cho kinh này xuất hiện), đây là nói về nhân duyên hưng khởi của bộ kinh này, tức Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh. Chúng ta đọc câu văn kế tiếp: "Phù nhất thiết pháp, bất ly nhân duyên" (hết thảy các pháp chẳng lìa nhân duyên). "Phù" () trợ từ, tuy lão cư sĩ dùng văn tự rất minh bạch để viết [lời chú giải], nhưng vẫn theo quy củ của Văn Ngôn. Chữ "phù" này là "ngữ trợ từ" trong văn chương Văn Ngôn, không có ý nghĩa, là tiếng đệm, tức là nói: Hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều chẳng tách rời nhân duyên. Nó được hưng khởi, "đại giáo chi hưng, nhân duyên vô lượng, nhi vô lượng nhân duyên duy vi nhất đại sự nhân duyên cố" (Đại giáo được hưng khởi bởi vô lượng nhân duyên, nhưng vô lượng nhân duyên chỉ là một đại sự nhân duyên). Quả thật nhân duyên phát khởi của vạn vật trong vũ trụ đều là vô lượng, vô tận, vô số, chẳng phải là ngẫu nhiên, đúng là vô lượng nhân duyên. Đức Phật dạy học, đặc biệt là dạy kẻ mới học, đã quy nạp vô lượng nhân duyên thành bốn loại lớn, nói khéo lắm. Trong bốn loại lớn, thứ nhất là Thân Nhân Duyên, thứ hai là Sở Duyên Duyên, thứ ba là Vô Gián Duyên, thứ tư là Tăng Thượng Duyên. Đức Phật chia vô lượng nhân duyên thành bốn loại lớn. Quý vị phải biết, mỗi loại trong bốn loại lớn này đều là vô lượng nhân duyên.Trong sự giảng học ấy có pháp phương tiện, tức là nói đại lược. Giống như thực vật, nó sanh trưởng như thế nào? Nó có hạt giống, hạt giống là Thân Nhân Duyên. Chẳng có hạt giống, làm sao nó sanh trưởng được? Nhưng chỉ có mình hạt giống, mà chẳng có những duyên khác; đem hạt giống ấy bỏ trong chén trà, để cả trăm năm, nó cũng chẳng thể mọc thành cây. Vì thế, nó phải có Sở Duyên Duyên. Có Sở Duyên Duyên, hạt giống nhất định có hy vọng mọc thành cây, đơm hoa, kết quả, nó có một mục tiêu để duyên vào. Cũng giống như động vật, chúng có Sở Duyên Duyên là nhất định muốn được sanh tồn, còn mong mỏi sẽ sanh sôi nẩy nở thành đời sau. Đấy là bản năng, "bản năng" như chúng ta đã nói chính là Sở Duyên Duyên. Sở Duyên Duyên chẳng thể gián đoạn; hễ gián đoạn, nó sẽ hủy diệt. Vì vậy, quý vị nhìn vào ba món duyên đầu tiên, ba thứ hiện tượng có cùng một Thể. Duyên sau cùng là Tăng Thượng Duyên, nó cũng chẳng thể thiếu. Tăng Thượng Duyên: Hạt giống muốn trưởng thành, cần phải có đất đai, cần đến không khí, cần có nước, thậm chí còn phải có sức người giúp nó, nó mới có thể phát triển. Toàn bộ những thứ ấy gọi là Tăng Thượng Duyên. Tăng Thượng Duyên là sức mạnh bên ngoài giúp đỡ, là ngoại lực; ba

thứ duyên trước đó, chính mình vốn sẵn có. Phật pháp là nhân duyên sanh, cho nên ý nghĩa này rất sâu. Phàm thứ gì là nhân duyên sanh (do nhân duyên sanh ra) sẽ đều chẳng thật! Pháp được sanh bởi duyên sẽ có sanh, có diệt; có sanh có diệt sẽ chẳng thật. Vì thế, đức Phật bảo chúng ta: "Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp" (pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp). Quý vị chớ nên chấp trước Phật pháp. Hễ chấp trước thân này là Ngã, trật rồi! Nếu quý vị chấp trước kinh điển là Phật pháp, cũng trật luôn! Nó là pháp được sanh bởi các duyên. Thứ nào chân thật sẽ chẳng phải là duyên sanh, nó vốn có. Tự tánh là vốn có, Tánh Đức trong tự tánh là vốn có. Trí huệ, đức năng, và tướng hảo vốn sẵn có trong tự tánh. Ý nghĩa này sâu lắm, nó biến thành cái được gọi là Triết Học cao cấp và khoa học trong hiện thời. Nói pháp duyên sanh với quý vị, đó là sơ cấp, Tiểu Học và Trung Học đều có thể học. Sở dĩ vô lượng nhân duyên chỉ là một đại sự

nhân duyên là vì nếu chúng ta tổng quy nạp vô lượng nhân duyên lại, chúng ta sẽ tìm ra nhân duyên quan trọng nhất là gì? Vì sao phải xuất sanh? Đó là một đại sự nhân duyên. Một đại sự nhân duyên là như trong kinh Pháp Hoa đức Phật đã dạy: "Chư Phật Thế Tôn duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện ư thế" (Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời). "Duy dĩ Phật chi tri kiến, thị ngộ chúng sanh" (chỉ nhằm dùng tri kiến của Phật để chỉ bày, khiến cho chúng sanh khai ngộ). Trong kinh Pháp Hoa có một câu nói về đại sự nhân duyên như sau: "Khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến". Vì sao mười phương chư Phật, Bồ Tát, đến ứng hóa trong thế gian? Vì chuyện này! Bởi lẽ, Phật tri Phật kiến chính là cái mà hết thảy chúng sanh vốn có; do vậy, Phật chẳng độ chúng sanh! Phật ban cho quý vị cái gì? Cái gì Phật cũng chẳng ban cho, bản thân quý vị đã vốn có! Vốn có, nhưng quý vị mê rồi, chẳng thể thụ hưởng. Đang mê hoặc, điên đảo, đang luân hồi trong lục đạo, sống cuộc đời thê thảm, khổ nạn như thế; Phật đến điểm hóa quý vị. Quý vị có Phật tri Phật kiến, vốn là Phật, nhưng bị mê, mê mất tự tánh. Do vậy, đối với chúng sanh, đức Phật chỉ có thể làm được hai chữ: "Khai thị". Dùng phương tiện nào để hoàn thành hai chữ này? Thân hành và ngôn giáo. Thân hành là "thị" (). "Thị" làm mẫu cho quý vị xem; "ngôn giáo" là [giáo hóa bằng] lời nói. Đức Phật coi "thị" là phương pháp trọng yếu để giáo hóa chúng sanh, "ngôn" nhằm bổ sung những chỗ thiếu sót trong "thị". Vì thế, trước hết nêu gương cho quý vị xem, sau khi xem xong, quý vị sẽ cảm động, lãnh hội. Sau khi nhìn thấy sẽ cảm động, nhưng chưa hiểu rõ lắm, quý vị lại hỏi, khi được hỏi sẽ giải thích cho quý vị. Đức Phật làm trước! Vì sao đức Phật phải thị hiện làm một vị Tăng khổ hạnh, tam y nhất bát, đêm nghỉ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa Ngọ, để làm gì vậy? Có ý nghĩa gì? Chúng tôi học nhiều năm như thế, đã hiểu ý nghĩa, nhằm dạy người ta điều

gì? Buông xuống! Buông xuống bèn trở về tự tánh. Vì sao quý vị mê ? Do quý vị tự tư, tự lợi, có tham, sân, si, mạn, tham ái hưởng thụ ngũ dục, lục trần, do làm những chuyện này cho nên mê. Trên thực tế, có thể hưởng thụ ngũ dục lục trần hay chăng? Có thể! Vì sao không thể? Quý vị hưởng thụ, nhưng trong lúc ấy chẳng khởi phân biệt, dấy chấp trước nơi ấy, đó là đúng. Nhưng khi quý vị hưởng thụ, bèn khởi phân biệt, dấy chấp trước, khởi lên thất tình, ngũ dục, hỏng rồi! Sẽ sanh ra nhiều tác dụng phụ, đó là tạo nghiệt51! Sanh ra những thứ ấy, những thứ đó lại chuốc lấy quả báo. Do cái nhân chẳng thiện, nên chẳng đạt được thiện quả, [thọ sanh trong] lục đạo tam đồ. Quý vị phải hiểu: Lục đạo tam đồ chẳng có, trong tự tánh chẳng có, vốn chẳng có, nhưng hiện thời là có hay không? Hiện tại vẫn là chẳng có, nói với quý vị, quý vị đâu có tin! Nói "hiện tại có", quý vị sẽ tin tưởng; nói "hiện tại chẳng có", quý vị không tin. Trong sự cảm nhận của Phật, Bồ Tát, đúng là chẳng có, chẳng phải là giả! "Đương tướng tức không, liễu bất khả đắc" (Chính tướng ấy là không, trọn chẳng thể được), có ở chỗ nào? Trong kinh, đức Phật thường nói "phàm những gì có tướng đều là hư vọng". Nói tổng kết về kinh Đại Bát Nhã thì bộ kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm quyển đã giảng điều gì? Nhằm giảng bốn câu: "Hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được", bốn câu ấy! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng [Bát Nhã] hai mươi hai năm, nhằm dạy chúng ta chân tướng sự thật là như vậy đó. Quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật, chấp trước nó là có thật, trật rồi! Trong các cảnh giới, cảnh giới hư huyễn, quý vị dấy lên ý

niệm khống chế, chiếm hữu, sai rồi! Quý vị đã tạo tội nghiệp! Nếu quý vị thụ dụng, nhưng chẳng có ý niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng khởi tâm động niệm, sự thụ dụng của quý vị là sự thụ dụng của chư Phật Như Lai. Thưa quý vị, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai là sự thụ dụng ấy. Người trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm có thụ dụng, nhưng chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đó gọi là hưởng thụ thật sự, đó gọi là thế giới Cực Lạc. Chẳng khởi tâm, không động niệm, cho nên sự hưởng thụ của họ chẳng có một tí trở ngại nào, chẳng khởi tâm động niệm! Nay chúng ta hưởng thụ, bèn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, phiền phức ở chỗ này! Do vậy, nói: Chẳng có luân hồi mà tạo tác thành luân hồi. Luân hồi là ác mộng. Quý vị đi ngủ vốn chẳng có mộng, mỗi ngày gặp ác mộng thì ác mộng do chính quý vị tạo tác, chẳng phải do người khác tặng cho quý vị. Đại sự nhân duyên là khai thị ngộ nhập, đức Phật có thể làm được hai chữ "khai thị"; nhưng chúng sanh tiếp xúc sự khai thị ấy, phải ngộ nhập! "Ngộ" là hiểu rõ, giống như chúng ta thường nói là "thấy thấu suốt". "Nhập" thế nào? Nhập là buông xuống, buông xuống là nhập. Quý vị chẳng buông xuống được, sẽ chẳng nhập cảnh giới; hễ buông xuống liền nhập. Cận

đại, Ấn Quang đại sư có một phương pháp hết sức tuyệt diệu, dạy chúng ta ngộ nhập như thế nào. Khi lão nhân gia tại thế, có một khoảng thời gian rất lâu, Ngài bế quan tại Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu, đó là đạo tràng tu học cuối cùng của lão nhân gia. Tôi đã đến thăm quan phòng (gian phòng dùng để bế quan) ấy. Rất nhỏ, hết sức đơn giản, chỉ có một cái bàn vuông, trên bàn thờ một pho tượng Phật, thứ gì cũng đều chẳng có, rất đơn giản! Một pho tượng Phật, một cặp chân đèn, một lư hương, một cái dẫn khánh, một cái mõ nhỏ. Phía sau tượng Phật viết một chữ to, do chính lão nhân gia viết. Ngài viết một chữ Tử. Phương pháp này khéo lắm! Khiến cho quý vị vừa trông thấy, cái chết đã cận kề, thử hỏi quý vị còn có điều gì chẳng buông xuống được chăng? Vì thế, trong thời đại hiện tại, bản thân tôi thường nghĩ: Thọ mạng của chúng ta tới hôm nay là hết, ngày hôm nay phải chết, còn có gì để mơ tưởng nữa? Do vậy, chúng ta sẽ sốt sắng, nghĩ đến cái chết, đã chết rồi, cái chết đang đón đầu, còn có thể nghĩ tới ăn, mặc, ở, đi nữa chăng? Còn có thể mong hưởng thụ hay chăng? Chẳng có! Hiện thời chỉ còn sót lại một ý niệm cầu sanh Tịnh Độ. Điều gì cũng đều buông xuống, chỉ nghĩ đến A Di Đà Phật, "con ở đây chờ Ngài, Ngài hãy đến tiếp dẫn con". Trừ một niệm này ra, ý niệm gì cũng đều chẳng có. Có thứ gì trong thế gian này là của ta? Ngay cả cái thân cũng chẳng phải! Chúng ta phải dùng tâm thái ấy để niệm Phật, đúng như kinh Di Đà đã nói: "Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến bảy ngày" sẽ vãng sanh, thật đấy, chẳng giả đâu! Hôm nay A Di Đà Phật chưa đến, coi như chưa tới lúc, ngày mai vẫn nghĩ như thế, mỗi ngày đều nghĩ như thế, có nghĩa là gì? Nêu gương cho các đồng học học Phật, khẳng định có một ngày nào đó, A Di Đà Phật sẽ đến. A Di Đà Phật nói: "Ngươi đã nêu gương, có thể đến thế giới Cực Lạc". Chẳng có gì khác, triệt để buông xuống! "Buông xuống" chẳng phải là bỏ hết mọi việc, chẳng phải vậy! Mọi sự vẫn phải làm, chuyện trong ngày hôm nay vẫn phải làm như thế, nhưng trong tâm không in dấu vết. Tâm như thế nào? Trong tâm là một câu A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật, tưởng A Di Đà Phật, thật sự niệm Phật, chẳng giả vờ. Đấy là gì? Vì đại sự này mà chư Phật Như Lai tới thế gian này, để làm gì?

Giúp chúng sanh nhanh chóng thành Phật. Quý vị vốn là Phật, nay quý vị niệm Phật, chắc chắn làm Phật, vốn là Phật mà! Chuyện thế gian, chuyện trong mười pháp giới đừng quan tâm tới, tùy duyên là tốt rồi, không nên phan duyên! Cổ đại đức dạy chúng ta: "Tùy duyên tiêu cựu nghiệp, mạc tái tạo tân ương" (tùy duyên tiêu nghiệp cũ, đừng tạo ương họa mới). Nếu chúng ta không biết, đối với hết thảy người và sự vật xung quanh vẫn khởi tâm động niệm, vẫn còn phân biệt, chấp trước, đấy là quý vị đang tạo ương họa mới, tạo nghiệp, lầm rồi! Trên mặt Sự bèn tùy duyên, trong lòng phải tinh sạch. Sự là gì? Là giả, Sự Sự vô ngại! Chỉ cần chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt,

chẳng chấp trước, chướng ngại gì cũng đều chẳng có. Chướng ngại là khởi tâm động niệm! Khởi tâm động niệm là chướng ngại nghiêm trọng nhất. Thứ nhất là đối lập. Quyết định chẳng thể đối lập với người khác. Chớ nên đối lập với Sự. Chớ nên đối lập hết thảy vạn vật. Trước hết phải tiêu trừ điều này, thành tựu viên mãn đạo nghiệp của chính mình trong một đời này. Quyết định chớ nên có ý niệm khống chế, càng không nên có ý niệm chiếm hữu, hãy học điều này, thực hiện từ chỗ này. Làm thế nào để hóa giải ý niệm? Niệm A Di Đà Phật để hóa giải. Trong tâm ta chỉ có A Di Đà Phật, chỉ nghĩ đến A Di Đà Phật, nhất tâm mong quay về thế giới Cực Lạc sớm hơn một chút, đến thế giới Cực Lạc để thành Phật. Hoàn cảnh tu học ở bên ấy tốt đẹp, thọ mạng con người lâu dài, vô lượng thọ, lại thành tựu nhanh chóng. Vì sao? Hoàn cảnh tu học tốt đẹp, quý vị chắc chắn chẳng gặp duyên gây chướng ngại, quý vị tìm ở nơi đâu không có chướng ngại? [Các duyên trong thế giới Cực Lạc] đều là duyên thành tựu. Do vì quý vị ở bên đó, những người quý vị được tiếp xúc đều là chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát. Phải hiểu: Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị có thể thời thời khắc khắc tiếp xúc mười phương hết thảy chư Phật Như Lai. Quý vị có năng lực phân thân, ngồi nơi đó nghe A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp, [đồng thời] phân vô lượng vô biên thân đến thập phương thế giới lễ Phật, cúng dường, nghe Phật thuyết pháp. Trong mười phương thế giới chẳng có duyên phận này, nhưng thế giới Cực Lạc trọn đủ. Do vậy, học rộng nghe nhiều thì đến thế giới Cực Lạc sẽ thật sự học rộng nghe nhiều, chư Phật đích thân giáo huấn. Quý vị có năng lực phân thân. Quý vị nói xem: Nhân duyên và hoàn cảnh học tập thù thắng như vậy, có thể nào không đến đó? Cớ gì tham luyến nơi đây? Thích Ca Mâu Ni Phật sợ chúng ta ở nơi đây sẽ dấy động ý niệm tham luyến, cho nên suốt đời chẳng lập đạo tràng, chẳng tham luyến, chỉ cho phép ngủ dưới mỗi gốc cây một đêm, vì sao? Bóng cây rất lớn, quý vị dấy lên tâm tham, nên chỉ có thể ngủ một đêm, ngày hôm sau sang chỗ khác, [chế định như vậy] nhằm đoạn tâm tham của quý vị. Đúng là phương tiện thiện xảo, giúp cho chúng ta chẳng sanh phiền não, giúp chúng ta chẳng tạo tội nghiệp. Cũng có người nói: Một đại sự nhân duyên này chính là sanh tử đại sự. Nếu hiểu theo ý nghĩa ấy thì chưa đủ thấu triệt! Thấu triệt vẫn phải là tuân theo kinh điển để nói. Trong kinh điển đã nói "khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến", [đại sự nhân duyên] là chuyện ấy. Trong toàn bộ sự giáo học của Phật pháp, chuyện này gồm ba giai đoạn phải hoàn thành. Học Phật là học gì? Trong kinh điển, chúng ta thường đọc thấy câu "A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề"; câu này cũng là tiếng Phạn dịch âm, có thể phiên dịch, nhưng vì sao chẳng dịch? Do tôn trọng nên chẳng dịch, do nó là mục tiêu tu

học chung cực của quý vị; vì thế, giữ nguyên âm tiếng Phạn, [nhằm tỏ ý] tôn trọng. Dịch sang tiếng Hán là Vô

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là tri kiến Phật mà chúng ta phải viên mãn. Trong ba giai đoạn này, trước hết là cầu Chánh Giác, giác ngộ, giác ngộ chính xác, chẳng lệch lạc, chẳng tà, đều là sẵn có trong tự tánh. Làm thế nào để có thể thành Chánh Giác? Chỉ cần chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, buông chấp trước xuống sẽ thành Chánh Giác. Thành Chánh Giác có một danh xưng học vị là A La Hán, quý vị chứng đắc A La Hán. Vì thế, quý vị phải hiểu: Chứng đắc A La Hán là thành Chánh Giác; trong khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, quý vị đạt tới giai đoạn thứ nhất. Giai đoạn thứ hai là phải tiếp tục buông xuống, buông phân biệt xuống, phân biệt nhẹ hơn chấp trước, chấp trước rất nghiêm trọng. Do chấp trước mới có lục đạo luân hồi; buông chấp trước xuống, lục đạo chẳng còn nữa, đó gọi là vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng còn nữa, lục đạo chẳng có, là giả, giống như nằm mộng, tỉnh giấc thì mộng cảnh chẳng tồn tại nữa! Nếu quý vị buông phân biệt xuống, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng phân biệt, cảnh giới của quý vị sẽ được nâng cao, chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh Đẳng Chánh Giác được gọi là Bồ Tát, là danh xưng của học vị thứ hai trong Phật pháp, quý vị thành Bồ Tát. Ai chẳng phải là Bồ Tát? Hễ buông xuống sẽ là Bồ Tát! Học vị tối cao sẽ thêm chữ Vô Thượng vào đằng trước, tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, danh xưng của học vị này là Phật Đà. Do vậy, trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật thường nói: “Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”, quý vị nói có đúng hay không? Đúng! Chỉ cần quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị sẽ là Phật. Chẳng buông xuống thì vẫn là Phật! Chẳng thể nói quý vị không phải là Phật, nhưng là một vị Phật có đèo thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thật đấy, chẳng giả! Do vậy, đức Phật chẳng dám khinh mạn ai! Vì sao? Ngài biết hết thảy đều là Phật. Phật Phật bình đẳng, Phật Phật Tánh Đức giao lưu. Phật thấy hết thảy chúng sanh là Phật, nhưng chúng sanh thấy Phật cũng là chúng sanh, vì sao? Họ có phân biệt; dùng cái tâm phân biệt để nhìn Phật, dùng cái tâm chấp trước để nhìn Phật, cho nên khác nhau, thấy lầm rồi! Do vậy, nếu quý vị hỏi: “Ngày nào tôi sẽ thành Phật?” Rất đơn giản! Ngày nào quý vị thấy tất cả hết thảy chúng sanh đều là Phật, chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật rồi! Không chỉ hữu tình chúng sanh đều là Phật, mà cây cối, hoa, cỏ, núi sông, đại địa thảy đều là như vậy, chẳng có một pháp nào không phải, quý vị thành Phật rồi! Quý vị vẫn thấy ưa thích cái này, thấy chán ghét cái kia, quý vị là lục đạo phàm phu. Vì chuyện này mà đức Phật xuất hiện trong cõi đời, giúp chúng ta là những vị Phật bị mê hoặc, điên đảo khôi phục bình thường. Đấy là nhân duyên hưng khởi của chư Phật, Bồ Tát. Phẩm [Như Lai] Tánh Khởi của kinh Hoa Nghiêm có một câu như sau: “Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác”, đấy là mười hiệu của đức

Phật. Mười thứ danh hiệu, tất cả chư Phật bình đẳng, mười loại đức hiệu ấy là Tánh Đức, cho nên trong tự tánh của quý vị thảy đều có. “Tánh khởi chánh pháp, bất khả tư nghị” (tánh khởi chánh pháp chẳng thể nghĩ bàn), “chánh pháp” là Đại Thừa, Đại Thừa do đâu mà có? Trong tự tánh vốn trọn đủ, là thật, chẳng giả. Vì là tánh khởi, nó chẳng phải là duyên khởi, duyên khởi chẳng thật, tánh khởi là thật. Phải biết: Luân lý đạo đức

như tổ tiên đã dạy là tánh khởi, chẳng phải là duyên khởi. Văn hóa truyền thống của Trung Quốc dùng một chữ làm đại biểu, tức là Hiếu đạo. “Hiếu văn hóa” (văn hóa đặt nền tảng trên chữ Hiếu). Từ “hiếu” mở rộng thành bốn khoa là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, và Bát Đức. Chúng là tánh khởi, chẳng do một ai sáng chế, chẳng do ai định đặt, chẳng phải vậy! Giống như trong thiên nhiên, bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông phân minh, chẳng do con người định đoạt, tự nhiên mà! Danh từ trong Phật pháp [nhằm diễn tả điều này] là “pháp nhĩ như thị” (pháp vốn là như thế), vốn là như vậy, cho nên là Tánh Đức. Tổ tiên Trung Quốc cũng rất phi phàm, nói ra chân tướng sự thật: Tánh con người vốn lành. Tam Tự Kinh có câu: “Nhân chi sơ, tánh bổn thiện” (con người thuở đầu, tánh vốn lành), “thiện” ấy chẳng phải là thiện trong thiện - ác. Thiện trong thiện - ác là tương đối, là duyên khởi, thiện [trong câu “tánh bổn thiện”] là tánh khởi. Tánh khởi chẳng có tương đối. Nói cách khác, hai bên thiện và ác đều chẳng vướng mắc, đó là chân thiện. Có thiện, có ác, đó là bất thiện. Cảnh giới này cao lắm, tánh con người vốn thiện. Nếu dùng Phật pháp để nói sẽ dễ hiểu hơn. Huệ Năng đại sư kiến tánh, [đã diễn giải] tánh như thế nào? Quý vị hãy xem Ngài miêu tả: “Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, thanh tịnh là Tánh Đức, thanh tịnh là tánh khởi, tánh vốn là như vậy, chưa từng bị nhiễm. Nay bổn tánh thanh tịnh của chúng ta có bị nhiễm hay không? Chẳng có! Tại thánh hay tại Phật, chẳng thêm tí nào, nơi phàm chẳng giảm, nó cũng chẳng giảm tí nào, đúng là bất tăng, bất giảm, bất cấu, bất tịnh. Nó chẳng phải là nhị biên, mà cũng chẳng phải là Trung Đạo. Trung Đạo và nhị biên đối lập, cho nên: “Nhị biên bất lập, Trung Đạo bất tồn” (Hai bên chẳng lập, Trung Đạo chẳng còn), chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị chẳng thể nghĩ, hễ nghĩ bèn trật! Quý vị chẳng thể nói, hễ nói cũng sai, không thể nói được! Vì thế, các vị đại đức trong Tông Môn có tỷ dụ: “Như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri” (như người uống nước, ấm lạnh tự biết), chính quý vị biết rõ ràng, rành rẽ, nhưng chẳng thể nói được! Chỉ có người đạt đến cảnh giới ấy, đôi bên hiểu ý nhau bèn cười, đều hiểu rõ. Kẻ chưa đạt đến cảnh giới ấy thì không được. Do vậy, tánh khởi và duyên khởi khác nhau, tánh khởi chánh pháp, Đại Thừa là tánh khởi, Tiểu Thừa là duyên khởi. Trong Đại Thừa có duyên khởi hay chăng? Có! Nếu phân chia Đại Thừa theo đẳng cấp, Thượng Thượng Thừa là tánh khởi, còn Đại Thừa, Trung Thừa, Tiểu Thừa như thường nói đều là duyên khởi. Thiền Tông rất

rõ rệt, Huệ Năng đại sư tiếp dẫn bậc thượng thượng căn, đó là tánh khởi; Thần Tú đại sư tiếp dẫn Đại Thừa, đó là duyên khởi, vì Ngài còn có thấy: “Thân thị Bồ Đề thụ, tâm như minh kính đài” (thân là cội Bồ Đề, tâm như đài gương sáng), đấy là duyên khởi. Chúng ta phải lắng lòng thấu hiểu! “Sở dĩ giả hà? Phi thiểu nhân duyên, thành Đẳng Chánh Giác, xuất hưng ư thế” (Vì sao vậy? Chẳng phải do đôi chút nhân duyên mà [Phật] thành Đẳng Chánh Giác, xuất hiện trong cõi đời), đó là gì? Đó là duyên khởi. Chư Phật Như Lai ứng hóa trong thế gian là duyên khởi, chẳng phải là tánh khởi. Duyên khởi là gì? Cảm ứng. Do nhân gì? Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Chúng tôi dùng thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bổn Thắng [để trình bày], quý vị sẽ hiểu rõ. Ông ta làm thí nghiệm với nước, có rất nhiều ảnh chụp, chúng tôi có treo [những bức ảnh ấy] trên hành lang ở nơi đây, quý vị có thể đến xem. Chúng ta khởi tâm động niệm là cảm, là duyên. Nước là khoáng vật, tức vật chất, vật chất thì sao? Nó thấy nghe hay

biết, thấy nghe hay biết vĩnh viễn chẳng diệt. Câu nói kiến tánh thứ hai của Huệ Năng đại sư là: “Nào ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt”. Cái vốn chẳng sanh diệt chính là thấy nghe hay biết, cho nên thấy nghe hay biết là tự tánh; nhưng sau khi mê thì sao? Sau khi mê sẽ không gọi là thấy nghe hay biết, mà gọi là gì? Gọi là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, biến thành A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Quý vị thấy năm thức đầu là Thọ; thức thứ sáu là Tưởng; thức thứ bảy là Hành, Hành là niệm niệm chẳng trụ, thức thứ tám là Thức, [thấy nghe hay biết] biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chúng ta gọi [Thọ, Tưởng, Hành, Thức] là tinh thần, hay tâm lý, hoặc tâm pháp. Do vậy, tâm pháp và vật chất vĩnh viễn chẳng tách rời. Chỉ cần là vật chất, trong ấy nhất định có thấy nghe hay biết. Trong lục đạo, chắc chắn có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Do vậy, chúng ta khởi lên ý niệm: “Ta ưa thích ngươi”, quý vị thấy nước bèn tiếp nhận, nó cũng ưa thích chúng ta, hiện ra cấu trúc kết tinh hết sức đẹp đẽ. Chúng ta ưa thích nó, nó ưa thích chúng ta. Ta chán ghét nó, nó hiện tướng rất xấu xí, thô kệch, có nghĩa là “tôi cũng chán ghét quý vị”. Khoáng vật thông hiểu tình cảm của con người! Tôi bảo tiến sĩ Giang Bổn: Nước có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Tất cả vật chất đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, ông hãy gắng thí nghiệm. Nó không chỉ hiện tướng Sắc. Đức Phật dạy nó có bốn loại: Sắc, Thanh, Hương, Vị, nó có bốn loại [tướng ấy]. Nay ông làm thí nghiệm, mới nhìn thấy một trong bốn loại, mới thấy Sắc. Quý vị còn chưa nghe âm thanh, chưa ngửi hương, chưa nếm vị; nó có Sắc, Thanh, Hương, Vị. Vì thế, khoa học vẫn còn kém Phật pháp một khoảng cách! Khi nào phương pháp khoa học có thể trắc nghiệm Sắc, Thanh, Hương, Vị thì mới là viên mãn. Đức Phật nói tới Thật Tướng của các pháp, chẳng phải là giả, mà là chân tướng. Thật Tướng là chân tướng của hết thảy các pháp. Nay chúng ta nói hiện tượng vật chất nhỏ nhất là hạt cơ bản,

tức khoa-khắc (quark, hạt vi lượng), chẳng thể thấy bằng mắt thường. Quý vị chớ nên coi thường vật chất bé bỏng như vậy, tất cả hết thảy hiện tượng vật chất đều do vật chất nhỏ nhoi này hợp thành. Mỗi vật chất nhỏ nhất, vật chất cơ bản, thảy đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Hễ giác ngộ, Thọ, Tưởng, Hành, Thức biến thành thấy, nghe, hay, biết. Khi mê, thấy nghe hay biết biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nó bất sanh, bất diệt, đó là chân tướng sự thật. Vì thế, đức Phật xuất hiện trên thế gian là cảm ứng. Chúng sanh chẳng có cảm, Phật sẽ không thể xuất hiện; chúng sanh có cảm, Phật bèn xuất hiện. Chúng ta muốn thấy A Di Đà Phật, A Di Đà Phật thật sự bị quý vị trông thấy. Quý vị có cảm, tôi chẳng có cảm, vì sao cũng thấy A Di Đà Phật? Thật ra là có cảm, nhưng chính quý vị không biết. Cảm có hiển cảm (cảm rõ rệt) và minh cảm (cảm ngấm ngầm). “Hiển” () là khởi tâm động niệm rất rõ rệt, tôi muốn cầu Phật; “minh” () là gì? Tôi khởi tâm động niệm, nhưng chính mình cũng không biết, hoặc là duyên quá khứ bất tri bất giác chín muồi, nên cảm Phật hiện tiền, Bồ Tát hiện tiền. Ứng cũng có hai thứ là hiển ứng và minh ứng. Chúng ta cầu Phật thì Phật, Bồ Tát có đến hay không? Đến! Chúng ta mắt thịt nhìn không thấy, đó là “minh ứng” (ứng ngấm ngầm). Chẳng phải là các Ngài không đến, thật sự các Ngài ở bên cạnh quý vị, nhưng quý vị không thấy các Ngài, các Ngài thấy quý vị. Quý vị chẳng thấy các Ngài. “Minh ứng” là âm thầm chiếu cố, giúp đỡ quý vị, có thật, chẳng phải là không có! Có “hiển cảm, hiển ứng, minh cảm, minh ứng”, cho nên có bốn câu cảm ứng. Đây là nói rõ chuyện gì? Phật pháp là

duyên sanh pháp. Chớ nên chấp trước duyên sanh pháp! Phật pháp có cần thiết hay không? Nay tôi đang mê, vẫn chưa khai ngộ, chưa kiến tánh, tôi cần nó, nó giúp đỡ tôi. Sau khi kiến tánh, chẳng cần nữa, buông toàn bộ xuống. Sau khi kiến tánh, nếu quý vị vẫn chấp trước Phật pháp thì lại mê rồi, trật lất rồi! Chúng ta chẳng thấy người kiến tánh mà vẫn còn kè kè cả đống kinh sách, chẳng có! Kẻ chưa kiến tánh đi tới đâu đều vác theo kinh sách, người kiến tánh chẳng có. Vì sao? Tất cả hết thảy kinh luận thảy đều từ tự tánh lưu lộ, người ấy cần phải vác theo làm chi? Huệ Năng đại sư không biết chữ, suốt đời chẳng mang theo quyển sách nào. Ngài mang theo đến bất cứ nơi đâu là y bát, chớ hề có một quyển kinh sách nào! Quý vị đem kinh sách hỏi Ngài, Ngài đối đáp như nước chảy, chẳng có gì bắt bí Ngài được! Đó là gì? Xứng tánh. Chúng ta học Phật có mục tiêu chung cực là muốn kiến tánh, muốn kiến tánh phải buông xuống. Buông Phiền Não Chướng xuống, buông Sở Tri Chướng xuống, sẽ chẳng có chướng ngại nào! Câu tiếp theo là "dĩ thập chủng". "Thập" chẳng phải là con số mà là tỷ dụ, tỷ dụ điều gì? Vô lượng, viên mãn. Hoa Nghiêm dùng "thập" để biểu

thị pháp, kinh Di Đà dùng "thất" để biểu thị pháp, đều chẳng phải là con số, mà nhằm tượng trưng cho sự viên mãn. "Thất" tượng trưng cho viên mãn: Bốn phương, trên và dưới là "lục", lại còn có chính giữa, thành "thất". "Thất" biểu thị pháp, viên mãn. "Thập" là con số tượng trưng, từ một đến mười là con số viên mãn, nó [được sử dụng] nhằm biểu thị pháp, cho nên "thập" tượng trưng sự viên mãn. Cũng giống như vậy, câu kế tiếp là: "Vô lượng vô số", vô biên, vô tận, dùng theo ý nghĩa này. "Bách thiên A-tăng-kỳ" (trăm ngàn A-tăng-kỳ), A-tăng-kỳ (Asamkhya) là một đơn vị số lượng lớn của Cổ Ấn Độ, nó là một trong mười con số lớn. "Nhân duyên, thành Đẳng Chánh Giác xuất hưng ư thế", chúng ta có thể tin tưởng lời này hay chăng? Có thể tin tưởng! Chắc chắn chẳng phải là một mình chúng ta, chúng ta ở nơi đây tưởng Phật, Phật bèn xuất hiện trong cõi đời, chẳng phải là như vậy! Bao nhiêu chúng sanh có duyên với Phật, do cộng nghiệp sở cảm, Phật bèn xuất hiện trong thế gian, chẳng đơn giản! Nếu chúng ta suy nghĩ lại, nay chúng ta là cái thân nghiệp báo, mang theo nghiệp đến thế gian này, tìm được cha mẹ, chúng ta sanh trong nhân gian, có bao nhiêu nhân duyên? Thưa quý vị, cũng giống như vậy, cũng là do "mười thứ vô lượng, vô số, trăm ngàn A-tăng-kỳ nhân duyên" mà chúng ta đến thế gian này. Trong các duyên ấy có nhiễm, có tịnh, có thiện, có ác. Phật, Bồ Tát xuất hiện, duyên ấy là thanh tịnh, là thiện. Chúng ta đến thế gian này, xả thân, nhận thân, luân hồi trong lục đạo, duyên ấy là nhiễm duyên, bất thiện duyên. Vì thế, bất luận một pháp nào cũng đều do vô lượng nhân duyên thành tựu. Phàm là nhân duyên thành tựu, phải biết nó chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể. Trung Quán Luận nói: "Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không" (pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói nó là không), đức Phật nói như vậy. Vì thế, "đương thể tức thị không, liễu bất khả đắc" (bản thể của nó chính là không, trọn chẳng thể được), quý vị có thể thưởng thức nó, chứ chẳng thể khống chế, chẳng thể chiếm hữu. Đấy là đúng! Quý vị hoàn toàn làm đúng. Nếu quý vị muốn khống chế, toan chiếm hữu, sai rồi! Quý vị tạo nghiệp! Bất luận quý vị tạo tác ra sao, đều chẳng thể khống chế được, mà cũng chẳng chiếm hữu được! Đấy là nói thật với quý vị. Khi quý vị có ý niệm ấy, trong tâm bị ô nhiễm, chẳng thanh tịnh, tâm thanh tịnh mất đi, tâm bình đẳng bị mất, đấy là [những tâm được nhắc đến

trong] đề mục kinh Vô Lượng Thọ, tâm giác ngộ bị mất đi. “Thanh tịnh, bình đẳng, giác” là Tánh Đức mà quý vị sẵn có, quý vị vốn là như vậy. Một niệm sai lầm, cả ba thứ ấy đều bị mất, chẳng còn thanh tịnh, biến thành nhiễm ô; chẳng còn bình đẳng, biến thành kiêu căng, ngạo mạn; chẳng còn giác, biến thành ngu si, hồ đồ, biến chất rồi! Do vậy, người thật sự tu hành phải biết: Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, gìn giữ “thanh tịnh, bình đẳng, giác” của chính mình, thật sự tu hành. Thật sự tu hành thì quý vị phải nghĩ Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta,

thật sự buông xuống. Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, tâm địa Phật thanh tịnh, cái gì cũng đều chẳng có, nhưng điều gì Ngài cũng đều biết, đều trọn đủ, chẳng có mảy may khiếm khuyết nào, vì sao? Tánh Đức là viên mãn, chẳng thể nghĩ bàn, thật đấy, chẳng giả đâu! Tiếp đó là nói: “Nãi chí quảng thuyết như thị đẳng vô lượng nhân duyên. Duy vi nhất đại sự nhân duyên, đại sự nhân duyên giả hà? Duy dục chúng sanh khai thị Phật tri kiến cố” (Cho đến rộng nói vô lượng nhân duyên như thế, chỉ là một đại sự nhân duyên. Đại sự nhân duyên gì vậy? Chỉ vì muốn khai thị tri kiến của Phật cho chúng sanh). “Duy” là “duy độc” (: chỉ có một), hy vọng khai thị tri kiến của Phật cho chúng sanh. Phật tri Phật kiến là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh. Tiếp theo là nói: “Phù Hoa Nghiêm Kinh nãi Thế Tôn tối sơ sở sáng ngôn” (kinh Hoa Nghiêm là do đức Thế Tôn đã nói ra đầu tiên), Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trên thế gian này, khi thành Phật, bộ kinh đầu tiên được Ngài giảng là kinh Hoa Nghiêm, đó là kinh được giảng trước hết, Tiểu Thừa chẳng thừa nhận, vì sao? Đức Phật giảng trong Định, chúng ta là những kẻ bình phàm, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi yên dưới cội Bồ Đề trong mười bốn ngày. Ngài tịnh tọa dưới cội Bồ Đề hai tuần mới xuất Định, làm sao chúng ta biết được? Ở trong Định, Ngài vì hàng Pháp Thân Bồ Tát giảng kinh Hoa Nghiêm, đó chính là gì? Ngài đã khai ngộ, minh tâm kiến tánh, tánh là như thế nào? Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh chính là báo cáo chi tiết tường tận với mọi người. Huệ Năng đại sư khai ngộ đã trình lên Ngũ Tổ Nhẫn hòa thượng hai mươi chữ. Huệ Năng đại sư khai ngộ chẳng khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật khai ngộ, hoàn toàn bình đẳng. Sau đấy, chúng ta mới biết, hai mươi chữ của Huệ Năng triển khai thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cô đọng thành hai mươi chữ ấy, tuyệt diệu! Một đằng là nói chi tiết, một đằng là chỉ nêu cương lãnh. Do vậy, Huệ Năng đại sư có thể giảng kinh Hoa Nghiêm hay không? Không ai khải thỉnh, không ai tìm Ngài. Nếu thật sự muốn khải thỉnh, xin Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm, Ngài sẽ giảng giống hệt Thích Ca Mâu Ni Phật, thật đấy, chẳng giả! Đây cũng là chỉ dạy cho chúng ta biết phải học Phật như thế nào, chẳng cần dùi mài nơi kinh giáo. Dùi mài kinh giáo khổ chẳng thể nói nổi. Vì sao? Trí huệ chẳng khai. Học được gì? Học bề ngoài, học văn tự bề ngoài, nói theo danh từ hiện thời là “Phật học”, chẳng phải là “học Phật”. Học Phật thì phải khai ngộ giống như Phật, trọn chẳng phải là trong lòng ghi nhớ những thứ của Phật, trong tâm ghi nhớ những thứ của Phật sẽ biến thành gì? Biến thành Sở Tri Chướng, vẫn là chướng ngại quý vị minh tâm kiến tánh; nhưng như thế nào? Nói chung, chẳng hề chướng ngại quý vị vãng sanh, chỉ chướng ngại quý vị kiến tánh. Quý vị chẳng thấy

được tánh, sẽ chướng ngại quý vị chứng quả. Chắc chắn tạo thành chướng ngại! Nhưng nếu quý vị sốt sắng niệm Phật cầu vãng sanh, vẫn phải vứt bỏ những thứ ấy, quý vị dùng cái tâm thanh tịnh sanh vô lượng thọ, sanh vào cõi Cực Lạc. Tâm không thanh tịnh sẽ chẳng đến được thế giới Cực Lạc, phải hiểu điều này. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm được nói đầu tiên. "Pháp Hoa kinh nãi mạt hậu chi thùy giáo" (kinh Pháp Hoa là lời dạy lúc sau cùng), nói một kinh lúc ban đầu, nói một kinh cuối cùng. "Tự thỉ chí chung, duy vị thử đại sự nhân duyên, dục linh chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến" (từ đầu đến cuối, chỉ vì một đại sự nhân duyên này: Muốn làm cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật). Có nghĩa là gì? Tiếp đó, cụ viết: "Diệc tức dục nhất thiết chúng sanh khai minh bổn tâm, đồng Phật tri kiến, đẳng thành Chánh Giác dã" (cũng là muốn cho hết thảy chúng sanh khai minh bổn tâm, có cùng tri kiến như Phật, cùng thành Chánh Giác), đây là lời giải thích. Tri kiến của Phật là gì? Tri kiến của Phật là bổn tâm của quý vị. Bổn tâm của quý vị giống như Huệ Năng đại sư đã nói: "Nào ngờ tự tánh", đó chính là bổn tâm. "Vốn tự thanh tịnh, vốn tự trọn đủ", trọn đủ gì? Chẳng thiếu thứ gì, viên mãn! Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: "Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai", dùng câu này có thể giải thích câu "nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ" của Huệ Năng đại sư, trọn đủ gì? Trọn đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai. Trí huệ và đức tướng là gì? Dùng ngay bản kinh này để nói sẽ là "Đại Thừa vô lượng thọ trang nghiêm", Đại Thừa là trí huệ, vô lượng thọ là đức, trang nghiêm là tướng. Quý vị thấy hết thảy đều trọn đủ, vốn tự trọn đủ, chẳng khiếm khuyết. Vì thế, Phật pháp chẳng có gì khác, buông xuống là được! Thuở ấy tôi học Phật, người xuất gia tôi được gặp đầu tiên là Chương Gia đại sư do một người bạn giới thiệu. Thời Mãn Thanh, người bạn ấy là một vị thân vương52, tức Mẫn thân vương. Thanh triều sụp đổ, ông ta trở thành thường dân, chúng tôi mới có duyên quen biết. Ông ta là đệ tử của Chương Gia Lạt Ma, tôi vừa mới tiếp xúc Phật pháp, xem kinh nơi đó. Ông ta trông thấy, bảo: "Ông xem kinh có liễu giải hay không?" Tôi nói: "Không được! Tham cứu ý nghĩa không ra". Ông ta hỏi: "Có muốn tìm một vị thầy chỉ điểm hay không?" Tôi hỏi: "Ai?" Ông ta đáp: "Chương Gia đại sư". Tôi nói vâng! Tôi cũng chẳng biết Chương Gia đại sư là ai, do ông ta có lòng tốt, tôi nói vâng, có người chỉ điểm thật tốt quá. Ông ta bèn dẫn tôi đến gặp Ngài. Tôi gặp mặt đại sư, câu đầu tiên là hướng về Ngài thỉnh giáo, tôi nói: "Thầy Phương đã giới thiệu kinh Phật cho con, con biết cái hay của Phật pháp, nhưng có phương pháp nào để con khế nhập rất nhanh hay chăng?" Tôi nêu câu hỏi như thế. Ngài nhìn tôi, tôi cũng nhìn Ngài, chúng tôi nhìn nhau tới nửa giờ, Ngài buông một chữ: "Có!" Tôi đợi cả nửa tiếng đồng hồ mới được một chữ "có", tinh thần phấn chấn trở lại. Ngài lại chẳng nói gì, lại

đợi khoảng sáu bảy phút, Ngài bảo tôi sáu chữ: "Thấy thấu suốt, hãy buông xuống". Phương pháp này của lão nhân khiến tôi cảm thấy rất kinh ngạc! Đơn giản như thế, vì sao? Tôi hỏi quý vị, quý vị hãy nên trả lời, cớ sao phải đợi nửa giờ rồi mới trả lời? Ước chừng mười mấy, hai mươi năm sau, tôi mới hoát nhiên đại ngộ: Thuở ấy, tôi tuổi trẻ, nhất định là tánh tình bộp chộp, hời hợt, cho nên thầy nhìn tôi, để tôi buông toàn bộ vọng niệm xuống, tập trung tinh thần, dùng tâm thanh tịnh nghe Ngài răn dạy; nhưng Ngài nói "có", tinh thần của tôi phấn chấn, chẳng phải là lại bộp chộp, phập phều ư? Vì

thế, lại phải nén xuống, khiến cho tôi nghĩ đến ý vị giáo học của cổ nhân, đến lúc đó, tôi mới mấp mé nếm được đôi chút, ngôn ngữ hết sức đơn giản. Ngài dạy chẳng sai, từ khi chúng tôi bắt đầu học kinh giáo cho tới hiện thời, năm mươi chín năm, giảng kinh cũng đã giảng được năm mươi hai năm mới hiểu rõ. Sở dĩ, người hiện tại học những thứ này nọ chẳng tốt đẹp, đó là lẽ đương nhiên, vì sao? Hời hợt, bộp chộp, kém xa tôi, làm sao có thể học được gì? Thuở ấy, tôi nghĩ mình cũng khá lắm, nhưng trước mặt Chương Gia đại sư vẫn chưa được, chưa đủ tư cách, vẫn phải ngồi với Ngài nửa tiếng, lão nhân gia mới mở kim khẩu. Hiện thời tìm đâu ra loại học trò này? Nếu học trò nêu câu hỏi với tôi, mà tôi cả nửa giờ chẳng trả lời, hắn bèn quay ngoắt mình bỏ đi, điều gì cũng không nghe nữa! Tôi vẫn còn là khá lắm, còn có thể thật sự chờ đợi. Vì thế, cổ nhân dạy học, truyền đạo chẳng giống người hiện thời, họ thật sự có những thứ [để trao truyền]. Do vậy, nói toạc chuyện này ra, với mong muốn hết thảy chúng sanh sẽ khai minh bổn tâm. Khai minh bổn tâm là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh; có cùng tri kiến với Phật, sở chứng hoàn toàn giống như mười phương chư Phật Như Lai. Đó gọi là “thành Đẳng Chánh Giác”: “Đẳng” () là bình đẳng, thành Chánh Giác, Chánh Giác ở đây là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. “Bổn kinh hưng khởi nhân duyên diệc phục như thị” (nhân duyên hưng khởi kinh này cũng giống như thế), chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa, trực tiếp giúp chúng sanh khai minh bổn tâm, có cùng tri kiến với Phật, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là xếp kinh Vô Lượng Thọ Kinh bình đẳng với kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Không chỉ là bình đẳng, mà còn vượt trội, đến phần sau sẽ trình bày. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa dẫn đường cho chúng ta nhập Vô Lượng Thọ, điều này có chứng cứ. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, rành rành là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Do vậy, Vô Lượng Thọ là chỗ quy túc, chỗ tổng kết của Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Quý vị biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn, không thể suy tưởng, điều này mới khiến cho chúng ta thật sự nhận biết vị trí của bộ kinh này trong Phật pháp, chẳng

kinh nào có thể sánh bằng! Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, mới biết có được kinh này chẳng dễ dàng! Đã có được là may mắn lắm thay! Tiếp đó, lấy Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh để làm thí dụ. Đây là bản kinh A Di Đà do Huyền Trang đại sư phiên dịch, bản được tụng niệm phổ biến hiện thời là do Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch vào thời Diêu Tần. Huyền Trang đại sư thuộc đời Đường, [Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh] là bản dịch [kinh Di Đà] đời Đường. Trong kinh A Di Đà do Huyền Trang đại sư phiên dịch, có một câu như thế này: “Ngã quán như thị lợi ích an lạc đại sự nhân duyên, thuyết thành đế ngữ” (Ta thấy đại sự nhân duyên an lạc như thế, nói lời đúng thật này). Trong bản dịch của La Thập đại sư chẳng có câu này, nhưng trong bản của ngài Huyền Trang đại sư thì có. Huyền Trang đại sư là trực dịch, tức là chiếu theo [nguyên văn] kinh văn bằng tiếng Phạn để dịch thẳng ra, La Thập đại sư dịch ý, chẳng chiếu theo nguyên bản kinh văn, Ngài đem ý nghĩa trong bản gốc, hoàn toàn dùng cách hành văn quen thuộc của người Hán để phiên dịch, nên chúng ta đọc [những bản kinh do Ngài dịch] thấy giống như đọc cổ thư Trung Quốc, hết sức dễ tiếp nhận. “Khả kiến Tịnh Độ pháp môn chi hưng khởi, chánh đồng ư Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, đồng vi nhất đại sự nhân duyên dã. Hà dĩ cố?” (đủ thấy pháp môn Tịnh Độ được

hưng khởi, giống hệt như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, cùng vì một đại sự nhân duyên. Vì sao vậy?). Lại thêm một câu hỏi "vì sao?". Vì sao mà đã hết thời gian rồi? Tôi quên khuấy thời gian đã hết rồi. Ngày hôm nay chúng ta học tập tới đây, ngày mai sẽ học tiếp. Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa phần 5 hết

---o0o---

Phần 06

Tập 11

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ mười, hàng thứ năm, chúng ta xem từ câu thứ hai: "Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh", bắt đầu xem từ chỗ này. Chúng ta hãy đọc kinh văn. "Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh (tức A Di Đà kinh Đường dịch bổn) vân" (Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh (tức kinh A Di Đà, bản dịch đời Đường) đã nói). Trong kinh văn có một câu như thế này: "Ngã quán như thị lợi ích an lạc đại sự nhân duyên, thuyết thành đế ngữ" (ta thấy đại sự an lạc lợi ích như thế, nói lời đúng thật). Trong câu nói này,

"ta" là Thích Ca Mâu Ni Phật [tự xưng]. Chúng ta biết bộ kinh Phật Thuyết A Di Đà Kinh giống như thường lệ, trong một đời, đức Thế Tôn chỉ giảng một lần, chẳng giảng lần thứ hai. Hiện thời, trong Đại Tạng Kinh, kinh này có hai bản dịch, một là do Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch, dịch theo ý, [tức là] chẳng phải là trực dịch (dịch theo sát nguyên văn từng chữ trong nguyên bản), mà hoàn toàn dịch theo đại ý của kinh; [bản dịch của] Huyền Trang đại sư là trực dịch, tức là căn cứ theo văn tự của kinh điển bằng tiếng Phạn để phiên dịch. Nói như vậy, Huyền Trang đại sư dịch khá sát, trung thành với nguyên văn, La Thập đại sư dịch theo ý nghĩa, không chiếu theo văn tự. Trong cái nhìn của người Trung Quốc, bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư giống như văn chương do người Trung Quốc viết, rất hợp với khẩu vị của chúng ta, cho nên được lưu truyền rất rộng; bản của Huyền Trang đại sư tuy là trực dịch, giữ nguyên diện mạo của nguyên văn, nhưng chúng ta không ưa thích lắm, nên bản này chẳng được lưu thông, chỉ được lưu giữ trong Đại Tạng Kinh. Đức Phật nói lời ấy, Ngài thấy "đại sự lợi ích an lạc như thế", tức là thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật phổ độ chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới, chẳng giống các cõi Phật thông thường, cõi của A Di Đà Phật dạy người ta thành Phật trong một đời; vì thế, [kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ] chẳng khác gì Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là Nhất Thừa giáo. Cái gọi là Nhất Thừa giáo đã được giảng rất rõ ràng trong phần trước, giáo pháp ấy giảng về lý luận và phương pháp thành Phật trong một đời. Phật Thuyết A Di Đà Kinh cũng dạy người ta thành Phật trong một đời, đấy là ưu điểm, ở đây bảo là: "Lợi ích an lạc như thế". Ưu điểm là phù hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn lẫn hạ căn, kẻ hạ hạ căn cũng có thể thành Phật trong một đời, chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, kinh này [được nói ra] vì cùng một đại sự nhân duyên như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Mục tiêu tu học của hết thảy các kinh Đại Thừa là Bồ Tát, mục tiêu tu học của kinh Tiểu Thừa là A La Hán. Điều này giống như trong nhà trường trên thế gian hiện thời l họ mở trường

Trung Học, khi [học sinh] tốt nghiệp sẽ là tốt nghiệp Trung Học; còn khi tốt nghiệp Đại Học thì là sinh viên Đại Học, có thể đạt được học vị Học Sĩ (Cử Nhân), khác hẳn! Mỗi trường học khác nhau. Nhà trường của A Di Đà Phật rất lạ lùng! Chúng tôi thường nghĩ đây là một ngôi trường "trọn gói"53, quý vị vào trường ấy học, chỉ có lên lớp, không bị ở lại lớp, mà cũng không bị đuổi xuống lớp dưới, tuy thời gian dài hay ngắn khác nhau, nhưng chắc chắn thành Phật trong một đời, Ngài bảo đảm cho quý vị. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa giống như nghiên cứu sở (graduate school), còn trường của A Di Đà Phật là từ Tiểu Học cho đến nghiên cứu sở, là một loại trường học như vậy đó! Điều này giống như Liên Trì đại sư đã viết trong Di Đà Sớ Sao: "Kim đản nhất tâm trì danh, tức đắc

Bất Thoái" (Nay chỉ nhất tâm trì danh, liền đắc Bất Thoái). Bất Thoái là Vãng Sanh Kinh của Tịnh Tông. Từ ngữ Vãng Sanh Kinh nhằm chỉ Tịnh Độ "ngũ kinh nhất luận" trong hiện tại, những kinh luận này đều nhằm dạy con người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều nói "viên chứng ba món Bất Thoái", đây là pháp khó tin. Đối với ba thứ Bất Thoái, Tiểu Thừa chứng đắc Vị Bất Thoái, Đại Thừa Bồ Tát chứng đắc Hạnh Bất Thoái, đạt đến Pháp Thân Bồ Tát mới chứng đắc Niệm Bất Thoái. Từ bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên mới chứng đắc Niệm Bất Thoái, hoặc ba thứ Bất Thoái, nhưng chưa đạt đến viên mãn, chưa thể bảo là "viên". Chứng đắc viên mãn ba món Bất Thoái là ai? Từ Thất Địa trở lên, quý vị thấy địa vị rất cao, A Duy Việt Trí Bồ Tát đấy nhé! Trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, có một nguyện là: "Hễ ai sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, thảy đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, viên chứng ba món Bất Thoái". Ngài hoàn toàn chẳng nói "ngoại trừ cõi Phàm Thánh Đồng Cư", chẳng nói! Ngài chẳng nói câu ấy thì nói cách khác, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Làm sao có thể nói cho xuôi? Chúng tôi học đã nhiều năm như thế, rốt cuộc hiểu rõ ràng, minh bạch: Người ấy do được bổn nguyện gồm bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì, nên trí huệ và oai thần bằng Thất Địa Bồ Tát, chẳng khác Thất Địa Bồ Tát; chẳng phải do năng lực của chính người ấy, mà do A Di Đà Phật gia hộ, được bốn mươi tám nguyện gia hộ. Nếu nói đến chuyện chứng đắc thì trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, khi nào quý vị sẽ chứng đắc? Trong kinh thường nói: "Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh", đó là quý vị thật sự chứng đắc. Khi quý vị chưa ngộ Vô Sanh, cũng có nghĩa là đang thuộc vào ba bậc chín phẩm trong bốn cõi trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị vẫn chưa có năng lực nâng cao [cảnh giới] lên, thật sự đạt tới cõi Thật Báo. Khi quý vị tự mình thật sự chứng đắc cõi Thật Báo, sẽ không cần A Di Đà Phật gia trì; nhưng khi chưa chứng đắc cõi Thật Báo, hoàn toàn phải nhờ A Di Đà Phật gia trì. Trí huệ, thần thông, năng lực, và hưởng thụ giống như trong cõi Thật Báo, hễ sanh về thế giới Cực Lạc sẽ đạt được. Giống như đầu thai luân hồi trong lục đạo, quý vị đầu thai vào nhà đế vương, vừa sanh ra liền được hưởng thụ sự phú quý của bậc đế vương. Do vậy, chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc, liền hưởng thụ thần thông và đức tướng của A Di Đà Phật, liền được hưởng thụ ngay! Nếu hiểu rõ và nhận biết điều này, chúng ta sẽ chẳng hoài nghi sự trang nghiêm thù thắng khôn sánh như Vãng Sanh Kinh đã giảng, đó là Phật lực gia trì. Đấy là nói về "chỉ nhất tâm trì danh, liền đắc Bất Thoái". "Thử nãi trực chỉ phàm phu tự tâm cứu cánh thành Phật" (Đây là chỉ thẳng: Từ ngay tự tâm của phàm phu mà rốt ráo thành Phật), ở chỗ này, trước chữ "thành

Phật” đã thêm chữ “cứu cánh” (rốt ráo), vì sao? A Duy

Việt Trí Bồ Tát mới có thể thêm hai chữ “rốt ráo”. Nếu chẳng có hai chữ “rốt ráo”, mà nói là “thành Phật” thì Sơ Trụ trong Viên Giáo đã thành Phật. Thêm vào hai chữ “rốt ráo” thì khẳng định là từ Thất Địa trở lên mới viên chứng ba món Bất Thoái. Mấu chốt là hai chữ tiếp theo: “Nhược năng đế tín” (nếu có thể tin chắc thật), hai chữ trọng yếu là “đế tín”. “Đế” () là thật, quý vị thật sự tin, một mảy hoài nghi cũng chẳng có thì mới gọi là “đế tín”. Thật sự tin tưởng, quý vị sẽ thật sự làm; thật sự tin, thật sự muốn vãng sanh, thật sự niệm Phật. Thật sự niệm Phật là gì? Hết thảy duyên đều buông xuống, trong mười hai thời, trong tâm quả thật chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, hết thảy những thứ khác đều buông xuống, kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm cũng đều buông xuống. Vì sao? Từ một câu A Di Đà Phật, quý vị sẽ đắc Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội là nhất tâm bất loạn, từ Sự nhất tâm đạt đến Lý nhất tâm. Đã đạt Lý nhất tâm bất loạn, trong phần sau, chúng ta sẽ nói về Lý nhất tâm, là đã kiến tánh, kiến tánh bèn thật sự thành Phật. Đắc Lý nhất tâm bất loạn, vãng sanh thế giới Cực Lạc, chẳng thuộc trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, mà cũng không thuộc cõi Phương Tiện Hữu Dư. Thưa quý vị, niệm đến Sự nhất tâm bất loạn sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn liền đạt đến cõi Thật Báo. Thật sự có thể niệm đến [cõi ấy] ư? Đúng là có thể niệm đến [cõi ấy], chúng ta hiểu đạo lý này rất rõ ràng, vì lẽ gì? Người ấy đã buông toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đạo lý ở chỗ này. Chúng ta hãy suy nghĩ: Chúng ta chưa buông xuống, nhưng người ấy thật sự buông xuống. Buông xuống sẽ kiến tánh, kiến tánh là viên mãn, trí huệ viên mãn, đức hạnh viên mãn, tướng hảo viên mãn, đắc đại viên mãn. Viên mãn thì còn có chướng ngại hay chăng? Không chỉ đối với hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm không có chướng ngại, mà đối với vô lượng vô biên kinh luận do mười phương hết thảy chư Phật Như Lai đã nói, quý vị chẳng bị chướng ngại chút nào. Vì sao? [Những kinh luận ấy] đều do tự tánh lưu lộ, quý vị đã kiến tánh. Trong sự giáo học của Phật pháp, không có gì khác, chỉ là dạy quý vị hãy bỏ hết vọng, trở về tự tánh. Trở về tự tánh, quý vị sẽ chứng đắc Phật quả rốt ráo, rốt ráo thành Phật. “Hà tu biến lịch tam thừa, cửu kinh đa kiếp” (há cần phải trải khắp ba thừa, trải qua nhiều kiếp lâu xa), không cần phải trải qua các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, tiến lên từng bước một, không cần thiết! Trải qua các địa vị trong tam thừa đúng là phải mất nhiều kiếp lâu xa, không chỉ là ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp là nói theo kinh Hoa Nghiêm, từ phàm phu tu đến bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo phải mất vô lượng kiếp! Sơ Trụ trong Viên Giáo là minh tâm kiến tánh, kiến

tánh thành Phật. Học từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta biết: Tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn; nhưng vô minh đã thật sự đoạn hết. Quả thật chẳng động tâm, chẳng khởi niệm, nhưng tập khí khởi tâm động niệm vẫn có; vì thế, nó chẳng trở ngại sự. Muốn đoạn sạch tập khí này, phải mất thời gian bao lâu? Cần tới ba A-tăng-kỳ kiếp để đoạn tập khí. Không có thứ gì khác có thể đoạn trừ tập khí; sau một thời gian lâu dài, nó sẽ tự nhiên chẳng còn nữa! Đoạn tập khí trong thế giới Cực Lạc cũng nhanh, thời gian được rút ngắn trên một mức độ lớn. Do vậy, các vị Pháp Thân Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng

theo Văn Thù, Phổ Hiền đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Để rút ngắn thời gian đoạn tập khí, đạo lý là như vậy đó. “Bất việt nhất niệm, đốn chứng Bồ Đề” (chẳng ngoài một niệm, mau chóng chứng Bồ Đề). Bồ Đề ở đây là Vô Thượng Bồ Đề, là nhất niệm, là danh hiệu Di Đà gồm bốn chữ. “Nam-mô” chẳng phải là danh hiệu, A Di Đà Phật mới là danh hiệu. Nam-mô có nghĩa là quy y, quy mạng, hay lễ kính. Do vậy, lúc Liên Trì đại sư tại thế, trong bộ Trúc Song Tùy Bút có một câu chuyện như thế này: Có người thỉnh giáo lão nhân gia: “Lão nhân gia bình thường niệm Phật như thế nào?” Ngài nói Ngài niệm bốn chữ A Di Đà Phật. “Ngài dạy người khác thì sao?” “Ta dạy người khác niệm sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật”. Vì sao khác nhau? Liên Trì đại sư nói: “Trong một đời này, ta nhất định muốn sanh về Tịnh Độ, cho nên kiểu cách khách sáo nào cũng chẳng cần, những lời lẽ khách sáo đều bỏ sạch”. Kinh dạy chúng ta chấp trì danh hiệu, danh hiệu là bốn chữ, Ngài bèn niệm bốn chữ. Vì sao dạy người khác niệm sáu chữ? Người khác chưa chắc đã có quyết tâm kiên định muốn sanh về Tịnh Độ, cho nên thêm chữ Nam-mô, tức là quy y A Di Đà Phật, quy mạng A Di Đà Phật, cung kính A Di Đà Phật, không nhất định trong một đời này người ấy đã có thể vãng sanh. Thêm vào chữ “cung kính”, đó là nói năng cung kính. Chính mình thật sự muốn vãng sanh, chẳng cần dùng đến lời lẽ cung kính, không cần thiết! Những chữ khách sáo đều không cần! A Di Đà Phật sẽ không trách quý vị, quý vị rất nghe lời! Thích Ca Mâu Ni Phật dạy quý vị chấp trì danh hiệu, danh hiệu là A Di Đà Phật, trong danh hiệu không có chữ Nam-mô. Quý vị thấy lời này rất có ý nghĩa! Ấn Quang đại sư cả đời dạy người khác niệm sáu chữ, vì sao? Ngài thấy chúng sanh đông đảo, nhưng chẳng mấy ai thật sự muốn vãng sanh, nên [dạy họ] niệm hồng danh sáu chữ nhằm kết pháp duyên với A Di Đà Phật. Quý vị hiểu tổ sư dạy người khác sử dụng tâm gì, quý vị sẽ hiểu rõ! Tín nguyện kiên định, chẳng có mảy may hoài nghi, trong một đời này ta quyết định phải vãng sanh, quý vị thật sự buông xuống vạn duyên. Những trường hợp như vậy nhiều lắm! Quý vị đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, sẽ thấy những tấm gương như vậy hiện tiền, thật sự cầu vãng sanh, biểu diễn cho chúng ta xem. Mấy năm trước, ở Thâm Quyến, ông Hoàng

Trung Xương nghe kinh, thường nghe chúng tôi nói như vậy, ông ta thật sự giác ngộ, đại triệt đại ngộ! Sự đại triệt đại ngộ của ông ta chẳng phải là minh tâm kiến tánh, mà là ngộ “bất việt nhất niệm, đốn chứng Bồ Đề” (chẳng ngoài một niệm, mà mau chóng chứng Bồ Đề), ông ta ngộ điều này. Buông xuống hết thảy, mỗi ngày niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ, tiếp đó hoàn toàn niệm Phật hiệu, ước hẹn kỳ hạn cầu chứng đắc, ước định thời gian là ba năm, xem thử có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc hay không? Niệm tới hai năm mười tháng, biết trước lúc mất, ra đi, chẳng sanh bệnh, còn thiếu hai tháng nữa mới đủ ba năm, đến thế giới Cực Lạc là đi làm Phật. Chúng tôi giảng kinh tại nơi đây là Thị Chuyển và Khuyến Chuyển, cư sĩ Hoàng Trung Xương làm Chứng Chuyển cho chúng tôi, tam chuyển pháp luân đã toàn vẹn. Ông ta làm chứng cho chúng tôi. Do điều này có thể biết: Triệt ngộ là thật sự buông xuống. Vì sao chúng ta chưa thể buông xuống? Giác chưa đủ trình độ. Thật sự giác ngộ sẽ thật sự triệt để buông xuống, như trong kinh Đại Thừa đã nói: “Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp” (pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp). “Pháp” [trong câu này] là Phật pháp. Phật pháp cũng không

cần, nắm vững một câu A Di Đà Phật [là đủ rồi]. “Đốn chứng Bồ Đề, khởi phi đại sự” (Mau chóng chứng Bồ Đề, há chẳng phải là đại sự?). Đi làm Phật! Sau thời gian hai năm mười tháng bèn đi làm Phật. “Khả kiến Tịnh Tông chánh thị trực chỉ đốn chứng chi pháp” (đủ thấy Tịnh Tông chính là pháp chỉ thẳng, đốn nhập), đây là một đại sự nhân duyên, “Dĩ niệm Phật tâm, nhập Phật tri kiến. Tịnh Tông chi hưng khởi, chánh do thử đại sự nhân duyên dã” (dùng cái tâm niệm Phật để nhập tri kiến của Phật. Tịnh Tông hưng khởi chính vì đại sự nhân duyên này). “Hạ” là tiếp theo đó, “tường minh bổn kinh hưng khởi chi nhân duyên” (giảng rõ nhân duyên hưng khởi của bản kinh này). Trong phần trên là nói về nhân duyên chư Phật Như Lai xuất hiện trên thế gian này. Căn tánh của chúng sanh khác nhau, nhưng tổng mục tiêu, tổng phương hướng của chư Phật là nhất trí, ngàn kinh muôn luận tuy khác đường nhưng về cùng một chỗ, cuối cùng là trở về Tịnh Độ. Do vậy, trong Phật pháp, chẳng cần biết quý vị tu hành theo tông nào, phái nào, hay pháp môn nào, có ba khoa mục chung bắt buộc phải tu: 1) Thứ nhất là giới luật. Giới luật là khoa mục chung, là cơ sở. Quý vị phải vun bồi cội rễ vững vàng, giống như xây nhà, bất luận quý vị xây cao đến đâu, bất luận xây theo kiểu nào, trước hết, phải đắp nền. Giới luật là nền móng, không có giới luật thì điều gì cũng chẳng thể thành tựu! 2) Thứ hai là lý luận, đây là khoa mục chung. Đối với Pháp Tướng Duy Thức, Hoa Nghiêm là một bộ kinh điển trọng yếu trong Pháp Tướng Duy Thức. Pháp Tướng Duy Thức có sáu kinh, mười một bộ luận; trong sáu kinh có kinh Hoa Nghiêm giảng về căn nguyên của vũ trụ. Trong Hoàn Nguyên

Quán đã giảng rất hay: “Hiển nhất thể, khởi nhị dụng” (hiển lộ một thể, khởi lên hai tác dụng). Nhị Dụng, bất luận là y báo hay chánh báo, nhỏ như vi trần, lớn như hư không pháp giới, đều có ba thứ trọn khắp chẳng thể nghĩ bàn. Thứ nhất là “trọn khắp pháp giới”, thứ hai là “sanh ra vô tận”, thứ ba là “chứa đựng không và có”. Lý này chung khắp, mỗi một pháp môn trong tám vạn bốn ngàn pháp môn cũng chẳng thể vượt ra ngoài, đó là lý luận để quý vị dựa vào. 3) Thứ ba là quy túc, [tức là] quý vị tu hành, kết quả cuối cùng đều là vãng sanh thế giới Cực Lạc. Tám vạn bốn ngàn pháp môn thảy đều quy vào thế giới Hoa Tạng, đến cuối cùng đều quy vào thế giới Hoa Tạng. Sau khi đã đến thế giới Hoa Tạng, Văn Thù và Phổ Hiền sẽ dẫn quý vị cùng tới thế giới Cực Lạc. Do vậy, thế giới Cực Lạc là nơi quy túc chung. Đó là ba khoa mục chung. Đối với đoạn này, chúng ta học tập tới đây. Lại xem đoạn kế tiếp: “Xứng tánh cực đàm, Như Lai chánh thuyết”. Ở đây, chia thành mấy đoạn nhỏ; đây là đoạn thứ nhất, dùng Giáp, Ất, Bính, Đinh54 để đánh số theo thứ tự. “Hoa Nghiêm, Pháp Hoa quân viên đốn xứng tánh chi giáo, đản kỳ quy thú khước tại bổn kinh” (Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều là giáo pháp Viên Đốn xứng tánh, nhưng chỗ quy thú của chúng lại thuộc trong kinh này). Hai bộ kinh này từ xưa tới nay, vào thời đại Tùy - Đường đã được các vị tổ sư đại đức nhất trí công nhận, khẳng định là kinh Nhất Thừa. Trong giáo pháp suốt một đời của đức Thế Tôn, có tổng cộng ba bộ kinh Nhất Thừa, ngoài Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, còn có một bộ nữa là Phạm Võng. Kinh Phạm Võng ngoại trừ một phẩm Phạm Võng Bồ Tát Giới được dịch sang tiếng Hán, những phẩm khác chưa truyền tới Trung Quốc. Bộ kinh này cũng là một kinh lớn, phân lượng rất lớn, nhưng chỉ truyền sang Trung Hoa một phẩm, tức là Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm. Những kinh này đều là Viên Giáo viên mãn,

Đốn Giáo thành tựu nhanh chóng, thành tựu trong một đời, xứng tánh, trong ấy không có phương tiện quyền xảo, mà là thẳng chóng, thỏa đáng. Chỗ quy thú của chúng là ở trong kinh này (kinh Vô Lượng Thọ). Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, chúng ta thấy, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, Hoa Nghiêm quy vào Vô Lượng Thọ, bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ trong Hoa Nghiêm hải hội quy vào Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đấy là thật, chẳng giả tí nào, trong kinh đã nói rõ ràng. “Ngẫu Ích đại sư tán bổn kinh vân: Tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị” (Ngẫu Ích đại sư khen ngợi kinh này như sau: “Dứt bặt đối đãi một cách viên dung chẳng thể nghĩ bàn”). Ngẫu Ích đại sư tán thán kinh Vô Lượng Thọ viên dung đến tột bực, “Hoa Nghiêm áo tạng, Pháp Hoa bí tủy”, “áo tạng, bí tủy” (kho sâu thẳm, cốt lõi kín nhiệm) là những từ ngữ hình dung sự cao thâm, áo diệu. Đây là nói với ai? Nói với những người từ Quyền

Giáo Bồ Tát trở xuống, họ không hiểu, chưa đại triệt đại ngộ, sẽ chẳng thể nhập cảnh giới này. Cảnh giới Hoa Nghiêm, cảnh giới Pháp Hoa phải là người triệt ngộ, minh tâm kiến tánh mới có thể lãnh ngộ; kẻ chưa kiến tánh còn cách một tầng! Tinh tủy sâu kín của Pháp Hoa (Pháp Hoa bí tủy) là nói về Lý trong kinh ấy. “Nhất thiết chư Phật chi tâm yếu, Bồ Tát vạn hạnh chi tư nam, giai bất xuất ư thử hỹ” (tâm yếu của hết thảy chư Phật, kim chỉ nam cho muôn hạnh Bồ Tát đều chẳng ra khỏi kinh này), chữ “thử” chỉ kinh Vô Lượng Thọ. Bồ Tát vạn hạnh là nguyên tắc chỉ đạo sự tu hành tối cao của Bồ Tát, [nguyên tắc ấy] ở trong kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ trực tiếp dạy mọi người niệm Phật sanh về Tịnh Độ, trực tiếp dẫn dắt người vãng sanh Tịnh Độ trong một thời gian rất ngắn sẽ đạt tới mục tiêu triệt ngộ tâm tánh. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Phật đã nói: Một người niệm Phật sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tu trong thế giới Cực Lạc đến khi minh tâm kiến tánh, tu đến mức khế nhập cõi Thật Báo Trang Nghiêm, sẽ cần thời gian bao lâu? Đức Thế Tôn bảo là mười hai kiếp. Chúng ta thấy mười hai kiếp rất dài, nhưng tại Tây Phương Cực Lạc thế giới, mười hai kiếp cũng rất ngắn, chẳng dài! Tu hành trong thế giới này, muốn tu chứng đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, quý vị thấy kinh thường nói phải mất thời gian bao lâu? Phải mất vô lượng kiếp, chẳng phải mười hai kiếp, mà là vô lượng kiếp! Tu hành trong các cõi Phật khác cần tới vô lượng kiếp, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là mười hai kiếp, quý vị thấy thời gian đã rút ngắn bao nhiêu! Hơn nữa, vừa đến nơi ấy, trí huệ, thần thông, và đạo lực đều giống như Thất Địa Bồ Tát. Lời này có nghĩa là gì? Ý nghĩa rất sâu, có nghĩa là nói quý vị vừa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ có năng lực giống như Pháp Thân Bồ Tát, ngàn xứ khẩn cầu, bèn ứng hiện trong ngàn xứ. Chúng sanh nơi nào có cảm, quý vị bèn có thể tới đó giáo hóa họ, nên dùng thân gì để độ được, quý vị liền hiện thân ấy, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, có đại bản lãnh và thần thông to dường ấy! Quý vị phải hiểu: Những điều đó chẳng phải do chính quý vị tu được, mà do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, khiến cho quý vị khởi ra tác dụng ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Đây chẳng phải là nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chờ khi ta tu thành tựu rồi mới có thể độ chúng sanh, quý vị cứ tới đó là [sẽ độ chúng sanh] được. Trong thế giới của thập phương chư Phật không hề có [chuyện này]. “Thị cố bổn kinh

xưng vi xứng tánh chi cực đàm dã” (Do vậy, kinh này được xưng tụng là lời bàn luận xứng tánh đến mức cùng cực), đây cũng là nói từ trong tự tánh của chư Phật Như Lai và A Di Đà Phật viên mãn lưu lộ. Giảng đến chỗ cùng cực, “cực” () là viên mãn.

Ở đây, cụ Hoàng đã trích dẫn rất nhiều. “Hựu Nhật”, “Nhật” là Nhật Bản. Cao tăng Đạo Ẩn trong tác phẩm Vô Lượng Thọ Kinh Chân Giải, trong Vạn Tục Tạng có cuốn này, chúng ta có thể đọc từ Vạn Tục Tạng; trong đó có một đoạn như sau: “Ngũ Trược chi thế, tạo ác chi thời, thánh đạo nhất chủng kim thời nan tu, kỳ nạn phi nhất” (Hiện tại nay là đời Ngũ Trược, lúc tạo ác; cho nên khó tu một thứ thánh đạo vì sẽ gặp nhiều chướng nạn). Quý vị thấy trong hiện thời, đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, đúng là Ngũ Trược đã ô nhiễm đến mức cùng cực. Ngay cả bầu trời trong xanh cũng chẳng nhìn thấy nữa! Chúng ta thấy bầu trời khói đen mù mịt, ô nhiễm đến tột cùng! Vì sao? Chúng sanh tạo ác. Hãy suy nghĩ xem có điều nào trong Thập Ác chẳng làm? Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt, tham, sân, si, chúng ta hãy lắng lòng suy nghĩ, quan sát cẩn thận một phen, hiện thời có người nào sống trên địa cầu chẳng tạo? Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác thảy đều tương ứng [với Thập Ác], ai nấy đều gây tạo. Quay trở lại suy nghĩ, ta có tạo hay không? Hữu ý hay vô ý cũng đều tạo, biết làm sao được nữa? Có cách nào chẳng tạo? Thưa quý vị, niệm Phật sẽ chẳng tạo nữa! Ta niệm Phật một giờ, trong một giờ ấy sẽ không tạo; niệm Phật hai giờ, trong hai giờ ấy sẽ chẳng tạo. Chẳng niệm Phật, chắc chắn sẽ hữu ý hay vô ý tạo, tập khí quá nặng mà! Do vậy, chẳng đọc kinh, chẳng niệm Phật thì làm sao được nữa? Khi đọc có thể chẳng tạo, phải biết rằng: Thời thời khắc khắc phải phản tỉnh, thời thời khắc khắc phải kiểm điểm. “Thánh đạo nhất chủng kim thời nan tu” (hiện thời khó tu một thứ thánh đạo), thánh đạo là Phật, Bồ Tát đạo. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, tu tập bất luận pháp môn nào trong hiện tại đều khó lắm, thật là khó! Trì giới có thể không tạo nghiệp hay chăng? Thời thượng cổ thì được! Đức Thế Tôn đã nói: “Thời kỳ Chánh Pháp, giới luật thành tựu”. Người trì giới tâm địa thanh tịnh sẽ chẳng tạo nghiệp. Nay chúng ta hãy suy nghĩ: Chúng ta trì giới là tạo hay chẳng tạo nghiệp? Thưa quý vị, đại khái là chẳng tạo ác nghiệp, nhưng tạo thiện nghiệp, vẫn là tạo nghiệp! Nói cách khác, tâm quý vị vẫn chưa thanh tịnh, không thoát khỏi lục đạo luân hồi; bất quá quý vị chẳng đọa tam ác đạo, đời sau sẽ hưởng quả báo trong cõi nhân thiên. Đấy chẳng phải là ý Phật! Ý Phật là dạy chúng ta không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới; đấy là niềm kỳ vọng của đức Phật đối với chúng ta. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là vượt thoát mười pháp giới, hạ hạ phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng đã vượt thoát mười pháp giới. Đấy là niềm kỳ vọng của chư Phật đối với chúng ta, chẳng thể không biết. “Kỳ nạn phi nhất” (chẳng phải chỉ là một nạn), câu này nói rất hay, đặc biệt là trong thời đại chúng ta, chúng ta mới hiểu sâu sắc, chướng nạn quá nhiều!

“Đặc thử nhất môn, chí viên cực đốn, nhi thả do kỳ giản dị trực tiệp” (chỉ riêng pháp môn này chí viên, cực đốn, lại còn đơn giản, dễ dàng, thẳng chóng). Pháp môn này tốt đẹp; trong thời đại như vậy, nếu chưa thể khiến cho cả thiên hạ đều thiện, phải làm sao cho [ít nhất] bản thân ta là thiện, đóng cửa niệm Phật tại nhà. Trước đây, tôi từng dạy người ta, người bình thường mỗi ngày kiếm tiền không nhiều lắm. Trong quá khứ, tôi

giảng kinh tại Đài Bắc, người thường xuyên đến nghe kinh, gần như chẳng thiếu buổi nào, có tới mười mấy người lái taxi. Tôi từng nói đùa với bọn họ, nhưng cũng là lời chân thật, tôi nói: Các ông mỗi ngày kiếm tiền, kiếm một ngày, ăn ba ngày hay năm ngày chẳng có vấn đề gì, có thể nghỉ ngơi năm ba ngày. Một ngày kiếm tiền có thể sống đủ năm ba ngày. Tôi nói: Quý vị hãy gắng kiếm tiền một năm, có thể nghỉ ba năm, dùng thời gian ba năm để gắng công niệm Phật. Vì sao? Vấn đề ăn uống đã được giải quyết rồi! Ba năm thành công, sang thế giới Cực Lạc; nếu không thành công, quay về lái taxi tiếp, lái một năm, lại có thể nghỉ ngơi ba năm. "Đặc thử nhất môn, chí viên, cực đốn": Ăn, mặc, đi, ở, càng đơn giản càng hay! Phật, Bồ Tát chẳng phải cầu cạnh ai trong bất cứ phương diện nào! Chẳng có! Trong Tăng đoàn nguyên thủy, Thích Ca Mâu Ni Phật chọn cách sống là khất thực, ăn Ngọ một bữa, ngủ dưới gốc cây. Người Trung Quốc thường nói: "Nhân đáo vô cầu, phẩm tự cao" (người đạt đến mức chẳng cầu mong gì, phẩm hạnh tự cao trỗi). Ngài thật sự vô cầu. Chẳng cầu cạnh thế gian, nói toàn những câu chân thật, chẳng lừa gạt người khác. Đúng là đơn giản, dễ dàng, thẳng chóng! "Tắc xuất thế chi chánh thuyết thiên tại tư kinh, nhất đại sở thuyết quy thử kinh, như chúng thủy quy ư đại hải" (Chánh thuyết xuất thế riêng thuộc trong kinh này. Cả một đời thuyết pháp quy về kinh này, như các dòng nước xuôi về bể cả), câu sau là tỷ dụ. Chánh thuyết xuất thế thuộc riêng trong kinh này, tôi nghĩ câu nói của Thiện Đạo đại sư, chắc là đã căn cứ trên câu kinh văn này để nói. Câu danh ngôn của Thiện Đạo đại sư là: "Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bổn nguyện hải" (sở dĩ chư Phật xuất thế chỉ là để nói biển bổn nguyện của Phật Di Đà). Mười phương ba đời hết thảy chư Phật, dùng thân Phật xuất hiện trong thế gian, nên dùng thân Phật để độ, bèn dùng thân Phật giáo hóa. Hết thảy chư Phật thị hiện thân Phật đến thế gian này để làm gì? Chỉ để nói biển bổn nguyện của Phật Di Đà! Có nghĩa là gì? Nói kinh Vô Lượng Thọ. "Nhất đại sở thuyết quy thử kinh" (Cả một đời thuyết pháp quy về kinh này), trong một đời, suốt bốn mươi chín năm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói hết thảy các kinh nhằm nói lên điều gì? Nói kinh Vô Lượng Thọ, ngàn kinh muôn luận chỗ nào cũng chỉ về. Có người chẳng ưa thích pháp môn này, không hợp khẩu vị! Đức Phật bèn tùy thuận khẩu vị của người ấy mà giảng cho kẻ ấy nghe [pháp môn thích hợp], giảng đến cuối lại quẹo trở về, quay về Vô Lượng Thọ, đấy là phương tiện

thiện xảo của đức Phật. Thật vậy, lời Thiện Đạo đại sư nói chẳng sai, "chỉ để nói biển bổn nguyện của Phật Di Đà ", kinh Hoa Nghiêm nói nhiều ngần ấy, đến cuối cùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Tỷ dụ [trong đoạn này] dễ hiểu, "như chúng thủy" (như các dòng nước), sông ngòi, Trường Giang và Hoàng Hà cuối cùng đều đổ vào biển cả. "Do thử ngôn chi, bách vạn A-tăng-kỳ nhân duyên dĩ khởi Hoa Nghiêm chi điển, nhất đại sự nhân duyên dĩ thành Pháp Hoa chi giáo, diệc duy vi thử pháp chi do tự" (Do vậy, nói: Trăm vạn A-tăng-kỳ nhân duyên phát khởi kinh Hoa Nghiêm, một đại sự nhân duyên để thành kinh Pháp Hoa cũng chỉ là nguồn gốc của pháp này), nói rất hay! Vào đời Đường, các quốc gia Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam đều phái nhiều tăng nhân (người xuất gia) sang Trung Quốc du học. Khi ấy, Thiên Thai Trí Giả đại sư và Thiện Đạo đại sư của Tịnh Tông chúng ta đều là những bậc thầy nổi tiếng. Đối với những nước nhỏ ấy, rất nhiều người sau khi trở về nước đã trở thành tổ sư đại đức, đều là học

trò của Thiện Đạo đại sư hay Trí Giả đại sư. Nay chúng ta sang Nhật Bản, gần như trong mỗi ngôi chùa, quý vị đến viếng Tổ Đường, đều thấy họ tạc tượng thờ Tổ Sư là ngài Thiện Đạo hay Thiên Thai đại sư, ở Trung Quốc không có. Họ còn vẽ hình các Ngài, treo trên xà nhà. Quý vị ngẩng đầu nhìn sẽ thấy tượng vẽ hay tượng đắp [của các Ngài]. Họ vô cùng tôn trọng tổ sư, đặc biệt là Thiện Đạo đại sư đã truyền dạy Tịnh Độ Tông. Chùa miếu Nhật Bản dùng [tên hiệu của] Thiện Đạo đại sư để đặt tên chùa, gần như đến nơi nào quý vị cũng đều thấy Thiện Đạo Tự. Quý vị thấy [tên chùa] là Thiện Đạo Tự, chắc chắn là đạo tràng tu Tịnh Độ. Đối với chuyện này, trong bài tựa của lão cư sĩ Mai Quang Hy, chúng ta đọc thấy: Những vị đại đức Tăng thời Tùy - Đường đã rất nghiêm túc suy tìm trong giáo pháp cả một đời đức Thích Ca Mâu Ni Phật: Trong một đời Ngài, hết thảy các kinh do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào trọng yếu nhất, có thể đại diện cho hết thảy các kinh giáo đã nói trong bốn mươi chín năm? Mọi người cùng suy cử kinh Hoa Nghiêm, xưng tụng kinh Hoa Nghiêm là căn bản pháp luân, hết thảy các kinh giáo khác là quyến thuộc của Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là một cái cây to, nó là căn bản, những kinh khác là cành lá trên cây ấy; nhưng Hoa Nghiêm đến cuối cùng quy vào Tịnh Độ. Do vậy, kinh Vô Lượng Thọ biến thành căn bản của căn bản, cuối cùng, kinh ấy (Hoa Nghiêm) quy vào kinh này (Vô Lượng Thọ), căn bản của căn bản. Vì thế, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, những giáo pháp Đại Thừa đều biến thành gì? Biến thành pháp dẫn khởi của kinh Vô Lượng Thọ. Đối với cách nói này, tôi bội phục năm vóc sát đất, vì sao? Vì sao tôi tin tưởng Tịnh Độ? Do kinh Hoa Nghiêm mà tin tưởng, từ kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm mà tin tưởng. Thầy tôi khuyên tôi nên tin tưởng, tôi bề ngoài vâng lời, nhưng trong lòng chẳng phục. Đương nhiên tôi rất tôn kính thầy, nhưng vẫn ngờ vực

Tịnh Tông. Lúc ấy, tôi có cách nghĩ sai lầm rất lớn, sự hiểu lầm này rất nhiều người vướng phải, ngỡ Tịnh Độ là pháp phương tiện do Thích Ca Mâu Ni Phật dùng để tiếp dẫn những bà già thiếu hiểu biết, chẳng biết pháp môn này rốt ráo là như thế nào, không hiểu! Tôi đã kể với quý vị, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm được phân nửa, [khi đó là] lần giảng thứ nhất, [giảng] lần này là lần thứ hai. Giảng lần đầu tiên cũng giảng không ít năm, mười bảy năm đã giảng được phân nửa. Có một hôm, bỗng nhiên nghĩ: “Rốt cuộc Văn Thù, Phổ Hiền học những gì? Thiện Tài đồng tử là môn sinh đắc ý của Văn Thù Bồ Tát, là pháp tử của Văn Thù Bồ Tát, Ngài tu gì vậy?” Lật đến phần sau của Tứ Thập Hoa Nghiêm, giở đến quyển thứ ba mươi chín, thấy Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, điều này khiến tôi bị rúng động rất lớn. Văn Thù là thầy của bảy vị Phật, Phổ Hiền được tôn xưng là Nguyện Vương, [các Ngài] thật sự tu [Tịnh Độ]! Trong các vị Bồ Tát, hạnh môn triệt để nhất là Phổ Hiền, Ngài đại diện cho hạnh môn. Tôi nẩy sanh lòng tin đối với Tịnh Độ là nhờ Hoa Nghiêm. Ở đây, cụ Hoàng nói: “Hoa Nghiêm, Pháp Hoa lưỡng kinh chỉ thị bổn kinh chi đạo dẫn, bổn kinh giả chánh thị nhất Đại Tạng giáo chi chỉ quy” (Cả hai kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa chỉ là pháp dẫn đường cho kinh này. Kinh này đúng là chỗ chỉ quy của cả Đại Tạng giáo), tức là Hoa Nghiêm và Pháp Hoa nhằm dẫn khởi pháp này, pháp này là Vô Lượng Thọ kinh. Quả thật là tôi đã được [kinh Hoa Nghiêm] hướng dẫn, nên mới thật sự phát tâm học tập [pháp môn Tịnh Độ]. Chúng ta thấy một câu nói của cư sĩ Bành Tế Thanh, trong

sách này cũng được lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trích dẫn rất nhiều; ông Bành nói kinh Vô Lượng Thọ là trung bổn Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm quá dài, tôi giảng lần đầu tiên, giảng được phân nửa, sau khi liễu giải vấn đề bèn buông kinh Hoa Nghiêm xuống, chẳng giảng [Hoa Nghiêm] nữa, mà giảng kinh Vô Lượng Thọ. Tôi giảng mười lần, trước sau tổng cộng giảng từng lần một thành mười lượt, lần này là lần thứ mười một. Kinh này là trung bổn Hoa Nghiêm, chẳng khác gì Hoa Nghiêm. "Hoa Nghiêm kinh mạt, Phổ Hiền đại sĩ thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc, thị kỳ minh chứng" (cuối kinh Hoa Nghiêm, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền đại sĩ dẫn về Cực Lạc là một chứng cớ rõ ràng), chẳng giả tí nào! "Thánh giáo như chiên đàn, phiến phiến giai hương. Pháp pháp viên đốn, bổn vô cao hạ" (thánh giáo như chiên đàn, miếng nào cũng thơm. Pháp nào cũng viên đốn, vốn chẳng cao thấp), là như kinh Kim Cang đã nói: "Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp", đúng vậy, chẳng giả tí nào! Pháp không có cao thấp, nhưng người có cao thấp, do căn tánh của mỗi người khác nhau. Tiếp theo là: "Duy dĩ chúng sanh cấu trọng chướng thâm, tâm thô, trí liệt" (chỉ vì chúng sanh cấu nặng, chướng sâu, tâm thô, trí hèn), đó là có cao thấp. Vì vậy, tổ sư đại đức phán giáo, tuyệt đối chẳng phân chia

theo nội dung kinh, mà phân chia theo căn tánh của con người, căn tánh nào sẽ thích hợp học tập kinh điển nào! Nói thật ra, kinh đâu có Đại Thừa hay Tiểu Thừa, đều là bình đẳng. Do vậy, cổ đức Trung Quốc đã nói: "Viên nhân thuyết giáo, vô giáo bất viên" (người viên mãn bàn về giáo pháp, giáo pháp nào cũng là viên mãn), câu này hay lắm! "Viên nhân" là người khai ngộ, người kiến tánh, dù là giáo pháp Tiểu Thừa giáo cũng nói thành cảnh giới Hoa Nghiêm. Kinh A Di Đà là tiểu bổn, mọi người thường niệm, cũng chẳng cảm thấy hy hữu, lạ lùng chi hết, nhưng bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư đã nâng kinh ấy lên cảnh giới Hoa Nghiêm. Quý vị đọc Sớ Sao, chính là như cổ đức đã nói "viên nhân thuyết giáo, vô giáo bất viên". Liên Trì đại sư dùng "thập môn khai khải" và giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm để giảng giải kinh A Di Đà, đề cao địa vị Tịnh Độ Tông. Vào thời ấy, người ta khinh thường Tịnh Độ, chẳng muốn học pháp môn này, mà thích học Giáo, hay học Thiền. Liên Trì đại sư thấy rất rõ ràng: Quý vị học Giáo chẳng khai ngộ, học Thiền chẳng đắc Thiền Định. Nói cách khác, quý vị đã phí uổng tinh lực và thời gian! Do tâm đại từ bi nên Ngài khuyên quý vị niệm Phật. Quý vị coi thường Tịnh Tông, nên Ngài dùng kinh Hoa Nghiêm để giải thích. Sau khi nghe, nhận thấy [cảnh giới trong kinh Di Đà] chẳng khác cảnh giới Hoa Nghiêm, quý vị mới có thể phát khởi tín tâm, mới có thể quay đầu. Lòng từ bi vô tận! Kế tiếp, Ngẫu Ích đại sư viết Yếu Giải. Yếu Giải không dài, nhưng đúng là danh phù hợp thật, lời chú giải của Ngài đúng là đơn giản, nhưng trọng yếu. Lão pháp sư Ấn Quang tán thán: "Dù A Di Đà Phật tái lai, tự viết chú giải kinh Di Đà, cũng chẳng thể hay hơn được!" Tán thán đến tột bậc! Xưa kia, tôi ở Tân Gia Ba, pháp sư Diễn Bồi là bạn già, có lần Sư mời tôi dùng cơm, có nhắc tới vấn đề này, hỏi tôi: "Lời tán thán ấy của Ấn Quang đại sư có phải là hơi quá lố một chút hay không?" Sư hỏi tôi như vậy. Tôi thưa: "Chẳng quá lố tí nào! Câu nào cũng là lời thật!" Hơn hai mươi năm trước, gần như ba mươi năm, tôi ở Mỹ, có một cư sĩ hỏi tôi, ông ta cũng hết sức hiếu học. Ông ta nói: "Pháp sư Tịnh Không! Nếu chỉ cho phép thầy chọn lựa một bộ trong Đại Tạng Kinh, thầy sẽ chọn bộ nào?" Tôi chẳng do dự mảy may, bảo

ông ta: “Tôi chọn lựa Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư”. Quá hay! Tôi tán thành câu nói Ấn Quang đại sư cả hai tay. Tuy văn tự không nhiều lắm, nhưng có nhiều ý tưởng trong ấy từ trước đến nay các vị tổ sư đại đức chưa hề nói đến, mà Ngài có thể nói ra, nói rõ ràng dường ấy, nói thấu triệt ngần ấy, quả thật hết sức khó có! Trong bản chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ đã trích dẫn [sách Yếu Giải] rất nhiều, chúng ta có thể đọc thấy điều này. Tiếp đó là nêu tỷ dụ: “Cơ ngộ vương thiện, nhi bất năng xan” (đói gặp cỗ vua mà chẳng dám ăn), nói lên điều gì? Đây là nói chúng sanh thiếu

phước. Không chỉ riêng đối với Thích Ca Như Lai, đây là kinh bậc nhất và pháp môn bậc nhất để hết thảy chư Phật ứng hóa trong mười pháp giới, ứng hóa trong lục đạo, phổ độ chúng sanh, nhưng kẻ ấy chẳng tin, chẳng tiếp nhận, nghe không hiểu, đúng là nghe chẳng hiểu, chẳng giả! Tôi hiểu rất rõ đạo lý này, vì sao kẻ ấy nghe không hiểu? Đối với pháp môn này, kẻ ấy hoài nghi, đó là chướng ngại. Kẻ ấy ngạo mạn, xem thường bộ kinh nhỏ này, không thèm quan tâm tới. Thiếu phước báo mà! Đưa cho hắn kinh bậc nhất của chư Phật Như Lai, hắn chưa thể tiếp nhận. Đúng là tám chữ [trong lời nhận định của cụ Hoàng] đã nói rất hay: “Cấu trọng, chướng thâm, tâm thô, trí liệt” (cấu nặng, chướng sâu, tâm thô, trí kém), đúng là giống như gặp được thức ăn của quốc vương mà chẳng dám xơi! “Duy bổn kinh trì danh nhất pháp, nãi dị hành đạo, nhân nhân năng tu” (Chỉ một pháp Trì Danh trong kinh này mới là đạo dễ hành, ai cũng có thể tu được). Nói đến kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ và Tiểu Bổn Di Đà Kinh tương đồng, đề xướng trì danh, không như Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, kinh ấy đề xướng tu Quán, nên còn gọi là Thập Lục Quán Kinh. Trong mười sáu phép Quán, phép cuối cùng, tức phép Quán thứ mười sáu, là trì danh. Trì danh được đặt sau cùng, pháp sau cùng là pháp quan trọng nhất! Quý vị xem biểu diễn văn nghệ hay diễn tuồng, màn hay nhất chắc chắn là “áp trục hý” tức màn diễn xuất cuối cùng. Phật pháp cũng là như vậy, thứ tốt nhất đặt ở cuối cùng. Quý vị xem phần Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm, [hai mươi lăm môn Viên Thông] được xếp theo thứ tự lục căn, lục trần, lục thức, thất đại, xếp theo thứ tự ấy. Theo thứ tự thuận, pháp Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Thế Âm phải thuộc vị trí thứ hai, kết quả là quý vị thấy các pháp ấy chẳng được xếp theo thứ tự thuận, pháp của Quán Thế Âm Bồ Tát được đặt ở cuối cùng, chứng tỏ điều gì? Pháp môn ấy là pháp môn đặc biệt, chẳng phải là pháp môn thông thường. Trên thực tế, đây là hai pháp môn đặc biệt, nhưng rất nhiều người hiểu lầm, chỉ nói tới Nhĩ Căn Viên Thông, phớt lờ pháp Niệm Phật Viên Thông của Đại Thế Chí Bồ Tát. Do Quán Thế Âm Bồ Tát thay đổi vị trí, từ thứ hai chuyển đến cuối cùng, hết sức rõ rệt, quý vị vừa nhìn liền biết ngay, còn Đại Thế Chí Bồ Tát [nếu theo thứ tự thuận] được xếp vào vị trí thứ hai mươi ba, Di Lặc Bồ Tát được xếp vào vị trí hai mươi tư, nhưng lại đổi chỗ đôi chút: Di Lặc Bồ Tát xếp ở vị trí hai mươi ba, Đại Thế Chí Bồ Tát xếp xuống vị trí hai mươi bốn, chỉ thay đổi một vị trí, cho nên rất nhiều người không chú ý. Trong chương Hai Mươi Lăm Viên Thông có hai pháp môn đặc biệt, chẳng phải là một! Hai vị này không được xếp theo thứ tự thuận, nên [pháp môn của hai Ngài] là các pháp môn đặc biệt, đặc biệt trọng yếu! Chúng ta đọc kinh, nghiên cứu giáo pháp, chớ nên không lưu ý những chỗ như vậy. Trì danh mới là đạo dễ hành, người nào cũng có thể tu.

“Đại Thế Chí Viên Thông Chương viết: ‘Tịnh niệm tương kế, tự đắc tâm khai’, tức phàm phu tâm, khai Phật tri kiến” (Chương Đại Thế Chí Viên Thông chép: “Tịnh niệm nối tiếp, tâm tự tâm ngộ”, chính là [dùng ngay cái] tâm phàm phu mà khai tri kiến Phật). Cụ trích dẫn câu này hay lắm, “tịnh niệm tương kế” là công phu, cũng là nhất tâm trì danh; “tự đắc tâm khai” là khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, không cần tới phương pháp nào khác, chỉ là một câu Phật hiệu. “Tức phàm phu tâm, khai Phật tri kiến”, khai Phật tri kiến là đại triệt đại ngộ, là minh tâm kiến tánh, chẳng cần dùng phương pháp nào khác. Qua các đời, chúng ta thấy người niệm Phật trong thời gian ba năm bèn thành công, biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh; chúng ta hãy nghĩ coi những người ấy tâm có tự được khai ngộ hay chăng? Công phu tịnh niệm nối tiếp mà chắc chắn có, tâm sẽ được tự khai. Sau khi tâm đã tự khai, vì sao chẳng giảng kinh, chẳng hoằng pháp? Giảng kinh, hoằng pháp phải có pháp duyên; người ấy thiếu pháp duyên nên ra đi. Người ấy ra đi, có giảng kinh hay không? Có hoằng pháp hay không? Có! Người ấy làm như vậy đã nêu gương tốt nhất cho người đời sau, chẳng dùng ngôn giáo, mà dùng thân để biểu diễn. Trong Phật pháp, chúng tôi giảng kinh, dạy học hơn năm mươi năm, ông Hoàng Trung Xương biểu diễn, trong một thời gian chẳng dài [vẫn có thể vãng sanh], đã nêu ra một ví dụ tốt nhất, chứng minh cho chúng tôi giảng kinh, dạy học, công đức ấy thù thắng lắm! Nếu quý vị không tin, thấy người ta y giáo phụng hành, niệm hai năm mười tháng bèn thành công, [liền vỡ lẽ]: “Là thật! Chẳng giả!” Có bao nhiêu kẻ thiếu lòng tin, do dự, chần chừ, vừa trông thấy [tấm gương của ông Hoàng Trung Xương], lòng tin bèn kiên định! Ông ta thật sự tiếp dẫn đại chúng vãng sanh, mà cũng là tiếp dẫn kẻ hữu duyên. Người ta thấy gương ấy, thật sự phát khởi lòng tin: Nghiêm túc như ông ta, thật sự làm, ai nấy đều thành tựu! “Chí ư căn khí thiển giả, đản năng chí tâm tín nhạo, nguyện sanh bỉ quốc, nãi chí thập niệm, lâm mạng chung thời, mông Phật nhiếp thọ, tiện sanh Cực Lạc, hoa khai kiến Phật, ngộ nhập Vô Sanh. Kỳ diệu tật tiệp, mạc quá ư thị” (Còn như kẻ căn khí cạn cợt, chỉ cần chí tâm tin ưa, nguyện sanh cõi kia, dẫu chỉ mười niệm, lúc mạng sắp hết, được Phật nhiếp thọ, liền sanh về Cực Lạc, hoa nở thấy Phật, ngộ nhập Vô Sanh, kỳ diệu, nhanh chóng, không chi hơn được). Kẻ căn khí nông cạn, tham Thiền chưa thể đắc Định, học Giáo chưa thể đại khai viên giải; chữ “căn khí thiển” chỉ hạng người ấy. Chỉ cần người ấy chí tâm tin tưởng, ưa thích. “Chí tâm” là chân thành đến tột bậc, quyết định chẳng hoài nghi mảy may, tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, tin tưởng kinh Vô Lượng Thọ, tin tưởng kinh A Di Đà, khăng khăng một mực thâm nhập một môn. “Nhạo” () là yêu thích. Không cần nhiều, một quyển sách nhỏ mỏng manh là được rồi! Nguyện sanh về Tịnh Độ, nguyện

này vô cùng trọng yếu. Trong một đời này, khẳng định một phương hướng, một mục tiêu như thế, quyết định phải làm được! Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói rất khéo: Hành nhân, tức là người niệm Phật, có được vãng sanh thế giới Cực Lạc hay không, [điều ấy] được quyết định bởi [hành nhân] có tín nguyện hay không? Chỉ cần quý vị thật sự tin, thật sự nguyện, không ai chẳng vãng sanh! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị cao hay thấp, tùy thuộc công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn. Câu này hay lắm! Công phu cạn là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, vì sao? Chưa niệm

đến nhất tâm bất loạn. Niệm đến Sự nhất tâm bất loạn, sẽ sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Công phu niệm Phật sâu hay cạn, trong ba cõi đều có chín phẩm, [tức là] đều có ba bậc chín phẩm, tùy thuộc công phu cạn hay sâu. Vãng sanh hay không là do có tín nguyện hay không, câu nói này hay quá! Cổ nhân chưa có ai nói vậy, nhưng trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói như thế. Do vậy, trọn đủ Tín, Nguyện, Hạnh. Hạnh là quý vị thật sự niệm. "Nãi chí thập niệm" (dẫu chỉ mười niệm), "mười niệm" là như nguyện thứ mười tám "mười niệm ắt sanh" trong bốn mươi tám nguyện đã nói. Đó là nói khi lâm chung, trong một đời này chưa có duyên gặp gỡ, đến khi lâm chung mới gặp thiện hữu nói cho biết phương pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, khuyên kẻ ấy niệm Phật. Điều kiện là người ấy nghe xong, ngay lập tức tiếp nhận, có thể tin tưởng, phát nguyện, bèn có thể vãng sanh, dẫu trong một đời chưa hề gặp [pháp môn này trước khi lâm chung]! Ở Mỹ, tôi đã được gặp một người. Tại đặc khu Hoa Thịnh Đốn (Washington DC), có một đồng tu cả đời chẳng tín ngưỡng tôn giáo nào, bị ung thư. Ông ta mở tiệm bán bánh mì, con người hết sức tốt lành, thật thà. Khi lâm chung, mắc bệnh ung thư, bệnh viện đã không nhận chữa trị nữa, bảo đã hết cách cứu. Người nhà lãnh về, đến khắp nơi cầu thần, bái Phật, mong có kỳ tích xuất hiện. Chúng tôi ở nơi ấy, có các đồng học học Phật thành lập một hội Phật giáo, có tên là Hoa Phủ Phật Giáo Hội (hội Phật giáo Washington). Có mấy đồng học [thuộc hội ấy] đến thăm ông ta, thấy tình trạng như vậy, bèn khuyên: "Nhân gian rất khổ, đừng cầu lành bệnh, hãy niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc". Đem y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc giảng cho ông ta nghe. Nghe xong, ông ta hết sức hoan hỷ, bảo người nhà chẳng cần chạy chữa cho ông ta nữa, tất cả hãy cùng niệm Phật giúp ông ta cầu sanh Tịnh Độ. Niệm ba ngày, ông ta thật sự vãng sanh. Trước khi lâm chung ba ngày, ông ta mới chuyển biến ý niệm. Hễ niệm Phật, ông ta sẽ không đau. Ông ta vốn bị bệnh ung thư rất đau đớn; [nay do niệm Phật] không đau nữa. Vì thế, ông ta lòng tin tràn trề, niệm ba ngày, ra đi rất thuận lợi. "Mười niệm ắt sanh" là thật, chẳng giả! Khi lâm chung được Phật nhiếp

thọ, Phật đến tiếp dẫn, liền sanh về Cực Lạc, hoa nở kiến Phật, ngộ nhập Vô Sanh. Trong kinh Di Đà, có một câu kinh văn Huyền Trang đại sư và La Thập đại sư phiên dịch hoàn toàn khác nhau. Bản dịch của ngài La Thập có câu "nhất tâm bất loạn"; bản dịch của Huyền Trang đại sư không có câu này, Ngài ghi là "nhất tâm hệ niệm", chẳng phải là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn khó, nhất tâm hệ niệm dễ, chúng ta đều có thể làm được. Có phải là Cưu Ma La Thập đại sư dịch sai hay không? Nói thật ra, La Thập đại sư chẳng dịch sai, mà Huyền Trang đại sư cũng chẳng dịch sai! Nguyên văn là "nhất tâm hệ niệm", chẳng dịch sai! Đó là nguyên văn. La Thập đại sư dịch theo ý, khi lâm chung, [Tịnh nghiệp hành nhân] thật sự nhất tâm bất loạn. Khi lâm chung, công phu thành phiến, chưa đạt đến nhất tâm, nhưng khi Phật đến tiếp dẫn, trước hết, Phật quang chiếu tới quý vị, Phật quang vừa chiếu, khiến cho công phu của quý vị nâng cao gấp bội. Quý vị đã có công phu thành phiến, Ngài vừa chiếu, ngay lập tức trở thành nhất tâm bất loạn, chẳng dịch sai! Đức Phật giúp đỡ chúng ta, bản thân chúng ta chẳng có công phu gì thì không được rồi! Đức Phật chẳng có cách nào giúp đỡ quý vị! Phật giúp quý vị là tương đối, [nghĩa là] quý vị có một phần công lực, Ngài sẽ gia trì quý vị

một phần. Quý vị có mười phần công lực, Ngài sẽ gia trì quý vị mười phần. Chính mình phải thật sự tu. Nếu chính mình chẳng thật sự tu, chỉ cầu Phật gia trì, đó là chuyện không thể thực hiện được! Hai bên phải đối ứng mà! Chính mình nhất định phải nghiêm túc nỗ lực nâng cao [cảnh giới] của chính mình, đến khi lâm chung, hiệu quả gia trì sẽ vô cùng rõ rệt. Vì thế, pháp môn này đúng là kỳ diệu, nhanh chóng; tốc độ nhanh chóng không chi hơn được! "Nhất thiết chúng sanh do thử đắc độ, thập phương Như Lai nãi xứng bổn hoài" (Hết thảy chúng sanh do pháp này đắc độ mới xứng hợp bổn hoài của mười phương Như Lai). Thật vậy! Mười phương Như Lai ứng hóa trong thế gian này chỉ vì một chuyện này: Giúp chúng sanh lìa khổ, được vui, chẳng vì chính mình. Các Ngài đâu có ý niệm lo toan cho bản thân, các Ngài chẳng vì mình, mà vì chúng sanh mà đến [thế gian này]. Chúng sanh khổ sướng bởi đâu? Do mê hay ngộ mà ra. Vì sao quý vị khổ? Vì quý vị tạo nghiệp bất thiện. Cớ sao quý vị tạo nghiệp bất thiện? Do quý vị mê hoặc, nên mới tạo nghiệp, mới cảm lấy ác báo. Bởi lẽ, đức Phật biết: Sướng do đâu mà có? Sướng từ khai ngộ mà có. Sau khi đã ngộ, chắc chắn chẳng tạo ác nghiệp, đó là tiểu ngộ. Khi đại ngộ, thiện lẫn ác đều chẳng tạo, tạo gì? Phật pháp nói là "tịnh nghiệp", tức nghiệp thanh tịnh. Thanh tịnh nghiệp là gì? Vẫn là đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện, đoạn ác, tu thiện, nhưng trong tâm thanh tịnh, chẳng có dấu vết gì, bèn gọi là "tịnh nghiệp"; đấy cũng là thật sự

buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đoạn ác, tu thiện thì gọi là "tịnh nghiệp". Phật dùng phương pháp gì để giúp những chúng sanh khổ nạn và chúng sanh trong lục đạo? Phật dùng giáo học. Vì thế, thuở lão nhân gia tại thế đã nêu gương cho chúng ta: Sau khi khai ngộ bèn bắt đầu dạy học. Ba mươi tuổi khai ngộ, bảy mươi chín tuổi viên tịch, suốt bốn mươi chín năm chẳng bỏ sót ngày nào, hằng ngày dạy dỗ. Phật môn đệ tử chúng ta bất luận tại gia hay xuất gia, nhất định phải ghi nhớ: Đức Phật xuất hiện trong thế gian này để làm gì? Dùng phương pháp gì? Chúng ta phải học tập điều ấy. Phật giáo truyền đến Trung Quốc là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo, quý vị chớ nên không biết điều này! Đạo tràng Phật giáo là cơ sở, thời cổ gọi là Tự. Tự có nghĩa là gì? Vì sao gọi là Tự? "Tự" () là cơ quan làm việc của chính phủ, trực tiếp thuộc quyền cai quản của hoàng đế. Nếu quý vị đến Bắc Kinh, đến thăm Cố Cung55, trong Cố Cung có chín Tự56. Một đơn vị bầy tôi của hoàng đế được gọi là Tự. Tự, có nghĩa là vĩnh viễn thiết lập, chẳng thể phế trừ! Do vậy, Tự được thành lập từ đời Hán cho mãi đến đời Thanh cũng không thay đổi. Triều đại thay đổi theo mỗi đời, chỉ riêng chín Tự không thay đổi danh xưng. Phật giáo truyền đến Trung Quốc cũng được gọi là Tự, vì thế, dưới hoàng đế có mười Tự, tức là vốn đã có chín tự, thêm vào cơ cấu này (nhà chùa) thành mười Tự. Tự này (nhà chùa Phật giáo) làm chuyện gì? Lo dạy học. Giáo dục Trung Quốc biến thành hai cơ cấu: Bản thân nhà vua nắm giữ một cơ cấu, giáo dục của Phật Đà do chính nhà vua nắm giữ, nên được phổ cập rất nhanh, phổ cập toàn quốc, vì mọi người tôn kính hoàng thượng. Cơ cấu kia là giáo dục Nho gia do Tể Tướng nắm giữ, nó có một bộ riêng, gọi là bộ Lễ. Bộ Lễ là bộ giáo dục. Tể Tướng cai quản bộ giáo dục, hoàng thượng tự mình nắm giữ nhà chùa, tức bộ giáo dục của Phật Đà. Hai nền giáo dục tồn tại song song ở Trung Quốc, Phật giáo chẳng phải là tôn giáo. Hiện thời, Phật giáo biến thành tôn giáo, tứ chúng đệ tử chúng ta bất xứng với Thích Ca Mâu Ni Phật, vì sao trở

thành nông nỗi này? Chúng ta thấy chùa chiền thời cổ, mỗi ngày làm chuyện gì? Giảng kinh, dạy học, giống như một ngôi trường. Điện đường là phòng học, Hòa Thượng Thủ Tọa phân tòa giảng kinh, giống như trong nhà trường hiện thời, lớp học khác nhau. Giảng đường này giảng Hoa Nghiêm, giảng đường kia giảng Vô Lượng Thọ, giảng đường nọ giảng Bát Nhã; họ có thầy, mỗi ngày lên lớp. Chẳng cho phép học trò lớp nào cũng đều học, chẳng phải vậy! Học trò chỉ có thể chuyên dồn công sức nơi một môn; quý vị học lớp của thầy nào, bèn đến giảng đường ấy. Một môn thâm nhập, chẳng phải là bảo quý vị môn gì cũng đều học, chẳng phải vậy! Thầy cũng chuyên dạy một môn, trò cũng

chuyên học một môn. Học còn chưa xong một môn, chẳng thể học môn thứ hai. Quý vị có thể học rất nhiều môn, nhưng chẳng phải là học cùng một lúc. Học từng môn một thì được phép. Vì thế, nhà chùa là cơ cấu giáo dục. Nhất là đến thời đại Tùy - Đường, mười tông phái của Trung Quốc hình thành, đề xướng chế độ tùng lâm, đó chính là mở rộng quy mô, chính thức biến [nhà chùa] thành Đại Học. Chủ tịch tùng lâm là Phương Trượng, Trụ Trì, Hiệu Trưởng. Quý vị thấy các vị chấp sự (đảm đương trách nhiệm) dưới vị ấy: Thủ Tọa là giáo vụ, Duy Na là huấn đạo, trông nom việc giáo huấn, uốn nắn, Giám Viện trông nom tổng vụ (quản lý mọi sự vụ chung), hoàn toàn giống cách phân công trong trường Đại Học hiện thời. Trong Đại Học hiện thời, quý vị thấy Giáo Vụ Trưởng (Provost), Huấn Đạo Trưởng (Proctor), Tổng Vụ Trưởng (Dean of General Affairs), danh xưng khác nhau, nhưng công việc hoàn toàn tương đồng. Vì thế, Phật giáo truyền đến Trung Quốc đã biến hóa mang tánh chất cách mạng, được tổ chức theo quy củ chính thức, mang hình thức một trường học chính quy. Phật giáo vào thời đức Thế Tôn và vào thời mới truyền sang Trung Quốc mang tánh chất trường tư, giống như tư thục giáo dục, chưa được “chế độ hóa” (Institutionalized). Chế độ hóa là điểm đặc sắc trong Phật giáo Trung Quốc. Khi tôi mới học Phật, thầy tôi đã nói chuyện này rất nhiều lần, đương nhiên là đặt hy vọng nơi tôi, nhưng tôi không có đại phước báo như thế. Thầy đã bảo tôi rất nhiều lần: “Muốn cho Phật giáo hưng vượng trở lại, nhất định phải khôi phục chế độ tùng lâm”. Nếu nói theo cách bây giờ, nhất định phải lập Đại Học Phật giáo thì Phật pháp mới có thể hưng vượng. Chuyện này chúng ta chỉ đành trông chờ quốc gia, cá nhân chẳng có năng lực ấy, nói theo Phật pháp là chẳng có đại phước báo dường ấy! Vì thế, đức Thế Tôn đem đại sự Phật pháp hưng vượng hay suy vi phó thác cho quốc vương, đại thần, để họ hộ trì. Trong quá khứ, tại Trung Quốc, lịch đại đế vương đều hộ trì Phật pháp, đặc biệt là nhà Thanh là dân tộc thiểu số vào làm chủ Trung Quốc, thống trị một quốc gia to như thế, họ dùng phương pháp gì? Dùng giáo dục. “Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên” (xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, lấy giáo dục làm đầu). Họ dùng giáo dục của Nho, Thích, Đạo, giữ vững nền cai trị tới hai trăm sáu mươi năm, giữ ổn định trong một thời gian dài. Cuối cùng, đúng là [thành quả ấy] bị hủy mất bởi chính Từ Hy Thái Hậu. Từ Hy Thái Hậu nắm quyền, bèn phế trừ sự giảng học. Trong quá khứ, trong cung đình luôn lễ thỉnh những vị cao tăng đại đức Nho, Thích, Đạo vào dạy học trong cung đình, hoàng thượng dẫn văn võ bá quan nghe giảng, những ý nghĩa được giảng đều [được thâu thập] trong Tứ Khố Toàn Thư. Tôi đọc Tứ Khố Toàn Thư, thích xem những thứ như Luận Ngữ, Mạnh Tử, [để tìm hiểu] cách

giảng nghĩa tại cung đình trong quá khứ là như thế nào? Những nghĩa lý đã giảng giải đều được thâu thập

trong bộ Tứ Khố, bản ấy là bản tiêu chuẩn. Họ thật sự làm, không giống như hiện thời, hiện tại không làm! Đến thời Từ Hy, không làm như vậy nữa. Từ Hy chuộng quỷ thần, thích cầu cơ, gặp chuyện gì chính mình chẳng thể giải quyết, bèn chẳng hỏi han ai khác, mà thưa hỏi trong đàn cầu cơ, cho nên bà ta làm mất nước! Chương Gia đại sư kể cho tôi nghe chuyện này. Chương Gia đời trước là quốc sư của nhà Thanh57. Do vậy, Phật giáo bị biến thành tôn giáo, giáo dục của Phật Đà chẳng còn nữa, chúng ta phạm lỗi với Thích Ca Mâu Ni Phật ở chỗ này! Chẳng liễu giải thì thôi, chẳng cần phải nhắc tới, nhưng thật sự liễu giải, nhận biết rồi, chúng ta nhất định phải đi theo con đường của Thích Ca Mâu Ni Phật. Bản thân tôi tiếp nhận sự giáo huấn của Chương Gia đại sư, Ngài khuyên tôi xuất gia, lại còn dặn tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Tôi hiểu ý lão nhân gia, chẳng cô phụ thầy, suốt đời chúng tôi đi theo con đường này. Đi theo con đường này rất nhọc nhằn, nhưng đáng công lắm! Mong các đồng học chúng ta đều có thể giác ngộ, thật sự phát tâm dạy học, bất luận là tại gia hay xuất gia đều có thể [làm công tác giáo hóa]. Thuở đức Thế Tôn tại thế, cư sĩ tại gia Duy Ma Cật (Vimalakīrti) giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, giảng kinh, dạy học mỗi ngày. Thời đầu Dân Quốc, tiên sinh Âu Dương Cánh Vô là một vị đại đức trong Phật môn đã thành lập Chi Na Nội Học Viện, thâu nhận hàng xuất gia lẫn tại gia, tổ chức rất thành công; nhưng vì tình hình chiến tranh, hoạt động được hai năm rồi phải đóng cửa học viện. Ông ta nói rất hay: “Phật môn là sư đạo”. Sư đạo có nghĩa là thầy là lớn nhất, tôn sư, trọng đạo! Chúng ta thấy trong kinh Duy Ma, đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật là Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, nghe cư sĩ Duy Ma giảng kinh, lễ tiết hoàn toàn giống như [lễ tiết dành cho] Thích Ca Mâu Ni Phật. Cư sĩ Duy Ma là kẻ tại gia, khi lên tòa giảng kinh, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đảnh lễ cư sĩ ba lạy, nhiễu quanh ba vòng. Đó là tôn sư trọng đạo, Ngài là thầy mà! Tuy quý vị xuất gia, là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị vẫn là học trò, vẫn chưa đạt tới địa vị như Ngài (Duy Ma Cật). Vì vậy, nói theo Phật pháp, hai vị Phật đồng thời xuất hiện trong thế gian thuở ấy, một vị là xuất gia Phật, vị kia là tại gia Phật, hai vị Phật, quyết định chẳng thể khinh mạn! Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp, nhất định phải tôn trọng đôi bên; chẳng thể nói vừa xuất gia bèn ngạo nghễ, ngã mạn, coi thường người khác. Trong giới cư sĩ, thật sự có những bậc đại đức, tu hành rất tốt đẹp, thậm chí có người khai ngộ, làm sao quý vị có thể khinh mạn họ được? Nhất định phải hiểu điều này! Bất luận tại gia hay xuất gia, nếu thật sự học Phật, phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật khiêm hư, cung kính hết thảy chúng sanh, phải nêu gương thật sự đoạn trừ tham, sân, si, mạn. Kẻ còn có ngạo mạn thì như thế nào? Quý vị là phàm phu! Bởi lẽ, mười phương Như Lai xuất hiện trên cõi đời chẳng có chi khác, [chỉ là]

mong giúp cho hết thảy chúng sanh sớm có ngày thành Phật, sớm có ngày rời khỏi lục đạo, rời khỏi mười pháp giới, đấy là tâm nguyện của Phật. Kế đó là: “Hựu bổn kinh sở tuyên, nãi Như Lai chân thật thuần nhất chi pháp, vô hữu quyền khúc, cố danh chánh thuyết” (Kinh này lại tuyên dương pháp chân thật thuần nhất của Như Lai, chẳng quyền biến, cong quẹo, nên gọi là Chánh Thuyết). Mấy câu này hết sức quan trọng, vì

trong hết thảy kinh giáo, đức Thế Tôn khai thị quả thật có nói phương tiện, có khi nói uyển chuyển, tùy thuận, [những cách nói như vậy] rất nhiều, hết sức phổ biến, vì sao? Chúng sanh căn tánh khác nhau. Do vậy, giáo học trong Phật môn thường được gọi là "đại giảng đường" hay "đại giảng tòa". "Đại" có nghĩa là gì? Căn tánh của thính chúng hoàn toàn khác nhau, có kẻ không biết chữ, có người trình độ Tiểu Học, cũng có người học lớp Tiến Sĩ, mỗi cá nhân nghe giảng đều hoan hỷ, mỗi người nghe đều được lợi ích, đấy chẳng phải là chuyện dễ! Không giống như lên lớp trong trường học, học trò có trình độ ngang nhau, dễ giảng, ở đây là hoàn toàn khác nhau, "Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp" (Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp), hết thảy chúng sanh không chỉ nghe hiểu, mà còn đều được thụ dụng. Đó gọi là "đại giảng tòa"; những vị giáo thụ58 hay giáo sư bình thường sẽ chẳng thể làm được. Do vậy, giảng đường trong Phật môn người đến chẳng cự tuyệt, người đi không giữ lại. Quý vị thông đạt quyền biến, hễ giảng sâu, phải quan tâm đến những kẻ trình độ nông cạn, xét coi họ có hiểu hay không? Nếu giảng nông cạn, cũng phải quan tâm đến những kẻ có trình độ cao; phương diện nào cũng phải xét đến. Vì thế, đức Phật có Thật và có Quyền, có thẳng, và có cong (nói phương tiện, vòng vo để từ từ hướng dẫn đến mục tiêu), dùng phương pháp dạy học thiên biến vạn hóa, có thể thích hợp các loại căn khí khác biệt. Nhưng kinh này không như vậy, nói thẳng thừng, thỏa đáng, chẳng nói phương tiện, chẳng nói loanh quanh, câu nào cũng giảng pháp chân thật, trực tiếp hướng dẫn quý vị trở về tự tánh. Quý vị phải biết: Vãng sanh Cực Lạc là trở về tự tánh. Trở về tự tánh là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, phương pháp hết sức đơn giản, ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng, đạt đến rốt ráo viên mãn. "Hựu nãi Thế Tôn xứng kỳ bổn tánh, hòa bàn thác xuất, hào vô bảo lưu, cố danh xứng tánh" (Lại nữa, Thế Tôn xứng hợp bổn tánh trao bày hết cả ra, chẳng có chút mảy may giấu diếm, nên gọi là Xứng Tánh). Mấy câu này nói rất hay, kinh Vô Lượng Thọ từ bản tánh của Thích Ca Như Lai tự nhiên lưu lộ, lại còn là viên mãn lưu lộ. Giống chúng ta tặng quà, dọn hết cả mâm ra, chẳng giữ lại mảy may nào, tuyên dương toàn bộ tự tánh. Những kinh điển đàm luận xứng tánh như vậy, giãi bày trọn hết như thế không nhiều lắm! Vì thế, kinh này cực viên, cực đốn, nên gọi là xứng tánh. "Nhất thiết hàm linh giai nhân thử nhi đắc độ thoát, nãi xứng tánh trung đăng

phong tạo cực chi đàm, cố vi Xứng Tánh Cực Đàm" (Hết thảy hàm linh đều do đây mà được độ thoát, thật là bàn luận xứng tánh đến cùng tột, nên gọi là Xứng Tánh Cực Đàm). "Cực" () là đạt tới đỉnh điểm. Bởi lẽ, kinh Vô Lượng Thọ là chỗ quy túc cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm đàm luận xứng tánh, nhưng so với kinh Vô Lượng Thọ thì kinh Vô Lượng Thọ là "xứng tánh cực đàm", đăng phong tạo cực (đạt tới tột đỉnh). Đây cũng là nói rõ: Kinh Hoa Nghiêm bước vào Tịnh Độ mới thật sự viên mãn. Nếu chẳng do mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, kinh Hoa Nghiêm chẳng viên mãn. Vì sao? Hoa Nghiêm chỉ có thể độ bậc thượng thượng căn, đối với căn tánh thượng trung hạ sẽ chẳng khế cơ. Hễ dẫn về Cực Lạc, từ thượng thượng căn cho đến thượng trung hạ toàn bộ đều độ được, Hoa Nghiêm bèn viên mãn! Thượng trung hạ căn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn bộ đều biến thành thượng thượng căn, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta học pháp môn Tịnh Độ chớ nên không biết điều này! Quý

vị biết những đạo lý và chân tướng sự thật này, mới có thể chết sạch so đo, khăng khăng tu một môn này, chắc chắn thành tựu trong một đời này. Đối với thế giới này, đối với thiên đường, hay đối với mười pháp giới, chẳng còn có ý niệm tham luyến nữa! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

---o0o---

Tập 12

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang mười hai, dòng thứ nhất. "Ất, tam căn phổ bị, thánh phàm tề thâu" (tiểu đoạn thứ hai là thích hợp khắp ba căn, thâu gồm thánh lẫn phàm). Chúng ta xem đoạn này, đây là đoạn thứ hai của phần Giáo Khởi Nhân Duyên. "Phù chúng sanh căn khí thiên sai vạn biệt, Thế Tôn cố thuyết bát vạn tứ thiên pháp môn quảng ứng quần cơ" (Chúng sanh căn khí ngàn muôn sai khác; do vậy, đức Thế Tôn nói tám vạn bốn ngàn pháp môn để thích ứng rộng rãi các căn cơ). Vừa mở đầu đã bảo chúng ta: Đức Phật thuyết pháp chẳng lìa Nhị Đế: Chân Đế là cảnh giới đức Phật đích thân chứng đắc, Tục Đế là do căn tánh của chúng sanh trong mười pháp giới khác nhau. Do vậy, Chân Đế là Nhất Phật thừa, Tục Đế có tám vạn bốn ngàn pháp môn. "Tám vạn bốn ngàn" cũng chẳng phải là một con số cố định, mà để hình dung rất nhiều, vô lượng vô biên pháp môn nhằm thích ứng các thứ căn cơ sai khác trong thế gian. "Hoa Nghiêm Viên Giáo, chuyên tiếp thượng thượng căn

nhân" (Hoa Nghiêm là Viên Giáo, chuyên tiếp độ bậc thượng thượng căn): Bộ kinh Hoa Nghiêm giảng thật nhiều, thích ứng với căn cơ của chúng sanh, chứ không phải là chẳng hề thích ứng. Tuy ứng theo căn cơ để thuyết pháp, nhưng [kinh ấy] vẫn quy về tự tánh y như cũ. Vì thế, đối tượng giáo học của kinh ấy là bậc thượng thượng căn. Chúng ta cũng biết bộ kinh ấy do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng đầu tiên sau khi kiến tánh, giảng trong Định; vì thế, người Tiểu Thừa chẳng thừa nhận. Người Tiểu Thừa chỉ thừa nhận Tứ A Hàm59 giảng ở Lộc Dã Uyển (Mrigadava, Sārnātha), chứ [đức Phật giảng trong] Định đâu có ai thấy! Trong Định giảng cho ai? Cho bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, các vị ấy là thính chúng, cũng là từ Sơ Trụ trở lên như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói: Thập Trụ Bồ Tát, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, giảng cho bốn mươi mốt địa vị, họ đều là Phật, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Do vậy, đức Thế Tôn và chư Phật Như Lai đã nêu ra báo cáo. Giống như vào đời Đường, Lục Tổ Huệ Năng sau khi khai ngộ, đã hướng về hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn thưa bày, Ngài thưa trình rất đơn giản, chỉ có năm câu, còn Thích Ca Mâu Ni Phật báo cáo rất tỉ mỉ, nhưng cảnh giới hoàn toàn bình đẳng, chẳng có cao thấp. Cảnh giới khai ngộ của Thích Ca và cảnh giới khai ngộ của Lục Tổ như nhau, sau khi khai ngộ, thật sự thích ứng rộng rãi mọi căn cơ, nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy. Phật Thích Ca ở Ấn Độ, căn tánh nơi ấy là căn tánh Phật, cho nên phải dùng thân Phật hòng [làm cho kẻ hữu duyên] đắc độ, Thích Ca Mâu Ni Phật bèn hiện thân Phật. Huệ Năng đại sư tại Trung Quốc, đối tượng thuyết pháp tại Trung Quốc thuở ấy là tỳ-kheo, đáng nên dùng thân tỳ-kheo để độ, liền hiện thân tỳ-kheo mà thuyết pháp. Nói theo ba mươi hai ứng thân60 của Quán Thế Âm Bồ Tát, bất luận hiện thân gì cũng đều bình đẳng. Ngài là một

vị Phật thật sự, chẳng phải là Phật giả. Đối tượng tiếp dẫn [của Lục Tổ] là bậc thượng thượng căn, [thính chúng nếu] chẳng phải là bậc thượng thượng căn sẽ chẳng có phần. Từ Đàn Kinh chúng ta thấy: Huệ Năng đại sư trong một đời độ được bao nhiêu người? Bốn mươi ba người. Cũng có nghĩa là trong hội của Ngài, bốn mươi ba người đại triệt đại ngộ, có cảnh giới bình đẳng với Ngài. Đây là chuyện không tiền tuyệt hậu trong lịch sử Trung Quốc, trước Lục Tổ không có tình huống hưng thịnh như thế, mà sau Lục Tổ cũng chẳng thấy tình huống hưng thịnh ấy. Từ nay về sau, pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật hãy còn chín ngàn năm nữa, có chuyện như vậy trong thời kỳ Mạt Pháp hay không? Không có! Trước kia, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi: Từ nay về sau, trong Thiền Tông chẳng còn bậc đại triệt đại ngộ, không còn có người căn tánh như thế! Trong Mật Tông, "tam mật tương ứng, tức thân thành Phật" cũng không có, chỉ có niệm Phật vãng sanh, thân cận A Di Đà Phật là hạng người đắc độ. Chỉ có pháp môn này thích hợp khắp ba căn, gồm thâu phàm lẫn thánh, mãi cho đến

khi Phật pháp trong thế gian này bị tiêu diệt, cũng có nghĩa là nói [cho tới] khi pháp vận một vạn hai ngàn năm của đức Thế Tôn chấm dứt, pháp môn này luôn luôn hữu hiệu. Nói cách khác, từ nay về sau, chúng ta có thể đắc độ chỉ do một môn này; trừ một môn này ra, đúng là khó lắm, thật sự chẳng dễ dàng! Trong hội Hoa Nghiêm, "trí huệ như Xá Lợi Phất, thần thông như Mục Kiền Liên, ư Phật Thanh Văn đệ tử trung quân xưng đệ nhất" (trí huệ như Xá Lợi Phất, thần thông như Mục Kiền Liên, trong các đệ tử Thanh Văn của đức Phật, các Ngài đều được gọi là bậc nhất). Ngài Xá Lợi Phất là trí huệ đệ nhất, ngài Mục Kiền Liên là thần thông đệ nhất. "Đản tại Hoa Nghiêm hội thượng, như manh, như lung, huống thị hạ ư thử giả, cố vân hạ căn tuyệt phần" (nhưng trong hội Hoa Nghiêm, các Ngài đều như mù, như điếc, huống hồ những kẻ kém hơn các Ngài. Vì thế, nói: "Kẻ hạ căn trọn chẳng có phần"). Như hai vị này, trí huệ, thần thông đều là đệ nhất, nhưng trong hội Hoa Nghiêm, các Ngài nghe không hiểu, mà cũng chẳng thấy. Phàm là người tham gia pháp hội Hoa Nghiêm, từ kinh điển chúng ta thấy, ngoài hàng Bồ Tát ra, có Thanh Văn hay không? Có chứ! Cũng có Duyên Giác, còn có thiên thần, thậm chí còn có nhiều vị thần trong thế gian này đều tham gia. Họ là lục đạo phàm phu, vì sao có thể tham gia? Ở đây, kinh đã ban cho chúng ta một khải thị rất lớn, nói rõ nơi này (thế giới Sa Bà) là cõi Phàm Thánh Đồng Cư; có nhiều phàm phu trên thực tế là Pháp Thân đại sĩ ứng hóa trong lục đạo, chẳng phải là phàm phu thật sự. Thần cây, thần núi, thần sông, địa thần, địa thần là thổ địa thần, cũng hiện diện trong hội Hoa Nghiêm, đó là gì? Những vị thần ấy toàn là Pháp Thân đại sĩ, Pháp Thân Bồ Tát, là bậc thượng thượng căn thị hiện trong ấy. Do vậy, có thể biết: Chúng sanh càng có khổ nạn, chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này càng nhiều, nhưng lũ phàm phu mắt thịt chúng ta chẳng nhận biết! Nếu trong nhân gian không có Phật, Bồ Tát nhiều như thế, đại địa đã sớm chìm lỉm mất rồi. Chúng ta nương nhờ phước của các Ngài, các Ngài đang âm thầm giúp đỡ chúng ta, nhưng chúng ta không biết. Nếu chúng ta có thể hồi tâm hướng thiện, y giáo phụng hành, không chỉ chính mình đắc độ, mà còn có thể giúp đỡ địa cầu, và cũng có thể giúp hóa giải tai nạn trong xã hội này. Tuy chưa thể hóa giải hoàn toàn, nhưng tai nạn giảm khinh, rút ngắn thời gian [tai nạn], khẳng định sẽ có thể thu được hiệu quả. Sau khi chúng ta thâm nhập kinh tạng, quý vị sẽ thấy rõ

ràng, minh bạch chuyện này. Ở đây, cụ Niệm Tổ cho chúng ta biết: Nếu chẳng giống như Mục Kiền Liên hay Xá Lợi Phất, đương nhiên trọn chẳng có phần nơi pháp môn [Hoa Nghiêm] này. “Chí ư Tiểu Thỉ chư giáo, nãi tiếp quyền tiểu chi cơ” (Còn như các giáo pháp Tiểu Giáo và Thỉ Giáo nhằm tiếp dẫn căn cơ quyền tiểu). Tiểu, Thỉ, Chung, Đốn, Viên là Hoa Nghiêm ngũ giáo. So với cách tổ chức nhà

trường thì Tiểu Giáo như Tiểu Học, Thỉ Giáo là Trung Học. Tiểu Giáo thật sự là Tiểu Thừa, Thỉ Giáo là khởi đầu của Đại Thừa, Chung Giáo là Đại Thừa viên mãn. Trong đây cũng có rất nhiều tầng lớp: Năm mươi mốt tầng cấp Bồ Tát. Chung Giáo là kết cục của Đại Thừa, là tầng cao nhất. Cao hơn nữa là căn tánh đặc biệt, chẳng phải căn tánh bình thường, mà là đốn căn hay viên căn. Tiểu, Thỉ, Chung là [các giáo pháp theo đường lối] thông thường; chúng ta nói là “thượng, trung, hạ ba thừa”. Vì thế, các giáo pháp Tiểu Giáo và Thỉ Giáo nhằm tiếp dẫn các căn cơ quyền tiểu. “Đối ư thượng căn, tắc hữu giáo thiển cơ thâm chi thất, diệc bất ứng cơ” (đối với thượng căn, sẽ phạm lỗi giáo pháp nông cạn mà căn cơ sâu xa, cũng chẳng phù hợp căn cơ): So với thượng căn, Tiểu Giáo và Thỉ Giáo quá nông cạn, căn khí của bậc thượng thượng căn quả thật là căn sâu, tâm lớn, lượng lớn; vì thế, [Tiểu Giáo và Thỉ Giáo] cũng không ứng hợp căn cơ. Đấy là nói về kinh Hoa Nghiêm. “Duy bổn kinh chi trì danh niệm Phật pháp môn, thánh phàm tề thâu, lợi độn tất bị” (chỉ có pháp môn trì danh Niệm Phật trong kinh này gồm thâu thánh lẫn phàm, lợi căn lẫn độn căn đều thích hợp). Đó là so sánh giữa kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ dùng phương pháp trì danh niệm Phật, dễ hơn! Kinh Hoa Nghiêm tu gì? Tu Chỉ Quán. Trước đây, chúng ta từng học Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, cách tu trong ấy như thế nào? Ngũ Chỉ Lục Quán61, Tiểu Giáo và Thỉ Giáo chẳng thể tiếp nhận! Nói cách khác, những pháp đó dành cho người thượng thượng căn học. Họ học Hoa Nghiêm mới thụ dụng được. Chẳng phải là người có căn tánh như vậy mà học kinh Hoa Nghiêm thì chỉ là học văn tự, không thể thụ dụng. Học kinh Hoa Nghiêm mà thật sự thụ dụng, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng thuộc vào cõi Phàm Thánh, cũng chẳng thuộc cõi Hữu Dư, trực tiếp sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, khác hẳn! Đối với phương pháp trì danh niệm Phật, bậc thánh nhân như Văn Thù, Phổ Hiền là thánh nhân, Quán Âm, Thế Chí là thánh nhân, đại thánh; phàm phu như bà già, ông lão chẳng biết chữ, nhưng tin tưởng, thật sự hành, khi lâm chung cũng có thể vãng sanh, [đó là] gồm thâu cả thánh lẫn phàm. “Lợi căn” là thượng thượng căn, “độn căn” là trung hạ căn; [đối với căn cơ nào], pháp môn này cũng đều thích hợp. Vì thế, trong chín ngàn năm của thời Mạt Pháp, hết thảy chúng sanh đắc độ phải trông cậy vào bộ kinh này, nương theo pháp môn này. Thật sự chết sạch so đo, khăng khăng tu pháp môn này, không một ai chẳng thành tựu, Thiện Đạo đại sư bảo: “Vạn người tu, vạn người về”. “Triệt thượng” là nêu ví dụ để nói thì trên là “tắc như Phổ Hiền, Văn Thù” (như Phổ Hiền, Văn Thù), đây là hai vị đại Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm. Phông nền sau lưng chúng tôi là hình Hoa Nghiêm Tam Thánh,

chính giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, hai bên là Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát. Các đồng học học Phật đều biết: Văn Thù trí huệ đệ nhất trong hàng Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát là vị tu hành đệ nhất giữa các Bồ Tát. Một vị là giải môn đệ nhất, một vị là hạnh môn đệ

nhất. Nếu nói theo cách hiện thời, Phổ Hiền Bồ Tát thật sự làm, làm thật sự triệt để, thật sự viên mãn. Vì thế, hễ nói tới tu hành, hết thảy các vị Bồ Tát đều tôn Phổ Hiền đứng đầu, không ai chẳng tán thán. Hai vị này "thượng phát nguyện cầu sanh Cực Lạc" (còn phát nguyện cầu sanh Cực Lạc); ở đây, sách đã dẫn bài kệ phát nguyện của các Ngài. Trong quyển thứ ba mươi chín của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, "Phổ Hiền kệ vân: Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời, tận trừ nhất thiết chư chướng ngại, diện kiến bỉ Phật A Di Đà, tức đắc vãng sanh An Lạc sát" (ngài Phổ Hiền có bài kệ rằng: "Nguyện khi tôi sắp mạng chung, trừ sạch hết thảy các chướng ngại, gặp mặt đức Phật A Di Đà, liền được vãng sanh cõi An Lạc"). "An Lạc sát" là Tây Phương Tịnh Độ. Bài kệ của ngài Văn Thù có ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Bài kệ do Văn Thù Bồ Tát nói [mỗi câu] gồm năm chữ: "Nguyện ngã mạng chung thời, diệt trừ chư chướng ngại, diện kiến A Di Đà, vãng sanh An Lạc sát" (Nguyện khi tôi mạng chung, diệt trừ các chướng ngại, gặp mặt A Di Đà, vãng sanh cõi An Lạc). Trong phần trước, tôi đã từng thưa bày cùng quý vị, tôi tiếp nhận pháp môn Tịnh Độ, chết sạch so đo, một mực niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ là do đọc hai bài kệ này! Chuyện này đã xưa lắm rồi. Thuở trước, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, có lúc nọ, nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Bèn tra duyệt kinh về chuyện này, mới biết Văn Thù và Phổ Hiền niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thiện Tài là môn sinh đắc ý, là đệ tử truyền pháp của Văn Thù, làm sao có thể khác thầy cho được? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Xem kỹ năm mươi ba lần tham học, khi ấy năm mươi ba lần tham học đã giảng được phân nửa, một mực giảng theo kiểu nuốt trộng quả táo, người ta hỏi tôi Thiện Tài đồng tử học gì, tôi đáp không được. Tôi nghĩ dường như môn nào Ngài cũng đều học. Ngài là một bậc đại thông gia, học rộng nghe nhiều, thật ra, chẳng phải vậy! Quay trở lại, đọc cẩn thận lần nữa, [mới biết] Thiện Tài đồng tử tu trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, giống như thầy Ngài. Nói như bây giờ, Ngài đã tốt nghiệp từ giảng tòa của thầy, tốt nghiệp là gì? Đắc Căn Bản Trí sẽ gọi là tốt nghiệp. Căn Bản Trí là gì? Thiền Tông gọi nó là "đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh". Khi ấy, địa vị của Ngài là Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo [như trong] kinh Hoa Nghiêm [đã dạy], Ngài chứng đến địa vị này. Thầy nói: "Được rồi, ngươi chẳng cần phải trụ tại đây nữa, hãy đi ra ngoài tham học". Cũng có nghĩa là trong hội Văn Thù, Ngài đã làm được chuyện này. Hai nguyện đầu trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện: "Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ" là đại Bồ Đề tâm,

Ngài đã phát, đó là Đại Thừa, đã phát đại Bồ Đề tâm. "Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn", Ngài đã đoạn, đoạn hết Kiến Tư phiền não, đã đoạn Trần Sa phiền não, đã đoạn Vô Minh phiền não, đã thực hiện viên mãn hai điều này. Sau khi viên mãn, bèn làm như thế nào? Nguyện thứ ba: "Pháp môn vô lượng thệ nguyện học". Năm mươi ba lần tham học chính là "pháp môn vô lượng thệ nguyện học". Bản thân Ngài học pháp môn gì? Chính Ngài học Tịnh Độ. Thông tin này do đâu mà có? Nhìn vào năm mươi ba lần tham học của Ngài, quý vị thấy vị thiện tri thức thứ nhất là Sơ Trụ Bồ Tát. Nếu chính Ngài chưa chứng đắc Sơ Trụ, sẽ chẳng thể tham học với bậc Sơ Trụ. Thầy Ngài giới thiệu: "Ngươi hãy đến tham học với tỳ-kheo Cát Tường Vân, ngươi hướng về Ngài thỉnh giáo". Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu Ban Châu tam-muội, còn gọi là Phật Lập tam-muội, cũng là pháp tu hành thù thắng bậc nhất trong Tịnh Độ. Mỗi kỳ tu học trong pháp môn

này là chín mươi ngày, trong chín mươi ngày chớ nên ngủ nghỉ, chẳng được ngồi, chỉ được phép đứng hay đi, cho nên gọi là Phật Lập tam-muội, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Mỗi kỳ là chín mươi ngày, thân chẳng khỏe mạnh sẽ không thể tu được. Tuổi tác đã cao sẽ chẳng có cách nào tu pháp môn này; nói chung phải là người tuổi trẻ, có thể lực. Khá ư là khó khăn! Ngài thân cận tỳ-kheo Cát Tường Vân; tỳ-kheo Cát Tường Vân khai thị, giảng giải hai mươi mốt pháp môn Niệm Phật. "Hai mươi mốt" chẳng phải là con số, mà là viên mãn, đại viên mãn, Mật Tông nói như vậy. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm, Hiển lẫn Mật thảy đều có; Hiển, Mật, Tông, Giáo thảy đều được gộp trong ấy. Hai mươi mốt loại pháp môn Niệm Phật ấy nếu triển khai sẽ là vô lượng pháp môn do mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đã nói. Có pháp môn nào chẳng phải là Niệm Phật? Môn nào cũng đều là! Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất" (một chính là hết thảy, hết thảy chính là một), mới biết pháp môn Niệm Phật thù thắng. Quý vị thấy vừa mở đầu đã nói với quý vị điều này. Trung Quốc lẫn Ấn Độ đều có khái niệm giống như thế, gọi là "tiên nhập vi chủ" (môn gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chủ yếu). Đầu tiên là học pháp môn Niệm Phật. Chúng ta lại nhìn tới vị cuối cùng, tức vị thứ năm mươi ba, vị thiện tri thức thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát, càng nói rõ rệt hơn: Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Quý vị thấy Thiện Tài [tham học với các thiện tri thức], một vị đầu tiên, một vị cuối cùng, từ đầu đến cuối là một môn, thâm nhập một môn. Vì sao phải đi tham học? Tham học nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí. Vì sao? Nếu quý vị hành Bồ Tát đạo, phải rộng độ chúng sanh. Căn tánh của chúng sanh thiên sai vạn biệt, pháp môn gì quý vị đều biết, chẳng thể không biết, thì quý vị mới có thể độ hết thảy chúng sanh. Vì thế, tham học nhằm để tiếp dẫn chúng sanh có căn tánh bất đồng, chẳng phải vì chính mình! Vì chính mình thì một câu

A Di Đà Phật bèn minh tâm kiến tánh, đã thành Phật rồi. Biểu diễn cho chúng ta xem mà! Do vậy, trong quá khứ, khi giảng học, tôi thường khuyên lơn, khích lệ các đồng học, đối với Tứ Hoằng Thệ Nguyện, trong thế gian này chúng ta chỉ học hai nguyện đầu, hai nguyện sau chúng ta chưa làm được. Chúng ta chỉ học hai nguyện trước, hai nguyện sau đến thế giới Cực Lạc mới viên mãn, đến thế giới Cực Lạc học rộng nghe nhiều. Chưa tới thế giới Cực Lạc, ta cứ thâm nhập một môn. Ta nhờ vào một môn để ổn thỏa, thích đáng giữ lấy thế giới Cực Lạc; sau khi thân cận A Di Đà Phật mới bèn học rộng nghe nhiều. Hiện thời đừng nên làm [như vậy]; nếu trong hiện tại mà học rộng nghe nhiều, quý vị sẽ tự khiến chính mình bị lỡ làng! Nếu quý vị phân tâm, tinh thần, tinh lực, và thời gian sẽ chẳng đủ dùng. Điều thứ hai là quý vị đã bị phân tâm, chẳng thể tập trung tinh thần, ý chí; nói cách khác, một môn vẫn chưa học tốt đẹp, đáng tiếc lắm! Chẳng thà trong một đời này, chúng ta thâm nhập một môn, trường thời huân tu, chính mình quyết định có thành tựu, đến thế giới Cực Lạc rồi mới học rộng nghe nhiều, ổn thỏa, thích đáng, phương pháp này tốt đẹp lắm! Hãy học theo Liên Trì đại sư, Ngài đã nói hai câu rất tuyệt diệu: "Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ" (Tam Tạng mười hai bộ loại, nhường cho người khác ngộ). Ta không làm, nhường cho người khác làm. "Bát vạn tứ thiên môn, diệc nhượng cấp biệt nhân hành" (tám vạn bốn ngàn pháp môn cũng dành cho người khác hành), chính chúng ta chỉ đi theo một con đường.

Trong một đời này, chỉ theo một con đường, một phương hướng, một mục tiêu, chết sạch so đo, khăng khăng chấp trì danh hiệu, cầu sanh Tịnh Độ; đấy là đúng, sẽ thành công. Cần gì phải chuốc lấy lắm nỗi phiền phức như thế? Khiến cho cái tâm được định, tự tư, tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn thảy đều buông xuống. Phải biết những thứ ấy chướng đạo; không chỉ chướng ngại quý vị chứng quả, mà còn chướng ngại quý vị khai ngộ, cũng như chướng ngại quý vị vãng sanh. Không buông những thứ ấy xuống, quý vị sẽ bị thiệt thòi to lớn. Chúng ta học Phật, nếu muốn thành tựu trong một đời này, quyết định phải biết điều này. Phải học theo Văn Thù, học theo Phổ Hiền, quý vị thấy những vị Bồ Tát này: Văn Thù Bồ Tát là thầy của bảy vị Phật, học trò đều thành Phật cả rồi. Học trò của Địa Tạng Bồ Tát lão nhân gia thành Phật chẳng thể đếm xiết. Trong pháp hội tại Đao Lợi thiên cung, chúng ta thấy: Chư Phật đến từ mười phương đều là học trò của Ngài. Điều này đã tạo lòng tin cho chúng ta. “Hựu như bổn kinh vân” (lại như kinh này nói), tức là trong phẩm cuối cùng, trong đoạn kinh văn cuối cùng của kinh Vô Lượng Thọ đã chép: “Phật cáo Di Lặc, ư thử thế giới” (đức Phật bảo ngài Di Lặc: Trong thế giới này), “thế giới này” là thế giới Sa Bà, chẳng phải là địa cầu, mà là thế giới

Sa Bà, “hữu thất bách nhị thập ức Bồ Tát, dĩ tằng cúng dường vô số chư Phật, thực chúng đức bổn, đương sanh bỉ quốc” (có bảy trăm hai mươi ức Bồ Tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, gieo các cội đức, sẽ sanh về nước ấy). Đây là nói về thế giới Sa Bà, là khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật trong hiện tại. Hiện thời, trên địa cầu mới có sáu mươi bảy ức, chưa đến bảy mươi ức, [chỉ là] sáu mươi bảy ức. Quý vị thấy [kinh chép] “bảy trăm hai mươi ức Bồ Tát” thuộc thế giới Sa Bà, đấy cũng là nói tới lục đạo và mười pháp giới thuộc khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong khu vực giáo hóa này, trong giai đoạn pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, trong tương lai có bảy trăm hai mươi ức người niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta có thuộc trong số đó hay không? Tùy thuộc chính mình. Nếu chính mình thật sự tin tưởng, nguyện thiết tha, sẽ thành công trong một đời này, chẳng cần đợi đến đời sau, mà thành tựu ngay trong một đời này. Bồ Tát cúng dường Phật thành tựu thiện căn, chúng ta phải học theo, chớ nên phớt lờ lời giáo huấn của đức Thế Tôn. Các đồng học học Tịnh Độ dùng gì để cúng dường chư Phật? Chữ “chư Phật” chỉ những ai? Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã bảo chúng ta: “Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”. Quá khứ Phật là những người đã thành Phật, chẳng có cách nào tính toán con số ấy; hiện tại Phật là mười phương thế giới chư Phật, mỗi thế giới có một vị Phật, thế giới vô lượng vô biên vô tận vô số. Chúng ta đọc phẩm Thế Giới Thành Tựu và phẩm Hoa Tạng Thế Giới của kinh Hoa Nghiêm, thấy kinh nói rất nhiều, rất rõ ràng, đó là hiện tại Phật; còn vị lai Phật thì sao? Vị lai Phật là hết thảy chúng sanh. Hết thảy chúng sanh trong tương lai sẽ đều thành Phật, những loài bay, bò, ngọ nguậy, ruồi nhặng, kiến đều có thể thành Phật, chớ nên khinh dễ chúng! Chúng rất thông minh, có linh tánh, người học Phật phải xem chúng như Bồ Tát (đều tôn trọng chúng), chúng sẽ vô cùng hợp tác với chúng ta. Trong mười mấy năm gần đây nhất, chúng tôi có thể trò chuyện, trao đổi với các tiểu động vật: Chúng ta cùng chung sống, chẳng tổn hại lẫn nhau, thật sự có thể đối xử hòa thuận với nhau, đối đãi bình đẳng, đấy là cúng dường. Trong cúng dường, quan

trọng nhất là cúng dường bằng cách y giáo phụng hành, chúng ta thật sự tu tập, nêu gương cho chúng sanh, họ thấy, họ cũng nghe, hiểu, chúng ta tu tập, chúng sanh cũng cùng tu với chúng ta. Ngay cả những loài tiểu động vật bay, bò, ngọ nguậy cũng không phải là ngoại lệ, chúng đều có linh tri. Đứng trên phương diện tâm thức của chúng ta để nói, chúng nó cũng Thọ, Tưởng, Hành, Thức, phải đối xử tốt đẹp với chúng. Chúng ta gọi chúng nó là Bồ Tát, gọi chúng nó là Bồ Tát kiến, kiến sẽ rất vui vẻ, bảo: "Con người rất tôn trọng chúng ta, gọi chúng ta là Bồ Tát". Chúng nó có thể hiểu, chứ chẳng phải không hiểu. Chúng ta làm việc ở nơi đây, chúng nó nhiễu loạn chúng ta, chúng ta mời chúng nó rời khỏi,

đừng trở ngại chúng ta làm việc, chúng nó bèn bỏ đi, rất nghe lời. Kiến đều bỏ đi hết, còn có hai ba con. Cớ sao hai ba con bò tới bò lui trên bàn Phật, vì sao chúng không đi? Ban đêm có một pháp sư nhỏ tuổi nằm mộng, được kiến nói cho biết: Chúng nó đang tuần tra, xem còn có con nào chẳng đi. Kiến nói chúng nó có nhiệm vụ, hình như bốn con kiến tuần tra. Vì thế, chúng ta chớ nên trách lầm chúng. Về sau, chúng tôi đều biết, kiến thảy đều đi hết, còn có mấy con [ở lại để] tuần tra. Như vậy là các tiểu động vật có tánh thông linh. Không chỉ động vật, mà thực vật cũng chẳng phải là ngoại lệ. Cây cối, hoa, cỏ, chúng ta trồng nhiều rau trong vườn, chúng đều thông suốt, thông hiểu tình cảm của con người. Do vậy, phạm vi của bảy trăm hai mươi ức Bồ Tát rất rộng, đó là những kẻ có duyên với Phật, thiện căn sâu dầy. Thiện căn sâu dầy ấy do đâu mà có? Do rộng tu cúng dường. Phổ Hiền Bồ Tát chỉ dạy chúng ta: "Lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai, rộng tu cúng dường, sám trừ nghiệp chướng", quý vị thực hiện tốt đẹp bốn khoa này, nghiêm túc thực hiện, sẽ thành tựu thiện căn, "thực chúng đức bổn" (gieo trồng các cội đức). Lễ tiết rất trọng yếu, không thể phớt lờ. Lễ phép với người khác, người ta sẽ vui vẻ. Người khác lễ phép đối với ta, ta cũng rất vui vẻ. Bởi lẽ, con người có cùng một tâm này, tâm cùng một Lý này. Đầu tiên là "lễ kính chư Phật", từ nội tâm phát sanh tâm cung kính, quan trọng nhất là [cung kính] đối với ai? Đối với vị lai Phật, tức là đối với hết thảy chúng sanh, phải có tâm cung kính, chớ nên coi rẻ, quý vị khinh mạn là trật rồi! Chẳng tôn trọng người khác là chuyện nhỏ, tổn hại đức hạnh của chính mình [là chuyện lớn], Tánh Đức của chính mình chưa thể hiện tiền, sanh ra chướng ngại. Đó là ngạo mạn, cuồng vọng, tự đại, gây chướng ngại cho Tánh Đức và thiện căn của chính mình. Do vậy, đầu tiên, đức Phật phải dạy chúng ta chuyện này. Nho gia cũng giống như vậy. Quý vị đọc Lễ Ký, vừa mở sách ra, mở đầu là: "Khúc Lễ62 viết: Vô bất kính" (Khúc Lễ chép: "Không gì chẳng kính"), có cùng một ý nghĩa với "lễ kính chư Phật". Kinh Mân Côi63 của đạo Thiên Chúa là khóa tụng sớm tối của họ, tôi đã từng giảng [kinh này], đĩa CD/DVD [ghi lời giảng] của tôi được lưu thông trong đạo Thiên Chúa. Đoạn thứ nhất [của kinh ấy] nói về sự khiêm tốn, nhún nhường, Thánh Mẫu Maria khiêm nhường. Mẹ chúa Jesus đối với hết thảy mọi người đều khiêm hạ, nhún nhường, cung kính, Đức Bà đã nêu gương tốt. Tấm gương của Đức Bà chính là "lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai" như trong Phật pháp đã nói, chúng ta phải học theo Ngài. Cổ thánh tiên hiền của Trung Quốc dạy chúng ta hãy "ẩn ác, dương thiện" (ẩn giấu điều ác, đề cao điều lành). Người khác có chuyện gì tốt đẹp chúng ta phải tán dương, phải ca ngợi. Người khác phạm lỗi lầm gì, trọn chẳng nói tới, quyết định chớ nên ghim trong

lòng; đó gọi là “tu hành, học Phật”. Vì sao? Chúng ta học Phật rốt cuộc là học gì? Tịnh Độ

tu gì vậy? Tựa đề của kinh đã nêu ra cương lãnh tu học cho chúng ta: Tu tâm thanh tịnh. Trong tựa đề của kinh có “thanh tịnh bình đẳng giác”, đấy là tổng cương lãnh tu học của Tịnh Tông. Chúng ta thường muốn ghim khuyết điểm của người khác trong lòng, biến cái tâm của chính mình thành thùng rác cho người khác, làm sao quý vị có thể đạt được thanh tịnh? Nếu quý vị đạt được tâm thanh tịnh thì tâm thanh tịnh là Sự nhất tâm bất loạn, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thuộc cõi Đồng Cư, mà sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, phẩm vị được nâng cao với một mức độ to lớn. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, thông hiểu chân tướng sự thật này, có còn ghim những sai quấy của người khác trong tâm mình nữa chăng? [Ghi nhớ lỗi lầm của người khác sẽ] bị thiệt thòi to lớn, tạo thành lỗi lầm to lớn. Thường nghĩ tới khuyết điểm của người khác, dẫu quý vị có thể vãng sanh, chỉ sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, phẩm vị chẳng cao! Vì thế, các Tịnh Tông đồng học chúng ta hiểu rõ rồi, quyết định chẳng làm chuyện ngốc nghếch. Ai nấy đều biết ẩn ác dương thiện, kẻ làm ác có lương tri sẽ nghĩ: “Ta làm ác, người khác đều tha thứ, cũng không đả động tới ta! Ta làm một tí chuyện tốt, họ đều tán dương”, từ từ đánh thức lương tâm của kẻ ấy, hắn bèn sửa đổi, quý vị đã giúp cho một người “quay đầu là bờ”. Chúng ta hãy cẩn thận quan sát dụng tâm của chư Phật, Bồ Tát, sẽ dần dần hiểu rõ, muốn học tập Phật. Thật ra, đối với những kẻ làm nhiều chuyện lầm lỗi, chúng ta gặp họ, dùng tâm thái gì để đối đãi họ? Nếu dùng tâm thái của Phật, cảnh giới của chúng ta sẽ được nâng cao. Bởi lẽ, những người ấy làm lành hay làm ác cũng đều là thiện tri thức của chúng ta, đều có thể giúp cho chúng ta tiến bộ hơn. Nho gia nói: “Tam nhân hành, tất hữu ngã sư” (Ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta). Ba người ấy là ai vậy? Chính mình là một, còn một người lành, một kẻ ác, hai người ấy đều là thầy của ta. Ta trông thấy người lành, nghĩ ngợi: Người ta có thiện hạnh, ta có hay không? Nếu ta không có, hãy học tập theo người ấy; nếu đã có thì phải gìn giữ. Kẻ làm ác cũng là thầy của ta, ta trông thấy, hãy suy nghĩ ta có phạm lỗi lầm ấy hay chăng. Hễ có, bèn sửa đổi; nếu không, hãy càng thêm gắng sức. Kẻ làm ác còn có ích cho chúng ta hơn người làm lành, vì sao? Trong khi tu sám hối, chư vị sẽ thấy: Ta tìm không được khuyết điểm của chính mình, dường như chính mình chẳng có khuyết điểm nào, thấy người khác toàn là khuyết điểm, chẳng thấy mình có một khuyết điểm nào hết! Quý vị có thể phát hiện khuyết điểm của chính mình như thế nào? Thấy khuyết điểm của người khác, hãy hồi quang phản chiếu xem ta có [khuyết điểm ấy] hay không, sẽ tìm ra. Đó là đại ân nhân, chân thiện tri thức của chính mình. Người ấy giúp quý vị sửa đổi, quý vị có thể nào chẳng cảm ơn người ấy hay chăng? Quý vị còn nói những điều sai quấy của kẻ ấy, đó là vong ân phụ nghĩa! Hãy cảm kích, tri ân, báo ân người ấy, thường hồi hướng

công đức tu học của chính mình cho người ấy. Nếu không có người ấy, làm sao ta có thể tiến cao hơn? Nếu không do người ấy, làm sao biết chính mình còn có khuyết điểm? Do vậy, trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói rất hay: “Nếu người thật sự tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác”. Không có lỗi! Giống như diễn tuồng, người ấy đóng vai phản diện, nhằm nhắc nhở ta, đâu phải là người ấy thật sự có khuyết điểm! Chúng ta đối đãi với người

ấy như Bồ Tát, người ấy không có khuyết điểm. Hành vi của người ấy đã giúp đỡ ta, khiến cho ta phát hiện lỗi lầm của chính mình. Chúng ta dùng tâm thái này, đó là Bồ Tát tâm, là Bồ Đề tâm. Tổ sư đại đức bảo kẻ quên mất Bồ Đề tâm, dẫu tu hết thảy thiện pháp vẫn gọi là ma, chẳng phải là Phật. Chắc chắn Phật chẳng thể rời khỏi Bồ Đề tâm, chúng ta phải học tập điều này, thời thời khắc khắc đừng quên gieo trồng các cội đức. "Triệt hạ, tắc Quán Kinh trung, Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung đắc ngộ thiện hữu giáo dĩ niệm Phật, thập niệm thành công, diệc sanh bỉ quốc" (Thấu dưới là như trong Quán Kinh, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung gặp được bạn lành dạy niệm Phật, mười niệm thành công, cũng sanh về cõi ấy). Chuyện này là thật! Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện đã ghi chép [những sự tích của] cổ nhân. Nếu chúng ta hơi lưu ý, [sẽ thấy] trong hiện tại cũng có! Chính chúng tôi mắt thấy, tai nghe. Trước kia, tôi ở Hoa Phủ của nước Mỹ, tức Washington DC, có một Hoa kiều, tức là người Trung Quốc, đó là ông Châu Quảng Đại. Người này chẳng phải là Ngũ Nghịch, Thập Ác, mà là người tốt, thiện nhân, nhưng cả đời chẳng tin tôn giáo, tôn giáo nào cũng không tin. Người này tâm địa thiện lương, rất tốt bụng. Ông ta bị ung thư, khi sắp mất, nhà thương đã ngừng trị liệu, bảo thân nhân đưa về nhà. Khi ấy, người nhà đi khắp nơi cầu thần, bái Phật, xem có kỳ tích nào xuất hiện hay không. Đó gọi là "gặp chuyện bèn ôm chân Phật", tìm được hội Phật giáo của chúng tôi. Khi ấy, ở Hoa Phủ có hội Phật giáo mang tên là Hoa Phủ Phật Giáo Hội, thành lập chưa được bao lâu, do mấy đồng học Tịnh Độ thành lập một hội như vậy, mời tôi làm hội trưởng. Tôi quen biết với lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ ở nơi ấy. Có mấy đồng tu đến trợ niệm cho ông ta, nhìn bộ dạng của ông ta đúng là bó tay, bèn khuyên nhủ, hướng dẫn, nói đời người khổ sở, cần gì phải lưu luyến, hãy buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, giảng giải và giới thiệu thế giới Cực Lạc cho ông ta nghe. Người này có thiện căn, thiện căn ấy chính là thiện căn trong đời quá khứ, nhưng trong một đời này, ông ta chưa gặp thiện duyên, đến lúc ấy mới gặp gỡ. Ông ta nghe xong bèn vui vẻ, tiếp nhận, bảo người nhà: Đừng đến khắp nơi tìm cách trị liệu cho ông ta nữa, không cần! Cả nhà hãy giúp ông ta niệm Phật cầu vãng sanh. Căn bệnh của ông ta đau đớn lắm, nhưng ý niệm vừa chuyển, chẳng còn đau đớn nữa, chẳng còn đau khổ nữa, vui vẻ cùng niệm Phật với mọi người, ba ngày bèn

ra đi. Đúng như kinh đã dạy: "Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật" (Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày). Chẳng sai! Niệm ba ngày ba đêm ông ta bèn ra đi. Khi mất có tướng lành, toàn thân mềm mại. Khi hỏa táng có xá-lợi. Đây là một người chẳng tin tưởng tôn giáo, lâm chung gặp thiện hữu bèn thành công. Dẫu đã tạo tội Ngũ Nghịch, Thập Ác, có thể cứu được hay không? Có thể cứu được! Trong phần sau của bốn mươi tám nguyện, có một câu: Nếu kẻ ấy chẳng tin, sẽ không thể cứu! Kẻ tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, khi lâm chung có tín tâm và nguyện tâm kiên định, vẫn có thể cứu được! Như Ngẫu Ích đại sư đã nói: "Điều kiện quan trọng nhất để có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không là do có tín nguyện hay không. Thật sự có tín nguyện, chắc chắn được vãng sanh, phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn". Lời ấy rất có lý! Niệm đến mức tâm thanh tịnh, nếu chúng ta dùng tựa đề kinh để nói thì niệm đến mức tâm thanh tịnh bèn sanh vào cõi Phương

Tiện Hữu Dư, niệm đến bình đẳng giác sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. “Bình đẳng giác” là Lý nhất tâm bất loạn, thanh tịnh tâm là Sự nhất tâm bất loạn, chúng ta phải nỗ lực hướng đến mục tiêu này. Bình đẳng là gì? Chẳng có tâm phân biệt, thật sự giác ngộ. Tâm phân biệt đã chẳng có, lại nâng [cảnh giới] lên cao hơn thành “nhập pháp môn Bất Nhị”, Tánh Tướng bất nhị, Sự Lý bất nhị, sanh Phật bất nhị (chúng sanh và Phật), người ấy sẽ sanh vào cõi Thật Báo, đến thế giới Cực Lạc, hoa nở thấy Phật. Có thể thấy pháp môn này thù thắng khôn sánh. Tiếp đó, sách viết: “Khả kiến bổn kinh nãi quảng thâu vạn loại, phổ bị tam căn chi A Già Đà dược, năng dũ vạn bệnh” (Có thể thấy kinh này rộng thâu muôn loài, là thuốc A Già Đà thích hợp khắp ba căn có thể trị lành muôn bệnh). A Già Đà (Agada) là tiếng Ấn Độ, giống như người Trung Quốc nói tới “vạn ứng đan”; thuốc này bệnh gì cũng đều trị được, chắc chắn có lợi, chứ không có hại gì. Đây là nói bộ kinh này căn cơ nào cũng đều phù hợp, bậc thượng thượng căn như Văn Thù, Phổ Hiền, hạ hạ căn là kẻ tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, chỉ cần quý vị có thể tin tưởng, chịu phát nguyện, chắc chắn được vãng sanh, chẳng thể nghĩ bàn! Khi lâm chung có thể tin, có thể nguyện, tôi nghĩ đấy cũng chẳng phải là ngẫu nhiên, mà do người ấy có túc thế nhân duyên. Người ấy có đời quá khứ, tuy trong một đời này không có duyên gặp gỡ, nhưng trong đời quá khứ, chắc chắn đã từng học Phật, chắc chắn đã tu pháp môn này. Do vậy, khi lâm chung gặp thiện hữu nhắc nhở, chủng tử trong A Lại Da của người ấy bèn lập tức khởi hiện hành, chẳng phải là ngẫu nhiên! Vì thế, nay chúng ta hãy giúp những kẻ không tin gieo chủng tử. Giúp kẻ không tin gieo chủng tử bằng cách nào? Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, tay cầm tràng hạt (xâu chuỗi), miệng niệm A Di Đà Phật, đó là gieo chủng tử cho chúng sanh. Trên đường đi, quý vị vừa đi vừa niệm

Phật, người bên cạnh hữu ý hay vô tình nghe, thấy, đã gieo chủng tử vào A Lại Da Thức, kết duyên với Tịnh Độ Tông. Chủng tử ấy gọi là “chủng tử kim cang”, vĩnh viễn bất hoại. Trong đời kế tiếp hoặc đời sau, gặp duyên, chủng tử ấy sẽ khởi hiện hành, khởi tác dụng. Do vậy nói người xuất gia dẫu bất hảo, nói trắng ra là người xuất gia ấy phá giới, công đức vẫn to hơn quý vị, vì sao? Người ấy mặc y phục [biểu thị cho] hình tượng [Phật giáo], vừa đi ra ngoài, người ta trông thấy, đã gieo chủng tử về ấn tượng nơi Phật, quý vị chẳng có năng lực ấy! Tuyệt diệu lắm! Quý vị nói xem: Trong một đời này, người ấy đã gieo thiện căn cho bao nhiêu người? Hãy nên tôn kính [người xuất gia, dẫu người ấy có phá giới đi nữa] là do đạo lý này! Xưa kia, tôi dạy học trong nhà trường, dạy tại đại học mấy năm, dạy khoảng năm năm, tôi bảo các đồng học, khi ấy, các đồng học trong nhà trường dường như cảm thấy học Phật sẽ bị kẻ khác chê là mê tín, khó chịu lắm, nên lén lút học Phật. Tôi bảo họ: “Các vị phải chánh đại quang minh mà học, phải phổ độ chúng sanh. Tay đeo xâu chuỗi, đừng sợ kẻ khác cười. Dẫu người ta có cười nhạo quý vị: ‘Anh xem gã bạn học đó mê tín quá chừng!’ Tuy nói các vị mê tín, chủng tử Phật của người ấy đã được gieo xuống rồi, đó là chuyện tốt, đâu phải chuyện xấu”. Trên bìa sách học dùng trong nhà trường đều có đề tên, tôi nói: Quý vị đừng viết tên họ của mình, mà hãy ghi A Di Đà Phật, người ta trông thấy cuốn sách ấy bèn niệm A Di Đà Phật. Quý vị thấy đó, chẳng phải là lại độ được một người hay chăng? Rất nhiều đồng học thật sự sử dụng phương pháp này của tôi; về sau, dần dần trở thành một phong cách. Vì thế, phương tiện thiện xảo rộng độ hữu tình. Nếu chúng ta

hiểu đại đạo lý, đại nhân duyên ở đây, sẽ đối với người xuất gia, đối với người niệm Phật khởi tâm cung kính, hình tượng họ đã biểu lộ cũng nhằm biểu thị pháp, công đức thù thắng khôn sánh! Cuối cùng, "cố bổn kinh vân: Trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ" (vì thế, kinh này nói: "Người gặp được kinh này, tùy theo sở nguyện đều có thể đắc độ"). Cụ Hoàng dùng câu nói này để tổng kết đoạn này. Gặp bộ kinh này, "trị" () là gặp. Gặp gỡ bộ kinh này, tùy theo ý nguyện của quý vị, đều có thể đắc độ. Ý nghĩa của "tùy ý" vô cùng rộng, đấy là như trong Phật môn đã nói: "Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng" (trong nhà Phật, có cầu ắt ứng), "tùy ý sở nguyện" là có cầu ắt ứng. Quý vị cầu gì được nấy! Cầu thế giới Cực Lạc, quý vị được thế giới Cực Lạc. Cầu thấy A Di Đà Phật, quý vị sẽ có thể thấy A Di Đà Phật. Cầu thành Phật, được thành Phật. Cầu thành Bồ Tát, quý vị thành Bồ Tát. Tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian này cũng giống như thế, nhưng đó là những chuyện lông gà vỏ tỏi nhỏ nhặt, quý vị cầu điều gì đều có thể cầu được, chẳng hề có chuyện cầu không được! Nhưng quý vị nhất định phải giác ngộ: Chẳng thoát

khỏi lục đạo, sẽ vĩnh viễn chẳng thể lìa khổ, lục đạo khổ lắm! Nhân thiên là thiện đạo, thiện đạo mà còn khổ dường ấy, huống chi ác đạo! Quý vị phải chú tâm quan sát, hiện thời súc sanh có khổ hay không? Đặc biệt là gia súc. Hiện thời, nếu quý vị đầu thai trong đường súc sanh, biến thành một con lợn hay một con gà, hoặc một con vịt, quý vị thấy hiện thời lợn, gà, vịt, thậm chí bò, loại bò chuyên nuôi để lấy thịt, nhìn vào tình trạng sống của chúng, từ lúc đẻ ra cho đến khi xuất chuồng, được nuôi lớn trong chuồng, một chuồng nhốt quá nhiều, xoay mình cũng chẳng thể xoay được! Cuộc sống trước khi bị giết của chúng là như thế này: Suốt đời bị nhốt chặt, đến khi bị giết, quý vị nói thử xem tâm tình của chúng ra sao? Chúng nó có oán hận hay chăng? Con người có cùng cái tâm này, tâm có cùng Lý này. Người và súc sanh chẳng khác, chúng nó oán hận, bất bình. Oán hận nên thịt của chúng có chất độc, mang rất nhiều nguồn bệnh. Đó là lý do vì sao hiện thời ăn thịt bị bệnh nhiều như vậy. Cổ nhân Trung Quốc đã nói: "Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất" (Bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra), đó là chân lý. Hiện thời, không chỉ thịt chẳng thể ăn, đó là thứ độc địa, mà ngay cả đồ chay trong hiện tại cũng biến thành chất độc! Rau dưa có phân hóa học và thuốc sát trùng! Người thế gian khổ quá, đừng nên lưu luyến thế gian nữa, vãng sanh sớm một ngày là sớm được giải thoát một ngày, lưu luyến thế gian là sai lầm! Chúng ta niệm Phật, Phật còn chưa đến tiếp dẫn chúng ta, chứng tỏ nghiệp báo của chúng ta chưa tiêu hết, nghiệp chướng chưa tiêu trừ. Để tiêu trừ nghiệp chướng, phải cậy vào ai để tiêu trừ nghiệp chướng? Dựa vào chính mình, chẳng có người nào khác giúp đỡ được! Tiêu bằng cách nào? Ta có thọ mạng, trong mạng ta còn có phước báo, chẳng cần nữa, hãy bỏ sạch, chướng ngại sẽ chẳng còn nữa, Phật sẽ đến tiếp dẫn quý vị. Nếu quý vị phát tâm Đại Thừa, hết thảy đều từ bỏ, hiện thời vẫn còn thân thể, hãy lợi dụng cái thân này để giúp đỡ các chúng sanh khổ nạn nhiều hơn, khuyên dạy họ, giúp đỡ họ, dẫn theo những người ấy vãng sanh, đó là chuyện tốt, chẳng có vị Phật, Bồ Tát nào chẳng tán thành. Sanh tử tự tại, muốn đi lúc nào bèn đi lúc đó, chẳng vướng mắc tí ti nào, càng tốt đẹp hơn! Chúng ta thấy con người trong thế gian đáng thương quá, tai nạn nhiều như thế đó! Chúng ta biết có tai nạn, do đâu mà biết? Từ kinh điển nhà Phật, trong kinh

điển, đức Phật thường nói: “Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”, đó là chân lý. Người trên thế giới suy tưởng gì? Phim “2012” đã được chiếu trên toàn cầu. Sau khi phim ấy được phát hành, ai nấy đều nghĩ đến tai nạn; dẫu không có tai nạn, tai nạn vẫn xảy tới, do tâm tưởng mà! Vì vậy, tôi xem bộ phim ấy xong, nói: “Đó là ý trời, có hai tác dụng: Một là dạy con người hãy đề cao cảnh giác, đoạn ác tu thiện, đừng tạo tội nữa. Đó là giúp chính mình, thành tựu chính mình. Mặt khác, sanh lòng sợ hãi, hằng ngày nghĩ đến tai nạn,

không có tai nạn mà do ta suy niệm nên tai nạn sẽ xảy tới, hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng mà!” Tôi xem bộ phim ấy xong, đã bảo rất nhiều đồng học: “Đó là ý trời”. Đại khái, con người hiện thời tạo tội nghiệp nhưng không có cách nào trị được, pháp luật cũng chẳng trị được, quốc gia cũng chẳng trị được! Tổng thống, hoàng đế cũng chẳng trị được, làm sao đây? Chỉ có ông trời ra tay. “Ông trời ra tay trừng trị” là “tai họa thiên nhiên” như chúng ta thường nói trong hiện thời, quả thật rất đáng sợ! Vậy thì phải hỏi: Có thể hóa giải tai nạn hay không? Nói theo Phật pháp, câu trả lời là khẳng định, chỉ cần hồi tâm hướng thiện. Đức Phật dạy chúng ta hai câu, đó là câu Khẩu Đầu Thiền trong Phật môn: “Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si), tai nạn sẽ hóa giải. Nếu quý vị thật sự làm, sẽ thật sự hữu hiệu! Sẽ thấy hiệu quả ở chỗ nào? Từ chính mình! Chính mình có tai nạn, có bệnh khổ, nếu quý vị tuân theo phương pháp này để tu, bệnh khổ được lành, nghiệp chướng cá nhân sẽ tiêu! Nghiệp chướng đã tiêu rồi, thân thể khôi phục sức khỏe. Đó gọi là “tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển”, trong kinh đức Phật thường nói như vậy. Tướng mạo của quý vị thuận theo ý niệm mà chuyển biến, sức khỏe cũng giống như thế. Tâm địa của quý vị là thiện niệm, sẽ khỏe mạnh, trường thọ. Nếu trong tâm là tịnh niệm, càng khỏe mạnh, trường thọ. Tâm lẫn hạnh đều thiện, hoàn cảnh cư trụ của ta sẽ chẳng có tai nạn. Dẫu ở nơi ấy người tạo tác ác nghiệp rất nhiều, nhưng có một ít người đang tu thiện, tuy nơi ấy có tai nạn thì cũng nhẹ nhàng, chẳng nghiêm trọng. Cổ đức từng nói: “Giữa một trăm người, có một người tu thiện, chín mươi chín người kia đều hưởng lây”, một phần trăm đấy nhé! Lời này là thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng ta lại xem tiếp đoạn kế: “Thượng minh bổn kinh, quảng ứng quần cơ, nhi kỳ ân đức vưu thâm ư ngã sài phàm phu” (Trên đây đã nói rõ kinh này thích ứng rộng rãi các căn cơ, nhất là đối với lũ phàm phu chúng ta, càng có ân đức sâu đậm), nói theo hiện thời, “sài” () là “đẳng” (: ngang hàng), [“ngã sài”] là những kẻ cùng hàng với chúng ta. Trong phần trước đã nói về sự ứng cơ (thích ứng với các căn cơ), trong đoạn này, luận về công đức. “Đương kim Mạt Pháp, chúng sanh phước huệ thiển bạc, cấu chướng thâm trọng, duy lại thử phương tiện pháp môn. Đản bằng tín nguyện trì danh, tiện năng công siêu lũy kiếp, vãng sanh Cực Lạc, kính đăng Bất Thoái” (Nay đang thời Mạt Pháp, chúng sanh phước huệ cạn mỏng, cấu chướng sâu nặng, chỉ cậy vào pháp môn phương tiện này, chỉ nhờ vào tín nguyện trì danh, công liền có thể vượt trỗi bao kiếp, vãng sanh Cực Lạc, nhanh chóng chứng lên Bất Thoái). Chúng ta đọc đến chỗ này, tiểu đoạn này nói đến chúng ta trong hiện tại. Cụ Hoàng Niệm Tổ là người đương đại, đã vãng sanh chưa lâu. Khi trước, mỗi năm, tối thiểu tôi sang Bắc

Kinh một hai lần, chẳng vì chuyện gì khác, mà chỉ nhằm đến gặp cụ. Sau khi cụ đã mất, tôi còn đến thăm một lần, gặp con gái và học trò cụ. Đoạn văn này nói về chúng ta trong hiện thời, người hiện thời thật sự phước mỏng, huệ cạn, chẳng có trí huệ, mà cũng không có phước báo; nói cách khác, chúng ta phiền não tập khí sâu nặng! "Cấu" () là nhiễm ô, "chướng" () là nghiệp chướng, chúng ta tạo tác nghiệp chướng bất thiện. Vì sao sanh ra chuyện này? Đối với tiêu chuẩn thiện ác, chúng ta không biết; nói chung cứ tưởng chính mình luôn làm đúng, không biết chính mình đã lầm lỗi, làm ác. Vì thế, chúng ta quan sát cẩn thận sẽ thấu hiểu, đừng xét nét người khác, hãy xét nét chính mình! Thuở trước, khi còn trẻ, tôi giảng kinh, thường nhắc tới khóa tụng buổi sáng. Mục đích của khóa tụng buổi sáng là gì? Nhắc nhở chính mình, ngày hôm nay ta đừng quên mất giáo huấn của đức Phật, hãy thường đề cao cảnh giác, y giáo phụng hành, đó là quý vị thật sự tụng niệm khóa sáng. Chúng tôi đã từng biên tập lại nghi thức tụng niệm của cổ nhân. Nghi thức do cổ nhân biên soạn có quá nhiều chú ngữ, hiện thời [người tụng] chẳng hiểu rõ ý nghĩa của chú ngữ, cho nên không đạt được hiệu quả. Do vậy, chúng tôi tuyển chọn, ấn định kinh văn bản mới dành cho các đồng học Tịnh Tông chúng ta. Các đồng học Tịnh Tông có Triêu Mộ Khóa Tụng Bản (nghi thức tụng niệm sớm tối) do tôi biên tập. Kinh văn để niệm cho buổi sáng là phần bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ. Trong khóa sáng, hãy suy nghĩ: A Di Đà Phật đã phát bốn mươi tám nguyện, ta có phát hay không? Đối chiếu với chính mình, mong muốn biến bốn mươi tám nguyện ấy thành bổn nguyện của chính mình, tâm nguyện của chúng ta và A Di Đà Phật tương đồng. Với khóa tối, chúng tôi chọn phần kinh văn từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy, đoạn kinh văn ấy giảng điều gì? Dạy chúng ta trì giới, phản tỉnh, sửa đổi, sám hối, dùng phần này để làm khóa tối. Trong khóa tối, phải thật sự phản tỉnh, kiểm điểm, sửa lỗi, khóa tụng đối với chúng ta mới có lợi ích. Luôn chọn lựa kinh Vô Lượng Thọ là pháp phương tiện. Chuyên tu, khóa sáng niệm kinh Vô Lượng Thọ, khóa tối cũng niệm kinh Vô Lượng Thọ, chuyên tu mà! Bọn chúng ta không có nhiều thời gian như thế, bèn trích lục những phần kinh văn trọng yếu trong kinh Vô Lượng Thọ để sớm tối nhắc nhở chính mình, mục đích không gì chẳng nhằm tiêu nghiệp chướng, xa lìa phiền não, tập khí, chúng ta học Phật mới có thể công phu đắc lực. Nếu quý vị chẳng nhớ kinh văn, chưa thể lý giải, quý vị tu tập bằng cách nào? Hóa giải tai nạn hiện tiền. Hiện thời tai nạn rất nặng, trên khắp thế giới có ai chẳng tạo nghiệp? Tạo nghiệp gì vậy? Vừa mở kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo ra, quý vị sẽ biết ngay: Hoàn toàn trái phạm, đúng là Ngũ

Nghịch, Thập Ác. Thập Ác là gì? Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt, tham lam, sân khuể, ngu si. Quý vị nói thử xem: Trong thế gian hiện thời, ai chẳng tạo? [Ngay cả] trẻ nhỏ cũng tạo! Trẻ nhỏ tạo bằng cách nào? Trẻ nhỏ học từ TV, mỗi ngày xem TV, TV sẽ dạy chúng nó. Đi học, tại Trung Quốc tôi không biết, chứ ở ngoại quốc, lớp Một Tiểu Học đã cho dùng computer. Thông tin từ computer rất nhiều, điều gì chúng nó cũng đều học. Xong luôn, tạo Thập Ác! Tạo Thập Ác sẽ có hành vi Ngũ Nghịch xuất hiện, giết cha, giết mẹ, giết thầy, giết A La Hán cũng giống như giết thầy! Đây là xã hội hiện tiền của chúng ta, càng nghĩ, càng đáng sợ, càng nhìn, càng đáng sợ. Trong đời chúng ta đây, còn có thể duy trì tình trạng trước mắt, chứ hai mươi

năm sau sẽ làm như thế nào đây? Ai có năng lực duy trì trật tự xã hội? Chẳng có ai hết! Tổ tiên chúng ta thường nói, đến khi con người trị không được, cha mẹ không quản được con cái, pháp luật không quản được dân, thượng thiên sẽ ra tay. Khi thượng thiên can thiệp sẽ là tai nạn, cả đống tai nạn thảy đều xuất hiện. Vì vậy, cứu vớt thế giới, nói thật sự là kinh Vô Lượng Thọ, trong Đại Thừa Phật pháp, kinh này hữu hiệu nhất! Pháp môn này đúng là pháp môn phương tiện, "đản bằng tín nguyện trì danh" (chỉ cậy vào tín nguyện trì danh), ba điều kiện này, thật sự tin, mảy may hoài nghi cũng chẳng có, thật sự nguyện vãng sanh, trì danh là niệm Phật, thật sự làm, trong mười hai thời, một câu A Di Đà Phật chẳng gián đoạn. Vài ngày trước, cư sĩ Lưu Tố Vân từ miền Đông Bắc đến chỗ này báo cáo, nói suốt mười mấy giờ. Người này là như thế nào? Là người thật sự làm! Lúc năm mươi chín tuổi, bà ta bị bệnh nặng, người phương Bắc đều biết [căn bệnh nghiêm trọng này], hồng ban lang sang (Lupus Erythematosus)64. Bị bệnh này thì hầu như chẳng thể nào trị lành, y học Trung Quốc lẫn Tây Phương đều chẳng có cách nào chữa trị, bà ta có nhiều bạn bè mắc bệnh này, họ đều mất cả rồi. Bà ta bị bệnh này, tín nguyện trì danh, đối với A Di Đà Phật, đối với thế giới Cực Lạc chẳng có mảy may hoài nghi nào, coi nhẹ sanh tử, nhất tâm nhất ý muốn cầu sanh Tịnh Độ. Bác sĩ cho bà ta biết, cũng là nói thật: "Bệnh của bà chẳng có hy vọng gì, bà phải chuẩn bị tâm lý, vì có thể chết bất cứ lúc nào!" Bà ta cười hì hì: "Nếu tôi chết, A Di Đà Phật sẽ đến đón tôi, tôi về thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là quê nhà của tôi, tôi chẳng sợ hãi tí nào!" Bà ta lành bệnh, bác sĩ cảm thấy lạ quá, làm sao lành bệnh được? Bà ta nói: Do Niệm Phật mà lành bệnh! Cả ngày từ sáng đến tối là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, toàn là A Di Đà Phật. Bà ta còn nghe kinh, nghe kinh Vô Lượng Thọ, nghe CD/DVD rất dụng công. Trong bài báo cáo, bà ta nói mỗi ngày nghe một đĩa. Đó là bài giảng của tôi trong thuở trước, mỗi đĩa dài một giờ, mỗi ngày nghe mười tiếng, mỗi đĩa nghe mười lượt, nghe rất thuần thục. Niệm kinh Vô Lượng Thọ,

nghe kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật, lành bệnh! Bác sĩ tin lời bà ta, bà ta có ưu điểm lớn nhất mà lũ chúng ta chưa làm được là cả đời chẳng nói dối, con người vô cùng trung hậu, thật thà, chẳng dối gạt người khác, câu nào cũng đều nói thật. Năm nay, bà ta sáu mươi sáu tuổi, do tôi xem đĩa CD/DVD phỏng vấn được thâu vào ngày Bốn tháng Năm năm 2003, dài nửa tiếng, do đài truyền hình phỏng vấn, nên tôi nghĩ: Bà ta đã nhiều tuổi như thế, người này có còn sống hay không? Tôi bảo các đồng học bên Hương Cảng hỏi thăm, biết người này còn sống, họ còn tìm được số điện thoại của bà ta nữa. Tôi liền gọi điện thoại cho bà ta, khi ấy, tôi đang chữa răng tại Đài Loan, đã nghe tin tức như thế. Nói chuyện điện thoại, bà ta rất căng thẳng, mà cũng rất kinh ngạc. Tôi hỏi bà khỏe không, thân thể như thế nào? Tốt lắm! Mỗi năm một khỏe hơn! Tôi liền mời bà ta sang Hương Cảng gặp mặt, đúng là khỏe lắm, quý vị thấy: Giảng mười mấy tiếng ở chỗ chúng ta, sau khi giảng xong, Hướng Tiểu Lỵ mời bà ta sang Thâm Quyến. Ở Thâm Quyến, bà ta rất cực nhọc, mỗi ngày giảng gần như sáu tiếng, lại còn phải trả lời thắc mắc của người khác, mỗi ngày giảng tám tiếng, giảng hai ngày, phải quay về. Do bốn chữ "tín nguyện trì danh", bà ta hết bệnh, sống khỏe mạnh và hạnh phúc dường ấy! Tôi giảng kinh đã nhắc tới [chuyện này] vài lần, nay bà ta đã trở thành người nổi tiếng rồi, rất nhiều nơi mời bà ta đến giảng diễn. Bà ta là người hết sức

hướng nội (introvert), tôi bảo bà ta: “Hiện nay, bà chưa thể tốt lành cho riêng mình được! Hiện thời, phải làm cho cả thiên hạ cùng tốt lành, phải đến khắp nơi hoằng pháp, phải đi giúp đỡ người khác”. Bà ta cũng rất khó có: “Phật, Bồ Tát dạy ta làm như thế nào, ta bèn làm như thế ấy”. Bốn chữ ấy (tín nguyện trì danh) trọng yếu lắm! Chúng ta nắm chắc bốn chữ này, sẽ giải quyết vấn đề trong một đời này, chắc chắn sanh về Tịnh Độ. “Tiện năng công siêu lũy kiếp” (liền có thể công vượt trỗi bao kiếp), lời này là thật đấy! Nếu chẳng tu pháp môn này thì trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất luận quý vị muốn tu hành pháp môn nào, tu đến mức thoát khỏi mười pháp giới phải mất bao lâu? Phải khá nhiều kiếp quý vị mới có thể thoát khỏi mười pháp giới. Quý vị vượt thoát lục đạo, chứng A La Hán quả. A La Hán lại phải tu hành hòng thoát lìa mười pháp giới, đây chẳng phải là chuyện dễ, trong Phật pháp thường nói là “vô lượng kiếp”. Nhưng dùng pháp môn Tịnh Độ thì Tịnh Độ được gọi là “hoành siêu”. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là tiến lên theo từng giai đoạn một, nên gọi là “thụ xuất” (thoát ra theo chiều dọc). Pháp môn Tịnh Độ chẳng dùng phương pháp ấy, từ trong nhân đạo (loài người), trực tiếp tiến sang thế giới Cực Lạc nên gọi là “hoành siêu” (siêu thoát theo chiều ngang). “Vãng sanh Cực Lạc, kính đăng Bất Thoái” (vãng sanh Cực Lạc, nhanh chóng đạt Bất Thoái),

“kính” () là nhanh chóng, “tiệp kính” (: con đường tắt), quý vị bèn chứng đắc Bất Thoái Chuyển, trong kinh văn luôn nói như thế. Trong kinh Vô Lượng Thọ, chính A Di Đà Phật nói, phẩm thứ sáu tức phần bốn mươi tám nguyện do chính A Di Đà Phật nói: Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, “giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát” (đều là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát), nói câu ấy. A Duy Việt Trí (Avaivartika) là tiếng Ấn Độ, dịch nghĩa sang tiếng Hán, có nghĩa là Bất Thoái Chuyển. Trong Bất Thoái Chuyển bao gồm ba thứ Bất Thoái Chuyển: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái. Ba thứ Bất Thoái Chuyển đều chứng đắc, là quả vị gì vậy? Nói thông thường, [địa vị ấy phải là] Sơ Trụ trong Viên Giáo hay Sơ Địa trong Biệt Giáo; cũng có nghĩa là người ấy đã vượt thoát mười pháp giới, đã vãng sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật thì mới chứng ba thứ Bất Thoái. A La Hán chỉ chứng Vị Bất Thoái, Bồ Tát chứng được Hạnh Bất Thoái, chứ Niệm Bất Thoái vẫn chưa đạt được, đều chưa ra khỏi mười pháp giới. Chứng đắc Niệm Bất Thoái, vượt thoát mười pháp giới, thật sự thành Phật! Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, một phẩm phiền não tập khí chúng ta vẫn chưa đoạn, hoàn toàn cậy vào tín nguyện trì danh, phải dựa vào đó, nương cậy Phật lực gia trì! Chính chúng ta chỉ cần thực hiện được bốn chữ “tín nguyện trì danh”, Phật lực sẽ gia trì, chúng ta bèn có thể vãng sanh, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói cách khác, mang theo phiền não, tập khí, nên gọi là “đới nghiệp vãng sanh”. Tu pháp môn khác sẽ chẳng thể [làm như vậy được], quý vị không thoát khỏi lục đạo luân hồi! Tu pháp môn này rất may mắn, không chỉ ra khỏi lục đạo, mà còn thoát khỏi mười pháp giới, quý vị nói xem: Khó có dường ấy! Đúng là công vượt trỗi bao nhiêu kiếp! Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho dù hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng chứng ba món Bất Thoái. Chứng ba món Bất Thoái mà trước đó còn có thêm một chữ, [tức là Viên], viên chứng ba món Bất Thoái! Điều này cũng không đơn giản! “Viên” () là viên mãn, [“viên chứng” là] chứng đắc viên mãn ba món Bất

Thoái, đó là ai? Từ Thất Địa Bồ Tát của Viên Giáo trở lên như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Chứng ba món Bất Thoái thì Sơ Trụ đã chứng đắc, nhưng nếu thêm chữ Viên thì phải là đã đạt đến Thất Địa! Không ai tin tưởng [chuyện này]; vì thế, pháp môn này được gọi "nan tín chi pháp" (pháp khó tin). Chúng ta có thể tin tưởng là nhờ vào đâu mà tin tưởng? Cậy vào bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Chẳng nhờ bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, làm sao có thể [tin được pháp môn này]? Đối với phàm phu, nói thật ra, [viên chứng ba thứ Bất Thoái] chẳng phải do chính quý vị chứng đắc. Trí huệ, đạo hạnh, thần thông, và phước báo

của quý vị bình đẳng với Thất Địa Bồ Tát là nhờ vào phước báo của A Di Đà Phật. Sang bên đó, hưởng phước của Ngài, chẳng phải là phước của chính mình, mà là hưởng phước của Phật. Nếu chính mình chứng đắc Thất Địa, [tức là] trong thế giới Cực Lạc, chính mình tu hành đã chứng đắc Thất Địa, đấy mới là phước báo của chính mình. Nếu chính mình chưa chứng đắc tới cấp bậc ấy, bèn hưởng thụ phước báo của A Di Đà Phật, cho nên tin tưởng, chẳng có nghi vấn gì. Đối với chúng ta, A Di Đà Phật ân đức to quá! Do vậy, chúng ta hãy nên tin tưởng những lời này, đó là lời thành thật, chân xác của Phật, của Tổ. Nói theo Lý, trong kinh đức Phật thường dạy: "Hết thảy pháp sanh từ tâm tưởng". Niệm niệm chẳng bỏ pháp môn này; pháp môn này là pháp môn bậc nhất, còn thù thắng hơn Hoa Nghiêm. Khi tôi giảng kinh này, mới thật sự biết cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói [kinh Vô Lượng Thọ] là trung bổn Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm quá dài, tôi cũng không nghĩ sẽ giảng. Lúc ấy, tôi phát nguyện trong một đời chuyên giảng bộ kinh này, giảng lần lượt từng lần, đã giảng được mười lần rồi. Về sau lại giảng kinh Hoa Nghiêm, duyên ấy do lâm trưởng Tân Gia Ba Cư Sĩ Lâm là Lý Mộc Nguyên khải thỉnh. Ông ta thay mặt lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ và Hàn Quán Trưởng, vì trong quá khứ, họ đã khải thỉnh, nhưng tôi chẳng phát tâm. Đến Tân Gia Ba, nhắc tới chuyện này, ông ta hết sức nhiệt tâm, trọn đủ oai nghi khải thỉnh, rất long trọng, rất trang nghiêm, tôi liền nhận lời, [điều này] cũng khiến cho chúng tôi hết sức cảm niệm: Trong quá khứ, Hàn Quán Trưởng của Hoa Tạng Đồ Thư Quán khi bệnh tình nguy kịch, trước khi vãng sanh hai ngày, đã thỉnh cầu lần nữa, mong muốn lưu lại một bộ CD/DVD giảng kinh Hoa Nghiêm cho người đời sau tham khảo. Do bà ta bệnh nặng, nhằm an ủi bà ta, nên tôi đáp ứng, tôi nói: "Được rồi! Chờ đến khi bà lành bệnh, chúng tôi sẽ khai giảng lần nữa", duyên phận như thế đó! Bộ kinh này (kinh Vô Lượng Thọ) quả thật là cương yếu của kinh Hoa Nghiêm, vấn đề gì cũng đều giải quyết. Trưa ngày hôm nay, mấy đồng tu Mã Lai đặc biệt đến Hương Cảng thăm viếng, có bàn tới một vấn đề, "thực hiện giáo học bằng kinh điển của tôn giáo nhằm cứu nguy địa cầu". Đoàn kết tôn giáo vẫn chưa đủ. Kinh điển của mỗi tôn giáo đều hay, quý vị lật ra xem, trong ấy đều là giảng về luân lý, đạo đức, nhân quả. Mỗi tôn giáo đều phải thật sự chú ý, coi trọng thực hiện giảng kinh, giáo học, cảm hóa lòng người, khuyên dạy mọi người quay đầu là bờ, thế giới này sẽ được cứu! Đó gọi là "cảnh tùy tâm chuyển", ai nấy đều có thể hướng thiện, người người đều có thể buông sai lầm xuống, buông ác niệm xuống, buông ác hạnh xuống, thế giới sẽ thật sự được cứu. Chúng ta bàn đến vấn đề này, vấn đề là sẽ thực hiện cụ thể như thế nào? Tiếp theo, sách viết: "Nhược vô như thị vi diệu pháp môn, phàm phu hà năng độ thử sanh tử nghiệp hải, nhi đăng bỉ ngạn" (Nếu không có pháp

môn vi diệu như thế này, phàm phu làm sao có thể vượt khỏi biển nghiệp sanh tử này, vượt sang bờ kia). Trong thời Mạt Pháp, từ nay về sau hãy còn chín ngàn năm nữa, trừ pháp môn này ra, chẳng có bất cứ một pháp môn nào mà hòng thành tựu, vì sao? Mỗi pháp môn đều phải đoạn phiền não, quý vị có thể đoạn Kiến Tư phiền não hay chăng? Chẳng nói chi khác, không tính tới Tư Hoặc, chỉ nói tới Kiến Hoặc, quý vị có thể đoạn hay chăng? Kiến Hoặc đoạn xong, mới chứng Sơ Quả trong Tiểu Thừa. Còn theo kinh Hoa Nghiêm của Đại Thừa, đó là địa vị Sơ Tín Bồ Tát; nói cách khác, [lúc ấy] quý vị mới nhập môn! Kiến Hoặc là gì? Nói chi tiết sẽ gồm tám mươi tám phẩm, nói đại lược, đức Phật quy nạp Kiến Hoặc thành năm loại lớn. Thứ nhất Thân Kiến, thứ hai là Biên Kiến, thứ ba là Kiến Thủ Kiến, thứ tư là Giới Thủ Kiến, thứ năm là Tà Kiến. Năm loại lớn này, quý vị có thể đoạn trừ hay chăng? Thật sự đoạn trừ, quý vị làm được bốn câu trong kinh Kim Cang: "Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng" thì mới đoạn được. Chúng ta hãy tự hỏi chính mình có thể làm được hay không? Làm không được! Đúng là khó! Từ vô thỉ kiếp tới nay đã chấp trước thân này là ta. Nay đức Phật bảo "thân này chẳng phải là ta", quý vị đừng vì cái thân mà bận tâm. Bận tâm vì cái thân chính là tạo oan nghiệt. Thân chẳng phải là ta, mà là gì? Thân là cái ta có, giống như y phục. Y phục chẳng phải là ta, y phục là cái ta có, thân thể là cái ta có. Do vậy, quý vị nhất định phải biết, ta bất sanh, bất diệt, ta vĩnh viễn chẳng chết. Thân thể có sanh diệt, giống như y phục, mặc rách một bộ quần áo bèn đổi bộ khác. Thân chúng ta dùng vài chục năm chẳng còn thuận tiện sử dụng nữa, bèn thay đổi, rất tự tại, rất vui vẻ, đổi lấy quần áo mới. Nhưng khi "thay quần áo" sẽ liên quan đến nghiệp lực của quý vị, quý vị suốt đời tâm lành, hạnh lành, sẽ càng thay đổi càng tốt đẹp. Nếu quý vị tâm hạnh bất thiện, càng thay đổi càng tệ: Đời này mang thân người, đời sau đổi thành thân súc sanh, đổi thành thân quỷ đói, càng thay đổi càng tệ! Nhưng bất luận thay đổi thân nào, thân luôn chẳng phải là chính mình, phải hiểu chuyện này! Thế tục thường nói chính mình là gì? Linh hồn là chính mình. Linh hồn chẳng sanh tử, nó đến kiếm thân xác trong lục đạo, đi tìm một cái thân. Tìm một cái thân cũng chẳng phải là tùy theo ý nghĩ của chính mình! Nếu tùy thuộc ý nghĩ của chính mình, chúng ta sẽ tìm lấy thân trời tốt đẹp hơn để hưởng phước trời. Việc tìm lấy cái thân mới bị chi phối bởi nghiệp lực. Vẫn là hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng! Tâm quý vị lành, sẽ tìm được [cái thân mới] toàn là tốt lành; tâm quý vị bất thiện, cái thân [và hoàn cảnh sống mới] mà quý vị tìm được cũng bất thiện. Do vậy, biết: Thiện tâm và thiện niệm trọng yếu lắm! Hiện thời, hoàn cảnh bên ngoài luôn dẫn dụ chúng ta khởi tham, sân, si, mạn. Tham, sân, si, mạn là tâm niệm bất hảo nhất. Nếu thật sự hiểu nhân quả báo ứng, quý vị sẽ có thể kềm chế chính mình. Theo lý luận nhân quả:

"Nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định" (một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định sẵn). Trong mạng mà có, quý vị sẽ nhất định đạt được. Nếu trong mạng không có, dùng thủ đoạn như thế nào cũng đều chẳng chiếm được, tội tình gì mà quý vị phải tạo ác, chẳng đáng! Phát tài như thế nào? Trong mạng quý vị có, bất luận quý vị buôn bán gì cũng đều phát tài. Trong mạng không có, quý vị nghĩ hết mọi cách vẫn chẳng phát tài. Quý vị cầm súng cướp bóc người khác cũng chẳng thể phát tài! Mới sờ đến súng đã bị cảnh sát thộp cổ! Quý vị chẳng có thì cần chi nữa! Ông Hồ Tiểu Lâm

hiểu rõ đạo lý này, trước đây đã dùng thủ đoạn bất chánh để kinh doanh, buôn bán, trật rồi! Nay đã hoàn toàn sửa đổi sai lầm ấy, thật thà kiếm tiền, doanh số hằng năm đều tăng lên. Ông ta mới hoảng nhiên đại ngộ, vốn chẳng phải là dùng bất thiện thủ đoạn mà hòng kiếm được, chẳng phải vậy! Do thủ đoạn bất thiện mà đạt được thì vẫn là do trong mạng của chính quý vị đã có. Nếu trong mạng quý vị không có, [vận dụng] thủ đoạn gì cũng chẳng đoạt được! Do vậy, chúng tôi suy ngẫm: Người Nhật Bản xâm lược Trung Quốc, toan chiếm lãnh Trung Quốc, nhưng họ thiếu phước báo, Trung Quốc chẳng phải của họ, đánh nhau tám năm rồi vẫn phải đầu hàng, chẳng phải là của họ mà! Chính phủ Mãn Thanh ở ngoài biên ải65 vào Trung Quốc thống trị hai trăm sáu mươi năm, họ làm được là vì có mạng, đất đai ấy là của họ. Nếu chẳng phải là của họ, dùng chiến tranh hay chiếm đóng đều chẳng được. Đúng là "nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định". Dùng thủ đoạn chiến tranh để đoạt được vẫn là do trong mạng của chính mình có, nhưng thủ đoạn chiến tranh là thủ đoạn hết sức tồi tệ! Quý vị giết bao nhiêu người, gây tổn thất tài sản cho bao nhiêu người dân, đó là điều ác cực lớn, đều có báo ứng, quý vị hưởng hết phước sẽ mắc quả báo. Làm vua mà làm không tốt, sau khi mất nước, còn phải trả nợ, còn phải thường mạng, đâu có chuyện tiện nghi như vậy! Vì thế, người thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật, vọng niệm hoàn toàn đoạn dứt. Gì là tốt? Vẫn là niệm Phật tốt đẹp, vẫn là vượt thoát lục đạo luân hồi, vượt thoát mười pháp giới là tốt đẹp! Người ấy làm chuyện này, chẳng làm gì khác! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây! Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa phần 6 hết

---o0o---

Phần 07

Tập 13

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại

Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, dòng cuối trang thứ mười hai, chúng ta xem từ câu thứ hai.

"Duy lại thử phương tiện pháp môn, đản bằng tín nguyện trì danh, tiện năng công siêu lũy kiếp, vãng sanh Cực Lạc, kính đăng Bất Thoái" (Chỉ nhờ vào pháp môn phương tiện này, cậy vào tín nguyện trì danh, công liền vượt trỗi bao kiếp, vãng sanh Cực Lạc, nhanh chóng chứng lên Bất Thoái). Lần trước chúng ta học tập tới đây. Hôm nay chúng ta tiếp tục: "Nhược vô như thị vi diệu pháp môn, phàm phu hà năng độ thử sanh tử nghiệp hải, nhi đăng bỉ ngạn" (Nếu chẳng có pháp môn vi diệu như thế này, phàm phu làm sao có thể vượt qua biển nghiệp sanh tử này, lên được bờ kia). Đây là cụ Niệm Tổ cảm thán vô hạn, nhắc nhở chúng ta: Nếu không có pháp môn này, tức là pháp môn "tín nguyện trì danh, vãng sanh Tịnh Độ" này, có thể nói là chúng sanh đời Mạt Pháp sẽ chẳng một ai có thể vượt thoát sanh tử luân hồi trong một đời này. Vì sao nói như thế? Vì tám vạn bốn ngàn pháp môn đều phải tiêu nghiệp chướng, chẳng hề đới nghiệp. Lục đạo do Kiến Tư phiền não biến hiện; đoạn Kiến Tư phiền não thì luân hồi lục đạo chẳng còn nữa! Quả thật lục đạo giống như một cơn ác mộng; đoạn xong Kiến Tư phiền não sẽ tỉnh giấc mộng. Đó là như đức Phật thường nói trong kinh: "Hết thảy những gì có hình tướng đều hư vọng", chẳng thật! Trong kinh Phật nói [điều này] rất nhiều, quý

vị quan sát cẩn thận, sẽ thấy đúng như đức Phật đã nói, đức Phật dạy chẳng sai một tí nào! Chúng ta đã luân hồi trong thế gian này chẳng biết bao nhiêu lần, chẳng thể nói rõ được! Do tập khí quá nặng, thời gian quá dài, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, chúng ta muốn đoạn nhưng chẳng thể đoạn được. Kiến giải sai lầm, chấp trước nhục thân này là chính mình, luôn vì thân thể này, tuy thân thể chẳng phải là ta, mà vì nó bèn tự tư tự lợi, mưu cầu tiếng tăm, lợi dưỡng. Quý vị thấy: Vì ba tấc lưỡi chẳng nát thường muốn nếm ngũ vị, quý vị nói xem ta đã vì nó mà tạo bao nhiêu tội nghiệp? Ăn thứ này thứ nọ, nuốt qua khỏi cổ họng sẽ chẳng còn mùi vị gì nữa, chẳng nhận biết nữa, nhưng do ba tấc lưỡi tham đắm vị ngon, cả đời này đã tạo bao nhiêu nghiệp? Thân này không phải là ta, mấy ai giác ngộ? Thân thể này là huyễn tướng, là công cụ; khi mê công cụ này tạo nghiệp; lúc giác ngộ nó bèn tu tập, tích lũy công đức. Chúng ta phải khéo lợi dụng công cụ này, đừng để nó tạo tội nghiệp, phải dùng nó để giúp chúng ta hóa giải oán nghiệp, tiêu trừ chướng ngại, như vậy là đúng! Các tổ sư đại đức trong Phật môn chỉ dạy chúng ta hãy "tá giả tu chân" (nhờ vào cái giả để tu cái thật), thân thể này là giả, nhờ vào nó để tu chân. "Chân" là chân tánh; chân tánh bất sanh bất diệt, đấy mới là chính mình. Do vậy, nói chung, phải nhận biết rõ ràng. Nếu không nhận biết rõ ràng, sẽ mê hoặc. Chỗ tốt đẹp trong môn này là đới nghiệp vãng sanh, có thể mang theo tập khí phiền não từ vô thỉ kiếp tới nay đi vãng sanh, nhưng có điều kiện: Mang theo nghiệp quá khứ, chẳng mang theo nghiệp hiện hành; [tức là chỉ] có thể mang theo tội nghiệp đã tạo trong quá khứ. Quá khứ là gì?

Những gì đã tạo trong ngày hôm qua đều là quá khứ, có thể mang theo được, nhưng nếu lại tạo tác trong ngày hôm nay, sẽ không thể vãng sanh. Chúng ta mong cầu vãng sanh, tội nghiệp đã tạo trong ngày hôm qua có thể sám hối, hôm nay ta sửa lỗi, đổi mới, ngày hôm nay niệm Phật có thể vãng sanh hay không? Chắc chắn có thể vãng sanh. Trong trường hợp nào sẽ chẳng thể vãng sanh? Ngày hôm nay vẫn tạo [tội lỗi] thì chẳng có cách nào cả! Quý vị thấy pháp môn này thù thắng lắm! [Nghiệp chướng trong] ngày hôm qua đều có thể mang đi; chỉ sợ lúc lâm chung vẫn tạo nghiệp! Nếu như vậy thì chẳng có một tí ti biện pháp nào! Tạo nghiệp gì vậy? Trong hơi thở cuối cùng, vẫn còn ý niệm tư lợi, còn có ý niệm tiếng tăm, lợi dưỡng, còn có ý niệm thấy có kẻ nào xử tệ với ta, ta vẫn chưa báo thù. Khi những ý niệm ấy khởi lên, sẽ không thể vãng sanh. Đối với người nhà, quyến thuộc thì tham ái, đối với chính mình thì do có lắm của cải, niệm niệm chẳng buông bỏ, như vậy là không được rồi! Đều phải bỏ sạch sành sanh, chẳng nhiễm mảy trần, một tí vướng mắc cũng chẳng có, lúc ấy mới có thể vãng sanh. Mấu chốt là một niệm cuối cùng. Do duyên này quá thù thắng, mà cũng quá khó có, Phật, Tổ dạy chúng ta mỗi ngày đều phải nghĩ đến vãng sanh. Nói cách khác, mỗi ngày đều phải nghĩ buông xuống, triệt để buông xuống, chẳng lưu luyến bất cứ thứ gì. Mỗi ngày đều suy niệm như thế. Ngày hôm nay đức Phật đến tiếp dẫn, ta lập tức ra đi, vướng mắc gì cũng chẳng có, như thế thì quý vị sẽ thật sự vãng sanh. Quý vị chẳng thể nói: "A Di Đà Phật hãy chờ con, con còn có chuyện chưa lo liệu xong xuôi!" A Di Đà Phật chẳng chờ quý vị, Ngài lại đi mất, quý vị đã bỏ lỡ cơ hội. Vì thế, pháp môn này thật là vi diệu. Kế đó, sách viết: "Cố đại bi từ phụ, lưỡng độ đạo sư" (vì thế, đấng đại bi từ phụ, đấng đạo sư hai cõi), từ ngữ "đại bi từ phụ" chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà

Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật là Đạo Sư trong thế giới này, A Di Đà Phật là Đạo Sư của thế giới Cực Lạc. “Mẫn niệm ngã đẳng, khai thử Tịnh Độ pháp môn, diệu hiển khổ lạc nhị độ, khích dương trầm mê chúng sanh” (nghĩ thương chúng ta, nên mở ra pháp môn Tịnh Độ này, khéo léo chỉ bày hai cõi sướng và vui, nhằm khích động, cổ vũ chúng sanh đang mê muội chìm đắm). Mở ra pháp môn này; nói thật ra, pháp môn này là đại từ bi nguyện lực của A Di Đà Phật. Hết thảy chư Phật thành Phật quả thật hoàn toàn bình đẳng, trí huệ bình đẳng, đức năng bình đẳng, phước báo bình đẳng. Vì sao các thế giới của chư Phật không giống thế giới Cực Lạc? Đấy là do lúc tu Bồ Tát Đạo, nguyện lực khác nhau. A Di Đà Phật phát nguyện phổ độ hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới. Phát nguyện quá lớn như vậy, từ phần bốn mươi tám nguyện trong kinh này, chúng ta sẽ thấy, quý vị hãy đọc kỹ càng, chư Phật Như Lai có nguyện lực khác nhau. Vì thế, sau khi thành Phật, Tịnh Độ [của chư Phật] thắng diệu cũng chẳng giống nhau. Trừ điều đó ra, chẳng có gì không giống nhau. Đức

Phật thương xót chúng ta, đặc biệt là đối với chúng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư phiền não tập khí nặng nề. Do vậy, cổ đức đã nói: “Pháp môn này trước là độ phàm phu, sau là độ thánh nhân”, lời này là thật, chẳng giả! Phàm phu trọn đủ ba điều kiện “Tín, Nguyện, trì danh niệm Phật”, đầy đủ ba điều kiện này sẽ thành công. Do mở ra pháp môn này là pháp môn đặc biệt ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, nên gọi là “môn dư đại đạo” (con đường to lớn nằm ngoài các pháp môn). “Diệu hiển khổ lạc nhị độ”: Thế giới Cực Lạc sung sướng, thế giới Sa Bà khổ sở. Lúc tôi mới học Phật vào sáu mươi năm trước, thấy kinh Vô Lượng Thọ giảng những khổ báo của chúng sanh, lúc đó, tôi cảm thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nói hơi phóng đại một chút, thế gian này đâu đến nỗi khổ sở dường ấy? Nhưng đến hiện tại thì sao? Nay đọc lại kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật nói chẳng sai tí nào! Ngài nói về thế gian hiện thời của chúng ta! Trong thế giới này, đúng là chẳng cần biết nghèo, giàu, sang, hèn, quý vị hãy xét coi có ai hạnh phúc? Có ai sống khoái lạc trong thế gian này? Người nào sống trong thế gian này có cảm giác an toàn? Tìm không ra! Nay chúng ta vì sao chẳng có phước báo nhân thiên như trong kinh đã dạy? Phước báo ấy đi đâu rồi? Thật ra là có phước báo, nhưng đã bị chính chúng ta phá hỏng! Vì sao? Chúng ta sống chưa ra người. Điều kiện tối thiểu để được coi là con người là “nhân giả ái nhân” (người có lòng nhân yêu thương con người). Sách Đệ Tử Quy chép: “Phàm thị nhân, giai tu ái” (phàm là người, đều phải yêu thương), người có lòng nhân yêu thương con người. Người Hoa nói đến “nhân”, [tức là] nhân trong “nhân nghĩa”, quý vị thấy bên cạnh chữ Nhân () là Nhị (), đó là Nhân (). Nghĩ đến chính mình đồng thời nghĩ đến người khác, đó là Nhân; chỉ nghĩ tới mình, chẳng nghĩ tới ai khác, sẽ chẳng phải là Nhân. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc dạy chúng ta: Chỉ có con người biết báo ân, tri ân, báo ân, con người hiểu biết [điều này]. Báo ân thì điều thứ nhất là báo ân cha mẹ. “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta điều này. Tại Trung Quốc, đời đời kiếp kiếp tổ tiên dạy người khác như vậy. Nay chúng ta chẳng biết ân cha mẹ, mà cũng không biết ơn thầy, nói thật ra, hiện thời kẻ làm cha mẹ chẳng biết làm [tròn trách nhiệm của cha mẹ], luôn bận bịu với công chuyện của chính mình. Con thơ chẳng do chính mình nuôi dạy, toàn là giao cho người khác chăm bẵm, thiếu sót bổn phận đối với con, chẳng có ơn

nghĩa với con, làm sao trẻ nhỏ biết báo ân? Thầy chẳng dạy học trò, chẳng thật sự dạy. Vì thế, học trò cũng chẳng biết cảm kích ơn thầy! Vấn đề này hết sức phức tạp, vì lẽ gì xã hội trở thành nông nỗi này? Bắt chước nói theo một câu trong Phật pháp, "là do vô lượng nhân duyên" rất phức tạp!

Đức Phật dạy chúng ta dùng tâm thái gì để sống, để ứng phó với xã hội hiện tiền? Đức Phật nói rất hay, chính quý vị phải nhận biết: "Tổ tiên bất thiện (vô tri)" (Tổ tiên chẳng lành (vô tri)), kinh Vô Lượng Thọ đã nói như vậy. Cha mẹ chúng ta chẳng biết, vì sao cha mẹ không biết? Ông bà không biết, chẳng dạy họ. Vì sao ông bà không biết? Ông bà cố chẳng dạy. Tính ngược lên từng đời một, tối thiểu là năm đời, năm đời trước đây cha mẹ thật sự dạy bảo. Vì lẽ nào, sau năm đời chẳng dạy nữa? Chẳng phải là cha mẹ không dạy, mà tại Trung Quốc, xã hội động loạn, kể từ khi nhà Thanh sụp đổ, quân phiệt cát cứ66, xã hội động loạn, tiếp theo đó là chiến tranh Trung Nhật, tám năm kháng chiến đã phá sạch [nền tảng] gia đình. Vì thế, mãi cho đến ngày nay, tối thiểu có từ bốn đời đến năm đời thiếu sót sự giáo dục trong gia đình. Gia tộc chẳng còn nữa, gia tộc nay đã không có, lấy đâu ra gia giáo? Trước thời Kháng Chiến còn có gia tộc, còn có gia giáo. Lứa tuổi chúng tôi kể ra hết sức may mắn, sanh trưởng tại nông thôn; nếu sanh trưởng tại đô thị, gia giáo cũng không có, nhưng ở nông thôn thì có, còn bảo tồn nền văn hóa từ xưa. Quê hương chúng tôi lại tương đối đặc thù một chút, vào hai triều đại Minh - Thanh, cái nôi của Đồng Thành học phái ở ngay tại quê tôi. Phong thái học hành tại quê tôi rất thịnh, trong hương thôn có trường tư thục; cho nên còn dính líu đôi chút với gia giáo. Đại khái là sau năm Dân Quốc hai mươi mấy, khoảng từ năm Dân Quốc hai mươi ba, hai mươi bốn trở đi, không còn gia giáo nữa. Tư thục ở hương thôn đổi thành trường Tiểu Học, chẳng còn học cổ thư nữa; từ đấy về sau, đương nhiên chẳng còn ai biết đến chuyện này. Do vậy, hình thành tình trạng giáo dục hiện thời đúng là đời sau kém hơn đời trước. Hiện thời, hoàn toàn chẳng thấy [đức dục] nữa! Trong kinh điển, đức Phật giảng hai cõi sướng và khổ, nay chúng ta hoàn toàn thấu hiểu, nhưng phải nhớ lời Phật khai thị: "Tổ tiên bất thiện (vô tri), bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả" (Tổ tiên bất thiện, chẳng biết đạo đức, không có ai nói). Không có ai giảng cho chúng ta, chúng ta làm chuyện sai quấy, đức Phật khoan hồng độ lượng, tha thứ, chẳng trách móc, chẳng chỉ trích chúng ta. Chúng ta cũng phải dùng tâm thái này để đối đãi hết thảy chúng sanh làm ác trong hiện tại, cũng phải giống như đức Phật khoan dung đối với bọn họ. Bọn họ đáng thương, vô tri mà! Nếu họ được tiếp nhận giáo dục văn hóa truyền thống Trung Quốc như thời cổ, sẽ chẳng làm như vậy. Hiện thời, khắp thế giới xã hội động loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra, có phương pháp nào cứu vãn hay chăng? Phương pháp có chứ! Trước đây đã từng có người hỏi tôi, người ấy nói: Khi chúng tôi còn thơ, hễ gặp khó khăn sẽ nhờ cha mẹ [hướng dẫn cách] giải quyết. Nay chúng ta gặp khó khăn thì phải làm sao? Vẫn theo lệ ấy! Tìm đến tổ tiên, vấn đề sẽ được giải quyết, thật sự có thể giải quyết. Tổ tiên không còn trên đời, nhưng trí huệ và kinh nghiệm của tổ tiên truyền lại, ở nơi đâu? Trí huệ của tổ tiên ở trong kinh điển. Quý vị

thấy những gì được biên tập trong Tứ Khố Toàn Thư là kinh, sử, tử, tập67, trí huệ ở trong kinh và tử, còn kinh nghiệm thì sao? Kinh nghiệm trong phần sử, quý vị tìm tòi trong lịch sử, chắc chắn có phương pháp giải quyết. Tổ tiên biết rõ ràng, sợ người đời

sau sơ sót, nên đã đặc biệt nêu ra một chân lý vĩnh hằng không thay đổi, đó là chân lý gồm tám chữ: "Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên" (Xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, giáo dục làm đầu). Dùng phương pháp gì để giải quyết vấn đề? Giáo học! Giáo học có thể giải quyết vấn đề. Nói theo căn bản Phật pháp, đức Phật biết khổ và sướng, khéo léo chỉ bày khổ và sướng, khổ do đâu mà có? Do mê hoặc, điên đảo mà có! Quý vị mê rồi bèn làm chuyện sai trái, sẽ bị khổ báo, mê mất rồi! Nếu quý vị giác ngộ, tỉnh ngộ, sẽ chẳng làm chuyện ác, sẽ đoạn ác làm lành, bèn lìa khổ, được vui. Đây là một đại tiền đề (antecedent), đại nguyên tắc. Nay chúng sanh khổ như thế, không ai dạy, dạy gì? Dạy con người giác ngộ, đó là giáo dục. Không phải là dạy khoa học, kỹ thuật, đó không phải là giáo dục; người Trung Quốc nói tới "giáo dục" thì giáo dục có nghĩa là dạy con người giác ngộ, đó là giáo dục, chúng ta phải hiểu rõ chuyện này! Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc dạy con người giác ngộ từ nhỏ, hiểu mối quan hệ giữa con người với nhau, sẽ mới có thể suốt cuộc đời sống hạnh phúc mỹ mãn, sẽ có quan hệ cư xử hết sức tốt đẹp; quan hệ cư xử tốt đẹp thì gọi là "đức". Thông hiểu mối quan hệ nhân quả, không chỉ chẳng làm chuyện ác, mà ngay cả ác niệm cũng chẳng dấy lên. Thiện có thiện báo, ác có ác báo, tâm quý vị thiện, tư tưởng thiện, ngôn ngữ thiện, hành vi thiện, quý vị suốt đời hưởng phước báo bất tận, phước báo do vậy mà có! Người thế gian coi hưởng thụ vật chất là phước báo, thật ra, đó là một phần nhỏ trong phước báo. Của cải là do trong mạng có. Trong mạng có bao nhiêu, quý vị chẳng có cách nào cưỡng cầu. Quý vị muốn vượt hơn số lượng của cải đã định sẵn trong số mạng, đó là chuyện không thể nào xảy ra được! Sẽ chẳng làm được! Trong mạng quý vị đã có, mong giảm bớt một chút cũng chẳng giảm được! Trong mạng của quý vị có [của cải, phước lộc] như thế nào? Trong đời quá khứ đã gieo nhân, đời này quả báo hiện tiền. Của cải là quả báo, bố thí tài vật là nhân. Đời này là phú ông giàu có vạn ức, kiếp trước tu Tài Bố Thí khá nhiều, đến khắp nơi phân phát của cải. Khi thấy kẻ bần cùng cần đến, chẳng mảy may keo kiệt, đến đời này suốt đời được giàu có lớn, [tiền của] đưa đến như thế đó! Thông minh, trí huệ là quả báo, trong đời quá khứ tu pháp bố thí. Khỏe mạnh trường thọ là quả báo, trong đời quá khứ tu vô úy bố thí. Tu ba thứ bố thí này, sẽ đạt được ba thứ quả báo: Tiền của, thông minh trí huệ, và khỏe mạnh, trường thọ. Trong đời quá khứ chẳng tu, nếu đời này may mắn, gặp cao nhân chỉ điểm, quý vị có thể tin tưởng, tu trong đời này vẫn kịp. Tôi là một kẻ may mắn, khi tôi còn trẻ, ba điều này (phú quý, trí huệ, thọ mạng) đều không có. Có rất nhiều người xem tướng,

đoán mạng cho tôi, tôi rất tin lời họ: Trong mạng tôi, của cải trống trơn, có số ăn mày, còn được một chút thông minh trí huệ; suốt đời này muốn chuyển biến phải dựa vào điều này. Chẳng vô úy bố thí nên đoản mạng, tôi tin tưởng. Người ở quê tôi đều biết: Đời ông cố tôi còn khá, đến đời ông nội tôi gia cảnh đã lụn bại, đến đời cha tôi nghèo túng không có mảnh đất cắm dùi, chẳng có được một mẫu ruộng nào ở quê nhà, không có nhà cửa để ở! Một mình tôi theo các bạn học đến Đài Loan, gặp được văn hóa truyền thống, gặp được Phật pháp. Chương Gia đại sư khuyên tôi xuất gia, vì tôi một thân một mình chẳng phải lo lắng gì. Số mạng tệ quá, chẳng có của cải gì, Ngài dạy tôi tu; vì thế, lão nhân gia dạy tôi tu Tài Bố Thí. Tôi thưa: "Con cơm còn chưa đủ ăn, lấy đâu ra để Tài Bố Thí?" Ngài hỏi tôi: "Có cắc nào hay chăng?" Một cắc thì được! "Một đồng tiền có hay

chăng?” Miễn cưỡng thì một đồng cũng được! “Anh hãy bố thí từ một cắc, một đồng, phải có ý niệm bố thí, phải có cái tâm này. Hễ gặp cơ hội, anh bèn tu, thật sự làm!” Khi ấy, tôi đã hiểu, biết Phật pháp chẳng phải là mê tín, thường đến chùa miếu, tới chùa miếu để làm gì? Tìm đọc kinh sách. Do thuở ấy, chẳng thể mua kinh Phật ngoài phố, chẳng thể mua kinh sách được, chỉ có trong chùa miếu Phật giáo mới có kinh Phật, [nhà chùa] có tàng kinh lâu, có thư viện, có thể mượn đọc. Kinh điển trọng yếu như Đại Tạng Kinh không cho mượn về, chỉ đành lợi dụng ngày cuối tuần hay ngày nghỉ đến đó sao chép. Vì thế, gặp gỡ mấy vị cư sĩ, khi đó, chúng ta còn chưa gọi họ là cư sĩ, cầm cuốn sổ nhỏ đến hóa duyên in kinh, mọi người tùy hỷ bỏ ra chút ít. Gặp tôi, tôi ghi hai cắc, ba cắc, năm cắc, tôi chỉ có sức đến đó, thầy dạy tôi như thế. Còn có phóng sanh, phóng sanh cũng là góp tiền, chúng tôi cũng đóng góp một chút như thế, bắt đầu làm. Càng làm, hoàn cảnh càng tốt đẹp hơn. Quý vị thấy trong mười năm gần đây, mỗi năm tôi bố thí để làm những thiện sự gần như là một ngàn vạn Mỹ kim, tôi nằm mộng cũng không ngờ là càng thí càng nhiều! Pháp bố thí tăng trưởng thông minh, trí huệ, tuổi thọ [theo số mạng của tôi] là bốn mươi lăm tuổi, tôi đã sống lâu hơn bốn mươi năm, đó là gì? Vô úy bố thí. Vô úy bố thí thứ nhất là ăn chay, không kết oán cừu với chúng sanh. Tôi ăn chay đến năm nay là năm mươi chín năm, sang năm là sáu mươi năm, ăn chay, chẳng kết oán cừu với chúng sanh! Phóng sanh, bố thí thuốc men; bố thí thuốc men sẽ không sanh bệnh. Vì thế, tôi bảo mọi người: Vì sao tôi không thể bị bệnh? Không có tiền thuốc thang, tiền thuốc thang đem bố thí hết rồi! Nếu tôi để dành một khoản tiền chữa bệnh, chắc chắn phải ngã bệnh, vì sao? Quý vị đã chuẩn bị kỹ lưỡng, khoản tiền ấy dùng để chữa bệnh, chắc chắn quý vị phải sanh bệnh thì mới dùng khoản tiền ấy được! Do vậy, tôi đem khoản tiền thuốc men tặng cho bệnh viện để bố thí cho người nghèo cùng mắc bệnh, giúp đỡ họ, hàng năm giúp cho họ hơn hai mươi vạn. Do tiêu hết khoản tiền thuốc nên khỏe mạnh, trường thọ, sẽ không

thể ngã bệnh, chẳng mắc bệnh. Những chuyện này đều do thầy dạy, tôi tin tưởng thầy, y giáo phụng hành, cho nên đời này sống rất tự tại, sống rất hạnh phúc. Hạnh nghiệp này là đi theo con đường của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời dạy học, chỉ dạy học, chẳng làm chuyện gì khác! Nay chúng ta thật sự hiểu rõ: Chỉ có giáo học là có thể giúp hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui. Khổ lạc là quả báo, nhân là mê ngộ, giáo học giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, là cái quả tự nhiên, lẽ nào Ngài chẳng lìa khổ được vui? Nhìn lại, tôi thấy tất cả những vị sáng lập tôn giáo đều là những người hết sức lỗi lạc, vì sao? Đều là giáo học. Thuở tại thế, Gia Tô (Jesus) dạy học ba năm, Ngài bị người ta hại chết. Nếu chẳng bị kẻ khác hại chết, tôi tin Ngài sẽ giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời dạy học. Mục Hãn Mặc Đức (Mohammed, Muhammad) dạy học hai mươi bảy năm. Thời gian Phật Thích Ca dạy học dài nhất, bốn mươi chín năm. Dạy học vui sướng, nâng cao đức hạnh và trí huệ của chính mình, giúp người khác phá mê khai ngộ. Vì thế, để cứu vãn phong khí xã hội hiện thời, dùng phương pháp gì? Dạy học. Nếu quốc gia nào hiểu rõ, người lãnh đạo đất nước giác ngộ, hiểu rõ, lợi dụng đài truyền hình và mạng Internet của đất nước để dạy những khoa mục luân lý, đạo đức, nhân quả, những khoa mục ấy đều giúp cho con người giác ngộ, tôi tin tưởng quốc gia ấy tối đa sau một năm, xã hội sẽ an định, vấn đề sẽ được giải quyết.

Trong quá khứ, tôi đã bàn với nhiều người, trong khi giảng kinh cũng nhắc tới, hiện thời, quốc gia cần loại nhân tài nào bức thiết nhất? Giáo viên giáo dục truyền thống. Nếu đất nước có thể bồi dưỡng năm mươi, sáu mươi giáo viên, thiết lập một đài truyền hình chuyên phát sóng trong hai mươi bốn giờ, thì sức mạnh của năm mươi, sáu mươi giáo viên ấy sẽ hơn năm trăm vạn đại quân, trong thời gian một năm có thể đưa quốc gia xã hội theo đúng quỹ đạo. Ai nấy đều giác ngộ, tai nạn sẽ hóa giải, ngay cả thiên tai cũng chẳng còn! Hết sức đáng tiếc là hiện thời nhiệm kỳ tuyển cử [của Tổng Thống hay Thủ Tướng ở] các quốc gia Tây Phương là bốn năm, đầu óc họ luôn nghĩ cách tranh thủ phiếu bầu cho nhiệm kỳ tới, chẳng hề nghĩ đến chuyện này, rất đáng tiếc! Hễ tôi có cơ hội vẫn khuyên họ, đừng bận tâm đến phiếu bầu, nhiệm kỳ kế tiếp đắc cử hay không chẳng sao cả, chính mình trong thời gian bốn năm hãy khéo làm tốt chuyện này, công đức to lắm! Công đức không gì có thể sánh bằng, hơn đắc cử nhiều lắm, đây là chuyện chúng ta phải nên làm. Do vậy, đối với "diệu hiển khổ lạc", nay chúng ta mới thật sự thấu hiểu dụng tâm giảng kinh của đức Thế Tôn từ hơn hai ngàn năm trăm năm trước. Dụng tâm chân thật nhằm khích phát, cổ vũ chúng sanh đang mê muội, chìm đắm. Chúng ta đã giác ngộ, hãy giúp người khác giác ngộ. Chúng ta biết phương pháp này, phải giúp đỡ những vị đại đức có địa vị, có cơ duyên.

"Thử đại hỏa tụ, bỉ thanh lương trì" (cõi này là đống lửa lớn, cõi kia là ao thanh lương), "thử" là thế giới của chúng ta. Thế giới này quá nhiều khổ nạn, "đại hỏa tụ" là giống như địa ngục. "Bỉ" là Tây Phương Cực Lạc thế giới, nơi đó là ao thanh lương. Chúng ta học tập kinh Phật, cũng thường nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thế giới ấy có khác gì thế giới của chúng ta hay chăng? Chẳng sai khác mảy may! Vì lẽ gì nơi này là đống lửa lớn, nơi kia là ao thanh lương? Cư dân có tâm tư khác nhau. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu thế giới Cực Lạc, như trong kinh Di Đà đã nói: Thế giới ấy là "chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ", người trong thế giới ấy như thế nào? Thượng thiện. "Thiện" có tiêu chuẩn, tức là Thập Thiện Nghiệp, chẳng sát sanh, không ăn trộm, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu, chẳng nói thêu dệt, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, người thực hiện viên mãn mười điều này chính là thượng thiện! Ai nấy đều như vậy, nên thế giới đó tốt đẹp. Trong kinh điển, đức Phật thường dạy: "Tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển". Con người ở bên ấy mang tấm lòng thượng thiện, nên chẳng có gì bất hảo, tướng mạo con người đẹp đẽ, hoàn cảnh sống tốt đẹp, tai nạn gì cũng đều không có. Nhìn lại thế giới của chúng ta thì sao? Cũng là "thượng", chẳng khác gì thế giới Cực Lạc, nhưng chẳng phải là thiện, mà là ác, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, cho đến tham, sân, si, cũng là làm rất viên mãn, cho nên có phiền phức đưa tới liền! Vì thế, xã hội động loạn, thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra; bới tung cả thế giới, phú quý hay bần tiện đều chẳng có cảm giác an toàn, đều chẳng cảm thấy hạnh phúc, quý vị nói thử xem thế giới chúng ta đang sống đây có đáng thương quá hay chăng? Chúng ta có cảm giác an toàn đôi chút, không bị sợ hãi, có cảm giác hạnh phúc, là vì sao? Chúng ta chỉ biết chắc chúng ta sống sót ngày hôm nay, chẳng nghĩ đến ngày mai, cho nên hôm nay phải rất hạnh phúc. Chuyện đáng nên làm bèn thực hiện tốt đẹp, toàn bộ những chuyện chẳng nên làm đều buông xuống, chẳng lo nghĩ. Nếu nghĩ đến ngày mai, sang năm, năm sau, sẽ rắc rối to, quyết định không có

ý niệm này, niệm niệm tưởng sanh về thế giới Cực Lạc, niệm niệm nghĩ tới A Di Đà Phật. Nói chung, ta có một ngày để nghĩ đến Ngài, chẳng nghĩ chi khác! Nghĩ nhớ A Di Đà Phật là thượng thiện, A Di Đà Phật là bậc thượng thiện, Thập Thiện nghiệp đều viên mãn. “Bảo liên tại tiền, đao sơn tại hậu” (sen báu trước mặt, núi đao sau lưng), chuyện này là do chúng ta chọn lựa. Chọn lựa Tây Phương Cực Lạc thế giới thì ao sen bảy báu ở trước mặt. Nếu không đến được thế giới Cực Lạc, vẫn muốn ở lại thế giới này, thì đao sơn sẽ ở sau lưng, đó là gì? Địa ngục! Đao sơn địa ngục đấy! Quý vị tiến lên trước, hay lùi về sau? Quý vị hãy liễu giải chân tướng sự thật này. “Ư thị, tự nhiên sanh khởi thắng nguyện, yếm ly Sa Bà, cầu sanh Cực Lạc” (Do vậy, tự nhiên sanh khởi ý

nguyện thù thắng, chán lìa Sa Bà, cầu sanh Cực Lạc). Quý vị phải thật sự biết, vì sao? Thì mới có thể buông xuống, chẳng còn tham luyến thế gian này, chẳng còn tạo nghiệp luân hồi. Không chỉ chẳng tạo nghiệp luân hồi, mà cái tâm luân hồi cũng phải đoạn. Đoạn cái tâm luân hồi như thế nào? Đặt cái tâm của A Di Đà Phật ở chính giữa [tâm mình], hết thảy các tạp niệm khác đều vứt bỏ, tâm luân hồi sẽ chẳng còn! Tâm quý vị sẽ là tâm A Di Đà Phật. Vì thế, đối với khóa tụng sáng tối của các đồng học Tịnh Tông chúng ta, trong khóa sáng, chúng ta chưa thể niệm toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ, tôi khuyên mọi người trong khóa sáng hãy niệm phẩm thứ sáu, tức phần bốn mươi tám nguyện. Phải đem bổn nguyện của A Di Đà Phật biến thành bổn nguyện của chính mình. Ta và A Di Đà Phật đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh, há còn chẳng thể vãng sanh ư? Chắc chắn vãng sanh! Khóa tối, chúng ta chọn từ phẩm ba mươi hai tới phẩm ba mươi bảy nhằm sám trừ nghiệp chướng, đoạn kinh văn này giảng gì? Giảng Ngũ Giới, Thập Thiện. Dùng tiêu chuẩn này để tu chỉnh khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi tạo tác của chúng ta. Phải thật sự hành Thập Thiện, phải thật sự đoạn bất thiện. Đọc hằng ngày, học hằng ngày, giảng hằng ngày, quý vị nói có phải là sung sướng, hạnh phúc lắm hay không? Chẳng phải là giảng cho người khác nghe, mà là giảng cho chính mình nghe; người khác là bàng thính (nghe ké), chính mình thật sự học. Mỗi ngày nâng cao cảnh giới và đức hạnh của chính mình, tăng trưởng trí huệ của chính mình, trong thế gian này còn có chuyện gì tốt đẹp hơn chuyện này? Thật sự thông đạt đạo lý, thật sự hiểu rõ, tự nhiên quý vị có thể buông xuống, buông Sa Bà khổ sở xuống, đạt được Cực Lạc sung sướng. Thật tâm cầu sanh Cực Lạc, chẳng giả! “Ký sanh tín nguyện, cánh trì danh hiệu, tiện đắc độ thoát” (đã sanh tín nguyện, lại còn trì danh hiệu, liền được độ thoát), chân tín! Vì sao người niệm Phật chẳng thể vãng sanh? Lòng tin chẳng đủ, người ấy hoài nghi! Vì sao hoài nghi? Liễu giải Lý Sự chưa đủ thấu triệt. Vì sao đức Phật giảng kinh, thuyết pháp mỗi ngày? Giảng kinh, thuyết pháp nhằm mục đích giúp mọi người đoạn nghi, sanh tín. Nếu là chân tín, sẽ có thể chẳng cần nghe kinh, mà cũng có thể chẳng cần niệm kinh. Phải hiểu đức Phật giảng kinh nhằm mục đích giúp chúng ta đoạn nghi rồi mới sanh tín. Sau khi đoạn nghi, sanh tín, quý vị thật sự phát nguyện, hiểu luân hồi thật sự khổ, sở, chẳng thể luân hồi nữa! Trong dĩ vãng đã luân hồi nhiều như vậy, chẳng có cách nào tín toán số năm, luận tính kiếp số sẽ là vô lượng kiếp, khổ không thể nói nổi! Nay đã hiểu rõ, minh bạch rồi, ngày hôm nay đã gặp cơ hội này, nhất định có thể thoát ra, nương theo pháp môn này sẽ thật sự có thể vượt thoát. Chẳng dễ gì gặp được dịp này, cư sĩ Bành Tế Thanh vào đời Thanh trước kia đã

nói: “Hy hữu nan phùng chi nhất nhật” (một ngày hiếm có khó gặp), hay như trong phần trước đã nói: “Vô lượng kiếp lai, hy hữu nan phùng” (hiếm

có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay), ngày hôm nay quý vị đã gặp, nếu có thể nắm chắc, sẽ thành Phật ngay ngày hôm nay! “Tiện đắc độ thoát” (liền được độ thoát): Độ thoát là vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới, không chỉ là lục đạo, mà là thoát ly mười pháp giới. Thế giới Cực Lạc không thuộc trong mười pháp giới, hoành siêu mà! “Sanh bỉ quốc dĩ” (sanh sang cõi ấy), quý vị đã đến thế giới Cực Lạc, “kiến Phật văn pháp, đắc vô thượng ngộ” (thấy Phật, nghe pháp, đắc vô thượng ngộ), chúng ta niệm niệm mong cầu điều này. Tới thế giới Cực Lạc gặp A Di Đà Phật, đồng thời gặp thập phương tam thế hết thảy chư Phật. Kinh Di Đà mà quý vị thọ trì do ngài Cưu Ma La Thập dịch, trong bản dịch này ghi sáu phương Phật; bản dịch của Huyền Trang đại sư ghi mười phương Phật. Kinh Vô Lượng Thọ ghi mười phương Phật; thập phương tam thế hết thảy chư Phật quý vị đều thấy. Vì sao? Thế giới Cực Lạc không có các chiều không gian và thời gian, nhưng trong thế gian này thì có các chiều không gian và thời gian, còn trong thế giới Cực Lạc thì không có. Không có thời gian thì quá khứ và vị lai quý vị đều thấy; không có không gian, sẽ chẳng có khoảng cách, khoảng cách xa đến mấy vẫn ở ngay trước mặt, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, quý vị thân cận hết thảy chư Phật Như Lai, mười phương thế giới chẳng tốn một tí công sức nào, chẳng mất công giở chân, chẳng tốn sức bước một bước nào, mười phương Phật đều ở tại trước mặt. Khoa học kỹ thuật hiện thời vẫn chưa đạt tới mức này! Nay chúng ta do màn hình TV, cảnh tượng nơi xa xôi cũng có thể thấy giống như đang đối diện, nhưng cảnh tượng ấy là cảnh tượng phẳng lì, người trong cảnh tượng ấy chẳng thể bước ra trò chuyện với ta, còn thế giới Tây Phương là thật sự đối diện. Do vậy, chúng tôi nói: Khoa học còn thua thế giới Cực Lạc rất xa! Tôi không ngừng cổ vũ, khuyến khích các khoa học gia hãy tới thế giới Cực Lạc du học, A Di Đà Phật là đại khoa học gia, thật sự lỗi lạc, phải theo Ngài học tập. Thấy Phật có lợi gì? Nghe Phật thuyết pháp chúng ta sẽ khai ngộ, “đắc vô thượng ngộ”, vô thượng ngộ là khai ngộ viên mãn đến tột cùng. Đó là gì? Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật; vì vậy, tới thế giới Cực Lạc thành Phật rất dễ dàng. Quý vị có quá nhiều cơ hội, mỗi ngày đều tiếp xúc vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, cúng dường các Ngài, lễ bái, tu phước báo, nghe kinh là khai trí huệ. Đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Chính là để làm hai chuyện ấy! “Do hữu niệm nhi nhập vô niệm, nhân vãng sanh nhi khế vô sanh” (do hữu niệm mà nhập vô niệm, do vãng sanh mà khế nhập vô sanh). Hữu niệm là phàm phu, vô niệm là Phật; hữu niệm là có niệm gì? Khởi tâm động niệm, kinh Đại Thừa gọi khởi tâm động niệm là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là hữu niệm, những thứ này chẳng còn nữa thì người ấy đã thành

Phật. Lục căn của Phật đối trước cảnh giới lục trần chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, quý vị chẳng thể nói Ngài vô niệm. Ngài giảng kinh, thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, chẳng thể nói Ngài hữu niệm. Do nguyên nhân gì? Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm là thanh tịnh tịch diệt, tự tánh bản thể hiện tiền; chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Ứng là khởi tác dụng, tác dụng có thể hiện tướng. Quý vị có thể thấy Phật, Bồ Tát, có thể thân cận Phật, Bồ Tát, hễ có nghi hoặc, Phật, Bồ Tát có thể giúp quý vị giải quyết, đấy là

từ Thể khởi Dụng. Thể là thật, vĩnh hằng bất diệt; Tướng là giả, sanh diệt trong từng sát-na. Vì thế, chẳng thể nói Tướng là có, chẳng thể nói Thể là không! Những khái niệm này đều là sự tưởng tượng hư vọng của lục đạo chúng sanh, chúng ta quá quen thuộc với chúng, cứ tưởng chúng là những chuyện rất bình thường. Thật ra, hoàn toàn sai lầm! Do vì những thứ này, nên không thoát khỏi luân hồi trong lục đạo, hãy nên buông xuống; nói dễ, làm khó! Tịnh Tông thuận tiện, tức là dùng một câu danh hiệu "A Di Đà Phật" để thay thế tất cả những quan niệm hư huyễn. Ý niệm vừa mới dấy lên, bèn A Di Đà Phật, chẳng cho có ý niệm thứ hai. Vì sao? Phật hiệu là tín hiệu liên lạc giữa chúng ta ở nơi đây và Tây Phương Cực Lạc thế giới đạo sư A Di Đà Phật. Quý vị niệm câu Phật hiệu này để liên lạc với Ngài. Liên lạc mỗi ngày, thời thời khắc khắc liên lạc, vứt bỏ hết những thứ khác, chúng ta dùng đường dây [liên lạc] này sẽ thông suốt, ắt có cảm ứng đạo giao. Nay chúng ta dùng một câu A Di Đà Phật là hữu niệm, khi tới Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chứng đắc vô niệm. Do vãng sanh mà khế nhập vô sanh, do phương pháp này ta bèn vãng sanh, tới thế giới Cực Lạc bèn chứng đắc vô sanh. Vô sanh là chẳng còn sanh tử, Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật là như vậy. "Đốn ngộ thử tâm, bổn lai bình đẳng" (đốn ngộ cái tâm này vốn bình đẳng), bình đẳng là Phật tâm, quý vị thật sự tìm được chính mình. "Đường Hải Đông Nguyên Hiểu sư vân" (sư Nguyên Hiểu ở Hải Đông vào đời Đường đã nói), Đường là nhà Đường, Hải Đông là Hàn Quốc hiện thời. Hàn Quốc có một vị pháp sư tên là Nguyên Hiểu (Wonhyo)68, Ngài sang Trung Quốc học, thân cận Thiện Đạo đại sư, làm đệ tử của Thiện Đạo đại sư, sau khi trở về nước giáo hóa một phương, là bậc đại đức của Tịnh Tông Hàn Quốc. Ngài nói như sau: "Tứ thập bát nguyện, tiên vị phàm phu, kiêm vị tam thừa thánh nhân" (Bốn mươi tám nguyện trước là vì phàm phu, sau là vì kèm thêm thánh nhân trong tam thừa). Nói rất hay, nếu chẳng khế nhập cảnh giới sẽ không thể nói ra lời này! Từ cảnh giới này, chúng ta cảm ơn Phật Di Đà, Phật Thích Ca vô hạn, vì sao? Không do pháp môn này, lũ phàm phu chúng ta chẳng thể thành tựu; do pháp môn này mà thành tựu của chúng ta vượt trỗi tam thừa thánh nhân. "Tam thừa": Đại Thừa là Bồ Tát, Trung Thừa là Bích Chi Phật, Tiểu Thừa là A La Hán; vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới vượt trỗi các vị ấy. Các Ngài gặp nhiều khó khăn

hơn chúng ta, vì sao? Các Ngài có chấp trước, có Sở Tri Chướng, chẳng tin tưởng pháp môn này. Tuy chúng ta có chướng ngại, nhưng do thiện căn đời trước sâu dầy, nói thật thà là chúng ta vừa nghe pháp môn này bèn hoan hỷ, vừa nghe đã muốn thật sự học, thật sự muốn sang thế giới Cực Lạc. Tuyệt đối chẳng phải chỉ trong một đời này, mà là trong quá khứ chắc chắn đã học pháp môn này. Vì thế, vừa tiếp xúc, chủng tử thiện căn trong A Lại Da bèn dẫn khởi sự tu tập trong đời trước, nên mới sanh khởi sức mạnh khiến tín nguyện kiên cố. "Khả kiến Tịnh Độ Tông chi diệu, thủ vi phàm phu đắc độ" (Có thể thấy điều mầu nhiệm của Tịnh Độ Tông là làm cho phàm phu đắc độ trước tiên). Đây là sự hay khéo của Tịnh Tông. Chúng ta xem tiếp đoạn thứ ba: "Tha lực diệu pháp, thiện hộ hành nhân" (diệu pháp tha lực, khéo hộ trì hành nhân). "Kỳ tha pháp môn toàn bằng tự lực, mạt thế tu hành đa chư chướng nạn" (những pháp môn khác hoàn toàn cậy vào tự lực, tu hành trong đời Mạt có lắm chướng nạn). Chúng ta phải ghi nhớ câu nói gồm mười sáu chữ này! Tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào cũng

đều phải cậy vào tự lực, tự lực là gì? Đoạn phiền não, chứng Bồ Đề. Trong thời đại Mạt Pháp hiện tại, từ nay về sau, tu hành quả thật khó khăn. Kế đó, sách nêu ra thí dụ: "Lệ như Lăng Nghiêm trung, quảng minh hành nhân ư Thiền Quán trung chi ngũ thập chủng Ấm Ma can nhiễu" (Chẳng hạn như trong kinh Lăng Nghiêm đã giảng tường tận người tu Thiền Quán bị năm mươi thứ Ấm Ma quấy nhiễu). Lần này, chúng tôi không giảng về năm mươi thứ Ấm Ma nữa; nếu giảng năm mươi thứ Ấm Ma, có lẽ mất hai mươi tiếng đồng hồ vẫn chưa giảng xong. Nếu quý vị muốn biết, hãy xem kinh Lăng Nghiêm. Đọc kinh Lăng Nghiêm không hiểu thì coi chú giải. Chú giải kinh Lăng Nghiêm rất nhiều; tương đối đơn giản, dễ hiểu thì có thể đọc bộ Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh trong thời cận đại. "Hành nhân chánh kiến sảo thất, tiện hãm ma võng" (hành nhân hơi mất chánh kiến, liền vướng vào lưới ma), chúng ta phải đặc biệt lưu ý câu này. Năm mươi thứ Ấm Ma, Ấm là Ngũ Ấm, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, trong mỗi Ấm có mười thứ ma, [nên thành] năm mươi thứ. Quý vị thấy Sắc chính là cảnh giới hữu hình bên ngoài, cũng có thể nói là ngoại giới dụ dỗ, mê hoặc; bốn mươi thứ kia là phiền não trong nội tâm quý vị. Hễ quý vị bị dụ dỗ, mê hoặc, sẽ bị mắc lừa, chánh kiến vừa bị mất đôi chút bèn biến thành ma tuy quý vị vốn là Phật. Chánh kiến là gì? Mỗi tông phái khác nhau, mỗi pháp môn khác nhau, mỗi tông phái, pháp môn có chánh kiến khác biệt! Chánh kiến trong pháp môn Tịnh Tông là một câu Di Đà, chánh tri, chánh kiến. Quên mất A Di Đà Phật, tiếng tăm, lợi dưỡng dấy lên, xong rồi! Quý vị rớt vào ma giới. Quý vị phải biết: Đi theo con đường Tây Phương Cực Lạc thế giới này, nếu bước vào ngõ rẽ mà chẳng lập tức quay lại, chắc chắn sẽ mê mất phương hướng, đúng là muôn kiếp chẳng trở lại được! Trong một

vạn kiếp, quý vị có thể tìm đường trở về hay chăng? Có vấn đề, chưa chắc đã có thể tìm được lối về. Bởi lẽ, trong quá khứ, lòng người thiện lương, phong tục xã hội thuần hậu, tu hành rất dễ dàng, bên ngoài chẳng dụ dỗ, mê hoặc như trong hiện tại. Hiện thời, sức dụ dỗ, mê hoặc không chỉ cao hơn quá khứ một trăm lần, đáng sợ quá! Các đồng tu học Phật đã lâu, đã từng học kinh Lăng Nghiêm, học kinh Đại Thừa đều biết [điều này], nhưng có thể đối phó những cảnh giới ấy hay không, rất khó nói! Vì thế, người tu hành bị đọa trong cảnh giới ma quá nhiều! Ở đây, cụ Hoàng nêu một ví dụ, quý vị phải từ ví dụ này mà răn dè, đây là nói về cảnh giới hiện tiền, khi cảnh giới Phật hiện tiền: "Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới, nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà" (Nếu [thấy cảnh giới thù thắng hiện tiền] tâm chẳng nghĩ là đã chứng thánh thì cảnh giới ấy gọi là cảnh giới tốt lành. Nếu cho là ta đã chứng thánh quả, liền rớt vào các loài tà ma, ngoại đạo). Nêu ra thí dụ này để nói điều gì? Vừa hơi mất chánh niệm, quý vị liền đọa lạc. Trong xã hội hiện thời, cảnh giới này rất nhiều, thấy tướng lành, thấy A Di Đà Phật, thấy các cõi Phật, thật sự có người trông thấy, chẳng giả, thậm chí có mấy người cùng thấy. Trong xã hội hiện tại, còn có những trường hợp quỷ thần dựa thân rất nhiều, Trung Quốc lẫn ngoại quốc đều là như thế, những hiện tượng do ảo giác sanh ra cũng rất nhiều. Trong ấy có rất nhiều cảnh giới Phật, đó là thật hay giả? Sau khi quý vị thấy mà chẳng động tâm thì cảnh giới ấy là thật. Nếu khi quý vị thấy cảnh giới ấy bèn động tâm, cho là thật thì sai mất rồi! Quý vị phải biết: Hết thảy cảnh giới hiện tiền, quý vị vẫn như như bất động, những cảnh giới ấy sẽ là thật. Nếu cảnh giới hiện tiền, tín tâm

dao động, khởi vọng tưởng, quý vị đã sai mất rồi, bị lừa rồi, cảnh giới ấy là cảnh giới ma! Do vậy, cảnh giới là ma hay là Phật chẳng do bên ngoài, mà do nội tâm quyết định. Nội tâm quý vị vẫn là Giới - Định - Huệ làm chủ thì cảnh giới bên ngoài đều là cảnh giới Phật; cảnh giới ma vẫn là cảnh giới Phật. Nếu quý vị khởi tâm động niệm, hoặc sanh tâm hoan hỷ, hoặc sanh tâm chán ngán, đều sai cả! Tâm quý vị bị động, hoặc dấy lên tham, sân, si, mạn, sai mất rồi! Đừng nên bị cảnh giới bên ngoài lay động. Người ta nói quý vị là vị Phật nào tái lai mà quý vị thật sự nghĩ đúng như vậy thì xong mất rồi, đã đọa vào cảnh ma mất rồi! Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa Trung Quốc đã có những tiền lệ, Bồ Tát có thể ứng hóa trên thế gian hay không? Có thể! Có thật hay chăng? Nếu là thật, hễ thân phận bị bộc lộ, bèn đi ngay lập tức, thật đấy, chẳng giả đâu! Thân phận bị bộc lộ mà vẫn không tịch, dùng lời lẽ yêu mị để mê hoặc người khác, đó là đồ giả, chẳng thật! Thuở Ấn Quang đại sư tại thế, có người nói Ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, lão nhân gia quyết liệt phủ nhận, cảnh cáo nghiêm khắc. Đó là một cô bé, chẳng tin Phật, là học trò Sơ Trung (cấp Hai, Trung Học đệ nhất cấp), mộng thấy Quán Thế Âm Bồ Tát bảo cô ta:

"Gần đây, Đại Thế Chí Bồ Tát đang giảng kinh ở chỗ các ngươi", bảo cô ta hãy đến nghe. Cô bé hỏi Đại Thế Chí là ai? Pháp sư Ấn Quang! Do vậy, cả nhà hoan hỷ đến gặp pháp sư Ấn Quang, kể lại giấc mộng, bị pháp sư Ấn Quang quở mắng một trận: Sau này mà ngươi còn nói như vậy nữa, chẳng cho ngươi vào cửa, nên chẳng dám nói nữa! Tới khi pháp sư Ấn Quang viên tịch, cô ta viết một bài, được in trong bộ Ấn Quang Đại Sư Vĩnh Tư Lục, thật đấy, chẳng giả! Quán Âm Bồ Tát bảo cô ta, pháp sư Ấn Quang trụ thế gần như chỉ còn bốn năm. Quả thật, bốn năm sau Ngài vãng sanh, nên cô ta mới nói ra chuyện này. Vào thời cổ, ở Trung Quốc, thật sự có Bố Đại hòa thượng là người đời Tống, ở chùa Tuyết Đậu huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Đây là một nhân vật truyền kỳ, vì chẳng ai biết tình hình lúc Ngài chưa xuất gia, chẳng ai biết cả! Chỉ thấy có một vị hòa thượng như thế, thường hóa duyên bên ngoài, cầm một chiếc túi lớn, được người khác cúng dường, Ngài cũng không phân loại, mà cũng chẳng nhìn tới, hễ được cúng dường bèn tống vào túi, vác đi, cho nên người ta gọi Ngài là Bố Đại hòa thượng (hòa thượng túi vải). Chẳng ai biết pháp danh của Ngài, [nên cứ kêu là] Bố Đại hòa thượng. Khi vãng sanh, Ngài bảo mọi người Ngài là Di Lặc Bồ Tát tái lai; nói xong, Ngài tịch, thật sự ra đi! Vì thế, người Hoa tạc tượng Di Lặc Bồ Tát đều tạc tượng Bố Đại hòa thượng, Ngài thật sự có bản lãnh! Quý vị thấy các vị Hàn Sơn, Thập Đắc, Phong Can ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai: Phong Can là A Di Đà Phật tái lai, Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù, Phổ Hiền. Khi thân phận bị vạch trần, hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc chạy lên núi, rất nhiều người hướng về các Ngài lễ bái, núi bèn nứt ra, các Ngài đi vào, núi bèn khép lại, chẳng thấy đâu nữa! Hòa thượng Phong Can là A Di Đà Phật, sau khi thân phận bị bộc lộ, bèn mất tăm tung tích, chẳng biết đi đâu rồi! Cổ nhân có những trường hợp như thế nhằm giữ chữ tín với đời sau! Ứng hóa thân đúng là thường có, trăm ngàn ức hóa thân; một vị Phật, một vị Bồ Tát có vô số hóa thân. Vì thế, quý vị gặp các Ngài, nếu giống như giáo pháp Đại Thừa đã nói "chớ nên nghĩ các Ngài là có, mà cũng đừng nghĩ các Ngài là không", tâm quý vị vĩnh viễn giữ được sự thanh tịnh, vĩnh viễn giữ được lòng cung kính, đó là đúng. Vì sao? Đức Phật nói rất hay: "Hết thảy chúng sanh

vốn là Phật". Chúng ta cung kính A Di Đà Phật, cung kính Quán Âm Bồ Tát như thế nào, hãy dùng tấm lòng cung kính giống hệt như vậy để cung kính hết thảy chúng sanh, vì sao? Họ đều là Phật! Quý vị nói tới bậc tái lai, có ai chẳng phải là bậc tái lai? Người vào trong cõi Phật đều là bậc tái lai, người từ ngạ quỷ đạo thoát ra cũng là bậc tái lai; ai cũng là bậc tái lai, có gì hiếm lạ đâu? [Chỉ khác nhau ở chỗ là] từ đường nào tái lai! Trong hiện tại, điều mấu chốt thật sự quan trọng là chúng ta đừng đánh mất chánh niệm, trong mười hai thời, Phật hiệu chẳng gián đoạn, sẽ chẳng mất chánh

niệm. Hễ Phật hiệu bị gián đoạn sẽ gọi là "thất niệm" (mất chánh niệm), bỏ lỡ chánh niệm. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: "Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế", nhiếp trọn sáu căn, thâu hồi cái tâm phan duyên lại, đó chính là "phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo" (xoay cái Nghe lại để nghe tự tánh, tánh thành vô thượng đạo) của Quán Thế Âm Bồ Tát. "Tịnh niệm": Tịnh là "tịnh" trong "thanh tịnh", chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp là Tịnh, "tương kế" là chẳng gián đoạn. Vĩnh viễn giữ gìn tịnh niệm tiếp nối, đó là chánh niệm trong Tịnh Tông. Đối với bất cứ cảnh giới nào hiện tiền, kinh Kim Cang có một câu nói rất hay: "Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng", chẳng bị ngoại cảnh nhiễu loạn, đó là đúng! Do vậy, bất cứ cảnh giới Phật hay Bồ Tát nào hiện tiền, đều biết: "Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng", sẽ là thiện cảnh giới, hảo cảnh giới. Tâm quý vị chẳng bị cảnh giới ấy xoay chuyển thì sẽ là cảnh giới tốt đẹp. Nếu quý vị nghĩ: "Ta trông thấy, tức là công phu của ta ngon lành lắm, các ngươi thua ta, ta thấy Phật, ta trông thấy Phật, tuy các ngươi tu hành nhưng vẫn chưa thấy!", tự nghĩ mình ghê gớm lắm, bị lừa mất rồi, đã bị ma chuyển rồi! Do vậy, vào thời Tấn, Sơ Tổ Huệ Viễn đại sư hướng dẫn một trăm hai mươi ba người cùng chung chí hướng, thảy đều tu Tịnh Độ, đều cầu vãng sanh, lấy Hổ Khê làm giới hạn, không ra khỏi giới tuyến ấy, phát nguyện vãng sanh tại nơi ấy. Quả thật, một trăm hai mươi người ai nấy đều vãng sanh, đúng là tuyệt diệu! Vãng sanh đương nhiên có kẻ trước người sau. Khi Viễn Công đại sư vãng sanh, Ngài thấy A Di Đà Phật và những đồng tu trong Niệm Phật Đường ấy đã vãng sanh trước theo A Di Đà Phật cùng đến tiếp dẫn Ngài. Ngài bảo đại chúng: "A Di Đà Phật đến đón ta, ta sẽ vãng sanh trong ngày hôm nay". Ngài lại bảo mọi người: Trong thời gian Ngài ở trên núi ấy, trong quá khứ đã ba lần thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, lần này là lần thứ tư, nhưng chẳng kể với ai! Người khác hỏi Ngài: "Thế giới Cực Lạc như thế nào?" Ngài nói: "Hoàn toàn giống như trong kinh điển đã giảng". Quý vị phải biết kinh điển khi đó chính là kinh Vô Lượng Thọ, Viễn Công đại sư mở Niệm Phật Đường do dựa theo một quyển kinh này! Vì sao? Kinh Di Đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật vẫn chưa được dịch ra, có thể là đã được truyền đến Trung Quốc rồi nhưng vẫn chưa dịch sang tiếng Hán, cho nên Ngài chỉ dựa theo kinh Vô Lượng Thọ. Tổ sư đã nêu gương đúng đắn cho chúng ta, dù thấy cảnh giới tốt đẹp đến đâu đi nữa vẫn chẳng nói, trong tâm chính mình như như bất động, càng thêm dụng công, đấy là cảnh giới tốt. Công phu của quý vị đạt mức kha khá, Phật, Bồ Tát bèn thị hiện cảnh giới để làm gì? Nhằm khảo nghiệm quý vị, quý vị như như bất động, công phu sẽ tăng cao. Nếu quý vị động tâm, ngay lập tức bị giáng cấp: Vẫn chưa chịu nổi khảo nghiệm, chưa đủ sức qua nổi cái ải này! Vì thế, hai câu nói này của kinh Lăng Nghiêm rất trọng yếu!

“Khả kiến hành nhân sảo hữu chấp trước, tiện thất chánh kiến, tức nhập ma đồ, cầu thăng phản giáng, thậm chí đọa nhập Nê Lê” (Đủ thấy hành nhân hễ có chấp trước đôi chút bèn mất chánh kiến, liền lọt vào đường ma, cầu thăng lên, đâm ra đọa xuống, thậm chí rớt vào địa ngục). Nê Lê (Naraka, Niraya) là địa ngục, rất đáng sợ! Hiểu rõ đạo lý này, người tu hành thật sự sẽ giữ vững chánh niệm; thuận cảnh, [tức là] cảnh giới của Phật, Bồ Tát hiện tiền chẳng động tâm, cảnh giới yêu ma quỷ quái hiện tiền cũng không động tâm. Quý vị thấy địa ngục hiện tiền, vẫn là một câu “phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”, chẳng để ý nó, vẫn giữ chặt một câu A Di Đà Phật, ngay lập tức cảnh giới chẳng còn! Chánh niệm là gì? Không bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng thì gọi là “chánh niệm”. Người này xử tốt với ta, ta rất cảm kích, tri ân, báo ân, hết thảy tùy duyên; chớ nên dấy lên ý nghĩ: “Ta nhất định phải báo đáp ngươi như thế nào!”, [nghĩ như vậy] là xong rồi, quý vị lại bị đọa lạc. Người này có thù oán với ta, hận ta, chẳng cần phải báo thù. Nói chung, đều coi những người ấy như chư Phật, Bồ Tát. Các Ngài xử tốt với ta nhằm khảo nghiệm ta, xem ta có tham luyến hay không; các Ngài xử tệ với ta để xem ta có sân hận hay không, đều là cảnh giới Phật. Vì vậy, Phật và ma là một, chẳng hai. Phật hay ma nhìn từ chỗ nào? Từ ý niệm! Một niệm giác thì ma cũng là Phật; một niệm mê, Phật cũng biến thành ma. Nếu Phật hiện tiền, quý vị dấy lên tâm ngạo nghễ, ngã mạn: “Các ngươi thấy ta tu khá quá chớ! Thấy Phật mà, các ngươi đâu có bằng ta!” Thôi rồi! Đọa lạc rồi! Vì vậy, quý vị chẳng thấy Phật là vì sao? Công phu vẫn chưa đủ, chẳng cần phải khảo nghiệm, quý vị vẫn chưa được. Đến khi quý vị gần như đạt đủ trình độ, sẽ có cảnh giới hiện tiền nhằm khảo nghiệm quý vị, quý vị phải nhớ: Đừng bị dao động bởi các cảnh giới ấy! Thật ra, trong cuộc sống thường ngày, mọi người đều biết năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba tham học là gì? Từ sáng thức dậy đến tối đi ngủ, trong lúc ấy, lục căn tiếp xúc cảnh giới chính là năm mươi ba lần tham học, nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề. Quý vị chẳng cần phải hâm mộ Thiện Tài, Ngài gặp nhiều thiện tri thức dường ấy, ta chẳng gặp một ai! Từ sáng đến tối, những người quý vị đã gặp đều là thiện tri thức, nhưng quý vị chẳng nhận ra! Quý vị thấy kẻ này làm lành, đó là thiện tri thức, hãy lập tức nghĩ: Ta có những điều tốt đẹp giống như kẻ ấy hay chăng? Nếu ta chưa có, phải học theo kẻ ấy. Nếu ta có, tốt lắm, hãy gìn giữ, đừng để mất đi! Thấy kẻ làm ác, kẻ ấy là thầy ta, hồi quang phản chiếu, ta có làm chuyện ác như kẻ ấy hay chăng? Hễ có, phải sửa đổi; nếu không có, từ nay ta chớ nên phạm khuyết điểm ấy. Quý vị thấy đó: Họ chẳng phải là thầy ta ư? Chẳng đều là Phật ư? Thiện Tài mỗi ngày gặp gỡ, mỗi ngày không ngừng nâng cao cảnh giới, thành Phật viên mãn trong một đời. Chúng ta gặp gỡ mỗi ngày đều bỏ lỡ, không hiểu biết vốn là

[thiện tri thức luôn hiện diện trong] cuộc sống thường ngày! Phật pháp là gì? Phật pháp nhằm dạy chúng ta giác ngộ; hễ ngộ sẽ là Phật, ngộ rồi bèn quay đầu, ngộ rồi bèn lìa khổ được vui, do mê nên mới chịu khổ. Những phần tử tri thức, [nhất là] hạng tri thức bậc cao, Sở Tri Chướng nặng nề, chấp trước kiến thức của chính mình, trí huệ chưa mở mang; nếu họ có thể buông xuống, buông tham, sân, si, mạn, nghi xuống, lòng rỗng rang học tập kinh điển, từng câu từng chữ trong kinh điển là những lời lẽ chân thật, chẳng dối trá. Quý vị có thể tiếp nhận thì tốt lắm; nếu chẳng thể tiếp nhận thì có thể

còn có nghi vấn, nhưng chẳng phải là hoài nghi, vì sao? Đạo lý trong kinh điển quá sâu, nay ta chưa đủ trình độ, đang cầu giác ngộ, cầu liễu giải. Cách cầu như thế nào? Dùng cái tâm thanh tịnh để đọc tụng kinh điển, cứ đọc từng lần một, đừng nên suy tưởng. Giống như trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã bảo: Đọc kinh chẳng chấp trước tướng văn tự, chẳng chấp trước tướng danh tự, chẳng chấp trước tướng tâm duyên; quý vị dùng phương pháp ấy để đọc, sau một thời gian dài, tâm sẽ định. Vì vậy, đọc kinh giống như trì giới, nhất định phải chân thành, cung kính đọc, giống hệt như Phật đang ở trước mặt ta, cung kính đọc. Đọc lâu ngày, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, hoát nhiên khai ngộ, sẽ hiểu rõ. Kinh Hoa Nghiêm giảng về duyên khởi vũ trụ, các phẩm như Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Tựu giảng viên mãn hơn những nhà khoa học hiện thời. [Vũ trụ] san khởi như thế nào? “Nhất niệm bất giác, nhi hữu vô minh” (một niệm bất giác bèn có vô minh), do nhất niệm bất giác, trong tự tánh bèn biến ra một huyễn tướng, huyễn tướng ấy gọi là A Lại Da. A Lại Da lại biến ra vũ trụ, biến thành thân thể của chính mình. Gần như là xuất hiện cùng một lúc, tốc độ quá nhanh, Di Lặc Bồ Tát đã giảng về tốc độ này [như sau]: Trong một cái khảy ngón tay, có ba trăm hai mươi triệu niệm, khảy ngón tay một cái thì đã ba trăm hai mươi triệu niệm trôi qua! Mỗi niệm ấy được gọi là “nhất niệm”, “nhất niệm bất giác” như Phật pháp đã nói chính là một niệm này. Trong nhất niệm có hiện tượng vật chất xuất hiện, vật chất là vũ trụ; có hiện tượng tinh thần xuất hiện, tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ngũ Uẩn xuất hiện, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, tướng cảnh giới là Tướng Phần của A Lại Da. Biểu hiện của tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chúng là Kiến Phần của A Lại Da, [còn gọi là] Chuyển Tướng. Cách nói này rất hay! Đều là từ một niệm bất giác; vì thế, một niệm bất giác được gọi là vô thỉ vô minh, vô thỉ là gì? Không có khởi đầu. Quý vị phải hiểu cách nói này có dụng ý rất sâu: Chẳng có khởi đầu thì là giả, chẳng thật! A Lại Da có thể hiện, có thể biến là giả, chẳng thật, vũ trụ được biến [bởi A Lại Da] lẽ đâu có thật? Chẳng phải là thật! Quý vị mê nên ngỡ nó là thật; hễ giác ngộ sẽ biết nó chẳng thật. Vì vậy, cái tâm giác ngộ thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, người ấy chẳng có ý niệm chiếm hữu hay

khống chế, chẳng có ý niệm đối lập, quý vị nói xem: Người ấy có tự tại lắm hay không? Đấy là Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới, người ta dùng cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác, trong tựa đề kinh ghi “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, người ấy sống hạnh phúc lắm, mỹ mãn lắm. Giác ngộ rồi; hễ giác ngộ bèn thanh tịnh, bình đẳng, giác; hễ mê thì thanh tịnh biến thành ô nhiễm, bình đẳng biến thành ngạo mạn, ngạo mạn là phiền não bẩm sinh, “giác” biến thành hồ đồ, ngu si. Quý vị thấy: Khi giác ngộ sẽ là thanh tịnh, bình đẳng, giác; khi mê hoặc sẽ là ô nhiễm, ngạo mạn, sân khuể, ngu si. Đấy là căn nguyên của vạn hữu trong vũ trụ, tìm được căn cội rồi! Căn cội ấy là giả, chẳng thật; cái Giả này từ Chân biến hiện ra. Chân là chân tánh, vĩnh hằng bất diệt. Tịnh Độ Tông gọi chân tánh là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, nó là thật. Cũng như khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói ra năm câu để hình dung Thường Tịch Quang; nó thanh tịnh, vĩnh viễn thanh tịnh, bất sanh, bất diệt, trọn đủ vô lượng trí huệ, đức tướng, chưa hề lay động, có thể sanh ra vạn pháp, nhất niệm bất giác bèn hiện vạn pháp. Liễu giải chân tướng sự thật này, tâm chúng ta sẽ định, bất luận trong hoàn cảnh nào, quý vị

cũng đều chẳng bị cảnh giới lay động, đó là hạnh phúc thật sự. Vì sao chúng ta không làm được? Trên thực tế, do liễu giải chẳng thấu triệt; xưa kia, Chương Gia đại sư đã bảo tôi thế này: "Phật pháp biết khó, làm dễ". Quý vị thấy: Hành thì phàm hay thánh ngay trong một niệm, Huệ Năng đại sư khai ngộ trong một sát-na, Thích Ca Mâu Ni Phật khai ngộ dưới cội Bồ Đề cũng là một sát-na, chẳng khó tí nào, buông xuống là được! Vì sao không buông xuống được? Chưa thấy thấu suốt! Đối với kẻ chưa buông xuống, đức Phật bèn dùng kinh giáo để giúp đỡ kẻ ấy; do vậy, Ngài giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm nhằm giúp những kẻ chưa buông xuống được. Nếu vừa giảng liền buông xuống, đâu cần phải phiền phức như thế, chẳng cần thiết! Bậc đại đức căn tánh thượng thượng trong Tông môn nghe một, ngộ cả ngàn, triệt ngộ ngay lập tức là vì các Ngài triệt để buông xuống. Vì sao đã buông xuống rồi mà vẫn phải khởi tu, vẫn phải học tập kinh giáo? Nhằm rộng độ chúng sanh. Nếu quý vị chẳng thông hiểu kinh giáo, do căn tánh của chúng sanh không giống nhau, căn tánh gì cũng đều có, làm sao quý vị giúp họ được? Do vậy, phải học tràn lan nhiều kinh giáo, học giáo nhằm giúp đỡ người khác, chẳng nhằm giúp chính mình. Giúp chính mình thì chúng ta chẳng tu Thiền, mà tu Tịnh Độ, một câu A Di Đà Phật là đủ để thành tựu chính mình rồi! Kinh giáo nhằm giúp người khác, tự lợi, lợi tha! Chúng ta chưa đại triệt đại ngộ thì kinh giáo nhằm giúp người khác mà cũng đồng thời giúp chính mình nâng cao, thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt mới thật sự buông xuống được! Do vậy, chưa thấy thấu suốt thì phải dốc sức nơi kinh giáo; nếu đã thấy thấu suốt, chẳng cần [phải làm như vậy]. Đoạn này đặc biệt nhắc nhở chúng ta:

Chánh kiến rất quan trọng! Người tu hành bất luận thuộc tông phái hay pháp môn nào, nhất định phải giữ vững chánh tri chánh kiến. "Thị cố kỳ dư chư pháp, danh nan hành đạo" (do vậy, các pháp môn khác được gọi là đạo khó hành), pháp môn này là "dị hành đạo" (đạo dễ hành). Chúng ta xem đoạn tiếp theo: "Đản Niệm Phật pháp môn, đồng ư Mật pháp, thị tha lực môn, thuộc ư Quả giáo" (nhưng pháp môn Niệm Phật giống như Mật pháp, là tha lực môn, thuộc về Quả giáo). Phật pháp khai ngộ, pháp môn vô lượng vô biên, nhưng tới cuối cùng, chỉ có ba môn, ba môn ấy là giác, chánh, tịnh, tới cuối cùng là ba môn này. Giống như chúng ta tới giảng đường này, giảng đường có ba cửa, nhưng có rất nhiều đồng học từ các nước trên thế giới đến đây theo vô lượng vô biên lộ trình [khác biệt], bất luận quý vị đi theo lộ trình nào, khi tới chỗ tôi, muốn vào giảng đường này phải theo ba cái cửa ấy. Vì thế, tới cuối cùng là ba môn này. Giác môn dành cho bậc thượng thượng căn, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh; Thiền Tông, Tánh Tông theo môn này, chẳng phải là người thượng thượng căn sẽ chẳng thể hành theo môn này. Môn thứ hai là Chánh môn, Chánh môn dễ đi, giống như học hành phải theo thứ tự, từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nghiên cứu sinh mà đạt được học vị tối cao. Học vị tối cao là thành Phật, nhưng thời gian rất dài, trong một thời gian ngắn chẳng thể thành tựu ổn thỏa, thích đáng. Dẫu có khi ổn thỏa, thích đáng, nhưng thọ mạng của chúng ta quá ngắn, sợ rằng chẳng thể thành tựu trong một đời được! Như vậy thì phiền quá, đời sau chẳng biết khi nào lại được làm thân người. Được làm thân người, nhưng có được gặp gỡ [pháp môn này] lần nữa hay không, vẫn là một câu hỏi! Rất nhiều kẻ được làm thân người, nhưng chẳng gặp gỡ, sống uổng phí một đời này, vì thế [liễu

thoát theo Chánh môn] chẳng dễ dàng, phải tốn thời gian rất dài! Môn thứ ba là Tịnh môn, tu tâm thanh tịnh. Tu Tịnh môn gồm hai tông, Mật Tông là Tịnh môn, Tịnh Độ Tông là Tịnh môn, đều dựa vào tha lực, Phật đến gia trì. Mật Tông cũng là Phật gia trì, Tịnh Độ Tông cũng vậy, nhưng Tịnh Tông dễ tu hơn Mật Tông. Thầy tôi là Chương Gia đại sư, Ngài là Thượng Sư bên Mật Tông, sư huynh sư đệ của Ngài gồm bốn vị là Đạt Lại (Dalai), Ban Thiền (Panchen), Chương Gia, Triết Bố Tôn Đan Ba (Jebtsundamba), bốn người cùng là đệ tử của đại sư Tông Khách Ba (Je Tsongkhapa)69. Bốn vị này ở biên cương Trung Quốc: Đạt Lại ở Tiền Tạng (Ü-Tsang), Ban Thiền ở Hậu Tạng, Chương Gia ở Nội Mông, Triết Bố Tôn Đan Ba tại Ngoại Mông, người ta thường gọi họ là Tứ Đại Lạt Ma, còn gọi là Tứ Tôn Hoạt Phật (bốn vị Phật sống). Khu vực giáo hóa của ngài Chương Gia lớn nhất: Từ vùng Đông Bắc của Trung Quốc, Nội Mông cho tới Cam Túc, Nhiệt Hà, Sơn Tây, Thiểm Tây, lại còn bao gồm cả phía bên kia như Tân Cương, Thanh Hải, cả vùng này đều thuộc phạm vi quản hạt của Ngài. Do vậy, giáo khu của Ngài có

phạm vi lớn nhất. Chúng tôi có duyên phận hiếm có, được thân cận Thượng Sư, Ngài chẳng dạy tôi học Mật, mà dạy tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài giảng cho tôi nghe rất nhiều Mật pháp, nên tôi liễu giải: Trong Phật môn, Mật pháp là Phật pháp cao cấp trong giáo pháp Đại Thừa, giống như gì? Chương trình học của nghiên cứu sinh, kẻ bình thường chẳng thể tu được! Người bình thường có thể tu Mật, [thì Mật pháp ấy] là giả, chẳng thật. Đó là kết duyên, giống như trong vườn trẻ (ấu trĩ viên, kindergarten) cho trẻ tốt nghiệp, cũng đội mũ Tiến Sĩ, chúng ta phải hiểu người bình thường học Mật cũng giống như vậy. Thầy bảo tôi: Thật sự học Mật thì ai mới đủ tư cách? Sơ Địa Bồ Tát, Ngài nói đến [Sơ Địa trong] Biệt Giáo. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, [người đủ tư cách học Mật] là Sơ Trụ Bồ Tát, sau khi vượt thoát mười pháp giới, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật bèn học Mật pháp, dùng Mật làm gia hạnh, cảnh giới sẽ nâng cao lên rất nhanh. Nếu quý vị chưa đạt cảnh giới này mà học Mật sẽ là giả, chẳng thể thành tựu! Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng học Mật, cụ bảo tôi: “Hiện thời, Mật chẳng dùng được, chẳng có cách nào đạt được sự thù thắng trong Mật Tông”. Thiền cũng không được, cụ học Thiền với lão hòa thượng Hư Vân. Cụ bảo tôi: “Hiện thời, trừ Niệm Phật ra, chẳng có cách thứ hai nào để thành tựu!” Vì thế, lúc cụ vãng sanh, đã cho tôi biết: Mỗi ngày cụ niệm Phật hiệu mười bốn vạn tiếng. Sau khi viết xong bản chú giải kinh này, thứ gì cụ cũng không đọc, chỉ niệm Phật, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ; vì thân thể cụ không khỏe, lắm bệnh, tuổi đã cao, nên cầu sanh Tịnh Độ chẳng giả! Vì thế, Mật Tông ắt phải là đã thành tựu thật sự trong Hiển Giáo rồi mới dùng Mật pháp làm gia hạnh. Hiện nay, Tạng Mật (Mật Tông Tây Tạng) cũng biến hóa theo thời đại. Do vậy, trên thực tế, so với trước kia đã thua kém rất nhiều. Tôi từng hỏi thầy, Lạt Ma chuyển thế truyền thừa trong Mật Tông là thật hay giả? Thầy bảo: - Đại khái, ba đời đầu tiên là thật, từ đời thứ tư trở đi, không dám chắc! Tuy vậy, chớ nên khinh thường! Sau khi đã chọn được linh đồng70, đứa trẻ ấy có duyên phận được những vị thầy giỏi nhất kèm cặp; nếu nó dụng công thật sự tu học, sẽ thành công. Thật đấy! Người khác chẳng gặp được duyên phận có các vị Thượng Sư giỏi nhất chỉ dạy, Ngài nói thật với tôi như thế. Lại hết thời gian rồi! Ngày mai chúng ta lại nói tiếp từ câu “Niệm Phật pháp môn, đồng ư Mật pháp” (pháp môn Niệm Phật cùng với Mật pháp). Ngày hôm nay học tập tới chỗ

này!

---o0o---

Tập 14

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống! Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang thứ mười ba, dòng thứ hai đếm từ dưới lên, chúng ta xem từ chỗ này. "Đản Niệm Phật pháp môn, đồng ư Mật pháp, thị Tha Lực Môn, thuộc ư Quả giáo. Hành nhân phát tâm niệm Phật, trượng Di Đà bổn nguyện nhiếp thọ, oai thần gia bị, hộ trì hành giả, ma bất năng nhiễu" (Nhưng pháp môn Niệm Phật cùng với Mật pháp là Tha Lực Môn, thuộc về Quả giáo. Hành nhân phát tâm niệm Phật, nương vào bổn nguyện và oai thần của Phật Di Đà gia bị, hộ trì hành giả, ma chẳng thể quấy nhiễu). Cụ Niệm Tổ bảo: Pháp môn này và Mật Tông rất giống nhau, thuộc loại Quả giáo, thuộc loại Tha Lực Môn, nhất định phải được Phật gia trì. Tám vạn bốn ngàn pháp môn có được đức Phật gia trì hay không? Có chứ! Chẳng thể nói không có gia trì, đều có gia trì; nhưng pháp môn này được Phật gia trì đặc biệt thù thắng, khác hẳn những pháp môn thông thường! Vì thế, cổ đại đức gọi pháp môn này là "môn dư đại đạo", những pháp môn kia là tám vạn bốn ngàn pháp môn, [pháp môn này] chính là một hành môn đặc biệt ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, nên gọi là "môn dư đại đạo"; quả thật nó giống như Mật pháp. Lần trước, tôi đã thưa với quý vị, Phật pháp thật sự là vô lượng pháp môn, do căn tánh của hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới khác biệt, nhằm thích ứng hết thảy chúng sanh, đức Phật lập ra vô lượng pháp môn làm phương tiện tiếp dẫn; nhưng hết thảy các pháp môn tới cuối cùng chỉ còn ba môn là "giác, chánh, tịnh"; trong lần trước tôi đã thưa với quý vị, ba môn này cũng gọi là Tam Bảo. Quý vị thấy học Phật, nhập môn bèn trước hết truyền trao Tam Quy, Tam Quy có ý nghĩa gì? Tức là truyền trao cho quý vị ba cửa ngõ để nhập Phật môn. Đối với ba môn ấy, từ bất cứ môn nào để tiến vào đều như nhau, tiến vào bằng cửa ngõ khác nhau, nhưng đã vào trong thì đều giống như nhau. Ví như một căn nhà có ba cửa, bất luận từ cửa nào tiến vào cũng đều chẳng khác nhau, đó là "pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp". Nhưng ba môn này, đích xác có tiêu chuẩn khác nhau. Giác môn dành cho người thượng thượng căn. Trong tám tông phái Đại Thừa của Trung Quốc, chỉ có Thiền Tông và Tánh Tông thuộc hành môn này. Môn này được gọi là "nhất bộ đăng thiên" (một bước lên trời), là Đốn Giáo, chẳng phải Tiệm Giáo. Nó là Đốn Giáo, đốn xả, đốn chứng, đốn siêu. Quý vị thấy người ấy (người tu tập hành môn này) có năng lực buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống cùng một lúc, buông xuống đồng thời. Điều này nói dễ, làm chẳng dễ! Hễ buông xuống sẽ thành Phật. Do vậy, nói theo lý luận, phàm phu thành Phật tốn bao nhiêu thời gian? Một niệm! Phàm phu chúng ta nghĩ không ra "một niệm" này, một niệm là gì vậy? Một niệm chừng bao

lâu? Một sát-na? Không phải vậy! Chẳng phải là một sát-na, nó còn ngắn hơn một sát-na. Di Lặc Bồ Tát giảng: Trong một khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm; "một niệm" là như vậy đó. Nay chúng ta tính toán bằng giây, trong một giây, đại khái là khảy thật nhanh, có người khảy nhanh hơn ta, ắt phải trong một giây có thể khảy năm lần, thường thì ta khảy bốn lần! Nếu là bốn lần, trong một giây có bao nhiêu

niệm? Có một ngàn hai trăm tám mươi triệu; nếu khảy năm lần, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Quý vị nói có phải là niệm quá vi tế hay chăng? Chúng ta chẳng có cách nào, chẳng có cách gì nghĩ tưởng, do khi vừa mới nghĩ tới, đã có bao nhiêu niệm khởi lên? Tuyệt đối chẳng phải là một niệm, chữ "nhất niệm" chỉ điều này! Đoạn được nhất niệm ấy, liền thành Phật; vì vậy, vẫn phải dùng tỷ dụ để nói. Thí dụ như trong hiện tại, chúng ta quen thuộc nhất, có ấn tượng sâu đậm nhất chính là điện ảnh. Hiện tại, điện ảnh dùng [kỹ thuật] "số mã" (digitalized), lại khác hẳn, trước đây dùng phim nhựa. Dùng phim nhựa thì mỗi tấm phim là một tấm ảnh có thể chiếu sáng, từng tấm phim một. Phim được quay bằng máy quay phim tạo thành dương bản (postive film, chánh phiến), cuộn phim gồm nhiều bức hình chụp liên tiếp. Bỏ vào máy chiếu phim, mở máy chiếu phim lên, tấm phim này [trong cuộn phim] được rọi lên màn bạc, ống kính [của máy chiếu phim] đóng lại rồi lại mở ra để chiếu tấm kế tiếp, tức là đổi sang tấm khác, trong một giây thay đổi hai mươi bốn tấm [khác nhau], khiến mắt chúng ta bị lừa, chúng ta thấy phim ảnh giống như thật. Thật ra, những hình ảnh ấy chẳng thật, từng tấm khác nhau, đó là một thứ "tương tự tương tục tướng" (hình tướng gần như tồn tại liên tục), "tương tự", tuyệt đối chẳng phải là tương đồng! Ở đây, chúng ta có một bộ phim, một giây là hai mươi bốn tấm, mỗi tấm khác nhau, chẳng có tấm nào giống nhau. Nay chúng ta dùng chuyện này làm tỷ dụ, trong điện ảnh là một giây [máy chiếu phim chiếu qua] hai mươi bốn tấm; đức Phật bảo trong vũ trụ này, trong một giây, vũ trụ chiếu bao nhiêu tấm? Tôi vừa mới nói đấy thôi, nếu một giây khảy ngón tay bốn lần, sẽ là một ngàn hai trăm tám mươi triệu, chúng ta làm sao biết hình tượng được hiện là giả? Ai thấy được? Kinh thường nói Bát Địa Bồ Tát do công phu định lực sẽ trông thấy. Nếu nói một giây khảy ngón tay năm lần thì sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. [Do vậy, tướng được biến hiện trong vũ trụ là] giả, chẳng thật! Khi đã đoạn được niệm, quý vị sẽ thấy Thật Tướng của vũ trụ, thứ gì cũng đều không có. Thứ gì cũng chẳng có, sẽ xuất hiện điều gì? Cái hiện ra sẽ được gọi là Thường Tịch Quang, đây là tầng cấp cao nhất trong Tịnh Độ. Trong Thường Tịch Quang, không có hiện tượng vật chất, mà cũng không có hiện tượng tinh thần, nhưng quý vị chẳng thể nói là nó không có! Đức Thế Tôn minh tâm kiến tánh, nói ra một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, nói rất nhiều, chúng ta chẳng nắm được cương lãnh.

Nói đơn giản, rốt cuộc kinh nói những gì? Kiến tánh, tánh là như thế nào? Nhưng Huệ Năng đại sư đã kiến tánh, Ngài đã nêu ra một tổng cương lãnh, gồm năm câu, hai mươi chữ. Hai mươi chữ ấy giảng về Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang là như thế đó. Quý vị phải hiểu: Thường Tịch là nói về tự tánh của chính mình, Thường Tịch là cái Ngã thật sự, trong Thiền Tông nó được gọi là "phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục" (mặt mũi vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra). Diện mục ấy mọi người đều giống nhau! Huệ Năng đại sư cho chúng ta biết, câu đầu tiên là "bổn tự thanh tịnh" (vốn tự thanh tịnh), cũng có nghĩa là nói: Trong tự tánh chẳng có mảy may ô nhiễm nào! Hiện thời nó có ô nhiễm hay không? Không có! Chắc chắn không có ô nhiễm. Hiện tại, đức Phật thường nói lục đạo mười pháp giới là ô nhiễm, nhưng tự tánh chẳng ô nhiễm. Cái bị ô nhiễm là gì? A Lại Da bị ô nhiễm! Tự tánh là chân tâm, A Lại Da là vọng tâm. Vọng tâm có ô nhiễm, chứ chân tâm chẳng bị ô nhiễm. Chúng ta dùng điện ảnh hay dùng

máy TV [để làm tỷ dụ thì] cũng giống như vậy. Lấy nó làm tỷ dụ thì có thể thấy các sắc tướng hiện ra trên màn hình là ô nhiễm, mở trúng một băng tần thì sắc tướng là ô nhiễm. Vì sao? Màn hình vốn thanh sạch, bất luận quý vị là thiện hay ác, đều là ô nhiễm. Nếu chúng ta hỏi màn hình có thật sự bị ô nhiễm hay không? Sau khi tắt TV, màn hình chẳng có chút ô nhiễm nào! Chuyện này rất gần giống chân tướng sự thật, xác thực là không có ô nhiễm. Do vậy, ô nhiễm là vọng tâm, vọng tâm chẳng phải là chân tâm, chẳng liên can gì đến tự tánh, là chuyện khác hẳn! Do vậy, A Lại Da có ô nhiễm, tự tánh chẳng ô nhiễm. A Lại Da có sanh diệt, những tướng được hiện bởi nó, bất luận là hiện tượng vật chất, hay hiện tượng tinh thần, đều có sanh diệt, là pháp duyên sanh (pháp sanh bởi các duyên). "Nhân duyên sanh pháp" (pháp sanh bởi nhân duyên) sẽ có sanh diệt. Tự tánh chẳng sanh bởi nhân duyên, nó vốn sẵn có, cho nên nó "không có sanh diệt", "vốn tự trọn đủ". Tuy nó chẳng có bất cứ hiện tượng vật chất hay tinh thần gì, nhưng nó có thể hiện hết thảy các tướng. Điều này cũng rất khó hiểu, cái gì cũng chẳng có, cớ sao nó có thể hiện? Vì sao hiện ra vô lượng, vô số, vô tận, cớ sao hiện nhiều ngần ấy? Biến huyễn vô cùng! Tôi học kinh Hoa Nghiêm, suy nghĩ thật lâu mà chẳng nghĩ ra: Thứ gì đều không có thì nó biến bằng cách nào? Biến ra nhiều ngần ấy! Rồi tôi nghĩ đến lúc nhỏ chơi kính vạn hoa, tôi nghĩ tới món đồ chơi ấy. Kính vạn hoa rất đơn giản, mọi người đều biết, tôi vừa nhắc tới, khá nhiều người tặng kính vạn hoa cho tôi, tặng cả mười mấy cái! Ba miếng thủy tinh, bên trong bất quá là mấy mảnh vụn có màu sắc khác nhau, quý vị xoay chuyển ống kính, xoay suốt ngày từ sáng đến tối, nó sẽ hiện ra vô số mô thức sắp xếp (pattern), chẳng có cái nào giống nhau! Tôi liền nghĩ "vốn tự trọn đủ, có thể sanh vạn pháp" có cùng một đạo lý với kính vạn hoa, thật đấy, chẳng giả đâu! Dẫu hiện nhiều đến mấy, quý vị chẳng thể nói nó là có;

khi nó chẳng hiện, chẳng thể nói nó không có. Có và Không là tương đối, có và Không là nhị biên, trong tự tánh chẳng có đối lập, phải hiểu rõ đạo lý này! Chúng ta muốn trở về tự tánh, mà có ý niệm đối lập, sẽ trở về không được, điều ấy rất nghiêm trọng! Vì vậy, học Phật dẫu học thật giỏi, nói đến nỗi hoa trời rơi loạn xạ, mà vẫn đối lập với người khác, đối lập với sự, đối lập với vạn vật, thì kẻ ấy là lục đạo phàm phu chính cống, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, mà cũng chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tuy Cực Lạc thế giới nói "đới nghiệp vãng sanh", chẳng thể mang theo [nghiệp chướng] hiện hành, có thể mang theo cựu nghiệp, [tức là] có thể mang theo nghiệp trong quá khứ, chẳng thể mang theo nghiệp hiện tiền. Ta oán một ai, đến lúc lâm chung, lúc thở hắt ra hơi cuối cùng, còn oán hay chăng? Còn oán thì chẳng có hy vọng chi hết, quý vị chẳng vãng sanh được! Trong hơi thở cuối cùng, ta chẳng oán hờn, A Di Đà Phật mới có thể đón quý vị đi. Công phu này phải luyện trong lúc bình thường, kẻ đối với ta có thâm cừu đại hận như thế nào đi nữa cũng chẳng ghim trong lòng. Ghim trong lòng sẽ chẳng đến được thế giới Cực Lạc, chẳng thể thấy A Di Đà Phật, phải buông xuống! Người khác oán hận ta, chẳng sao cả! Tâm ta thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần; người khác có oán hận tức là kẻ ấy chẳng thanh tịnh, có ô nhiễm. Do vậy, phải nhớ: Kinh Vô Lượng Thọ dạy ba tiêu chuẩn tu hành là "thanh tịnh, bình đẳng, giác". Phải biết do ba chuyện này sẽ vãng sanh ba cõi Tịnh Độ khác nhau trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thật sự đoạn, chẳng còn chấp trước, sẽ sanh vào cõi Phàm Thánh

Đồng Cư. Chẳng còn phân biệt, đoạn vô minh rồi, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm; hễ bình đẳng bèn sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nếu đã giác thì sao? Đại triệt đại ngộ, giác rồi thì sao? Giác rồi bèn trở về cõi Thường Tịch Quang. Vì vậy, chúng ta đới nghiệp, nói thật thà là "thứ gì cũng chưa thể đoạn", nhưng đới nghiệp là mang theo nghiệp quá khứ, chẳng mang theo nghiệp hiện hành! Nay chúng ta phải hóa giải tất cả hết thảy những đối lập, mâu thuẫn, xung đột với người khác, buông xuống từ nội tâm, đừng nên so đo nữa, mong cho tâm mình đạt đến thanh tịnh. Tâm thanh tịnh hiện tiền, chắc chắn quý vị được vãng sanh, điều này trọng yếu lắm! Đừng để ngoại cảnh quấy nhiễu khiến cho cơ hội lần này lại bị chướng ngại, [nếu để bị chướng ngại] tức là sai lầm quá đỗi to lớn! Ba môn "giác, chánh, tịnh", giác bèn sanh vào Thường Tịch Quang, bình đẳng bèn sanh vào cõi Thật Báo, thanh tịnh sanh vào cõi Phương Tiện. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta: Cõi Phương Tiện là tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương thù thắng, chẳng giống các cõi nước khác. Cõi ấy chẳng có lục đạo, tuy cũng có cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhưng cõi Phàm Thánh Đồng Cư chẳng phải là lục

đạo, chỉ có hai đường nhân thiên, chẳng có Tu La đạo, mà cũng chẳng có tam ác đạo. Đây là chỗ khác biệt! Trong ba môn, hành theo môn nào cũng đều được. Nếu hành theo Giác môn, chắc chắn sanh vào cõi Thật Báo, giác, chánh, tịnh. Chánh môn thì tùy thuộc công phu sâu hay cạn, chẳng nhất định. Công phu cao, sanh vào cõi Phương Tiện; kém hơn thì vẫn sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Hành theo Tịnh môn khác hẳn. Đối với Tịnh môn, nếu niệm đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ là cõi Thật Báo, Sự nhất tâm bất loạn là cõi Phương Tiện; công phu thành phiến là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Vì vậy, thấp nhất là công phu thành phiến. "Thành phiến" là gì? Chưa đoạn phiền não, nhưng trong tâm có Phật, có A Di Đà Phật, trừ Phật ra, ý niệm gì cũng đều có thể chế ngự, chẳng cho nó khởi tác dụng, khuất phục phiền não, chứ chưa đoạn phiền não. Đoạn phiền não bèn chuyển thức thành trí, người ấy chưa đoạn. Công phu niệm Phật nhằm chế ngự phiền não, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đè nén phiền não. Đó là điều kiện phải có đủ để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; không hội đủ điều kiện này sẽ chẳng thể vãng sanh. Chúng ta hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, biết trong cuộc đời này phải nên làm chuyện gì, điều gì trọng yếu nhất đối với chúng ta. Thanh tịnh, bình đẳng, giác là trọng yếu, phải dốc toàn lực tìm lại. Chính mình vốn sẵn có giác, chánh, tịnh. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói: "Bổn giác vốn có, bất giác vốn không". Đây là bổn giác, tìm lại nó thì tìm từ cái tâm thanh tịnh, tu gì trong hết thảy hoàn cảnh? Tu tâm thanh tịnh, tu không bị ô nhiễm, không bị quấy nhiễu, đó là tu hành thật sự. Mười tông phái đều hành theo ba môn này, tôi vừa mới nói: Tánh Tông và Thiền Tông hành giác môn, những tông khác là Giáo Hạ, như Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Tam Luận và Pháp Tướng Duy Thức đều hành theo Chánh môn, chánh tri, chánh kiến. Loại thứ ba là hành theo Tịnh môn, gồm hai tông phái là Tịnh Độ Tông tu tâm thanh tịnh, Mật Tông cũng tu tâm thanh tịnh; nhưng Hiển và Mật khác nhau, công phu của Mật Tông đúng là cao hơn Tịnh Tông. Tịnh Tông tu cái tâm thanh tịnh như thế nào? Viễn ly hết thảy nhiễm pháp, viễn ly hết thảy ô nhiễm, tu tâm thanh tịnh dễ dàng! Còn trong Mật pháp là chẳng lìa cảnh giới để tu tâm thanh tịnh, khó lắm! Đó chẳng phải là

chuyện dễ dàng. Tịnh của họ (Mật Tông) là chân tịnh, còn chúng ta là tách lìa, thanh tịnh, sau khi tiếp xúc chưa chắc đã thanh tịnh. Vì vậy, người ta là thanh tịnh thật sự. Mật là pháp thượng thượng thừa trong Phật pháp, chẳng học pháp môn ấy sẽ chẳng thể thành Phật. Chẳng thể không tu [Mật pháp], nhưng tu lúc nào? Từ Sơ Địa trở lên. Nói cách khác, Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền tu Hiển Giáo. Trong trường học, vị ấy học lớp Tiến Sĩ, quý vị đã tốt nghiệp Thạc Sĩ mới có thể tu theo ban Tiến Sĩ. Nếu quý vị chưa phải là trình độ này mà tu Mật sẽ rắc rối to, cuối cùng sẽ đến đâu? Vào A Tỳ địa ngục! Trong quá khứ, Chương Gia đại sư bảo tôi: Trong

thế gian chúng ta, trình độ thấp nhất [để có đủ tư cách học] Mật Tông là Sơ Trụ trong Viên Giáo, cũng có nghĩa là thật sự đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Quý vị tiếp xúc bất luận cảnh giới gì đều chẳng bị lay động, cũng sẽ không bị quấy nhiễu, giống như Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần. Vì sao thầy chúng tôi hạn chế rất nghiêm, thứ gì cũng không cho phép đọc, cũng chẳng cho phép nghe, mà cũng chẳng cho phép học, sợ gì? Sợ bị quấy nhiễu. Quý vị chưa có định tánh, "gần son sẽ đỏ, gần mực sẽ đen" thì làm sao được? Son và mực bày ra trước mặt, quý vị hết sức tiếp cận, chẳng tiêm nhiễm mảy may! Có công phu ấy thì mới có thể học, mới có thể đi ra ngoài tham học. Vì vậy, tham học là có điều kiện, chẳng phải tùy tiện ai cũng đều có thể đi tham học, không thể nào! Quý vị thấy Thiện Tài đồng tử tham học, Ngài đã minh tâm kiến tánh trong hội Văn Thù Bồ Tát, đắc Căn Bản Trí, đó là kiến tánh, là đại triệt đại ngộ. Kinh Bát Nhã nói: "Bát Nhã vô tri", Căn Bản Trí là vô tri, từ vô tri khởi tác dụng là Hậu Đắc Trí. Ngài tham học nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là không gì chẳng biết. Khi chính quý vị đã đạt đến vô tri thì mới có thể đi tham học, mới thành tựu Hậu Đắc Trí. Chúng ta chưa đắc Căn Bản Trí mà ta đi tham học, có được hay không? Quý vị muốn đi thì Phật cũng chẳng có cách nào! "Ông cứ đi đi! Ông có thể học được gì hay chăng? Hết thảy những gì ông học được đều là tri kiến sai lầm, chẳng có gì là tri kiến chính xác hay chánh tri chánh kiến cả!" Chúng tôi dám nói như thế này: "Toàn là học sai trật!" Phải đến khi trong tâm thanh tịnh chẳng sanh một niệm thì lúc quý vị tiếp xúc mới là trí huệ chân thật, là Phật tri Phật kiến. Quý vị chưa đạt tới trình độ này, mà ra bên ngoài, bất luận đến tham học nơi đâu, toàn là học được tà tri tà kiến! Vì sao? Do tâm quý vị tà, trong tâm khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Do đó, chánh pháp đều biến thành tà pháp. Người đắc Căn Bản Trí là như thế nào? Người ấy không có tri kiến. Chẳng có tri kiến bèn gọi là chánh tri chánh kiến, chẳng có tà kiến, chẳng mê. Do vậy, khi người ấy tiếp xúc, sẽ hoàn toàn tương ứng với tự tánh, khi ấy mới có tư cách đi ra ngoài tham học. Vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, mắt thấy bèn hiểu rõ, tai vừa nghe bèn hiểu rõ, giống như Huệ Năng đại sư đã thị hiện, chúng ta hãy nghĩ có đúng như thế hay không? Người ta chưa từng học kinh Pháp Hoa, chưa hề nghe nói. Thiền sư Pháp Đạt niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa; kinh Pháp Hoa rất dài, mỗi ngày tối đa niệm được một bộ, niệm ba ngàn bộ phải mất mười năm. Niệm mười năm chẳng khai ngộ, có tập khí ngạo mạn, cảm thấy mình ghê gớm lắm, rất đáng kiêu ngạo. Sư đã niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa, kinh Pháp Hoa đã niệm thuộc làu làu. Tới chỗ Huệ Năng đại sư thỉnh giáo, gặp mặt, [sư Pháp Đạt nghĩ] gã này là hậu học, đảnh lễ thầy ba lạy. Thầy thấy rất rõ ràng, lúc Sư lạy đầu chẳng sát đất, đó là gì? Tập khí ngạo mạn, lễ bái đầu

chẳng sát đất. Khi Sư đứng lên, Tổ bèn hỏi: "Ông có gì đáng để kiêu ngạo?" Sư thưa đã đọc ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Huệ Năng đại sư bèn hỏi: "Kinh Pháp Hoa nói những gì?" Sư chẳng thưa được, quay lại thỉnh giáo Huệ Năng đại sư. Huệ Năng đại sư bảo: "Kinh này ta chưa từng nghe, ta cũng chẳng biết chữ. Nếu ông đã niệm đến ba ngàn bộ, hãy niệm cho ta nghe". Kinh Pháp Hoa có hai mươi tám phẩm, Sư đọc đến phẩm thứ hai, tức là đọc đến phẩm Phương Tiện, Huệ Năng đại sư nói: "Được rồi! Không cần niệm nữa! Ta đã hiểu toàn bộ". Người có bản lãnh ấy mới có thể tham học! Tổ giảng cho Sư nghe, Sư khai ngộ, lại lạy, đầu dập sát đất, chẳng nói năng gì! Tham học phải có bản lãnh này mới được; thiếu bản lãnh này sẽ chẳng thể tham học, quý vị tham cái gì đây? Quý vị là phàm phu! Vì vậy, trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã biểu diễn điều kiện tham học, chúng ta liền biết: Chưa kiến tánh, chẳng thể rời khỏi thầy! Rời thầy sẽ có vấn đề liền! Quý vị sẽ bị ô nhiễm, biến thành tà tri tà kiến, bị đọa lạc! Do đó, thầy có ý tốt chẳng cho quý vị đi ra ngoài, phải ở quanh thầy. Ai mới có cơ hội khai ngộ? Người thật thà, theo chắc thầy, thầy chẳng hại ta. Kẻ tự cậy thông minh, không nghe lời, cảm thấy vị thầy này khá lắm, nhưng còn có vị thầy khác cao minh hơn thầy, mà thầy chẳng chấp thuận cho tôi học, ở bên kia người ta học rộng nghe nhiều! Có đấy! Xưa nay trong ngoài nước đều có loại người này. Hắn rời khỏi vị thầy này, lại đi tìm vị thầy khác, xong rồi! Đời này xong luôn rồi! Thiện tri thức quả thật khó cầu, trong thời đại hiện tại này chẳng có, tìm không được! Chỉ có một phương pháp là tìm cổ nhân, cổ nhân đáng tin cậy. Cổ nhân là kinh giáo, chúng ta học kinh Hoa Nghiêm bèn kiếm Thanh Lương đại sư, kiếm Lý Trưởng Giả, các Ngài đã chú giải kinh Hoaa Nghiêm tỉ mỉ. Chúng ta đọc kinh chẳng hiểu, xem chú giải là nghe các Ngài chỉ dạy. Đọc một lần không hiểu, xem mười lần, mười lần không hiểu, xem trăm lần! Nếu quý vị có thể đọc Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao một trăm lần, có thể khai ngộ hay chăng? Hết sức có thể! Một trăm lần, tâm quý vị định rồi. Do vậy, trước hết đắc tam-muội, đạt được tâm thanh tịnh. Đọc cho đến mức tập khí phiền não, tập khí tri kiến thảy đều mất sạch, tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm thanh tịnh sẽ sanh trí huệ. Trí huệ là có thể khai ngộ, chuyện này là thật, chẳng gạt người đâu nhé! Vì vậy, cương lãnh rốt cục, tột cùng trong giáo học Phật pháp là ba món: "Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ". Giới là quy củ, quý vị vâng giữ quy củ. Dạy quý vị thâm nhập một môn, đó là quy củ. Thật sự thâm nhập sẽ đắc định, đắc định bèn khai ngộ. Đối với điều này, cổ thánh tiên hiền Trung Quốc, chứ không riêng gì Phật pháp dạy người như vậy, mà Nho và Đạo cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Vào thời cổ, trong trường tư thục, thầy dạy học trò, chú ý tới điều trọng yếu nhất là ngộ tánh của học trò, giúp nó khai ngộ. Sau khi khai ngộ, hễ tiếp xúc gì cũng đều thông hiểu, người ấy

cũng rất thông minh, hễ tiếp xúc bèn có thể hiểu rõ. Vì sao? Hết thảy các pháp chẳng lìa tự tánh, chỉ cần kiến tánh thì vấn đề gì cũng đều giải quyết! Nay chúng ta học kinh Vô Lượng Thọ, tìm bản chú giải này của cụ Hoàng Niệm Tổ là được rồi. Vì sao? Kinh do thầy cụ là lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập từ năm bản dịch gốc, nay chúng ta thấy bản chú giải này của cụ Hoàng đã tổng hợp toàn bộ những lời chú giải kinh Vô Lượng Thọ của các vị đại đức xưa nay, trong ngoài nước, hoàn toàn tổng hợp lại. Quý vị đọc bản chú giải của cụ Hoàng tức là đã xem bao nhiêu kinh? Trong phần sau, cụ đã dẫn chứng hơn

hai trăm thứ. Quý vị được đọc toàn bộ, tổng hợp toàn bộ mà! Khi chúng ta muốn xem nhiều như vậy, phải tốn bao nhiêu thời gian? Cụ đã chỉnh lý kỹ lưỡng. Trong quá khứ, những bản chú giải xưa gồm có mấy thứ chúng tôi đã từng xem qua, ở đây cụ cũng đều sao lục đầy đủ, sao toàn bộ trong tác phẩm này! Do vậy, bộ Kinh Giải này là tổng hợp hoàn chỉnh của các kinh luận chú sớ trong Tịnh Độ; chúng ta phải nhận biết tác phẩm quý giá này! Trong hết thảy các kinh, kinh điển Tịnh Tông là quý báu. Trong các sách vở Tịnh Tông, nay bày ra trước mặt chúng ta, bản chú giải này là món báu! Không có tác phẩm nào siêu thắng hơn tác phẩm này, chẳng có! Chúng ta phải quý trọng, phải nghiêm túc học tập. Với phân lượng của sách này, với kích thước như vậy, nếu chúng ta thâm nhập một môn học tập từ đầu đến cuối, học tập năm năm hay mười năm, sẽ đắc Niệm Phật tam-muội, chẳng còn vọng niệm nữa! Thời gian, tinh thần, tinh lực của chúng ta đều tập trung vào đây, lẽ đâu chẳng đắc định? Tam-muội ấy gọi là Niệm Phật tam-muội. Đắc Niệm Phật tam-muội sẽ có thể đắc Sự nhất tâm bất loạn và Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn là kiến tánh. Chúng ta mong sớm có ngày thành tựu, sớm có ngày thành tựu thì phải thật sự buông xuống, bộ kinh điển này dạy chúng ta buông xuống, thảy đều buông xuống. Đối với tổng cương lãnh, đức Phật nói ba câu, tức là tam nghiệp thanh tịnh. Ngài xếp khẩu nghiệp đầu tiên, chẳng giống những kinh khác. Các kinh nói "thân, khẩu, ý", kinh này nói "khẩu, thân, ý": "Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá" (khéo giữ khẩu nghiệp, chẳng chê bai lỗi lầm của người khác), thật sự làm. Chúng ta còn phê phán người khác hay chăng? Hữu ý hay vô tình phê bình người khác, quý vị đều vi phạm. Nếu thật sự học, phải thời thời khắc khắc cảnh giác, chẳng chê bai lỗi lầm của người khác. Đừng nên ghi nhớ khuyết điểm của kẻ khác, càng chớ nên nói ra. Quý vị làm được điều này, sẽ có thể học Phổ Hiền Bồ Tát thập nguyện "lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường", xử sự, đãi người, tiếp vật đều phải như vậy thì mới được, mới giống Bồ Tát. Bồ Tát chẳng có oán gia đối đầu. Tổ tiên chúng ta dạy: "Nhân giả vô địch" (người có lòng nhân không có kẻ đối địch). Trong Phật môn, "nhân giả" được gọi là Bồ Tát; đối với Bồ Tát thường gọi họ là "nhân giả", tức là bậc nhân từ. Bồ Tát là người nhân từ,

không ai đối địch, trong tâm Ngài chẳng có địch thủ. Nếu còn phân biệt, còn chấp trước, còn có đối lập, kẻ ấy chẳng phải là Bồ Tát, kẻ ấy là gã bất nhân! Bất nhân là chẳng có tâm từ bi, "nhân giả" là đại từ đại bi. Còn oán hận thì làm sao có thể coi là bậc nhân từ? Kẻ ấy có lỗi với ta, hủy báng ta, lăng nhục ta, hãm hại ta, nếu quý vị là người có lòng nhân, kẻ ấy dùng thủ đoạn gì để đối phó quý vị, trong tâm quý vị đều chẳng vướng mắc. Không chỉ chẳng vướng mắc, mà còn rất cảm kích kẻ ấy. Vì lẽ gì cảm kích kẻ ấy? Kẻ ấy tới khảo nghiệm xem quý vị có phải là học Phật hay chăng? Rốt cuộc có công phu gì hay chăng? Chửi quý vị mấy câu để coi có nổi quạu hay chăng? Hễ nổi quạu là xong rồi! Quý vị thấy đó, kẻ ấy đến khảo nghiệm quý vị! Từ kinh điển, quý vị thấy kinh Kim Cang có nhắc đến chuyện vua Ca Lợi vương cắt chặt thân thể [của Nhẫn Nhục tiên nhân]. Nguyên văn câu chuyện này được kinh Đại Niết Bàn kể rất tỉ mỉ, kinh Kim Cang chỉ nói đại lược! Đó là khi Thích Ca Mâu Ni Phật chưa thành Phật, Ngài tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, người ta gọi Ngài là Nhẫn Nhục tiên nhân. Gặp phải vua Ca Lợi xem Ngài có thể nhẫn hay không? Vua Ca Lợi đem Ngài lăng trì xử tử, dùng đao cắt thịt

Ngài, lóc lấy từng miếng, xẻo cho đến chết để coi Ngài có thể nhẫn hay không? Ngươi vẫn có thể chẳng tức giận, vẫn có thể chẳng oán hờn ta ư? Nhẫn Nhục bảo vua: "Ta chẳng có mảy may oán hận!" Đã thế, còn đối trước vua phát nguyện: "Trong tương lai ta thành Phật, người đầu tiên ta hóa độ sẽ là nhà vua". Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, người đầu tiên đắc độ thành A La Hán là tôn giả Kiều Trần Như, tôn giả chính là vua Ca Lợi thuở ấy. Hứa sao làm vậy! Vua Ca Lợi thành tựu cho Ngài, nên Nhẫn Nhục tiên nhân cảm ơn, chẳng oán hận. Thành tựu Ngài như thế nào? Giúp Ngài sớm thành Phật. Trong một ngàn vị Phật thuộc Hiền Kiếp, vị Phật thứ tư là Di Lặc Phật, [lẽ ra], Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật sau Di Lặc Phật, là vị Phật thứ năm; nhưng quý vị thấy nay Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật trước. Di Lặc Phật biến thành hậu bổ Phật của Phật Thích Ca, do nguyên nhân nào? Do Nhẫn Nhục Ba La Mật nên sớm thành tựu, quý vị nói đó là chuyện tốt hay xấu? Tổ tiên dạy chúng ta: "Thua thiệt là phước", quý vị chẳng chịu thua thiệt, tức là chẳng cần phước báo! Nhẫn Nhục tiên nhân biết "thua thiệt là phước", hoàn toàn tiếp nhận, nên phước báo hiện tiền, Ngài sớm thành Phật. Sự thị hiện này nhằm dạy bảo chúng ta, nạn lớn ngần ấy, nhưng Ngài luôn coi như chẳng có chuyện gì, nghịch cảnh xảy đến bèn vâng chịu. Nay chúng ta gặp một tí thử thách vặt vãnh đã chịu không nổi, làm sao có thể vãng sanh? Vì vậy, người tu hành dẫu bị thua thiệt quá mức, dẫu bị lừa gạt quá mức, vẫn coi như chẳng có chuyện ấy! Phải luôn nhớ một câu trong kinh Kim Cang: "Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng", phải buông chuyện ấy xuống, trong tâm chẳng có dấu vết gì, chẳng oán hận mảy may,

thường sanh lòng hoan hỷ. Đối với những oán thân trái chủ, cảm ơn, cảm tạ! Nếu trong quá khứ, tôi thiếu nợ họ, đáng phải đền trả, vui vẻ. Nếu trong quá khứ, tôi chẳng thiếu nợ họ, chẳng cần đến, sau khi họ đoạt lấy, chẳng cần họ phải trả! Họ trả thì tôi phải trở lại thế gian làm người lần nữa hòng nhận nợ của họ, rắc rối to! Không cần nữa! Quý vị nói xem có phải là tự tại lắm không! Đây là chân tướng sự thật, có thể chịu thua thiệt, thua thiệt sao cũng được, luôn hoan hỷ. Vì vậy, đối với Mật, chúng ta tôn trọng, tán thán, nhưng chẳng học. Vì sao? Biết chúng ta thiếu năng lực để học. Chúng ta chẳng ăn thịt hết thảy chúng sanh nhằm tiêu nghiệp chướng của chính mình. Người học Mật có thể ăn thịt hết thảy chúng sanh, vì sao? Khi người ấy ăn thịt chúng nó, có thể siêu độ chúng nó, có bản lãnh đó. Nay chúng ta ăn thịt chúng sanh, có bản lãnh siêu độ nó hay chăng? Đừng nói siêu độ gì khác, chúng ta ăn một con gà, có thể khiến con gà ấy sanh lên trời, nó bèn có thể hưởng phước trời, có năng lực ấy hay chăng? Không có năng lực ấy thì ngàn vạn phần chớ nên [ăn thịt chúng sanh], vì sao? Quý vị kết oán cừu với chúng. Mật chẳng phải là đùa bỡn được! Trong Mật Tông không có con đường chính giữa. Nói cách khác, một là thành Phật, hai là đọa A Tỳ địa ngục. Nếu quý vị chẳng thành Phật, sẽ đi vào A Tỳ địa ngục, quyết định chẳng thể đùa bỡn được! Thượng Sư Mật Tông kết duyên với các tín đồ thông thường, quán đảnh cho quý vị, truyền cho quý vị một câu chú. Quá nửa là truyền bài chú Lục Tự Đại Minh của Quán Thế Âm Bồ Tát: "Úm ma-ni bát-mê hồng", rất nhiều người đều biết niệm. Chương Gia đại sư cũng truyền bài chú này cho tôi, bảo tôi thường niệm. Tôi hỏi Ngài bài chú ấy có nghĩa là gì? Ngài giảng: "Úm" (Aum) là tiếng Phạn, có nghĩa là Thân, hiểu là Pháp Thân cũng được, mà Báo Thân cũng được, [Úm là] thân thể. Trong kinh Đại Thừa, Ma-ni rất nhiều, hoa

sen đấy. “Ma-ni” (Mani) là hoa sen; “Bát-mê” (padme) là gìn giữ. “Hồng” (Hum) là ý, ý niệm. Theo ngữ pháp của họ, quý vị thấy, [câu chú ấy có nghĩa] là “thân, hoa sen, gìn giữ, ý”. Theo ngữ pháp của người Hoa, [có nghĩa là] “gìn giữ thân tâm (ý là tâm) như hoa sen”, ý nghĩa này hay lắm! Do vậy, trì chú phải tam mật tương ứng, tay kết ấn, miệng niệm chú, trong tâm quán tưởng. Quán tưởng gì? Thời thời khắc khắc giữ cho thân tâm của chính mình giống như hoa sen, mọc lên từ bùn lầy mà chẳng nhuốm bẩn, ý nghĩa này thật hay! Hiện thời rất nhiều người niệm [chú này], nhưng chẳng biết ý nghĩa, do không biết nên chẳng sanh ra hiệu quả. Do trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật bảo: “Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”, quý vị chẳng quán tưởng, chỉ niệm suông, chỉ kết ấn suông, chẳng quán tưởng thì không được rồi, chẳng đạt được lợi ích chân thật! Vì vậy, trong Tam Mật, quán tưởng trọng yếu nhất, còn quan trọng hơn trì chú và kết ấn. Tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, Ngài chẳng truyền Mật pháp cho tôi, Ngài nói

tôi chẳng đủ trình độ: “Anh còn thiếu trình độ rất xa!” Đó là nói thật, chẳng giả! Vì vậy, tôi hết sức cảm kích vị lão nhân này. Cơ sở Phật pháp của tôi được Ngài thiết lập trong ba năm, nên sau này mới có một chút thành tựu như vậy! Trong đoạn này, [cụ Hoàng có ý nói hành nhân] thật sự được oai thần từ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Do vậy, pháp này thuộc Tha Lực Môn, thuộc về Quả giáo, A Di Đà Phật dùng quả đức gia trì chúng ta. “Hành nhân phát tâm niệm Phật, trượng Di Đà bổn nguyện nhiếp thọ, oai thần gia bị, hộ trì hành giả” (hành nhân phát tâm niệm Phật, nương vào bổn nguyện và oai thần của Phật Di Đà nhiếp thọ, gia bị, hộ trì hành giả). Quý vị thật sự y giáo phụng hành, sẽ chẳng bị ma dựa. Quý vị thật sự y giáo phụng hành, người có công năng đặc dị sẽ trông thấy. Đó là: Quý vị thật sự có công phu ấy, thân thể tỏa ánh sáng, ma chẳng thể đến gần. Huống hồ lại quy y A Di Đà Phật, thật sự có hai mươi lăm vị thần hộ pháp hộ vệ. Vì sao rất nhiều người tu hành lại đổ bệnh? Đó chính là như trong phần trước đã nói: “Hành nhân sảo hữu chấp trước”, tức là có một tí chấp trước như thế, “tiện thất chánh kiến, tức nhập ma đồ” (liền mất chánh kiến, thuộc vào đường ma), phiền phức liền! Toàn bộ oán thân trái chủ của quý vị tìm tới cửa. Tâm này phải trụ nơi đạo, làm thế nào để trụ nơi đạo? Thời thời khắc khắc niệm Phật. Chẳng niệm Phật, bèn nghĩ đến những đạo lý được giảng trong kinh điển. Đại Thế Chí Bồ Tát chỉ dạy chúng ta: “Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật” (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật). Ức Phật là gì? Thường xuyên tưởng Phật, Phật ở đâu? Những điều kinh đã giảng đều là Phật. Kinh Hoa Nghiêm càng giảng cặn kẽ hơn. Trong quá khứ, chúng ta học kinh Hoa Nghiêm lâu ngần ấy, đã hơn bốn ngàn giờ. Vì thời gian dài như thế, chúng tôi mới đem ghép bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán vào, đó là cương lãnh tu học, là tinh hoa của toàn bộ kinh Hoa Nghiêm. Bài luận văn ấy chẳng dài, cả bài văn chỉ có sáu đoạn; tiên sinh Phương Đông Mỹ nói ba đoạn đầu là Triết Học tối cao, ba đoạn sau là khoa học tối cao. Đây là triết học và khoa học trong giáo pháp Đại Thừa đều được giảng đến tột đỉnh, rốt ráo viên mãn, giảng rõ ràng duyên khởi của vũ trụ, duyên khởi của vạn vật, duyên khởi của sanh mạng, ta từ đâu đến, duyên khởi của bản thân chúng ta, đều nói ra hết, quá ư là khó có! So với những thứ triết học và khoa học tột đỉnh trong cả thế giới hiện thời, trọn chẳng thua kém.

Chúng tôi cũng dùng hơn hai trăm giờ để giảng. Bộ DVD này có thể nghe nhiều lần, nghe không hiểu chẳng sao cả! Cứ nghe từng lần một, nghe rồi sẽ khai ngộ. Nghe xong, dẫu chẳng khai ngộ, chắc chắn cũng giúp quý vị buông xuống, lợi ích ấy cũng rất lớn.

Tiếp đó, cụ dẫn một đoạn trong kinh Thập Vãng Sanh: "Phật ngôn: Nhược hữu chúng sanh niệm A Di Đà Phật, nguyện vãng sanh giả, bỉ Phật tức khiển nhị thập ngũ Bồ Tát ủng hộ hành giả. Nhược hành, nhược tọa, nhược trụ, nhược ngọa, nhược trú, nhược dạ, nhất thiết thời, nhất thiết xứ, bất linh ác quỷ, ác thần đắc kỳ tiện dã" (Đức Phật dạy: "Nếu có chúng sanh niệm A Di Đà Phật, nguyện vãng sanh, đức Phật ấy liền sai hai mươi lăm vị Bồ Tát ủng hộ hành giả. Dù đi, hay ngồi, dù đứng, hay nằm, dù ngày, hay đêm, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, chẳng để cho ác quỷ, ác thần có cơ hội thuận tiện [quấy nhiễu hành giả]"). Quý vị có tin điều này hay không? "Bỉ Phật" là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật phái hai mươi lăm vị Bồ Tát. Khi Tam Quy Y bèn có ba mươi sáu vị thần hộ pháp, "hai mươi lăm" là nói đến Ngũ Giới. Quý vị thật sự thọ trì Ngũ Giới, sẽ có hai mươi lăm vị thần hộ giới. Do vậy, kiếp trước, kiếp này, oán thân trái chủ cũng không thể tìm đến quấy phá. Quý vị thật sự học Phật, dù họ có cừu hận quý vị, cũng chẳng có cách nào báo thù! Họ thấy quý vị thật sự tu hành, biết quý vị có thành tựu, khi quý vị thành tựu, nhất định họ sẽ được lợi ích, nhất định siêu độ họ, nhất định giúp đỡ họ. Oán thân trái chủ tới kiếm người tu hành nhân gây chuyện là vì nguyên nhân nào? Quý vị tu hành giả dối, chẳng chân thật. Căn bản là họ coi thường quý vị, nên tới kiếm chuyện, chuyện là như vậy đó! Quý vị tu được, sẽ khiến họ bội phục, lẽ đâu họ quấy rối quý vị? Quý vị trách ai? Chẳng thể trách ai khác, phải tự trách mình. Nếu chính mình thật sự đúng pháp, oán thân trái chủ đều cung kính, họ biết họ sẽ được giải thoát, họ có duyên với quý vị, Phật độ kẻ hữu duyên mà! Duyên ấy, bất luận là thiện duyên hay ác duyên, nói chung, hễ có duyên bèn có thể đắc độ. Chúng ta là người học Phật, mỗi ngày trong Niệm Phật Đường của chính mình hãy thờ một bài vị oán thân trái chủ, chẳng quên họ, chẳng quan tâm họ có biết hay là không, trong đời này có lẽ có thể nhớ, nhưng đời quá khứ chẳng thể nhớ được, chúng ta thờ bài vị đời trước kiếp này, thảy đều có. Thật sự tu hành, họ sẽ thật sự bội phục, thật sự sanh tâm hoan hỷ, chẳng tìm đến làm phiền, mà tới hộ trì quý vị, mong mỏi quý vị thành tựu sớm ngày nào, họ sẽ sớm đắc độ ngày ấy. Vì vậy, con người có cùng cái tâm này, tâm có cùng lý này, lời Phật đã giảng trong kinh chắc chắn chẳng phải là vọng ngữ. Lại xem đoạn tiếp theo: "Hựu Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương vân: 'Kim ư thử giới, nhiếp niệm Phật nhân, quy ư Tịnh Độ" (Lại nữa, trong chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Thủ Lăng Nghiêm có nói: "Nay ở trong cõi này, nhiếp thọ người niệm Phật về Tịnh Độ"), đây là lời Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói trong kinh Lăng Nghiêm. Chương này kinh văn chẳng dài, tổng cộng chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, đây là một đoạn trong Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương. Đối với đoạn này, Ấn Quang đại sư, tôi

nghĩ hiện thời rất nhiều đồng học đều biết: Ấn Quang đại sư là Tây Phương Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Trong đời quá khứ, trước khi thành Phật, Quán Âm và Thế Chí đều là người trong thế giới Sa Bà, cũng có thể nói [các Ngài] là đồng hương của chúng ta. Các Ngài sanh về thế giới Cực Lạc, nay họ giống như lớp trưởng của các vị Bồ Tát, lãnh đạo

các vị Bồ Tát giúp A Di Đà Phật giáo hóa chúng sanh. Thế giới Sa Bà là quê hương của các Ngài, nên cũng đặc biệt chiếu cố; vì vậy, Ngài thường đến thế giới này, thật vậy, giống như trong phần trước đã nói: Hết thảy thời, hết thảy chỗ, quý vị niệm Ngài, Ngài bèn hiện tiền. Ngài dạy chúng ta phương pháp Niệm Phật chính xác nhất, đơn giản nhất, ổn thỏa nhất, đáng tin cậy nhất. Phương pháp là "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối", tám chữ! "Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật", câu này khẳng định như vậy, chẳng có mảy may hoài nghi nào! Trong tâm thường tưởng Phật, miệng thường niệm Phật, trong hiện tại, quý vị đã có thể thấy Phật. Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng mà! Tương lai, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mỗi ngày ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật và chư Phật Như Lai, cùng học tập với các đại Bồ Tát, đến nơi đâu tìm được hoàn cảnh này? Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như một trường đại học Phật giáo, hết thảy chư Phật đem toàn bộ những chúng sanh thuộc ba căn tánh thượng trung hạ trong khu vực giáo hóa của các Ngài đưa sang học bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng không ra ngoài lệ ấy! Chỉ có các vị thượng thượng căn là sang thế giới Hoa Tạng. Do vậy, thế giới Cực Lạc vô cùng thù thắng trang nghiêm, chúng ta phải tin tưởng, chớ nên có mảy may hoài nghi nào! Kinh giáo Đại Thừa quả thật rất hấp dẫn con người, khiến cho quý vị sau khi xem xong chẳng muốn buông xuống! Nếu chúng ta không cầm lòng nổi, thứ gì cũng đều muốn học, sẽ là vấn đề nghiêm trọng. Vì sao? Tâm lực của chúng ta phân tán, chẳng thể tập trung. Học tập phân tán thì quý vị chỉ có thể đạt được kiến thức Phật học thông thường; nói theo thuật ngữ của giới học thuật hiện thời là quý vị chỉ có thể thành tựu trong Phật học. Trước kia, thầy Lý thường nói: "Trong thế gian này, quý vị có thể trở thành một nhà Phật học (chuyên gia nghiên cứu Phật giáo) hay là một học giả về Phật học, chứ đối với liễu sanh tử, thoát tam giới chẳng liên quan chi hết!" Quý vị biến đại pháp xuất thế gian thành một thứ học thuật thế gian, biến chất rồi! Tuy biến chất, đương nhiên vẫn là kết pháp duyên với Phật, trong A Lại Da đã gieo chủng tử Phật pháp, đời kế tiếp hay đời sau, khi duyên chín muồi, vẫn có thể thành tựu; nhưng trong đời này, chắc chắn quý vị chẳng thể tránh khỏi nỗi khổ luân hồi, thời gian luân hồi rất dài. Do vậy, thầy Lý nói: "Quý vị không thể tránh khỏi nỗi khổ luân hồi nhiều kiếp dài lâu!" Thật sự giác ngộ, buông xuống vạn duyên, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ. Những kinh giáo

ta ưa thích, muốn học, đến thế giới Cực Lạc sẽ học, hiện thời, trước hết phải giữ lấy Tịnh Độ, đến thế giới Cực Lạc, vô lượng thọ, hoàn cảnh tu học tốt đẹp, chẳng trễ nãi gì! Hiện tại, nếu thứ gì cũng đều muốn học, sẽ lỡ làng chuyện này, quý vị có thể sanh về thế giới Cực Lạc hay không, vẫn phải đánh rất nhiều dấu hỏi vì quý vị chưa nắm vững! Chớ nên không hiểu đạo lý này. Sau khi đã hiểu, chớ nên không làm, hãy thật sự làm! Hơn hai mươi năm trước, tôi đã nghĩ buông bỏ kinh giáo, chẳng làm nữa! Lần trước, giảng Kinh Hoa Nghiêm được một nửa thì ngừng, không giảng nữa! Quý vị thấy tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ mười lượt, lần này là lần thứ mười một. Lúc ấy, tôi nghĩ: Suốt đời này, chuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ. cứ giảng từng lượt một, mỗi lượt khác nhau! Nhân duyên giảng kinh Hoa Nghiêm lần này, tôi cũng đã trình bày cùng quý vị, rất bất đắc dĩ, nhưng cũng là có lý. Pháp sư Khai Tâm ở Đài Loan, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, và Hàn Quán Trưởng, ba người thỉnh cầu, mong giảng kinh ấy một lần làm thành CD/DVD

để giữ lại cho người đời sau tham khảo, nhằm mục đích này! Nếu đối với bản thân tôi, một bộ kinh Vô Lượng Thọ này là đủ rồi! Con đường này ổn thỏa, đơn giản, dễ dàng hơn nhiều lắm! Một môn thâm nhập. Bản chú giải này hay dường ấy, quá khó được, quá hy hữu. Ở nơi đây, tôi phát tâm, hướng dẫn mọi người cùng nhau học tập; nếu không hướng dẫn, có lẽ hứng thú học tập chẳng quá nồng đậm! Học tập bản chú giải này nhằm khẳng định, kết duyên phận thật sâu với thế giới Cực Lạc, thật sự phát nguyện, không ai chẳng vãng sanh! Đặc biệt là trong thế gian hiện thời, chúng sanh khổ lắm! Bất luận là giàu, nghèo, sang, hèn, các nghề nghiệp, không nương tựa vào đâu được! So với bất cứ thời đại nào trong quá khứ đều là đáng thương xót hơn! Trong xã hội thời quá khứ, con người sống trong thế gian này, họ có nơi nương tựa, nơi nương tựa là gia đình. Bất luận gặp chuyện khó khăn gì, gia đình sẽ là người ủng hộ, quý vị chắc chắn chẳng hoài nghi gia đình. Sau thời chiến tranh Trung Nhật, trong tám năm ấy, gia đình chẳng còn nữa, không nhìn thấy nữa. Người Trung Quốc đáng thương, không có nhà để về, cửa nát nhà tan. Vì vậy, chúng ta cảm ơn Phật, Bồ Tát vô tận, Phật, Bồ Tát bảo chúng ta có nhà, thế giới Cực Lạc là nhà của chúng ta, A Di Đà Phật, Tây Phương tam thánh là nơi nương tựa. Đúng vậy, tuyệt đối chẳng giả! Vấn đề là quý vị có thể tin tưởng hay không? Nay chúng ta có lý do tin tưởng, vì sao? Trong Hoàn Nguyên Quán đã giảng rõ ràng, chúng ta và A Di Đà Phật có mối quan hệ, chẳng phải là không có, quan hệ hết sức thân mật. Di Đà là tự tánh Di Đà, Tịnh Độ là duy tâm Tịnh Độ. Di Đà, Tịnh Độ, có quan hệ gì với ta? Nhất thể, chẳng kém mối quan hệ với cha mẹ, mà còn thân thiết hơn quan hệ với cha mẹ nữa! Chúng ta thật sự hiểu rõ quan hệ này, hiểu rõ rồi, quý vị còn hoài nghi hay chăng? Chẳng hề hoài nghi nữa! Giống như cư sĩ Lưu Tố Vân

đã làm gương: Nhất tâm nhất ý nương tựa A Di Đà Phật, bị bệnh nặng ngần ấy, bác sĩ trong thế gian chẳng trị được, chẳng cần quý vị chữa trị! A Di Đà Phật là đại y vương, chắc chắn có thể trị cho tôi lành bệnh. Mỗi ngày niệm Phật, niệm đến nỗi lành bệnh, điều này chẳng giả! Bà ta đã giảng cho chúng ta nghe ở đây mười mấy giờ. Phật, Bồ Tát có lòng tin đối với chúng ta, vấn đề hiện thời là chúng ta có lòng tin đối với Phật, Bồ Tát hay chăng? Nếu có lòng tin, sẽ tâm tâm tương ấn! Chúng ta xem đoạn tiếp theo. Quý vị thấy cụ Hoàng trích dẫn Tịnh Tu Tiệp Yếu, đây là một nghi thức tu hành do lão cư sĩ Hạ Liên Cư biên soạn. Trong ấy có viết: “Đại Thế Chí Bồ Tát, hiện cư thử giới, tác đại lợi lạc. Ư niệm Phật nhân, nhiếp thủ bất xả, linh ly tam đồ, đắc vô thượng lực” (Đại Thế Chí Bồ Tát nay đang ở trong cõi này, tạo đại lợi lạc. Ngài nhiếp thủ chẳng bỏ người niệm Phật, khiến họ lìa tam đồ, đắc vô thượng lực). Chúng tôi nghĩ khi cụ Hạ tại thế, cụ nói Đại Thế Chí Bồ Tát là Ấn Quang đại sư. Cụ chẳng nêu đích danh, nhưng trên thực tế thì sao? Trên thực tế, chẳng giả tí nào! “Hiện đang ở trong cõi này, thật sự tạo đại lợi lạc”. Đại lợi lạc là gì? Giáo dục nhân quả. Tổ Ấn Quang suốt đời cực lực đề xướng giáo dục nhân quả. Chúng ta thấy xã hội hiện tiền, có thể chữa trị căn bệnh nặng nề của đại chúng trong xã hội này, đích thực là giáo dục nhân quả. Thuở ấy, Ngài đã thấy rõ ràng, thấy xã hội hiện tiền của chúng ta, dùng luân lý chẳng trị được! Đạo đức cũng chẳng trị được, chỉ có giáo dục nhân quả. Phải giảng thấu triệt, giảng rõ ràng, những chuyện nhân quả quá nhiều. Nếu sưu tập những câu chuyện gần đây nhất thì nhật báo, tạp chí,

phương tiện truyền thông đã báo cáo, hễ quý vị nói [nhân quả], người ta đều có ấn tượng, chẳng giả tí nào! Thiện có thiện quả, ác có ác báo. Hiện thời, trong thế gian này, trên bất cứ con đường nào tại Hương Cảng đều có nhà hàng hải sản, quả báo do ăn hải sản rất nhiều, đều là nhãn tiền. Đó là quả báo do sát sanh, quả báo do ăn thịt. Còn có một chuyện nghiêm trọng là thiếu nữ phá thai; nghe nói hiện thời độ tuổi [phá thai] là từ mười tuổi cho đến ba mươi tuổi, thật là đáng sợ! Người có công năng đặc dị hiện thời thấy bao nhiêu trẻ gái bên thân có rất nhiều tiểu quỷ bám theo. Ở nơi đâu? Ở ngay trên thân họ, cho nên khắp thân họ là bệnh, bệnh chẳng thể chữa lành. Tới bệnh viện khám nghiệm, kiếm không ra bệnh, nhưng khắp thân dã dượi, vì những loài oán quỷ đến kiếm họ. Nếu họ thật sự hiểu chuyện này, có chịu làm chuyện xấu hay chăng? Chẳng chịu làm! Vì vậy, [đối với họ] giềng mối luân lý đạo đức chẳng đủ, họ không thể chống nổi dụ dỗ, mê hoặc; nhưng do nhân quả đáng sợ, người hiểu nhân quả sẽ chẳng dám. Vì vậy, đối cả thế giới hiện thời, nhân quả có đại lợi lạc. “Đặc biệt nhiếp thủ chẳng bỏ người niệm Phật”, Phật, Bồ Tát âm thầm gia trì người niệm Phật, [đó là nói] người thật sự niệm Phật, thật sự

muốn vãng sanh, Phật lực gia trì, nhiếp thủ quý vị vãng sanh thế giới Cực Lạc. Vì sao chẳng nhanh hơn một tí? Trên thế giới có tai nạn, cũng có thể là Phật, Bồ Tát trao cho quý vị sứ mạng, quý vị hãy khéo tu, để nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, thực hiện luân lý, đạo đức, nhân quả cho người khác thấy, thật sự phổ độ chúng sanh. Nếu thực hiện, nếu tuyên dương bằng phương tiện truyền thông, sẽ có ảnh hưởng to lớn. Ông Hồ Tiểu Lâm là một thí dụ, không hề lừa gạt khách hàng, cũng chẳng cần phải cạnh tranh với đối thủ, cứ theo đúng quy củ, tuân theo giáo huấn trong văn hóa truyền thống của Trung Quốc để kinh doanh mà một mực có lời. Chính ông ta đã báo cáo bao nhiêu lần, tiền kiếm được quang minh, lỗi lạc, yên tâm, thoải mái kiếm tiền, ông ta tự tại lắm, chẳng thiếu tiền. Vì vậy, ai nấy hiểu nhân quả, người người đều theo quy củ, bất luận quý vị làm nghề gì, sẽ được đại tự tại, sẽ thật sự hạnh phúc. “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng” (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng), cầu phú quý, đắc phú quý, ngay cả cầu làm Phật, làm Bồ Tát đều cầu được, phú quý thế gian trong Phật pháp là chuyện nhỏ nhoi, chẳng thứ gì chẳng cầu được. Vẫn là phải hiểu rõ ràng, minh bạch nhân quả. “Hựu A Di Đà kinh vân: - Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh, thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả” (lại nữa, kinh A Di Đà dạy: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe kinh này, thọ trì và nghe danh hiệu chư Phật), chữ “chư Phật” ở đây chỉ A Di Đà Phật, “thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm”. Ở đây, chữ quan trọng nhất là chữ “thiện”, thiện nam tử, thiện nữ nhân. Tiêu chuẩn của thiện là gì? Là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Hiện tại, chúng ta học tập, phải nên gộp cả Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên vào đó. Vì sao? Vì lẽ nào chúng ta học Thập Thiện Nghiệp Đạo chẳng tốt đẹp? Nói thật ra, vào thời cổ, không cần nói quá xa, người sống vào đầu thời Dân Quốc, tức thế hệ trước chúng tôi, như thầy Lý, cụ Hạ Liên Cư, họ thuộc thế hệ trước, đã thực hiện đúng tiêu chuẩn “thiện nam tử, thiện nữ nhân”. Vì sao họ làm được? Họ được hưởng thụ sự giáo dục tốt đẹp từ gia đình. Người sống vào đầu thời Dân Quốc, gia đình vẫn còn, gia học (sự giáo học trong gia đình hoặc trong gia tộc) còn hưng thịnh. Những người có học cũng chẳng học từ đại học nào như

hiện thời, đều là do học trong các tư thục mà thành tựu rồi sau đấy đi thi. Thầy Lý còn chưa bao giờ đến trường, thế hệ trước thầy Lý, tức thân phụ của thầy còn chưa hề đến trường, đời Thanh không có trường học; khi đó, không có trường học, mà toàn là tư thục, là gia học71. Dạy dỗ trong gia học rất nghiêm, thầy nghiêm khắc mới có trò giỏi! Thầy Lý học rất khổ sở, chúng ta có nằm mộng cũng chẳng ngờ tới! Cụ kể cho biết: Bị phạt quỳ, chẳng phải quỳ trên đất, mà quỳ trên đống gạch, khổ cực lắm! Lão nhân gia dạy chúng tôi học, chỉ bảo chúng tôi, bất luận là Phật học hay Nho học, dẫn chứng kinh điển cứ thuận miệng đọc ra, chẳng cần

phải tra cứu tài liệu, chúng tôi thấy vậy rất bội phục. Cụ bảo tôi: “Các anh có biết do đâu mà được vậy hay chăng?” “Con chẳng biết?” “Do quỳ trên gạch đấy. Các anh chưa hề quỳ trên gạch, cho nên chẳng được vậy!” Do đó, Trung Quốc vào thời cổ, trẻ nhỏ đúng là khổ sở, được giáo dục rất nghiêm ngặt, chẳng giống như Tây Phương. Người Tây Phương quan niệm: Thuở nhỏ là thiên đường, cuộc sống của nhi đồng là thiên đường, sung sướng, chẳng bị trói buộc gì! Trẻ nhỏ Trung Quốc khổ sở, mười một, mười hai tuổi đi ra ngoài, [giữ gìn oai nghi] giống như một người đã trưởng thành thu nhỏ, quy củ, quan niệm khác nhau! Thuở thơ ấu, phải hoàn thành những thứ cần phải học trong một đời. Sau khi đỗ đạt, theo đuổi bất cứ nghề nghiệp gì, tuổi thanh xuân cống hiến xã hội, tạo phước cho gia đình, vì gia đình tạo phước. Cả đời người ấy có mục tiêu, ta sống vì lẽ gì? Ta vì gia đình mà sống. Suốt đời nghĩ tưởng cho gia đình, làm cho tổ tông được vinh diệu, gia tộc được vẻ vang. Vì vậy, người ấy có chỗ để nương dựa, tâm bèn định. Dẫu suốt đời sống ở nơi xa xôi, đến cuối cùng lá rụng về cội, lúc tuổi già về hưu, nhất định trở về quê hương, vì sao? Dưỡng lão tại quê nhà. Vì vậy, đời người sung sướng nhất, hạnh phúc nhất. Nói đến lúc hưởng thụ nhất sẽ là khi nào? Tuổi già! Tuổi già hưởng lạc. Thuở nhỏ vun bồi căn cội cho sâu chắc, vững bền, vun bồi rất nhọc nhằn, “căn cội” ấy chính là luân lý, đạo đức, giáo dục nhân quả. Vì vậy, với nền giáo dục ấy, ai nấy đều là người tốt, mọi chuyện đều tốt lành, xã hội an định. Khi trẻ khỏe, vì xã hội, vì quốc gia, vì gia đình tạo phước, lúc tuổi già hưởng phước. Điều này khác với ngoại quốc, ngoại quốc đến tuổi xế chiều rất đáng thương, đối với Trung Quốc thì tuổi già là lúc hạnh phúc nhất, hưởng phước từ sáu mươi tuổi trở đi. Trước kia làm quan, làm quan đến bảy mươi tuổi bèn về hưu. Quan lại đến khi bảy mươi tuổi bèn cáo lão hồi hương, trở về nhà dưỡng lão, hưởng phước. Vì vậy, chữ “thiện” này trọng yếu lắm, thiện nam tử, thiện nữ nhân. “Giai vị nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm” (đều được hết thảy chư Phật hộ niệm), dẫn kinh điển nhiều như thế cho quý vị thấy: Chẳng phải chỉ có một bộ kinh này nói như vậy, mà đức Thế Tôn thường nói như thế. Tiếp theo đó, sách viết: “Hựu niệm Phật chi nhân hữu tứ thập lý quang minh chúc thân, ma bất năng phạm” (Lại nữa, người niệm Phật thân có quang minh chiếu xa bốn mươi dặm, ma chẳng thể xâm phạm). Nhất tâm chuyên niệm, trong kinh Đại Thừa đã dạy: “Phát Bồ Đề tâm, nhất tâm chuyên niệm”, Bồ Đề tâm là tâm giác ngộ thật sự. Quang minh bốn mươi dặm: Trong Phật pháp gọi bốn mươi dặm là một do-tuần, quang minh này là gì? Quang minh này là tự tánh quang minh, cũng là “thiện” được nói trong phần trước, thiện tâm, thiện nguyện, thiện hạnh. Quang minh như trong kinh Phật nói được con người hiện tại gọi là “từ trường”. Người ấy (người niệm Phật) ở lại nơi đây, từ trường trong vòng

bốn mươi dặm sẽ khác hẳn. Một người tu hành chân

chánh ở nơi này, hoặc là trong một đạo tràng nhỏ, nếu không có đạo tràng nhỏ, thì hoàn cảnh nơi người ấy sống, chúng tôi tin là cả nhà người ấy đều học Phật. Trong nhà ấy, thông thường có nhân số khoảng ba trăm người, người già trong nhà học Phật sẽ dẫn dắt mọi người cùng nhau học Phật. Vì vậy, chúng ta có thể tin tưởng là một trang viên72, một thôn xóm, một tiểu trấn ấy chắc chắn đều bị cảm hóa. Mấy năm trước đây, tại tiểu trấn Thang Trì, chúng tôi chỉ là làm thí nghiệm, chỉ dùng Đệ Tử Quy để dạy học, khiến cho bốn vạn tám ngàn cư dân trong tiểu trấn ấy, nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề cùng học, đại khái là trong thời gian ba bốn tháng, lòng người bèn chuyển biến, từ trường hoàn toàn khác hẳn. Do vậy, chuyện này là thật, chúng ta có thể tin "ma chẳng thể phạm". Nay chúng tôi nói những lời này, có ai tin tưởng hay không? Người ta bảo đó là chuyện thần thoại, chẳng thể nào có! Nói thật ra, đấy chẳng phải là Phật không linh, cũng chẳng phải pháp không linh, hiện thời chẳng có hiệu quả thì phải nên biết toàn là do bản thân chúng ta tuy học Phật nhưng tâm bất chánh! "Bất chánh" là không chịu buông tà mê xuống, bị tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần từ ngoại cảnh dụ dỗ, mê hoặc, thời thời khắc khắc động tâm, bị hoàn cảnh bên ngoài xoay chuyển, nay chúng ta niệm Phật, nguyên nhân khiến cho hoàn cảnh của chúng ta khác với hoàn cảnh được nói trong kinh là ở chỗ này. Tiếp theo đó, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ dùng một đoạn ngắn để kết luận, "Do thượng khả kiến, niệm Phật chi nhân, hữu Di Đà sở khiển chi nhập ngũ Bồ Tát, ư nhất thiết thời xứ, ủng hộ gia trì, hựu hữu Đại Thế Chí Bồ Tát đẳng, oai đức nhiếp thọ, phục vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm" (do những điều trên đây có thể thấy người niệm Phật được hai mươi lăm vị Bồ Tát do Phật Di Đà sai đến ủng hộ gia trì trong hết thảy lúc, hết thảy nơi, lại có những vị như Đại Thế Chí Bồ Tát v.v... oai đức nhiếp thọ, lại được hết thảy chư Phật hộ niệm). Phước báo này to nhiều, là phước báo bậc nhất! Chư vị phải biết: Thật sự tu tập thì mới được [ủng hộ, gia trì như thế]. "Cố đắc viễn ly ma nạn, an ổn tu trì. Trượng tha lực cố, hóa hiểm vi di, xưng vi dị hành đạo" (Cho nên được xa lìa ma nạn, an ổn tu trì; do cậy vào tha lực nên hóa hiểm thành lành, [do đó pháp này] được gọi là đạo dễ hành). Cư sĩ Lưu Tố Vân là một tấm gương tốt cho chúng ta, bà ta là người hết sức thật thà, hết sức hướng nội, cả đời chỉ sợ danh lợi, trọn chẳng tiêm nhiễm danh lợi. Do bị bệnh, niệm Phật được lành bệnh, cảm động bao nhiêu người. Giới truyền thông tới phỏng vấn bà ta, sau khi đĩa DVD được phát hành đã cảm động vô số người. Đúng là ban cho chúng ta một gương tốt về đạo dễ hành: Hết sức đơn giản là vạn duyên buông xuống, nhất tâm nhất ý nương cậy A Di Đà Phật. Do bà ta chẳng sợ chết, nên bệnh nặng như vậy, hoàn toàn chẳng lo lắng. Bác sĩ bảo bà ta có thể chết bất cứ lúc nào, bảo bà hãy chuẩn bị tâm lý. Bà ta nói: "Tôi chẳng bận tâm đến điều ấy, lúc nào tôi cũng mong

mỏi A Di Đà Phật đến tiếp dẫn tôi, thế giới Cực Lạc là quê cũ của tôi". Chẳng có chút cảm giác hoảng sợ gì, tâm bình khí hòa. Đó là điều khiến cho bác sĩ và y tá trong bệnh viện hết sức bội phục. Cớ sao bà ta an tường dường ấy, chẳng sợ hãi tí nào, chẳng lo buồn chút nào, do nguyên nhân gì vậy? Về sau, họ biết bà ta là người học Phật, niệm Phật. Do đó, phong khí niệm Phật lan truyền, người niệm Phật ở chỗ bà ta sống trở nên đông hơn, kẻ không tin cũng tin tưởng, kẻ chẳng niệm Phật cũng niệm Phật. Hiện thời

tiếng tăm lan truyền, mọi người đều biết tới, các nơi đều mời mọc bà ta. Tôi nói: "Tốt lắm!" Bà ta cũng rất vui vẻ, rất nghe lời, tôi bảo: "Đây là A Di Đà Phật trao sứ mạng cho bà, bà phải đi nhiều, gặp gỡ nhiều, trao đổi nhiều, khiến cho càng nhiều người hiểu rõ, giác ngộ". Chuyện này chẳng giả, bà ta hiện thân thuyết pháp, có đạo lý to lớn trong ấy! Tiếp theo đó, cụ Hoàng nêu ra một vấn đề, vấn đề này rất có thể xảy ra. Có những kẻ học Phật: "Hoặc dĩ đàm tha lực vi trước tướng" (Chắc cũng kẻ bảo tha lực là chấp tướng), kẻ nào thế? Kẻ học Thiền Tông, họ chê quý vị chấp tướng. Chấp tướng được thôi! Chúng ta chấp tướng, nhưng chấp tướng để cầu vãng sanh. "Ưng tri tha lực, diệc thị tự tâm, tự tha bất nhị" (Nên biết tha lực cũng là tự tâm, tự và tha chẳng hai), trong Tịnh Tông thường nói "tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ", tự tha là một, tự tha bất nhị, "tự tha uyển nhiên" (tự tha rành rành). Tự và tha có hay chăng? Có, nói theo Lý, cùng một tự tánh; nói theo Sự, cùng do một tự tánh sanh ra, tự tánh có thể sanh ra vạn pháp. "Nhân tha lực nhi hiển tự tâm, tùng hữu niệm dĩ nhập vô niệm, chánh thị bổn pháp thâm diệu xứ" (Do tha lực mà hiển lộ tự tâm, từ hữu niệm mà nhập vô niệm, đấy chính là chỗ sâu mầu của pháp này). Nếu chúng ta gặp phải kẻ phê phán chúng ta, quý vị hãy nên liễu giải: Có thể đáp, [tức là] nếu hiểu đạo lý này thì có thể nói với kẻ ấy. Nếu chẳng hiểu bèn cười trừ, niệm A Di Đà Phật là được rồi: "Mặc kệ ông nói như thế nào, tôi vẫn một câu A Di Đà Phật. Tôi cung kính ông, pháp môn của ông hay lắm, tôi tán thán. Pháp môn này của tôi chẳng bằng, căn tánh của tôi kém hơn ông. Coi thử trong tương lai hai người chúng ta, ai sẽ thành công?" Chẳng cần phải kèn cựa trong hiện tại, nhìn vào sự thành tựu sau này để chứng thực! "Thị cố Di Đà Yếu Giải vân: Thử chi pháp môn, toàn tại liễu Tha tức Tự. Nhược húy ngôn Tha Phật, tắc thị Tha Kiến vị vong" (Vì thế, sách Di Đà Yếu Giải viết: "Pháp môn này chú trọng hiểu rõ Tha chính là Tự. Nếu kiêng nói đến Phật khác, tức là Tha Kiến chưa hết"). Kẻ ấy vẫn còn phân biệt, vẫn đang chấp trước. "Nhược thiên trọng Tự Phật, khước thành Ngã Kiến điên đảo" (Nếu khăng khăng coi trọng Tự Phật, sẽ thành Ngã Kiến điên đảo). Ngẫu Ích đại sư nói hay quá! Do Ngẫu Ích đại sư sống vào cuối đời Minh, phong khí Thiền học rất thịnh, Thiền xem thường Tịnh Độ. Do vậy, Liên Trì đại sư thiện xảo phương tiện, chú giải kinh A Di Đà dùng

"thập môn khai khải" của kinh Hoa Nghiêm để nâng kinh Di Đà lên cảnh giới giống hệt như Hoa Nghiêm. Đây là phương tiện thiện xảo và dụng tâm của lão nhân gia. Trong thời đại ấy, phong khí Thiền học cực thịnh, làm thế nào để khiến người ta tin tưởng Tịnh Độ. Những năm xưa kia, tôi ở Đài Loan, lúc ấy vừa mới có một đạo tràng nhỏ là Hoa Tạng Đồ Thư Quán. Khéo sao có một du học sinh người Mỹ du học tại Đài Loan để học Phật pháp, học chương trình nghiên cứu sinh tại Đài Loan. Cô ta tìm đến tôi, ở lại Đồ Thư Quán. Cô nói tiếng Hoa khá sõi, rất khó có, cô gái ấy hai mươi mấy tuổi. Tôi hỏi cô học tiếng Hoa ở đâu? Cô ta học tại Nữu Ước ba năm. Chúng tôi rất bội phục, học chỉ ba năm mà nói tiếng Hoa rất lưu loát, có thể đọc hiểu cổ văn Trung Quốc, quá khó có! Cô ta nghe tôi giảng kinh Di Đà, mong tôi sang Mỹ hoằng pháp. Cô ta nói: "Thưa pháp sư! Thầy đến Mỹ thì mới có thể chấn hưng Tịnh Độ Tông". Cô ta ở chỗ tôi bốn tháng. Đây cũng là một nhân duyên khiến tôi sang Mỹ, vì lúc ấy, nước Mỹ chỉ có Thiền Tông và Mật Tông. Thiền Tông từ Nhật Bản truyền sang. Mật Tông từ Tây Tạng truyền đến. Pháp sư Trung Quốc rất nhiều, nhưng ở bên ấy chẳng dễ gì truyền thừa Đại Thừa Phật

pháp Trung Quốc. Đã hết thời gian rồi, ngày mai tôi sẽ lại giảng đoạn này cho mọi người nghe. Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa Phần 7 hết

---o0o---

Phần 08

Tập 15

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang thứ mười bốn, hàng thứ ba từ dưới đếm lên. Chúng ta xem từ hàng thứ ba, xem từ câu cuối cùng trong trang trước. "Thị cố Di Đà Yếu Giải vân: Thử chi pháp môn, toàn tại liễu Tha tức Tự, nhược húy ngôn Tha Phật, tắc thị Tha Kiến vị vong. Nhược thiên trọng Tự Phật, khước thành Ngã Kiến điên đảo" (Vì thế, sách Di Đà Yếu Giải viết: "Pháp môn này chú trọng liễu giải Tha chính là Tự. Nếu kiêng không nói đến Tha Phật, tức là Tha Kiến chưa mất. Nếu khăng khăng coi trọng Tự Phật, sẽ thành Ngã Kiến điên đảo"). Mấy câu này trong sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư có ý nghĩa rất sâu. Sở dĩ phàm phu rất khó thành Phật, mấu chốt là ở chỗ này: Nói chung là do chẳng buông phân biệt, chấp trước xuống được! Ở đây nói về phân biệt và chấp trước. Bất luận tu pháp môn nào, do

tập khí từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta rất dễ phạm sai lầm. Tổ sư đã giảng về pháp môn này rất hay: "Toàn tại liễu Tha tức Tự", "liễu" () là hiểu rõ, biết Tự và Tha bất nhị, Tha là A Di Đà Phật, Tự là chính mình. A Di Đà Phật và chính mình vốn cùng một Thể, là tự tánh Di Đà. A Di Đà Phật do đâu mà có? Do tự tánh biến. Ta do đâu mà có? Cũng do tự tánh biến; ta và A Di Đà Phật có cùng một tự tánh. Đạo lý này rất sâu, thật sự khế nhập cảnh giới này, khẳng định chuyện này là thật, đó gọi là "chứng đắc", trong Tông Môn nói: "Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật". Tha Phật và Tự Phật là một, mười phương tam thế hết thảy chư Phật đều do tự tánh này biến ra, hết thảy chúng sanh trong hư không pháp giới cũng do tự tánh này biến ra. Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư đã giảng thấu triệt chuyện này, giảng hết sức rõ ràng! Quý vị hiểu chư Phật Như Lai và đông đảo chúng sanh có quan hệ gì với ta, hiểu rõ ràng. Nói theo mặt quan hệ thì là luân lý. Do vậy, tại Trung Quốc, luân lý rất được coi trọng. Từ xưa tới nay, luôn nhấn mạnh luân lý; luân lý là nói tới mối quan hệ giữa con người với nhau. Trong Phật pháp, luân lý được giảng viên mãn nhất. Không chỉ giảng về quan hệ giữa con người với nhau, mà quan hệ giữa con người và tất cả hết thảy động vật, quan hệ với tất cả hết thảy cây cối hoa cỏ, quan hệ với núi, sông, đại địa, mối quan hệ giữa các chiều không gian khác biệt trong hư không và các sinh vật, [những mối quan hệ ấy] đều được [Phật pháp] nêu ra toàn bộ. Có thể nói: Đại Thừa Phật pháp đã giảng luân lý đến rốt ráo viên mãn. Đặc biệt là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, chúng ta thấy [các phẩm] Thế Giới Thành Tựu và Hoa Tạng Thế Giới đều giảng về luân lý. Làm thế nào để xử lý thật tốt đẹp những mối quan hệ ấy, đó là đức hạnh. Trong tự tánh vốn có trí huệ và đức tướng, xử lý đều chẳng lìa tự tánh, từ Tánh Đức lưu lộ. Tổ tiên Trung Quốc đã thật sự khai quật được cốt lõi của Tánh Đức, cốt lõi ấy là Hiếu. Vì vậy, đối với văn hóa Trung Hoa, nói tới điểm đặc sắc của Trung Quốc, dùng một chữ

Hiếu để nói! Trong Phật pháp, cũng là một chữ Hiếu này! Vì thế, Phật pháp truyền đến Trung Quốc, bèn rất nhanh chóng dung hợp với văn hóa Trung Quốc thành một Thể, căn bản của chúng là một, chẳng hai. Quý vị thấy phần Tịnh Nghiệp Tam Phước trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của Tịnh Tông, câu đầu tiên là "hiếu dưỡng phụ mẫu", câu thứ hai là "phụng sự sư trưởng". Văn hóa truyền thống của Trung Quốc cũng lấy điều này làm cơ sở, "hiếu thân, tôn sư" (hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy). Các tôn giáo và những nền văn hóa khác có [quan niệm này] hay không? Có, nói thật ra thì cốt lõi là một. Do vậy, các tôn giáo trên thế gian có thể đoàn kết, cùng một cốt lõi mà! Chẳng có gì không nói tới hiếu đạo. Những tôn giáo và văn hóa khác chẳng giảng rõ ràng như Phật và Nho, họ nói đến "ái" (lòng yêu thương): Chúa yêu thương người đời,

Thượng Đế yêu thương người đời; họ nói đến nhân từ. Trên thực tế, đều là cùng một ý nghĩa, một cốt lõi. Có thể thật sự giác ngộ chẳng dễ dàng! Sau khi giác ngộ, những tri kiến ấy chẳng còn, sẽ không còn nói Tha Phật hay Tự Phật, chẳng còn ý niệm ấy nữa! Có ý niệm ấy chẳng phải là đối lập hay sao? Có Tự, sẽ có Tha. Vì vậy, Ngẫu Ích đại sư nói: "Nếu kỵ húy Tha Phật, chưa quên Tha Kiến". Nếu thiên trọng Tự Phật, đó là Ngã Kiến điên đảo, chưa quên Ngã Kiến. Tự và Tha đối lập sẽ biến thành hai pháp, chẳng phải là Phật pháp. Giống như Huệ Năng đại sư ở chùa Quang Hiếu, [chùa này hiện thời] là Quang Hiếu Tự73, gặp gỡ pháp sư Ấn Tông lần đầu tiên, pháp sư Ấn Tông thỉnh giáo Tổ: "Khi Ngài ở Hoàng Mai, Ngũ Tổ lão nhân gia giảng Thiền Định và giải thoát như thế nào?" Huệ Năng đại sư giải thích, giảng giải Thiền Định và giải thoát, giải thoát có nghĩa là Niết Bàn, Huệ Năng đại sư nói: "Thiền Định và giải thoát là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị". Nên giải thích câu nói này của đại sư như thế nào? Chúng ta có thấu hiểu hay chăng? Pháp sư Ấn Tông còn thấy hai pháp, tức là vẫn còn có phân biệt, chấp trước; Huệ Năng đại sư đã dung hội cả hai thành một Thể. Không chỉ Thiền Định và giải thoát là một, không hai, mà hết thảy các pháp đều là một. Pháp thế gian và Phật pháp cũng là một. Giác ngộ thì gọi là xuất thế pháp, hay Phật pháp; chưa giác ngộ thì gọi là thế gian pháp. Đúng là một, không hai. Sau khi giác ngộ, chẳng tìm được hai; vì vậy, nhập Bất Nhị môn, vì sao? Phân biệt, chấp trước, ngay cả khởi tâm động niệm đều không có, lấy đâu ra hai pháp? Mấy câu này giảng về pháp môn Bất Nhị; nói theo cách bây giờ, đây là triết học cao cấp trong kinh Phật. Chúng ta nghe xong có thể hiểu thì "nghe hiểu" chính là lãnh hội lời giảng của cổ đức. Nghe không hiểu là chưa lãnh hội. Lãnh hội được thì tốt lắm, chưa lãnh hội cũng chẳng sao, cứ thật thà niệm Phật là được rồi. Vâng lời, thật sự thật thà vâng lời, quý vị thật sự tu, chắc chắn có thể thành tựu, đấy là bí quyết. Chúng ta học đoạn này tới đây. Chúng ta xem đoạn kế tiếp, tức đoạn thứ tư: "Đinh, ám hợp diệu đạo, xảo nhập vô sanh" (thứ tư, thầm hợp đạo mầu, khéo nhập vô sanh). Đây là nói pháp môn Trì Danh Niệm Phật này tương ứng với minh tâm kiến tánh, tuy còn chưa đạt đến trình độ ấy, nhưng có cùng một phương hướng, một mục tiêu, chắc chắn tốt đẹp, đó là "ám hợp diệu đạo". "Xảo nhập vô sanh": Vô sanh là kiến tánh, thật sự thấy hết thảy các pháp chẳng sanh diệt, sanh diệt chẳng hai. Pháp môn này là phương tiện thiện xảo khiến cho chúng ta cũng có thể khế nhập [vô sanh]. Xin xem kinh văn trong trang mười lăm, hàng thứ nhất. "Phù vô niệm dữ vô sanh, viễn phi phàm phu chi sở năng" (vô niệm và vô sanh vượt xa

ngoài khả năng của phàm phu). Vô niệm là vô sanh, chúng ta phải thấu hiểu ý nghĩa ở đây: Có sanh thì sẽ có niệm! Chúng

ta chưa phải thuộc cảnh giới này, mà cũng chưa nhập cảnh giới này, nhưng người đã học Hoàn Nguyên Quán sẽ hiểu vũ trụ xuất hiện như thế nào? Vạn vật xuất hiện như thế nào? Do ý niệm mà có, ý niệm vừa khởi, chúng (vạn vật và vũ trụ) bèn hiện tiền; ý niệm chẳng có, ngay lập tức, chúng cũng chẳng còn! Di Lặc Bồ Tát nói ý niệm sanh diệt vô cùng nhanh, trong một giây có bao nhiêu niệm? Có một ngàn hai trăm tám mươi triệu, có nhiều niệm dường ấy. Ngài nói: Do niệm niệm tiếp nối, nên dường như có sanh; nếu ý niệm "có một niệm" này đã đoạn, cảnh giới vô sanh sẽ hiện tiền. Vô sanh là gì? Vô sanh là Thường Tịch Quang, trong ấy chẳng có hiện tượng sanh diệt, chẳng sanh, chẳng diệt. Huệ Năng đại sư đã thấy, quý vị thấy trong bài báo cáo gồm năm câu của Ngài, câu thứ hai là: "Hà kỳ tự tánh, bổn vô sanh diệt" (nào ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt). Ngài đã thấy, chứng đắc, Ngũ Tổ mới truyền y bát cho Ngài, chẳng truyền cho Thần Tú, vì Thần Tú có sanh diệt: "Thân thị Bồ Đề thụ, tâm như minh kính đài" (thân như cội Bồ Đề, tâm như đài gương sáng), có sanh, có diệt, còn người ta (Huệ Năng) thật sự thấy vô sanh. Vì vậy, cảnh giới không giống nhau. Cảnh giới ấy chẳng phải là cảnh giới phàm phu, mà là cảnh giới của ai? Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: "Viên Giáo Bát Địa Bồ Tát, ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt, thỉ danh chân đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn" (Bậc Bát Địa Bồ Tát trong Viên Giáo, lìa hết thảy tâm ý thức, phân biệt, mới thật sự được gọi là đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn). "Vô sanh" là Vô Sanh Pháp Nhẫn, Vô Sanh Pháp Nhẫn là gì? Nhẫn là tán thành. Quý vị đã thấy, cũng chẳng có chút hoài nghi nào, quý vị chứng nhận điều ấy. Do vậy, "nhẫn" () có nghĩa là tán thành, khẳng định. Đức Phật giảng pháp Vô Sanh "hết thảy các pháp chẳng sanh, hết thảy các pháp chẳng diệt", người ấy tiếp nhận, khẳng định. Chúng ta nghe câu này, nhất định sẽ nói: "Thưa Thích Ca Mâu Ni Phật! Con thấy đời người có sanh, lão, bệnh, tử, thấy hoa nở, hoa tàn, lẽ nào chẳng có sanh diệt?" Chúng ta không hiểu! Thật vậy! Thật sự chẳng có sanh diệt! Đối với kiến thức thông thường này, muốn hơi hiểu rõ một chút, hãy đọc bộ Hoàn Nguyên Quán, trong ấy đã giảng rất rõ ràng, chúng ta chưa thể chứng thực, nhưng Bát Địa Bồ Tát đã thấy. Đọc kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Sơ Trụ Bồ Tát thuộc Viên Giáo phá vô minh, chứng Pháp Thân, Ngài đã thấy vô niệm, vô sanh, thoát ly mười pháp giới. Thưa quý vị, mười pháp giới có sanh, có diệt. Mười pháp giới do đâu mà có? Do A Lại Da biến hiện. Những điều các khoa học gia hiện thời nói rất giống với ba tế tướng của A Lại Da. Các khoa học gia nói: Trong vũ trụ, chỉ có ba thứ, trừ ba thứ ấy ra, thứ gì cũng đều không có. Ba thứ ấy là gì? Thứ nhất là năng lượng, thứ hai là vật chất, thứ ba là thông tin. Đức Phật giảng ba tế tướng của A Lại Da, thứ nhất là Nghiệp Tướng, [thứ hai là] Chuyển Tướng, [thứ ba

là] Cảnh Giới Tướng. Nghiệp Tướng là năng lượng, Chuyển Tướng là thông tin, Cảnh Giới Tướng là vật chất. Chúng ta cũng chẳng thể không bội phục các nhà khoa học, họ cũng phát hiện, nhưng chẳng nói rõ ràng như đức Phật. Đức Phật nói ba hiện tượng này do đâu mà có? Họ (các nhà khoa học) không biết ba hiện tượng này lại biến hiện ra vũ trụ, biến hiện ra vạn vật, biến hiện ra con người chúng ta như thế nào, các khoa học gia chẳng nói được! Khoa học cận đại có thể phát hiện ba thứ này, há phải dễ dàng! Sơ

Trụ Bồ Tát buông khởi tâm động niệm xuống, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước. Sau khi khởi tâm động niệm mới có phân biệt, sau khi phân biệt mới có chấp trước. Những thứ này thảy đều buông xuống, sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chưa đến được Thường Tịch Quang, có thể nói là "chứng Thường Tịch Quang, nhưng chưa khế nhập". Vì sao? Còn tập khí vô minh chưa đoạn. Bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ có tập khí vô minh dày hay mỏng khác nhau; [nếu] toàn bộ tập khí đã đoạn hết, cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng chẳng còn. Họ đến nơi đâu? Tới cõi Thường Tịch Quang. Trong Thường Tịch Quang, không có hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần cũng chẳng có, đúng là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, quý vị không có cách nào tưởng tượng, mà cũng chẳng diễn tả được. Nó thật sự tồn tại, vĩnh hằng tồn tại, chẳng sanh, chẳng diệt. Có khởi tác dụng hay không? Khởi tác dụng! Chúng sanh có cảm, nó bèn ứng; sự cảm ứng đạo giao này cũng rất khó tưởng tượng. Thuở trẻ, chúng tôi học Phật pháp, thầy cũng chẳng giảng rõ ràng chuyện này, đối với chuyện này, chúng tôi luôn hoài nghi. Nỗi hoài nghi ấy chẳng có vấn đề, trong Phật pháp gọi [nỗi hoài nghi ấy] là "nghi tình", thường nghi, chưa thể đoạn. Huân tập kinh giáo Đại Thừa một thời gian dài, tôi mới dần dần lãnh ngộ. Sự lãnh ngộ ấy là ngộ, là giải ngộ, chưa phải chứng ngộ. Giải ngộ, chẳng hoài nghi nữa! Có lý, đạo lý cũng đã hiểu. Có Lý đương nhiên có Sự, có Sự đương nhiên có Lý. Từ Sự mà hiểu rõ Lý, từ Lý cũng liễu giải Sự. Vì sao chưa thể chứng đắc? Chưa buông khởi tâm động niệm xuống được! Phân biệt, chấp trước nhẹ hơn người bình thường, vì sao người bình thường ngay cả giải ngộ cũng gặp khó khăn dường ấy? Do phân biệt, chấp trước quá nặng, điều này chướng ngại ngộ môn của quý vị, chưa thể chứng ngộ. Quý vị thấy giải ngộ còn bị chướng ngại, huống hồ chứng ngộ! Tu hành Phật pháp chẳng có chi khác, buông xuống, triệt để buông xuống! Bố Đại hòa thượng đã biểu thị pháp đến nơi đến chốn. [Ngài sống] vào đời Tống, cùng một thời với Nhạc Phi, Bố Đại hòa thượng là Di Lặc Bồ Tát, người Hoa gọi Ngài là Hoan Hỷ Phật. Đây là một nhân vật truyền kỳ, nhưng trong Cao Tăng Truyện có truyện ký của Ngài. Trong truyện ký, chẳng ghi tên họ của Ngài vì không ai biết, [Ngài là] người xứ nào cũng

không biết. Ngài xuất hiện tại Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Nơi Ngài trụ là chùa Tuyết Đậu, ngôi chùa này hiện thời là đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát, Ngài trụ tại nơi đó. Mập mạp, luôn tươi cười, hằng ngày ra ngoài hóa duyên, bất luận người ta cho thứ gì đều nhét vào túi vải. Có một lần, trên đường, gặp mấy người thưa hỏi lão nhân gia: "Phật pháp là gì?" Ngài bỏ cái túi vải xuống đất, buông thõng hai tay, thể hiện tư thế như vậy, chẳng nói một câu nào! Người ta nhìn ra: "Đó là buông xuống, sau khi buông xuống sẽ làm như thế nào?" Ngài khoác túi vải lên lưng bỏ đi, chẳng đoái hoài đến ai. Ngài đã thật sự trả lời, thật sự giảng rõ ràng. Phật pháp là gì? Buông xuống là Phật pháp. Quý vị thấy: Trong giáo pháp Đại Thừa, buông chấp trước xuống bèn chứng A La Hán, buông phân biệt xuống là Bồ Tát; buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị bèn thành Phật. Từ đầu đến cuối đều dạy quý vị buông xuống, buông xuống tới mức chẳng còn gì hết. Ngay cả sự buông xuống ấy cũng buông luôn, quý vị sẽ thành Phật. Sau khi thành Phật thì sao? Nâng lên! Buông xuống được, sẽ nâng lên được! Nâng lên là gì vậy? "Nâng lên" là phổ độ chúng sanh. Nói theo từ ngữ hiện thời, "độ" là giúp đỡ, giúp sức, góp tay.

Chúng sanh có khổ nạn, quý vị giúp họ. Chúng sanh đang mê hoặc, chưa giác ngộ, quý vị giúp họ giác ngộ. Dùng phương pháp gì? Giảng kinh, giáo học. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật dùng phương pháp này, chúng ta đều thấy "thân hành, ngôn giáo": những gì Ngài đã nói, Ngài đều thật sự làm được. Thân hành, ngôn giáo, giảng kinh, thuyết pháp, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời làm chuyện như vậy. Ba mươi tuổi khai ngộ, khai ngộ rồi bắt đầu dạy học, bảy mươi chín tuổi viên tịch, giảng kinh, dạy học suốt bốn mươi chín năm, những điều Ngài đã nói Ngài đều làm được toàn bộ, chẳng có điều nào không làm! Ngài dạy chúng ta như dạy trẻ vỡ lòng, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Ngài làm được, chẳng sát sanh, không trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng nói thêu dệt, chẳng ác khẩu, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, thật sự làm được, làm thanh tịnh. Tam Quy là buông xuống "mê, tà, nhiễm", nương theo "giác, chánh, tịnh", đó là Tam Quy, Ngài làm được. Ngũ Giới Ngài làm được. Kinh giáo dạy chúng ta buông chấp trước xuống, Ngài làm được. Buông phân biệt xuống, Ngài cũng làm được. Buông khởi tâm động niệm xuống, Ngài làm được. Sau đấy, bảo quý vị: Chỉ cần quý vị thật sự chịu buông xuống, trong tự tánh có sẵn vô lượng trí huệ; vô lượng công đức và vô lượng tướng hảo thảy đều trọn đủ trong tự tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn dạy: "Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai", thật đấy, chẳng giả đâu! Huệ Năng đại sư khai ngộ, nói: "Hà kỳ tự tánh, bổn tự cụ túc" (Nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ), có cùng ý nghĩa như kinh Hoa Nghiêm đã nói.

Khi quý vị buông xuống, Tánh Đức trong tự tánh hiện tiền, bất luận quý vị học hay chẳng học, đúng là sáu căn vừa tiếp xúc bèn triệt để hiểu rõ, đó là bản năng (năng lực sẵn có). Tổ tiên Trung Quốc đã hiểu [điều này], nhưng nói quá đơn giản, cho nên người đời sau quá nửa hiểu cong vẹo, hiểu sai lầm. Tổ tiên chỉ nói một câu: Bổn tánh vốn lành. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là: "Nhân chi sơ, tánh bổn thiện" (Con người thoạt đầu tánh vốn lành). Chúng ta thấy những chữ này, ngay lập tức dựa trên văn tự để suy đoán ý nghĩa, ngỡ thiện là gì? Thiện là thiện trong thiện ác. Chẳng phải vậy! Đó chẳng phải là thiện trong "thiện, ác", chúng ta đã hiểu lầm mất rồi! Làm thế nào để hiểu "thiện" [trong câu nói đầu tiên của Tam Tự Kinh] chẳng phải là thiện trong thiện ác? Hãy dùng đạo lý được giảng trong kinh Phật để đọc lời lẽ của tổ tiên. Do vậy, ông Thang Ân Tỷ (Arnold J. Toynbee) nói rất hay! "Người Trung Quốc tâm lượng rất lớn, dung nạp văn hóa Ấn Độ, đó là dung nạp văn hóa ngoại lai, Phật giáo Ấn Độ đã làm phong phú văn hóa bản địa của Trung Quốc". Chúng ta nói "thiện" ở đây chẳng phải là thiện trong "thiện, ác", điều này đã làm phong phú văn hóa bản địa của Trung Hoa. "Thiện" ở đây là tự tánh, chẳng phải là thiện trong thiện ác; có thiện và ác sẽ chưa phải là thiện, vì sao? Có phân biệt, chấp trước. Thiện ở đây là gì? Là tự tánh như trong kinh Phật đã nói, pháp môn Bất Nhị mới gọi là "thiện". Nhị là bất thiện; thiện ác là nhị pháp, đối lập, chẳng thiện. Thiện thật sự chẳng có đối lập. Nhà Phật nói Tánh, Tướng, Lý, Sự, nhân, quả là một, không hai, lúc đó mới là thiện, ý nghĩa này cũng rất sâu, Đại Thừa Phật pháp mới viên dung. Có phải là ý nghĩa này hay chăng? Đúng vậy, vì tự tánh viên dung hết thảy các pháp, tuyệt đối chẳng hiểu sai ý nghĩa. Tổ tiên Trung Quốc chẳng đơn giản, quý vị thấy điều thứ nhất trong Ngũ Luân là "phụ tử hữu thân", "thân" () là thân ái. Hiếu được biểu hiện như thế nào? Là thân ái. Cha con thân ái là hiếu. Chữ Hiếu

thuộc loại Hội Ý, quý vị hãy nhìn vào sự sáng tạo văn tự; vì thế, văn tự Trung Quốc chẳng thể sửa. Hễ sửa, ý nghĩa chẳng còn nữa! Quý vị thấy phù hiệu này sẽ nghĩ đến ý nghĩa. Quý vị thấy chữ Hiếu (), phía trên là Lão (), phía dưới là Tử (). Hai chữ này hợp lại, quý vị thấy được ý nghĩa sau đây: Một đời trước và đời hiện tại có cùng một Thể, đó là Hiếu, là ý nghĩa gốc của Hiếu. Trên một đời, còn có một một đời nữa, đời tiếp theo còn có đời tiếp theo nữa. Quá khứ không có khởi nguồn, vị lai không kết thúc, là nhất thể. Ý nghĩa này trong [văn tự] ngoại quốc không có. Trong văn tự ngoại quốc càng chẳng có cách nào nhìn ra [ý nghĩa này]; văn tự Trung Quốc khéo quá, hay quá, tận thiện, tận mỹ. Quý vị nhìn vào văn tự Trung Quốc, nếu chẳng nhận biết [ý

nghĩa được bao hàm trong từng chữ], tức là chưa biết đọc; nhưng nếu có thể nhìn ra ý nghĩa của nó, [sẽ thấy] đấy là phù hiệu trí huệ. Chúng ta thấy Bát Địa Bồ Tát "ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt" (lìa hết thảy tâm ý thức phân biệt). Bát Địa Bồ Tát đã sớm chẳng còn tâm ý thức, vì sao? Trong Viên Giáo, Sơ Trụ Bồ Tát đã thoát ly mười pháp giới, sanh về cõi Thật Báo, đã chuyển thức thành trí, lẽ nào còn có tâm ý thức phân biệt? Câu này nên hiểu ra sao? Câu này nói về tập khí vô minh từ vô thỉ, tập khí này hết sức mỏng nhẹ, hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, kể cả Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác trong mười pháp giới hoàn toàn chẳng biết [tập khí này hiện hữu], huống hồ phàm phu chúng ta! Chúng ta tưởng các Ngài đã hoàn toàn đoạn hết, [nào ngờ họ] chẳng thấy tập khí. Tập khí rất mỏng, chính các Ngài có biết hay không? Chính các Ngài chẳng biết, người có địa vị cao hơn các Ngài sẽ biết, người có địa vị thấp hơn các Ngài không biết. Cũng có nghĩa là Thất Địa không biết [cảnh giới của] Bát Địa, nhưng Bát Địa biết Thất Địa; Bát Địa không biết Cửu Địa, nhưng Cửu Địa hiểu Bát Địa. Ở đây nói: "Lìa hết thảy tâm ý thức phân biệt" là nói đến tập khí. Tập khí này hầu như đã đoạn được. Đạt tới Bát Địa thì trên vị Bồ Tát ấy có Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, cho đến Diệu Giác sẽ hoàn toàn đoạn dứt, tập khí hoàn toàn chẳng còn. Bốn mươi mốt phẩm tập khí gần như Ngài đã đoạn hết, lúc ấy mới thật sự là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Hiểu theo nghĩa rộng, địa vị nào đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn? Sơ Trụ Bồ Tát đã đắc. Vì sao? Ngài buông khởi tâm động niệm xuống, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm là đoạn vô minh. Đoạn hết vô minh bèn chứng Pháp Thân, thoát ly mười pháp giới. Vì vậy, chúng ta phải hiểu chỗ này! Nếu quý vị chẳng hiểu, sẽ hoài nghi: Sơ Trụ Bồ Tát chẳng còn khởi tâm động niệm, cớ sao vẫn chưa thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn? Nói theo phía chúng ta, Sơ Trụ Bồ Tát thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn; nhưng đối với những địa vị cao hơn Ngài, Ngài vẫn chưa chứng, phải đến lúc Ngài đắc Bát Địa Bồ Tát, người ta mới thừa nhận Ngài đã thật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Cửu Địa, Thập Địa, Thập Nhất Địa, Diệu Giác. Thập Nhất Địa là Đẳng Giác. Bốn địa vị trên Bát Địa chắc chắn đã đắc [Vô Sanh Pháp Nhẫn] vì đã đoạn trừ tập khí. "Khả kiến thử nãi thánh giả chi sở nan, an năng kỳ chi ư cụ phược phàm phu" (có thể thấy bậc thánh còn gặp khó khăn, làm sao phàm phu đầy dẫy triền phược mà hòng làm được). Làm sao chúng ta có thể thực hiện được? Đây là nói vô niệm vô sanh [phàm phu chúng ta] chẳng làm được! Sơ Trụ mới chứng đắc vô niệm vô sanh, đến địa vị Bát Địa mới coi như viên mãn, tập khí chẳng còn nữa. "Thị dĩ Thiện Đạo đại sư Tứ Thiếp Sớ viết" (do vậy, trong Tứ Thiếp Sớ của Thiện Đạo đại sư có nói). Tứ Thiếp Sớ là bản chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật

của Thiện Đạo đại sư, bản chú giải có tên là Tứ Thiếp Sớ, còn gọi là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, đấy là

[trước tác] của Thiện Đạo đại sư . Trong ấy, có một đoạn như thế này: “Kim thử Quán môn đẳng” (nay các phép Quán). Do kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật giảng tất cả mười sáu phép Quán, cho nên “Quán môn đẳng” là mười sáu phép Quán, đều là “chỉ phương lập tướng”, [tức là] chỉ rõ Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ ra phương vị, lại còn dạy quý vị cách quán như thế nào. Phép Quán thứ nhất dạy quý vị quán hình dáng mặt trời lặn ở phương Tây, “mặt trời lặn giống như cái trống treo”. Khi mặt trời sắp lặn, đỏ rực như cái trống, bảo quý vị nhìn điều ấy. Phải như thế nào mới là quán thành tựu? Mở banh con mắt bèn thấy, mà nhắm mắt, nó vẫn ở tại đó, vẫn trông thấy, thì phép Quán này mới được gọi là “quán thành”. Mười sáu phép Quán này, bất luận quý vị quán thành một phép Quán nào, cầu sanh Tây Phương sẽ có phần; chẳng phải là cả mười sáu phép Quán đều phải quán thành tựu. Bất luận một phép Quán nào, sau khi quán thành đều có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Khó hơn niệm Phật! Chúng ta thấy ấn tượng về mặt trời đỏ rất sâu, ở trong căn phòng này, chúng ta có thấy mặt trời đỏ hiện hữu hay chăng? Hiện hữu! Nếu vậy, đó là [quán cảnh thành tựu] thật sự. Nếu không, phép Quán này chưa thành. Do vậy, quán tưởng cũng chẳng dễ dàng, tinh thần quý vị chưa thể chuyên chú, cảnh giới ấy sẽ chẳng hiện tiền. Vì sao có thể hiện tiền? Theo Lý, kinh Đại Thừa dạy: “Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”, trong tâm quý vị thật sự có, nó sẽ thật sự hiện tướng. Trong Thập Lục Quán Kinh có cách quán tượng Phật, [tức là] Quán Tượng Niệm Phật; Quán Tưởng Niệm Phật, “tưởng” là trong tâm nghĩ tưởng y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chỉ cần quý vị vừa tưởng, cảnh giới bèn hiện tiền; khi quý vị chẳng tưởng, cảnh giới không còn nữa! Lúc nào tưởng, lúc ấy cảnh giới hiện tiền, vãng sanh còn có vấn đề gì hay chăng? Khi lâm chung, tâm tưởng thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc bèn hiện tiền, Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn quý vị, công phu này phải luyện thành trong lúc thường nhật. Quán Tượng Niệm Phật là tạo một bức tượng A Di Đà Phật, mỗi ngày chiêm ngưỡng, cũng giống như [quán] mặt trời lặn giống như cái trống treo, thấy như thế nào? Mở banh con mắt, tượng Phật ở trước mặt; nhắm tịt mắt lại, tượng Phật vẫn hiện tiền, bất luận ở nơi đâu, quý vị vừa nghĩ, tượng Phật liền ở trước mặt, đó là Quán Tượng Niệm Phật. Phép Quán cuối cùng, tức phép Quán thứ mười sáu, là trì danh. Do vậy, Trì Danh Niệm Phật cũng có trong mười sáu phép Quán, là phép Quán cuối cùng trong mười sáu phép Quán. Phép cuối cùng là quan trọng nhất. Ấn Độ và Trung Quốc có rất nhiều tập tục tương đồng, thứ tốt nhất đặt ở cuối cùng, “áp trục” (màn chót trong các cuộc biểu diễn nghệ thuật). Cũng có nghĩa là: Nếu dùng những phép Quán ấy mà quán chẳng thành thì sao? Quán chẳng thành bèn niệm Phật. Niệm Phật có thể vãng sanh, dễ hơn bất cứ cách nào. Vì vậy, Trì Danh Niệm Phật là phép

Quán thứ mười sáu; pháp môn này độ trọn hết thảy chúng sanh hữu duyên. Phải có duyên! “Hữu duyên” là quý vị tin tưởng, có tín, có nguyện, thật sự niệm Phật, đó gọi là “hữu duyên chúng sanh”. Thiện Đạo đại sư nói: “Vạn tu, vạn nhân khứ” (vạn người tu, vạn người về). Do vậy, [cách tu này] là “chỉ phương lập tướng”. “Trụ tâm thủ cảnh” (lắng tâm giữ lấy cảnh), chẳng phải là vô niệm, vô sanh; “trụ tâm” là bảo quý vị hãy

chú tâm nơi cảnh giới, giữ lấy cảnh giới. “Tổng bất năng vô tướng ly niệm dã” (nói chung là chưa thể vô tướng lìa niệm). Thập Lục Quán Kinh chẳng bảo quý vị lìa tướng, mà cũng chẳng buộc quý vị ly niệm. Phương pháp Trì Danh này là phép Quán thứ mười sáu, đương nhiên cũng là hữu niệm, cũng là hữu sanh, chẳng phải là vô tướng ly niệm. “Như Lai huyền tri mạt đại tội trược phàm phu, lập tướng trụ tâm thượng bất năng đắc, hà huống ly tướng nhi cầu sự giả” (Như Lai sớm biết phàm phu tội chướng nhơ bẩn trong đời Mạt Pháp, lập tướng để trụ tâm còn chưa thể làm được, huống hồ tu tập theo lối lìa tướng): Như Lai ở đây là A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật, mở rộng ra là hết thảy chư Phật Như Lai. Chư Phật Như Lai thị hiện làm Phật trong các thế giới khác nhau, giáo hóa chúng sanh, dùng pháp môn gì? Đều dùng pháp môn này. Vì sao? Pháp môn này thích hợp khắp ba căn, thâu trọn phàm lẫn thánh. Trừ pháp môn này ra, người thượng thượng căn có phần, chứ kẻ trung hạ căn chẳng có phần. Chúng sanh càng khổ nạn, mê hoặc, tội chướng, tập khí nặng nề, Như Lai càng đặc biệt thương xót bọn họ. Để độ bọn họ, chỉ có pháp môn này. Pháp môn này của kinh Vô Lượng Thọ hết sức thuận tiện, chuyên giảng “trì danh niệm Phật, tín nguyện trì danh” là được rồi, có thể đắc độ; nhưng pháp môn này đúng là pháp khó tin! Chỉ cần quý vị kiên định lòng tin, quyết định chẳng hoài nghi, sẽ đắc độ trong một đời này. Nếu hoài nghi thì sao? Hễ hoài nghi, phải nghiên cứu kinh giáo. Đức Thế Tôn giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm nhắm vào đối tượng nào? Nhắm vào đối tượng là kẻ có nghi vấn, đặc biệt là những kẻ nghi hoặc pháp môn Niệm Phật. Tín tâm của quý vị chẳng kiên định, nguyện tâm chẳng khẩn thiết, làm thế nào đây? Nghe kinh, đức Phật đã giảng cẩn thận, quý vị nghe rõ ràng, nghe rồi hiểu rõ, tin tưởng. Do vậy, giảng kinh với dụng ý giúp đỡ chúng sanh đoạn nghi sanh tín. Nếu đã thật sự tin tưởng, chẳng hoài nghi tí nào, có cần phải nghe kinh hay chăng? Chẳng cần thiết! Quý vị giữ lấy Tịnh Độ, nhất định thành tựu, không còn phải mất công nghe kinh, niệm một câu Phật hiệu đến cùng. Như vậy thì trong Niệm Phật Đường có thể chẳng cần nghe kinh ư? Có thể; nhưng vì sao nay trong Niệm Phật Đường, chúng ta yêu cầu họ phải nghe kinh? Họ chưa đủ tín nguyện, chẳng nghe kinh sẽ không xong! Quý vị đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, thời đại của tổ Ấn Quang cách thời đại chúng ta không xa, đại khái là bảy mươi, tám mươi năm trước đây, vào thuở Ấn

Quang đại sư tại thế, Niệm Phật Đường trong thuở ấy không cho phép giảng kinh, chỉ giảng khai thị, chẳng giảng kinh! Vì sao? Lòng người thuần hậu, mọi người vào Niệm Phật Đường đều có tín tâm, chẳng hoài nghi, thật thà niệm Phật. Người niệm Phật hiện thời chẳng thật thà, có nghi hoặc; chẳng đoạn nghi sẽ không được. Chẳng đoạn nghi thì nó sẽ chướng ngại quý vị. Quý vị thấy trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã dạy rất hay: “Nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát”, chướng ngại gì? Chướng ngại tinh tấn. Nghi còn có thể chướng ngại các Bồ Tát tinh tấn thì đối với lũ phàm phu chúng ta, nó gây chướng ngại càng to hơn, chướng ngại gì vậy? Chướng ngại quý vị giác ngộ. Quý vị có nghi, nghe kinh không hiểu, đọc kinh chẳng liễu giải ý nghĩa, điều gì chướng ngại vậy? Chướng ngại chính là lòng hoài nghi; do quý vị hoài nghi, nên chẳng cung kính kinh giáo, Phật có muốn gia trì quý vị cũng không được! Ấn Quang đại sư nói rất hay: “Một phần thành kính đắc một phần lợi ích, mười phần thành kính đắc mười phần lợi

ích". Quý vị thiếu tâm cung kính vì quý vị hoài nghi. Thiếu tâm cung kính, sẽ chẳng đạt được lợi ích, nghe cũng không hiểu, nghe vài chục năm vẫn không hiểu. Nghe không hiểu vẫn phải nghe, đức Phật vô cùng từ bi, không ngại phiền phức, nghe mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, sẽ nghe hiểu, nghe hiểu rồi sẽ chẳng hoài nghi nữa. Khi quý vị chẳng còn hoài nghi, tiến bộ cũng nhanh chóng, sẽ cảm thấy mỗi năm mỗi khác. Tới khi nào, quý vị có thể cảm thấy mỗi tháng đều khác nhau, cảnh giới chẳng giống nhau, chắc chắn quý vị được vãng sanh. Mỗi năm khác nhau, đó là cảnh giới tốt đẹp, nhưng vãng sanh chưa nắm chắc. Mỗi tháng đều khác nhau, nắm chắc vãng sanh! Câu kế tiếp là tỷ dụ, "tự vô thuật thông nhân, cư không an lập xá dã" (cũng giống như kẻ chẳng có thần thông hay pháp thuật xây nhà trên không). Đây là phàm phu mong muốn vô niệm, vô sanh, khế nhập cảnh giới này, giống như kẻ chẳng có thần thông lại toan xây nhà trên hư không, có được hay chăng? Người có thần thông thì được, kẻ không có thần thông chẳng làm được! Có nghĩa là: Nếu phàm phu chúng ta muốn khế nhập vô niệm vô sanh, sẽ giống như kẻ chẳng có thần thông toan cất nhà trên hư không. Đây là một câu trong Tứ Thiếp Sớ. Kế đó, cụ Hoàng Niệm Tổ nói: "Cái dĩ chúng sanh vọng tâm, niệm niệm tương tục, như cấp lưu thủy, tùng vị tạm tức" (ấy là vì chúng sanh vọng tâm niệm niệm tiếp nối như dòng nước chảy xiết, chưa hề tạm ngừng). Tỷ dụ này hay lắm, đúng như vậy, chúng ta vọng tâm, vọng tâm là gì? Là khởi tâm động niệm! Khởi tâm động niệm vô cùng vi tế; tâm vừa động, vọng tâm bèn xuất hiện. Vọng tâm là A Lại Da, A Lại Da cũng chẳng lìa tự tánh, từ chân khởi vọng. Nói thật ra, chân và vọng chẳng hai. Do chân và vọng chẳng hai, nên chư Phật Như Lai thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, hết thảy chúng sanh vốn là Phật, vì sao? Chân và vọng chẳng hai. A Lại Da

chẳng rời khỏi tự tánh, chỉ là lệch khỏi Tánh Đức, trái nghịch, xa rời Tánh Đức, nên sanh ra những huyễn tướng ấy. Không như tứ thánh pháp giới, tứ thánh pháp giới cũng dùng A Lại Da, nhưng các Ngài thật thà, nghe lời, vâng lời dạy của chư Phật Như Lai, y giáo phụng hành; do đó, các Ngài học rất tốt đẹp, học rất giống Phật. Chưa phải là Phật thật sự, nên gọi là Tương Tự Tức Phật. Thiên Thai đại sư nói các vị trong tứ thánh pháp giới rất giống Phật. Vì sao chưa phải là chân Phật? Họ dùng A Lại Da, vẫn dùng vọng tâm; tuy dùng vọng tâm nhưng học rất giống. Khi nào buông vọng tâm xuống, chân tâm sẽ hiện tiền. Vị ấy là chân Phật, đó gọi là "chuyển thức thành trí", đó là chân Phật, chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí. Đại Viên Kính Trí là gì? Đại Viên Kính Trí là Thường Tịch Quang. Do mê, Thường Tịch Quang bèn biến thành A Lại Da, hễ giác thì là Thường Tịch Quang. Trí huệ trong Thường Tịch Quang là Chuyển Tướng của A Lại Da, tức là Kiến Phần của A Lại Da. Đức tướng của Thường Tịch Quang là Cảnh Giới Tướng của A Lại Da, tức là Tướng Phần. Nó bị biến chất, tuy không có hình tướng, mà có thể biến ra hình tướng. Kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết) trong tự tánh chẳng sanh, chẳng diệt. Trong A Lại Da Thức, kiến văn giác tri biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Vì vậy, Thọ, Tưởng, Hành, Thức từ kiến văn giác tri biến ra. Thọ, Tưởng, Hành, Thức có sanh diệt, kiến văn giác tri chẳng sanh diệt. Thế giới này dường như tồn tại là do nguyên nhân nào? Niệm niệm nối tiếp, vọng tâm là khởi tâm động niệm. Trong lục đạo, chúng ta không chỉ khởi tâm động niệm, mà còn phân biệt, chấp trước. Nếu quý vị

chẳng chấp trước, lục đạo sẽ chẳng có. Có khởi tâm động niệm, có phân biệt, bèn có tứ thánh pháp giới, trong Tịnh Độ gọi [tứ thánh pháp giới] là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Có chấp trước, bèn là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, lục đạo luân hồi. Vì vậy, quý vị nói xem: Có phải là chấp trước tổn hại chúng ta nhiều lắm, mang lại cho chúng ta lắm nỗi thống khổ? Lục đạo quá khổ sở! Đức Phật đã nói rõ ràng như thế, nay chúng ta cũng biết, có thể buông chấp trước xuống hay chăng? Vẫn chưa thể, vẫn cứ chấp trước. Do nguyên nhân gì? Tập nhiễm quá nặng, thời gian đã quá lâu, dưỡng thành thói quen, hữu ý hay vô ý khởi hiện hành. Tu hành là tu theo cách nào? Thời thời khắc khắc hãy cảnh giác; các vị đại đức trong Tông Môn đã nói rất hay: "Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm". Vì sao chẳng sợ niệm khởi? Niệm niệm tiếp nối, lẽ nào nó chẳng khởi lên cho được? Đã trở thành thói quen, nó sẽ khởi lên. Khởi lên chẳng sợ, vấn đề là quý vị phải giác ngộ, phải hiểu rõ, đừng bị nó mê hoặc. Giác là như thế nào? Giác có hiện tượng là chẳng chấp trước, hễ giác ngộ thì địa vị A La Hán bèn chẳng phân biệt, địa vị Bồ Tát bèn chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, từ Sơ Trụ trở lên thuộc vào địa vị Phật; đó là Giác. Nay chúng ta chẳng giác, ngay cả tầng cấp A La Hán vẫn chưa đạt được.

Chúng ta học tập, vẫn phải biện luận, vẫn phải suy xét, đó là gì? Đó là đang chấp trước. Chẳng chấp trước thì có biện luận hay chăng? Chẳng chấp trước sẽ chẳng có biện luận. Khi quý vị thấy người khác biện luận sẽ cười khì, cười khì là gì? Cười khì tức là dấy lên phân biệt, tuy chẳng chấp trước, cao hơn kẻ ấy (kẻ chấp trước) một chút, nhưng vẫn chưa được! Đến tầng bậc cao là như như bất động, chẳng thể hiện tình cảm gì, cảnh giới càng cao; cười khì là còn khá lắm, so ra còn cao hơn kẻ chấp trước một tầng. "Chưa từng ngưng dứt", câu này là lời răn nhắc rất quan trọng đối với chúng ta. "Kim nhược miễn cưỡng án nại, thô niệm tuy đắc sảo tức, tế niệm tùng vị tạm chỉ" (nay nếu miễn cưỡng đè nén, tuy thô niệm hơi ngưng nghỉ, tế niệm chưa hề tạm dứt). Nay các đồng học chúng ta đọc câu văn này đều có thể lý giải, khẳng định: Chuyện này chẳng thể miễn cưỡng, càng miễn cưỡng càng phiền phức. Vì vậy, đức Phật rất kiên nhẫn, chẳng nóng ruột tí nào, cứ thong thả giáo hóa. Chúng sanh ô nhiễm bao kiếp dài lâu, dưỡng thành tập khí phiền não này, Bồ Tát cũng có thể hóa giải [tập khí ấy] trong bao nhiêu kiếp. Nếu đời này, chúng ta nắm được cơ hội, thứ gì cũng đều buông xuống, nhất tâm niệm Phật, thật sự vãng sanh Tịnh Độ, có phải là đời này mới bắt đầu [tu tập] hay không? Chẳng phải, vãng sanh thế giới Cực Lạc, quý vị sẽ thấy đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đều học Phật, học bao nhiêu đời, nhưng đời này thành công, thoát ly lục đạo luân hồi. Quý vị cảm thấy vô cùng may mắn, rất cảm ơn A Di Đà Phật, vì sao? Nếu chẳng do pháp môn này, quý vị tu bất luận một pháp môn nào trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chắc chắn chẳng thể thành tựu trong một đời này. Vì sao? Bất cứ một pháp môn nào cũng đều phải buông phiền não xuống, quý vị mới có thể vượt lên, nhưng pháp môn này không cần, không cần buông phiền não tập khí xuống, cách này dễ dàng. Khăng khăng một mực theo chắc A Di Đà Phật, một bước cũng chẳng chịu buông, sẽ đến thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy [sự khăng khăng bám chắc nơi A Di Đà Phật] là chấp trước; nhưng Tịnh Tông chẳng sợ chấp trước! Chấp trì danh hiệu là chấp trước, "trì" là bảo trì (giữ gìn), chớ nên đánh mất, chấp trước kiên cố, chấp trước A Di Đà Phật, chẳng cần đến những thứ khác. Người ấy vãng sanh Cực Lạc thế giới trong cõi Phàm

Thánh Đồng Cư, tốt lắm! Trong thế giới Cực Lạc, cõi Phàm Thánh Đồng Cư và cõi Thật Báo Trang Nghiêm chẳng sai khác, chúng ở cùng một chỗ, chẳng bị chướng ngại bởi các chiều không gian; nhưng trong thế giới của chúng ta thì có, thế giới bên kia chẳng có, vì sao chẳng có? Chướng ngại về chiều không gian là do chấp trước, phân biệt; quý vị chẳng còn phân biệt, chấp trước, chướng ngại này sẽ không còn nữa! Phân biệt, chấp trước chưa đoạn, chẳng phải là sẽ mang tập khí này sang thế giới Cực Lạc ư? Chẳng sao cả! Người trong thế giới Cực Lạc thảy đều chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, quý vị đến nơi ấy, sẽ rất nhanh chóng,

trong vòng vài ngày sẽ quen nếp, cũng sẽ buông tập khí phân biệt, chấp trước ấy xuống. Vì sao? Phân biệt, chấp trước là do quý vị mong đạt được thứ gì đó, dục vọng chẳng thỏa, nên mới chấp trước. Nếu hết thảy những gì quý vị cần, vừa nghĩ đến bèn có, chẳng cần nữa sẽ biến mất, quý vị thấy tự tại lắm! Do bốn mươi tám nguyện của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật gia trì, quý vị đến thế giới Cực Lạc, nghĩ gì đều có, thảy đều có thể đạt được. Cổ đức thường nói: “Tư y đắc y, tư thực đắc thực” (nghĩ đến y phục bèn có y phục, nghĩ tới ăn bèn có ăn), không cần sức người làm lụng. Đối với y phục, chẳng cần mua vải vóc, chẳng phải cắt may, vừa nghĩ tới, y phục bèn khoác trên thân. Khi nghĩ đến thì thức ăn trăm vị, kinh thường chép: “Bách vị ẩm thực”, chuyện này có điển cố. Khi ăn là một trăm món; xưa kia, mỗi bữa ăn của hoàng đế gồm một trăm món ăn. Bất luận nhà vua ăn hay không, mỗi bữa ăn là một trăm món, bách vị ẩm thực mà! Cuộc sống vật chất của quý vị [trong thế giới Cực Lạc] giống như đế vương, cũng chẳng cần đến sức người làm lụng, quý vị vừa nghĩ thứ gì, thứ ấy ở ngay trước mặt, ăn xong, không cần nữa thì sẽ chẳng thấy nữa. Sạch sẽ, chẳng nhiễm mảy trần. Thật ư? Thật đấy! Vì sao là thật ? Các khoa học gia nói năng lượng có thể biến thành vật chất, vật chất có thể biến thành năng lượng. Trong thế giới hiện tại, có thể biến vật chất thành năng lượng, bom hạch nhân (bom nguyên tử) được phát minh do điều này, nhưng hiện thời [khoa học] chưa thể biến năng lượng thành vật chất, tuy biết là chuyện có thể, nhưng chưa làm được! Trong thế giới Cực Lạc làm được, mỗi cá nhân đều có năng lực này. Họ chẳng cần dùng khí cụ nào, mà dùng ý niệm. Trong tâm họ muốn thứ gì, năng lượng tự nhiên biến thành vật chất cho họ thụ dụng. Không cần thụ dụng thì vật chất hóa thành năng lượng, chẳng còn nữa, chẳng cần đến kho chứa. Cung điện nơi họ ở trống trơn, chẳng có gì cả, cần gì có nấy, nên chẳng có kho chứa, quý vị nói có phải tự tại lắm hay không? Trong hoàn cảnh ấy, khi sống trong ấy, dần dần quý vị sẽ chẳng còn vọng tưởng nữa. Quý vị còn muốn có tiền ư? Tiền muốn bao nhiêu sẽ có bấy nhiêu. Quý vị muốn hoàng kim, người ta dùng hoàng kim phủ đất, trải đường, quý vị có đem nhựa đường chất đống trong nhà hay chăng? Tôi tin quý vị sẽ không làm như vậy. Vì sao? Ở đây, hoàng kim quá ít, nó là kim loại hiếm có, còn bên kia quá nhiều. Quý vị cần thất bảo, một viên kim cương bé tí đem cắt thành nhẫn đeo tay rất đẹp, người ta làm như thế nào? Người ta đem cả khối kim cương lớn cắt thành vật liệu xây cất, dùng làm vật liệu xây nhà. Do vậy, tới thế giới ấy, tâm tham lam hưởng thụ vật chất ngay lập tức sẽ chẳng còn nữa! Do vậy biết rằng: Thế giới Cực Lạc tài nguyên phong phú ngần ấy, quá phong phú. Tài nguyên ấy do đâu mà có? Trong tự tánh. Thế giới này cũng có, cũng phong phú giống hệt như vậy, nhưng trong thế giới này, thất

bảo biến thành thứ gì? Biến thành cát, thành bùn đất. Ai học khoa học cũng biết chúng biến thành những thứ ấy. Vì sao biến thành những thứ ấy? Ý niệm chẳng thiện, dấy lên tham, sân, si; do vậy, trân bảo trong tự tánh đều biến thành ô nhiễm. Trong giáo pháp Đại Thừa, có một câu nói diễn tả đại đạo lý: "Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng"; bên thế giới Cực Lạc "giai thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ" (đều là các vị thượng thiện nhân nhóm họp cùng một chỗ), người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là thượng thiện. Chúng ta niệm Phật phải tu thiện; chẳng tu thiện, còn có tham, sân, si, mạn, dẫu niệm Phật vẫn chưa thể vãng sanh. Kinh đã giảng rất rõ ràng: Phát Bồ Đề tâm, còn phải tu Bồ Tát Lục Ba La Mật, đem công đức ấy hồi hướng Tịnh Độ mới được vãng sanh. Chúng ta thấy có rất nhiều kẻ bần cùng, chẳng tu Lục Ba La Mật, vì sao cũng vãng sanh? Quý vị quan sát tỉ mỉ, [sẽ thấy] tuy họ không tu, nhưng Lục Ba La Mật đã viên mãn. Bố thí nhằm mục đích đoạn tâm tham, tuy họ bần cùng, trước nay chưa hề bố thí, nhưng chẳng tham luyến thế gian này, nên Bố Thí Ba La Mật viên mãn. Trì giới là phá ác nghiệp, họ niệm câu Phật hiệu này, chẳng làm ác nữa, nên Trì Giới Ba La Mật viên mãn. Nhẫn nhục nhằm đối trị sân khuể, trong tâm họ, đối với hết thảy mọi người, hết thảy sự chẳng có tâm sân khuể, cũng chẳng oán hờn người khác. Tinh tấn là niệm Phật chẳng giải đãi; Thiền Định là nhất tâm nhất ý; trí huệ là chọn lựa pháp môn này, chẳng hoài nghi tí nào. Quý vị hãy nghĩ xem: Bà lão một chữ không biết, nhưng thảy đều trọn đủ, tương ứng với những gì kinh đã dạy. Quý vị quan sát cặn kẽ, [sẽ thấy] những điều kiện như kinh đã dạy, người ấy thảy đều trọn đủ. "Hành nhân thảng nhược thác nhận, tiện vân tương ứng" (hành nhân nếu ngộ nhận, liền cho là đã tương ứng), đó là lầm to rồi. "Hành nhân" là người niệm Phật, ở đây chỉ người niệm Phật tu Tịnh Độ. Thô niệm hơi ngưng dứt đôi chút, nhưng tế niệm về căn bản là chưa đình chỉ. Nếu tế niệm đã đoạn, tốt lắm, Thường Tịch Quang Tịnh Độ hiện tiền, bèn minh tâm kiến tánh. Tế niệm đoạn rồi, chính mình có biết hay không? Biết chứ, rõ ràng, rành rẽ, thật sự buông xuống, triệt để buông xuống. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, không chỉ nhân gian, thiên thượng, mà cả y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới toàn bộ đều buông xuống, đó là tế niệm đã đoạn rồi, chỉ cần kiến tánh, sẽ vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. Huệ Năng đại sư đã kiến tánh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã kiến tánh, thân thể vẫn lưu trong thế gian, kinh Phật gọi trường hợp này là Hữu Dư Y Niết Bàn. Niết Bàn có nghĩa là chính Ngài đã chứng đắc cảnh giới, kiến tánh. Kiến tánh là chứng Niết Bàn, nhập Đại Bát Niết Bàn, kiến tánh là kiến đạo. Tuy đã kiến đạo, nhưng thân thể vẫn còn, những tướng đã hiện đều tồn tại, đó là gì? Tập khí chưa đoạn. Tập khí chưa đoạn cũng không sao cả, vì sao? Ở trong cảnh giới ấy, Ngài chẳng còn khởi tâm động niệm, vĩnh viễn giữ được cảnh giới

này, đó gọi là Bất Thoái. Ba món Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái. Sơ Trụ Bồ Tát chứng ba món Bất Thoái, nhưng Ngài có tập khí. Vì vậy, trong Tịnh Tông, trong bổn nguyện của A Di Đà Phật có nguyện thứ mười chín, sanh về thế giới Cực Lạc, "giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát" (đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát), câu này tuyệt lắm! A Duy Việt Trí là gì? A Duy Việt Trí là viên chứng ba món Bất Thoái, chứng ba món Bất Thoái lại còn thêm một chữ "Viên". Sơ Trụ Bồ Tát chứng ba món Bất Thoái, nhưng chưa thể nói viên. Viên là gì? Tập khí cũng đã đoạn. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức

Phật dạy chúng ta: Từ Thất Địa trở lên, Bát Địa chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, Thất Địa viên chứng ba món Bất Thoái, còn thua Bát Địa Bồ Tát một bậc. Tịnh Tông được gọi là "pháp khó tin", "khó tin" ở đây có nghĩa là "ai chịu tin tưởng"! Quý vị là phàm phu, niệm A Di Đà Phật sanh về thế giới Cực Lạc, là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư mà quả đức thù thắng ngần ấy, ai tin được? Nay chúng ta đã hiểu rõ ràng, chẳng phải là hễ vãng sanh sẽ thật sự được nâng cao tới phẩm vị này, chẳng phải vậy, người ấy vẫn là phàm phu, chưa đoạn tập khí phiền não, chỉ là khuất phục phiền não, nhưng ở bên ấy chẳng có duyên [khiến cho phiền não dấy động]. Tuy có chủng tử nhưng thiếu duyên, các phiền não chẳng thể khởi hiện hành. Hoàn cảnh [bên Cực Lạc] đúng là quá tốt đẹp, đạo lý ở chỗ này. Tới thế giới Cực Lạc, trí huệ và đức năng bèn có năng lực cảm ứng đạo giao với chúng sanh trong mười pháp giới. Chúng sanh có cảm, họ bèn có ứng, có năng lực giống như Phật, Bồ Tát ứng hóa độ chúng sanh. Năng lực do đâu mà có? Do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chẳng phải do chính họ. Họ phải thong thả tu đến địa vị Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, cho đến lúc ấy [năng lực hóa độ chúng sanh mới] là của chính mình; chưa đạt đến trình độ ấy, sẽ do oai thần của A Di Đà Phật gia trì; Phật lực chẳng thể nghĩ bàn! Pháp môn này gọi là Nhị Lực Pháp Môn. Vì vậy, [thần thông, trí huệ, đạo lực] chẳng phải do tương ứng, mà do Phật gia trì, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. "Ư thị đại bi từ phụ" (do vậy, đấng cha lành đại bi), đây là nói về A Di Đà Phật. "Hưng vô duyên chi từ, thùy tư kỳ diệu phương tiện pháp môn, chỉ phương lập tướng, nhiếp tâm chuyên chú, tức thử vọng tâm, trì Phật danh hiệu, niệm nhất Phật danh, hoán trừ bách thiên vạn ức vọng tưởng tạp niệm, niệm đắc thuần thục, nãi vong năng sở, tâm vô sở trụ, Phật hiệu phân minh, ám hợp đạo diệu , tiện khế Kim Cang Bát Nhã Kinh vô trụ sanh tâm chi diệu đế" (Khởi lòng Từ vô duyên, ban pháp môn phương tiện kỳ diệu này, chỉ phương, lập tướng [để hành nhân] nhiếp tâm, chuyên chú, dùng chính cái vọng tâm này để trì danh hiệu Phật. Niệm một danh hiệu Phật nhằm thay thế, trừ bỏ trăm ngàn vạn ức tạp niệm vọng tưởng. Niệm đến mức

thuần thục sẽ quên mất Năng lẫn Sở, tâm chẳng trụ vào đâu, Phật hiệu phân minh, ngầm hợp đạo mầu, liền khế nhập chân lý mầu nhiệm "vô trụ sanh tâm" trong kinh Kim Cang Bát Nhã). Cụ Niệm Tổ viết đoạn này rất hay, đây là A Di Đà Phật vô duyên đại từ, truyền cho chúng ta một pháp môn thuận tiện như vậy, thuận tiện hơn bất cứ pháp môn nào, chẳng tìm được pháp nào thuận tiện hơn bốn chữ "A Di Đà Phật". Trong tâm quý vị thật sự có câu A Di Đà Phật này, niệm niệm chẳng quên, hết thảy thời, hết thảy chỗ trong tâm thật sự có [câu danh hiệu ấy], quý vị sẽ thành công. Niệm bao lâu mới có thể vãng sanh, quả báo mới có thể hiện tiền? Chúng ta hãy đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, đại khái quá nửa là ba năm. Thuở đầu, khi tôi giảng kinh, khi đó ước chừng tôi hơn bốn mươi tuổi, tôi ra giảng kinh lúc ba mươi ba tuổi, có pháp sư đến hỏi tôi, ông ta hoài nghi, nói: "Có phải là những người được kể trong Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục từ khi họ bắt đầu niệm Phật tới lúc vãng sanh, thọ mạng của họ chỉ còn vừa đúng ba năm, do thọ mạng đã hết, A Di Đà Phật bèn đến tiếp dẫn họ ra đi?" Đem vấn đề này hỏi tôi. Tôi nói: "Cách nghĩ của ông chẳng hợp lý luận! Một, hai người hay ba bốn người thì có thể, chứ đằng này nhiều quá. Nhiều quá nên

[lập luận của ông] chẳng hợp lý. Vì sao ba năm họ ra đi? Chỉ cần họ đạt công phu thành phiến, tuy còn thọ mạng nhưng chẳng cần đến, ra đi sớm. Niệm đến mức công phu thành phiến bèn sanh tử tự tại". Nói như thế mới thông suốt, viên mãn. Có người niệm tới trình độ này, nhưng vẫn chưa đi, vì lẽ gì? Người ấy có duyên với chúng sanh trong thế gian này, đã có duyên, phải mang thêm mấy người cùng đi, mang càng nhiều càng hay nên người ấy lưu lại. Người ấy sanh tử tự tại, muốn đi lúc nào bèn đi lúc ấy, thật sự có năng lực này. Quý vị hãy quan sát cẩn thận người như vậy, tuyệt đối chẳng tự tư tự lợi, chắc chắn chẳng có [ý niệm tham đắm] tiếng tăm, lợi dưỡng, nhất định chẳng có tham, sân, si, mạn, quý vị hãy quan sát cẩn thận. Nhưng khi hóa độ, họ cũng biểu diễn, cũng nổi nóng, giống như hát tuồng; chẳng làm như vậy sẽ không thể thực hiện [sự hóa độ] được, nhưng trong tâm quả thật chẳng có. Trung Quốc có một câu ngạn ngữ để hình dung hạng người này: "Đao tử khẩu, đậu hủ tâm" (Miệng dao găm, lòng đậu phụ). Tâm địa rất dịu dàng, làm như thế đó nhằm thực hiện sự hóa độ, đó là "thiện xảo phương tiện", chẳng phải là thật, quan sát cẩn thận quý vị sẽ có thể thấy được. Chúng ta thường gọi họ là "bậc tái lai", họ có thể đi, nhưng chậm lại mấy năm, ở lại thêm vài năm nhằm giúp đỡ chúng sanh hữu duyên. Nếu không có duyên, họ bèn ra đi. "Không có duyên" chính là người ấy dạy mà chẳng ai nghe, người ta không tin tưởng, nên người ấy ra đi. Ra đi cũng nhằm độ chúng sanh, tướng lành lúc người ấy mất khiến cho những kẻ bình phàm trông thấy, sanh khởi lòng tin, phát tâm

học Phật. Vì vậy, người ấy ra đi cũng là độ chúng sanh, mà ở lại thế gian cũng là độ chúng sanh. Ở đây, chúng ta phải đặc biệt lưu ý, trong đây có một câu nói phải khéo hiểu, "chỉ phương lập tương, nhiếp tâm chuyên chú, tức thử vọng tâm, trì Phật danh hiệu, niệm nhất Phật danh" (chỉ phương lập tướng, nhiếp tâm chuyên chú, dùng ngay cái vọng tâm này để trì danh hiệu Phật. Niệm một danh hiệu Phật), niệm A Di Đà Phật, "hoán trừ bách thiên vạn ức vọng tưởng tạp niệm" (thay thế, trừ khử trăm ngàn vạn ức vọng tưởng, tạp niệm), câu này trọng yếu lắm! Niệm Phật có công đức gì? Đấy là công đức, công đức chân thật. Khi quý vị chẳng niệm Phật, có vọng tưởng, có tạp niệm; một mực niệm một câu Phật hiệu, quý vị sẽ chẳng có vọng tưởng; niệm Phật để trừ vọng tưởng, tạp niệm, đó là công đức chân thật. Tạp niệm, vọng tưởng là đang tạo nghiệp, rất nhiều người chẳng biết điều này. "Tôi chẳng làm chuyện xấu", dấy lên một ác niệm là đã tạo rồi! Vì vậy, trì danh niệm Phật nhằm trực tiếp khiến cho quý vị chẳng khởi ác niệm. Không chỉ là ác niệm chẳng thể khởi, mà thiện niệm trong lục đạo cũng không khởi! Quý vị khởi thiện niệm sẽ cảm vời quả báo trong ba đường lành, ác niệm cảm vời quả báo trong ba đường ác. Thiện niệm hay ác niệm đều chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Trong một câu A Di Đà Phật này, chẳng có lục đạo luân hồi; người ấy (người niệm Phật) chẳng ở trong lục đạo, A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Vì sao niệm Phật? Niệm Phật chẳng tạo nghiệp, niệm niệm là A Di Đà Phật, đó gọi là "Tịnh nghiệp", người ấy tương ứng với Tây Phương Tịnh Độ. Vì vậy, hễ niệm Phật hiệu bèn tương ứng với Phật. "Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật". Chúng ta nghĩ lại trong giáo pháp Đại Thừa, đức Thế Tôn thường bảo: "Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng". Chúng ta vốn là Phật, hiện tại niệm niệm đều là Phật, lẽ nào người ấy chẳng thành Phật? Quả vị cao nhất

trong mười pháp giới là Phật Quả, còn phải vượt qua [quả vị ấy]! Do ở trong mười pháp giới, vẫn chưa thoát khỏi mười pháp giới; niệm A Di Đà Phật bèn vượt thoát mười pháp giới. Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng vượt khỏi mười pháp giới, nhất định phải biết sự thật này, đường tắt mà! Ổn thỏa, xác đáng! Do vậy, có thể tin, có thể nguyện, có thể hành, đó là trí huệ khôn sánh. Nếu chẳng phải là giác ngộ thật sự, trí huệ chân thật chân chánh, người ấy sẽ chẳng chọn lấy pháp môn này trong một đời này! Khi niệm đến thuần thục, sẽ nhập pháp môn Bất Nhị. "Nãi vong năng sở" (bèn quên mất Năng và Sở), Năng và Sở tượng trưng cho tương đối, Năng và Sở chẳng hai. "Tâm vô sở trụ" (tâm chẳng trụ vào đâu), chẳng trụ sở niệm (đức Phật được ta niệm), mà cũng chẳng trụ năng niệm (cái tâm

niệm Phật), Năng lẫn Sở đều chẳng trụ, hiểu rõ ràng, rành rẽ một câu Phật hiệu này; cảnh giới ấy gọi là "ám hợp đạo diệu" (thầm hợp đạo mầu), "đạo diệu" là như kinh Kim Cang đã dạy: "Vô trụ sanh tâm" . Vì sao gọi nó là đạo diệu? Huệ Năng đại sư khai ngộ do câu này. Tục ngữ Trung Hoa thường nói "đắc đạo trong một câu". Hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn giảng kinh Kim Cang cho Lục Tổ nghe, đương nhiên là giảng đại ý, vì Lục Tổ không biết chữ, chắc chắn không đọc kinh bổn; giảng đến câu "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" (đừng trụ vào đâu để sanh tâm), Lục Tổ bèn hoát nhiên đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Khi đó, Lục Tổ hai mươi bốn tuổi, rất trẻ, Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài. Nửa đêm, truyền y bát cho Ngài, bảo Ngài đi ngay lập tức, do nguyên nhân gì? Tổ sư cũng là biểu diễn pháp cho chúng ta thấy, nhằm dạy chúng ta học tập: Ganh ghét, chướng ngại là chuyện chẳng thể tránh được. Thần Tú theo Ngũ Tổ đã bao nhiêu năm, là Thủ Tọa trong các đồng học, là lớp trưởng, là trợ giáo của Nhẫn hòa thượng. Các đồng học cho rằng nếu Ngũ Tổ truyền pháp, trong lòng mọi người đều đoan quyết Tổ sẽ truyền cho Thần Tú, sao lại là người khác? Nay y bát truyền cho một kẻ từ nơi khác đến, hết thảy mọi người đều coi thường hắn. Trong tự viện, người đông dường ấy, tới cả ngàn người, trong lòng những người đó có phục hay chăng? Vì lẽ nào Ngũ Tổ lại truyền y bát cho người khác? Đó là chuyện không thể chấp nhận được, nhất định phải đoạt trở về. Có lẽ là lão hòa thượng tuổi đã cao, nhất thời hồ đồ, đem y bát truyền cho kẻ chẳng liên can! Do vậy, Ngũ Tổ nói: "Ngươi hãy mau trốn đi". Cuối cùng trốn trong phường thợ săn mười lăm năm, mười lăm năm khiến mọi người quên dần chuyện này, Ngài mới xuất hiện. Chúng ta phải ghi nhớ lời giáo huấn này. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật khai ngộ, đi các nơi giảng kinh, nói pháp, nhiều kẻ đố kỵ! Lục sư ngoại đạo đố kỵ, đó là đối với các tôn giáo khác, là người ngoài. Trong nhà có người đố kỵ chăng? Có chứ! Đề Bà Đạt Đa là kẻ đố kỵ số một! Nhưng đức Phật có trí huệ chân thật, đức năng chân thật, có thể bao dung, tránh né ông ta, đức Phật có năng lực ấy. Những chuyện này đều nhằm thị hiện cho chúng ta thấy: Phật, Tổ thành tựu đều gian nan ngần ấy; chúng ta muốn bình an, thành tựu ổn thỏa, thích đáng, đâu có đại phước báo như vậy? Do vậy, hết thảy chướng ngại là chuyện không thể tránh được, phải dùng trí huệ và đức hạnh, dùng tâm nhẫn nại để khắc phục. Đối với chúng ta mà nói, hết thảy chướng ngại là khảo nghiệm, cửa ải nào chúng ta cũng đều vượt qua, sẽ đạt tiêu chuẩn, quý vị bèn thành tựu. Có cửa ải nào chẳng thể vượt qua, quý vị bèn đọa lạc. Hễ đọa lạc, chẳng biết phải tới đời nảo đời nao mới có thể tiếp tục tu. Người thật sự tu hành, thật sự mong thành tựu trong một

đời này, chẳng thể không biết [điều này]. “Vô trụ sanh tâm”, vô trụ là thanh tịnh tịch diệt. Thuật ngữ trong Phật môn [gọi vô trụ sanh tâm là] Đại Bát Niết Bàn, trong Tịnh Độ gọi là Thường

Tịch Quang, tức Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong bốn cõi. Trên thực tế, nó là tự tánh. Trở về tự tánh, vọng tận, hoàn nguyên, hoàn nguyên sẽ chẳng trụ. Người ấy sanh tâm là sanh cái tâm gì? Chúng sanh có cảm bèn có ứng. Ngài thì có ứng. Sự “ứng” ấy chính là đại từ bi tâm, đại Bồ Đề tâm. Vì vậy, cảnh giới Niết Bàn chẳng phải là chết cứng, mà là sống động, vì trong cảnh giới ấy không có hiện tượng vật chất, mà cũng không có hiện tượng tinh thần. Chuyện này rất kỳ quái, không có hiện tượng tinh thần, mà sống động hoạt bát, chẳng chết cứng! Do vậy, chúng sanh có cảm thì Ngài bèn có ứng, dẫu là cảm cực kỳ vi tế vẫn luôn có ứng, tuy yếu ớt, nhỏ nhoi đến nỗi khí cụ khoa học của chúng ta trong hiện tại chẳng thể dò xét được, nhưng nó là thật! Quý vị hãy nghĩ xem, một niệm này chính là một phần của một ngàn hai trăm tám mươi triệu của một giây, ý niệm vi tế như thế! Tâm vô trụ là chân tâm, nó có thể cảm ứng, cảm phản hồi thành ứng. Ứng là sanh tâm. Sanh tâm gì? Tuyệt đối chẳng phải là hữu ý. Ngài không có ý, cũng chẳng có niệm, vì vậy gọi là Ứng. Chúng sanh có cảm Ngài bèn ứng. Ứng là tùy thuận cảm ở một nơi nào đó, chính mình tuyệt đối chẳng hề khởi tâm động niệm. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng” (thuận lòng chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ), đây là nguyên lý cảm ứng. Chúng sanh cầu Phật, Ngài bèn hiện thân Phật; chúng sanh cầu Bồ Tát, Ngài bèn hiện thân Bồ Tát, thân gì Ngài cũng đều có thể hiện. Quý vị ưa thích gì, Ngài bèn hiện thân ấy. Có thể hiện cây cối, hoa, cỏ, mà cũng có thể hiện sơn hà, đại địa. Cái thân hiện ra ấy, tức ứng thân ấy chắc chắn sẽ giúp cho quý vị có ngộ xứ. Đạo lý cảm ứng được giảng rất nhiều trong kinh Hoa Nghiêm, có hiển cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng (cảm rõ rệt ứng ngấm ngầm), minh cảm minh ứng (cảm lẫn ứng đều âm thầm), minh cảm hiển ứng (cảm âm thầm, ứng rõ rệt), quyết định có ứng! Cảnh giới này cũng chẳng thể nghĩ bàn, vì sao? Toàn thể vũ trụ, chúng ta nói “vũ trụ” thì khái niệm này chẳng rõ ràng như đức Phật đã nói, đức Phật nói “pháp giới”. [Thuật ngữ] pháp giới chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn vũ trụ, vô lượng, vô biên! Chúng ta đọc phẩm Hoa Tạng Thế Giới [của kinh Hoa Nghiêm] mới biết thế giới to lớn. Những điều các nhà thiên văn đã nói vẫn chưa vượt ngoài thế giới Sa Bà. Trong toàn bộ vũ trụ, thế giới Sa Bà là một chấm rất nhỏ, nhỏ tí, không đáng kể! Vũ trụ quá lớn, tự tánh quá lớn, vũ trụ do tự tánh biến hiện. Tự tánh là một, cho nên khắp pháp giới hư không giới là một Thể. Quý vị hãy suy nghĩ, trong pháp giới, trong mỗi cõi Phật đều có mười pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, sẽ không khởi tác dụng cảm ứng đạo giao cùng quý vị, nhưng mười pháp giới thì có. Chúng sanh trong mười pháp giới khởi tâm động niệm, mỗi niệm đều trọn khắp pháp giới, mỗi niệm xuất sanh vô tận, chứa đựng Không và Có, ba thứ ấy đều trọn khắp, tốc độ quá nhanh, đồng

thời! Chúng ta dấy lên ý niệm, bất luận là ý niệm gì, ý niệm ấy vừa khởi lên sẽ trọn khắp pháp giới, tự tánh thảy đều thâu nhận, nhận được tin tức ấy, nó sẽ có phản ứng. Giống như tiến sĩ Giang Bổn Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm với nước. Trong thí nghiệm của ông ta, sự phản ứng khá chậm chạp, còn phải mất thời gian mấy tiếng

đồng hồ. Phản ứng của tự tánh đối với hết thảy chúng sanh là ngay lập tức, đồng thời . Nếu quý vị thật sự biết đạo lý và chân tướng sự thật này, quý vị sẽ dấy lòng cảm ơn chư Phật, Bồ Tát. Vì sao? Chẳng thời khắc nào không chiếu cố quý vị; không thời khắc nào chẳng quan tâm quý vị, còn chu đáo hơn cha mẹ lo lắng cho con cái. Cớ sao nay chúng ta trở thành nông nỗi này? Là do chính chúng ta không quay đầu, không biết khéo học, tự làm tự chịu, có cách nào đâu? Bất luận chúng ta đang ở trong đường nào, súc sanh đạo cũng thế, mà ngạ quỷ đạo cũng vậy, địa ngục đạo cũng vậy, đều quan tâm như nhau. Vì vậy, có thể thật sự dấy lòng cảm ơn Phật, Bồ Tát, quý vị sẽ thật sự học tập, có ý nguyện chân thành học tập. Có thành ý, thành tựu cũng nhanh chóng! Ấn Quang đại sư dạy: "Mười phần thành ý, sẽ được mười phần thu hoạch". Chưa học Hoàn Nguyên Quán, chúng ta vẫn chưa hiểu rõ khái niệm này; chưa hiểu rõ vẹn mười! Sau khi học Hoàn Nguyên Quán, chúng ta hiểu rất rõ, sẽ chân thật thể hiện lòng cảm ơn đối với hết thảy chư Phật Như Lai, rồi quay lại áp dụng [lòng cảm ơn ấy] đối với hết thảy chúng sanh. "Hết thảy chúng sanh vốn là Phật", thật vậy, "hết thảy chúng sanh là vị lai Phật", câu này cũng là thật. Chắc chắn quý vị sẽ chuyển biến trong mỗi đời, cảnh giới trong mỗi đời sau cao hơn đời trước, nhất định sẽ có ngày đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, trở về tự tánh. Nói theo phương diện thế gian của nhân loại, thời gian này rất dài, nhưng nói theo cõi Thật Báo, bên ấy chẳng có thời gian, cũng chẳng có không gian. Không có thời gian, sẽ chẳng có trước sau; không có không gian, sẽ chẳng có khoảng cách. Đây là diệu đế (chân lý mầu nhiệm) "vô trụ sanh tâm". Tiếp theo đó, nói: "Phù chúng sanh chi sanh diệt tâm, xứ xứ năng duyên, độc bất năng duyên ư Bát Nhã, tu vị đăng Biệt Giáo địa thượng chi Bồ Tát, phương năng khế nhập" (Cái tâm sanh diệt của chúng sanh, chỗ nào cũng có thể duyên, chỉ chẳng thể duyên nơi Bát Nhã. Địa vị cần phải đạt đến Sơ Địa trong Biệt Giáo trở lên mới hòng khế nhập). Sơ Địa trong Biệt Giáo là Sơ Trụ trong Viên Giáo, kinh Hoa Nghiêm gọi địa vị này là Sơ Trụ Bồ Tát, lúc ấy mới có thể khế nhập. Vì sao? Ngài chẳng dùng sanh diệt tâm, chuyển bát thức thành tứ trí, tứ trí là Bồ Đề tâm, chuyển thức thành trí. Tứ trí là chân tâm, A Lại Da là vọng tâm, chuyển vọng trở thành chân, trí huệ Bát Nhã trong tự tánh bèn mở mang, hiện tiền. Bát Nhã là đức năng của tự tánh. Quý vị đã kiến tánh, đức năng trong tự tánh thảy đều hiện tiền, quý vị được thụ dụng. Vì vậy, phải là bậc Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên, là Viên Giáo

như trong kinh Hoa Nghiêm thì mới có thể khế nhập. Khế nhập là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Hôm nay lại hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

---o0o---

Tập 16

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang mười lăm, dòng số sáu từ dưới đếm lên, xem từ câu thứ hai. "Phù chúng sanh chi sanh diệt tâm, xứ xứ năng duyên, độc bất năng duyên ư Bát Nhã" (Cái tâm sanh diệt của chúng sanh, chỗ nào cũng có thể duyên, chỉ chẳng thể duyên nơi Bát Nhã). Đây là nói về tâm phàm phu, chúng ta cũng gọi nó là "tâm luân hồi", chưa ra khỏi lục đạo luân hồi, nhưng nó có tác dụng rất lớn, chỗ nào cũng có thể duyên, có thể

duyên quá khứ, mà cũng có thể huyễn tưởng vị lai, cõi này hay phương khác nó đều có thể tưởng. Tuy có năng lực to dường ấy, kinh Phật bảo: Trong thì nó có thể duyên tới A Lại Da, bên ngoài có thể duyên hư không pháp giới, nhưng chẳng thể duyên tự tánh! Bát Nhã là đức năng của tự tánh; do nó (sanh diệt tâm) chẳng thể duyên tự tánh, đương nhiên chẳng thể duyên Bát Nhã. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói: "Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai", điều này tâm phàm phu chẳng duyên được, tâm sanh diệt của chúng sanh chẳng duyên được! Đến khi nào mới có thể duyên được? Kiến tánh sẽ duyên được. Minh tâm kiến tánh sẽ duyên được, đức năng và trí huệ trong tự tánh đều hiện tiền. "Tu vị đăng Biệt Giáo địa thượng chi Bồ Tát, phương năng khế nhập" (Địa vị cần phải đạt đến Sơ Địa trong Biệt Giáo trở lên mới hòng khế nhập). Sơ Địa trong Biệt Giáo là Sơ Trụ trong Viên Giáo, kinh Hoa Nghiêm nói là từ Sơ Trụ trở lên, còn Biệt Giáo là từ Sơ Địa trở lên, Phật giáo Trung Quốc gọi người như vậy là "đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh". Khi ấy, người đó duyên tới [tự tánh], "mới có thể khế nhập", khế nhập là nhập tự tánh, đấy cũng là bậc minh tâm kiến tánh như chúng ta thường nói. "Ư vô trụ thời tức sanh tâm, ư sanh tâm thời tức vô trụ" (lúc vô trụ bèn sanh tâm, lúc sanh tâm bèn vô trụ). Đây là cảnh giới minh tâm kiến tánh, sanh tâm là hiện tướng, sanh tâm gì? Sanh tâm độ chúng sanh. Điều thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là "chúng sanh vô biên thệ nguyện độ", Ngài sanh tâm như thế nào? Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Bậc Địa Thượng Bồ Tát trong Biệt Giáo, Thập Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đều là chân Phật, trong Lục Tức Phật của Thiên Thai đại sư, [những vị này] được

gọi là Phần Chứng Tức Phật, trên họ là Cứu Cánh Tức Phật. Cứu Cánh Tức Phật chỉ có một [địa vị], kinh Hoa Nghiêm gọi địa vị ấy là Diệu Giác. Phần Chứng Tức Phật có bốn mươi mốt địa vị, [tức là] Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi mốt địa vị này đều là Phần Chứng Tức Phật, là chân Phật, chẳng phải giả Phật. Phật trong mười pháp giới chẳng phải là chân Phật, mà là Tương Tự Tức Phật, rất giống, vì sao? Họ dùng A Lại Da, chưa chuyển thức thành trí. Chuyển thức thành trí chính là các vị Địa Thượng Bồ Tát như đang nói ở đây, đã kiến tánh. Chưa chuyển thức thành trí là chưa kiến tánh. Đây là một kiến thức thông thường trong Phật giáo, chúng ta phải biết. Ngài ứng hóa, là do chúng sanh có cảm Ngài bèn ứng. Nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Thuở ấy, tại Ấn Độ, Thích Ca Như Lai "nên dùng thân Phật để độ", Ngài bèn hiện Ứng Thân Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tùy hình hảo, hiện thân tướng này. Tại Trung Quốc, Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư, xuất hiện vào thời Đường, cũng đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, chẳng khác gì Thích Ca Phật. Hiện ra cùng một cảnh giới, chỗ khác biệt là Ngài hiện thân tỳ-kheo, Thích Ca Mâu Ni Phật hiện thân Phật thân, tức thân ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Huệ Năng đại sư tại Trung Quốc, nên dùng thân tỳ-kheo để độ người, nên Ngài hiện thân tỳ-kheo. Đúng vậy, cả đời Ngài độ hơn bốn mươi vị tỳ-kheo thành Phật, minh tâm kiến tánh, dùng thân tỳ-kheo. Khi Ngài hiện thân, thưa cùng quý vị, Ngài là vô trụ, vô trụ có nghĩa là gì? Hiện thân tướng chẳng khác gì chúng ta, thân tướng ấy cũng sáng dậy, tối ngủ, cũng mỗi ngày phải ăn cơm, mặc áo, chẳng khác gì hết. Chỗ thật sự không giống nhau là chúng ta có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, Ngài không có.

Do Ngài không có, nên gọi là vô trụ. “Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” (Nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), bậc Pháp Thân đại sĩ ứng hóa trên thế gian, vô trụ và sanh tâm là một, không hai, là cùng một chuyện, ứng hóa trên thế gian. Nếu còn có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, chúng ta phải biết kẻ ấy là phàm phu, tức là phàm phu trong lục đạo. Kẻ khác nói quý vị là vị Phật nào đó hay Bồ Tát nào đó tái lai, chính mình phải tự hiểu: “Giả trất, chẳng thật!” Giả có thể tu thành thật hay chăng? Có thể! Ở đây, chúng ta phải biết: Danh hiệu của các vị Phật có cùng tên là vô lượng vô biên, danh hiệu của các vị Bồ Tát có cùng tên cũng là vô lượng vô biên. Quán Âm Bồ Tát chẳng phải là một người, nếu quý vị nói là một thì sai mất rồi! Giống như vị thầy dạy học trong nhà trường, Quán Âm Bồ Tát giống như thầy dạy môn Ngữ Văn, ở đây, nếu tôi hỏi quý vị, trên thế giới này có bao nhiêu vị giáo sư Ngữ Văn? Quý vị sẽ hiểu rõ ngay! Chúng ta là phàm phu chấp trước, nói đến Quán Âm Bồ Tát bèn tưởng là một người, sai rồi! Nhiều lắm, vô lượng, vô biên, [những người] tu pháp môn [từ bi] này

đều gọi là Quán Âm Bồ Tát; tu pháp môn Bát Nhã đều là Văn Thù Bồ Tát; tu mười đại nguyện vương đều là Phổ Hiền Bồ Tát; tu hiếu thân tôn sư (hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính thầy) đều là Địa Tạng Bồ Tát, các đồng học học Phật chớ nên không biết điều này. Trong số các vị Bồ Tát nhiều ngần ấy, cảnh giới của các Ngài có giống nhau hay không? Chẳng giống nhau! Quý vị thấy trong kinh Hoa Nghiêm, từ địa vị Sơ Tín tới địa vị Đẳng Giác tổng cộng là năm mươi mốt giai cấp, vị ấy là Quán Âm Bồ Tát thuộc địa vị nào? Từ ba bộ kinh, chúng ta thấy Quán Âm Bồ Tát không cùng một địa vị. Trong kinh Hoa Nghiêm, Quán Âm Bồ Tát là Đệ Thất Hồi Hướng Bồ Tát, tức là Đệ Thất Hồi Hướng trong Tam Hiền. Trong kinh Lăng Nghiêm, Quán Âm Bồ Tát là Sơ Trụ Bồ Tát, vừa mới chứng đắc Viên Thông. Trong kinh Pháp Hoa, Quán Âm Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, khác nhau! Vì vậy, nói Quán Âm Bồ Tát tái lai, thì là Quán Âm Bồ Tát thuộc địa vị nào? Nếu là Quán Âm Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Thập Tín, đúng vậy, Ngài là Quán Âm Bồ Tát, nhưng Ngài vẫn chưa thoát lục đạo luân hồi, công phu đoạn chứng chỉ bằng Tu Đà Hoàn, nhưng Ngài tu pháp môn Quán Âm, nhất định phải biết điều này. Đây là hỏi xem, trong năm mươi mốt địa vị, Ngài thuộc địa vị nào, sai biệt rất lớn! Từ Sơ Trụ trở lên, đó là địa vị Phần Chứng, Pháp Thân đại sĩ, thật sự là Pháp Thân đại sĩ. Nếu Ngài thuộc các địa vị trong Thập Tín, từ Sơ Tín tới Thập Tín, Ngài chưa ra khỏi mười pháp giới; nhưng do Ngài tu pháp môn này, chẳng thể nói Ngài chẳng phải là Bồ Tát. Nay chúng ta phát tâm nương theo kinh Vô Lượng Thọ, nương theo Tịnh Độ (nay là ngũ kinh) ngũ kinh nhất luận để tu hành, vậy thì quý vị là ai? Thưa quý vị, là A Di Đà Phật! Kinh này giảng rất rõ ràng, [người tu pháp môn này] chẳng phải kẻ tầm thường, tổ sư đại đức nói như vậy. Quý vị chiếu theo pháp môn này, do Tịnh Tông lấy Quả làm nhân, nên pháp môn này rất đặc biệt, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng hề “lấy quả làm nhân”, chỉ có pháp môn này lấy quả làm nhân, quả là gì? Quả là A Di Đà Phật. Trong phần Khái Yếu, ở phần sau, Hoàng lão cư sĩ trích dẫn nhiều kinh luận để giảng rõ chuyện này. Vì thế, người thông đạt kinh giáo sẽ hiểu rõ, chẳng chấp trước, liễu giải chân tướng sự thật. Thật sự thành tựu, nhất định là Sơ Địa trong Biệt Giáo hay Sơ Trụ trong Viên Giáo, mới được coi là thật sự thành tựu. Chưa đạt đến địa vị ấy, sẽ là Tương Tự Tức Phật. Lại thấp hơn một tầng nữa, vẫn chưa đạt đến Tương Tự, chúng ta phải gia

công dụng hạnh. Nói theo Lý thì là Danh Tự Tức Phật, chuyện này ai nấy đều bình đẳng, hữu danh vô thực, vì sao? Tự tánh của quý vị là Phật; do vậy, trong kinh, đức Phật dạy: "Hết thảy chúng sanh vốn là Phật". Chúng ta bắt đầu học Phật, rất nghiêm túc học Phật, nhưng công phu chưa đắc lực, khi ấy, gọi là Danh Tự Tức Phật, hữu danh vô thực, Danh Tự Tức Phật! Công phu đắc lực là Quán Hạnh Tức Phật. Địa vị Quán Hạnh khá lắm, trong pháp môn

Tịnh Độ, đạt đến địa vị Quán Hạnh được gọi là "công phu thành phiến". Quán Hạnh là công phu thành phiến, quyết định sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tương Tự thì sao? Tương Tự sẽ không sanh vào cõi Đồng Cư, mà sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, đó là Sự nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đó chính là các địa vị được nói đến ở đây: Địa Thượng trong Biệt Giáo, Thập Trụ Pháp Thân Bồ Tát trong Viên Giáo. Mỗi tầng đều hiểu rõ ràng, chúng ta tiến lên từng cấp, tiến cao hơn, đó là đúng. Nâng cao hơn, nâng cao bèn buông xuống được, nhất định phải noi theo thứ tự thuận này: Trước hết, phải buông chấp trước xuống. Quý vị nói trước hết ta buông khởi tâm động niệm xuống ư? Chẳng thể nào! Buông khởi tâm động niệm xuống chính là địa vị Diệu Giác, chẳng phải là Phần Chứng, đó là viên mãn chứng đắc, ta chưa làm được đâu! Chớ nên không biết điều này! Hiện thời còn có vấn đề, ta vẫn chưa thể hiểu rõ vấn đề này! Chúng sanh có cảm, Phật ứng, đó là Phật thuộc giai tầng nào ứng? Nay chúng ta biết, trong cõi Thật Báo, từ địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo [trở lên] bèn có năng lực này: Nên dùng thân Phật để độ người, bèn hiện thân "ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo" để ứng. Nhà Phật nói tới "Bổn Tích nhân duyên", Bổn của Ngài Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hiện Tích là Phật tướng, tức "ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo". Nếu nên hiện thân Đẳng Giác Bồ Tát, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí là Đẳng Giác Bồ Tát; hoặc cũng nên dùng thân Phật để đắc độ, Ngài cũng hiện thân Phật. Vị Phật này là Đẳng Giác, vị Phật kia là Sơ Trụ Bồ Tát, còn có vị viên mãn rốt ráo. Viên mãn rốt ráo là vị Phật do tự tánh hiện ra trong cõi Thường Tịch Quang, tức là A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là địa vị Diệu Giác, chẳng phải là Đẳng Giác, đó là vị Phật rốt ráo viên mãn. Thích Ca Mâu Ni Phật tới thị hiện trong thế giới này, thưa quý vị, Ngài là địa vị viên mãn, chẳng phải là Đẳng Giác Bồ Tát, vì sao? Trong kinh Phạm Võng, Ngài nói rất hay, Phật không vọng ngữ, nói toàn những lời thật. Ngài tới thế giới này, thị hiện thân Phật trong nhân gian, lần này là lần thứ tám ngàn, chẳng phải một lần, hai lần, mà là tám ngàn lần! Khi nào Ngài đến? Chúng sanh có cảm, Ngài bèn đến. Chúng sanh không có cảm, Ngài sẽ không ứng, cảm ứng đạo giao mà! Chính Ngài tuyệt đối chẳng có ý nghĩ: Chúng sanh rất khổ, ta phải đến giúp đỡ họ. [Nếu có ý nghĩ như thế], sẽ chẳng phải là Phật, vì sao? Khởi tâm động niệm! Bồ Tát có khởi tâm động niệm, không có phân biệt, chấp trước, nhưng có tập khí phân biệt, chấp trước. Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín không có phân biệt, chấp trước, nhưng có tập khí phân biệt, chấp trước. Từ Sơ Trụ trở lên, không có phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm cũng không có, nhưng có tập khí khởi tâm động niệm. Bốn mươi mốt tầng cấp này là do tập khí dày hay mỏng khác biệt, chúng ta phải hiểu rõ. Chẳng thể nói một vị Bồ Tát này là

Đẳng Giác, chẳng phải vậy, có năm mươi mốt tầng cấp mà! Nói một vị Phật là Diệu Giác ư? Không nhất thiết! Bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ đều có có năng lực hiện thân Phật. Quý vị nghĩ tới vị Phật nào, Ngài bèn hiện ra vị Phật ấy. Vị Phật nào có duyên với quý vị, Ngài bèn hiện ra vị Phật ấy. "Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng", chớ nên không hiểu đạo lý này! Tuy hiện thân, chắc chắn Ngài không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Ở đây, phải đặc biệt chú ý vọng tưởng, đó là khởi tâm động niệm, đấy là gì? Bậc Pháp Thân Bồ Tát, Sơ Trụ trong Viên Giáo chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Vì vậy, chúng ta ở trong thế gian này, tự mình phải thường suy nghĩ, chúng ta vẫn khởi tâm động niệm, còn có phân biệt, còn có chấp trước, đấy có phải là mê khi cách ấm hay chăng? Nói "mê khi cách ấm" cũng có lý! Vì sao? Tất cả hết thảy chúng sanh chẳng một ai không mê khi cách ấm. Nếu Phật, Bồ Tát tới ứng hóa trong thế gian này, còn có mê khi cách ấm hay chăng? Chúng ta có thể suy nghĩ: Trong mười pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật thuộc tứ thánh pháp giới có thể là mê khi cách ấm, vì sao? Họ chưa kiến tánh. Chưa kiến tánh, nhưng trí huệ, đức năng, thần thông của những người tu hành ấy lớn hơn chúng ta, chúng ta chẳng thể sánh bằng! Các Ngài có thể vào lục đạo độ chúng sanh hay chăng? Có! Những kẻ hữu duyên trong lục đạo, kẻ hữu duyên nghĩ tới các Ngài, các Ngài cũng có cảm, sẽ ứng đến. Nhưng ứng thân của các Ngài trong thế gian này là tiểu thánh, chẳng phải là đại thánh, là Bồ Tát, chẳng phải là Ma Ha Tát. Chư vị phải biết: Ngoài mười pháp giới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, [những vị Bồ Tát trong cõi ấy] gọi là Ma Ha Tát; chúng ta gọi [những vị Bồ Tát trong] tứ thánh của mười pháp giới là Bồ Tát. Do vậy, Bồ Tát Ma Ha Tát [có nghĩa như thế đó]. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã phó chúc những Đại Bồ Tát phải thường hộ niệm Tiểu Bồ Tát, vì Tiểu Bồ Tát còn mê khi cách ấm. Họ cũng có tâm từ bi, ứng hóa trong thế gian này, có khi họ cũng bị mê hoặc; nhưng họ rất thông minh, những vị Đại Bồ Tát ở bên cạnh chiếu cố họ, khi nào duyên đã chín muồi, chỉ điểm họ, họ bèn tỉnh ngộ. Hễ tỉnh ngộ bèn giác; sau khi giác, đúng là tối thiểu cũng buông phân biệt xuống. Đối với cảnh giới, tuy là kiến thức thông thường, phổ biến, chớ nên không biết. Không biết thì có khi chúng ta cũng bị mê trong ấy; [do vậy], biến thành chướng ngại, chính mình nuốn nâng cảnh giới lên sẽ khó khăn, thậm chí tạo thành chướng ngại cho vãng sanh trong tương lai. Giảng tới đây, chẳng thể không rườm lời nói thêm mấy câu! "Kỳ dư địa tiền chư hiền, nhưng dĩ đả thành lưỡng tiệt" (những vị Bồ Tát trước khi chứng Sơ Địa, vẫn tách thành hai). Đối với chữ Địa Tiền này, trong phần trước đã nói rất rõ ràng, đây là Biệt Giáo, chẳng phải là Viên Giáo. [Địa Tiền nói trong câu này] là Địa Tiền của Biệt Giáo, tức là Thập

Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo, [còn gọi là] Tam Hiền Bồ Tát. Tam Hiền Bồ Tát của Biệt Giáo chưa thoát khỏi mười pháp giới, vẫn ở trong mười pháp giới, cũng tức là nói họ "chưa phá căn bản vô minh". Vì thế, các vị hãy xem, điều gì bị tách thành hai? "Nhất thời sanh tâm, lánh nhất thời vô trụ" (thời này sanh tâm, thời khác vô trụ). Họ chẳng có cách nào, đấy cũng là như trong kinh Đại Thừa đã nói: Họ vẫn chưa nhập pháp môn Bất Nhị! Tánh - Tướng chẳng hai, chúng sanh và Phật chẳng hai, động - tĩnh chẳng hai, họ hoàn toàn chưa làm được, chưa đạt tới cảnh giới ấy! "Khả kiến phàm phu tuyệt phận" (có thể thấy phàm phu chẳng có phần), phàm phu thuộc lục đạo, làm

sao có thể hành được? Làm sao có thể sánh với người ta? “Kim thử Tịnh Độ pháp môn, giáo chúng sanh trì danh niệm Phật, linh chúng sanh tức niệm ly niệm, tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu, xảo nhập vô niệm, tức phàm thành thánh” (nay pháp môn Tịnh Độ này dạy chúng sanh trì danh niệm Phật, khiến cho chúng sanh do niệm mà lìa niệm, ngầm thông với Phật, thầm hợp đạo mầu, khéo nhập vô niệm, từ ngay nơi phàm mà thành thánh). Đây là chỗ mầu nhiệm của pháp môn này, thật sự mầu nhiệm! Tôi không biết các quý vị đồng học thế nào, nhưng nếu các đồng học chú tâm một chút, tâm địa vọng niệm ít một chút, tôi nghĩ các quý vị sẽ phát hiện một hiện tượng, đó chính là pháp duyên giảng kinh Vô Lượng Thọ đặc biệt thù thắng. Chính tôi đã suốt đời thể nghiệm, tôi đã giảng rất nhiều bộ kinh luận, nhưng pháp duyên thù thắng nhất chính là kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ. Nói chung là có duyên cớ, thính chúng đặc biệt đông, pháp môn thù thắng, chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ đạo tràng, chẳng giả tí nào! Pháp môn tốt lành, nhưng người thật sự nhập cảnh giới này vẫn là thiểu số. Nói theo lý luận, Thiện Đạo đại sư nói, Thiện Đạo đại sư là A Di Đà Phật tái lai, lời của Thiện Đạo đại sư do chính miệng A Di Đà Phật nói ra, pháp môn này là “vạn người tu, vạn người đến”. Vì sao có người tu pháp môn này chưa thể thành tựu? Phật không có vấn đề, pháp môn cũng chẳng có vấn đề, kinh điển cũng không có vấn đề, vấn đề do người tu hành mà có! Người ấy bụng dạ vướng mắc cả đống chuyện, chẳng buông xuống được. “Tức niệm”, kẻ ấy chẳng lìa niệm, “tức niệm” là A Di Đà Phật; “ly niệm”, là như trong phần trước đã nói, niệm một câu A Di Đà Phật này để thay thế, trừ khử trăm ngàn vạn ức vọng tưởng, tạp niệm, đó là thật sự niệm Phật. Một mặt niệm A Di Đà Phật, nhưng trong ấy vẫn xen tạp vọng tưởng, tạp niệm công phu niệm Phật bị phá hoại; cho nên quý vị chẳng có cách nào! “Tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu”. Quý vị thấy [lời chú giải] giảng rõ ràng lắm, minh bạch lắm, quý vị phải do niệm mà lìa niệm, niệm A Di Đà Phật, trong tâm chỉ có một niệm A Di Đà Phật này, chớ nên xen tạp vọng niệm vào đấy. Vì vậy, Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức dạy chúng ta

đừng hoài nghi, đừng xen tạp, đừng gián đoạn, niệm như vậy quý vị sẽ có thể “tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu”, vì sao? Quý vị niệm Phật đã niệm đến mức nhất tâm. Sự nhất tâm có địa vị bằng với tầng cấp A La Hán và Bích Chi Phật. Lý nhất tâm có cảnh giới giống như bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ từ Sơ Trụ trở lên trong Viên Giáo. Quý vị có thể niệm tới nhất tâm bất loạn. Hơn nữa, phương pháp này đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, đáng tin cậy, chẳng phiền phức tí nào, chẳng thông Giáo cũng không sao! Do vậy, có nhiều người chẳng biết chữ, chưa từng học kinh giáo, niệm một câu A Di Đà Phật này mấy năm, đúng là ý niệm gì cũng mất, niệm tới mức nhất tâm bất loạn, nhưng chính người ấy hoàn toàn không biết, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh vào cõi Phương Tiện, người như vậy rất nhiều. Người sanh vào cõi Thật Báo có lẽ ít hơn một chút, chứ người sanh vào cõi Phương Tiện rất nhiều. Họ đã bỏ được chấp trước, chẳng chấp trước gì hết, cứ đơn giản là kinh dạy quý vị chấp trước danh hiệu, chấp trì danh hiệu, “chấp” là chấp trước, “trì” là nắm vững vàng, nắm chặt, tức là [giữ chặt] một câu Phật hiệu này. Ngoài một câu Phật hiệu này ra, tạp niệm gì cũng đều không có, vọng tưởng gì cũng đều không có, đó là niệm Phật công phu thành phiến. Công phu thành phiến sẽ sanh vào cõi Đồng Cư. Sanh trong cõi Đồng Cư cũng

thành thánh nhân. Thế giới Cực Lạc không có phàm phu, đều là thánh nhân, do phàm mà thành thánh! “Cố Sớ Sao viết” (Do vậy, sách Sớ Sao nói), [tức là] Liên Trì đại sư nói: “Việt tam kỳ ư nhất niệm, tề chư thánh ư phiến ngôn” (vượt ba A-tăng- kỳ trong một niệm, bằng với chư thánh do một lời). [Vượt] tam kỳ là người nào vậy? Nay chúng ta hiểu rất rõ ràng, theo kinh Hoa Nghiêm đã dạy, từ Sơ Trụ tới Đẳng Giác là bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ, các Ngài đoạn hết vô minh, nhưng tập khí vô minh vẫn còn. Tới Đẳng Giác mới đoạn hết tập khí vô minh, cần thời gian bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Vượt thoát ba đại A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm chính là do một tiếng Phật hiệu này bèn vượt qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp. “Tề chư thánh” (bằng với chư thánh): Chư thánh là bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ. “Phiến ngôn” (một lời) là bốn chữ A Di Đà Phật, chính là một một câu này. Bằng gì? Bằng với Pháp Thân, chẳng phải là hạng Bồ Tát thông thường. Pháp Thân đại sĩ là Ma Ha Tát, còn có gì thù thắng hơn pháp môn này? Tìm chẳng ra! Do vậy, chúng ta học kinh này, quý vị còn có vấn đề gì nữa chăng? Quý vị học kinh này, mười phương ba đời hết thảy chư Phật hộ niệm quý vị, tuy quý vị chẳng thấy các Ngài, các Ngài thấy quý vị. Trước đây, chúng ta còn có nghi vấn, nay chẳng còn nghi vấn, chúng ta tin tưởng, khẳng định rồi! Vì sao? Sách Hoàn Nguyên Quán đã giảng ba thứ trọn khắp, bất luận là một mảy lông nơi chánh báo hay một vi trần trong y báo, sự dao động của chúng trọn khắp pháp giới trong mỗi niệm, niệm niệm xuất sanh vô tận, niệm niệm hàm dung Không và

Có; vì vậy, chúng ta khởi tâm động niệm, hết thảy tạo tác, mười phương chư Phật đều thấy. Chúng ta chân tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, hết thảy chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ. Phước báo này như thế nào? Ba đời chư Phật hợp nhau cùng nói vẫn chẳng thể giải thích rõ ràng, vì phước báo ấy quá to! Câu danh hiệu này, trên thực tế là tổng cương lãnh của hết thảy các kinh điển do mười phương ba đời chư Phật đã tuyên dương, mà cũng là chỗ quy y của hết thảy các kinh điển. Do vậy, những điều vừa nói trên đây chẳng phải do một mình cụ Hoàng Niệm Tổ nói, Hoàng lão cư sĩ cũng chỉ tiếp nhận, vâng theo lời lịch đại tổ sư đại đức đã nói, xứng tánh cực đàm, giảng đến rốt ráo viên mãn chính là một câu danh hiệu này. “Chí tai diệu dụng, bất khả tư nghị” (diệu dụng cùng tột thay, chẳng thể nghĩ bàn), đã đến tột đỉnh! “Kỳ tha pháp môn nãi chánh nhập vô sanh, cố vi nan hành đạo” (Những pháp môn khác nhập thẳng vào Vô Sanh, nên là đạo khó hành), “chánh nhập” là gì? Thực hiện từng bước một, tiến lên theo từng cấp bậc một, tiến cao lên dần, giống như năm mươi mốt địa vị được nói trong kinh Hoa Nghiêm, đó là “chánh nhập”, thời gian rất dài. “Kim thử tịnh nghiệp, xảo nhập vô sanh, cái dị hành đạo dã” (Nay Tịnh nghiệp khéo nhập Vô Sanh nên là đạo dễ hành), nó quá xảo diệu (khéo léo, tuyệt diệu), chẳng phải là tiến lên từng cấp một, mà bất tri bất giác viên mãn, đạt tới tột đỉnh, do vậy, nó là đạo dễ hành. “Niệm Phật pháp môn nãi tu hành chi kính lộ” (pháp môn Niệm Phật là đường tắt trong sự tu hành), “kính lộ” () là đường gần; đường tắt. “Nhi trì danh nhất pháp hựu vi tứ chủng niệm Phật trung chi kính lộ, cố xưng vi kính trung chi kính” (nhưng trì danh lại là đường tắt trong bốn món Niệm Phật, nên được gọi là đường tắt nhất trong các con đường tắt), là đường gần nhất trong các con đường gần. Trong bốn món Niệm Phật này, Quán Kinh có nhắc tới [ba món], Quán Kinh giảng Quán Tưởng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm

Phật, và Trì Danh Niệm Phật, đều là những pháp chúng ta thường tu. Một loại khác chúng ta không làm được là Thật Tướng Niệm Phật. Khi nào tu Thật Tướng Niệm Phật? Từ Sơ Trụ trở lên tu Thật Tướng Niệm Phật. Vừa rồi, trong phần trích dẫn, cụ Hoàng đã nói từ Sơ Địa trong Biệt Giáo trở lên, tức là từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên, niệm Phật khi ấy là Thật Tướng Niệm Phật, chẳng phải là Trì Danh Niệm Phật. Trong bốn món Niệm Phật, Trì Danh là đường tắt. Do vậy, theo kinh Hoa Nghiêm, bậc đã chứng đắc từ Sơ Trụ trở lên phải tu pháp môn Niệm Phật, cách niệm Phật của các Ngài thuộc loại Thật Tướng Niệm Phật. “Hựu bổn kinh bất xướng nhất tâm bất loạn” (Lại nữa, kinh này chẳng đề xướng nhất tâm bất loạn), “xướng” () là đề xướng, kinh Vô Lượng Thọ không đề xướng nhất tâm bất loạn, vì sao? Nhất tâm bất loạn quá khó, đúng là chẳng dễ làm được. Sự nhất tâm bất loạn là đã đoạn Kiến Tư

phiền não, chứng nhập bằng quả A La Hán. Lý nhất tâm bất loạn đã đoạn Trần Sa phiền não, phá Vô Minh phiền não, [cảnh giới ấy] bằng với “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, chẳng phải là chuyện dễ. Vì vậy, kinh này chẳng nói tới nhất tâm bất loạn. “Trực dĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật vi Tông” (thẳng thừng lấy phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm A Di Đà Phật làm Tông). Phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm, chẳng phải là nhất tâm bất loạn. Một bề chuyên niệm thì chúng ta làm được, một phương hướng, một mục tiêu, chuyên niệm A Di Đà Phật sẽ làm được! Nhất tâm bất loạn chẳng dễ gì làm được, vì phải đoạn phiền não. Khuất phục phiền não thì sự khuất phục ấy chẳng phải là nhất tâm bất loạn; đoạn hết phiền não mới là nhất tâm bất loạn, quý vị biết nhất tâm bất loạn quá khó. Nhưng kinh Di Đà nói “nhất tâm bất loạn”, và “tâm chẳng điên đảo”! Kinh Di Đà và bộ kinh này là cùng một bộ, nội dung như nhau; quý vị phải biết: Theo bản dịch kinh A Di Đà của Huyền Trang đại sư thì là “nhất tâm hệ niệm”, chẳng phải là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là do La Thập đại sư dịch, Ngài dịch cũng rất có lý! Công phu của chính mình là nhất tâm hệ niệm, lâm chung Phật đến tiếp dẫn, trước hết, Phật quang chiếu tới quý vị; khi Phật quang chiếu gội, được Phật lực gia trì, khiến cho công phu của quý vị được nâng lên gấp bội. Quý vị thật sự đạt được nhất tâm hệ niệm, đó là công phu thành phiến, ngay lập tức bèn được nâng cao lên thành nhất tâm bất loạn. Vì vậy, La Thập đại sư hoàn toàn chẳng dịch sai, đích xác là [hành nhân khi vãng sanh] được bổn nguyện và oai thần từ bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà gia trì; nhưng đối với kẻ sơ học chúng ta mà nói, do rất nhiều người thấy chữ “nhất tâm bất loạn” mà cảm thấy pháp môn này vẫn chẳng dễ tu, không dám tu pháp môn này, ngã lòng! Thấy “Phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm”, bèn nghĩ chính mình vẫn có thể, điều này còn có thể làm được. Bồ Đề tâm sẽ được giải thích tỉ mỉ trong phần sau. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng rất tuyệt: Quý vị thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, tâm ấy là vô thượng Bồ Đề tâm. Cổ nhân chưa hề nói, Ngẫu Ích đại sư nêu ra cách giải thích như thế khiến cho chúng ta nghĩ đến rất nhiều ông lão bà cụ chẳng biết chữ, cũng chưa từng học hành, mà cũng chưa nghe Phật pháp, người ta dạy họ niệm một câu “A Di Đà Phật”, họ bèn thật thà niệm, niệm tới cuối cùng còn có thể đứng vãng sanh, biết trước lúc mất, tướng lành hy hữu. Dường như họ chẳng phát Bồ Đề tâm! Dường như trực tâm, thâm tâm và đại bi tâm được nói trong Bồ Đề tâm họ chẳng phát, cớ sao họ niệm Phật bèn có thể vãng

sanh? Họ chẳng biết phát Bồ Đề tâm là gì, nhưng quý vị quan sát kỹ lưỡng, sẽ thấy trực tâm, thâm tâm, và đại bi tâm họ đều trọn đủ. Họ bất tri bất giác phát ra, đã phát, nhưng chính mình vẫn không biết, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, mong thấy A Di Đà Phật, tâm

chân thành trọn đủ. Thâm tâm là thanh tịnh bình đẳng giác, họ có, tuy chưa viên mãn, nhưng họ có từ bi tâm! "Đản năng phát tâm chuyên niệm, giai khả vãng sanh. Cố cánh vi minh xác giản yếu" (Chỉ cần có thể phát tâm chuyên niệm, đều được vãng sanh. Do vậy, pháp này càng là rõ ràng, xác thực, đơn giản, tóm tắt), "minh" là minh bạch, "xác" () là chân thật, [giản yếu là] đơn giản, tóm tắt. Quý vị thấy pháp môn này, "thị cố thử kinh xưng vi Tịnh Tông đệ nhất kinh", lưu truyền tới khi Phật pháp trên thế gian này diệt sạch, tới cuối cùng, hãy còn bộ kinh này tồn tại trên thế gian một trăm năm, từ chỗ này, chúng ta có thể suy ra sự thù thắng của bộ kinh điển này. "Nhân kỳ vi trực tiệt trung chi trực tiệt, phương tiện trung chi phương tiện. Tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị" (do vì pháp này thẳng gọn nhất trong các pháp thẳng gọn, thuận tiện nhất trong các pháp phương tiện, dứt bặt đối đãi một cách viên dung, chẳng thể nghĩ bàn). Đây là lời thật, chẳng giả tí nào! Hết thảy chúng sanh trong lục đạo có thể gặp gỡ [pháp môn này], chắc chắn đắc độ trong một đời này, nhất định vượt thoát lục đạo luân hồi. Không chỉ vượt thoát lục đạo, người ấy còn vượt thoát mười pháp giới, điều này thù thắng chẳng thể tưởng tượng được! "Nhật Bản Tịnh Tông đại đức thôi trọng thử kinh quá ư ngã quốc" (Các bậc đại đức trong Tịnh Tông Nhật Bản đề cao kinh này còn hơn nước ta), đúng vậy! Trong Đại Tạng Kinh Nhật Bản, [các tác phẩm] nghiên cứu và chú giải kinh Vô Lượng Thọ rất phong phú. Nhìn lại Trung Quốc, các vị tổ sư đại đức từ xưa chú giải kinh này rất ít, chỉ có mấy loại. Do nguyên nhân gì? Cư sĩ Bành Tế Thanh nói rất khéo, do kinh này không có bản tốt nhất! Không ít vị đại đức đã khẳng định câu nói này của ông Bành! Ông ta nói rất hay, quả thật là vì kinh này chưa có bản tốt nhất. Đọc trọn cả năm bản dịch gốc vào thời cổ là chuyện chẳng dễ dàng cho lắm! Vì khi ấy, kinh sách quá ít, chẳng phải là ấn loát, mà là chép tay. Ngay cả cư sĩ Vương Long Thư có thân phận như vậy, là một vị trưởng giả giàu sụ, vẫn chưa thấy trọn năm bản dịch gốc, chỉ thấy bốn loại. Ông ta chưa được thấy bản dịch đời Đường, tức bản Vô Lượng Thọ Như Lai Hội trong kinh Đại Bảo Tích; do vậy, bản hội tập của ông ta chỉ gồm bốn bản dịch gốc, thật đáng tiếc! Bởi lẽ, trong Vô Lượng Thọ Như Lai Hội của kinh Đại Bảo Tích có rất nhiều phần đặc sắc mà bốn bản kia không có! Nhưng người Nhật Bản hữu tâm, khi tới Trung Quốc du học, đối với những bản kinh sách tốt đẹp đều thâu thập toàn bộ đem về. Chính chúng ta đã coi nhẹ chuyện này, chẳng thu thập, bị người Nhật Bản thu thập đem đi. Có nhiều thứ từ Nhật Bản truyền ngược trở về [Trung Quốc], điều này nhờ vào công đức của cư sĩ Dương Nhân Sơn. Vào những năm cuối đời Thanh, cư sĩ Dương Nhân Sơn là tham tán tại Đại Sứ

Quán ở Nhật Bản. Ông ta đối với Phật pháp hết sức lưu ý, do vậy, tìm tòi tại Nhật Bản, rất nhiều thứ đã bị thất truyền cả mấy trăm năm tại Trung Quốc, trong mục lục [Đại Tạng Kinh] có ghi, nhưng chẳng thấy sách đâu, tại Nhật Bản thì thấy. Do vậy, ông ta bèn dựa theo mục lục để tìm tại Nhật Bản, tìm tòi rất nhiều, tìm được chẳng ít, đem trở về Trung Hoa; đặc biệt là những chú sớ của kinh luận Pháp Tướng Duy Thức. Tiếp đó,

những phần được trích dẫn đều là chú giải của người Nhật Bản. “Nhật Hắc Cốc Đại Kinh Thích vân” (Bộ Đại Kinh Thích của sư Hắc Cốc74 người Nhật), “Đại Kinh Thích” là tác phẩm giải thích kinh Vô Lượng Thọ, trong đó có một đoạn như sau: “Ư vãng sanh giáo, hữu căn bản, diệc hữu chi mạt” (đối với giáo pháp vãng sanh, có pháp là căn bản, mà cũng có pháp cành nhánh), vãng sanh là niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, người Trung Quốc gọi “vãng sanh giáo” là Tịnh Độ Tông. Sư nói [vãng sanh giáo] có căn bản mà cũng có cành nhánh. “Thử kinh danh căn bản, dư kinh danh chi mạt” (kinh này là căn bản, những kinh khác là cành nhánh), kinh chuyên giảng Tịnh Độ gồm ba bộ, kinh Vô Lượng Thọ là căn bản, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và kinh A Di Đà là cành nhánh. Trong khi đức Phật giảng kinh, thuyết pháp đã giảng kèm thêm Tịnh Độ, giảng pháp môn niệm Phật cầu sanh Di Đà Tịnh Độ, đại khái có từ hơn một trăm tới gần hai trăm bộ kinh, đương nhiên những kinh ấy là “cành nhánh của cành nhánh”. “Hựu thử kinh danh chánh vãng sanh giáo, dư danh bàng vãng sanh giáo. Hựu thử kinh danh vãng sanh cụ túc giáo, tha kinh danh vãng sanh bất cụ túc giáo” (Hơn nữa, kinh này là chánh vãng sanh giáo, những kinh khác là bàng vãng sanh giáo. Lại nữa, kinh này gọi là vãng sanh giáo trọn đủ, những kinh khác gọi là vãng sanh giáo chưa trọn vẹn), đây là cách nói khái luận của người Nhật Bản đối với bộ kinh này. Những người Nhật Bản này đều tới Trung Quốc du học vào thời đại Tùy - Đường, thân cận Trí Giả đại sư, hoặc thân cận Thiện Đạo đại sư, nhiều vị đều là học trò của Thiện Đạo đại sư. Thuở Thiện Đạo đại sư tại thế đã giảng bộ kinh này, các vị ấy đều đích thân nghe giảng nơi pháp tòa của Ngài. “Cứ thượng chi nghĩa, Tịnh Độ Tông thí như Diệu Cao phong đầu, nhi bổn kinh chánh như phong đầu chi đảnh tiêm. Bổn kinh vị đương lai nhất thiết hàm linh, giai y thử pháp nhi đắc độ thoát” (theo nghĩa trên đây, Tịnh Độ Tông ví như đỉnh núi Diệu Cao, mà kinh này lại như chóp đỉnh của đỉnh núi. Kinh này sẽ làm cho hết thảy các hữu tình trong tương lai do nương theo pháp này bèn được độ thoát), nhận định này có cùng một ý nghĩa như tôi đã nói trong phần trước, hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới đều nương vào pháp môn này để độ thoát luân hồi, vượt thoát mười pháp giới. “Thị tri lợi tế chúng sanh, thử kinh vi tối. Trì danh chi pháp, ám hợp đạo diệu, tối dị hành cố” (do vậy, kinh này lợi lạc chúng sanh lớn nhất; pháp

trì danh thầm hợp đạo mầu, dễ hành nhất). Trong thời đại này, cuộc sống của chúng ta vô cùng gian nan, chướng duyên nghiêm trọng khôn sánh, bản thân chúng ta phải suy nghĩ, trong thời gian ngắn ngủi, tạm bợ của kiếp sống này, chúng ta phải làm như thế nào để nắm chắc sự thành tựu chân thật cho chính mình? Vì sao? Chính mình chẳng thành tựu, sẽ chẳng thể lợi lạc chúng sanh. Các bậc đại thánh đại hiền trong pháp thế gian và Phật pháp, không vị nào chẳng dạy chúng ta: Thành tựu chính mình rồi mới có thể thành tựu người khác. Chính mình chẳng có thành tựu, nếu muốn hoằng pháp lợi sanh, đức Phật thường nói: “Vô hữu thị xứ” (chẳng có lẽ ấy). Đúng là lòng thì có thừa, nhưng sức chẳng đủ, quý vị chẳng làm được. Nhất định là trước hết phải thành tựu chính mình. Tứ Hoằng Thệ Nguyện là nguyên tắc chỉ đạo tốt nhất, phải phát nguyện lớn: “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, phải độ tận hữu tình trong chín pháp giới, đấy là phát đại Bồ Đề tâm. Quý vị độ họ bằng cách nào? Quý vị chưa độ chính mình được, sẽ chẳng thể độ người khác. Phải tự độ ra sao? Đầu tiên là đoạn phiền não, phiền

não vô tận thệ nguyện đoạn. Kiến Tư phiền não vô tận, Trần Sa phiền não vô tận, Vô Minh phiền não vô tận, đoạn bằng cách nào? Ngay trong cuộc sống hằng ngày, học gì? Nguyên tắc chỉ đạo chung là học "chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước", đó là tổng cương lãnh, tổng nguyên tắc. Đối với tế hạnh trong cuộc sống hằng ngày, Đại Thừa nói tám vạn tế hạnh, Tiểu Thừa nói ba ngàn oai nghi, từng ly từng tí trong cuộc sống, đức Phật dạy chúng sanh đừng chấp trước từng điều nhỏ nhặt một! Bắt đầu học từ đâu? Trong Phật giáo, Tịnh nghiệp học nhân bắt đầu từ bằng "tam phước"; nếu quý vị chưa thể tự độ, sẽ chẳng thể có phước báo. Vì vậy, mở kinh Phật ra, thiện nam tử, thiện nữ nhân, có thiện căn, có phước đức, kinh Di Đà kinh nói: "Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc" (Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà sanh về cõi ấy). Thiện căn và phước đức học từ Tam Phước, đó là phước đức chân chánh. "Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng", quý vị thấy phước tu từ đâu? Từ hiếu dưỡng phụ mẫu. Kẻ chẳng hiếu thảo với cha mẹ sẽ chẳng có phước, niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, kẻ không biết tôn sư trọng đạo cũng chẳng thể vãng sanh! Thân mạng của quý vị do cha mẹ mà có, huệ mạng của quý vị do thầy mà có. Quý vị thấy hai câu này được đức Phật xếp trước hết. "Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp". Vì vậy, có những đồng học hỏi tôi: "Thưa pháp sư, vì sao thầy phải đề xướng Cảm Ứng Thiên? Vì sao đề xướng Đệ Tử Quy? Những thứ ấy không phải của Phật giáo!" Tôi bảo họ: "Những thứ ấy đều là của Phật giáo" [Họ cãi]: "Trong Phật giáo không có nói!" Ai bảo không có nói? Điều thứ nhất trong Tịnh nghiệp tam phước là "hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng", quý vị coi thử Đệ Tử Quy có giảng

[những điều ấy] hay không? Có! Làm thế nào để thực hiện hai câu ấy? Thực hiện Đệ Tử Quy, quý vị sẽ thực hiện được [hai câu ấy]. "Từ tâm chẳng giết", quý vị thi hành Cảm Ứng Thiên liền làm được câu này. Ba câu trên đây là cơ sở, tiếp theo là "tu Thập Thiện nghiệp" mới có thể làm được. Vì sao chưa làm được Thập Thiện nghiệp? Do chưa làm được ba câu trên. Ba câu trước đó chính là Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên, chưa làm được! Vì vậy, quý vị chưa làm được Thập Thiện nghiệp, [như vậy thì đề xướng Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên] còn sai nữa hay không? Tôi thấy chẳng sai! Do đó, thật sự học Phật, nay chúng ta phải nương theo lời giáo huấn của Ấn Quang đại sư; Ấn Quang đại sư dạy chúng ta phải vun bồi vững vàng cội rễ bằng Cảm Ứng Thiên. Căn bản thứ nhất là Cảm Ứng Thiên, giáo dục nhân quả, quý vị thật sự liễu giải đạo lý nhân quả, liễu giải chân tướng sự thật, sẽ không chỉ chẳng dám làm ác, mà ngay cả ác niệm cũng chẳng dám dấy lên. Vì sao? Động một niệm bất thiện, ba thứ "trọn khắp" đều có, trọn khắp pháp giới, ai mà không biết? Khắp hư không, trọn pháp giới, tất cả hết thảy Phật, Bồ Tát, A La Hán thảy đều biết. Chẳng thể gạt ai! [Có muốn] gạt ai cũng chẳng được! Một niệm của quý vị trọn khắp pháp giới, một niệm xuất sanh vô tận. Xuất sanh vô tận là gì? Thiện niệm sanh ra thiện công đức, ác niệm sanh ra những điều ác độc, có báo ứng. Không dám động niệm thì còn dám làm nữa ư? So với luân lý, đạo đức, so với bất cứ loại giáo dục nào, cũng đều hữu dụng hơn! Có rất nhiều kẻ học hành rất giỏi, nhưng bất hiếu với cha mẹ, phản thầy, nghịch đạo, họ dám làm, do nguyên nhân gì vậy? Cổ nhân bảo là "lợi dục huân tâm" (mờ mắt vì lợi lộc, dục vọng). Họ bị danh lợi trước mắt

mê hoặc, biết rõ, nhưng vẫn cố phạm. Biết sai lầm, mà vẫn muốn làm; nhưng nếu kẻ ấy hiểu nhân quả, sẽ chẳng dám làm, vì sao? Những gì quý vị đạt được trong hiện tiền là một chút danh lợi bé tẹo, trong tương lai phải trả giá quá to, [biết như vậy] liền chẳng dám làm nữa! Nói tới chỗ này, hai hôm nay, có đồng học đưa cho tôi xem một quyển sách, "Khải Tát quân đoàn Đông chinh chi mê" (bí ẩn về đoàn quân chinh phục phương Đông của Caesar). Hai ngàn năm trước, đại đế Khải Tát (Caesar) của đế quốc La Mã nghe nói Trung Quốc rất giàu có, muốn chiếm lãnh Trung Quốc, phái mười vạn đại quân, thật sự tiến đến vùng Cam Túc của Trung Quốc, toàn quân thảm bại. Thống soái cầm đầu đoàn quân này là con trai thứ ba của Khải Tát, tức tam vương tử. Gần đây, chuyện này do một quỷ hồn dựa vào một bé gái nói ra, có nhiều người tới đó điều tra, thấy là chuyện thật, chẳng giả, lời quỷ nói là chuyện có chứng cứ. Đã hai ngàn năm rồi, bọn họ cũng rất may mắn, gặp được Bồ Tát, nhà Phật đúng là từ bi, Bồ Tát bảo họ: "Nơi này của Trung Quốc, chẳng phải của quý vị. Quý vị đến đây làm gì?" Họ thưa: "Chúng con không biết". Tôi đọc tới câu nói này của Bồ Tát, liền lập tức nghĩ tới người Nhật Bản xâm lược Trung Quốc, chiến

tranh tám năm, cuối cùng đầu hàng, đó là như Bồ Tát đã nói: "Trung Quốc chẳng phải của quý vị, quý vị không có phước báo này, quý vị tới làm gì?" Quý vị thấy đó: Làm đế vương, quý vị có phước báo lớn cỡ nào, có lãnh thổ to cỡ nào, có bao nhiêu nhân dân, trong mạng đã định sẵn! Không có phước phần ấy, quý vị muốn xâm lược người khác, nếu thắng trận, thật sự thôn tính được, nói chung, quý vị cũng chẳng thể chết tốt lành, thiếu phước báo mà! Đúng là Khải Tát chẳng chết an lành, ông ta chết tại Trung Quốc. Lịch sử chép ông ta bị người khác mưu sát, nhưng kết quả là mưu sát kẻ thế thân, chẳng phải nhà vua, mà là một viên quan hầu cận rất trung thành. Người bị giết mặc y phục nhà vua ở bên ngoài, nên người ta tưởng nhà vua bị giết chết. Trong cơn hỗn loạn, vua đào tẩu, cũng trốn tới Trung Quốc, chết ở Cam Túc. Cớ gì phải vậy? Đúng là "Nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định" (miếng ăn, hớp uống, không gì chẳng được định sẵn), chớ nên cưỡng cầu. Cưỡng cầu, cướp đoạt lấy, hay lén trộm lấy, đều là do trong mạng quý vị sẵn có, quý vị [phải phí uổng tâm cơ làm chuyện đó] có oan uổng hay chăng? Quý vị không cần đoạt, chẳng cần phải giở trò trộm cắp, lâu đạt được hơn một chút thì bất quá một hai năm sẽ có, cớ gì phải nóng lòng? Tạo tội nghiệp ấy, thật đáng sợ! Sau khi xem xong tác phẩm này, [tôi nghĩ] nếu một kẻ lãnh đạo đất nước sau khi đọc xong sẽ chẳng dám phát động chiến tranh. Đó chẳng phải là chuyện tốt, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Vì vậy, tổ Ấn Quang suốt đời đề xướng nhân quả, có thể nêu ra rất nhiều ví dụ, những tác phẩm được Ngài nêu lên đều của Đạo Gia, như Ngọc Lịch Bảo Sao chẳng hạn, Ấn Quang đại sư đề xướng lưu thông cuốn sách ấy. Ngài dạy người học Phật phải đọc Cảm Ứng Thiên, Ngài có lý. Đó là sự thật, tuyệt đối chẳng phải là mê tín, chẳng phải Ngài dùng các tác phẩm đó để hù dọa con người! Thiện có thiện quả, ác có ác báo. Hiện tại, tạo tác cái nhân ác nghiệp, trong đời quá khứ, quý vị tích lũy đại phước, tu đại thiện, do quý vị làm ác nên phước báo đã có trong mạng bị suy giảm với một mức độ lớn, còn một chút phước thừa. Hưởng hết phước thừa, nghiệp báo của quý vị sẽ hiện tiền; chẳng chống đỡ được! Cho đến lúc ấy, hối hận chẳng kịp! Vì vậy, con người quyết định chớ nên làm chuyện thiếu lương tâm. Trong lúc quá nhiều tai nạn

hiện thời, hãy ghi nhớ: Hiếu thuận cha mẹ là phước báo bậc nhất. Chỗ nào có lỗi với cha mẹ, phải thật sự sám hối, phải tôn sư trọng đạo, phải yêu quý sanh mạng [muôn loài], trọn chớ nên sát sanh. Một con muỗi, một con ruồi cũng là một sanh mạng, đừng xem nhẹ! Quý vị giết hại nó, trong tương lai nó sẽ báo thù, phiền phức ấy rất to! Độ chính mình phải được thực hiện từ bộ kinh này. Tịnh nghiệp tam phước là nguyên tắc chỉ đạo tối cao, chúng ta nhất định phải thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, đầy đủ những điều kiện này mới có thể học Phật. Phước thứ hai là "thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới,

chẳng phạm oai nghi", quý vị chính thức trở thành đệ tử Phật môn. Lại nâng cao hơn nữa là "phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả". Tôi đã giảng về "tin sâu nhân quả" rất nhiều, chẳng phải là nhân quả thông thường, mà nhân quả ấy chính là "niệm Phật là nhân, thành Phật là quả". Nếu chúng ta muốn thành Phật thì phải niệm Phật, niệm Phật nhất định thành Phật. "Đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả", chúng tôi dùng tám chữ để giải thích câu "khuyến tấn hành giả": "Thân hành, ngôn giáo", giúp đỡ người khác, giáo hóa người khác, trước hết, chính mình phải làm được rồi mới dùng lời lẽ để dạy người khác; "giảng kinh, giáo học", tám chữ ấy! Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng kinh, dạy học; nhìn lại những vị tổ sư đại đức từ xưa, chẳng vị nào không phải là suốt đời đều giảng kinh, dạy học! Ngẫu Ích đại sư vãng sanh lúc Ngài năm mươi mấy tuổi, quý vị thấy Ngài sáng tác mấy chục tác phẩm, trước tác vô cùng phong phú, mỗi ngày đều viết lách. Vì sao phải khổ sở viết lách như thế? Chẳng tìm được truyền nhân, bèn dùng phương pháp này để truyền pháp cho đời sau. Người hữu duyên đời sau đọc đến, sẽ nương theo phương pháp và lý luận do Ngài đã nói để học tập, thành tựu, truyền lại cho người đời sau. Trong nhiều sáng tác ngần ấy, thù thắng nhất, được Ấn Quang đại sư tán thán nhất là bộ Di Đà Kinh Yếu Giải. Từ lời bạt, chúng ta thấy: Thuở ấy, Ngẫu Ích đại sư viết bộ Yếu Giải nhằm giải thích đơn giản [kinh Di Đà], viết xong trong thời gian chín ngày. Phân lượng không nhiều lắm, đúng là Yếu Giải, giải thích quá hay! Tổ Ấn Quang đã tán thán: "Dù cổ Phật tái lai viết một bản chú giải kinh Di Đà khác, cũng chẳng thể hay hơn được". Quý vị thấy Ấn Quang đại sư tán thán tới tột bậc. Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, trong phần trước tôi đã thưa cùng quý vị, năm mươi mốt địa vị đều là Đại Thế Chí Bồ Tát, Ngài thuộc địa vị nào chúng ta không biết, Ngài có phải là Pháp Thân đại sĩ hay chăng? Nếu là Pháp Thân đại sĩ, sẽ chẳng mê khi cách ấm, chính Ngài hiểu rành rẽ. Nếu là Đại Thế Chí Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín sẽ mê khi cách ấm. Ngài tu pháp môn Thế Chí Bồ Tát này, khi vãng sanh thế giới Cực Lạc, sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm là chuyện rất có khả năng! Ngài sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư là điều chắc chắn, từ địa vị Sơ Tín sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thuộc cõi Phương Tiện Hữu Dư. Cõi Phương Tiện Hữu Dư cũng có ba bậc chín phẩm. Chúng ta hiểu rõ những đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, sẽ chẳng mê hoặc tí nào! Vì vậy, phải tự độ thì mới có thể giúp đỡ người khác. Chính mình chẳng làm được, giảng cho kẻ khác nghe, người ta đâu có tin, chẳng có năng lực nhiếp thọ chúng sanh! Do vậy, chính mình nhất định phải làm được, phải quên đi bản thân. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín đã đoạn Thân Kiến, chẳng chấp trước thân này là ta, thân là cái ta có, bèn tự nhiên toàn tâm toàn lực phục vụ hết thảy chúng sanh khổ nạn. Lục

đạo toàn là

chúng sanh khổ nạn, phải biết điều này, vì sao? Thiếu trí huệ, khởi Hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, khổ chẳng thể nói nổi! Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, cứu vớt tai nạn, dùng gì? Dùng giáo học. Con người tánh vốn lành, quý vị chẳng dạy nên họ mới mê. Mê rồi mới tạo nghiệp. Tạo nghiệp bất thiện, chịu khổ báo trong tam đồ. Họ đã giác ngộ, sẽ trọn chẳng tạo ác nghiệp. Vì vậy, khổ và lạc thuộc về quả báo, quả ắt có nhân, nhân là giác hay mê. Phật giúp đỡ hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui, chẳng dốc sức nơi quả, mà từ nơi nhân. Đức Phật dùng giảng kinh, dạy học, thân hành, ngôn giáo, giúp đỡ chúng sanh phá mê, khai ngộ. Phá mê, bèn thoát khổ; giác ngộ, lạc bèn hiện tiền. Đức Phật dùng phương pháp này, Bồ Tát, tổ sư, đại đức đều dùng phương pháp này, phương pháp này hay lắm, thật sự có hiệu quả. Quá khứ hữu hiệu, hiện tại vẫn hữu hiệu. Trong quá khứ, chúng tôi đã làm thí nghiệm tại Thang Trì thuộc huyện Lô Giang, tỉnh An Huy, Trung Quốc để coi xem lời dạy của cổ thánh tiên hiền có ích gì cho hiện tại hay không, làm thí nghiệm ba năm. Chúng tôi tìm một nhóm giáo viên, khuyến khích, cổ vũ họ làm Bồ Tát, làm thánh nhân, dùng thân hành, ngôn giáo để mở lớp, dạy học. Đối tượng là ai? Đối tượng là bốn vạn tám ngàn cư dân trong tiểu trấn ấy, nam, nữ, già, trẻ các nghề nghiệp cùng nhau học, thật sự hữu dụng! Chúng tôi vốn nghĩ phải mất hai ba năm mới có thể thấy thành quả, không ngờ trong ba bốn tháng, thành quả lớn lao, khiến chúng tôi cảm thấy vô cùng kinh ngạc, nhân dân dễ giáo hóa như thế. Không ai dạy, hễ được dạy, sẽ quay đầu, lương tâm tỏ lộ, chứng tỏ tánh con người vốn lành. Hai câu đầu trong Tam Tự Kinh ngàn vạn phần xác đáng: “Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”. Giáo dục thánh hiền là giáo dục xứng tánh, con người bổn tánh vốn lành, hễ được kêu gọi bèn tỉnh giác nhanh dường ấy! Hiện thời, nhiều người nói tới tai nạn, các đồng học học Phật phải biết: Phật pháp có nói tai nạn hay không? Phật pháp có nhắc tới tai nạn, nhưng chẳng nghiêm trọng dường ấy, tận thế là chuyện chẳng thể xảy ra! Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm. Chiếu theo cách nói cổ xưa của Trung Quốc thì kể từ khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ tới nay đại khái hơn ba ngàn lẻ ba mươi năm. Quý vị thấy [pháp vận là] một vạn hai ngàn năm, phía sau còn có chín ngàn năm nữa, thời gian rất dài. Do vậy, “tận thế” là do người ngoại quốc nói, người Trung Quốc chẳng nói, mà càng chẳng phải do Phật pháp nói. Thanh bình, loạn lạc, tai họa, do nguyên nhân nào gây ra? Tại Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền đã nói rất nhiều, nói rất khéo, có thật, chẳng giả, đó là gì? Đó là cảm ứng! Con người có thiện tâm, thiện hạnh, cảnh duyên sẽ là thiện cảm. Cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau), cũng có thể nói là hoàn cảnh nhân sự và vật chất chẳng có gì bất thiện. Nếu con người dùng ác để cảm, hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự sẽ cảm ứng ác tướng! [Cổ

nhân] nêu ra nguyên lý này! Chúng ta muốn cứu vãn xã hội, cứu vãn địa cầu, phải nên làm như thế nào? Đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện. Dùng phương pháp gì? Phương pháp chúng ta dùng hiện thời là giảng kinh, dạy học. Chúng ta dùng Internet, dùng TV để khuếch đại hiệu quả dạy học, mong mỏi các đồng học chúng ta đối trước Internet hay TV đều phải duy trì. Bản thân chúng ta thật sự phát tâm, tuân theo giáo huấn trong kinh điển để sốt sắng học tập, bắt đầu học từ hiếu thuận cha mẹ, tôn sư, trọng đạo, phát

tâm từ bi, yêu quý hết thảy sanh mạng, chẳng sát sanh. Tốt nhất là có thể phát tâm ăn chay, ăn chay có lợi ích lớn nhất đối với sức khỏe. Tôi hai mươi sáu tuổi học Phật, biết đối với ẩm thực, điều được Phật pháp nhấn mạnh chính là vệ sinh, vệ tánh, vệ tâm (bảo vệ sanh mạng, bảo vệ tánh đức, bảo vệ chân tâm), tôi bội phục tới cùng cực. Người thế gian chỉ biết vệ sinh, bảo vệ lẽ sống, nhưng đối với tánh của chính mình thì sơ sót, càng thiếu sót trong việc bảo vệ lòng yêu thương của chính mình. Trước khi tôi học Phật, đi học tại Nam Kinh, tôi ở nhà một bạn học. Gia đình người bạn học này tuy chẳng phải là đại gia đình, nhưng anh ta có đông anh chị em, có năm hay sáu anh chị em, cha, mẹ, còn có bà nội. Nhưng trong gia đình ấy có ba tôn giáo, đa nguyên văn hóa: Bà nội niệm Phật, trong nhà có tiểu Phật đường, niệm Phật; cha anh ta theo đạo Hồi, mẹ anh ta theo Cơ Đốc Giáo. Vì vậy, các trẻ nhỏ nói chung đều theo mẹ. Tôi sống trong một gia đình như thế, mới biết đạo Hồi chú trọng vệ sinh trong ẩm thực, lại còn coi trọng vệ tánh. Phàm những động vật nào tánh tình chẳng tốt đẹp, ông ta không ăn, có chọn lựa. Con vật nào tánh tình rất ôn thuận, thiện lương ông ta mới ăn. Phật giáo còn tiến hơn nữa, chọn thức ăn chay, nhằm bồi dưỡng tâm từ bi. Do vậy, tôi cảm thấy phương cách ăn uống này rất viên mãn, học Phật chưa đầy nửa năm tôi bèn chọn cách ăn chay. Thuở ấy, tôi chẳng biết gì về nhân quả, mà vì tin tưởng cách ăn ấy là vệ sinh, vệ tánh, vệ tâm, cách ấy rất viên mãn. Đúng là lành mạnh! Tôi ăn chay tới năm nay là năm mươi chín năm, sang năm vừa đúng một giáp, thân thể ngày càng khỏe mạnh, chẳng yếu hơn ai! Điều này chứng tỏ ăn chay có lợi, ăn chay quả thật là khỏe mạnh trường thọ. Nếu quý vị yêu quý sinh mạng, cớ sao chẳng ăn chay? Tôi làm chứng cho mọi người ăn chay là tốt lành! Con người phải giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm chuyện tốt, làm người tốt, tiêu chuẩn của sự tốt lành là Đệ Tử Quy của Nho gia, Cảm Ứng Thiên của Đạo gia, và Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật gia. Gần đây nhất, tôi cũng nghe đồng học nói, trong ngoài nước quả thật có những người dùng danh nghĩa Tịnh Không để bịa đặt, gây chuyện, làm những chuyện phi pháp, tôi mong các đồng tu phải có tâm cảnh giác. Cả đời tôi, chuyện gì cũng chẳng tham dự, tôi thường bảo mọi người cả đời tôi đều là bị động, trước nay chưa hề tự làm chuyện gì, chưa hề! Toàn là bị động.

Người khác tới tìm tôi, tôi cảm thấy chuyện ấy đối với xã hội, đối với đại chúng có lợi thì tôi cũng vui vẻ tham gia. Chủ động làm chuyện tốt, tôi chưa hề làm, vì sao? Làm chuyện tốt phải có phước báo, tôi không có phước báo! Tôi đã nói với quý vị, tôi suốt đời là một kẻ cô quạnh, mọi người thường ở chung với tôi đều hiểu rõ chuyện này. Người làm chuyện này nọ phải có phước báo, dưới tay người ấy có rất nhiều nhân viên lo liệu công việc, và cũng có tài lực thì mới có thể làm được việc! Hai thứ này tôi đều thiếu, tiền cũng không có, mà người làm việc cũng thiếu luôn! Trơ trọi một mình giảng kinh, dạy học. Trừ chuyện này ra, bất cứ chuyện gì cũng chẳng liên can đến tôi. Tôi đã nghĩ tới rất nhiều chuyện, chẳng hạn như viện Dưỡng Lão, giáo dục văn hóa truyền thống, thôn Di Đà, tôi nghĩ rất nhiều, nhưng tôi có mong làm hay chăng? Tôi không mong làm, vì sao không mong làm? Không có người, chẳng có tiền, làm bằng cách nào? Chỉ là nói suông mà thôi! Nhưng tôi nói những chuyện ấy, nói ra, người nói vô tâm, người nghe hữu ý, có rất nhiều người sau khi nghe xong, thật sự muốn làm. Được! Tôi tán thành, chỉ như vậy mà thôi! Người ta nghĩ sao? Đó là do pháp sư Tịnh Không làm,

sai rồi, tôi là người nói vô tâm, người nghe hữu ý. Người nghe thích làm [chuyện đó] đến báo cho tôi biết, còn cầm những bản kế hoạch cho tôi xem. Tôi gật đầu, được, chuyện tốt có lợi ích lớn cho xã hội và quốc gia thì phải nên làm, chẳng phải do tôi làm. Chuyện ở Thang Trì nói thật ra do các bằng hữu thuộc Liên Hiệp Quốc ép làm. Thế giới động loạn, quá nhiều vấn đề, làm thế nào để hóa giải xung đột? Làm thế nào để khôi phục xã hội an định, thế giới hòa bình? Chúng tôi báo cáo những giáo huấn của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc trong đại hội Liên Hiệp Quốc, họ nghe xong, rất vui thích, sau đó, tìm tôi nói chuyện phiếm: "Pháp sư Tịnh Không, ông nói tuyệt lắm, rất hay, chúng tôi đều ưa thích, nhưng đó là chuyện lý tưởng, chẳng thể làm được!" Chuyện này khiến tôi khó xử, họ chẳng có lòng tin, phải thế nào thì những người ngoại quốc ấy mới có lòng tin? Nhất định phải thực hiện, quý vị làm ra cho người ta thấy, họ sẽ bội phục, chẳng nói ra nói vào nữa! Tôi bị ép buộc như vậy, quý vị thấy tôi không có ai, chỉ kiếm được hai người, một là cô giáo Dương Thục Phân, hai là thầy giáo Thái Lễ Húc. Các vị phụ lão, bằng hữu ở quê nhà giúp đỡ, tôi nói được rồi, bọn họ giúp sức, hai người các vị đi làm! Quý vị thấy hai người ấy, chiêu mộ một nhóm giáo viên gồm ba mươi bảy người. Chúng ta có một cộng đồng lý tưởng như thế, yêu cầu các giáo viên học theo thánh hiền, học theo Phật, Bồ Tát, tự mình nêu gương tốt cho người khác thấy. Những giáo viên này rất tuyệt diệu, tôi đảnh lễ họ, đúng là khó có, nêu tấm gương tốt nhất, cảm động người nơi ấy, trong ba bốn tháng đạt được hiệu quả tốt đẹp dường ấy!

Do vậy, tháng Mười năm 2006, tôi tham gia hội nghị do tổ chức Giáo Dục Văn Hóa Khoa Học Liên Hiệp Quốc (UNESCO) tổ chức, do tổng bộ Ba Lê triệu tập chủ trì, tôi còn được coi là một trong những người tổ chức. Tôi đem thí nghiệm tại Thang Trì báo cáo trước đại hội trong tám tiếng đồng hồ. Bọn họ nghe xong, kinh ngạc, đại diện của một trăm chín mươi hai quốc gia đều muốn tới thăm và khảo sát Thang Trì, thật chẳng dễ dàng, làm thành công! Nay mọi người tin tưởng, những thứ của cổ nhân Trung Quốc vẫn còn hữu hiệu. Vì vậy, ba năm hoạt động của chúng ta ở trong nước cũng tạo ra ảnh hưởng rất lớn. Nay quốc gia chính thức xếp Đệ Tử Quy khóa trình trong nhà trường, chuyện tốt đẹp mà! Nhưng muốn an định xã hội, muốn cứu vớt thế giới này, vẫn phải dốc sức thúc đẩy toàn dân học tập, nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề trên cả nước cùng nhau học. Tôi nghĩ chỉ cần có năm mươi, sáu mươi giáo viên, lợi dụng gì để dạy? Lợi dụng đài truyền hình quốc gia, lợi dụng mạng Internet, mỗi ngày hai mươi bốn giờ giảng chẳng gián đoạn. Giảng suốt một năm, xã hội Trung Quốc sẽ an định. Giảng ba năm, thế giới này sẽ thái bình, chuyện gì cũng đều chẳng có. Đó là gì? Người có đại phước báo sẽ làm, tôi chỉ nói, tôi chẳng thể làm. Tôi chẳng có một ai hết. Hiện thời, Thang Trì đã giải tán, Thái Lễ Húc cũng đi rồi, cô Dương cũng đi, hiện thời chỉ có mình tôi trơ trọi. Do vậy, nếu quý vị hỏi tôi có phương pháp gì hay không? Tôi biết đôi chút, có thể đưa ra một chút kiến nghị, quả thật là chẳng năng lực để làm. Hiện thời, tuổi cũng đã cao, chỉ mong giảng kỹ càng kinh Hoa Nghiêm và kinh Vô Lượng Thọ một lượt. Sau khi giảng viên mãn hai bộ kinh này, nếu tôi còn có thọ mạng, sẽ giảng kinh Di Đà một lần nữa, giảng cặn kẽ một lượt. Những điều khác không phải là chuyện của tôi. Bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp cũng không phải là chuyện của tôi, tôi chẳng có tinh lực này. Nếu tôi năm mươi, sáu mươi tuổi thì còn có thể, [nay đã] tám mươi bốn tuổi rồi, chẳng thể

làm chuyện này nữa! Vì vậy, trao cho tôi điều kiện tốt đẹp nào, tôi đều cự tuyệt, đều chẳng cần đến. Vì vậy, các đồng học cũng chẳng cần phải tặng tiền cho tôi. Tặng tiền cho tôi, đương nhiên tôi thay quý vị làm chuyện tốt, thay quý vị in kinh, thấy những nơi làm công tác giáo dục cần tiền, thực hiện giáo dục truyền thống, tôi sẽ thay quý vị chuyển tiền sang những nơi đó. Bản thân tôi thứ gì cũng chẳng cần nữa. Tôi thưa cùng mọi người, người đã trên tám mươi tuổi, hằng ngày mong vãng sanh, chuyện này là thật , chẳng giả. Tôi thường nói, đều là lời thật. Thọ mạng của tôi tới ngày nào? Cho tới hôm nay, ngày hôm nay sẽ chết, còn có gì không bỏ xuống được? Còn có chuyện gì để có thể làm? Chẳng có chuyện gì hết, chỉ là niệm Phật, cầu A Di Đà Phật đến tiếp dẫn. Mỗi ngày đều là ngày cuối cùng của tôi. Vì vậy, điều gì tôi cũng chẳng nghĩ tới, sống rất thoải mái, sống tự tại lắm. Ngoại trừ giảng kinh là đọc kinh, vui thích chuyện này chẳng chán!

Do vậy, kết luận cuối cùng: “Thị tri lợi tế chúng sanh, thử kinh vi tối. Trì danh chi pháp, ám hợp đạo diệu, tối dị hành cố” (do vậy, kinh này lợi lạc chúng sanh lớn nhất; pháp trì danh thầm hợp đạo mầu, dễ hành nhất). Hoàng lão cư sĩ nói rất hay, quá khó có, chúng ta chẳng thể không bội phục. Đoạn cuối cùng: “Đại thánh thùy từ, đặc lưu thử kinh” (đức đại thánh rủ lòng Từ, đặc biệt lưu lại kinh này), “đại thánh” là Thích Ca Mâu Ni Phật, Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm, kinh diệt cuối cùng là kinh này. “Kinh vân” (kinh nói), tức là kinh này [có nói], “độc lưu thử kinh” (riêng lưu lại kinh này). Trong phẩm bốn mươi lăm, có đoạn như sau: “Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận. Ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh, chỉ trụ bách tuế. Kỳ hữu chúng sanh trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ” (trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết. Ta do lòng từ bi thương xót, riêng lưu lại kinh này tồn tại trong thế gian một trăm năm. Nếu có chúng sanh gặp được kinh này, tùy lòng mong muốn đều được độ thoát). “Đương lai” là tương lai, một trăm năm cuối cùng trong thời Mạt Pháp, kinh Phật hoàn toàn diệt sạch trong thế gian này. Vì sao bị diệt? Thưa quý vị, chúng sanh thiếu phước, lắm kẻ tạo ác, chẳng có người tu phước. Nếu còn có người tu phước, kinh đạo vẫn còn thấy trên thế gian. Vì sao đời đời kiếp kiếp con người tạo ác? Chúng ta hãy nhìn lướt qua lịch sử, người thời nay tạo ác quả thật nhiều hơn cổ nhân. Lứa tuổi chúng tôi đã đích thân thấy điều này, Trung Quốc nói ba mươi năm là một thế hệ, tôi gần như đã thấy ba thế hệ. Ba thế hệ ấy như thế nào? Thế hệ sau chẳng bằng thế hệ trước! Từ nay về sau, nếu quý vị chú ý một chút, lắng lòng suy nghĩ, vào ba mươi năm sau xã hội này có tình hình ra sao? Quý vị có dám nghĩ tới hay chăng? Quý vị thấy gì? Quý vị thấy những kẻ trẻ tuổi hiện thời, từ mười lăm tuổi tới hai mươi tuổi, chúng nó nghĩ gì, nói những gì, làm những gì? Vì sao trở thành tình trạng như thế? Chúng ta đã bỏ sót giáo dục của cổ thánh tiên hiền, những đứa trẻ ấy hiện thời được giáo dục bởi những gì? TV, Internet! Tôi ở ngoại quốc lâu ngày, các trường học tại ngoại quốc, học trò lớp Một đã sử dụng computer, nối vào Internet. Trên Internet có rất nhiều thứ, [chúng nó] xem vui sướng chẳng biết mệt. Khi ngủ cũng để [laptop] trong mền để xem, cha mẹ còn rất đắc ý, con ta rất siêng năng! Chúng nó coi gì vậy? Coi bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối. Chúng nó tiếp nhận những thứ ấy. Do đó, chẳng biết hiếu dưỡng phụ mẫu, chẳng biết yêu thương anh em. Hai mươi năm sau, chúng nó là thành phần trung kiên trong xã

hội. Nếu bọn chúng làm lãnh tụ trên chánh trường, còn có thể làm những gì? Càng nghĩ càng đáng sợ. Người trong thế hệ này còn có thể khống chế bản thân, chẳng phát động chiến tranh hạch nhân, có dám nói thế hệ kế tiếp [sẽ chẳng phát động] hay không? Chẳng dám nói! Sợ rằng hiện thời, những đứa trẻ chơi game điện tử, chơi trò giết người đã thành thói quen, đến lúc đó, nếu nó

làm Tổng Thống, tới khi nắm quyền, sẽ có thể lấy vũ khí hạch nhân ra chơi. [Chúng nó nghĩ] đâu phải là chiến tranh giết người, đó là trò chơi; nhưng trò chơi ấy sẽ khiến thế giới bị hủy diệt. Hủy diệt thế giới cũng là trò chơi, làm thế nào bây giờ? Tôi cũng gặp một số vị lãnh đạo quốc gia, tôi kiến nghị với bọn họ hãy hủy sạch vũ khí hạch nhân, tiêu hủy vũ khí hóa học; trong tương lai, bọn chúng sẽ tưởng là trò chơi, chẳng đến nỗi có những món vũ khí mang tính hủy diệt như vậy. Điều này có lợi cho xã hội và thế giới, chẳng cần phải duy trì [những món vũ khí ấy]. Nếu thế giới thật sự hiểu nhân quả báo ứng, chúng ta biết vũ lực chưa thể giải quyết vấn đề, chỉ có dùng phương pháp hòa bình thật sự mới hòng giải quyết vấn đề, dùng vũ lực giải quyết vấn đề sẽ tạo thành vô lượng vô biên tội nghiệp. Ngày hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa Phần 8 hết

---o0o---

Phần 09

Tập 17

Xin xem Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang mười sáu, dòng thứ tư đếm từ dưới lên. “Đại thánh thùy từ, đặc lưu thử kinh” (Đức đại thánh rủ lòng Từ, đặc biệt lưu lại kinh này). “Kinh vân: Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh, chỉ trụ bách tuế, kỳ hữu chúng sanh trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ” (Kinh dạy: “Trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết, ta do lòng từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này tồn tại một trăm năm, có các chúng sanh gặp được kinh này, tùy theo sở nguyện đều được độ”). Chúng ta xem đoạn này. “Kinh vân”: Phẩm bốn mươi lăm, tức phẩm Độc Lưu Thử Kinh (riêng lưu lại kinh này) trong kinh Vô Lượng Thọ có một đoạn nói như vậy. “Đương lai chi thế” là nói về tương lai, trong thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài thuyết pháp đã nói tới tương lai, thời gian tương lai ấy rất xa. Sáng nay, tôi đã nhận lời mời tham dự chuyên mục phỏng vấn của đài truyền hình Phượng Hoàng, đề tài cho lần phỏng vấn này là [thảo luận về vấn đề] tai nạn. Có thể thấy là hiện thời, trong ngoài nước vấn đề này đều được phổ biến coi trọng. Trước đây, chúng tôi ở ngoại quốc rất ít bàn tới vấn đề này. Năm nay, tôi tham dự cuộc phỏng vấn năm tôn giáo tại Úc, bàn tới vấn đề này, họ hỏi chúng tôi: “Phật giáo có cách nhìn

như thế nào đối với vấn đề này? Dùng phương pháp gì để đối phó?” Sáng nay, cuộc phỏng vấn của đài [truyền hình] Phượng Hoàng cũng nhằm bàn thảo chủ đề này. Người ngoại quốc nói tới Tận Thế, người Trung Quốc không nói. Quả thật mấy ngàn năm qua, Trung Quốc là đời thái bình hưng thịnh, là đất nước bình trị trên toàn cầu, được mọi người hết sức tôn trọng, kính phục. Trong Phật pháp càng chẳng có tận thế. Đức Phật nói: “Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận” (Trong đời tương lai, kinh đạo diệt

hết), tức là trong pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, đến cuối cùng kinh điển nhà Phật cũng bị tiêu mất trên thế gian này. Lúc nào vậy? Kinh dạy chúng ta, Chánh Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật là một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp là một vạn năm; vì thế, pháp vận là một vạn hai ngàn năm. Nói theo cách bây giờ, sự giáo hóa của đức Thế Tôn có sức ảnh hưởng trong một thời gian dài như thế. Về không gian, nhục nhãn của chúng ta có thể thấy toàn bộ địa cầu, nhưng nhục nhãn chúng ta chẳng thấy được [sức giáo hóa của đức Phật trọn khắp] những chiều không gian khác biệt, [những chiều không gian ấy] thường được gọi là "mười pháp giới". Vì thế, [pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật] tồn tại trong thời gian dài như thế. Trong chín ngàn năm của thời Mạt Pháp, Mạt Pháp đã trôi qua một ngàn năm rồi; trong chín ngàn năm ấy, pháp vận của Phật có lúc hưng, lúc suy. Trên thực tế, hưng hay suy không phải do Phật, mà cũng chẳng phải do Pháp, mà do con người có tin tưởng giáo huấn của Phật Đà hay không? Có chịu thật sự tu tập hay không? Nếu chúng ta tin sâu, chẳng nghi ngờ, sốt sắng y giáo phụng hành, [pháp vận] sẽ là thời Chánh Pháp, quý vị chắc chắn có thành tựu trong một đời này. Trong Tịnh Tông, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là chứng quả, là thành tựu, lại còn là thành tựu viên mãn. Kinh này đã giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, đấy chính Chánh Pháp. Kinh giáo diệt tận, nói thật ra, một bộ kinh này đại diện trọn vẹn hết thảy các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, vì sao? Hết thảy các pháp đến cuối cùng đều quy vào Tịnh Độ, vậy thì Tịnh Độ há chẳng phải là hết thảy các pháp ư? Đức Phật đặc biệt từ bi, đến cuối cùng, lưu lại kinh này một trăm năm. Trong một trăm năm cuối cùng của thời Mạt Pháp, bản nào [sẽ được lưu lại]? Chắc chắn là bản đang dùng hiện tại này! Chắc chắn là kinh và chú giải, tức là bản chú giải kinh này của cụ Hoàng Niệm Tổ, sẽ được lưu lại đến cuối cùng trong thời Mạt Pháp. Sau một trăm năm ấy, kinh này cũng chẳng còn, chẳng tồn tại trên thế gian này nữa, vẫn còn có sáu chữ "Nam-mô A Di Đà Phật", ai có thể nghe danh hiệu này, cũng có thể tin, niệm, phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì vẫn có thể thành tựu. Đức Như Lai quả thật từ bi vô tận, thương xót chúng sanh trong thế giới Sa Bà. Sau khi đức Phật diệt độ, sau khi Phật pháp diệt sạch trên thế gian này, chúng ta biết đại nguyện của hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều là giúp

chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ, được vui, chẳng bỏ chúng sanh. Hiện thời, đức Phật chẳng tại thế, nhằm lúc đức Phật chẳng tại thế, Địa Tạng Vương Bồ Tát thay mặt đức Phật trong thế gian này, thay Phật hóa độ chúng sanh; đây là giai đoạn không có Phật xuất thế, giai đoạn này thời gian rất dài. Di Lặc Hạ Sanh Kinh nói phải chờ suốt năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, vị Phật tiếp theo là Di Lặc Bồ Tát mới đến thị hiện thành Phật trong thế gian này giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, dùng tám tướng thành đạo để thị hiện thành Phật, thế gian này lại có Phật thuyết pháp. Do vậy, chúng ta phải biết: Trong thế gian này, thời gian có Phật xuất thế chẳng dài! Tuy là một vạn hai ngàn năm, chúng ta thoạt nhìn [tưởng chừng] rất dài, nhưng trong không gian và thời gian vô tận thì một vạn hai ngàn năm rất ngắn! Sau khi liễu giải chân tướng sự thật, mới biết được gặp gỡ Phật pháp chẳng dễ dàng; do vậy, đức Phật thường nói: "Thân người khó được, Phật pháp khó nghe". Nay chúng ta được làm thân người, lại gặp gỡ Phật pháp, lại được gặp pháp thượng thượng thừa trong Phật pháp, gặp Hoa Nghiêm, gặp

Tịnh Độ, hy vọng các đồng học hãy thật sự thức tỉnh, chúng ta quyết định phải thành tựu trong một đời này. Thành tựu khó hay dễ? Nói khó thì chẳng khó, mà nói là dễ thì cũng khá khó. Khó hay dễ hoàn toàn phải hỏi chính mình, chẳng thể hỏi Phật, cũng chẳng thể hỏi Pháp, cũng chẳng thể hỏi ai khác! Quý vị thật sự tin, thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật sự chịu thật thà niệm Phật thì sẽ chẳng khó, thật sự chẳng khó! Nếu quý vị hoài nghi, nếu còn lưu luyến thế gian này, muốn vãng sanh nhưng lại chẳng nỡ rời khỏi thế gian này, sẽ khó lắm! Do vậy, nhất định là nếu hiểu rõ ràng, minh bạch Lý, Sự, nhân quả của Tịnh Độ thì lòng tin của chúng ta sẽ thanh tịnh, chẳng cô phụ đức Thế Tôn thuở tại thế đã giảng kinh, giáo học suốt bốn mươi chín năm, nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích giúp chúng ta đoạn nghi, sanh tín. Chúng ta nghe hiểu rõ ràng, minh bạch duyên khởi của toàn bộ vũ trụ và sanh mạng, chính mình do đâu mà có? Sa Bà là như thế nào? Cực Lạc là như thế nào? Đều hiểu rõ ràng, chúng ta sẽ biết chọn lựa ra sao, biết dụng công như thế nào. Chúng ta giữ lấy thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo. Đó là như trong phần sau đã nói: “Kỳ hữu chúng sanh trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ” (nếu có chúng sanh gặp gỡ kinh này, tùy theo sở nguyện, đều được độ). Lúc pháp diệt tận mà gặp bộ kinh này, gặp được hồng danh sáu chữ này, sẽ đều có thể đắc độ, hà huống hiện tại! Hiện thời, hãy còn chín ngàn năm nữa kinh đạo mới diệt tận. Do vậy, chúng ta phải có tín tâm, đừng bị những lời đồn đại bên ngoài lay động, hễ tâm chúng ta định thì định sanh trí huệ, sẽ biết ứng phó với những tai nạn trước mắt như thế nào. Có tín tâm, có quyết tâm, chúng ta sẽ có thể bình an vượt qua.

Lại xem đoạn kinh văn tiếp theo: “Hựu Pháp Diệt Tận Kinh” (Lại nữa, kinh Pháp Diệt Tận), trong bộ kinh này, đức Phật giảng trạng huống diệt tận của Phật pháp trên thế gian này trong tương lai sau khi pháp vận của đức Phật kết thúc, “diệc cụ Vô Lượng Thọ kinh tối hậu nhập diệt chi tình cảnh” (cũng nói chi tiết tình cảnh kinh Vô Lượng Thọ sẽ diệt cuối cùng), kinh ấy nói Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh bị diệt cuối cùng. Nay chúng ta gặp được bộ kinh này quá đáng quý! Chúng ta phải quý trọng, phải nghiêm túc học tập. “Thử chánh hiển bổn kinh hưng khởi chi thắng duyên, trì danh pháp môn chi diệu dụng”: Đây chính là trình bày rõ rệt nhân duyên hưng khởi thù thắng của bộ kinh này và tác dụng mầu nhiệm của trì danh niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Tiếp theo là tỷ dụ: “Ký như dinh dưỡng phong phú chi mỹ thực, khả tăng kiện giả chi thể lực” (giống như thức ăn ngon lành dồi dào chất bổ có thể tăng cường thể lực của người khỏe mạnh). Kinh điển này, pháp môn này, giống như thực phẩm ngon lành giàu chất bổ dưỡng nhất, bồi bổ Pháp Thân huệ mạng của chúng ta. “Phục như thù hiệu thần nghiệm chi linh dược” [có nghĩa là] lại giống như toa thuốc có hiệu quả đặc thù, hay toa thuốc thần kỳ. “Năng dũ bất trị chi trầm kha” (có thể trị lành căn bệnh trầm kha chẳng trị được). Vài hôm trước, chúng ta thấy đồng tu Lưu Tố Vân ở Đông Bắc mắc chứng Hồng Ban Tánh Lang Sang (Systemic Lupus Erythematosus), tật bệnh hết sức nghiêm trọng, người mắc bệnh này gần như rất khó sống sót. Bà ta đã chứng minh cho chúng ta thấy: Niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật nghiễm nhiên trị lành căn bệnh này. Lành đến mức độ nào? Ngay cả vết sẹo cũng không có, đây là chuyện chẳng thể nghĩ bàn! Bác sĩ phụ trách điều trị cho bà ta kinh ngạc, dẫu lành bệnh, những vết sẹo

ấy vĩnh viễn chẳng mất được, vì sao ngay cả vết sẹo cũng chẳng có? Bác sĩ hỏi bà ta: "Bà lành bệnh bằng cách nào?" Bà ta bảo bác sĩ: "Tôi niệm A Di Đà Phật nên được lành bệnh". Bác sĩ tin lời bà ta, vì sao tin tưởng? Bà ta suốt đời chưa nói dối, đối với bất luận là ai cũng đều là nói thật, chẳng nói dối; vì thế, bác sĩ tin lời bà ta. Bà ta bảo niệm Phật lành bệnh thì chắc chắn là do niệm Phật mà lành bệnh, tạo lòng tin cho mọi người! Do vậy, thân mắc cả đống bệnh tật, xét về hiệu quả của thuốc men, thuốc tốt nhất chỉ có hiệu quả trị liệu ba phần, bảy phần tùy thuộc vào tâm thái (trạng thái tâm lý). Nếu quý vị tâm thái tốt đẹp, bệnh ấy sẽ rất dễ chữa trị. Nếu tâm thái chẳng tốt lành, thường nghĩ đến bệnh tật, sợ hãi, lo âu, bệnh ấy cũng rất khó lành, chẳng dễ gì lành bệnh! Do vậy, Lưu cư sĩ đã cho chúng ta biết: Căn bệnh của bà ta được lành là do bà ta chẳng sợ hãi chút nào! Bác sĩ bảo bà ta: "Bệnh của bà rất nghiêm trọng, có thể chết bất cứ lúc nào, phải chuẩn bị tâm lý". Bà ta cười bảo bác sĩ: "Chẳng sao hết! Nếu tôi chết, tôi sẽ về thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật đến đón tiếp tôi, Tây Phương Cực Lạc thế giới là quê nhà của tôi. Nếu là Phật vẫn còn giao cho tôi nhiệm vụ gì đó,

muốn tôi ở lại thế gian này thì cũng được, tôi vâng lời". Quý vị thấy: Chẳng có mảy may lo nghĩ hay kinh sợ, tâm thái quá tốt đẹp, dường như chẳng có chuyện ấy, bà ta thật sự lành bệnh tật! Tiếp đó, [sách Chú Giải] nói "có thể chữa lành bệnh chẳng trị được", bà ta đúng là đã trị lành căn bệnh nặng. "Quảng liệu chúng bệnh, phổ thí nhiêu ích" (Rộng trị các bệnh, ban lợi lạc trọn khắp). "Cố vân: Đại tai diệu dụng, bất khả tư nghị" (Vì thế, nói: "Tác dụng mầu nhiệm lớn lao thay, chẳng thể nghĩ bàn"). Hai câu này là lời tán thán nhằm ca ngợi pháp môn này, tán thán hiệu quả của trì danh niệm Phật. Quý vị thấy trong hiện tiền, [pháp môn Niệm Phật] có thể trị bệnh, sau khi lâm chung có thể vãng sanh, pháp môn như thế có thể đến nơi đâu để tìm được? Nay chúng ta gặp được, đã gặp thì nhất định phải biết quý trọng, thật sự tu tập. "Chí ư mạt thế" (Còn như trong đời Mạt Pháp), chữ "mạt thế" chỉ thời kỳ Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, tức là trong một vạn năm. Thời Mạt Pháp đã trải qua một ngàn năm, chúng ta sống nhằm lúc bắt đầu một ngàn năm thứ hai trong thời Mạt Pháp, sau này còn có một ngàn năm thứ ba, một ngàn năm thứ tư, cho đến một ngàn năm thứ mười. Vì vậy, thời gian vẫn còn rất lâu. "Chí ư mạt thế, trược ác di thâm, chúng căn dũ liệt, nhân thọ thập tuế, cấu trọng chướng thâm, ư tư, ác lãng thao thiên, độc diệm biến địa chi tế" (Còn như trong đời Mạt Pháp, nhơ bẩn, ác độc sâu khắp, các căn tánh càng kém hèn, con người thọ mười tuổi, cấu nặng, chướng sâu; vào thuở ấy, sóng ác ngập trời, lửa độc trọn khắp cõi đất). Chúng ta đọc mấy câu này, thấy chúng nói về hiện tượng xã hội trong đời Mạt Pháp; tuy chúng ta chưa sống nhằm cuối đời Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni, nhưng hiện thời đã có đôi chút hiện tượng này, chúng ta chớ nên không cảnh giác. "Trược" ( ) là ô nhiễm, trên cả thế giới hiện thời, mọi người đều bàn tới chuyện "bảo vệ môi trường"; vì sao phải bảo vệ môi trường? Địa cầu bị ô nhiễm, ô nhiễm rất nghiêm trọng! Hoàn cảnh bị ô nhiễm, nhưng càng nghiêm trọng hơn là cái tâm thanh tịnh của chúng ta bị ô nhiễm. Do vậy, người trong thế gian này nói đến chuyện bảo vệ môi trường, có thể thu được hiệu quả hay chăng? Có người hỏi tôi, tôi nói thật với họ: "Rất khó thu được hiệu quả". Vì sao? Trong Phật pháp có một câu nói nói rất hay: "Cảnh chuyển theo tâm". Bên ngoài là hoàn cảnh, hoàn cảnh bị ô nhiễm có mối liên quan với lòng

người. Trong tâm ô nhiễm nghiêm trọng, nếu chẳng hóa giải chuyện này, chúng ta chỉ chú trọng hoàn cảnh bên ngoài, sẽ chẳng thu được hiệu quả. Do vậy, bảo vệ môi trường thì điều đầu tiên là phải nói đến bảo vệ tâm lý. Tâm chúng ta vốn tốt đẹp, nếu nói theo Đại Thừa Phật pháp, [tâm ta] vốn thanh tịnh, vốn bình đẳng, vốn giác, chứ chẳng mê, nhưng nay chẳng phải vậy! Hiện thời là ô nhiễm, chẳng phải là thanh tịnh, mà là ngạo mạn, kiêu căng, bất bình, [tức là] chẳng hề bình đẳng, ngu si, mê

hoặc, cho nên trí huệ và giác ngộ chẳng thể hiện tiền. Đây là tâm lý bị ô nhiễm hết sức nghiêm trọng. Có nhiều người hỏi tôi, đối với những tai nạn trước mắt này, dùng phương pháp gì để đối phó? Thật ra, đức Phật và tổ tiên đã dạy chúng ta hãy dùng phương pháp gì? Giáo học. Trong thiên Học Ký [của sách Lễ Ký] có câu: “Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên” (xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, dạy học làm đầu). Dạy học là dạy gì vậy? Dạy luân lý, khiến cho mọi người hiểu mối quan hệ giữa con người với nhau, hiểu rõ ràng các mối quan hệ, thực hiện trọn vẹn những nghĩa vụ phải nên trọn hết. “Ngũ luân, thập nghĩa, cha con có tình thân, cha từ, con hiếu” là trọn hết nghĩa vụ, đó là điều phải làm! Anh nhường, em kính, vua nhân từ, bầy tôi trung thành, mỗi cá nhân làm tròn nghĩa vụ, hiểu rõ các mối quan hệ, thực hiện nghĩa vụ. Đấy chính là sự hài hòa trong vũ trụ: Xã hội là hài hòa, gia đình hòa thuận, thật sự là hạnh phúc mỹ mãn trong đời người, do đâu mà có? Do dạy dỗ mà thành! Quý vị thấy tại Trung Quốc, suốt mấy ngàn năm, có triều đại nào không coi trọng giáo dục. Ở đây, giáo dục chẳng phải là dạy khoa học kỹ thuật, mà là giáo dục cách làm người, cũng là giáo dục nhân tánh. Giáo dục nhân tánh là gì? Vốn là lành! “Nhân chi sơ, tánh bổn thiện” (con người thoạt đầu tánh vốn lành). Giáo dục về cái vốn sẵn tốt lành [trong mỗi cá nhân], đã dạy được như vậy thì chuyện gì, vấn đề gì cũng đều được giải quyết. Sau khi đã dạy dỗ tốt đẹp, ai nấy cũng là người tốt, người tốt chắc chắn chẳng làm chuyện xấu; do vậy, mọi chuyện đều là chuyện tốt. Sau khi làm được điều này, sẽ là như kinh Phật đã dạy: “Nhật nhật thị hảo nhật, thời thời thị hảo thời” (ngày nào cũng là ngày tốt, giờ nào cũng là giờ tốt). Vì thế, phương pháp để giải quyết và đối phó là giáo dục. Hôm nay, tại đài truyền hình Phượng Hoàng, họ cũng nêu ra vấn đề này, tôi nói: “Chỉ cần thực hiện tốt giáo dục, vấn đề sẽ được hóa giải. Giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, lại còn phải giáo dục tôn giáo thì xã hội mới được kiện toàn, mới viên mãn”. Mọi người đều biết trong các tôn giáo, [chỉ nói đến] các tôn giáo cao cấp, có luân lý, đạo đức, nhân quả, khoa học, triết học, chẳng phải là mê tín. Trên thế giới này, nhiều người công nhận sáu tôn giáo lớn; giáo nghĩa của sáu tôn giáo lớn ấy đều có năm khoa mục ấy. Nếu mỗi tôn giáo đều phổ biến, tuyên dương năm khoa mục “luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, khoa học” đã được giảng trong kinh điển để giáo hóa tín đồ, xã hội này sẽ hòa thuận, tai nạn sẽ được hóa giải. Chỉ cần chúng ta chịu nỗ lực làm việc này, tôi tin tưởng mỗi tín đồ tôn giáo đều vui lòng, nhất là hiện thời nhìn thấy tai nạn ngay trước mắt, họ sẽ đồng tâm hiệp lực hóa giải tai nạn. Hóa giải từ chỗ nào? Hóa giải ngay trong tâm hạnh của chúng ta. Thật vậy ư? Đúng vậy! Cảnh chuyển theo tâm. Kinh Phật dạy như thế dường như thiếu

căn cứ khoa học, chúng ta rất khó tin tưởng. Hết sức khó có là tiến sĩ Giang Bổn Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm trên nước suốt mười hai năm nhằm chứng minh vật

chất, nước là khoáng vật, chẳng phải là động vật, mà cũng chẳng phải là thực vật, chẳng phải là sinh vật, mà là khoáng vật, thí nghiệm mười mấy năm, [quan sát thấy] khoáng vật có thể nghe, nhìn, hiểu được ý nghĩ của con người, nước có năng lực ấy. Trong kinh điển, đức Phật dạy chúng ta: Tất cả hết thảy khoáng vật đều có năng lực ấy, đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Khoa học phân chia cái vốn là một ấy thành hai phương diện: Tinh thần và vật chất. Trong pháp Đại Thừa, tinh thần và vật chất đồng nhất, chẳng thể phân cách! Trong tinh thần có vật chất, trong vật chất có tinh thần. Tất cả vật chất có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩa của con người, nó có tinh thần trong ấy. Trong tinh thần có vật chất, chúng ta chứng minh bằng cách nào? Thật ra, bản thân mỗi cá nhân đều có thể chứng tỏ! Đêm ngủ nằm mộng có phải là hiện tượng tinh thần hay chăng? Nó chẳng phải là hiện tượng vật chất, ban đêm nằm mộng là hiện tượng tinh thần. Trong giấc mộng, có vật chất hay không? Trong mộng quý vị có thân thể hay không? Quý vị mộng thấy rất nhiều người, quý vị nói họ có thân thể hay không? Trong mộng có núi, sông, đại địa, trong mộng có hư không, pháp giới? Có! Có hiện tượng vật chất! Trong tinh thần có hiện tượng vật chất. Mọi người đều có kinh nghiệm này, có kinh nghiệm nằm mộng, sau khi tỉnh giấc, thứ gì cũng đều chẳng có. Đó là gì? Kinh Phật dạy: “Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”, nhưng trong lúc nằm mộng, thật sự có hiện tượng, người ấy không biết mình đang nằm mộng, tưởng là thật; chứng tỏ vật chất và tinh thần vĩnh viễn chẳng tách rời, là một, chẳng hai. Do vậy, khởi tâm động niệm của con người không chỉ gây ảnh hưởng tới thân thể. Chúng ta có thiện niệm thì sẽ khỏe mạnh, trường thọ, đẹp đẽ, chân thiện mỹ huệ. Tư tưởng và hành vi lành mạnh tương ứng với luân lý và đạo đức. Nếu trái nghịch luân lý và đạo đức, hằng ngày nghĩ tưởng tham, sân, si, mạn, gây tạo giết, trộm, dâm, dối, chắc chắn thân thể chẳng khỏe mạnh, tướng mạo chẳng dễ coi, mà cũng ở trong hoàn cảnh lắm tai nhiều nạn, đấy là gì? Vật chất bị ảnh hưởng bởi tinh thần. Chúng ta phải dùng thiện niệm để ảnh hưởng nó, đừng nên dùng ác niệm, các tai nạn ấy đều do tâm hạnh bất thiện cảm ứng. Phật, Bồ Tát, các bậc đại thánh đại hiền xưa nay trong ngoài nước đã dạy bảo chúng ta như vậy, chúng ta nên lý giải, nghiêm túc học tập, sẽ thật sự có thể hóa giải, chẳng giả đâu nhé! Mạt Pháp chẳng bằng Tượng Pháp, Tượng Pháp chẳng bằng Chánh Pháp. Một ngàn năm thứ nhất sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt là thời Chánh Pháp, nhân tâm thuần hậu, thật thà, vâng lời, thật sự tu tập; do vậy, giới luật thành tựu, chỉ cần nghiêm túc giữ giới luật tốt đẹp, người ấy có

thể chứng quả, chứng quả A La Hán rất nhiều. Thời kỳ Tượng Pháp, căn tánh của con người kém hơn thời Chánh Pháp, chỉ trì giới sẽ chẳng thể chứng quả, vì sao? Trì giới chẳng thuần! Bên trong có phiền não, có tập khí, bên ngoài có ngũ dục lục trần dụ dỗ, mê hoặc; chỉ dựa vào một mình trì giới sẽ chẳng thể nhiếp tâm. Vì thế, thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu, tu Định; tu Định là thích hợp! Thời kỳ Mạt Pháp, tu Định cũng không được, vì sao? Phiền não tập khí quá nặng, mà sức dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài quá mạnh, trong ứng, ngoài hợp, cho nên tu Thiền chẳng thể đắc định, học giáo chẳng thể khai ngộ, vì sao? Bộp chộp, hời hợt. Đây là hiện tượng trong hiện tại, trược ác trọn khắp, sâu đậm, ngày càng sâu hơn, căn tánh ngày càng kém cỏi. Con người thọ mười tuổi, trong kinh, đức Phật dạy chúng ta ngày nay sanh nhằm giai đoạn được gọi

là Giảm Kiếp. Thọ mạng con người lúc dài nhất là tám vạn bốn ngàn năm, lúc ấy tuổi thọ dài nhất. Giảm Kiếp là từ tám vạn bốn ngàn tuổi, cứ mỗi một trăm năm lại giảm một tuổi, giảm đến mười tuổi. Mười tuổi là thấp nhất, chẳng còn giảm nữa. Từ mười tuổi, cứ mỗi một trăm năm lại tăng thêm một tuổi, lại tăng cho đến tám vạn bốn ngàn tuổi. [Thời gian] một tăng một giảm này được gọi là một tiểu kiếp. Chúng ta hiện đang sống trong giai đoạn Giảm Kiếp này. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật xuất thế, tuổi thọ con người là một trăm năm, cứ một trăm năm giảm một tuổi, đến nay đã ba ngàn năm rồi; vì vậy, tuổi thọ bình quân (trung bình) của con người trong hiện tại là bảy mươi năm. Chúng ta thấy người Trung Quốc thường nói: “Nhân sinh thất thập cổ lai hy” (người sống đến bảy mươi tuổi xưa nay hiếm), sống trong Giảm Kiếp, bảy mươi tuổi! Cứ một trăm năm giảm một tuổi, giảm đến mười tuổi thì còn có sáu ngàn năm nữa. Tới sáu ngàn năm sau, khi đó là lúc ô nhiễm, nghiệp chướng cực nặng, con người sẽ quay đầu vào lúc ấy, vì sao? Chịu quả báo quá khổ sở. Kẻ đã bị đau khổ tột bậc sẽ quay đầu, tỉnh ngộ. Tỉnh ngộ sẽ tiếp nhận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền. “Ư tư, ác lãng thao thiên” (trong khi ấy, sóng ác ngập trời), Ác ở đây là Thập Ác, nhìn vào [tình hình] hiện thời của chúng ta thấy rất tương tự, do vậy, có tai nạn. Ác là nói tới Thập Ác, quý vị nghĩ xem: Ta rất lắng lòng, quan sát khách quan, sẽ thấy nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp trong xã hội này đang suy tưởng gì? Họ nghĩ tới sát sanh, trộm cắp! Sát sanh là gì? Tổn hại người khác hòng làm lợi cho bản thân, điều này thuộc về sát sanh. Trộm cắp là trong mỗi niệm đều chiếm tiện nghi của người khác. Nói cách khác, khởi tâm động niệm đều là tổn người lợi mình, có ý niệm này. Chẳng hề thấy con người khởi tâm động niệm “tổn hại chính mình để tạo lợi ích cho người khác”, [nếu có ý niệm] như vậy thì mới có thể tiến cao hơn. Khởi tâm động niệm toàn là tổn người lợi mình thì còn làm sao được nữa? Ai nấy đều tổn người lợi mình, lẽ nào chẳng phát sanh xung đột? Do vậy, xung đột ngày

càng nhiều! Vô lượng vô biên vô tận xung đột, hóa giải bằng cách nào? Trong quá khứ, tôi đã nhiều lần tham dự hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, chủ đề thảo luận là hóa giải xung đột. Từ trong gia đình, vợ chồng xung đột, cha con xung đột, anh em xung đột, xóm giềng xung đột, cho đến trong xã hội các sắc dân xung đột, quốc gia xung đột, thậm chí xung đột văn hóa, xung đột tôn giáo, quá nhiều mối xung đột dẫn đến động loạn, chiến tranh, tai họa tầy trời, sóng ác ngập trời. “Lửa độc”, độc là gì? Ngũ độc, tức tham, sân, si, mạn, nghi; tham, sân, si, mạn là độc. Nghi là gì? Hoài nghi giáo huấn của thánh hiền. Quý vị thấy Phật, Bồ Tát, cổ thánh tiên hiền cũng xếp điều này (Nghi) vào độc, coi nó là một trong năm thứ độc. Giáo huấn của thánh hiền là những thứ tốt đẹp mà quý vị hoài nghi, chẳng chịu tiếp nhận, không chịu học tập, chẳng thể phụng hành. Nói cách khác, giáo huấn của thánh hiền nhằm cứu vớt, chữa trị quý vị. Quý vị khắp thân bệnh nặng, lại chẳng chịu tiếp nhận trị liệu, chẳng phải là chỉ còn con đường chết hay sao? Xã hội ngày nay khiến cho chúng ta cảm giác “sóng ác ngập trời, lửa độc khắp đất”. Vậy thì thế gian sẽ có đại tai nạn hiện tiền, đó là đạo lý tất nhiên. Nhằm hóa giải tai nạn này, quý vị tin tưởng, chúng ta buông tham, sân, si, mạn, nghi xuống. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta hai câu, vấn đề sẽ được giải quyết: “Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si), vấn

đề sẽ bị hóa giải. Chúng ta có chịu làm hay không? Giới là gì? Giới là quy củ. Đệ Tử Quy là giới [của Nho gia], Cảm Ứng Thiên là giới của Đạo Gia, Thập Thiện Nghiệp Đạo là giới [của nhà Phật]; ba căn cội Nho, Thích, Đạo này thuộc về giới, chúng ta có thể tuân thủ, phụng hành. Những thứ ấy là giáo huấn của thánh hiền, chúng ta đừng hoài nghi, hãy nên tin tưởng, giống như Phu Tử đã nói: "Tín nhi hiếu cổ" (tin tưởng, chuộng cổ). Cổ thánh tiên hiền truyền lại, chúng ta nghiêm túc nỗ lực phụng hành, sửa trừ thói xấu và tập khí, tự mình sẽ đắc độ. Tự mình đắc độ, sẽ ảnh hưởng cả nhà, người nhà quý vị đều vui vẻ, họ sẽ học theo quý vị, người trong nhà quý vị đắc độ. Người nhà đắc độ, xóm giềng, thân thích, bằng hữu trông thấy sẽ học theo quý vị, toàn bộ đều đắc độ, dần dần ảnh hưởng xã hội. Nếu quốc gia giác ngộ, không chỉ cứu đất nước, mà còn cứu toàn bộ thế giới! Quốc gia đề cao ba món căn bản của Nho, Thích, Đạo, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp cùng nhau học tập, dùng Internet và phương tiện truyền thông để đề xướng rộng rãi. Do vậy, tôi thường nói: Nếu quốc gia thật sự làm theo cách này, trong vòng một năm quốc gia sẽ an định, thái bình. Một quốc gia thu được hiệu quả tốt đẹp ngần ấy, các quốc gia khác sẽ đến học tập, ba năm, tối đa là năm năm, thế giới này an định, hòa bình, tai nạn gì cũng đều không có! Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Niệm lực của chúng ta không chỉ ảnh hưởng thân tâm của chính

mình, mà còn ảnh hưởng hoàn cảnh xung quanh, lại còn có thể ảnh hưởng tới quỹ đạo của các tinh cầu trong vũ trụ. Hễ chánh niệm thì các tinh cầu [vận chuyển] bình thường, sẽ chẳng lệch quỹ đạo. Sức mạnh to dường ấy, bất luận là Thái Dương hệ, bất luận Ngân Hà hệ, nó có sức mạnh to lớn ngần ấy. Chúng ta có thể tin tưởng hay chăng? Tôi tin các đồng học đã học Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên sẽ tin tưởng [chuyện này], vì sao? Nửa phần trước trong bài luận văn ấy của Hiền Thủ quốc sư đã giảng thấu triệt duyên khởi vũ trụ. Vũ trụ hình thành ra sao? Vạn pháp xuất hiện như thế nào? Huệ Năng đại sư khi khai ngộ đã nói: "Tự tánh có thể sanh ra vạn pháp", ta do đâu mà có, đã hiểu rõ ràng, minh bạch toàn bộ, quý vị bèn biết sức mạnh của niệm lực quá to lớn! Những điều được giảng trong bài văn ấy là thật, chẳng giả. Bài văn ấy giảng về kinh Hoa Nghiêm, giảng giải tinh hoa kinh Hoa Nghiêm. "Vọng" là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, buông hết những thứ ấy xuống, đoạn sạch chúng, quý vị sẽ trở về nguồn (hoàn nguyên). Hoàn nguyên là gì? Nói theo Phật pháp, "hoàn nguyên" là thành Phật. Phật là gì? Người Ấn Độ gọi là Phật, người Trung Quốc gọi là "thánh nhân". Chúng ta tán thán Khổng lão phu tử là Chí Thánh, [gọi Ngài là] Chí Thánh Tiên Sư. Dùng tiếng Hán để tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật thì phải là Chí Thánh Bổn Sư, chúng ta gọi Thích Ca Mâu Ni Phật là Bổn Sư, Phật là bậc Chí Thánh. Người Ấn Độ gọi là Phật, chúng ta gọi là Chí Thánh, cùng một ý nghĩa. Phật Thích Ca là vị thầy căn bản của chúng ta, nên chúng ta gọi Ngài là Chí Thánh Bổn Sư, dùng cách nói này của người Hoa sẽ dễ hiểu, rất dễ lãnh hội! Ngài chẳng phải là thần, mà cũng chẳng phải là tiên. Thuở tại thế, Ngài khai ngộ lúc ba mươi tuổi; sau khi khai ngộ liền tiến hành dạy học suốt một đời, bảy mươi chín tuổi viên tịch, giảng kinh, giáo học bốn mươi chín năm. Nói theo cách bây giờ, chức nghiệp của Ngài là thầy. Lại còn hết sức khó có, Ngài đã trọn hết nghĩa vụ của một vị thầy, chẳng lấy học phí. Nhiệt tâm dạy học, dạy dỗ chẳng phân biệt, bất luận người nào, quốc gia khác biệt, dân tộc khác biệt, văn hóa khác biệt, tôn giáo, tín

ngưỡng khác biệt, chỉ cần quý vị tìm đến Ngài, Phật đều rất hoan hỷ, hết sức sốt sắng dạy quý vị, một vị thầy tốt đẹp dường ấy! Chúng ta được biết Ngài, học tập theo Ngài, quá sức may mắn dường ấy! Thầy hiện thời chẳng tại thế, chẳng sao hết! Tài liệu giảng dạy của Ngài vẫn còn trong thế gian này, tài liệu ấy chính là Đại Tạng Kinh. Những kinh điển trong Đại Tạng Kinh chính là tài liệu dạy học thuở Ngài tại thế, chúng ta có được tài liệu này giống như thân cận lão nhân gia, chẳng khác gì! Nay chúng ta gặp phải hoàn cảnh hiện tượng, hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất này, quả thật rất giống hiện tượng lúc pháp diệt, tám chữ "sóng ác ngập trời, lửa độc khắp đất" [miêu tả hiện tượng ấy], nhưng đấy là tương tự, chẳng phải là thật sự.

Lúc con người thọ mười tuổi là thật, vì sao? Họ nhiễm tập khí quá nặng, Phật, Bồ Tát tới dạy, nhưng họ không quay đầu. Do vậy, cứ dần dần, mỗi trăm năm tăng lên một tuổi, tăng từ từ, thọ mạng càng dài, phước báo to lớn. Đây gọi là "phước chí tâm linh", phước báo to, dần dần trí huệ hiện tiền. Tăng kiếp và giảm kiếp khác nhau, trong lúc giảm kiếp, kẻ phước báo lớn sẽ tạo ác to hơn. Lúc tăng kiếp, kẻ có phước báo lớn sẽ tu thiện càng lớn hơn, khác nhau ở chỗ này! Chúng ta phải quan sát kỹ càng, chú tâm thấu hiểu, sẽ có thể đạt được. Vì sao chúng ta nói sự mê hoặc trong hiện tại là nhất thời, rất dễ đánh thức họ? Trong quá khứ, chúng tôi đã làm thí nghiệm tại Thang Trì, hoàn toàn dùng Đệ Tử Quy để dạy học, mới ba năm, lòng người đã thật sự quay đầu, giác ngộ, khiến cho chúng tôi biết nhân dân dễ dạy như thế nào! Khiến cho chúng tôi tin tưởng tổ tiên đã nói chẳng sai: "Nhân chi sơ, tánh bổn thiện", đáng tiếc là chẳng ai dạy họ. Hễ được dạy, họ sẽ quay đầu, đây là nói họ "có lương tâm", có thể phân biệt thiện ác; do không có ai giảng giải nên chịu ảnh hưởng bên ngoài rất lớn. Nếu được dạy dỗ trực tiếp, thường xuyên nhắc nhở họ, họ sẽ quay đầu rất nhanh. Trong [giai đoạn cuối của] thời Mạt Pháp, vấn đề ấy nghiêm trọng hơn so với chúng ta trong hiện tại. "Thế Tôn thùy từ" (đức Thế Tôn rủ lòng Từ), đây là nói Thích Ca Mâu Ni Phật từ bi đến cùng cực, lưu lại kinh Vô Lượng Thọ; "đặc lưu thử pháp", "thử pháp" là kinh Vô Lượng Thọ. Vì trong lúc ấy, chỉ có bộ kinh này, chỉ có phương pháp trì danh này là có thể độ chúng sanh. "Dĩ tác từ hàng, dĩ giáng cam lộ" (làm chiếc bè từ, tuôn cam lộ), "từ hàng" là tỷ dụ chiếc thuyền trong biển cả khiến cho quý vị có thể vượt biển. "Cam lộ" (Amrta) cũng là tỷ dụ, cam lộ là thức uống của chư thiên, chẳng hạn như Đao Lợi Thiên, thức uống tốt nhất trong cõi trời Đao Lợi là cam lộ. Sánh ví bộ kinh như từ hàng, cam lộ. "Phật ân thâm trọng, phấn thân nan báo" (ơn Phật sâu nặng, nát thân khó đền), tri ân thì quý vị mới biết cảm ơn, mới nghĩ đến báo ân. Nếu chẳng biết ân đức này, làm sao quý vị có ý niệm cảm ơn? Càng không thể nghĩ đến báo ân, những điều này hoàn toàn cậy vào giáo học. Chúng ta học tập phần Giáo Khởi Nhân Duyên tới đây. Tiếp đó, đoạn lớn thứ hai là Bổn Kinh Thể Tánh (Thể tánh của kinh này), Đoạn này có ý nghĩa khá sâu! Thể là gì? Là sở y (cái để giáo nghĩa nương tựa vào, căn bản để lập ra giáo nghĩa). Những lý luận được giảng, phương pháp được sử dụng, cảnh giới sẽ đắc trong kinh điển này dựa trên đạo lý nào? Nếu chẳng hiểu rõ điều này, tín tâm của chúng ta chẳng thể kiến lập; thật sự có đạo lý, chúng ta sẽ tin tưởng! Đức Phật nương vào gì để nói, nương vào gì để chỉ dạy chúng ta? Xin xem kinh văn: "Nhất thiết Đại Thừa kinh điển giai dĩ Thật Tướng vi kinh chánh thể" (hết thảy kinh điển Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm Chánh Thể của

kinh), câu này trước hết nêu ra kinh thể. Quý vị thấy hết thảy kinh điển Đại Thừa, không riêng gì bộ kinh

này, đều lấy Thật Tướng [làm Thể]. Thật Tướng là gì? Chân tướng sự thật là Chánh Thể. Nói cách khác, hết thảy kinh Đại Thừa đều là giảng Thật Tướng chân thật của vũ trụ và nhân sinh; sự thật là như thế nào, kinh bèn nói như thế đó, nhất định hoàn toàn tương ứng với sự thật. Chúng ta muốn liễu giải Thật Tướng của vũ trụ và nhân sinh, kinh bèn giảng cho chúng ta điều ấy, chẳng giả! Lúc tôi mới học Phật, theo học triết học với tiên sinh Phương Đông Mỹ, thầy Phương giới thiệu kinh Phật với tôi, nói như thế nào? Bảo đấy là triết học. Tôi học triết học với thầy, chẳng học tôn giáo, tôi nói: "Kinh Phật là tôn giáo, trong tôn giáo đâu có triết học? Mê tín!" Tuổi trẻ, thiếu trí huệ, người ta nói sao nghe vậy, lầm tưởng Phật giáo là tôn giáo, là mê tín; do vậy, chưa hề nghĩ muốn tiếp xúc Phật giáo, chưa từng. Lúc thầy giới thiệu, đã hết sức trịnh trọng nói: "Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc triết gia vĩ đại nhất thế giới, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người". Tôi theo học môn ấy với cụ mới thay đổi toàn bộ quan niệm sai lầm, thầy đặc biệt cảnh tỉnh tôi: "Triết học của kinh Phật không ở tại chùa chiền". Chùa chiền chẳng phải là chuyên môn học Phật ư? Thầy nói: "Trước đây, đúng là như vậy. Hiện thời chẳng còn nữa. Trước kia, người xuất gia đúng là những vị đại học vấn, có đạo đức, có học vấn. Hiện thời, họ chẳng học, chùa chiền có kinh điển, họ niệm kinh chứ chẳng nghiên cứu, chẳng nương theo giáo huấn trong kinh điển để học tập. Do vậy, anh phải học tập triết học trong kinh Phật, phải khởi sự từ kinh điển". Thầy bảo tôi điều này, câu nói ấy vô cùng quan trọng. Nếu chẳng được nhắc nhở bởi câu ấy, tôi đến chùa miếu tìm gặp các vị xuất gia, thỉnh giáo họ. Họ chẳng có cách gì trả lời, tôi sẽ hoài nghi lời thầy Phương có vấn đề, lòng tin vào thầy bị dao động. Khéo sao, thầy nói câu ấy, bảo tôi tìm tòi trong kinh điển, không cần phải đến hỏi bọn họ, hãy trực tiếp tìm từ kinh điển. Không lâu đó, tôi được biết Chương Gia đại sư. Giống như thầy Phương, Chương Gia đại sư vô cùng yêu thương tôi, rất quan tâm dạy dỗ. Lão nhân gia dạy tôi học Thích Ca Mâu Ni Phật, bảo tôi đọc Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí. Đó là truyện ký về Thích Ca Mâu Ni Phật trong Đại Tạng Kinh do người đời Đường viết. Chúng tôi liễu giải cuộc đời Thích Ca Mâu Ni Phật, đã hiểu rõ đức Phật. Nếu quý vị học Phật mà chẳng biết gì về Thích Ca Mâu Ni Phật, sự học tập của quý vị có vấn đề, rất dễ ngả theo thiên kiến, đi vào lối rẽ, [nói theo kiểu] người hiện thời là đi đường vòng. Quý vị nhận biết Thích Ca Phật rõ ràng, sẽ chẳng đi lòng vòng, lời chỉ đạo này hết sức hay! Chương Gia đại sư khuyên tôi xuất gia, tôi rất vâng lời, vì tôi không có gia quyến tại Đài Loan. Cha tôi đã mất sớm, mẹ còn có một em trai ở Đại Lục [chăm sóc]. Khi ấy, tin tức chẳng thông, suốt cả ba mươi sáu năm chẳng có tin tức gì, đôi bên chẳng biết tình hình của nhau. Do vậy, tôi

là một người chẳng lo âu gì ở Đài Loan, thầy bảo đi xuất gia, được! Chuyên dồn công sức nơi Phật pháp. Tôi xuất gia là giảng học, tức là dạy học. Tôi học Phật bảy năm rồi xuất gia, xuất gia xong bèn dạy tại Phật Học Viện, ngoài dạy học ra, nhận lời mời giảng kinh. Giảng suốt năm mươi chín năm chẳng ngừng, mỗi ngày đều giảng. Tôi ở Úc, trong các trường đại học, hiệu trưởng đại học Cách Lý Phỉ Tư (Griffith) mời tôi dùng cơm, hỏi tôi một câu: "Thưa pháp sư, thầy giảng kinh (lúc ấy đã giảng kinh bốn mươi ba năm),

trong bốn mươi ba năm, có khi nào gặp phải trường hợp người khác hỏi mà thầy chẳng thể trả lời?" Tôi suy nghĩ một chốc, rồi bảo ông ta: "Hình như không có!" Ông ta nói: "Thầy thật sự là một vị hiệu trưởng giỏi". Vì thế, nhà trường tặng tôi học vị Tiến Sĩ, họ chủ động trao tặng học vị Tiến Sĩ cho tôi. Khi đó, tôi đã ngoài bảy mươi. Họ còn phong cho tôi danh vị giáo sư danh dự. Giáo sư danh dự (Honorary Professor) là gì? Đại khái là người ấy dạy học ở trường của họ khá lâu năm, dạy đã bao nhiêu năm, có cống hiến đối với sự nghiệp giáo dục trong nhà trường. Một vị thầy như vậy về hưu sẽ có một danh vị danh dự, Giáo Sư Danh Dự, tức là Giáo Sư Danh Dự của nhà trường. Mỗi khi nhà trường có lễ lạc lớn, chẳng hạn như lễ khai trường, lễ tốt nghiệp, đều mời những vị này tham dự. Như vậy là nhà trường đã tặng tôi danh vị như vậy, tham gia hoạt động của trường, sau này, thật sự là đại biểu của trường tham dự hội nghị Liên Hiệp Quốc. Thưa quý vị, nếu người ta hỏi quý vị: Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng kinh, rốt cuộc giảng những gì? Giải đáp bằng một câu: "Giảng về Thật Tướng của vũ trụ và nhân sinh". Quý vị nói xem có phải là mê tín hay chăng? Chẳng mê tín. Câu này rất trọng yếu; nếu không, quý vị học Phật như thế nào? Tôi nhớ có một năm, lúc tôi ăn Tết ở Đài Loan, có một đồng học tới gặp tôi, ông ta là giáo sư đại học, khi gặp tôi cho biết: Ở đại học Phụ Nhân, trong chương trình ngoại khóa, ông ta đã giảng cho sinh viên một bộ Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Ông ta kể với tôi [như vậy], tôi bảo: "Tốt lắm! Rất khó có!" Lúc ấy, tại Đài Loan, phong khí học Phật của sinh viên đại học rất thịnh, mỗi trường đều thành lập Phật Học Xã. Tại đại học Phụ Nhân là Đại Thiên Phật Học Xã do các đồng học tổ chức nhằm học tập Phật pháp. Tôi bèn hỏi ông ta một câu: "Tôi hỏi ông một câu, ông hãy cho tôi biết những kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm rốt cuộc là giảng những gì? Ông hãy trả lời tôi bằng một câu thôi!" Ông ta suy nghĩ khoảng năm phút, chẳng có cách nào, bảo tôi: "Tôi nghĩ không ra câu trả lời, nghĩ không ra!" Ông ta hỏi ngược lại tôi, tôi bảo: "Trong kinh Phật có một câu, tức là kinh Bát Nhã giảng chư pháp Thật Tướng, dùng câu này để trả lời có được hay không?" Ông ta suy nghĩ, gật đầu, được! "Chư pháp Thật Tướng" là Thật Tướng của hết thảy các pháp. Chúng ta phải biết điều này, đơn giản, dễ hiểu; [cách nói này đã] trình bày đơn giản, dễ hiểu cho

người khác biết những điều mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã suốt đời tu tập, học hỏi, dạy dỗ, lưu truyền, kẻ ấy sẽ chẳng nói [Phật giáo] là mê tín. Chúng ta xem tiếp, cụ Hoàng đã trích dẫn khá nhiều kinh điển và lời nhận định của các tổ sư đại đức. "Cổ đức vân" (cổ đức nói), đây là những vị đại đức từ xưa, các Ngài nói: "Chư Đại Thừa kinh giai dĩ nhất Thật Tướng vi ấn" (các kinh Đại Thừa đều lấy một Thật Tướng làm ấn). Người Hoa hết sức coi trọng cái ấn, gọi là "ấn tín". Nói đến "đóng ấn" thì cái ấn ấy là quyết định! Ấn ấy là gì? Thật Tướng. Nếu những điều được giảng trong kinh điển là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh thì kinh ấy do đức Phật nói. Chẳng [thật sự] do đức Phật nói thì sao? Chẳng do chính đức Phật nói thì cũng giống như do đức Phật nói, vì nói giống hệt như Phật. Do vậy, phải học sự khoan dung rộng lượng ấy của Phật giáo! Phật giáo thừa nhận: Nếu tất cả những gì do người ta đã nói là chân tướng sự thật thì đều gọi là kinh Phật. Quý vị thấy thái độ học vấn ấy, chẳng chia đây kia, Phật thừa nhận, Bồ Tát cũng thừa nhận: Quý vị nói đúng chân tướng sự thật. Tiếp theo đó là giải thích: "Thật Tướng

giả, chân thật chi tướng dã” (Thật Tướng là tướng chân thật), là chân tướng của vạn vật trong vũ trụ. “Hựu bình đẳng nhất tướng dã” (mà cũng là một tướng bình đẳng), câu này sâu lắm. Chúng tôi nói chân tướng của vũ trụ và nhân sinh thì quý vị dễ hiểu, còn nếu nói là “bình đẳng nhất tướng” sẽ khó hiểu, vì sao? Đây đúng là triết học cao cấp, thầy Phương bảo là “tột đỉnh của triết học”. Nói với quý vị: Hết thảy các pháp bình đẳng, hết thảy các pháp có cùng một thể tánh. Trong Phật pháp, thể tánh ấy được gọi bằng danh từ Pháp Tánh, còn gọi là Chân Tánh, hay còn gọi là Tự Tánh. Có đến mười mấy danh từ! Vì sao đối với một chuyện mà đức Phật nói nhiều danh từ thuật ngữ như thế? Nhằm bảo quý vị đừng chấp tướng. Quý vị chớ nên chấp trước, chỉ cần nói tới chuyện này, còn dùng phương pháp gì để nói, dùng danh từ gì để nói đều được, chớ nên chấp tướng. Ngài dạy chúng ta buông chấp trước xuống, mà chúng ta chấp tướng là trật rồi! “Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”. Do vậy, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta thái độ tu học: Khi lên lớp nghe giảng, chúng ta đừng chấp trước tướng ngôn thuyết, người giảng nói sâu, hay nói cạn, nói dài, hay nói ngắn, chẳng sao cả, chỉ cần nói đến chân tướng là được rồi. Chúng ta xem kinh điển đừng chấp trước tướng văn tự, đừng chấp trước tướng danh tự. “Danh tự” là danh từ thuật ngữ. Danh từ thuật ngữ là công cụ để trao đổi ý kiến, không quan trọng, chúng ta có thể thấu ý nghĩa, đó mới là quan trọng. Vì thế, các danh từ thuật ngữ không quan trọng, đừng chấp trước chúng. Hễ chấp trước là trật rồi! Chẳng hạn như [các từ ngữ] “Phật, Bồ Tát, chúng sanh” trong kinh Phật đều là tướng danh tự, quý vị liễu giải ý nghĩa của chúng, chớ nên chấp trước những danh tướng ấy. Điều thứ ba rất trọng yếu, phải lìa tướng tâm duyên, quý vị chớ nên tự mình

nghĩ nó có ý nghĩa gì. Hễ quý vị suy tưởng là trật rồi! Quý vị chẳng cần suy nghĩ mà trực tiếp hiểu rõ, đấy gọi là Ngộ. Nếu quý vị suy nghĩ sẽ là sai, suy tưởng nó là gì bèn rơi vào ý thức. Ý thức là phân biệt, chấp trước, quý vị rơi vào đó! Đức Phật dạy hàng Bồ Tát, đó là những học trò đã đăng đường nhập thất75, chẳng phải là học trò thông thường, mà là những học trò có thành tựu rất khá, mà họ cũng chẳng được phép khởi tâm động niệm. Vì vậy, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân chạm, ý biết, lục căn đối đãi cảnh giới lục trần chớ nên khởi tâm, chớ nên động niệm, [nhưng vẫn hiểu biết] rõ ràng, rành mạch, đó là gì? Trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh hiện tiền, đó là chân trí huệ. Khởi tâm động niệm sẽ mê, vì sao khởi tâm động niệm lại mê? Tại Trung Quốc, quý vị đều biết, Huệ Năng đại sư khai ngộ, minh tâm kiến tánh, tánh là Thật Tướng. Tánh là như thế nào? Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, không thể diễn tả được! Không chỉ chẳng diễn tả được, ngay cả suy tưởng cũng chẳng thể suy tưởng, quý vị vừa nghĩ liền rớt vào trong ý thức. Ngài khai ngộ, Ngũ Tổ cũng khai ngộ, người khai ngộ nói chuyện với người khai ngộ, tiện lắm! Lục Tổ đã diễn tả tự tánh bằng năm câu nói, câu đầu tiên là “hà kỳ tự tánh, bổn tự thanh tịnh” (nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh), “hà kỳ” là không ngờ tới. Không ngờ tự tánh vốn thanh tịnh, chưa bao giờ ô nhiễm. Thành Phật là thanh tịnh, nay ở trong nhân gian tánh vẫn thanh tịnh. Dẫu tạo tác tội nghiệp đọa vào A Tỳ địa ngục, tánh vẫn thanh tịnh, thật vậy, chẳng giả! Trong kinh Phật thường nói đến các thứ ô nhiễm, quý vị thấy như chúng ta vừa mới đọc: “Trược ác di thâm, ác lãng thao thiên,

độc diệm biến địa” (Trược ác sâu xa, trọn khắp, sóng ác ngập trời, lửa độc trọn đất), đó là ô nhiễm, ô nhiễm chẳng liên quan gì đến tự tánh, cái gì bị ô nhiễm? A Lại Da ô nhiễm, tự tánh chẳng thể bị ô nhiễm. A Lại Da có sanh diệt, tự tánh chẳng thể có sanh diệt. A Lại Da là gì? A Lại Da là vọng tâm, là giả, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm quyết định chẳng có sanh diệt, quyết định chẳng bị lay động, quyết định chẳng có ô nhiễm. Đấy là chân tâm, quý vị thấy nó là con người thật sự của quý vị. Chúng ta dùng chân tâm thì là Phật, dùng vọng tâm thì là phàm phu. Vọng tâm là A Lại Da, A Lại Da là gì? Là tâm ý thức. Quý vị phải nhớ: Tâm là vọng tưởng, ý là chấp trước, thức là phân biệt. Chúng ta dùng những thứ ấy; nên khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, giả trất, chẳng thật! Do dùng những thứ ấy, nên mới có lục đạo luân hồi. Nếu quý vị chẳng dùng những thứ ấy, lục đạo luân hồi sẽ chẳng có. Không chỉ lục đạo luân hồi chẳng có, ngay cả mười pháp giới cũng không có. Không có những thứ ấy thì là cảnh giới gì? Đó là Nhất Chân pháp giới. Do vậy, mười pháp giới và lục đạo luân hồi đều là mộng, giống như nằm mộng, trong mộng có [những hình tướng] thì là lúc quý vị mê mới có. Khi giác ngộ, tỉnh ngộ, sẽ chẳng

còn nữa! Nói cách khác, quý vị dùng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì có; nếu buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, không dùng chúng thì lục đạo và mười pháp giới chẳng còn nữa, [chúng là] giả tướng. Quý vị đã tỉnh giấc mộng rồi! Quý vị có thấu hiểu “bình đẳng nhất tướng” hay chăng? Tôi vừa mới nói điều này, nếu quý vị chưa thể hiểu thì tôi nhắc nhở quý vị một chút, trong mộng bất luận là hưởng lạc hay chịu khổ, sau khi tỉnh giấc có phải là giống nhau hay chăng? Lạc chẳng có, mà khổ cũng không có, chẳng phải là bình đẳng nhất tướng ư? Chúng chẳng phải là thật! Thiên đường, địa ngục toàn là giả, nhưng quý vị phải hiểu: Quý vị chưa tỉnh sẽ thật sự hứng chịu! Quý vị đang nằm mộng thì thiên đường thật sự vui, trong địa ngục thật sự khổ, dường như chẳng giả chút nào! Sau khi tỉnh mới biết chúng là giả. “Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”; “hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”, quý vị biết những điều ấy là bình đẳng nhất tướng. Nếu quý vị học Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, sẽ rất dễ liễu giải bình đẳng nhất tướng. Vọng Tận Hoàn Nguyên là nhất tướng. Nay chúng ta liễu giải, chưa đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, vẫn tiếp tục sử dụng chúng, nhưng chúng ta tin tưởng lời Thích Ca Mâu Ni Phật là chân thật, chẳng giả. Bài luận văn này do Hiền Thủ quốc sư dựa theo kinh Hoa Nghiêm soạn ra, cũng là chân thật, chẳng giả. Nay chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, chúng ta dùng cái tâm bình đẳng để đối đãi, chắc chắn không có sai biệt, nghĩ đức Phật thường dạy trong kinh Đại Thừa: “Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”, chúng ta dùng tâm thái này để xử sự, đãi người, tiếp vật, để sống, đó chính là cảnh giới Phật. Quý vị có phân biệt, tôi không phân biệt; quý vị có chấp trước, tôi không chấp trước; quý vị có khởi tâm động niệm, tôi chẳng khởi tâm động niệm. Tôi có thể tùy thuận sự phân biệt, chấp trước của quý vị, nhưng chính mình chẳng phân biệt, chấp trước, giống như diễn tuồng! Trên sân khấu, quý vị phải biểu diễn theo kịch bản. Kịch bản bắt cười thì quý vị phải cười, bắt khóc, quý vị phải khóc, có phải là quý vị thật sự cười hay khóc chăng? Chẳng hề! Cứ dựa theo kịch bản để biểu diễn. Phật, Bồ Tát ở trong nhân gian, quý vị vui vẻ, các Ngài cũng vui vẻ. Quý vị khổ sở, dường như các Ngài cũng có tâm đồng cảm, đó là gì? Đó là diễn tuồng,

quý vị là thật sự, các Ngài là giả, khác hẳn. Quý vị thật sự có khổ, có sướng, các Ngài chẳng khổ mà cũng chẳng sướng. Đây là người giác ngộ ở cùng chỗ với người chưa giác ngộ, nhưng khác nhau. Người có cùng cảnh giới giác ngộ như vị ấy sẽ thấy được, thấy rất rõ ràng. Nếu chưa đạt tới cảnh giới ấy, sẽ chẳng thấy được! Phật, Bồ Tát và chúng sanh hòa quang đồng trần, nhưng chúng sanh nhìn không ra, đó gọi là diệu! Vì thế, pháp này gọi là diệu pháp, đạo lý ở chỗ này! Đấy là bình đẳng nhất tướng.

"Thật Tướng vô tướng, diệc vô bất tướng, tướng nhi vô tướng, danh vi Thật Tướng" (Thật Tướng vô tướng, mà cũng chẳng phải là không có tướng, tướng mà không có tướng nên gọi là Thật Tướng); đọc mấy câu này khiến chúng ta hồ đồ! Người mới học đọc đến sẽ hồ đồ, nhưng nếu quý vị là người thật sự hiểu rõ, sẽ biết mấy câu này nói quá hay! Thật Tướng vô tướng, nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nhưng nó có thể biến hiện vật chất và tinh thần, có thể sanh ra hiện tượng vật chất, có thể sanh ra hiện tượng tinh thần, có thể hiện ra hiện tượng vật chất, có thể hiện ra hiện tượng tinh thần, nên nó là có thể sanh, có thể hiện (năng sanh, năng hiện). Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần là toàn thể vũ trụ, trong Phật pháp chúng được gọi là pháp giới. Hết thảy hiện tượng trong trọn pháp giới khắp hư không giới, mười pháp giới lục đạo là "sở sanh, sở hiện" (cái được sanh, cái được hiện). Cái có thể sanh, có thể hiện là chân thật, vĩnh hằng bất biến; sở sanh sở hiện là giả, giống như nằm mộng, là cảnh giới trong mộng. Chúng chẳng phải là thật, mà là giả; nhưng giả và thật lại chẳng tách rời, giả do đâu mà có? Giả nương vào thật để khởi; chẳng có Thật, lấy đâu ra Giả? Nương vào Thật mà khởi. Tuy nương vào Thật mà khởi, nhưng nó chẳng thật, nó là hình bóng của Thật mà thôi. Phải hiểu rõ chân tướng sự thật này. Sau khi hiểu rõ, tuy quý vị còn chưa giác ngộ hoàn toàn, chưa hoàn toàn trở về tự tánh, nhưng đối với hết thảy các pháp trong thế gian này, quý vị có thể buông xuống, chẳng còn chấp trước nữa; đó là quý vị thật sự giác ngộ. Quý vị coi trọng điều gì? Quý vị coi trọng chuyện nâng cao linh tánh, chẳng coi trọng tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian này, coi thường những thứ ấy, rất coi trọng việc nâng cao đức hạnh, trí huệ, linh tánh của chính mình. Trong ấy có niềm vui chân thật, có lạc thú không cách nào tưởng tượng được! Do vậy, các tổ sư đại đức từ xưa thường dùng một câu nói để hình dung: "Thế vị na hữu pháp vị nùng!" (Pháp thế gian chẳng nồng đậm bằng pháp vị). Con người hiện thời tham cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần trong thế gian. Quý vị thật sự hưởng thụ linh tánh thì ngũ dục, lục trần, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ trong thế gian này làm sao có thể sánh bằng pháp? Thua kém quá xa! Quý vị đã nếm pháp vị, sẽ tự nhiên buông ngũ dục lục trần của thế gian xuống, mới thật sự biết chúng là ô nhiễm, trong ấy có gì để hưởng thụ? Ô nhiễm gì? Ô nhiễm linh tánh! Thật ra, chẳng thể ô nhiễm linh tánh. Nếu linh tánh thật sự bị ô nhiễm thì sẽ chẳng linh, tự tánh bị ô nhiễm sẽ không gọi là tự tánh, thật sự chẳng bị [ô nhiễm]. Những phiền não ấy ô nhiễm thứ gì vậy? Nhiễm bẩn A Lại Da, đó là vọng tâm của quý vị, khiến cho vọng tâm thêm hư vọng. Nói "hư vọng" thì chúng ta khó hiểu, chúng tôi nói là "vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nặng hơn", những thứ này càng sâu thêm hơn mà thôi! Chúng ô nhiễm cái tâm của quý vị, khiến

cho chính mình ngày càng thêm xa cách tâm thanh tịnh và tự tánh, nó gây chướng ngại trong ấy, chuyện là như vậy đó! "Thật Tướng vô tướng", như tôi vừa mới nói, đó là Thể. Thật Tướng là Thể, là tự tánh. Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, "diệc vô bất tướng", đó là sở sanh, sở hiện. Thật Tướng có thể hiện tướng, điều này rất khó hiểu. Thường là mỗi khi chúng tôi giảng đến chỗ này, tôi đều dùng máy truyền hình làm tỷ dụ. Thật Tướng là gì? Thật Tướng là màn hình, màn hình TV là thật, nó tồn tại. "Vô bất tướng" là gì? Vô bất tướng là những hình ảnh hiện ra nơi màn hình. Quý vị thấy chúng ta nhấn nút mở TV, hình ảnh bèn hiện ra, hiện trong màn hình. Nếu chúng ta hỏi: Màn hình là Thật Tướng, hình ảnh hiện ra là vọng tướng (tướng hư vọng), tách rời chân tướng và vọng tướng bằng cách nào? Quý vị có cách nào tách rời chúng hay chăng? Những hình ảnh ấy rời khỏi màn hình sẽ chẳng thể hiện tướng, tuy chúng hiện trên màn hình, nhưng tuyệt đối chẳng phải là màn hình, chẳng có mảy may gì liên quan đến màn hình cả! Chân là chân, vọng là vọng. Làm thế nào để tiêu diệt vọng tướng? Nhấn nút tắt TV, lập tức chẳng còn nữa. Do vậy, trong chân tướng có thể hiện vô lượng vô biên sắc tướng. Có nhiều băng tần, quý vị tùy tiện nhấn một nút nào đó. Nếu quý vị chẳng nhấn nút, màn hình sẽ khôi phục hình trạng như cũ, đó gọi là "vô tướng, vô bất tướng". Màn hình là vô tướng, [các hình ảnh] trong băng tần là vô bất tướng, đó là thứ chúng ta đối diện mỗi ngày. Do vậy, xem TV mà có thể khai ngộ, nếu quý vị có thể coi theo cách như vậy thì sẽ có thể khai ngộ, liễu giải điều gì? Chân và vọng chẳng hai, chân chẳng phải là vọng, vọng chẳng phải là chân, nhưng chân và vọng chẳng hai! Chân ở đâu? Chân ở trong vọng; vọng ở đâu? Vọng ở trong chân, tham ngộ điều này sẽ khai ngộ. Do vậy, đối với TV, nếu quý vị biết cách xem TV thì chẳng khác gì niệm kinh Hoa Nghiêm! Chẳng khác gì nhau! Quý vị chẳng biết xem, khi xem, sẽ hoàn toàn bị những động tác trong ấy mê hoặc, bèn hồ đồ. Nếu quý vị có thể nhìn ra chân và vọng chẳng hai trong TV, nhìn thấy "phàm những gì có tướng đều là hư vọng", chẳng phải là quý vị đã đại triệt đại ngộ rồi ư? Đó là gì? TV và kinh Hoa Nghiêm chẳng khác nhau, mà cũng chẳng khác kinh Vô Lượng Thọ. Xem TV là học Phật, người biết coi sẽ là thành Phật, thành Bồ Tát. Kẻ chẳng biết coi sẽ là tạo nghiệp, trong tâm bị TV xoay chuyển, nó cười quý vị cũng cười, nó khóc quý vị cũng khóc. Học những thứ giết, trộm, dâm, dối trong ấy, sao không đọa địa ngục cho được? Vì vậy, kinh Phật ở nơi đâu? Không có gì chẳng phải là kinh Phật! Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm ở đâu? Vô Lượng Thọ ở đâu? Không có gì chẳng phải là Vô Lượng Thọ, không có gì chẳng phải là Đại Phương Quảng, chẳng phải là Phật Hoa Nghiêm. Vấn đề là quý vị có biết hay là không? Do vậy, kinh do đâu mà có? Kinh từ Thật Tướng xuất hiện, đức Phật giảng về Thật Tướng.

Tiếp đó là nói về vô tướng. "Vô tướng giả, ly nhất thiết hư vọng chi tướng. Vô tướng tức ly tướng" (vô tướng là lìa hết thảy các tướng hư vọng, vô tướng chính là ly tướng). Có tướng hay không? Có tướng. Vì sao gọi là vô tướng? Trong tâm không có tướng. Mắt chúng ta nhìn vào TV, TV có tướng hay không? Có tướng; nhưng trong tâm chúng ta hiểu rất rõ ràng, tướng ấy là huyễn tướng, chẳng thật, là giả. Đối với sắc tướng hiện trên màn hình, quý vị chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Quý vị chẳng chấp trước thì là tu A La Hán; chẳng phân biệt là tu Bồ Tát hạnh; không khởi tâm, không động niệm là tu Nhất Thừa Phật pháp. Quý vị thật sự học hiểu, thì mỗi ngày xem TV sẽ tu hành ngay

nơi đó, quý vị tu A La Hán, hay tu Bồ Tát, hay tu Phật. Chẳng biết tu thì sao? Chẳng biết tu sẽ tu nhân thiên, tu A Tu La, tu súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, đều là trong một niệm; thật đấy, chẳng giả đâu! Quý vị học tập những thứ giết, trộm, dâm, dối từ TV, đó là tam ác đạo, quý vị đang học tam ác đạo. Quý vị coi TV, đây là tốt, là thiện, tự nhủ: Ta phải học theo. Chẳng tốt thì ta phải sửa đổi, hối lỗi, ta có [những điều xấu ấy] hay chăng? Nếu có lúc ta phạm những lỗi ấy, ta chớ nên giống như họ, đó chính là [tu nghiệp] nhân thiên; thứ gì cũng chẳng chấp trước là A La Hán, thứ gì cũng chẳng phân biệt là Bồ Tát. Quý vị thấy đó, cùng xem TV như nhau, nhưng mỗi cá nhân thành tựu khác nhau. Có người coi TV bèn thành Phật, thành Bồ Tát, có người coi TV bèn đi vào địa ngục. Do vậy, tổ sư đại đức trong Tông Môn thường hỏi học trò một câu: "Ngươi có hiểu không?" Câu này có ý nghĩa vô lượng sâu rộng, quý vị có hiểu ý nghĩa hay chăng? Quý vị hiểu thì sẽ thành Phật, thành Bồ Tát; không hiểu thì sao? Không hiểu sẽ vào tam đồ! Do vậy, "lìa hết thảy các tướng hư vọng" là bảo quý vị lìa trong tâm, chẳng phải là bảo quý vị lìa nơi sự. Sự chẳng có chướng ngại, Sự Sự vô ngại, trong tâm không có [chướng ngại]. Vĩnh viễn giữ gìn cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác, đấy là đạo thành Phật. Vì sao không có Sự? Sự là giả, là hư vọng, quý vị chẳng cần lìa nó; coi nó là có thật, quý vị đã bị lừa, sai mất rồi! Quý vị biết nó là hư vọng, chỉ cần quý vị chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, chuyện gì cũng đều không có, đó là Như Lai ứng thế. Chư Phật Như Lai đến thế gian là đến như vậy, các Ngài ở cùng chúng ta, nhưng quả thật chẳng khởi tâm động niệm. Trên hình thức, các Ngài chẳng khác gì chúng ta, hòa quang đồng trần với chúng ta. Trên thực tế, các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Bồ Tát ở cùng chỗ với chúng ta, tuy có khởi tâm động niệm, nhưng chẳng phân biệt, chấp trước. Từ chỗ này, chúng ta hiểu cảnh giới của các Ngài cạn hay sâu khác nhau. Câu kế đó là: "Hựu Thật Tướng vô bất tướng, phi ngoan không dữ đoạn diệt, phi như quy mao thố giác, nhất thiết hư vô" (lại nữa, Thật Tướng chẳng phải là không có tướng, chẳng phải như hư không trơ trơ và đoạn diệt,

chẳng giống như lông rùa, sừng thỏ, hết thảy hư vô). Những điều này đều nhằm chúng ta giải thích vô tướng, vô tướng là gì? Vô tướng là lìa hết thảy các tướng hư vọng. Vô tướng là ly tướng, phải nhớ điều này; chứ chẳng phải là lìa khỏi tướng, chẳng có ý nghĩa ấy! Ngay nơi tướng mà lìa tướng, tướng ở ngay trước mặt, biết nó là hư vọng, quý vị sẽ chẳng chấp trước, đó gọi là "ly tướng", trọn chẳng phải là tiêu diệt tướng, [nếu hiểu "ly tướng" là tiêu diệt tướng] thì trật mất rồi! Do vậy, tiếp đó, cụ Hoàng giảng: Thật Tướng chẳng phải là không có tướng, chẳng phải là hư không trơ trơ, chẳng phải là đoạn diệt. Phật pháp nói "vô bất tướng", nếu quý vị hiểu lầm ["vô tướng"] là Không, Không là gì? Thứ gì cũng đều chẳng có, [hiểu "vô tướng" là như vậy thì] sai mất rồi! Không có thứ gì, giống như chúng tôi vừa mới nêu tỷ dụ, màn hình TV trống không, thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng sắc tướng trong mỗi băng tần là có. Chúng ta coi TV lập tức phải thấu hiểu Không và Có chẳng hai. Chân Không là gì? Chân Không: Biết tất cả sắc tướng là giả, tướng hiển hiện trên màn hình là giả, nhưng màn hình có ô nhiễm hay không? Chẳng có ô nhiễm, chẳng ô nhiễm mảy may! Vì sao biết là không ô nhiễm? Tắt TV chẳng phải là không thấy nữa ư? Chẳng lưu lại dấu vết gì! Sau đấy mở lên, cũng hiểu rõ nó chẳng lưu lại dấu vết gì! Chẳng ô nhiễm mảy may! Chân tánh chẳng bị ô

nhiễm. Dùng màn hình để tượng trưng cho chân tánh của chúng ta, tự tánh của chúng ta chẳng ô nhiễm! Cái gì bị ô nhiễm? A Lại Da bị ô nhiễm, A Lại Da là hư vọng, ô nhiễm là gì vậy? Trong phim ảnh biểu diễn có thiện, có ác, có nhân, có quả, đó là gì? Đó là hư vọng. Có tịnh, có uế, trong sự biểu diễn có các thứ đối lập, toàn là giả, toàn là chẳng thật. Những rắc rối của chúng ta trong hiện thời là do ngỡ những thứ hư giả được biểu diễn ấy toàn là thật, nên bị khổ chịu nạn ở trong ấy. Trong cảnh giới ấy, dấy lên thất tình, ngũ dục, mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn, toàn là giả, chẳng có gì là thật. Do vậy, nhà Phật nói Không, thì chẳng phải là thứ gì cũng đều chẳng có! Không ở nơi đâu? Không ở trong Có, Có tức là Không, Không tức là Có, giống như tình hình nơi TV mà chúng ta vừa nhắc đến, Có và Không chẳng hai. Nói "vạn pháp đều là không" là nói tới những hình ảnh trong băng tần. Nói "tự tánh chẳng Không, Thật Tướng chẳng không" là nói về màn hình TV. Do vậy, vừa nhìn xem kinh giảng điều gì, chúng ta đều có thể lý giải, nói gộp lại sẽ là "Không, Hữu bất nhị". Tâm Kinh nói rất hay: "Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc", lấy Không đại diện cho tự tánh. Chúng ta dùng TV làm tỷ dụ, Không được tượng trưng bằng màn hình, Có được tượng trưng bằng các sắc tướng hiển lộ trong các băng tần. "Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. "Bất dị" là giống nhau. Sắc là Không, Không là Sắc. Chớ nên chấp trước Sắc, mà cũng đừng nên chấp trước Không. Hễ chấp

trước là trật rồi, cũng chớ nên chấp trước nhị biên thì quý vị mới thật sự khế nhập cảnh giới, đó là chân tướng, tức là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, quý vị thật sự khế nhập cảnh giới. Chẳng chấp trước bèn khế nhập. "Nhập" như vậy còn cạn, chẳng sâu, vì sao? Quý vị chẳng chấp trước, nhưng chắc là còn phân biệt! Nếu chẳng phân biệt, sẽ nhập càng sâu, đến mức chẳng khởi tâm, chẳng động niệm bèn khế nhập viên mãn. Viên mãn thì chính là Phật, thâm nhập là Bồ Tát, thiển nhập (nhập nông cạn) là A La Hán. Nói theo cách bây giờ, A La Hán, Bồ Tát, Phật là các danh xưng học vị trong Phật giáo, quý vị khế nhập Thật Tướng sâu hay cạn khác nhau, nhưng đều nhập cảnh giới. Phật giống như học vị Tiến Sĩ, đây học vị tối cao, Bồ Tát là học vị Thạc Sĩ, A La Hán là học vị Học Sĩ (Cử Nhân). Thật sự khế nhập thì gọi là học Phật; chưa khế nhập tức là ở ngoài Phật môn, dụng công cách nào, quý vị chẳng lấy được học vị. Giành được học vị mới được coi là đệ tử Phật thật sự, là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật. Đạt được học vị bằng cách nào? Buông xuống là được! Quý vị chịu buông xuống! Không buông xuống sẽ chẳng được! Vì sao buông xuống? Do là giả, chẳng thật. Nếu là thật sẽ chẳng cần phải buông xuống, giả mà! Có phải buông thân thể xuống hay không? Phải buông xuống, giả đấy, vì sao? Thân có sanh, lão, bệnh, tử, chẳng thể tồn tại vĩnh hằng. Trong Phật pháp nói "chân, giả" thì định nghĩa và tiêu chuẩn là: Chân là vĩnh hằng bất biến, đó là Chân! Chỉ cần nó có thể biến thì cũng không phải là Chân. Vì vậy, động vật có sanh, lão, bệnh, tử, nên là giả, thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, nên cũng là giả, khoáng vật, thậm chí tinh cầu, có thành, trụ, hoại, không, nên cũng là giả. Vì thế, phàm những gì có hình tướng đều chẳng thật! Buổi tối, chúng ta nhìn lên bầu trời, thấy vô lượng tinh cầu, vô lượng tinh hệ, đều là thành, trụ, hoại, không, đều chẳng thật, không có gì là thật. Chúng giống như những tướng được hiển hiện trên màn hình, quý vị đừng nghĩ chúng là thật, toàn là giả. Những thứ ấy do đâu mà có? Trong giáo pháp Đại Thừa, đạo lý này được giảng

rất sâu, chúng do ý niệm của chúng ta sanh ra. Tạo Hóa là gì? Tạo Hóa là ý niệm. Quý vị không khởi tâm, không động niệm thì trong vũ trụ không có vật chất, mà cũng không có tinh thần. Ý niệm vừa động, hiện tượng vật chất và tinh thần đều hiện ra. Thật vậy! Giống như màn hình TV, chúng ta chưa vặn lên, hay tắt máy đi, thứ gì cũng đều chẳng có; đó Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong nhà Phật. Ý niệm vừa mới động, hình tướng bèn xuất hiện, đó là cõi Thật Báo. Nếu lại phân biệt thì là tứ thánh pháp giới; lại còn chấp trước, sẽ là lục đạo luân hồi. Nếu chúng ta hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch những khái niệm ấy, sẽ sống rất khoái lạc trong thế gian này, trong Phật pháp nói là "pháp hỷ sung mãn, thường sanh hoan hỷ tâm". Pháp hỷ ấy chẳng do bên ngoài kích thích, chẳng phải do quý vị gặp chuyện gì vui vẻ, phát tài, chẳng phải vậy, chẳng dính dáng đến những thứ ấy!

Chẳng liên quan mảy may, mà từ tự tánh lưu lộ ra. Câu đầu tiên trong Luận Ngữ là: "Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ" (học rồi tập luyện, chẳng vui lắm ư), sự hỷ duyệt ấy là pháp hỷ. Nói theo Phật pháp, quý vị học tập Phật pháp, đạt được thụ dụng, thật sự hoan hỷ, sự hỷ duyệt từ nội tâm lan tỏa ra ngoài, thật sự hoan hỷ, đó gọi là pháp hỷ. Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Sự hoan hỷ ấy, chúng ta gọi là sự dưỡng sinh của con người, là nhân tố quan trọng nhất trong phép dưỡng sinh. Do vậy, cổ nhân đã nói: "Nhân phùng hỷ sự, tinh thần sảng" (con người gặp chuyện vui, tinh thần sảng khoái), suốt ngày từ sáng đến tối vui vẻ, làm sao thiếu tinh thần cho được! Làm sao người ấy chẳng khỏe mạnh? Quý vị khế nhập cảnh giới này sẽ quên mất tuổi tác, quên mất tuổi tác thì tuổi thanh xuân tồn tại mãi, tuy tuổi tác đã cao, nhưng chẳng già. Thật đấy, chẳng giả đâu! Con người già đi như thế nào? Đến năm mươi, sáu mươi tuổi bèn già nua, [là vì] người ấy mỗi ngày nghĩ đến tuổi già. Vừa nghĩ, sẽ lập tức già đi. Đặc biệt rõ rệt nhất là gì? Về hưu. Trong quá khứ, nhiều đồng học, bạn bè của tôi, lúc đang làm việc, giữ chức vị, họ chẳng nghĩ họ già, làm việc vô cùng hăng hái, vừa về hưu, già rồi mới về hưu, về hưu bèn ngay lập tức nghĩ đến tuổi già. Hai năm chẳng gặp mặt, hình như họ đã già đi cả chục tuổi, cớ sao trở thành nông nỗi ấy? Già rồi sẽ như thế nào? Họ nghĩ đến bệnh, chỗ này đau đớn, chỗ kia nhức nhối, thường vào bệnh viện. Bệnh một thời gian đã nghĩ tới cái chết, kết quả là chết thật, họ đều khuất bóng rồi! Rất nhiều đồng học, bằng hữu đều đã mất, cớ sao mất nhanh như vậy? Tư tưởng chẳng đúng, hiểu sai rồi! Những người bạn già này gặp tôi, [họ bảo] hình như tôi không già, vì sao không già? Chưa từng nghĩ đến già, mỗi ngày nghĩ tới kinh bổn, ta phải giải thích cho mọi người như thế nào? Giảng giải rõ ràng, minh bạch những thứ trong kinh bổn, chưa hề nghĩ đến già, tuổi tác mỗi năm một tăng, nhưng thật sự chẳng già! Bất luận tinh thần hay thể lực dường như đều giữ nguyên tình trạng cũ, năm hai mươi sáu tuổi học Phật, mỗi năm đều giữ nguyên tình trạng như thuở hai mươi sáu tuổi, mỗi cá nhân đều có thể làm được như vậy. Đây là Phật pháp ban cho chúng ta lợi ích chân thật. Ngày hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tới chỗ này.

---o0o---

Tập 18

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem kinh bổn Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang mười bảy, hàng thứ sáu, xem từ hai chữ cuối cùng.

"Vô tướng giả, ly nhất thiết hư vọng chi tướng. Vô tướng tức ly tướng" (Vô tướng là lìa hết thảy các tướng hư vọng, vô tướng chính là lìa tướng). Mấy câu này, nói thật ra, cụ Hoàng đã giảng rất rõ ràng, chúng ta phải chú tâm đọc. Kinh dạy: "Thật Tướng vô tướng", vô tướng là gì? Vô tướng là lìa hết thảy các tướng hư vọng. Do vậy, vô tướng và ly tướng có cùng một ý nghĩa, ly tướng là vô tướng. Hết thảy các tướng hư vọng là gì? Kinh Phật đã vô số lần dạy chúng ta: "Phàm những gì có tướng đều là hư vọng". Vì sao? Do hết thảy các hiện tượng đều là pháp sanh bởi nhân duyên, Trung Luận nói rất hay: "Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không" (Pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói nó là Không), "ngã" ở đây là đức Phật nói, trích dẫn lời Phật dạy. "Ly" là lìa như thế nào? Lìa chấp trước, chẳng chấp trước sẽ lìa. Chấp trước là chẳng lìa! Chớ nên chấp trước chúng (hết thảy các tướng), đừng nên phân biệt chúng. Đối với tất cả hết thảy các hiện tượng, chớ nên khởi tâm động niệm, quý vị sẽ lìa toàn bộ. Vì thế, không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, người ấy thành Phật, vì sao? Đã lìa sạch sành sanh! Tướng có tồn tại hay chăng? Tướng tồn tại, tướng là huyễn tướng, tướng là pháp sanh diệt. Thật Tướng là chẳng sanh, chẳng diệt, Thật Tướng là nói theo Thể, còn tướng hư huyễn là nói theo hiện tướng (tướng được biến hiện), lớn thì như hư không, pháp giới; trọn khắp pháp giới hư không giới đều là một huyễn tướng. Chúng ta đã học Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, quý vị cũng rất dễ hiểu [những điều này]. Chân là gì? Chân là Thể, nhất thể. Thể là một, tự tánh thanh tịnh viên minh thể, đó là Chân. Vì sao là Chân? Huệ Năng đại sư lúc khai ngộ đã nói rất hay: Thể ấy "vốn tự thanh tịnh", chưa hề bị ô nhiễm; nay có bị ô nhiễm hay không? Chẳng bị ô nhiễm, vĩnh viễn chẳng ô nhiễm, chẳng sanh, chẳng diệt. "Vốn tự trọn đủ", câu này rất trọng yếu, trong Tịnh Tông gọi tự tánh thanh tịnh viên minh thể là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, trong ấy, không có hiện tượng vật chất, mà cũng không có hiện tượng tinh thần, nhưng chẳng thể nói nó là không, vì sao? Vốn tự đầy đủ, thứ gì nó cũng chẳng thiếu, nhưng nó chẳng hiện tiền. Câu nói thứ tư của Huệ Năng đại sư là: "Vốn chẳng lay động"; nói cách khác, nó là định. Sáng hôm qua, đài truyền hình đến phỏng vấn tôi, họ có nói một câu: "Con người hiện thời thường nói 'nhân định thắng thiên', phải khai thác, phát triển thiên nhiên". Nhân định thắng thiên, nói không sai, nhưng hiểu sai ý nghĩa rồi! Nhân định thắng thiên nên giảng như thế nào? Chính là câu thứ tư của Huệ Năng đại sư: "Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng lay động", đó là tự tánh vốn định. Nếu quý vị chứng đắc điều ấy, sẽ "thắng thiên", thật đấy, chẳng giả tí nào! Chứ chẳng phải là nói con người chúng ta thông minh, trí huệ thì khoa học, kỹ thuật nhất định sẽ có thể chiến thắng thiên nhiên. Đừng nói thiên nhiên, ngay cả địa cầu còn chưa chiến thắng được! Địa cầu vừa chấn động đã chịu không

nổi, làm sao quý vị có thể thắng nó? Một đại đô thị có mấy ngàn vạn người sống trong ấy, một trận động đất lớn là xong, mọi người đều biết chuyện này! Chưa thắng được trời! Nhưng tự tánh vốn định, nếu quý vị chứng đắc thì sẽ có thể thắng. Câu cuối cùng: "Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp". Câu "có thể sanh ra vạn pháp" và câu "vốn tự trọn đủ" trong phần trước là hai mặt thuận và nghịch. "Vốn tự trọn đủ" là ẩn, Phật

pháp gọi đó là ẩn; "có thể sanh ra vạn pháp" là hiển, tức hiện hành. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể giống như cái TV nay đang ở trước mặt chúng ta. Thể là gì? Thể là màn hình TV, cái gì cũng đều không có. Nó cái gì cũng đều không có, nhưng quý vị chẳng thể nói nó là không, vì sao? Nhấn nút một cái, hình ảnh sẽ xuất hiện. Hình ảnh xuất hiện, chẳng thể nói là nó có. Quý vị biết chân và vọng, màn hình là chân, hình ảnh là vọng, chân và vọng là nhất thể, vọng há có thể rời khỏi chân ư? Chẳng có cách gì rời khỏi, rời khỏi màn hình, các hình ảnh sẽ chẳng thể hiện ra được! Có chân nào chẳng ở trong vọng? Trong màn hình này, mỗi tấc vuông đều có hình ảnh, nhưng chân là chân, vọng là vọng, chân chẳng phải là vọng, vọng chẳng phải là chân, đúng hay không? Nói cách khác, chân là vọng, vọng là chân, chân và vọng là một, chẳng hai, đúng hay không? Cũng đúng! Quý vị hiểu rõ điều này! Do vậy, đức Phật đã nói: "Thật Tướng ly tướng". Thật Tướng ly tướng tức là Thật Tướng vô tướng, Thật Tướng vô bất tướng, chúng là cùng một chuyện. Do vậy, xem TV mà biết xem thì sẽ là cảnh giới Hoa Nghiêm! Khi biết xem, có thể ngộ nhập tự tánh thanh tịnh viên minh thể, đấy là thành Phật; nhưng vấn đề là quý vị có hiểu hay không! Vì sao chúng ta không hiểu? Do lúc quý vị đang xem, bèn khởi tâm động niệm, có phân biệt, có chấp trước, cho nên quý vị chấp tướng. Do quý vị chấp tướng, nên chẳng phải là ly tướng, mà là chấp tướng. Chấp tướng là lục đạo phàm phu, trong Phật pháp nói "ly tướng là A La Hán", chẳng phải là phàm phu! Người đạt được ly tướng sẽ chẳng còn chấp trước hết thảy các hiện tượng; tâm bình đẳng, sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi, chứng quả A La Hán. Chẳng phân biệt, quý vị là Bồ Tát. Không khởi tâm, không động niệm, quý vị sẽ thành Phật. Ở đây, điều trọng yếu nhất là dạy chúng ta: Sau khi liễu giải chân tướng sự thật, đừng chấp trước nữa, phải thực hiện từ chỗ này! Lục đạo xuất hiện như thế nào? Có thể sanh vạn pháp, lục đạo từ đâu mà có? Lục đạo từ chấp trước mà có. Tứ thánh pháp giới do đâu mà có? Phía trên của mười pháp giới là tứ thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, do đâu mà có? Từ phân biệt mà có. Thật sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm thì mười pháp giới cũng không có, mười pháp giới bèn ẩn, chẳng hiển lộ nữa! Nhưng tập khí vô minh từ vô thỉ chưa đoạn, chẳng có cách nào buông tập khí xuống; do còn chưa buông xuống, cho nên còn có

một cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm do đâu mà có? Bốn mươi mốt phẩm tập khí vô minh, tập khí trong ấy có dày hay mỏng khác nhau; vì thế, đức Phật chia thành bốn mươi mốt đẳng cấp. Tuy có bốn mươi mốt đẳng cấp, nhưng chẳng trở ngại quý vị mảy may! Vì sao? Quý vị đã không khởi tâm, không động niệm, chẳng cần phải quan tâm tới cái vô minh ấy, lâu ngày, nó sẽ tự nhiên chẳng còn nữa! Phải mất thời gian bao lâu? Kinh nói là ba A-tăng-kỳ kiếp, [tập khí phiền não] sẽ tự nhiên chẳng còn nữa. Sau khi không còn, đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm viên mãn hiện tiền, trở về tự tánh, chứng đắc Phật quả rốt ráo, chuyện là như vậy đó! Nói chung, phải hiểu rõ, minh bạch. Sau khi minh bạch, quý vị mới chịu buông xuống. Nguyên nhân khiến không chịu buông xuống là do chưa hiểu rõ chân tướng sự thật, nên mới có phân biệt, chấp trước. Đây là một chướng ngại rất lớn. Nếu chẳng thật sự buông xuống, cả đời này, quý vị sẽ làm gì? Phật học, chẳng phải là học Phật. Người Phật học rất nhiều, người thật sự học Phật chẳng mấy! Học Phật là gì? Học Phật là buông xuống. Lúc tôi

mới học, Chương Gia đại sư dạy tôi: "Thấy thấu suốt, buông xuống", bắt đầu làm từ đâu? Thực hiện từ buông xuống. Quý vị có buông xuống được thì mới thật sự có thể thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt lại giúp quý vị buông xuống một tầng nữa. Từ Sơ Phát Tâm đến địa vị Như Lai là "thấy thấu suốt bèn buông xuống, buông xuống bèn thấy thấu suốt"; hai phương pháp này giúp đỡ lẫn nhau thành tựu từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai. Đến cuối cùng, buông luôn tập khí vô minh xuống, quý vị bèn thành Phật. Đó gọi là học Phật. Nếu chẳng phải dùng phương pháp thấy thấu suốt và buông xuống này, quý vị là Phật học. Phật học và học Phật là hai chuyện [khác hẳn nhau]! Phật học chẳng thể liễu sanh tử, không thể thoát khỏi tam giới; ngay cả niệm Phật vãng sanh vẫn phải buông xuống. Hễ có mảy may lưu luyến thế giới này, sẽ không bỏ xuống được, chẳng thể vãng sanh! Chẳng có thứ gì trên thế gian này có thể mang qua thế giới Cực Lạc được! Do vậy, thật sự cầu vãng sanh thì hết thảy mọi thứ ở nơi đây, thường nói là "thân, tâm, thế giới hết thảy đều buông xuống" thì mới có thể ra đi được! Khó buông xuống nhất là thân tình, thứ này khó lắm! Phải thật sự thực hiện, thật sự mong liễu sanh tử, thoát tam giới trong một đời này thì phải bắt đầu từ đâu? Trước hết, phải nhạt bớt thân tình, "nhạt bớt" chẳng phải là bất hiếu với cha mẹ! [Nếu bất hiếu] thì quý vị đã phạm lỗi mất rồi! Quý vị phải thật sự thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, tuy thi hành nhưng lại chẳng chấp trước, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Bên ngoài thực hiện vô cùng chu đáo, đó là gì? Bên ngoài thực hiện vô cùng chu đáo nhằm phổ độ chúng sanh, nêu gương tốt nhất cho người thế gian. Bên trong thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đấy là nâng cao linh tánh của

chính quý vị, mỗi ngày đều tương ứng với thế giới Cực Lạc, tương ứng với A Di Đà Phật. Quý vị thấy pháp xuất thế gian và pháp thế gian có cùng một Thể, ta xử sự đãi người tiếp vật, sinh sống, làm lụng chẳng khác gì kẻ khác, nhưng đối với người thế gian mà nói thì khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, hoàn toàn tùy thuận Pháp Tánh, điều này trọng yếu! Luân lý, đạo đức đều do Tánh Đức tự nhiên lưu lộ. Nếu quý vị chấp tướng, chấp tướng sẽ phải tu thiện. Đoạn ác, tu thiện! Chẳng chấp tướng sẽ thành Phật, thành Bồ Tát. Tuy chẳng chấp tướng, nhưng trọn chẳng lìa tướng. Mọi người mỗi ngày đều xem TV, hãy nghĩ tới tỷ dụ của tôi, đối với màn huỳnh quang và sắc tướng hiện trong ấy, quý vị thường nghĩ đến điều ấy, chúng có lìa hay không? Chẳng lìa, chẳng tức. Màn hình là thật, vĩnh viễn chẳng đổi; nhưng tướng cảnh giới trong ấy, tức là tướng được hiện ra sẽ biến đổi trong từng sát-na, chẳng ngưng dứt. Tốc độ biến đổi nhanh như thế nào? Mọi người đều có kiến thức thông thường này, chúng ta hình dung nó [biến đổi trong] từng sát- na, chẳng phải là từng giây một! Nó biến hóa trong từng một phần trăm giây, một phần ngàn giây, một phần vạn giây. Nhưng vũ trụ là tướng được hiện giống như hình ảnh hiện ra trên màn hình, tốc độ nhanh như thế nào? Di Lặc Bồ Tát cho chúng ta biết trong một giây biến hóa bao nhiêu lần? Một ngàn hai trăm tám mươi triệu lần. Nguyên văn trong kinh điển là: Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu? Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn là ba trăm hai mươi triệu, trong một khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu. Chúng ta khảy ngón tay [thì trong một giây] có thể khảy bốn lần, tôi tin có người còn khảy ngón

tay nhanh hơn tôi. Khảy tới năm lần, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu, trong một giây, chứ không phải là một phần vạn hay một phần mười vạn giây, chẳng phải! Biến hóa ở trong ấy, cứ một niệm là một tướng được hiện; niệm trước vừa diệt, niệm sau lại sanh. Do vậy, chúng ta thấy những hiện tượng này, sự thật là gì? Là "tương tự tương tục tướng" (tướng gần như liên tục), chúng chẳng phải là thật sự liên tục, mà là tương tự liên tục. Chúng biến hóa, nghe theo ai chỉ huy? Trong kinh, đức Phật đã dạy: "Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng", tâm tưởng chỉ huy chúng (các hiện tượng ấy). Tâm tưởng thiện thì các tướng được hiện sẽ là lành. Tâm tưởng ác, tướng được hiện là ác. Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng! Chúng ta mong bản thân tướng mạo đẹp đẽ, thân thể khỏe mạnh, quý vị nghĩ đến điều lành cho nhiều bèn đạt được! Bởi lẽ, tâm thái quyết định tướng mạo và sức khỏe của chúng ta. Tâm thái, chứ chẳng phải thứ gì khác! Hoàn cảnh sống của chúng ta tốt hay xấu cũng tùy thuộc vào tâm thái. Nếu mỗi cá nhân trong các cư dân trên địa cầu đều nghĩ tới Thập Thiện Nghiệp Đạo, địa cầu này sẽ chẳng khác gì thế giới Cực Lạc. Vì sao? Thích

Ca Mâu Ni Phật đã nói vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp như vậy? Toàn là những người thượng thiện nhóm họp một chỗ, cư dân bên đó nghĩ tưởng những điều thượng thiện, nói những lời thượng thiện, làm những chuyện thượng thiện, nguyên nhân là như vậy đó! Hiện thời, địa cầu của chúng ta rắc rối quá, hiện nay chẳng nói đến tai nạn cũng không được, tai nạn nhiều quá! Hôm qua, đài Phượng Hoàng phỏng tôi với chủ đề là "tai nạn", trước nay chưa hề thảo luận vấn đề này. Tôi cũng bảo họ, năm nay trong cuộc phỏng vấn năm tôn giáo tại Úc, trong quá khứ, khi gặp gỡ giữa các tôn giáo, chúng tôi cũng chưa hề bàn đến tai nạn. Khi tham dự phỏng vấn lần này, mọi người lấy tai nạn làm chủ đề hội thảo, có thể thấy rất nhiều người đã khá coi trọng vấn đề này. Tai nạn do đâu xảy ra? Đức Phật đã dạy: Trước hết là do cái tâm của quý vị. Tâm quý vị xấu xa, trong tâm có tham, sân, si, mạn, nghi, chúng được gọi là Ngũ Độc. Quý vị thấy trong tâm của chính mình có Ngũ Độc. Cảnh giới vừa hiện tiền, nhất định sẽ khiến quý vị phản ứng, từ Ngũ Độc nẩy sanh phản ứng gì? Oán hận, áo não, giận dữ, phiền muộn, thôi rồi, thân thể quý vị sẽ đổ bệnh, ngã bệnh, quý vị bệnh là do vậy. Chúng ta thường gọi chất độc bên trong là "tam độc phiền não", tức là tham, sân, si, còn thêm vào hai thứ nữa, thành tham, sân, si, mạn, nghi Ngũ Độc. Năm thứ này kết hợp với năm duyên "oán, hận, não, nộ, phiền", tế bào của chúng ta lập tức biến thành tế bào bị bệnh, nó biến hóa, thay đổi, đó là nguyên nhân khiến quý vị nhiễm bệnh. Phải như thế nào mới không bị bệnh? Đức Phật đã dạy chúng ta một câu, quý vị thật sự ghi nhớ, thật sự thực hiện thì bách bệnh chẳng sanh. Đức Phật dạy quý vị điều gì vậy? "Siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si", hóa giải virus gây bệnh từ trong tâm mình, sẽ vĩnh viễn chẳng sanh bệnh. Bởi lẽ, tâm thái quyết định hết thảy, đạo lý này tương thông với y học Trung Quốc. Y học Trung Quốc bảo: Chữa bệnh thì tác dụng trị liệu của thuốc men tối đa chỉ chiếm ba phần, bảy phần là tâm thái. Hễ tâm thái chuyển biến, có lúc căn bản là không cần tới thuốc thang, tự nhiên lành bệnh, điều này chẳng có gì hiếm lạ, mà có căn cứ lý luận, ai nấy đều làm được. Vì thế, tâm con người phải tốt đẹp! Tổ tiên Trung Quốc dạy con người, tôi nghĩ tổ tiên Trung Quốc đều là chư Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phàm nhân. Thuở tôi còn trẻ, học Phật, thỉnh ý thầy Lý: "Cổ

thánh tiên hiền của Trung Quốc như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, Võ Vương, Châu Công, Khổng Tử, Mạnh Tử có phải là Phật, Bồ Tát tái lai, hóa thân tại Trung Quốc hay chăng? Họ nên dùng tư cách thánh hiền để độ người, bèn hiện thân thánh hiền để nói pháp". Tôi thỉnh ý thầy, thầy đáp: "Nói theo Lý thì hợp lẽ, nhưng trên mặt Sự chẳng có chứng cứ". Cụ nói hay quá! Các Ngài lại chẳng bộc lộ thân phận, chẳng nói mình là Bồ Tát nào tái lai, chẳng hề nói! Nói theo Lý thì thông suốt, vì trong giáo pháp Đại Thừa thường nói "nên dùng thân gì để độ

được, bèn hiện thân ấy", chúng ta phải hiểu điều này! Thật sự hiểu rõ, minh bạch, quý vị sẽ thật sự làm, đoạn hết thảy ác, buông hết thảy ác xuống, tu hết thảy thiện. Tu hết thảy thiện, đừng chấp tướng; chẳng chấp tướng thì sẽ khai ngộ, sẽ kiến tánh, sẽ đắc định, đắc tam-muội, sẽ khai ngộ, sẽ chứng quả. Chấp tướng thì sao? Chấp tướng thì là thiện pháp nhân thiên, quả báo ở trong nhân thiên, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Đoạn ác nhưng chẳng chấp vào tướng đoạn ác, tu thiện nhưng chẳng chấp tướng tu thiện, ly tướng, lìa hết thảy các tướng hư vọng, làm như vậy là đúng, đó là thật sự học Phật. Chúng ta lại xem câu kế tiếp: "Hựu Thật Tướng vô bất tướng, phi ngoan không dữ đoạn diệt" (Lại nữa, Thật Tướng chẳng phải là không có tướng, chẳng phải là hư không trơ trơ và đoạn diệt). Chúng ta vẫn lấy màn hình TV làm tỷ dụ, Thật Tướng là gì? Thật Tướng giống như màn hình TV, đó là Thật Tướng. Thật Tướng vô bất tướng, "vô bất tướng" là có tướng, đúng vậy! Ta vừa mở máy liền có tướng, chẳng phải là vô tướng, mà là có tướng; tuy có tướng, nó vẫn là Thật Tướng. Tôi vừa mới nói rất rõ ràng, Thật Tướng và vọng tướng dung hợp lại, tuy là hai chuyện, nhưng chẳng thể phân biệt! Quý vị chẳng thể phân biệt cái nào là vọng tướng, cái nào là Thật Tướng, không thể phân biệt! Vọng tướng là Thật Tướng, Thật Tướng là vọng tướng; nhưng Thật Tướng và vọng tướng đúng là khác nhau. Chúng ở cùng một chỗ, vĩnh viễn chẳng tách rời, cũng có thể nói là tất cả hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần trong khắp pháp giới hư không giới đều do Thật Tướng biến hiện, toàn là tự tánh. Chân Như tự tánh ở đâu? Không có một pháp nào chẳng phải [là Chân Như tự tánh]. Ta lấy cái này, nó có phải là Chân Như tự tánh hay không? Phải! Lẽ nào chẳng phải? Thứ nào cũng đều phải, bản thể của chúng là Chân Như tự tánh. Tùy tiện lấy một pháp nào, cũng đều là Chân Như tự tánh. Người kiến tánh và kẻ chưa kiến tánh có gì khác nhau? Khác nhau ở chỗ kẻ chưa kiến tánh chấp trước, phân biệt; người kiến tánh chẳng chấp trước, chẳng phân biệt. Kẻ chưa kiến tánh tâm lượng rất nhỏ, thứ gì cũng đều so đo. Người kiến tánh tâm lượng to như hư không pháp giới, tâm bao thái hư, lượng trọn khắp các cõi nước nhiều như cát, người ấy chẳng so đo, chẳng chấp trước. Khác hẳn! Người kiến tánh pháp hỷ sung mãn, sung sướng; kẻ chưa kiến tánh phiền não trùng trùng, cuộc sống rất khổ, làm sao giống nhau cho được? Người kiến tánh thấy thấu suốt, người chưa kiến tánh chẳng thấy thấu suốt. Do vậy, Thật Tướng chẳng phải là ngoan không, ngoan không là gì? Là nói tới hư không, cái gì cũng đều không có. Màn hình này chẳng phải là cái gì cũng đều không có, nó có, mở máy lên sẽ có thể hiện tướng. Cũng không phải là đoạn diệt, đoạn diệt là gì? Là trừ bỏ tướng này, đó là đoạn diệt! Có thể đoạn diệt hay không? Chẳng đoạn diệt được! Chẳng trừ khử được!

Do vậy, “phi như quy mao, thố giác” (chẳng giống như lông rùa, sừng thỏ), rùa không có lông, thỏ chẳng có sừng, đó là gì? Đây là một tỷ dụ về ngoan không, đoạn diệt, [Thật Tướng có] ý nghĩa khác hẳn những thứ này. “Nhất thiết hư vô” (hết thảy hư vô), nó chẳng phải là hết thảy đều hư vô, mà là thật sự có, nhưng “thật sự có” là có tướng, nhưng tướng ấy chắc chắn là giả tướng, chẳng thật! Đây là từ một Thể phát khởi hai tác dụng, hai tác dụng bèn hiện tướng, đó là giả tướng. Hai tác dụng thì thứ nhất là y báo, tức là vũ trụ, trọn khắp pháp giới hư không giới. Chúng ta đọc phẩm Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Tựu của kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy những điều được giảng trong hai phẩm ấy chính là vũ trụ quan của Đại Thừa Phật pháp, giảng cặn kẽ hơn triết học hiện tại. [Vũ trụ quan theo cách diễn giải của] các khoa học gia và triết gia hiện thời đều thua kém thế giới Hoa Tạng quá xa! [Vũ trụ quan theo] kinh Hoa Nghiêm là trùng trùng vô tận, khoa học lẫn triết học vẫn chưa nói tới điều này. Những điều kinh Phật giảng là sự thật ư? Thật đấy, chẳng sai chạy chút nào! Trong vi trần có thế giới, thế giới ấy giống hệt như vũ trụ của chúng ta, chẳng sai khác! Trong vi trần có thế giới, trong thế giới đó lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận! Do vậy, nói: “Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội” (cái lớn không ra ngoài, cái nhỏ không ở trong), thật đấy! Vì tự tánh là viên mãn, không có lớn nhỏ, chẳng có trước sau. Không có trước sau là không có thời gian; không có lớn nhỏ là chẳng có không gian. Thời gian và không gian cũng chẳng tồn tại, đấy là thuộc về Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang ở đâu? Trọn khắp hết thảy các nơi, không lúc nào, không chỗ nào nó chẳng tồn tại, vì nó có thể biến, [tức là] có thể sanh, có thể biến (năng sanh, năng biến); vũ trụ vạn vật là sở sanh sở biến (cái được sanh ra, cái được biến ra). Năng và Sở là một, chẳng hai! Vì thế, xưa kia tiên sinh Âu Dương Cánh Vô đã nói: “Phật pháp chẳng phải là triết học”. Ông ta nói cũng rất có lý, vì sao? Trong triết học có Năng và Sở (chủ thể và khách thể), tuy Phật pháp nói đến Năng và Sở, nhưng Năng và Sở là một, chẳng hai, Năng Sở bất nhị. Trong triết học chẳng có cách nói này! Do vậy, ông ta nói: “Phật pháp chẳng phải là triết học, cũng chẳng phải là tôn giáo, mà là thứ cần thiết cho đời hiện tại”. Thế giới hiện thời chẳng thể thiếu Phật giáo, quả thật Phật giáo có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề xã hội, dùng Đại Thừa Phật pháp để giải quyết vấn đề xã hội hiện thời. Do hiện thời xã hội loạn lạc, trên địa cầu tai nạn rất nhiều, thật sự dùng Đại Thừa Phật pháp, dùng kinh Vô Lượng Thọ, dùng kinh Hoa Nghiêm để giải quyết vấn đề hiện tại, cần bao lâu? Chưa đầy một năm, xã hội an định, tai nạn chẳng còn nữa! Thật đấy, chẳng giả đâu! Quý vị không tin thì chẳng có cách nào hết, chẳng tin tưởng mà! Cổ nhân Trung Quốc có nói một câu: “Bất thính lão nhân ngôn, ngật khuy tại nhãn tiền” (Chẳng

nghe lời người già, bị thua thiệt ngay trước mắt). Quý vị phải hứng chịu những sự hỗn loạn trước mắt, tất cả những tai biến trên địa cầu quý vị cũng phải hứng chịu vì quý vị không nghe lời người già. Người già là ai vậy? Thích Ca Mâu Ni Phật là người già, Khổng Tử, Mạnh Tử là người già, Gia Tô (Jesus), Mục Hãn Mặc Đức (Mohamed) đều là người già, quý vị chẳng nghe lời các vị ấy, sẽ chịu thiệt thòi to lớn. Tiếp đó, Hoàng lão cư sĩ dẫn một câu trong kinh Kim Cang để nói: “Kim Cang kinh vân: - Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai” (kinh Kim Cang nói: “Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng

phải là tướng thì chính là thấy Như Lai"). Như Lai là tự tánh viên minh thể, quý vị có thể thấy "chư tướng phi tướng" sẽ kiến tánh, "tức kiến Như Lai" là "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật". Quý vị có thể thấy "chư tướng phi tướng" thì hết thảy các hiện tượng là gì? Tôi vừa mới nói, chúng sanh diệt trong từng sát-na, là tương tự tương tục tướng, không có gì là thật, kể cả thân thể của chúng ta, [vậy thì] quý vị có còn chấp trước nữa chăng? Quý vị có còn dấy lên ý niệm muốn khống chế, muốn chiếm hữu hay chăng? Vì sao sẽ không khởi lên những ý niệm này? Vì chúng là Không. "Đương thể tức không, liễu bất khả đắc" (bản thể là không, trọn chẳng thể được). Thuở trẻ, tôi có xem bộ kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển một lần, tôi tổng kết được mười hai chữ, những điều do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong hai mươi hai năm là gì? Ngài dạy chúng ta: "Nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc" (hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Quý vị thật sự hiểu [mười hai chữ ấy] sẽ không chỉ chẳng khởi lên ý niệm khống chế, chiếm hữu hết thảy cảnh giới bên ngoài, mà đối với thân tâm của chính mình cũng chẳng có ý niệm ấy. Thân, tâm, thế giới đều là huyễn tướng, đều là phi tướng. Vạn pháp đều là Không, thưa quý vị, nói đến cuối cùng, thật sự minh tâm kiến tánh thì nhân quả cũng là không. Nhưng trong Phật pháp nói: "Vạn pháp giai không, nhân quả bất không" (vạn pháp đều là không, nhân quả chẳng không) là nói với ai? Nói với kẻ chưa kiến tánh. Chỉ cần quý vị chưa kiến tánh, sẽ có nhân, có quả; kiến tánh rồi bèn không có. Kiến tánh là gì? [Kiến tánh là] quý vị đã thấy Như Lai; "thấy Như Lai" là gì? Quý vị thành Như Lai! Cũng là như trong Hoa Nghiêm thường giảng, những gì có nhân quả? Mười pháp giới chẳng lìa nhân quả; Phật trong mười pháp giới vẫn chẳng lìa nhân quả, vì sao? Ngài chưa thể chuyển thức thành trí. Khi nào Ngài tiến cao hơn, chuyển tám thức thành bốn trí, sẽ chẳng còn nhân quả. Thật ra, chúng ta nói tới nhân quả báo ứng thì chỉ thuộc trong mười pháp giới; Phật pháp giới trong mười pháp giới hễ tiến cao hơn sẽ chẳng còn [nhân quả] nữa! Tiến cao hơn chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Nếu chúng ta hỏi: Trong cõi Thật

Báo Trang Nghiêm còn có nhân quả hay không? Có! Vì sao mà có? Do tập khí vô minh từ vô thỉ chưa đoạn cho nên người trong cõi ấy (Thật Báo Trang Nghiêm) có [nhân quả]. Họ còn có bốn mươi mốt phẩm vô minh, "vô minh" ấy chính là tập khí vô minh! Nói rành rẽ sẽ là bốn mươi mốt phẩm tập khí vô minh. Vô minh đã đoạn rồi, vì nếu chưa đoạn vô minh, sẽ không thoát khỏi mười pháp giới; do vô minh đã đoạn, mười pháp giới chẳng còn nữa, nhưng tập khí vô minh vẫn còn. Do vậy, còn có cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Sau khi đoạn được tập khí, cõi Thật Báo chẳng còn, hoàn toàn trở về tự tánh. Trở về tự tánh thì nhân quả chẳng còn nữa, thật sự chẳng có! Do vậy, chúng ta hiểu vạn vật: Đối với cái có thể sanh ra vạn vật thì cái nhân có thể sanh [vạn vật] chính là "một niệm bất giác", đó là nhân. Ý niệm ấy dấy lên, dao động vô cùng vi tế, chúng ta chẳng có cách gì nhận biết được! Không riêng mình chúng ta chẳng có cách nào nhận biết, mà kinh còn nói: Thất Địa Bồ Tát cũng chẳng cảm nhận được, từ Bát Địa trở lên mới có thể cảm nhận. Bậc Bát Địa trong Viên Giáo nhận biết. Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, năm địa vị này đều biết. Do vậy, [một niệm bất giác ấy] gọi là vô thỉ vô minh. Hai chữ "vô thỉ" hay lắm, vô thỉ nghĩa là gì? Vô minh cũng chẳng thật;

do vậy, quý vị chớ nên nghĩ cõi Thật Báo Trang Nghiêm là thật, chẳng có chuyện này! Cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng chẳng thật! "Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng". Đức Phật chẳng nói cõi Thật Báo Trang Nghiêm là ngoại lệ, chẳng nói như vậy! Vì thế, ngay cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai cũng là hư vọng; bất quá, trong ấy chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, mà cũng chẳng có khởi tâm động niệm, đúng là lợi hại! Các Ngài có năng lực cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới. Đừng tưởng chúng ta khởi tâm, động niệm chẳng ai biết! [Nếu nghĩ như vậy], quý vị đã lầm lẫn quá đỗi! Quý vị nhìn vào duyên khởi của vũ trụ và tác dụng của nó: Một niệm dấy lên, trong tự tánh liền biến hiện A Lại Da. A Lại Da là vọng tâm, vọng từ chân khởi, nó chẳng phải là chân, nhưng nó nương vào chân để khởi lên. Giống như những hình ảnh trong cái màn hình, màn hình không có hình ảnh, nhưng hình ảnh nương vào màn hình để hiển hiện. Không có màn hình, chúng chẳng hiện ra được. Nó là tướng được biến hiện do nương vào tự tánh, đấy là y báo. Chánh báo là chính mình. Chính mình và cảnh giới khởi lên cùng lúc, đó gọi là ba tế tướng của A Lại Da, ba tế tướng hoàn thành trong một niệm. Nói như các nhà khoa học hiện thời, Nghiệp Tướng là năng lượng. Năng lượng có thể biến thành tinh thần, mà cũng có thể biến thành vật chất. Biến thành tinh thần là thức thứ bảy, biến thành vật chất thì là Tướng Phần. Chúng ta nói Kiến Phần và Tướng Phần cho dễ hiểu, thì Kiến Phần là tinh thần, Tướng Phần là vật chất; nó cũng là Cảnh Giới Tướng. Tinh thần là

Chuyển Tướng và Kiến Tướng, nó thật sự chuyển biến. Cái vốn có trong tự tánh là kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết), những điều này vốn sẵn có. "Nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ", nó có kiến văn giác tri. Trong A Lại Da, kiến văn giác tri biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Do đâu mà có Thọ, Tưởng, Hành, Thức? Từ kiến văn giác tri biến hiện ra. Nếu quý vị đã chuyển thức thành trí, Thọ, Tưởng, Hành, Thức chẳng còn nữa, chúng lại hồi phục thành kiến văn giác tri. Thường Tịch Quang có khởi tác dụng hay chăng? Khởi tác dụng. Vì sao? Nó có kiến văn giác tri. Do vậy, Thường Tịch Quang cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh. Chúng sanh cầu Phật, Thường Tịch Quang sẽ thật sự khởi cảm ứng. Kinh dạy có bốn loại cảm ứng, trong khi giảng kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi đã giảng rất rõ ràng: Hiển cảm hiển ứng (cảm lẫn ứng đều rõ rệt), hiển cảm minh ứng (cảm rõ rệt, ứng ngấm ngầm), minh cảm hiển ứng (cảm ngấm ngầm, ứng rõ rệt), và minh cảm minh ứng (cảm lẫn ứng đều ngấm ngầm), bốn loại! Thật sự có cảm ứng, nhưng chúng ta vô tâm sơ ý, chẳng cảm nhận được. Niệm niệm đều có cảm ứng, do vậy, Phật chẳng hề rời khỏi chúng ta, mười phương ba đời chư Phật chẳng hề rời khỏi. Phật là gì? Phật là tự tánh, [nói đến sự cảm ứng đạo giao tức là nói đến] đức năng trong tự tánh. Hiền Thủ quốc sư đã dựa theo kinh Hoa Nghiêm để soạn luận; bài luận văn Hoàn Nguyên Quán là một tác phẩm dựa theo giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm để viết. Quý vị thấy khi nó (tự tánh) khởi tác dụng, bất luận là tinh thần hay vật chất, đều có tác dụng trọn khắp pháp giới, tốc độ ấy vô cùng nhanh. Ý niệm vừa dấy lên đã trọn khắp pháp giới vô cùng nhanh, nhanh hơn ánh sáng, nhanh hơn dòng điện. Ánh sáng và điện chẳng thể trọn khắp pháp giới, thua kém quá xa! Lẽ nào nó chẳng có cảm ứng? Điều thứ hai [trong sách Hoàn Nguyên Quán] là nói: "Xuất sanh vô tận". Xuất sanh là biến hóa, biến hóa vô cùng. Điều thứ ba là "hàm dung Không và Có". Nếu chúng ta hiểu

được chân tướng sự thật này, mới biết: Ý niệm không chỉ là chủ tể của thân thể, tướng mạo, và sức khỏe của chúng ta, không chỉ chủ tể những thứ ấy, mà còn là chủ tể của địa cầu, núi, sông, đại địa, chủ tể trọn khắp pháp giới hư không giới, chủ tể các tinh hệ trong hư không khiến chúng vận hành theo đúng quỹ đạo và quy luật. Vũ trụ do ai sáng tạo? Do ý niệm sáng tạo, ý niệm lợi hại lắm. Nếu ý niệm hơi bất chánh, quý vị sẽ gặp nhiều tai ương, lắm bệnh hoạn, lắm nỗi ưu sầu, nhiều nỗi lo toan, cuộc sống rất nhọc nhằn! Nếu ý niệm trở về chánh đạo, sẽ là cuộc sống đúng mực trong cõi trời người, đúng là hạnh phúc viên mãn trong đường trời người; nhưng chớ nên lưu luyến nhân thiên đạo. Lưu luyến nhân thiên đạo sẽ chẳng tránh khỏi tạo tội nghiệp. Tạo tội nghiệp thì hễ biến hóa sẽ lại biến thành ngạ quỷ, địa ngục, thảy đều do ý niệm của quý vị biến ra, chẳng có gì do bên ngoài đưa tới. Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm!

Cụ Hoàng nói bốn câu ấy trong kinh Kim Cang: "Ý vị tức tướng ly tướng, ly tận hư vọng chi tướng" (Có nghĩa là: Từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, lìa hết sạch các tướng hư vọng). Câu này nên giảng như thế nào? Lìa hết sạch các tướng hư vọng, cội rễ của tướng hư vọng là tam tế lục thô trong A Lại Da. Trừ bỏ tam tế lục thô, quý vị sẽ buông xuống các tướng hư vọng. Thảy đều buông xuống, chẳng còn phân biệt, chẳng còn chấp trước, thậm chí chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. "Tức kiến Thật Tướng" (liền thấy Thật Tướng), [tức là] quý vị sẽ thấy tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Quý vị hãy nhớ: Chúng ta mắt thấy, tai nghe, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, quý vị sẽ thấy tự tánh thanh tịnh viên minh thể. "Cố vân tức kiến Như Lai" (nên nói: Liền thấy Như Lai). Chúc mừng quý vị, quý vị đã viên mãn thành tựu rốt ráo, thành tựu Pháp Thân Như Lai. "Thử chỉ Pháp Thân Như Lai dã. Pháp Thân Như Lai ly nhất thiết tướng, cố vân Thật Tướng vô tướng" (đây là nói về Pháp Thân Như Lai. Pháp Thân Như Lai lìa hết thảy tướng, nên nói Thật Tướng vô tướng). Vô tướng là thể tánh, giống như tỷ dụ màn hình mà chúng tôi đã nêu: Màn hình là Thật Tướng, quả thật chẳng có hết thảy các tướng. Hết thảy các huyễn tướng hiển hiện trong ấy, nhưng nó (màn hình) chẳng tiêm nhiễm mảy may, chẳng bị trở ngại mảy may! Nói cách khác, về căn bản là [những huyễn tướng ấy] chẳng liên quan gì với nó! Phải hiểu ý nghĩa này: Chúng ta đã thành Phật, ta đã thành Phật, nhưng còn có rất nhiều người còn chưa thành Phật, mặt gương của ta (Đại Viên Kính Trí) thanh sạch, những kẻ chưa thành Phật ấy hiển hiện tướng trong tâm ta, có nhiễm bẩn cái màn hình ấy hay chăng? Chẳng nhiễm! Tuy ta thành Phật, nhưng những kẻ chưa thành Phật ấy chẳng hề nhiễm bẩn chúng ta mảy may nào! Cùng sống một chỗ như nhau, [mà Phật, Bồ Tát] sung sướng; còn họ (kẻ chưa thành Phật) đang tạo nghiệp. Phật, Bồ Tát thì sao? Phật, Bồ Tát giúp họ giác ngộ, giúp họ quay đầu để họ giống như chính mình. Vì thế, học Phật mà chẳng phát Bồ Đề tâm, chẳng phát tâm độ chúng sanh, sẽ chẳng thể thành! Vì sao quý vị chẳng phát tâm? Chẳng phát là vì quý vị chưa buông xuống. Chưa buông chính mình xuống thì còn làm sao được nữa? Quý vị còn có cái Ta, còn chấp trước, còn có thành kiến, quý vị là phàm phu chính cống. Vì thế, chướng ngại do đâu mà có? Do chính mình mà có! Trừ chính mình ra, chướng ngại gì cũng không có. Hễ quý vị một niệm giác ngộ, chướng ngại chẳng còn nữa. Khi mê, chướng ngại

trùng trùng. “Đản phi vô Pháp Thân, cố vân Thật Tướng vô bất tướng” (nhưng chẳng phải là không có Pháp Thân, nên nói Thật Tướng chẳng phải là không có tướng). Vô bất tướng là tác dụng của Thật Tướng. Nếu Ngài đến nhân gian độ các chúng sanh, có phải hiện tướng hay không? Phải hiện! Phải hiện thì là vô bất tướng (chẳng phải là không có tướng). Thích Ca Mâu Ni Phật

hiện tướng; nếu Ngài chẳng hiện tướng sẽ chẳng thể giảng kinh, thuyết pháp, chẳng thể giúp đỡ chúng ta. Tuy Ngài hiện tướng, nhưng tướng được hiện là tướng giác ngộ, chẳng phải là tướng mê hoặc. Tướng mê hoặc tạo nghiệp, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác thảy đều tạo nghiệp, tạo nghiệp gì vậy? Tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Tạo thiện nghiệp sanh trong tam thiện đạo, tạo ác nghiệp sanh trong tam ác đạo, quyết định không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Lúc thị hiện, Ngài chẳng tạo thiện mà cũng không tạo ác, chúng ta gán cho điều này cái tên là “tịnh nghiệp”, do thanh tịnh nên gọi là tịnh nghiệp. Do Ngài thị hiện tướng này, hằng ngày khởi tác dụng, nhưng chẳng dính dáng tới lục đạo. Không chỉ chẳng dính dáng tới lục đạo, mà mười pháp giới cũng chẳng liên can. Nếu Ngài chưa đoạn hết vô thỉ vô minh thì vẫn trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đoạn hết vô thỉ vô minh tập khí, sẽ trụ trong cõi Thường Tịch Quang. Không sao cả! Vạn pháp là nhất thể, phải biết điều này. Vì sao có thể cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh? Phật độ kẻ hữu duyên, nói theo nghĩa rộng, hết thảy chúng sanh và Phật là nhất thể, có chúng sanh nào chẳng có duyên với Phật? Thảy đều có duyên, nhất thể mà! Làm sao có thể chẳng có duyên cho được? Hết thảy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do tự tánh biến hiện, lẽ nào chúng chẳng có duyên với tự tánh? Đâu có đạo lý ấy! Phật độ kẻ hữu duyên, đó là gì? Duyên chín muồi, chính là nói về điều này. Duyên chưa chín, Phật tới độ kẻ ấy, hắn sẽ chẳng nghe, chẳng bằng lòng tiếp nhận, đó gọi là “vô duyên”, chứ chẳng phải là thật sự vô duyên! Do vậy, khi chúng ta nghe câu này phải biết nghe, đừng nhụt chí! Nghe xong, kẻ ấy có thể tin, hiểu, thật sự hành, đó là duyên đã chín muồi! Người như vậy chắc chắn đắc độ trong một đời này; Phật, Bồ Tát giúp đỡ, dạy bảo, hướng dẫn kẻ ấy, kẻ ấy nhất định xuất ly tam giới, thoát ly lục đạo luân hồi, đấy là gì? Chúng sanh căn cơ chín muồi. Gặp pháp môn Tịnh Độ, kẻ ấy đời này thật sự niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là viên mãn đắc độ. Loại kém hơn là những kẻ nghe xong cũng rất hiểu, nhưng ngũ dục lục trần trong thế gian này không bỏ xuống được, vẫn còn tham luyến, kẻ ấy đoạn ác tu thiện, đời sau hưởng phước báo nhân thiên. Kẻ ấy cũng tin tưởng Phật pháp, nhưng duyên chưa chín muồi. Đối với những kẻ này, Phật, Bồ Tát giúp họ tiến lên; vì thế, gặp Phật, Bồ Tát họ cũng được lợi lạc, chắc chắn không bị tổn thất gì. [Đối với kẻ] phiền não tập khí nặng nề, chướng duyên sâu đậm, Phật, Bồ Tát gieo chủng tử trong A Lại Da thức của kẻ ấy, [khiến cho kẻ ấy] thấy sắc, nghe tiếng, [tức là] thấy hình tượng Phật, nghe âm thanh thuyết pháp của đức Phật, một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo, [tạo thành] chủng tử trong A Lại Da. Cơ hội này cũng chẳng nhiều, trên cả thế giới bao nhiêu người suốt đời chẳng có duyên này, chẳng thấy tượng Phật, chẳng nghe âm thanh của Phật, rất nhiều! Phật chẳng lìa bỏ

chúng sanh, nhưng chúng sanh chẳng muốn, mê man trong ngũ dục lục trần, mê quá sâu, không quay đầu được, tuy gặp gỡ những nhân duyên này, họ vẫn tránh né. Chúng

ta biết họ vẫn phải chịu khổ trong lục đạo, còn có rất nhiều nỗi khổ họ phải gánh chịu. Chịu xong các nỗi khổ, khổ tận cam lai, chịu hết khổ rồi họ mới quay đầu, mới có ý niệm mong được siêu độ. Câu kế tiếp nói rất hay: "Sanh diệt chi pháp, toàn thuộc hư vọng, đản sanh diệt chi trung, hữu cá bất sanh bất diệt đích" (Pháp sanh diệt hoàn toàn thuộc về hư vọng, nhưng trong sanh diệt có cái chẳng sanh, chẳng diệt). Phải biết: Trong sanh diệt có cái chẳng sanh diệt, cái "chẳng sanh diệt" là gì vậy? Là tự tánh. Tự tánh là như thế nào, nó có hình dạng ư? Có! Kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết). Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo vua Ba Tư Nặc: "Nhục thân này của bệ hạ là sanh diệt; nhưng trong nhục thân ấy có cái chẳng sanh diệt. Cái chẳng sanh chẳng diệt chính là cái Ngã thật sự". Vua hỏi: Nó ở đâu? Đức Phật dạy: "Tánh Thấy". Chư vị phải biết: Nhãn Thức có sanh diệt, tánh Thấy chẳng sanh diệt. Đức Phật hỏi nhà vua: "Bệ hạ thấy nước sông Hằng lần đầu vào lúc mấy tuổi?" Vua suy nghĩ: Lúc ba tuổi, mẹ dẫn vua đến bên sông Hằng, biết con sông ấy tên là Hằng Hà, vua thấy nước sông Hằng. Sau đấy, đức Phật lại hỏi vua: "Lúc bệ hạ mười tuổi, có cảm thấy thân thể già suy hơn lúc ba tuổi hay chăng?" "Đúng vậy!" Lúc hai mươi tuổi thì sao? Hai mươi tuổi lại già suy hơn mười tuổi. Bị già suy thì là sanh diệt. Năm nay bệ hạ bao nhiêu tuổi? Sáu mươi hai tuổi! Vua Ba Tư Nặc và Thích Ca Mâu Ni Phật cùng tuổi, sáu mươi hai tuổi. Đức Phật nói: "Khi nhà vua sáu mươi hai tuổi nhìn sông Hằng thì cái thấy ấy có biến đổi hay không?" Vua thưa: Thấy chẳng thay đổi! [Đức Phật dạy]: Chẳng biến thì là thật. Thân thể biến đổi, mỗi năm phải già đi, đó là giả, là sanh diệt. Do vậy, trong cái thân sanh diệt có tánh chẳng sanh diệt. Tánh Thấy chẳng sanh, chẳng diệt, tánh Nghe chẳng sanh, chẳng diệt. Tuổi già mắt hoa, đó là gì? Đó là công cụ có vấn đề, chẳng phải là tánh Thấy có vấn đề. Quý vị mang kiếng vào sẽ lại [nhìn] bình thường; do vậy, Nhãn Thức là sanh diệt, [điều này] chứng tỏ tánh Thấy chẳng sanh diệt, tánh Nghe chẳng sanh diệt. Nhãn Thức là gì? Sau khi quý vị thấy, bèn phân biệt, chấp trước, đó là do thức thứ sáu, tức Ý Thức, và thức thứ bảy thao túng ở phía sau. Ý Thức, tức thức thứ sáu, phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, chúng thao túng quý vị. Nhưng nói tới kiến văn giác tri thì chúng chẳng hề liên quan gì đến thức thứ sáu và thứ bảy. Do vậy, trong sanh diệt có cái chẳng sanh diệt. Chẳng sanh chẳng diệt gọi là Pháp Thân, hay Pháp Tánh. Do vậy, phải quý trọng, nhờ cái thân giả này để tu những thứ chân thật, [đó gọi là] "tá giả tu chân". Giả là thân, tức căn thân có lục căn, chân là gì? Chân là chân tánh. Giao Quang đại sư giảng kinh Lăng Nghiêm, Ngài có bản chú giải mang tên Chánh Mạch, viết rất hay! Do trước thời Ngài, Giao Quang đại sư

là người đời Minh, cùng thời đại với Liên Trì đại sư. Trước thời Ngài, hễ giải thích kinh Lăng Nghiêm, quá nửa đều dùng thuyết Tam Chỉ Tam Quán của tông Thiên Thai nhằm giải thích Xa Ma Tha, Tam Ma và Thiền Na trong kinh Lăng Nghiêm. Giao Quang đại sư đưa ra cách nhìn mới mẻ. Ngài nói trong kinh Lăng Nghiêm "bỏ thức dùng căn", khác hẳn tông Thiên Thai, vì sao? Thiên Thai chẳng lìa tâm ý thức, còn kinh Lăng Nghiêm là "bỏ thức dùng căn"; cho nên, cách giảng và tư tưởng chẳng giống với tông Thiên Thai. Vì thế, Ngài soạn một bản chú giải khác gọi là Chánh Mạch. Quý vị đọc lời tựa [của bộ chú giải ấy], thấy có một đoạn nhân duyên: Ngài đã hết tuổi thọ, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Ngài, Ngài xin phép A Di Đà Phật: "Kinh Lăng Nghiêm chú giải chưa viên mãn, con

phải soạn một bản chú giải mới". Ngài xin A Di Đà Phật hãy chờ, chờ Sư chú giải hoàn tất sẽ lại đến thế giới Cực Lạc. A Di Đà Phật đồng ý, ra đi. Ngài chẳng nói lời giả dối, trong lời tựa có một câu chuyện như thế. Do vậy, Lăng Nghiêm là bỏ thức dùng căn, dạy chúng ta tu hành như thế nào? Quý vị nhìn thì chớ nên dùng Nhãn Thức để nhìn, hãy dùng tánh Thấy để thấy; nghe thì chớ nên dùng Nhĩ Thức để nghe, hãy dùng tánh Nghe để nghe, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát, xoay cái nghe để nghe tự tánh, tánh thành vô thượng đạo. Nói khá lắm, nhưng chẳng dễ dàng! Bỏ thức dùng căn chẳng dễ dàng! Bỏ thức dùng căn có nghĩa là gì? Buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị dùng toàn là kiến văn giác tri, [kiến văn giác tri là] căn tánh của sáu căn, chẳng phải là sáu thức. Những đạo lý này chúng ta đều hiểu rõ thì gọi là "giải ngộ". Chúng ta chưa làm được, chưa làm được là chưa buông xuống. Buông xuống sẽ là thật sự [làm được], bèn gọi là "chứng ngộ". Hiểu rõ nhưng chưa làm được là giải ngộ. Giải ngộ cũng là do huân tập kinh giáo nhiều lần, trường thời huân tập sẽ dần dần hiểu rõ. Hiểu rõ gọi là "thấy thấu suốt", biết chân tướng sự thật là như vậy. Do vậy, trong cuộc sống hằng ngày, trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta, phải gắng hết sức dùng căn tánh của sáu căn, đừng nên dùng sáu thức. Tôi nhắc lại lần nữa, thức là gì? Thức là chấp trước, Mạt Na là chấp trước, ý thức là phân biệt, thức thứ sáu, tức ý thức, là phân biệt, A Lại Da là giữ lại ấn tượng. Năm thức trước chịu ảnh hưởng từ ba tế tướng của A Lại Da, đi theo chúng. Vì vậy, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân bèn tạo nghiệp, năm thức trước bèn tạo nghiệp. Nếu vâng theo tự tánh, vâng theo kiến văn giác tri, năm thức trước sẽ gọi là Thành Sở Tác Trí, thành tựu sự hóa độ hết thảy chúng sanh của Như Lai, biến thành công cụ để độ chúng sanh, vô lượng công đức. Nói thật ra, bỏ thức là thức thứ sáu, tức ý thức, chớ nên phân biệt; bỏ thức thứ bảy, chẳng chấp trước; bỏ A Lại Da thức, không lưu dấu vết, đó là cảnh giới gì? Thanh tịnh bình đẳng giác trong kinh Vô Lượng Thọ! Chẳng chấp trước, tâm bèn thanh tịnh; chẳng phân biệt, tâm bèn bình đẳng; chẳng mê hoặc sẽ

khai ngộ. Giao Quang đại sư chú giải rất hay. Vì vậy, những bản chú giải kinh Lăng Nghiêm trước thời ngài Giao Quang đều gọi là "cựu chú"; sau ngài Giao Quang, rất nhiều người học theo Ngài, gọi bản chú giải ấy là "tân chú". Cựu chú cũng rất khó có, vì sao? Người bình thường học tập khá dễ. "Tân chú" thì chú giải hay lắm, nhưng kẻ mới học chẳng dễ gì đạt tới. Đây là nhắc nhở chúng ta: Trong sắc thân sanh diệt này, thật sự tồn tại cái không sanh diệt. Cái tánh chẳng sanh chẳng diệt ấy, trừ kiến văn giác tri ra, chẳng có cách nào nêu bày được! Nói tới kiến văn giác tri thì cũng phải có đôi chút cơ sở nơi pháp Đại Thừa; không có cơ sở sẽ khó giảng rõ ràng, rất khó hiểu được! "Chư sanh diệt pháp thị sai biệt tướng, đản sai biệt chi trung, hữu cá vô sai biệt đích. Bất sanh bất diệt, vô hữu sai biệt, tức thị bình đẳng tướng" (Các pháp sanh diệt là tướng sai biệt, nhưng trong sai biệt có cái chẳng sai biệt. Chẳng sanh chẳng diệt, chẳng có sai biệt, tức là tướng bình đẳng). Câu này cũng chẳng dễ hiểu. Sai biệt là gì? Sai biệt là tướng, chúng ta nói một cách thông thường sẽ là tướng tương tự liên tục, sanh diệt trong từng sát-na, đó là sai biệt. Vô sai biệt: Vô sai biệt là tánh. Chúng ta dùng màn hình TV [để diễn tả] sẽ dễ hiểu. Âm thanh và sắc tướng trong màn hình sanh diệt trong từng sát-na, có sai biệt; nhưng màn hình không có sai biệt, màn hình là tướng bình đẳng, sai

biệt và vô sai biệt chẳng hai. “Cố vân Thật Tướng nãi bình đẳng nhất tướng dã” (vì thế nói Thật Tướng là một tướng bình đẳng). Một niệm ấy có hình, có thức, đều chẳng thể được, đó gọi là “bình đẳng nhất tướng”. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất đều do một niệm khởi. Quý vị phải biết: Một niệm ấy chính là “nhất niệm” như Di Lặc Bồ Tát đã giảng; trong một giây có bao nhiêu “nhất niệm”? Nếu chúng ta nói khảy ngón tay năm lần [trong một giây], khảy nhanh sẽ được năm lần, [trong một giây] sẽ có một ngàn sáu trăm triệu niệm, lẽ nào chúng chẳng bình đẳng? Đương nhiên là bình đẳng, đấy là huyễn tướng, chẳng thật! Chúng ta lại lật sang trang mười tám, vẫn là nói về vấn đề này. “Thật Tướng nghĩa thâm”, [tức là] ý nghĩa [Thật Tướng] này quá sâu! “Nhược minh Thật Tướng, tức vi ngộ Đại Thừa lý” (nếu hiểu Thật Tướng, tức là ngộ lý Đại Thừa). Lý là gì? Lý là Thể của kinh, mà cũng là cái để nương vào mà nói kinh này. Kinh có đạo lý, đạo lý ấy là lý Đại Thừa. Kế đó, lão cư sĩ dùng tỷ dụ để giảng rõ. “Tư dĩ dụ minh: Thí như dĩ kim chế tác tháp, tượng, bình, oản, xuyến, hoàn” (ở đây, dùng tỷ dụ để giảng rõ: Ví như lấy vàng chế thành tháp, tượng, bình, chén, xuyến, vòng), những điều này chúng ta đều hiểu, chúng là đồ vật được chế bằng vàng. “Các hiển sai biệt chi tướng” (mỗi thứ đều tỏ lộ tướng sai biệt). Nó có hình cái tháp, tướng ấy có thể là tượng Phật, mà có thể là tượng người, có thể mang hình dáng của những món đồ chơi, đó là gì? Vật dụng! Dùng vàng và đồ vật làm tỷ dụ, mỗi món đều có hình

tướng khác biệt. “Thảng tương chúng khí, trùng nhập dã lô, phục hóa vi kim, nguyên hữu chư tướng tận giai tiêu diệt, đản các khí bổn thể chi kim nhưng cựu như thị” (Nếu đem các món đồ lại bỏ vào lò nung, chúng lại hóa thành vàng, các tướng vốn có đều bị tiêu diệt sạch, nhưng chất vàng là bản thể của mỗi món vẫn y như cũ). Đều đem nung chảy ra, chúng chính là vàng. “Khả kiến các khí sai biệt chi tướng, hữu sanh, hữu diệt, giai thuộc hư vọng; đản các khí bổn thể chi kim, bình đẳng nhất tướng, bất sanh, bất diệt, bất tăng, bất giảm” (Có thể thấy tướng sai biệt của các món đồ có sanh, có diệt, đều là hư vọng; nhưng chất vàng là bản thể của các món đồ là một tướng bình đẳng, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng tăng, chẳng giảm). Tỷ dụ này dễ hiểu. Cổ đại đức dùng một câu để nói: “Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim” (dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng là vàng). Lấy vàng sánh với tự tánh thanh tịnh viên minh thể, đó là tự tánh; sánh ví hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất trong khắp pháp giới hư không giới như các món đồ, chúng đều do cái Thể ấy biến hiện. Thể có thể sanh, có thể hiện, A Lại Da Thức có thể biến. Vì sao trong Nhất Chân pháp giới, mọi thứ chẳng thay đổi, vĩnh hằng bất biến? Chúng ta bèn hiểu rõ: A Lại Da có thể biến, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là cái được biến (sở biến). Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm không có A Lại Da, A Lại Da đã chuyển thành Đại Viên Kính Trí. Vì vậy, nó chỉ có thể sanh, có thể hiện, chẳng có sở biến lẫn năng biến. Do đó, trong thế giới ấy, vĩnh hằng bất biến. Người trong thế giới ấy hóa sanh, dung mạo vĩnh viễn bất biến, thân vĩnh hằng bất biến, đúng như chúng ta thường nói: “Bồ Tát Bồ Tát, niên niên thập bát” (Bồ Tát năm nào cũng là mười tám tuổi), Ngài chẳng già! Ngài vĩnh viễn chẳng già, vì sao? Ngài không có A Lại Da thức. Chúng ta bị biến đổi vì A Lại Da thức. A Lại Da thức có thể biến, do vậy, chúng ta sanh, lão, bệnh, tử là vì bị nó biến. Chính nó lại có sanh diệt, cho nên những thứ do nó biến ra thảy đều có sanh diệt. Do vậy, trong Nhất Chân pháp giới,

chúng ta gọi là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, trong ấy không có sanh diệt, vì các Ngài chẳng dùng A Lại Da. Do vậy có thể biết: Tứ thánh pháp giới có biến đổi hay chăng? Quý vị hãy suy nghĩ: A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật, tức là Phật trong mười pháp giới đều có biến, họ dùng A Lại Da, bất quá tốc độ biến đổi chậm một chút, không nhanh như chúng ta, [chúng ta] biến đổi rất nhanh, họ biến đổi chậm hơn một chút. Vì thế, đạo lý là ở chỗ này! Hoa trong thế giới Cực Lạc vĩnh viễn chẳng tàn, vĩnh viễn chẳng khô; khí hậu chẳng quá lạnh hay quá nóng, không có những hiện tượng này. Vì sao? Người trong thế giới ấy chẳng dùng A Lại Da; người đới nghiệp vãng sanh cũng chẳng dùng, điều này rất lạ lùng! Vì sao người đới nghiệp vãng sanh chẳng dùng? Được bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, quý vị thấy bốn mươi tám nguyện đã nói rất rõ ràng, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế

giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, [chuyện này được] nói trong nguyện nào? Trong nguyện thứ mười chín, tức là nguyện phát Bồ Đề tâm, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí là gì? Từ Thất Địa trở lên! Tuy là đới nghiệp vãng sanh, phiền não tập khí đúng là một phẩm cũng chưa đoạn, nhưng sự hưởng thụ, đãi ngộ trong thế giới Cực Lạc là sự đãi ngộ Thất Địa Bồ Tát. Quý vị chẳng phải là Thất Địa Bồ Tát, nhưng tới đó, hưởng thụ sự đãi ngộ dành cho Thất Địa Bồ Tát, do ai ban cho quý vị? A Di Đà Phật ban cho quý vị, hưởng ké từ A Di Đà Phật, cậy vào phước báo của A Di Đà Phật, chẳng phải là của chính mình. Trong thập phương chư Phật thế giới, không có sự thù thắng này, chỉ có thế giới Cực Lạc là có sự đãi ngộ đặc thù này! Đức Phật chẳng nói "đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, trừ cõi Phàm Thánh Đồng Cư ra", Ngài chẳng nói lời ấy! Nếu chẳng nói lời ấy, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng có sự đãi ngộ này. Quý vị thật sự hiểu rõ, minh bạch chuyện này, há còn có thể chẳng cầu sanh Tịnh Độ ư? Còn làm chuyện khác nữa ư? Làm chuyện khác, mệt chết luôn, nhưng chưa chắc đã thành tựu trong một đời. Quý vị khăng khăng một mực niệm một câu A Di Đà Phật này, đôi ba năm sẽ thành công, sẽ đạt được, còn làm [điều gì khác] nữa? Quý vị thật sự buông xuống vạn duyên; vì sao người khác chưa buông xuống được? Chưa hiểu rõ. Do vậy, sau khi hiểu rõ, ta thường khuyên người khác; nhưng cũng chẳng phải là khuyên bất cứ ai vì kẻ ấy chưa chắc đã tiếp nhận. Ta khuyên mọi người, chúng ta hãy suy nghĩ cho nhiều, học theo Liên Trì đại sư. Liên Trì đại sư đã giác ngộ, đã hiểu rõ, bèn nói: "Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ", quý vị ưa thích thì hãy dụng công nơi đó, tôi chẳng làm! "Tám vạn bốn ngàn hạnh, dành cho người khác hành", tôi cứ một bộ kinh Di Đà, một câu A Di Đà Phật, định rồi! Liên Trì đại sư chẳng làm nữa, nêu gương tốt cho người đời sau. Tịnh Độ ngũ kinh đều được, thọ trì toàn bộ ngũ kinh cũng được, mà thọ trì một kinh trong ngũ kinh cũng được, quý vị thấy pháp môn này thuận tiện lắm, chẳng thể nghĩ bàn lắm! Đối với pháp môn này, giảng giải Tánh, Tướng, Lý, Sự, nhân quả thấu triệt nhất, minh bạch nhất là kinh Vô Lượng Thọ. Quả thật, khó thể đọc trọn cả năm bản dịch gốc của kinh Vô Lượng Thọ. Vì vậy, đời Tống, cư sĩ Vương Long Thư hội tập đầu tiên, có thể nói là cổ nhân đã sớm nghĩ hội tập là chuyện bắt buộc phải làm, đến phần sau sẽ có một đoạn chuyên nói rõ [chuyện này]. Sau đấy, chúng ta mới thật sự nhận biết bản hội tập này của Hạ lão cư sĩ chẳng thể nghĩ bàn, hội tập thật viên mãn, chẳng dùng ý tưởng của chính mình, ngay cả tựa đề kinh cũng là hội

tập. Bản dịch gốc đời Tống dịch là Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh, quý vị thấy cụ bỏ chữ Kinh, dùng Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm; bản dịch đời Hán là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, nay hai tựa

đề kinh được gộp thành một, trở thành Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, đúng là áo trời không vết may, chẳng thêm vào một chữ nào! Bản hội tập của Vương Long Thư có tựa đề là Đại A Di Đà Kinh, nhưng trong kinh chẳng có những chữ này! Còn tựa đề kinh của cụ Hạ là nguyên văn, chúng ta chẳng thể không bội phục Ngài. Đề mục này tuyệt quá, phô rõ nhân quả của thế giới Cực Lạc. Đại Thừa là trí huệ, Vô Lượng Thọ là đức, Trang Nghiêm là tướng hảo. Quý vị thấy quả báo là như đức Thế Tôn trong kinh Hoa Nghiêm đã nói: "Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai", quý vị thấy chẳng phải là đề mục này hay sao? Đại Thừa là trí huệ, Vô Lượng Thọ là đức, trang nghiêm là tướng, quả đấy! Quả đức. Cách tu quả ấy ra sao? Thanh tịnh, bình đẳng, giác! Bởi lẽ, quý vị tu "thanh tịnh, bình đẳng, giác", sẽ chứng Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm. Quý vị thấy tựa đề này viên mãn lắm! Đối với tỷ dụ này của cụ Hoàng, chúng ta niệm niệm đều [thấu hiểu] là được rồi. Có thể thấy tướng sai biệt của các món đồ, có sanh, có diệt, đều là hư vọng, nhưng chất vàng bản thể của các món đồ là bình đẳng nhất tướng, chẳng sanh, chẳng diệt. "Dĩ thượng, dĩ kim dụ chân thật bình đẳng chi Thật Tướng, dĩ kim khí dụ chủng chủng sai biệt tướng" (trên đây, dùng vàng để sánh ví Thật Tướng bình đẳng chân thật, dùng các vật dụng bằng vàng để sánh ví các tướng sai biệt), y báo và chánh báo trong mười pháp giới sai biệt. "Do thượng dụ khả minh, nhược khán phá chư kim khí (tháp, tượng, bình, oản, xuyến, hoàn đẳng) hư vọng sai biệt chi tướng, tức kiến chư khí trung bình đẳng chân thật chi kim" (nếu thí dụ trên đây có thể nói rõ: Nếu thấy thấu suốt tướng sai biệt hư vọng của các món đồ bằng vàng (tháp, tượng, bình, chén, xuyến, vòng v.v...), sẽ liền thấy chất vàng bình đẳng chân thật). Quý vị hãy thấy vàng, đừng chấp trước tướng. Quý vị lấy vàng, bèn tùy tiện lấy món nào cũng đều là vàng. Bảo quý vị lấy vàng ra, quý vị thấy cái này là tháp, cái kia là tượng, cái đó là bình, quý vị nói "không có vàng, chẳng có hoàng kim" quý vị chấp tướng rồi! Cổ nhân dùng [tỷ dụ] "dĩ kim tác khí, khí khí giai kim", dùng tỷ dụ này. "Dĩ dụ ly nhất thiết pháp hư vọng chi tướng" (để tỷ dụ lìa tướng hư vọng của hết thảy các pháp), quý vị sẽ thấy Thật Tướng, sẽ thấy chân tánh. Tánh và tướng vĩnh viễn chẳng thể tách rời, nhưng đối với tướng thì sáu căn tiếp xúc được, nhìn thấy nó, sờ được nó, còn tánh thì sáu căn chẳng thể tiếp xúc, nhìn không thấy, nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Chẳng phải là vật chất, nên mắt, tai, mũi, lưỡi, thân chẳng tiếp xúc được; chẳng phải là tinh thần, quý vị tưởng tượng chẳng ra, vì Thọ, Tưởng, Hành, Thức của quý vị đều không thấu đạt. Nếu buông Thọ, Tưởng, Hành, Thức xuống, sau khi buông xuống, Thể của Thọ, Tưởng, Hành, Thức là kiến văn giác tri sẽ thấy được! Kiến văn giác tri là chân tánh.

Trong [chú giải] kinh Lăng Nghiêm, Giao Quang đại sư bảo "bỏ thức dùng căn", [tức là] dùng căn tánh của sáu căn. Căn tánh là kiến văn giác tri, chẳng phải là Thọ, Tưởng, Hành, Thức; cũng có nghĩa là: Thọ, Tưởng, Hành, Thức là vọng tâm, kiến văn giác tri là chân tánh. Lúc mê, kiến văn giác tri biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Khi giác ngộ,

có thể buông Thọ, Tưởng, Hành, Thức xuống, khiến cho kiến văn giác tri hiện tiền, đó gọi là "chuyển thức thành trí". Nói cách khác, thấy sắc, nghe tiếng, chớ nên chấp trước, quý vị chẳng dùng Mạt Na; chớ nên phân biệt, chẳng dùng ý thức; chớ nên khởi tâm động niệm, chẳng dùng A Lại Da thức. Trong Thiền Tông, tham Thiền thì "tham" là gì? Lìa tâm ý thức là "tham" ( ). Tâm ý thức là biết! A Lại Da là khởi tâm động niệm, Mạt Na là chấp trước, ý thức là phân biệt. Chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, đó là lìa tâm ý thức, lìa tâm ý thức thì gọi là "tham". Do vậy, nghiên cứu giáo, chẳng dùng tâm ý thức thì gọi là "tham cứu". Nếu dùng tâm ý thức, bèn gọi là "nghiên cứu". Nghiên cứu và tham cứu khác nhau, tham cứu sẽ kiến tánh, còn nghiên cứu chẳng thể kiến tánh. Dùng nghiên cứu, Phật pháp biến thành triết học, biến thành Phật học; lìa tâm ý thức sẽ là học Phật, thật sự có thể thành Phật. Dùng tâm ý thức chẳng thể thành Phật, nhất định phải biết điều này! Dùng tâm ý thức, nói thật ra, chẳng thể vượt thoát lục đạo luân hồi, vì lục đạo luân hồi do tâm ý thức biến hiện. Tiếp đó nói: "Ly hư vọng sai biệt chi tướng, cố vân vô tướng" (do lìa tướng sai biệt hư vọng nên gọi là vô tướng). Đây là ý nghĩa tôi vừa mới nói. Sáu căn của chúng ta đối với cảnh giới sáu trần bên ngoài thảy đều là hư vọng. Sáu căn của chính mình đều là hư vọng, lục thức là hư vọng, cảnh giới bên ngoài cũng là hư vọng. Chỉ cần không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, sẽ lập tức là [vô tướng]! Nó là vô tướng, ngay nơi đó là vô tướng, trọn chẳng trừ khử tướng, mà ngay lập tức là vô tướng. Do vậy, phải hiểu rõ, minh bạch ý nghĩa "tướng" và "vô tướng" này. "Ư hư vọng sai biệt chư tướng chi trung, hữu chân thật bình đẳng chi bản thể, cố vân vô bất tướng. Đương tướng ly tướng, tướng nhi vô tướng, nãi hiển Thật Tướng" (Trong các tướng sai biệt hư vọng, có cái bản thể chân thật bình đẳng, nên nói chẳng phải là không có tướng. Từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, có tướng mà vô tướng, nên mới hiển lộ Thật Tướng). Mấy câu này nói hay quá, mười hai chữ này ("Đương tướng ly tướng, tướng nhi vô tướng, nãi hiển Thật Tướng") vô cùng hay, ngay lập tức là nó, một và nhiều chẳng hai. Ngay trong cuộc sống hằng ngày, trong công tác, trong xử sự, đãi người tiếp vật, chúng ta phải sốt sắng, thực hiện viên mãn, tận tâm tận lực làm, đấy là "đương tướng" (từ ngay nơi tướng). Làm tốt đẹp, trong tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đó là "ly tướng". Do vậy, "đương tướng" và "ly tướng" là đồng thời, chẳng cắt rời thành hai thứ thì mới thật sự hữu dụng!

Trong cuộc sống hằng ngày, quý vị sẽ sống thật sự hạnh phúc mỹ mãn, tự tại vô cùng! Trong công việc cũng như thế, đãi người tiếp vật cũng như thế, quý vị sẽ khiến cho hết thảy mọi người vui vẻ. Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa có nói: "Bồ Tát sở tại chi xứ, linh nhất thiết chúng sanh sanh hoan hỷ tâm" (Bồ Tát ở chỗ nào cũng có thể khiến cho hết thảy chúng sanh đều sanh tâm hoan hỷ), vì sao Ngài có thể làm cho hết thảy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ? Ngài từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, ly tướng và đương tướng cùng lúc, ai chẳng vui vẻ! Trước hết là chính quý vị vui vẻ, quý vị đã vui vẻ thì người khác thấy quý vị cũng vui vẻ. Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: "Đản Thật Tướng ly ngôn thuyết, chánh như Nam Nhạc Hoài Nhượng vân: Thuyết tự nhất vật, tức bất trúng" (Nhưng Thật Tướng lìa ngôn thuyết, đúng như ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng đã nói: "Nói dường như có một vật thì chẳng trúng"). Câu này ở trong Đàn Kinh. Pháp sư Hoài

Nhượng khai ngộ, minh tâm kiến tánh trong hội của Lục Tổ Huệ Năng đại sư. Khi Ngài kiến tánh, Lục Tổ giống như đưa ra một đề mục nhằm khảo nghiệm Sư: "Ông kiến tánh, vậy tánh là như thế nào?" Sư trả lời bằng câu này: "Nói dường như có một vật thì chẳng trúng", nói không được! Lục Tổ gật đầu, ấn khả, Tổ nói: "Ông như thế, mà ta cũng như thế", ấn chứng Sư thật sự khai ngộ, chẳng phải là giả khai ngộ. "Cố thật phi nhậm hà thế gian thí dụ sở năng thâm minh" (cho nên đúng là bất cứ thí dụ nào của thế gian cũng chẳng thể giảng rõ rệt sâu xa được). Tỷ dụ chỉ có thể sánh ví mường tượng, tuyệt đối chẳng có cách nào tỷ dụ sát sự thật, một tí biện pháp cũng chẳng có. Do vậy, hiện thời khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta dùng hình ảnh nơi màn hình TV để tỷ dụ, so ra gần sát, dễ hiểu hơn những tỷ dụ trước kia. Xưa kia, đúng là khó! Do vậy, khi chưa có những thứ khoa học, mà cổ đại đức, đừng nói là chứng ngộ, chỉ có thể giải ngộ thôi, chúng ta đều bội phục năm vóc sát đất. Hiện thời, chúng ta nhờ rất nhiều những thứ thuộc về khoa học mà thấy, nghe, hay, biết, nên mới có thể thấu hiểu những điều này, mới có thể nói rõ ràng, giảng rõ ràng. Tuy nói rõ ràng, giảng rõ ràng, chỉ là gần sát, vẫn còn cách một tầng. Tầng ấy chính quý vị phải ngộ, bất luận là ai cũng chẳng giúp đỡ được! Phật đến giảng cho quý vị cũng chẳng có cách nào! Phật đến giảng cho quý vị thì cũng chỉ có thể nói đến mức này! Nói đến mức độ này thì có thể, nhưng nếu quý vị muốn thật sự khế nhập cảnh giới, chứng ngộ, chẳng phải là bảo quý vị buông xuống hay chăng? Quả thật là trong cuộc sống, mỗi ngày quý vị ăn cơm, chớ nên so đo món ăn này, món ăn nọ, đừng nên so đo mùi vị nữa. Mặc quần áo, thứ gì cũng được! Ấm áp là được rồi, đừng nên kén chọn! Đó là gì vậy? Tập khí, tức tập khí phiền não của quý vị. Đấy là gì? Chấp trước, nhất định phải như thế nào đó. Hễ nhất định phải như thế nào đó sẽ phiền phức liền! Phải học

theo Đại Thừa Bồ Tát tự tại tùy duyên, bất luận câu thúc gì đều chẳng có, cái gì cũng đều tốt, chẳng có gì không tốt. Người ta làm chuyện tốt, tốt! Người ta làm chuyện xấu, cũng tốt luôn. Người ta hưởng phước, tốt! Người ta đang chịu tội trong địa ngục, cũng tốt. Chịu tội trong địa ngục là gì? Tiêu nghiệp chướng! Kẻ ấy có lắm nghiệp chướng dường ấy, nhất định phải tới đó để tiêu, tiêu hết thì chẳng phải là tốt đẹp hay sao? Cớ sao chẳng phải là chuyện tốt? Sau đấy mới hiểu: Mười pháp giới vốn là bình đẳng. Quý vị làm chuyện tốt nhiều ngần ấy, đến thiên đường để hưởng phước, đó là gì? Tiêu phước báo ấy! Quý vị làm chuyện tốt nhiều ngần ấy thì phải tiêu, làm những chuyện ác thì phải đến tiêu [nghiệp chướng] trong địa ngục. Quý vị thấy đó: Tiêu phước báo, tiêu nghiệp chướng; thảy đều tiêu sạch, chẳng phải là kiến tánh hay sao? Cái đáng quý là buông xuống, chẳng có gì khác! Do vậy, tôi suốt đời tôn trọng thầy, lúc gặp mặt thầy trong ngày đầu tiên, thầy đã dạy tôi "thấy thấu suốt, buông xuống". Tôi mới biết người tu hành từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai tu gì? Thấy thấu suốt, buông xuống! Buông xuống giúp cho thấy thấu suốt, thấy thấu suốt lại giúp buông xuống, hai phương pháp này giúp đỡ thành tựu lẫn nhau từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai. Đẳng Giác Bồ Tát nếu buông một phẩm tập khí sanh tướng vô minh cuối cùng xuống, sẽ viên mãn, vẫn là buông xuống! Chỉ có buông xuống mới có thể tiến lên cao; chỉ có hiểu rõ mới thật sự chịu buông xuống. Do quý vị chẳng hiểu rõ, nên không buông xuống được; hễ hiểu rõ sẽ buông xuống. Hiện thời, điều đáng quý là hiểu rõ, rành rẽ thế giới Cực

Lạc, hiểu rành rẽ thế giới này, so sánh giữa hai thế giới, bèn buông thế giới Sa Bà xuống, ta về thế giới Cực Lạc, điều này là trọng yếu. Quý vị thật sự muốn buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, điều này nói dễ, làm chẳng dễ, thật sự là khó! Do nguyên nhân gì? Nghiệp chướng phiền não tập khí quá nặng, từ vô lượng kiếp đến nay đã tích lũy những thứ này, đâu có dễ dàng nói buông xuống liền buông xuống như vậy được! Nay chúng ta buông thân, tâm, thế giới xuống, đó là phần chút ít, rất nhỏ của tập khí phiền não, chỉ cần chịu buông thứ ấy xuống sẽ có thể vãng sanh. Do vậy, đến thế giới Cực Lạc, nhất định phải tin sâu chẳng nghi: Đức Phật chẳng nói một lời hư giả nào! Nay chúng ta chẳng thể nghe lời con người trong thế gian này, lời giả quá nhiều, nói lời gạt người nhiều quá! Phật, Bồ Tát chẳng nói câu nào lừa người, phải tin sâu chớ ngờ điều này! Nhất định phải tin: Đến thế giới Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, lời này chính là "pháp khó tín". Do vậy, kinh này được gọi là "khó tin", [pháp môn được giảng trong] kinh này được gọi là "pháp khó tin". [Trong các thế giới phương khác], đâu có chuyện một phẩm Kiến Tư phiền não chưa đoạn, đến thế giới Cực Lạc bèn có thể hưởng thụ sự đãi ngộ như Thất Địa Bồ Tát, A Duy Việt Trí là Thất Địa. Sự đãi ngộ

như Thất Địa Bồ Tát do A Di Đà Phật ban cho, chẳng phải do chính mình có, mà do A Di Đà Phật ban cho. Sau đoạn này có một câu tiểu kết: "Cố vân: Phàm hữu ngôn thuyết, giai vô thật nghĩa" (Vì thế, nói: Hễ có ngôn thuyết đều chẳng phải là thật nghĩa). Vì ngôn thuyết cũng là tướng. "Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng", ngôn thuyết cũng là hư vọng, các thứ diễn đạt, biểu thị vẫn là hư vọng, phải biết điều này! Ngôn thuyết có cần hay chăng? Cần chứ! Đối với kẻ chưa khai ngộ thì cần, đối với người đã khai ngộ thì chẳng cần, không cần dùng ngôn thuyết nữa. Do vậy, đối với lục đạo chúng sanh thì phải dùng ngôn ngữ, phải dùng biểu pháp (các hành động, phương cách nhằm biểu thị, diễn đạt pháp); cho đến tứ thánh pháp giới, tuy ít dùng ngôn ngữ, nhưng vẫn cần, dùng biểu pháp khá nhiều; đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm thì [ngôn thuyết lẫn biểu pháp] đều không cần dùng tới nữa. Không cần dùng tới vì chính mình chưa viên chứng tự tánh, quý vị thấy kinh đã nói, chắc chắn chẳng giả, người trong thế giới Cực Lạc mỗi ngày nghe [A Di Đà] Phật thuyết pháp, đồng thời họ có thể phân thân, có thể phân thành vô lượng vô biên thân, đến các cõi nước Phật trong mười phương cúng dường Phật. Cúng dường Phật là tu phước, nghe Phật thuyết pháp là trí huệ, phước huệ song tu, vĩnh viễn không ngừng nghỉ! Cái thân ấy của họ hoàn toàn là hóa thân, đến đi tự do. Trong cảnh giới đó, chúng ta biết: Không có không gian tức là chẳng có khoảng cách, ý niệm vừa dấy lên, cảnh giới bèn hiện tiền, ở ngay trước mắt, ngay lập tức, thật sự chẳng có đến hay đi! Kinh nói "mười vạn ức cõi Phật", đó là nói phương tiện, nói tùy thuận Tục Đế. Trong sự tưởng tượng của chúng ta, điều ấy khó khăn, thật sự khó, nhưng trong cảnh giới của họ (người trong thế giới Cực Lạc), điều ấy quá dễ dàng! Họ có thân thể, nhưng thân thể họ chẳng giống sắc tướng của chúng ta trong hiện tại. Họ có thân thể, cũng có sắc thân, nhưng trong kinh, đức Phật có nói tới một loại [sắc tướng] là Vô Biểu Sắc. Vô Biểu Sắc là gì? Thí dụ như chúng ta tưởng tượng, chúng ta nghĩ tới Chương Gia đại sư, tôi vừa nghĩ, hình dáng Chương Gia đại sư thuở ấy bèn hiện diện [trong tâm tôi], tôi thấy rất rõ ràng, nhưng quý vị chẳng thấy, sắc ấy là Vô Biểu Sắc. Chúng ta nằm mộng, cảnh giới trong mộng cũng rất rõ rệt, sắc tướng ấy

tươi sáng, nhưng ta đang nằm mộng, người bên cạnh nói họ chẳng thấy gì, thật sự có sắc tướng, mà họ nhìn không thấy. Nhưng người có Thiên Nhãn có thể thấy, chứng tỏ sắc ấy chẳng phải giả, người có Thiên Nhãn, hay có công năng định lực sẽ thấy được. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, nhiều vọng niệm, cho nên chẳng nhìn thấy. Ý niệm dấy lên, nó bèn có tướng, tướng do tâm sanh, hễ khởi niệm bèn có tướng. Tưởng một quả núi, sẽ có tướng núi. Tưởng một cái cây, sẽ có tướng cây. Tưởng hoa, sẽ có tướng hoa. Tưởng gì, tướng ấy đều hiện tiền, lẽ nào chẳng có tướng? Tướng sanh từ tâm tưởng,

thật là thiên biến vạn hóa. Sách Hoàn Nguyên Quán nói: "Xuất sanh vô tận", thiên biến vạn hóa. Khi ấy, tôi đọc câu này chẳng hiểu lắm, vì sao có hiện tượng này? Tôi nghĩ thuở nhỏ chơi kính vạn hoa, chẳng phải là kính vạn hoa rất đơn giản ư? Đúng là thiên biến vạn hóa, sanh ra vô tận. Ba mảnh gương, ở giữa đó cắt một ít giấy vụn màu sắc khác nhau, quý vị vĩnh viễn xoay chuyển, xoay cả tuần, cũng chẳng thể có hai mô thức giống nhau. Theo kinh Phật, tự tánh của chúng ta là bất động, A Lại Da là động. Do vậy, A Lại Da giống như kính vạn hoa, xuất sanh vô tận, biến hóa vô cùng, nhưng toàn là giả, chẳng có gì là thật. Do vậy, quả thật đều là "chẳng có thật nghĩa". Đây là nói rõ tất cả hết thảy hiện tượng trong khắp pháp giới hư không giới, hiện tượng vật chất cũng thế, mà hiện tượng tinh thần cũng thế, quý vị đừng nghĩ chúng là thật, đừng mê trong ấy. Nói cách khác, quý vị cũng chớ nên dấy lên ý niệm mong khống chế, chiếm hữu chúng, sai rồi! Chỉ cần khởi lên ý niệm này, quý vị bèn đọa trong luân hồi, chẳng thoát ra được! Do vậy, đối với kẻ giác ngộ, tất cả hết thảy những thứ họ có, nếu quý vị hỏi họ, được! Lấy đi! Họ thật sự chẳng có ý niệm, chẳng phân biệt, chấp trước, ta dùng hay quý vị dùng đều như nhau! Tiền mất đi là để cho người khác lấy dùng, chẳng phải là giống như ta dùng hay sao, đâu có gì khác nhau? Quý vị nói có phải là sống vui sướng lắm chăng? Vui sướng do đây mà có! Vì sao quý vị khổ? Thứ gì cũng đều muốn chiếm hữu, thứ gì cũng đều muốn khống chế, vậy là quý vị khổ chẳng thể nói nổi, quý vị sai rồi, mê mất rồi! Do vậy nói "đều không có thật nghĩa", ý nghĩa này hay lắm! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây!

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa phần 9 hết

---o0o---

Phần 10

Tập 19

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ mười tám, xem từ dòng thứ ba từ dưới đếm lên.

"Hựu Viên Giác kinh vân: Chư huyễn tận diệt, giác tâm bất động. Huyễn diệt diệt cố, phi huyễn bất diệt, thí như ma kính, cấu tận, minh hiện" (Lại như kinh Viên Giác chép: "Các huyễn tận diệt, giác tâm bất động. Sự diệt mất hư huyễn ấy đã bị diệt, chứ cái chẳng huyễn không bị diệt, giống như mài gương, chất dơ hết, ánh sáng sẽ hiện"). Chúng ta xem đoạn thứ nhất, đoạn này vẫn tiếp tục nghiên cứu thể tánh của kinh này, đây là giảng rõ đức Phật nói bộ kinh này đã căn cứ vào điều gì để nói, điều ấy được gọi

là “thể tánh”. Nếu chẳng có căn cứ, kinh sẽ chẳng thể thành lập. Căn cứ gì vậy? Trong lần trước, chúng ta đã học tập, hết thảy các kinh Đại Thừa đều căn cứ trên Thật Tướng để nói. Thật Tướng, nói thông tục là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Những điều được nói [trong kinh Phật] đều là chân tướng. Nếu chẳng phải là chân tướng, sẽ thành vọng ngữ. Chân tướng này rất khó hiểu, chân tướng là “Thật Tướng vô tướng, Thật Tướng vô bất tướng” (Thật Tướng vô tướng, Thật Tướng chẳng phải là không có tướng), các kinh Đại Thừa đều giảng rõ sự thật này. Ở đây, Hoàng lão cư sĩ lại dẫn kinh văn của kinh Viên Giác để nói; do vậy, chúng ta đọc bản chú giải này, giống như đọc rất nhiều kinh luận và những lời giảng giải của tổ sư đại đức. Đoạn kinh Viên Giác này hết sức trọng yếu! “Chư huyễn tận diệt, giác tâm bất động”, huyễn là gì? Trong giáo pháp Đại Thừa có nói “tam tế, lục thô”; tất cả hết thảy các huyễn pháp có cội nguồn là tam tế, lục thô. Rất khó có là hiện thời khoa học đã phát hiện tam tế tướng, họ bảo chúng ta: Trong vũ trụ, chỉ có ba thứ; trừ ba thứ này ra, thứ gì cũng chẳng có, ba thứ ấy là gì? Là vật chất, năng lượng, và thông tin. Những danh từ hiện đại này khác danh từ trong kinh Phật, nhưng có cùng một ý nghĩa. Trong kinh Phật nói tới Nghiệp Tướng. Nghiệp Tướng của A Lại Da là năng lượng, Cảnh Giới Tướng của A Lại Da là vật chất, Chuyển Tướng của A Lại Da, hoặc gọi là Kiến Tướng, chính là thông tin. Quý vị thấy: Nói về những thứ giống nhau; nhưng các nhà khoa học chẳng thể giảng rõ rệt như đức Phật: Những thứ ấy do đâu mà có? Các khoa học gia chẳng nói rõ ràng. Trong Phật pháp, ba tế tướng này do đâu mà có? Do từ tự tánh mà có! Chỉ có tự tánh là thật , còn những tướng ấy đều chẳng thật. Vì vậy, A Lại Da là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm; nhưng chúng sanh trong mười pháp giới rộng rãi và nhiều hơn chúng sanh trong lục đạo. Phía trên lục đạo, vượt lên khỏi lục đạo, lục đạo là giới hạn, thường là chẳng dễ gì vượt thoát lục đạo luân hồi, vượt thoát lục đạo luân hồi là A La Hán, [những người có thể vượt thoát] được gọi là A La Hán. Trên A La Hán là Bích Chi Phật, trên Bích Chi Phật là Bồ Tát, trên Bồ Tát là Phật, chúng ta gọi họ là “tứ thánh pháp giới”. [Những vị thuộc] bốn pháp giới này là thánh nhân, họ vẫn dùng A Lại Da, [tức là] vẫn dùng vọng tâm; vì vậy, chưa phải là Phật [trong Viên Giáo]. Thiên Thai đại sư gọi Phật trong mười pháp giới là Tương Tự Tức

Phật, chưa phải là Phật thật sự, vì còn dùng vọng tâm, nhưng dùng [vọng tâm] rất chánh đáng, dùng rất thuần, thoạt nhìn dường như là chân Phật, trên thực tế chưa phải. Phân biệt chân và vọng như thế nào? Ở chỗ dùng cái tâm khác nhau, Phật dùng chân tâm. Quý vị phải ghi nhớ điều này: Dùng chân tâm! Chân tâm chẳng phải là ba thứ ấy (Chuyển Tướng, Nghiệp Tướng, Cảnh Giới Tướng), phải biết: Chân tâm là tự tánh của Dụng. Tổ tiên bảo: Tánh con người vốn lành. Tam Tự Kinh dạy: “Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”; cái tánh “bổn thiện” chính là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm. “Thiện” ấy chẳng phải là thiện trong “thiện, ác”. Nếu là thiện trong “thiện, ác” thì sẽ là vọng tâm, phải biết điều này! “Thiện” ở đây là hình dung từ, là từ ngữ ca ngợi, [nhằm hình dung] không thể diễn tả được, quá tốt đẹp, quá hoàn bị, chẳng có thiếu khuyết gì. “Bổn thiện” có thể sanh ra vạn pháp, nó mới là căn nguyên của vũ trụ và nhân sinh. Huệ Năng đại sư khai ngộ, khai ngộ là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh là thấy gì? Là thấy bổn thiện. Thấy bổn thiện thì phải diệt hết ba thứ Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng,

Cảnh Giới Tướng, ba thứ ấy chẳng còn, chúng là vọng tâm, [vọng tâm đã chẳng còn thì] chân tâm mới hiện tiền. Chân tâm hiện tiền, trong chân tâm chẳng có hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng có hiện tượng tinh thần, trong Tịnh Tông gọi là "tứ độ" (bốn cõi Tịnh Độ), tầng tối cao là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, một bầu quang minh, trọn khắp hết thảy mọi nơi. Ở nơi đâu? Không chỗ nào chẳng tồn tại! Không lúc nào chẳng hiện hữu. Chúng ta cũng chẳng rời khỏi Thường Tịch Quang, mà cũng chẳng rời khỏi tự tánh, nhưng chúng ta chẳng thấy. Chẳng rời khỏi nó, nhưng chẳng thấy! Vì sao chẳng thấy? Năng lực của lục căn là hư vọng, vọng chẳng thể duyên chân, vọng chỉ có thể duyên vọng, chẳng duyên được chân. Vọng tâm của chúng ta rất lợi hại, nó có thể duyên tới A Lại Da, tức là Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, và Cảnh Giới Tướng nó đều có thể duyên được, đều có thể đạt tới, nhưng chẳng thể đạt tới tự tánh. Đạt tới tự tánh thì phải buông những thứ ấy xuống, ba thứ ấy đều buông xuống, tự tánh sẽ hiện tiền, quý vị mới hòng thấy được! Buông xuống chẳng dễ dàng, nói rất dễ, nhưng sự thật rất khó. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật nói "khởi tâm động niệm" thì khởi tâm động niệm là Nghiệp Tướng, phân biệt là Chuyển Tướng, chấp trước là Cảnh Giới Tướng. Đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chúng ta đều chẳng chấp trước, quý vị sẽ chứng quả A La Hán. Trước hết, quý vị khôi phục điều gì? Khôi phục tâm thanh tịnh, tâm địa chẳng nhiễm mảy trần; cũng có nghĩa là chân tâm thấu lộ một phần. Thấu lộ một phần, lục đạo luân hồi chẳng còn nữa! Vì vậy, chư vị phải hiểu: Lục đạo chẳng thật! Kinh Đại Thừa thường nói "phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng", vì chúng là pháp sanh diệt. Quý vị thấy hết thảy động vật có sanh, lão, bệnh, tử; còn

những thứ chân thật thì sao? Đúng là chẳng sanh, chẳng diệt. Do vậy, tôn giáo của phương Tây nói tới "chân thần" (Chúa thật) hơi giống, nhưng chưa đúng, vẫn còn cách biệt với chân tướng. Nhưng hiện thời tôn giáo của phương Tây nói tới chân thần khác với xưa kia, họ nói thần chẳng có thân xác, không nơi đâu chẳng hiện hữu, họ cũng học theo cách nói này. Cách nói này hơi giống với ý nghĩa được giảng trong Phật pháp, nhưng trong ấy còn có mê, ngộ khác biệt. Giác mới là tự tánh, lúc mê sẽ gọi là "thần thức", danh từ nhà Phật gọi [chân tâm bị mê] là "thần thức". Người thế gian chúng ta, người phương Đông gọi [thần thức] là "linh hồn", người phương Tây cũng gọi nó là "linh hồn". Linh hồn là Chuyển Tướng, Chuyển Tướng là ở trong trạng thái mê bèn gọi là Chuyển Tướng; giác ngộ thì ba tướng ấy (Chuyển Tướng, Nghiệp Tướng, Cảnh Giới Tướng) đều chẳng có. Do vậy, đúng là "phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng". Đây là nói về khởi nguyên của vũ trụ. Chuyển Tướng là thông tin, do vậy, chuyển cảnh giới bằng cách nào? Cảnh giới tiếp nhận thông tin. Nếu chúng ta hiểu đạo lý này thì hiện thời địa cầu có tai nạn, chúng ta có thể hóa giải tai nạn hay không? Có thể! Chỉ cần quý vị biết chuyển ra sao, quý vị nắm vững [cách chuyển ấy], sẽ có thể chuyển cảnh giới. Chuyển cảnh giới thì nhỏ là chuyển tự thân, đối với thân tướng của chính mình, đầu tiên là khỏe mạnh. Làm thế nào để nó chẳng sanh bệnh, khỏe mạnh, trường thọ? Làm thế nào để thân thể chúng ta chẳng lão hóa, hễ quý vị hiểu đạo lý sẽ liền làm được! Nói theo hiện thời, tâm thái của quý vị thanh tịnh chính là tướng trường thọ, dung mạo rạng rỡ, màu da nhất định hết sức tươi tắn, chẳng dễ gì lão hóa. Vì sao? Tâm quý vị thanh tịnh. Nếu đạt tới bình đẳng, tức là đạt lên một bậc cao hơn, tâm bình đẳng

thì có thể nói là quý vị sanh tử tự tại. Nếu tâm bình đẳng thật sự hiện tiền, chúng ta sống trên thế giới này hai ba trăm năm chẳng có vấn đề gì. Đối với y học Trung Quốc, tức Trung Y, thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam hết sức giỏi Trung Y, cụ bảo tôi: Cả đời cụ kê toa chữa bệnh cho người khác, chắc chắn chẳng lầm một ai, cụ dám nói như vậy. Cụ cũng từng làm quan tòa. Cụ nói: "Ta làm quan tòa xử án, có khiến ai bị oan uổng hay không, ta chẳng dám nói, không dám chắc, rất có thể là có chỗ xử oan người ta, nhưng khám bệnh cho kẻ khác, chưa hề kê toa sai". Cụ có gan nói ra lời ấy. Cụ bảo chúng tôi: "Trung Y chẳng nhằm chữa bệnh. Điều thứ nhất trong Trung Y là dạy con người trường sinh". Cụ nói: "Đối với thọ mạng của con người, thân thể con người là một cỗ máy. Nếu có thể bảo dưỡng cỗ máy ấy rất khá, tối thiểu là [có thể duy trì] hai trăm năm, hai trăm tuổi là thọ mạng bình thường. Quý vị sống không đến hai trăm tuổi là do không biết bảo dưỡng, chính mình làm hỏng bản thân". Lời ấy rất có lý, mục tiêu thứ nhất của Trung Y là trường sinh. Mục tiêu thứ hai là phòng ngừa bệnh tật, quý vị thật sự hiểu đạo lý này,

có thể ngăn ngừa cả đời chẳng bị bệnh. Mục tiêu thứ ba mới là chữa bệnh, chữa bệnh là mục tiêu thứ ba của Trung Y. Khi chữa bệnh còn thần kỳ hơn nữa. Thầy nói: Chữa bệnh thì thầy lang bậc nhất chỉ nhìn, không cần phải hỏi, nhìn sắc tướng và dung mạo, nghe âm thanh của quý vị nói, chẳng hỏi han, liền hoàn toàn liễu giải tình trạng thân thể của quý vị. Người ấy còn có thể phán đoán: Hiện thời thân thể quý vị rất tốt, chẳng có bệnh tật gì, nhưng người ấy biết mười năm sau, hoặc hai mươi năm sau, quý vị sẽ bị bệnh gì, bị trục trặc chỗ nào! Cụ nói: Thần kỳ! Điều này có đạo lý, chẳng phải là không có đạo lý. Thí dụ như người thợ sửa chữa xe hơi, kinh nghiệm rất phong phú, nghe tiếng máy xe chạy, liền biết tình trạng cái xe. Quý vị còn chạy được bao nhiêu cây số nữa thì chỗ nào đó [trong xe] sẽ bị trục trặc, người ta là dân nhà nghề mà! Người ngoài nghề như chúng ta nghe không ra, nhưng người ấy có thể nghe biết. Vì vậy, Trung Y nói "vọng, văn" (quan sát, nghe tiếng), thứ ba là bắt mạch, tức "vọng, văn, vấn, thiết" (quan sát, nghe tiếng nói, hỏi tình trạng bệnh tật, bắt mạch). Quý vị thấy hạng nhất, vừa nhìn là biết, đây là thầy chữa bệnh bậc nhất. Hạng hai phải hỏi, hỏi han quý vị. Hạng ba mới phải bắt mạch. Chúng tôi học những điều thường thức này từ thầy Lý, biết thầy thuốc phải bắt mạch là loại thầy thuốc hạng ba. Quý vị thấy trong Trung Y, điều thứ ba mới là chữa bệnh. Chữa bệnh mà nhìn, hỏi xong vẫn phải bắt mạch, sẽ là thầy thuốc hạng ba, kể ra cũng khá lắm, nhưng hiện thời thầy lang giỏi trong loại ba này cũng chẳng dễ gì kiếm được! Chúng ta phải biết: "Tâm thái là chủ tể của hết thảy". Quý vị thấy vài hôm trước, cư sĩ Lưu Tố Vân biểu diễn ở đây, chính bà ta bị bệnh Hồng Ban Lang Sang, mắc bệnh ấy gần như chẳng có cách nào chữa lành, nhưng bà ta hoàn toàn khôi phục, ngay cả vết sẹo cũng chẳng còn! Quý vị thấy bà ta giảng kinh, ở đây là mỗi ngày giảng hai giờ; tôi nghe nói ở Thâm Quyến, mỗi ngày bà ta giảng tám giờ, chẳng dễ dàng! Bà ta năm nay sáu mươi sáu tuổi, lúc năm mươi chín tuổi mắc bệnh ấy. Quý vị thấy đó! Tâm thái trị liệu, chẳng dùng thuốc. Đấy là căn cứ lý luận trong Phật pháp, hễ tâm thái chuyển biến, các tế bào mắc bệnh trong nội tâm đều có thể khôi phục bình thường. Nếu tâm thái chẳng tốt đẹp, quý vị thấy thầy lang Bành Hâm đã phân tích. Ông ta nói Ngũ Thường "nhân, nghĩa, lễ, trí, tín", làm được năm chữ ấy, quý vị sẽ chẳng mắc bệnh.

Bất nhân sẽ bị bệnh gan, bất nghĩa sẽ bị bệnh phổi, vô lễ sẽ bị bệnh tim, đều là [bệnh tật] tương ứng [tâm thái]. Đây là y học Trung Quốc. Y học Trung Quốc đã có lịch sử hơn năm ngàn năm, làm sao quý vị có thể chẳng thừa nhận? Thầy tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ có lần bảo tôi: "Trung Y có năm ngàn năm lịch sử, Tây Y mới ba trăm năm. Trong Đệ Nhị Thế Chiến đã may mắn phát minh chất kháng sinh (antibiotics). Nếu chẳng phát minh chất kháng sinh, sẽ chẳng có Tây Y". Thầy hỏi tôi: "Anh

tin vào ba trăm năm, hay tin năm ngàn năm?" Năm ngàn năm chịu đựng sự khảo nghiệm của thời gian và con người, nó đã định hình. Quý vị chẳng thể không bội phục trí huệ của tổ tiên, họ chứng đắc Thật Tướng của các pháp như trong kinh điển đã nói. Những thứ được giảng trong kinh giống như vậy, đức Phật nói ai có thể thấy và chứng thực? Từ Bát Địa trở lên. Bồ Tát có các tầng cấp: Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Thập Nhất Địa là Đẳng Giác, Thập Nhị Địa là Phật, năm tầng cấp này đều hiểu rõ ràng, rành rẽ. Từ Thất Địa trở xuống đều chưa chứng đắc. Chưa chứng đắc thì chỉ nên nghe lời thầy, nỗ lực nâng cao linh tánh của chính mình, nâng lên tới Bát Địa, quý vị sẽ chứng đắc. Các huyễn diệt sạch như vừa mới nói là tam tế tướng và lục thô tướng. Từ tam tế biến thành lục thô; tam tế tướng quá vi tế, chẳng dễ gì nhận biết. Do vậy, khoa học hiện thời có thể nói tới năng lượng, vật chất và thông tin, chúng ta không thể chẳng bội phục họ, hết sức hiếm có! Khoa học vẫn cần tiến cao hơn, chúng ta cũng mong các khoa học gia có thể minh tâm kiến tánh, nhưng minh tâm kiến tánh thì phải buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống. Nếu vẫn dùng những tâm ấy, tức là dùng vọng tâm, vọng tâm chỉ có thể đạt tới A Lại Da là cùng, họ chẳng có cách nào đột phá. Vì vậy, "chư huyễn tận diệt", công phu học Phật là dùng ở chỗ này! Trước hết, công phu ấy có thứ tự và cũng có khó, dễ, đầu tiên là từ chấp trước, quyết định chớ nên chấp trước. Hễ có chấp trước, sẽ chẳng thể đột phá cửa ải đầu tiên là lục đạo. Lục đạo cũng chẳng thật, chỉ cần buông chấp trước xuống, chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Chẳng chấp trước thì chúng ta thường nói: Phải thực hiện từ nơi đâu? Thực hiện bằng cách buông đối lập xuống, tôi thường khuyên lơn đồng học chuyện này, chúng ta thực hiện từ chỗ này: Quyết định chẳng đối lập với người khác. Hắn đối lập với ta, ta chẳng đối lập với hắn. Nếu ta đối lập với hắn thì quý vị sẽ khó đi được một tấc nào trong Phật pháp. Chẳng đối lập hết thảy sự, chẳng đối lập hết thảy vạn vật, tâm lượng quý vị sẽ mở rộng, có thể bao dung, đó là bước đầu! Đầu tiên phải buông xuống, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chớ nên có ý niệm khống chế hay chiếm hữu. Nếu quý vị có ý niệm khống chế hay chiếm hữu, đó là căn bản của tất cả hết thảy phiền não. Phải dốc sức nơi đây thì mới có thể đạt được cái tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh mới hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền sẽ vô cùng sung sướng, đó là pháp hỷ sung mãn. Quý vị thấy câu đầu tiên trong Luận Ngữ, Khổng Tử nói: "Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ" (học rồi thường tu tập, cũng chẳng sướng sao), quý vị hoàn toàn thực hiện những điều đã học trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự đãi người tiếp vật, trong tâm hỷ duyệt, sự hỷ duyệt ấy chẳng do ngũ dục lục trần bên ngoài kích thích, mà là sự hỷ duyệt từ trong nội tâm lưu xuất ra ngoài. Phật pháp cũng giống như

thế, quý vị có thể thật sự buông tập khí phiền não xuống, tâm sẽ tự tại lắm, thanh tịnh lắm! Vì vậy, trước hết là tu tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh đã đạt được, lục đạo chẳng còn nữa, vượt thoát lục đạo, thành A La Hán quả. Tiến thêm một bước nữa, buông phân biệt xuống; không chỉ chẳng chấp trước, ngay cả phân biệt cũng chẳng có, [cảnh giới] sẽ nâng cao lên thành Bồ Tát. Cuối cùng, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm thì gọi là "thành Phật". Vì vậy, Phật, Bồ Tát, A La Hán là danh xưng của ba tầng lớp tu hành trong nhà Phật, giống như danh xưng ba học vị trong nhà trường hiện thời: Cao nhất trong học đường hiện thời là Tiến Sĩ, kế đó là Thạc Sĩ (Cao Học, Master), rồi Học Sĩ (Cử Nhân, Bachelor). A La Hán là Học Sĩ, Bồ Tát là Thạc Sĩ, Phật là Tiến Sĩ, đấy là danh xưng học vị, chẳng thể lẫn lộn được! Ngày nay, Phật giáo biến thành tôn giáo chính là tội lỗi của chúng ta, do tội lỗi của đệ tử Phật, lẽ nào Phật giáo bị lẫn lộn với tôn giáo! Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời dạy học, quý vị hãy xem kỹ, Ngài chẳng dính dáng gì với tôn giáo, nhưng nay Phật giáo thật sự biến thành tôn giáo, quý vị lại chẳng thể không thừa nhận nó là tôn giáo. Chúng ta đã có lỗi với thầy! Thích Ca Mâu Ni Phật mang thân phận, chức nghiệp của một vị thầy, giống như Khổng Tử, Khổng Tử giáo học chỉ được năm năm, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy học suốt đời, bốn mươi chín năm, ba mươi tuổi đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, bắt đầu dạy học, nhập diệt năm bảy mươi chín tuổi, giảng kinh, giáo học suốt bốn mươi chín năm. Ngài dạy chúng ta: Tất cả vấn đề thế gian và xuất thế gian, dùng phương pháp gì để giải quyết? Dùng giáo dục! Chỉ cần quý vị dạy người ta giác ngộ, giúp họ phá mê khai ngộ; hễ họ khai ngộ, sẽ có thể giải quyết vấn đề. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, nhưng tri thức không thể. Tri thức giải quyết vấn đề giới hạn, và còn để lại hậu quả, trí huệ chẳng vậy, trí huệ chẳng có ngằn mé, chắc chắn chẳng để lại hậu quả! Đại Thừa Phật pháp là trí huệ viên mãn, trí huệ do đâu mà có? Sẵn có trong tự tánh, đó là giác tánh. Giác tâm bất động, giác tánh là trí huệ, là cái quý vị vốn sẵn có, giác tánh là gì? Kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết), chẳng sanh, chẳng diệt. Lúc Huệ Năng đại sư kiến tánh đã báo cáo rất đơn giản, hai mươi chữ, quả thật là "vốn tự thanh tịnh". Tâm quý vị có ô nhiễm hay không? Chẳng có! Dẫu tạo tác ác nghiệp, đọa vào A Tỳ địa ngục vẫn chẳng ô nhiễm. Nếu nó bị ô nhiễm, sẽ chẳng gọi là chân tâm, mà là hư vọng. Vì vậy, ô nhiễm là gì? Ô nhiễm là A Lại Da bị ô nhiễm. Tôi vừa mới nói tới Nghiệp Tướng, Cảnh Giới Tướng, và Chuyển Tướng, những thứ ấy bị ô nhiễm, nhưng tự tánh chẳng ô nhiễm, tự tánh mới là con người chân thật của chính mình. Đại Thừa Phật giáo thường gọi nó là "phụ mẫu vị sanh tiền bổn lai mục" (diện mạo sẵn có trước khi được cha mẹ sanh ra); nhưng mê liền biến thành A Lại Da, giác ngộ thì A Lại Da chẳng có, kiến văn giác tri hiện

tiền. Kiến văn giác tri trọn khắp pháp giới hư không giới, toàn bộ hư không pháp giới là một sanh mạng có chung một cái Thể, đấy là luân lý theo quan điểm nhà Phật. Luân lý là nói về quan hệ. Chúng ta sống trong thế gian này, nói tới Ngũ Luân, tức là quan hệ cha con, quan hệ anh em, quan hệ vua tôi, quan hệ bè bạn, nói tới những mối quan hệ này. Nhưng Phật gia nói tới luân lý, bèn nói tột cùng viên mãn, vì sao? Cả hư không pháp giới cùng chính mình là một Thể, chẳng phải là một nhà, mà là một Thể, một sanh mạng có cùng một Thể! Vì vậy, lòng yêu thương chẳng có phạm vi, chẳng có điều kiện, được gọi là Vô Duyên Đại Từ. Nói theo hiện thời, "duyên" là điều kiện, [vô duyên] là

chẳng có điều kiện. Đồng Thể Đại Bi: Thương xót chúng sanh có cùng một Thể [với chính mình], trên thân ta chỗ nào đau ngứa, ta rất quan tâm tới chỗ ấy, đồng thể mà! Đại Thừa Phật pháp thấy trọn khắp pháp giới hư không giới có cùng một Thể với chính mình, điều này quá khó! Nay chúng ta vì sao chẳng thể khế nhập cảnh giới? Vì chúng ta có Ngã, ta và người khác vạch rõ giới tuyến, chẳng biết tự tha chẳng hai, tự và tha là một, chẳng biết đạo lý này! Vì vậy, trong Phật pháp, trước hết là phải phá Thân Kiến, chẳng còn chấp trước cái thân này là Ngã. Thân này là gì? Thân có sanh diệt, Ngã chẳng sanh diệt, Ngã là giác tánh, giác tánh chẳng sanh diệt, kiến văn giác tri là giác tánh. Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã bàn vấn đề này với vua Ba Tư Nặc. Vua Ba Tư Nặc lo ngại, tuổi đã già rồi, lúc ấy, vua sáu mươi hai tuổi, bằng tuổi Thích Ca Mâu Ni Phật, dần dần già rồi sẽ phải bệnh chết, lo sầu chuyện này. Thích Ca Mâu Ni Phật liền hỏi nhà vua, nhằm dạy bảo vua, gọi vua là "đại vương" vì vua là quốc vương, hỏi vua: "Đại vương thấy nước sông Hằng lúc mấy tuổi?" Vua thưa: "Ba tuổi". Mẹ dẫn vua đến một nơi cũng là một thần miếu (miếu thờ thần), lúc tới chiêm bái thần miếu, có đi trên bờ sông Hằng hà, biết đó là dòng sông Hằng, nhìn thấy sông. Đức Phật nói: "Lúc đại vương mười ba tuổi, mười năm sau đó, đại vương cảm thấy thân thể già hơn lúc ba tuổi rất nhiều, bị lão hóa hay chăng!" "Đúng vậy". Khi hai mươi ba tuổi, lại già hơn lúc mười ba tuổi mười năm, năm nay sáu mươi hai tuổi, thân thể biến hóa không ngừng. Đức Phật hỏi nhà vua: "Cái thấy của đại vương đối với nước sông Hằng có biến hóa hay chăng?" "Ba tuổi ta thấy nước sông Hằng, mười ba tuổi ta cũng thấy, lúc hai mươi ba tuổi ta cũng trông thấy". "Tới sáu mươi hai tuổi, đại vương cũng thấy, cái thấy của đại vương có biến hóa hay chăng?" Vua thưa: "Chẳng biến hóa". Đức Phật bèn nói: "Chẳng có biến hóa là bất sanh, bất diệt. Bị biến hóa là cái thân hư giả của đại vương. Cái thân hư giả của đại vương có sanh tử, còn cái chẳng sanh chẳng diệt sẽ chẳng sanh tử". Vua Ba Tư Nặc do vậy giác ngộ, rất vui vẻ, vốn là thân đã chết, nhưng linh tánh của ta trọn chẳng thật sự chết!

Thân là gì? Thân chẳng phải là Ngã, thân là sở hữu của Ngã, là công cụ, giống như y phục, là quần áo của ta, thân để ta sử dụng, dùng vài chục năm chẳng còn thuận tiện sử dụng nữa bèn thay bộ khác, thay đổi thân thể; nhưng trong đây có mê hay ngộ. Lúc mê gọi là "linh hồn", lúc ngộ gọi là "linh tánh". Lúc mê, phạm vi hoạt động của linh hồn là lục đạo, không thoát lìa lục đạo luân hồi. Tình hình trong lục đạo đã được con người phát hiện rất sớm, cần biết là hơn một vạn năm trước, điều này đã được các tôn giáo và học phái xa xưa của Ấn Độ nhận biết. Lịch sử của họ lâu hơn chúng ta! Tôi có qua lại với họ, các trưởng lão Ấn Độ bảo tôi: Tôn giáo của họ tương truyền đã lâu hơn một vạn năm, chúng ta có thể tin tưởng [chuyện này]. Người Ấn Độ không chú trọng lịch sử, chẳng giống người Trung Quốc đời đời truyền thừa; nhưng hiện tại cả thế giới thừa nhận họ (người Ấn Độ) có tám ngàn năm trăm năm [lịch sử], cũng là sớm hơn Phật giáo năm ngàn năm, trên thực tế không phải chỉ có vậy! Thích Ca Mâu Ni Phật đã học những thứ của họ, điểm đặc sắc nhất trong sự tu học của họ là Tứ Thiền Bát Định, kinh Phật nói Tứ Thiền Bát Định là Bà La Môn giáo. Nếu tu môn Định này thành công, trong Định có thể đột phá các chiều không gian, cũng có nghĩa là: Quý vị nhập Định này, trong Định, quý vị đi lên, sẽ thấy hai mươi tám tầng trời, đi xuống, có thể thấy địa ngục.

Chỉ cần quý vị tu Định này, đều có thể thấy được. Tầng lớp sâu cạn khác biệt trong Định này, nói chung gồm bốn thứ: Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền; Bát Định là tầng cao nhất, tức là nói đến Vô Sắc Giới Thiên. Tứ Thiền thấy tới Sắc Giới Thiên; đạt đến Đệ Bát Định, sẽ thấy Vô Sắc Giới Thiên, hai mươi tám tầng trời đều trông thấy. A La Hán chẳng phải chỉ như vậy, A La Hán tu Cửu Thứ Đệ Định, đột phá lục đạo luân hồi, đạt tới một thế giới khác. Quý vị chân tu, sẽ thật sự thấy, chẳng giả tí nào, nhưng đức Phật nói đấy vẫn chưa phải là rốt ráo, rốt ráo thì còn phải tiến lên cao hơn nữa. Quý vị thấy: A La Hán vẫn chưa thấy A Lại Da; Bồ Tát cũng chẳng thấy, Phật trong mười pháp giới vẫn chưa thấy! Phải buông khởi tâm động niệm xuống, cái tâm ấy thật sự định, Định là gì? Đó là chân tâm. Chân tâm vốn bất động, quý vị thấy Huệ Năng đại sư nói: "Hà kỳ tự tánh, bổn vô dao động" (nào ngờ tự tánh, vốn không lay động), trước nay chưa hề động! Bất động là chân tâm, bị động là vọng tâm, vọng tâm là ý niệm, khởi tâm động niệm! Niệm có tịnh, có nhiễm; tịnh bèn ra khỏi lục đạo luân hồi, nhiễm sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Trong nhiễm có thiện, có ác; thiện niệm cảm ba thiện đạo, ác niệm cảm ba ác đạo. Trong nhiễm có thiện, ác; trong tịnh chẳng có thiện, ác. Đó là tứ thánh pháp giới, vẫn chưa phải là chân. Chân thì sao? Nhiễm, tịnh, thiện, ác, thảy đều chẳng có, đó là chân, bèn vượt thoát mười pháp giới. Chư huyễn tận diệt, giác tâm bất động, kiến văn giác tri sẵn có trong tự tánh bèn hiện tiền, chúng bất động, kiến văn giác tri bất động. Lúc mê

biến thành A Lại Da Thức; trong A Lại Da Thức, kiến văn giác tri biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thọ là quý vị có cảm nhận, tức là có cảm nhận "khổ, lạc, ưu, hỷ, xả". Tưởng là quý vị có suy nghĩ. Hành là ý niệm chẳng trụ, niệm trước vừa diệt, niệm sau bèn sanh, đó là Hành. Nay chúng ta nói một cách rất dễ hiểu thì Thức là ký ức, những gì quý vị đã từng trải qua đều có thể ghi nhớ, đó là tác dụng của Thức. Hôm qua, tôi nghe một đồng học cho biết: Họ thấy trên Internet, đại khái là ở Mỹ, một số khoa học gia trong khi nghiên cứu, đã phát hiện nước có ký ức. Thí nghiệm của tiến sĩ Giang Bổn Thắng cho chúng ta biết: Nước có thể nghe, thấy, hiểu ý nghĩ của con người. Họ còn tiến hơn bước nữa là phát hiện nước còn có ký ức. Đây là khoáng vật, trong kinh Phật đã sớm nói đến rồi! Kinh Phật dạy chúng ta: Tâm và vật cùng một Thể, vĩnh viễn chẳng tách rời. Trong vật có tâm, trong tâm có vật. Bất luận vật chất gì đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sau khi tiến sĩ Giang Bổn Thắng làm thí nghiệm này thành công, một đồng học phát hiện [tin ấy] trên Internet, in ra thành bốn trang đưa cho tôi xem. Sau khi tôi xem xong, vô cùng vui vẻ, khoa học gia đã chứng tỏ tất cả hết thảy hiện tượng vật chất đều có năng lực ấy, đó là bản năng (năng lực sẵn có). Nước có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, bùn đất có hay không? Đương nhiên là có! Đá có hay không? Đương nhiên là có. Một hạt cát, một hạt bụi cũng có, theo Phật pháp nói, một cọng lông, một sợi lông cũng trọn đủ [các năng lực ấy]. Thoạt nghe thì rất thần kỳ, nhưng là sự thật. Chúng ta thấy cuộc đối đáp giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Bồ Tát, cuộc đối đáp ấy là khoa học cao cấp. Thuở ấy, thầy Phương giới thiệu Phật giáo với tôi, đã nói Phật giáo là triết học cao cấp. Tôi hiểu, tôi cũng phát hiện Phật giáo là khoa học bậc cao. Nhỏ như vi trần, khoa học hiện thời gọi vi trần là nguyên tử, điện tử, lạp tử, hạt cơ bản là khoa-khắc (quark), nhục nhãn chẳng thấy được; đó là vật chất; trong các vật

chất như vậy cũng có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Vì vậy, chúng có sanh mạng, chúng sống động. Theo như Phật pháp giảng, cả vũ trụ là một thể hữu cơ (organism), chẳng phải là chết cứng, mà sống động. Chứng minh bằng cách nào? Dùng phương pháp Thiền Định để chứng minh. Không giống như khoa học, khoa học dùng các máy móc, máy móc đôi khi còn có lầm lẫn, sai lệch; Thiền Định chẳng sai lạc. Từ trong Thiền Định rất sâu, đột phá từng tầng chướng ngại, quý vị sẽ thấy được. Người đời còn có một phương pháp, nhưng rất hữu hạn, chỉ có thể chứng minh chuyện này là có thể xảy ra, chẳng giả, đó là thuật thôi miên rất thịnh hành ở phương Tây trong vòng nửa thế kỷ trở lại đây! Trong lúc được thôi miên rất sâu, quý vị có thể trở lại đời quá khứ, thậm chí trở lại nhiều đời trong quá khứ. Tôi đọc báo cáo của bác sĩ Ngụy Tư (Brian L. Weiss) nước Mỹ, đã có một người được thôi miên đã quay lại gần như mấy chục đời, không chỉ mấy chục đời, mà gần như bảy tám mươi đời, tức là hơn

bốn ngàn năm trước! Hoàn cảnh lúc ấy là còn sống trong hang động, con người chưa biết ở trong nhà cửa, mà sống trong hang động. Người ấy có thể nói ra tình trạng sống lúc ấy, tuyệt đối chẳng phải là bịa đặt. Vì vậy, từ thôi miên có thể chứng thực. Thiền Định chứng thực con người thật sự có thể trở lại quá khứ, cũng thật sự có thể thấy được vị lai. Vì sao? Thời gian và không gian là giả. Đại Thừa Phật pháp dạy chúng ta: Chẳng có thời gian. Chẳng có thời gian, sẽ chẳng có trước sau; chẳng có không gian, sẽ chẳng có khoảng cách. Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật; nếu không gian bị đột phá, thế giới Cực Lạc ở đâu? Thế giới Cực Lạc ở ngay nơi đây. Các nhà khoa học đã thừa nhận thời gian và không gian chẳng có thật, nhưng dùng phương pháp gì để đột phá họ không biết! Các chiều không gian (không gian duy thứ: Spatial dimensions) do đâu mà có chúng ta đều biết, kinh Phật đã giảng rất rõ ràng chúng do đâu mà có? Từ vọng tưởng, chấp trước mà ra! Quý vị chẳng có vọng tưởng, chấp trước, các chiều không gian sẽ chẳng còn nữa! Đều phải tu Định, phải tu tâm thanh tịnh, phải tu tâm bình đẳng; thanh tịnh có thể đột phá lục đạo, bình đẳng có thể đột phá mười pháp giới, giác tâm có thể đột phá toàn thể vũ trụ, ba tầng lớp như vậy. Phải có công phu như thế nào? Buông xuống! Quý vị chẳng buông xuống sẽ chẳng được, phải thật sự buông xuống! Vì vậy, tôi rất cảm tạ thầy tôi. Người xuất gia tôi gặp mặt đầu tiên là Chương Gia đại sư, tôi hướng về Ngài thỉnh giáo, tôi nói: Thầy Phương giới thiệu Phật pháp cho tôi, tôi biết [Phật pháp] đúng là một môn đại học vấn, có phương pháp gì để có thể khế nhập cảnh giới hay chăng? Tôi nêu câu hỏi như thế, nêu câu hỏi xong, lão nhân gia không trả lời tôi. Ngài nhìn tôi, tôi cũng nhìn Ngài, chúng tôi ở trong căn phòng khách nhỏ ấy nhìn nhau nửa giờ. Tôi đợi nửa giờ, đợi đến khi Ngài nói một chữ: "Có". Có! Tinh thần chúng tôi phấn chấn, chú ý nghe, Ngài lại chẳng nói năng gì, lại đợi sáu, bảy phút, Ngài mới lại nói: "Thấy thấu suốt, buông xuống". Mấy chục năm sau, tôi mới nghĩ ra: Khi ấy, vì lẽ nào Ngài nhìn tôi nửa giờ chẳng nói gì? Tôi tuổi trẻ, bộp chộp, nóng vội, nhất định phải đợi cho tâm tình lắng xuống, vọng niệm chẳng còn, lúc ấy nói với quý vị thì mới có ích, quý vị mới thật sự nghe lọt. Nói một chữ Có, tâm tư chúng tôi lại xáo động, lại chuyển động, không được rồi, vẫn phải chờ cho tâm tình lắng xuống. Nay tôi nhìn vào nhiều trường học, ấn tượng sâu nhất là khi tôi ở Luân Đôn, đến thăm trường đại học Kiếm Kiều (Cambridge) tại Luân Đôn, tôi thấy sinh viên ở đấy kể ra còn

khá, tốt hơn những trường khác, vẫn chẳng khác lắm so với lúc tôi trẻ tuổi. Gặp Chương Gia đại sư, Ngài chẳng nói gì, cứ trừng mắt nhìn, khi nào quý vị có thể định được tâm thái bồng bột, Ngài mới nói với quý vị. Từ điểm này, chúng tôi hiểu được sự giáo học của cổ nhân. Bởi lẽ, thời cổ, trẻ nhỏ được bồi dưỡng sự ổn trọng từ nhỏ, nhất cử, nhất động đều giống như một

người trưởng thành thu nhỏ, nên nó có thể tiếp nhận [giáo dục đạo đức]. Còn như những trẻ nhỏ của phương Tây, chẳng có cách nào tiếp nhận, tiếp nhận khoa học kỹ thuật thì được, chứ chúng chẳng có năng lực tiếp nhận loại học vấn như của Trung Quốc. Vì vậy, học gì cũng đều cần tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, thật sự là cơ sở để học theo cổ thánh tiên hiền. Thiếu cơ sở này, chúng ta chỉ nghe những kiến thức thông thường bề ngoài, chẳng có cách nào khế nhập cảnh giới! Trong đoạn tiếp theo, vẫn là điều được nói trong kinh Viên Giác: "Huyễn diệt diệt cố, phi huyễn bất diệt" (cái huyễn diệt bị diệt, nhưng cái chẳng huyễn bất diệt). Huyễn là giả, chẳng thật, quý vị chẳng thể nói nó chẳng có tướng, nay tất cả các hiện tượng đều hiện tiền, làm sao quý vị có thể nói là không có tướng? Tuy hiện tượng hiện tiền, chẳng thể nói là nó có, vì sao chẳng thể nói là nó có? Tướng ấy là huyễn tướng, thật vậy, giống như những tấm phim trong máy chiếu phim. Chúng ta coi phim, phim hiện thời dùng kỹ thuật mã hóa (digitalized), chẳng dễ gì thấy được [chúng là huyễn tướng]! Trước đây, điện ảnh dùng phim nhựa. Ở đây, tôi vẫn có vài cuộn phim, phim xi-nê. Đây là cuốn phim nhựa, đây là máy chiếu; quý vị thấy mỗi tấm ảnh trong cuộn phim là một tướng cảnh giới, là một huyễn tướng. Ống kính của máy chiếu phim mở ra, tấm phim này được chiếu lên màn bạc; ống kính đóng lại, lại đổi sang tấm phim thứ hai, tấm phim thứ nhất chẳng còn, lại đổi sang tấm phim thứ ba, [tấm phim thứ hai chẳng còn]. Nó thay đổi nhanh chóng, trong một giây thay đổi hai mươi bốn tấm, chúng ta bèn bị gạt, chúng ta coi phim giống như bị nó mê hoặc, dường như là thật, thật ra tốc độ là một phần hai mươi bốn phần giây. Hiện tượng trong vũ trụ hiện tại của chúng ta nhanh hơn tướng được hiện trên màn ảnh bao nhiêu? Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, thật ra, hai Ngài một hỏi một đáp cho chúng ta nghe, song tấu cho chúng ta nghe hòng giác ngộ. Phật hỏi, Di Lặc Bồ Tát đáp. Đức Phật nói tâm có niệm, đây là nói về những kẻ bình phàm giống như chúng ta trong tâm khởi lên ý niệm, trong một niệm có bao nhiêu tế niệm? Có mấy niệm? Đó là ý niệm vô cùng vi tế, giống như chúng ta trong một giây nhìn các hình ảnh hiện trên màn bạc, hình ảnh trong phim, thấy một giây là hai mươi bốn niệm, hai mươi bốn niệm sanh diệt, chúng ta coi mỗi niệm là một giây; còn Di Lặc Bồ Tát nói tới một cái khảy ngón tay, một cái khảy ngón tay chưa đầy một giây! Nếu chúng ta khảy nhanh, trong một giây có thể khảy bốn lần. Khảy nhanh hơn sẽ có thể khảy năm lần. Ngài nói một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn, trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu niệm? Ba mươi hai ức nhân với mười vạn là ba trăm hai mươi triệu, chúng ta làm sao có thể biết nó là giả được! Nếu một giây chúng ta khảy năm lần, trong một giây có bao nhiêu tế niệm? Một ngàn sáu trăm triệu! Trên màn bạc

điện ảnh, một giây mới là hai mươi bốn lần, hai mươi bốn niệm sanh diệt, còn hoàn cảnh hiện thực là trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu, ai có thể thấy được?

Trong kinh, đức Phật nói: Bát Địa Bồ Tát! Bát Địa Bồ Tát do cái tâm [thanh tịnh, không chấp trước] và công phu định lực có thể nhìn thấy một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm vi tế như vậy, Ngài có thể nhận biết. Từ Bát Địa trở lên là Cửu Địa Bồ Tát, Thập Địa, Đẳng Giác Bồ Tát, Diệu Giác, những vị thuộc năm địa vị này thấy rõ ràng; đấy là thấy được căn nguyên duyên khởi vũ trụ. Dụng cụ khoa học chẳng có cách nào, làm không được, [căn nguyên ấy] quá vi tế. Những công cụ của các nhà khoa học có thể thấy được [ba tế tướng của] A Lại Da thì kể ra là đã khá lắm rồi, còn niệm này tột bậc vi tế, [mong thấy được nó] quá khó khăn! Chúng ta tưởng thế giới này là thật, do đức Phật dạy như vậy, chúng ta mới biết thế giới này luôn được tạo thành trong mỗi niệm, do những niệm cực kỳ vi tế tụ tập nên mới thành tựu. Do vậy, tướng chẳng thật, chúng là huyễn tướng, giống như nay chúng ta đang xem TV, TV hiện thời dùng kỹ thuật mã hóa, nhanh hơn tốc độ của điện ảnh, quý vị càng thấy rất thật. Quý vị hiểu toàn thể hiện tượng trong vũ trụ rất giống với chuyện [chiếu phim] này, chẳng thể nói nó là giả, nhưng cũng chẳng thể nói nó là thật. Nếu quý vị nói nó là thật thì nó niệm niệm chẳng tồn tại, niệm trước chẳng phải là niệm sau. Trong lúc giảng kinh, chúng tôi thường dùng chữ “tương tự tương tục tướng” (tướng gần giống như liên tục) để chỉ tướng này. Tướng trước và tướng sau tuyệt đối khác nhau, nhưng rất gần gũi, rất tương tự, chẳng hoàn toàn tương đồng, mỗi tấm phim khác biệt, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Hoàn toàn khống chế ý niệm thì ý niệm của quý vị càng thanh tịnh. Nói cách khác, nó biến hóa, từng tấm phim đều biến hóa, nhưng mức độ biến hóa rất nhỏ. Nếu tâm quý vị bộp chộp, nóng nảy, phiền não tập khí rất nặng, sự biến hóa này cũng rất lớn. [Biến hóa] rất lớn thì thí dụ như chúng ta suy lão nhanh chóng, [biến hóa] rất chậm thì chúng ta cũng già rất chậm. Đạo lý ở chỗ này, nó có đạo lý! Sau khi quý vị liễu giải Phật pháp, nhìn lại thấy Trung Y đúng là rất phi phàm, thật sự có lý, kinh Phật đã giảng thấu triệt. Vì vậy, chúng ta có thể khống chế chính mình, chúng ta làm thế nào để chẳng mắc bệnh, hoàn toàn khống chế từ tâm thái, tâm lượng phải lớn, nhất định phải có tâm từ bi, nhất định chớ nên có lòng oán hận. Oán, hận, phiền não, tức giận, phiền muộn, đều là duyên gây nhiễm bệnh, nhân là tham, sân, si, mạn, nghi. Tham, sân, si, mạn, nghi là nguyên nhân gây bệnh; oán, hận, phiền não, tức giận, phiền muộn là nguồn gốc gây bệnh. Nhân duyên kết hợp, các tế bào sẽ sanh ra virus, sẽ biến thành virus. Quý vị hiểu đạo lý này, chỗ nào có bệnh, quý vị liền giữ cho tâm địa thanh tịnh, nghĩ đến những điều tích cực! Chúng ta học kinh này, học Đại Thừa, ta liền khởi lên mười chữ Bồ Đề tâm, quý vị nghĩ tới “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”,

nghĩ tới những điều này. Các tế bào bị nhiễm virus sẽ khôi phục bình thường. Chúng phục tùng ý niệm của quý vị. Nếu người khác làm thiện sự, tụng kinh hồi hướng cho quý vị thì cũng có lợi đôi chút, chẳng nhiều lắm, không lớn, chính mình vừa chuyển ý niệm sẽ có sức mạnh to lớn. Người khác gia trì quý vị chẳng phải là vô dụng, mà là hữu dụng! Cũng có ích đôi chút, nhưng hiệu quả chẳng trực tiếp như vậy. Nếu ý niệm thật sự xoay chuyển, hồi tâm hướng thiện, sẽ chuyển rất nhanh! Chúng ta hiểu đạo lý này: “Huyễn diệt diệt cố, phi huyễn bất diệt”. “Phi huyễn” là giác tánh; vì vậy, nó là bình thường, chỉ cần trừ khử những thứ hư vọng, nó sẽ khôi phục bình thường, vốn là bình thường, vốn khỏe mạnh. Như thầy Lý đã bảo tôi: Con người vốn có thể sống thọ tới hai,

ba trăm tuổi, sống hai ba trăm tuổi cũng chẳng hiếm lạ tí nào! Quan trọng nhất là tâm thái phải bình thường, chớ nên có tạp niệm, chớ nên có phiền não. Trong xã hội này, cái được gọi "chuyện chẳng như ý" thường chiếm đến tám chín phần, đều là có nguyên nhân. Người này hủy báng ta, ta nhận lãnh, chớ nên ghim trong lòng, mà hãy cảm tạ kẻ đó! Vì sao cảm tạ hắn? Cũng giống như kẻ đó đến khảo nghiệm công phu của ta, coi ta có thể nhẫn hay không? Ta chịu đựng được thì đạt, ta vượt được cái ải này, chẳng ghim trong lòng, cảm tạ hắn. Hắn tổn hại ta, lăng nhục ta, đều là khảo nghiệm, khảo nghiệm bằng nghịch cảnh; còn thuận khảo thì làm cho quý vị vui sướng. Nếu quý vị đang bị thuận khảo thì sẽ là thuận cảnh thiện duyên, trong tình hình ấy, hết thảy đều rất thuận lợi, nếu quý vị khởi lên tham luyến, sanh tâm hoan hỷ, cũng trật rồi! Vì sao? Thất tình ngũ dục là phiền não. Trong thuận cảnh chẳng tham luyến, trong nghịch cảnh chẳng oán hận, vĩnh viễn giữ gìn tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, khi ấy mới gọi là "huyễn diệt diệt tận". Liễu giải chân tướng là thấy thấu suốt. Liễu giải chân tướng "phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng" như kinh Kim Cang đã dạy: "Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng". Pháp hữu vi là gì? Hữu vi là có sanh, có diệt. Quý vị thấy có pháp nào chẳng sanh diệt, động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, khoáng vật, núi, sông, đại địa thành, trụ, hoại, không, chẳng có một thứ nào không sanh diệt. Đã có sanh diệt thì quý vị biết những hiện tượng ấy do đâu mà có? Hiện tượng tụ tập trong từng sát- na. Di Lặc Bồ Tát nói: Trong một khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, khởi lên như vậy. Niệm niệm đều bất khả đắc; vì vậy, quý vị có thể hưởng thụ hết thảy tướng cảnh giới, nhưng đừng chấp trước, chớ nên chiếm hữu, chẳng thể chiếm hữu được! Ngay cả thân thể cũng chẳng thể chiếm hữu. Nếu ta có thể chiếm hữu thân thể, ta sẽ mười tám tuổi mãi mãi, tốt hơn nhiều! Vĩnh viễn chẳng già vì ta đã chiếm hữu. Quý vị chẳng chiếm hữu được, nên nó biến hóa trong từng sát-na. Tất cả hiện tượng đều là huyễn hóa, kể cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai như đức Phật

đã giảng trong kinh. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm biến hóa hết sức chậm rãi. Do vậy, chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, thấy kinh miêu tả tình trạng trong thế giới Cực Lạc: Người trong thế giới Cực Lạc trường sinh bất lão, chẳng bị bệnh, không sanh bệnh, cũng chẳng bị già yếu. Hoa trong thế giới Cực Lạc vĩnh viễn chẳng tàn. Do nguyên nhân gì? Do người sống trong cõi ấy trong tâm chẳng có phân biệt, chấp trước. Vì sao còn có hiện tượng? Do họ có khởi tâm động niệm. Khi chẳng có phân biệt, chấp trước, sự biến hóa trở nên vô cùng chậm rãi, dẫu thời gian lâu đến đâu đi nữa, họ vĩnh viễn trẻ trung do đạo lý này. Nếu chúng ta hiểu, sẽ buông tập khí phiền não xuống, tốc độ già yếu trong thế gian này sẽ chậm lại, là do đạo lý như vậy! Tôi học Phật, cảm kích thầy đã truyền dạy tôi hãy "thấy thấu suốt, buông xuống". Ngày đầu tiên gặp mặt, câu đầu tiên thầy dạy tôi, thật chẳng dễ dàng, đã nói cho tôi biết một bí mật của Phật pháp. Chúng tôi mới biết từ Sơ Phát Tâm cho tới địa vị Như Lai là như vậy, "thấy thấu suốt, buông xuống; buông xuống, thấy thấu suốt". Lúc quý vị điều gì cũng buông hết xuống, ngay cả buông xuống cũng chẳng có, cũng buông xuống luôn, chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật, trở về Thường Tịch Quang. Tập khí chưa đoạn sẽ là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, như tôi vừa mới nói, trong cõi ấy vĩnh hằng bất diệt, hoa vĩnh viễn tươi mới,

chẳng héo hon, rơi rụng, con người vĩnh viễn trẻ trung, chẳng già yếu. Thật sự có đạo lý, những đạo lý ấy chúng ta đều có thể dùng được, lúc dùng sẽ thật sự hữu hiệu. Thầy tu hành thật sự có công phu, chẳng giả. Thưa quý vị, vị thầy này là một trong Tứ Đại Lạt Ma. Bốn vị này, hai vị ở Tây Tạng là Đạt Lại và Ban Thiền, hai vị ở Mông Cổ: Chương Gia ở Nội Mông, Triết Bố Tôn Đan Ba ở Ngoại Mông. Bốn vị này đều là học trò của Tông Khách Ba đại sư. Bốn đại đệ tử của Tông Khách Ba ở bốn phương giáo hóa chúng sanh, tôi rất may mắn gặp một vị. Chúng tôi tuổi trẻ, chưa từng tiếp xúc Phật pháp. Vì vậy, tôi đã từng rất mạo muội thỉnh giáo Ngài, chúng tôi gọi Ngài là "Phật gia". Tôi nói: "Thưa Phật gia, nghe nói các Ngài chuyển thế, Hoạt Phật (Phật sống) chuyển thế là thật hay giả?" Tôi hỏi Ngài câu ấy. Vị thầy này thật tốt, luôn nói lời thật, chẳng lừa gạt chút nào! Ngài dạy: "Ba đời đầu tiên có thể là thật, những đời sau sẽ chẳng thật". Ngài là [Chương Gia] đời thứ mười sáu, thuộc về đời sau nên chẳng thật. Ngài nói: "Đứa linh đồng sau khi được tìm ra, tuyển chọn, sẽ được giáo dục tốt nhất, được vị thầy đức hạnh nhất, học vấn khá nhất đương thời dạy dỗ, người bình thường chẳng gặp được [cơ hội ấy]. Nếu nó thật sự chịu học, sẽ có bản lãnh khá sâu!" Điều này đúng là khó có, giống như hoàng tử thuở trước, được hưởng sự giáo dục mà người khác chẳng được hưởng. Trước đây, vào thời đại đế vương, cả thiên hạ là của nhà vua, đế vương "đăng cơ", đó cũng là điển lễ nhậm chức. Chuyện lớn đầu tiên là lập Thái Tử, nhằm bồi dưỡng thế hệ kế tiếp. Sau khi lập Thái Tử,

thỉnh mấy vị đức hạnh ưu tú và có học vấn nhất trong nước làm thầy của Thái Tử. Thái tử thật sự tích cực học tập thì triều đại kế tiếp sẽ tốt đẹp, con em của văn võ bá quan cùng học ké, đó là nhằm bồi dưỡng một tiểu triều đình kế tục. Thật sự dụng tâm, đời trước thật sự chịu trách nhiệm đối với đời kế tiếp. Trung Quốc khác ngoại quốc, ngoại quốc đúng là chuyên chế, Trung Quốc chẳng phải vậy! Quý vị đọc lịch sử Trung Quốc cẩn thận sẽ thấy lịch đại đế vương của Trung Quốc rất có trách nhiệm, kẻ thiếu trách nhiệm đã bị người khác lật đổ! Do vậy, các hoàng đế thuộc những đời cuối của mỗi triều đại đều là kẻ chẳng tuân thủ giáo huấn của tổ tông, phá hoại toàn bộ gia quy, nên bị kẻ khác thay thế. Nếu họ thật sự tuân theo gia pháp do tổ tông truyền lại, y giáo phụng hành, triều đại của họ sẽ tiếp tục truyền thừa. Thầy Phương từng bảo tôi: "Khổng Tử bội phục Châu Công là có lý". Lão nhân gia suốt đời khâm phục Châu Công nhất. Cụ nói Châu Công đúng là thánh nhân đã tạo ra một bản điển chương chế độ là Châu Lễ. Châu Lễ là hiến pháp của nhà Châu. Thầy bảo tôi đọc, nhưng tôi chẳng có hứng thú đối với chánh trị, thầy bảo tôi nhiều lần, nhưng tôi chưa đọc Châu Lễ. Cụ nói nếu đời nào của nhà Châu cũng đều tuân thủ giáo huấn trong bộ sách ấy thì đến nay vẫn là nhà Châu, cụ đã nói một câu như thế. Đó là vì đối với từng câu, từng chữ, Châu Công đều nghĩ thay cho người trong thiên hạ, chẳng hề vì chính mình. Do vậy, tác phẩm của ông ta chịu được sự khảo nghiệm [của thời gian và tình thế xã hội]. Trong lịch sử Trung Quốc, triều đại nhà Châu lâu nhất, tám trăm năm, nhưng đến cuối thời, năm trăm năm cuối cùng trong tám trăm năm ấy là thời Xuân Thu Chiến Quốc, là đời loạn. Triều đình nhà Châu tuy xưng Thiên Tử, chư hầu chẳng nghe lệnh, nhưng nhà Châu vẫn có hơn ba trăm năm gần như tới bốn trăm năm yên bình lâu dài. Vấn đề ở chỗ nào? Vấn đề ở chỗ có tích cực thúc đẩy giáo dục hay không. Bởi lẽ, "kiến quốc, quân

dân, giáo học vi tiên" (xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo dục đứng đầu), câu này là chân lý! Chỉ cần thực hiện tốt giáo dục, vấn đề gì cũng đều được giải quyết, con người được dạy dỗ tốt đẹp rồi! Trung Quốc ổn định lâu dài mấy ngàn năm, càng lâu càng mới mẻ, cậy vào đâu? Cậy vào giáo dục. Còn có một cơ cấu vững vàng mà cả thế giới đều chẳng có; đó là gia tộc. Gia tộc của Trung Quốc gánh vác trách nhiệm xã hội, có nhiều cống hiến đối với Trung Quốc! Trung Quốc là đại gia đình, quý vị tới nông thôn Trung Quốc để xem: Đây là thôn họ Trương, kia là thôn họ Lý, là người một nhà, ngũ, lục đại đồng đường (năm sáu thế hệ cùng sống trong một nhà), chẳng tách ra. Do vậy, một gia tộc gần như có khoảng ba trăm người, nếu chẳng có quy củ, chẳng có chế độ, làm sao gia tộc không loạn được? Tan nhà, chết người liền! Vì vậy, đối với người Trung Quốc, trẻ nhỏ được dạy từ lúc mang thai, thai giáo đấy! Vừa sanh ra, quý vị phải biết: Đứa nhỏ ấy vừa biết nhìn, biết nghe đã

học tập, đã mô phỏng, gieo trồng căn bản giáo dục trong ba năm, tức là cho đến ba tuổi. [Được giáo dục] từ lúc ra đời cho đến khi tròn ba tuổi là một ngàn ngày, đó gọi là đặt vững căn bản giáo dục. Đặt vững căn bản giáo dục do ai dạy? Mẹ dạy. Người mẹ vĩ đại, giúp chồng, dạy con, gia đình quý vị có đời sau nên người hay không tùy thuộc người mẹ. Dạy gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả, gốc rễ vững bền! Vì vậy, trước đây tại Trung Quốc có câu ngạn ngữ: "Tam tuế khán bát thập", [nghĩa là] gieo trồng căn bản từ thuở ba tuổi thì đến tám mươi tuổi chẳng thay đổi, gieo trồng căn bản kiên cố lắm! Vì vậy, gia tộc có gia đạo, có gia quy, có gia học, gia học trước đây là tư thục, tức là trường học của con em trong gia tộc, có gia nghiệp, tức là sự nghiệp kinh doanh của gia tộc, trong gia phả mỗi nhà đều chép rất rõ ràng. Vì vậy, gia đã tề, quốc bèn trị! Tôi thường nói, vì tôi quen nhiều bạn bè, rất nhiều người có chân trong chánh trường, khi nói chuyện với họ, tôi nói: Thời quá khứ, trong xã hội Trung Quốc có ba trăm sáu mươi ngành nghề, nghề nghiệp tốt nhất là ai? [Những người] làm quan! Quý vị thấy văn chương, thi từ trong phần Tập76 của bộ sách Tứ Khố Toàn Thư do ai viết? Đều do kẻ làm quan viết. Khi họ không làm việc, chẳng có vụ án nào phải xử, ai nấy là người tốt, mọi chuyện là chuyện tốt, chẳng có vụ án nào! Vì vậy, họ là kẻ thanh nhàn nhất, đãi ngộ lại tốt đẹp, địa vị lại cao, được người khác tôn trọng, bất luận tới chỗ nào, đều được bình dân bá tánh yêu mến, cung kính. Họ thường lữ du, đến thăm các vị đạo trưởng, pháp sư, kết bạn phương ngoại77 với họ, thật đấy. Trong xã hội hiện tại, nghề nghiệp khổ cực nhất là làm quan, vì lẽ gì biến ra nông nỗi này? Giáo dục đã mất, gia tộc chẳng còn, gia giáo chẳng có. Chúng tôi cảm giác thật sâu đậm trong quá khứ, chúng ta trải qua tám năm kháng chiến chống Nhật, tám năm kháng chiến hy sinh tánh mạng, tài sản là chuyện nhỏ, [điều bị mất mát to lớn] là truyền thống gia tộc bị xóa sạch. Tề gia, quốc sẽ trị, thiên hạ sẽ thái bình, lịch đại đế vương nói là "thùy củng nhi trị" (khoanh tay chẳng làm gì mà đất nước bình trị); chẳng có chuyện gì, khoanh tay ngồi yên mà đất nước thịnh trị, thiên hạ thái bình, nhờ vào đâu? Cậy vào giáo dục, cậy vào gia tộc. Do vậy, trong quá khứ, trách nhiệm xã hội do gia đình gánh vác, giáo dục do gia đình phụ trách, dưỡng lão cũng do gia đình phụ trách. Một người sống trong thế gian này là vì lẽ gì? Vì gia đình, vinh tông diệu tổ, vẻ vang dòng họ, sẽ chẳng làm chuyện xấu. Làm chuyện xấu, gia đình bị mất mặt, tổ tiên bị thiên hạ chửi mắng, đó là đại bất hiếu!

Truyền thống này tìm khắp thế giới không ra, chỉ riêng Trung Quốc có. Vào một trăm năm trước thì Trung Quốc có, nhưng sau một trăm năm ấy cho tới hiện thời, chẳng có. Do vậy, hiện thời người Hoa rất khổ, chúng ta phải hiểu chuyện này! Làm sao mới có thể lìa khổ được vui? Phải khôi phục gia tộc như trước kia, nhưng gia tộc theo kiểu quan hệ huyết thống thì chẳng được!

Mấy năm nay, tôi nghĩ đến xí nghiệp gia. Chẳng phải là thường nói "xí nghiệp gia" ư? Xí nghiệp là đoàn thể; nếu xí nghiệp có thể khôi phục tinh thần gia tộc Trung Quốc, Trung Quốc sẽ ổn định cả ngàn năm... Người Trung Quốc thật sự có đạo, đạo ấy chính là họ có phương pháp, vừa có lý luận, vừa có phương pháp. Hiện nay, dần dần cũng có mấy vị đồng tu trong Phật môn kinh doanh xí nghiệp, tôi khuyến khích họ, hãy kế thừa truyền thống gia tộc. Hiện thời phải kế thừa ra sao? Chủ nhân phải coi viên chức, công nhân trong xí nghiệp đều là anh em ruột hay chị em ruột, coi người già của những công nhân viên chức đều là chú bác của chính mình, phải lãnh trách nhiệm dưỡng lão, coi con cái của công nhân, viên chức như con em, cháu chắt của chính mình, phải đối đãi như vậy, quý vị là đại gia trưởng mà! Chính chúng ta phải mở trường dạy dỗ con em, dạy dỗ con thơ của công nhân, viên chức. Chính chúng ta phải mở viện dưỡng lão, chứ không phải xã hội, [để phụng dưỡng] người già của công nhân, viên chức. Công ty, đoàn thể ấy kinh doanh, phụ trách dưỡng lão, nuôi nấng trẻ thơ, chữa trị, gánh vác trách nhiệm xã hội, xí nghiệm đảm nhận [những trách nhiệm ấy]. Có gương tốt ấy, các xí nghiệp khác đều làm theo, nhân viên, công chức vĩnh viễn trung thành với xí nghiệp, vì sao? Đối xử với họ quá tốt, trong nhà quý vị có chuyện gì họ đều gánh vác. Đó là một tổ chức đạo nghĩa, trước đây là quan hệ huyết thống, nay là quan hệ đạo nghĩa. Nếu sau khi cách này được truyền lại, Trung Quốc đúng là ngàn năm vạn đời yên ổn, chứ không phải là chẳng thể thực hiện được! Quốc gia nay đang đề xướng một chủ nghĩa xã hội đặc sắc của Trung Quốc, điểm đặc sắc của Trung Quốc là gì? Hiếu! Dùng một chữ để nói thì Trung Quốc là văn hóa "hiếu", trên thế giới chẳng tìm được điều này! Từ Hiếu, diễn biến thành bốn khoa mục là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, mấy chữ này! Vì vậy, tôi tin tưởng tổ tiên Trung Quốc không chỉ [tồn tại trong lịch sử] năm ngàn năm, người Ấn Độ đã tồn tại hơn một vạn năm, tôi tin Trung Quốc trọn chẳng kém họ. Vì khi đó, [Trung Quốc] chưa có văn tự, văn tự do Hoàng Đế78 phát minh. Từ khi có văn tự cho đến hiện tại mới là bốn ngàn năm trăm năm, [trước đó] chưa có văn tự. Tôi tin văn hóa truyền thống Trung Quốc tối thiểu cũng là hơn một vạn năm, trọn chẳng kém hơn Ấn Độ. Đời đời truyền thừa, tới khi có văn tự, Khổng lão phu tử mới biên tập, hệ thống hóa hoàn chỉnh, dùng văn tự ghi lại những gì đã được truyền lại từ quá khứ, do tổ tông truyền lại, dùng văn tự viết xuống. Vì vậy, tôi tin là trong Luận Ngữ có rất nhiều điều do tổ tiên nói. Thái độ của phu tử là như lão nhân gia đã nói rất hay, Ngài suốt đời: "Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ" (thuật lại chứ không trước tác, tin tưởng, chuộng cổ). Nói cách khác, Ngài tự nói Ngài chẳng sáng tạo, chẳng phát minh, những gì Ngài đã học, tu, dạy, truyền lại đều là của cổ thánh tiên hiền. Thái độ học tập này tốt

đẹp, những gì thật sự tốt đẹp đâu cần cứ phải do chính mình đề ra, chẳng cần phải vậy! Do đó, lần này tôi chọn bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Đối với tôi, tức là đối

với thân phận của tôi thì có thể nói Hoàng lão cư sĩ là thầy của tôi, tôi là học trò của cụ. Tuy chúng tôi chẳng có danh phận chính thức ấy, nhưng tôi quả thật mang tâm thái đó. Tôi và cụ là bạn già, trong xã hội hiện tiền, chúng tôi là hai người hoằng dương bộ kinh này. Tôi [hoằng dương] ở hải ngoại, cụ ở trong nước, đều rất cô đơn. Vừa gặp mặt, [cảm thấy] đúng là gặp gỡ tri kỷ. Vì vậy, khi lão nhân gia còn sống trên đời, mỗi năm, tối thiểu tôi sang Bắc Kinh đôi ba lần để gặp cụ. Đúng là khó có! Nay tôi giảng bản chú giải của cụ là vì lẽ gì? "Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ"! Bày đầu, nêu gương tốt! Không cần chính mình phải chơi trội, những gì của cụ là của chính tôi, tự tha bất nhị. Dùng tên của người khác tốt đẹp thì cần gì phải dùng đến tên mình, chẳng có ý niệm ấy. Đấy là đi theo đường lối thánh hiền, tiếng tăm, lợi dưỡng thảy đều buông xuống, quý vị nói có phải là tâm chính mình thanh tịnh nhiều lắm hay chăng? Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, tâm thanh tịnh sanh pháp hỷ, sanh tâm hoan hỷ. "Phi huyễn" là giác tánh. "Thí như ma kính, cấu tận, minh hiện" (ví như mài gương, chất dơ trừ hết, ánh sáng hiện). Quý vị phải biết "mài gương" là [tỷ dụ trong lời] chú giải của cổ nhân, cụ Hoàng cũng dùng [tỷ dụ này] của cổ nhân. Thời cổ, gương làm bằng đồng, phải thường xuyên mài, mài rất bóng sẽ có thể soi mặt. Khác với hiện thời, hiện thời tiến bộ hơn thuở trước quá nhiều; do vậy, nói "mài gương" người hiện thời chẳng hiểu. Nếu quý vị lấy cái gương thời cổ [để giảng], người hiện thời mới hiểu; đó là "mài gương"! Quý vị thấy gương cổ được đặt trong viện Bảo Tàng của Cố Cung, quý vị sẽ hiểu. Cái gương ấy phải thường xuyên mài, mài sạch sẽ, những thứ dơ bẩn trên mặt gương chẳng còn, gương lại tỏa sáng, bèn có tác dụng [soi chiếu]. Chúng ta tu hành cũng giống như vậy, phải mài sạch vọng tưởng, phân biệt, phiền não, tập khí! Cách mài ra sao? Mài trong cuộc sống hằng ngày, mỗi ngày đều mài. Người tốt tán thán quý vị cũng là mài; nếu quý vị sanh tâm hoan hỷ, tức là nhơ bẩn, đã bị ô nhiễm; gặp phải nghịch cảnh, trong tâm quý vị bực bội, lại bị nhiễm dơ! Cảnh giới gì hiện tiền, quý vị đều có thể giữ gìn cái tâm thanh tịnh, cũng không ô nhiễm, đó là tu hành thật sự. Quý vị phải biết: Tu hành chẳng phải là hằng ngày niệm kinh, mỗi ngày gõ mõ niệm Phật, chẳng phải như vậy. Đấy cũng là một phương pháp, nhưng công phu thật sự ở nơi giác tánh. Quý vị thời thời khắc khắc [phải dốc công phu giác tánh trong những hành vi nhỏ nhặt như] mặc quần áo, ăn cơm. Mặc quần áo, quý vị cảm thấy y phục này chẳng dễ nhìn, lại khởi tâm động niệm, lại phân biệt, chấp trước rồi! Do vậy, mặc quần áo cũng là tu hành. Lúc ăn cơm, món này ngon ăn nhiều hơn một chút, ăn thêm mấy miếng, tâm tham của quý vị dấy lên. Món kia chẳng dễ coi, ăn không ngon, chẳng muốn ăn,

quý vị cự tuyệt, quý vị thấy toàn bộ tập khí phiền não hiện hành. Trong cuộc sống thường ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, thuận cảnh, nghịch cảnh, quý vị phải coi tất cả mọi người là Bồ Tát, họ giúp ta nâng cao cảnh giới, [đối với bất cứ người nào, chuyện nào, cũng đều là] chuyện tốt, người tốt! Người lừa đảo, hãm hại quý vị đều là người tốt; chẳng có họ, làm sao quý vị biết công phu của quý vị hiện tiền? Vì vậy, quý vị thường sanh tâm hoan hỷ, thấy ai cũng là Bồ Tát, thấy ai cũng là ân nhân, tri ân, báo ân. Cách báo ân như thế nào? Báo ân là sửa lỗi, tu thiện, nhất định giữ gìn cái tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng của chính mình. Nếu có thể giữ gìn giác tâm thì càng tốt hơn, đó là rất viên mãn. Đó gọi là thật sự báo ân, thật sự thành tựu, thật sự nâng cao [cảnh giới]. Tiếp

đó, cụ Hoàng lão nói: “Kinh trung sở vân huyễn diệt hậu chi giác tâm” (Giác tâm sau khi huyễn diệt như trong kinh đã nói), cái “huyễn” ấy là vật chất và tinh thần. Quý vị biết: Trong Phật pháp, vật chất được gọi là sắc pháp, tinh thần là tâm pháp, tinh thần là gì? Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tức là cảm thụ trong cuộc sống hằng ngày, tức là những cảm nhận khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Những thứ này không bình thường, bình thường là chẳng có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Tâm bình, thanh tịnh, vĩnh viễn thanh tịnh, bình đẳng, tâm ấy chẳng sanh phiền não. Phiền não là gì? Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, sanh ra những cảm thụ này, chúng là phiền não. Tâm chẳng sanh phiền não, sẽ sanh trí huệ, làm sao giống nhau cho được? Sanh phiền não sẽ chẳng sanh trí huệ, sanh trí huệ bèn chẳng sanh phiền não, nó khởi tác dụng, tác dụng viên mãn. Chúng tôi nói thật thà: Tôi học nhiều năm như thế, đã đắc tâm thanh tịnh hay chưa? Chưa! Thanh tịnh, bình đẳng, giác đều chẳng đạt được! Nhưng so với người bình thường để nói, tôi đạt được ít phần, tâm thanh tịnh hơn so với người bình phàm, vì sao? Tôi tu tập hằng ngày, có tánh cảnh giác rất cao, vì vậy, hằng ngày vui vẻ. Nhất là trả lời câu hỏi, trong quá trình học tập, đồng học nêu câu hỏi, lúc được phỏng vấn, có rất nhiều vấn đề chẳng nghĩ đến, [nhưng câu hỏi] vừa nêu ra liền lập tức giải đáp, trí huệ đấy! Năng lực ấy do đâu mà có? Tâm tôi thanh tịnh hơn tâm họ, nên tôi có thể trả lời họ. Nếu tâm tôi chẳng thanh tịnh hơn họ, tôi sẽ chẳng trả lời được, đạo lý là như vậy đó. Vì vậy, công phu là gì? Tâm thanh tịnh là công phu. Tôi nêu ra: Tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, đấy là công phu thật sự. Chẳng thể không dụng công, lợi ích quá nhiều! Đặc biệt trong thời gần đây, nhất là trong hiện tại, có nhiều vấn đề nan giải, xã hội hỗn loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra, tôi gặp rất nhiều lãnh tụ tôn giáo hỏi tôi, cũng có rất nhiều người thuộc giới lãnh đạo đem những vấn đề này hỏi tôi, tôi vẫn đều có thể giải đáp. Sau khi quý vị thật sự hiểu rõ, tôi đã nói nhiều lần, muốn khôi phục cục diện xã hội Trung Quốc an định, hài hòa, chỉ cần một năm là thực hiện được rồi; giải quyết vấn đề của cả thế giới, ba

năm là có thể làm được rồi! Như ông Thang Ân Tỷ (Arnold J. Toynbee) của Anh Quốc đã nói: “[Giải quyết vấn đề của thế giới bằng] học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Đại Thừa Phật học”, chẳng phải lời giả, thật đấy, bản thân chúng ta phải có tín tâm. Bắt đầu làm từ ai? Làm từ chính mình, đừng hy vọng ai khác. Hy vọng người khác, quý vị sẽ sanh phiền não, trông cậy vào chính mình sẽ sanh trí huệ, khác hẳn! Chính mình học tốt đẹp rồi sẽ ảnh hưởng người khác, trong Phật pháp gọi chuyện ấy là “tự độ, độ tha”. Chính mình độ chính mình mà còn chưa độ được, chắc chắn chẳng thể độ kẻ khác. Người giác ngộ ngày càng nhiều, duyên sẽ từ từ chín muồi. Tôi mong các đồng học hãy có tín tâm đối với quốc gia và dân tộc, quý vị thấy hiện thời, khắp nơi trong nước, nơi đâu cũng đều thực hiện Đệ Tử Quy. Các xí nghiệp gia cũng tổ chức những luận đàn (diễn đàn), khóa giảng về Đệ Tử Quy, đó là hiện tượng tốt đẹp.... Đối với tất cả các tôn giáo tôi được tiếp xúc, nhận thấy điều gì? Tôi nhận thấy các giáo chủ sáng lập tôn giáo thuở đầu, nói theo cách bây giờ, đều là những nhà giáo dục xã hội vĩ đại, họ đều theo đuổi việc dạy học. Thời gian dạy học của Thích Ca Mâu Ni Phật dài nhất, bốn mươi chín năm. Mục Hãn Mặc Đức (Mohammed) hai mươi bảy năm. Gia Tô (Jesus) bị kẻ khác hại chết, Gia Tô giảng ba năm, bị kẻ khác hại chết. Quý vị lại nhìn những người

như Ma Tây (Moses) đều là dạy học. Dạy gì vậy? Phổ biến giáo dục, đại chúng hóa giáo dục, đều là giảng luân lý, đạo đức, nhân quả; chẳng qua trong tôn giáo của những người ấy nói đến thần, nói tới Thượng Đế, ý thần, ý Thượng Đế. Trong Phật giáo chẳng nói tới thần, chẳng nhắc đến Thượng Đế, Phật giáo nói tới tự tánh, người Trung Quốc nói tới bản tánh. Nhưng chúng ta giải thích cho họ biết: Tuy nói khác nhau, nhưng có cùng một ý nghĩa. Nhất là hiện thời họ thừa nhận: Thần chẳng có thân thể, chẳng có hình tướng! Nói hay lắm, ngày càng gần với ý nghĩa bản tánh như người Trung Quốc đã nói. Tôi mong các tôn giáo đều giảng giải kinh điển cặn kẽ, hướng dẫn các tín đồ của họ. Ở đây, có thể nói: Tám mươi phần trăm những điều được giảng trong các tôn giáo rất gần gũi với nhau, đều là tương đồng. Hai mươi phần trăm kia không giống nhau, đó là gì? Thời cổ giao thông chẳng thuận tiện, chẳng có truyền thông, người ta đến già đến chết chẳng qua lại với nhau; Vì vậy, hoàn cảnh địa phương cư trụ, bối cảnh văn hóa khác nhau, phương thức sống khác nhau, sai biệt ở chỗ này! Hiện tại thì khác, với phương tiện giao thông hiện thời, đi quanh địa cầu một vòng có thể thực hiện trong một ngày. Truyền thông phát triển. Hiện tại, chúng ta sống trên địa cầu, phải khẳng định người địa cầu chúng ta là người một nhà, phải tương thân tương ái, phải học khiêm hư, phải học tôn trọng, phải học hỗ trợ hợp tác, chớ nên tranh chấp, chuyện gì cũng đều giải quyết hòa bình, thế gian này sẽ tốt đẹp lắm! Có thể làm được hay không? Có thể làm được chứ!

Chẳng phải là không thể làm được! Vẫn là bắt đầu làm từ chính chúng ta, làm từ một đơn vị nhỏ là chính mình, nêu gương cho người khác coi. Có một tấm gương tốt, ngay lập tức mọi người náo nức nhìn vào, ngay lập tức học theo, vì lẽ gì? Mỗi cá nhân đều muốn giải quyết vấn đề này, nhưng chẳng có cách nào! Có nói thì chẳng dễ dàng, người ta chẳng tin, họ bảo đó là chuyện lý tưởng, làm không được! Nếu nêu gương, họ sẽ tin tưởng, sẽ bắt chước theo. Chúng ta coi đoạn văn tiếp theo: “Ma kính thật thị ma cấu” (mài gương thật ra là mài bỏ chất nhơ), mài gương là tu hành. Mài gương thì gương có cần mài hay chăng? Do mặt gương dính những thứ ô nhiễm, bẩn thỉu, nên phải mài bỏ những thứ ấy. Do vậy, mài gương ví như nay chúng ta nói là tu hành, phải buông trần cấu xuống, buông xuống là được! Vì vậy, phải học buông xuống, chớ nên ghim trong lòng, làm việc gì cũng phải nghiêm túc đảm trách, sau khi làm xong, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đó là tu hành thật sự. Cũng chẳng phải là nói quý vị đừng làm chuyện gì, chẳng gánh trách nhiệm, [nếu hiểu như vậy] thì không được, sai lầm rồi! Đó là quý vị hiểu lệch lạc, hiểu sai giáo huấn của thánh nhân. “Kính tánh bổn minh, phi tùng ngoại đắc” (tánh gương vốn sáng, chẳng do bên ngoài mà có). Thời cổ, dùng gương làm bằng đồng; đối với tỷ dụ này, biết “gương” là cái gương bằng đồng, sẽ hiểu rất rõ rệt. Tánh chất của cái gương đồng là vốn sẵn sáng tỏ; gương vốn có tác dụng chiếu soi, chẳng phải từ bên ngoài mà có. Chỉ cần mài sạch, trừ bỏ chất bẩn trên mặt gương, quang minh sẽ hiện tiền. Đây là tỷ dụ “lìa vọng chính là chân”, chân và vọng vĩnh viễn chẳng tách rời. Tôi thường lấy TV làm tỷ dụ cho mọi người dễ hiểu, vì quý vị mỗi ngày đều phải xem. Tôi ví màn hình TV với chân tánh, hình ảnh trong một băng tần là vọng tướng (tướng hư vọng), đó là huyễn tướng. Vì sao? Nhà Phật nói tới chân và vọng, chân là vĩnh hằng bất biến, đó là chân; chỉ cần có biến hóa sẽ chẳng phải là chân!

Quý vị thấy các hình ảnh trong băng tần biến động trong từng sát-na, nên chẳng phải là thật, nhưng màn hình vĩnh viễn chẳng động. Màn hình là tự tánh của chúng ta, hình ảnh là huyễn tướng từ trong tự tánh hiện ra. Kinh Phật gọi vũ trụ là "y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới", đó là huyễn tướng, đó là hình ảnh được hiện trong băng tần. Vọng ở chỗ nào? Vọng chẳng rời khỏi chân, chân là màn hình, rời khỏi màn hình sẽ chẳng thể hiện hình tướng. Chân ở đâu? Chân ở trong vọng, vọng ở trong chân, chân chẳng phải là vọng, vọng chẳng phải là chân, nhưng chân và vọng nhất thể, chẳng có cách nào tách lìa. Vì vậy, tôi thường nói, biết xem TV, quý vị thật sự biết xem, sẽ khai ngộ! Thật sự biết xem thì màn hình TV sẽ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, là kinh Vô Lượng Thọ, đó là quý vị thật sự biết xem. Không biết xem, sẽ mê nơi hình ảnh: Hình ảnh cười, quý vị cười theo; hình

ảnh khóc, quý vị khóc theo, tâm quý vị hoàn toàn bị cảnh giới xoay chuyển, trật rồi! Từ các hình ảnh, quý vị phải nhìn ra gì là chân, gì là vọng. Sau khi đều nhìn minh bạch, chúng ta nhận biết xã hội hiện tiền và chuyện này (hình ảnh trên TV) chẳng khác gì nhau, quý vị đều hiểu rõ, đều giác ngộ. Sau đấy, quý vị sẽ biết phải xử lý ra sao, trong khi xử lý và sau khi xử lý xong, tâm thanh tịnh phải hiện tiền; đừng nên trong lúc xử lý, tâm sanh phiền não. Hễ sanh phiền não, sẽ có sai lầm; sanh trí huệ sẽ xử lý vô cùng viên mãn. Thật sự hiểu rõ ràng, quý vị sẽ chẳng sợ chết, vì sao? Chẳng có sanh tử! Huyễn tướng sanh diệt trong từng sát-na, linh tánh bất diệt, [giống như] màn hình chẳng diệt, màn hình mới là chính mình thật sự. Huyễn tướng giống như nằm mộng, mộng, huyễn, bọt, bóng, chẳng thật. Tự tánh mới là thật, vĩnh hằng chẳng diệt, phải hiểu rõ ràng. Do vậy, lìa vọng chính là chân. Lìa vọng chẳng phải là thật sự bảo quý vị vứt bỏ, mà là bảo quý vị hãy hiểu rõ, trong tâm chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đó là chân. Vọng là chân, chân và vọng vĩnh viễn chẳng tách rời. Chỉ cần lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước! Trong Phật pháp, người lìa vọng tưởng sẽ thành Phật. Lìa phân biệt, nhưng chưa lìa vọng tưởng, đã lìa phân biệt thì là Bồ Tát. Vọng tưởng và phân biệt chưa lìa, nhưng lìa chấp trước thì là A La Hán. Đó gọi là tu hành thật sự. Tiếp đó là lời tổng kết của đoạn này: "Cố vân, bất dụng cầu chân, duy tu tức Kiến" (Vì thế nói: "Chẳng cần cầu chân, chỉ cần dứt Kiến"). Vì sao không cần cầu chân? Chân ở ngay trước mặt, chân vĩnh viễn không thay đổi, quý vị cầu chân là trật rồi, vì sao? Quý vị khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng thấy chân tướng; vì vậy, chớ nên cầu chân! Trong chân tánh có trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, điều gì cũng không thiếu, toàn thể vũ trụ do chân tâm biến hiện, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng lìa tự tánh. Vì vậy, chỉ cần "tức Kiến" (dứt Kiến), Kiến là gì? Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Cụ Hoàng dùng một chữ Kiến rất hay. Vì sao? Khởi đầu từ chỗ này, Kiến là Kiến Hoặc, chúng ta thấy sai lầm. Đầu tiên là thấy sai, coi thân thể này là Ngã. Đó là cái thấy sai lầm đầu tiên. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói: "Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng", đấy chính là dứt Kiến. Có ta, người, chúng sanh, thọ giả hay chăng? Có, đều ở trước mặt. Cách dứt như thế nào? Chẳng chấp trước là dứt, đừng nên coi những thứ này là có thật; biết chúng là có, tuy chúng có, nhưng là huyễn có, chẳng thật! Vì sao? Sanh diệt trong từng sát-na, chẳng trụ. "Trụ" là ngưng

nghỉ, chúng [biến hóa] chẳng ngưng nghỉ, chẳng ngừng trong một sát-na nào! Vì sao chẳng ngừng? Ý niệm của quý vị sanh diệt chẳng ngừng. Nếu niệm sanh diệt ngưng nghỉ thì tốt lắm, không chỉ là mười pháp giới chẳng có, mà cõi Thật Báo cũng chẳng có. Niệm ngưng nghỉ thì cảnh giới gì xuất

hiện? Thường Tịch Quang xuất hiện, đó là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, điều này chẳng dễ gì làm được. Vì vậy, chúng ta nỗ lực thực hiện từ chỗ cơ bản nhất: Chớ nên chấp trước thân là ta, quý vị sẽ thấy thấu suốt cái ải sanh tử này, sẽ chẳng tham sống, sợ chết, sống ở thế gian này tùy duyên, quý vị thấy tự tại lắm, chẳng có chấp trước! Quý vị hiểu rõ: Sau khi bỏ thân này, sẽ đạt được cái thân khác chắc chắn tốt đẹp hơn cái thân này, vì sao? Quý vị chẳng mê hoặc. Giống như mặc quần áo, bộ quần áo này ta mặc bẩn rồi, cởi ra, thay bộ khác, chắc chắn thay một bộ sạch sẽ hơn, mới hơn, đáng ưa hơn, chẳng phải là đạo lý ấy hay sao? Chẳng có mảy may bi thương, [do hiểu] rõ ràng, rành rẽ. Mê hoặc, điên đảo sẽ phiền phức lớn. Khi ra đi mê hoặc, điên đảo, sẽ bị nghiệp lực biến đổi, tự mình chẳng thể làm chủ. Nghiệp lực là gì? Thiện nghiệp sẽ vào trong ba thiện đạo, ác nghiệp sẽ vào tam ác đạo, chính quý vị chẳng thể làm chủ được! Khi [lâm chung, thần trí] sáng suốt, chính mình sẽ làm chủ. Vì vậy, người lúc mất chớ nên mê hoặc, điên đảo, nhất định phải là tỉnh táo, sáng suốt, chắc chắn người ấy sẽ chẳng đọa trong ác đạo. "Tức Kiến" là từ Kiến Hoặc mà đoạn; đoạn hết Kiến Hoặc, người ấy sẽ chứng quả Tu Đà Hoàn, đấy là Tiểu Thừa Sơ Quả. Trong Đại Thừa là địa vị Sơ Tín Bồ Tát như kinh Hoa Nghiêm đã dạy. Tuy địa vị rất thấp, nhưng thật sự là thánh nhân, đã đặt vững cơ sở. Tuy chưa thoát khỏi lục đạo, nhưng trong lục đạo, chỗ vị ấy tu hành là nhân gian hay trên cõi trời, tuyệt đối chẳng đọa tam đồ. Vì vậy, địa vị này được gọi là đắc Vị Bất Thoái, [tức là] địa vị đã chứng đắc tuyệt đối chẳng thoái chuyển. Nhà Phật nói tới ba thứ Bất Thoái, người ấy đã đạt được món đầu tiên. Tốc độ nâng cao cảnh giới sẽ khác nhau, tùy thuộc người ấy dụng công siêng hay lười! Dụng công siêng năng, nhanh chóng tiến cao hơn; dụng công rề rà, sẽ tiến lên cao chậm chạp, nhưng chắc chắn là tiến cao hơn, chẳng lui sụt. Vì vậy, ở đây là "duy tu tức Kiến" (chỉ cần dứt Kiến), dùng hai chữ "tức Kiến" hay lắm! Chúng ta phải có cái nhìn chính xác, chớ nên có cái nhìn sai lầm! "Chúng sanh chi kiến, giai vọng kiến dã" (cái thấy của chúng sanh đều là vọng kiến). Câu này do đức Phật nói, trong kinh Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, đức Phật thường nói "phàm phu tri kiến". Vọng kiến là gì? Thấy sai chân tướng sự thật, "vọng kiến" mang ý nghĩa này, thấy trật rồi! Vì sao thấy trật? Vì quý vị có phiền não, tập khí. Tập khí phiền não là bẩm sinh, chẳng do học được, đã mang theo từ đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, những thứ gì vậy? Tham, sân, si, mạn, nghi. Quý vị thấy trật, nhìn sai vấn đề, là vì có những thứ ấy, cho nên mới tự tư tự lợi, tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần, mới thường khởi phiền não tham, sân, si, mạn, xuất hiện những vấn đề này. Nếu quý vị thấy rõ chân tướng sự thật, bổn tánh "bổn thiện" là thật, vĩnh hằng bất diệt. Hết thảy những thứ trong ấy tuy chẳng có, [tức là] trong tự tánh chẳng có tinh thần, chẳng có vật chất,

nhưng tự tánh có thể sanh, có thể hiện; hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều nương vào nó mà hiện, đấy là tự tánh. Chúng sanh đông đảo trong mười pháp giới khác biệt, nhưng tự tánh giống hệt, là nhất thể, đều do từ tự tánh biến hiện ra. Chuyện

này Lý rất sâu, Sự rất phức tạp, vô lượng nhân duyên rắc rối phức tạp, nhưng kinh Phật đã giảng rõ ràng, minh bạch. Quý vị học Pháp Tướng Duy Thức, nói chung cũng phải mất hai mươi hay ba mươi năm, mới hiểu rõ ràng đầu mối của chuyện này, sẽ hoảng nhiên đại ngộ. Trong tông Duy Thức, họ không nói "đại ngộ", mà bảo là "đại khai viên giải", tức là lý giải viên mãn. Trong Thiền Tông, trong Tánh Tông là "đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh"; Giáo Hạ gọi là "đại khai viên giải", cảnh giới hoàn toàn tương đồng, nhưng dùng phương pháp khác nhau. Tịnh Độ Tông vẫn là cảnh giới này, nhưng danh từ lại khác! Tịnh Độ Tông gọi là "nhất tâm bất loạn", chia ra Sự nhất tâm, Lý nhất tâm, và công phu thành phiến, ba tầng cấp ấy! Lý nhất tâm có cùng cảnh giới với đại khai viên giải và đại triệt đại ngộ, đều là vượt thoát mười pháp giới. Sự nhất tâm bất loạn là tứ thánh pháp giới, tức là tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới, vượt thoát lục đạo luân hồi. Nhưng bất luận học pháp môn hay tông phái nào, nếu chưa đạt được cảnh giới này, sẽ chẳng có cách nào vượt thoát luân hồi, không gọi là thành tựu, cũng giống như chúng ta đi học mà chẳng có học vị! Phải có năng lực vượt thoát lục đạo luân hồi thì mới đạt được học vị đầu tiên, giống như chúng ta đi học, tốt nghiệp đại học giành được học vị Học Sĩ (Cử Nhân), phải hiểu điều này. Nhưng gặp được Tịnh Độ thì lại khác, chẳng có học vị vẫn có thể đến thế giới Cực Lạc, đấy là điều được nói trong bộ kinh này. Do vậy, bộ kinh này có thể đại diện cho hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, vì làm Phật chẳng có chi khác, Phật mong giúp cho quý vị vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới. Pháp môn này quá thù thắng, thù thắng khôn sánh, chẳng cần đoạn phiền não cũng được. Hễ có thể khống chế phiền não, đè nén chúng, không cho chúng phát tác, có năng lực này là được rồi! Nhưng trong các pháp môn khác, có năng lực này vẫn chưa được, phải là đoạn hết thì mới được, khuất phục phiền não thì chưa được, còn trong pháp môn [Tịnh Độ] này, hễ khuất phục phiền não đã có thể thành tựu rồi! Sau khi lìa vọng, chân sẽ hiện tiền. "Chân giả, Phật tri kiến dã" (Chân là tri kiến Phật), Phật tri, Phật kiến. Phật là ai? Là chính mình, là trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh hiện tiền. Vì vậy, trí huệ chẳng do học được, trí huệ phải từ tâm thanh tịnh mà có, trí huệ từ Định mà có. Tri thức có thể học được. Lần trước, lúc tôi giảng diễn tại đại học Kiếm Kiều (Cambridge), đã bàn đến vấn đề này, tôi nói điều mà các đồng học đang học chính là tri thức, chẳng phải là trí huệ. Ba nhà Nho, Thích, Đạo của Trung Quốc đều nói tới trí huệ, đều đòi hỏi trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, chẳng để lại hậu

quả. Tri thức giải quyết vấn đề hạn chế, chẳng viên mãn, để lại hậu quả, chẳng thể không biết điều này! Do vậy, Chân là trí huệ viên mãn trong chân tánh hiện tiền. Thời gian trôi qua rất nhanh, đã hết hai tiếng đồng hồ rồi. Ngày hôm nay chúng ta học tới đây, cám ơn mọi người!

---o0o---

Tập 20

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang mười chín, hàng thứ hai. Chúng ta đọc một đoạn kinh văn: "Hựu Yếu Giải vân: Ngô nhân hiện tiền nhất niệm tâm tánh, bất tại nội, bất tại ngoại, bất tại trung

gian; phi quá khứ, phi hiện tại, phi vị lai; phi thanh, hoàng, xích, bạch, trường, đoản, phương, viên; phi hương, phi vị, phi xúc, phi pháp. Mịch chi liễu bất khả đắc, bất khả ngôn kỳ vô; cụ tạo bách giới thiên như, bất khả ngôn kỳ hữu. Ly nhất thiết duyên lự, phân biệt, ngữ ngôn, văn tự tướng, nhi duyên lự, phân biệt, ngữ ngôn, văn tự, phi ly thử biệt hữu tự tánh" (Lại nữa, sách Yếu Giải nói: "Một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở khoảng giữa, chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, chẳng phải hương, chẳng phải vị, chẳng phải xúc, chẳng phải pháp, tìm trọn chẳng thể được, chẳng thể nói nó là không; tạo đủ bách giới thiên như, chẳng thể nói nó là có. Lìa hết thảy duyên lự, phân biệt, ngôn ngữ, tướng văn tự, nhưng duyên lự, phân biệt, ngôn ngữ, văn tự chẳng lìa điều này mà có riêng tự tánh được"), chúng ta xem tới đoạn này. Cụ Hoàng Niệm Tổ trong phần Bổn Kinh Thể Tánh đã dẫn một đoạn từ sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Vì kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ thuộc cùng một bộ, cổ nhân gọi [hai kinh ấy] là Đại Bổn và Tiểu Bổn. Kinh Vô Lượng Thọ gọi là Đại Bổn, kinh Di Đà gọi là Tiểu Bổn, nhưng thể tánh để y cứ [của hai kinh] hoàn toàn tương đồng. Nói thật ra, hết thảy các kinh Đại Thừa đều có cùng một thể tánh, thể tánh ấy gọi là Thật Tướng. Chúng ta cũng có thể nói như thế này: Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, nói hết thảy các kinh trong bốn mươi chín năm đã dựa vào đâu? Nương vào đâu để nói? Một câu: "Chư pháp Thật Tướng", tức là chân tướng của hết thảy các pháp, dựa vào đây để nói. Chúng ta lại hỏi một câu: Hết thảy các kinh đã nói trong bốn mươi chín năm nhằm giảng những gì? Dùng một câu để trả lời, vẫn là một câu này: "Chư pháp Thật Tướng"! Hết thảy các kinh đã nói trong bốn mươi chín năm nhằm giảng cho chúng ta chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, một câu bèn nói minh bạch. Kinh Bát Nhã thường nói "chư pháp Thật Tướng", bốn chữ này hay lắm! Ở đây,

Ngẫu Ích đại sư đã giảng "chư pháp Thật Tướng" là như thế nào? Đoạn này nhằm miêu tả hình trạng của nó. Điều khó hiểu là một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta; câu này hết sức khó hiểu! "Hiện tiền" là chính ngay trong lúc ấy, "nhất niệm" đã chẳng dễ hiểu rồi! Bình thường, chúng ta khởi tâm động niệm, niệm ấy rất thô, ở đây nói tới "niệm vi tế", niệm vô cùng vi tế, chúng ta phải hiểu rõ điều này! Chẳng phải là thô niệm như chúng ta đang khởi tâm động niệm trong hiện tại. Trong Bồ Tát Xử Thai Kinh có một đoạn nói đức Thế Tôn đối trước Di Lặc Bồ Tát giảng giải: "Phật vấn Di Lặc, tâm hữu sở niệm" (đức Phật hỏi ngài Di Lặc, tâm có bao nhiêu niệm). Đấy là phàm phu chúng ta, tâm khởi lên một niệm, trong thời gian rất ngắn ngủi, tạm bợ, bèn dấy lên một niệm. Trong một niệm ấy, có mấy niệm, có mấy tướng, có mấy thức? Hỏi điều này chúng ta sẽ biết: Phàm phu chúng ta dấy lên một niệm, trong một niệm ấy có bao nhiêu [tế] niệm, khiến cho chúng ta nhận biết có một niệm dấy lên, có bao nhiêu niệm? Tướng là hiện tượng vật chất, Thức là hiện tượng tinh thần. Tôi nghĩ rất nhiều người trong quý vị đều từng niệm Tâm Kinh; Tâm Kinh nói tới Ngũ Uẩn. Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đức Phật hỏi "mấy tướng", thì đó là Sắc, tức sắc tướng, đây là một phần vật chất. "Mấy thức?" là nói về Thọ, Tưởng, Hành, Thức ở sau [Thức], có bao nhiêu Thọ, Tưởng, Hành, Thức? Di Lặc Bồ Tát đáp lời hỏi của Thích Ca Mâu Ni Phật: "Nhất đàn chỉ" (một cái khảy ngón tay), nói theo phía chúng ta, thời gian khảy ngón tay

là một niệm, tức là trong tâm có một niệm. Thời gian khảy ngón tay rất ngắn, đại khái là một giây. Chúng ta khảy nhanh, trong một giây có thể khảy từ bốn lần tới năm lần. Nói cách khác, trong một giây chúng ta có chừng bốn tới năm niệm, đây là điều chúng ta có thể cảm giác được! Bồ Tát nói trong một cái khảy ngón tay, có bao nhiêu tế niệm? Chúng ta không có cách nào tưởng tượng được! Ngài nói "ba mươi hai ức trăm ngàn niệm", trăm ngàn là đơn vị, trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn, quý vị thấy một cái khảy ngón tay [là như thế đó]! Phàm phu chúng ta cảm giác đó là một niệm, nhưng trong một cái khảy ngón tay có nhiều niệm như thế! Tôi tin tưởng đức Phật nói lời chân thật, [điều này] khiến cho chúng tôi nghĩ đến lời Thế Tôn đã nói trong kinh Nhân Vương, đó là nói phương tiện, chẳng phải là chân tướng sự thật, mà là nói phương tiện. Trong kinh Nhân Vương, đức Phật nói một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, một sát-na có chín trăm lần sanh diệt, giảm rất nhiều! Tìm Di Lặc Bồ Tát để hỏi, Di Lặc Bồ Tát là chuyên gia Duy Thức, nói như bây giờ, Ngài là chuyên gia tâm lý học trong Phật giáo, chuyên môn giảng tâm lý học, lời Ngài nói nhất định là sự thật, chẳng phải là nói phương tiện, mà là nói chân thật. Một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm; chúng ta lấy ba mươi hai

ức nhân với mười vạn, tức là nhân với một trăm ngàn, thành ba trăm hai mươi triệu. Trong một khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm, [như vậy là] có bao nhiêu hiện tượng vật chất? Bồ Tát nói: "Niệm niệm thành hình", trong mỗi niệm đều có hiện tượng vật chất; "hình đều có thức", trong mỗi hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần, cũng là Ngũ Uẩn trọn đủ, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức Ngũ Uẩn trọn đủ! Ngũ Uẩn là cơ sở, căn bản của hết thảy các pháp, giống như nay chúng ta nói tới nguyên tử, điện tử, lạp tử cơ bản, nhục nhãn chẳng nhìn thấy những cơ sở vật chất hết sức vi tế ấy. Ngài nói vật chất và tinh thần đồng thời phát sanh; lại còn chẳng tách rời, trong vật chất có tinh thần, trong tinh thần có vật chất. Nếu trong tinh thần chẳng có vật chất, tìm không ra, thì trong vật chất chẳng có tinh thần, cũng tìm không được, vì sao? Chúng đồng thời phát sanh, chắc chắn chẳng thể phân cách, chúng là một Thể. Gần đây, tiến sĩ Giang Bổn Thắng của Nhật Bản đã dùng thời gian mười mấy năm, phải biết đến năm nay đã là mười hai năm, hay mười ba năm, nghiên cứu nước, phát hiện nước có đủ Ngũ Uẩn, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức trọn đủ. Nước là một vật thể, là hiện tượng vật chất, hơn nữa là khoáng vật. Chúng ta nói khoáng vật, chẳng phải là sinh vật, phát hiện nước có thể thấy, nghe, hiểu ý con người, chúng ta khởi tâm động niệm nó đều biết; thiện niệm hay ác niệm nước đều hiểu toàn bộ. Những điều này đều được trắc nghiệm, thí nghiệm mười mấy năm, chẳng sai chạy mảy may! Quý vị thấy trong hiện tượng vật chất lại có hiện tượng tinh thần. Hơn nữa, chúng ta phải biết: Một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu niệm, [những niệm ấy] là tế niệm. Lúc chúng ta dấy lên một niệm vi tế, trong một sát-na có nhiều tế niệm dường ấy! Mỗi niệm đều sanh ra hiện tượng vật chất, trong mỗi hiện tượng vật chất đều trọn đủ hiện tượng tinh thần. Hôm nay có một đồng học cho tôi biết: Ông ta hạ tải (download) từ Internet [một văn bản, theo đó], một khoa học gia của Mỹ đã tiến hơn nữa, phát hiện nước có năng lực ký ức, điều này cũng được các khoa học gia chứng thực. Nước không chỉ có thể thấy, nghe, hiểu được ý tưởng của con người, mà còn có thể ghi nhớ. Điều này hoàn toàn tương

ứng với những điều được giảng trong kinh Phật: Một hiện tượng vật chất dù nhỏ đến mấy đi nữa, nói theo danh từ trong kinh Phật là "vi trần", nói theo khoa học hiện thời là lạp tử cơ bản, nhục nhãn không thấy được, vẫn trọn đủ hết thảy các thông tin viên mãn trong vũ trụ. Kinh thường nói: "Giới tử nạp Tu Di, Tu Di nạp giới tử" (hạt cải bỏ vào núi Tu Di, Tu Di bỏ vào trong hạt cải), đây là nói lớn và nhỏ chẳng hai! Kinh Hoa Nghiêm nói trong vi trần có thế giới, thế giới trong vi trần và thế giới bên ngoài to như nhau, trong thế giới ấy lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận. Vì sao có hiện tượng này? Ở đây, Ngẫu Ích đại sư cũng giải thích rất tuyệt, vì điều này thuộc về tự tánh, tự tánh có công

đức viên mãn. Trong tự tánh chẳng có lớn hay nhỏ; vì vậy, trong nhỏ có thể hiện lớn, trong lớn có thể hiện nhỏ, chẳng có lớn hay nhỏ, tự tại vô ngại. Trong tự tánh chẳng có thời gian, chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng chẳng có không gian, không gian là khoảng cách, chẳng có! Kinh Di Đà nói thế giới Cực Lạc cách đây mười vạn ức cõi Phật, trong tự tánh "đương hạ tức thị" (ngay nơi đây chính là). Điều này rất khó hiểu, nó là một sự thật rất khó hiểu, đấy là Thật Tướng, Thật Tướng của các pháp là như thế đó. Vì vậy, sách Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán là do Hiền Thủ quốc sư đã hoàn toàn căn cứ trên giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm để viết thành bài luận văn ấy. Bài luận văn ấy chẳng dài, nhưng đã thật sự giảng viên mãn rốt ráo vũ trụ quan và nhân sinh quan của Đại Thừa. Vũ trụ do đâu mà có? Vạn vật do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Do tự tánh biến hiện! Trong Đàn Kinh, Huệ Năng đại sư đã giảng rất hay, Ngài kiến tánh, thưa bày với thầy là Ngũ Tổ Nhẫn hòa thượng. Quý vị phải biết: Huệ Năng đại sư không biết chữ, chưa hề học hành. Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang cho Ngài, chắc chắn là giảng đại ý kinh Kim Cang, nửa đêm canh ba trong Phương Trượng Thất, chúng tôi phỏng đoán thời gian nhiều nhất là hai giờ. Giảng tới câu "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" (hãy nên đừng trụ vào đâu để sanh tâm), Ngài bèn hoảng nhiên đại ngộ, trong Thiền Tông gọi [sự hoảng nhiên đại ngộ ấy] là minh tâm kiến tánh. Kiến tánh là như thế nào? Ngài báo cáo rất đơn giản, năm câu: "Hà kỳ tự tánh, bổn tự thanh tịnh" (nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh), điều này trọng yếu. Cũng có nghĩa là nói: Tự tánh là chân tâm, có thể hiện, có thể sanh (năng hiện, năng sanh); vạn vật, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là sở hiện sở sanh (cái được hiện, cái được sanh). Chân tâm có thể hiện, có thể sanh, vĩnh viễn thanh tịnh. Câu thứ hai, Ngài nói: "Bổn bất sanh diệt" (vốn chẳng sanh diệt), tự tánh là cái Ta chân thật, tức là cái mà trong Tông Môn gọi là "phụ mẫu vị sanh tiền bổn lai diện mục" (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), đó là Chân Ngã. Thân này là giả ngã, chẳng phải là Ngã, vốn chẳng sanh diệt! Câu thứ ba là "bổn tự cụ túc" (vốn tự trọn đủ), nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ. Trọn đủ là gì? Chẳng có mảy may khiếm khuyết. Dùng một câu trong kinh Hoa Nghiêm để giải thích thì như trong phẩm [Như Lai] Xuất Hiện, đức Phật đã nói: "Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai", đấy là vốn tự trọn đủ. Vì vậy, trí huệ sẵn có trong tự tánh, quý vị và hết thảy chư Phật Như Lai chẳng khác nhau; "đức" là đức năng, là đức hạnh, cũng chẳng khác nhau; tướng hảo cũng chẳng khác nhau. Câu này chính là phân nửa của tựa đề kinh này: "Đại Thừa" là trí huệ, "Vô Lượng Thọ" là đức, "Trang Nghiêm" là tướng hảo, hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, trọn đủ!

Chẳng phải cầu từ bên ngoài, hễ quý vị kiến tánh sẽ đạt được. Huệ Năng đại sư trọn chẳng nói lời hư giả với

chúng ta. Câu thứ tư là: “Bổn vô dao động” (vốn chẳng dao động), đây là tự tánh vốn định, chẳng phải do tu thành. Câu cuối cùng là: “Năng sanh vạn pháp” (có thể sanh ra vạn pháp). Vì vậy, nói tới đức hạnh và tự thể của chính mình là bốn câu trước, câu cuối cùng là nói tới tác dụng, đức dụng, có thể sanh ra vạn pháp. Sanh ra vạn pháp như thế nào? Nhất niệm dấy lên. Nhất niệm ấy chẳng có nguyên nhân. Trong giáo pháp Đại Thừa gọi nhất niệm ấy là vô minh, tức là “vô thỉ vô minh”. Vô minh là động, một niệm ấy dấy động. Hễ động, nó bèn hiện tướng, hiện tướng gì? Hễ động, A Lại Da bèn hiện ra; bất động, chẳng có A Lại Da (A Lại Da là vọng tâm), [bất động là] chân tâm! Vừa động, chân tâm liền biến thành A Lại Da. Quý vị phải biết: Câu này rất khó giảng, lúc mọi người nghe nói phải nghe ra ý nghĩa của nó, đừng hiểu lầm nơi mặt ngôn ngữ. Chân tâm bất động, nó vốn chẳng dao động, làm sao nó động được? Động, nhưng [sự động ấy] chẳng phải là thật. Quý vị hiểu sự “động” ấy chẳng phải là thật, nó nương theo y tự tánh mà dấy lên một hiện tượng, hiện tượng ấy gọi là A Lại Da. A Lại Da là vọng tâm, vọng tâm nương vào chân tâm mà dấy lên, chẳng phải là chân tâm. Một niệm tối sơ ấy chẳng có khởi đầu, vì sao? Ngay chính khi đó, chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai! Quý vị thấy một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu niệm, mỗi niệm đều là ngay lập tức. Hiện tượng này, nói thật ra là một thứ “tương tự tương tục tướng” (tướng gần giống như liên tục). Đúng như chúng ta thấy trong điện ảnh, điện ảnh trước kia, chứ không phải hiện thời, hiện thời họ dùng kỹ thuật mã hóa (digitalized), chẳng dễ gì nhìn ra được. Trước kia dùng cuộn phim nhựa. Phim nhựa là phim được soi bằng đèn chiếu lên từng tấm một. Tốc độ chiếu phim là hai mươi bốn tấm trong một giây, mỗi một tấm phim đều khác nhau, từng tấm độc lập, chẳng giống nhau. Vì vậy, nó là tương tự; chúng ta nói là “đại đồng, tiểu dị”, tương tự, tướng gần giống như liên tục. Trong một giây, sanh diệt hai mươi bốn lần, lừa dối khiến chúng ta thấy nó giống như thật. Còn đối với hiện tượng trong hiện tiền, trong một giây là bao nhiêu tấm, bao nhiêu lần? Nếu [một giây] khảy ngón tay bốn lần, sẽ là một ngàn hai trăm tám mươi triệu; nếu khảy ngón tay năm lần, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Vì vậy, dùng phim ảnh để nói thì [trong một giây sẽ có] một ngàn sáu trăm triệu [tấm phim được chiếu ra], chúng ta làm sao biết nó là giả cho được? Huyễn tướng mà! Tâm tánh, thưa quý vị, chính là Tánh trong “minh tâm kiến tánh”. Tánh chẳng có trong, ngoài, cũng chẳng ở giữa, trong, ngoài, trung gian đều ở trong tánh, chẳng lìa khỏi tánh, chẳng rời khỏi tự tánh. Chẳng phải là quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Đấy là chẳng có thời gian, còn những điều trong phần trên (chẳng có trong, ngoài, cũng chẳng ở giữa) tức là chẳng có không gian. Nó chẳng có hình tướng, chẳng có sắc tướng, dài,

ngắn, vuông, tròn là hình tướng, cái gì cũng chẳng phải! Tìm chẳng thể được, thật đấy! Vì sao? Sáu căn chẳng duyên được, mắt nhìn chẳng thấy nó, tai chẳng nghe được nó, tâm nghĩ chẳng ra. Tâm tưởng là thức thứ sáu, tức ý thức. Công năng của thức thứ sáu (ý thức) rất lớn, đối nội bèn có thể duyên đến A Lại Da, đối ngoại nó có thể duyên tới hư không pháp giới, nhưng chẳng duyên được tự tánh, vì sao? Nó là vọng tâm, vọng tâm chẳng thấy chân tâm. Vì vậy, tìm chẳng thể được. Quý vị chẳng thể nói nó là không, vì

nó có thể hiện tướng, nó hiện ra gì vậy? Tạo đủ bách giới thiên như, nhưng chẳng thể nói nó là có. Nó có thể biến hiện bách giới thiên như, nay chúng ta nói là "vũ trụ, vạn vật". Vũ trụ vạn vật do nó sanh ra, nhưng quý vị chẳng thể nói vũ trụ vạn vật là có! Vì sao chẳng thể nói nó là có? Quý vị phải hiểu duyên khởi của nó, nó là hiện tượng tích lũy trong từng niệm một, giống như chúng ta coi phim, hoặc giống như nhìn vào hình ảnh trên màn hình [TV, hoặc computer], thấy dường như là có, nhưng trên thực tế, chúng chẳng có, sanh diệt trong sát-na. Phải hiểu "sát-na" thật sự là ba trăm hai mươi triệu lần sanh diệt trong một cái khảy ngón tay. Do sanh diệt quá nhanh, nhanh đến nỗi không cách nào tưởng tượng, nên sanh diệt là chẳng sanh diệt. Câu này có ý nghĩa rất sâu. Nếu thật sự chẳng có sanh diệt, nói "sanh diệt là chẳng sanh diệt", há phải là lời lẽ thừa thãi ư? Quả thật có sanh diệt, nhưng sanh diệt quá nhanh. Không chỉ năng lực sáu căn của chúng ta chẳng có cách nào thấy được sự sanh diệt này, mà sáu thức của chúng ta tư duy, tưởng tượng nó cũng nghĩ không ra, tốc độ quá nhanh, lục căn, lục thức đều do nó biến hiện. Phải như thế nào thì mới có thể thấy? Chúng ta buông lục căn và lục thức xuống, tự nhiên nó sẽ hiện tiền. Vì vậy, nếu chúng ta hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật khai ngộ dưới cội Bồ Đề là như thế nào ư? Trong Phương Trượng Thất, Huệ Năng đại sư nghe giảng kinh Kim Cang khai ngộ như thế nào? Chẳng có gì khác! Giáo pháp Đại Thừa dạy chúng ta: Chỉ cần quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, bèn khai ngộ. Những thứ này và cương lãnh tu hành yêu cầu trong Tông Môn có cùng một ý nghĩa, tu hành trong Tông Môn đòi hỏi người ta phải lìa tâm ý thức để tham, tức Tham Thiền. Tham là như thế nào? Lìa tâm ý thức mới gọi là tham; dùng tâm ý thức thì gọi là nghiên cứu. Dùng tâm ý thức để tu học Phật pháp là Phật học; lìa tâm ý thức thì quý vị thật sự học Phật, vì sao? Quý vị thành Phật. Tâm là gì? Tâm là A Lại Da. Nghiệp Tướng trong ba tế tướng của A Lại Da gọi là tâm; Mạt Na là chấp trước, tứ đại phiền não thường nương theo, đó là chấp trước; ý thức là phân biệt. Lìa tâm ý thức là gì? Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; lìa sạch sành sanh, tự tánh bèn hiện tiền. Hiện thời chúng ta đã hiểu đạo lý này, đã hiểu như thế nào? Đã hiểu gọi là giải ngộ, nhưng chưa có cách nào chứng đắc. Chứng đắc mới hữu dụng, giải ngộ vẫn chưa hữu dụng. Lúc chứng đắc gọi là chứng ngộ, quý vị

thật sự buông xuống, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Họ (người đã chứng ngộ) rất lợi hại, đốn xả, đốn ngộ, ngay lập tức buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Phàm phu thành Phật trong một niệm; buông một niệm xuống, rất lợi hại! Qua kinh giáo, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật là như vậy, đó là "căn tánh viên đốn". Chúng ta thấy Huệ Năng đại sư vào thời Đường tại Trung Quốc cũng là đốn ngộ, đốn xả. Vấn đề là quý vị có chịu buông xuống hay không? Chẳng chịu buông xuống là giải ngộ, buông xuống là chứng ngộ. Nay chúng ta là giải ngộ, huân tập trong giáo pháp Đại Thừa nhiều năm như thế, chúng ta thừa nhận, chẳng hoài nghi tí nào, chúng ta cũng có thể được gọi là căn tánh Đại Thừa trung thượng. Quý vị đã hiểu rõ, minh bạch chân tướng sự thật, chẳng hoài nghi, chẳng buông xuống. Cổ nhân nói: "Ngộ hậu khởi tu" (sau khi ngộ sẽ bắt đầu tu), nay quý vị phải làm gì? Buông xuống. Buông xuống như thế nào? Lúc ăn cơm, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống; lúc mặc quần áo, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống; lúc làm việc cũng như

thế; xử sự, đãi người, tiếp vật cũng như thế, quý vị bèn thành công, đó gọi là tu hành thật sự! Đốn xả khó lắm, Phật, Bồ Tát có phương tiện thiện xảo, dạy chúng ta tiệm tu (tu từ từ), từ từ buông xuống. Phải thật sự đoạn trừ tập khí phiền não, "đoạn" ( ) là buông xuống; do vậy, buông xuống là được! Lúc ăn cơm, chớ nên kén chọn, tùy duyên mà chẳng phan duyên, đó gọi là công phu, tu hành. Theo như kinh giáo đã dạy: Trước tiên là buông Thân Kiến xuống, kinh điển dạy chúng ta điều này. Căn bệnh lớn nhất của chúng ta là chấp trước thân này là ta, có chấp trước ấy là do có tự tư tự lợi nên bèn có tham, sân, si, mạn. Lời đức Phật nói là thật, đầu tiên, quý vị phải thấy thấu suốt thân chẳng phải là ta, cái gì là ta? Tự tánh là ta. Vạn hữu trong vũ trụ do tự tánh biến, tự tánh là ta, hết thảy các pháp, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do tự tánh biến. Nếu thật sự hiểu rõ ràng y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới và chính mình là nhất thể, thứ nào chẳng phải là ta? Đông đảo chúng sanh là ta, hoa, cỏ, cây cối là ta, núi, sông, đại địa là ta, khắp pháp giới hư không giới là ta, chúc mừng quý vị, quý vị đã chứng đắc Pháp Thân, đó gọi là Pháp Thân. Thân đó và chính mình cùng một Thể, là một, chẳng hai! Vì sao? Tự tánh biến. Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, A Lại Da Thức có thể biến, cái được hiện được sanh là hết thảy vạn pháp thiên biến vạn hóa, cái thiên biến vạn hóa là gì? Là A Lại Da, thức có thể biến. Tánh có thể sanh, có thể hiện; thức có thể biến, nhất thể! Dùng ngôn ngữ Trung Quốc để nói thì là luân lý, đây là luân lý Phật pháp, luân lý Đại Thừa. Luân lý là nói tới quan hệ, trọn hết hư không khắp pháp giới là chính mình. Quý vị nói quan hệ này có mật thiết lắm hay không!

Vì vậy, chỉ cần quý vị kiến tánh, lòng từ bi trong tự tánh tự nhiên sanh khởi, gọi là đại từ đại bi. "Vô Duyên Đại Từ, Đồng Thể Đại Bi" hiện tiền. Hễ hiện tiền, quý vị sẽ tự nhiên giống như chư Phật, Bồ Tát, phải phổ độ chúng sanh. "Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ", quý vị làm chuyện này, giúp hết thảy chúng sanh giác ngộ. Đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo đang mê, mê quá sâu, chẳng liễu giải chân tướng sự thật, tự cho mình là đúng. Vì vậy, người giác ngộ nhất định sẽ giúp đỡ những kẻ chưa giác ngộ. Quý vị đoạn phiền não, học pháp môn, thành Phật đạo, những điều đó đều là biểu diễn tuồng cho họ xem, giúp họ giác ngộ. Pháp môn: "Pháp" là phương pháp, "môn" là môn đạo (: đường nẻo), vô lượng vô biên! Quý vị đã khai trí huệ hoàn toàn, khéo dùng những pháp môn và phương tiện thiện xảo ấy giúp chúng sanh giác ngộ. Thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài đã vì chúng ta biểu diễn phương pháp này, biểu diễn hết sức sống động. Sau khi chúng ta hiểu rõ, bèn bội phục năm vóc sát đất. Do vậy, Phật pháp là gì? Quý vị phải hiểu điều này! Phật pháp là giáo học, Thích Ca Mâu Ni Phật ba mươi tuổi khai ngộ liền bắt đầu dạy học, dạy suốt cả đời, bảy mươi chín tuổi viên tịch; kinh chép "giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm". Ngài mang thân phận gì? Chúng ta hiểu rất rõ ràng, nói theo cách bây giờ là mang chức nghiệp của một vị thầy! Ngài dạy những gì? Dạy Thật Tướng của các pháp, chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Dựa vào điều này [để thuyết pháp], mà [thuyết pháp] cũng là để dạy điều này. Thật sự hiểu rõ chân tướng vũ trụ, chắc chắn quý vị sẽ chẳng làm chuyện sai quấy, chắc chắn sẽ chẳng tạo nghiệp. Người hồ đồ tạo nghiệp, do mê hoặc nên tạo nghiệp, người giác ngộ chẳng tạo nghiệp. Tuy giúp đỡ hết thảy chúng sanh, giúp họ phá mê khai ngộ; phá

mê khai ngộ là nhân, lìa khổ được sướng là quả. Khổ do đâu mà có? Khổ do mê mà có; mê đã phá, khổ sẽ chẳng còn. Vui sướng do đâu mà có? Vui sướng là giác ngộ, giác ngộ bèn vui sướng, pháp hỷ sung mãn, do ngộ sẽ được vui sướng. Muốn giúp chúng sanh lìa khổ được vui sướng, dùng phương pháp gì? Dùng phá mê khai ngộ. Dùng phương pháp gì để phá mê khai ngộ? Dạy học bằng thân hành, ngôn giáo! Đức Phật thị hiện, những gì Ngài đã giảng đều biểu diễn toàn vẹn cho quý vị thấy. Quý vị thấy Ngài chẳng chấp trước món ăn, lần lượt đi xin từng nhà, người ta cho gì ăn nấy, đều hoan hỷ, chẳng kén chọn, chẳng hề! Thường Tùy Chúng của đức Phật là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, mỗi ngày ra ngoài khất thực, chẳng phải là xin xong sẽ tự mình ăn, chẳng thể vậy! Sau khi xin xong trở về, bèn để chung [những món xin được vào] một chỗ, thảy đều dồn chung lại, sau đấy, chính mình lại lấy từ đó ra. Vì thế nói: "Nhất bát thiên gia phạn" (Một bát, cơm ngàn nhà), quý vị ăn một bát cơm đúng là xin từ một ngàn nhà bên ngoài, dồn chung lại, trộn lẫn rồi lại chia ra, đó là "lợi hòa đồng quân". Chẳng phải là quý vị xin được món ăn ngon thì

hôm nay sẽ ăn ngon lành lắm, kẻ khác chẳng xin được món ngon, sẽ chẳng được nếm món ngon, mà là trộn chung với nhau! Đức Phật biểu diễn cho chúng ta thấy, nay chúng ta biết: Một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị đệ tử của Ngài đều là những vị đại Bồ Tát tái lai, Giống như diễn tuồng, Thích Ca Mâu Ni Phật đóng vai chính, họ đóng những vai phụ, thảy đều là tới thị hiện, đến hát vở tuồng này biểu diễn cho chúng ta xem, giúp chúng ta giác ngộ. Các Ngài mới thật sự là giai cấp vô sản, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời chẳng dựng một ngôi chùa miếu nào, vậy thì Tăng đoàn ở nơi đâu? Ở ngoài đồng, trong rừng, dưới cội cây. Quý vị hãy suy nghĩ, tư tưởng của Thích Ca Mâu Ni Phật cũng vô cùng sống động, chúng ta nói là Ngài hết sức hiện đại hóa, chẳng câu thúc chút nào! Quý vị thấy quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, chính họ có hoa viên, có biệt thự, mời Ngài đến cúng dường, thỉnh Ngài tới giảng kinh, Ngài cũng đồng ý, cũng tiếp nhận. Nổi tiếng nhất là Trúc Lâm Tinh Xá (Kalandaka Venuvana), Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên (Jetavana Vihara), thời gian đức Phật trụ tại những nơi ấy cũng khá dài; nhưng sau khi giảng hết một bài kinh lớn, Ngài rời khỏi, vật trở về chủ cũ. Nói theo cách bây giờ, Ngài chỉ tiếp nhận quyền sử dụng, chẳng cần tới quyền sở hữu. Quyền sở hữu vẫn thuộc về chủ nhân các vị, Ngài không cần sẽ giao lại. Lúc đức Phật nhập diệt là ở trong rừng, chẳng ở trong nhà! Vì vậy, chúng ta quan sát cặn kẽ, suy ngẫm ý nghĩa này, đúng là sắc thân ở trong thế gian này cũng chẳng nhiễm mảy trần, chẳng sở hữu một thứ gì, ba y một bát, ngày ăn một bữa Ngọ, ngủ dưới cội cây, đắc đại tự tại, thật sự an lạc. Hiện thời, người ta gọi Phật giáo là tôn giáo, Thích Ca Mâu Ni Phật nghe như vậy cũng thở dài, oan uổng! Phật giáo chẳng phải là tôn giáo, Phật giáo và tôn giáo chẳng dính dáng gì với nhau, làm sao có thể nói Phật giáo là tôn giáo? Ngài suốt đời giáo học! Từ kinh điển, nếu chúng ta quan sát cẩn thận, liễu giải Phật, nói theo cách bây giờ, đức Phật là một nhà giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên chánh cống. Suốt đời Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy [tấm gương của] một người có nghĩa vụ làm công tác giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên. Đức Phật dạy học chẳng phân biệt quốc tịch, chủng tộc, tôn giáo. Từ kinh điển, chúng ta thấy có nhiều người Bà La Môn giáo, hay thuộc các tôn giáo khác ở Ấn Độ, theo Thích Ca Mâu Ni Phật học tập. Dạy dỗ không phân biệt, Ngài

chẳng cự tuyệt, cũng không buộc quý vị thay đổi, tín ngưỡng hay tôn giáo nào, Ngài thảy đều hoan nghênh. Chúng ta phải học tập điều này. Đức Phật dạy này nọ, cách dạy như thế nào? Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ, đấy là tổng cương lãnh giáo học của Phật. Đầu tiên, dạy quý vị trì giới, trì giới là gì? Giữ quy củ, nghe lời, khiến cho cái tâm của quý vị định. Nói "định" là phiền não, tập khí thảy đều buông xuống, tâm bèn định. Sau khi tâm định bèn khai trí huệ. Do vậy, tâm định rồi thì tâm thanh

tịnh hiện tiền, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Cái tâm phập phều, chao động sẽ sanh phiền não, người Hoa gọi [cái tâm ấy] là "tâm phù khí táo" (bộp chộp, vội vàng), "tâm phù khí táo" sanh phiền não, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Vì vậy, tu hành bước đầu tiên là phải đạt được tâm thanh tịnh. Người đạt được cái tâm thanh tịnh, nói theo Phật pháp là đã đạt được học vị thứ nhất, tức A La Hán. A La Hán đoạn Kiến Tư phiền não, tâm thanh tịnh, đấy là học vị đầu tiên. Sau đó, tiếp tục nỗ lực, phân biệt cũng buông xuống. Công phu của bậc A La Hán là buông chấp trước xuống. Chấp trước là Kiến Tư phiền não. Kinh Đại Thừa thường gọi "phân biệt" là Trần Sa phiền não, trần sa là tỷ dụ nhằm ví von "số nhiều". Đoạn Trần Sa phiền não là chẳng phân biệt, chẳng phân biệt hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có tâm phân biệt. Hiểu rõ ràng cảnh giới trước mặt, đó là Huệ; chẳng phân biệt là Định. Định này cao hơn Định của A La Hán; vì vậy, danh xưng của học vị này là Bồ Tát, cao hơn A La Hán. Tới cuối cùng, trong giai đoạn cuối cùng, bèn chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đó là đoạn sạch vọng tưởng, đoạn vô thỉ vô minh. Vô thỉ vô minh là khởi tâm động niệm. Sau khi đoạn sạch, mười pháp giới chẳng còn. Đạt đến cảnh giới A La Hán, lục đạo chẳng còn, vượt thoát lục đạo; khi đạt đến cảnh giới Phật, mười pháp giới chẳng còn, lúc đó, Nhất Chân pháp giới hiện tiền, đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Chúng ta thấy trong kinh điển, Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng. Cư dân trong các thế giới ấy đúng là "trường sinh bất lão", thọ mạng là vô lượng thọ, con người chẳng có hiện tượng lão hóa, hoàn toàn đúng là hình tướng trẻ trung, chẳng có tướng già nua. Hoa, cỏ, cây cối xanh tươi mãi mãi, chẳng giống như nơi này Xuân sanh, Hạ trưởng, chẳng có hiện tượng ấy, chẳng có tướng biến hóa ấy, mà là vĩnh hằng. Thật sự có thế giới ấy. Trong kinh điển, đức Phật đã giảng đạo lý đó, chúng ta hiểu rõ, minh bạch, có lý luận để có thể dựa vào. Vì sao người trong thế giới ấy chẳng lão hóa? Vì họ chẳng có phân biệt, chấp trước. Vì sao người trong thế gian này bị lão hóa? Có phân biệt, chấp trước. Hoa, cỏ, cây cối vì sao Xuân sanh, Hạ trưởng? Chúng cũng có phân biệt, chấp trước, hoa, cỏ, cây cối có [phân biệt, chấp trước]; núi, sông, đại địa thành, trụ, hoại, không, vì sao? Núi, sông, đại địa cũng có phân biệt, chấp trước, Ngũ Uẩn mà! Thí nghiệm trên nước của tiến sĩ Giang Bổn Thắng đã chứng tỏ rất rõ ràng, quý vị thấy nước có thể thấy, nghe, lại còn hiểu ý nghĩ con người. Chúng ta tán thán, ca ngợi nó, nó sẽ biểu hiện sự kết tinh vô cùng đẹp đẽ, đáp ứng chúng ta. Chúng ta chửi bới, chán ghét nó, nó phản ứng [bằng cách kết tinh] rất xấu xí. Nước có phân biệt, chấp trước. Hiện thời, khoa học còn tiến một bước nữa, phát hiện nước còn có ký ức. Có ký ức sẽ phiền lắm! Nếu quý vị xử tệ đối với nó, nó sẽ trả thù quý vị. Hiện thời, khoa học kỹ thuật

phát triển, chúng ta phá hoại hoàn cảnh sanh thái thiên nhiên, thiên nhiên có ký ức, nó oán hận, sẽ trả thù chúng ta. Vì vậy, núi lửa bùng nổ, động đất, đó là thiên nhiên báo thù, chẳng phải là chuyện thần thoại. Vì vậy, đối với tin tức này, chúng tôi mong có CD/DVD cho mọi người xem, thấy nước có ký ức, nước là một đại biểu [của toàn bộ thiên nhiên]. Tất cả hiện tượng vật chất, nay đã được khoa học chứng tỏ, đúng như lời đức Phật đã nói, thảy đều có Ngũ Uẩn, đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thức là ký ức, Thọ là cảm nhận, Tưởng là phân biệt, Hành là chấp trước, Thức là vô thỉ vô minh, những vọng tưởng nó đều có hết. Động vật biểu hiện [Ngũ Uẩn] rất rõ rệt, khoáng vật biểu hiện chẳng rõ ràng, phải thông qua thí nghiệm khoa học để chứng tỏ. Ngay cả đối với núi, đá, bùn, đất, chúng ta cũng chớ nên đắc tội, huống chi cây, cối, hoa, cỏ, huống hồ hết thảy động vật! Vì vậy, khoa học kỹ thuật càng ngày càng phát triển, ngày càng chứng thực những điều đức Phật đã dạy trong kinh. Đây là chuyện tốt, chúng ta chẳng thể không tin! Vì vậy, chớ nên chấp trước hết thảy các hiện tượng là có, mà cũng đừng chấp trước chúng là không! Có hay không đều chẳng thể được! Trong giảng đường, chúng tôi thường dùng điện ảnh để tỷ dụ, dùng TV làm tỷ dụ. Nay chúng ta học tập, có thể nói là đại đa số đồng học đều cùng nhau học tập qua Internet, hay truyền hình vệ tinh. Internet thì quý vị có thể thấy cùng lúc; truyền hình vệ tinh phát sóng, đại khái phải sau một tháng, vì vẫn còn phải chế tác [băng đĩa], in chữ phụ đề lên phim. Nói tới Thật Tướng của các pháp, quý vị hãy quan sát cẩn thận màn hình TV của chúng ta, chân tướng là gì? Chúng ta hãy sánh ví màn hình như tự tánh, Thật Tướng vô tướng, đúng là vô tướng! Quý vị chẳng thể nói nó thật sự chẳng có, vặn đúng đài, sắc tướng bèn hiện tiền, hiện tượng này chúng ta đều biết, bày ra trước mắt mỗi ngày. Sắc tướng hiện tiền, quý vị chẳng thể nói nó là có, vì sao? Quý vị tắt TV đi, nó chẳng còn nữa! Đổi sang băng tần khác, sẽ đổi sang hình ảnh khác, đổi băng tần giống như mười pháp giới. Phật pháp nói chân và vọng, vọng là có thể biến. Sắc tướng trên màn hình có thể biến, sanh diệt trong từng sát-na, Di Lặc Bồ Tát nói một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Mỗi một niệm đều có sắc tướng, đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Lúc mê gọi là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Khi giác ngộ, Thọ, Tưởng, Hành, Thức chẳng có, biến đổi, biến thành gì? Biến thành Chân, kiến văn giác tri, đấy là trí huệ và đức tướng trong tự tánh, nhưng nó chẳng hiện tiền, quả thật là có. Do vậy, quý vị chẳng thể nói nó là không! Chúng ta dùng màn hình làm tỷ dụ, tắt máy đi, quý vị chẳng thể nói trong ấy chẳng có sắc tướng. Mở trúng băng tần, sắc tướng hiện tiền, quý vị chẳng thể nói nó là thật sự có, tình hình trong toàn thể vũ trụ rất giống như vậy! Nếu quý vị hiểu những đại đạo lý này, mỗi ngày mở TV, xem TV bằng cách nhìn này, xem lâu ngày sẽ khai ngộ, cùng một đạo lý! Trong quá khứ,

chuyện này đúng là khó hiểu! Đối với các bậc tổ sư đại đức thời cổ đọc kinh Phật mà có thể khai ngộ, chúng ta bội phục năm vóc sát đất. Hiện tại, có những công cụ khoa học nhiều ngần ấy bày ra trước mặt chúng ta, những thứ tương tự ngày càng nhiều, nên dễ hiểu, nhưng các Ngài chẳng có những thứ ấy, làm thế nào để hiểu? Từ chỗ này, từ màn hình TV, quý vị bèn nhập pháp môn Bất Nhị, Có và Không bất nhị, Không và Hữu bất nhị. Màn hình là không, sắc tướng trong mỗi băng tần là có, Không và Hữu bất nhị. Tâm Kinh dạy: “Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc; Sắc bất dị Không, Không bất dị

Sắc”, quý vị hoàn toàn thấy được, chúng là một, chẳng hai. Đấy là triết học tối cao. Nếu nhìn từ duyên khởi, đấy là khoa học tối cao. Khởi nguyên của vũ trụ, khởi nguyên của vạn vật, khởi nguyên của sanh mạng, nhà Phật nói y báo và chánh báo trang nghiêm từ đâu mà có, quý vị đều hiểu rõ ràng, đều minh bạch, hoàn toàn trở về tự tánh. Trở về tự tánh là thành Phật, sự giáo học của Phật đã viên mãn, [học trò (chúng sanh được hóa độ) đã] tốt nghiệp rồi! Chúng ta xem câu cuối cùng: “Yếu chi, ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp. Ly cố vô tướng, tức cố vô bất tướng, bất đắc dĩ cưỡng danh Thật Tướng” (Nói tóm lại, lìa hết thảy tướng tức là hết thảy pháp. Do lìa nên vô tướng, do “tức” nên chẳng phải là không có tướng, bất đắc dĩ cưỡng gọi là Thật Tướng). Nói Thật Tướng với quý vị thì Thật Tướng có thật hay chăng? Nếu quý vị chấp trước là trật rồi, đây là danh từ thuật ngữ, là một thứ phương tiện dạy học nhằm làm cho quý vị ngộ nhập những điều trên đây, quý vị đừng nên chấp trước thật sự có Thật Tướng. Thật sự có Thật Tướng? Tìm Thật Tướng chẳng được! Vì vậy, điều khẩn yếu là “chúng ta lìa hết thảy tướng sẽ chính là hết thảy các pháp”. Chỉ cần quý vị rời khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ thấy chân tướng. Hết thảy các pháp, giống như chúng ta coi TV, chỉ cần tách lìa khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ thấy chân tướng, chẳng bị những hình ảnh trên TV nhiễu loạn, chẳng bị nó xoay chuyển. Quý vị bị hình ảnh xoay chuyển tức là tâm quý vị chẳng làm chủ được, có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đã bị nó xoay chuyển, bị nó quấy nhiễu. Nếu quý vị chẳng có khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, sẽ có thể chuyển nó, nó chẳng thể chuyển quý vị. “Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai” (nếu có thể chuyển cảnh, sẽ giống với Như Lai), ta chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, vì sao? Liễu giải rồi! Giống như kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Bát Nhã hai mươi hai năm, điều này chư vị đồng học đều biết. Khởi đầu, lúc vừa mới thành đạo, [đức Phật] bèn giảng Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm giảng trong Định; vì vậy, Tiểu Thừa chẳng thừa nhận, không tin, đức Phật giảng trong Định mà! Tiểu Thừa chỉ thừa nhận đức Thế Tôn sau khi thành đạo độ năm vị tỳ-kheo tại Lộc Dã Uyển, đó là khởi đầu của sự

nghiệp giáo học, họ thừa nhận chuyện này, chẳng thừa nhận Hoa Nghiêm. Đức Phật giảng A Hàm mười hai năm, Phương Đẳng tám năm, Bát Nhã hai mươi hai năm, Pháp Hoa tám năm, [tổng cộng] bốn mươi chín năm, thời gian giảng Bát Nhã dài nhất. Bát Nhã tổng kết lại là gì? Là bảo quý vị: “Hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được”, đó là chân tướng. Làm thế nào để thấy chân tướng này? Đó là lìa hết thảy tướng chính là hết thảy các pháp. Quý vị lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ thấy được, sẽ thấy chân tướng của hết thảy các pháp. “Ly” và “tức” là một, chẳng hai. Quý vị thật sự ngộ điều này, thật sự thụ dụng. Do “lìa” nên vô tướng, tâm trong sạch, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, chẳng có dấu vết pháp thế gian và xuất thế gian. Do “tức” nên chẳng phải là không có tướng. “Tức” và “ly” chẳng hai, chân và vọng đồng thời. Giống như màn hình TV chẳng phải là chân và vọng đồng thời ư? Chẳng phải là “ly” và “tức” chẳng hai ư? Màn hình là chân, sắc tướng là vọng, chân và vọng nhất thể, chân và vọng chẳng hai, phải liễu giải rõ ràng điều này. Chân ở đâu? Chân ở trong vọng, là lục đạo mười pháp giới, chân ở trong ấy, vọng ở đâu? Vọng ở trong chân; băng tần và sắc tướng đều ở trên màn hình, màn hình là chân. [Phải nói như vậy] quý vị mới

thật sự liễu giải chân tướng; vì vậy, bất đắc dĩ nói "Thật Tướng", quý vị chớ nên chấp trước danh từ Thật Tướng này. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta: Đọc kinh đừng chấp trước tướng văn tự, văn tự là công cụ, là phương pháp, chẳng phải là mục đích, mục đích là khai ngộ. Nếu quý vị chấp trước, sẽ chẳng khai ngộ. Chớ nên chấp tướng văn tự, nghe giảng thì sao? Nghe giảng đừng nên chấp trước tướng ngôn thuyết, văn tự là phù hiệu của ngôn thuyết, chớ nên chấp trước. Điều thứ hai, Ngài dạy chúng ta đừng nên chấp trước tướng danh tự. Danh từ thuật ngữ là giả lập, chẳng thật. Những thứ ấy có thể hướng dẫn quý vị, đừng nên chấp trước! Giống như những tấm biển chỉ đường, chúng ta muốn đến Bắc Kinh, con đường này là xa lộ cao tốc (Express way), bên đường có tấm biển ghi "Bắc Kinh". Tấm biển ấy chẳng phải là Bắc Kinh, nó là tướng danh tự. Quý vị chiếu theo phương hướng đó mà đi, chớ nên chấp trước tấm biển thì mới có thể tới Bắc Kinh. Nếu quý vị chấp trước Bắc Kinh ở ngay nơi ấy, lầm rồi! Chớ nên chấp trước danh từ thuật ngữ! Điều thứ ba, chớ nên chấp trước tướng tâm duyên. Đọc kinh, ta nghĩ điều này có nghĩa là gì, vừa nghĩ bèn trật, chớ nên suy tưởng, vì sao? Chẳng có ý nghĩa gì. Quý vị suy nghĩ [một ý nghĩa nào] thì đấy là ý nghĩa của chính quý vị, chẳng thể là ý nghĩa của Phật. Chớ nên suy tưởng thì quý vị mới có thể hiểu nghĩa chân thật. Nghĩa chân thật là gì? Thưa quý vị, là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác. Sau khi khôi phục, sau khi đạt được, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Người ta chẳng hỏi quý vị thì tâm địa trong sạch, chẳng [nhận thấy chính mình] biết một thứ gì, đó là "Bát Nhã vô tri". Người khác đến thỉnh giáo quý vị, lúc kẻ

ấy hỏi quý vị, quý vị bèn ứng đối lưu loát, "không gì chẳng biết". Không gì chẳng biết do đâu mà có? Từ vô tri mà có, vô tri là tự tánh, tự tánh khởi tác dụng, pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng lìa khỏi tự tánh, vì vậy, kiến tánh sẽ viên mãn. Huệ Năng đại sư kiến tánh, Ngài có biết những điều do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng hay không? Biết toàn bộ, chẳng cần học, [những điều ấy] đều từ tự tánh lưu xuất. Hết thảy các kinh do mười phương hết thảy chư Phật Như Lai đã nói, Huệ Năng đại sư có biết hay không? Đều biết, chẳng thiếu một điều gì! Vì vậy, kinh Phật được gọi là "nội học", chẳng phải là hướng ngoại. Hướng ngoại sẽ cầu chẳng được. Cái cầu được do hướng ngoại là tri thức, chẳng phải là trí huệ; hướng nội sẽ cầu được trí huệ, chẳng phải là tri thức. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, tri thức giải quyết vấn đề mang tánh chất cục bộ, hạn chế; lại còn có hậu quả, trí huệ chẳng giống như vậy. Chúng ta chớ nên không hiểu rõ ràng điều này! Chúng ta xem tiếp đoạn dưới: "Khả kiến Thật Tướng nãi ngô nhân đương tiền nhất niệm tâm tánh chi cưỡng danh" (có thể thấy Thật Tướng chính là tên gọi miễn cưỡng của một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta), "cưỡng danh" là miễn cưỡng dùng danh từ này, chớ nên nghĩ là thật, chúng ta ngàn vạn phần chớ nên coi nó là thật. "Danh khả danh, phi thường danh" (cái tên có thể gọi ra thì chẳng phải là cái tên thường hằng), Lão Tử nói: "Đạo khả đạo, phi thường đạo" (cái đạo có thể diễn tả sẽ chẳng phải là cái đạo thường hằng). Thứ chân thật sẽ chẳng thể diễn tả được, chắc chắn là lìa ngôn ngữ, văn tự. Vì vậy, đây là bất đắc dĩ, miễn cưỡng thành lập một danh tướng. "Ngô nhân nhất niệm tâm chi tánh, cưỡng danh vi tự tánh" (Một niệm tâm tánh của chúng ta cưỡng gọi là tự tánh). Tất cả những danh từ thuật ngữ này đều là bất đắc dĩ phải dùng nó, dùng nó để làm gì? Nhằm dạy học thuận tiện. Hễ chấp trước sẽ trật, hễ

chấp trước thì sao? Kinh Phật biến thành Phật học, biến thành một thứ học thuật thế gian. Kinh Phật vốn là gì? Kinh Phật vốn là tự tánh, hễ chấp trước sẽ trật, lầm rồi, hễ phân biệt sẽ hỏng bét. Đây là chỗ khó khăn trong Phật học. Nếu quý vị thật sự hiểu thì đây cũng là chỗ dễ dàng trong Phật học, thật sự quá dễ! Quý vị đến trường để học hành, trong đại học hiện thời ước chừng có mấy trăm khoa hệ, một khoa học bốn năm, mười khoa hệ là bốn mươi năm, một trăm khoa hệ là bốn trăm năm, quý vị học suốt một ngàn năm vẫn chưa tốt nghiệp, chẳng có cách nào học xong! Sau khi học xong thì như thế nào? Vẫn chẳng thông một tí nào hết! Nếu quý vị thật sự hiểu khuôn phép Phật pháp này, sẽ dễ dàng, tốn mấy năm thật sự y giáo phụng hành, vọng tưởng, chấp trước thảy đều buông xuống, đều tách rời. Quý vị thấy: Buông chấp trước xuống, chứng A La Hán; buông phân biệt xuống, thành Bồ Tát; buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị thành Phật. Toàn bộ trí huệ và đức tướng trong tự tánh đều hiện ra, không điều gì chẳng thông, không gì chẳng thể!

Chư vị phải nhớ: Lúc Huệ Năng đại sư minh tâm kiến tánh, Ngài hai mươi bốn tuổi, chẳng có chuyện thế gian hay xuất thế gian nào Ngài không biết! Tuy Ngài không biết chữ, quý vị cầm một quyển sách đọc cho Ngài nghe, Ngài bèn giảng cho quý vị nghe trong sách ấy nói điều gì, giảng chẳng trật một tí nào! Trí huệ đã mở mang, từ tự tánh lưu xuất, chẳng do học được! Vì vậy, Phật pháp chẳng phải tôn giáo, nhưng bản thân Phật pháp xưng là Tông Giáo, [tức là] Tông Môn và Giáo Hạ [nói gộp chung lại], hoàn toàn chẳng liên can gì đến hàm ý trong [thuật ngữ] “tôn giáo” trong hiện thời. Tông Môn hay Giáo Hạ là do dùng phương pháp giáo học khác nhau. Thiền Tông chẳng dùng sách giáo khoa, hoàn toàn dùng phương pháp tham cứu, trong ấy, có rất nhiều phương pháp. Quý vị phải nhớ: Tham cứu là lìa tâm ý thức, quyết định không dùng tâm ý thức, cũng có nghĩa là chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, huấn luyện điều này, khiến cho quý vị khôi phục cái tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh vốn sẵn có, khôi phục cái tâm thanh tịnh; sau đấy, tiến thêm một bước nữa là khôi phục tâm bình đẳng. Thanh tịnh, bình đẳng, sau đấy nhất định khai ngộ, khai ngộ là giác. Thanh tịnh là công phu và cảnh giới của A La Hán và Bích Chi Phật. Tâm bình đẳng là cảnh giới của Bồ Tát. Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm sẽ khai ngộ, đại triệt, đại ngộ. Ngộ rồi khởi tu, sau khi giác ngộ, quay lại đọc kinh. Người ấy đã khai ngộ, tuyệt vời! Chúng ta thấy vị cổ đại đức trong Phật môn là Long Thọ Bồ Tát của Ấn Độ được Trung Quốc rất tôn kính. Tám tông phái Đại Thừa Trung Quốc đều công nhận Long Thọ là Sơ Tổ, Long Thọ là Tổ Sư của tám tông, các tông đều tôn trọng Ngài. Trong truyện ký dường như có một đoạn như thế này: Thuở lão nhân gia tại thế, Ngài học hết thảy các kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, nay chúng ta gọi là Đại Tạng Kinh, Ngài học xong những kinh điển ấy, trong bao lâu? Ba tháng! Ba tháng học xong toàn bộ những gì Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm. Có thể như thế ư? Có thể chứ! Chúng tôi tin tưởng, vì sao? Từ Đàn Kinh, chúng ta thấy được một đoạn tin tức. Đó là thiền sư Pháp Đạt thọ trì kinh Pháp Hoa, niệm được ba ngàn biến kinh Pháp Hoa. Chúng tôi tin niệm ba ngàn biến phải mất mười năm! Kinh Pháp Hoa rất dài, mỗi ngày niệm một bộ, mất thời gian mười năm. Sư tới Tào Khê gặp Lục Tổ, khi lễ bái, đầu chẳng sát đất. Khi lễ ba lạy, tổ Huệ Năng

thấy rất rõ ràng: Đầu chẳng chấm đất. Sau khi Sư bái xong, đứng dậy, Huệ Năng đại sư hỏi Sư: "Ông lễ bái đầu chẳng sát đất, nhất định có điều gì đáng để kiêu ngạo, ông hãy nói cho ta nghe". Sư thưa: "Đã tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn biến". Lục Tổ gật đầu: "Kinh Pháp Hoa giảng những gì?" Sư nói không được, thỉnh giáo ngược lại Lục Tổ! Lục Tổ nói: "Ta chưa nghe kinh này". Đương nhiên Ngài chẳng thể xem, không biết chữ, chẳng xem sách. Tổ nói: "Nếu ông

niệm ba ngàn lần thì hãy đọc cho ta nghe". Kinh Pháp Hoa tổng cộng hai mươi tám phẩm, Sư niệm tới phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện, niệm tới phẩm thứ hai, Huệ Năng đại sư nghe: "Được rồi! Chẳng cần niệm nữa, ta đã hiểu rõ toàn bộ". Học theo cách giống như vậy, một bộ Đại Tạng Kinh có thể học trong ba tháng, chắc chắn học xong, không cần phải xem toàn vẹn. Coi mấy trang đã hiểu toàn bộ. Giảng đại ý kinh Pháp Hoa cho Sư nghe, Sư liền khai ngộ. Sau khi khai ngộ lại lễ bái, dập đầu sát đất, thiền sư Pháp Đạt là như vậy đấy! Từ một đoạn tin tức này, chúng ta liễu giải, vốn là "ngộ hậu khởi tu" nhanh chóng dường ấy, vừa nhìn liền hiểu rõ, vừa nghe liền hiểu rõ, không cần nghe hết! Vì vậy, chúng ta biết lúc ấy Long Thọ Bồ Tát chứng đắc Sơ Địa, phải biết đấy là Biệt Giáo, còn trong Viên Giáo là Sơ Trụ, đã vượt thoát mười pháp giới, là Pháp Thân Bồ Tát. Vì vậy, gọi là "ngộ hậu khởi tu", đó là phương pháp của Thiền Tông. Đây là pháp của người thượng thượng căn, chẳng dành cho người thường, người thường chẳng tu được! Lúc tôi mới học Phật, ba vị thầy của tôi cảnh cáo tôi: Chẳng cho phép tôi đọc Đàn Kinh. Họ nói: "Chớ nên học theo Huệ Năng, chắc chắn là học không được, chúng ta chẳng phải là căn tánh ấy". [Căn cơ] bình thường là căn tánh thượng trung hạ, thật sự là ngay cả thượng căn chúng ta vẫn chưa đạt được, mà là căn tánh trung hạ, vẫn phải thật thà làm theo từng bước, giống như đi học, lớp Một, lớp Hai, lớp Ba, dần dần trèo lên cao. Ngài Huệ Năng một bước lên trời; [còn chúng ta bắt chước Ngài] lên không được sẽ tan thân, nát xương, xong luôn! Vì vậy, nhất định phải hiểu căn tánh của chính mình. Căn tánh trung hạ, chỉ cần quý vị giùi mài kinh giáo, chẳng buông bỏ, hiểu phương pháp. Phương pháp ấy vẫn là một môn thâm nhập, trường thời huân tu, vì sao? Tương ứng với Giới, Định, Huệ, chớ nên có tâm tham, thứ gì ta cũng đều phải học, quảng học đa văn, hỏng rồi! Đó là gì? Đó là pháp thế gian, quý vị phân tâm, vọng niệm nhiều quá! Những thứ trong Phật pháp nhằm tu tâm thanh tịnh, vọng niệm chẳng tương ứng với tâm thanh tịnh79. Vì vậy, chỉ học một môn. Một môn thì quý vị chẳng có vọng tưởng, [tuân theo] quy củ, cung kính học một môn, quyết định tuân thủ giáo huấn của Mã Minh Bồ Tát trong Khởi Tín Luận. Ta học một bộ kinh này, chẳng chấp tướng văn tự, chẳng chấp tướng danh tự (danh từ thuật ngữ), chẳng chấp tướng tâm duyên. Mỗi ngày niệm như vậy, niệm từ đầu đến đuôi một bộ kinh này. Do vậy, kinh Đại Thừa rất có hiệu quả, như ngài Pháp Đạt cũng rất lỗi lạc. Quý vị thấy Ngài niệm một bộ kinh Pháp Hoa mười năm, có thể thấy tâm Ngài đã định. Nếu tâm Ngài chưa định, Huệ Năng đại sư giảng cho Ngài mấy câu, Ngài có thể khai ngộ được chăng? Vì sao nay chúng ta đọc Đàn Kinh chẳng khai ngộ, mà Ngài khai ngộ? Người ta có mười năm Pháp Hoa tam-muội làm cơ sở, nên vừa giảng bèn khai ngộ.

Do vậy, phương pháp học tập của Trung Quốc rất phi phàm, người ngoại quốc nằm mộng cũng nghĩ không ra, trí huệ do như vậy mà có! Tại Trung Quốc, Nho, Thích, Đạo

đều dùng phương pháp này. Phật pháp coi trọng khai ngộ, Nho và Đạo cũng coi trọng, đều nói tới Thiền Định. Trước đây, trong trường tư thục, thầy coi trọng điều gì nơi trò? Ngộ tánh, chớ nên chướng ngại ngộ tánh của trò. Trò học đồng thời rất nhiều thứ sẽ chẳng có ngộ tánh, cái mà trò học được là tri thức, chẳng khai ngộ. Phương pháp này thật sự chỉ có tại Cổ Ấn Độ và Trung Quốc, trong các quốc gia khác rất ít, chưa hề nghe nói tới. Một môn thâm nhập, trường thời huân tu, huân thành gì? Huân thành tam-muội. Nếu chúng ta mỗi ngày niệm kinh Vô Lượng Thọ, kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ chẳng dài, người thật sự tu hành trong một ngày có thể đọc mười biến hay chín biến, mỗi lần là bốn mươi phút, đại khái mỗi ngày mất tám giờ. Niệm kinh là gì? Tu Định, chẳng khác gì tham Thiền của Thiền Tông. Họ dùng phương pháp tham cứu để tu Định, chúng ta dùng phương pháp đọc kinh để tu Định. Dùng phương pháp Niệm Phật cũng có thể tu Định. Nói chung, tám vạn bốn ngàn pháp môn là tám vạn bốn ngàn phương pháp tu Định khác biệt. Quý vị phải dựa theo quy củ này để làm, chớ nên tam tâm nhị ý, một môn thâm nhập, sau một thời gian lâu dài sẽ định, định tới một trình độ nhất định, tự nhiên sẽ khai ngộ. Sau khi đã ngộ, lại học hết thảy kinh giáo rất dễ dàng, vừa xem liền hiểu rõ, chướng ngại gì cũng chẳng có, đó là gì? Trí huệ khai rồi! Giáo Hạ khai trí huệ, có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ. Tích lũy tiểu ngộ biến thành đại ngộ, tích lũy đại ngộ biến thành đại triệt đại ngộ. Đó gọi là “tiệm tu”, [tức là] từng bước một nâng cao lên. Người căn tánh trung hạ có thể làm được. Vì vậy, thầy tôi dạy tôi đi theo con đường này, tôi cũng rất nghe lời; nhưng Đàn Kinh tôi vẫn đọc, tôi vẫn hết sức hoan hỷ; vì trong hoàn cảnh này, cả đời tôi chẳng có đạo tràng, chẳng có chùa chiền. Học hội của chúng ta là do các cư sĩ tại Hương Cảng phát tâm tạo dựng, họ có đổng sự hội (board of directors) quản lý, đây cũng chẳng phải là chỗ của tôi. Cả đời này, ở đâu có duyên tìm tôi, tôi liền đến đó. Lúc đi, nói chung là tùy duyên, họ thích nghe kinh gì, đến bảo tôi phải giảng kinh ấy, gần như tôi đều đáp ứng. Vì vậy, cả đời này, giảng kinh luận cũng rất nhiều, nói chung là mấy chục bộ. Tôi cũng mong hoàn toàn giống như cổ nhân một môn thâm nhập, nhưng chẳng có duyên ấy. Nếu có phước báo rất lớn, quý vị mới có thể làm được. Chẳng có đại phước báo sẽ không được. Đến mọi nơi kết duyên, nói chung là nghe lệnh người khác, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức; nhưng pháp mà bản thân tôi học là Niệm Phật, niệm Phật chẳng gián đoạn. Ở đây nói tới “nhất niệm tâm”, chúng ta hiểu rõ nhất niệm tâm. “Nhất niệm” ấy chính là vô thỉ vô minh, nó cũng là tự tánh. Vì vậy, theo Pháp Tướng Duy Thức, A Lại Da là chân vọng hòa hợp, một nửa chân, một

nửa vọng. Chúng ta dùng màn hình TV làm tỷ dụ, đó chính là hiện tượng này. Quý vị thấy màn hình là thật, hiện tượng trong ấy là vọng, chân vọng hòa hợp. Vọng là A Lại Da, chân là khi chẳng có hết thảy các tướng, đó là tánh, là tự tánh. Vì vậy, nhất niệm tâm tánh, cưỡng gọi là tự tánh. Chân tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Do chẳng phải là vật chất, ngũ căn của chúng ta duyên chẳng được; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân chẳng duyên được nó. Nó chẳng phải là tinh thần; vì vậy, ý thức của chúng ta chẳng duyên được nó. Miễn cưỡng gọi tên, đặt cho nó một tên gọi là Tự Tánh. Nó có rất nhiều [danh xưng], đức Phật gọi nó là Chân Như, Bổn Tánh, Pháp Tánh, rất nhiều danh từ, nhưng đều là cùng một chuyện. Đối với chuyện này, đức Phật nói ra rất

nhiều danh từ; đấy cũng là phương tiện dạy học thiện xảo nhằm bảo quý vị chớ nên chấp trước, chỉ cần hiểu ý nghĩa này là được rồi, chớ nên nghiêm túc chấp trước. Danh tướng chẳng khẩn yếu, chẳng có quan hệ, kiến tánh mới thật sự là trọng yếu. "Nhị Tổ mịch tâm bất khả đắc, tức thị 'an tâm cánh', đản bất khả ngôn kỳ vô" (Nhị Tổ tìm tâm chẳng thể được, chính là 'tâm đã an rồi', nhưng chẳng thể nói tâm là không). Trong câu chuyện này, Nhị Tổ là ngài Huệ Khả thuộc Thiền Tông. Đạt Ma Tổ Sư tới Trung Quốc truyền pháp môn Thiền này, ở Trung Quốc, Ngài được coi là Sơ Tổ; Huệ Khả đại sư là truyền nhân của Ngài, minh tâm kiến tánh trong hội của Ngài. Câu chuyện này các đồng tu học Phật đều biết. Đạt Ma Tổ Sư giống như bế quan tại chùa Thiếu Lâm, vì sao? Chẳng gặp người có căn tánh như vậy để truyền pháp; vì vậy, Ngài chỉ đành tự mình bế quan nhập định, chờ người truyền pháp. Đợi rất nhiều năm, có một người xuất gia như thế hướng về Ngài cầu pháp, tâm địa rất kiền thành, rất cung kính thầy. Vì vậy, chư vị phải biết: Điều kiện trọng yếu nhất của truyền nhân là "tôn sư, trọng đạo". Quý vị chẳng tôn trọng thầy, chẳng tôn trọng điều mình sẽ học, Phật, Bồ Tát truyền cho quý vị, vô ích! Quý vị chẳng có cách nào tiếp nhận. Tuyệt đối chẳng phải là thầy mong quý vị phải tôn trọng Ngài, không phải! Vị thầy nào [mong được quý vị tôn trọng] sẽ chẳng phải là chân thiện tri thức, mà là kẻ còn ham danh. Chẳng phải vậy! [Tôn trọng thầy tức là] tâm quý vị chân thành cầu đạo. Ấn Quang đại sư nói: "Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích". Tâm thành kính của quý vị được biểu hiện qua điều này, thầy thấy tâm quý vị mười phần thành kính, thầy sẽ chẳng bỏ quý vị. Một vị thầy cả đời chẳng có gì khác, mong muốn gặp được một học trò giỏi để có thể truyền đạo của mình. Đó là như người Trung Quốc thường nói: "Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại" (Bất hiếu có ba điều, không có người kế tục là điều bất hiếu lớn nhất). Hậu nhân của thầy là người truyền pháp. Điều này hết sức trọng yếu!

Huệ Khả mười phần thành kính, mùa Đông trời đổ tuyết, Sư ở ngoài cửa, Đạt Ma Tổ Sư nhập định bên trong, Sư ở ngoài cửa, [tức là] đứng ở ngoài cửa, tuyết phủ đến đầu gối, có thể thấy là trời đổ tuyết rất lâu, tuyết đóng dầy như thế, vẫn chẳng bỏ đi, một mực đứng ở đó. Đạt Ma Tổ Sư biết, nhìn Sư hỏi, hình như Sư quỳ gối ở nơi đó, Tổ hỏi: "Ông đến cầu điều gì?" Sư thưa: "Tâm con chẳng an, xin đại sư an tâm cho con". Đạt Ma Tổ Sư nói: "Ông lấy cái tâm ra đây, ta sẽ an nó thay cho ông". Nay chúng ta thấy rất nhiều tượng Đạt Ma giơ một tay ra, đó là ý nghĩa này! Quý vị lấy tâm ra, ta sẽ thay quý vị an nó. Huệ Khả tìm mãi, tìm không được, tâm rốt cuộc ở đâu? Kinh Lăng Nghiêm bảy chỗ gạn tâm, thật sự chẳng tìm được! Huệ Khả bèn thưa: "Tìm tâm trọn chẳng thể được", nói lời ấy, con chẳng tìm được tâm ở chỗ nào cả! Đạt Ma Tổ Sư trả lời: "Ta đã an cái tâm của ông rồi!" Một câu nói này của Ngài đã đánh thức Huệ Khả, Ngài bèn khai ngộ. Chư vị phải hiểu: Tâm người ta đạt tới thanh tịnh; vì vậy, sau khi được chỉ điểm liền bình đẳng. Tâm bình đẳng là Phật tâm, tâm Lục Độ là Bồ Tát tâm, tâm bình đẳng là Phật tâm, Ngài lập tức khai ngộ. Vì vậy, tìm tâm trọn chẳng thể được! Quý vị chẳng thể nói không có tâm. Nếu nói "tìm tâm chẳng thể được", bèn hiểu "như vậy là chẳng có tâm", trật mất rồi! Nếu ở chỗ này, quý vị đưa ra câu trả lời như thế này: "Chẳng phải là không có tâm ư?" Quý vị đã rơi vào hầm vô minh rồi, vĩnh viễn chẳng khai ngộ. Phật

pháp vĩnh viễn là sống động, ở nơi đâu? Ngay chính lúc này, từ đầu đến cuối ngay trong một niệm ấy; nhưng một niệm ấy chẳng thể được, một niệm ấy là gì vậy? Trôi qua rất nhanh! Khi phàm phu chúng ta dấy lên một niệm, Di Lặc Bồ Tát đã giảng một [thô] niệm (một niệm mà chúng ta có thể nhận biết) có tới ba mươi hai ức trăm ngàn [tế] niệm. Chính là một niệm ấy, tuy một niệm chẳng thể được, chẳng thể nói nó là không! "Lục Tổ vân: 'Hà kỳ tự tánh năng sanh vạn pháp', diệc bất năng chấp vi hữu" (Lục Tổ nói: "Nào ngờ tự tánh có thể sanh vạn pháp", vẫn chẳng thể chấp là có). Đối với "vũ trụ" như chúng ta nói hiện thời, nhà Phật gọi nó là "vạn pháp", hay "pháp giới". Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới có thể sanh ra vạn pháp. Tuy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới bày ra trước mặt, quý vị chẳng thể nói nó là có. Thân thể hiện thời của chúng ta, đồng tu đạo hữu đông như thế cùng ngồi một chỗ, chẳng thể nói nó là có, đấy là cảnh giới. Người ta hỏi chúng ta có hay không? Chúng ta trả lời có, vì sao? Quý vị có phân biệt, có chấp trước, khi tôi và quý vị ở chung một chỗ, tôi cũng có phân biệt, cũng có chấp trước, nên chúng ta mới có thể trò chuyện, trao đổi với nhau. Nếu tôi nói "chẳng có", quý vị sẽ coi tôi là dị loại, rắc rối to! Vì vậy, chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, phải hòa quang đồng trần cùng hết thảy chúng sanh. Đức Phật thuyết pháp, đã giảng rất rõ ràng, Ngài dựa vào gì? Nhị Đế! Đức Phật

dựa vào Nhị Đế để giảng kinh, thuyết pháp cho hết thảy chúng sanh. Nhị Đế: Thứ nhất là Tục Đế, là sự hiểu biết và lý giải thông thường của chúng sanh. Thuận theo những gì chúng sanh hiểu rõ, nói với quý vị hiếu, đễ, trung, tín, quý vị hiểu ngay. Nói Ngũ Luân, Ngũ Thường, quý vị hiểu liền, đó là gì? Thế Tục Đế (Tục Đế). Tới khi cảnh giới của quý vị đã nâng lên cao hơn, bèn giảng Chân Đế. Đạt Ma và Nhị Tổ nói về lẽ chân, quả thật, chúng ta nghe chẳng hiểu, rành rành là có, sao quý vị nói chẳng có? Đúng là chẳng có, nhưng chúng ta hiểu lầm, tưởng là thật sự có. Phật cũng chẳng tranh cãi với chúng ta, quý vị nói có thì có, quý vị nói không thì không! Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, giúp quý vị nâng cao lên từ từ. Đây là phương pháp áp dụng cho tuyệt đại đa số mọi người! Quý vị thấy Đạt Ma Tổ Sư ở Trung Quốc nhiều năm như vậy, độ được một người là Huệ Khả; Huệ Khả cũng độ một người, suốt đời chỉ độ được một người là Tăng Xán, mãi cho đến Huệ Năng, suốt thời Ngũ Đại80 đều là đơn truyền. Ngũ Tổ Nhẫn hòa thượng cũng là độ một người. Huệ Năng đại sư Lục Tổ độ bốn mươi ba người, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Ngài dạy bốn mươi ba người đều đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đúng là trước và sau Ngài chẳng hề có trường hợp nào giống như vậy! Sau thời Lục Tổ chẳng có tình hình này, thầy chỉ dạy được đôi ba người khai ngộ, dường như tối đa được năm người, nhiều hơn nữa chẳng có! Có thể thấy chuyện này khó khăn lắm! Trong thời đại hiện tại, có ai khai ngộ hay không? Xưa kia, tôi sang Hương Cảng giảng kinh vào năm một ngàn chín trăm bảy mươi bảy (1977), nơi tôi giảng kinh là Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán của lão pháp sư Đàm Hư trên đường Giới Hạn (Boundary Street), lần đó giảng kinh Lăng Nghiêm. Tôi nghe băng thâu âm lời khai thị lão pháp sư Đàm Hư trong Phật Thất, vì khi tôi đến đó, lão hòa thượng đã vãng sanh mấy năm rồi, ba bốn năm, chẳng được gặp mặt. Trong lời khai thị, Sư bảo, cả đời Ngài đã từng gặp người đắc Định, tức là đắc Thiền Định trong Thiền Tông, Ngài đã thấy, cũng từng nghe

nói, nhưng khai ngộ thì không chỉ chưa hề thấy, mà cũng chưa hề nghe nói tới. Nên biết lúc Đàm lão pháp sư nói [lời ấy], Ngài đã chín mươi tuổi. Gần đây nhất, đại khái là hai mươi năm trước, tôi quen biết lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Lúc lão nhân gia còn sống, mỗi năm tôi sang Bắc Kinh tối thiểu hai lượt để gặp cụ. Hai người chúng tôi đều học bản kinh này, tức bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, không ai giảng bản này. Tôi ở hải ngoại giảng bản này, cụ ở trong nước giảng bản này, trong nước cũng chẳng có người thứ hai giảng. Vì vậy, hai người chúng tôi gặp nhau rất hợp ý. Cụ bảo tôi: Cụ học Thiền, cũng như học Mật, đều có thành tựu khá. Cụ bảo tôi: Trong thời đại hiện tiền này, căn tánh Thiền và Mật đều chẳng có. Ngay cả tham Thiền đắc định còn chẳng thấy; học Mật, tam mật tương ứng, tức thân

thành Phật cũng chẳng có! Cụ nói từ nay về sau, có thể thành tựu trong Phật pháp chỉ có niệm Phật. Thầy của cụ là lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng từng học Thiền, cũng từng học Mật, lúc mất bèn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, Hoàng lão cư sĩ cũng giống như thế. Lúc cụ ngã bệnh, đã cho tôi biết, mỗi ngày niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu, đúng là buông xuống vạn duyên, những điều đã học trong cuộc đời cũng đều buông xuống, một câu Phật hiệu đưa cụ đi vãng sanh. Đây là đại thiện tri thức thị hiện, hiện thân thuyết pháp cho chúng ta biết pháp gì sẽ có thể thành tựu, do pháp này sẽ có thể thành tựu. Nhất là trong hiện thời, xã hội động loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra, người bình thường chẳng còn kiêng dè mà bàn nói tai nạn. Trước đây, trong các cuộc gặp gỡ quốc tế, chẳng hề bàn chuyện tai nạn. Năm nay, tôi ở Úc, trong cuộc phỏng vấn năm tôn giáo, hết thảy mọi người đều bàn vấn đề này. Vài hôm trước, đài truyền hình Phượng Hoàng cũng phỏng vấn tôi về đề tài này, có thể thấy hết thảy mọi người rất coi trọng [chuyện này]. Chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm chưa xong, đã giảng đến bốn ngàn giờ, nhưng cũng vì xã hội hiện tại cần thiết, tạm ngưng kinh Hoa Nghiêm, giảng kinh Vô Lượng Thọ một lần nữa, phối hợp giữa quốc nội và Đài Loan, nơi khác tổ chức Tam Thời Hệ Niệm một trăm thất, đều đem công đức của những chuyện này hồi hướng cho Trung Quốc, cho nơi này, cho toàn bộ thế giới, mong rằng do công đức này, tai nạn có thể giảm nhẹ, chậm xảy ra. Muốn hoàn toàn hóa giải, sợ rằng sức chúng ta chưa làm được! Vì vậy, chúng ta đồng tâm hiệp lực làm chuyện này, tôi giảng bộ đại kinh này để phối hợp với họ. Giảng kinh này viên mãn, tôi lại giảng tiếp kinh Hoa Nghiêm. Đây là nhân duyên giảng kinh lần này. Chúng ta xem đoạn tiếp theo: “Cái ly tứ cú, tuyệt bách phi, phi tư lượng, phân biệt chi sở năng giải” (Ấy là vì lìa tứ cú, dứt bách phi, chẳng thể do suy lường, phân biệt mà hòng hiểu được). “Tứ cú” là có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không, bốn câu này. Những điều này đều nói về tâm phàm phu của chúng ta, tâm phàm phu quả thật là tâm luân hồi; trong tâm luân hồi, phân biệt, chấp trước nghiêm trọng nhất. Nay chúng ta biết: Trong Thật Tướng của các pháp, Có và Không đều chẳng có. Có và Không là đối lập. “Cũng có, cũng không” và “chẳng phải có, chẳng phải không” đều là hý luận, Phật pháp gọi [những điều đó là] hý luận. Hý luận chẳng có ý nghĩa chân thật. Những gì gọi là “chẳng có nghĩa chân thật”? Trái nghịch chân tướng sự thật. Lời này là thật, tuyệt đối chẳng giả; nhưng lời như vậy người tu lâu có thể hiểu, kẻ mới học sẽ khá khó hiểu. Người nào có thể hoàn toàn tiếp nhận, chẳng hoài nghi? Phải là người thượng căn trong Phật pháp; nhưng căn tánh có

thể nâng cao lên nhờ huân tu. Chúng ta là kẻ hạ căn, chẳng sao hết! Chỉ cần tuân thủ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, [điều này] khiến cho chúng tôi nhớ đến một câu ngạn ngữ của Trung Quốc:

"Bất thính lão nhân ngôn, ngật khuy tại nhãn tiền" (chẳng nghe lời người già, bị thua thiệt trước mắt), lão nhân là ai? Chư Phật, Bồ Tát là lão nhân, cổ thánh tiên hiền là lão nhân. Tôi có lý do để tin văn hóa Trung Quốc chẳng phải chỉ là năm ngàn năm, văn hóa Cổ Ấn Độ truy ngược về thời đại Bà La Môn là hơn một vạn năm, Trung Quốc trọn chẳng thua kém họ. Chúng ta nói [văn hóa Trung Quốc có lịch sử] năm ngàn năm là gì? Vì thời đại thượng cổ chẳng có văn tự, chẳng có ghi chép, đều dựa vào truyền khẩu, từ đời này truyền sang đời kia; Ấn Độ vẫn là như vậy, vì họ không coi trọng lịch sử, còn người Trung Quốc coi trọng ghi chép lịch sử. Do đó, Khổng phu tử nói bản thân lão nhân gia "thuật lại chứ không trước tác, tin tưởng, chuộng cổ". Tôi cảm thấy hai câu ấy của Luận Ngữ vô cùng quan trọng, đó là gì? Tu học thành tựu nhờ vào đâu? Thái độ tu học. Câu này nói rõ cả đời Khổng Tử chẳng sáng tạo, chẳng phát minh, chẳng có gì lỗi lạc, những gì Ngài học, tu, dạy, truyền lại, hết thảy đều là của cổ thánh tiên hiền. Trong Luận Ngữ có rất nhiều câu tôi tin là từ cả ngàn vạn năm trước truyền lại, lão nhân gia thâu thập, hệ thống hóa, chỉnh lý, dùng văn tự ghi lại lời cổ thánh tiên hiền để lưu truyền hậu thế. Vì vậy, nói: Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư đã "tập đại thành". Công đức này vô lượng, vô biên, chẳng có văn tự của Ngài ghi chép, những thứ được truyền lại cũng rất ít, đây là cống hiến lớn nhất của Ngài đối với người đời sau. Chúng ta nên có thái độ này, thái độ này của Phu Tử là tâm thanh tịnh, chẳng tự tư tự lợi, chẳng vì tiếng tăm, lợi dưỡng. Ngài yêu thích những giáo huấn của cổ nhân, nói cách khác, Ngài ưa chuộng thánh nhân, Ngài là thánh nhân. Nếu Ngài chẳng phải là thánh nhân, làm sao có thể ưa thích thánh nhân? Giống như năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham phỏng tỳ-kheo Cát Tường Vân. Tỳ-kheo Cát Tường Vân là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, chính Ngài đã chứng đắc. Nếu Ngài chẳng phải là Sơ Trụ, sẽ chẳng thấy Sơ Trụ; chẳng phải là Sơ Địa sẽ chẳng thấy Sơ Địa. Khổng Tử có thể thấy, hiểu nghĩa chân thật trong những giáo huấn của thánh nhân, Ngài đã đạt tới cảnh giới ấy. Đã đạt thì dùng những giáo huấn của người khác là được rồi, cần gì phải dùng của chính mình! Nêu gương tốt cho người đời sau; đó là chính xác, chúng ta phải nên học theo điều này! Vì vậy, tôi giảng bộ kinh này, lần này là lần thứ mười một, phương pháp sử dụng trong lần thứ mười một khác hẳn, giảng bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ; đây là "thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ", chẳng có gì của chính mình, cớ gì cứ phải của chính mình! Hoàng lão cư sĩ chú giải, tôi đồng ý, chẳng phải là giống hệt như của chính mình ư? Cớ gì cứ phải nêu ra những thứ của chính mình? Nêu ra những thứ hay đẹp của người khác, mong muốn hết thảy mọi người học tôn trọng cổ thánh tiên hiền, sẽ có đại lợi ích! Chẳng tạo tiếng tăm, lợi dưỡng cho chính mình, chẳng làm chuyện tự tư tự

lợi, khiến cho tâm của chính mình được khôi phục sự thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần! Lìa tứ cú, tuyệt bách phi, được tổng kết ngay sau đó, "phi tư lượng phân biệt chi sở năng giải" (chẳng phải là suy lường, phân biệt mà hòng hiểu được). Chúng ta dùng tâm ý thức, tâm ý thức chính là nghiên cứu trong hiện thời, nghiên cứu là gì? Dùng

thức thứ sáu (ý thức) để phân biệt, dùng thức thứ bảy để chấp trước. Có thể nghiên cứu những thứ chân thật hay chăng? Chẳng thể nào! Đấy là chỗ khác biệt giữa khoa học và truyền thống Trung Quốc. Truyền thống Trung Quốc có thể kiến tánh, có thể khôi phục trí huệ trong tự tánh, khoa học không làm được, vì sao không làm được? Khoa học dùng tâm ý thức. Dùng tâm ý thức sẽ đạt được tri thức, chẳng phải là trí huệ, hai chuyện [khác nhau]. Cổ Ấn Độ và Trung Quốc cổ xưa coi trọng trí huệ, tri thức là hạng nhì. Hai mươi lăm bộ sử là tri thức, mười ba kinh81 là trí huệ. Tri thức có thể dùng làm tài liệu tham khảo, nhưng quyết sách, quyết đoán nhất định phải là trí huệ. Vì vậy, Trung Quốc mấy ngàn năm ổn định là có đạo lý. Những thứ của tổ tiên thật sự tốt đẹp, nếu chúng ta coi thường sẽ là đại bất hiếu, [tổ tiên] lưu lại những thứ quá tốt như vậy, sao lại hời hợt coi thường? Tiếp theo là "linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng". Đã hết thời gian rồi, ngày hôm nay chúng ta học tới đây, ngày mai chúng ta sẽ học tập tiếp câu này. Nghĩa lý trong đoạn này rất sâu, chúng ta phải chú tâm cùng nhau học tập trong lần tới. À! Ngày hôm nay học tới đây! Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa Phần 10 hết

---o0o---

Phần 11

Tập 21

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Kinh Vô Lượng Thọ Giải, trang mười chín, dòng thứ sáu đếm từ dưới lên, xem câu này từ trang sau. Chúng ta đọc kinh văn: "Linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng. Cô minh lịch lịch, bỉnh hách hư không. Linh quang độc diệu, huýnh thoát căn trần" (Linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng, riêng sáng vằng vặc, rạng ngời hư không, linh quang độc diệu, thoát sạch căn trần), chúng ta xem tới chỗ này. Mấy câu này do cổ đại đức tán thán, miêu tả tự tánh. Thật ra, chẳng có cách nào diễn tả tự tánh, nói cách nào cũng chẳng trọn vẹn, chỉ có thể nói được một phần rất ít. Tổng hợp cách

nói của nhiều vị cổ đức, chúng ta có thể lãnh hội đôi chút, tổ sư bảo chúng ta: Chuyện này phải đích thân chứng thì mới có thể hiểu rõ, đó gọi là: "Như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri" (như người uống nước, nóng lạnh tự biết); quý vị chưa chứng đắc, nói kiểu nào, dù là Phật nói, hay Bồ Tát nói, [đối với quý vị] cũng đều rất khó hiểu, [vì] nó chẳng phải là cảnh giới của chúng ta. Trong đoạn này, cũng giảng rất rõ ràng, đó chính là Lý Thể của vạn hữu trong vũ trụ, tất cả hết thảy các pháp đều từ chỗ này biến hiện ra.Vì vậy, nó có thể sanh, có thể hiện, A Lại Da là có thể biến (năng biến). Cái "có thể sanh, có thể hiện" sẽ nhất định là đã có A Lại Da. Nếu không có A Lại Da, sẽ chẳng thể "có sanh, có hiện". Cõi Thường Tịch Quang được nói trong Tịnh Tông chính là tự tánh, chữ "đại quang minh tạng" cũng nhằm hình dung tánh thể này. Nó chẳng phải là hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng phải là hiện tượng tinh thần. Chẳng phải là hiện tượng vật chất, nên năm căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của chúng ta chẳng có cách nào tiếp xúc nó. Nó chẳng phải là vật chất, nhưng cũng chẳng phải là hiện tượng tinh thần, nên chúng ta tư duy, tưởng tượng chẳng được. Vì vậy, trong kinh Phật thường dùng bốn chữ "bất khả tư

nghị”, “tư” ( ) là tư duy, quý vị nghĩ không ra. Tư duy có giới hạn, tuy nó có công năng rất lớn, đấy là thức thứ sáu, kinh dạy chúng ta: Đối với bên ngoài, tư duy có thể duyên tới hư không, pháp giới; đối với bên trong, nó có thể duyên tới A Lại Da, nhưng chẳng thể duyên tự tánh. Vì vậy, nhất định phải là đích thân chứng thì mới có thể biết. Đến khi nào sẽ có thể chứng đắc? Kinh dạy chúng ta: Từ Bát Địa trở lên. Có tất cả năm mươi mốt giai tầng Bồ Tát, giống như chúng ta đi học, lớp Một, lớp Hai, [có tất cả] năm mươi mốt lớp. Phải đạt tới Bát Địa, Bát Địa rất cao, cao nhất là Thập Địa Bồ Tát. Đệ Bát Địa đã thấy, kiến tánh. Nói “kiến tánh” tức là đã thật sự thấy. Nếu nói theo nghĩa rộng, Sơ Trụ trong Viên Giáo đã thấy rồi. Sau khi thấy, hãy còn có tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn! Tuy tập khí chẳng chướng ngại sự, tức là nói trong tự tánh vốn sẵn đủ trí huệ, đức năng, tướng hảo, nó chẳng bị chướng ngại. Có thể nói: Những điều này sau khi được thấu lộ, sẽ chẳng khác gì Phật quả rốt ráo, đó là vũ trụ thuở tối sơ được bắt nguồn như thế nào. Họ biết [những điều ấy] là do thầy nói, chứ họ chưa đích thân chứng được. Đạt tới Bát Địa sẽ đích thân chứng; vị ấy chứng đắc giống hệt như thầy đã giảng, chẳng khác nhau. Khi ấy là đích thân chứng đắc. Câu thứ nhất: “Linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng” nói về tác dụng của nó (tự tánh). Nay chúng ta gọi “linh” là “cảm ứng”; đối với sự cảm ứng tột bậc vi tế, tự tánh đều có thể hiểu được, biết rõ ràng, rành rẽ sự cảm ứng ấy. Nó khởi tác dụng ra sao? Tác dụng là đối với những dao động vô cùng vi tế trong trọn khắp pháp giới, hư không giới, nó đều có thể hiểu rõ. Các khoa học gia hiện thời cũng phát hiện, họ nói trong thế gian này không có vật chất, tất cả hết thảy các hiện tượng đều là hiện tượng dao động,

các khoa học gia cận đại đã nói như vậy. Phật pháp bảo khởi nguyên của vũ trụ là một hiện tượng dao động vô cùng vi tế! Trong Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư đã giảng rất rõ ràng. Trong sách ấy, ba đoạn đầu quả thật [nhằm giải thích] hai câu này: Từ Nhất Thể khởi Nhị Dụng, Nhị Dụng là hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần sanh khởi. Khi sanh khởi, tác dụng gồm ba điều: 1) Thứ nhất là “châu biến pháp giới” (trọn khắp pháp giới), “đỗng triệt” ( ) là trọn khắp pháp giới. “Linh minh đỗng triệt” là trọn khắp pháp giới hư không giới nó đều hoàn toàn biết, nó có tác dụng ấy! Hiện tượng vật chất cũng như vậy, mà hiện tượng tinh thần vẫn như vậy. Nói theo Phật pháp, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần dung hợp với nhau; tuy là hai thứ, nhưng chúng chẳng tách rời! Trong khi chúng ta học tập vấn đề này, dùng điện ảnh hiện thời để làm tỷ dụ, đặc biệt là TV, vì trong hiện tại, gia đình nào cũng hầu như hằng ngày chẳng rời khỏi TV. Tôi tỷ dụ màn hình như tự tánh, các hình ảnh trong TV ví như các hiện tượng dao động sanh khởi, tức là hiện tượng tinh thần và vật chất vĩnh viễn chẳng thể tách lìa tự tánh. Hễ tách lìa thì chúng (các hiện tượng vật chất và tinh thần) sẽ không còn nữa, chúng ắt phải hiển thị trên màn hình. Không có màn hình, chúng chẳng thể hiển thị. Màn hình là chân tánh; những hình tượng ấy là huyễn tướng. Một đằng là chân, một đằng là vọng. Chân là gì? Tướng được hiện trên màn hình sanh diệt trong từng sát-na. Nó có sanh diệt nên là hư huyễn, chẳng thật sự tồn tại. Màn hình là vĩnh hằng, vĩnh hằng không thay đổi, đó là Chân. Nhưng quý vị phải hiểu: Chân vọng bất nhị, chân vọng nhất thể, diệu dụng ở chỗ này. Khi nó khởi ra tác dụng thì sự dao động ấy đúng là trọn khắp pháp giới. 2) Loại

thứ hai là “xuất sanh vô tận”. Trong tự tánh có A Lại Da. A Lại Da là thức biến. A Lại Da là cái thức năng biến (có thể biến), hết thảy các hiện tượng là sở biến (cái được biến hiện). Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là sở biến. Năng và Sở bất nhị, năng biến và sở biến là một, không hai. A Lại Da ở đâu? A Lại Da ở trong Tướng Phần, trong Kiến Phần và Tướng Phần đều có, đều chẳng tách rời. Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, Cảnh Giới Tướng tuy một mà ba, tuy ba mà một, quyết định chẳng thể độc lập. Vì thế, gọi là hư huyễn, huyễn tướng, mộng, huyễn, bọt, bóng. Bất luận dưới trạng thái nào, Thể của chúng đều là “trạm tịch thường hằng”, “trạm” ( ) là thanh tịnh, “tịch” ( ) là tịch diệt. Chúng ta dùng cương lãnh tu học trong tựa đề kinh này để nói sẽ dễ hiểu: Trạm là thanh tịnh, Tịch là bình đẳng, Thường Hằng là vĩnh hằng bất biến. Những chữ này nhằm miêu tả tự tánh và sự khởi tác dụng của tự tánh. Thể, Tướng và Dụng

như kinh Hoa Nghiêm đã giảng đều thuộc trong một câu này (trạm tịch thường hằng). Vì vậy, câu này quả thật chẳng dễ hiểu cho lắm! Tiếp theo là “cô minh lịch lịch” (riêng sáng vằng vặc) cũng là hình dung. “Cô” (: một mình) là chỉ có tự tánh, thực sự chỉ có tự tánh là bất sanh, bất diệt, chẳng có đối lập, chẳng có tương đối. Hễ khởi lên tác dụng thì có tương đối, quý vị thấy tinh thần và vật chất là tương đối. Tuy tương đối, chúng dung hợp với nhau, trong tinh thần có vật chất, trong vật chất có tinh thần. Hôm qua, có một vị đồng học tìm được trên mạng Internet, hôm nay đã làm thành DVD, tối qua tôi có xem một chút, hình như [đoạn phim ấy] dài bốn mươi lăm phút. Đó là báo cáo gần đây nhất của một nhà khoa học Mỹ đang khảo sát, nghiên cứu nhằm chứng tỏ nước có ký ức. Nếu sau khi phát hiện này được xác nhận, trong Vật Lý Học sẽ dấy lên một cuộc cách mạng rất lớn, cách mạng gì vậy? Hiện thời, chúng ta nói khoáng vật chẳng phải là sinh vật, nhưng nghiễm nhiên là trong ấy có thấy, nghe, hay, biết, lại còn có ký ức. Có ký ức thì có thể báo thù hay không? Chúng ta xử tệ với nó, nó có báo thù hay không? Nếu có báo thù sẽ phiền lắm. Ngày nay, chúng ta phá hoại núi, sông, đại địa trên địa cầu, phá hoại chúng. Nếu chúng ghi hận, sẽ báo thù; chúng nó sẽ báo thù bằng động đất, bằng thiên tai, rất đáng sợ! Do vậy, trong kinh giáo, đức Phật một mực dạy chúng ta hãy “cung kính hết thảy”. Trong Phật pháp nói tới luân lý, luân lý là nói về quan hệ. Người thế gian chúng ta nói tới luân lý thì chỉ nói về quan hệ giữa con người, Ngũ Luân là quan hệ cha con, quan hệ vợ chồng, quan hệ vua tôi, quan hệ anh em, quan hệ bằng hữu, nói tới những mối quan hệ này. Nhưng quan hệ được giảng trong Phật pháp không chỉ là quan hệ giữa con người với nhau, mà còn là quan hệ giữa con người và hết thảy động vật, Phật pháp giảng khá nhiều quan hệ! Quan hệ giữa con người và các chiều không gian khác nhau, trong các chiều không gian khác biệt lại có sinh vật, còn có mối quan hệ giữa con người và hoa cỏ cây cối, đó là quan hệ với thực vật, quan hệ giữa con người và núi, sông, đại địa, quan hệ giữa con người với trọn khắp pháp giới hư không giới, luân lý được giảng hết sức rộng! Sau khi đã biết quan hệ, đức Phật sẽ dạy cho chúng ta một tâm thái: Cung kính hết thảy! Quý vị thấy sám nghi trong Phật pháp vừa mở đầu bèn: “Nhất tâm đảnh lễ, nhất thiết cung kính” (nhất tâm đảnh lễ, hết thảy cung kính). Chúng ta cung kính hoa, cỏ, cây cối, cung kính núi, sông, cung kính vạn pháp trong vũ trụ, không có gì chẳng dùng tâm cung kính. Nguyện thứ nhất của

Phổ Hiền Bồ Tát là "lễ kính chư Phật", bao gồm quan hệ luân lý được giảng trong nhà Phật. Đối xử tử tế với vạn vật, hoa, cỏ, cây cối, chúng nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức; trong những năm qua, chúng tôi cũng chứng thực chuyện này. Chúng tôi trồng trọt rau dưa, cây ăn trái đều có cảm ứng, chúng ta khởi tâm động niệm chúng nó sẽ biết, đều có cảm ứng. Chúng tôi

đối xử tử tế với chúng, chúng cũng báo đáp rất tốt đẹp: Lá đặc biệt xanh, hoa đặc biệt thơm, quả đặc biệt ngọt, chúng nó báo đáp đấy! Nếu những loài chim nhỏ, trùng nhỏ muốn ăn những loài rau dưa, hoa quả ấy, chúng tôi ước định với chúng nó, chúng tôi cũng chiếu cố chúng nó, chúng nó cũng chiếu cố chúng tôi. Do vậy, vườn rau của chúng tôi nhất định chừa ra một khu nhỏ, khu ấy chuyên dành cho tiểu trùng ăn. Chúng đến đó ăn, chẳng quấy nhiễu những nơi khác. Cây ăn trái cũng vậy, chúng tôi chỉ định mấy cây chuyên dành cho các loài chim nhỏ, chim tới ăn trái cây, sẽ ăn trên mấy cây ấy. Nếu cây không được chỉ định sẵn, chúng nó chẳng quấy nhiễu. Do chúng tôi đối xử hết sức tốt đẹp với những loài trùng nhỏ, chim nhỏ ấy, đôi bên tôn trọng lẫn nhau, chiếu cố lẫn nhau, cho nên hoa quả chẳng cần thuốc sát trùng. Thuốc sát trùng có hại, khi chim nhỏ ăn vào sẽ mắc bệnh, con người ăn vào lâu ngày cũng sanh bệnh, bản thân trái cây cũng bị biến chất. Vì thế, chớ nên dùng những thứ ấy! Không chỉ chớ nên dùng thuốc sát trùng, mà phân hóa học cũng chớ nên dùng. Chúng ta chẳng cần đến những thứ ấy, dùng thiện tâm đối đãi những tiểu động vật và hoa, cỏ, cây cối, sẽ thấy đặc biệt tốt đẹp. Những nông phu lân cận đến thăm nông trường của chúng tôi đều vô cùng kinh ngạc: Các vị dùng phương pháp gì mà trồng tốt đẹp ngần ấy? Tôi bảo họ, tôi dùng phương pháp Niệm Phật để trồng. Trong vườn rau, vườn cây ăn quả, chúng tôi đặt máy niệm Phật, suốt hai mươi bốn giờ phát ra Phật hiệu "A Di Đà Phật" cho cây cối nghe. Chúng tôi chỉ dùng A Di Đà Phật để trồng trọt, những năm qua trồng trọt rất thành công! Vậy thì quý vị hãy nói, đó là đạo lý gì? Ở đây nói "linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng" chính là đạo lý và nguyên lý ấy, nó chẳng lìa tự tánh, từ trong tự tánh biến hiện. Do vậy, chúng ta tùy thuận Tánh Đức thì thứ gì cũng tốt đẹp, trái nghịch Tánh Đức sẽ xảy ra phiền phức liền! Khoa học kỹ thuật trái nghịch Tánh Đức, có thể trồng trọt quả, hạt to đùng, nhưng chẳng ngọt, chẳng có mùi vị gì, thoạt nhìn ngon lành lắm, ăn vào chẳng có mùi vị gì! Đó là gì? Đấy là thiên nhiên báo thù, chúng ta đừng nên đối đãi với chúng như thế! Mấy câu tiếp theo đều là tán thán: "Bỉnh hách hư không" (rạng ngời hư không). Đây là tán thán "hàm dung Không Hữu" (dung chứa Không và Có) trong ba thứ trọn khắp [như sách Hoàn Nguyên Quán đã nói]; đấy cũng là như nhà Phật thường nói: "Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới" (tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp các cõi có số lượng nhiều như cát), chẳng có ngằn mé. "Linh quang độc diệu, huýnh thoát căn trần" (linh quang riêng chiếu, vượt thoát căn trần), đây là đặc biệt nói với người tu hành, người tu hành hãy nên làm như thế. "Linh quang độc diệu" là nói về trí huệ, trí huệ viên mãn. Trí huệ viên mãn do đâu mà có? Quý vị có thể buông căn trần xuống, trí huệ và đức tướng trong tự tánh thảy đều hiện ra, "căn" là lục căn, "trần" là lục trần. Thật ra, ở đây vẫn nói về lục thức; nói cách khác,

chớ nên chấp tướng! Căn và trần là hiện tượng vật chất. Lục thức: Trong căn trần bao gồm thức. Căn, trần, thức hợp thành mười tám giới. Thức là hiện tượng tâm lý. Hiện

tượng vật chất và hiện tượng tâm lý thảy đều phải buông xuống, vì sao? Chúng là giả. "Linh quang độc diệu" là chân, linh quang độc diệu là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh, vạn đức, vạn năng. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy: "Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai". Chữ "linh quang" chỉ điều ấy, chỉ cần quý vị buông phân biệt, chấp trước xuống, nó sẽ hiển hiện. "Cố Liên Trì đại sư tán viết: Đại tai chân thể, bất khả đắc nhi tư nghị giả, kỳ duy tự tánh dư" (Vì thế, Liên Trì đại sư ca ngợi: "Lớn thay chân thể! Chẳng thể nghĩ bàn thì chỉ có mỗi tự tánh mà thôi"). Những câu này đều nhằm tán thán tự tánh. Tự tánh cũng là bất đắc dĩ, gượng đặt tên là "tự tánh", như trong phần trước đã nói: Ngay cả cái tên "tự tánh" cũng đừng nên chấp trước; hễ quý vị chấp trước thì cũng trật rồi! Đoạn tiếp theo là: "Thật Tướng chi chỉ, như thượng thô minh" (Tông chỉ của Thật Tướng đã được giảng thô thiển như trên đây), tông chỉ của Thật Tướng đã được giảng đại khái trong đoạn trước. Hết thảy các kinh Đại Thừa đều căn cứ trên Thật Tướng của các pháp để nói, đấy là chân tướng của hết thảy các pháp. Đức Phật giảng kinh căn cứ vào đâu? Căn cứ trên chân tướng của hết thảy các pháp để nói. Nói những gì? Những gì Phật nói cũng chẳng rời khỏi chân tướng của hết thảy các pháp. Chúng ta có thể nói: Thích Ca Mâu Ni Phật, thậm chí hết thảy kinh giáo do mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai đã nói, đều nhằm giảng những gì? Thật Tướng của chư pháp. Nếu dùng một câu đơn giản, gần gũi để nói thì là "giảng về chân tướng của vũ trụ vạn pháp", giảng về điều ấy. Tiếp đó, lại nói về bản kinh này: "Chí ư bổn kinh thể tánh" (còn như Thể Tánh của kinh này), đối với bộ kinh Vô Lượng Thọ này, "hà đắc xưng vi Thật Tướng da?" (cớ sao gọi là Thật Tướng), cũng có thể gọi là Thật Tướng ư? "Hạ thân kỳ thuyết", [nghĩa là] tiếp đó bèn nói rõ, quả đúng như vậy! "Thế Thân Bồ Tát", ngài Thế Thân (Vasubandhu) còn gọi là Thiên Thân, trong Vãng Sanh Luận có mấy câu như thế này: "Trang nghiêm Phật độ công đức thành tựu, trang nghiêm Phật công đức thành tựu, trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu, thử tam chủng thành tựu nguyện tâm trang nghiêm, ưng tri" (trang nghiêm cõi Phật công đức thành tựu, trang nghiêm Phật công đức thành tựu, trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu. Nên biết...). Ba thứ thành tựu ấy là thành tựu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới: Phật độ (cõi nước Phật) là y báo, Phật, Bồ Tát là chánh báo. Phật là buông toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Bồ Tát là đang buông xuống, chưa buông sạch sành sanh, chưa triệt để, đấy là Bồ Tát. Bồ Tát (Boddhisattva) là tiếng Phạn, Huyền Trang đại sư giải thích, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác Hữu Tình. Hữu Tình (Sattva) là

còn có tình thức, tình thức chưa đoạn, nhưng đã giác ngộ. Phật thì sao? Phật là Giác, dùng một chữ này là được rồi, phía sau chẳng có Hữu Tình. Phật thật sự giác ngộ viên mãn rốt ráo; Bồ Tát tuy giác ngộ, nhưng tình thức chưa đoạn, Huyền Trang đại sư dịch theo cách ấy. Chúng ta gọi những bản dịch trước thời Huyền Trang đại sư là Cổ Dịch, cổ đại đức dịch chữ Bồ Tát thành Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, Đại Đạo Tâm là Giác, Chúng Sanh là Hữu Tình, cũng dịch rất hay! Quả thật là từ Huyền Trang đại sư trở đi, dùng cách gọi Bồ Tát là Giác Hữu Tình khá nhiều! Ba thứ thành tựu này là y báo và chánh báo trang nghiêm. Quý vị thấy thầy là một vị Phật trang nghiêm, đó là công đức của thầy đã thành tựu, Bồ Tát là học trò. Do vậy, trong thế giới Tây Phương, trong thế giới

Hoa Tạng, chúng ta chỉ nhìn thấy người trong các thế giới ấy gồm hai loại người: Một là Phật, hai là Bồ Tát. Trừ hai loại này ra, dường như kinh chẳng nói tới ai khác. Nếu chúng ta quan sát cẩn thận thế giới ấy, sẽ thấy thế giới ấy giống như gì? Thế giới ấy là trường học. Trong trường học, chỉ có thầy và học trò, không có tổ chức chánh phủ nào! Trong thế giới Cực Lạc chẳng nói có quốc vương, trước nay chưa hề nói. Thế giới Hoa Tạng cũng không có một thiên vương nào! Do vậy, những tổ chức như trong thế gian chúng ta chỉ trong lục đạo mới có, bốn thánh pháp giới chẳng có. Trong lục đạo bèn có, Sắc Giới thiên có Đại Phạm Vương (Brahma), Sơ Thiền Thiên có Ma Hê Thủ La Thiên Vương (Maheśvara), Tứ Thiền Thiên; trong Vô Sắc Giới không có! Vô Sắc Giới không có hiện tượng vật chất, chỉ có tinh thần. Nay chúng ta nói tới Duy Vật và Duy Tâm, thì Tứ Thiền và Tứ Không [có thể tạm hiểu là tương ứng với Duy Vật và Duy Tâm]. Tứ Không Thiên là duy tâm, người nơi ấy chẳng có nhục thể, tức là chẳng có hiện tượng vật chất. Do vậy, họ cũng chẳng cần sống trong cung điện, chẳng cần! Chúng ta gọi họ là "linh giới", hoàn toàn là hiện tượng tinh thần. Nếu không có nhục thể thì là u linh; nhưng trong vật chất, nhất định có hiện tượng tinh thần. Trên thực tế, trong hiện tượng tinh thần vẫn có hiện tượng vật chất, nhưng chúng ta chẳng thấy hiện tượng vật chất ấy, Phật, Bồ Tát thấy được, A La Hán cũng thấy được. Đấy là nói rõ tinh thần và vật chất vĩnh viễn chẳng tách rời. Trong sắc có hiển sắc và bất hiển sắc, nhà Phật gọi [bất hiển sắc] là Vô Biểu Sắc (Avijñapti-rūpa). Thật ra, loại sắc này đối với chúng ta cũng chẳng khó hiểu. Mỗi người chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, trong mộng có sắc hay không? Có sắc tướng, chính mình nhìn thấy sắc tướng ấy rõ ràng, nhưng người khác chẳng nhìn thấy, đó là Vô Biểu Sắc. Chúng ta tưởng tượng, nghĩ đến Bắc Kinh, nghĩ đến Cố Cung, Cố Cung bèn hiện tướng ngay trong óc, chính chúng ta nghĩ đến rất rõ ràng, chúng ta biết, nhưng khi ta nghĩ, người khác chẳng biết. Thế nhưng đối với người có công phu, quý vị nghĩ gì, hiện ra tướng gì, người ấy sẽ thấy, nhưng người thường chẳng thể thấy. Điều này

chứng tỏ vật chất và tinh thần vĩnh viễn chẳng thể tách rời. Nói duy tâm hay duy vật đều chẳng thỏa đáng, chúng là một Thể, chẳng thể chia thành hai phương diện. Chia thành hai phương diện là trật rồi! Giống như hiện thời chúng ta nói đến TV, màn hình TV và sắc tướng chẳng phải là một chuyện, nhưng chúng là nhất thể. Quý vị chẳng có cách nào tách rời chúng; hễ tách rời sẽ chẳng có. Câu tiếp theo rất quan trọng, phải nên biết, quý vị cần phải biết: "Lược thuyết nhập nhất pháp cú cố" (nói đại lược [thì ba thứ trang nghiêm ấy] đều gồm trong một pháp cú), pháp cú gì vậy? Tiếp đó, sách có giải thích: "Nhất pháp cú giả, vị thanh tịnh cú" (một pháp cú là thanh tịnh cú). Thanh tịnh cú (câu thanh tịnh) là gì? "Thanh tịnh cú giả, vị chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân cố" (Thanh tịnh cú là "Pháp Thân vô vi trí huệ chân thật"). Nói rõ ràng, trí huệ chân thật vốn trọn đủ trong tự tánh của chúng ta, đấy cũng là như trong kinh giáo, đức Phật thường nói "kiến, văn, giác, tri", có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Đã thế, trong kiến văn giác tri chắc chắn chẳng nẩy sanh sai lầm, vì sao? Nó là tánh đức, là trí huệ chân thật. Khi giác ngộ, người ấy chẳng lấy thân này làm thân, thân này là sắc thân, là nhục thân, người ấy chẳng coi cái thân này làm thân [chân thật], biết thân này là giả, nên lấy Pháp làm thân. Pháp là gì? Toàn thể vũ trụ. Trong Phật pháp

nói hết thảy vạn vật trọn khắp pháp giới hư không giới thảy đều là thân, do tự tánh biến hiện ra. Thân thể này của chúng ta vẫn là tự tánh, chẳng lìa khỏi tự tánh, giống như chúng ta xem TV, tất cả sắc tướng chẳng thể rời khỏi màn hình. Pháp Thân là gì? Màn hình là Pháp Thân, hết thảy các tướng được hiện trong màn hình đều là Pháp Thân, không có gì chẳng phải là Pháp Thân. Sau khi chúng ta hiểu rõ thân này chính là Pháp Thân, cũng là một trong các Pháp Thân. Tất cả hết thảy thân động vật đều là Pháp Thân, là một, không hai với ta, quả thật là một Thể. Chúng ta khởi tâm động niệm, mỗi thân ấy đều nhận được tin tức, mỗi cá nhân khởi tâm động niệm đều có thể giao thoa lẫn nhau, vô cùng nhạy bén, chẳng sai lầm tí nào! Cho đến cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa, vô lượng vô số tinh cầu, tinh hệ trong vũ trụ, chẳng có gì không liên quan mật thiết với nhau, trao đổi khít khao với nhau trong từng sát-na. Nhà Phật dùng cái lưới làm tỷ dụ, tức là lưới trời của Đế Thích Thiên, giao thoa như vậy. Do vậy, theo vũ trụ quan của nhà Phật, vũ trụ là một Thể, có quan hệ mật thiết như vậy, đấy là Pháp Thân. Pháp Thân vô vi, nhưng không gì chẳng làm. “Vô vi” là nói về tự tánh, “không gì chẳng làm” là nói về A Lại Da. A Lại Da là vọng tâm, tự tánh là chân tâm, chân vọng bất nhị. Vì thế, điều này khác với triết học! Thời đầu Dân Quốc, Âu Dương Cánh Vô đại sư82 trong bài phát biểu nhân dịp giảng diễn lần thứ tư tại đại học Trung Sơn, khi ấy cũng gây chấn động trong giới học thuật. Ông ta nói: “Phật pháp chẳng phải là tôn giáo, chẳng phải là

triết học, mà là nhu cầu tất yếu trong hiện thời”, nêu ra một lập luận như thế. Chẳng phải là tôn giáo thì chúng ta chẳng bàn tới, vì sao chẳng phải là triết học? Triết học có Năng và Sở (chủ thể và khách thể, chủ quan và khách quan), Phật pháp tuy nói đến Năng và Sở, nhưng Năng và Sở là một, chẳng hai. Do vậy, đấy chẳng phải là phạm trù triết học (Category)83, nên chẳng thể bảo Phật giáo là triết học được! Vậy thì nên nói là gì? Phật pháp là Phật pháp, không thể dùng danh từ nào khác để thay thế! Đó là cách nói của Âu Dương đại sư, chúng ta nghe xong cũng cảm thấy rất có lý, ông ta nói Phật giáo là nhu cần tất yếu trong hiện thời, câu nói này hết sức nói thẳng vào trọng tâm! Do vậy, vô vi là Thể, hữu vi là Dụng. Vô vi là thanh tịnh, tịch diệt; hữu vi là cái thứ hai trong ba thứ “trọn khắp” (tam chủng châu biến) [được nói trong Hoàn Nguyên Quán]: “Xuất sanh vô tận”. Sau khi chúng ta hiểu rõ chân tướng, dùng tâm thái gì để đối ứng? “Hàm dung Có và Không”. Tâm lượng của quý vị vốn to như vậy, hết thảy đều có thể bao dung. Bao dung thì sẽ chẳng so đo, đúng là “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, vốn là như vậy, mỗi mỗi đều là như vậy. “Thử luận trực hiển Sự Lý vô ngại chi Nhất Chân pháp giới. Tức Sự nhi chân, đương tướng tức đạo” (Luận này đã hiển thị trực tiếp Nhất Chân pháp giới Sự Lý vô ngại, do chính từ Sự mà nhập Chân, ngay nơi tướng chính là đạo). Đây là nói về chư Phật, Bồ Tát và hoàn cảnh sống của họ trong thế giới Cực Lạc, nay chúng ta gọi đó là vũ trụ. Cụ Hoàng vô cùng tán thán mấy câu này của Thế Thân Bồ Tát trong Vãng Sanh Luận. Khi chúng tôi gặp mặt, cụ cũng thường nhắc tới, cũng thường trích dẫn mấy câu này để chỉ rõ thế giới Cực Lạc là Nhất Chân pháp giới Sự Lý vô ngại. “Tức Sự nhi chân”, Sự là Tướng, Chân là Tánh, Tánh Tướng bất nhị, Tánh Tướng như một. “Đương tướng tức đạo”, Đạo là nói về Tánh, Tướng là nói về Sự. Hai câu này (tức “tức Sự nhi Chân” và “đương tướng tức đạo”) có ý nghĩa tương đồng. “Cực

Lạc thế giới chủng chủng y chánh trang nghiêm, nhất nhất giai thị chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân" (Các thứ y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, mỗi thứ đều là Pháp Thân vô vi trí huệ chân thật). Ở đây, cụ Hoàng đã giảng ý nghĩa lời nói của Thiên Thân Bồ Tát theo Lý, "chân thật" là tự tánh, "trí huệ" là Bát Nhã, "vô vi" là Đức, Pháp Thân là Tướng, chúng là nhất thể. "Nhất nhất tức thị Thật Tướng" (mỗi mỗi chính là Thật Tướng). Pháp vốn là như vậy, tự tánh là Thật Tướng, Bát Nhã là Thật Tướng, Đức cũng là Thật Tướng, Tướng cũng là Thật Tướng. "Cố vân bổn kinh dĩ Thật Tướng vi Thể dã" (Vì thế nói: Kinh này lấy Thật Tướng làm Thể vậy). Đây là nói theo Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát. Tiếp theo đó: "Minh Cừ Am đại sư viết: 'Quỳnh lâm ngọc chiểu" (Cừ Am đại sư đời Minh nói: "Rừng quỳnh, ao ngọc"), "quỳnh lâm" là cây báu

trong thế giới Tây Phương, "ngọc chiểu" là ao sen. Trong Đại Bổn lẫn Tiểu Bổn chúng ta đều thấy điều này. "Trực hiển ư tâm nguyên" (hiển hiện trực tiếp nguồn tâm), "tâm nguyên" là tự tánh. "Thọ lượng, quang minh, toàn chương ư tự tánh" (thọ lượng, quang minh, phô bày trọn vẹn tự tánh), thọ lượng là đức, quang minh là trí, phô bày trọn vẹn tự tánh, thảy đều là tự tánh viên mãn thấu lộ, chúng ta thường nói là "tự tánh phóng quang, quang minh biến chiếu" (tự tánh tỏa ánh sáng, quang minh chiếu khắp) chính là nói đến ý nghĩa này. "Chương" là "chương hiển" (: phô bày rõ rệt). Trong bộ Viên Trung Sao, U Khê đại sư cũng nói đến ý nghĩa này giống như vậy: "Quỳnh lâm, ngọc chiểu, thọ lượng, quang minh, cố nhất thiết chư pháp chi tướng dã, nhiên tắc trực hiển ư tâm nguyên, toàn chương ư tự tánh, cố hà tướng chi khả đắc tai" (Rừng quỳnh, ao ngọc, thọ lượng, quang minh vốn là tướng của hết thảy các pháp, nên chúng đã hiển lộ trực tiếp nguồn tâm, phô bày trọn vẹn tự tánh thì có tướng nào để đạt được?). Tướng chính là phi tướng, phi tướng chính là tướng, đấy là giáo pháp Đại Thừa đến chung cực nhập pháp môn Bất Nhị. Nhập pháp môn Bất Nhị tức là như đức Phật thường chỉ dạy chúng ta "chớ khởi tâm, đừng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước", quý vị sẽ khế nhập. Làm được "chẳng phân biệt, chẳng chấp trước" thì vẫn chưa được, vẫn chưa nhập pháp môn Bất Nhị. Nhập pháp môn Bất Nhị là Pháp Thân Bồ Tát, theo như kinh Hoa Nghiêm đã giảng, đó là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên! Buông phân biệt, chấp trước xuống, nhưng còn có khởi tâm động niệm, quý vị vẫn chưa thoát khỏi mười pháp giới. Chưa ra khỏi mười pháp giới, quý vị sẽ chẳng có cách nào khế nhập cảnh giới Bất Nhị. Đấy là một giới hạn rất lớn, là ranh giới giữa phàm và thánh. Vượt thoát mười pháp giới bèn minh tâm kiến tánh, chúng ta thường nói là "thành Phật". Cư sĩ Giang Vị Nông chú giải kinh Kim Cang, trong bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của chính ông, đã giảng về chư Phật Như Lai. Quý vị thấy ông giải thích chữ "chư Phật" chẳng phải là nhiều vị Phật, mà "chư Phật" là bốn mươi hai tầng cấp, tức Thập Trụ, những địa vị ấy đều thuộc Viên Giáo, [ngoài] Thập Trụ [ra, còn có] Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. Ông ta giải thích "chư Phật Như Lai" là bốn mươi hai địa vị chư Phật Như Lai. Minh tâm kiến tánh bèn thành Phật, minh tâm kiến tánh là đã buông khởi tâm động niệm xuống, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước. Trong cảnh giới này, vì sao còn có bốn mươi hai tầng cấp? Không khởi tâm, không động niệm, cớ sao vẫn còn có tầng cấp? Có tầng cấp thì

chẳng phải là có khởi tâm động niệm ư? Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đức Phật nói có bốn mươi hai tầng cấp. Chúng ta có thể hiểu: Bốn mươi hai tầng cấp ấy chẳng thể nói là có, mà cũng chẳng thể nói là không có, chẳng phải có, chẳng phải không. Nếu quý vị nói có thì do chẳng khởi tâm động

niệm, lấy đâu ra bốn mươi hai tầng cấp? Quý vị nói chúng là không có, thì họ (các vị Pháp Thân Bồ Tát) chưa đoạn tập khí vô minh. Không khởi tâm, không động niệm là đoạn vô minh; vô minh đã đoạn rồi, nhưng còn có tập khí vô minh. Tập khí vô minh có dầy hay mỏng khác nhau, nên vừa mới đoạn vô minh, tập khí còn rất nồng, sau đó, [cảnh giới] càng cao lên, [tập khí vô minh] càng nhạt bớt. Chữ "tập khí" cũng chẳng dễ hiểu, nên cổ đức dùng bình rượu làm tỷ dụ, tỷ dụ này rất hay! Bình đựng đầy rượu, đổ sạch đi, đổ hết, lau chùi sạch bóng bên trong, một giọt cũng chẳng còn, thật sự chẳng có tí rượu nào, nhưng vẫn ngửi thấy mùi. Đó gọi là Tập Khí. Mùi vị ấy không lau mất được, nhưng nó cũng chẳng trở ngại Sự. Quý vị đem thứ khác đựng trong đó cũng chẳng ngại Sự. Tập khí ấy sau một thời gian lâu dài sẽ tự nhiên chẳng còn. Do vậy, trong cõi Thật Báo, họ dụng công đoạn tập khí ấy, chẳng có cách nào khác, nên gọi là Vô Công Dụng Đạo. Trong ấy, chớ nên có một tí ý niệm nào! Hễ quý vị khởi niệm sẽ đọa lạc, vậy là không được rồi! Vì thế, người ấy chắc chắn chẳng khởi tâm, không động niệm. Khi ấy, phiền não đã đoạn hết, chẳng cần phải dụng công đoạn phiền não. Lúc đó, tâm từ bi trong tự tánh hiện tiền, kẻ ấy đã đạt được chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi trong tự tánh, các Tánh Đức xuất hiện, người ấy và hết thảy chúng sanh trong trọn pháp giới hư không giới sanh khởi sự cảm ứng đạo giao, chúng sanh có cảm, người ấy bèn ứng. Hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo có năng lực này: Nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật để nói pháp. Như trong phẩm Quán Thế Âm Phổ Môn [của kinh Pháp Hoa] đã nói về ba mươi hai ứng thân [của Quán Thế Âm Bồ Tát]: Nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy. Bản thân Phật, Bồ Tát chẳng có ý nghĩ "ta phải hiện thân gì", [nếu các Ngài có ý nghĩ như vậy] thì sẽ là phàm phu. Các Ngài không có Ngã, Ngã của các Ngài là Pháp Thân, chứ không có một cái Ngã đơn độc, không có ý niệm ấy! Pháp Thân ở nơi đâu? Pháp Thân trọn khắp pháp giới hư không giới, không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng hiện diện, một niệm của chúng ta bèn khởi cảm ứng. Do vậy, có bốn loại cảm ứng, chắc chắn có cảm ứng. Có khi có cảm ứng, nhưng bản thân chúng ta nghiệp chướng quá nặng nên chẳng thể thấy được, nhưng thật sự có cảm ứng. Biết chân tướng sự thật này, sẽ biết: Trong hết thảy chỗ, hết thảy lúc, chớ nên có ý niệm bất thiện. Đừng nghĩ không ai biết! Dấy lên một niệm bất thiện, chư Phật, Bồ Tát với số lượng chẳng biết nhiều hơn số người trên địa cầu bao nhiêu lần, các Ngài đều biết. Không chỉ chư Phật, Bồ Tát biết, mà như trong mấy đoạn trước chúng tôi cũng đã nói rất rõ ràng, tất cả vật chất đều có kiến văn giác tri, chúng đều biết! Ở nơi đây, chúng ta khởi tâm động niệm, bàn ghế có biết hay không? Biết. Vì sao? Hết thảy vật chất đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, ý niệm dấy lên, chúng bèn cảm nhận, chúng cũng có thể suy nghĩ!

Trong sách Hoàn Nguyên Quán đã giảng chuyện này rất rõ ràng, rất minh bạch, nhỏ đến mức độ nào? Nhà Phật nói "vi trần". Ba thứ châu biến (trọn khắp) trong Hoàn Nguyên Quán đều lấy một vi trần làm tỷ dụ. Một hạt vi trần, nhục nhãn chẳng thể thấy,

khoa học hiện thời gọi nó là nguyên tử, điện tử, hạt cơ bản, năng lượng của một hạt vi trần như thế trọn khắp pháp giới. Sau khi mê, năng lượng ấy biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức, trong tự tánh, nó được gọi là kiến văn giác tri. Trong A Lại Da, chúng được gọi là Thọ, Tưởng, Hành, Thức; Thọ là năm thức trước, Tưởng là thức thứ sáu, Hành là thức thứ bảy, cái cuối cùng là A Lại Da Thức. Thức trong "Thọ, Tưởng, Hành, Thức" chính là A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là năng lượng, hai thức thứ sáu và thứ bảy là phân biệt và chấp trước, nay chúng ta gọi chúng là "thông tin". Năm thức đầu là do vật chất khởi tác dụng, chúng có Thọ. Năm thức đầu là Thọ, chúng có thể tiếp nhận, có năng lực tiếp nhận. Vì thế, mỗi hạt cơ bản đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức; thân thể của chúng ta do bao nhiêu hạt cơ bản hợp thành, mỗi hạt cơ bản đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trong kinh, đức Phật thường nói một sợi lông trên thân con người, nói theo y báo, tức là nói theo phương diện vật chất, mỗi vi trần đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Vì thế, các nhà khoa học hiện thời dùng nước làm thí nghiệm, [nhận thấy] nước có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ của con người, nó có cảm nhận, có Thọ, Tưởng, Hành. Hiện thời, họ còn thí nghiệm thấy nó có ký ức, ký ức ấy là Thức. A Lại Da Thức chứa đựng chủng tử, ký ức ấy chính là Thức khởi tác dụng, nó có toàn bộ Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thảy đều trọn đủ. Đây chính là nói trong vật chất có đủ tâm pháp. Nhà Phật nói Ngũ Uẩn thì Sắc là hiện tượng vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là hiện tượng tâm lý, bất luận trong vật thể nào cũng đều có, nhưng quý vị chẳng nhận biết. Vì thế, Phật pháp quả thật là phi thường! Tới khi nào mới có thể nhận biết hiện tượng này? Nói thông thường thì là khi đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh sẽ trông thấy hiện tượng này, triệt để hiểu rõ, trông thấy duyên khởi của vũ trụ. Duyên khởi của vũ trụ là lúc nào? Ngay trong lúc này, chẳng có quá khứ lẫn vị lai, mà là một niệm ngay trong lúc này! Thời gian và không gian là giả, là ảo giác. Trong Phật pháp, thời gian và không gian được gọi là Bất Tương Ứng Hành Pháp. Nói theo cách bây giờ, Bất Tương Ứng Hành Pháp là khái niệm trừu tượng, không có sự thật, [duyên khởi vũ trụ là] ngay lập tức. Hai câu kế tiếp là: "Thử chánh vô tướng bất tướng" (đấy chính là vô tướng mà chẳng phải là không có tướng), vô tướng nhưng chẳng phải là không có tướng, câu này có ý nghĩa như vậy! "Tướng nhi vô tướng chi chánh thể" (cái chánh thể tuy có tướng nhưng là vô tướng), đó là Thật Tướng. Điều này nêu rõ đức Phật nói kinh Vô Lượng Thọ cũng là dựa trên Thật Tướng để nói. "Cái ngô nhân tâm tánh, lượng đồng pháp giới, linh

minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng, thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương. Cực Lạc quốc độ, phi tại tâm ngoại. Bách giới thiên như, giai ngã bổn cụ" (ấy là vì tâm tánh của chúng ta lượng bằng pháp giới, linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng, theo chiều dọc cùng tận ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Cõi nước Cực Lạc chẳng phải ở ngoài tâm, bách giới thiên như ta đều sẵn đủ). Đây là chân tướng sự thật. Tâm tánh của chúng ta lượng đồng pháp giới, pháp giới (tức là vũ trụ) không có ngằn mé, vì sao? Tâm tánh không có ngằn mé. Cổ nhân Trung Quốc đã nói hai câu: "Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội" (không có gì lớn mà ra ngoài được, không có gì nhỏ nhoi chẳng gồm trong), [đó là] người Trung Quốc miêu tả tâm tánh. Do vậy, tôi nói tổ tiên của chúng ta là Phật, Bồ Tát tái lai, tuyệt đối chẳng phải là giả, họ nói hoàn toàn giống như

Phật, quý vị hãy suy nghĩ hai câu nói ấy: “Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội”, quyết định chẳng có ngằn mé, quý vị tìm ngằn mé chẳng ra! Các nhà khoa học và vật lý học hiện thời bảo: Vũ trụ mênh mông, chẳng có cái gì to lớn vượt ra khỏi nó, Lượng Tử Lực Học (Quantum Mechanics) nói về “kỳ tiểu vô nội”, nghiên cứu hai cực đoan này! Nghiên cứu cách nào đi nữa, vẫn chẳng có cách nào vượt khỏi những gì kinh điển đã nói, vì sao? Nhờ vào các máy móc, nhờ vào toán học đều chẳng có cách nào, đều là còn có giới hạn. Vì sao đức Phật biết? Đức Phật chứng đắc bằng Thiền Định. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước Ngài thảy đều buông xuống; sau khi buông xuống, chân tướng ấy bèn rõ ràng, hiện tiền. Sau đấy mới hiểu: Khởi tâm động niệm là vô thỉ vô minh phiền não. Dùng từ ngữ này rất hay, vô thỉ vô minh phiền não, nó chẳng có khởi đầu, vì sao? Nhất niệm, đó là nhất niệm [vô minh]. Chúng ta bị phiền phức vì sau một niệm lại có một niệm khác tiếp nối, sanh ra tướng tương tục (tướng tiếp nối). Nếu nhất niệm là giác ngộ, tướng tương tục sẽ chẳng sanh, ngay lập tức Thường Tịch Quang hiện tiền. Do vậy, vấn đề chẳng có trước hay sau, quả thật là “đương hạ nhất niệm” (một niệm ngay trong hiện tại), quý vị chẳng nắm bắt niệm ấy được, nó quá nhanh. Trong một giây có bao nhiêu niệm? Nếu khảy ngón tay năm lần [trong một giây], sẽ là một ngàn sáu trăm triệu, làm sao quý vị có thể nắm bắt được? Do nó là giả, chẳng phải là thật, nên chẳng cần phải quan tâm, hễ bận tâm là trật rồi! Bận tâm sẽ sanh phiền não, quý vị bèn đọa vào vô minh, hết thảy đều buông xuống là đúng, chân tâm sẽ hiện tiền. Trong chân tâm có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, nhà Phật gọi [những điều ấy] là công đức, vô lượng công đức trang nghiêm, trang nghiêm là tướng hảo. Vì thế, lượng đồng pháp giới. Pháp giới, nói theo những cái nhỏ nhoi thì chẳng điều nhỏ nhặt nào không bao gồm. Nhà Phật nói trong vi trần có thế giới. Trong vi trần có thế giới, nhưng vi trần chẳng phình to, thế giới chẳng rút nhỏ, chúng bình đẳng như nhau! Phổ Hiền Bồ Tát có thể tiến nhập thế giới trong một vi trần để lễ

Phật, cúng dường, nghe kinh, Phổ Hiền Bồ Tát có năng lực ấy. Vì sao Phổ Hiền Bồ Tát có năng lực ấy? Phổ Hiền Bồ Tát trở về tự tánh; bởi lẽ, mỗi nguyện trong mười đại nguyện vương của Ngài đều tương ứng viên mãn với tự tánh, Ngài có năng lực vào thế giới trong vi trần để lễ Phật, tham học. Chúng ta phải hiểu: Bên trong thế giới ở trong vi trần ấy lại có vi trần, trong vi trần ấy lại có thế giới, trùng trùng vô tận, đấy là Pháp Tánh. Do vậy, nhà Phật thường nói: “Rộng không ngằn mé, sâu không có đáy” là nói đến đạo lý này. Không có [ngăn ngại, giới hạn]! Không có đáy. Pháp Tánh vốn là như thế, vốn là như vậy. “Linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng”, là nói về tác dụng [của Pháp Tánh]. “Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương” (theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương), “thụ” ( ) là nói đến “tam tế” ( ), tức quá khứ, hiện tại, vị lai; một đằng nói về thời gian, một đằng nói về không gian. “Hoành biến thập phương” là nói về không gian. “Trọn khắp thời gian và không gian” là nói về tự tánh. Sau đấy, lại nói với quý vị: “Cực Lạc quốc độ, phi tại tâm ngoại” (cõi nước Cực Lạc chẳng ở ngoài tâm), do tự tánh biến. “Bách giới thiên như, giai ngã bổn cụ” (bách giới thiên như đều là thứ ta vốn sẵn có) là nói về toàn thể vũ trụ. “Thiên như” chính là mười món Như Thị được nói trong kinh Pháp Hoa, ngài Thiên Thai triển khai Thập Như Thị thành Thiên Như (một ngàn món như thị)84. Triển khai mười pháp giới,

mỗi pháp giới đều trọn đủ mười pháp giới, nên [mười nhân mười] thành "bách giới". Đấy là nói tới vô lượng vô biên thế giới trong toàn thể vũ trụ. Những điều được nói trong các phẩm Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Tựu của kinh Hoa Nghiêm đã giảng trọn hết tám chữ ấy, đều là những thứ vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh. Kế đó là lời kết luận, quý vị hiểu ngay: "Tâm tịnh tắc Phật độ tịnh, độ tịnh tức ngã tâm tịnh" (Tâm tịnh ắt cõi Phật tịnh, cõi tịnh thì tâm ta tịnh). Nếu hiện thời chúng ta muốn giải quyết vấn đề của địa cầu, cứu vớt địa cầu bằng cách nào ư? [Vận dụng] hai câu ấy là đủ rồi, tâm chúng ta tịnh, địa cầu sẽ thanh tịnh; địa cầu thanh tịnh, chứng tỏ tâm chúng ta thanh tịnh, vì chúng có cùng một Thể; cho nên cảm ứng hết sức nhạy bén. Ngày nay chúng ta phá hoại địa cầu, quý vị có phá hoại địa cầu hay không? Có! Ta phá hoại địa cầu khi nào? Mỗi ngày quý vị nghĩ đến tham, sân, si, mạn, mỗi ngày nghĩ tổn người lợi mình, chính là quý vị phá hoại địa cầu. Quý vị vì tự tư tự lợi mà tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần, những điều ấy đều là sai lầm, tâm hạnh bất thiện tức là phá hoại địa cầu. Nói gần gũi hơn một chút, quý vị phá hoại thân của chính mình, thân thể này là tiểu vũ trụ, bên ngoài là đại vũ trụ. Tư tưởng bất thiện khiến cho thân thể quý vị chẳng khỏe mạnh, thật đấy! Chẳng giả tí nào! Thân thể con người là một cỗ máy; nếu quý vị biết quý trọng cỗ máy ấy, sẽ có thể sử dụng bao lâu? Trước

kia, thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam cho tôi biết, thầy tinh thông Trung Y, y học rất cao minh, cụ bảo tôi [nếu bảo dưỡng thân thể đúng mực], tối thiểu phải sử dụng hai trăm năm. Quý vị không sống tới hai trăm năm là do chính mình đã làm hư hỏng [thân thể]. Do vậy, chúng ta thấy đạo lý này trong kinh Phật: "Tâm tịnh, ắt cõi Phật thanh tịnh". Nếu chúng ta chỉ dùng cái tâm thanh tịnh, chắc chắn thân thể này có thể sống đến hai trăm tuổi, mà còn có thể nhiều hơn nữa. Trung Quốc có cụ Bành Tổ85 sống tám trăm tuổi. Kẻ bình phàm chúng ta chẳng dám tin [chuyện ấy], có phải là truyền thuyết hay chăng? Nếu chiếu theo kinh Phật để nói thì [Bành Tổ sống đến tám trăm tuổi] là chuyện có thể xảy ra! Thích Ca Mâu Ni Phật có một vị đệ tử vẫn còn ở trên thế gian, chưa nhập diệt, ai vậy? Tôn giả Đại Ca Diếp. Ngài phải đợi Di Lặc Bồ Tát đến thế gian này thị hiện thành Phật, đem y bát của Thích Ca Mâu Ni Phật trao cho Di Lặc Phật. Ngài làm đại biểu, cho nên phải lưu lại thân thể trên thế gian. Phải lưu lại bao nhiêu năm? Phải lưu lại mấy chục ức năm. Có thể hay chăng? Có thể chứ! Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng. Nhìn từ chỗ này, Bành Tổ tám trăm tuổi quá dễ dàng, có trở thành vấn đề hay chăng? Không thành vấn đề! Vì vậy, thọ mạng của chúng ta dài hay ngắn do chính tay ta thao túng, chẳng do người khác, phải biết điều gì? Tâm tịnh là trọng yếu, tâm thanh tịnh chẳng thể có ô nhiễm! Nghĩa là nhất định phải buông vọng tưởng, chấp trước xuống, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng chấp trước nữa, tâm thanh tịnh hiện tiền; chẳng còn phân biệt nữa, tâm bình đẳng hiện tiền. Có phân biệt sẽ bất bình đẳng; có chấp trước sẽ chẳng thanh tịnh. Tựa đề kinh ghi "thanh tịnh, bình đẳng, giác", thật sự đạt tới "thanh tịnh, bình đẳng, giác" sẽ tự nhiên khai ngộ! Đấy là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Do vậy, khởi tâm động niệm của chúng ta có quan hệ mật thiết với thân thể của chúng ta, mà cũng có quan hệ mật thiết với hoàn cảnh, cũng có quan hệ mật thiết với núi, sông, đại địa. Biết mối quan hệ này, biết chân

tướng sự thật này, chúng ta sẽ biết: Chúng ta có thể cứu địa cầu này, có thể hóa giải tai nạn này, phương pháp là dùng "thanh tịnh, bình đẳng, giác". Chính mình phải nghiêm túc học tập, lại còn phải giảng cho người khác nghe, vì sao? Người khác có cộng nghiệp với chúng ta, nhiều người có cái tâm thanh tịnh bình đẳng, tai nạn sẽ chẳng xảy ra, chẳng có! Vì thế, người giác ngộ, sau khi giác ngộ chỉ có một sứ mạng là giáo học, giúp đỡ kẻ chưa giác ngộ, chuyện là như thế đấy. Trừ chuyện này ra, chẳng có chuyện gì khác! "Hà hữu nhất pháp, tại ngã tâm ngoại" (há có pháp nào ở ngoài tâm ta), tổ sư đại đức thường nói: "Tâm ngoại vô pháp, pháp ngoại vô tâm" (ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm), tâm là tự tánh, không có một pháp nào ở ngoài tâm. "Bổn kinh sở thuyên, trực hiển bổn tâm, toàn chương

tự tánh. Đương tướng tức đạo, vô phi Thật Tướng" (Những điều được nói trong kinh này nhằm chỉ thẳng cái tâm, phô bày trọn vẹn tự tánh. Từ ngay nơi Tướng chính là Đạo, không gì chẳng phải là Thật Tướng), mấy câu này nói rất hay! Đức Phật nói kinh Vô Lượng Thọ, nói ra bộ kinh này, các vị tổ sư đại đức thuở xưa đã giới thiệu cho chúng ta biết: Thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này. Hết thảy các kinh chỉ được đức Phật giảng một lần, chẳng giảng lần thứ hai, chỉ mình kinh Vô Lượng Thọ được giảng rất nhiều lần, những dấu vết hiện thời cho thấy tối thiểu kinh này được giảng ba lần! Nhưng kinh Vô Lượng Thọ từ đời Hán tới đời Tống, trong tám trăm năm ấy, tổng cộng được phiên dịch mười hai lần, tức là vốn có mười hai bản dịch. Rất đáng tiếc trong mười hai bản dịch ấy, có bảy bản bị thất truyền. Trong mục lục của Đại Tạng Kinh thì có [ghi tựa đề những bản dịch ấy], nhưng kinh không còn. Thất truyền bảy loại, còn giữ được năm loại. Năm loại ấy trong Đại Tạng Kinh đều có. Năm bản ấy sai khác rất lớn; nếu là bản gốc chỉ có một, chẳng thể nào có sai biệt lớn như vậy, mà phải là như thường nói: "Đại đồng tiểu dị". Quý vị nói kinh Kim Cang có sáu bản dịch khác nhau, quý vị hãy xem kỹ trong Đại Tạng Kinh, [sáu bản ấy] đại đồng tiểu dị. Trong kinh Vô Lượng Thọ, phần quan trọng nhất là bổn nguyện tức là lời phát nguyện của A Di Đà Phật, hiện thời trong năm bản ấy, có hai bản ghi bốn mươi tám nguyện, có hai bản ghi hai mươi bốn nguyện, bản dịch đời Tống là bản cuối cùng, ghi ba mươi sáu nguyện, khi phiên dịch chắc chắn không thể nào có sai lầm được! Do vậy, cổ đại đức dựa vào điều này mà phán đoán: Tối thiểu đức Phật cũng giảng ba lần, tuy bảy bản thất truyền chẳng thấy, nhưng điều này đã chứng tỏ [kinh này được] tuyên giảng nhiều lần. Tuyên giảng nhiều lần, nhất định có dụng ý, đó là pháp môn này quá trọng yếu! Pháp môn này thật sự lợi ích chúng sanh, cũng có thể nói là trong hết thảy các kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, kinh này trọng yếu nhất. Do vậy, lão nhân gia tuyên giảng nhiều lần. Chúng ta phải hiểu "đương tương tức đạo, vô phi Thật Tướng" là cảnh giới gì? Sơ Trụ trong Viên Giáo, hay Sơ Địa trong Biệt Giáo bèn nhập cảnh giới này. Tướng là gì? Hiện tượng. Từ ngay nơi hiện tượng (hình tướng được hiện) ấy, chúng ta hiểu tự tánh, tướng do tự tánh biến. Cổ nhân nói: "Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng", thấy các món đồ liền biết chúng là vàng; vàng và đồ vật chẳng thể tách rời. Tánh ở nơi đâu? Chúng ta đọc ngữ lục của Thiền Tông, tuy đọc không hiểu, nhưng thấy lão hòa thượng trắc nghiệm học trò, coi trò khai ngộ là ngộ như thế nào? Làm như thế nào? Thuận tay lấy một thứ gì đó để so sánh, [ấn chứng]:

“Chẳng sai! Trò thật sự giác ngộ”. Chẳng lấy vật gì, duỗi một ngón tay cũng được! Từ ngay nơi tướng chính là đạo, thầy bèn ấn chứng cho trò, người này thật

sự khai ngộ, thật sự khế nhập, đó là hiện tiền, chẳng rời khỏi khoảnh khắc trong hiện tại, không gì chẳng phải là Thật Tướng. Thật sự ngộ nhập, tâm thái hoàn toàn khác biệt, chẳng có phiền não! Thưa quý vị, đoạn vô minh phiền não thì mới kiến tánh; chẳng đoạn sẽ chẳng thể kiến tánh. Đoạn vô minh phiền não, quý vị liền biết phân biệt lẫn chấp trước đều chẳng có. Từ vô minh sanh ra phân biệt, từ phân biệt sanh ra chấp trước! Khi đã đoạn cội rễ, toàn bộ cành lá chẳng còn, sanh ra gì? Sanh ra trí huệ, trí huệ viên mãn. Kẻ thật sự kiến tánh, bất luận hỏi kẻ ấy vấn đề gì, người ấy đều có thể nói rõ ràng, rành rẽ. Người ấy chẳng học, mà chẳng cần phải học, vì sao? Chẳng lìa tự tánh, trí huệ, thần thông, đạo lực hiện tiền viên mãn. Hễ khai ngộ sẽ bình đẳng với thầy, thầy bảo trò: “Nhữ như thị, ngã diệc như thị” (ông như thế mà ta cũng như thế), bình đẳng! Tánh Đức hoàn toàn lưu lộ, chẳng có tăng giảm; vì thế, kim Phật giống như cổ Phật tái lai. Thanh Lương đại sư khi giảng tựa đề kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm đã nói một câu: Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp trong bốn mươi chín năm, hết thảy các kinh mà Ngài đã nói đều do cổ Phật đã nói, Phật Thích Ca chẳng nói kinh nhiều hơn cổ Phật một chữ! Chúng ta có thể tin tưởng [điều này] hay chăng? Trước đức Phật Thích Ca, chẳng nghe nói tới một vị nào, về sau, đức Phật dạy chúng ta: Ngài là vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp. Nhưng thời gian mỗi vị Phật xuất thế rất ngắn, thời gian không có Phật rất dài, cớ sao [kinh do Phật Thích Ca đã nói chính là kinh do] cổ Phật đã nói? Ngài kiến tánh, cổ Phật cũng kiến tánh, kiến tánh bèn là Phật Phật đạo đồng. Nếu là đạo đồng thì quý vị có thể nói những lời do bản thân đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói chính là lời giảng của cổ Phật; cũng có thể nói như thế này: Những gì cổ Phật đã giảng chính là lời giảng của Thích Ca Mâu Ni Phật, các Ngài là một, không hai. Mê mới có một, hai; khi ngộ, chẳng còn nữa! Tướng được biểu thị ấy rất hay, hình tướng được biểu thị trở về Tánh Đức, chẳng có chính mình, giống như Khổng lão phu tử đã biểu thị cho chúng ta thấy, lẽ nào Ngài chẳng phải là Phật, Bồ Tát! “Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ” (thuật lại chứ không trước tác, tin tưởng, chuộng cổ), Ngài khai ngộ, cổ nhân cũng khai ngộ, những thứ của cổ nhân chính là của Ngài, những thứ của Ngài cũng là của cổ nhân. Ngài không nói tới chính mình, Ngài nói hết thảy những thứ của ta toàn là của cổ nhân, phá trừ cái tâm ngạo mạn của chúng sanh, dụng ý ấy quá tuyệt! Dụng ý ấy có công đức chân thật, hiện thân thuyết pháp. Chúng sanh chưa buông những phiền não, tham, sân, si, mạn này xuống được, đức Thế Tôn hiển thị thái độ ấy, Khổng Tử giảng những điều này, nếu chúng ta hiểu ý Ngài hãy nên cảm ơn, Ngài chỉ dạy chúng ta khiến cho chúng ta triệt để buông tham, sân, si, mạn xuống, chính mình khiêm tốn, tôn trọng người khác, tự tha bất nhị. Từ trong khiêm tốn mới hiển lộ Tánh Đức; từ lễ tán, hiển lộ đức hạnh và trí huệ chân thật trong

tự tánh. Các Ngài hiện thân thuyết pháp nhằm dạy chúng ta, chúng ta phải nên thấu hiểu. Tiếp đó: “Như Di Đà Yếu Giải vân, Thật Tướng vô nhị, diệc vô bất nhị” (như sách Di Đà Yếu Giải nói: “Thật Tướng không hai, mà cũng chẳng phải là không hai”), vô nhị là nói theo Thể. “Không phải là chẳng hai” là nói theo tác dụng. “Thị cố cử thể tác y, tác chánh, tác pháp, tác báo, tác tự, tác tha, nãi chí năng thuyết, sở thuyết, năng độ, sở độ,

năng tín, sở tín, năng nguyện, sở nguyện, năng trì, sở trì, năng sanh, sở sanh, năng tán, sở tán, vô phi Thật Tướng chánh ấn chi sở ấn dã" (Vì thế, dùng toàn bộ cái Thể để làm y báo, chánh báo, Pháp Thân, Báo Thân, làm tự, làm tha, cho đến người nói (Thích Ca Mâu Ni Phật), cái được nói (pháp được nói), người hóa độ (Phật), kẻ được hóa độ (chúng sanh), người tin tưởng, pháp được tin tưởng, người phát nguyện (hành nhân tu Tịnh Độ), điều được phát nguyện (nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc), người trì (hành nhân Tịnh Độ), pháp được trì (danh hiệu A Di Đà Phật), kẻ sanh về, cõi nước được sanh về, người khen ngợi, cái được khen ngợi (pháp môn Tịnh Độ, thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật v.v...), không gì chẳng được Thật Tướng Chánh Ấn in vào). Hai câu đầu nói nhiều ngần ấy! Thật Tướng vô nhị, mà cũng chẳng phải là bất nhị; vì thế, "cử thể" tức là toàn bộ Thể biến hiện những gì? Biến hiện ra y báo hoặc chánh báo. Đối với "y, chánh" ở đây, chúng ta nhất định phải có khái niệm rất rõ ràng! Chánh báo là gì? Chánh báo là chính mình, y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta. Do vậy, chư vị nhất định phải hiểu chánh báo; nếu quý vị nói chánh báo là hết thảy mọi người, trật rồi! Chánh báo là chính mình, là một người, ngoài ta ra, đều là hoàn cảnh sống, những người khác thuộc về hoàn cảnh nhân sự của ta! Trong hoàn cảnh có hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất, hoàn cảnh tự nhiên, hoàn toàn thuộc về hoàn cảnh. Hoàn cảnh đều là y báo, chánh báo chỉ có một bản thân ta! Thân Thích Ca Mâu Ni Phật là chánh báo của Ngài, thân ta là chánh báo của ta. Nếu nói theo phía ta, Thích Ca Mâu Ni Phật là y báo của ta. Nói theo phía Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta là y báo của Ngài. Do vậy, phải hiểu thật rõ quan niệm này: Chánh báo là một mình ta. "Tác Pháp, tác Báo": Pháp là Pháp Thân, Báo là Báo Thân; "tác tự, tác tha": Bất luận như thế nào, đều là một tự tánh, hoàn toàn do một tự tánh biến hiện. Giống như gì? Giống như y báo và chánh báo hiện ra trong giấc mộng. Điều này chẳng dễ hiểu, tự tánh của ta biến hiện ra như thế nào? Cớ sao ta có thể biến hiện người khác? Biến hiện người nhiều dường ấy? Trong những người ấy còn có oan gia đối đầu, còn có những cư xử chẳng vui lòng, vì sao có chuyện này? Giống như nằm mộng, quý vị thấy: Có lần nào nằm mộng mà trong mộng chẳng có chính mình? Quý vị có thể tìm được lần nào nằm mộng mà không có chính mình? Không có chính mình, sẽ không thể nằm mộng! Trong mộng nhất định có chính mình, quý vị

mộng thấy rất nhiều người, mộng thấy núi, sông, đại địa, đó đều là y báo. Người bình phàm chúng ta đều có kinh nghiệm, đấy là tâm ý thức khởi tác dụng. Thế giới hiện tiền của chúng ta do tự tánh khởi tác dụng, thật ra, trong mộng vẫn chẳng lìa khỏi tự tánh. Truy cứu căn nguyên vẫn là tự tánh, hết thảy đều do tự tánh hiện. Tiếp đó là nói tới "năng thuyết, sở thuyết". Người có thể nói pháp (năng thuyết pháp) chính là Phật, sở thuyết pháp (pháp được nói) là kinh điển. Có thể độ chúng sanh là Phật, Bồ Tát; sở độ (kẻ được độ) là hết thảy chúng sanh. Năng tín, sở tín là chính mình; năng nguyện, sở nguyện cũng là chính mình. Chính mình phát nguyện là năng nguyện, chúng ta mong muốn nguyện của ta được thỏa. Những điều tiếp theo đều có Năng và Sở, Năng và Sở là một, không hai, bất nhị là Thật Tướng. Câu cuối cùng: "Vô phi Thật Tướng chánh ấn chi sở ấn dã" (không gì chẳng được chánh ấn Thật Tướng in vào). Do vậy, nhất định phải chú tâm thấu hiểu: Những câu đức Phật đã nói đều là lời chân thật, đều nhằm giảng về

Thật Tướng của các pháp. Nếu chúng ta nhận biết, khẳng định những điều ấy, tâm quý vị sẽ định, trong tâm sẽ chẳng khởi tâm động niệm, bèn khế nhập cảnh giới. Tuy "chẳng khởi tâm, không động niệm" quá sâu, chúng ta chưa làm được, nhưng đó là sự thật, vậy thì chúng ta hãy làm từ chỗ nông cạn, dễ dàng, tức là: Đừng chấp trước, đừng phân biệt! Chấp trước là Kiến Tư phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chúng ta đổ công sức vào hai chỗ này; thấy sắc, nghe tiếng chẳng chấp trước, chẳng phân biệt. Quý vị tu gì? Chẳng chấp trước là tu tâm thanh tịnh, chẳng phân biệt là tu tâm bình đẳng, quý vị thật sự học. Lại thưa cùng quý vị, đó gọi là thật sự niệm Phật, chẳng phải là quý vị mong cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới ư? Quý vị niệm Phật có phân biệt, có chấp trước, cũng chẳng sao, đới nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế giới Cực Lạc. Nếu quý vị chẳng chấp trước, niệm Phật sẽ vãng sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu quý vị chẳng phân biệt, chúc mừng quý vị, quý vị tới thế giới Cực Lạc sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Vì sao? Quý vị bình đẳng, tâm bình đẳng là cõi Thật Báo, tâm thanh tịnh là Tịnh Độ, Tịnh Độ ấy là tứ thánh pháp giới, còn gọi là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Phân biệt và chấp trước đều có, tâm quý vị vẫn chưa thanh tịnh, vẫn có thể vãng sanh. Pháp môn này quá thù thắng; vì thế, thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp toàn bộ lợi căn lẫn độn căn, vạn người tu, vạn người về. Đoạn phiền não quả thật chẳng dễ dàng, đến cõi Phàm Thánh Đồng Cư bằng cách nào? Đối với cõi Phàm Thánh Đồng Cư, một câu Phật hiệu có thể khống chế phân biệt, chấp trước, giống như đá đè cỏ, [phân biệt, chấp trước vẫn] có, chưa đoạn, nhưng chúng nó chẳng khởi tác dụng là được rồi! Vào lúc nào? Trong một niệm vãng sanh, một niệm cuối cùng là một câu Phật hiệu, trong tâm vẫn là một câu Phật hiệu, không có ý niệm nào khác,

quý vị sẽ vãng sanh. Trong một niệm cuối cùng, quý vị nghĩ tới chuyện khác, sẽ trở lại lục đạo, không thể vãng sanh! Chân tướng sự thật này hết sức trọng yếu! Khi quý vị chẳng hiểu rõ ràng, sẽ thường là luống uổng một đời này, nhất định phải hiểu rõ ràng! Niệm Phật trong lúc bình thường là gì? Lúc thường ngày giống như luyện binh, một niệm lâm chung là giao chiến. Do vậy, có rất nhiều người bình thường niệm Phật rất khá, niệm cả đời, nhưng khi lâm chung không xong, vì còn vướng mắc chưa buông xuống được, tôi đã thấy rồi! Lúc tôi mới xuất gia, tại chùa Lâm Tế thuộc Viên Sơn, Đài Bắc, có một lão cư sĩ lớn tuổi hơn tôi, học Phật lâu hơn tôi. Trong chùa ấy có hội niệm Phật, cụ làm Duy Na, hướng dẫn đại chúng niệm Phật, tới cuối cùng, cụ chẳng vãng sanh. Khi lâm chung, mọi người trợ niệm cho cụ, cụ bảo mọi người: "Các ngươi đừng niệm Phật tiễn ta, ta không thích!", lại luân hồi! Cho đến lúc ấy, không thể làm chủ chính mình, tập khí vô minh phiền não quá nặng, cũng là như chúng tôi hay nói là "không buông xuống được!" Vì thế, buông xuống là phải buông xuống trong hiện tại, chớ nên đợi đến ngày mai hay năm sau, [nếu không], sẽ phiền phức lớn. Chúng tôi bình thường rất tôn kính vị lão cư sĩ ấy, niệm Phật rất giỏi, quý vị thấy cụ có thể làm Duy Na hướng dẫn đại chúng, nhưng một chiêu cuối cùng cụ làm không được, chẳng thật sự buông xuống. Do vậy, "do thượng khả kiến toàn kinh hốt luân tại nhất Thật Tướng trung" (do những điều trên đây, có thể thấy toàn bộ bản kinh gồm trọn trong Thật Tướng). Chữ "hốt luân" ( ) có nghĩa là "hoàn toàn, hoàn mỹ, hoàn chỉnh". Toàn bộ từng

câu từng chữ trong kinh đều thuộc trong Thật Tướng, lời này là thật. “Cố vân dĩ Thật Tướng vi Thể Tánh dã” (cho nên nói lấy Thật Tướng làm Thể Tánh [của kinh này]), nói những điều này, chẳng có gì khác, khiến cho chúng ta tin tưởng đức Phật nói bộ kinh này có căn cứ lý luận, chẳng phải là tùy tiện nói; một mực từ trong tự tánh tự nhiên lưu lộ, nói như vậy cũng hợp lý! Trong đoạn cuối cùng, nêu kinh văn trong kinh này để chứng minh: “Hựu bổn kinh Đức Tuân Phổ Hiền phẩm vân, khai hóa, hiển thị chân thật chi tế” (hơn nữa, phẩm Đức Tuân Phổ Hiền trong kinh này có nói: “Khai hóa, hiển thị Chân Thật Tế”). Chân Thật Tế là tự tánh; khai thị, giáo hóa chúng sanh về Chân Thật Tế. “Đại Giáo Duyên Khởi phẩm vân: Dục chửng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi” (Phẩm Đại Giáo Duyên Khởi nói: “Muốn cứu vớt quần manh, ban cho cái lợi chân thật”). Đức Phật nói kinh này, “quần manh” ( ) là hết thảy chúng sanh, đức Phật giúp đỡ hết thảy chúng sanh, giúp họ lìa khổ được vui. Lìa khổ được vui nói đến chỗ rốt ráo là: Nếu quý vị chẳng rời khỏi lục đạo luân hồi, sẽ chẳng có cách nào thật sự lìa khổ. Tôi giúp quý vị sanh lên trời, sau khi quý vị hưởng hết phước trời, vẫn phải đọa lạc; đấy chẳng phải là rốt ráo. Giúp quý vị thoát ly lục đạo luân hồi, quý vị chẳng thoát khỏi mười pháp giới, sẽ chẳng có chân lạc. Vì thế,

đức Phật giúp đỡ chúng sanh, thật sự chỉ có một mục tiêu: Giúp quý vị thoát ly mười pháp giới, vãng sanh Nhất Chân pháp giới, vấn đề này mới thực sự được giải quyết. Thật Báo Trang Nghiêm cũng là Nhất Chân pháp giới, cư dân nơi ấy không chỉ chẳng có phân biệt, chấp trước, mà ngay cả khởi tâm động niệm cũng đều không có, đó là thế giới gì? Thế giới Phật. Đến thế giới ấy, đều thật sự thành Phật, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, họ có thể cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới. Cảm ứng đạo giao thì họ có khởi tâm động niệm hay không? Không có. Chẳng khởi tâm động niệm, làm sao có thể cảm ứng đạo giao? Chúng tôi lúc mới học Phật có nỗi nghi hoặc này, nghi hoặc suốt mấy chục năm. Chúng tôi đến thỉnh giáo các vị lão hòa thượng, đại đức, họ cũng chẳng giảng rõ ràng. Học tập vài chục năm mới từ từ thông hiểu, đấy là do Tánh Đức trong tự tánh chẳng thể nghĩ bàn. Tánh Đức là Thường Tịch Quang, trong ấy cái gì cũng đều không có, chính là như Huệ Năng đại sư đã nói năm câu: “Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ”. Câu này nói rõ ràng, nhưng trước kia chúng tôi không hiểu, nghe mà chẳng hiểu ý nghĩa này: Trong tự tánh, thứ gì cũng trọn đủ, chẳng có gì khiếm khuyết. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thảy đều ở trong ấy, nhưng nó chẳng hiển lộ. Giống như màn hình TV, chúng ta không mở máy thì chỉ thấy một màn hình [trống trơn], trong ấy thứ gì cũng chẳng có! Lúc ấy, quý vị chẳng thể nói là nó không có; khi quý vị nhấn nút, chẳng phải là [hình ảnh] bèn xuất hiện ư? Nó ở trong cảnh giới ấy, cho nên thứ gì cũng đều chẳng có. Khi ứng thì chư Phật, Bồ Tát có thể hiện hay chăng? Khi ứng thì sẽ hiện. Hiện như thế nào? Cảm ứng. Ai nhấn nút? Người cảm “đã nhấn nút”, chư Phật, Bồ Tát bèn tự nhiên ứng, các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Người cảm cầu Phật, Bồ Tát gia hộ, cho nên một niệm tâm ấy là Cảm, khi các Ngài ứng bèn vô tâm, giống như tỷ dụ của chúng ta trong hiện tại. Nói thật ra, chỉ có thể tỷ dụ phảng phất, chẳng có cách nào tỷ dụ khít khao, không thể [kiếm được tỷ dụ vừa khớp]. Giống như làm thí nghiệm trên nước, nước là khoáng vật, chúng ta đối với nước khởi lên ý niệm: “Ta ưa thích ngươi, ta yêu mến

ngươi”, nước sẽ tiếp nhận, phản ứng bằng cách kết tinh rất đẹp đẽ cho chúng ta thấy. Chúng ta truyền cho nó một ý niệm khác: “Tao chán ghét mày, tao hận mày”, nó bèn truyền tin tức trở lại bằng cách kết tinh rất xấu xí cho quý vị thấy. Nó có khởi tâm động niệm hay chăng? Nước có khởi tâm động niệm hay chăng? Không có! Nó hiểu bằng cách nào? Thuở xưa, đức Phật đã dùng chuông trống làm tỷ dụ. Ngài nói quý vị gõ chuông, cố ý gõ chuông, nó sẽ ngân vang. Quý vị gõ mạnh, âm thanh sẽ to; gõ nhẹ, âm thanh nhỏ, chuông có khởi tâm động niệm hay chăng? Nó có phân biệt, chấp trước hay không? Tự tánh cảm ứng giống như chuông trống, quả thật chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, gõ

mạnh kêu to, gõ nhẹ kêu bé, thật sự chẳng khởi tâm động niệm. Vì sao? Do có đạo lý này: Do trong tự tánh có kiến văn giác tri, nó là bất sanh, bất diệt. Thọ, Tưởng, Hành, Thức có sanh diệt. Hễ mê thì từ tự tánh biến thành A Lại Da, bèn có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trong tương lai, chuyển thức thành trí, Thọ, Tưởng, Hành, Thức bèn chẳng có. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều không có, trở về tự tánh. Điều này quả thật chẳng dễ hiểu lắm, nhưng nó là chân tướng sự thật, các tướng được hiện toàn là huyễn tướng, ngàn vạn phần chớ nghĩ nó là thật. Hễ tưởng là thật thì quý vị đã trật rồi. Coi nó là thật thì sao? Coi các hiện tướng là thật sẽ tạo nghiệp. Nghiệp có nhiễm nghiệp, có tịnh nghiệp, có thiện nghiệp, có ác nghiệp, quả báo khác biệt. Do vậy, đối với hết thảy chúng sanh, đúng là đức Phật đã ban cho hết thảy chúng sanh lợi ích chân thật; chân thật là gì? Khiến cho quý vị minh tâm kiến tánh, trở về tự tánh. Trong phẩm Tích Công Lũy Đức có một câu như thế này: “Trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ” (trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, một mực chuyên dốc chí trang nghiêm cõi nước mầu nhiệm). Ở đây nêu ra rất hay, nói ra ba thứ chân thật: “Chân thật chi tế, chân thật chi lợi, trụ chân thật huệ”, nói đến ba thứ chân thật. Chỉ có trụ trong Chân Thật Huệ thì mới có thể dũng mãnh tinh tấn. Chân Thật Huệ là gì? Là Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Kinh Vô Lượng Thọ dạy quý vị phương pháp “nhất hướng chuyên niệm”, dạy chúng ta phương pháp tu học để trở về tự tánh, phương pháp đại triệt đại ngộ, phương pháp thoát ly lục đạo, mười pháp giới, phương pháp vãng sanh cõi Thật Báo Trang Nghiêm, [tức là] tám chữ “phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Người thật sự làm, sẽ như Liên Trì đại sư đã nói: “Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp tha nhân ngộ” (Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ). Nay ta hiểu rõ, hiểu ý nghĩa thật sự của đức Thế Tôn, đó là chân thật nghĩa, ta chẳng còn kiếm lấy những nỗi phiền phức nữa, đó là “trụ Chân Thật Huệ”. Bao lâu sẽ có thể thành công? Tối đa là ba năm, thật đấy, chẳng giả tí nào! Ba năm sẽ đắc Niệm Phật tam-muội, có thể vãng sanh. [Điều này được] chứng tỏ trong Vãng Sanh Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, quý vị hãy đọc, trong ấy, gần như quá nửa là người ta [niệm Phật] ba năm bèn vãng sanh. Do vậy, trong quá khứ có một vị pháp sư hỏi tôi, vị này cũng đã mất, tức là pháp sư Đức Dung, hình như Sư đã qua đời chẳng ít năm, tuổi tác cũng xấp xỉ tôi. Sư từng hỏi tôi một câu. Sư nói: “Có đúng là những người được chép trong Vãng Sanh Truyện thọ mạng chỉ còn vừa đúng ba năm, sau ba năm, thọ mạng đã hết nên họ phải ra đi?” Tôi nghe hỏi như vậy, không cho cách nghĩ ấy là đúng, đâu có chuyện phù hợp khít khao như vậy? Hai, ba người thì có lẽ còn

có thể, chứ đông như thế, mấy trăm người, làm sao có thể có chuyện như vậy được? Chuyện ấy chẳng

thể xảy ra. Cớ sao họ niệm ba năm bèn vãng sanh? Khẳng định là tròn ba năm, người ấy đã tu được công phu thành phiến, bèn từ bỏ tuổi thọ. Công phu thành phiến tốt đẹp, chúng ta có thể chia công phu thành phiến thành ba bậc, chín phẩm. Thượng Phẩm vãng sanh ra đi tự tại, muốn đi bèn đi, ta có thọ mạng nhưng chẳng cần tới, ta sang thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, đến bên kia để tu hành, thật sự đi được Mấy năm trước, cư sĩ Hoàng Trung Xương ở Thâm Quyến, ba mươi mấy tuổi, còn rất trẻ, đã làm thí nghiệm: Bế quan niệm Phật ba năm, xem thử có thể vãng sanh hay chăng? Ông ta niệm hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng nữa mới viên mãn mà đã đi, thật sự chẳng giả tí nào! Chẳng cần [thọ mạng] nữa, thế gian này, quá khổ. Độ chúng sanh như thế nào? Cuộc biểu diễn ấy của ông ta nhằm độ chúng sanh, chẳng dạy bằng lời lẽ (ngôn giáo), mà dùng thân giáo, nêu gương cho quý vị thấy. Trong Tam Chuyển Pháp Luân, cách này gọi là Thị Chuyển, [tức là] thị hiện tấm gương cho quý vị nhìn vào, thật sự, chẳng phải là giả. Những trường hợp như vậy quá nhiều. Đấy là "trụ Chân Thật Huệ", thâm nhập một môn. Đạt được công phu này, tam-muội là Định, chắc chắn Định sanh trí huệ, trí huệ sanh từ tâm thanh tịnh, tâm chẳng thanh tịnh sẽ sanh phiền não, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Trong Tịnh Tông, đạt được công phu như thế, một là vãng sanh Cực Lạc thế giới, hai là ở lại thế giới này hòng độ chúng sanh. Ở lại thế giới này thì cũng có thể nói là người ấy có nhiệm vụ: Mang thêm mấy người nữa về thế giới Cực Lạc. Chính mình vãng sanh thì lúc nào cũng đều có thể đi, đến đi tự do, muốn đi lúc nào bèn đi lúc ấy, chẳng vướng mắc tí nào! Người ấy trụ trong thế gian này mới thật sự là chịu khổ thay cho chúng sanh. Nếu người ấy chẳng trụ trong thế giới này, sẽ chẳng thể giúp đỡ người khác. Người ấy ở trong thế giới này, đúng là bốn đức đã được nói trong sách Hoàn Nguyên Quán: "Tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc, nhu hòa chất trực, đại chúng sanh khổ" (tùy duyên diệu dụng, oai nghi có chừng mực, mềm mỏng, chân thật, thẳng thắn, chịu khổ thay cho chúng sanh). Người ấy làm những điều này, chịu khổ thay cho chúng sanh. Có phải là thật sự chịu khổ thay cho chúng sanh hay chăng? Chẳng phải! Người ấy thị hiện tướng trạng ấy. Vì sao? Tâm người ấy thanh tịnh, chẳng có phân biệt, chấp trước, làm sao có khổ được! Do vậy, trong tâm người ấy rất tự tại, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, đều là thị hiện. Thích Ca Mâu Ni Phật tam y nhất bát, đêm ngủ dưới cội cây, Ngài sung sướng lắm! Nhưng chúng ta thấy rất khổ, vì sao? Chúng ta chịu không nổi. Phật có thể chịu được, Ngài là thân kim cang bất hoại, cho nên ở trong ấy, Ngài có niềm vui, pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Hôm nay lại hết thời gian rồi, ngày mai chúng ta sẽ học tập tiếp, hôm nay giảng tới đây.

---o0o---

Tập 22

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Tôi vừa mới xem một tờ truyền đơn, nghe nói tờ truyền đơn này đã lưu hành trên Internet khá lâu! Tôi đọc một đoạn cho mọi người nghe nhé: "[Tờ truyền đơn này] đến từ lão pháp sư Tịnh Không. Sau khi tai nạn bộc phát tại Tứ Xuyên, Miến Điện, gần đây tai nạn lại bộc phát càng nghiêm

trọng hơn. Cả thế giới bị ôn dịch, có thể hơn trăm vạn người bị chết, so với tai nạn tại Tứ Xuyên và Miến Điện trong thời gần đây càng đáng sợ hơn. Hiện thời đã có mấy quốc gia như Đại Hàn, Ấn Độ đã bắt đầu [xảy ra tai nạn]". Tôi chẳng biết chuyện này, mà cũng chẳng biết ai đã viết [như vậy], chuyện này tôi không hiểu. Đoạn tiếp theo viết: "Pháp sư Tịnh Không kêu gọi các đồng tu trên thế giới bắt đầu từ tám giờ rưỡi mỗi tối, niệm tụng thánh hiệu Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát một ngàn câu suốt một tuần để hồi hướng cho chúng sanh trên cả thế giới tiêu tai miễn nạn, lìa khổ được vui, quốc thái dân an, mưa hòa, gió thuận. Xin quý vị sau khi nhận được tin tức này bèn báo cho càng nhiều nhân sĩ thiện tâm biết, công đức vô lượng". Câu sau cùng là do người viết truyền đơn thêm vào. Tôi kêu gọi đồng học Tịnh Tông trên toàn cầu niệm Quán Thế Âm Bồ Tát hòng tiêu tai miễn nạn cho thế giới, tôi đã nói điều này, đoạn ấy tôi đã nói, nhưng câu trước và câu cuối cùng, tôi chẳng biết đến. Những gì tôi nói đã được đài truyền hình vệ tinh Hoa Tạng phát sóng. Mặt sau tờ truyền đơn có toa thuốc của Quán Thế Âm Bồ Tát, đối với toa thuốc ấy, tôi không biết Trung Y, có thể nhờ các thầy thuốc Bắc xét coi có hiệu quả hay không? Chuyện này thận trọng một chút sẽ tốt hơn. Tai nạn rất nhiều, nhất là trong thời gian gần đây nhất, hình như hôm nay tại Đài Loan lại bị động đất, còn có núi lở. Nhiều năm qua, tôi thường khuyên lơn các đồng tu phải nghiêm túc học mười sáu chữ: "Phóng hạ tự tư tự lợi, phóng hạ danh văn, lợi dưỡng, phóng hạ đối ngũ dục lục trần hưởng thụ, phóng hạ tham, sân, si, mạn" (Buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông hưởng thụ ngũ dục lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống). Tâm thái của chúng ta đoan chánh sẽ khiến cho thân tâm khỏe mạnh, mang lại hạnh phúc cho gia đình, mang lại thuận lợi trong sự nghiệp, mang lại an định hòa bình cho xã hội, đưa đến sự đối xử hòa thuận trên thế giới, tôi thường nói những điều này. Tai nạn chẳng đáng sợ, chúng ta đoan chánh tâm hạnh sẽ có thể hóa giải tai nạn, trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta: "Tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm". Trong giáo pháp Đại Thừa nói rất nhiều, đối với những lý luận ấy, chúng ta có mức độ khá hiểu biết. Do vậy, chúng ta công nhận hai câu nói ấy của đức Phật, chỉ cần

sửa đổi tâm thái của chúng ta cho đúng, sẽ có thể hóa giải tai nạn. Vì thế, rất nhiều thứ được lưu truyền mượn danh nghĩa của tôi, tôi chẳng biết rõ lắm! Trong quá khứ, cục trưởng cục Tôn Giáo Quốc Gia là ông Diệp đã từng cho tôi biết. Ông ta đến Hương Cảng phỏng vấn. Trong thời gian phỏng vấn, có một hôm mời tôi dùng bữa sáng tại khách sạn, ông ta bảo: "Trong nước có những kẻ giả mạo danh nghĩa pháp sư để làm những chuyện bất thiện, pháp sư có biết những chuyện đó hay không?" Tôi nói tôi thật sự không biết. Ông ta bảo: "Chuyện này sẽ do quốc gia xử lý". Tôi nói tôi rất cảm ơn. Do vậy, ở đây, tôi nói kèm thêm chuyện này cùng mọi người. Tờ truyền đơn này không có khuyết điểm gì to lớn, toàn là khuyến thiện, nhưng lời khuyến thiện và toa thuốc của Quán Âm Bồ Tát chúng tôi chẳng biết tới, toa thuốc Quán Âm Bồ Tát do đâu mà có? Tôi hoàn toàn không biết. Quý vị liễu giải là được rồi, cám ơn mọi người. Nay chúng ta bắt đầu xem kinh, xin coi Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang hai mươi, dòng thứ hai từ dưới đếm lên, coi từ giữa câu: "Tích Công Lũy Đức phẩm vân: Trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ" (Phẩm Tích Công Lũy

Đức có nói: “Trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, một mực chuyên dốc chí trang nghiêm cõi nước mầu nhiệm”). Câu đầu tiên này hết sức trọng yếu! Quý vị thấy chư Phật Như Lai chỉ dạy chúng ta trí huệ chân thật, điều này quan trọng lắm! Trí huệ chân thật ở đâu? Trí huệ chân thật chẳng ở bên ngoài, mà sẵn có trong tự tánh của chúng ta, lại còn viên mãn, hết thảy chúng sanh đều có. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rõ ràng: “Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”. Trong quá khứ, đối với câu nói này, trình độ hiểu biết của chúng tôi như sau: Nói “hết thảy chúng sanh” thì đại khái là người, tối đa là động vật, chúng tôi hiểu như vậy. Hiện thời, chúng tôi hiểu sâu đậm hơn, vì “chúng sanh” được nói trong Phật giáo vốn có nghĩa là “các hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi” thì gọi là “chúng sanh”. Định nghĩa này bao gồm tất cả các hiện tượng, có hiện tượng nào chẳng do các duyên hòa hợp? Kinh thường nói động vật là Tứ Đại, Ngũ Uẩn, đó là các duyên hòa hợp. Nay chúng ta đã biết: Thực vật cũng do các duyên hòa hợp, bộ phận vật chất của thực vật là Sắc pháp, hiện thời thực vật cũng có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Mười năm gần đây, chúng tôi ở Úc. Tại Úc, chúng tôi có một vườn rau rất lớn, trong vườn rau trồng rất nhiều loại rau, đại khái có từ mười mấy tới hai mươi loại, do chính chúng tôi chăm bón. Chúng tôi chăm bón những thứ rau ấy, còn có cây ăn quả, trong bốn năm qua, chúng tôi còn trồng trúc, cho nên năm nay, thu được hoạch măng trúc rất ngon, chúng tôi cũng chẳng thiếu thức ăn. Chúng tôi chuyện trò với những loài thực vật ấy, nhận thấy chúng nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chuyện trò rất tốt đẹp, hỗ trợ hợp tác.

Đối với khoáng vật, chúng ta chẳng có cách nào thí nghiệm! Tiến sĩ Giang Bổn Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm trên nước, phát hiện nước có “kiến, văn, giác, tri”, nó có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ của con người. Mấy bữa gần đây, tôi đã xem một đĩa DVD [do một đồng tu] hạ tải (download) từ Internet, đặc biệt đưa cho tôi xem. Khoa học gia Mỹ đã phát hiện nước có ký ức, ký ức là thức. Nói cách khác, khoáng vật có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Phạm vi ấy to lắm! Đức Phật nói “thân Ngũ Uẩn” bao gồm tất cả các hiện tượng trong trọn khắp pháp giới hư không giới, bất luận hiện tượng tinh thần hay hiện tượng vật chất. Tinh thần và vật chất vĩnh viễn chẳng tách rời, trong phần trước, tôi đã từng thưa bày cùng quý vị điều này. Trong vật chất có Thọ, Tưởng, Hành, Thức; Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tinh thần, trên phương diện tinh thần có Vô Biểu Sắc, nó chẳng phải là không có sắc. Chúng ta nằm mộng, trong mộng có sắc; chúng ta tưởng tượng, trong tưởng tượng có sắc pháp. Do vậy, nói thật ra, Vô Sắc Giới Thiên vẫn có sắc, sắc của họ là Vô Biểu Sắc, người bình thường chúng ta chẳng thấy, nhưng Phật, Bồ Tát có thể trông thấy, A La Hán có thể trông thấy, những người có công phu đều có thể trông thấy. Do vậy, “trụ Chân Thật Huệ” có ý nghĩa rất rộng. Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, một hạt bụi, một giọt nước, hoặc như kinh nói một sợi lông, một vi trần, đều trọn đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai. Chúng ta hiểu như vậy thì mới là chân thật nghĩa của Như Lai, chẳng giới hạn trong động vật, động vật có phạm vi quá nhỏ. “Trụ” ( ) là an trụ. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, tự hành, hóa tha; tự hành là trong cuộc sống hằng ngày của chính chúng ta, hóa tha là ảnh hưởng hết thảy chúng sanh chung quanh; đó là Trụ, toàn là trí huệ chân thật. Đương nhiên người bình phàm chúng ta chẳng làm được câu này, vì sao? Chúng ta mê

tự tánh, tức là mê Chân Thật Huệ. Thật ra, Chân Thật Huệ vẫn khởi tác dụng, khi mê bèn khởi tác dụng gì? Khởi phiền não. Do vậy, phải hiểu, kinh dạy "phiền não tức Bồ Đề", phiền não và Bồ Đề là cùng một chuyện. Hễ giác ngộ, phiền não liền biến thành trí huệ; mê thì trí huệ biến thành phiền não. Quý vị thấy: Do chúng ta mê hay ngộ bèn có thể biến hóa những thứ được sanh bởi tự tánh! Giác ngộ sẽ sanh ra thứ tốt nhất, trí huệ viên mãn. Nếu mê thì trí huệ biến thành vô lượng vô biên phiền não. Do vậy có thể biết: Phật, Bồ Tát trụ Chân Thật Huệ, hiện thân thuyết pháp dạy bảo chúng ta, chúng ta và các Ngài có cùng một tự tánh, chẳng hai, chẳng khác. Các Ngài trụ Chân Thật Huệ như thế nào? Buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, trí huệ chân thật bèn hiện tiền. So với các Ngài, chúng ta khởi tâm động niệm, có phân biệt, chấp trước, những thứ này được gọi là "phiền não". Trong pháp Đại Thừa, khởi tâm động niệm gọi là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền

não. "Kiến" là kiến giải, "Tư" là tư tưởng. [Kiến Tư phiền não] là trong kiến giải và tư tưởng của quý vị có kèm theo các phiền não. Phiền não vô lượng vô biên, nhằm nói cho thuận tiện, đức Phật đã chia phiền não thành ba loại lớn. Buông những thứ ấy xuống, trí huệ bèn hiện tiền. Quý vị thấy: Buông phiền não xuống, phiền não bèn khôi phục nguyên trạng, nguyên trạng (tình trạng vốn có) của nó là trí huệ. Phiền não là gì? Phiền não là tình trạng [trí huệ đang] bị bệnh (ý nói: Bị biến chất, bị ô nhiễm bởi phân biệt, vọng tưởng). Chúng ta khởi lên ý niệm, trật rồi! Trong tự tánh chẳng có khởi tâm động niệm, không có phân biệt, chấp trước; do vậy, những tướng được hiển lộ đúng mực [của tự tánh] sẽ là trí huệ, đức năng, tướng hảo, đó là bình thường. Trong kinh giáo, đức Phật nói tới Nhất Chân pháp giới, hoặc cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai, đó là bình thường. Mười pháp giới thì sao? Không bình thường. Mười pháp giới từ Phật cho đến địa ngục, mỗi tầng sau nghiêm trọng hơn tầng trước, nghiêm trọng nhất không chi hơn địa ngục, tầng này nghiêm trọng nhất, mê sâu nhất. Trong địa ngục, cũng có rất nhiều chủng loại, cũng có [mê hoặc] sâu hay cạn khác nhau. Chỗ mê sâu nhất gọi là A Tỳ địa ngục, mê nặng nề! Do vậy, đức Phật hóa độ chúng sanh, nguyên tắc là gì? Giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ. Họ chẳng mê hoặc, sẽ giác ngộ, bệnh thái (tình trạng bệnh tật) hoàn toàn khôi phục bình thường, sẽ được an vui. Do vậy, đức Phật giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, hoàn toàn dùng giáo dục, chúng ta phải hiểu điều này. Do vậy, chúng tôi thường nghĩ, mà cũng thường nhắc nhở mọi người: Tổ tiên chúng ta, cổ thánh tiên hiền, thật sự đều là Phật, Bồ Tát tái lai. Những gì họ dạy bảo chúng ta chẳng khác gì kinh Phật. Tổ tiên dạy chúng ta: "Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên" (kiến thiết đất nước, cai trị dân chúng, giáo học làm đầu), giáo học! Quý vị chỉ cần thực hiện tốt giáo học, vấn đề gì cũng đều được giải quyết, hãy thực hiện tốt việc giáo dục. Giáo dục là dạy những gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả, đấy là giáo dục phổ thông, cần phải được học tập phổ biến. Còn có một số ít người tiến cao hơn nữa, đó là giáo dục khoa học, giáo dục triết học, những điều ấy nhằm giúp đỡ quý vị nâng cao linh tánh, nhưng cũng đều xếp giáo dục vào vị trí bậc nhất. Phật pháp cũng giống như thế. Bậc đại thánh đại hiền vĩ đại nhất trong thế gian và xuất thế gian, nói theo Phật pháp, toàn là Phật, Bồ Tát; nói cách khác, đều là những người tiến hành công

tác giáo dục. Tại Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền cũng có vị tham gia chính trường, như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang nắm quyền chính trị từ ngôi vua, nhưng cũng có vị chuyên môn tiến hành giáo dục như Khổng Tử, Mạnh Tử, cũng là suốt đời dạy học. Khổng Tử tuy chu du các nước, mong được một chức quan nhỏ nhoi để thực hiện hoài bão của Ngài, nhưng trong lúc chu du các nước, học trò theo Ngài, rất nhiều người chẳng rời thầy, mỗi ngày đều học tập, giống

như Tăng đoàn của Thích Ca Mâu Ni Phật, bất quá tăng đoàn của Khổng Tử chẳng có quy mô to như Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng đều là tiến hành công tác giáo dục. Khổng Tử chu du các nước, cảm thấy tuổi tác đã cao, tuy gặp rất nhiều chư hầu, chẳng ai muốn dùng Ngài, tới lúc ấy, mới bỏ cách nghĩ ấy, trở về nhà, chuyên môn tiến hành công tác giáo học. Khi đó, lão nhân gia đã sáu mươi tám tuổi, mất năm bảy mươi ba tuổi, cho nên toàn bộ tinh thần chuyên chú vào dạy học chỉ là năm năm. Thích Ca Mâu Ni Phật toàn tâm toàn ý dạy học bốn mươi chín năm, trong các vị cổ thánh tiên hiền, thời gian dạy học dài nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật, đấy là dũng mãnh tinh tấn. Chúng ta cầu trí huệ, học Phật là học trí huệ, là đào bới, khơi lên trí huệ trong tự tánh, giống như khai quật kho báu từ trong hầm mỏ. “Khai quật” là buông xuống. Buông xuống những chấp trước đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, trí huệ sẽ bắt đầu hiện bày, bắt đầu trào ra ngoài, [tuy vậy, trí huệ ấy] chưa nhiều lắm, trong Phật pháp gọi là A La Hán. A La Hán đắc Chánh Giác, Chánh Giác là trí huệ. Tiếp tục buông xuống không ngừng. Tôi thưa với các đồng học, buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, buông ngũ dục lục trần xuống, sẽ đạt đến giai đoạn nào? Thưa quý vị, sẽ đạt tới cửa ngõ của Phật giáo, nhưng chưa tiến vào. Chư vị phải biết: Chớ nên tưởng rằng ta buông xuống nhiều ngần ấy, bèn nghĩ chính mình ghê gớm lắm, mới đến ngoài cửa mà thôi, chưa vào cửa! Bước vào cửa, cần phải dùng tiêu chuẩn của Phật. Do vậy, tôi nói tới phương tiện nhằm giúp đỡ quý vị tiến đến trước cửa, sau đấy, chính quý vị lại phải bước vào. Thật sự tiến vào cửa, sẽ là như trong kinh thường nói: Đối với Kiến Tư phiền não, phải đoạn sạch Kiến Hoặc, quý vị có rất nhiều cách nhìn sai trái phải bỏ đi. Cách nhìn sai lầm rất nhiều, đức Phật đã quy nạp thành năm loại. Loại thứ nhất là Thân Kiến, hãy buông xuống, biết thân chẳng phải là chính mình, thân là gì? Thân là cái mà ta có, chẳng phải là ta, phải xoay chuyển quan niệm sai lầm này. Y phục chẳng phải là ta, mà là cái thuộc về ta, thân thể giống như quần áo, là cái ta vốn có, chẳng phải là ta. Do vậy, cái thân dùng vài chục năm đã trục trặc, lại thay một thân khác, giống như quần áo mặc dơ, quý vị rất vui vẻ cởi ra, đổi lấy một bộ mới. Sau khi đột phá cái ải này, quý vị sẽ chẳng sợ hãi sanh tử, thay một bộ quần áo mới mà thôi! Chẳng sợ hãi, thưa quý vị, y phục càng thay càng đẹp đẽ hơn, càng thay càng tốt hơn. Tham sống sợ chết thì càng thay càng tệ hơn! Phật có ân đức rất lớn đối với chúng ta. Chúng ta liễu giải chân tướng, thân chẳng phải là chính mình, chớ nên vì thân này khởi tham, sân, si, mạn; [nếu khởi lên] là trật rồi, nó chẳng phải là chính mình. Thứ hai là phải buông bỏ đối lập, danh từ Phật giáo [gọi đối lập] là Biên Kiến, nhị biên (hai bên, tức có không, đúng sai, thiện ác v.v...), nay chúng ta nói là “đối lập”, mọi người dễ hiểu. Đối lập là căn nguyên của tất

cả phiền não tội nghiệt, vì trong vũ trụ, trong Pháp Tánh chẳng có đối lập, tìm không ra đối lập! Hết thảy chúng sanh trong toàn thể vũ trụ và chính mình là nhất thể, nhất thể mà quý vị chia thành đối lập thì trật mất rồi! Chẳng thể phân chia. Vì thế, kinh Kim Cang vừa mở đầu liền dạy: "Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng", bốn câu này nói rất hay, lìa tứ tướng, nó là một chỉnh thể (entirety), nhất thể! Làm sao quý vị có thể phân chia được? Đâu có đạo lý ấy! Do vậy, chúng ta phải học chẳng đối lập với hết thảy mọi người, họ đối lập với ta, nhưng ta và họ chẳng đối lập, vì sao? Họ mê, chưa giác ngộ. Nay ta đã hiểu rõ, giác ngộ; nếu ta đối lập với các vị, chẳng phải là lại mê hay sao? Do vậy, không có đối lập. Chẳng đối lập với người khác, chẳng đối lập với sự, mà cũng chẳng đối lập với hết thảy vạn vật, đối với núi, sông, đại địa cũng không đối lập, vì sao? Nhất thể, chúng là y báo của ta, đều do tự tánh biến hiện, giống như trong Hoàn Nguyên Quán đã giảng: Từ nhất thể khởi nhị dụng. Tuy khởi nhị dụng, nhưng nhị dụng vẫn là nhất thể, nhị mà bất nhị. Vì thế, Tánh và Tướng như nhau, Tánh và Tướng bất nhị, cách nhìn này là chính xác. Điều buông xuống thứ ba là Thành Kiến. Thành Kiến là gì? Tự cho mình là đúng. Người Hoa thường nói: "Kẻ nào đó có thành kiến rất sâu". Thành Kiến là gì? Thành Kiến là chấp trước. Thành Kiến có hai loại: Một là Thành Kiến nơi nhân, hai là Thành Kiến nơi quả trong lục đạo. Chúng sanh trong lục đạo đều rất chấp trước, đây là loại chấp trước nghiêm trọng, tự cho mình là đúng, đấy là sai lầm. Vì sao sai lầm? Trong kinh, đức Phật thường nói: "Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng"; nếu đã hiểu hết thảy hiện tượng đều là hư vọng, mà cũng chẳng chân thật, sẽ chẳng có thành kiến. Không có thành kiến mới có thể tùy duyên, tùy hỷ công đức. "Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức". Phật, Bồ Tát chẳng có thành kiến, còn hết thảy chúng sanh, quý vị nói như thế nào mới là tốt theo kiểu nào đi nữa, Phật cũng đều có thể tùy thuận, chẳng ép buộc quý vị một tí nào! Quý vị làm lành, sanh lên thiên đường; quý vị tạo ác bèn đọa địa ngục, Phật biết rất rõ ràng, nhưng Phật chẳng ngăn trở quý vị, vì sao? Quý vị thích làm như vậy thì còn cách nào nữa? Tới khi nào quý vị thật sự giác ngộ, hướng về Phật thỉnh giáo, Ngài sẽ dạy quý vị. Quý vị chẳng hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài chẳng dạy quý vị, vì sao? Dạy thì quý vị chẳng chịu tiếp nhận, tạo tội nghiệp. Đó là trí huệ chân thật. Trí huệ chân thật hiển thị, đó là đức năng chân thật, tướng hảo chân thật sẽ tự nhiên hiển thị. "Dũng mãnh tinh tấn", đoạn kinh văn này nhằm miêu tả A Di Đà Phật khi đang tu nhân, chúng ta phải học tập, học theo A Di Đà Phật. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta khởi tâm động niệm có phải là trí huệ hay chăng? Là trí huệ hay là tình thức? Tình thức là phiền não, "tình" là Mạt Na thức, "thức" là A Lại Da. Trong kinh Phật đã giảng rất rõ ràng, tình là gì?

Tình là Ngã Kiến, ngã ái, ngã si, ngã mạn, đấy là tình. Trong kinh Đại Thừa thường nói là "tham, sân, si, ngã", "ngã" ở sau tham, sân, si, còn có "mạn". Tham, sân, si mạn là bốn đại phiền não thường nương theo [A Lại Da], đó là "tình chấp" (chấp trước nơi tình thức). Do vậy, nếu chẳng dùng trí huệ, sẽ biến thành tình chấp, chắc chắn sẽ là như vậy. Dũng mãnh tinh tấn, muốn tìm lại tự tánh, muốn tìm lại trí huệ. Một mực như vậy, quý vị nhìn theo một phương hướng, chuyên môn trang nghiêm cõi nước nhiệm mầu, cõi nước nhiệm mầu chính là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc do nguyện lực của A Di

Đà Phật biến hiện, thật sự là hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng. Thế giới Cực Lạc từ tâm tưởng của A Di Đà Phật mà xuất hiện. Chúng ta có tưởng ra một thế giới hay chăng? Cũng tưởng ra, quả địa cầu là một thế giới do tâm tưởng của chúng ta sanh ra. Nếu tâm chúng ta chẳng tưởng, sẽ chẳng có địa cầu, thật đấy, chẳng giả đâu! Kế đó là lời giải thích, Hoàng lão cư sĩ giải thích: "Chân thật chi tế giả" (Chân Thật Tế là...), Chân Thật Tế là gì? "Chân Như Thật Tướng chi bổn tế dã" (căn cội của Chân Như Thật Tướng). Chân là Chân Như, Thật là Thật Tướng, Tế là bổn tế (cội rễ, giới hạn), cũng có nghĩa là Chân Như Thật Tướng, "tế" ( ) là giới hạn, là "biên tế" (ranh giới), giới hạn ấy có hay chăng? Chẳng có, không có ngằn mé! Không có gì to lớn có thể vượt ra ngoài được, trong giáo học của Phật, điều đó được gọi là Chân Thật Tế. "Thử tức bổn kinh chi sở khai thị giả dã" (đấy chính là điều được khai thị trong bản kinh này). Đây là nói rõ bộ kinh này giảng điều gì? Giảng về Chân Thật Tế, giảng chân tướng này, không gì to lớn lọt ra ngoài, không gì nhỏ nhặt chẳng được bao gồm. Đấy là biên tế; chẳng ngoài, chẳng trong; đấy là "biên tế", nó không có biên tế. "Cực Lạc diệu độ nãi chân thật trí huệ chi sở trang nghiêm thành tựu giả" (cõi nước mầu nhiệm Cực Lạc được trang nghiêm thành tựu bởi trí huệ chân thật). Câu này quan trọng lắm! Vì sao chúng ta phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới? A Di Đà Phật mở một trường học tại đó. Thế giới Cực Lạc là một đại học Phật giáo, cũng có thể nói là một đại học về Chân Thật Tế. Chúng sanh trong mười pháp giới thuộc mười phương thế giới, mười phương thế giới đều có mười pháp giới, mười pháp giới là mê, chẳng giác, những chúng sanh ấy đã giác ngộ, mong quay đầu, nhưng tìm không ra phương pháp, nhất là chẳng tìm được một phương pháp rất thỏa đáng, rất nhanh chóng. A Di Đà Phật ban cho chúng ta một môn phương tiện, tiếp dẫn quý vị về thế giới Cực Lạc để tấn tu tại đó, hết thảy điều kiện tu học bên ấy đều vô cùng hoàn thiện, đấy là "trang nghiêm thành tựu". Trong phần trước, chúng ta thấy ba thứ thành tựu, "trang nghiêm Phật thành tựu, trang nghiêm Bồ Tát thành tựu, trang nghiêm diệu độ thành tựu", kinh gọi ba thứ thành tựu này là ba thứ thành tựu chân thật.

Chúng ta tập khí phiền não nặng nề, mê rất sâu, những điều đức Phật đã giảng trong kinh, chúng ta hiểu rõ, nhưng chưa thể làm được! Chúng ta có thể tin tưởng, vì sao có thể tin tưởng? Vì sau khi nghe những đạo lý ấy, chúng ta có thể khẳng định chúng hợp lý, chẳng phải là vô lý, nên có thể tin tưởng, có thể lý giải, nhưng chưa làm được. Làm chưa được do chưa bỏ xuống được! Thật đấy, chẳng giả đâu! Buông xuống sẽ có thể khế nhập, bèn nhập cảnh giới, như tôi vừa mới nói: Đi tới cửa ngõ, nếu quý vị chẳng buông ba thứ ấy xuống, sẽ chẳng tiến vào được! Quý vị buông Thân Kiến xuống, buông Biên Kiến xuống, buông Thành Kiến xuống, mới có thể tiến vào. Quý vị chẳng buông xuống, sẽ không tiến vào được! Hễ tiến vào, thưa quý vị, sẽ gọi là thánh nhân, chẳng gọi là phàm phu; trong Tiểu Thừa là Tu Đà Hoàn, Sơ Quả; trong Đại Thừa thì như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín chứng đắc Sơ Tín, quý vị thấy tầng thứ nhất là Sơ Tín. Thập Tín giống như Tiểu Học trong Phật giáo, học lớp Một Tiểu Học, trường học này có mười lớp, từ lớp Một đến lớp Mười, quý vị vừa mới vào lớp Một, trở thành thánh nhân. Khác với phàm phu ở chỗ nào? Quý vị chỉ cần tiến nhập lớp Một của ngôi trường ấy, chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo. Tuy chưa thoát khỏi lục đạo,

bảo đảm chẳng đọa tam đồ. Không gian học tập của quý vị là bảy lần sanh trong cõi trời hay nhân gian, chắc chắn sẽ thoát ly lục đạo luân hồi, đạt được sự bảo đảm ấy, đó là Vị Bất Thoái trong ba thứ Bất Thoái, [tức là] địa vị của quý vị chẳng thoái chuyển. Nhà Phật nói ba thứ Bất Thoái, quý vị đạt được loại thứ nhất (Vị Bất Thoái). Loại thứ hai là Hạnh Bất Thoái, tức là Bồ Tát. Loại thứ ba là Niệm Bất Thoái, đó là Pháp Thân đại sĩ, hoặc là Phật, chứ Bồ Tát vẫn chưa làm được. Do vậy, ba tầng lớp này chính là cảnh giới dần dần được nâng cao lên. A Di Đà Phật kiến lập thế giới Cực Lạc nhằm giúp đỡ chúng ta là những kẻ thiếu năng lực đoạn phiền não, chỉ cần chuyên niệm A Di Đà Phật, quý vị có thể vãng sanh. Đối với A Di Đà Phật, chỉ nên chú tâm niệm, chớ nên phân biệt. A Di Đà Phật có ý nghĩa rất rộng, A là Vô, Di Đà là Lượng, đấy là tiếng Phạn, chẳng phải là không thể dịch nghĩa, có thể dịch nghĩa, nhưng do tôn trọng nên chẳng dịch. [A Di Đà] là vô lượng. Phật thì sao? Phật là giác ngộ. [A Di Đà Phật là] vô lượng giác, vô lượng giác là gì? Là danh hiệu của trí huệ Bát Nhã có sẵn trong tự tánh. Nếu quý vị chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, niệm Phật hiệu là niệm tự tánh, đó là "tự tánh Di Đà". Mỗi ngày niệm tự tánh, tự tánh phóng quang, tự tánh bèn hiển lộ. Chẳng phải là hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng ư? Đạo lý như thế đó! Do vậy, niệm Phật thấy Phật, lúc lâm chung, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đến tiếp dẫn quý vị, đó là gì? Toàn là tự tánh biến, tự tánh Di Đà, tự tánh Quán Thế Âm, tự tánh Đại Thế Chí, ngay cả Tây Phương Tịnh Độ cũng là duy tâm Tịnh Độ, do Chân Như bổn tánh của chính mình hiện ra. Quý vị

hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, sẽ nắm chắc niệm Phật vãng sanh; quý vị có tín tâm, chẳng còn hoài nghi nữa, lẽ nào chẳng thành tựu! Do vậy, Thiện Đạo đại sư nói pháp môn này là "vạn người tu, vạn người về", không ai chẳng thành tựu. Kẻ niệm Phật chẳng vãng sanh là ai vậy? [Thứ nhất là những kẻ] hoài nghi pháp môn này, thứ hai là những kẻ tu học pháp môn này nhưng tạp niệm quá nhiều. Xen tạp nên tâm chẳng thuần, sẽ chẳng thể tương ứng. Chân Thật Huệ do đâu mà có? Do tâm thanh tịnh mà có. Khi quý vị xen tạp, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh chẳng sanh trí huệ, chỉ sanh phiền não. Phiền não là vọng niệm. Vọng niệm ấy niệm trước vừa diệt, niệm sau liền sanh, vĩnh viễn chẳng ngừng, niệm này tiếp theo niệm kia, đó là phiền não tập khí, những thứ ấy rất nghiêm trọng. Trong tu học pháp môn, cũng là nói chuyển biến những phiền não tạp niệm ấy, khôi phục trí huệ chân thật. Trí huệ chân thật gọi là Bồ Đề, khôi phục trí huệ chân thật thì phương pháp niệm Phật này tuyệt diệu! Trong tám vạn bốn ngàn phương pháp, phương pháp Niệm Phật này đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, thẳng chóng nhất, cho nên chọn lựa pháp môn này là đại trí huệ! Có rất nhiều ông già bà cả chẳng có học thức gì, không biết chữ, quý vị dạy họ, họ bèn tin tưởng, chịu niệm, có phải là chân trí huệ hay chăng? Đúng là chân trí huệ, chính họ vẫn chẳng biết [chính mình trọn đủ] thiện căn, phước đức, nhân duyên. Vì sao quý vị giảng cho kẻ khác nghe, kẻ ấy chẳng tin tưởng? Giảng cho phần tử tri thức cao cấp nghe, họ vẫn không tin, vì sao? Có lắm chướng ngại, Phiền Não Chướng nặng nề, Sở Tri Chướng nặng nề, hai thứ chướng ấy chướng ngại họ. Chướng gì vậy? Chướng trí huệ, chướng thiện căn, nhân duyên của người ấy. Do vậy, chớ nên coi thường những ông già bà cả, đừng coi thường họ. Vì sao họ có thể tiếp nhận? Đời trước

họ đã huân tập, đời này vừa tiếp xúc, liền sanh tâm hoan hỷ, trong đời quá khứ, trong A Lại Da có chủng tử Phật pháp, có thiện căn Tịnh Tông, chẳng phải là không có đạo lý! “Di Đà Thế Tôn nhiếp thử diệu độ, tuyên thử diệu pháp giả, dục huệ dữ chúng sanh dĩ chân thật chi lợi dã” (Di Đà Thế Tôn nhiếp cõi mầu nhiệm này, tuyên pháp mầu này, muốn ban cho chúng sanh mối lợi chân thật). A Di Đà Phật, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật có vị này, Ngài ở nơi đó, tuyên dương pháp môn này. Pháp môn này được nói trong bộ kinh Vô Lượng Thọ. Tuyên dương pháp môn này nhằm mục đích ban cho chúng sanh, “huệ” ( ) là bố thí, ban cho hết thảy chúng sanh lợi ích chân thật. Hoàng lão cư sĩ nói: “Thử tam chân thật” (ba điều chân thật này), tức là Chân Thật Tế, trụ Chân Thật Huệ, Chân Thật Lợi Ích, ba món chân thật này một chính là ba, ba tức là một. Trong Chân Thật Bổn Tế, nhất định có Chân Thật Huệ, nhất định có Chân Thật Lợi Ích; trong Chân Thật Lợi Ích, nhất

định có Chân Thật Tế và Chân Thật Huệ, một mà ba, tuy ba nhưng một. “Phương tiện cứu cánh, bất khả tư nghị” (phương tiện rốt ráo, chẳng thể nghĩ bàn). Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là phương tiện môn, mà Tịnh Tông là môn phương tiện nhất trong các môn phương tiện, đúng là quá đơn giản, quá dễ dàng. Vì quá đơn giản, quá dễ dàng, nên rất nhiều người không tin, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ chẳng biết là bao nhiêu. Chúng ta chớ nên khinh dễ người khác, bản thân chúng ta trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ cũng đã ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ chẳng biết bao nhiêu lần! Không có nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên trong quá khứ như vậy, dẫu đời này gặp gỡ cũng chẳng thể tin tưởng; bởi thế, pháp môn này chẳng dễ dàng, gọi là phương pháp khó tin, chẳng giả. “Cực Lạc y chánh, Tịnh Độ pháp môn, cử Thể thị chân thật chi tế, cố vân bổn kinh dĩ Thật Tướng vi thể tánh dã” (Trọn vẹn cái Thể của y báo, chánh báo của cõi Cực Lạc và pháp môn Tịnh Độ là Chân Thật Tế, cho nên nói kinh này lấy Thật Tướng làm thể tánh). Tới cuối cùng, tổng kết bộ kinh này dùng Thật Tướng làm Thể, bộ kinh này nói về Thật Tướng của các pháp. Đối với y báo và chánh báo trong thế giới Cực Lạc, nói theo kinh thì chánh báo là A Di Đà Phật, y báo là hoàn cảnh cư trụ của A Di Đà Phật. Chúng ta niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì chánh báo là bản thân chúng ta, A Di Đà Phật là hoàn cảnh y báo của chúng ta. Sau khi quý vị tới thế giới Cực Lạc, mới thật sự dần dần buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống. Sau đấy mới biết A Di Đà Phật và chính mình là nhất thể, vũ trụ và chính mình là nhất thể, thế giới Cực Lạc và chính mình là nhất thể. Nếu trọn đủ trí huệ chân thật, chúng ta hãy nghĩ xem [thế giới] hiện tiền có phải là thế giới Cực Lạc hay chăng? Đúng vậy, chẳng sai chút nào! Nhưng rất nhiều người chẳng hiểu điều này, vì sao? Tâm thái chẳng xoay chuyển! Quý vị khởi tâm động niệm hoàn toàn tương ứng với kinh thì sẽ có thể lãnh hội: Không nơi nào chẳng phải là thế giới Cực Lạc. Thế giới này của chúng ta nằm trong thế giới Cực Lạc, vì sao? Chẳng có lớn hay nhỏ! Trong mỗi vi trần đều có thế giới, trong thế giới lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, lẽ nào [thế giới hiện tiền] chẳng ở trong [thế giới Cực Lạc]? Cho tới lúc ấy, quý vị sẽ thấy A Di Đà Phật ở khắp mọi nơi, hết thảy y báo và chánh báo đều là A Di Đà Phật, chúc mừng quý vị, quý vị thành Phật. Quý vị đã thành một vị Phật rất tuyệt diệu, trở thành A Di Đà Phật. Chúng ta học phần Bổn Kinh Thể Tánh tới đây. Chúng ta xem tiếp đoạn thứ ba, tức đơn vị thứ ba

[trong bộ chú giải này], Nhất Kinh Tông Thú, tức là [phần giảng về] Tông và Thú của bộ kinh này. “Kinh chi sở sùng thượng giả, danh chi vi Tông. Tông giả, yếu dã” (Điều được kinh đề cao gọi là Tông; Tông nghĩa là trọng yếu). Chữ Yếu này có ba ý nghĩa: Chủ yếu, trọng yếu, và tuân theo. “Toàn kinh chi tông chỉ”

(tông chỉ của cả bộ kinh), Tông là tông chỉ. Câu tiếp theo lại giảng về [ý nghĩa của] tông chỉ: “Hựu Tông giả, tu hành chi yếu kính dã” (lại nữa, Tông là đường lối trọng yếu trong tu hành), đó là đường lối quan trọng. Chúng ta nói tới tông chỉ của một bộ kinh thì đó nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao, đó là Tông. “Cố tri Tông giả, vi toàn kinh chi cương lãnh. Cương cử, mục trương, lãnh đề, y thuận. Thị cố ư Biện Thể hậu, thủ ưng Minh Tông. Thể thị Lý, tông thị Hành” (Vì thế, phải biết Tông là cương lãnh của cả bản kinh. Cái lưới giơ lên, mắt lưới căng ra, nắm cổ áo, áo sẽ xuôi theo. Vì thế, sau phần biện định Thể, trước hết phải giảng rõ Tông. Thể là Lý, Tông là Hành). Ý nghĩa của hai khoa lớn này đều được nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Phần trước là Biện Thể, tức phân biệt, biện định bản thể của kinh. Kinh Thể là căn cứ lý luận: Bộ kinh này căn cứ trên lý luận nào để giảng, giảng về điều gì? Trong phần trước, chúng ta đã học, kinh này nương vào Thật Tướng, tức chân tướng sự thật. Kinh nói những gì? Cũng là nói về Thật Tướng. Nay chúng ta bàn cách tu, cách học tập ra sao; vì thế, nói đến Hành, tức Hành môn. “Thể giả, nãi Tông sở y chi Thể. Tông giả, tức thị hiển Thể chi Tông. Nhị giả hỗ tương biểu lý. Tông thị hội Thể chi yếu hạnh, cố ưng sùng thượng” (Thể là cái Thể để Tông nương vào; Tông là cái Tông nhằm hiển lộ Thể. Hai thứ này lần lượt làm trong và ngoài của nhau. Tông là hạnh trọng yếu để thấu hiểu Tông, cho nên cần phải đề cao). Mấy câu này nói rất hay. Thể là chỗ nương vào của Tông, tức là chỗ nương tựa, căn cứ của việc tu hành, đấy là Thể. Tông: Tông là hạnh, là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong tu hành, sự tu hành ấy có thể hiển lộ Thể, có thể hiển thị Thật Tướng trong hành vi sinh hoạt của quý vị. “Hiển thị” là nói tới điều gì? Trí huệ chân thật (Chân Thật Huệ), Chân Thật Tế, Chân Thật Lợi Ích. Nếu quý vị chẳng tu hành, ba thứ chân thật ấy sẽ chẳng thể hiển lộ. Có thể thấy người thật sự tu học Tịnh Tông, quý vị chú tâm quan sát, sẽ thấy tư tưởng, lời nói và việc làm của người ấy chắc chắn tương ứng với ba câu ấy, từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, dần dần nâng cao lên, dần dần mở rộng, lợi ích thù thắng ấy tìm ở đâu ra? Do vậy, Lý Thể chẳng thể rời khỏi sự tướng, rời khỏi sự tướng sẽ biến thành huyền học. Sự tướng mà không có Lý thì sự tướng sẽ trái nghịch tự tánh; nếu chẳng tùy thuận tự tánh sẽ là trái nghịch tự tánh. Vì thế, hai thứ ấy (Lý và Sự) làm trong và ngoài cho nhau: Ngoài là Sự, trong là Thật Tướng. “Hội Thể chi yếu” (Điều quan trọng để thấu hiểu Thể), hiển Thể, như vừa mới nói, đây là một phương tiện trọng yếu, cho nên phải tuân theo, phải đề cao. Nói tới chỗ này, chúng ta hiểu văn hóa truyền thống của Trung Hoa lấy Hiếu làm Thể. Hiếu là gì? Hiếu là Thật Tướng. Quý vị hãy nhìn vào chữ Hiếu của Trung Quốc, sở dĩ văn tự Trung Quốc chẳng thể thay đổi là vì nó là phù hiệu trí huệ, khiến cho quý vị nhìn vào phù hiệu ấy sẽ hiểu được ý nghĩa

của nó. Chữ Hiếu ( ) phía trên là Lão ( ), phía dưới là Tử ( ), hiển thị điều gì? Hiển thị quan hệ luân lý. Phía trên còn có phía trên nữa, đó là tổ tông, quá khứ vô thỉ (không có khởi đầu); đời tiếp theo còn có đời tiếp theo nữa, vị lai vô chung (không kết thúc). Vô thỉ vô chung là nhất thể! Do vậy, người ngoại quốc nói tới “sự cách biệt giữa các thế

hệ", người Hoa không có "sự cách biệt giữa các thế hệ". Nếu có "sự cách biệt giữa các thế hệ", sẽ là đại bất hiếu. Quý vị nhìn vào chữ Hiếu ấy, những ý nghĩa được bao hàm trong ấy dường như cũng có ba thứ ý vị. Do vậy, văn hóa Trung Quốc là văn hóa Hiếu, mở rộng ra thành Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Đấy là Tông. Chúng ta nói tới Thể, nói tới Tông, lấy "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" làm Thú, tức Thú Hướng (điều để hướng về, đạt đến). Chúng ta nói tới Thể, Tông và Thú của toàn bộ văn hóa Trung Quốc chớ nên hiểu lầm, nó tương ứng với Đại Thừa Phật pháp, quý vị nói xem: Tổ tiên chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái lai thì họ từ đâu đến? [Điều này được] khẳng định! Thầy Lý nói: "Nói theo Lý thì thông suốt, nhưng trên mặt Sự thiếu chứng cứ". Nói theo Lý quả thật là hợp lý. "Hương Tượng Tâm Kinh Sớ vân: Ngôn chi sở quý viết Tông, Tông chi sở quy viết Thú" (Bản Tâm Kinh Sớ của ngài Hương Tượng86 có viết: "Điểm được coi trọng trong lời giảng thì gọi là Tông, chỗ quy hướng của Tông gọi là Thú"), đây là giải thích hai chữ Tông và Thú. "Ngôn" là nói tới Giáo, tức ngôn giáo. "Ngôn chi sở quý": "Quý" là điều trọng yếu nhất trong sự hướng dẫn giáo học, [điều ấy] được gọi là Tông. Tông có nghĩa như vậy. Chỗ quy hướng của Tông, tức là sau đấy Tông sẽ trở về đâu, điều đó được gọi là "thú hướng". Do vậy, Tông là nhân, Thú là quả; ở đây nói tới nhân quả, tu nhân chứng quả. Tôi nương theo cái Tông này để tu, tu đến cuối cùng sẽ đạt được gì, cái quả ấy là Thú, "tu nhân, thú quả" (tu nhân, hướng đến quả). Tiếp đó, sách viết: "Khuê Phong đại sư", tức là ngài Tông Mật, tổ sư đời thứ năm của tông Hoa Nghiêm, "Viên Giác Lược Sớ vân: Thú giả, ý thú, thú hướng. Tức tâm ý thức sở quy thú chi xứ" (Viên Giác Lược Sớ ghi: "Thú là có nghĩa là hướng đến, tức là chỗ quy hướng của tâm ý thức"), lời giải thích này rất rõ ràng. Thú ( ) là gì? Quy thú ( ), [tức là] chỗ quý vị trở về, hướng đến chỗ nào. Chỗ hướng về của tâm ý thức gọi là Thú Hướng. "Khả tri, Thú giả, quy thú dã. Thị cố, y kinh tông chỉ, minh kỳ sở vi, thức kỳ sở cầu, cứu kỳ sở chí, danh chi vi Thú" (Có thể biết: Thú là hướng đến, quay về. Vì thế, dựa vào tông chỉ của kinh để tỏ rõ việc được làm, biết điều mong cầu, thấu đạt tột cùng chỗ kinh sẽ đạt tới, thì gọi là Thú). Quý vị chiếu theo nguyên tắc chỉ đạo trong bộ kinh điển này để tu hành, biết đức Phật làm gì [khi giảng bộ kinh này], biết Ngài mong cầu điều gì. Việc Ngài làm là ban bố lợi ích chân thật, do điều này mà chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức giảng kinh, diễn giáo. "Diễn" ở đây chẳng phải là "nghiên" trong "nghiên cứu"87

mà là biểu diễn. Ngài dạy bằng cách làm ra, biểu diễn, thuyết kinh, diễn giáo, vì sao? Nhằm ban cho chúng sanh lợi ích chân thật. Người ta chưa hiểu rõ [cho nên phải giảng kinh, diễn giáo], sau khi đã thật sự hiểu rõ, cái tâm cung kính đối với Phật giáo sẽ nẩy sanh tràn trề, tự nhiên sanh khởi, tuyệt diệu quá! Chúng ta đối với những vị Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức giảng kinh thuyết pháp chẳng có chỗ tốt đẹp gì, các Ngài ban cho chúng ta những điều lợi ích, lại còn ban cho chúng ta lợi ích chân thật. Chúng ta đối với các Ngài chẳng chân thật, nhưng các Ngài đối với chúng ta luôn chân thật. Trong thế gian tìm đâu ra người tốt lành dường ấy? Vậy là quý vị hiểu rõ việc làm của các Ngài. "Thức kỳ sở cầu" (biết điều mong cầu): Các Ngài cầu điều gì? Các Ngài mong mỏi quý vị khai ngộ, giúp quý vị phá mê khai ngộ. Sau khi ngộ, thấu đạt điều sẽ đạt tới chính là quý vị sẽ lìa khổ được vui. Kinh Phật dạy người ta như vậy. Vì thế, trong hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, trừ giáo học ra, chẳng có cách nào khác có thể đạt được

[mục đích ấy]! Vào thời cổ ở Trung Quốc, đế vương từ Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, mãi cho đến đời cuối cùng, có đế vương nào chẳng tuân theo giáo huấn của tổ tông? Đời đời truyền nhau, giáo học làm đầu, đều xếp giáo dục vào vị trí thứ nhất. Phật giáo truyền tới Trung Quốc, tiến sĩ Thang Ân Tỷ (Arnold J. Toynbee) nói rất hay: Người Trung Quốc tâm lượng lớn, phước lớn, có thể bao dung văn hóa khác biệt. Phật giáo là văn hóa Ấn Độ, truyền đến Trung Quốc, được Trung Quốc tiếp nhận hoàn toàn, biến thành văn hóa của chính Trung Quốc, phải có tâm lượng rất lớn. Chẳng bài xích! Hơn nữa, văn hóa nhà Phật từ Ấn Độ truyền đến Trung Quốc, quả thật đã nâng cao nền văn hóa vốn có của Trung Quốc trên một mức độ to lớn, vì sao? Dùng kinh Phật để giải thích thì giống như chúng tôi vừa mới nói: Văn hóa truyền thống của Trung Quốc lấy Hiếu làm Thể, Luân Thường, Bát Đức, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy là Tông, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ là Thú. Chúng ta dùng văn hóa Phật giáo để giải thích, nâng cao văn hóa truyền thống của Trung Quốc, bình đẳng với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Vô Lượng Thọ trong Phật pháp, làm phong phú văn hóa truyền thống Trung Quốc. Ngày nay nói tới văn hóa truyền thống thì Nho, Thích, Đạo là một nhà, quyết định chẳng tách rời. Nếu quý vị nói chẳng cần Nho, sẽ nói chẳng xuôi, chẳng có cách nào nói cho vẹn toàn được! Đề cương ấy của tổ tông chẳng được trình bày cặn kẽ, Phật giáo truyền đến cõi này, giảng giải cặn kẽ, đem kết hợp với đề cương của tổ tông liền hoàn toàn khít khao, quá khó có! Cổ nhân thông minh hơn con người hiện thời, có trí huệ hơn người hiện thời. Đây là giải thích rành rẽ thế nào là Tông, thế nào là Thú. Kế đó, chúng ta xét tông chỉ của bộ kinh này: “Ngụy dịch Vô Lượng Thọ Kinh chi Tông Thú, cổ hữu đa giải, kỳ lệ phi nhất” (đối với Tông và Thú của bản dịch kinh Vô Lượng Thọ đời Ngụy, xưa kia có nhiều cách giải

thích, chẳng phải chỉ có một cách). “Ngụy dịch” là bản dịch của ngài Khang Tăng Khải (Samghavarman), là bản được lưu thông rộng rãi nhất trong năm bản dịch. Nguyên nhân là do chúng ta đọc bản dịch của ngài Khang Tăng Khải rất thuận tiện, so với các bản khác dễ đọc hơn. Lại nữa, lời giảng trong ấy cũng rất viên mãn, rất khó có. Vì thế, có mấy vị cổ đức dùng bản này để chú giải, như trong bản Gia Tường Sớ (sớ giải kinh Vô Lượng Thọ của ngài Gia Tường Cát Tạng) đã nói: “Thử kinh Tông Trí phàm hữu nhị lệ, nhất, Di Đà tu nhân, cảm Tịnh Độ quả; nhị giả, khuyến vật (chỉ chúng sanh) tu nhân, vãng sanh bỉ độ” (Tông Trí của kinh này có hai thứ: Một là Di Đà tu nhân, cảm quả Tịnh Độ. Hai là khuyên vật (chỉ chúng sanh) tu nhân, vãng sanh cõi ấy), đây là lời giảng về Tông Thú trong Gia Tường Sớ. Ngài nói Tông Thú có hai trường hợp: Thứ nhất là A Di Đà Phật tu nhân, cảm quả Tịnh Độ; đó là điều được giảng trong kinh. Thế giới Cực Lạc, nói thật ra là do nguyện lực của A Di Đà Phật thành tựu, do bốn mươi tám nguyện thành tựu. Thứ hai là “khuyến vật”, “vật” là chúng sanh, Ngài chẳng nói “khuyến nhân”. Nếu nói là “khuyến nhân” thì chỉ có nhân đạo trong mười pháp giới. Nếu “khuyến vật” thì hết thảy mười pháp giới đều bao gồm, có phạm vi lớn hơn. Nhân nằm trong Vật, chẳng thể bao gồm Vật, Vật có thể bao gồm Nhân. Do vậy, khuyên hết thảy chúng sanh tu nhân hòng vãng sanh cõi ấy, đấy là Thú. Hết sức rõ rệt, câu trước là tu nhân, câu sau là hướng đến cái quả. Hai tầng: Thứ nhất là Phật Di Đà tu nhân, cảm thế giới Cực Lạc thành tựu viên mãn. Thế giới Cực Lạc quả thật chẳng có mảy may khiếm

khuyết, do Tánh Đức viên mãn lưu lộ, công đức trang nghiêm. Thành tựu như thế nào? Do trí huệ; vì thế, trong phần trước đã nói ba thứ trí huệ trọn đủ. “Hải Đông Nguyên Hiểu sư” (sư Nguyên Hiểu ở Hải Đông), Hải Đông được nói ở đây nay là Hàn Quốc. Sư Nguyên Hiểu cũng du học ở Trung Quốc, sau khi trở về Hàn Quốc, là nhất đại cao tăng, tổ sư đại đức của Hàn Quốc. Tôi chưa đọc những tài liệu ấy, nhưng tôi nghĩ, sư Nguyên Hiểu sống vào thời Đường, rất có thể đã thân cận Thiện Đạo đại sư, vị này là một tổ sư của Tịnh Độ Tông. Bản chú giải của Sư có tên là [Vô Lượng Thọ Kinh] Tông Yếu, trong ấy nói như sau: “Thử kinh chánh dĩ Tịnh Độ nhân quả vi kỳ Tông Thể, nhiếp vật (chỉ chúng sanh) vãng sanh dĩ vi Ý Trí” (Kinh này lấy nhân quả Tịnh Độ làm Tông Thể, lấy nhiếp thọ chúng sanh vãng sanh làm Ý Trí). [Cách hiểu] của sư Nguyên Hiểu và ngài Gia Tường hết sức gần gũi, cùng một ý nghĩa, trong ấy cũng có hai tầng ý nghĩa. “Đàm Loan”, có người cho rằng Ngài phải là tổ sư Tịnh Độ Tông, nhưng trong các vị tổ sư Tịnh Độ Tông không có tên của Ngài; đối với Tịnh Tông, Ngài có cống hiến hết sức to lớn. Ngài nói: “Dĩ Phật danh hiệu vi kinh Thể” (dùng danh hiệu của Phật làm Thể của kinh), từ đầu đến cuối chẳng rời danh hiệu, cách nói này cũng có một chút hợp lý: Trong Thể bao gồm cả Tông lẫn Thú,

vì do một câu danh hiệu quý vị có thể vãng sanh. Từ xưa tới nay, người thành tựu do chấp trì danh hiệu rất nhiều, một câu Phật hiệu niệm đến rốt ráo, khi vãng sanh, có thể biết trước lúc mất, chẳng đau khổ, không bệnh tật qua đời, bảo người chung quanh: “Phật tới tiếp dẫn”, thật chẳng dễ dàng! Bất luận tu học pháp môn gì cũng chẳng thể sánh bằng! Nhưng mấu chốt của sự thành tựu ấy là ở chỗ tín nguyện, tín nguyện kiên định, nhất định chẳng có nghi hoặc thì sẽ có thể đạt được! Thậm chí chẳng cần phải học tập kinh này, mà cũng chẳng cần phải đọc, một câu Phật hiệu, chắc chắn thành tựu. Niệm một câu Phật hiệu là buông xuống vạn duyên, thành tựu phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn tùy thuộc hành nhân buông xuống được bao nhiêu. Nếu hành nhân thật sự giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói, các chấp trước thế gian và xuất thế gian thảy đều buông xuống, sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu người ấy có thể buông phân biệt xuống, hết sức có khả năng sanh vào cõi Thật Báo. Sanh vào cõi Thật Báo thì phải buông khởi tâm động niệm xuống. Có thể buông phân biệt, chấp trước xuống hay chăng? Có thể, vì khi vãng sanh, Phật quang chiếu gội, nâng cao công phu gấp bội. Lúc lâm chung thấy Phật, Phật lực gia trì; vừa được gia trì, bao nhiêu công phu do quý vị tu sẽ tăng lên gấp bội, nâng cao gấp bội, cho nên sanh vào cõi Thật Báo. Dùng phương pháp gì để tu thành tựu? Một câu Phật hiệu! Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất hay, trong phần sau cụ Hoàng có trích dẫn [lời nhận định ấy]. Những vị khác, chưa ai nói điều ấy, nhưng Ngẫu Ích đại sư nói: “Có thể vãng sanh hay không, do có tín nguyện hay không quyết định!” Thật sự tin tưởng, phát nguyện thiết tha, không một ai chẳng vãng sanh; phẩm vị cao hay thấp, ba bậc chín phẩm trong bốn cõi, địa vị cao hay thấp do công phu sâu hay cạn quyết định, tức là công phu niệm Phật của quý vị cạn hay sâu. Công phu là gì vậy? Quý vị buông xuống nhiều hay ít. Chúng ta hiểu đạo lý này, vì sao không chịu buông xuống? Không chịu buông xuống sẽ tạo thành chướng ngại rất lớn đối với phẩm vị vãng sanh trong thế giới Cực Lạc. Nếu quý vị có thể triệt để buông xuống, quả thật có thể vãng sanh trong cõi Thật Báo. Ở đây có một tin tức hết

sức trọng yếu mà quý vị chẳng thể không biết: Quý vị tu pháp môn khác, buông phân biệt, chấp trước xuống, chỉ có thể sanh vào Phật pháp giới trong mười pháp giới, hoàn toàn chẳng có cách thoát khỏi mười pháp giới, vì sao? Quý vị chưa đoạn vọng tưởng, nhưng với công phu ấy trong pháp môn Tịnh Tông sẽ quyết định sanh vào cõi Thật Báo, vì sao? Phật tới tiếp dẫn, Phật quang vừa chiếu, công phu được nâng cao gấp đôi, đã nâng lên rồi. Tin tức này trọng yếu lắm! Nhanh lắm! Giống như nói: Khi quý vị đạt tới địa vị Thập Tín, địa vị Đệ Thập Tín, trong chốc lát, Phật sẽ nâng [cảnh giới của quý vị] lên tới Sơ Trụ Bồ Tát, nâng cao trong chốc lát, đấy là oai thần của A Di Đà Phật gia trì, là ân huệ, ân đức của A Di Đà Phật. Do vậy, quý vị có thể buông

chấp trước xuống, Phật có thể giúp đỡ quý vị, khi vãng sanh chẳng có phân biệt. Không chỉ chẳng có chấp trước, mà phân biệt cũng không có, được nâng cao, trong chín phẩm của bốn cõi Tịnh Độ, sẽ được nâng cao với một mức độ rất lớn. Chúng ta chớ nên không hiểu điều này. “Thiện Đạo sư vân” (ngài Thiện Đạo nói), vị này là tổ sư đời thứ hai của Tịnh Tông chúng ta, Ngài là người đời Đường, “Niệm Phật tam-muội vi Tông, nhất tâm hồi nguyện vãng sanh Tịnh Độ vi Thể (Thể tự tức chỉ Tông Thú chi Thú)” (Niệm Phật tam-muội là Tông, một lòng phát nguyện hướng về vãng sanh Tịnh Độ là Thể (chữ Thể ở đây chính là Thú trong Tông Thú)), hãy hiểu rõ lời chú giải này, chớ nên hiểu lầm ý nghĩa. Cùng một chữ, nhưng Ngài nói về điều gì, điều này rất quan trọng. Chữ Thể [trong lời dạy của ngài Thiện Đạo] chính là Thú trong Tông Thú, tức Thú Hướng. Lấy Niệm Phật tam-muội làm tông, có cùng một ý nghĩa với ngài Đàm Loan “lấy danh hiệu Phật làm Thể của kinh”. Chữ Thể của ngài [Đàm Loan] có nghĩa là Tông, còn Thiện Đạo đại sư nói chữ Thể lại có nghĩa là Thú. Do vậy, chữ giống nhau, nhưng quý vị đọc đoạn văn trước và sau, sẽ biết nó chỉ điều gì. Dùng Niệm Phật tam-muội, tức là như trong bộ kinh này đã nói “nhất hướng chuyên niệm”, phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm. Phát Bồ Đề tâm là buông xuống, một mực chuyên niệm chính là Niệm Phật tam-muội. Nhất tâm quay về nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đấy là chỗ quy túc. “Nhật Thích Quán Triệt Hợp Tán vân” (trong bộ Hợp Tán của sư Thích Quán Triệt người Nhật), tác phẩm chú giải của Sư có tên là Hợp Tán, tức Vô Lượng Thọ Kinh Hợp Tán. “Thử kinh niệm Phật vi Tông, vãng sanh vi Thể (tức Thú)”, chữ Thể này cũng có nghĩa là Thú, cũng theo cách nói ấy. “Nhất kinh sở tôn chuyên tại niệm Phật, cố dĩ niệm Phật vi chi Tông dã. Tông chi sở thú duy tại vãng sanh, cố dĩ vãng sanh vi kinh Thể (tức Thú)” (Điều được kinh tôn trọng là chuyên niệm Phật, nên lấy niệm Phật làm Tông. Tông chỉ nhằm hướng đến vãng sanh, nên lấy vãng sanh làm Thể (tức Thú) của kinh này). Đây là một đoạn văn trong sách Hợp Tán. Chúng ta xem tiếp đoạn dưới: “Tịnh Tông xưng Vô Lượng Thọ Kinh vi Đại Kinh, A Di Đà Kinh vi Tiểu Kinh. Cái thử nhị kinh cẩn hữu tường lược chi biệt. Cố Liên Trì Sớ Sao xưng Đại Kinh vi Đại Bổn, Tiểu Kinh vi Tiểu Bổn, lương dĩ nhị giả thật đồng nhất kinh dã” (Tịnh Tông gọi kinh Vô Lượng Thọ là Đại Kinh, kinh A Di Đà là Tiểu Kinh. Ấy là do hai kinh chỉ khác nhau ở chỗ tường tận hay đại lược. Vì thế, trong bộ Sớ Sao, ngài Liên Trì gọi Đại Kinh là Đại Bổn, gọi Tiểu Kinh là Tiểu Bổn do hai kinh thật sự là cùng một kinh). Những điều này là kiến thức thông thường trong Tịnh Tông, chúng ta cần phải biết. “A Di Đà Kinh chi Tông Thú, diệc hữu đa thuyết” (Tông Thú của kinh A Di Đà cũng có nhiều thuyết). Vì hai kinh là cùng

một bộ kinh, Tông Thú [của kinh A Di Đà] có thể dùng để tham khảo

[nhằm phán định Tông Thú của kinh Vô Lượng Thọ], cũng đều là cùng một chuyện. Kế đó: "Tư trạch kỳ tinh yếu giả, như Sớ Sao" (Ở đây, chọn ra những thuyết tinh yếu, như Sớ Sao), [Sớ Sao] do Liên Trì đại sư soạn, "y chánh thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh, dĩ vi Tông Thú" (y báo, chánh báo thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh, [lấy đó] làm Tông Thú). Y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới không gì chẳng thanh tịnh, đấy là Tông; tín nguyện vãng sanh là Thú. Ý nghĩa sâu hơn một tầng, chúng ta là người tu Tịnh Độ, đối với y báo và chánh báo hiện tiền, phải lấy thanh tịnh làm tiêu chuẩn, tương ứng với tựa đề của bản kinh này. Tựa đề kinh đã dạy chúng ta phương pháp tu hành, mà cũng là tông yếu tu hành: "Thanh tịnh, bình đẳng, giác", đấy là Nhân. Chánh báo của chúng ta, tức thân của chính mình phải thanh tịnh, hoàn cảnh phải thanh tịnh, thanh tịnh hoàn cảnh như thế nào? Thân chúng ta thanh tịnh, hoàn cảnh sẽ thanh tịnh, thân gây ảnh hưởng tới hoàn cảnh. Tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, đấy là thật chẳng giả, lấy điều này làm Tông Thú. "Viên Trung Sao vân: Dĩ tín nguyện tịnh nghiệp vi nhất kinh Tông Trí" (sách Viên Trung Sao viết: "Lấy tín nguyện tịnh nghiệp làm Tông Trí của kinh"). "Tông Trí" là Tông Thú, tin sâu, nguyện thiết, chuyên tu Tịnh nghiệp, đấy là cương lãnh chỉ đạo tu học trong Tịnh Tông. "Di Đà Yếu Giải viết" (sách Di Đà Yếu Giải nói), đây là bản chú giải của Ngẫu Ích đại sư, "dĩ tín nguyện trì danh vi Tông" (lấy tín nguyện trì danh làm Tông). Tin sâu, nguyện thiết, chấp trì danh hiệu, sẽ có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Cụ Hoàng đã trích dẫn ba bản chú giải kinh Di Đà, ba bản này quan trọng nhất: Bộ Sớ Sao của ngài Liên Trì, bộ Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích, bộ Viên Trung Sao của pháp sư U Khê. Đại Bổn và Tiểu Bổn nội dung đã là nhất trí, cho nên Tông Thú cũng chẳng thể là ngoại lệ được! "Tổng thượng đại tiểu nhị bổn, trung ngoại chư gia sở minh Tông Thú, giai dĩ tín nguyện trì danh, vãng sanh Tịnh Độ vi bổn. Ư thị, quảng tham chư gia chi thuyết, cứ bổn kinh chi văn, tiêu minh bổn kinh Tông Thú viết" (Tổng hợp những thuyết về Tông Thú của Đại Bổn và Tiểu Bổn do các vị sớ giải trong ngoài nước đã nêu ra, do vậy, tham khảo rộng khắp các thuyết của các vị, dựa trên kinh văn của kinh này, nêu rõ Tông Thú của kinh này là...). Phần sau là kết luận của cụ Hoàng Niệm Tổ. "Bổn kinh dĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi Tông" (kinh này lấy phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm làm Tông), đây là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao; "dĩ viên sanh tứ độ, kính đăng Bất Thoái vi Thú" (lấy sanh trọn vẹn trong bốn cõi, nhanh chóng chứng Bất Thoái làm Thú), đấy là quy thú. Chữ "viên sanh" tuyệt lắm! "Viên" là viên mãn, đây là chỗ thù thắng của thế giới Cực Lạc, Di Đà trí huệ hoằng nguyện viên mãn. Vì sao? Trong nguyện thứ mười chín, đã có nguyện "phát Bồ Đề tâm", trong ấy có kinh văn để làm căn cứ

như vậy, sanh về thế giới Cực Lạc "giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát" (đều là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát). Chữ Viên trong từ ngữ "viên sanh" của cụ Niệm Tổ xuất phát từ chỗ này. A Duy Việt Trí là Viên, điều này rất chẳng thể nghĩ bàn! Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đọc thấy Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, chứng ba thứ Bất Thoái, ba thứ Bất Thoái thảy đều trọn đủ: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái, đã chứng đắc, nhưng chưa thể gọi là Viên. Viên chứng ba món Bất Thoái là địa vị nào? Từ Thất Địa trở lên, địa vị đã nâng lên cao bao nhiêu? Thập

Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, cho tới Thất Địa trong Thập Địa, địa vị đã nâng lên bao nhiêu? Nâng cao hơn ba mươi sáu địa vị! Pháp môn này được gọi là "pháp khó tin", nói thật ra là hết sức khó tin. Quý vị nói: "Những vị Bồ Tát bình thường tu đến địa vị này khổ cực lắm, tốn bao nhiêu thời gian mới đạt tới địa vị này, làm sao có thể vừa sanh về thế giới Cực Lạc bèn đạt tới? Đâu có đạo lý này!" Do vậy, đức Phật nói pháp môn Tịnh Tông, "duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh" (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo), đối với pháp môn Tịnh Độ, Đẳng Giác Bồ Tát giống như cách một lớp the ngắm trăng. Thời cổ chưa có thủy tinh, dùng "la sa" (the lượt), lượt, là, the, đoạn, "la" ( ) là loại vải sa rất mịn [để che hay bịt cửa sổ], cách một lớp the để ngắm trăng, còn cách một tầng! Chỉ có thành Phật mới rốt ráo hiểu rõ, mới biết là chuyện ra sao. Bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, quý vị tới thế giới Cực Lạc, có thể hưởng thụ tức là được đãi ngộ giống như Thất Địa Bồ Tát, hiện thời nói là "đãi ngộ", hưởng thụ giống như Thất Địa Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát mà! Chẳng phải là hạng Bồ Tát tầm thường! Viên chứng ba thứ Bất Thoái, khó có lắm! Thật chẳng dễ gì tin tưởng được! Hạ hạ phẩm vãng sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tới thế giới Cực Lạc cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Chúng ta đọc đoạn kinh văn nói về bốn mươi tám nguyện, trọn chẳng thấy A Di Đà Phật bảo "hạ hạ phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư bị gạt ra ngoài". Ngài chẳng nói lời này, chẳng có câu ấy, điều đó có nghĩa là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Do vậy, thế giới Cực Lạc gọi là thế giới bình đẳng, thật sự bình đẳng. Do vậy, trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giải thích chữ A Bệ Bạt Trí trong kinh Di Đà chính là chữ A Duy Việt Trí trong kinh Vô Lượng Thọ. Tiếp theo câu ấy, Ngài nói: [Quý vị đã] vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói quý vị là Bồ Tát thì phiền não tập khí chưa đoạn, một phẩm cũng chưa đoạn, vãng sanh trong bậc Hạ là chưa đoạn. Nói quý vị chẳng phải là Bồ Tát, thì quý vị hưởng thụ đãi ngộ giống như Thất Địa Bồ Tát. Do vậy, Ngẫu Ích đại sư bảo: Chẳng thể nói quý vị là phàm phu, cũng chẳng thể nói quý vị là Bồ Tát; mà cũng có thể nói quý vị là Bồ Tát, và cũng có thể nói

quý vị là phàm phu. Tới thế giới Cực Lạc, thân phận là như vậy! [Đối với] thân phận trong thế giới Cực Lạc, nếu chính mình thật sự tu đắc A Duy Việt Trí sẽ chẳng cần A Di Đà Phật gia trì nữa, chính quý vị đã đạt tới chuẩn mức sống [của bậc thượng thiện trong cõi Cực Lạc], chẳng cần A Di Đà Phật giúp đỡ, chuyện này vẫn phải mất một khoảng thời gian. Đúng như Quán Kinh đã nói, hạ hạ phẩm vãng sanh phải tu mười hai đại kiếp, đại kiếp ấy là đại kiếp trong nhân gian; nhưng trong thế giới Cực Lạc, thọ mạng của quý vị là vô lượng thọ, cho nên mười hai đại kiếp bất quá cũng giống như mười hai ngày, rất nhanh, thời gian bên đó và thế giới chúng ta chẳng giống nhau. Vì vậy, đến thế giới Cực Lạc thành tựu đặc biệt dễ dàng. Nếu chúng ta liễu giải chẳng thấu triệt chuyện này, không hiểu rõ lắm, sẽ thường lầm lỡ một đời này, vì sao? Chẳng chuyên tâm tu. Hoàn toàn dồn hết thời gian và tinh lực của chúng ta để tu pháp môn này, sẽ thành tựu rất nhanh. Thật sự phải buông xuống, chẳng buông xuống sẽ chịu thiệt thòi to lớn. Vì thế, kinh do đức Phật nói, Tam Tạng pháp sư phiên dịch, tổ sư đại đức chú giải, [các vị ấy] đều chẳng phải là phàm nhân. Từ chỗ này, ta thấy các vị Phật, Bồ Tát thật sự quan tâm, thật sự chiếu cố những chúng sanh mê hoặc, điên đảo trong

lục đạo, vô lượng vô tận ân huệ! [Thế mà chúng sanh] chẳng biết! Có biết thì mới biết báo ân, tri ân mới có thể báo ân; chẳng biết ân làm sao có thể báo ân? Báo ân bằng cách nào? Y giáo tu hành! Có thể vãng sanh trong một đời này chính là báo ân. Hạ hạ phẩm vãng sanh về cõi Đồng Cư cũng là báo ân Phật, Phật hoan hỷ, chẳng cô phụ Phật, Tổ! Hai chữ Tông Thú nói tới đây! Phần tiếp theo mới nói tới Tông Thú của bản kinh này, vì chúng ta nói tỉ mỉ. Đoạn thứ nhất "Giáp, thủ minh Tông" (Một, trước hết giảng về Tông), trước hết, giảng nguyên tắc chỉ đạo tu hành trong bản kinh này: "Kinh trung Tam Bối Vãng Sanh phẩm trung, sở hữu thượng trung hạ tam bối vãng sanh chi nhân, mạc bất dĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi nhân" (Trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh của kinh này, tất cả những người vãng sanh trong ba bậc thượng, trung, hạ, không ai chẳng lấy phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm làm nhân). Đối với câu kinh văn này, trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh có tất cả bốn đoạn, ba đoạn trước là thượng bối, trung bối, hạ bối, trong cuốn Khoa Phán, pháp sư Từ Châu đã gọi đoạn cuối cùng là "nhất tâm tam bối". Đoạn ấy giảng điều gì? Nói về người tu Đại Thừa, chẳng chuyên tu Tịnh Độ mà tu Đại Thừa. Người tu Đại Thừa, bất luận tu pháp môn nào, lúc lâm chung, đem những gì đã tu học hồi hướng Tịnh Độ, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thảy đều có thể vãng sanh. A Di Đà Phật tâm lượng to lớn, bất luận quý vị tu pháp môn nào, chỉ cần quý vị trọn đủ điều kiện này, thảy đều có thể vãng sanh. Nhưng quý vị phải nhớ điều rất quan trọng là bất luận tu hành pháp môn nào, do vì quý vị thật sự vãng sanh, cuối cùng vẫn là tín nguyện trì danh, vẫn là tới cuối cùng, bất luận tu pháp

môn gì, công đức ấy đều giúp quý vị đến thế giới Cực Lạc, tăng cao phẩm vị, tuyệt diệu thay! Quý vị phải có cái tâm Đại Thừa thì mới được. Đại Thừa là gì? Đại Thừa là tự lợi, lợi tha, đó là Đại Thừa. Chỉ nói tới tự lợi, chẳng nói tới lợi tha, đấy là Tiểu Thừa. Đại hay Tiểu Thừa chẳng phải do kinh điển sai biệt, chẳng phải do giáo tướng sai biệt, mà do tâm lượng của chính mình sai biệt. Hiểu rõ ý nghĩa này, chúng ta học tôn giáo khác có được chăng? Suốt đời học Cơ Đốc Giáo, suốt đời học Y Tư Lan Giáo (Islam, đạo Hồi), khi lâm chung, niệm Phật có thể vãng sanh hay chăng? Chắc chắn vãng sanh. Người ấy tu công đức đó, nhất định cũng nâng cao phẩm vị, pháp môn này to quá! Trong các thứ giáo học tôn giáo, Tịnh Tông là đa nguyên văn hóa, tôn giáo gì cũng đều bao gồm, từ kinh điển chúng ta có thể thấy điều này. Người đọc kinh Địa Tạng rất nhiều, quý vị xem kinh Địa Tạng, thấy [kinh nói tới] Bà La Môn, đọc thấy chữ "ngoại đạo", đó là gì? Đó là tôn giáo khác, đức Phật chẳng bài xích. Thuở Phật tại thế, bất luận quý vị tín ngưỡng tôn giáo nào, đức Phật tuyệt đối chẳng bảo quý vị buông bỏ tôn giáo của chính mình, tu theo Ngài, không hề có! Đối với niềm tin tôn giáo, quý vị vẫn tin tôn giáo của chính mình, vẫn chiếu theo giáo lý của quý vị để tu học, đức Phật giảng cho quý vị trí huệ. Do vậy, thuở ấy, đức Phật giáo học, chẳng phân biệt quốc tịch, chẳng phân biệt sắc tộc, chẳng phân biệt tôn giáo, bất luận quý vị thuộc bối cảnh văn hóa nào, Ngài đều chẳng phản đối, chỉ cần quý vị tới học đều hoan nghênh, người đến chẳng cự tuyệt, kẻ đi chẳng giữ lại, Phật dạy theo cách ấy. Do vậy, những gì mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã phô diễn rộng rãi, người hiện thời gọi là "đa nguyên văn hóa". Trong tâm mục của Phật, Bồ Tát, tất cả hết thảy chúng sanh, bất đồng tôn giáo cũng thế, mà bất đồng văn hóa [cũng vậy], cũng đều có cùng một Thể với chính mình. Không chỉ quý vị sống trên

địa cầu có cùng một Thể với chúng tôi, mà ở trên tinh cầu khác vẫn là một Thể. Trọn khắp pháp giới hư không giới đều là một Thể, lẽ đâu còn có phân biệt? Làm sao có chấp trước? [Phân chia] người của chúng ta, người của bọn họ, đấy là gì? Đấy là tri kiến phàm phu, là cái tâm luân hồi. Tâm luân hồi học Phật cũng là tạo nghiệp luân hồi, cũng chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, tâm lượng quá nhỏ, chớ nên không biết. Phàm phu có quan niệm ấy, Phật, Bồ Tát không có, người tu Tịnh Độ cũng phải nên không có. Đó mới là đúng, đấy gọi là Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là tâm giác ngộ, đến phần sau chúng tôi sẽ giảng cặn kẽ. Thể của Bồ Đề tâm là chân thành tâm, sau khi giác ngộ sẽ có Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Dùng tựa đề kinh [để nói] thì là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác. "Thanh tịnh bình đẳng giác" là Tự Thụ Dụng, còn Tha Thụ Dụng là dùng tâm gì để đối đãi người khác? Đại từ, đại bi. Từ bi là gì? Tâm chân thành yêu thương đối với người khác. Quý vị không có Bồ Đề tâm, sẽ chẳng phải là một mực chuyên niệm,

chẳng phải là tu Tịnh Tông. Mở đầu của Tịnh Tông là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao này! Kế đó, cụ trích dẫn rất hay: "Hựu Di Đà đệ thập cửu nguyện viết: Văn ngã danh hiệu, phát Bồ Đề tâm, tu chư công đức, phụng hành Lục Ba La Mật, kiên cố bất thoái. Phục dĩ thiện căn hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc. Nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn. Lâm thọ chung thời, ngã dữ chư Bồ Tát chúng, nghênh hiện kỳ tiền, kinh tu du gian, tức sanh ngã sát, tác A Duy Việt Trí Bồ Tát" (Lại nguyện thứ mười chín của Phật Di Đà là: "Nghe danh hiệu ta, phát Bồ Đề tâm, tu các công đức, phụng hành sáu Ba La Mật, kiên cố chẳng lui sụt, lại đem thiện căn hồi hướng, nguyện sanh về cõi ta. Nhất tâm niệm ta, ngày đêm chẳng dứt. Khi lâm chung, ta cùng các vị Bồ Tát đến đón trước mặt, trong khoảnh khắc sanh về cõi ta, thành bậc A Duy Việt Trí Bồ Tát"). Đoạn kinh văn này trọng yếu! Bốn mươi tám nguyện do chính A Di Đà Phật nói, Thích Ca Mâu Ni Phật thuật lại cho chúng ta nghe, từng câu từng chữ đều do chính A Di Đà Phật nói. Do vậy, toàn bộ phẩm thứ sáu do A Di Đà Phật nói, còn có thể hư giả ư? Quý vị xem nguyện thứ mười tám: "Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm", đấy là Tông; nguyện thứ mười chín là Thú Hướng, Tông Thú, sanh về thế giới Cực Lạc làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trong nguyện mười tám, đức Phật cũng nói và cũng được cụ trích dẫn ở đây. Kế đó là: "Đệ thập bát nguyện viết: Văn ngã danh hiệu, chí tâm tín nhạo, sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc. Nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác. Duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp" (nguyện thứ mười tám là: "Nghe danh hiệu ta, chí tâm tin ưa, tất cả thiện căn tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh về cõi ta. Thậm chí mười niệm mà chẳng sanh thì chẳng giữ lấy Chánh Giác. Chỉ trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp"). Ở chỗ này, tạo tội Ngũ Nghịch có thể vãng sanh hay không? Có thể vãng sanh, chỉ cần quý vị chẳng hủy báng chánh pháp, quý vị có thể tin, có thể nguyện, đều có thể vãng sanh. Do vậy, câu cuối cùng là trọng yếu nhất, quý vị hủy báng là gì? Chẳng chịu tiếp nhận! Vậy là chẳng có cách nào hết. Chỉ cần quý vị chịu tiếp nhận, không ai chẳng vãng sanh. Do vậy, lúc lâm chung, thậm chí mười niệm, đều có thể vãng sanh. Những trường hợp như vậy rất nhiều, thời cổ đã được ghi chép, chúng ta hãy đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện; hiện thời trong số các đồng tu niệm Phật, chúng tôi cũng đã thấy. Chính mắt tôi thấy một trường hợp là cư sĩ

Châu Quảng Đại ở Mỹ. Ông này là người thật thà, là người tốt, suốt đời chẳng tin tôn giáo, chẳng có niềm tin tôn giáo. Ông ta mở một tiệm bánh mì tại Mỹ, bị bệnh ung thư. Tới thời kỳ cuối, bệnh viện từ chối trị liệu, bảo người nhà chở về, ông ta chẳng còn sống được mấy ngày. Khi ấy, người nhà cũng chẳng tin tôn giáo, nhưng lúc ông ta sắp chết mới đi cầu thần, mong mỏi có kỳ tích xuất hiện. Ở nơi ấy,

nhằm lúc chúng tôi có một hội Phật giáo, tức Hoa Phủ Phật Giáo Hội, tại Washington DC. Họ tìm đến chúng tôi, có các đồng tu đến trợ niệm cho ông ta. Đến nơi đó, thấy tình hình ấy, bảo ông ta: Quả thật là không có cách nào chữa lành được, khuyên dạy ông ta đừng cầu lành bệnh, giảng cho ông ta nghe Tây Phương Cực Lạc thế giới, giảng mạng người vô thường, không nên lưu luyến thế gian này, tới thế giới Cực Lạc tốt đẹp như thế nào, giảng cho ông ta nghe. Sau khi nghe xong, ông ta hết sức vui vẻ, tiếp nhận, bảo vợ, con thơ và con gái trong nhà: "Các ngươi đừng tìm cách chữa trị, đừng cầu ta lành bệnh nữa. Các ngươi hãy cùng niệm Phật giúp ta vãng sanh". Niệm ba ngày ba đêm, ông ta ra đi, tướng lành hết sức hiếm có, hỏa táng còn có xá-lợi. Đây là nói "lâm chung mười niệm ắt sanh". Ông ta lúc lâm chung mới tin tưởng, tiếp nhận. Năm sáu người [liên hữu] và thân nhân của ông ta, đại khái là mười mấy người, suốt ba ngày ba đêm thay phiên nhau trợ niệm giúp ông ta bèn thành công. Đây là một trường hợp chính mắt tôi thấy, lúc ra đi an tường, chẳng kinh sợ, chẳng hoảng hốt, sau khi mất, thân thể mềm mại. Kinh nói chẳng giả, có thể nói là thiện căn, phước đức, nhân duyên trong đời quá khứ thành tựu. Quả thật chẳng dễ dàng! Vừa nói, ông ta bèn tiếp nhận, hoan hỷ, thật sự làm theo, thật sự được thụ dụng. Do vậy, tiếp theo [cụ Hoàng] viết: "Khả kiến đệ thập cửu nguyện trọng tại phát Bồ Đề tâm, nhất tâm niệm ngã. Đệ thập bát nguyện trọng tại chí tâm tín nhạo, nhất hướng chuyên niệm. Cố tri phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm thị Di Đà bổn nguyện chi tâm tủy, toàn bộ đại kinh chi tông yếu, vãng sanh tất bị chi chánh nhân, phương tiện độ sanh chi từ hàng, bổn kinh sở sùng, toàn tại ư thử, tu hành yếu kính, duy tư tiệp yếu, cố vi bổn kinh chi tông dã" (Có thể thấy là nguyện thứ mười chín chú trọng "phát Bồ Đề tâm, nhất tâm niệm ta". Nguyện thứ mười tám chú trọng "chí tâm tin ưa, một mực chuyên niệm". Vì thế, biết "phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm" là tâm tủy của Di Đà bổn nguyện, là tông yếu của toàn bộ đại kinh, là chánh nhân ắt phải đủ trong vãng sanh, là thuyền Từ để làm phương tiện độ sanh. Điều được kinh đề cao đã hoàn toàn thuộc trong ấy. Đường tu hành trọng yếu, chỉ có con đường nhanh chóng, quan trọng này. Vì thế, đó là Tông của kinh này vậy). Kết luận khéo lắm, hết thảy đều là dựa theo nguyên văn trong kinh. Nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao là "phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm". Nhật Bản có một phái cũng tu Tịnh Tông, nhưng chỉ chú trọng "nhất hướng chuyên niệm", chẳng phát Bồ Đề tâm; vì thế gọi là Bổn Nguyện Niệm Phật. Không được rồi! Đã sơ sót! Chỉ giữ lấy nguyện thứ mười tám, chẳng học nguyện thứ mười chín. Do vậy, có những đồng tu của họ (Tịnh Độ Tông Nhật Bản) tới tìm tôi, tôi nói các vị sai rồi. Họ nói: "Đây cũng là do tổ sư truyền lại". Tôi nói: "Không sai! Khi tổ sư truyền lại, lúc ấy, mỗi nguyện đều hàm nhiếp viên mãn bốn mươi bảy nguyện kia, nguyện nào

cũng như thế, cho nên là đúng. Nếu quý vị chỉ [chú trọng] đơn độc nguyện này, những nguyện khác đều chẳng được bao gồm trong ấy, không được rồi, đó chẳng phải là bổn

nguyện của A Di Đà Phật, nhất định phải hiểu rõ ràng, minh bạch. Phát Bồ Đề tâm là trọng yếu. Bồ Đề tâm là giác ngộ, Bồ Đề tâm mới có thể buông xuống. Không có Bồ Đề tâm, sẽ chẳng buông xuống được. Buông xuống thì nhất hướng chuyên niệm mới có thể thu được hiệu quả, mới chính thức tâm tâm tương ấn, cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật. Do vậy, nguyên tắc chỉ đạo này là chính xác. Nhân đã chánh thì đương nhiên quả cũng chánh, quyết định được sanh vào thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây. Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa phần 11 hết

---o0o---

Phần 12

Tập 23

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang hai mươi ba, dòng thứ năm đếm từ dưới lên, chúng ta đọc một đoạn văn tự: "Đàm Loan đại sư Vãng Sanh Luận Chú viết: Vô Lượng Thọ Kinh tam bối vãng sanh trung, tuy hạnh hữu ưu liệt, mạc bất giai phát vô thượng Bồ Đề chi tâm. Thử vô thượng Bồ Đề chi tâm, tức thị nguyện tác Phật tâm; nguyện tác Phật tâm, tức thị độ chúng sanh tâm; độ chúng sanh tâm, tức nhiếp thủ chúng sanh sanh hữu Phật quốc độ tâm" (Đàm Loan đại sư đã viết trong Vãng Sanh Luận Chú: "Trong phần Tam Bối Vãng Sanh của kinh Vô Lượng Thọ, tuy hạnh có hơn kém, nhưng không ai chẳng đều phát tâm vô thượng Bồ Đề. Tâm vô thượng Bồ Đề ấy chính là tâm nguyện làm Phật. Tâm nguyện làm Phật chính là tâm độ chúng sanh. Tâm độ chúng sanh là tâm nhiếp thủ chúng sanh sanh về cõi có Phật"). Chúng ta xem tới đây, đây là một đoạn ngắn. Đàm Loan đại sư là một vị đại đức chú giải Vãng Sanh Luận trong Tịnh Độ Tam Kinh Nhất Luận, rất nhiều vị cổ đại đức cho rằng Ngài phải là một vị tổ sư của Tịnh Độ Tông. Nếu là tổ sư, [xếp theo niên đại] Ngài ở trước ngài Thiện Đạo, Ngài có cống hiến thù thắng đối với sự tu học và hoằng dương Tịnh Độ. Vãng Sanh Luận do Thiên Thân Bồ Tát viết, đấy là bản báo cáo tâm đắc trong tu học Tịnh Tông của Thiên Thân Bồ Tát; khi truyền tới Trung Quốc, [luận ấy] trở thành điển tịch chánh yếu của Tịnh Tông, thuộc vào Tam Kinh Nhất Luận. Hiện thời là Ngũ Kinh Nhất Luận,

hai thứ ấy, một là do cư sĩ Ngụy Nguyên đời Thanh trước kia đem quyển cuối cùng của Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm ghép vào sau tam kinh, trở thành tứ kinh; Ấn Quang đại sư đem chương Đại Thế Chí Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm ghép vào sau tứ kinh, trở thành Ngũ Kinh Nhất Luận, ngũ kinh là như thế đó. Kinh văn của Ngũ Kinh Nhất Luận cũng chẳng dài; do vậy, in Ngũ Kinh Nhất Luận thành một quyển thì vẫn là một cuốn sách nhỏ, toàn bộ điển tịch Tịnh Tông ở trong đó. Trong bản chú giải ấy, Đàm Loan đại sư nói: Trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh của kinh Vô Lượng Thọ, kinh nói tuy hạnh có hơn, kém (ưu, liệt), "hạnh" là nói tới sự tu hành, tức là công phu niệm Phật tu hành có cạn hay sâu khác nhau. Công phu sâu là ưu, công phu sâu là có thể niệm đến Sự nhất tâm, hoặc niệm tới Lý nhất tâm là công phu sâu, còn "kém" là nói về công phu thành phiến. Thật ra, công phu thành phiến cũng có hơn kém khác nhau, nhưng nói

chung, mức độ thấp nhất là câu Phật hiệu phải có thể khuất phục phiền não thì mới được, nếu chẳng thể khuất phục tức là chẳng có công phu! Có thể chế phục [phiền não] là công phu cạn nhất. Tuy cạn nhất, vẫn hữu dụng: Khi lâm chung còn có thể chế phục [phiền não], người ấy chắc chắn vãng sanh; nhưng một câu hết sức trọng yếu ở đây là "phát Bồ Đề tâm". Nếu không có Bồ Đề tâm, công phu dù giỏi đến mấy cũng chẳng thể vãng sanh, chúng ta phải biết điều này. Bồ Đề tâm là gì? Cụ Hoàng nói: "Thử vô thượng Bồ Đề tâm, tức thị nguyện tác Phật tâm" (Tâm vô thượng Bồ Đề ấy chính là tâm nguyện làm Phật), câu này rất trọng yếu. Trong Di Đà Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư bảo: "Có thể vãng sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không?" Ở đây, nguyện ấy được gọi là "tâm nguyện làm Phật", nguyện này trọng yếu! Quý vị tới Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm gì? Để làm Phật, chẳng vì lẽ gì khác! Đến nơi ấy là do minh tâm kiến tánh mà đến. Trong Thiền Tông nói "đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật", ngoài Thiền Tông ra, tám vạn bốn ngàn pháp môn, có pháp môn nào chẳng lấy điều này làm mục tiêu? Do vậy, trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã bảo: "Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp", lời này là thật, vì tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào tới cuối cùng cũng đều là minh tâm kiến tánh. Tịnh Độ Tông cũng không ra ngoài lệ ấy! Tịnh Độ Tông vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đúng là đới nghiệp vãng sanh, chưa khai ngộ! Tới khi nào sẽ khai ngộ? Sau khi tới thế giới Cực Lạc, gặp A Di Đà Phật, chắc chắn khai ngộ. Cổ nhân nói: "Đản đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ" (chỉ thấy Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ). Đấy là điều thù thắng của Tịnh Tông. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất luận một môn nào, nếu chẳng khai ngộ, hễ chưa kiến tánh, chẳng thể coi là thành tựu được! Riêng Tịnh Tông chỉ cần vãng sanh, dẫu phẩm vị vãng sanh kém cỏi đến mấy, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư, đã khai ngộ hay chưa? Chưa khai ngộ! Tuy [kẻ đới nghiệp

vãng sanh] chưa khai ngộ; nhưng trong bốn mươi tám nguyện, A Di Đà Phật đã cho chúng ta biết: "Giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát" (đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát). A Duy Việt Trí Bồ Tát là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vì sao kẻ chưa đoạn phiền não, chưa khai ngộ, tới thế giới Cực Lạc bèn đại triệt đại ngộ, có trí huệ, đức năng, thụ dụng như vậy, đấy là chuyện như thế nào? Chúng ta hiểu những điều ấy đều do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Trước đó, quý vị chưa giác ngộ, chẳng sao cả! Công đức và trí huệ của Phật sẽ gia trì quý vị, cho nên trong Tây Phương thế giới, quý vị hưởng sự đãi ngộ chẳng khác Thất Địa Bồ Tát. Đây là phương pháp khó tin, trong kinh điển, đức Thế Tôn cũng thường nói pháp môn này "chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo". Chỉ có thật sự thành Phật mới hiểu rõ đạo lý này, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn chưa mười phần thấu triệt đạo lý ấy. Đấy là chỗ sâu mầu của pháp môn này! Ở đây nói "nguyện tác Phật tâm" (tâm nguyện làm Phật) thì tâm nguyện làm Phật nghĩa là gì? Lời giải thích tiếp đó hay lắm: "Tức thị độ chúng sanh tâm" (tức là tâm độ chúng sanh), nguyện thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là "chúng sanh vô biên thệ nguyện độ". Độ chúng sanh há phải là chuyện dễ dàng? Hiện thời, thế gian này chúng sanh khổ đến cùng cực, xã hội động loạn, thiên tai xảy ra liên tiếp, hết sức dày đặc. Từ truyền thông, TV, radio, quý vị đều có thể thấy: Mỗi ngày đều có tai nạn. Hơn nữa, dường như tai nạn mỗi lần càng nghiêm trọng hơn. Hiện nay, cư dân trên toàn địa cầu dường như chẳng

một người nào có cảm giác an toàn, quý vị nói xem chuyện này có đáng khiếp hãi hay chăng? Từ trước tới giờ chưa hề có! Do nguyên nhân gì? Chúng ta thấy thế giới Cực Lạc tai nạn gì cũng đều không có, thân tâm con người khỏe mạnh, vô lượng thọ, thân kim cang bất hoại, những điều này có nghĩa là: Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử. Sanh vào nơi ấy chẳng phải là thai sanh, mà là hóa sanh, tức là hóa sanh trong hoa sen, chẳng có nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử, vô lượng thọ mà! Chẳng có nỗi khổ vì cầu không được (cầu bất đắc khổ), khổ vì yêu thương phải chia lìa (ái biệt ly khổ), khổ vì oán ghét mà cứ phải gặp gỡ (oán tắng hội khổ), khổ vì năm ấm lừng lẫy (ngũ ấm xí thịnh khổ). Đấy là Bát Khổ như trong kinh Phật đã dạy. Người thế gian, lục đạo phàm phu, bị tám khổ chen nhau nung nấu; trong thế giới Cực Lạc chẳng có tám nỗi khổ ấy, Hoại Khổ và Hành Khổ cũng chẳng có; vì thế, gọi là thế giới Cực Lạc. Người sanh vào nơi ấy, tức người vãng sanh cõi ấy đều có tâm độ chúng sanh, đều phát cái nguyện này: “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui. Khổ do đâu mà có? Khổ do mê hoặc mà có! Quý vị chẳng hiểu chân tướng sự thật, khởi tâm động niệm đều do phiền não làm chủ. Phiền não làm chủ khiến cho quý vị tạo nghiệp. Khởi tâm động niệm là ý tạo nghiệp, ngôn

ngữ và hành vi là thân khẩu tạo nghiệp. Tạo nghiệp, nghiệp có thiện và bất thiện. Thiện nghiệp thọ báo trong tam thiện đạo, ác nghiệp sẽ thọ báo trong tam ác đạo, khổ chẳng thể nói nổi, vĩnh viễn chẳng ra khỏi lục đạo luân hồi. Đó là chân khổ (nỗi khổ thật sự). Lục đạo là thật, chẳng giả, ai phát hiện lục đạo trước hết? Chẳng phải là Thích Ca Mâu Ni Phật! [Lục đạo] đã được Bà La Môn phát hiện từ xưa, còn sớm hơn Thích Ca Mâu Ni Phật tối thiểu mấy ngàn năm! Bà La Môn giáo hiện thời là Hưng Đô Giáo (Hinduism, Ấn Độ giáo), tôi có qua lại với họ, còn tham gia họp mặt với họ. Những trưởng lão [Ấn giáo] bảo tôi: Tôn giáo của họ có lịch sử lâu đến một vạn năm, đời đời tương truyền, tôi tin tưởng [lời ấy], người Ấn Độ không coi trọng lịch sử. Nghĩ lại Trung Quốc thì Trung Quốc thường nói có năm ngàn năm lịch sử, năm ngàn năm ấy là nói theo kiểu nào? [Tính từ khi] có ghi chép, có văn tự ghi chép. Văn tự được sáng chế vào thời Hoàng Đế, kể từ thời Hoàng Đế tới hiện đại là bốn ngàn năm trăm năm. Trước Hoàng Đế là Thần Nông, trước Thần Nông có Phục Hy; theo truyền thuyết, Bát Quái do Phục Hy vẽ ra. Trong khoảng thời gian ấy, từ Thần Nông đến Hoàng Đế là năm trăm năm, từ Thần Nông tới Phục Hy cũng là năm trăm năm, [tổng cộng] là một ngàn năm. Trước khi Trung Quốc chính thức sử dụng văn tự là một ngàn năm, đã bắt đầu có những phù hiệu [để đánh dấu những sự kiện quan trọng], những thứ Giáp Cốt Văn88 được khai quật đã chứng tỏ điều này. Do vậy, Trung Quốc dùng phù hiệu để ghi chép, đích xác là có thể hơn năm ngàn năm. Trước năm ngàn năm, ngay cả những phù hiệu ấy cũng không có, nhưng có nhân loại hay chăng? Đương nhiên là có! Đã thế, người thông minh chẳng ít. Tinh hoa của văn hóa truyền thống Trung Quốc do cổ thánh tiên hiền lưu lại, Khổng phu tử biên tập, hệ thống hóa lại mà thôi. Lão nhân gia nói hết sức thành thật, cả đời Ngài “thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ” (thuật lại chứ không trước tác, tin tưởng, chuộng cổ). Con người hiện thời phải nên học tập điều này! Từ thái độ ấy, quý vị thấy lão nhân gia khiêm hư, cung kính. Hai câu này cho thấy: Sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền suốt một đời Phu Tử chẳng phải là những thứ của chính Ngài, chính

Ngài cả đời chẳng sáng tạo, chẳng phát minh, hết thảy đều do cổ thánh tiên hiền lưu lại, bất quá Ngài chỉ dùng văn tự để ghi chép hòng lưu truyền hậu thế. Chúng tôi tin rằng trong Luận Ngữ có nhiều câu là do cổ thánh tiên hiền từ ngàn vạn năm trước truyền lại. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng không ngoại lệ, Thanh Lương đại sư nói: Hết thảy các kinh do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm đều do cổ Phật đã nói. Ngài Thanh Lương nói: Đức Thế Tôn từng bảo Ngài chẳng thêm một chữ nào vào các kinh do cổ Phật đã nói, thái độ còn nghiêm cẩn hơn Khổng Tử. Thánh nhân Đông phương và Tây phương đã nêu gương cho chúng ta.

Hiện nay, chúng ta thường nghĩ phải sáng tạo, phải phát minh, phải trội hơn người khác, quan niệm ấy là gì? Quan niệm ấy là phiền não! Tham, sân, si, mạn, nghi, quý vị xem người đó đã phạm bao nhiêu chữ trong mấy chữ ấy? Chẳng khiêm nhượng như cổ nhân. Phu Tử ôn hòa, hiền từ, cung kính, tiết kiệm, nhường nhịn, chắc chắn chẳng tranh danh, đoạt lợi, tự mình có kiến giải giống như cổ nhân, bèn nói những điều cổ nhân đã nói, chẳng nói những điều của chính mình, đó là đức hạnh, tích đức. Chẳng ham tiếng tăm, lợi dưỡng, đấy là điều kiện căn bản của học vấn, đức hạnh thế gian và xuất thế gian. Do vậy, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta mười cương lãnh tu học, thứ nhất là "lễ kính chư Phật". Kinh Mân Côi của đạo Thiên Chúa có tất cả mười lăm đoạn, đoạn thứ nhất bảo chúng ta hãy học tập đức khiêm tốn của Đức Mẹ Maria. Quý vị mở sách Lễ Ký ra xem, câu đầu tiên là "Khúc Lễ viết, vô bất kính" (Khúc Lễ nói: "Không gì chẳng kính"). Thánh nhân thế gian và xuất thế gian dạy chúng ta học từ đâu? Học từ khiêm tốn. Người Trung Quốc nói tới Lễ, tinh thần của Lễ là "tự ty, tôn nhân", [tức là] chính mình khiêm tốn, tôn trọng người khác, đó là Lễ. Chính mình làm cho người khác thấy, họ tiếp xúc sẽ cảm động, học tập theo quý vị, lúc ấy mới là "độ chúng sanh". Thánh nhân thế gian và xuất thế gian "độ" là giáo hóa, chỉ dạy người khác, cách dạy ra sao? Trước hết, [chính mình] phải làm, thân hành, ngôn giáo. Thân hành được xếp hàng đầu, đó là giáo dục người khác bằng hành động gương mẫu, ta phải làm được [những điều ta dạy]. Người khác trông thấy, mong học theo, họ nêu câu hỏi, quý vị lại dùng ngôn ngữ để chỉ dạy. Nhất định phải là trước hết [chính mình] làm được. Chúng ta phải giúp chúng sanh làm được rốt ráo viên mãn trong một đời này, điều này khó lắm. Chính chúng ta muốn làm tới mức viên mãn còn chưa dễ dàng, huống hồ người khác? Nhưng A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đã mở cho chúng ta một pháp môn phương tiện, đó là pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn này tu như thế nào? Quý vị hãy xem, "nhiếp thủ chúng sanh sanh hữu Phật quốc độ tâm" (tâm nhiếp thủ chúng sanh sanh vào cõi nước có Phật). A Di Đà Phật ở trong cõi nước Tây Phương, quốc độ này do Ngài kiến lập, chúng ta có thể tin tưởng hay chăng? Nếu quý vị có thể khế nhập Đại Thừa đôi chút, quý vị sẽ tin tưởng, do đạo lý nào? Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng! Trong tương lai, từ bộ kinh này, chúng ta cũng có thể thấy: Trong ấy, nói đến lịch sử của Tây Phương Cực Lạc thế giới, thế giới ấy thành tựu như thế nào, khi giảng đến chỗ ấy, chúng tôi sẽ lại báo cáo tỉ mỉ cùng mọi người. Chúng ta liễu giải lịch sử, sanh tâm cảm ơn A Di Đà Phật, Ngài kiến lập thế giới Tây Phương, tiếp dẫn lục đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật trọn khắp pháp giới hư không giới. Người thuộc tứ thánh pháp giới dễ độ, chúng sanh trong lục đạo chẳng dễ độ, họ chưa thể đoạn phiền não. Tiếp dẫn những

chúng sanh ấy đến thế giới Cực Lạc, nói

theo cách bây giờ sẽ là “di dân”. Nơi này hoàn cảnh học tập chẳng tốt đẹp, chướng duyên rất nhiều; thế giới Cực Lạc là hoàn cảnh học tập hết sức tốt đẹp, điều kiện học tập bên ấy thứ gì cũng đều trọn đủ. Có thầy giỏi, có hoàn cảnh tốt đẹp, bạn học tốt lành, trong hoàn cảnh ấy, tập khí phiền não của chúng ta đều bất tri bất giác bị đào thải sạch; điều này hết sức khó có, hết sức thù thắng. “Hữu Phật quốc độ” (Cõi nước có Phật): Trên thế giới này chẳng có Phật, thời gian Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế rất ngắn! Từ lúc Ngài giáng sanh cho đến khi nhập diệt là tám mươi năm, từ lúc Phật khai ngộ tới khi [hoàn tất sự nghiệp] dạy học là bốn mươi chín năm. Ngài khai ngộ năm ba mươi tuổi, bắt đầu dạy học từ năm ba mươi tuổi, bảy mươi chín tuổi viên tịch, người Trung Quốc nói theo kiểu hư tuế89 là tám mươi tuổi. Nói theo cách của người ngoại quốc thì Phật vừa đúng bảy mươi chín tuổi. A Di Đà Phật thường trụ trong thế giới ấy, chúng sanh thọ vô lượng, Phật cũng thọ vô lượng. Không chỉ riêng A Di Đà Phật giáo hóa ở bên ấy, mà mười phương chư Phật cũng thường đến nơi ấy để giảng kinh, giáo học. A Di Đà Phật mở trường, mười phương chư Phật tới đó với thân phận giáo thụ, tức là dùng thân phận của một vị thầy để đến nơi ấy. A Di Đà Phật cũng có hai vị trợ thủ là Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát. Hai vị trợ thủ của Phật, một vị chủ trì Hạnh môn, một vị chủ trì Giải môn: Đại Thế Chí Bồ Tát chủ trì Giải môn, giảng kinh, dạy học. Quán Thế Âm Bồ Tát chủ trì Hạnh môn, chỉ đạo quý vị thật sự tu tập như thế nào, chúng ta nói là “thật sự hành”. Do vậy, tiến bộ hết sức vô cùng nhanh chóng, đây là lý do vì sao chúng ta phải chọn lựa pháp môn này. Chọn lựa pháp môn khác sẽ không được ư? Đúng là không được! Do chúng ta chưa buông phiền não tập khí xuống được, nên mới chọn lựa pháp môn này. Chúng ta lại đọc tiếp, “thị cố nguyện sanh bỉ An Lạc Tịnh Độ giả, yếu phát vô thượng Bồ Đề tâm dã. Nhược nhân bất phát vô thượng Bồ Đề tâm, đản văn bỉ quốc độ thọ lạc vô gián, vị lạc cố nguyện sanh, diệc đương bất đắc vãng sanh dã” (vì thế, kẻ nguyện sanh về cõi An Lạc Tịnh Độ kia, phải phát vô thượng Bồ Đề tâm. Nếu ai chẳng phát vô thượng Bồ Đề tâm, chỉ nghe trong cõi kia hưởng sự vui chẳng gián đoạn, vì [ham chuộng] vui sướng mà nguyện vãng sanh, cũng chẳng thể vãng sanh). Chúng ta phải nhớ kỹ câu này, nghe nói cõi nước ấy quá tốt đẹp, nhưng ta chẳng phát tâm độ chúng sanh, chỉ vì thế gian này quá khổ sở, ta đến đó hưởng lạc, thế giới ấy quá tốt đẹp, vô cùng hâm mộ, như vậy thì có thể vãng sanh hay chăng? Chẳng thể vãng sanh! Vì chẳng tương ứng với bổn nguyện của A Di Đà Phật, mà cũng chẳng tương ứng với nguyện vọng của tất cả những người đã vãng sanh thế giới Cực Lạc; do vậy, quý vị không đi được. Đây là nói về tầm quan trọng của nguyện thứ chín của A Di Đà Phật, trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác, chẳng thể xem nhẹ! Nguyện mười tám là “mười niệm ắt sanh”,

nguyện mười chín là “phát Bồ Đề tâm”. Bồ Đề tâm là gì? Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy Bồ Đề tâm có ba ý nghĩa. Thứ nhất là chí thành tâm, đây là Thể của Bồ Đề tâm, chân thành. Thứ hai là thâm tâm, tức tâm sâu hay cạn. Thâm tâm là Tự Thụ Dụng. Trong tựa đề kinh nói tới thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm và giác tâm. Ba món này là Tự Thụ Dụng Bồ Đề tâm. Nói cách khác, chính mình hằng ngày tu hành, cũng có nghĩa là trong cuộc sống, trong công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, đều phải dùng tâm “thanh tịnh, bình

đẳng, giác", đấy là Tự Thụ Dụng. Tâm thứ ba nhằm dành cho người khác, chúng ta dùng tâm gì để đối đãi người khác? Hồi hướng phát nguyện tâm. Hồi hướng phát nguyện là đại từ đại bi, giúp hết thảy chúng sanh nhận biết Tịnh Độ, liễu giải Tịnh Độ, và cũng phát tâm cầu sanh Tịnh Độ giống như chúng ta. Đó gọi là hồi hướng phát nguyện tâm. Ba tâm này là một tâm, chẳng phải là nói có ba tâm, mà chúng là một tâm, nhất tâm. [Nói ba tâm là nói tới] Thể và Dụng của một tâm, trong Dụng lại chia thành hai loại: Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Phàm là người tu Tịnh Độ, nếu không có ba tâm ấy, dẫu niệm Phật hiệu giỏi giang cách mấy, vẫn chẳng thể vãng sanh! Phải ghi nhớ điều này! Ở đây, nói rất rõ ràng: Nếu chẳng phát Bồ Đề tâm, sẽ không thể vãng sanh, có thể thấy phát tâm trọng yếu. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: Có thể vãng sanh hay không được quyết định bởi có tín nguyện hay không! Quý vị có tin Tịnh Độ hay không? Quý vị có phát Bồ Đề tâm hay chăng? Chỉ cần quý vị tin tưởng Tịnh Độ, phát Bồ Đề tâm, chắc chắn được vãng sanh. Công phu niệm Phật sâu hay cạn [quyết định] phẩm vị sanh về thế giới Cực Lạc của quý vị, phẩm vị cao hay thấp khác nhau. Công phu niệm Phật sâu, phẩm vị sẽ cao; công phu kém hơn một chút, phẩm vị sẽ thấp. Trong hai thứ này, thứ nào trọng yếu? Phát tâm trọng yếu. Thật sự phát tâm, cổ đại đức bảo: Mỗi ngày quý vị tu pháp Thập Niệm là được rồi. Cả đời chẳng gián đoạn, sáng tối mỗi ngày, buổi sáng thức dậy bèn niệm Phật mười tiếng, buổi tối đi ngủ niệm Phật mười tiếng, mỗi ngày chẳng gián đoạn, cả đời chẳng gián đoạn, đấy là "tịnh niệm tiếp nối". Quý vị thấy pháp môn này dễ lắm, đơn giản lắm, đúng như Thiện Đạo đại sư nói: "Vạn người tu, vạn về", chẳng sót một ai! Xem đoạn tiếp theo: "Hựu An Lạc Tập viết, y Thiên Thân Tịnh Độ Luận" (Lại nữa, sách An Lạc Tập ghi: "Dựa theo Tịnh Độ Luận của Thiên Thân Bồ Tát"), [Tịnh Độ Luận] là Vãng Sanh Luận, trong ấy nói, "phàm dục phát tâm hội vô thượng Bồ Đề giả, hữu kỳ nhị nghĩa" (phàm muốn phát tâm hiểu vô thượng Bồ Đề thì có hai ý nghĩa), giảng vô thượng Bồ Đề rõ ràng hơn. "Tiên tu ly tam chủng dữ Bồ Đề môn tương vi pháp" (trước hết, phải lìa ba thứ pháp trái nghịch Bồ Đề môn). Ba pháp trái nghịch ấy sẽ chướng ngại quý vị phát Bồ Đề tâm. Chỉ cần quý vị có cái tâm ấy, sẽ chẳng thể phát Bồ Đề tâm. Do vậy, quý vị phải tách rời chúng, buông chúng

xuống. "Nhị giả, tu tri tam chủng thuận Bồ Đề môn pháp" (Hai là cần biết ba pháp thuận Bồ Đề môn), còn có phương pháp tùy thuận Bồ Đề môn. Tiếp đó, sách giảng: "Hà đẳng vi tam? Y trí huệ môn, bất cầu tự lạc, viễn ly ngã tâm tham trước tự thân cố" (Ba pháp ấy là gì? Nương theo trí huệ môn, chẳng cầu vui sướng cho riêng mình, vì xa lìa cái tâm chấp ngã, tham đắm thân mình), đây là điều thứ nhất. Nói cách khác, quý vị cầu vui sướng cho riêng mình, cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần thế gian, chấp trước thân thể này, chấp thân tướng này là ta, không buông xuống được, sẽ chẳng thể phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm ắt phải vong ngã. Trong kinh Kim Cang, đức Phật nói bốn câu: "Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng". Bồ Đề tâm sẽ phát khởi. Bởi lẽ, Ngã Chấp là chướng ngại nghiêm trọng nhất, khởi tâm động niệm đều nghĩ đến mình, chuyện này rất phiền phức. Có thể chuyển ý niệm hay không, khởi tâm động niệm đều nghĩ tới người khác, nghĩ tới xã hội, nghĩ đến những chúng sanh khổ nạn, chúng ta làm thế nào để giúp đỡ họ? Quý vị nói ta chẳng có năng lực giúp đỡ họ, đó là giả, quý vị đã hoàn toàn sai rồi! Ta dùng năng lực gì? Chỉ cần ta học đàng hoàng,

học theo gương tốt, nêu gương tốt là ta đã giúp xã hội, giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Chúng sanh cầu vui sướng cho riêng mình, ta không cầu, chúng sanh niệm niệm vì chính mình, ta niệm niệm vì người khác. Làm được [những điều ấy], chẳng phải là không làm được. Điều này cần đến trí huệ, người có trí huệ sẽ làm được. Kẻ thiếu trí huệ, tự tư tự lợi, tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần, chẳng lìa khỏi tham, sân, si, mạn, người như vậy chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Dẫu niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, người ấy kết duyên với Phật, kết thiện duyên, nhưng đời này chẳng thể vãng sanh! Vì thế, đây là điều kiện tiên quyết, trong cuộc sống hết thảy tùy duyên, trọn chẳng so đo! Thứ hai là "y từ bi môn", "môn" là pháp môn, tức là phương pháp tu hành, "bạt nhất thiết chúng sanh khổ, viễn ly vô an chúng sanh tâm cố" (dẹp khổ cho hết thảy chúng sanh, xa lìa cái tâm khiến cho chúng sanh chẳng yên ổn). Câu cuối cùng này quan trọng, chớ nên khiến cho tâm chúng sanh bất an, làm cho chúng sanh tâm bất an sẽ trái nghịch Bồ Đề tâm. Đây là "tâm dẹp khổ", thấy chúng sanh có khổ nạn phải giúp đỡ họ. Nỗi khổ lớn nhất là gì? Tâm tình bất an, điều này rất đau khổ, vọng niệm quá nhiều, lo được, lo mất. Chúng ta thấy tình hình giống như vậy trong xã hội này có nhiều hay không? Mọi nơi đều như vậy. Nhất là trong xã hội cận đại này, giáo học luân lý, đạo đức, nhân quả đều không có, con người học gì? Học tham lam, biển dục vô biên! Tâm tham bành trướng, bành trướng tới cuối cùng, [sẽ như] đức Phật đã dạy trong kinh Lăng Nghiêm, tâm tham cảm ứng nước, nước biển dâng lên, nhấn chìm toàn bộ lục địa trên mặt địa cầu. Đấy là kết quả

tâm tham bành trướng tới cuối cùng. Chúng tôi ở Mỹ, thấy họ vẽ bản đồ thế giới tương lai, băng ở Nam Cực và Bắc Cực hoàn toàn tan chảy, các nhà khoa học bảo nước biển sẽ dâng lên cao hơn năm mươi mét, những gì có độ cao dưới năm mươi mét trong hiện thời đều bị nhấn chìm. Các khoa học gia biết điều này, và cũng công nhận đó là chuyện rất có thể xảy ra, không có cách nào giải quyết vấn đề này. Nhiệt độ địa cầu không ngừng tăng lên. Nhiệt độ tăng lên là do sân khuể, nước biển dâng trào là do tham lam, đấy là đại tai nạn trên địa cầu. Xảy ra như thế nào? Do tham, sân, si của nhân loại trên địa cầu gây ra. Trong tâm kiêu căng, ngạo mạn, bất bình, tạo thành động đất, ngu si tạo thành phong tai. Có đạo lý hay chăng? Có đạo lý! Đạo lý giảng trong kinh Phật quá sâu, rất khó có; hiện thời các khoa học gia đã chứng tỏ, hiện thời có căn cứ khoa học. Theo Đại Thừa Phật pháp, toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ (organism), sống động, toàn bộ vũ trụ sống động. Nói từ chỗ nào? Phật pháp nói một vi trần, nay chúng ta gọi vi trần là nguyên tử, điện tử, hay hạt cơ bản, đấy là những vật chất nhỏ nhất. Vật chất là Sắc, sau Sắc có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nhà Phật gọi chúng là Ngũ Uẩn. Dẫu là một hạt cơ bản, nhỏ hơn nguyên tử và điện tử, thân thể chúng ta do một đống những hạt cơ bản tổng hợp thành, mỗi hạt cơ bản đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, trong Phật pháp nói là A Lại Da. Pháp Tướng Tông nói trong vũ trụ cái gì cũng không có, chỉ là Thức, nên nói là Duy Thức, điều ấy là thật. Thức là gì? Thức do tinh thần và vật chất hỗn hợp thành. Quý vị nói tới con người chúng ta, mọi người sẽ dễ hiểu, năm thức trước của chúng ta, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có cảm thụ, có năng lực tiếp nhận. Thức thứ sáu là tư tưởng, phân biệt; thức thứ bảy là chấp trước. A Lại Da là ký ức, giống như một cái kho ký ức. Trong những năm qua, tiến sĩ Giang Bổn Thắng của Nhật Bản phát hiện, ông ta làm thí

nghiệm với nước suốt mười mấy năm, nước là khoáng vật, nhưng nước có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ con người, nó có phản ứng. Điều này chứng tỏ nước là một thể hữu cơ. Gần đây, lại có một tin tức do các đồng học hạ tải (download) [từ Internet] đưa cho tôi, tôi mới đọc một lần, một lần chưa được! Phải đọc cả mười mấy lượt, ấn tượng mới có thể khắc sâu. Họ nói nước còn có ký ức, ký ức là A Lại Da thức, điều này chứng tỏ: Trong hạt cơ bản có đầy đủ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Cả vũ trụ là sống động, bất luận vật chất hiện tượng gì cũng đều do các hạt cơ bản hợp thành. Trong mỗi hạt cơ bản đều có đủ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tác dụng của nó, là tâm pháp. Do vậy, chúng tôi nghĩ: Thân thể này của chúng ta do bao nhiêu nguyên tử, điện tử tổng hợp thành? Nếu hỏi các khoa học gia về con số ấy, con số ấy quá lớn! Mỗi nguyên tử, mỗi hạt cơ bản đều có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tổng hợp thành một cá nhân, toàn bộ cũng là cùng một Sắc,

Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Phân tích đến mức vi tế, vẫn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chúng ta khởi tâm động niệm thì núi, sông, đại địa biết, cây cối, hoa, cỏ biết, hiện tượng tự nhiên đều biết. Chúng ta khởi lên thiện niệm, chúng nó sẽ có đáp trả tốt lành; khởi lên ác niệm, nó sẽ có đáp trả bất thiện. Hiện thời, cư dân trên địa cầu khởi lên toàn ý niệm tham, sân, si, mạn, nghi, toàn là tổn người lợi mình, cho nên địa cầu có lắm tai nạn. Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp dường ấy? Cư dân nơi đó hằng ngày được A Di Đà Phật giáo hóa, chỉ dạy, hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều tới đó dạy học, cho nên người nơi ấy, không ai có ác niệm, lại càng chẳng có một ai mang hành vi bất thiện. Do vậy, cõi ấy [toàn là] tin tức tốt lành, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa thảy đều tốt đẹp, chẳng có gì bất hảo, kinh Đại Thừa gọi điều này là “cảnh chuyển theo tâm”. Trong các đồng học chúng ta cũng có người thật sự lạy Phật cầu phước, hỏi khi có những tai nạn ấy thì dùng phương pháp gì để hóa giải tai nạn? Nghe nói Phật, Bồ Tát chỉ có bốn chữ “giảng kinh, giáo học”. Quý vị nói xem có lý hay không? Tây Phương Cực Lạc thế giới vốn là mỗi ngày đều giảng kinh, giáo học chẳng gián đoạn. Mấy năm trước, chúng tôi làm thí nghiệm tại Thang Trì, chứng tỏ điều gì? Nhân dân được giáo hóa bèn tốt đẹp. Chỉ cần con người chuyển biến ý niệm, chẳng còn tạo ác, niệm niệm tương ứng với Tánh Đức. Tại Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta: Có thể tương ứng với hiếu đạo, tương ứng với Ngũ Luân, tương ứng với Ngũ Thường, tương ứng với Tứ Duy, Bát Đức, giáo dục trí huệ, giáo dục từ bi, trên thế giới này tai nạn gì cũng đều chẳng có. Còn bản thân quý vị thì sao? Bệnh tật gì cũng chẳng có, mỗi năm tuổi cao hơn, nhưng năm nào cũng khỏe mạnh, chắc chắn không già yếu. Do nguyên nhân gì? Tướng chuyển theo tâm, tâm của quý vị thiện lương, đạo lý ở chỗ này. Cảnh chuyển theo tâm; đối với hoàn cảnh thì đại hoàn cảnh là địa cầu, nếu hướng ra ngoài thì đại hoàn cảnh là Thái Dương Hệ, Ngân Hà Hệ đều là hoàn cảnh sống của chúng ta. Ý niệm tốt đẹp thì toàn bộ đều tốt đẹp. Ý niệm bất hảo, mọi chuyện đều xảy ra. Nếu tinh cầu chệch khỏi quỹ đạo, đúng là đại tai nạn, chẳng phải là tai nạn nhỏ nhoi. Có thể là khiến cho tinh cầu chẳng bị chệch khỏi quỹ đạo hay không? Có thể! Chỉ cần trở về luân lý, đạo đức, sẽ không xảy ra vấn đề. Những điều này đều là thật, quý vị hãy tin tưởng, phải tin tưởng lời “lão nhân” mới được. Phật, Bồ Tát là lão nhân, Khổng Tử, Mạnh Tử là lão nhân, các Ngài chẳng lừa người, vì sao? Các Ngài tiếng tăm, lợi

dưỡng gì cũng chẳng cần. Nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, quý vị thấy Ngài sống quá đơn giản, ba y, một bát, giữa trưa ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, tiếng tăm, lợi dưỡng gì cũng chẳng dính đến. Vì lẽ nào Ngài lừa quý vị? Chẳng có lý do nào cả! Quý vị tin tưởng, sẽ có phước,

y giáo phụng hành, sẽ vượt thoát, linh tánh được nâng cao. Do vậy, ở chỗ nào cũng đều khiến cho hết thảy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Xem tiếp điều thứ ba: "Tam giả phương tiện môn, lân mẫn nhất thiết chúng sanh tâm, viễn ly cung kính cúng dường tự thân tâm cố" (Ba là phương tiện môn, tâm thương xót hết thảy chúng sanh, tâm xa lìa cung kính cúng dường thân mình). Sau đó là một câu tổng kết, "thị danh viễn ly tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp" (đó gọi là xa lìa ba pháp trái nghịch Bồ Đề môn). Người thế gian chúng ta háo danh, mong được người khác cung kính, cúng dường, chớ nên có ý niệm này! Vì sao? Trong tự tánh không có [những thứ ấy], tự tánh là thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Quý vị có những thứ ấy, sẽ chẳng đạt được tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh không đạt được thì tâm bình đẳng chẳng đạt được. Thưa quý vị, trong tựa đề kinh có nói "thanh tịnh, bình đẳng, giác", đó là ba cái nhân. Tâm thanh tịnh là A La Hán, tâm bình đẳng là Bồ Tát, giác là Phật, thành Phật. Tâm chưa đạt được thanh tịnh thì là phàm phu, vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Người khác hủy báng, quý vị có bực tức hay không? Quý vị nổi cáu, tâm sẽ không thanh tịnh. Người khác khen ngợi, quý vị có vui vẻ hay không? Hễ khoan khoái, tâm lại chẳng thanh tịnh rồi! Do vậy, trong thuận cảnh chẳng có tâm tham luyến, trong nghịch cảnh chẳng có tâm oán hận, tâm của quý vị mới thanh tịnh. Đó gọi là tu hành thật sự, chẳng bị cảnh giới xoay chuyển. Tu trong cuộc sống, tu trong công việc, tu trong xử sự, đãi người, tiếp vật, ai nấy đều là Phật, Bồ Tát, nơi nào cũng đều là đạo tràng của Phật, lẽ đâu quý vị chẳng thành Phật? Chắc chắn quý vị thành tựu. Trong quá khứ, chúng ta học kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử thành tựu như thế nào? Thành tựu như vậy đó, phải học điều này, đúng là tuyệt diệu! Đạo tràng ở nơi đâu? Không chỗ nào chẳng phải là đạo tràng. Phật, Bồ Tát ở nơi đâu? Hết thảy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát, đều giúp quý vị tiến cao hơn, vấn đề là quý vị có hiểu hay không? Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, tổ sư đại đức thường hỏi kẻ khác, hỏi học trò: "Ngươi có hiểu hay không?" Nếu hiểu sẽ thành công. Ở đây, chúng ta cùng nhau học tập trong một thời gian rất lâu, tôi thường dùng TV, dùng màn hình của máy TV [làm tỷ dụ], nếu quý vị hiểu, mỗi ngày xem TV đều thành Phật. TV đã trình bày điều gì? Không và Có chẳng hai. Màn hình TV là Không, cái gì cũng chẳng có! Băng tần TV là có, băng tần và màn hình không có cách nào phân chia, chẳng hai! Chúng là hai chuyện, màn hình là màn hình, sắc tướng trong màn hình là sắc tướng, là hai chuyện, nhưng khi mở TV thì băng tần hiện ra sắc tướng, quý vị có thể tách rời chúng hay chăng? Chẳng tách được! "Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc", đấy chẳng phải là Tâm Kinh ư? Vì thế, quý vị biết xem thì biết xem là tu hành, là nhập pháp môn Bất Nhị, có thể nhập pháp môn Bất Nhị bèn thành Phật. Đừng bị cảnh

giới xoay chuyển thì quý vị mới có thể chuyển cảnh giới. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai" (nếu có thể chuyển cảnh, sẽ giống Như Lai). Trong cuộc sống của chúng ta, từ sáng đến tối đều là cảnh giới, trong cảnh giới

phải làm chủ, đừng bị cảnh giới xoay chuyển. Thuận cảnh, quý vị khởi tâm tham, sanh tâm hoan hỷ, vui thích, trật rồi! Gặp nghịch cảnh bèn sanh oán hận, sanh [ý niệm] báo thù, trật rồi! Vì sao? Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, chẳng có gì là thật. Đức Phật nói "hiện tướng" (tướng được biến hiện) là giả, vì sao là giả ? Nó biến hóa trong từng sát-na, vĩnh viễn chẳng ngừng. Hơn nữa, từ trước đến nay, chưa có hai hiện tướng nào tương đồng, biến đổi trong từng sát-na. Di Lặc Bồ Tát đã dạy chúng ta chân tướng sự thật: Trong một khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức. Nay chúng ta gọi cái "thành hình" ấy là hạt cơ bản. Trong mỗi niệm đều tạo ra hạt cơ bản; nhưng trong mỗi hạt cơ bản đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, "hình đều có thức"! Đấy là nói cội nguồn của vạn vật trong vũ trụ. Nếu quý vị liễu giải chân tướng sự thật, sẽ tự nhiên chẳng động tâm trong hết thảy cảnh giới. Chẳng khởi tâm động niệm là cảnh giới Phật. Khởi tâm động niệm, nhưng không có phân biệt, chấp trước, đó là cảnh giới Bồ Tát. Khởi tâm động niệm, còn có phân biệt, nhưng chẳng chấp trước, là cảnh giới A La Hán. Nếu khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước thảy đều có, đấy cảnh giới của chúng sanh trong lục đạo. Chúng ta làm thế nào để nâng cao cảnh giới? Từ lục đạo phàm phu nâng lên A La Hán, tâm thanh tịnh; nâng lên tới Bồ Tát, tâm bình đẳng; nâng lên tới Phật, đại triệt đại ngộ, giác rồi! Đấy là học Phật, những gì quý vị đạt được [trong học Phật] là vĩnh hằng. Đấy là thật, chẳng giả. Nếu là giả thì lời Thích Ca Mâu Ni Phật là giả, làm sao có thể lưu truyền hơn hai ngàn năm trăm năm? Đức Thế Tôn nói rất cặn kẽ, pháp vận của Ngài là một vạn hai ngàn năm, hiện thời vẫn chưa đến ba ngàn năm, sau này còn có chín ngàn năm nữa. Do vậy, đối với [những dự báo về] ngày tận thế, thế giới sẽ không có ngày tận thế, địa cầu sẽ tồn tại; nhưng con người có thể tồn tại hay không? Điều này cũng rất khó nói! Địa cầu sẽ tồn tại, con người sẽ chẳng hoàn toàn bị tiêu diệt trên thế giới này, [nhân loại hoàn toàn diệt vong] là chuyện chẳng thể xảy ra. Tuy trên thế giới có tai nạn, một phần nhân loại bị chết, nhưng vẫn còn có một phần tồn tại trên thế gian này. Dẫu cho pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật bị diệt, kinh Pháp Diệt Tận đã nói rất rõ ràng, thế giới này vẫn tồn tại. Khi pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng còn, Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ thay Phật giáo hóa chúng sanh. Dùng phương pháp gì để giáo hóa? Dạy về hiếu. Địa Tạng Bồ Tát là hiếu tử, kinh Địa Tạng giảng về "hiếu thân, tôn sư" (hiếu thảo cha mẹ, tôn kính thầy). Hai điều ấy có thể cứu chúng sanh, giúp chúng sanh lìa khổ được vui, hiếu thân tôn sư!

Mãi cho đến khi vị Phật kế tiếp xuất thế, vị Phật thứ năm là Di Lặc Bồ Tát tới thế gian này làm Phật, khi ấy, Phật pháp lại hưng vượng. Do vậy, thế giới này là liên tục, chẳng bị tiêu mất. Hiện tại, trên thế gian này rất nhiều người kẻ nói tới ngày tận thế, nhưng chẳng phải là ngày diệt vong, thế giới có tai nạn là thật. Do vậy, phải học kinh giáo. Ở đây, trong kinh giáo, quả thật không chỉ là triết học tối cao, khi tôi học Phật, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu, kinh Phật là triết học tối cao. Chúng tôi học lâu như thế, tôi học Phật tới năm nay là năm mươi chín năm, sang năm là sáu mươi năm, vừa đúng một giáp, tôi phát hiện trong kinh Phật không chỉ có triết học cao cấp, mà còn có khoa học cao cấp. Khoa học lẫn triết học hiện đại đều chẳng thể sánh bằng kinh Phật. Hết sức đáng tiếc, những khoa học gia, triết học gia không có cách nào tiếp xúc Phật pháp,

vì sao chẳng tiếp xúc? Do có những ngộ nhận to lớn, ngỡ Phật giáo là tôn giáo, mê tín, chẳng muốn tiếp xúc. Tổn thất ấy rất lớn, nếu họ tiếp xúc, tôi tin tưởng sự nghiên cứu của họ sẽ được nâng cao trên một mức độ lớn. Quý vị nói xem: Hiện thời đã phát hiện, khoa học gia cho biết, nước có ký ức, nếu khoa học thật sự chứng thực điều này, Vật Lý Học hiện đại phải thay đổi quan điểm hoàn toàn. Quý vị thấy: Đối với sự phát hiện ấy, từ ba ngàn năm trước, trong kinh Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng rất tỉ mỉ, nay quý vị mới phát hiện, chậm trễ ba ngàn năm! Đối với ba thứ vi phạm này, chúng ta phải biết: Viễn ly, điều thứ nhất là "viễn ly ngã tâm tham trước tự thân" (xa lìa tâm chấp ngã, tham đắm thân mình), thứ hai là "viễn ly vô an chúng sanh tâm" (xa lìa cái tâm khiến cho chúng sanh chẳng an ổn), thứ ba là "viễn ly cung kính cúng dường tự thân tâm" (xa lìa cái tâm cung kính, cúng dường thân mình). Đó là điều kiện căn bản của niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu chúng ta phạm những điều ấy, tới khi lâm chung chẳng thể vãng sanh, cũng chớ nên trách pháp môn chẳng linh, trật rồi! Hãy trách chính mình, chính quý vị khởi tâm động niệm chẳng tương ứng. Tiếp theo là nói về thuận Bồ Đề môn. "Thuận Bồ Đề môn giả, Bồ Tát viễn ly như thị tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp, tức đắc tam chủng tùy thuận Bồ Đề môn pháp" (Thuận Bồ Đề môn là Bồ Tát xa lìa ba món trái nghịch Bồ Đề môn như thế, sẽ đắc ba môn tùy thuận Bồ Đề). Tiếp đó, cũng nói: "Hà đẳng vi tam?" (Những gì là ba), thứ nhất là "vô nhiễm thanh tịnh tâm". Tâm thanh tịnh chẳng ô nhiễm, tâm ô nhiễm sẽ chẳng thanh tịnh. Thứ gì ô nhiễm? Chúng tôi nói thô thiển một chút, tôi chẳng dùng kinh Phật, vì kinh Phật quá sâu, cũng chẳng dễ hiểu; nhưng kinh Phật mới thật sự hữu dụng, vì những gì kinh nói chính là tiêu chuẩn. Tôi nói tiêu chuẩn thấp hơn [tiêu chuẩn trong] kinh Phật một chút, tôi thường nói mười sáu chữ "buông xuống tự tư tự lợi, buông xuống tiếng tăm lợi dưỡng, buông xuống ngũ dục lục trần, buông xuống tham, sân, si, mạn". Đấy là cảnh giới gì? Đến cửa ngõ nhà Phật, nhưng chưa vào cửa. Phải biết là: Đấy là đã đến cửa.

Đã đến cửa, phải nâng cao [cảnh giới] hơn nữa là vào cửa thì ba thứ thuận Bồ Đề tâm này quý vị sẽ có thể làm được. Do vậy, tôi nói tới "tiền phương tiện", nay chúng ta mỗi ngày đều phải làm, phải luyện tập, phải nỗ lực. Tích cực thực hiện, khởi tâm động niệm đừng nghĩ tới chính mình, khi khởi tâm động niệm hãy nghĩ đến người khác. Tôi thường dạy người khác hãy nghĩ tới hai chuyện: Chánh pháp của Thích Ca Như Lai tồn tại lâu dài, chúng ta phải báo ân Phật. Thứ hai là phải nghĩ đến chúng sanh khổ nạn, chúng ta nên làm như thế nào để giúp đỡ họ. Để giúp đỡ họ, Phật, Bồ Tát nói "giảng kinh giáo học chính là giúp đỡ họ", thật sự giúp đỡ. Từ chỗ này, chúng ta thấu hiểu thật sâu: Giáo dục tôn giáo rất quan trọng. Kinh điển của mỗi tôn giáo đúng là quý báu, trong ấy, giảng những gì? Không gì chẳng phải là luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, khoa học, hết thảy đều giảng về nội dung này, chỉ cần chúng ta cùng nhau học tập, sẽ hiểu rõ. Thời cổ, giao thông chẳng thuận tiện, chẳng cần nói xa xôi gì, ngay trong thời kỳ Kháng Chiến, tức lúc Đệ Nhị Thế Chiến, nước Trung Hoa vẫn rất lạc hậu. Khi ấy, rất lạc hậu, giao thông rất bất tiện, lữ hành đều là bộ hành, không có xe cộ. Lữ hành thì phương tiện giao thông thuận tiện nhất là thuyền nhỏ, thuyền mành, thuyền buồm. Trong tám năm Kháng Chiến, tôi đi mười tỉnh, gần như cũng đi hai vạn dặm đường, chỉ đi bằng hai chân. Truyền thông không có; do vậy, bao nhiêu người ở một thôn trang,

ngay cả một tòa thành cũng chưa hề vào, đến già chết vẫn chưa lui tới. Hoàn cảnh xã hội là như vậy, chẳng giống như hiện thời. Hiện thời, giao thông thuận tiện, mở đường cao tốc, xe cộ nhiều, thông tin phát triển, trên khắp thế giới, một chút chuyện xảy ra ở đâu, cả thế giới biết ngay lập tức. Do đức Phật ở trong xã hội đóng kín trước đây, nên kinh Phật nói: "Nên dùng thân gì để hóa độ bèn hiện thân ấy". Trong các sắc dân bất đồng, văn hóa bất đồng, khu vực bất đồng, Phật hiện thân thuyết pháp, hiện các thân khác nhau, thật ra là một chuyện. Xã hội hiện tại biến đổi, cả địa cầu biến thành làng địa cầu, thật vậy! Quý vị đi giáp vòng địa cầu mất hai ngày, tình trạng như vậy đó! Trong tình trạng ấy, chư Phật, Bồ Tát, hết thảy các vị thần, trong quá khứ truyền giáo tại các địa phương, nay cũng phải dung hội thành nhất thể. Nếu không, sẽ kèn cựa, phân biệt, chấp trước. Vì thế, tôn giáo phải đoàn kết, phải biến thành một nhà. Ta biết trong tôn giáo nói đến một chân thần. Trong quá khứ, một vị chân thần có vô lượng vô biên hóa thân, phân thân, nay địa cầu biến thành một nhà, các phân thân ấy cũng phải biến thành một thân thì mới chẳng đến nỗi nẩy sanh đối lập, mâu thuẫn, xung đột, xã hội sẽ an định. Đây là một đại công tác cần kíp bức thiết trong lúc này, nhất định phải thực hiện tốt, phải nỗ lực thực hiện công tác giáo dục tôn giáo. Cũng như phải giáo dục luân lý, luân lý là nói tới những mối quan hệ: Quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ giữa con người và hoàn cảnh tự nhiên. Đạo đức là làm thế

nào để giữ gìn tốt đẹp những mối quan hệ ấy; đấy là đạo đức. Nhân quả càng quan trọng hơn, thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo, chẳng giả tí nào. Ngoài ra, có một số ít người trong Phật pháp gọi là người thượng căn, hoặc thượng thượng căn mong mỏi nâng cao cảnh giới, trong tôn giáo có khoa học, có triết học, giúp họ nâng cao hơn. "Vô nhiễm thanh tịnh tâm, bất vị tự thân cầu an lạc cố" (tâm vô nhiễm thanh tịnh, chẳng nhằm cầu an lạc cho bản thân). Thưa các đồng học, chẳng cầu an lạc cho chính mình, sẽ là chân an lạc. Cầu an lạc cho tự thân sẽ thật sự có phiền não. Thật đấy, chẳng giả đâu! Vì sao? Có ngã thì có phiền não, có tham, sân, si, mạn; chẳng vì chính mình, vô ngã sẽ chẳng có phiền não. Đây là một cửa ải trong Phật pháp. Chúng ta không có cách nào làm được vô ngã, vì thế, tôi dạy người khác thực hiện bằng cách buông tự tư tự lợi xuống. Vẫn có Ngã, nhưng ta buông tự tư tự lợi xuống, khởi tâm động niệm nghĩ tới người khác, chẳng nghĩ tới chính mình. Ta chưa buông xuống, phải buông xuống thì mới thật sự nhập Phật pháp. Do vậy, tôi nói tôi chỉ dẫn người khác đến cửa ngõ! "Bồ Đề thị vô nhiễm thanh tịnh xứ, nhược vị tự thân cầu lạc, tức vi Bồ Đề môn. Thị cố, vô nhiễm thanh tịnh tâm thị thuận Bồ Đề môn" (Bồ Đề là chỗ vô nhiễm thanh tịnh. Nếu vì chính mình mà cầu an vui, tức là trái nghịch Bồ Đề môn. Vì thế, tâm vô nhiễm thanh tịnh là thuận Bồ Đề môn). Bồ Đề là trí huệ chân thật, vô vi Pháp Thân, Vãng Sanh Luận nói như vậy! Câu này có ý nghĩa hoàn toàn giống với một câu do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói bằng cách khác: "Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai". Như Lai là tự tánh, trong tự tánh của hết thảy chúng sanh có trí huệ viên mãn; vì sao trí huệ ấy chẳng tỏ lộ? Vì hiện thời tâm chúng ta có ô nhiễm, nên nó không thể tỏ lộ được! Nếu tâm thanh tịnh, trí huệ sẽ tỏ lộ. Bồ Đề là trí huệ; chỉ cần quý vị không có ô nhiễm, trí huệ sẽ lộ ra. Trong tự tánh vốn có trí huệ, chẳng phải do học được, mà cũng không do tu thành, trong tự tánh vốn sẵn có. Không

chỉ có trí huệ, mà còn có đức năng, tướng hảo, thứ gì cũng trọn đủ, thứ gì quý vị cũng chẳng cần phải cầu! Chỉ cần trừ sạch những chướng ngại, thảy đều buông xuống, toàn bộ trí huệ, đức năng, tướng hảo của quý vị hiện tiền, có hình dạng ra sao? Quý vị thấy thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng là như vậy đó! Đâu cần phải cực nhọc dường ấy? Ở nơi đây cuộc sống khổ quá. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị chẳng cần vàng, bạc, của cải; vì sao? Người ta dùng vàng ròng để lót đất, quý vị cần vàng để làm gì? Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, châu báu là vật liệu xây dựng nhà cửa, dựng nhà, lát tường. Trong thế gian này, mọi người thấy châu báu rất hiếm lạ, vì sao? Quá ít! Sang bên ấy, [châu báu] quá nhiều, lấy chẳng hết, dùng chẳng cạn, quý vị cần chúng để làm gì? Nói theo thế giới này, quý nhất chính là gì? Là không khí, con người thiếu không khí trong năm phút sẽ chẳng thể sống sót. Ai tham không khí? Có ai tích cóp không khí như bảo bối? Không khí còn quan trọng hơn vàng, bạc, châu báu. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tài nguyên quá phong phú, sau khi tiếp xúc, thứ gì cũng chẳng màng. Quý vị còn cảm thấy những thứ ấy thừa thãi, phiền phức, cần chúng để làm gì! Do vậy, tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ. Thứ hai, "an thanh tịnh tâm". An ổn tương ứng với tâm thanh tịnh, tâm an, thân an, cũng phải giúp cho hết thảy chúng sanh thân tâm yên ổn. Chúng ta nghĩ tới chính mình, mà cũng phải nghĩ tới người khác, chính chúng ta mong đạt được thì cũng phải giúp người khác đạt được. An như thế nào? Buông xuống liền yên ổn. Nếu quý vị chẳng buông xuống, thân tâm vĩnh viễn chẳng thể yên ổn. Buông ngũ dục lục trần xuống, đấy là bên ngoài, cảnh giới bên ngoài phải buông xuống, bên trong phải buông tham, sân, si, mạn xuống, tâm liền yên ổn. Sống trong thế gian này, hết thảy tùy duyên, chẳng phan duyên, thứ gì cũng đều tốt, chẳng có gì bất hảo, quý vị sống vui sướng lắm, tự tại lắm! Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên, đừng phan duyên; phan duyên là chính mình nghĩ nhất định phải như thế nào đó, như vậy thì quý vị sẽ bị khổ. Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, sẽ có vui sướng. "Vị bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố" (vì dẹp khổ cho hết thảy chúng sanh), giúp hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui, nêu gương cho người khác thấy, thân hành, thân phải làm được [rồi mới] ngôn giáo. Do vậy, chúng ta thấy bậc đại thánh đại hiền xưa nay trong ngoài nước, các Ngài đã chọn nghề nghiệp gì trong một đời? Dạy học, dạy chữ. Thời cổ, người đọc sách bèn theo đuổi sự nghiệp dạy học. Nếu đỗ đạt, họ sẽ ra làm quan. Thi không đậu, sẽ theo nghề dạy học. Thuở ấy, tuy dạy học rất thanh bần, gọi là "cùng tú tài" (tú tài nghèo túng), hết sức vất vả, điều kiện sinh hoạt vật chất rất tệ, nhưng địa vị xã hội rất cao. Vì sao? Người ấy chăm sóc thế hệ kế tiếp, tận lực tiến hành, những gì được nói trong Đệ Tử Quy hiện thời, người ấy đều làm được. Cảm Ứng Thiên người ấy thực hiện được. Quý vị thấy những gì Liễu Phàm Tứ Huấn đã nói, quý vị đều hiểu. Người ấy thật sự làm được, nêu gương rất tốt trong xã hội, biết đủ, thường an vui, tạo thành một phong khí rất tốt đẹp trong xã hội. Con người không có tâm tham, xã hội sẽ yên ổn, nơi ấy sẽ chẳng có tai nạn. Do vậy, tuy những người ấy thoạt nhìn chẳng có gì nổi bật, nhưng đã cống hiến rất lớn đối với xã hội. Nghề thứ hai được xã hội tôn trọng là thầy thuốc. Ở Trung Quốc, vào thuở trước, một là dạy học, được gọi là Phu Tử, thời cổ gọi họ là Phu Tử, tức là thầy; thứ hai là thầy thuốc, thầy lang, được mọi người tôn trọng. Thầy lang giúp đỡ bệnh nhân chẳng đòi hỏi tiền bạc, ông ta là người cứu mạng, làm sao có thể đòi

tiền? Bệnh chữa lành rồi, tùy theo gia cảnh mà quý vị tặng một chút lễ vật báo đáp, chứ thầy lang chẳng thể chủ động đòi hỏi. Gia cảnh quý vị khá hơn sẽ tặng nhiều hơn một chút; hoàn cảnh khó khăn, tặng ít một chút. Nếu thật sự rất khó

khăn, ngay cả thuốc men thầy lang đều biếu không. Do vậy, [thầy lang] được mọi người tôn kính. Không giống như hiện thời, hiện nay chỉ mong cầu lợi lộc. Tôi nghe nói ở bệnh viện, bệnh nhân bệnh nặng vẫn ở ngoài cửa, lúc không có tiền sẽ chẳng được chữa trị, quá khác biệt so với y đạo thời cổ! Hiện nay có y mà chẳng có đạo; trước đây là có y, có đạo. Hiện nay còn có một chuyện, nghe nói kẻ làm thầy mở lớp dạy thêm để kiếm rất nhiều tiền. Dạy trong nhà trường, giữ lại phân nửa chẳng giảng, giữ lại kiến thức để ép các ngươi nhất định phải đi học thêm với ta, ta sẽ giảng bổ sung phân nửa còn lại; đó là muốn kiếm tiền, mở "tiệm dạy chữ!" Do vậy, lẽ nào thế gian này chẳng có tai nạn? Ngay cả hai hạng người này mà còn chẳng giữ vững [phẩm chất], đều bị ô nhiễm nghiêm trọng. Trước kia, hai hạng người này chẳng bị ô nhiễm, thật sự thanh tịnh, được người ta tôn kính. Vì thế, xã hội động loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra, là có đạo lý, có nguyên nhân, chúng ta phải nên tìm ra những nguyên nhân ấy, làm thế nào để tiêu trừ những nguyên nhân đó, thế gian này sẽ được an định. Hết thảy đều phải thực hiện từ chính mình. Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta: "Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ" (làm không được thì phải quay lại xét mình), không nên cầu người khác. Cầu người khác, tuyệt đối sẽ làm không được, quý vị sẽ thất vọng, phải làm từ chính mình. Chính mình nghiêm túc thực hiện, sẽ có hiệu quả, thật sự làm sẽ có hiệu quả. Từ bản thân chúng ta sẽ ảnh hưởng cả nhà, từ một nhà ảnh hưởng tới thân thích, bè bạn, láng giềng, làng xóm. Tại Úc, chúng tôi thành lập một Tịnh Tông học viện rất nhỏ, quy mô rất nhỏ, mười năm rồi. Qua mười năm, thành tựu sơ bộ là ảnh hưởng đến thành phố. Thành phố ấy có mười vạn người, là một thành phố nhỏ, phong khí của thành phố nhỏ ấy tốt hẳn lên. Mỗi ngày đều làm, làm mười năm. Năm nay, chúng tôi đã nghĩ muốn thực hiện đa nguyên văn hóa, đoàn kết tôn giáo. Cách làm ra sao? Làm từ nhà của chúng tôi. Chúng tôi là Phật giáo, tôi mời mục sư Cơ Đốc Giáo, linh mục Thiên Chúa giáo, thầy cả90 đạo Hồi, chính thức mời họ làm giáo sư, mời họ giảng cho chúng ta nghe kinh Cổ Lan (Koran)91, giảng Tân Cựu Ước. Tôi còn mời một trưởng lão Do Thái Giáo, ông ta nhận lời, tôi mời ông ta giảng sáu trăm điều giới luật của đạo Do Thái. Chúng ta học kinh điển Phật giáo và cũng học kinh điển của tôn giáo khác, như thế sẽ hóa giải sự hiểu lầm, chẳng có đối lập, chẳng có xung đột, đó là biện pháp căn bản để hóa giải xung đột. Tôi tin tưởng học viện của chúng ta tiến hành một đôi ba năm, chúng ta học tốt đẹp, tôi tin các tôn giáo khác sẽ bị cảm động. Chúng ta học những thứ của họ, những thứ của họ chúng ta đều biết, nhưng họ không biết Phật giáo; binh pháp nói: "Tri kỷ tri bỉ, bách chiến bách thắng" (biết mình, biết người, trăm trận trăm thắng). Tôi tin tưởng trong tương lai họ đều phải học tập như vậy. Phong khí này khởi lên, tốt lắm, các tôn giáo trên thế giới là một nhà, hóa giải xung đột, giúp ích

cho xã hội yên ổn, thế giới hòa bình rất lớn. Do vậy, cơ sở tôn giáo, tự viện am đường Phật giáo, những giáo đường của các tôn giáo khác, mỗi ngày đều phải giảng kinh, giảng đạo, mỗi ngày các đồng tu cùng nhau học tập, cùng nhau chia sẻ tâm đắc, phong khí trở nên tốt đẹp! Hiện nay, chúng ta dùng phương tiện truyền thông, dùng Internet,

dùng vệ tinh truyền bá ra ngoài, để các đồng học hữu duyên trên thế giới cùng nhau chia sẻ. Ai là người hữu duyên? Chịu mở TV lên nghe đều là người có duyên. Thứ ba là "lạc thanh tịnh tâm", chữ cũng có thể đọc là Nhạo, nó có hai âm đọc, nó có hai cách đọc: - Đọc là Nhạo, có nghĩa là yêu thích. - Đọc là Lạc, có nghĩa là vui sướng. "Dục linh nhất thiết chúng sanh đắc đại Bồ Đề cố, nhiếp thủ chúng sanh sanh bỉ quốc độ cố. Bồ Đề thị tất cánh thường lạc xứ, nhược bất linh nhất thiết chúng sanh đắc tất cánh thường lạc giả, tắc vi Bồ Đề môn" (vì muốn làm cho hết thảy chúng sanh đắc đại Bồ Đề, nhiếp thủ chúng sanh sanh về cõi ấy. Bồ Đề là chỗ thường vui rốt ráo. Nếu chẳng làm cho hết thảy chúng sanh được thường lạc rốt ráo, tức là trái nghịch Bồ Đề môn). Phải có cái tâm này, ưa thích, vui vẻ, mong mỏi hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui, lìa khổ rốt ráo, được vui rốt ráo. Lìa khổ rốt ráo là hết thảy các đau khổ đều xa lìa, vĩnh viễn chẳng còn nữa! Tâm ấy to lớn, đó là tâm của Phật, Bồ Tát; tâm Phật, Bồ Tát phổ độ hết thảy chúng sanh. Quý vị ở trong lục đạo, dẫu chỉ dạy quý vị, giúp quý vị nỗ lực tu thiện, quý vị sanh lên trời [vẫn chưa phải là lìa khổ được vui rốt ráo]. Thiện có lớn hay nhỏ khác nhau. Trong Tứ Huấn dành cho gia đình, tiên sinh Liễu Phàm đã giảng thiện có tám thứ, giảng rất tỉ mỉ. Quả báo khác nhau, có [điều thiện khiến cho người hành] được phú quý trong nhân gian, có người hưởng thiện quả trong Dục Giới, Dục Giới có sáu tầng trời92, phước báo khác nhau. Lên cao hơn còn có Sắc Giới Thiên, còn có Vô Sắc Giới Thiên, hưởng phước trời, nhân gian chẳng có cách gì so sánh được. Có phải là rốt ráo hay không? Không phải là rốt ráo, vì sao? [Chúng sanh] trong lục đạo đều có thọ mạng. Thọ mạng dài nhất chính là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên thuộc Vô Sắc Giới Thiên, đức Phật dạy: Người nơi ấy thọ mạng dài tám vạn đại kiếp. Một đại kiếp là một lần thế giới thành, trụ, hoại, không, thời gian dài như thế đó! Thọ mạng tính bằng con số thiên văn như vậy. Tám vạn đại kiếp là [thời gian] tinh hệ, tức Thái Dương Hệ này thành, trụ, hoại, không tám vạn lần, nhưng đến lần thứ tám vạn thì sao? Đến lúc ấy, quý vị sẽ đọa lạc, chẳng thoát khỏi luân hồi, nghiệp bất thiện lại hiện tiền, chẳng biết sẽ đọa vào đâu. Do vậy, chẳng phải là rốt ráo! Thật sự có thể giúp quý vị vượt thoát lục đạo luân hồi là sanh vào tứ thánh pháp giới, tứ thánh pháp giới là Tịnh Độ, thọ mạng rất dài, nhưng

chưa thể kiến tánh. Chưa thể trở về tự tánh, vẫn đau khổ! Nhưng người ấy hoàn toàn chẳng có những nỗi khổ trong lục đạo, hoàn toàn chẳng có tam khổ hay bát khổ. Vẫn chưa thể nói là người ấy được an vui rốt ráo, an vui rốt ráo nhất định phải là giúp người ấy thành Phật, cũng là giúp cho người ấy đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì mới thật sự giải quyết vấn đề; nhưng chuyện này há phải là chuyện dễ dàng ư? Pháp môn Tịnh Tông thù thắng [ở chỗ] quý vị có thể thành tựu trong một đời, chẳng cần nâng cao lên từng tầng một, [tiến từ từ từng bậc] khổ lắm, phiền phức lắm! Ngay trong một đời này, từ trong loài người bèn vượt thoát, chẳng cần phải trải qua sáu tầng trời Dục Giới, mười tám tầng trời Sắc Giới, chẳng cần thiết! Từ trong nhân gian thoát ra, đó là "hoành siêu" (vượt thoát theo chiều ngang), có thể thành tựu trong một đời. Đấy là nói chư Phật, Bồ Tát "dục linh nhất thiết chúng sanh đắc đại Bồ Đề cố, nhiếp thủ chúng sanh sanh bỉ quốc độ" (vì muốn làm cho hết thảy chúng sanh đắc đại Bồ Đề, nhiếp thủ chúng sanh sanh về cõi ấy), "cõi ấy" chính là Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật là như vậy, suốt đời giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, nói rất nhiều kinh, nói rất nhiều lý luận, rất nhiều phương pháp, vì sao? Chúng sanh căn tánh khác nhau. Giống như ăn món gì đó, khẩu vị [mỗi người] khác nhau, có người thích ăn ngọt, có kẻ ưa ăn cay. Đức Phật đại khai phương tiện môn, quý vị mong điều gì, Ngài bèn giúp quý vị điều ấy, thật sự khó có! Nhưng môn rốt ráo chính môn [niệm Phật] này sẽ giúp cho quý vị đạt được sự vui rốt ráo. Thuở tại thế, đức Thế Tôn nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này, quý vị bèn hiểu rõ đạo lý này. Chẳng phải là giảng một lần! Đọc các bản dịch, [chúng ta thấy rõ] tối thiểu Ngài giảng ba lần. Vì sao? Nếu là một lần, nguyên bản là một bộ kinh, dẫu được dịch rất nhiều lượt, nhất định là đại đồng tiểu dị, chẳng sai biệt rất lớn, nhưng năm bản dịch kinh này sai khác quá lớn; do vậy, cổ đại đức phán đoán tối thiểu là giảng ba lần. Chúng ta biết tại Trung Quốc, bộ kinh này được phiên dịch nhiều nhất, có tất cả mười hai bản dịch, nhưng bảy bản bị thất truyền, tìm không được. Trong [mục lục của] Đại Tạng Kinh có ghi chép, có ghi tựa đề kinh, tuy có ghi chép, nhưng sách thì tìm không được. Nếu tìm được, còn có thể là thấy những chỗ khác nhau, sai biệt rất lớn so với năm bản dịch trong hiện tại, [đủ để chứng tỏ] không phải chỉ có ba lần [tuyên giảng]. Vì sao? Chúng ta hiểu ý nghĩa này sẽ thấu hiểu: Đức Phật nhiếp thủ chúng sanh, mà cũng là giúp A Di Đà Phật chiêu sinh (chọn học trò). A Di Đà Phật giống như một vị hiệu trưởng, trường học được lập bên cõi kia (cõi Cực Lạc), mười phương chư Phật đều thay A Di Đà Phật chiêu sinh: Nếu muốn thật sự thành tựu viên mãn trong một đời, hãy đến nơi ấy. Vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới là trường học, thiết bị của người ta rất tốt, hết thảy đều tề chỉnh, hoàn bị. Quý vị chẳng thể

tới đó rồi [ở lì nơi đó] chẳng đi, đâu ra thể thống gì! Đó là trường học, chẳng phải là nhà của quý vị. Nếu quý vị nghĩ đó là quê nhà của mình, sau khi đến được đó, sẽ vĩnh viễn chẳng rời khỏi, có ý niệm ấy sẽ chẳng đến được, cõi ấy chẳng thâu nhận quý vị! Nhất định là đến học, sau khi học xong, phải vào mười pháp giới, vào trong lục đạo của hết thảy các cõi Phật trọn khắp pháp giới hư không giới để giúp chúng sanh, đến đó dạy học. Ở bên đó (cõi Cực Lạc) là bồi dưỡng, huấn luyện, nhất định bồi dưỡng, huấn luyện quý vị chứng đắc vô thượng Bồ Đề, đó cũng là Phật quả rốt ráo. Sau đấy, quý vị mới rời khỏi, đến các nơi giáo hóa chúng sanh. Khi ấy, quý vị thật sự tìm được nhà, nhà ở nơi đâu? Trọn khắp pháp giới hư không giới là nhà của chính mình. Tất cả hết thảy chúng sanh và chính mình là một Thể, quý vị sẽ tự nhiên giúp những chúng sanh mê hoặc, điên đảo trở về tự tánh. Trở về tự tánh, có ảnh hưởng đến chính mình hay chăng? Thưa quý vị, chẳng hề ảnh hưởng mảy may, vì sao? Người ấy thật sự giác ngộ, chẳng bị ô nhiễm. Ngày nay, chúng ta bị ảnh hưởng là do công phu chẳng đủ, cảnh giới hiện tiền bèn chẳng chống đỡ được! Quý vị nói giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức khá lắm, nhưng gặp phải danh vọng cao sang, lợi lộc trọng hậu, sẽ cầm lòng không được, biết rõ mà vẫn cố phạm, vẫn khởi tâm tham. Chẳng dễ dàng! Thật sự giác ngộ, biết những thứ ấy là giả! Danh vọng cao sang, bảo quý vị làm Tổng Thống, có muốn làm hay không? Chẳng làm! Thời cổ, bảo quý vị làm hoàng đế, bèn trốn cho thật xa. Vì sao? Vì hiểu nhân quả, biết địa vị ấy chẳng dễ làm! Nếu làm chẳng tốt, trong tương lai sẽ bị ác báo, quý vị giữ chức vị này nhất định phải làm tốt. Làm tốt cũng chẳng có công, vì sao? Quý

vị phải làm những chuyện cần nên làm; nếu làm không tốt, nhất định bị đọa lạc, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Lợi lộc trọng hậu, quý vị có phước báo lớn dường ấy hay chăng? Nếu quý vị chẳng có phước báo ấy, hễ của cải đưa đến thì [đồng thời] tai nạn cũng xảy đến, do không có phước to như vậy! Phước do quý vị tu trong kiếp trước, chính mình nhất định phải hiểu điều này, [điều gì chính mình] chẳng đáng nên đạt được thì nhất định chẳng cầu; người ta cho quý vị, quý vị cũng đừng cần tới. Cho quý vị tức là họa hại [đưa đến], quý vị có dám muốn hay chăng? Có trí huệ, hiểu nhân quả thì tiếng tăm, lợi dưỡng bày ra trước mặt vẫn như như bất động, chẳng khởi tâm động niệm, đó là đúng! Gần đây, có một đồng học tặng cho một quyển sách, trong ấy nói Khải Tát (Caesar) xứ La Mã phái một đạo quân hơn mười vạn người xâm lược Trung Quốc. Quý vị thấy từ La Mã, thuở ấy, theo đường bộ có kỵ binh, nhưng chẳng phải là mười vạn người đều cưỡi ngựa. Vì vậy, họ thay phiên nhau cưỡi ngựa, phân nửa đi bộ, còn phân nửa kia cưỡi ngựa. Quý vị nghĩ xem: Từ La Mã tới Trung Quốc, còn phải xuyên qua rừng rậm, còn phải băng qua đại sa mạc, quý vị nói xem gian khổ chừng nào! Vì vậy, mười vạn

người đến Trung Quốc, gần như là bệnh tật hay chết, quá nửa chẳng còn, đánh vài trận cũng chết không ít người. Do vậy, đến Trung Quốc, quân số chẳng đông, cuối cùng toàn bộ đoàn quân bị thất trận, đều chết ở tỉnh Cam Túc, Trung Quốc. Cuốn sách ấy kể câu chuyện này. Linh hồn những người ấy chẳng tiêu tan, đoàn quân ấy vẫn còn, đó là quỷ, không phải là người, khổ chẳng thể nói nổi, khổ chết được! Họ gặp Bồ Tát, Bồ Tát thương xót bọn họ, mỗi mồng Một, ngày Rằm đều cho họ ăn, bố thí họ. Ngài bảo họ: “Trung Quốc chẳng phải là chỗ của quý vị, đến làm gì?” Câu này có ý nghĩa rất quan trọng! Trong mạng quý vị không có cuộc đất này, nhưng quý vị đến nơi này, nên toàn quân bị diệt, [đất này] chẳng phải của quý vị mà! Điều này nói rõ: Dùng thủ đoạn chiến tranh để chiếm được, vẫn là do trong mạng quý vị sẵn có, quý vị nói có phải là oan uổng hay không? Tôi lập tức nghĩ đến chuyện người Nhật xâm lược Trung Quốc, đánh nhau tám năm, cuối cùng đầu hàng. Trung Quốc chẳng phải của họ, họ chẳng có phước báo ấy! Mới hiểu cổ nhân nói: “Nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định” (một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng do định sẵn). Nếu trong mạng không có, dùng phương pháp gì quý vị cũng đều chẳng đoạt được, đều chẳng đạt được. Trong mạng có, quý vị chẳng cần phương pháp nào, mà đến lúc, nó sẽ được đưa tới. Cầu gì? Không cần cầu, tâm định rồi, hãy khéo tu đức. Quý vị thật sự mong cầu, cầu của cải, cầu công danh, cầu phú quý, “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng” (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng) Phật dạy chúng ta cách cầu như thế nào? Bố thí. Quý vị mong có được của cải, hãy tu Tài Bố Thí, càng thí càng nhiều. Quý vị muốn được thông minh, trí huệ, hãy tu Pháp Bố Thí. Quý vị mong khỏe mạnh, trường thọ, hãy tu Vô Úy Bố Thí. Thuở tôi còn trẻ, vận mạng rất khổ. Thầy bói xem tướng nói cái kho tài sản [trong mạng tôi] rỗng tuếch, mạng gì vậy? Gọi là “số ăn mày”, bần tiện đến tột bậc, “tiện” () là không có địa vị, bần () là không có tài sản. Học Phật, được biết Chương Gia đại sư. Chương Gia đại sư dạy tôi tu, đời quá khứ chẳng tu, hiện tại tu vẫn kịp! Khi đó, tôi hai mươi mấy tuổi, cách tu ra sao? Tu ba thứ bố thí. Tôi thưa với lão nhân gia: “Con không có tiền”. Khi đó, một tháng chỉ kiếm được mấy chục đồng, gắng gượng sống qua ngày, lấy tiền đâu để bố thí?

Ngài hỏi tôi: “Một cắc có hay không?” “Một cắc thì có thể được ạ!” “Một đồng có được hay chăng?” “Vẫn miễn cưỡng thì cũng được”. “Anh hãy bỏ ra một cắc, một đồng để bố thí, thật sự làm”. Tôi thật sự nghe lời, từ đây bắt đầu tích cực tu, thật sự có hiệu quả; về sau, thâu nhập mỗi năm một tốt hơn, tốt hơn thì sao? Đều đem bố thí để thay đổi vận mạng trong một đời. [Theo tướng số], tôi chỉ thọ bốn mươi lăm tuổi, đến năm nay tôi tám mươi tư tuổi, sống lâu [hơn số mạng] bốn mươi năm, tôi cũng chẳng ưa thích tí nào. Sống lâu để làm gì? Để thay chúng sanh làm việc nhiều hơn.

Chẳng vì chính mình, sống rất tự tại, sống rất hạnh phúc; nếu vì chính mình thì đã sớm hết đời rồi. Tôi có hai vị đồng học, cùng tuổi, vận mạng giống nhau, cùng tuổi, cũng đều xuất gia, [nhưng họ] chẳng phát tâm độ chúng sanh. Tôi được thầy dạy phát cái tâm ấy. Chương Gia đại sư dạy, thầy Lý thành tựu. Năm bốn mươi lăm tuổi, tôi nhớ kỹ vào khoảng tháng Hai hay tháng Ba, pháp sư Pháp Dung ra đi; tháng Năm, thầy Minh Diễn mất, tháng Bảy tôi ngã bệnh, tôi biết vận hạn đã tới rồi. Tôi cũng chẳng cầu trường thọ, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, niệm một tháng, hết bệnh; sau đấy chẳng còn đổ bệnh nữa. Thật đấy, chẳng giả, “trong cửa Phật, có cầu ắt ứng”, cầu đúng lý, đúng pháp, không có ai chẳng có cảm ứng như thế. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

---o0o---

Tập 24

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ hai mươi bốn, dòng thứ tư, chúng ta xem từ câu đầu tiên. “Thuận Bồ Đề môn giả, Bồ Tát viễn ly như thị tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp, tức đắc tam chủng tùy thuận Bồ Đề môn pháp” (Thuận Bồ Đề môn: Bồ Tát xa lìa ba pháp trái nghịch Bồ Đề như thế, liền đắc ba pháp tùy thuận Bồ Đề môn). Phía trước câu này sót một chữ, tức chữ “nhị”, vì trong đoạn thứ nhất thuộc phần trước đã ghi: “Tiên tu ly tam chủng dữ Bồ Đề môn tương vi pháp” (trước hết, cần phải lìa ba pháp trái nghịch Bồ Đề môn) đã nói xong. Ở chỗ này sẽ giảng về “thuận Bồ Đề môn”; thuận Bồ Đề môn cũng có ba điều, tiếp đó, sách viết: “Hà đẳng vi tam: Nhất giả, vô nhiễm thanh tịnh tâm, bất vị tự thân cầu an lạc cố. Bồ Đề thị vô nhiễm thanh tịnh xứ, nhược vị tự thân cầu lạc, tức vi Bồ Đề môn, thị cố vô nhiễm thanh tịnh tâm thị thuận Bồ Đề môn” (Những gì là ba? Một là tâm vô nhiễm thanh tịnh, chẳng cầu an lạc cho chính mình. Bồ Đề là chỗ vô nhiễm thanh tịnh. Nếu cầu vui sướng cho bản thân chính là trái nghịch Bồ Đề môn. Vì thế, tâm vô nhiễm thanh tịnh là Bồ Đề môn). Đề mục của đoạn lớn này là Nhất Kinh Tông Thú, nếu nói theo cách bây giờ, sẽ là y theo nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao của bộ kinh này. Nguyên tắc chỉ đạo này đã được nêu chung trong phần trước: “Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”, đấy là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao trong Tịnh Tông. Ở đây, vì chúng ta nói chi tiết: Đắc thanh tịnh tâm như thế nào? Đặc biệt là trong tựa đề của bộ kinh này, nửa sau nói “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, nêu ra cương lĩnh tu hành. Có Tông, đó là tông chỉ, tức tông chỉ tu học của bộ kinh này. “Thú” là quả, ta chiếu

theo phương pháp này để tu, trong tương lai sẽ đắc quả báo ra sao. Cái quả nằm ngay trong nửa trước của tựa đề kinh. Quý vị đạt được điều gì? Đạt được "Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm", quý vị thấy quả báo này thù thắng lắm! Trong kinh Hoa Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói: "Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng Như Lai", ai nấy đều có, vốn sẵn có. Do vậy, giáo pháp Đại Thừa thường nói: "Hết thảy chúng sanh vốn là Phật" . Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa này của đức Phật, chẳng phải là mê tín. Phật là tiếng Ấn Độ, người Ấn Độ gọi là Phật, người Trung Quốc gọi là thánh nhân. Do vậy, Phật và thánh nhân có cùng một ý nghĩa. Chữ "thánh nhân" của Trung Quốc nên giảng như thế nào? Thánh () là thông đạt, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, đó là "thánh". Chữ Phật trong tiếng Ấn Độ nghĩa là Giác, cũng là hoàn toàn giác ngộ, hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ; đúng là có cùng một ý nghĩa. Phật giáo truyền tới Trung Quốc, chữ này được dịch âm. Nói thật ra là có thể dùng chữ Thánh của tiếng Hán để dịch. Có những [đoạn kinh văn] trong Phật pháp, [gọi Phật] là Đại Thánh, điều này rất thích hợp với khẩu vị của người Hoa, Đại Thánh Thích Ca Mâu Ni. Vì thế, quý vị hiểu rõ văn tự, sẽ chẳng nói Phật giáo là mê tín. Quý vị chẳng hiểu ý nghĩa, tưởng Phật là thần, Bồ Tát là thần, La Hán là thần, hoàn toàn sai lầm! Trong Phật giáo, Phật, Bồ Tát, A La Hán là những danh xưng học vị: Phật là tối cao, người Trung Quốc gọi là Thánh. Cấp thấp hơn thánh nhân là hiền nhân, cấp thấp nhất là quân tử. Trong Phật pháp cũng có ba đẳng cấp, tối cao là Phật Đà, thứ nhì là Bồ Tát, kém hơn nữa là A La Hán. Ba danh xưng học vị, chớ nên không hiểu rõ! Sự giáo học của Phật nhằm mục tiêu cuối cùng, tột bậc là dạy chúng ta trở về tự tánh, vì sao? Tự tánh viên mãn. Tổ tiên dạy chúng ta: Bổn tánh vốn lành, Phật gọi là tự tánh, còn gọi là bổn tánh. Hai câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là: "Nhân chi sơ, tánh bổn thiện" (tánh con người thoạt đầu vốn lành), quý vị làm thế nào để trở về bổn thiện thì sự giáo học này sẽ đạt được! Vì sao chẳng thấy bổn thiện? Vì quý vị có tập tánh bất thiện. Tam Tự Kinh nói rất rõ ràng: "Tánh tương cận, tập tương viễn" (Tánh thì gần giống nhau, do được giáo dục mà trở thành khác xa). Tánh của mọi người đều như nhau, đều là chí thiện. Thiện ấy chẳng phải là thiện trong thiện ác, phải hiểu rõ: Thiện ấy là danh từ nhằm ca ngợi nó quá hoàn mỹ, chẳng có một chút khiếm khuyết nào. Trong tự tánh có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, nay chúng ta nói tới tướng hảo là nói tới phước báo, vô lượng phước báo mà chính quý vị vốn có, vì sao mất đi? Nay ở trong thế gian này, chúng ta thấy trí huệ bất bình đẳng, đức hạnh cũng chẳng bình đẳng, phước báo cũng không bình đẳng, do duyên cớ nào? Do nghiệp

chướng của chính quý vị có dầy hay mỏng khác nhau. Nghiệp chướng dầy, thông minh, trí huệ kém sút; nghiệp chướng mỏng, thông minh trí huệ hơn một chút. Do vậy, trí huệ và đức tướng đều như nhau, nhưng vì phiền não có dày, mỏng, cạn, sâu khác nhau, cho nên lộ ra chẳng giống nhau. Giáo học của Phật Đà chẳng có gì khác, nhằm dạy chúng ta xa lìa tập khí phiền não, buông xuống, thảy đều buông xuống, quý vị sẽ thành Phật, sẽ hoàn toàn khôi phục. Phiền não tập khí vô lượng vô biên, Thích Ca Mâu Ni Phật quy nạp thành ba loại lớn, nhằm mục đích dễ nói hơn, dễ giảng hơn trong khi dạy học. Mỗi loại đều là vô lượng vô biên, chẳng thể tính đếm được: - Loại thứ nhất gọi là Vô Minh phiền não, kinh Hoa Nghiêm gọi loại này là vọng tưởng, còn trong giáo pháp Đại Thừa

gọi nó là Vô Minh phiền não; đây là một loại. - Loại thứ hai là Trần Sa phiền não. Trần Sa là tỷ dụ các phiền não ấy nhiều như bụi, cát; trong kinh Hoa Nghiêm, chúng được gọi là phân biệt. Vì thế, phân biệt là phiền não, tức Trần Sa phiền não. - Loại lớn thứ ba gọi là Kiến Tư phiền não. Kiến là kiến giải của quý vị sai lầm, Tư là tư tưởng, quý vị nghĩ trật rồi, nghĩ sai chân tướng sự thật rồi, thấy sai rồi. Điều này gọi là Kiến Tư phiền não. Kinh Hoa Nghiêm gọi loại này là chấp trước, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Quý vị có thể buông chấp trước xuống, sẽ chứng quả A La Hán, được gọi là bậc A La Hán, đã đạt được học vị thứ nhất, chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu tiến hơn một bước nữa, không chỉ chẳng chấp trước, mà phân biệt cũng không có, quý vị là Bồ Tát, đạt được học vị thứ hai. Học vị tối cao là lục căn đối với cảnh giới lục trần chẳng khởi tâm, không động niệm, đấy là chẳng có Vô Minh phiền não. Vô Minh phiền não là khởi tâm động niệm; chẳng khởi tâm, không động niệm, quý vị sẽ thành Phật, đạt được học vị tối cao. Đó là ba danh xưng học vị. Do vậy, các đồng học nhất định phải biết, hiện nay Phật giáo biến thành tôn giáo, chúng ta đều là tội nhân đối với Thích Ca Mâu Ni Phật, cớ sao hai ngàn năm trăm năm sau khi lão nhân gia [nhập diệt], giáo học đã biến thành tôn giáo? Chúng ta phải biết: Chúng ta chẳng trọn hết trách nhiệm. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng dính líu gì đến tôn giáo, mười chín tuổi cầu học, tham học, ba mươi tuổi khai ngộ. Khổng lão phu tử cũng thế, mười lăm tuổi dốc chí học hành, ba mươi tuổi hoàn tất. Thánh nhân Đông Phương và Tây Phương có rất nhiều chỗ tương đồng; nhưng sau khi khai ngộ, đức Thế Tôn liền giáo học, suốt đời làm công tác này. Thân hành, ngôn giáo, Ngài thật sự làm được, làm được toàn bộ những điều Ngài đã giảng. Nếu Ngài làm không được, sẽ chẳng nói; hễ nói ra, đều thật sự làm được, nêu gương tốt cho mọi người chúng ta. Dạy bao lâu? Dạy suốt cả đời,

bảy mươi chín tuổi viên tịch. Vì thế, trong kinh giáo, thường thấy ghi: “Giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm”. Từ ba mươi tuổi bắt đầu, đến bảy mươi chín tuổi [viên tịch], sống một ngày bèn dạy một ngày, vui thích dạy dỗ chẳng mệt mỏi. Nói theo cách bây giờ, Ngài mang thân phận gì? [Giáo dục] đa nguyên văn hóa! Có thể nói là đa nguyên, vì Ngài chẳng phân biệt quốc gia, tôn giáo, tín ngưỡng, cũng chẳng phân chia dân tộc, là một nhà giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, thật sự mang thân phận ấy. Chính Ngài thì sao? Chính Phật là một người thực hiện nghĩa vụ công tác giáo dục xã hội đa nguyên, chẳng lấy học phí, cuộc sống rất đơn giản, trưa ăn một bữa, ngủ dưới cội cây, ăn cơm từ chỗ nào? Khất thực, đúng là “nhất bát thiên gia phạn” (một bát cơm ngàn nhà), lời này là sự thật, chẳng giả. Quý vị mở kinh điển ra xem, sẽ thấy: Các vị thường tùy đệ tử của Phật, tức là những người thường theo Ngài chẳng rời, đức Phật tới nơi đâu, họ theo tới đó, một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, mỗi người đều ra ngoài khất thực, tức là một ngàn hai trăm mấy cái bát. Khất thực chẳng phải là ta xin được bèn ăn, chẳng phải vậy! Trở về đổ dồn cơm vào với nhau, sau đấy, chia ra ăn. Do vậy, cơm trong bát của mỗi người đều là do xin từ ngàn nhà về. Chúng ta liễu giải chân tướng sự thật này, biến Phật giáo thành tôn giáo là do lũ học trò đời sau chúng ta đại bất hiếu, cớ sao biến Phật giáo thành ra nông nỗi này? Là học trò thật sự của đức Phật, phải khôi phục diện mạo vốn có, diện mục vốn có của Phật giáo là giáo học. Phật giáo truyền tới Trung Quốc là do hai vị đại đức Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đến Trung Quốc.

Thuở ấy, Hán Minh Đế bái họ làm thầy; do vậy, họ biến thành quốc sư. Họ vốn đều là khất thực, đều ngủ dưới cội cây, nay làm thầy hoàng thượng; tại Trung Quốc, nếu thầy của hoàng thượng ra ngoài khất thực, đến ngủ dưới cội cây, người ta sẽ chửi bới hoàng đế chết mất! Ngươi làm hoàng đế kiểu gì? Làm sao có thể khiến cho thầy nhà ngươi sống như vậy được! Do vậy, sau khi đến Trung Quốc, họ đành bỏ truyền thống xưa ấy, quý vị thấy: Hằng thuận chúng sanh, tùy thuận tập quán của dân Trung Quốc. Hoàng thượng cũng ban cho họ cung điện, dựng chùa (tự), "tự" là gì? Quý vị phải biết: Tự () là cơ cấu làm việc của chính phủ, là một cấp hành chánh trực thuộc hoàng đế cai quản, đó là Tự. Quý vị tới thăm Cố Cung. Trong Cố Cung có rất nhiều tấm biển, như Hồng Lô Tự, Thái Thường Tự, đấy đều là các đơn vị cấp dưới của hoàng đế, do hoàng đế trực tiếp quản trị, gọi là Cửu Tự. Trưởng quan của chín tự gọi là Khanh, Tam Công Cửu Khanh; Tam Công93 là cố vấn của hoàng thượng, địa vị rất cao, Cửu Khanh là thủ trưởng đơn vị ở dưới họ một cấp. Đơn vị dưới Tể Tướng một cấp là Bộ. Thủ trưởng của Bộ gọi là Thượng Thư. Thượng Thư là Bộ Trưởng. Thị Lang là Thứ Trưởng. Do vậy, cơ cấu dưới hoàng thượng một

cấp sẽ cao hơn Tể Tướng một bậc. Cấp dưới của Tể Tướng gọi là Thượng Thư, còn họ (những người đứng đầu cửu tự) gọi là Khanh, tức Tam Công Cửu Khanh. Cơ cấu làm việc của Phật giáo cũng gọi là Tự, do hoàng thượng trực tiếp nắm giữ. Do vậy, Trung Quốc vào thời ấy trở thành có hai bộ giáo dục: Bộ giáo dục dưới quyền Tể Tướng là bộ Lễ, sắp theo thứ tự thuận, bộ Lễ đứng đầu, đây là [quy chế] do tổ tiên Trung Quốc truyền lại. Bất luận là gia đình hay quốc gia, đều xếp giáo dục lên đầu. "Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên" (xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo dục làm đầu). Quý vị thành lập một chính quyền, "quân" là người lãnh đạo, lãnh đạo nhân dân, coi điều gì là bậc nhất? Giáo dục bậc nhất. Vì thế, bộ Lễ là bộ thứ nhất. Khi Tể Tướng có việc chẳng thể coi sóc chính sự, Thượng Thư bộ Lễ sẽ thay mặt, quý vị thấy địa vị của ông ta rất cao! Nhìn vào chế độ thời cổ của Trung Quốc, bất luận là gia đình hay quốc gia, đều xếp giáo dục vào bậc nhất; nói cách khác, hết thảy đều nhằm phục vụ giáo dục. Do vậy, quốc gia mấy ngàn năm ổn định, đạo lý ở chỗ này! Dạy những gì? Giáo dục vun bồi căn bản, giáo dục cơ sở trong ba năm đầu. Trẻ nhỏ từ lúc sanh ra cho đến ba tuổi là giáo dục vun bồi căn bản, do mẹ dạy. Vai trò người thầy đầu tiên của đứa trẻ do mẹ nó đảm nhận, dạy gì? Nay tôi nói với mọi người: Đấy chính là Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy chẳng phải là dạy trẻ nhỏ đọc, mà là cha mẹ [làm gương] cho con thấy. Trẻ nhỏ vừa sanh ra, mở mắt ra nó có thể thấy, tai nó có thể nghe, nó đã đang học tập. Quý vị thấy từ lúc sanh ra cho đến ba tuổi, nó học một ngàn ngày. Trong một ngàn ngày ấy, trong sự giáo dục trước đây, điều được hết sức coi trọng là hết thảy những thứ phản diện chẳng để cho trẻ nhỏ thấy, nghe, hay tiếp xúc, hết thảy những gì nó được tiếp xúc đều là chính diện. Cha mẹ trước mặt con luôn lịch sự, từ tốn. Do vậy, cổ ngạn ngữ Trung Quốc có câu: "Tam tuế khán bát thập", [ý nói] ba tuổi vun bồi căn bản, tám mươi tuổi sẽ chẳng biến đổi. Sự giáo dục này nhằm vun bồi cội sâu rễ vững. Sách Đại Học có câu: "Cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm", bồi dưỡng lúc nào? Bồi dưỡng trong ba năm một ngàn ngày ấy, vun bồi cội rễ thật tốt! Sau này, nó đi học, thầy giáo là sự tiếp tục của gia giáo, kéo dài gia giáo. Thầy giáo phải nêu gương cho học trò thấy, thầy thay thế bậc trưởng

thượng trong gia đình. Bậc trưởng thượng làm như thế, thầy cũng làm như thế, lòng tin của trẻ đã được đặt vững rồi. Vì thế, trước kia, giáo dục của Trung Quốc thành công như thế đó! Kiểu giáo dục ấy đến khi nào chẳng còn nữa? Sau khi Dân Quốc thành lập, quan niệm giáo dục ấy còn được kéo dài hai mươi năm, sau năm Dân Quốc thứ hai mươi (1931) bèn chẳng còn nữa! Nó bị triệt để tiêu diệt sau thời chiến tranh Trung Nhật, sau tám năm kháng chiến, hoàn toàn chẳng còn nữa. Do vậy, tôi thường nói: Chúng ta và Nhật Bản đánh nhau tám năm, người bị tử thương, tổn thất sanh mạng, tài sản là chuyện nhỏ, bé nhỏ không

đáng kể; tổn thất lớn nhất gia đình truyền thống và nền gia giáo truyền thống bị mất đi, tổn thất quá lớn. Đối với sự tổn thất này, nếu chúng ta không có tâm cảnh giác cao độ để khôi phục ngay lập tức, dân tộc sẽ bị diệt vong. Trong bốn nền văn minh cổ94 trên thế giới, ba nền văn minh khác không có điều này (gia đình truyền thống và nền gia giáo truyền thống), chỉ riêng Trung Quốc có. Nếu Trung Quốc vứt bỏ truyền thống này, cổ văn minh của Trung Quốc sẽ tiêu mất! Tôi tin rằng chưa đầy ba mươi năm, Trung Quốc sẽ chẳng còn gì hết! Nền giáo dục ấy bị mất đi là chuyện đáng buồn nhất của nhân loại trên toàn thế giới, không riêng gì Trung Quốc bị tổn thất mà cả thế giới đều bị tổn thất. Thập niên 70, ông Thang Ân Tỷ (Arnold J. Toynbee) thường nói, ông này là một nhà sử học người Anh, ông ta nói: “Giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Đại Thừa Phật pháp”. [Điều này do] người khác nói, chẳng phải do tôi nói, nói thật sự có lý. Ngày nay, chúng ta khôi phục nền giáo dục của đức Phật bằng cách nào? Phật giáo là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo. Làm thế nào để khôi phục truyền thống giáo dục Nho gia và Đạo gia Trung Quốc? Truyền thống Trung Quốc chắc chắn chẳng tách lìa Nho, Thích, Đạo. Nho, Thích, Đạo trên hình thức thì có, trên thực tế đã chẳng còn nhìn thấy nữa! Người học Nho cũng học Đạo và Phật, người học Phật cũng học Nho và học Đạo, môn nào cũng đều thông, thứ gì cũng đều hiểu. Đây là một nhận thức căn bản đối với văn hóa truyền thống mà chúng ta phải hiểu rõ, phải minh bạch. Hiện thời, muốn khôi phục, chẳng cần phải dựng chùa miếu, đó là [cách làm] trong thời đại đế vương trước kia, không cần tạo dựng hình thức ấy. Hiện thời, những chùa miếu ấy là cổ tích, là nơi để vãn cảnh du lịch, có đặc tính hấp dẫn lịch sử, chuyện ấy tốt lắm, nhưng chẳng thể dạy học. Cần xây dựng trong hiện thời là trường học. Trước kia, tôi thường gặp cụ Triệu Phác Sơ95, hầu như hàng năm tôi đều về thăm cụ. Tôi đề nghị với cụ, hiện tại giao thông thuận tiện, truyền thông phát triển, Phật giáo Trung Quốc là mười tông phái, mười tông phái đều khôi phục, mỗi tông phái thành lập một đạo tràng, giống như viện đại học tại ngoại quốc, tìm một cuộc đất thuận lợi để xây dựng, thành lập viện đại học, chia thành hai bộ phận: Một bộ phận là Giải môn, bộ phân kia là Hành môn. Về danh xưng, lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã từng đề nghị, đề nghị ấy hết sức hay! Bộ phận tu hành gọi là Học Hội, chúng ta là Tịnh Độ Tông thì Tịnh Tông Học Hội là bộ phận tu hành, còn bộ phận nghiên cứu lý luận và kinh điển được gọi là Tịnh Tông Học Viện. Đối với Thiên Thai Tông thì là Thiên Thai Học Hội và Thiên Thai Học Viện. Đấy là danh xưng được hiện đại hóa, mọi người vừa nhìn vào liền liễu giải, đó là đúng. Hoa Nghiêm Học Viện, Hoa Nghiêm Học Hội, danh xưng ấy khiến cho người ta chẳng mê hoặc tí nào. Đấy là một đề nghị hết sức

hay! Nếu

chúng ta thật sự hiểu, thật sự làm, có như vậy thì mới có thể phục hưng văn hóa truyền thống Trung Quốc, tối thiểu Trung Quốc sẽ có một ngàn năm hưng thịnh xuất hiện, ngàn năm thịnh vượng và ổn định lâu dài. Trung Quốc hưng thịnh, nhất định sẽ hướng dẫn thế giới tiến đến hòa bình, yên định, quý vị nói xem chuyện này có vĩ đại lắm hay không? Rất có ý nghĩa! Trong thời kỳ Mạt Pháp, trong giáo pháp Đại Thừa, kinh Vô Lượng Thọ thù thắng khôn sánh. Chúng tôi vừa nói đến đề kinh, quý vị thấy cái tâm thanh tịnh và quả báo đạt được do tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là nhân, quả là trang nghiêm, trang nghiêm là đẹp đẽ, tốt lành. Tâm bình đẳng là định, là tam-muội, quả báo là vô lượng thọ, đó là đức. Sau đó là giác, giác chứ không mê, quả báo là Đại Thừa. Đại Thừa là trí huệ, kinh Hoa Nghiêm nói: Tự tánh vốn trọn đủ đức tướng Bát Nhã. Đức là vô lượng thọ, tướng là trang nghiêm, trí huệ Bát Nhã là Đại Thừa, [những nhân và quả này] đều được đặt trong tựa đề kinh, tu nhân, chứng quả, đấy là Tông Thú của kinh này. Nay điều đầu tiên được dạy trong kinh này là: Vô nhiễm là tâm thanh tịnh. Nhiễm là ô nhiễm; nay tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, vì sao? Có chấp trước, có phân biệt, có phải như vậy hay không? Nói chẳng tận. Nói đơn giản thì chấp trước cái thân là ta, đó là ô nhiễm. Quý vị còn có Thân Kiến, đó là cái ải đầu tiên, chấp trước thân là ta. Đức Phật nói thân này chẳng phải là ta. Thân là gì? Thân là "ngã sở", tức là cái mà ta có. Giống như y phục, y phục là cái ta có, chẳng phải là ta, mọi người hiểu điều này dễ dàng. Y phục dơ bẩn thì thay bộ khác. Cùng một đạo lý, thân chẳng phải là ta, thân là cái mà ta có, sử dụng vài chục năm, giống như một cỗ máy, chẳng sử dụng ngon lành nữa thì đổi lấy cái mới, đổi lấy một thân thể mới. Đó là đúng! Người thật sự có công phu, các khoa học gia hiện thời bảo: Tế bào của con người, tức tế bào trong thân thể, cứ bảy năm là một chu kỳ, mỗi ngày chúng đều thay đổi. Sau bảy năm, những tế bào cũ đều chẳng còn, đổi mới toàn bộ. Nếu chúng ta hỏi, vì sao nó càng thay đổi càng tệ? Lão hóa, chứ không phải là tệ đi. Càng thay đổi càng chẳng được lanh lợi, sáng suốt, vì sao chẳng đổi thành một cỗ máy mới? Nếu đổi thành cỗ máy mới, quý vị sẽ trường sanh bất lão, vì sao lại càng thay đổi càng kém cỏi? Quý vị suy nghĩ đạo lý này sẽ hiểu: Thuở nhỏ ngây thơ, từ mười tuổi đến hai mươi tuổi, từ bảy tuổi tới mười bốn tuổi, hai mươi mốt tuổi, mỗi lúc thay đổi, gần như đều là đổi mới, không có gì sai khác, thật là tốt. Sau hai mươi tuổi, cứ mỗi bảy năm sau chẳng bằng bảy năm trước đó, vì sao? Vì tự tư tự lợi dấy lên, vì vọng niệm dấy lên, chạy theo dục vọng, tham, sân, si, mạn, thôi rồi, càng thay đổi càng kém cỏi hơn, càng già hơn, chấp trước càng nghiêm trọng, càng kém hơn, đạo lý là như thế đó. Tế bào trên thân thể thay đổi, nghe theo lệnh của ai? Nghe theo ý niệm của chúng ta. Do vậy, nếu quý vị thật sự đắc thanh tịnh tâm, sự thay đổi toàn là tốt đẹp. Cũng có nghĩa là quý vị chẳng có

tướng già yếu. Nếu quý vị đắc tâm bình đẳng, khi thay đổi sẽ gần giống như đổi mới. Chúng ta nói: "Bồ Tát niên niên thập bát" (Bồ Tát mỗi năm đều là mười tám). Bồ Tát thay đổi thân tướng, do có tâm bình đẳng, các Ngài không chỉ thanh tịnh, mà còn đạt đến bình đẳng, thanh tịnh là tâm A La Hán, bình đẳng là tâm Bồ Tát. Giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó là tâm Phật. Vì thế, "thanh tịnh, bình đẳng, giác" là ba giai đoạn, họ hiểu được. Phàm nhân chúng ta lo được, lo mất, tham lam không chán,

nên càng thay đổi càng tệ, năm sáu chục tuổi đã suy, hoàn toàn không biết đến chân tướng sự thật nên mới sanh ra hậu quả như thế. Quý vị thấy Bồ Tát dạy chúng ta, chúng ta tu Tịnh Độ, mục tiêu cuối cùng là cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Cầu sanh về thế giới Cực Lạc, điều kiện khẩn yếu thứ nhất, chư vị phải ghi nhớ, trong kinh thường nói: "Tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh". Tâm địa quý vị chẳng thanh tịnh, suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, mỗi ngày niệm mấy chục vạn tiếng, chẳng nhất định có thể vãng sanh. Vì sao? Tâm không thanh tịnh. Tới thế giới Cực Lạc để làm gì? Hưởng thụ! Thế giới Cực Lạc tốt đẹp quá, ta đến đó hưởng phước, do ý niệm này sẽ chẳng thể vãng sanh, do quan niệm ấy hoàn toàn trái nghịch thế giới Cực Lạc! Cần biết: Thế giới Cực Lạc là trường học, quý vị cũng chẳng thể coi trường học là nhà mình. Bước vào trường, chẳng nghĩ sẽ rời khỏi, chẳng thể được! Sau khi tốt nghiệp, nhất định phải rời khỏi, nơi ấy là chỗ bồi dưỡng, huấn luyện quý vị thành Phật, quý vị đến học [chứ không phải đến để hưởng phước]! Sau khi thành Phật, phải rời khỏi. Rời khỏi để đến đâu? Đến mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh, chẳng thể quyến luyến mãi nơi ấy. Quý vị có một động cơ như vậy, không chỉ A Di Đà Phật chẳng tiếp dẫn quý vị, mà cư dân trong thế giới Cực Lạc cũng phản đối quý vị, làm sao quý vị đến được? Do vậy, điều kiện đầu tiên là tâm vô nhiễm, thanh tịnh. Đã nhiều năm qua, tôi thường khuyên mọi người, chúng ta học Phật điều đầu tiên là học thanh tịnh. Tôi nêu ra mười sáu chữ, buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống! Thật sự làm được mười sáu chữ này, có nhập môn hay không? Thưa quý vị, chưa nhập môn! Tôi nói rất minh bạch, chớ nên hiểu lầm lời tôi nói, tôi đã dẫn quý vị đến cửa ngõ, đưa tới cửa ngõ. Nhập môn thì sao? Phải thỏa điều kiện nêu trong kinh Phật, [tức là] phải buông Thân Kiến xuống. Cái thân này thật sự chẳng phải là ta, đừng vì thân này tạo nghiệp nữa. Đó là đúng! Quý vị mới có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, quyết định chẳng vì thân này nữa, thân bỏ đi. Điều thứ hai là phải buông Biên Kiến xuống. Nói đơn giản, Biên Kiến là đối lập. Chẳng còn đối lập với người khác, người khác đối lập với ta, nhưng ta chẳng đối

lập với họ. "Biên" () là nhị biên (), không chỉ chẳng đối lập với hết thảy mọi người, mà với hết thảy động thực vật cũng chẳng đối lập. Đối với núi, sông, đại địa cũng chẳng đối lập, đối với hiện tượng tự nhiên cũng không đối lập, ý niệm đối lập chẳng có. Quý vị phải hiểu: Buông ý niệm đối lập xuống, đó là cảnh giới gì? Khắp pháp giới hư không giới và chính mình là nhất thể, nhất thể chẳng đối lập, đối lập chẳng phải là nhất thể. Trong đối lập nẩy sanh phiền não, căn nguyên của tất cả hết thảy phiền não do đây sanh ra. Do vậy, phải buông nó xuống! Lại còn phải buông thành kiến xuống, người Trung Quốc hay nói: "Người nào đó có thành kiến rất sâu". Phật pháp chia "thành kiến" thành hai loại lớn: Một là thành kiến nơi nhân. Hai là thành kiến nơi quả. Chẳng có thành kiến, con người đạt đến mức không có thành kiến, sẽ xử sự, đãi người, tiếp vật thuận buồm xuôi gió, vì sao? Chính mình chẳng có ý nghĩ gì, người khác đều tốt, nhưng quý vị có trí huệ, có thể phán đoán. Người khác đề ra điều gì tốt đẹp, quý vị nhất định phục tùng, nhất định tùy thuận. Người khác nêu ra thứ gì bất thiện, quý vị có thể uốn nắn, khuyên lơn kẻ ấy; nếu nhận thấy kẻ ấy chẳng thể lý giải, chẳng thể tiếp nhận, bèn cười cho qua. Tận hết sức tránh né hậu quả, tức hậu quả của cái nhân bất thiện ấy, đó

là đúng, vĩnh viễn vui sướng. Đấy mới là thật sự nhập môn, nhập pháp môn của Phật. Nhập Phật môn: Trong Tiểu Thừa [nhập môn] là đã chứng quả Tu Đà Hoàn, tức Sơ Quả của Tiểu Thừa. Trong Đại Thừa, như kinh Hoa Nghiêm đã giảng, [nhập môn] thuộc địa vị Sơ Tín trong hàng Thập Tín Bồ Tát của Viên Giáo. Thập Tín là Tiểu Học, quý vị đã vào học lớp Một Tiểu Học. Tôi nói mười sáu chữ để dẫn quý vị đến cửa lớp Một, quý vị sử dụng tiêu chuẩn ấy của Phật sẽ vào lớp. Hễ vào rồi, tuy rất thấp, địa vị rất thấp, nhưng quý vị cũng rất lỗi lạc, được gọi là thánh nhân, tiểu thánh, một vị thánh nhỏ nhoi. Tuy là thánh nhân nhỏ nhoi, chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, nhưng chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo, quý vị được bảo đảm, sanh trong cõi trời hay nhân gian bảy lần, chắc chắn chứng A La Hán, cũng có nghĩa là: Địa vị của quý vị ngày được nâng cao hơn, sẽ chẳng thoái chuyển. Trong ba thứ Bất Thoái, quý vị chứng đắc Vị Bất Thoái, tiến bộ mỗi ngày. Quý vị là một vị Bồ Tát nhỏ. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói rất hay: Đức Phật căn dặn hàng đại Bồ Tát phải thường chăm nom hàng tiểu Bồ Tát. Tiểu Bồ Tát định lực chẳng đủ, có khi vẫn phạm tội lỗi, cho nên bậc đại Bồ Tát thường chiếu cố quý vị. Đầu tiên là quyết định chẳng cầu an lạc cho chính mình, nơi nào có tai nạn, quý vị đừng nên tránh né, mà hãy vội vã tới đó, tận tâm tận lực giúp đỡ họ. Hiện thời, trên địa cầu này có tai nạn, đức Phật dùng phương pháp gì để giúp họ? Giáo học! Phải biết: Giảng kinh, giáo học là phương thuốc bí

truyền để hóa giải tai nạn. Quý vị phải dạy họ vì tánh họ vốn lành, quý vị phải hiểu đạo lý này, bất thiện là tập tánh. Giảng rõ ràng, giảng minh bạch, họ sẽ buông bất thiện xuống, tìm lại bổn thiện, đó là thành công, đã đạt được mục đích giáo dục. Người dẫu hư hỏng cách mấy, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác vẫn có bổn thiện, chỉ là nhất thời hồ đồ làm quấy, quý vị tha thứ, khéo dạy dỗ kẻ ấy, dạy kẻ ấy quay đầu; chớ nên bỏ mặc! Bỏ mặc kẻ ấy tức là quý vị giáo dục thất bại. Ở nước ngoài, tôi không muốn dạy học trong nhà trường, tôi rất thích chuyện trò với những vị giáo sư lâu năm, mở những cuộc tọa đàm cùng họ. Tôi bảo họ, Trung Quốc từ xưa coi trọng giáo dục nhất. Người Hoa có trí huệ và phương tiện thiện xảo trong giáo học, dạy học có hiệu quả, trên thế giới quả thật rất ít ai có thể sánh với Trung Quốc về điều này! Điều đầu tiên trong giáo dục Trung Quốc là khẳng định "con người tánh vốn lành", dạy học chẳng có gì khác, ngoài việc làm cho người ấy từ tập tánh trở về bổn tánh. Nếu nói "đứa học trò này quá hư hỏng, chẳng thể dạy được, phải khai trừ nó", tức là dạy dỗ thất bại. Quý vị phải biến học trò hư hỏng thành học trò ngoan hiền, quý vị mới giáo dục thành công. Chẳng thể dạy, khai trừ, tức là trò chẳng có khuyết điểm, mà là chính quý vị có khuyết điểm: Thiếu năng lực, thiếu đức hạnh, chẳng thể cảm hóa nó. Đó là quý vị thất bại, chẳng phải học trò, học trò chẳng có khuyết điểm! Trong các cuộc tọa đàm, tôi thường nói với các giáo sư về chuyện này, họ nghe xong, cũng gật đầu, cũng cảm thấy tôi nói rất có lý. Những điều này chẳng phải do tôi nói, mà do cổ thánh tiên hiền đã nói. Dạy chẳng thành công, hãy trách chính mình! Cổ nhân Trung Quốc nói: "Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ" (làm không được, hãy xét lại mình), quý vị mới có thể giải quyết vấn đề. Quý vị muốn đem trách nhiệm đổ lên đối phương, trật rồi, hoàn toàn trật rồi! Trung Quốc từ xưa tới nay giáo học thành công, không có gì khác, chỉ là hai câu nói ấy. Cha mẹ dạy con cái không nên thân, chẳng phải là con cái bất hảo, mà do chính mình chẳng trọn hết trách nhiệm,

chẳng dạy kỹ lưỡng. Thầy dạy học trò, dạy chẳng nên người, khi đó, thầy phản tỉnh: Chẳng phải là lỗi của học trò! Do vậy, tu dưỡng đức hạnh của chính mình, nâng cao cảnh giới của chính mình, tự nhiên sẽ có thể cảm hóa thế hệ kế tiếp. Trung Quốc mấy ngàn năm ổn định nhờ vào gia đình. Vì thế, chỗ tuyệt diệu của dân tộc Trung Hoa là: Một là biết giáo dục, hai là gia. Gia là gì? Thực hiện giáo dục triệt để. "Gia" ở Trung Quốc là "đại gia đình". Trước thời Kháng Chiến, chúng tôi sống ở nông thôn, [sống trong] đại gia đình. Thôn này là Vương thôn, tức là Vương gia (gia tộc họ Vương), là người một nhà. Kia là Uyển thôn, Uyển thôn là một nhà, là thân thích của chúng ta. Anh em mười mấy người chẳng sống tách riêng. Trong một nhà, số người có hơn hai trăm người, [tức là nhà ấy] đã suy. Khi hưng vượng,

hơn ba trăm người. Do vậy, nhà có gia đạo, có gia quy. Đệ Tử Quy là quy củ chung trong gia quy, ắt phải tuân thủ. Trừ điều này ra, sở học của mỗi nhà khác nhau, kinh doanh những sự nghiệp khác nhau. Họ còn quy củ đặc biệt, đều chép trong gia phả. Trị gia có quy củ, giống như chính phủ, có chế độ, có pháp luật, chẳng thể trái nghịch. Do vậy, từ nhỏ, trẻ đã được dạy đại công vô tư. Nếu có tư tâm, một gia đình to như thế sẽ bị nó phá hoại, nát cửa, tan nhà. Từ nhỏ không có tư tâm, quý vị sống trong thế gian này vì điều gì? Vì gia đình, vinh tông diệu tổ, vẻ vang dòng họ, cả đời người ấy có mục tiêu. Quý vị thấy hiện thời rất nhiều học trò nhỏ tự sát, vì sao? Nó chẳng biết sống vì lẽ gì! Không có phương hướng, không có mục tiêu, cuộc sống tinh thần khổ lắm! Trước đây, bất luận theo đuổi nghề nghiệp gì, bất luận tới nơi nào, gia đình quý vị là hậu thuẫn, gia đình là người ủng hộ quý vị trung thực nhất. Khi quý vị gặp khó khăn, cả nhà sẽ chiếu cố quý vị. Do vậy, thuở còn thơ, gia học là tư thục, tư thục là trường học dạy con em trong gia đình. Chỉ cần chịu học hành, nhất định sẽ có người thành tựu quý vị, gia đình giúp đỡ quý vị. Lúc già, gia đình là nơi dưỡng lão, cáo lão hoàn hương, hưởng niềm vui thiên luân. Quý vị thấy con cháu của chính mình, những đứa cháu chắt, kể ra mấy chục đứa quây quần quanh quý vị, vui sướng lắm! Hiện thời, gia đình chẳng còn nữa, thật sự đáng thương, thật đáng thương, đặc biệt là tuổi già, cô đơn. Đối với sự nghiệp dưỡng lão trong xã hội này, tôi đã thấy rất nhiều, đến mỗi nơi, chuyện tôi rất quan tâm là coi xem sự nghiệp phước lợi dành cho người già, coi tình hình phạm tội của thanh thiếu niên nơi ấy. Đấy là vấn đề lo nghĩ, đau đầu nhất của chính phủ mỗi quốc gia trên thế giới, nhưng về căn bản, tại Trung Quốc, trong thời cổ đại, vấn đề ấy chẳng tồn tại! Quý vị kiểm trong hai mươi lăm bộ sử của Trung Quốc, có triều đại nào nói tới vấn đề dưỡng già, nuôi trẻ? Chẳng nhắc tới, gia tộc thay [chính quyền lo liệu], thực hiện tốt đẹp, đều dạy trẻ tốt đẹp, chăm lo người già chu đáo. Vì thế, ai nấy là người tốt, mọi chuyện đều là chuyện tốt. Trong các nghề nghiệp của Trung Quốc cổ đại, người ta ưa thích nghề nghiệp gì nhất? Thưa quý vị, làm quan, vì sao? Đãi ngộ rất tốt, lại có địa vị xã hội, lại không có chuyện gì làm, không có những hồ sơ phải giải quyết, không có kẻ phạm tội, không có chuyện phạm tội. Chúng ta thấy những tác phẩm văn học, văn chương, thi từ, ca phú thuộc phần Tập trong Tứ Khố Toàn Thư do ai soạn? Đều do những kẻ làm quan, chẳng có chuyện gì làm, hằng ngày ở nhà đọc sách, học khá lại có chức vụ, du sơn, ngoạn thủy. Chúng ta thấy trong những tác phẩm văn học, thấy rất nhiều trường hợp [các quan chức] bái phỏng các đạo trưởng, thăm viếng hòa thượng,

họ có thời gian, chẳng giống như hiện thời! Hiện thời, trong ba trăm sáu mươi nghề, làm quan vất vả nhất! Thời cổ, ngay cả hoàng đế cũng thong dong, khoanh tay cai trị, chẳng làm gì mà thiên hạ hưởng thái bình, do đâu mà được như

vậy? Thực hiện giáo dục tốt đẹp, sự bồi dưỡng trong gia đình tốt đẹp, nên gia tề, quốc trị, thiên hạ bình. Chỉ cần gia đình đã ổn định, gia đình tốt đẹp, xã hội sẽ chẳng có vấn đề gì. Nếu không, sẽ có chuyện phạm tội nẩy sanh, hoàn toàn cậy vào giáo dục! Quý vị thấy tổ tiên trí huệ lắm, trong mấy ngàn năm xếp giáo dục vào vị trí thứ nhất, tất cả những tổ chức hành chánh không gì chẳng nhằm giáo dục. Giáo dục là then chốt, quốc thái dân an, có thể thu được hiệu quả tốt đẹp ngần ấy. Giáo dục Phật giáo chú trọng nhất là chuyện nâng cao, tức là nâng cao linh tánh của chính mình. Vì thế, điều đầu tiên, bất luận là tại gia học Phật hay xuất gia học Phật, đều phải ghi nhớ "chẳng cầu an lạc cho bản thân". Cầu an lạc cho bản thân, dẫu đạt được an lạc, vẫn có những tác dụng phụ rất phiền phức, tác dụng phụ sẽ dẫn đến bệnh tật, tai nạn. Con người sống trong thế gian là vì chúng sanh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta: Vì hết thảy chúng sanh giáo học. Lợi ích lớn nhất, công đức thù thắng nhất là giáo học: "Học vi nhân sư, hành vi thế phạm" (học làm thầy người, hành vi làm khuôn mẫu cho cõi đời). Vì thế, "vô nhiễm thanh tịnh tâm", hễ làm được điều đầu tiên là vô nhiễm thì tâm thanh tịnh mới có thể đạt được. Chỉ cần có ô nhiễm, chúng ta nói tới ô nhiễm về mặt tinh thần hay vật chất, thảy đều rời khỏi, quyết định chẳng bị tiêm nhiễm. Hiện thời, ô nhiễm phổ biến nhất, nghiêm trọng nhất là gì? TV, Internet hại chết người! Tại Trung Quốc, tôi không rõ lắm, nhưng ở ngoại quốc, đặc biệt là tôi ở nước Mỹ mười mấy năm, học trò lớp Một Tiểu Học đã dùng computer. Ngoài bài tập ra, trẻ còn tiếp nhận tin tức từ Internet. Do vậy, quý vị thấy nó bị ô nhiễm từ nhỏ, ô nhiễm biến thành thói quen, cả đời chẳng bỏ được, quay lại không được, đáng sợ lắm! Thầy tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ, xưa kia, có lần tôi đến nhà thầy, lúc ấy, chạm mặt ba quan chức thuộc bộ Giáo Dục, địa vị cũng rất cao đến phỏng vấn lão nhân gia, nói tới chuyện phục hưng văn hóa truyền thống, hỏi cụ dùng phương pháp gì để có thể phục hưng văn hóa truyền thống của Trung Quốc? Cụ nghe hỏi xong, thái độ hết sức nghiêm túc, im lặng cả năm phút. Mọi người chúng tôi hết sức chú ý, chăm chú nghe cụ giáo huấn. Năm phút sau, cụ nói, phương pháp thì có. Thứ nhất, thuở ấy tại Đài Loan có ba đài TV, là Đài Thị, Trung Thị và Hoa Thị, ba đài truyền hình, hãy đóng cửa đài truyền hình. Thứ hai là phải đóng cửa tất cả đài phát thanh, nhật báo, tạp chí đều phải đình bản! Ba viên chức nghe xong [thốt lên]: "Thầy ơi! Chuyện ấy không làm được đâu!" [Thầy trả lời]: "Những thứ ấy phá hư văn hóa truyền thống Trung Quốc, nếu quý vị chẳng xóa bỏ chúng, làm sao phục hưng [văn hóa truyền thống] được!" Cụ nói rất có lý. Do vậy, ta học Phật, tuy họ không đóng cửa, họ có quyền phát sóng, nhưng ta cũng có quyền không tiếp nhận. Gần như năm mươi năm tôi chẳng coi TV, chẳng đọc nhật

báo, chẳng xem tạp chí, chẳng nghe radio. Mỗi ngày tôi đọc kinh, đọc những tác phẩm của thánh hiền. Vì thế, người khác hỏi tôi, đối với tôi, thiên hạ thái bình, chẳng có chuyện gì! Quý vị có chuyện, chứ tôi chẳng có gì. Vì thế, chỉ cần chúng ta chịu xa lìa, liền đạt được cái tâm thanh tịnh. Chúng tôi sống mỗi ngày vui vẻ, thanh tịnh lắm! Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, trí huệ có thể giải quyết vấn đề, chẳng để lại hậu quả! Tri thức

không được, tri thức giải quyết vấn đề, nhưng sau đó để lại hậu quả. Hơn nữa, tri thức giải quyết vấn đề cục hạn, chẳng viên mãn, chúng ta chớ nên không biết điều này! Thuở trước, tôi diễn giảng, trao đổi với các sinh viên và giáo sư thuộc khoa Hán Học của đại học Kiếm Kiều (Cambridge) và đại học Luân Đôn của Anh. Tôi rất bội phục những người ngoại quốc ấy, họ trẻ tuổi, nói tiếng Phổ Thông rất khá. Nói giọng Bắc Kinh rất chuẩn, có thể đọc văn chương Văn Ngôn, có thể xem cổ thư Trung Quốc, chẳng thể không bội phục. Người trẻ tuổi hai mươi mấy tuổi, học giỏi như thế, nghiên cứu Hán học, nghiên cứu Nho, Thích, Đạo, dùng kinh điển Nho, Thích, Đạo để viết luận văn tiến sĩ. Tôi từng hỏi họ: Ông Thang Ân Tỷ đã nói: "Để giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ hai mươi mốt, phải cần tới học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Đại Thừa Phật pháp". Tôi nói hiện nay các vị đều học tập học thuyết Khổng Mạnh và Đại Thừa Phật pháp, những thứ ấy có thể thật sự giải quyết vấn đề hay chăng? Tôi hỏi họ, họ nhìn tôi cười, chẳng trả lời. Sau đấy, tôi hỏi tiếp: "Ông Thang Ân Tỷ nói sai rồi hay sao? Quý vị có nghĩ ông ta nói sai hay không?" Họ cũng không đáp. Cuối cùng, tôi bảo họ: Ông Thang Ân Tỷ nói chẳng sai, nhưng nhiều người đọc rồi hiểu sai ý. Nhắc tới học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc, chắc chắn quý vị nghĩ đến Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, chính là những thứ họ đang học tập, trong số đó có sinh viên dùng sách Mạnh Tử để viết luận văn (thesis, luận án), còn có một sinh viên dùng kinh Vô Lượng Thọ để viết luận văn. Tôi hỏi anh ta: "Kinh Vô Lượng Thọ có chín phiên bản khác nhau, anh dùng bản nào?" Anh ta dùng bản hội tập của Hạ Liên Cư, khó có! Ta nói rất nhiều người đọc rồi hiểu sai, vì sao? Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh là hoa quả của Nho gia, đương nhiên quý vị thấy ngay. Vừa nhắc tới Đại Thừa Phật pháp, nhất định quý vị nghĩ đến những bộ đại kinh, đại luận như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã, có thể giải quyết vấn đề hay chăng? Chẳng thể giải quyết. Quý vị không nói, để tôi nói với quý vị. Đấy là hoa quả, nhưng quý vị phải nghĩ hoa quả do đâu mà có? Do cây sanh ra, cây do đâu mà có? Cây do rễ sanh ra. Ông Thang Ân Tỷ chẳng nói sai, nhưng quý vị phải tìm cội rễ. Cội rễ là gì? Cội rễ của Nho gia là Đệ Tử Quy, cội rễ của Đạo gia là Cảm Ứng Thiên, cội rễ của Phật pháp là Thập Thiện Nghiệp; ba thứ này quý vị đều coi rẻ, nghĩ chúng quá nông cạn, quá thấp, nhưng đó là cội rễ. Nếu quý vị vứt bỏ cội rễ, lấy đâu ra cành, lá, hoa, quả? Do vậy, quý

vị nghiên cứu [kinh điển Nho gia và kinh luận Đại Thừa] chẳng thấu triệt. Tôi nói hiện thời quý vị đang làm gì? Ở nơi đây, trong nhà trường, quý vị dạy và học về Nho Học, Phật học, Đạo học. Tôi nói tôi và quý vị khác nhau, trong tương lai quý vị có thể đạt được học vị Tiến Sĩ, có thể thành một chuyên gia về Hán học của Âu Châu, có thể là một giáo sư nổi tiếng, nhưng quý vị chẳng thể nào sung sướng, tự tại như tôi được, do nguyên nhân gì? Tôi học trái ngược với quý vị. Hiện thời, người ngoại quốc viết chữ từ bên trái sang bên phải, quý vị thấy những gì quý vị học được là Phật học, còn tôi tương phản, học Phật! Quý vị học Đạo học, Nho học, Phật học, còn tôi là học Nho, học Đạo, học Phật, khác nhau! Học Nho là học giống như Khổng Mạnh, họ là gương mẫu, tiêu chuẩn cho chúng ta, phải mong bằng họ. Học Phật là phải giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, học Đạo phải giống như Lão Trang, như vậy thì mới kể là có thành tựu, mới là trí huệ, có thể thật sự giải quyết vấn đề. Bởi lẽ, Phật học, Đạo học, Nho học là tri thức, học Phật,

học Nho, học Đạo là trí huệ. Lời ông Thang Ân Tỷ nói chẳng sai, nhưng rất nhiều người giải thích sai lầm. Buổi học ấy chỉ một giờ, tuy thời gian chẳng dài, nhưng soi sáng cho họ rất nhiều. Bởi lẽ, ba món căn bản ấy trọng yếu, là cội rễ của Trung Quốc, trước đây, do người mẹ vun bồi căn cội này cho rễ sâu cội chắc. Nho gia là giáo dục luân lý, đạo đức, Đạo gia nhằm giáo dục nhân quả, Phật pháp là giáo dục trí huệ. Quý vị thiếu căn bản này, dụng công cách nào, học tập cách nào, đều vô dụng! Quý vị học chẳng giống! Nói cách khác, trong cuộc sống quý vị có vấn đề, trong công tác có vấn đề, quý vị đều chẳng thể giải quyết! Nếu quý vị thật sự học Nho, học Đạo, học Phật, vấn đề gì cũng đều có thể giải quyết. Quý vị mới thật sự giống như Phu Tử đã nói: "Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?" (học rồi luyện tập, cũng chẳng vui ư?), pháp hỷ sung mãn, nhà Phật nói "thường sanh tâm hoan hỷ". Một người mỗi ngày đều vui vẻ, làm sao chẳng khỏe mạnh cho được! Mỗi ngày đều lo âu, sẽ đổ bệnh, chẳng phải là dáng vẻ khỏe mạnh được! Tướng trạng khoẻ mạnh là mỗi ngày đều vui sướng. Nho, Thích, Đạo đều là như vậy. Vì thế, chúng ta phải nhận biết rõ ràng, phải nghiêm túc học tập. Tiếp đó, điều thứ hai là: "An thanh tịnh tâm, vị bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố" (Tâm an, thanh tịnh, vì dẹp khổ cho hết thảy chúng sanh). Đó là cứu khổ, cứu khổ, cứu nạn, dùng phương pháp gì? Mục đích gì? Khiến cho hết thảy chúng sanh được bình an. Quý vị thấy trong xã hội hiện tại, lòng người bất an, không định được, chẳng tĩnh được, mỗi cá nhân đều có phiền não khá nghiêm trọng, làm như thế nào đây? Chúng ta biết ô nhiễm quá nghiêm trọng, do những gì tạo thành? Nói thật ra, do TV tạo thành, do Internet tạo thành. Internet và TV là đại ma vương, rất đáng sợ! Trong quá khứ, thầy Phương bảo tôi những thứ này có thể hủy diệt một quốc gia, hủy

diệt dân tộc, quý vị chớ nên không cẩn thận đối với nó. Thầy nói trong tương lai nước Mỹ bị diệt vong thì nhân tố đầu tiên là TV. Khi ấy, thầy đã cảnh cáo chính phủ Đài Loan phải cẩn thận. Lúc đó, Đài Loan vừa mới khởi đầu, nếu đi theo nếp sống của Mỹ sẽ bị hủy diệt trong tương lai. TV hủy diệt thế hệ kế tiếp, hủy diệt những kẻ trẻ tuổi, TV dạy gì vậy? Bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, học từ nhỏ, kinh khủng quá! Hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức; nhưng người trong xã hội và những kẻ chịu trách nhiệm trong chính phủ hoàn toàn chẳng có ý thức về vấn đề nghiêm trọng này. Khi tôi phỏng vấn tại Mã Lai, vị Thủ Tướng trước kia là Mã Cáp Địch (Mahathir Bin Mohamad) cũng từng bàn với tôi về vấn đề này, ông ta nói vấn đề này hết sức nghiêm trọng. Nhất là sau khi kỹ thuật mã hóa (digitalized) ra đời, quý vị thấy một con chip nhỏ ngần ấy, một con chip lớn bằng móng tay mà chứa đựng thông tin nhiều ngần ấy, nhưng hiện thời những thông tin ấy đều chẳng tốt, đều là bất thiện, đều làm hỏng con người, vấn đề này nghiêm trọng lắm! Ông ta còn tìm người nhắn tôi, mong trong lần phỏng vấn thứ hai sẽ thảo luận với ông ta về vấn đề này trong một thời gian dài; đấy cũng là một người hữu tâm. Con người hiện thời một mực mê muội truy cầu danh lợi, tranh danh trục lợi, đạt được gì? Dẫu có đạt được, khổ chẳng thể nói nổi, lo được, lo mất. Khi chưa đạt được thì mong đạt được; khi đã đạt được, lại sợ mất đi, làm sao an tâm cho được? Không thể nào an, tâm không thanh tịnh sẽ không an, con người như vậy sống khổ sở quá! Vì thế, Phật, thánh nhân dạy chúng ta phương pháp: Chúng ta muốn cứu xã hội, thế giới, và địa cầu này thì dùng phương pháp gì? Giảng kinh, giáo học, vẫn là câu nói cũ rích này!

Càng nghĩ, càng thấy có lý. Quý vị giảng kinh, giáo học, nhằm đánh thức giác tánh của con người, đánh thức bổn thiện, chỉ cần người ấy giác ngộ, quay đầu, tâm người ấy sẽ định, trí huệ mở mang. Đối với những thứ hư giả, tiếng tăm, lợi dưỡng là giả, tiền tài dẫu nhiều đến mấy, chẳng phải là quý vị vẫn ngày ăn ba bữa, đêm ngủ [chỉ nằm một chỗ dài rộng] sáu thước ư! Nếu liễu giải chân tướng sự thật, quý vị truy cầu những thứ ấy để làm gì? Khổ chẳng thể nói nổi! Áo cơm đầy đủ là được rồi. Mỗi ngày có thể ăn no, quần áo mặc ấm, có một căn nhà nhỏ để đụt mưa, tránh gió, quý vị nói có phải là sung sướng lắm hay không? Nhà to, mỗi ngày phải tốn không ít thời gian để quét tước, dọn dẹp! Tôi ở Mỹ rất nhiều năm, những đồng học bên ấy làm ăn khá lắm, mua một căn nhà to. Thứ Sáu và thứ Bảy không đi làm, họ ở nhà làm gì? Dùng thời gian cả ngày để dọn dẹp nhà cửa. Nếu quý vị không dọn dẹp, cảnh sát sẽ thay quý vị dọn dẹp, phạt tiền quý vị. Đó là người làm đầy tớ cho nhà cửa, quý vị phải hầu hạ nó. Quý vị mua một căn nhà nhỏ khỏe hơn, tốn một hai tiếng đồng hồ đã dọn dẹp sạch sẽ, ngăn nắp, mới có thời gian rảnh rỗi để hưởng thụ. Người Hoa biết sống, người đọc sách thật sự, bậc cao nhân, dựng

một túp lều tranh nhỏ ở nông thôn, thoải mái cùng cực. Tôi nhớ thuở bé sống ở nông thôn, ở trong căn nhà tranh, vách đất, tôi rất lưu luyến. Căn nhà ấy quý vị thấy chẳng vừa mắt, nhà tranh, Đông ấm, Hè mát, rất thoải mái, tường rất dầy. Tường gần như dầy đến hai ba thước, đắp bằng đất, lợp bằng cỏ tranh rất dầy. Quả thật Đông ấm, Hè mát! Mùa Đông khí lạnh chẳng lọt vào được, sống rất thoải mái. Nhà đúc bằng bê tông cốt sắt nhìn đẹp đẽ, nhưng thật sự chẳng có ích cho con người như lều tranh của Trung Quốc. Con người sống nơi ấy tâm địa thanh tịnh, trường thọ. Con người hiện thời nói là từ trường khác nhau. Hiện thời, một tòa cao ốc bao nhiêu người ở? Từ trường rất hỗn loạn, rất phức tạp. Ở nông thôn, gần bên túp lều tranh không có ai, rất xa mới có nhà người khác, làm sao giống nhau cho được? Giúp đỡ người khác bằng thân hành, ngôn giáo, chúng ta dùng thân mình tận lực thực hiện, thật sự thực hiện giáo huấn của cổ thánh tiên hiền trong công việc, trong xử sự, đãi người, tiếp vật. Học vấn thật sự là đem những đạo lý trong kinh điển biến thành tư tưởng và kiến giải của chính mình, cảnh giới ấy sẽ được nâng cao! Vấn đề trong hiện tại là vì giao thông thuận tiện, thông tin phát triển, địa cầu đúng là thôn địa cầu, đi vòng quanh trái đất mất hai ngày, tôi đi mất ba ngày. Tôi đi một lần, ngày đầu tiên, từ Bắc Kinh bay tới Ba Lê, ở Ba Lê ngồi xe lửa sang Anh. Ngày thứ hai, từ Anh bay tới Nữu Ước. Ngày thứ ba, từ Nữu Ước bay về Bắc Kinh. Thôn địa cầu mà! Con người trước kia không có cách nào tưởng tượng chuyện này. Truyền thông phát triển, bất luận nơi đâu xảy ra chuyện gì, qua TV, radio lập tức biết ngay. Không gian sống của chúng ta khác với trước kia, đương nhiên nhu cầu tri thức khác nhau! Do vậy, chẳng thể không quan tâm đến thế giới này, thế giới này có tương quan mật thiết với chúng ta, nhưng những thứ thông tin rác rưởi quá nhiều. Nếu quý vị xem, tiếp xúc [những thứ ấy], phải lãng phí bao nhiêu tinh thần? Do vậy, tôi đều buông xuống hết; nhưng tôi cũng có "đường ống", [tức là] có những đồng học hảo tâm, đối với những sự kiện trọng đại, họ bèn hạ tải từ Internet, đưa cho tôi xem, đại khái đôi ba ngày tôi đọc chừng hai ba trang. Những sự kiện trọng đại được nói trên Internet tôi đều biết, đó là những thứ tất yếu, không xem những thứ chẳng tất yếu, toàn bộ chẳng

tiếp xúc, tận hết sức giữ gìn cái tâm thanh tịnh, giữ cho tâm an định, chúng ta mới có năng lực giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn. Giảng kinh, giáo học là cùng nhau chia sẻ trí huệ của Nho, Thích, Đạo. Thứ ba là "lạc thanh tịnh tâm", chữ đọc là Nhạo, nghĩa là ưa thích, nếu đọc là Lạc sẽ là vui sướng. Quý vị thấy hết thảy đều giảng về cái tâm thanh tịnh; thứ nhất là "vô nhiễm", thứ hai là "an", thứ ba là "lạc", "dục linh nhất thiết chúng sanh đắc đại Bồ Đề cố" (vì muốn làm cho hết thảy

chúng sanh đắc đại Bồ Đề). Đối với Lạc thì phải ban cho họ chân lạc; nếu sau khi vui mà còn có tác dụng phụ sẽ chẳng phải là Lạc, chẳng phải là chân lạc. Do vậy, Phật pháp từ bi cứu thế. Hai chữ "từ tế" (từ bi cứu giúp) nói đến chân thật rốt ráo sẽ là Đại Thừa Phật pháp. Có phải là ban cho quý vị của cải hay chăng? Không phải! Có phải là ban cho quý vị địa vị hay chăng? Không phải! Có phải là ban cho quý vị sự vinh diệu hay chăng? Cũng không phải, mà là giúp quý vị phá mê khai ngộ. Vì sao? Khổ do mê mà có, quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật, cũng có nghĩa là quý vị nghĩ sai, thấy sai, làm sai, nên chuốc lấy quả báo bất thiện, đó là khổ. Nếu quý vị tỉnh ngộ, giác ngộ, tư tưởng và kiến giải của quý vị chính xác, lời nói và việc làm chính xác, sẽ cảm được thiện quả, thật sự sung sướng. Lìa khổ được vui là quả báo, phá mê khai ngộ là nhân. Phật, Bồ Tát giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, tự nhiên phải đạt đến lìa khổ, được vui, giáo học mà! Trong giáo học, quan trọng nhất là chính mình phải nêu gương tốt; nếu lời nói chẳng đi đôi với việc làm, người khác chẳng tin tưởng quý vị: "Ngươi là đồ giả, chẳng thật!" Chẳng hạn như đối với ba căn bản của giáo dục, những năm qua, tôi luôn hết sức nhấn mạnh, khuyên mọi người chúng ta phải học bù đắp những môn ấy. Những môn ấy từ nhỏ chúng ta chưa học, cha mẹ cũng chẳng học, ông bà cũng chẳng học, nay chúng ta học bù những môn ấy, đương nhiên khá khó khăn, nhưng biết những môn ấy trọng yếu, nghiêm túc học tập, học bù những môn ấy cũng chẳng khó khăn, thật sự chịu làm, hai năm sẽ nhất định học bù xong xuôi. Hai năm ấy nhằm vun bồi căn bản, hãy còn kịp! Nếu muốn giúp đỡ người khác, giáo hóa chúng sanh, hãy học theo Khổng Tử, học theo Phật Thích Ca, còn phải học bù một môn nữa là văn chương Văn Ngôn. Văn chương Văn Ngôn là trí huệ chân thật của tổ tiên Trung Quốc, chẳng gì có thể sánh bằng. Tổ tiên biết ngôn ngữ sẽ biến đổi theo thời đại, nếu văn nói và văn viết giống như nhau, người mấy trăm năm sau đọc đến, sẽ chẳng hiểu văn chương hiện thời. Do vậy, phát minh một phương pháp: Tách rời văn viết và văn nói, bất luận ngôn ngữ biến đổi ra sao, văn viết chẳng thay đổi! Phương pháp hay lắm, cả thế giới tìm không ra nước thứ hai nào. Hai ngàn năm trăm năm trước Khổng Tử viết sách, nay chúng ta có thể đọc hiểu, giống như đối diện trò chuyện, đây là một chuyện tuyệt diệu! Do vậy, chúng phải bổ sung văn chương Văn Ngôn vào khóa trình. Học văn chương Văn Ngôn như thế nào? Chẳng khó khăn chút nào cả! Văn chương Văn Ngôn phải cậy vào học thuộc. Vì thế, trong quá khứ, thầy Lý dạy chúng tôi: "Các anh có thể học thuộc năm mươi bài cổ văn", khi ấy, tài liệu dạy học được chọn từ bộ Cổ Văn Quán Chỉ, "có thể thuộc năm mươi bài sẽ có năng lực đọc văn chương Văn Ngôn, nắm vững văn chương Văn Ngôn". Đại Tạng Kinh được viết bằng Văn Ngôn, Tứ Khố Toàn Thư viết

bằng Văn Ngôn, quý vị nắm được cái chìa khóa này, cổ nhân lưu lại những kho báu, quý vị đều có thể thụ dụng. Nếu có thể thuộc một trăm bài, quý vị sẽ có năng lực viết

Văn Ngôn. Nếu chúng ta mỗi tuần học một bài, thuộc một bài rồi mới học bài khác, [học thuộc] một trăm bài cũng không tới hai năm. Hai năm, nắm được chìa khóa, đối với những kho báu do tổ tông lưu lại, quý vị sẽ có phần. Nếu quý vị chẳng chịu làm [sẽ rất uổng], những thứ ấy hiện thời đều có. Kỹ thuật ấn loát tiến bộ, in Tứ Khố Toàn Thư chẳng khó. Năm ngoái, hình như là năm trước đó, tôi đặt Thương Vụ Ấn Thư Quán in một trăm bộ Tứ Khố Toàn Thư, đại khái tháng Năm, tháng Sáu năm nay sẽ in xong, giao toàn bộ cho tôi. Tôi đặt in một trăm bộ, dự tính tặng cho những trường có nhu cầu trong nước! Tốn thời gian hai năm, quý vị nắm được chìa khóa, có thể duyệt đọc. Kinh là học vấn, Sử là kinh nghiệm; có học vấn, có kinh nghiệm lịch sử, quý vị sẽ có năng lực trị quốc, bình thiên hạ, có thể giải quyết vấn đề, thật sự đem lại "thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội hài hòa, thiên hạ thái bình" cho chúng sanh, thật sự làm được, chẳng phải là mơ tưởng viễn vông, mà là thật sự có thể thực hiện được! Do vậy, ông Thang Ân Tỷ có thể nói ra câu ấy, tôi rất bội phục ông ta. Đây là một người ngoại quốc, nghiên cứu văn hóa sử thế giới, là một nhà lịch sử triết học, nói rất hay. Do vậy, người thật sự giác ngộ trong thế gian đại từ, đại bi, đại nguyện, đại lực, gần như đều theo đuổi giáo học, chọn lựa nghề nghiệp này hết sức có lý. Họ chẳng làm nghề nào khác, mà làm nghề này; làm nghề nghiệp này đúng là cứu thế, cứu dân. Trong Phật pháp, tâm vui thanh tịnh vì muốn làm cho hết thảy chúng sanh đắc đại Bồ Đề. Đại Bồ Đề: Trí huệ viên mãn trong tự tánh gọi là đại Bồ Đề, giúp đỡ hết thảy chúng sanh trở về tự tánh. Trí huệ Bát Nhã viên mãn trong tự tánh hiện tiền, đó gọi là "đắc đại Bồ Đề". Chuyện này rất khó, tuy trong tự tánh vốn có, nhưng quý vị cần phải buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống; nói rất dễ, làm thật khó! Có thể chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian là tiểu trí huệ, nhưng trí huệ ấy là thật, chẳng giả, tiểu trí huệ! Lại buông phân biệt xuống, bèn là Bồ Tát, gọi là đại trí huệ. Cuối cùng có thể không khởi tâm, không động niệm, trí huệ viên mãn, đó là trí huệ của Phật, đúng là chúng ta chẳng dễ gì làm được. "Khởi tâm động niệm", câu này chúng ta chẳng dễ gì liễu giải. Tới khi bản thân chúng tôi học kinh Hoa Nghiêm, học bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư mới liễu giải khái niệm này đôi chút. Thật sự khó! Ngay cả nhập pháp môn đã quá khó! Quý vị thấy nhập môn, phải buông xuống Ngã Chấp, phải buông Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến xuống, rất khó khăn! Do vậy, trong Đại Thừa có pháp môn đặc biệt là "nhiếp thủ chúng sanh sanh bỉ quốc độ cố" (nhiếp thủ chúng sanh sanh về cõi Phật ấy). "Bỉ quốc độ" là thế giới của Tây Phương A Di Đà Phật. Trong

các vị Phật Như Lai, A Di Đà Phật giống như một vị đã phát đại tâm thành lập một ngôi trường. Tây Phương Cực Lạc thế giới là đại học Phật giáo, là một đại học đa nguyên văn hóa. Tôi chẳng học Phật, tôi học Cơ Đốc giáo có thể vãng sanh hay không? Tôi học đạo Hồi có thể vãng sanh hay không? Thưa quý vị, thảy đều có thể vãng sanh, tuyệt diệu! Vãng sanh chỉ là lúc lâm chung, đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới tin tưởng, phát nguyện, ta tin tưởng, ta phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, ta tu Cơ Đốc Giáo, hay tu đạo Hồi, đem công đức tu hành hồi hướng Tây Phương Cực Lạc thế giới, thảy đều có thể vãng sanh, môn này lớn lắm! Bất luận quý vị học pháp môn nào [cũng đều có thể vãng sanh], vì sao? Quý vị luôn tu thiện, tích đức, đem công đức ấy hồi hướng Tây

Phương Cực Lạc thế giới, đều có thể nâng cao phẩm vị của quý vị. Nhà Phật không có quan niệm môn hộ; nếu có kiến giải về môn hộ, chẳng phải là đối lập ư? Vừa mở đầu đã bảo quý vị buông đối lập xuống, nhận biết cả vũ trụ và chính mình là nhất thể, ta và A Di Đà Phật là nhất thể. Trong kinh Phật chẳng nói "tin tưởng, ngưỡng mộ các tôn giáo khác sẽ bị loại trừ!" Không có! Không có câu ấy! Quý vị đọc kinh giáo Đại Thừa sẽ phát hiện trong ấy có rất nhiều vị Bà-la môn, đó là [tín đồ] Bà La Môn giáo, còn có rất nhiều ngoại đạo, họ đều là tín đồ của các tôn giáo khác, nhưng đều là học trò của Phật. Do vậy, đức Phật tiến hành giáo dục, chẳng phải là [truyền bá] tôn giáo, chẳng đối lập với các tôn giáo khác. Tôn giáo nào đến học cũng đều hoan nghênh, đều thành tựu giống hệt như nhau, đều vãng sanh như nhau, tới thế giới Cực Lạc thành Phật, đạt được học vị tối cao trong giáo dục Phật giáo. Sau khi đạt được, người ấy vẫn là Bà La Môn giáo, hay vẫn là Cơ Đốc Giáo, chẳng thay đổi tôn giáo, biến thành bậc thánh nhân trong tôn giáo của người ấy. Đấy là chân thật nghĩa trong giáo pháp Đại Thừa. Trong những năm qua, đã mười năm rồi, từ năm 1999 bắt đầu, trọn cả mười năm, chúng ta tiếp xúc nhiều tôn giáo, đề xướng tôn giáo trên thế giới là một nhà. Tôi học tập kinh điển của tôn giáo khác, tôi cũng đã từng giảng Thánh Kinh, giảng Cổ Lan Kinh, họ cũng rất hoan nghênh. Tôi giảng kinh Mân Côi đọc trong khóa lễ sáng tối của đạo Thiên Chúa, DVD [thâu bài giảng] về kinh Mân Côi được lưu thông trong tôn giáo của họ. Trong sự cảm nhận của chúng tôi, tất cả giáo chủ các tôn giáo, nói theo Phật pháp, đều là hóa thân của Phật. Trong Phổ Môn Phẩm có nói: "Nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy". Nên dùng thân Cơ Đốc (Christ) để độ, bèn hiện thành Cơ Đốc; nên hiện thân thầy cả đạo Hồi (Akhoond) để đắc độ, bèn hiện thân thầy cả đạo Hồi. Trong nhiều năm qua, cách nghĩ này của tôi được rất nhiều tôn giáo tán đồng, trước kia, tôi cứ tưởng còn phải mất một thời gian dài biện luận, kết quả là chẳng cần, đã nhiều năm như thế chưa hề gặp phải tranh cãi lần nào, đều có thể tán đồng. Do vậy, tôn giáo có thể đoàn kết .

Tôn giáo nhất định phải giảng học, phải giáo dục. Tôn giáo không có giáo dục thì chỉ có hình thức, sẽ biến thành mê tín, nhất định phải có giáo học. Thật sự, những giáo chủ sáng lập tôn giáo đều là nhà giáo dục xã hội, lại còn là đa nguyên. Thời gian dạy học của Thích Ca Phật dài nhất: Bốn mươi chín năm. Gia Tô (Jesus) bị kẻ khác hại chết, dạy học ba năm; Mục Hãn Mặc Đức (Mohamed) dạy học hai mươi bảy năm. Chúng ta chú tâm quan sát, lúc họ tại thế đều là giảng kinh, giáo học. Hơn nữa, nhìn vào nội dung, đặt vững cơ sở giáo dục, giáo dục khắp thế gian, không gì chẳng phải là luân lý, đạo đức, nhân quả. Vì sao? Ba thứ giáo dục ấy có thể đem lại lợi ích thiết thân cho đại chúng trong xã hội, chúng ta thường nói là thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội hài hòa, thiên hạ thái bình, ba món giáo dục ấy có thể làm được. Một số ít những kẻ căn cơ thượng thượng lại nâng cao lên, trong kinh điển có giáo dục triết học, giáo dục khoa học, giảng rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, giảng hết sức hay, Phật pháp có thể thuyết giảng chuyện này viên mãn. Đấy là A Di Đà Phật kiến lập một ngôi trường, giúp quý vị giành được học vị tối cao. Người Trung Quốc gọi đức Phật là "thánh nhân". Nếu chúng ta dùng cách xưng hô quen thuộc của Trung Quốc, chúng ta gọi Khổng Tử là Chí Thánh Tiên Sư, thì chúng ta có thể gọi Thích Ca Mâu Ni Phật theo cách xưng hô như vậy, tức là Chí Thánh Bổn Sư. Phật môn gọi Thích

Ca Mâu Ni Phật là Bổn Sư, [nghĩa là] vị thầy căn bản, vị thầy lập giáo. Chí Thánh là Phật, Chí Thánh Bổn Sư, mọi người sẽ chẳng nẩy sanh hiểu lầm. Bồ Tát là hiền nhân, đại hiền. Đại hiền Văn Thù Sư Lợi, đại hiền Quán Thế Âm, đại hiền Địa Tạng Vương. Rất nhiều người tưởng Phật, Bồ Tát, A La Hán là thần, đều là quỷ thần, sự hiểu lầm ấy rất lớn! Chúng ta là đệ tử Phật chẳng giảng rõ ràng, giảng minh bạch, khiến cho đại chúng trong xã hội nẩy sanh hiểu lầm to lớn như thế rất đáng tiếc. Vì thế, Ngài kiến lập thế giới ấy, thế giới ấy do nguyện lực tạo thành, đại nguyện tuyệt diệu. Điều này có căn cứ lý luận từ kinh giáo Đại Thừa, đức Phật nói: “Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”, sự biến hóa trong cả vũ trụ có quan hệ hết sức mật thiết với tâm tưởng của chúng ta. Do vậy, nếu tư tưởng của mỗi cá nhân chúng ta thuần chánh, tâm thái tốt lành, quý vị sẽ khỏe mạnh, trường thọ, chẳng sanh bệnh tật gì! Tật bệnh do đâu mà có? Lời đức Phật nói giống như những điều đã giảng trong Trung Y, cùng một đạo lý, tức là tâm thái của quý vị nẩy sanh vấn đề. Trong Phật pháp nói tới Tam Độc tham, sân, si, đấy là căn nguyên của tất cả hết thảy bệnh tật. Trong tâm quý vị có ba thứ ấy, cho nên bản thân quý vị có cái nhân bệnh tật. Tôi thường nói thêm hai thứ là ngạo mạn và hoài nghi. Hoài nghi thánh hiền, hoài nghi chính mình, tôi gọi [năm điều ấy] Ngũ Độc; đức Phật giảng Tam Độc là tham, sân, si, tôi thêm vào hai cái nữa, thành tham, sân, si, mạn, nghi, Ngũ Độc. Quý vị có năm thứ

độc này, bên ngoài có vi khuẩn cảm nhiễm, quý vị rất dễ nhiễm bệnh. Nếu bên trong chẳng có tham, sân, si, mạn, nghi, dẫu vi khuẩn gây bệnh bên ngoài nghiêm trọng cách mấy, vẫn chẳng thể nhiễm bệnh cho quý vị. Vì thế, [điều ấy được] gọi là sức miễn dịch, quý vị sẽ không bị bệnh. Quý vị ra vào khu vực đang xảy ra nạn ôn dịch nghiêm trọng chẳng sao cả, đạo lý ở chỗ này! Đã có ngũ độc, mà nếu quý vị còn có năm thứ duyên thì hết sức dễ bị nhiễm bệnh. Năm thứ bệnh duyên là gì? Oán hận! Quý vị có oán khí, có hờn giận, có phiền não. Oán, hận, não, nộ, phiền, là duyên, tức là duyên gây nhiễm bệnh. Có nhân, có duyên, lẽ đâu quý vị chẳng ngã bệnh? Nếu quý vị hiểu đạo lý này, buông ngũ độc xuống, năm thứ tâm thái chẳng tốt đẹp cũng buông xuống, bất luận trong hoàn cảnh nào, ta không có oán mà cũng chẳng có hận, đối với thuận cảnh chẳng khởi tham luyến, đối với nghịch cảnh chẳng oán hận, vĩnh viễn giữ cho chính mình thanh tịnh, bình đẳng, quý vị sẽ trăm bệnh chẳng sanh! Dẫu bị bệnh, không cần trị liệu, tự mình lành bệnh, vì sao? Chúng ta hiểu: Phân tích mỗi tế bào trên toàn thân thì tế bào đều do nguyên tử, hạt cơ bản [hợp thành]. Những hạt cơ bản, nguyên tử ấy mang bệnh, vì lẽ gì? Do quý vị có ngũ độc, nên mới bị nhiễm bệnh, những tế bào ấy biến thành tế bào nhiễm bệnh. Nếu quý vị giác ngộ, hiểu rõ, buông những phiền não tập khí xuống, những tế bào mang bệnh sẽ lập tức khôi phục bình thường. Khôi phục bình thường, chẳng phải là khỏe mạnh ư? Do vậy, lý luận trong cách trị bệnh của Trung Y rất cao sâu, người ngoại quốc chẳng biết. Bệnh có thể chữa lành, bảy phần cậy vào tâm thái, thuốc men chỉ hữu dụng ba phần. Khi tâm thái tốt, ba phần thuốc chẳng cần dùng đến. Nếu tâm thái của quý vị bất hảo, thường có ưu lự, thường có phiền não, thường có tham, sân, si, mạn, bệnh ấy cũng rất khó chữa lành, dẫu thầy thuốc giỏi cũng đành bó tay chịu phép! Do vậy, hiểu đạo lý này, đấy chính là đạo dưỡng sanh, chính mình có thể chẳng bị bệnh tật, dẫu mỗi năm tuổi cao hơn, nhưng sức khỏe chẳng bị tổn

hại tí nào, cũng chẳng dễ dàng lão hóa, đấy là gì? Tâm thái tốt đẹp. Đấy là Phật pháp mang đến lợi ích chân thật hiện tiền cho chúng ta. Người thuộc lớp tuổi trung niên trở lên, mọi người chú trọng sức khỏe, sức khỏe phải nhờ vào thuốc bổ là giả, những thứ ấy đều rất đáng sợ, vì sao? Chúng có tác dụng phụ, chẳng phải là thứ tốt lành. Thứ tốt đẹp là tâm thái của quý vị. Hãy điều chỉnh tâm thái, đoạn ác, tu thiện. Vì thế, ăn chay là đạo dưỡng sanh tốt nhất. Tôi học Phật chưa đầy nửa năm bèn chọn cách ăn chay, tôi chẳng phải là mê tín. Vì trước khi học Phật, lúc tôi còn học trong trường, tức lúc học Trung Học tại Nam Kinh, quê tôi ở An Huy, tôi một mình ở Nam Kinh, ở nhà người bạn học họ Trần, Nhĩ Đông Trần96, Trần Trí, về sau anh ta học Y, tôi ở trong nhà anh ta hình như hai học kỳ, tức một

năm. Gia đình anh ta là đa nguyên văn hóa, bà nội niệm Phật, trong nhà có tiểu Phật đường, niệm Phật, thắp nhang. Mẹ anh ta là tín đồ Cơ Đốc, cha là tín đồ đạo Hồi. Do vậy, tôi ở đấy một năm, đối với Cơ Đốc Giáo và đạo Hồi đều hiểu đôi chút, thường nghe các vị lão nhân giảng giải. Hơn nữa, tôi rất thích đạo Hồi, đạo Hồi nói tới Ngũ Công97, Ngũ Điển. Ngũ Điển là Ngũ Luân của Nho gia. Vì thế, đạo Hồi của Trung Quốc và văn hóa truyền thống Trung Quốc đã dung hợp thành một khối, vô cùng ôn hòa. Sau này, tôi ở ngoại quốc, có một phái đạo Hồi tại Trảo Oa (Java) thuộc Ấn Ni (Indonesia) do Trịnh Hòa98 truyền qua, nên trong phái ấy có dấu ấn văn hóa Trung Quốc, vô cùng ôn hòa. Trịnh Hòa là tín đồ đạo Hồi, chủ nhân của ông ta là hoàng đế Vĩnh Lạc (Minh Thành Tổ), [nhà vua] là một Phật tử kiền thành, cho nên Trịnh Hòa cũng quy y Phật giáo, ông ta cũng truyền đạo Hồi. Một chi phái đạo Hồi ở Tô Môn Đáp Lạp (Sumatra) của Ấn Ni do Trung Đông truyền qua, so ra mạnh mẽ, hung hãn, khác hẳn phái đạo Hồi tại Trảo Oa. Vì thế, vùng Nam Dương chịu ảnh hưởng rất lớn từ Trịnh Hòa mãi cho đến hiện thời đã sáu trăm năm mà vẫn còn thấy những hiệu quả ấy. Khi ấy, tôi biết ăn uống trong đạo Hồi được tìm hiểu kỹ hơn bình thường. Người bình thường chúng ta chỉ biết vệ sinh, sinh là sinh lý, ăn uống nhằm bảo vệ sinh lý ấy, đó là vệ sinh. Đạo Hồi không chỉ biết vệ sinh, mà còn biết vệ tánh, tánh là gì? Tánh tình. Chúng ta tánh tình ôn nhu có liên quan tới ăn uống. Do vậy, phàm những động vật hay thực vật có tánh tình bất hảo họ cũng không ăn. Năm ấy, tôi hiểu được một đạo lý như thế. Sau này, tiếp xúc Phật pháp, Phật pháp chọn lựa cách ăn chay, giảng ba điều: Phật giáo không chỉ biết vệ tánh, mà còn biết vệ tâm, "tâm" là tâm từ bi. Do vậy, ẩm thực trong nhà Phật là vệ sinh, vệ tánh, vệ tâm, đây là đạo dưỡng sanh rất viên mãn, tôi vừa tiếp xúc bèn tiếp nhận. Tôi ăn chay đến năm nay là năm mươi chín năm, sang năm tròn một giáp, khỏe mạnh, suốt đời chẳng bị bệnh. Tôi tham gia nhiều hội nghị quốc tế, người ta hỏi tôi nhiều nhất là: "Pháp sư! Thầy dùng phương pháp dưỡng sanh nào?" Tôi bảo họ: "Ăn chay, tâm thanh tịnh. Tôi chẳng có đạo dưỡng sanh nào khác!" Chỉ là ăn chay, tâm thanh tịnh. Tận hết sức tránh né ô nhiễm bên ngoài, ô nhiễm vật chất, ô nhiễm tinh thần, tận hết sức tránh né, mỗi ngày thân cận cổ thánh tiên hiền, đấy là tình trạng sinh hoạt mỗi ngày của tôi. Họ thấy thân thể tôi khỏe khoắn đều rất hâm mộ. Đấy là vì người khác thuyết pháp, tuy họ không hiểu Phật giáo, cũng không mong học Phật, thấy thân thể tôi khỏe mạnh, mong học theo tôi. Tôi sẽ dạy họ một chiêu, vô cùng hữu hiệu. Lớn nhất là A Di Đà Phật đã kiến lập một đạo tràng tu hành cho chúng ta là thế giới Cực Lạc. Thế

giới ấy vô cùng viên mãn. Trong bộ kinh này, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, giới thiệu lịch sử và trạng huống trong cõi ấy, trạng huống sinh hoạt, giới thiệu thành quả giáo học bên ấy. Đương nhiên phương pháp tốt

nhất là di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, nơi ấy là chốn đạt được thường lạc rốt ráo. "Bồ Đề thị tất cánh thường lạc xứ" (Bồ Đề là chỗ thường lạc rốt ráo), quý vị phải ghi nhớ, Bồ Đề là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là giác ngộ, thật sự giác ngộ là chốn thường lạc rốt ráo. Trái lại, mê mà chẳng giác chính là thật sự thường khổ, lục đạo luân hồi do mê hoặc, điên đảo tạo thành, là một cơn ác mộng. Giác ngộ là quý vị tỉnh lại. "Nhược bất linh nhất thiết chúng sanh đắc tất cánh thường lạc giả, tắc vi Bồ Đề môn" (nếu chẳng làm cho hết thảy chúng sanh được rốt ráo thường lạc sẽ là trái nghịch môn Bồ Đề). Câu này nói rất hay, đối với hết thảy chúng sanh, nếu chính mình đã đạt được, mà chẳng giúp cho người khác đạt được, đấy chính là trái phạm Bồ Đề. Chính chúng ta đã đạt được, bèn có nghĩa vụ giúp cho hết thảy chúng sanh đều đạt được. Chính chúng ta hướng tới thế giới Cực Lạc, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì phải giúp hết thảy chúng sanh đều đến thế giới Cực Lạc. Nơi ấy có hoàn cảnh khác nơi đây, con người bên ấy là hóa sanh, chẳng phải là thai sanh, nên chẳng có sanh khổ. Người bên ấy vô lượng thọ, Đối với vô lượng thọ, nay chúng ta biết: Tâm thái của quý vị giữ được mức bình thường nhất định, thân thể sẽ chẳng dấy lên biến hóa, gọi là thân Kim Cang bất hoại. Thân Kim Cang bất hoại chẳng hiếm lạ chút nào! Quý vị hiểu rõ đạo lý này, có căn cứ lý luận, chỉ cần quý vị có thể không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, tế bào trong thân thể quý vị sẽ chẳng biến đổi, vĩnh viễn giữ được sự bình thường. Nếu quý vị có phiền não, không được rồi, nó sẽ dấy lên biến hóa; có tham, sân, si, nó bèn biến hóa to lớn. Vì thế, chẳng khởi tâm, không động niệm, vĩnh viễn giữ gìn bình thường. Ở bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật gia trì quý vị, mỗi ngày chỉ dạy bên ấy, hướng dẫn quý vị, quý vị sẽ chẳng khởi tâm động niệm, muôn hình muôn vẻ trong vũ trụ, tánh, tướng, sự, lý, nhân, quả đều giảng thấu triệt cho quý vị. Quý vị đều minh bạch rồi, chẳng còn khởi tâm động niệm nữa, thế giới Cực Lạc hình thành như vậy đó, là một phòng học tốt. "Cố linh nhất tâm chuyên chí, nguyện sanh bỉ quốc, dục sử tảo hội vô thượng Bồ Đề dã" (vì thế, khiến cho nhất tâm chuyên chí, nguyện sanh sang cõi kia, khiến cho mau đắc vô thượng Bồ Đề). "Hội" () là quý vị đạt được, chứng đắc, chữ Hội có ý nghĩa này. Hôm nay hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây. Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa Phần 12 hết

---o0o--- ---o0o---

---o0o--- ---o0o---

---o0o---

HẾT 1 Thích Ca Phổ do ngài Tăng Hựu soạn vào đời Lương, nội dung trích dẫn rộng rãi các kinh điển Đại và Tiểu Thừa, ghi chép lịch sử thị tộc Thích Ca và sự tích của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng như sự kiện kể từ sau khi đức Phật nhập diệt cho đến thời A Dục Vương. Do bộ này viết hơi rườm rà nên đến đời Đường, ngài Đạo Tuyên viết tác phẩm

Thích Ca Thị Phổ ngắn gọn hơn. Thích Ca Phương Chí gồm hai quyển, do ngài Đạo Tuyên soạn vào năm Vĩnh Huy nguyên niên (650) đời Đường, ghi chép các khu vực có Phật giáo lưu truyền, diễn biến truyền thừa Phật giáo theo từng thời kỳ, kể cả những chi tiết về núi Tu Di, tứ bộ châu, các tuyến đường trọng yếu tại Trung Ấn, tiểu sử của mười sáu vị tăng Trung Hoa sang Ấn Độ cầu pháp, cũng như các sự kiện Phật giáo trong quá trình truyền thừa từ Ấn Độ sang Trung Hoa. 2 Tứ đại lạt-ma là bốn vị sư trưởng cao cấp nhất theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng và Mông Cổ, gồm: Đạt Lai Lạt Ma (Dalai Lama, ta thường đọc trại thành Đại Lai Lạt Ma, nhưng người Tây Tạng thường gọi Ngài bằng danh xưng Gyalwa Rinpoche, Kundun hay Yishin Norbu), Ban Thiền Ngạch Nhĩ Đức Ni (Panchen Erdeni, Ban Thiền Lạt Ma), Triết Bố Tôn Đan Ba (Jetsundampa) và Chương Gia Hoạt Phật (Lcang-skya Hutugtu, đôi khi viết là Janggiy-a qutuγ-tu hoặc Changkya Khutukhtu). Trong bốn vị này, danh xưng Quốc Sư của Đại Lai Lạt Ma chỉ là mỹ hiệu phong tặng, nhà Thanh nhiều lần chèn ép Đại Lai Lạt Ma rất tệ hại, chỉ có ngài Chương Gia là được trọng vọng, tôn kính đúng thân phận quốc sư. 3 Mi chú là viết lời chú thích ở đầu mỗi trang. 4 Hào là một vạch liền hay đứt, mỗi một quẻ trong kinh Dịch gồm sáu vạch, tức là hai quẻ đơn chồng lên nhau. Quẻ Khiêm có tên gọi đầy đủ là Địa Sơn Khiêm, gồm quẻ Khôn chồng lên quẻ Cấn, phần Hào Từ (giải thích ý nghĩa của mỗi Hào trong một quẻ) đều giải thích cả sáu Hào của quẻ Khôn với ý nghĩa tốt đẹp, cả sáu câu đều có chữ Cát. Chẳng hạn, hào thứ nhất được giải thích như sau: “Khiêm khiêm quân tử, dụng thiệp đại xuyên, Cát”. Theo các nhà chú giải, câu này phải hiểu là: Bậc quân tử khiêm tốn, có trí huệ, nên có thể tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, giống như có chiếc thuyền vững chãi có thể vượt sông to sóng cả an toàn, nên bảo là tốt lành. 5 Mười ba tông phái của Phật giáo Nhật Bản là 1) Hoa Nghiêm Tông (do Lương Biện sáng lập). 2) Thiên Đài Tông (do Tối Trừng sáng lập). 3) Pháp Tướng Tông (do Đạo

Chiêu sáng lập). 4) Luật Tông (do Giám Chân sáng lập). 5) Lâm Tế Tông (do Vinh Tây sáng lập). 6) Tào Động Tông (do Đạo Nguyên và Oánh Sơn sáng lập). 7) Hoàng Bá Tông (do Ẩn Nguyên Long Kỳ sáng lập). 8) Nhật Liên Tông (do Nhật Liên sáng lập). 9) Dung Thông Niệm Phật Tông (do Lương Nhẫn sáng lập). 10) Thời Tông (do Nhất Biến sáng lập). 11) Tịnh Độ Tông (do Pháp Nhiên sáng lập). 12) Tịnh Độ Chân Tông (do Thân Loan sáng lập). 13) Chân Ngôn Tông (do Không Hải sáng lập). Tuy có mười ba tông, nhưng nếu xét đến pháp môn hành trì và kinh điển chánh yếu làm chỗ y cứ thì chỉ có bảy tông là Hoa Nghiêm (Hoa Nghiêm Tông), Thiên Thai (Thiên Đài Tông, Nhật Liên Tông), Duy Thức (Pháp Tướng Tông), Luật Tông, Thiền Tông (Lâm Tế, Tào Động, Hoàng Bá), Tịnh Độ (Dung Thông Niệm Phật Tông, Thời Tông, Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Chân Tông) và Mật Tông (Chân Ngôn Tông). 6 Chữ Khí Tượng ở đây không có nghĩa là thời tiết mà có nghĩa là bối cảnh, tình huống chung. 7 Chùa Quang Hiếu ở thủ phủ Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông. Chùa này rất cổ, nơi này vốn là nhà cũ Triệu Kiến Đức, cháu nội của Nam Việt Vương Triệu Đà (cha của Trọng Thủy, bố chồng công chúa Mỵ Châu). Thời Tam Quốc, đô úy Ngu Phiên do bị Ngô Vương Tôn Quyền đày xuống Quảng Châu, đã mở rộng nơi này thành chỗ dạy học. Sau khi ông ta chết, người nhà sửa dinh thự của Ngu Phiên thành chùa, đặt tên là Chế Chỉ Tự. Mãi đến thời Đông Tấn, khi ngài Đàm Ma Da Xá sang

Quảng Châu hoằng pháp, đã xây chánh điện rộng hơn. Đến đời Tống, chùa được đổi tên thành Báo Ân Quảng Giáo Tự. Đến niên hiệu Thiệu Hưng 21 (1151) đời Tống, mới đổi thành Quang Hiếu Tự và tên này dùng mãi đến hiện thời. Dưới đời Lương thời Nam Bắc Triều, sa môn Trí Dược của Ấn Độ đã trồng một cây Bồ Đề tại giới đàn của chùa này và huyền ký: "Sau này sẽ có một vị nhục thân Bồ Tát thọ giới tại đây". Lời huyền ký này ứng nghiệm vào trường hợp tổ Huệ Năng. 8 "Sĩ đại phu" là danh xưng phiếm chỉ quan chức thời cổ, cũng như dùng để chỉ những thành phần trí thức có danh vọng và địa vị. Thoạt đầu, chữ Sĩ được dùng để gọi những bầy tôi của các vị khanh đại phu (quan chức cầm quyền lớn nhất thời Thương - Châu). Về sau, Sĩ thành danh từ chỉ chung những người có chức vị, và gọi gộp chung là Sĩ Đại Phu. Về sau, chữ Sĩ chỉ những người có học thức, có khí tiết, được dùng lẫn với khái niệm "quân tử". 9 Vương Gia Công là tiếng dân gian gọi chung các vị thần thánh của Đạo Giáo hay thần thánh theo tín ngưỡng cổ của dân gian. 10 Đây là cách phân chia các kinh trong Đại Tạng theo hệ thống tư tưởng, chẳng hạn như Niết Bàn bộ, Hoa Nghiêm bộ, Phương Đẳng bộ v.v... Bát Nhã bộ bao gồm toàn bộ các kinh đặc biệt giảng giải giáo nghĩa Bát Nhã như kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật, Kim Cang, Nhân Vương Hộ Quốc, Phóng Quang Bát Nhã, Lý Thú Bát Nhã, Đạo Hành Bát Nhã, Đại Minh Độ, Thắng Thiên Vương Bát Nhã v.v... Bộ Đại Bát Nhã Kinh sáu trăm quyển do ngài Huyền Trang dịch bao gồm toàn bộ các bản kinh Bát Nhã đã được dịch trước đó. 11 Nhà Tào Ngụy (220-266) do Tào Phi (con trai Tào Tháo) sáng lập. Năm 220, Tào Phi bắt Hán Hiến Đế (Lưu Hiệp) nhường ngôi, xưng đế, lập ra nhà Ngụy. Lãnh thổ nước Ngụy bao gồm phần lớn phía Bắc sông Trường Giang, kinh đô là Lạc Dương. Do Tào Tháo được nhà Hán phong thái ấp thuộc vùng lãnh thổ nước Ngụy thời Chiến Quốc, nên có hiệu là Ngụy Công; vì thế, Tào Phi mới xưng quốc hiệu là Ngụy. Tuy Tào Tháo chưa bao giờ xưng đế, Tào Phi đã truy tặng cha mình là Ngụy Thái Tổ Vũ Đế, cũng như tôn

xưng ông cố và ông nội là Cao Hoàng Đế và Thái Hoàng Đế, còn tự mình xưng là Văn Hoàng Đế, truyền được năm đời. Về sau, Tư Mã Viêm soán ngôi của Ngụy Nguyên Hoàng Đế (Tào Hoán), lập ra nhà Tấn. Nhà Ngô (222-280) còn gọi là Đông Ngô hoặc Tôn Ngô, do Tôn Quyền (Ngô Thái Tổ) sáng lập, truyền được bốn đời, đóng đô tại Kiến Nghiệp (Nam Kinh). Đến đời Tôn Hạo, Tấn Vũ Đế (Tư Mã Viêm) diệt Đông Ngô, Tôn Hạo bị giải về Lạc Dương. Do Tôn Hạo quá nhu nhược, hèn nhát, ngây ngô, nên Tấn Vũ Đế tha không giết, phong cho một tước hữu danh vô thực là Quy Mạng Hầu. 12 Do Đông Ngô và Tào Ngụy tồn tại song hành, nên nói là ngài Khang Tăng Khải sống vào đời Ngô cũng được. 13 Đây là một vinh dự. Người Hoa in sách thường nhờ một người viết chữ đẹp mà mình tôn trọng, quý mến nhất, dùng bút lông viết tên sách, chụp lại, in làm bìa. Cụ Hoàng Niệm Tổ cũng là một tay thư pháp lỗi lạc vùng Hoa Bắc, nhưng không tự đề tên sách, mà nhờ hòa thượng Tịnh Không viết tựa sách nhằm tỏ lòng kính mến sâu đậm. 14 Chữ "gia giáo" ở đây bao gồm giáo dục trong gia đình lẫn sự giáo dục truyền thống do cộng đồng, địa phương duy trì. Có thể hiểu "gia giáo" là lối giáo dục theo truyền thống cổ, chưa học theo phương Tây. 15 Đồng Thành phái là một trường phái chuyên viết văn xuôi đời Thanh do Phương Bao khởi xướng; cùng với Phương Bao, Lưu Đại Khôi và Diêu Nãi được gọi là Đồng Thành Tam Tổ, tức ba người hoàn thành lý luận

và tông chỉ của học phái này. Do cả ba người này đều quê ở huyện Đồng Thành, tỉnh An Huy, nên trường phái này được gọi là Đồng Thành Phái. Họ chủ trương nghiên cứu những tác phẩm như Tả Truyện, Sử Ký để tìm ra ý nghĩa chân chính hòng tu thân lập đức. Năm Khang Hy 50, vì đã viết lời tựa cho bộ Nam Sơn Tập của Đới Danh Thế, Phương Bao bị liên lụy, phải hạ ngục. Về sau, được Lý Quang Địa phát hiện, tiến cử lên Khang Hy. Vua Khang Hy hết sức ngưỡng mộ, biết ông Phương không thích làm quan, bèn mời Phương Bao dùng thân phận áo vải để làm bạn văn chương của hoàng đế, thật ra là cố vấn riêng cho nhà vua tại Nam Thư Phòng. Ông trở thành "trí nang" (cái túi kiến thức) của ba đời vua Khang Hy, Ung Chánh và Càn Long. Dưới thời Ung Chánh, nghe theo lời nhà vua thuyết phục, ông đã chấp nhận giữ chức Tả Trung Doãn của Tả Xuân Phường Chiêm Sự Phủ, thăng Nội Các Học Sĩ, rồi Lễ Bộ Thị Lang, làm tổng biên tập bộ Đại Thanh Nhất Thống Chí cũng như làm phó tổng biên tập bộ Tam Lễ Thư thời Càn Long. 16 Ấn Quang đại sư viên tịch năm Dân Quốc 29 (1940). 17 Theo quy chế tùng lâm, tăng chúng phải tham dự năm thời khóa tụng niệm, ba thời khóa trên Phật đường, hai thời khóa trong trai đường, nên gọi là "ngũ đường công khóa", tức tảo khóa (khóa tụng kinh sáng), tảo xan quá đường (tụng niệm khi ăn cơm sáng), cúng Ngọ, ngọ xan quá đường (tụng niệm khi ăn cơm trưa), và vãn khóa (khóa tụng kinh tối). Trừ các pháp sư chuyên giảng kinh pháp, các pháp sư khác phải thuộc nghi thức và biết sử dụng pháp khí để thay phiên nhau dẫn chúng trong các khóa tụng niệm này. 18 Bành Hâm là Trung y sĩ (thầy thuốc Bắc) là chuyên viên nghiên cứu tại Sở Nghiên Cứu Lý luận trực thuộc Trung Quốc Trung Y Đại Học Viện, tốt nghiệp từ Bắc Kinh Trung Y Dược Đại Học, chuyên nghiên cứu châm cứu, và các lý luận ứng dụng chữa trị, chẩn đoán và phòng bệnh trong Đông Y, chủ trương đường lối dưỡng sinh bằng tu đức. 19 Ngũ tạng lục phủ là danh từ phiếm chỉ tất cả cơ quan nội tạng trong thân thể con người. Tâm, can, tỳ, phế, thận (tim, gan, lá lách, phổi, thận) là Ngũ Tạng. Tiểu Trường, Đảm,

Vị, Đại Trường, Bàng Quang (ruột non, mật, bao tử, ruột già, bàng quang) kèm thêm Tam Tiêu thành Lục Phủ. Tam Tiêu là khoảng trống giữa ngực và bụng được chia thành ba phần gọi là Thượng Tiêu, Trung Tiêu và Hạ Tiêu. 20 Ngũ luân là năm mối quan hệ chính yếu: Vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn. Ngũ thường là nhân, lễ, nghĩa, trí tín. Tứ duy là lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Bát đức là trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình. 21 Một mẫu () Trung Hoa bằng 666.67 mét vuông. 22 "Cấp sáu" nói ở đây chính là dựa theo cách đánh giá theo tiêu chuẩn Richter. Quy định này được Charles Francis Richter và Beto Gutenberg đưa ra vào năm 1935 nhằm đánh giá mức độ chấn động của các trận động đất. Tuy báo chí vẫn viết là "một trận động đất mấy độ Richter", nhưng thật ra thang đo hiện thời được sử dụng là MMS (moment magnitude scale, thường dịch là Cự Chấn Cấp) căn cứ trên mức năng lượng do một trận địa chấn phóng thích. Nói chung, một trận động đất cấp sáu sẽ phóng thích một năng lượng bằng 15 kilotons, có sức tiêu hủy trong vòng bán kính 160 km. Cấp tám là rất mạnh, có thể tàn phá hàng trăm km. 23 San đính (): Nói gọn của "san cải, tu đính" tức là gạt bỏ những chỗ rườm rà, trùng lặp, sửa những chữ bị chép lầm. San đính khác với "san định" (). Khổng Tử san định Ngũ Kinh của Nho gia chính là hệ thống hóa, gạt bỏ

thẳng thừng những phần được coi là không đúng với tư tưởng Nho gia, đồng thời sắp đặt, chỉnh lý, thay đổi kết cấu của cả một bộ kinh; trong khi san đính chỉ nhằm mục đích làm cho một văn bản trở nên mạch lạc, rõ ràng, sửa những chữ sai, lược bỏ những đoạn văn trùng lặp thường thấy trong tiếng Phạn, hay những phần khó hiểu, rườm rà, không ảnh hưởng đến ý nghĩa chánh yếu của cả bản kinh. 24 Long Tạng là tên gọi tắt của Càn Long Đại Tạng Kinh, còn gọi là Càn Long Tạng, hoặc Thanh Tạng, là Đại Tạng Kinh được triều đình Thanh chủ trì khắc in. Công trình này được khởi xướng từ năm Ung Chánh 11 (1733), do Hòa Thạc Thân Vương Doãn Lộc chủ trì, Hòa Thạc Thân Vương Hoằng Trú và Trụ Trì chùa Hiền Lương Siêu Thánh phụ tá. Chính thức tiến hành khắc in vào năm Ung Chánh 13 (1735) đến năm Càn Long thứ ba (1738) mới hoàn thành, gồm 79.036 tấm ván in, chia thành 724 hòm, dùng những chữ trong bài Thiên Tự Văn để đánh số thứ tự (tập một là Thiên, tập hai là Địa, tập ba là Huyền v.v...) gồm 1.669 bộ kinh sách, 7.168 quyển, trình bày giống như bộ Vĩnh Lạc Bắc Tạng (Đại Tạng Kinh đời Minh). Đại Chánh Tạng gọi đủ là Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taishō Shinshū Daizōkyō), tức là Đại Tạng Kinh Nhật Bản được đề xướng từ năm Đại Chánh 13 (1922). Đại Chánh (Taishō) là niên hiệu của hoàng đế Yoshihito (Gia Nhân thiên hoàng, tức ông nội của Nhật Hoàng Akihito (Minh Nhân Thiên Hoàng) hiện thời). Công trình này do hai ông Cao Nam Thuận Thứ Lang (Takakusu Junjirō) và Độ Biên Hải Húc (Watanabe Umiakira) biên tập, nhóm các ông Tiểu Dã Huyền Diệu (Ono Genmyo) v.v... giáo chánh, ấn hành năm 1934. Sách được chia thành 100 tập, chia thành Chánh Tạng 55 tập, Tục Tạng 33 tập, Biệt Quyển 15 tập (gồm Đồ Họa, Chiêu Hòa Pháp Bảo Tổng Mục Lục v.v..) 25 Khuê () còn gọi là ngọc khuê, vốn là một vật dụng tượng trưng cho quyền lực vào thời cổ, thường làm bằng ngọc quý, nhất là loại ngọc trắng, tạc thành hình thuôn dài, dẹp, trên đầu khắc thành hình tam giác, phía dưới cắt thẳng. Quý tộc thường cầm ngọc khuê

khi vào chầu vua, dự tiệc, cúng tế, hoặc trong tang lễ. Tùy theo địa vị mà kích thước, chất liệu được quy định chặt chẽ, loại quý nhất là bạch khuê, nên về sau chữ “bạch khuê” được dùng với ý nghĩa “trân quý”. 26 Ngụy Nguyên (1794-1857) vốn có tên là Ngụy Viễn Đạt, sau đổi thành Ngụy Nguyên, tên tự là Mặc Thâm, hoặc Mặc Sanh, hiệu Lương Đồ, pháp danh là Thừa Quán, người huyện Thiệu Dương, tỉnh Hồ Nam, là bạn thân của Lâm Tắc Từ. Ông ta được coi là một nhà tư tưởng lỗi lạc cuối đời Thanh. Khi ông ta thi Cử Nhân, bài thi đã được vua Đạo Quang rất tán thưởng, nhưng khi vào thi Hội liền bị rớt. Chủ khảo Lưu Phùng Lộc rất nuối tiếc. Mãi cho đến năm Đạo Quang 25 (1845), ông ta mới đỗ Tiến Sĩ, đỗ hạng ba mươi chín, làm quan tới chức Tri Châu. Tuổi già, chuyên tâm nghiên cứu Phật giáo, ẩn cư tại Hàng Châu. Ngoài bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ ra, ông còn có những tác phẩm biên khảo nổi tiếng như Hải Quốc Đồ Chí, Thánh Vũ Ký, Hoàng Triều Kinh Thế Văn Biên. Những trước tác khác của ông được môn sinh biên tập thành Ngụy Nguyên Toàn Tập. 27 Sau Hàm Phong chỉ còn ba đời vua là Đồng Trị, Quang Tự và Phổ Nghi, nhà Thanh bị lật đổ dưới thời vua Phổ Nghi. Vì thế, sống vào thời Hàm Phong là sống vào những năm cuối cùng của nhà Thanh nên mới nói là “vãn Thanh”. 28 “Chưởng quản thiên bàn” là nắm quyền cai quản thiên đình, giáng phước phạt tội, quyết định ai sẽ được cứu. Đây là một quan điểm rất phổ biến

của các tà phái, chẳng hạn tà giáo Nhất Quán Đạo của Trung Hoa bịa chuyện lịch sử con người được chia làm ba thời kỳ: Thanh Dương, Hồng Dương và Bạch Dương. Trong mỗi thời kỳ, Minh Minh Lão Mẫu (Thượng Đế) sẽ cử một người xét đoán tội phước của nhân gian, giáng tai họa, khuyến thiện, cứu vớt những người nào thật sự tin theo Nhất Quán Đạo. Vị đó được gọi là Chưởng Quản Thiên Bàn, cụ thể là ba vị chưởng quản Thiên Bàn cho ba thời kỳ theo thứ tự là Nhiên Đăng Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Phật. Theo họ, thế giới đang thuộc vào thời kỳ Bạch Dương và Di Lặc Bồ Tát đã giáng thế, chưởng quản thiên bàn. Quan điểm này cũng có thể thấy rất rõ trong các tà phái Minh Lý, Long Hoa Trai Hội, Minh Sư Đạo v.v... 29 Phật Thuyết Di Lặc Hạ Sanh Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ người xứ Nhục Chi dịch vào đời Tây Tấn, một quyển. Theo kinh này, trong tương lai, cõi đất đẹp đẽ, bằng phẳng, sản vật dồi dào, tại đại thành Sí Đầu, lúc ấy pháp vương Thương Khư xuất hiện, dùng chánh pháp giáo hóa dân chúng. Vua có một vị đại thần tên Tu Đạt Ma, vợ là Phạm Ma Việt, đoan chánh, xinh đẹp như vợ Thiên Đế. Di Lặc Bồ Tát bèn giáng sanh làm con họ, thị hiện thành Phật dưới cội Long Hoa, ba lượt chuyển pháp luân. 30 “Cải cách khai phóng” là danh từ do đảng Cộng Sản Trung Quốc đặt ra để gọi cuộc cải tổ kinh tế dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình vào năm 1978, theo khẩu hiệu: “Đối nội cải cách, đối ngoại khai phóng” (đối nội: cải tổ; đối ngoại: mở cửa). Đây là một bước nhượng bộ nhằm vực dậy nền kinh tế suy yếu, rệu rã, mọi cơ cấu bị phá nát bởi cuộc cách mạng Văn Hóa dưới thời Mao Trạch Đông. Nói cách khác, đây là công cuộc tư bản hóa, tư nhân hóa, khuyến khích ngoại quốc đầu tư, mạnh dạn tiếp thu tư tưởng quản trị kinh tế và khoa học kỹ thuật của Tây Phương, đúng như Đặng Tiểu Bình đã trào phúng nói: “Mèo trắng hay mèo đen không quan trọng, miễn bắt được chuột là được rồi!”

Triệp điệp () là in các trang thành một tờ giấy dài, rồi xếp lại thành sách, không đóng gáy, chỉ dán bìa cứng vào trang đầu và trang cuối. Trang đính () bản là in thành sách như ta thường thấy, thường có bìa cứng. 32 Khải Thư () còn gọi là Chánh Khải, Khải Thể, Chánh Thư, hoặc Chân Thư) là lối viết chữ mực thước, ngay ngắn, cân đối, đầy đủ nét, không hoa dạng, bay bướm. Chữ Khải có nghĩa gốc là “khuôn mẫu, mực thước”. Tiểu Khải là loại chữ Khải nhỏ từ 5cm trở xuống, lớn hơn 5cm sẽ gọi là Đại Khải. Bốn nhân vật viết chữ Khải đẹp nhất được xưng tụng từ trước đến giờ là Âu Dương Tuân, Nhan Chân Khanh, Liễu Công Quyền (ba người này sống vào đời Đường) và Triệu Mạnh Phủ (đời Nguyên) hình thành bốn phong cách viết chữ Khải riêng biệt, thường được gọi là Âu Thể, Nhan Thể v.v... Hành Thư () còn gọi là Hành Khải, được hình thành vào cuối đời Hậu Hán. Hành Thư thường được dùng để viết cho nhanh, nét viết mềm mại, tròn trịa hơn Khải Thư, chủ yếu dùng trong thư tín hay ghi chép cho nhanh, có thể ghi tắt vài nét, nhưng không quá phóng túng, tung hoành như lối chữ Thảo. Những người nổi tiếng về thư pháp theo kiểu Hành Thư là Vương Hy Chi, Phùng Thừa Tố... 33 Nguyên văn là “văn hóa đại cách mạng”, đây là một phong trào vận động quần chúng do đảng Cộng Sản Trung Quốc tiến hành từ năm 1966 dưới sự chỉ đạo của Mao Trạch Đông nhằm quét sạch những tư tưởng truyền thống của Trung Hoa và mọi ý niệm bị đảng Cộng Sản Trung Quốc quy chụp là “phản động, lạc hậu” trong mọi tầng lớp xã hội, với mục đích suy tôn chủ nghĩa Mao, tiêu trừ các thành phần đối lập, củng

cố địa vị độc tôn của Mao, trấn áp những dư luận chỉ trích trong xã hội sau các thất bại thê thảm của các phong trào Đại Nhảy Vọt (Đại Dược Tiến) cũng như các hệ lụy do các kế hoạch năm năm, ba năm, Chỉnh Phong, Chỉnh Đảng trước đó. Họ Mao lợi dụng lực lượng Hồng Vệ Binh tấn công các đối thủ, triệt hạ những lãnh tụ có uy tín như Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Niếp Vinh Trăn, Từ Hướng Tiền v.v... Hồng Vệ Binh tấn công bất cứ ai chống đối hay bị nghi ngờ là phản động, chống Mao, đập phá các cơ sở thừa tự, chùa miếu, hủy diệt các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật cổ truyền. Tuy về sau, chính quyền Mao Trạch Đông đã kiểm soát được sự hoành hành của Hồng Vệ Binh, Cách Mạng Văn Hóa thật sự chỉ chấm dứt vào năm 1976 sau khi Mao Trạch Đông chết và tân chủ tịch Hoa Quốc Phong hạ bệ Tứ Nhân Bang (Giang Thanh, Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiều, và Diêu Văn Nguyên), tức bốn tên hung thần thừa cơ kéo bè kéo đảng khuấy nát tình hình chính trị tại Hoa Lục bấy giờ. 34 Nguyên văn “tín tức” (). Đây là cách người Hoa dịch chữ Information. Theo Wikipedia, Informtion hiểu theo nghĩa hạn chế nhất sẽ là tập hợp các thông điệp chứa đựng các ký hiệu được sắp xếp theo một trình tự nhất định, có thể thâu nhận hoặc chuyển tải. Theo nghĩa rộng, Information là bất cứ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến trạng thái của một hệ thống. Nó có thể bao gồm tất cả những ý nghĩa như dữ liệu, điều kiện hạn chế, kiến thức, những hướng dẫn, nhân tố kích thích tinh thần, mô thức, sự tiếp nhận v.v... Chúng tôi tạm dịch Information thành “thông tin” theo cách dịch phổ biến hiện thời tuy vẫn không cảm thấy thỏa đáng lắm. 35 Thật Tế Thiền Tự thuộc huyện Lô Giang, tỉnh An Huy, nằm ở phía Đông Bắc rặng núi Dã Phụ. Chùa do thiền sư Phục Hổ khai sơn vào đời Đường. Chùa nhiều lần hưng thịnh rồi suy vong, có lúc bỏ hoang. Chùa được xây dựng lại vào năm 1993.

Nha chu gọi đầy đủ là nha chu viêm (periodontitis) là một bệnh viêm (inflamation) các mô quanh nướu và chân răng, khiến răng lỏng lẻo và rụng dần. Nếu không chữa trị, người bệnh sẽ không còn cái răng nào. 37 Phiếm thần giáo (Pantheism), đúng ra phải dịch là Phiếm Thần Luận, là quan điểm cho rằng vũ trụ và thiên nhiên cùng thần (Chúa, Thượng Đế, thần linh v.v...) đồng nhất. Để nhận thức Thượng Đế, tốt nhất là quan sát từ thiên nhiên. Theo đó, vũ trụ là biểu hiện hoàn mỹ thánh khiết của thánh linh. Để nhận biết chân thiện mỹ thật sự, con người phải hòa nhập với thiên nhiên, cảm nhận sự hiện diện của Thượng Đế trong từng sự vật của vũ trụ. Quan điểm này đã có từ thời cổ Hy Lạp bắt nguồn từ luận thuyết của triết gia Heraclitus, Zeno v.v..., được kế thừa bởi những nhà tư tưởng sau này như Giordano Bruno, Baruch Spinoza, John Toland, Hegel, Watl Whitman, Ralph Waldo Emerson, Henry David Thoreau, Albert Einstein, Arnold Toynbee... Do Đại Thừa Phật giáo thường nhấn mạnh Tánh và Tướng bất nhị, từ Tướng phải thấy được Tánh, Tánh lại được thường diễn tả bằng danh từ Chân Như, Như Lai Tạng v.v... nên các triết gia Tây Phương thường hiểu lầm Phật giáo là Phiếm Thần Luận. 38 Đây là một câu nói nổi tiếng của triết gia René Descartes của Pháp. Câu nói này được tìm thấy trong hai tác phẩm Discourse of Method và Principles of Philosophy của ông. 39 Brian Leslie Weiss (sinh năm 1944) là một bác sĩ tâm lý, tốt nghiệp tiến sĩ Y Khoa từ đại học Yale. Ông làm chủ nhiệm khoa Tâm Lý tại Mount Sinai Medical Center ở Miami, Florida. Năm 1980, khi thực hiện thôi miên một nữ bệnh

nhân, ông đã kinh ngạc khi nghe bà ta kể chuyện đời quá khứ, và những dữ kiện này được kiểm chứng khi tra cứu các hồ sơ lưu trữ tại các nơi đã được bệnh nhân nhắc đến. 40 Hai câu này đã được cư sĩ Từ Tỉnh Dân giảng trong tác phẩm Độc Dịch Giản Thuyết như sau: “Sinh mạng chúng ta do âm dương của cha mẹ giao hội mà sinh thành, thần hồn của chính mình nhập vào thai mẹ, nhờ vào tinh khí của cha mẹ mà thành thân thể, đó là ý nghĩa của câu ‘tinh khí vi vật’. Đó gọi là sanh. Thân mạng của ta rốt cuộc già suy, âm dương tách lìa nhau; do vậy, thần hồn mất nơi nương cậy, đó gọi là chết. Thần hồn đã mất nơi nương tựa nên gọi là Du Hồn (hồn lang thang), cho đến khi gặp âm dương giao hợp, cảm lấy tướng khí phận để nương vào, lại bắt đầu một cuộc sống mới, nên nói ‘du hồn vi biến”. 41 Bồ Tát Xử Thai Kinh do ngài Trúc Phật Niệm dịch vào thời Diêu Tần, gồm năm quyển, chia thành ba mươi sáu phẩm, nội dung vô cùng phong phú, giảng về hạnh đức, tánh đức của Phật trước khi giáng sanh thị hiện thành Phật. Đức Phật giảng kinh này tại Sa La Song Thụ Lâm trước khi nhập Niết Bàn. 42 Hương Cảng (Hong Kong) gồm ba khu vực chính: Cửu Long (Kowloon, nằm trên đất liền, thuộc tỉnh Quảng Đông), đảo Hương Cảng và đảo Lạn Đầu (Lantau, Đại Dự Sơn). Lãnh thổ Hương Cảng có hơn 200 hòn đảo lớn nhỏ. Ở đây, hòa thượng Tịnh Không nói đến cái eo biển thường gọi là vịnh Victoria nằm giữa bán đảo Cửu Long và đảo Hương Cảng. 43 Vì sao nói Thọ, Tưởng, Hành, Thức là năm thứ cảm nhận? Năm thứ cảm nhận chính là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Năm thứ cảm nhận này do quá trình tâm lý Thọ, Tưởng, Hành, Thức sanh khởi. 44 Pháp sư Sám Vân (1915-2009), họ Tào, pháp danh Thành Không. Sư được sinh ra tại một tiểu trấn bên bờ sông Áp Lục, thuộc địa phận tỉnh An Đông, gần biên giới Đại Hàn. Sư từng sang Nhật du học về ngành Mỹ Thuật. Năm hai mươi bốn tuổi bắt đầu học Phật,

thọ Cụ Túc Giới năm ba mươi tuổi tại chùa Quảng Tế, Bắc Kinh, từng theo học tại Bắc Bình Phật Giáo Học Viện. Năm 1948, Sư đến Phước Châu theo học với pháp sư Từ Châu. Năm 1949, Sư rời Hoa Lục sang Đài Loan. Năm 1956, Sư lập Ấn Hoằng Mao Bồng (thảo am Ấn Hoằng) tại núi Quán Âm, thuộc trấn Bồ Lý, huyện Nam Đầu, Đài Loan. Ngôi chùa này bị thủy tai phá hủy vào ngày Bảy tháng Tám năm 1959. Năm 1963, Sư dựng chùa Liên Nhân tại làng Thủy Lý huyện Nam Đầu. Năm 1966, sáng lập Đại Chuyên Thanh Niên Trai Giới Học Hội. Pháp sư Sám Vân giữ luật rất nghiêm, không ăn quá Ngọ, mỗi ngày sau bốn giờ chiều, nữ chúng không được ở lại chùa, cũng không cho phép ai ở lại qua đêm. Sư rất chú tâm hoằng truyền Tịnh Tông, Ngài được coi là một trong số các vị pháp sư đóng góp rất nhiều trong việc truyền bá pháp môn Tịnh Độ tại Đài Loan. 45 Đài ngữ gọi đầy đủ là Đài Loan Ngữ, là một ngôn ngữ được coi như tiếng mẹ đẻ của đại bộ phận dân chúng Đài Loan, tuy trong công sở và trường học, tiếng Quan Thoại được dùng như ngôn ngữ chính thức. Đài ngữ thật ra là một thứ tiếng địa phương thuộc ngữ hệ Mân Nam (ngôn ngữ của tỉnh Phước Kiến). Do thời Trịnh Thành Công chiếm đóng Đài Loan và sau khi Khang Hy tái chiếm Đài Loan, đa phần di dân đến Đài Loan từ vùng Chương Châu và Tuyền Châu cũng như một số huyện ở phía Nam tỉnh Phước Kiến chiếm đa số, nên tiếng nói của họ dần dần chiếm ưu thế. Đặc biệt là khi Quốc Tánh Gia Trịnh Thành Công đuổi quân xâm lăng khỏi Đài Loan, thành lập căn cứ chống nhà Thanh, quân sư Trần Vĩnh Hoa chịu trách nhiệm giáo dục, do họ

Trịnh lẫn Trần Vĩnh Hoa (Trần Cận Nam) đều là người Tuyền Châu, binh lính đa số tuyển mộ từ Tuyền Châu, nên giọng Tuyền Châu (Phước Kiến) trở thành ngôn ngữ chính thức của đảo Đài Loan thời đó. Đài Ngữ gần với tiếng Phước Kiến vùng Hạ Môn nhất, nhưng có những đặc thù riêng và những từ ngữ đặc biệt của Đài Loan, cũng như một số từ ngữ vay mượn từ tiếng Nhật và ngôn ngữ của thổ dân Đài Loan. Ở đây, do cụ Lý Bỉnh Nam thường nói bằng giọng Sơn Đông, nên phải có người dịch sang Đài Ngữ để thính giả hiểu cụ đang nói gì. 46 Tăng Quốc Phiên (1811-1872) là một vị văn thần, chính trị gia, quân sự gia, lý luận gia, và văn học gia lỗi lạc đời Thanh. Ông sinh tại Tương Hương, phủ Trường Sa, tỉnh Hồ Nam, vốn có tên là Tử Thành, tự là Bá Hàm, hiệu Địch Sanh, thụy hiệu Văn Chánh. Ông vốn là cháu đời thứ bảy mươi của Tăng Tử. Ông nổi tiếng thông minh, năm mười lăm tuổi dự thi khoa Đồng Tử đã đỗ hạng bảy, thi Hương đậu cao, nhưng thi Hội nhiều lần không đậu, mãi đến năm Đạo Quang 18 (1838) mới đỗ khoa thi Hội, vào thi Đình đỗ Tiến Sĩ năm ấy, được bổ làm Hàn Lâm Viện Thứ Cát Sĩ. Khi Hồng Tú Toàn làm loạn, lập ra Thái Bình Thiên Quốc tiến chiếm Giang Ninh, gần như chiếm trọn miền Giang Nam, Tăng Quốc Phiên đã gom góp học trò, thân thích, bạn bè để thành lập đoàn quân Sở Dụng chống cự Thái Bình Thiên Quốc, huấn luyện đoàn quân ô hợp này trở thành một lực lượng quân sự đáng nể. Trải qua bao nhiêu khó khăn, cuối cùng ông đã đại phá quân Thái Bình Thiên Quốc, tận diệt loạn đảng. Do vậy, ông được phong tước Thái Tử Thái Bảo, bổ làm tổng đốc tỉnh Trực Lệ, sau đó trở về làm Tổng Đốc Lưỡng Giang, làm quan tới chức Vũ Anh Điện Đại Học Sĩ, tước phong Nghị Dũng Hầu. Về phương diện tư tưởng, ông đóng góp rất lớn trong sự hình thành trường phái văn học Tương Hương, gây ảnh hưởng rất lớn đến những nhà tư tưởng cuối đời Thanh như Nghiêm Phục, Đàm Tự Đồng, Lương Khải Siêu v.v... Ông trước rất phong phú, sau khi mất, các môn đệ biên tập trước tác của thầy thành bộ Tăng Văn Chánh Công Toàn Tập.

Ngài Huệ Viễn (523-592) họ Lý, người xứ Hoắc Tú, Trạch Châu, vốn quê ở huyện Đông Hoàng, tỉnh Cam Túc. Ngài cùng với Trí Giả đại sư của tông Thiên Thai, Cát Tạng đại sư của tông Tam Luận được tôn xưng là "Tùy đại tam đại sư" (ba vị đại sư đời Tùy). Ngài thông hiểu kinh luận rất rộng, trước tác chú sớ rất nhiều, nên được tôn xưng là Sớ Vương, hoặc Thích Nghĩa Cao Tổ. Ngài là người chú thích kinh Vô Lượng Thọ đầu tiên (bộ Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ). Ngài cũng là một trong những người lập thuyết sơ khởi cho tông Tịnh Độ với giáo thuyết Tam Tịnh Độ gồm Sự Tịnh Độ, Tướng Tịnh Độ và Chân Tịnh Độ. Do vậy, có những người chủ trương Ngài mới đáng được coi là Sơ Tổ Tịnh Độ thay vì ngài Lô Sơn Huệ Viễn vì Ngài đã xác lập nền tảng và hệ thống cho tư tưởng Tịnh Độ. Quan điểm này chỉ chú trọng đến phương diện giáo thuyết mà quên đi một sự kiện là các tổ sư Tịnh Độ được tôn là tổ sư vì có công hoằng dương, phổ biến Tịnh Độ, đồng thời còn là những vị đại hành giả thành tựu lỗi lạc trong Tịnh Tông. Ngoài những cống hiến về giáo nghĩa Tịnh Độ, ngài Huệ Viễn còn đặc biệt nghiên cứu Địa Luận, Ngài được coi là khai tổ của phái Tương Châu Nam Đạo trong Địa Luận Tông. Tác phẩm Hoa Nghiêm Kinh Yếu Nghĩa của Ngài cũng rất được tông Hoa Nghiêm tôn trọng. Những trước tác nổi tiếng nhất của Ngài là Đại Thừa Nghĩa Chương, Thập Địa Kinh Luận Nghĩa Ký, Hoa Nghiêm Kinh Sớ, Đại Bát Nhã Kinh Nghĩa Ký, Thắng Man

Kinh Nghĩa Ký, Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, Duy Ma Kinh Nghĩa Ký v.v... Ngài cũng hết sức can đảm vì đã dám chất vấn, quở trách Châu Vũ Đế khi nhà vua chủ trương hủy diệt Phật pháp. Do Ngài trụ tại chùa Tịnh Ảnh nên người ta thường gọi Ngài là Tịnh Ảnh Huệ Viễn và bộ Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ thường được gọi tắt là Tịnh Ảnh Sớ. 48 Kim Cang thượng sư (Vajra Guru): Mật Tông dùng Kim Cang làm biểu tượng, tượng trưng cho chân tâm vĩnh viễn bất sanh, bất diệt, có thể xuyên thấu tất cả mọi thứ. Thượng sư (Guru) vốn có nghĩa gốc là một vị thầy đầy kinh nghiệm trong một lãnh vực nào đó, có thể hướng dẫn học trò không sai lạc. Về sau, chữ Guru thường được dùng để chỉ một bậc thầy hướng dẫn tâm linh. Gu có nghĩa là tối tăm, Ru là một ánh sáng. Như vậy, Guru là "ánh sáng dẫn đường trong đêm tối". Ngoài chữ Thượng Sư, các danh xưng Hòa Thượng, A Xà Lê, Lạt Ma, A Khương (Achan, Ajahn, Acharn, biến âm của chữ Acariya) đều được coi là tương đồng với danh xưng Thượng Sư. 49 Bổn Tôn (Ishta-devata, hoặc Yidam) là một thuật ngữ trong Mật Tông, là đối tượng Thiền Quán của người tu Mật Pháp. Bổn Tôn thường là Phật, Bồ Tát, Minh Vương v.v... tức là vị đã nói ra bài chú hay Mật pháp ấy. Thông thường, các vị nữ Bổn Tôn sẽ được gọi là Phật Mẫu, Không Hành Mẫu (Dakini), hoặc Minh Phi. Trong Mạn Đà La, nếu Bổn Tôn được mô tả dưới dạng an tường, ngồi trong tư thế Thiền Định sẽ gọi là Tịch Tĩnh Tôn, còn nếu hiện tướng dữ dội, đáng sợ thì gọi là Phẫn Nộ Tôn. 50 Theo truyền thuyết, Thần Nông, Phục Hy và Hoàng Đế được gọi là Tam Hoàng. Chữ Thị chỉ các bộ tộc của họ. Phục Hy còn gọi là Bào Hy, Hy Hoàng, Hoàng Hy, Thái Hạo v.v... cùng với bà Nữ Oa được coi là thủy tổ của loài người. Ông sống ở khu vực Lũng Tây, đóng đô ở Uyển Khưu (nay thuộc Hoài Dương, tỉnh Hà Nam), có công dạy dân nấu nướng, đan lưới, đánh cá, bắt thú, thiết lập quan hệ hôn nhân, và chế ra Bát Quái. Cũng có thuyết nói Phục Hy chính là Bàn Cổ. Theo huyền sử, mặt đất bị lụt lớn, chết sạch, Phục Hy bèn cùng Nữ Oa nặn đất thành hình người, hà hơi cho họ biến thành người sống, nên Phuc Hy và Nữ Oa được tôn là thủy tổ loài người. Thần Nông là người phát minh y dược, nếm trăm thứ cỏ cây để chế ra thuốc, dạy dân canh tác, sáng chế ra lưỡi cày và đồ gốm; do vậy, được coi là thủy tổ Đông Y và nông

nghiệp Trung Hoa. Ông được tôn xưng là Dược Vương, Ngũ Cốc Vương. Ông thường được mô tả có diện mạo kỳ quái, thân thể còm cõi, đầu có bướu, trừ chân tay và đầu ra, toàn thân trong suốt, có thể thấy rõ nội tạng. Huyền sử Trung Hoa nói hậu duệ của ông là hai bộ lạc của Viêm Đế và Hoàng Đế. Về sau, Hoàng Đế đánh bại Viêm Đế, xưng là Thiên Tử. Xi Vưu cũng là hậu duệ của Thần Nông, sau khi bị Hoàng Đế đánh bại, phải chạy về phía Tây, các sắc dân người Miêu ở vùng Ngạc, Tương, Quý Châu và người Đại Hàn thường tự nhận là hậu duệ của Xi Vưu. Hoàng Đế được coi là tổ tiên của dân Hoa Hạ, thuộc họ Công Tôn, do sống ở gò Hiên Viên nên còn gọi là Hiên Viên Thị. Thoạt đầu sống ở gần sông Cơ Thủy, nên về sau đổi thành họ Cơ, đặt tên nước là Hữu Hùng nên còn gọi là Hữu Hùng Thị. Ông sinh ra ở Thọ Khưu (gần Khúc Phụ, Sơn Đông ngày nay), sau di cư đến vùng Trác Lộc. Thoạt đầu, liên kết với Viêm Đế đánh bại Xi Vưu, giết chết Xi Vưu tại cánh đồng Trác Lộc, thống nhất các bộ lạc tại Trung Nguyên. Ông ta tiến vào khu vực của dân Cửu Lê, lên đỉnh Thái Sơn, hội họp các bộ lạc, cử hành lễ Phong Thiện, chính thức trở thành Cộng Chủ của toàn vùng Trung Nguyên. Đột nhiên, trên trời hiện

ra hai con vật sắc vàng óng, nên người ta nói vua lấy đức hạnh của đất để xưng đế. Do vậy, tôn xưng vua là Hoàng Đế. 51 Nghiệt () ở đây là đầu mối tội chướng, không phải "nghiệp". 52 Chữ Thân Vương thường được dùng để gọi các hoàng tử, hay anh em ruột của hoàng đế. Quy chế này bắt đầu từ thời Ngụy - Tấn, về sau, tước vương được chia làm hai loại là Thân Vương và Quận Vương. Thoạt đầu, Quận Vương chuyên dành để phong cho con trai của Hoàng Thái Tử, về sau, các trọng thần cũng được phong tước Quận Vương. Quy định về danh xưng cũng nghiêm ngặt hơn: Thân Vương chỉ có một chữ, Quận Vương dùng hai chữ. Chẳng hạn, Đường Duệ Tông trước khi lên ngôi là Tương Vương, đại thần Quách Tử Nghi là Phần Dương Vương. Đến đời Thanh, các thân vương còn được gọi kết hợp giữa tiếng Hán và tiếng Mãn Châu thành Hòa Thạc Thân Vương (Hošo i cin wang). 53" Trọn gói": Tạm dịch chữ "nhất điều long", một ngôi trường gọi là "nhất điều long" khi nó có toàn bộ các cấp lớp, chẳng sót một lớp nào. 54 Giáp, Ất, Bính, Đinh v.v... là cách đánh số thứ tự theo lối truyền thống trong cổ văn, giống như chúng ta dùng số La Mã hoặc các con số 1,2,3... để đánh số từng đoạn. 55 Cố Cung, còn gọi là Tử Cấm Thành là cung điện hoàng đế của hai triều đại Minh và Thanh tại Bắc Kinh. Cố Cung do hoàng đế Minh Thành Tổ (Châu Lệ) bắt đầu xây dựng vào năm 1406 khi dời kinh đô từ Nam Kinh lên Bắc Kinh, mãi đến niên hiệu Vĩnh Lạc thứ tư (1420) mới hoàn thành. Tổng công trình sư (kiến trúc sư trưởng) là Khoái Tường, một trong những thiết kế sư (kiến trúc sư) nổi tiếng của công trình này là thái giám Nguyễn An (vốn bị nhà Minh bắt về nước khi chiếm Việt Nam dưới đời Hồ Quý Ly). 56 Quy chế "cửu tự" đã có từ thời Tiền Hán. Đây chính là chín cơ cấu quản lý sự vụ trực thuộc chánh quyền trung ương. Chín cơ cấu này do cửu khanh (chín vị đại thần quyền hạn nhỏ hơn Tam Công) đứng đầu, tâu trình trực tiếp với hoàng đế, không qua sự quản lý của Tể Tướng (hay Thủ Phụ). Dinh thự của cửu khanh gọi là Tự. Do đó, chín cơ quan này cũng được gọi là Tự. Cửu Tự gồm: 1. Thái Thường Tự: Chưởng quản nghi lễ, phụ trách các điển lễ của quốc gia (thường gọi chung là Quốc Tế) như lễ tế trời, tế xã tắc v.v..., đồng thời quản lý âm nhạc cung đình, cũng như quản lý các thuật sĩ và y sĩ. Cơ quan này về sau trực thuộc bộ Lễ. 2. Quang Lộc Tự: Chưởng quản những sự vụ thường ngày trong cung, phụ trách yến tiệc, chuẩn bị các nhu cầu ăn mặc trong cung.

3. Vệ Úy Tự: Chưởng quản vũ khí và canh gác, phòng bị trong cung, nhất là chịu trách nhiệm bảo vệ kho vũ khí, sắp đặt các thứ nghi trượng và ngự lâm quân bảo vệ khi vua xuất du. 4. Tông Chánh Tự: Chưởng quản sự vụ trong hoàng tộc, tông thất, cũng như gia phả của ngoại thích (họ hàng của các hoàng hậu, phi tần), bảo vệ, tu bổ lăng miếu của hoàng gia, kiêm nhiệm chưởng quản tăng nhân, đạo sĩ. 5. Thái Bộc Tự: Chưởng quản xe ngựa của hoàng gia, kho dự trữ, các bãi chăn nuôi, cung cấp quân lương. 6. Đại Lý Tự: Chưởng quản pháp luật. Đây là cơ quan tư pháp tối cao, gần như Tối Cao Pháp Viện hiện thời. Các vụ trọng án do các quan Án Sát (Niết Ty) các tỉnh phải đệ đạt hồ sơ lên Đại Lý Tự trước khi phán án chung thẩm. Nếu cần, Tam Pháp Ty đồng thời tham gia thẩm tra vụ án. Thời Minh, Đại Lý Tự kiêm nhiệm vai trò mật vụ, có thể bắt giữ bất cứ ai, kể cả hoàng thân, quốc thích. Đại Lý Tự cùng với Ngự Sử Đài và bộ Hình được gọi là Tam Pháp Ty. 7. Hồng Lô Tự: Chưởng quản chuyện tiếp đón sứ thần ngoại quốc, tiếp nhận lễ vật, chuẩn bị tặng phẩm của hoàng đế đối với các phái bộ ngoại quốc, cũng

như hướng dẫn nghi lễ cho các sứ thần ngoại quốc triều kiến hoàng đế. 8. Tư Nông Tự: Chưởng quản lương thực, hàng hóa, vải vóc trong toàn quốc, gần như tương đương với bộ Tài Chánh hiện thời. Về sau, vai trò của Tư Nông Tự bị bộ Hộ thay thế, hầu như chỉ còn giới hạn vai trò trong kinh thành. Vai trò của Tự này đôi khi xen lẫn với Thái Phủ Tự. 9. Thái Phủ Tự: Chưởng quản sự giao dịch mua bán hàng hóa, tiền tệ, dự trữ, trả lương, phát bổng cho các quan, cũng như khống chế vật giá. 57 Nói "đời trước" vì người Mông Cổ tin ngài Chương Gia là một vị hoạt Phật (tức tu sĩ được coi là hóa thân của các tổ sư, Phật, Bồ Tát) chuyển thế nhiều lần. Chương Gia đại sư (Lobsang Pelden Tenpe Dronme, 1891-1957), thầy của hòa thượng Tịnh Không, là đời thứ mười chín. Vị "Chương Gia đời trước" được nhắc đến ở đây là Chương Gia đời thứ mười bảy (1849-1875) được vua Hàm Phong (chồng Từ Hy Thái Hậu) mời vào kinh để coi sóc việc nhập tạng kinh điển, chưởng quản Lạt Ma Giáo toàn quốc, và vị kế tiếp là Chương Gia đời thứ mười tám (1878-1888) đều là quốc sư nhà Thanh. Tuy nói Chương Gia có đến mười tám đời, nhưng trên thực tế chỉ có bảy đời, vì vị Chương Gia thứ nhất (1607-1541) được tăng sĩ Mông Cổ coi là hóa thân lần thứ mười ba của tôn giả Channa (người Hoa thường phiên âm là Tôn Đạt, còn ghi là Chandaka, tức ngài Xa Nặc, người đánh ngựa của đức Phật Thích Ca). Ngài Xa Nặc là một trong sáu vị tỳ-kheo thường được gọi là Lục Quần Tỳ Kheo chuyên gây rối trong Tăng đoàn để đức Thế Tôn có cơ hội chế giới. 58 Giáo Thụ là cách người Hoa dịch chữ Professor, tức là các giáo sư trong trường Đại Học, và được chia thành nhiều cấp như Giảng Tòa Giáo Thụ (Chair Professor), Giáo Thụ (Professor), Phó Giáo Thụ (Associate Professor), Trợ Lý Giáo Thụ (Assistant Professor), Giảng Sư (Instructor). Còn chữ Giáo Sư chỉ chung các thầy giáo, nhất là trong các trường Tiểu Học, Trung Học, nhưng hầu như rất ít khi dùng chữ Giáo Sư mà thường gọi là Lão Sư. 59 Tứ A Hàm (Āgama), còn phiên âm là A Hàm Mộ, hay A Cấp Ma, tương ứng với Nikāya trong hệ thống Phật giáo Nam Truyền. Tứ A Hàm trong Đại Tạng Kinh được dịch từ tiếng Bắc Phạn (Sankrit), trong khi Nikāya chép bằng tiếng Nam Phạn (Pali). A Hàm

có nghĩa là lần lượt lưu truyền. Du Già Sư Địa Luận quyển tám mươi lăm giảng: "Bốn loại như thế, do thầy trò lần lượt truyền cho nhau đến nay; do đạo lý này, nên gọi là A Cấp Ma". Tứ A Hàm gồm bốn bộ Trường A Hàm Kinh (Dīrgha Āgama, hai mươi hai quyển, do ngài Trúc Phật Niệm dịch vào thời Diêu Tần, tương ứng với bộ Dīgha Nikāya của Nam Tông), Trung A Hàm Kinh (Madhyama Āgama, sáu mươi quyển, do ngài Đàm Ma Nan Đề dịch vào thời Phù Tần, tương ứng với bộ Majjhima Nikāya của Nam Tông), Tạp A Hàm Kinh (Samyukta Āgama, năm mươi quyển, do ngài Cầu Na Bạt Đà La và Bảo Vân dịch vào đời Lưu Tống, tương ứng với Samyutta Nikāya của Nam Tông), Tăng Nhất A Hàm (Ekottara Āgama, năm mươi mốt quyển, do ngài Trúc Phật Niệm dịch, tương ứng với Anguttara Nikāya của Nam Tông). 60 Thông thường nói là ba mươi ba ứng thân, ở đây, chỉ nói ba mươi hai tức là không kể thân Bồ Tát. 61 Ngũ Chỉ là chiếu pháp thanh hư ly duyên chỉ, quán nhân tịch phạ tuyệt dục chỉ, tánh khởi phồn hưng nhĩ chỉ, định quang hiển hiện vô niệm chỉ, Sự Lý huyền thông phi tướng chỉ. Lục Quán là: Nhiếp cảnh quy tâm chân không quán, tùng tâm hiện cảnh diệu hữu quán, tâm cảnh bí mật viên dung quán, trí thân ảnh hiện chúng duyên quán, đa thân nhập nhất cảnh

tượng quán, và chủ bạn hỗ hiện đế võng quán. Nếu muốn biết chi tiết các phép Chỉ và Quán này, xin xem bộ Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán do hòa thượng đã giảng. 62 Khúc Lễ là một bộ phận của sách Lễ Ký, chuyên giảng về những lễ tiết nhỏ nhặt nhưng quan trọng trong cuộc sống. 63 Đúng ra phải đọc là Mai Côi (: hoa hồng), nhưng thường bị đọc trại thành Mân Côi, Văn Côi, Môi Côi, Mai Khôi, hay Môi Khôi trong tiếng Việt. Bản kinh này vốn có tên bằng tiếng Latin là Rosarium, có nghĩa là "vườn hồng" hay "tràng hoa hồng" nhằm vinh danh Đức Mẹ Maria. Thuật ngữ này cũng dùng để chỉ chuỗi hạt thường được dùng trong khi cầu kinh của Công Giáo. Thông thường, người Công Giáo tin bản kinh này và chuỗi Mân Côi do chính Đức Mẹ truyền cho thánh Dominic (Domingo, thánh Đa Minh) vào năm 1214. Khi thực hành, tín hữu Công Giáo đọc kinh này ra tiếng hay đọc thầm theo trình tự: Một kinh Lạy Cha (Pater Noster), sau đó là mười kinh Kính Mừng (Ave Maria), và kết thúc bằng một kinh Sáng Danh (Gloria Patri), mỗi trình tự như thế gọi là một "mầu nhiệm" (Mysteria, hay còn dịch là suy niệm), được hiểu là một bộ mười kinh. Một "mầu nhiệm" còn được gọi là một "sự", tương ứng với một sự kiện về cuộc đời chúa Jesus và Đức Mẹ theo kinh Tân Ước. Đến thế kỷ 16, kinh Mân Côi đã bao gồm mười lăm "mầu nhiệm", được chia làm ba nhóm: Mầu nhiệm năm sự vui (Mysteria Gaudiosa), mầu nhiệm năm sự thương (Mysteria Dolorosa), mầu nhiệm năm sự mừng (Mysteria Gloriosa). Tất cả hầu như không có gì thay đổi cho đến năm 2002, Giáo Hoàng Gioan Phao Lồ đệ nhị (John Paul II) công bố thêm năm "mầu nhiệm" mới, đó là "mầu nhiệm năm sự sáng" (Mysteria Luminosa). Do vậy, kinh Mân Côi hiện thời có hai mươi "mầu nhiệm". 64 Đây là một chứng bệnh rối loạn hệ thống miễn nhiễm (Immune system) của con người, gây tổn hại nghiêm trọng đến phổi, da, thận, tế bào máu, và tim. Trong căn bệnh này, hệ thống miễn nhiễm của người bệnh tự tấn công các tế bào khỏe mạnh trong cơ thể, khiến bệnh nhân bị viêm nhiễm lâu dài. Y giới vẫn chưa biết rõ nguyên nhân của căn bệnh này. Bệnh kéo dài dai dẳng, có lúc tiềm ẩn, rồi bùng phát, khiến cho các tế bào bị tấn công,

thân thể bệnh nhân sưng phồng, lở loét, các khớp đau cứng, khó thở, mệt mỏi, sốt cao, rụng tóc, lở miệng, ngứa ngáy, sợ ánh sáng, sưng các hạch lâm-ba (lympho nodes), nhức đầu, đau bụng, ói mửa, tim loạn nhịp, ho ra máu, da mọc vảy nến, bong tróc, đầu ngón tay tím tái. Trong trường hợp nghiêm trọng, người bệnh không thể cử động, thậm chí mặt sưng phù nề biến dạng trông hao hao như mặt con sói nên mới gọi là Lupus. Chữ "hồng ban lang sang" (lở loét nổi mẩn đỏ, mặt giống con sói) nhằm hình dung tình trạng phù nề và biến chứng trên da của người bệnh. Không rõ danh từ y khoa tiếng Việt dịch căn bệnh này chính xác như thế nào, chứ thuật ngữ y tế của Hà Nội dịch là "bệnh lupus viêm ban đỏ" nghe không ổn lắm! 65 Dân Mãn Thanh sống chủ yếu ở vùng Liêu Ninh, tức ở ngoài Sơn Hải Quan. Sơn Hải Quan là cửa ải trọng yếu của cực Đông vùng Trung Nguyên, nằm giữa ranh giới tỉnh Hà Bắc và Liêu Ninh. Sơn Hải Quan thuộc rặng Yên Sơn, địa thế hiểm yếu. Cái tên Sơn Hải Quan do đại tướng Từ Đạt của nhà Minh đặt ra khi vâng chiếu tu bổ Vạn Lý Trường Thành do nhận thấy ải này nằm giữa Yên Sơn và Bột Hải. 66 Quân phiệt cát cứ: Đây là thời kỳ các tướng lãnh địa phương nổi lên xưng hùng xưng bá chia nhỏ Trung Hoa thành từng vùng kể từ năm 1916 đến năm

1928. Tuy trên danh nghĩa, họ vẫn tuân phục chính quyền Trung Hoa Dân Quốc, nhưng các tướng lãnh quân phiệt hầu như có chính quyền, quân đội riêng biệt, và chánh quyền Trung Ương phải điều đình, mua chuộc, dựa dẫm họ. Thời kỳ quân phiệt nổ ra sau cái chết của Viên Thế Khải vào năm 1926 và chấm dứt sau cuộc Bắc Phạt, quân phiệt cát cứ vẫn tồn tại cho đến khi Mao Trạch Đông đánh bại phe Quốc Dân Đảng mới chấm dứt. Nguyên nhân xa là do triều đình nhà Thanh không có hệ thống quân đội trung ương, quân lực được tổ chức thành các tỉnh, các kỳ, do các quan Đoàn Luyện chỉ huy tại mỗi tỉnh. Mạnh nhất là quân đoàn Bắc Dương của Viên Thế Khải. Sau khi lật đổ nhà Thanh, chính quyền Nam Kinh của Tôn Dật Tiên phải liên kết với Viên Thế Khải để thống nhất Trung Hoa, và đổi lại, Viên Thế Khải trở thành đại tổng thống, thành lập chính quyền Bắc Dương. Mọi âm mưu chống đối bị họ Viên đè nát, và khi họ Viên tuyên bố lên ngôi hoàng đế, các tỉnh miền Nam chống đối, hình thành mặt trận Vệ Quốc, dẫn đến sự xuất hiện đông đảo các tướng lãnh quân phiệt. Trung Hoa bị tách thành hai chính quyền song hành: chính quyền Bắc Dương và chính quyền Nam Kinh. Những tướng quân phiệt nổi tiếng thời ấy là Trương Tác Lâm, Phùng Quốc Chương, Đoàn Kỳ Thụy, Lê Nguyên Hồng, Trương Huân, Tào Khôn, Đường Kế Nghiêu, Diêm Tích Sơn v.v... 67 Kinh, sử, tử, tập là cách phân chia truyền thống các sách vở của Trung Hoa, Tứ Khố Toàn Thư cũng được phân loại nội dung theo cách này. 1. Kinh bao gồm những tác phẩm giảng giải về chính trị, luân lý, đạo đức, chủ yếu là những tác phẩm truyền thống kinh điển của Nho gia như Tứ Thư, Ngũ Kinh, Xuân Thu Công Dương Truyện, Xuân Thu Cốc Lương Truyện, Nhĩ Nhã v.v... 2. Sử là những tác phẩm ghi chép sự kiện lịch sự, điển chương, chế độ, địa lý, lại được chia thành nhiều tiểu loại như chánh sử, biên niên, bổn sự, kỷ sự bổn mạt, biệt sử, tạp sử, chiếu lệnh, tấu nghi, sử ký v.v... Kể cả những tác phẩm đánh giá, bình luận sự kiện lịch sử. 3. Tử bao gồm các trước tác của bá gia chư tử, Nho gia, Phật, Đạo gia, chia thành các tiểu loại như Nho gia, binh gia, nông gia, pháp gia, y gia, thiên văn, toán pháp, thuật số, nghệ thuật, ký lục, tạp gia, số thư (sách bói toán), tiểu thuyết gia v.v...

4. Tập bao gồm các tác phẩm trước tác của các danh sĩ các đời như tản văn, biền văn, thơ, từ, ca khúc, bình luận văn học, bút ký v.v... 68 Ngài Nguyên Hiểu (617-685) là một vị cao tăng Đại Hàn, tục danh Tiết Tư (Seolsa), thụy hiệu Hòa Tịnh Quốc Sư, biệt hiệu Tây Cốc Sa Di, quê ở Khánh Sơn (Gyeongsan), sống vào thời đại Tân La (Syalla). Sư là bạn thân của sư Nghĩa Tương (Uisang) sáng tổ tông Hoa Nghiêm của Đại Hàn. Ngài Nguyên Hiểu trước tác vô cùng phong phú, chú giải cả trăm loại kinh luận khác nhau (có sách nói Ngài biên soạn đến 240 bộ chú giải), nên có mỹ hiệu là Bách Bộ Luận Chủ. Sư được coi là sơ tổ của Hải Đông Tông, tức tông phái chuyên nghiên cứu về Pháp Tướng tại Đại Hàn. Sư đặc biệt có ảnh hưởng lớn lao đến sự nghiên cứu các giáo nghĩa Hoa Nghiêm, Duy Thức và Như Lai Tạng trong Phật giáo Đại Hàn. Do quá lỗi lạc, vua Tân La là Vũ Liệt Vương đã ép Ngài phải lấy công chúa Dao Thạch làm vợ, sinh hạ một trai là Tiết Thông (Seol Chong). Tiết Thông cũng là một nhà nghiên cứu Nho học lỗi lạc thời ấy. 69 Đạt Lai Lạt Ma (ta thường gọi là Đại Lai Lạt Ma) là danh hiệu ghép bởi từ ngữ Dalai (biển cả) trong tiếng Ấn Độ và chữ Lama của tiếng Tây Tạng, dịch nghĩa chữ Guru (trong tiếng Ấn). Đạt Lai vừa là người lãnh đạo nhất của dòng tu Gelugpa vừa là

quốc vương Tây Tạng. Tương truyền, danh hiệu Dalai được vua Mông Cổ Altan Khan ban cho Sonam Gyatso vào năm 1578; đổi lại, Sonam Gyatso công nhận Altan Khan là Phạm Vương của dân Mông Cổ. Tuy thế, đây chỉ là truyền thuyết, vì theo chính vị Đạt Lai Lạt Ma hiện tại, từ ngữ Dalai chỉ là dịch nghĩa danh hiệu Gyatso (biển cả) trong tiếng Tây Tạng, Sonam Gyatso (1543-1558) là trưởng tu viện Drepung đã cảm hóa được tù trưởng hung bạo nhất của Mông Cổ thời ấy là Altan Khan. Dưới sự giúp sức của Altan Khan và con trai của Altan là Sengge Dureng, Sonam Gyatso đã chuyển Mông Cổ thành quốc gia theo Mật Tông Tây Tạng. Theo truyền thống, Sonam Gyatso được coi là hóa thân của Gendun Drup (đại đệ tử của đại sư Tsongkhapa) đã tôn xưng hai vị Lạt-ma "tiền thân" của mình đều là Đạt Lai Lạt Ma, và tự nhận mình là hóa thân của Phagpa (vị cao tăng chế ra chữ Tây Tạng). Đến đời Đạt Lai Lạt Ma thứ năm, Ngawang Lobsang Gyatso (1617-1682), với sự giúp sức của vua Mông Cổ là Gushi Khan đã đánh bại các tông phái đối lập, trở thành quốc vương, và chính ông ta tự nhận mình là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Chính Đạt Lai Lạt Ma đã tôn xưng thầy mình là Lobsang Chokyi Gyaltsen là Panchen Lama (Ban Thiền Lạt Ma) và tuyên bố Ban Thiền là hóa thân của A Di Đà Phật. Trước đó, Lobsang Chokyi Gyaltsen được coi là hóa thân đời thứ tư của Khedrup Je (một trong các đại đệ tử của đại sư Tsongkhapa). Vị Jebtsundamba đời thứ nhất là Undur Geghen Zanabazar (dịch âm chữ Jnanavajra, Trí Kim Cang) được Ban Thiền và Đạt Lai công nhận là Phật sống vào năm 1640 và trở thành pháp vương của toàn thể giáo đồ Phật giáo tại vùng Ngoại Mông. Vị này đã đóng góp rất nhiều vào văn hóa Mông Cổ cũng như là người đầu tiên đã chế ra văn tự Soyombo cho Mông Cổ. Tsongkhapa (1357-1419), pháp hiệu Lobsang Drakpa (Thiện Huệ) là giáo tổ sáng lập tông phái Gelugpa (dòng đức hạnh hay còn gọi là phái Mũ Vàng). Vị này kế thừa giáo nghĩa của tôn giả Atiśa Dipankara Shrijnana, đã tổng hợp nhiều giáo nghĩa Mật giáo đã có từ trước tại Tây Tạng, nhấn mạnh đến hành trì giới luật (do giới luật trong các tông phái Cổ Mật thường rất lỏng lẻo, nên tổ Tông Khách Ba phế trừ những hành vi tính dục nhằm đạt đến giác ngộ trong Mật Tông trước đó). Ngài được coi là một nhà cải cách, chấn hưng tôn giáo của Tây Tạng, có công hệ thống giáo nghĩa Mật Tông Tây Tạng.

"Linh đồng" (xubilgan) là những đứa trẻ được coi là hóa thân của các lạt-ma đã mất. Dựa trên những huyền ký hoặc dự ngôn của vị lạt-ma đã mất, các môn đệ đi tìm đứa trẻ ấy đem về, trắc nghiệm chứng thực rồi tấn phong đứa trẻ ấy vào ngôi vị của vị lạt-ma đã mất. Sở dĩ Chương Gia đại sư nói "ba đời đầu tiên là thật, từ đời thứ tư trở đi, không dám chắc" vì trong quá khứ đã có trường hợp do tranh chấp quyền lực giữa các phe phái, không thể công nhận ai mới là vị lạt-ma hóa thân kế tiếp, phải dùng cách rút thăm quyết định từ chiếc bình vàng do vua Càn Long ban vào năm 1792. Các đời Đạt Lai Lạt Ma 10, 11 và 12 được chọn theo cách này. 71 Gia học là cách dạy học trong gia tộc, hoặc gia đình khá giả mời thầy về dạy dỗ cho con, hoặc trong làng, mời những người có học thức, đạo đức làm thầy dạy cho trẻ nhỏ; đôi khi do chính cha, anh, chú, bác, người trong họ dạy nhau. Nói chung, không chỉ là dạy chữ mà còn kèm cặp, uốn nắn tính tình. Do lớp học không đông, nên thầy theo dõi trò rất sát. 72 Một trang viên là một đơn vị kinh tế độc lập trực thuộc quyền sở hữu của một quý tộc hoặc một danh gia vọng tộc hay một kẻ giàu có thời cổ, tương tự như các lãnh địa của các lãnh chúa tại Âu

Châu. Trang viên thường có ruộng đất riêng, có tường vây bao bọc, hay hàng rào phòng vệ, có quy củ, luật lệ riêng, theo mô hình kinh tế tự cung, tự cấp. Trong những trang viên lớn thường có xưởng chế biến thực phẩm, quần áo, vật dụng, kho dự trữ, hoặc các công xưởng chế tạo vật dụng. Tại Trung Quốc, trang viên đã có từ thời Nam Bắc Triều, nhất là do tình hình loạn lạc thường xuyên, các thủ lãnh, phú hào địa phương càng ngày càng có khuynh hướng chiếm đoạt, sát nhập đất đai vào lãnh địa của mình để tăng cường oai thế. Trang viên còn được gọi là điền trang, trang điền, trang trạch, trang viện, sơn trang. 73 Chùa Quang Hiếu vốn có tên là Chế Chỉ, vốn là nền trường học cũ của Ngu Phiên, được khai sơn vào khoảng năm 233. Chùa trở thành đạo tràng hoằng pháp của pháp sư Ấn Tông trong niên hiệu Nghi Phụng đời Đường Cao Tông. Chùa đổi tên thành Báo Ân Quảng Hiếu Tự vào năm Thiệu Hưng 20 (1150) đời Cao Tông nhà Nam Tống, về sau rút gọn tên gọi và đổi Quảng thành Quang, nên chùa có tên là Quang Hiếu Tự như hiện thời. Chùa Quang Hiếu cũng là nơi Tể Tướng Phòng Dung giúp pháp sư Bát Lạt Mật Đế nhuận sắc bản dịch kinh Lăng Nghiêm khi ông bị Võ Tắc Thiên đày xuống Khâm Châu (nay là huyện Khâm Châu tỉnh Quảng Đông). 74 Hắc Cốc Thượng Nhân chính là tôn xưng của ngài Pháp Nhiên, sáng tổ Tịnh Độ Tông (Jōdo Shū) Nhật Bản. Ngài Pháp Nhiên (Honen, 1133-1212) sinh ở huyện Mỹ Tác Quốc (Mimasaka), pháp húy Nguyên Không (Genkū). Sư còn được gọi là Cát Thủy Thượng Nhân hoặc Viên Quang đại sư. Sau khi thân phụ mất, năm chín tuổi, Sư xuất gia theo tông Thiên Đài (Tendai, tức Thiên Thai Tông Nhật Bản), sau đó, tu tại tổng bản sơn Tỷ Duệ (Hiei). Đến năm 24 tuổi, vẫn chưa cảm thấy thỏa mãn với giáo nghĩa Thiên Đài, Sư rời Tỷ Duệ đến tham học tại Đông Đại Tự và Hưng Phước Tự, nhưng vẫn chưa cảm thấy đã tìm được con đường giải thoát đúng đắn cho bản thân. Trở về Tỷ Duệ, vùi mình trong Tàng Kinh Các, cuối cùng Sư đã đọc Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ của ngài Thiện Đạo, giải ngộ, chân thành đề xướng trì danh niệm Phật. Rời Tỷ Duệ, hòa mình vào tầng lớp bình dân, Sư giảng dạy giáo nghĩa Tịnh Độ, thu hút các tín đồ, kể cả các quan to trong triều. Điều này gây nên sự đố kỵ và lo ngại của giới tăng lữ thuộc tông Thiên Đài vì sợ mất ảnh hưởng quyền lực đối với triều đình. Các tăng sĩ như Minh Huệ (Myōe) và Trinh Khánh (Jōkei) đã công khai chỉ trích Pháp Nhiên là tà giáo. Đã thế, những tín đồ, môn đệ của

ngài Pháp Nhiên trong nhiệt tình truyền giáo đã hiểu lệch lạc khái niệm Tha Lực nên không tuân thủ giới luật, kịch liệt chỉ trích những tông phái khác bằng luận điệu khiên cưỡng, bôi nhọ, dẫn đến phản ứng mạnh của tông Thiên Đài. Cuối cùng dưới sức ép của các tăng lữ chùa Hưng Phước, Thiên Hoàng Hậu Điểu Vũ (Go-Toba) đã hạ lệnh nghiêm cấm niệm Phật, bắt Pháp Nhiên và các đệ tử đi lưu đày. Mãi đến năm 1211, lệnh cấm mới được bãi bỏ và Pháp Nhiên được trở về Kinh Đô (Kyoto), nhưng Sư tịch vào năm sau. Một đệ tử của Sư là Thân Loan (Shinran) đã thành lập một tông phái Tịnh Độ mới là Tịnh Độ Chân Tông (Jōdo Shinshū). 75 Đăng đường nhập thất: Thời cổ, đối với kiến trúc trong các dinh thự, phủ đường lớn, các công trình phía trước gọi là đường, phía sau gọi là thất. “Đăng đường nhập thất” có nghĩa là tiến vào sảnh đường, vào tận những gian phòng ở sâu phía trong, tức là người thân thuộc với chủ nhân, hoặc người nhà. Do vậy, dùng hình ảnh này để mô tả những người đã thâm nhập, là học trò đã đạt mức độ thấu hiểu sâu xa đối với một môn học. 76 Tứ Khố Toàn Thư được chia thành

bốn phần: Kinh, Sử, Tử, Tập. Tập chính là phần thu thập tất cả các trước tác văn chương, thi phú. 77 Phương ngoại là danh xưng chỉ người xuất gia. Bạn phương ngoại tức là tăng sĩ kết giao với người trong thế tục. 78 Hoàng Đế còn gọi là Hiên Viên Hoàng Đế, được coi là thủy tổ của người Hán. Theo huyền sử, ông trị vì từ năm 2697 đến năm 2598 trước Công Nguyên. Theo Hán Thư, Hoàng Đế vốn là họ Cơ, là con của Thiếu Điển, do sống tại gò Hiên Viên nên lấy Hiên Viên làm tên. Về sau, tên ấy được coi là họ (với danh xưng Hiên Viên Thị). Sách Sử Ký lại nói ông vốn họ Công Tôn, nhưng cũng công nhận do ông sống tại gò Hiên Viên nên lấy Hiên Viên làm tên. Do đặt tên nước là Hữu Hùng, nên còn gọi là Hữu Hùng Thị. Hoàng Đế liên kết Viêm Đế đánh bại Xi Vưu (thủ lãnh bộ tộc Cửu Lệ) tại cánh đồng Trác Lộc. Về sau, do mâu thuẫn quyền lợi, Viêm Đế và Hoàng Đế đánh nhau. Viêm Đế thua trận Bản Tuyền, Hoàng Đế trở thành Cộng Chủ (thủ lãnh liên minh các bộ lạc thời ấy) của cả Trung Nguyên. Các phát minh trong thời kỳ này đều được gán cho Hoàng Đế như làm nhà cửa, đóng ghe thuyền, chế kim chỉ nam, làm lịch, y học v.v... Tương truyền, một đại thần của vua là Thương Hiệt đã chế ra chữ Hán. Vợ Hoàng Đế là Luy Tổ được coi là người đầu tiên tìm ra cách kéo kén, dạy phụ nữ ươm tơ, dệt lụa. 79 Ý nói các pháp môn trong Phật pháp đều nhằm tu thanh tịnh, nhưng nếu hành giả tham cầu học càng nhiều pháp môn càng tốt, tưởng đó là quảng học đa văn, thật ra là vọng niệm, vọng niệm chẳng tương ứng với tâm thanh tịnh! 80 Ngũ Đại là giai đoạn lịch sử từ năm 907 đến năm 979, trải qua năm triều đại chính là Hậu Lương (907-923, do Châu Hoảng tức Châu Ôn sáng lập), Hậu Đường (923-937, do Lý Tồn Úc sáng lập), Hậu Tấn (936-947, do Thạch Kính Đường sáng lập), Hậu Hán (947-951, do Lưu Trí Viễn sáng lập), và Hậu Châu (951-960, do Quách Oai sáng lập). Trong giai đoạn này, ngoài năm vương quốc chính nói trên, có tất cả mười vương quốc được sáng lập và diệt vong trong một thời gian ngắn nên sử thường gọi chung là Ngũ Đại Thập Quốc. Mười nước ấy là Ngô (904-937, do Dương Hành Mật sáng lập), Nam Đường (937-975, do Lý Biện sáng lập), Ngô Việt (907-978, do Tiền Liêu sáng lập), Sở (897-951, do Mã Ân sáng lập), Mân (909-945, do Vương Thẩm Tri), Nam Hán (917-971, do Lưu Nghiễm sáng lập), Tiền Thục (907-925, do Vương Kiến sáng lập), Hậu Thục (934-965, do Mạnh Tri Tường sáng lập), Nam Bình (còn gọi là Kinh Nam hay Bắc Sở, 924-963, do Cao Quý Hưng sáng lập) và Bắc Hán (951-979, do Lưu Mân sáng lập).

Thoạt đầu, Trung Hoa chỉ coi hai mươi bốn bộ sử được coi là sách lịch sử chính thống, đến năm 1921, tổng thống Từ Thế Xương hạ lệnh đưa thêm Tân Nguyên Sử (do Kha Thiệu Mẫn biên soạn) vào danh sách ấy nên mới có hai mươi lăm bộ sử. Về sau, ngoại trừ tại Đài Loan vẫn chấp nhận quy định này, các nơi khác thay thế Tân Nguyên Sử bằng Thanh Sử Cảo (do Triệu Nhĩ Tốn chủ biên). Hai mươi bốn bộ sử truyền thống là Sử Ký (do Tư Mã Thiên biên soạn dưới thời Đông Hán), Hán Thư (do Ban Cố biên soạn), Hậu Hán Thư (do Phạm Việp biên soạn), Tam Quốc Chí (do Trần Thọ biên soạn), Tấn Thư (do Phòng Huyền Linh chủ biên), Tống Thư (do Trầm Ước biên soạn), Nam Tề Thư (do Tiêu Tử Hiển biên soạn), Lương Thư (do Diêu Tư Liêm biên soạn), Trần Thư (do Diêu Tư Liêm soạn), Ngụy Thư (do Ngụy Thâu soạn), Bắc Tề Thư (do Lý Bách Dược soạn), Châu Thư (do Lệnh Hồ Đức Phân chủ biên), Tùy Thư (do Ngụy Trưng chủ biên), Nam Sử (Lý Diên Thọ biên soạn), Bắc Sử (Lý Diên Thọ biên soạn), Cựu Đường Thư (do

Lưu Hú chủ biên), Tân Đường Thư (do Âu Dương Tu biên soạn), Cựu Ngũ Đại Sử (Tiết Cư Chánh chủ biên), Tân Ngũ Đại Sử (Âu Dương Tu biên soạn), Tống Sử, Liêu Sử, Kim Sử (ba bộ này đều do Thoát Thoát chủ biên), Nguyên Sử (do Tống Liêm biên soạn), và Minh Sử (do Trương Đình Ngọc biên soạn). Thập Tam Kinh là mười ba bộ kinh điển chủ yếu của Nho gia mà các sĩ tử Trung Hoa kể từ đời Tống bắt buộc phải học nếu muốn đỗ đạt, gồm kinh Thi, kinh Thư, Lễ Ký, Châu Dịch, Tả Truyện (Tả Thị Xuân Thu là bộ biên niên sử nhằm chú giải kinh Xuân Thu do Tả Khâu Minh biên soạn), Công Dương Truyện (chú giải kinh Xuân Thu do Công Dương Cao người nước Tề biên soạn), Cốc Lương Truyện (chú giải kinh Xuân Thu do Cốc Lương Tử biên soạn), Châu Lễ (tương truyền do Châu Công biên soạn, viết về cách tổ chức quan chế đời Châu), Nghi Lễ (ghi chép các thứ nghi lễ đời Châu), Luận Ngữ (ghi chép lời dạy của Khổng Tử), Hiếu Kinh (ghi chép lời Khổng Tử dạy Tăng Sâm về đạo hiếu), Nhĩ Nhã (bộ từ điển đầu tiên của Trung Hoa, không rõ tác giả) và Mạnh Tử (sách ghi lại tư tưởng, quan điểm của Mạnh Tử, thường được tin là do chính Mạnh Tử biên soạn, và do các học trò của ông như Vạn Chương, Công Tôn Sửu v.v... chỉnh lý). 82 Xin lưu ý là Âu Dương Cánh Vô là một triết gia, một nhà Phật học tại gia, chứ không phải là tăng sĩ. Hòa Thượng Tịnh Không dùng chữ “đại sư” ở đây theo cách dùng phổ biến của người Hoa để gọi một chuyên gia hàng đầu về một lãnh vực nào đó. Chẳng hạn, cụ Chương Thái Viêm được gọi là Quốc Học đại sư, Tề Bạch Thạch được gọi là Thư Pháp đại sư. 83 Có thể hiểu sơ lược như thế này: Phạm trù là cách phân loại những khái niệm trong triết học, người ta sắp xếp những khái niệm có cùng một số đặc điểm tiêu biểu và quy luật phát triển thành từng loại, xem xét quan hệ giữa những khái niệm ấy với khái niệm khác. Do vậy, phạm trù có thể hiểu là một cách hệ thống hóa tư tưởng, xác định phạm vi của những khái niệm, nghiên cứu sự tương tác giữa các khái niệm với nhau. 84 Thiên Như là phối hợp bách giới với mười món như thị mà thành. Sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa giảng: “Mỗi pháp giới có mười như thị, mười pháp giới trọn đủ một trăm như thị. Lại nữa, trong mỗi pháp giới có chín pháp giới kia, cho nên một trăm pháp giới có ngàn món như thị”. Mười món Như Thị được nói trong phẩm Phương Tiện kinh Pháp Hoa như sau: “Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo Thật Tướng của các pháp, tức là các pháp như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị cứu cánh bổn mạt...”

Bành Tổ, tên thật là Tiễn, còn gọi là Tiễn Khanh, chắt của Chuyên Húc (một trong Ngũ Đế, người được coi là có công sáng chế lịch pháp, thiên văn, quy định người có quan hệ huyết thống không được lấy nhau v.v...). Do được vua Nghiêu phong cho thái ấp ở đất Bành, nên gọi là Bành Khanh. Bành Tổ được coi là thủy tổ của những người mang họ Bành. Ông giữ chức Thủ Tạng từ đời vua Nghiêu trải các đời Hạ, Thương, Châu. Theo truyền thuyết, do quá thọ, Bành Tổ lấy vợ bốn mươi chín lần, sanh được năm mươi bốn người con. Đạo giáo coi ông là một vị tiên, những tác phẩm như Bành Tổ Dưỡng Sanh Kinh, Bành Tổ Nhiếp Sanh Dưỡng Tánh Luận do hậu nhân biên soạn rồi gán cho ông. 86 Theo Hòa Thượng Tịnh Không đã nói trong Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú, tập 19, ngài Hương Tượng chính là Hiền Thủ quốc sư, tác giả bộ Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. 87 Do chữ Diễn (yăn) và Nghiên (yán) có cách phát âm tương tự,

nhất là chữ “nghiên giáo” (yán jiào: nghiên cứu giáo pháp) được dùng rất phổ biến, nên Hòa Thượng sợ người nghe hiểu lầm Ngài đang nói về “nghiên giáo” thay vì “diễn giáo”. 88 Giáp Cốt Văn, nói đầy đủ là Quy Giáp Thú Cốt Văn (văn tự trên mai rùa, xương thú vật), chủ yếu chỉ những ghi chép, lời bói toán được khắc trên yếm rùa, mai rùa, xương thú thời Ân Thương. Đây là hình thức văn tự sớm nhất của Trung Quốc, là thủy tổ của chữ Hán hiện thời. Giáp Cốt Văn được phát hiện tại di chỉ Ân Khư (An Dương, Hà Nam). 89 Hư tuế: Ta thường gọi là “tuổi ta”, tức là tính luôn năm sinh là một tuổi, chứ không đợi đến ngày sinh nhật năm sau. 90 Nguyên văn là A Hoanh (), đây là phiên âm của chữ Akhoond (Akhund, Akhwand), một từ ngữ có gốc từ tiếng Ba Tư, thường sử dụng tại Iran, A Phú Hãn, Azerbaijan và trong cộng đồng Hồi tộc (Dungans) tại Trung Hoa. Akhoond tương ứng với chữ Imam trong tiếng Ả Rập. Akhoond giữ vai trò hướng dẫn cầu nguyện, cử hành nghi lễ tôn giáo, dạy học trong các trường Hồi giáo. Điều đáng ngạc nhiên là hiện thời tại Iran, quê hương của từ ngữ Akhoond, từ Akhoond được coi như một từ ngữ mang nặng tính chất xúc phạm để chỉ những giáo sĩ đạo đức giả, kém cỏi, dốt nát, bại hoại! 91 Koran (Quran, Qur’an, Alcoran, al-Qur’ān) là kinh thánh của đạo Hồi, được coi là lời dạy trực tiếp từ Thượng Đế được thiên sứ Jibril (Gabriel) truyền cho tiên tri Mahomed trong vòng hai mươi ba năm kể từ năm 610 trước Công Nguyên khi Mohamed tròn 40 tuổi. Koran được biên tập bởi Caliph Abu Bakr một thời gian ngắn sau khi Mohamed chết. Truyền thống đạo Hồi tin Mohamed được trao truyền kinh Koran tại hang Hira trong vùng núi hoang. 92 Sáu tầng trời trong Dục Giới là Tứ Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, Diễm Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Tự Tại Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên. 93 Tam Công là ba chức quan phù tá tối cao của nhà vua, được thiết lập từ đời Châu, gồm Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo. Đến đời Hán, Tam Công là Thừa Tướng (về sau đổi thành Đại Tư Đồ), Thái Úy, Ngự Sử Đại Phu (về sau đổi thành Đại Tư Không). Nhà Hậu Hán gọi Thái Úy, Tư Đồ, Tư Không là Tam Công. Đến đời Tống Huy Tông, lại đổi Tam Công thành Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo. Về sau, với sự hình thành lục bộ và vai trò ngày càng lớn của Tể Tướng, Tam Công chỉ còn là chức quan danh dự tặng cho các vị cố vấn cao cấp. 94 Bốn nền văn minh cổ nổi tiếng nhất và sớm nhất trên thế giới là Cổ Ai Cập, văn minh lưu vực Lưỡng Hà (Mesopotamia), Cổ Ấn Độ và Cổ Trung Quốc. Đây là khái niệm do Lương Khải Siêu đưa ra trong bài xã luận Nhị Thập Thế Kỷ Thái Bình Dương Ca. Nếu

theo quan điểm Tây Phương thì văn minh cổ không chỉ gồm bốn quốc gia này mà còn phải kể văn minh Babylon, văn minh Cổ Hy La (Hy Lạp - La Mã), văn minh của thổ dân châu Mỹ v.v... 95 Triệu Phác Sơ (1907-2000) là một nhân vật đặc biệt của Trung Quốc, ông là một nhà hoạt động xã hội, lãnh tụ tôn giáo, thi nhân, chuyên gia thư pháp, đồng thời là một cư sĩ Phật giáo hữu danh. Ông quê ở huyện Thái Hồ, tỉnh An Huy, từng đảm nhiệm chức vụ Hội Trưởng Hội Phật Giáo Trung Quốc, kiêm chủ tịch hội nhà văn Trung Quốc, Hội Trưởng Danh Dự của hội Hồng Thập Tự Trung Quốc. 96 Họ Trần () đọc theo âm Quan Thoại là Chén, nhưng đồng thời các họ (Thẩm), (Trầm), cũng có cùng âm đọc, nên hòa thượng nói rõ là Nhĩ Đông Trần (để người ghi lại văn tự đừng chép sai), tức là bộ Phụ ghép với chữ Đông. Do bộ Phụ viết tắt có hình dáng giống như cái tai nên nói là Nhĩ Đông Trần. 97 Ngũ Công (Arkān-al-Islām) chính là năm tín điều

căn bản của tín đồ đạo Hồi, bao gồm: 1. Tín niệm (Shahada), tức chỉ tin vào một Chúa là Allah và chấp nhập Mohamed là tiên tri của Chúa Allah. 2. Cầu nguyện (Salat): Thực hành năm thời cầu nguyện mỗi ngày: bình minh, hoàng hôn, giữa ngọ, giữa chiều, tối. 3. Trai giới (Sawm): Tức mùa chay Ramadan. Trong mùa chay, tín đồ Hồi giáo nhịn ăn từ lúc mặt trời mọc cho đến khi mặt trời lặn, hoàn toàn kiêng ăn uống, rượu chè, hút thuốc, kiêng quan hệ xác thịt từ lúc mặt trời mọc đến mặt trời lặn trong suốt tháng Ramadan. Chỉ có trẻ con, người già, người bị bệnh tật, có thai hay đang cho con bú mới được miễn trai giới trong tháng Ramadan. 4. Bố thí (Zakat): Trích 2,5% thu nhập của mình để giúp người nghèo khó. Khi cho mượn tiền, không được lấy tiền lời. Vì thế, có những kẻ lách luật bằng cách cho vay nợ, rồi đòi hỏi người mượn phải tặng quà để tỏ lòng "biết ơn". Cái gọi là "tặng quà" ấy thật ra là tiền lời. 5. Hành hương (Haji): Mỗi tín đồ được khuyến khích hành hương ít nhất một lần trong đời đến thánh địa Mecca trong tháng Dhu al-Hijjah theo lịch Hồi giáo, tức tháng Mười Hai trong lịch Hồi Giáo. 98 Thái giám Trịnh Hòa là thái giám thân tín của Minh Thành Tổ, vốn có tên thật là Mã Tam Bảo, theo đạo Hồi. Tổ tiên từ Bukhara (thuộc Uzbekistan hiện thời) di cư đến Vân Nam, Trung Hoa. Khi quân Minh chiếm Vân Nam đã bắt được ông khi còn là một cậu bé con, bèn đem hoạn, đưa vào cung hầu hạ hoàng tử Châu Lệ (Minh Thành Tổ). Châu Lệ đã đổi tên ông thành Trịnh Hòa. Trong chính sách "viễn giao, cận công" (xa thì ngoại giao, gần thì đánh) của nhà Minh, ông đã được vua sai hướng dẫn thương thuyền đi khắp Đông Nam Á kết giao, phô trương thanh thế.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.